LÊ HỮU KHÓA

CHUYÊN LUẬN

Dặm đường cùng các chuyên đề



Anthropol-Asie

MỤC

ĐINH CƯỜNG
THÁI HIỀN
TẠ TỴ

MỸ LUẬN
THUẬT LUẬN
DẠNG LUẬN

TRI LUẬN
DUYÊN LUẬN
TUỆ LUẬN

TÂM LUẬN

Chuyên luận, tập hợp 10 công trình nghiên cứu, được vận hành theo 3 chuyên đề chung quanh nghệ thuật:

CHUYÊN ĐỀ 1.
Nghệ thuật tạo hình của ĐINH CƯỜNG
Nghệ thuật ca khúc của THÁI HIỀN
Nghệ thuật chân dung của TẠ TỴ.

CHUYÊN ĐỀ 2.
MỸ LUẬN qua mỹ quan học
THUẬT LUẬN qua nghệ thuật học
DẠNG LUẬN qua nhân dạng áo dài.

CHUYÊN ĐỀ 3.
TRI LUẬN vì tuổi trẻ
DUYÊN LUẬN với văn nghệ sĩ
TUỆ LUẬN với các thầy trong học thuật.

Ba thể loại chuyên đề trên là lộ trình đi tìm phương pháp luận so sánh, khoa học luận bối cảnh, lý thuyết luận đa phương. Từ đó trở về với kinh nghiệm cá nhân của tác giả qua TẦM LUẬN là lộ trình triết tìm thơ, thơ tìm triết.

LÊ HỮU KHÓA

Họa sĩ
ĐINH CƯỜNG
Nghệ thuật nhân cách tạo hình nhân dạng



Đinh Cường tự họa

Anthropol-Asie

Hoài niệm cùng ĐINH CƯỜNG với đa tạ của tri ân, đã cùng ĐINH CƯỜNG để được hạnh ngộ với Dương Nghiễm Mậu, Đỗ Long Vân, Nguyễn Đức Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trịnh Công Sơn ... và không quên cùng nhau bên mộ phần của Hoàng Trúc Ly giữa mùa bạo quyền đang cuồng quyền vây bủa nhân nghĩa Việt tộc, vây hãm nhân phẩm văn nghệ sĩ miền năm sau 1975.

à
Khả An par la philosophie
et
Khả Anh par la création
dans
la fusion des horizons esthétiques.



Họa sĩ Đinh Cường *(1939 - 2016), tên thật là Đinh Văn Cường, sinh tại Thủ Dầu Một, quê gốc ở Bình Dương, đã sống tại Sài Gòn, Huế, Đà Lạt… năm 1989 thì định cư tại Hoa Kỳ. Cựu học sinh trường Pétrus Ký Sài Gòn, rồi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế (tốt nghiệp 1963), trường Hội họa Cao đẳng Mỹ Thuật Gia Định Sài Gòn (1964), Đinh Cường có giảng dạy tại Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế cho đến mùa hè 1975. Trong thời gian từ 1962 đến 1975, họa sĩ Đinh Cường đã có nhiều triển lãm, chung và riêng tại Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Nha Trang… và được nhiều giải thưởng. Sau 1975, Đinh Cường có vài cơ hội triển lãm tại Huế, Sài Gòn, và ngoài nước Đinh Cường có triển lãm tại Canada, Hoa Kỳ, Pháp. Đinh Cường có một chặng đường bền trong giáo dục nghệ thuật tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế từ năm 1963 cho đến những năm đầu sau 1975. Tại đây, Đinh Cường đã đóng góp đào tạo nhiều họa sỹ cho miền Trung và miền Nam trước 1975. Những năm định cư ở Mỹ, họa sỹ Đinh Cường vẫn có dịp trở lại Huế, Sài Gòn và có tổ chức triển lãm cùng với các họa sỹ được xem là bạn thân của họa sĩ là Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ… Đinh Cường đã có ảnh hưởng tới toàn cảnh hội họa Việt cận đại.*



Tất niên hội họa cuối thế kỷ XX
với Đinh Cường, Nguyễn Trung, Nguyễn Cầm, Lê Tài Điển
do điêu khắc gia Điềm Phùng Thị cùng Lê Hữu Khóa tổ chức tại Paris.

MỤC

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH ĐINH CƯỜNG
phương pháp luận mỹ thuật nhân dạng

KHÔNG GIAN TẠO HÌNH ĐINH CƯỜNG
Từ mỹ quan tới mỹ cảm,
từ mỹ thuật tới mỹ học,
từ mỹ lý tới mỹ luận

TẠO HÌNH VỊ TẠO NHÂN
Nhân diện xa tiếp nhân cách gần

CHÂN DUNG VỊ CHÂN NHÂN
Nhân diện gần đón nhân dạng xa

NHÂN SINH VỊ VŨ TRỤ
Nhận diện thế giới quan sinh sắc



NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH ĐINH CƯỜNG

phương pháp luận mỹ thuật nhân dạng

Bằng *phương pháp luận mỹ thuật nhân dạng*, chúng ta có thể nhập nội vào không gian nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường bằng nhiều cách, nhiều nẻo, nhiều ngõ qua:

- *Xã hội học lịch sử* với bối cảnh của thế hệ Đinh Cường với bao điêu linh của chiến cuộc huynh đệ tương tàn mà đám chủ mưu đã đưa một ngoại thuyết bạo động mang tên cách mạng rồi giải phóng mà hy sinh bao sinh linh của Việt tộc.
- *Dân tộc học tiếp cận nghệ thuật* với thế hệ Đinh Cường, trong dòng nghệ thuật sau 1975, của nhóm họa sĩ trẻ, có Nguyễn Trung cùng nhiều họa sĩ khác, biết mở cửa mỹ quan của chính mình để đón mỹ học tới tự phương Tây.
- *Tâm lý học chuyển đổi thế hệ nghệ thuật* với thế hệ Đinh Cường biết thừa hưởng những thành quả của trường Mỹ Thuật Đông Dương được Tardieu chủ trì. Thế hệ Đinh Cường còn biết nhận ra giá trị của các họa sư, mà tiêu biểu là Nguyễn Gia Trí. Gần hơn qua sơn dầu, thế hệ này còn thấu các giá trị vì được sống cận kề với các họa huynh từ miền Bắc di cư vào Nam của nhóm Sáng Tạo, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh.
- *Giáo dục học tri thức tạo hình*, với thế hệ Đinh Cường được thừa hưởng một nền giáo dục chính

quy để xem mà xét tới nơi tới chốn gốc, rễ, cội, nguồn của chân-thiện-mỹ từ giáo khoa-giáo trình-giáo án của trường Mỹ Thuật Huế tại miền Trung, và trường Mỹ Thuật Bình Dương tại miền Nam.

- *Nghệ thuật học liên kết hội họa-thi ca-âm nhạc* với thế hệ Đinh Cường là một lưới nghệ thuật, thắm tình bạn, sâu tình người. Thế hệ này biết vượt thoát thảm họa chiến tranh mà tới với nghệ thuật bằng cảm xúc chân chính, bằng tâm khảm của những người vận dụng tự do để tận dụng trong sáng tác. Hội họa của Đinh Cường cận kề với nhân tính của Trịnh Công Sơn, gần gũi với nhân lý của Thanh Tâm Tuyền, thân mật với nhân tâm của Tô Thùy Yên. Mà Đinh Cường còn thân thiết với Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Lê Uyên Phương, Từ Công Phụng, Vũ Thành An…

Khi tổng kết *xã hội học lịch sử, dân tộc học tiếp cận nghệ thuật, tâm lý học chuyển đổi thế hệ nghệ thuật, giáo dục học tri thức tạo hình, nghệ thuật học liên kết hội họa-thi ca-âm nhạc* bằng *phương pháp luận mỹ thuật nhân dạng* trong nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường, thì chúng ta cần đi thêm một bước nữa để thấy cho thấu giá trị nghệ thuật của Đinh Cường bằng chính các giá trị của mỹ thuật đã làm nên mỹ học:

- *Mỹ học* phải đi tìm một phạm trù lý luận mới để hiểu tại sao khi sáng tạo ra *cái đẹp mới* luôn là kết quả của *cái cắt đứt*, có khi là *phá cầu* để phá thói

quen của đường mòn, đây hoàn toàn không phải là chuyện *«qua cầu rút ván»*, vì chuyện ảnh hưởng nghệ thuật qua các thế hệ vẫn có, vẫn còn. Nhưng khi kẻ sáng tác làm công việc sáng tạo ra *cái đẹp mới* (như văn sĩ trước tờ giấy trắng, họa sĩ trước khuôn vải trống, nhà điêu khắc chưa bắt tay vào nhào để nặn), đây là lúc họ đang tìm cách làm sáng, làm rõ, làm cho ra một *diễn biến nội tâm* của chính họ!

- Sáng tạo là biến cái *diễn biến nội tâm* này thành một *luận điểm được đưa ra ngoài*, có ngữ văn, có đường nét, có hình thể như một *lập luận mới* qua chất liệu (giấy, màu, vật liệu…). *Mỹ luận* càng phải chú trọng hơn nữa quá trình này, vì đã có ba chuyện đã xảy ra trong quá trình sáng tạo này: *cắt đứt cầu*, *diễn biến nội tâm*, *luận điểm bên ngoài*. Cái bí mật của sáng tác giờ đã thành sự cố, nếu không nói là biến cố, mang tính trình diễn vừa ngoạn mục, vừa tế nhị của *nhân trí* trước *nhân sinh!*

- Từ nhận định tới định nghĩa về *cái đẹp* của một vật thể được xem là đẹp tới bản thân của nó có nội chất đẹp, từ đây đặt ra quan hệ giữa *nhân sinh quan* với *thế giới quan* và *vũ trụ quan*, trong đó vai trò của giáo dục, của văn hóa có vị thế chủ đạo. Nếu *cái đẹp là «chuyện xúc cảm của cái nhìn» (mỹ quan)*, thì vai trò của *xúc cảm* là động lực khởi xướng cho mọi nhận định, *xúc cảm* này được xem như một

khám phá, và khám phá này tạo ít nhất ba loại cảm giác mới trong nhân sinh: cảm giác vui sướng mới, cảm giác khoái lạc mới, cảm giác ngạc nhiên mới.

- *Cái nhìn* chỉ là *cái trông*, *cái thấy*, nó là một giác quan trong năm giác quan của một con người, như vậy cái đẹp không thể chỉ đóng khung trong *cái nhìn*, cũng không nên quên là cái nhìn ngạc nhiên của một cá nhân có thể tới từ sự ngây thơ, tới từ một sự cảm nhận chỉ chọn sự dễ chịu, và chưa chắc được kẻ khác công nhận là *cái đẹp*. Như vậy, *cái đẹp* phải vượt lên sự ngây thơ, cái dễ chịu…

- *Cái đẹp* mang phạm trù lý thuyết có lý luận, có lập luận trong đó *ý tưởng* đóng vai trò khởi xướng cho các phạm trù lý thuyết. Mỹ luận nhận định *cái đẹp* qua nội chất của phán xét, không liên quan gì đến niềm tin bị ảnh hưởng bởi tôn giáo, tín ngưỡng. *Cái đẹp*, tạo ra một loại niềm tin đó là niềm tin vào *sự thăng hoa* cho cuộc sống. *Cái đẹp* có đường đi nẻo về hoàn toàn khác *cái to, cái hay, cái đúng*; *cái to* thì thấy được, *cái đúng* thì luân lý quản lý được, *cái hay* thì giáo dục được, nhưng *cái đẹp* từ *riêng* tới *chung*, có từ *bản thân* (màu đẹp, giọng nói đẹp, lời ca đẹp…) mà *gốc*, *rễ*, *cội*, *nguồn* của *cái đẹp* là nó tạo được sự thăng hoa vừa cho nhân loại, vừa cho nhân tri.

- *Cái đẹp* có thể mang ngay trên thượng nguồn của nó là *sự tái tạo lại* thiên nhiên, cảnh quan, hình thể… tức là bắt đầu thay đổi bằng bố cục của hệ *thực (thực tế, thực tiễn, thực trạng)*, từ đây kẻ sáng tác *hoán, chuyển, thay, dời* các phần tử của cơ cấu cũ để tạo ra một bố cục mới, có lúc kẻ sáng tác giả này *siết, vo, bóp, nắn* lại chính các phần tử của cơ cấu để tạo hẳn một hình thể khác, khác xa với cái thực thường thấy.

- *Mỹ học* có thể đi vào phân tích các sáng tác nghệ thuật qua *quá trình thay đổi bản thể*, từ hình thức tới cả nội dung. Chính *bản thể học (ontologie)* chủ đạo định nghĩa để hướng dẫn túc từ, làm nền cho *chủ từ* trong truyền thông, thí dụ khi ta thốt lên: *ánh sáng ở đây quá đẹp*! Bản thể này còn làm gốc cho *chủ thể* trong hành động khi ta phán quyết: *người hùng này rất can đảm!*

- *Lịch sử nghệ thuật* thường là quá trình xem xét lại bản thể, mà còn là lịch sử của sự *thay ngôi, hoán vị bản thể*: sáng tạo là sáng tác lại bản thể! Chuyện này đã rõ khi *phái ấn tượng* chối bỏ *phái hình thể*, ngay sau đó Picasso rời bỏ cả hình thể qua bản thể, buông bỏ cả ấn tượng qua màu sắc, để tạo ra một nghệ thuật tạo hình không bản thể và không ấn tượng.

- *Sáng tạo* được hình thành bởi nhiều nẻo, nhiều khuôn, và mỗi lần hoán vị các nẻo, các khuôn thì sẽ có một chủ đề sáng tác mới; chính là *ngữ vựng* mới, của một loại ngôn ngữ mới, và chủ đề chính là *ngữ pháp* được tạo ra bởi *ngữ văn* đặc thù của họa sĩ, làm nên tư tưởng riêng trong sáng tác của họa sĩ.

***

Trước mắt chúng ta hãy sử dụng *sử học nghệ thuật*, vận dụng *triết học mỹ luận*, tận dụng *xã hội học tiếp nhận tác phẩm* để được song hành cùng Đinh Cường đi về cõi đẹp, để tìm cho ra cái đẹp đặc sắc của họa sĩ này.



KHÔNG GIAN TẠO HÌNH ĐINH CƯỜNG

Từ mỹ quan tới mỹ cảm
Từ mỹ thuật tới mỹ học
Từ mỹ lý tới mỹ luận

Sự chuyển hóa cả *lý trí* lẫn *trí tuệ*

Cái đẹp tạo được sự thăng hoa, tự nó là một danh từ đi tìm một nội dung, để từ đó ta có thể hiểu tại sao *kẻ sáng tạo* ra *cái đẹp*, có thể hiến thân vì *cái đẹp*, nơi đây mỹ luận được xem là khả năng hiểu cảm xúc để phân tích thành *ý tưởng về cái đẹp*. Phân loại *cái đẹp* qua lịch sử mỹ thuật, có vai trò của văn hóa, trong đó cảm nhận về *cái đẹp* được ảnh hưởng bởi quá trình giáo dục của một dân tộc.

Tây Âu cảm nhận cái đẹp qua *hình dạng*, rồi đặt *hình danh*, biến nó thành môn học về *hình thể*, tạo ra *cái đẹp* của *thân thể (nu)* kiểu trần thân, *cái đẹp* này có sức nội kết các phần tử để tạo nên một tổng thể hài hoà, kinh nghiệm trong *cái đẹp* của *thân thể (nu)* kiểu trần thân, không có trong văn hóa, giáo dục, lịch sử của Á châu.

Cái đẹp khi được tạo, nó tạo cho kẻ thưởng thức nó một loại *cường độ*, theo Diderot, làm *căng, dồn, nén*... ngay trên sức cảm nhận của chúng ta tạo sự chú ý, đưa tới chuyện phải dừng mắt đứng xem, từ đó tạo ra sự chiêm ngưỡng, để người xem có khi phải sững sờ trước cái đẹp. Và kẻ thưởng thức phải tìm cho ra nội dung bên trong của *cái đẹp*.

Khi tìm hiểu nội chất hoặc nội dung của *cái đẹp*, thì kẻ thưởng thức phải tìm hiểu thêm về sự tương quan, lực

quan hệ, sức nối kết giữa cái đẹp và môi trường chung quanh. Chính khi cảm nhận về cái đẹp, thì kiến thức của chúng ta về môi trường có thể được hoặc bị thay đổi, cả *lý trí* lẫn *trí tuệ* của chúng ta có thể được hoặc bị chuyển hóa.

Liên kết sáng tạo-lý luận-tư tưởng

Khi sáng tạo ra cái đẹp qua lao tác của nghệ thuật có khả năng tháo gỡ cấu trúc (*déstructuration*) các thói quen cũ, có kinh nghiệm của *tháo gỡ bố cục (décomposition)* các cách xây dựng cũ, với ý muốn *tháo gỡ tổ chức (déorganisation*) các định chế kỹ thuật và nghệ thuật cũ.

Trong quá trình này, *mỹ học* nên tách một cách rất rõ ràng sự khác biệt giữa *sự hủy diệt (destruction)* là phá cho tan tành, với *tháo gỡ cơ cấu (déconstruction)* để xem xét lại các *khuyết điểm* đã làm nên *khuyết tật* của cơ cấu cũ, từ đó mới tính chuyện gắn ráp lại để tạo ra cái mới.

Trong lao tác cũng như trong tuyên bố của các tác giả sáng tạo ra *cái đẹp*, cũng có hai thành phần khác nhau, giữa *sự hủy diệt (destruction) và sự tháo gỡ cơ cấu (déconstruction)* nói lên hai phong cách nghệ thuật, tạo ra hai loại *mỹ thuật quan* rất khác nhau trong sinh hoạt nghệ thuật. Tại đây, *mỹ luận* phải chú ý kỹ hơn nữa ba thành phần nghệ sĩ trong sáng tác:

- *Thành phần thứ nhất*, chỉ lấy sáng tác để nói lên nghệ thuật của mình.
- *Thành phần thứ nhì*, có diễn luận và giải luận qua lý luận do chính họ tạo ra.
- *Thành phần thứ ba*, vừa có sáng tác, vừa có lý luận, lại có thêm tư tưởng riêng để minh chứng *sự liên kết* giữa sáng tạo, lý thuyết và tư tưởng. Nếu quần chúng, xã hội và chuyên môn công nhận, tôn vinh *sức liên kết* này thì họ chính là các nghệ sĩ không những *tài* mà *lớn* của nhân loại. Trong văn học, ta thấy có Hugo, trong thi ca thấy có Char, trong âm nhạc ta có Bethoveen, trong hội họa có Picasso, trong điêu khắc có Giacometti…

Mỹ quan mới qua truyền cảm mới, truyền thông mới, ngôn ngữ mới

Cái đẹp trong nghệ thuật là tái tạo lại *ngôn ngữ mới* để tạo ra một *truyền thông mới* bằng *truyền cảm mới*, chưa có trong thông tin bình thường của sinh hoạt xã hội, đây chính là ngôn ngữ của sáng tạo nghệ thuật luôn muốn *thay đổi trực quan*, bắt nó phải dừng lại để ngắm nhìn, chiêm ngưỡng, thấu hiểu *cái đẹp mới* bằng một *mỹ quan mới*.

Trong đó, cái đẹp mới giới thiệu cảnh quan, con người, hình thể… qua các *chấm* (phái chấm trong hội họa), qua các đường *gạch* (phái đường gạch trong hội họa) tạo ra *ngôn ngữ riêng cho mỹ quan*. Sinh hoạt nghệ thuật từ

sáng tác trong thơ văn, tới sáng tạo trong hội họa và điêu khắc, từ nghệ thuật nhạc tới nghệ thuật kiến trúc, luôn quan niệm các cơ cấu có sẵn chính là các *ngõ cụt*, đang giam lỏng trí tuệ sáng tạo.

Như vậy, *lý trí của sáng tạo* là phải tìm cách thay đổi cấu trúc của các định chế đã có sẵn, mà bắt đầu là công việc thay đổi các phần tử đã tạo nên hình thể, nên dáng vóc của các định chế đó. Sinh hoạt nghệ thuật của thế kỷ XX là những diễn biến sôi nổi về việc sáng tạo ra các mỹ quan mới, lúc đầu có Braque, Léger, Picasso và sau đó là Hartung, và diễn biến liên hồi cho tới kinh nghiệm của Soulage là chỉ dùng *màu đen* trong hầu hết các sáng tác của ông, và họa sĩ tìm mọi cách để kẻ thưởng ngoạn các tác phẩm của ông phải thấy được các *ánh sáng mới* rất sáng tạo trong cái đen nghịt trong các sáng tác của ông.

Mỹ thuật mới là con đường mới: *phải tự tìm đường mà đi!*

Cái đẹp mới của sáng tạo nghệ thuật thường tìm cách xa lánh các cái đẹp cũ, rất hài hòa, từ kinh nghiệm của Hy Lạp cổ tới giai đoạn được gọi là tái sinh (rennaissance) trong đó nghệ thuật của Ý đóng vai trò tiên phong trong cả thế kỷ 18 và 19.

Xa lánh vừa để lách tránh, vừa để *«vắt óc và siết tâm»* đi tìm *con đường mới*, làm ra một *mỹ thuật mới*, không còn chịu áp lực, chịu ảnh hưởng của *sự bắt-buộc-phải-*

hài-hòa, nó chống lại chuyện này vì đây là khuôn mẫu làm nên mô hình đang đóng kín sáng tạo trong một loại nhà tù tư duy là phải đi trên *quốc lộ hài hòa*!

Trong khi đó sinh hoạt sáng tạo mỹ thuật là sinh hoạt *sinh động để chủ động*: *phải tự tìm đường mà đi!* Tức là phải vạch rừng tìm lối, vượt thác, băng đèo, xẻ núi để tới *cái đẹp mới*. Nếu không theo quá trình này mà làm ngược lại là *sao chụp* các cái đẹp đã có sẵn thì không phải là sáng tạo!

***

Trước mắt, hãy xem để xét, hãy thấy để thấu lộ trình tạo hình của Đinh Cường từ thế kỷ XX tới thế kỷ XXI.



Nỗi nhớ Đà Lạt – tranh sơn dầu Đinh Cường

TẠO HÌNH
VỊ TẠO NHÂN
Nhân diện xa tiếp nhân cách gần

"Khóa ơi, mỗi lần xem tranh của moi, ta nhớ nhận ra thực cảnh của quê hương trong điêu tàn của chiến tranh, có hiện cảnh giáo đường buồn, và luôn có một cô gái Việt, trong nhân diện không biết là buồn hay vui, với nhân dạng như đi ngang cuộc đời, với nhân cách nhẹ, đẹp, bay bổng..."

ĐINH CƯỜNG, hè 1986, Sài Gòn



CÁI ĐẸP TRONG *SỰ TOÀN HẢO*

Cái đẹp có thể xem là đẹp vì nó là *cái hợp* với ta, hợp với khuôn mẫu, hợp hình thể của ta, nó được xem như sự xuất hiện trong *sự toàn hảo*. Như vậy, cái khuôn của một vật thể được xem là đẹp nằm trọn vẹn, vừa trong nguyên tắc, vừa trong ý tưởng. Sự toàn hảo của loại đẹp này cho thấy cái đẹp là *cái hợp khuôn từ trong ra ngoài*, và theo Hegel: cái *hợp khuôn* biết tự thể hiện qua *ý tưởng* (toàn hảo vì hợp khuôn). Sự toàn hảo này thấy rất rõ qua các trường phái về hình thể, nhất là các trường phái về cảnh quan.

Đinh Cường thì đi chọn một sự toàn hảo khác, nơi mà màu sắc sinh đôi cùng ánh sáng, để màu sắc sinh cùng ánh sáng cho ra một sự hoàn hảo có nhân sinh quan biết nâng niu vũ trụ quan, có vũ trụ quan biết che chở nhân sinh quan, chỉ như vậy thế giới quan mới có được sự hoàn hảo.



HÀI HOÀ HAY TỰ THĂNG HOA?

Trung Quốc có truyền thống luận giảng về cái đẹp là tôn vinh *sự hài hoà*, hiển dương *sự quân bình*, cụ thể nhất là tranh thủy mặc, về phong cảnh, mang sức nội kết của sơn thủy, qua quy luật *âm dương phối triệt*. Cái đẹp của Tây Âu thì khác hẳn, trong đó *sự sáng tạo là sự tự thăng hoa*, tự hiển dương nó, cùng lúc tác giả của sáng tạo ra cái đẹp nhiều lúc phải phạm trù hoá sản phẩm sáng tạo của mình, phải lý thuyết hoá quá trình sáng tác của mình, ở đây có sự đòi hỏi phải *mô hình hóa cái đẹp*. Ở đây, có sức ép của sơ đồ, nếu không nói là có *kiến trúc hoá ý tưởng*, để *«đặt tên»* cho nội dung, để đặt *«nhãn hiệu»* cho lý thuyết.

Đinh Cường đã thấy cái đẹp biết tôn vinh sự hài hoà, hiển dương sự quân bình trong tranh thủy mặc của Trung Quốc, Đinh Cường đã thấu cái đẹp của sự sáng tạo biết tự thăng hoa. Nhưng Đinh Cường đã chọn sự hài hoà bằng lực tổng hợp máu sắc do chính họa sĩ chế tác ra, và Đinh Cường cũng đã chọn sự tự thăng hoa qua bản lĩnh của một nghệ thuật tạo hình biết giữ cái tỉnh để duyên cho sự tự thăng hoa ở dạng tỉnh táo nhất.

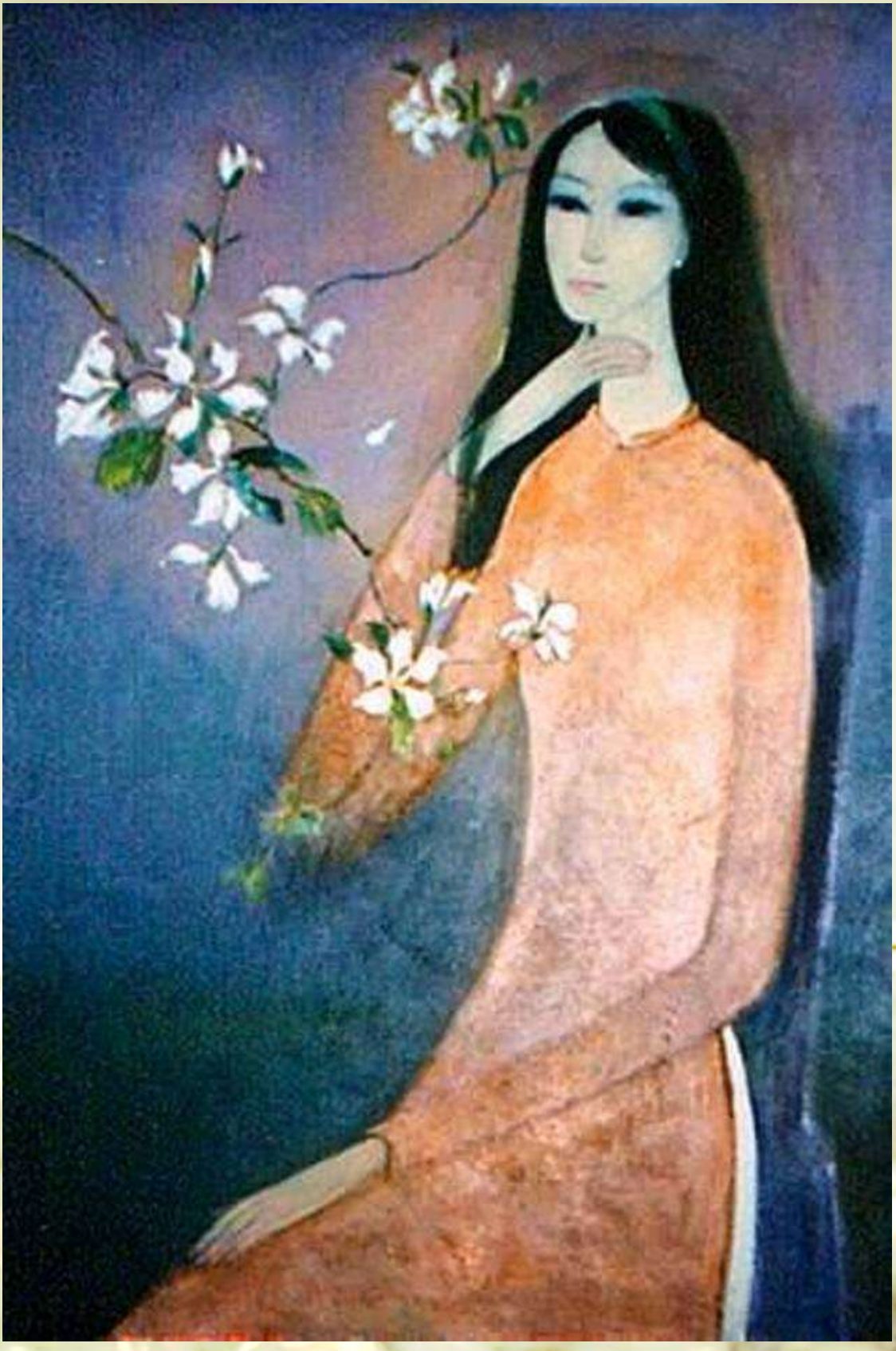

CÁI ĐẸP TẠO CÁCH LY

Cái đẹp tạo *cách ly*, thường tới *từ xa*, tới từ *chỗ khác*, mà kẻ sáng tạo phải ham muốn, phải dong tìm, phải đau khổ để tìm ra, để tạo ra, mà chính kẻ thưởng thức cái đẹp có khi rất khó quyết đoán về nguồn gốc của nó, nó càng mông lung thì người xem càng khó đến gần, càng khó tham dự. Theo Baudelaire, cái đẹp có ít nhiều dính dáng tới *cái đau khổ*, khi kẻ sáng tác phải nhận thử thách, hy sinh, cực hình để tạo ra nó. Loại đẹp này mang bản chất bất khuất vì muốn trở thành bất diệt, nên có khả năng tạo ra bi kịch. Thử thách của *Gauguin*, cam chịu của Van Gogh... Loại đẹp này có hành trình dong tìm của ý nguyện, của ước vọng, của hoài bão.

Trong không gian tạo hình của Đinh Cường, thì cái đau khổ không bị phơi bày một cách lộ liễu; kể cả cái ham muốn, cái dong tìm cũng được giữ thật kín đáo. Riêng sự hy sinh, với những thử thách thì Đinh Cường và cả thế hệ của họa sĩ đã đầy trầm luân, đã dày chông gai. Gauguin, Van Gogh luôn là những họa sư, họa huynh của Đinh Cường, nhưng Đinh Cường là Đinh Cường, họa sĩ lẳng lặng đưa ta vào không gian tạo hình của mình như mời ta hãy tương đối hóa các hy sinh để được thong dong. Hãy thư giãn hóa các thử thách để được thư thái. Hãy nhẹ nhàng hóa các trầm luân để được ung dung. Những trạng từ thong dong, thư thái, ung dung không còn là trạng từ nữa mà chính là quan điểm, quan niệm của nghệ thuật Đinh Cường.



CÁI ĐẸP *HƯỚNG THƯỢNG*

Cái đẹp tạo sự *tách biệt* với người thưởng ngoạn là phải tìm đến nó như đến với một khám phá, cái đẹp cũng tạo ra sự *thiền định* đưa kẻ thưởng thức từ chiêm ngưỡng đến chuyện phải định thần, định tâm, định trí ở dạng thiền định. *Cái đẹp* có mặt để chống lại sự vô cảm, vô tình, vô tri, vô giác. Và, thiền định là để lập lại *tư duy* không những cho cảm xúc, mà cả cho lý trí. Khi cái đẹp được cảm nhận từ nội dung tới nội chất, thì nó sẽ được phân giải bởi tư tưởng để chế tác ra *mỹ luận*. Để kẻ thưởng thức cái đẹp có thể hiểu được quá trình từ cảm nhận tới khả tri, từ thể hiện tới sáng tác. Khi cái đẹp được đánh giá là thánh thiện, thì nó có thể sánh ngang hàng với tôn giáo và thần học. Chính vì cái đẹp đi tìm sự hướng thượng, nên cái đẹp có thể hướng dẫn được cuộc sống. Cho nên vai trò của các bảo tàng là giáo dục sự thăng hoa cho cuộc sống. *Sự hướng thượng* được thấy rõ qua các tác phẩm ca tụng sự can đảm của các anh hùng, sự hy sinh của các nhân vật ái quốc.

Cái đẹp hướng thượng của không gian nghệ thuật Đinh Cường là môt hằng số được làm nên bởi một nhân tri thấy thời cuộc, thấu thời vận, xem nhân thế, xét nhân tình, mà nhân tri luôn hướng thượng. Cái đẹp hướng thượng xa với với tôn giáo và thần học, lánh luôn các bảo tàng trưng bày để phơi bày để ca tụng sự can đảm của các anh hùng, sự hy sinh của các nhân vật ái quốc.



CÁI ĐẸP CỦA *THỬ THÁCH*

Cái đẹp làm rõ *cảm tính* qua *cảm xúc*, từ đó giúp người thưởng ngoạn cái đẹp phải nhận định bằng *tri thức*. Theo Kant, thì cái đẹp là quá trình đi từ tính quy ước của tập thể tới tính tự do cá nhân, mà ta thấy rõ qua sự phối kết giữa điều lệ trong quy ước của tập thể và lập trường trong ý tưởng của kẻ sáng tác với tự do của chính mình. Cái đẹp được sáng tạo ít nhất qua ba loại thử thách: *thử thách của tính toàn hảo, thử thách của tính nội kết, thử thách của tính toàn bộ*. Cái đẹp chính là sự tổng kết qua thử thách của tính phối hợp, từ cứu cánh của tính tập thể tới tính tự do của sáng tạo. Tính tự do thấy rất rõ qua tạo hình của Braque, của Léger, nhất là của Picasso.

Khi chúng ta chọn không gian tạo hình của Đinh Cường để khảo sát rồi nghiên cứu, để điều tra rồi phân tích, thì chóng chày chúng ta sẽ nhận ra ba loại thử thách trên: thử thách của tính toàn hảo, thử thách của tính nội kết, thử thách của tính toàn bộ đã hiện diện trong nghệ thuật của Đinh Cường. Đinh Cường đã thành công, nhưng chúng ta phải đi xa thêm một bước nữa để thấy là Đinh Cường còn có thành công khác nữa là đã tạo ra được một không gian nghệ thuật đặc sắc, có đầy đủ chất đặc thù của họa sĩ từ tư tưởng tới cấu trúc để tạo hình. Từ đây, chúng ta sẽ thấu là Đinh Cường đã thành công ngay trên chính tự do của mình ngay trong mọi thời cuộc điên dảo của đất nước, khi họa sĩ biết chế tác ra chính đặc điểm của mình để trải lòng cùng nhân sinh.

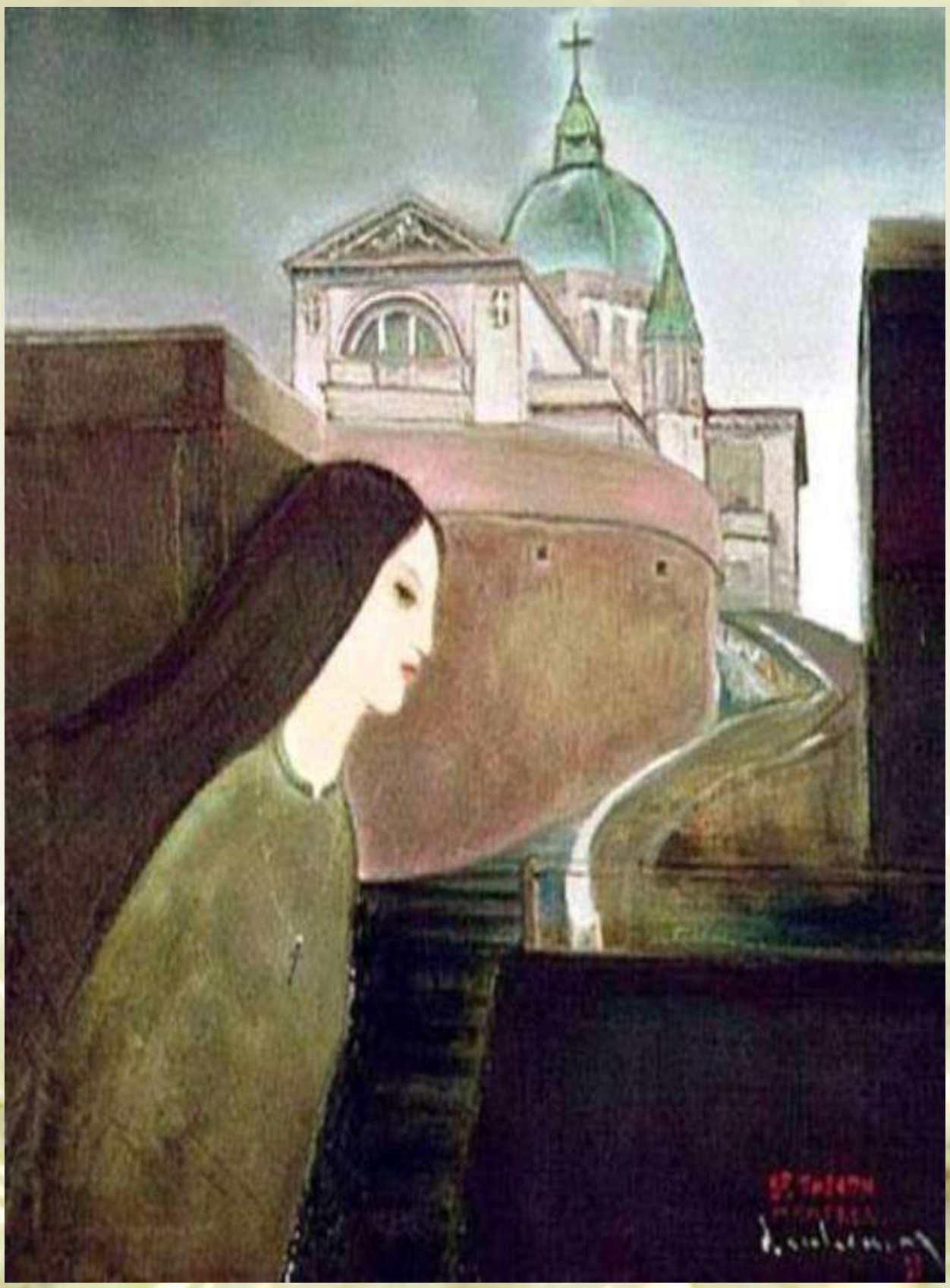

CÁI ĐẸP CỦA TỰ DO

Các trường phái cổ Hy lạp, nhìn *cái đẹp* như nhìn *cái được yêu*, nhìn cái đẹp như nhìn người yêu, từ đó cái đẹp tự tan biến nếu *cái lành, cái hay* của luân lý tới chiếm chỗ nó. Ngược lại, các trường phái hiện đại tạo sự đối kháng ngay trong sáng tạo. Schiller nhận thấy cái đẹp của hiện đại tập trung trong nó sự đối kháng để chống lại truyền thống (cứ lặp đi lặp lại), ở đây sức nhạy cảm của cá nhân sáng tạo đi tìm lý lẽ mới để có lý luận mới trong sáng tạo, tới từ chính tự do cá nhân đó, không cần trường phái. Ở đây, sức thuyết phục của cái đẹp phải vừa là *cảm xúc*, phải vừa là *lập luận*; cho nên sức thuyết minh của cái đẹp phải vừa của *cảm nhận*, phải vừa của *tư tưởng*.

Trong không gian tạo hình của Đinh Cường, thì cảm xúc của trực quan đã được thanh thoát hóa bởi nhân dạng thư thái của người phụ nữ, mà chung quanh có thiên nhiên hiền hòa. Nhưng khi người thưởng ngoạn nghệ thuật của họa sĩ biết liên kết nhiều tác phẩm của họa sĩ trên cùng đề tài này, thì nhận ra hiện tượng luận: "chung quanh của chung quanh". Chung quanh thiên nhiên hiền hòa thứ nhất thì có chung quanh thứ nhì là ám khí của chiến tranh trước 1975, sau đó tà khí của bạo quyền công an trị, cả hai đang gậm nhắm liên hồi thiên nhiên, môi trường, kể cả linh hồn của con người. Nơi đây, hình như Đinh Cường lấy cái chung quanh thứ nhất để ngăn, chặn chung quanh thứ nhì là chiến tranh, là bạo quyền để che chở các giá trị tâm linh của nhân thế. Đây có lẽ là tư tưởng nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường!

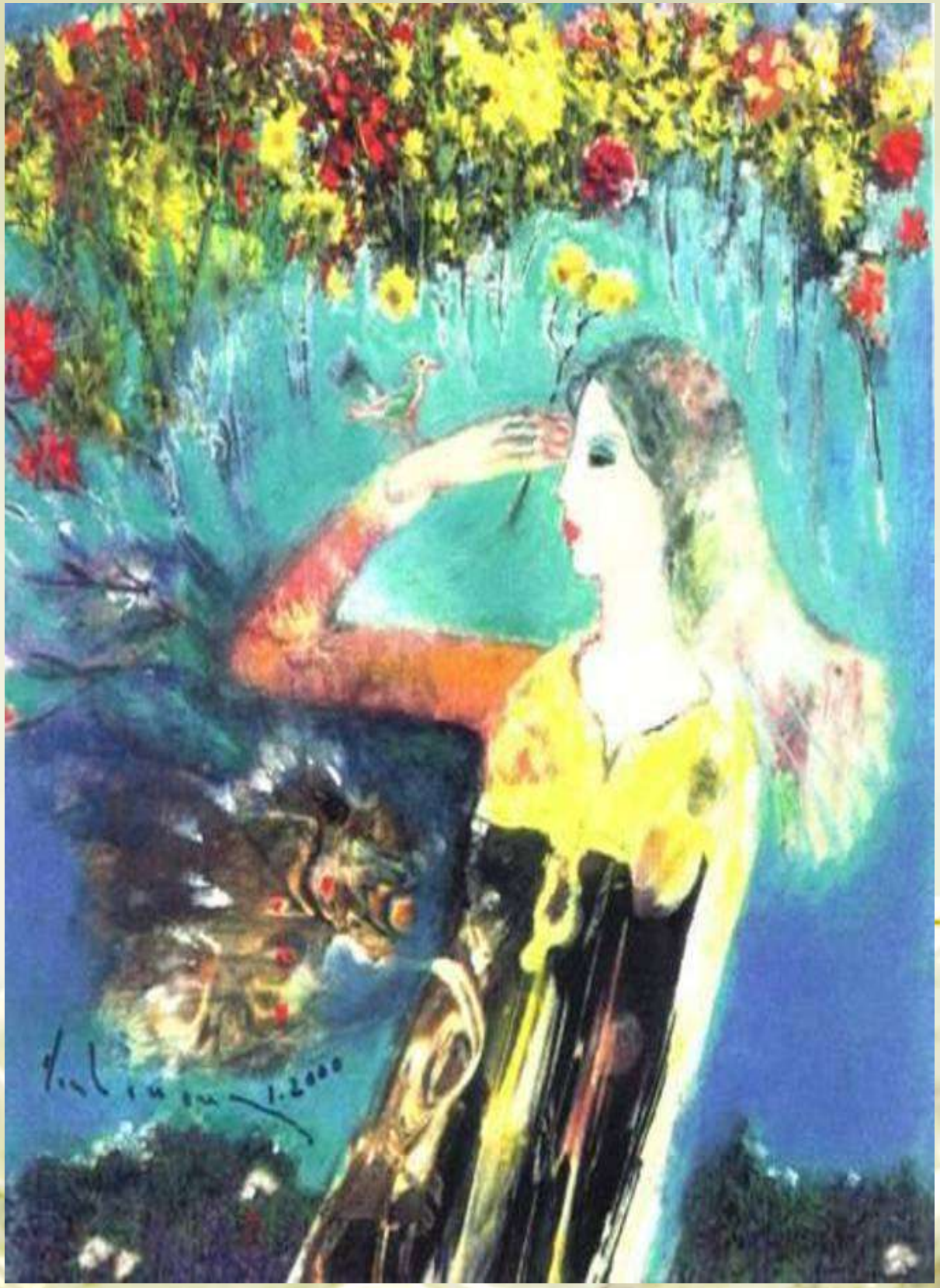

CÁI ĐẸP KHÔNG BIÊN GIỚI

Tranh cổ Trung Quốc có phong cảnh, thường có sơn thủy, tạo ra cách nhìn tức là tạo ra mỹ quan, trong đó bức tranh là một *cảm nhận tổng thể* để có cái chiêm ngưỡng toàn diện. Chính sự sinh động của toàn thể phong cảnh làm nên sự năng động của tổng thể sơn thủy. Cách sáng tạo là cách phân tích *có núi-có sông, có trên-có dưới, có cao-có thấp, có cứng-có mềm, như phải có âm-có dương.* Như vậy, cách diễn luận sẽ là *âm-dương phối triệt*_trong hài hoà của diễn tác, ở đây cách cảm nhận là quá trình đi từ thực thể cảnh quan tới cảm nhận thuộc về tâm linh. Từ đó có sự liên đới giữa cảm nhận và khả tri trong sự xen lẫn giữa *núi-sông, trên-dưới, cao-thấp, cứng-mềm, âm-dương*, không có lãnh thổ, vì không có biên giới rõ ràng…

Trong không gian tạo hình của mình thì Đinh Cường đã chọn đường đi khác, nẻo tới khác, đường đi nẻo về nghệ thuật của họa sĩ thường khởi điểm bằng nhân dạng. Và nhân dạng này, thường được đại diện bởi một thiếu nữ, cũng đang đi tìm cái đẹp, khi hai cái đẹp của con người và của cảnh sắc nhập lại làm một, thì Đinh Cường đã thành công trong cấu trúc tạo hình của mình. Vì hai cái đẹp này là một tổng lực giúp họa sĩ và con người đẩy lùi ra không nhân gian cái xấu, cái tồi, cái tục, cái dở, những cái này không hề có chỗ đứng, ghế ngồi trong đời sống hàng ngày của họa sĩ. Phân giải rõ hành tác nghệ thuật tạo hình này của họa sĩ để nói thêm là chỉ có cái đẹp mới được sánh vai, song hành, chung lưng đấu cật với cái thanh. Hãy nhận ra cái thanh trong Đinh Cường.



CÁI ĐẸP TỪ *DẠNG* QUA *Ý*

Cái đẹp, theo Plotin, có sức liên kết, có lực làm cầu nối giữa *dạng và ý*. Trong sáng tạo, người nghệ sĩ sáng tác trong quá trình dung hợp giữa mô hình và hiện thực. Cái đẹp tới từ sự hài hoà của hình học, giữa phần tử với tổng thể để tham gia liên kết giữa dạng và ý. Từ đây, xuất hiện một quá trình khác trong sáng tạo cái đẹp: dạng là sự bày biện của sáng tạo, chất là nội lực của nội dung, ý là tác động của tư tưởng.

Trong hành trình sáng tạo của mình, thì Đinh Cường đã dung hợp giữa mô hình và hiện thực chính là quê hương Việt, quê hương vẫn giữ được nét đẹp thanh thoát để vượt thoát các họa nạn tới từ chiến tranh, tới từ bạo quyền, tà quyền, quỷ quyền độc trị. Cái đẹp tới từ sự hài hoà trong không gian tạo hình của họa sĩ đã sẵn có trong nhân lý lẫn nhân tính của nhân sinh khi con người đã thấy nhân gian, đã thấu nhân tình. Cái đẹp tới từ sự hài hoà giữa phần tử với tổng thể có từ bố cục cảnh quan tới xếp đặt màu sắc với tính liên kết thông thái giữa nhân dạng và ý tượng, luôn được đặt vào cái đẹp thật thanh thoát. Từ đó, họa sĩ cho xuất hiện một quá trình về cái đẹp mang dạng thái hòa, biết vượt thắng chiến tranh, với nội lực của nội dung yêu hòa bình, cùng một ý lực làm nên tư tưởng yêu muôn loài, thương mọi sinh linh.

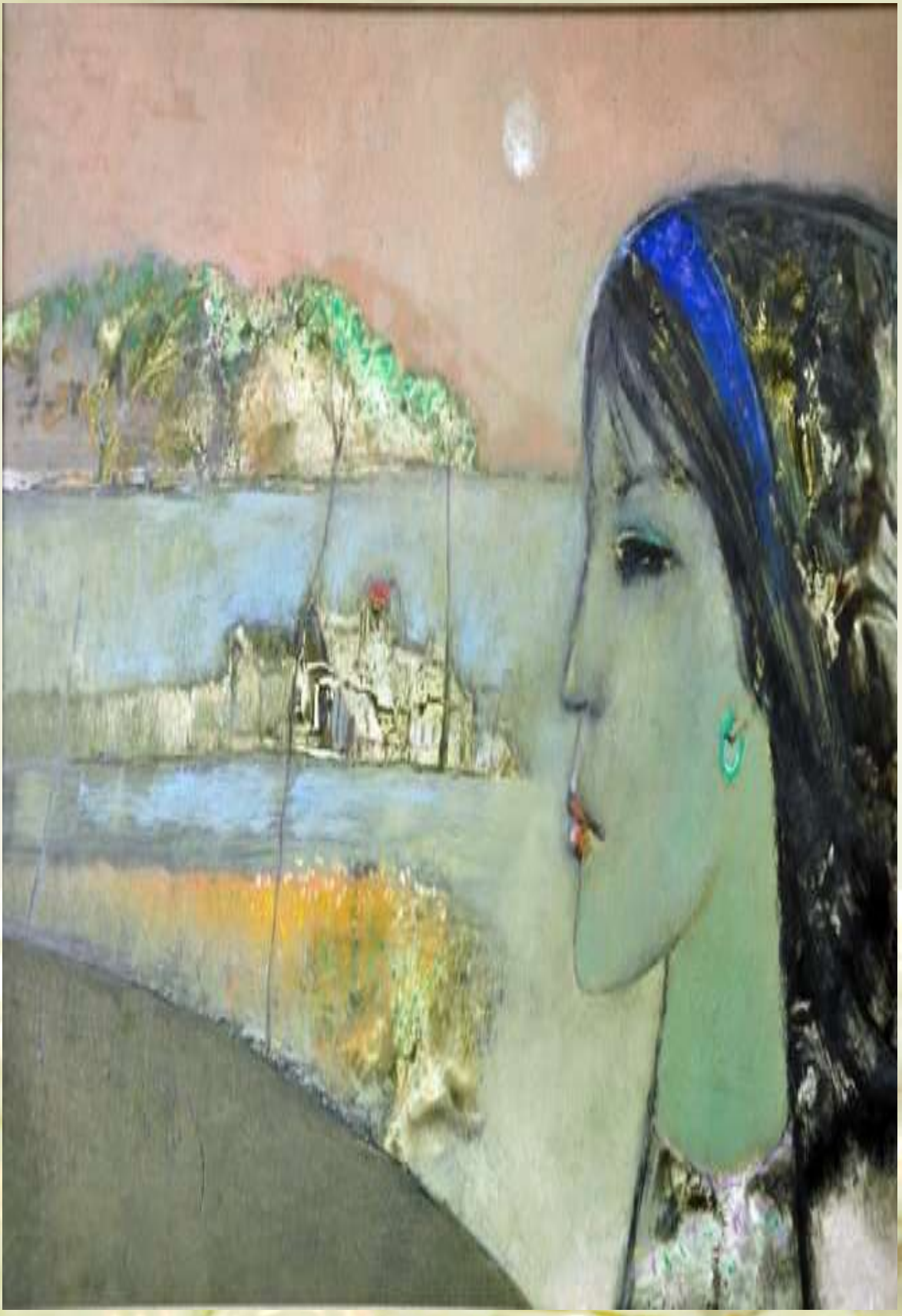

CÁI ÂM VANG BÊN TRONG

Trong tranh Trung Quốc, qua sơn thủy, người thưởng thức nhận diện được khí công, như hơi thở của sự sống, có cây xanh, có suối chảy, có thác gầm, có gió giữa vách và vực, làm nên sức sống bên trong của cảnh quan. Từ đây ta nhận ra cái *âm vang bên trong*. Tranh sơn thủy không hề là chuyện sao chụp, vẽ không như chụp ảnh, mà là *sự sáng tạo cái âm vang bên trong*. Chính cái *âm vang bên trong sẽ tạo được cái vang dội bên ngoài*. Cho tới nay, tất cả các luận thuyết mới về mỹ học vẫn chưa vượt khỏi những lý luận về *cái âm vang bên trong* này.

Người thưởng ngoạn nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường có thể đi tìm và nhận ra cái âm vang bên trong của các họa trình, nơi mà họa trình vừa là quá trình sáng tạo, vừa là hằng số nhân kiếp ngay trong thế hệ của họa sĩ. Một thế hệ đã sống với biển lửa của chiến tranh, rồi phải tiếp tục sống với âm khí của âm binh tới từ bạo quyền công an trị sinh đôi cùng ma quyền ngu dân trị. Đó là âm vang của hành tác chống chiến tranh «Anh nằm xuống cho hận thù vào lãng quên» của Trịnh Công Sơn. Đó là âm vang của hành động chống bạo quyền «Anh muốn khóc bằng nước mắt em» của Thanh Tâm Tuyền. Đó là âm vang của hành thái «Con chim bói cá trong tàn tối/ Soi vĩnh hằng xanh rợn mặt hồ» của Tô Thùy Yên. Đó là những âm vang không tạo ra tiếng động, mà ngược lại đã làm sự yên lặng phải yên lặng hơn, giúp nhân tính nhập thiền để giúp nhân tri tỉnh thức!

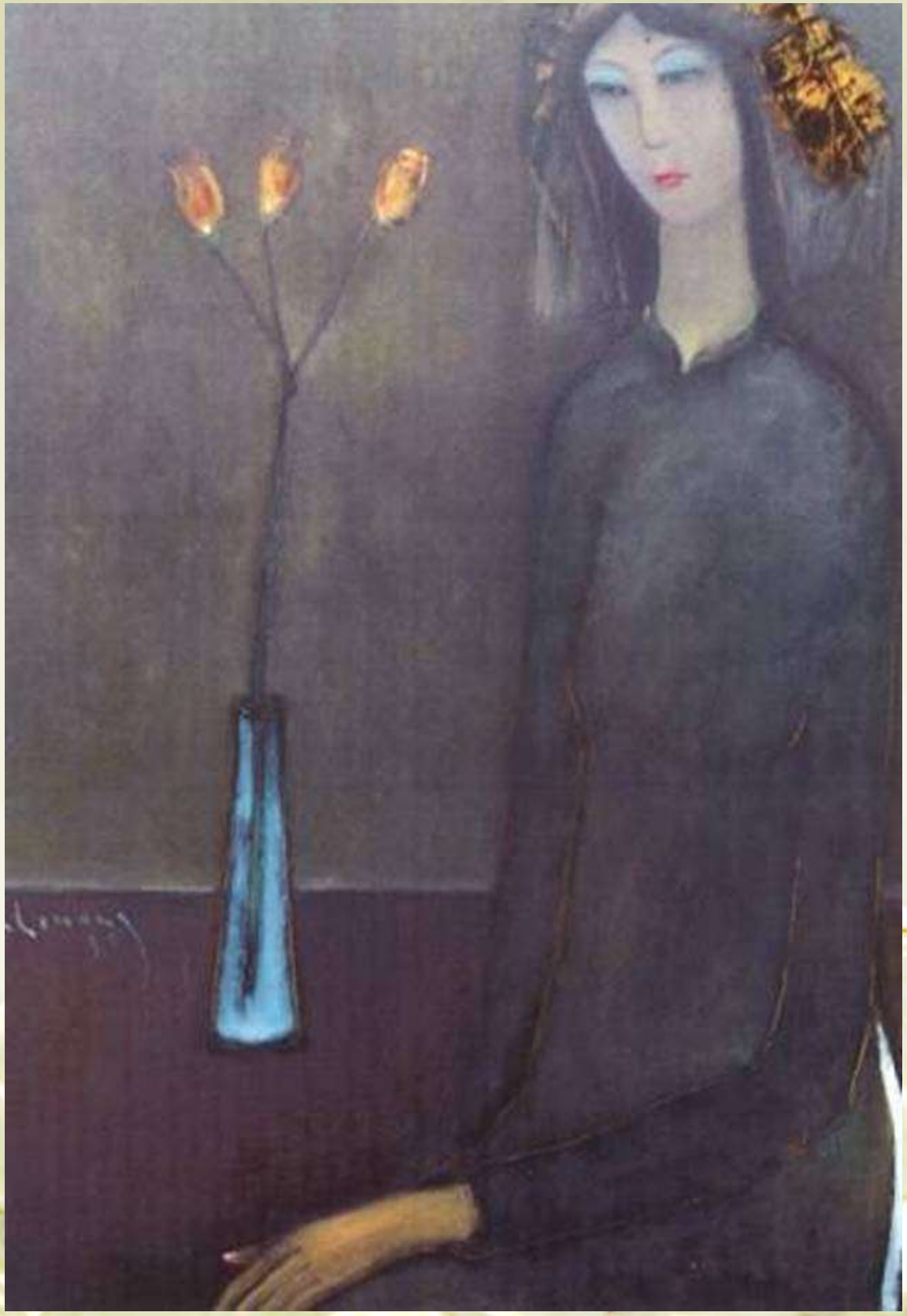

CÁI ĐẸP *KHAI SÁNG CHỦ THỂ*

Một vật thể đẹp được tạo dựng được bởi cái đẹp nội chất, cái đẹp nếu nó có *nội chất*, nó sẽ có *nội công*; nếu nó có bản lĩnh, nó sẽ có tầm vóc; nếu nó có *nội lực*, nó sẽ có vai vế. Cái đẹp là cái hiện hữu, cái có mặt, nó hiện diện với sắc đẹp của một vật thể được sản sinh ra như báo hiệu cho sự khai sáng của một chủ thể. Sau khi cảm nhận, kẻ thưởng thức cái đẹp này có thể sẽ được đưa tới cái trong sáng, cái thanh tao, có khi gặp được cái thăng hoa.

Sự khai sáng trong chủ thể Đinh Cường đã có, vì họa sĩ đã thấy trách nhiệm với nghệ thuật, đã thấu bổn phận với tạo hình, từ đó nhận sự sáng tạo như đón một sứ mệnh vừa bảo vệ cái đẹp sẵn có của nhân sinh, vừa bảo trì cái thanh sẵn lòng với nhân thế. Từ cái đẹp tới cái thanh, thì phương trình hay, đẹp, tốt, lành của nhân tính đã vận dụng con đường nghệ thuật tạo hình của họa sĩ để lập ra một phương trình khác làm cho nhân tri phải cao, sâu, xa, rộng hơn. Từ đây, nhân trí cứ tận dụng nghệ thuật tạo hình của họa sĩ để tránh những thứ xấu, tồi, tục, dở, chính là đứa con độc tôn của mọi ý đồ thâm, độc, ác, hiểm của bạo quyền, tà quyền, quỷ quyền. Đây vừa là nội công, vừa là bản lĩnh của nghệ thuật tạo hình.

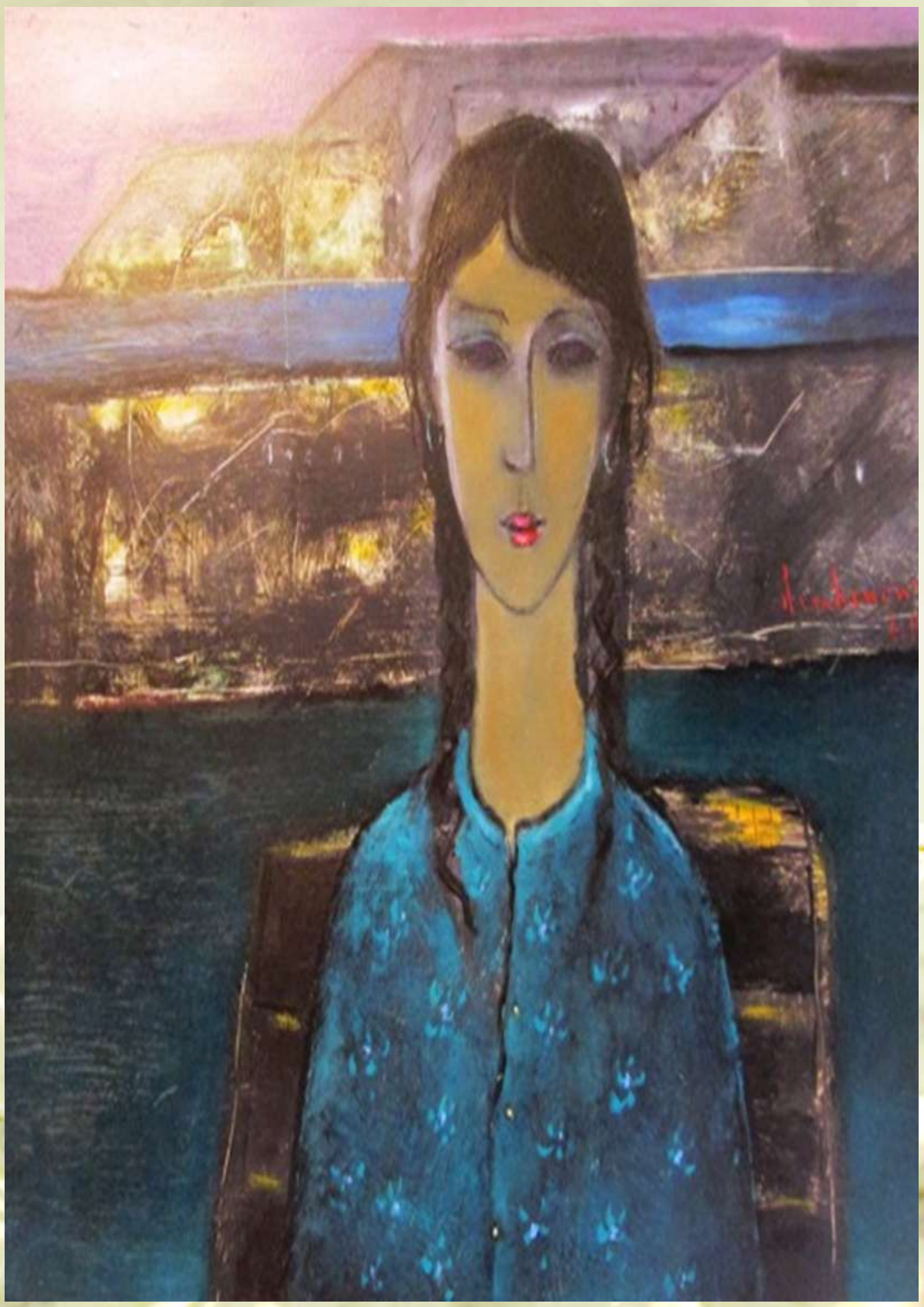

CÁ NHÂN HÓA *CHỦ THỂ SÁNG TẠO*

Tranh *thủy mạc* Trung Quốc tới từ hứng khí của sáng tạo trước cảnh quan, còn *tranh trần thân (nu)* của Âu châu định hình vĩnh viễn sáng tác của tác giả. Trong tranh thủy mặc Trung Quốc, ta có thể thấy đá, thấy núi, thấy thác, thấy mây... đó là những phần tử trong một tổng thể, sự hài hòa của tổng quan, ở đây sơn thủy là thiên địa, mang sự tuần hoàn của vũ trụ, tạo ra *vũ trụ quan* chung quanh phạm trù của *hòa*, của *bình*. Sáng tạo Âu châu cũng có tuần hoàn, có hài hòa, nhưng cũng có rất nhiều nổi loạn, tráo dời, lật ngược, hóa chuyển, hỗn loạn chống lại trật tự quan đã và đang có. Đây là hai quan niệm rất khác nhau về sáng tạo, xa nhau về văn hóa, tách nhau ra trên quan niệm và định nghĩa về nghệ sĩ như một chủ thể sáng tạo, ở đây Âu châu đã chọn con đường *cá nhân hóa chủ thể sáng tạo tuyệt đối*.

Không là chủ thể thì không sao sáng tạo được, vắng chủ thể thì chỉ còn lại chuyện góp nhặt rồi sao chép. Đinh Cường đã là chủ thể, vì họa sĩ nhận trách nhiệm với nghệ thuật, đã gánh bổn phận với tạo hình, đã nhận sứ mệnh sáng tạo bảo vệ cái đẹp ngay trong sáng tác của mình. Nhưng đoạn đường ngược lại là cá nhân hóa chủ thể sáng tạo là những chặng đường mà Đinh Cường cũng đã đi và cũng đã tới. Đó là sự thông minh trên chủ đề tạo hình và «sống chết» với chủ đề mà họa sĩ đã chọn lựa, song hành cùng sự thông thạo từ kỹ thuật tới kỹ năng, luôn song lứa cùng sự thông thái ngay trên tính liên kết giữa hội họa, âm nhạc và thi ca.



CÁI ĐẸP CỦA *CÁ THỂ, CÁ TÍNH, CÁ BIỆT*

Khi *cái đẹp* được giới thiệu, được bày biện, được phô trương, được xếp đặt, thì sáng tác của nó tới từ một *cá thể* của cá nhân (hay tập thể) sáng tác, có *cá tính* được thấy rõ qua bản lĩnh, qua nội cộng, qua tầm vóc của sáng tác, và nó có luôn sự *cá biệt*, chính là *đặc điểm, đặc thù, đặc tính* tạo ra *đặc trưng* của cái đẹp. Chính đặc điểm, đặc thù, đặc tính này làm nên định nghĩa về chủ thể là tác giả chủ động về hành động của mình, trước sáng tạo. Đó là sự độc lập trong *sáng tác*, tự chủ trong *sáng lập*, *chủ đạo* trong *sáng tạo*, nơi mà tác phẩm là sáng tác đã có, sáng lập đã thấy, sáng tạo giờ đã được nhận diện.

Sự cá biệt, làm nên đặc điểm, đặc thù, đặc tính trong nghệ thuật tạo ra đặc trưng của cái đẹp trong họa trình sáng tác của Đinh Cường rất dễ nhận ra. Đó là nhân dạng đẹp của phụ nữ Việt, đó là nhân diện đẹp của bạn bè thân thuộc, đó là nhân cách Việt đẹp nói chung. Bảo vệ cái đẹp trong một Việt sử bị trùm phủ bởi bão lửa chiến tranh, rồi ngay sau đó là bạo quyền độc đảng toàn trị tới với công an trị, ngu dân trị, tham nhũng trị, thanh trừng trị... Giờ đây, đất nước Việt, xã hội Việt, dân tộc Việt, giống nòi Việt lại bị trùm siết tới ngộp thở bởi âm khí của âm binh quỷ quyền xảo trá trị. Ngày ngày không ngưng nghĩ sáng tác, một đời hội họa không buông ngơi sáng tạo, chỉ để họa các nhân diện đẹp, các nhân dạng đẹp, các nhân cách đẹp thì cuộc đời của Đinh Cường đã đẹp lắm rồi!



CÁI ĐẸP CỦA *Ý TƯỞNG SÁNG TẠO*

Cái đẹp, theo Kant, luôn mang theo *quyền nội tại của trình bày*, trong đó *sức tưởng tượng* của tác phẩm chính là thượng nguồn của sáng tạo. Từ đây, một tác phẩm nghệ thuật ra đời qua quá trình sáng tạo của tác giả, mà sáng tạo được bắt đầu qua *ý tưởng nghệ thuật*, đóng một vai trò tiên quyết, chính nó thiết lập cầu nối giữa sáng tạo và thế giới chung quanh. Khi tác phẩm được *hiện hình hóa* qua tài năng của kẻ sáng tác, thì *ẩn số* của phạm trù về cái đẹp được thông báo, được trình bày. *Ý tưởng nghệ thuật* chính là trung tâm của sáng tạo, mà người sáng tác có thể biến các vật thể xấu, các vật liệu bị phế thải thành một sáng tác đẹp. Điêu khắc gia César đã thành công và đã tạo ra những ảnh hưởng lớn cho nhiều thế hệ sáng tác trên các phế dụng của xã hội công nghiệp. Như vậy, không thể hiểu và cảm nhận *cái đẹp* mà không qua sự diễn đạt *ý tưởng sáng tạo* của nó về một quan niệm trên cái đẹp.

Hãy tuần tự đi tìm họa trình của Đinh Cường qua quyền nội tại của trình bày của họa sĩ là tạo hình một nhân tính đẹp dù nhân kiếp Việt phải chịu bao thăng trầm. Ý tưởng nghệ thuật của họa sĩ là nhân cách Việt đẹp đi trên cao, cao hơn số kiếp Việt phải trầm luân dưới bạo quyền, quỷ quyền, tà quyền. Mà họa sĩ hiện hình hóa thành công bằng ý tưởng sáng tạo về cái đẹp Việt do chính họa sĩ tìm ra, họa ra. Nếu dân tộc Việt tiếp đón, nếu xã hội Việt đón nhận thì nó hiển nhiên trở thành cái đẹp Việt do thông minh Việt đẹp tìm ra!



CÁI ĐẸP CỦA *QUYỀN NỘI TẠI*

Cái đẹp vượt qua *cái đúng,* vượt lên *cái sai*, vượt ngoài *cái xấu*, lướt luôn qua *cái tốt*. Cái đẹp tự mang cái *quyền nội tại* để quyết định khi sáng tác, và kẻ nhận diện ra cái đẹp có cái *quyền nội tại* để phê phán khi thưởng thức. Cái đẹp mang sự tự chủ trước các trật tự của thế giới bên ngoài, nên nó độc lập ngay trên thượng nguồn của sáng tác, đây chính là sự tự do trong nhận định về sáng tạo. Cái đẹp vừa mang bản năng, vừa mang tài năng, mà siêu hình học không ngần ngại gọi nó là *thiên năng của tâm hồn*, lấy cảm xúc bên trong để sáng tạo, theo hoặc không theo thước đo mẫu mực bên ngoài. Như vậy là có sự khác biệt có thể biến thành xung khắc giữa cảm xúc bên trong và thước đo bên ngoài của xã hội, tại đây thì vai trò của phê bình về *cái đẹp* phải rất chính xác.

Những nhận định phẳng lì bằng sự hời hợi của chính mặt phẳng là: Đinh Cường bị Modigliani ảnh hưởng nặng nề, loại nhận định này không giúp ta nhập nội một cách đứng đắn vào không gian nghệ thuật của Đinh Cường. Modigliani mang thiên bẩm đưa được tính quý phái của mỗi chân dung tới từ những người rất bình thường trong cuộc sống, Đinh Cường giới thiệu sự thanh thoát của phụ nữ Việt. Không gian của Modigliani mở cửa chốn nội tại để kẻ thưởng ngoạn nghệ thuật nhận ra nội tâm của mỗi chân dung; không gian của Đinh Cường nơi mà mỗi chân dung mang hiện cảnh của đất nước, mang hoạ cảnh của quê hương, có khi mang luôn nạn cảnh của một dân tộc đang đi tìm lối thoát, lối ra…



CÁI ĐẸP TẠO *THĂNG HOA KIẾN THỨC*

Để phân biệt *cái đẹp* và *cái không đẹp*, Kant đề nghị nhận diện cái đẹp qua *nhân tri trong phán xét*, nhân tri từ giới thiệu qua trình bày, từ bày biện qua xếp loại, mà không quên vai trò của *nhân trí* trong nhận định. Khi *cái đẹp* được trình bày và được cảm nhận, nơi mà *cái đẹp* làm cầu nối cho mối tương quan giữa: *chủ đề, đối tượng* và *chủ thể sáng tác*. Quan hệ giữa *phân tích* và *giải thích* sẽ làm giàu *mỹ học*; quan hệ giữa *phán xét* và *phê bình* sẽ làm giàu *mỹ luận*; Và, quan hệ giữa *mỹ học* và *mỹ luận* sẽ làm giàu cho *mỹ thuật*.

Hãy đi sâu thêm một bước nữa để giải thích nghệ thuật tạo hình của ĐINH CƯỜNG, với chính nhân sinh quan của họa sĩ luôn làm đẹp những gì mà họa sĩ đang gần gũi. Hãy đi xa thêm một bước nữa để giải luận thế giới quan của ĐINH CƯỜNG với ý nguyện luôn làm rộng những gì mà họa sĩ đang sống hằng ngày. Để đi cao lên nữa mà giải lý về vũ trụ quan của ĐINH CƯỜNG luôn là nơi mà vũ trụ được nhận diện bằng ánh sáng, từ đó mà tạo hình thể, tại đây màu sắc được xem như là ân huệ tới từ ánh sáng. Mọi nhận định nghệ thuật mà không phân giải một cách cao, sâu, xa, rộng những sáng tác hay, đẹp, tốt, lành của nghệ thuật thì không còn là nhận định nghệ thuật! Hạnh ngộ với ĐINH CƯỜNG là tiếp nhận nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của họa sĩ.

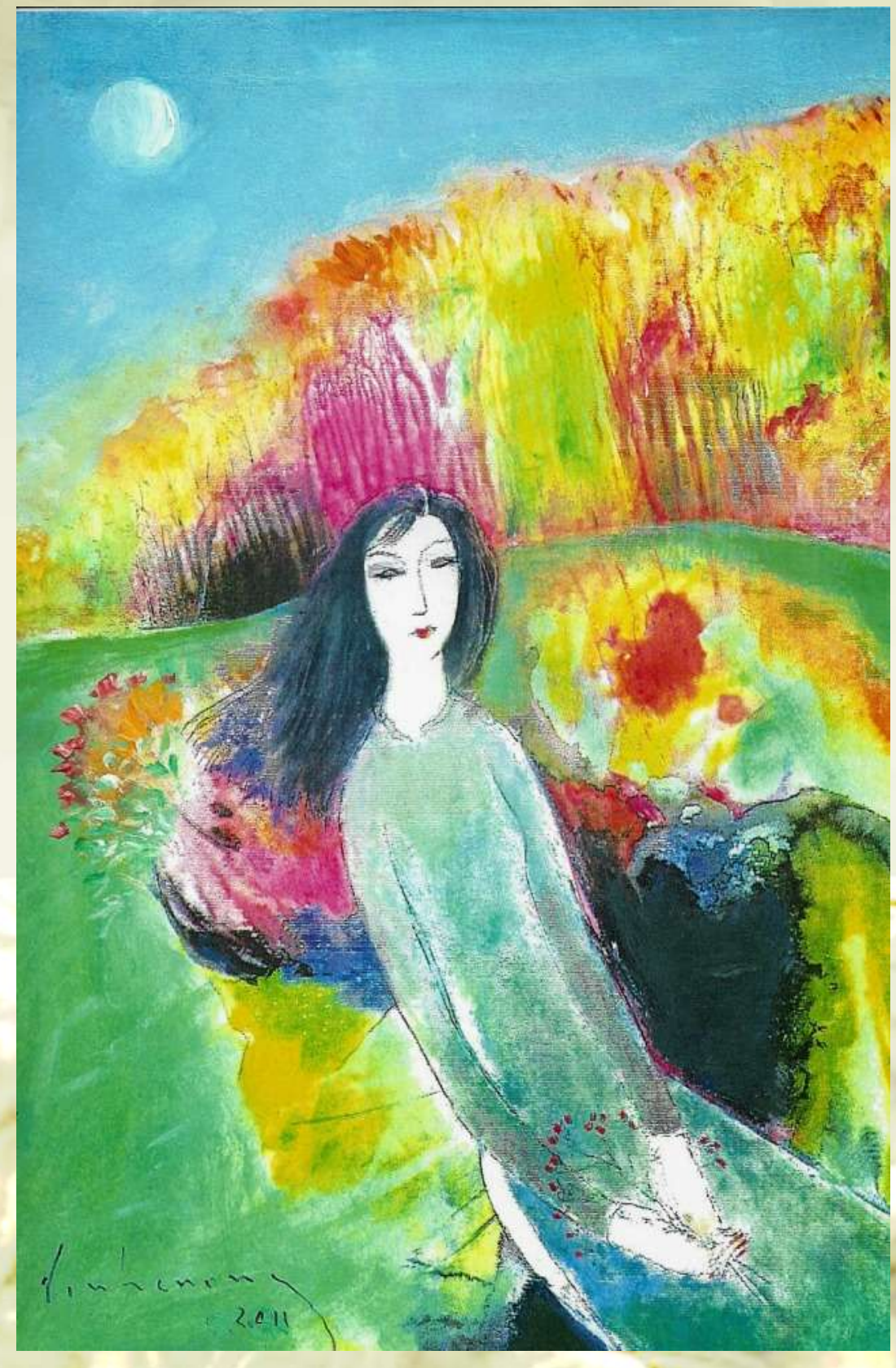

CÁI ĐẸP KHI SÁNG TẠO GẶP ĐỒNG CẢM

Cái đẹp thường là sự gặp gỡ giữa sáng tạo như kết quả ý tưởng trong tự do của tác giả và sự *đồng cảm* của kẻ thưởng thức tác phẩm, tại đây có sự *đồng thuận* về cảm quan của nghệ sĩ và khách thưởng ngoạn. Như vậy quan hệ giữa *sáng tạo* và *đồng cảm* là gì? Câu trả lời là c*ả* hai đều tới từ: *khả năng của kiến thức*. Kiến thức về cái đẹp dựng nên tri thức về mỹ thuật, vượt qua sự khoái lạc, cái thỏa mãn để đi xa hơn là tìm *giá trị của tri thức* trong thưởng thức nghệ thuật.

Ánh sáng hiện diện trong sáng tác của Đinh Cường luôn đa dạng, nó làm nên cái đa lực, đa năng, đa hiệu, để tạo ra cái đa cảm trên đất nước của Đinh Cường. Ánh sáng hiển hiện trong nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường có khi tới từ ánh sáng của miền Nam hai mùa mưa nắng, *có lúc tới từ ánh sáng của miền Bắc* bốn mùa thay lá, *nhiều bận tới từ ánh sáng của miền Trung với thử thách nắng chang chang của* đất cày lên sỏi đá. *Đinh Cường rất hiểu Matisse khi họa sư này mỗi sáng sớm đều đa tạ để tri ân ánh sáng của Địa Trung Hải đã làm nên cảm xúc thượng nguồn của sáng tác, nơi mà mọi họa sĩ đều cảm nhận ánh sáng chính là ân huệ cội nguồn của nghệ thuật tạo hình.*



CẢM XÚC TỚI TỪ TƯ DUY

Mỹ thuật luôn là vấn đề của tư duy trong tranh cũng như trong thơ, trong nhạc, trong điêu khắc, trong đó sáng tạo *cho đúng* khác với sáng tạo *cho đẹp (cho hay).* Sáng tạo là quá trình của tư duy làm: *đổi chất, biến dạng, thay vóc* của vật thể, phong cảnh, hình thể… Sáng tạo còn là quá trình của tư duy làm *trong*, làm *sạch*, làm *bật*, làm *nổi*, làm *trội* các vật thể, phong cảnh, hình thể… qua sáng tác của nghệ sĩ. Như vậy, mỗi lần nhận định về *cái đẹp* tạo ra cảm xúc, chúng ta không được quên tư duy sáng tạo đã chế tác ra cảm xúc đó.

Trong không gian tạo hình của Đinh Cường, thì sáng tạo cho đẹp vừa là sứ mệnh cả đời, vừa là hành tác thường nhật của họa sĩ. Về quá trình của tư duy biết thực hiện chuyện đổi chất, biến dạng, thay vóc của vật thể, phong cảnh, hình thể... thì nhân diện Việt, nhân dạng Việt, nhân cách Việt là nội công Việt, là bản lĩnh Việt, là tầm vóc Việt, luôn tìm mọi cách để Nối vòng tay lớn*: «Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà… Biển xanh sông gấm nối liền một vòng tử sinh». Đây là quá trình của tư duy làm trong, làm sạch, làm bật, làm nổi, làm trội các vật thể, phong cảnh, hình thể đã tạo ra cái đẹp của cảm xúc thuần chất Việt: «Mặt đất bao la anh em ta về/ Gặp nhau mừng như bão táp». Nếu kẻ thưởng ngoạn hội họa Đinh Cường mà nhận ra:* «Giòng máu nối con tim đồng loại/ Dựng tình người trong ngày mới» *thì sẽ nhận ra nhân sinh quan thái bình cùng thế giới quan thái hòa của họa sĩ. Một công hai việc trong nhân dịp này những kẻ thưởng ngoạn nên biết làm đẹp thêm cho nhân sinh quan thường nhật, thế gian quan thường lệ của chính mình.*



KHI TẠO HÌNH TRỰC DIỆN VỚI TẠO HÓA

Có nhiều người không biết rành mạch về sứ mệnh của hội họa là lấy thiên năng để tạo thiên tài để từ đó mà *«cạnh tranh»* với tạo hóa, mà tạo hóa theo đạo giáo Âu châu là tới từ một đấng đầy quyền năng, đó chính là thượng đế. Có lần một kẻ không biết rành mạch về sứ mệnh của hội họa, đã hỏi Picasso là: *«Sao suốt ngày, suốt đời ở trong phòng vẽ để làm gì vậy? Có quên sống không? Có để lạc mất cuộc đời không?»* Thì họa sĩ mới trở lời rằng: *«Tôi suốt ngày, suốt đời ở trong phòng vẽ không chỉ để vẽ, mà tôi phải sáng tạo để «cạnh tranh» với ông họa sĩ hàng xóm kế bên, đó chính là thượng đế, ông cũng đã và đang sáng tạo đấy!»*.

Trong tín ngưỡng cũng như trong văn hóa của Việt Nam và của cả khu vực tam giáo đồng nguyên (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan) thì sự vắng mặt của thượng đế là thượng nguồn của mọi niềm tin của các Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, Hồi giáo, trước sự hiện diện lâu đời của Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Đây cũng là một trong những đường đi nẻo về của cảm nhận nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường mà kẻ thưởng ngoạn có thể nhận ra: tính khiêm cung của Khổng học, tính khiêm nhường của Lão học, tính khiêm cẩn của Phật học. Nghệ thuật của Đinh Cường là nội lực tạo hình trong khiêm cẩn, mà không phải «cạnh tranh» với bất cứ ai!



CÁI ĐẸP *ĐỒNG CẢM*

Trong *tranh thủy mặc* Trung Quốc, tạo sự cảm thông tới từ sơn thủy hài hòa, sau đó tạo ra sự đồng cảm không cần chọn lựa, định nghĩa, phân loại; cũng không bám vào một tiểu tiết, không nhập vào một từ, và không bị điều kiện hoá bởi một lý thuyết. Tranh thủy mặc mang cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp không sở hữu hoá được, và thường là phải lùi xa nó mới thấy nó trọn vẹn.

Vào không gian tạo hình của Đinh Cường thì đừng nên đi tìm sự cảm thông, sự đồng cảm qua sơn thủy hài hòa trong tranh thủy mặc Trung Quốc. Vì Đinh Cường đặt sự cảm thông, sự đồng cảm ngay trong nhân tính làm nên nhân tri, và ngay trong nhân trí đã có nội lực tạo hình làm nên sung lực sáng tác của họa sĩ. Nội lực này tới từ môi trường văn nghệ sĩ miền Nam 1954-1975 giữa mùa trận mạc điêu linh của huynh đệ tương tàn, nơi đây cái ác của chủ nghĩa cộng sản ngoại lai của bạo quyền độc đảng toàn trị đã làm đầu lĩnh tại miền Bắc. Mà cũng là thời điểm của hùng lực tự do tại miền Nam, nơi đây đã biết chế tác ra mãnh lực của sáng tạo. Câu chuyện môi trường văn nghệ chuyển tải nhân trí đã có nội lực tạo hình là câu chuyện của đời sống sáng tác hàng ngày của Đinh Cường. Nơi đây, ca từ «Hồn lẻ nghiêng vai gọi buồn» *của Trịnh Công Sơn đã có nội lực tạo hình. Nơi mà, thi từ* «Chiều, sao vỡ vào chuông giáo đường» *của Thanh Tâm Tuyền đã dày nội công tạo hình. Nơi có lòng người tự vấn* «Nhìn tay lại thấy mình gầy hơn xưa » *của Tô Thùy Yên mang đủ nội tại tạo hình của nhân tính, ít nhiều đã trợ duyên cho hội họa của Đinh Cường.*

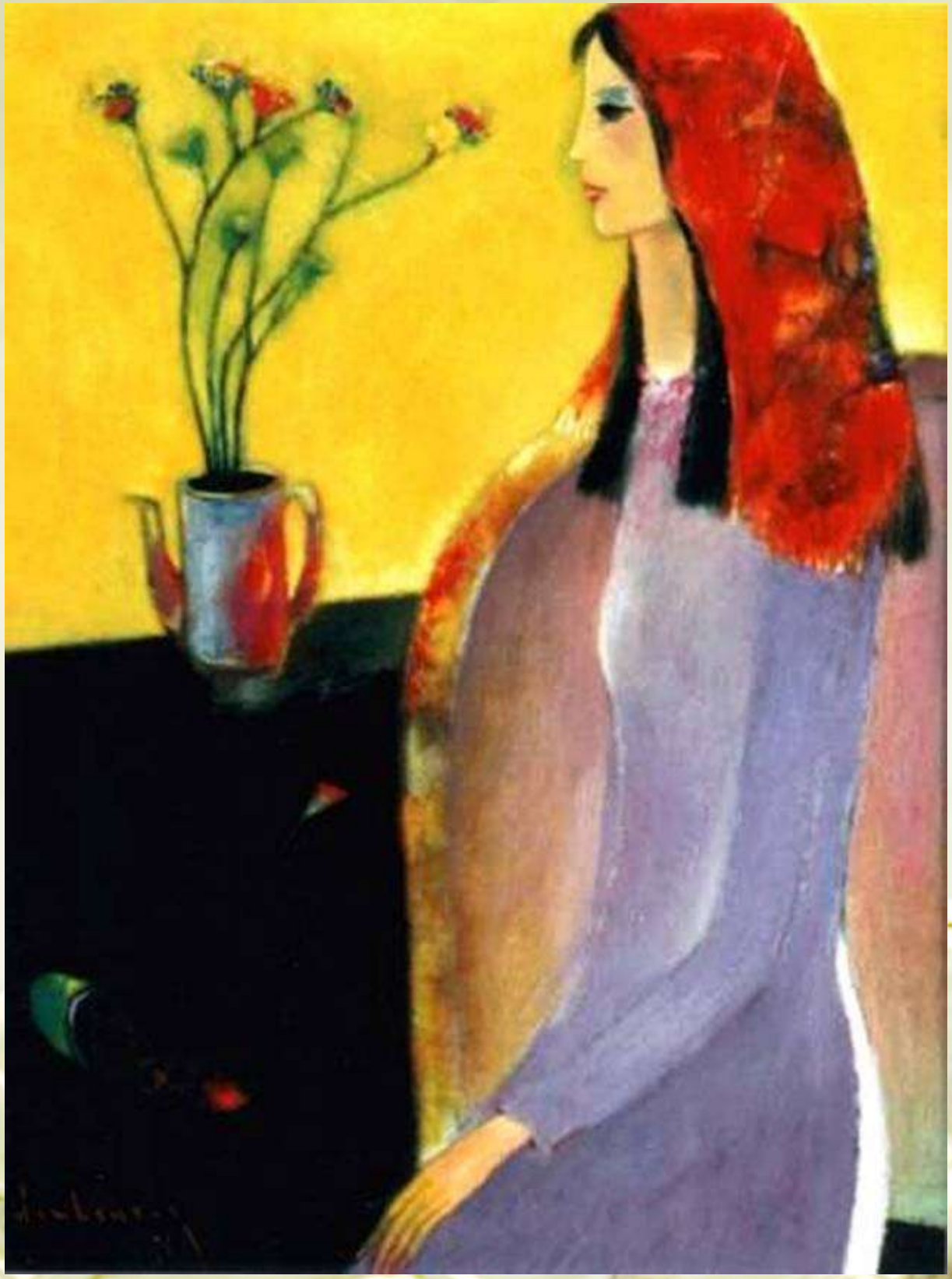

CÁI ĐẸP *THUYẾT PHỤC*

Cái đẹp không phải là *cái thực*, nó không đại diện cho *sự thật* hoặc *chân lý*, cho nên cái đẹp được sáng tạo không để tranh cãi về *lẽ phải* hay *luân lý*. Nhưng cái đẹp có thể được mang ra bàn bạc, thảo luận trong tinh thần dân chủ có lý luận, có lập luận, và cái đẹp nếu được *khâm phục* bởi nhiều cá nhân, thì cái đẹp sẽ có tính *thuyết phục* qua tập thể. Nếu cái đẹp thuyết phục được tập thể thì nó có thể được công nhận bởi quần chúng, quá trình của cái đẹp *từ riêng tới chung* chính là quy trình từ *cá thể* tới *tập thể*.

Ngoài cấu trúc từ hình thể tới màu sắc hoàn hảo theo sự xếp đặt làm nên lực tạo hình cá biệt của Đinh Cường, người yêu tranh nếu được quen biết với họa sĩ, sẽ nhận ra ba không gian: hòa, bình, thái, đang sống chung cùng một không gian trong nghệ thuật của Đình Cường. Hòa, từ hòa quyện tới hoà đồng. Bình, từ tâm bình tới cảnh bình. Thái, của thái hòa và của thái bình, làm nên thông thái thoải mái trong tạo hình thư thả. Đây là thử thách ngấm ngầm trong sáng tác của họa sĩ, và chính họa sĩ muốn thong dong trong không gian này... một không gian không cần tiếng động để tạo ra tiếng ồn.

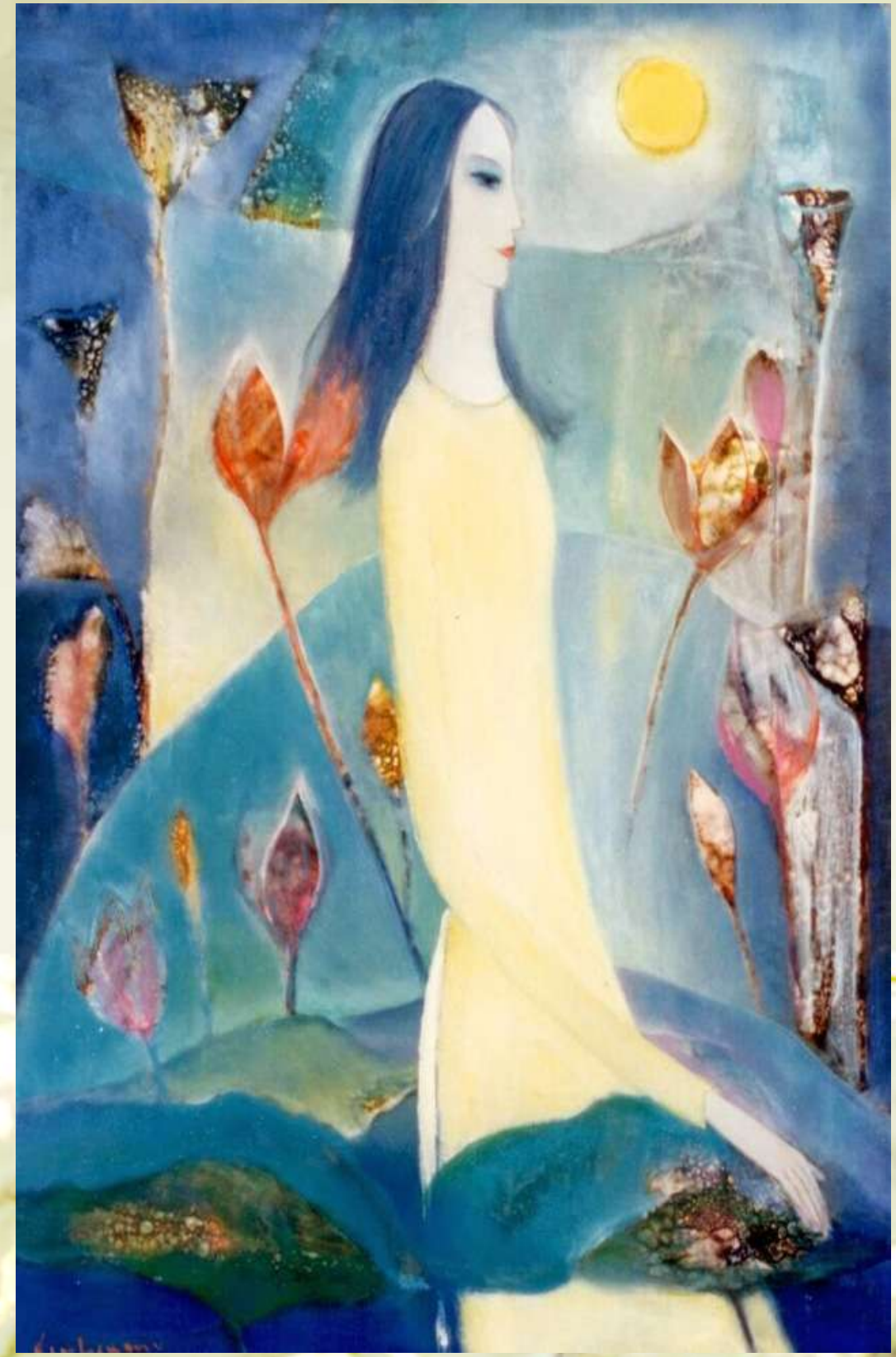

CÁI ĐẸP TẠO SỰ *THỨC TỈNH*

Cái đẹp đột nhiên tới từ một sáng tạo, sẽ tạo ra sự ngạc nhiên, và chính sự ngạc nhiên này tạo ra sức đánh thức cho công chúng thưởng ngoạn. Phân tích sức đánh thức này chính là đang lý giải về sự thức tỉnh của nhân tri. Đưa cái đẹp qua sáng tạo được chế tác bằng những phế liệu đang gây ra ô nhiễm môi trường, đang hủy hoại môi sinh, tức là tạo ra được một sự cảnh tỉnh, trong đó có thông điệp phê phán của nghệ sĩ, có lý luận phê bình của tác giả đang chống lại lối đi tự sát của một nhân loại tự hủy diệt chính đất sống của mình. Ở đây, cái đẹp đã nhập vào phạm trù của nhân tính để thấu hiểu nhân lý, để phân tích nhân tri, để lý giải nhân trí. Khi một cái đẹp được nhân lý, nhân tri, nhân tính thừa nhận thì cái đẹp này có tính phổ quát cho nhân sinh.

Trong không gian nghệ thuật của Đinh Cường, thì chữ thức không còn là một từ mà là một hệ, như hệ dây chuyền của nghệ thuật làm nên hệ truyền đạt qua tạo hình. Bắt đầu là kiến thức về sắc màu, kế đó là tri thức về bố cục, tiếp đến là ý thức về chủ đề, tiếp theo là nhận thức về sáng tạo, sau cùng là tỉnh thức bằng tạo hình, nơi mà sáng tác biết đánh thức từ nhân tri tới tâm linh. Hãy kiên trì để có kiên nhẫn mà thưởng thức tất cả hệ thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức, tỉnh thức) để tận hưởng trọn niềm vui được đánh thức bởi nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường.

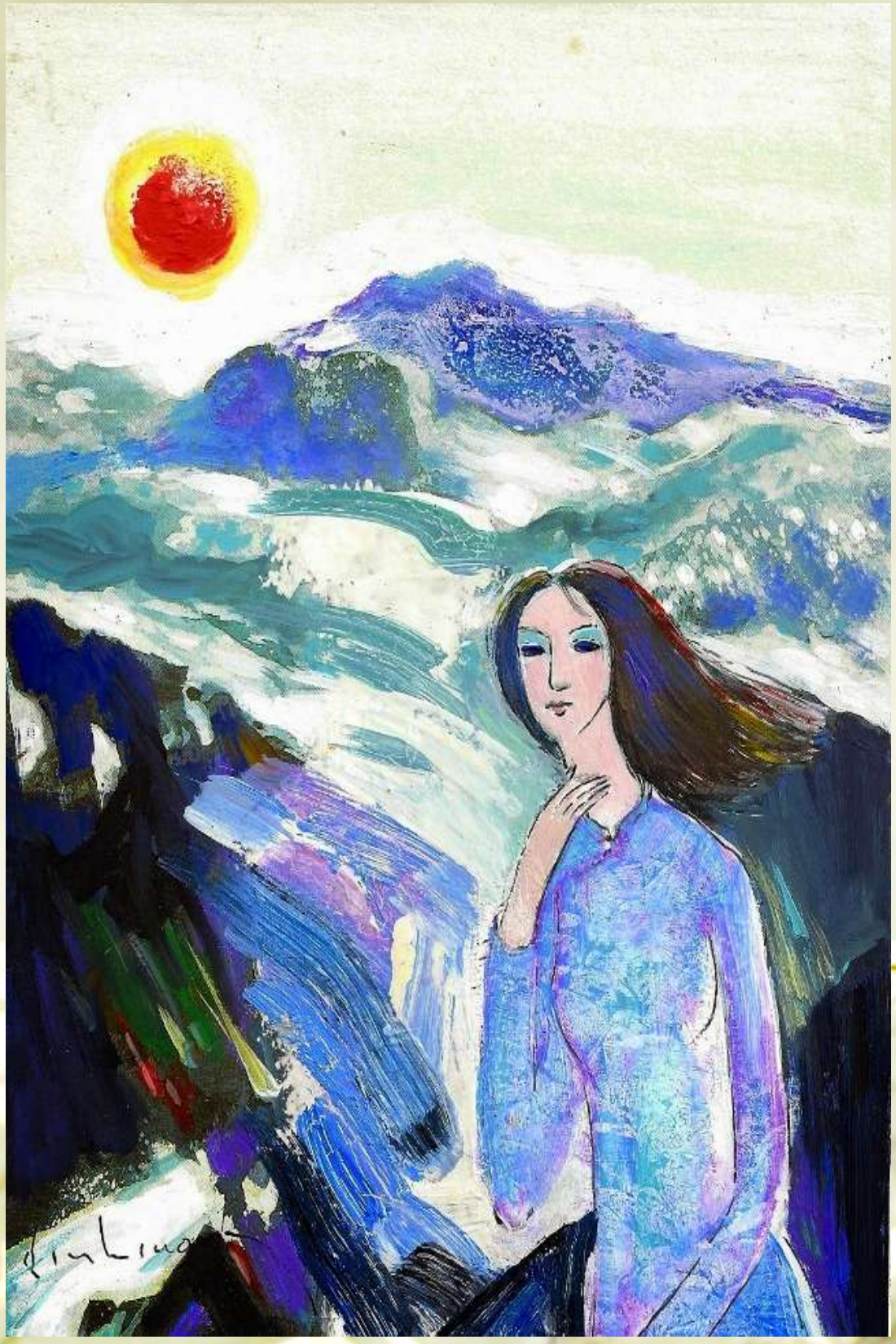

CÁI ĐẸP QUA *MỨC ĐỘ* VÀ *TRÌNH ĐỘ*

Cái đẹp có thể được *phổ quát hóa* qua giáo dục, có mặt trong sách giáo khoa, khi cái đẹp được công nhận, nó còn được *thể chế hóa* trong các công trình công cộng: các công viên, các nơi được xem như trung tâm của các thành phố, nó có mặt luôn trước các nghĩa trang liệt sĩ, khi nó muốn ca tụng chuyện nhớ ơn, tưởng niệm... Vấn đề ở đây là *khoảng cách* giữa *mỹ thuật* của cá nhân có tự do sáng tác, và *mỹ quan* của quần chúng chiêm ngưỡng và chứng thực cho cái đẹp, sau đó là chuyện đánh giá về cái đẹp qua *mỹ học*, khi cái đẹp trở thành đối tượng cho các chuyên gia nhận định và chuẩn mực giá trị của nó.

Tại đây, mỹ luận nên công nhận là mọi cảm nhận về cái đẹp đều nói lên khả năng của kiến thức. Cái đẹp làm rõ mức độ của kiến thức và trình độ của tri thức. Cái đẹp có khả năng phạm trù hóa kiến thức qua ý tưởng của sáng tạo, nhưng trên thực tế không ý thức hệ nào, chế độ nào có thể mô hình hóa cái đẹp để quản lý nó. Nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường mang cùng nỗi bất hạnh chung của hội họa Việt Nam, bị tàn phá đến tàn tạ bởi chiến tranh, giờ lại nằm trong tay bạo quyền độc đảng toàn trị, nhưng bạo quyền này vô minh trong nghệ thuật, vô tri trong sáng tạo, vì vô cảm trước sáng tác, tất cả tới tự vô giác trước các giá trị về cái đẹp.



HỆ ĐA NGUYÊN HÓA

Cái đẹp mang hai kết quả: thấy được và tiếp nhận được, vì nó mang theo ba nội lực: tổng kết được, dung hòa được, hòa nhập được trong sinh hoạt xã hội, trong đời sống cộng đồng. Có một mẫu số chung cho mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học và mỹ luận: cái đẹp là sự kết tinh trọn vẹn (tinh của tinh hoa được hoàn tất) qua sáng tạo, vì cái đẹp không nhận giới thiệu cái dở dang, cái chưa xong. Từ đây, cái đẹp được tiếp nhận qua cảm xúc, tạo ra sự thăng hoa trực tiếp trong cảm nhận. Và, khi cái đẹp được công nhận bởi lý trí, nó còn mang tác động của ý niệm đòi hỏi được định nghĩa. Từ ý niệm tới định nghĩa, đây là bước đầu để lập ra trường phái; chính chuyện sản sinh các trường phái trong sáng tạo nghệ thuật là hệ đa nguyên hóa trong sáng tạo, làm sáng tạo về cái đẹp phải luôn đa dạng, đa chiều...

Nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường chịu bao nỗi bất hạnh trong cùng dòng sinh mệnh chung của hội họa của Việt tộc, bị tàn phai rồi tàn lụi bởi cái vô học trong vô hậu của một bạo quyền độc đảng toàn trị, nơi mà phản xạ công an trị sinh đôi cùng phản ứng với ngu dân trị. Một bạo quyền độc đảng toàn trị chỉ biết độc tài nhưng bất tài để nhận ra cái đẹp, chỉ mê độc trị nhưng không biết quản trị các sáng tạo nghệ thuật, chỉ chuộng độc tôn nhưng không hề biết về các hệ thống tôn tri trật tự của cái đẹp, chính là nền cho đời sống tâm linh cả một xã hội, cả một dân tộc, cả một giống nòi…

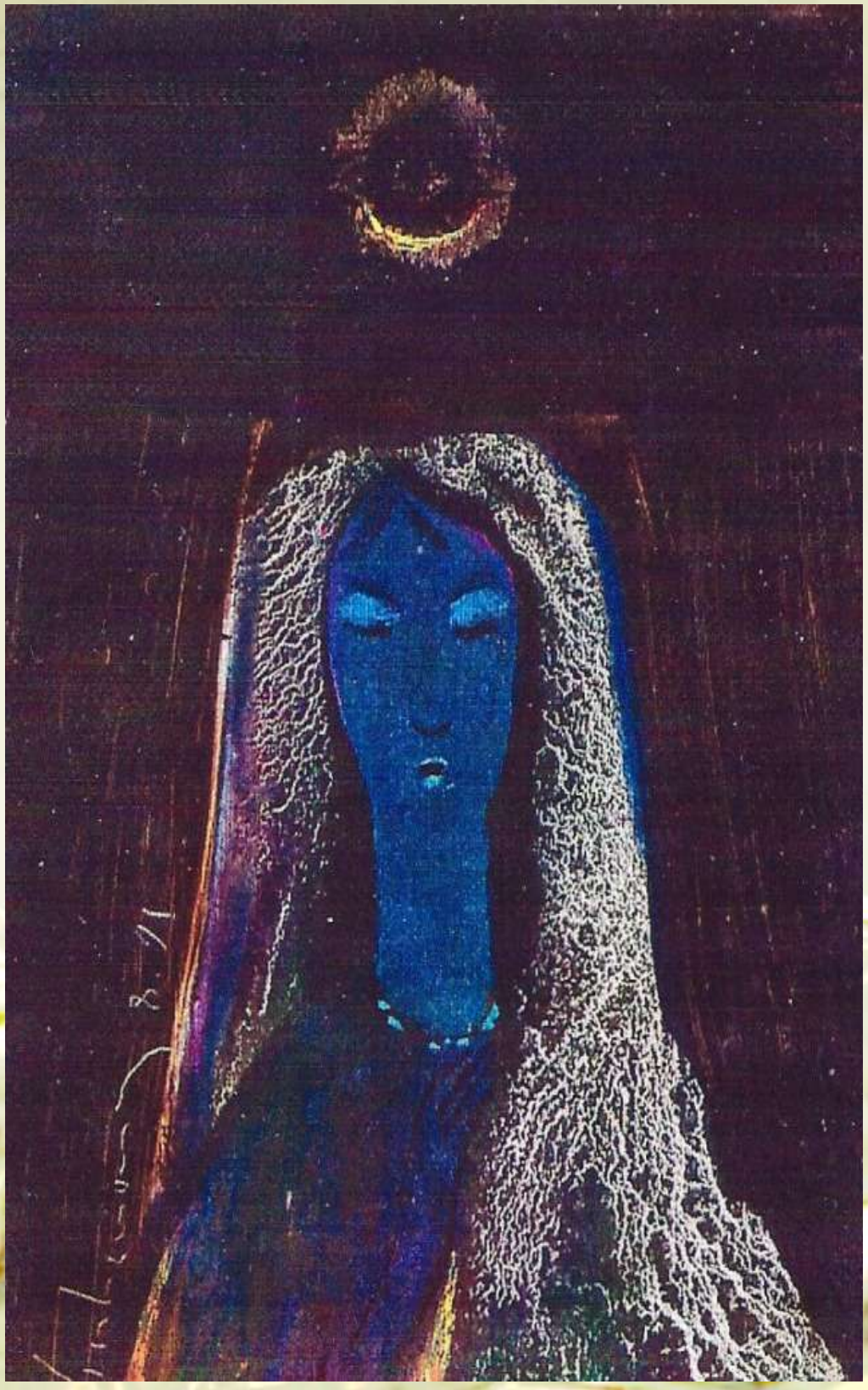

TUỔI THỌ CỦA CÁI ĐẸP

Nếu *cái đẹp* đặt sáng tạo trong *sự sống* như một *cá thể sống*, thì *cái đẹp* cũng *có sống* và *có chết*. Nếu *sự sống* có *sự hủy diệt* thì cái đẹp cũng có *sự tàn lụi*. Nếu sự sống là *vô thường* thì cái đẹp cũng *vô thường*, cũng bị lỗi thời, để có khi bị rơi vào quên lãng. Nhưng cái đẹp trong các tác phẩm lớn không dễ bị mai một, nó vượt lên cái trang trí của thời trang, nó không chạy theo thời thượng, vì qua sáng tạo nó biết diễn đạt sự đấu tranh để sống, chuyện vượt lên cái chết, chống lại cái *sớm nở tối tàn*.

Các tác phẩm lớn có tuổi thọ cao hơn một kiếp người, các tác phẩm này xuyên qua nhiều thế hệ, nhiều thế kỷ... Nhận diện cái đẹp phải nhận diện thêm tính bền vững của nó trước cái chết! Chúng ta mong mãi một điều là nhân tri về nghệ thuật tạo hình sẽ biết giữ nhân trí về sáng tạo hội họa qua cả một đời sáng tác của Đinh Cường.



PHẢI VƯỢT QUA - PHẢI VƯƠN TỚI

Sáng tạo ra *cái đẹp* là chế tác ra *cái lực* để đẩy xa, đẩy cao *cái thấy* và *cái nhận thức*, để làm ra một hùng lực là *cái phải vượt qua* cái tầm thường, cái đẹp đi trên lưng, trên vai cái tầm phào, để ta tới gặp cái đẹp trong cái mới, cái chưa có, cái vừa được sáng tạo bằng tài năng. *Mỹ thuật* luôn đẩy sâu, đẩy rộng cái nhìn để tìm ra cái *phải vươn tới*.

Hùng lực của cái đẹp là gây sự chú ý của kẻ thưởng ngoạn, tạo ra sự tập trung của người chiêm ngưỡng nó. Khán giả có thể thần tượng hóa cái đẹp để tôn vinh cái phải tôn thờ! Đây là một trong những công tác của các bảo tàng, vì tôn vinh cái đẹp là trân quý mỹ thuật, là bảo vệ mỹ quan của nhân tri, là bảo trì cái mỹ học cho nhân trí! Chúng ta cũng mong một điều lành sẽ tới với nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường, với sự ra đi của vô minh tới từ bạo quyền độc đảng toàn trị. Để sau đó chúng ta được tiếp nhân một chế độ mới với một nhân tri mới, một chế độ thấy được cái đẹp của nghệ thuật để thấu được cái cao của đời sống nghệ thuật chính là đời sống tâm linh. Vì chúng ta từ chối một cuộc sống không nghệ thuật, trống tâm linh, rỗng tuệ giác về cái đẹp.



CÁI ĐẸP TẠO NÊN *TÌNH CẢM MỚI*

Cái đẹp được cảm nhận từ cảm giác tới cảm xúc, tạo nên xúc động, có thể tạo nên một tình cảm mới, làm thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của ta. Chính mỹ thuật phải dựa vào mỹ quan trong kết quả tạo nên mỹ cảm, một tình cảm mới trước cái đẹp. Đây là bước khởi hành của mỹ quan tìm đường đến tới mỹ luận, là nơi xây dựng tự ý niệm tới lý luận về quá trình sáng tạo ra cái đẹp.

Từ đây, phải bắt đầu bằng lập luận: cái đẹp là cái lạ giữa các cái tầm thường, chính vì vậy nên cái đẹp tạo được cái thăng hoa cho xúc cảm, từ cảm xúc tới cảm động. Và, mỹ thuật là phạm trù tri thức của xúc cảm, đi từ ngoại giới tới nội tâm, và chính mỹ thuật tạo ra sự thăng hoa của lý trí và trí tuệ, biết làm giầu cho tâm hồn. Trong nghệ thuật của Đinh Cường, khi chúng ta thấy được một sự thống hợp giữa lý trí và trí tuệ, chúng ta sẽ thấu được tuệ giác của chính chúng ta, qua sáng tạo của họa sĩ, một tuệ giác làm nền cho sự thăng hoa của tâm hồn.

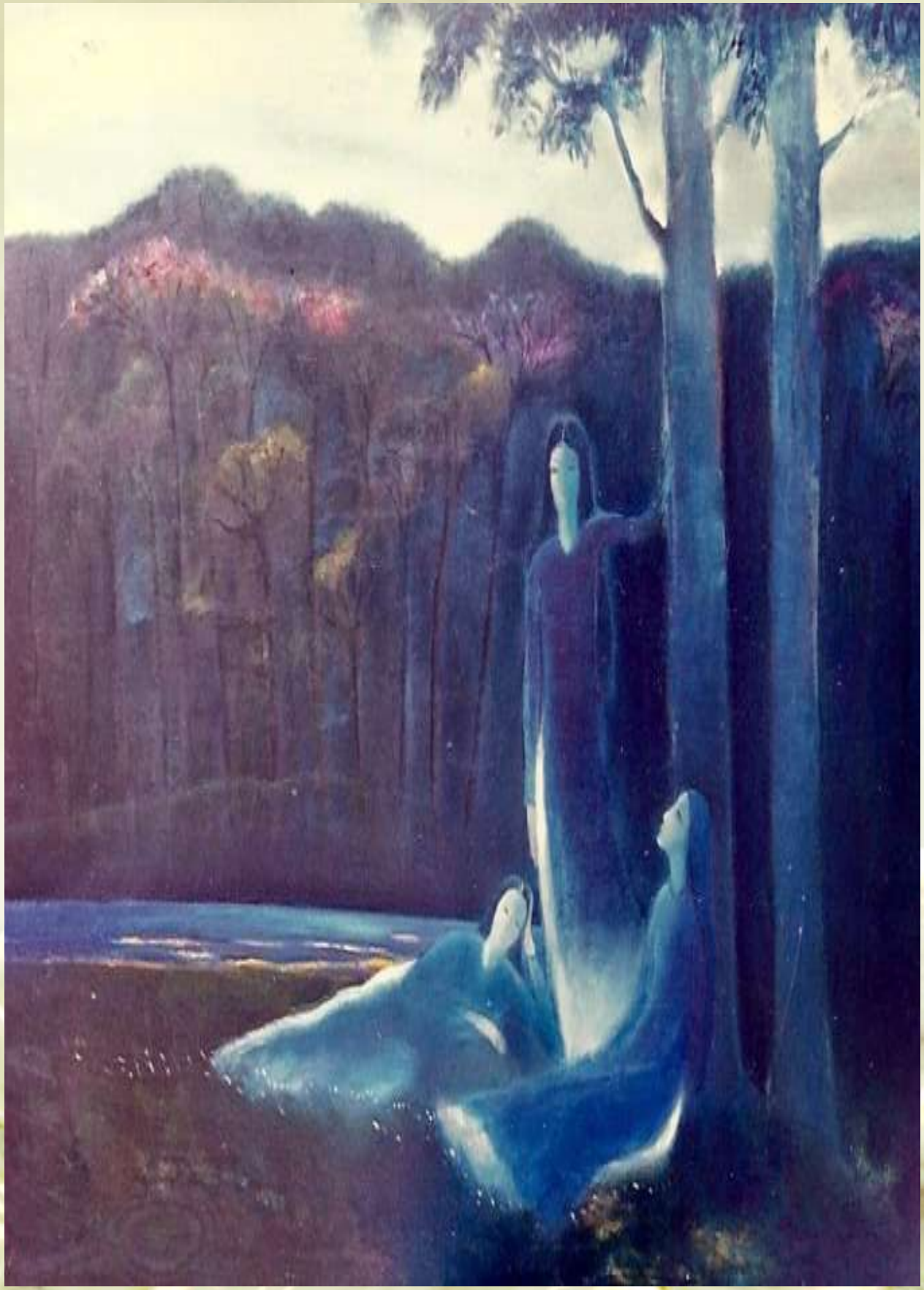

CÁI ĐẸP CỦA *CHẤT CẢM*

Nghệ thuật tạo hình không mang ra thí nghiệm theo quy luật của khoa học thực nghiệm, cụ thể là được thể nghiệm nhiều lần để kiểm chứng rồi thực chứng, và sau đó làm đi làm lại để bảo đảm là cùng một kết quả. Và khi, *cái đẹp* được-hoặc-bị tái sản xuất ra hàng loạt, tức là đang bị *tầm thường hóa*, và như mọi vật thể khác thì chuyện *bình thường hóa* này cùng lúc mang hậu quả của một vật thể «*bị xem thường*». *Mỹ học* phải minh chứng ba lập luận sau đây:

- Cái đẹp được công nhận không cần qua kiểm nghiệm của khoa học.
- Cái đẹp có thể được thần thánh hóa nhưng cái đẹp vô giáo, vô đạo.
- Cái đẹp có thể được huyền thoại hóa nhưng không mê tín, không dị đoan!

Cứ nhập nội vào không gian nghệ thuật của Đinh Cường, để thấy cái đẹp có thể được chiêm ngưỡng và đánh giá bằng các tính từ: «đẹp một cách thiện mỹ», có khi mang chất thánh, nhưng lại không có chất giáo, cái đẹp được cảm nhận và công nhận rồi được tôn vinh, mà không cần tôn giáo. Tại đây thì mỹ học phải nhận định cái đẹp gây được cảm xúc, cái đẹp còn tạo ra chất cảm, và chất cảm này không phải là chất nghiệm của khoa học, của đạo giáo.



CÁI ĐẸP *Ở NGOÀI, Ở XA, Ở CAO*

Cái đẹp có nguyên thủy của nó trong cổ văn và cổ sử, theo Plotin, tranh cổ Âu châu, cái đẹp giới thiệu *cái phúc* đang *ở ngoài* cõi người, *ở xa* nhân gian, có lúc *ở thiên đường*. Tranh thủy mặc Tàu, không thoát khỏi chuyện này, *cái phúc* cũng ở ngoài cuộc sống, ở xa cõi thật, có lúc *ở tiên giới*. Cả hai *thiên đường* hoặc *tiên giới*, cái đẹp giới thiệu cái *không nắm được*, cái *khó ao ước được*, cho nên cái đẹp thường cận kề với *cái mơ, cái ước, cái mong*, không những ở ngoài và ở xa mà còn *ở cao* nữa.

Đừng ngần ngại mà không so sánh giữa hai cái đẹp: thiên đường của đạo giáo tại Âu châu với tiên giới của nghệ thuật Tàu. Khi so sánh xong rồi, thì hãy nhập nội vào không gian nghệ thuật của Đinh Cường để so sánh tiếp, so sánh thêm, so sánh nữa. Từ đó nhận ra cái đẹp hiện diện trong hội họa của Đinh Cường có nhân dạng đẹp không thua họa cảnh thiên đường, có nhân cách đẹp không kém thiên cảnh của tiên giới.



THEO *TỐI THƯỢNG* HAY THEO *KHOÁI CẢM*

Cái đẹp là *cái tự có* trong thiên nhiên, đủ sức *tự tái sinh* qua thời gian, mùa màng, từ hoa mùa xuân tới tuyết mùa đông, cho nên *cái đẹp* này là *cái sẵn có*, có ngay trong *cái bẩm sinh*. Khi nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp trong nghệ thuật, thì tài năng của nghệ sĩ đó, theo Platon, được xem như thuộc *cái bẩm sinh*, tên gọi của nó là: *thiên năng*. Tại Âu châu, thiên tài sáng tạo của nghệ sĩ là tạo ra *cái đẹp tối thượng* có thể so đo với *cái đẹp tối cao* của Thượng đế.

Trong nghệ thuật của Đinh Cường thì hoàn toàn khác: cái đẹp được hiện ra cùng cảm xúc, được trợ lực bằng khoái cảm, được trợ duyên bằng cảm nhận. Cái đẹp này thì phải đi tìm để tạo ra nó, cho nên chuyện lấy cái đẹp tối thượng để ca tụng cái đẹp tối cao của Thượng đế, là chuyện không có trong ý nguyện của Đinh Cường.



NỘI CHẤT CỦA CÁI ĐẸP

Cái đẹp mang tính *tự chủ trong sáng tạo, độc lập trong sáng tác*, như vậy mỹ thuật là tự quyết trước giáo dục, tự tồn trước văn hóa, nhưng chưa chắc cái đẹp thoát được *tính thực dụng* của xã hội, biến cái đẹp thành sản phẩm thương mại để bán cho du khách, để trang trí cho nội thất... cho nên cái đẹp khó thoát khỏi *kiếp sản phẩm*. Ở một trình độ cao hơn, mỹ học cũng phải xác minh rõ cái đẹp có tự chủ trước luân lý hay không? Có độc lập trước chính trị hay không?

Nếu cái đẹp được sáng tác hoàn toàn trong tự do tuyệt đối, thì nó có thật sự tự chủ trước mọi chính sách hay không? Có tự tồn trước ý thức hệ hay không? Để trả lời các câu hỏi này, nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường đã nhập nội vào giải luận của Kant để đề nghị 4 tiền đề của nghệ thuật vì cái đẹp, để xem mà xét tính độc lập và tự do của cái đẹp, đó là : sáng tạo, đối tượng, phán xét, nội chất của cái đẹp. Cả 4 tiền đề này của nghệ thuật sẽ song hành cùng cái đẹp để vượt thử thách của thời gian.



CÁI ĐẸP: THẮNG TRẬN RỒI THĂNG HOA

Cái đẹp khi đại diện cho nghệ thuật, theo Hegel, thì tự nó đã mang lý tưởng của nó. Cho nên cái đẹp là *cái thắng trận* trong *cái thăng hoa* khi được công nhận, và *nghệ thuật chỉ tồn tại qua cái đẹp*. Trước đó, Aristote còn có một nhận định khác: nghệ thuật sống nhờ thiên nhiên, nhưng là thiên nhiên của sáng tạo, chớ không phải thiên nhiên của thủ công (lặp đi, lặp lại).

Đinh Cường sáng tác trong một quá trình sáng tạo để chế tác ra cái độc nhất, để chống lại hành tác của thủ công sản sinh ra cái hàng loạt. Nhắc lại điều này cũng không thừa, vì xã hội tiêu thụ dễ dãi hiện nay đang tung hô các trọc phú, mới giầu trong một xã hội ngập tham nhũng để tràn tham tiền thì bọn vô văn hóa, rỗng nghệ thuật, trống tạo hình, chúng đi mua tranh như đi buôn hàng lậu. Cái đẹp được sáng tác qua nghệ thuật của Đinh Cường rất xa lạ với tính «trưởng giả học làm sang» của đám trọc phú này, chúng như âm binh được sinh ra từ ngu dân trị của một bạo quyền độc đảng toàn trị, nhưng vô nghệ trong vô nghệ, vô tri trong vô nghệ thuật, vô cảm trong vô hậu!



TÍNH *TỰ DO-TỰ CỨU* MÌNH

Có những cái đẹp mang *tính cứu rỗi*, và theo Dostoievski, nó ngược lại *cái đau khổ* của nhân sinh. *Tính cứu rỗi* này chính là hướng đi của nhân loại về một chân trời tự do. Ý kiến này gần xa được ủng hộ bởi Schiller, xem cái đẹp như kết quả của sáng tạo để chống lại *cái tham nhũng của quyền lực chính trị*, vì cái đẹp luôn vượt các rào cản của tham ô trong cái *thấp, tồi, tục, xấu*. Vì cái đẹp là cái biết vượt qua để tiến tới *cái lý tưởng*, cái đẹp luôn mang ý thức về *tự do tự cứu mình*.

Đinh Cường biết cả hai: trước cái đau khổ họa sĩ phải có bản lĩnh của tính cứu rỗi, vì cái tham nhũng của quyền lực chính trị sẽ không chừa một ai. Tham quyền rồi lạm quyền để lũng đoạn cả xã hội lẫn nghệ thuật, cực quyền rồi cuồng quyền để vùi dập sáng tác lẫn tạo hình, Đinh Cường và cả thế hệ của họa sĩ đã trả giá rất đắt về cái tham nhũng của quyền lực chính trị. Như vậy, kẻ thưởng ngoạn nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường hãy xem tranh của họa sĩ như đang tự cứu mình!



CÁI ĐẸP CHỐNG CÁI XẤU, CÁI DỊ, CÁI QUÁI, CÁI THÔ, CÁI LƯỜI

Quan niệm về *cái đẹp* thường đối chọi cái đẹp với *cái xấu*, là *cái dị dạng, dị thể, dị hình, dị tướng, dị sắc*... Quan niệm này khẳng định *cái không hài hòa* thì rơi vào *quái hình, quái thể, quái tướng, quái sắc. Dị* và *quái* vì không có có *sự hài hòa, sự cân bằng, sự cân đối, sự thăng bằng*. Quan niệm này còn thêm vô: sự có mặt của cái xấu làm thăng hoa thêm cho cái đẹp! Chính sự có mặt của cái xấu làm cái đẹp phải xuất hiện như để chống lại sự thụ động của mỹ quan. *Cái xấu* (bị buộc tội) là tới từ cái *bạo động* hoặc cái *thụ động*; mà cái xấu còn bị buộc tội là tới từ *cái thô* hoặc *cái lười*!

Cái xấu khi nó tới từ cái bạo động, nó không hề có chỗ đứng trong sáng tác của Đinh Cường, và cái thụ động không có ghế ngồi trong trong sáng tạo của Đinh Cường. Mà chúng ta còn phải nhận ra là nghệ thuật của Đinh Cường đi trên lưng cái xấu, đi trên vai cái thô, đi trên đầu cái lười!



CÁI RIÊNG, CÁI CHUNG, CÁI ĐẠI CHÚNG

Sáng tạo ra *cái đẹp* là đưa *cái đẹp* vào lộ trình đi từ *cái riêng*, giờ được công nhận để trở thành *cái chung*. Đây cũng là quá trình của *mỹ thuật*: cái riêng của một tác giả khi được chứng nhận giờ đã trở thành *cái đại chúng*. Mà cái đại chúng là *cái truyền đạt được*, *cái phổ biến được*, *cái giáo dục được*. Tại đây *mỹ thuật* qua thần thánh, tôn giáo, hão huyền, tưởng tượng... đã nhường chỗ cho *mỹ học* để cái đẹp được vào phạm trù của *kiến thức*, *tri thức*, *trí thức* trong hệ thống giáo dục**.**

Trong sáng tác của Đinh Cường thường ẩn hiện nhân diện cùng nhân dạng của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, đó là chiều dày của một tình bạn sâu đậm. Hãy đi sâu vào tình bạn này, để nhận ra cảm xúc của chính Đinh Cường ngay trên chính các ca từ của Trịnh Công Sơn, mà họa sĩ đã có lần tâm sự với tôi: «Sáng tác của thằng Sơn lạ lắm! Có tầm vóc tạo hình trong từng ca từ của nó, chẳng hạn như câu: « Em vì câu khẩn nhỏ/ Bỏ ta đứng bên trời kia », *không biết trong hoàn cảnh nào mà nó làm được những câu có sức tạo hình thật rõ». Muốn xem để xét nghệ thuật của Đinh Cường thì đừng nên tách lực tạo hình của họa sĩ ra khỏi môi trường ca khúc và thi ca trong thế hệ của họa sĩ này.*



CÁI LẠ ĐA TÍNH CỦA CÁI ĐẸP

Để nhận diện được *cái đẹp*, theo Adorno, thì phải bắt đầu bằng cách từ bỏ các phạm trù lý thuyết một chiều, các mô hình lý giải một hướng về *cái đẹp*. Vì sao? Nếu định nghĩa về cái đẹp mà chỉ nêu lên *độc dạng*, trong khi mỹ quan của sáng tạo nghệ thuật là *đa dạng, đa chiều*, như vậy nhìn bằng định nghĩa một chiều, mô hình một dạng là rất bất công với nghệ thuật.

Đa chiều, đa dạng, đa thể nằm ngay trong không gian tạo hình của Đinh Cường có trong nhân dạng của phụ nữ Việt, mà mỗi lần xuất hiện là có một nhân cách khác, hằng trăm bức tranh với chủ đề phụ nữ Việt của sự vận hành về cái đẹp luôn đa diện, đa sắc… đa thuật!



CÁI ĐẸP LÀ *TỰ TÍNH* CỦA *NHÂN SINH*

Các phạm trù *lý thuyết* về cái đẹp luôn *lý thuyết hóa cái đẹp* qua lý luận và lập luận của nó, cùng lúc nó giải thích và phân tích để làm tăng thêm giá trị của cái đẹp qua *diễn thuyết* của nó. Các phạm trù lý thuyết trong lúc mổ xẻ cái đẹp có thể lười, có thể quên những cái nó muốn quên.

Đinh Cường để lại một sự nghiệp hội họa với cái đẹp là tự tính của nhân sinh, ở đây chúng ta có ít nhất là hai trường phái: cổ phái thì xác nhận cái đẹp không định nghĩa được, còn khoa học bộ não hay thần kinh học qua tri thức luận thì xác nhận là đã định vị được nơi nào trong não bộ là nơi tạo ra mỹ quan, trực tiếp tiếp nhận được mỹ thuật, nhưng chính não bộ học cũng chưa có thông báo gì về định nghĩa của cái đẹp. Như vậy, thì chúng ta tiếp tục đi trên lộ nhân lộ tạo hình của Đinh Cường để tiếp tục chiêm ngưỡng cái đẹp mà họa sĩ đã trao cho chúng ta…



CHẤT SỐNG CỦA CÁI ĐẸP PHẢI LÀ *CÁI LẠ*

Tại Âu châu, từ *hữu thần* qua *vô thần*, khi tuyên bố là: *Thượng đế đã chết!* thì tất cả cái đẹp từ dính dáng tới Thượng đế cũng phải chết theo! Khi quả quyết là Thượng đế và cái đẹp đã chết, thì đã có sự *nổi loạn trong nghệ thuật*, nơi mà sáng tạo được công nhận và tôn vinh như một *tự do tuyệt đối*. Và chính các cuộc nổi loạn trong nghệ thuật đã làm mới, đã làm giầu cho nghệ thuật, tức là cho *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học* và *mỹ luận*. Khi phải đi tìm ra *cái đẹp mới không có Thượng đế*, từ đây có sự tái tạo trong nghệ thuật Âu châu mang sức mạnh về *chất sống* của *cái đẹp* phải là *cái lạ*.

Trên lộ trình sáng tác của Đinh Cường thì cái đẹp còn phải là cái mở, cái mang tính sinh sản, nhất là cái đẹp mới lạ này phải không ngừng làm giàu cho mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học. Và chắc chắn là cái đẹp phải làm giàu cho nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của kẻ thưởng thức cái đẹp!

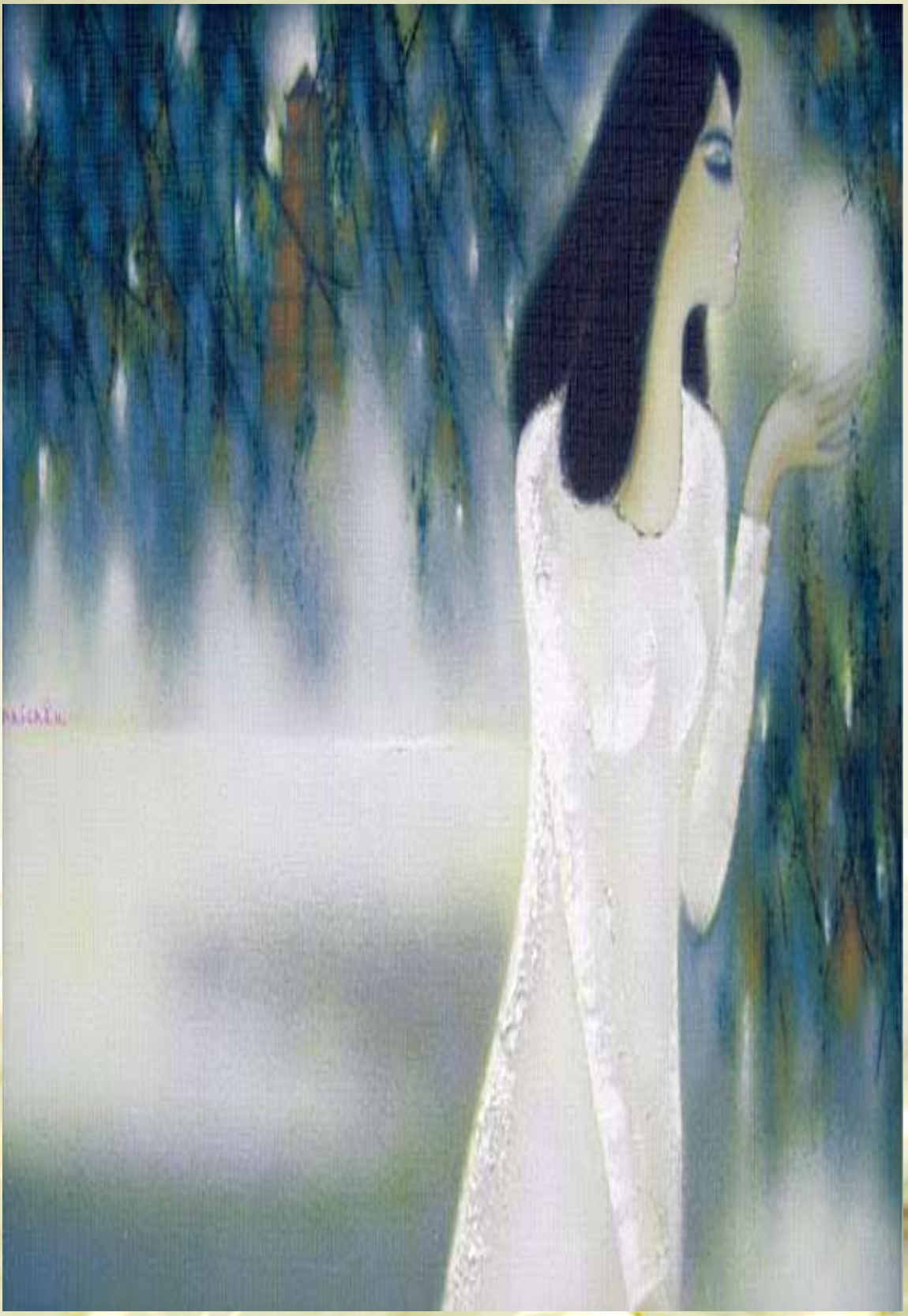

CÁI ĐẸP *HIỆN ĐẠI*
TỪ *CÁI LẠ* TỚI *CÁI NGƯỢC*

Quan niệm về *sáng tác cái đẹp hiện đại* không còn tôn trọng sự hài hòa, có khi tự cho phép *đổi, tráo, dời, hoán* cơ cấu và tổ chức của sự hài hòa. Cái hài hòa được mọi người công nhận, giờ đây bị hoặc được đưa vào quá trình *đổi vị, tráo vị, dời chỗ, hoán ngôi* các trật tự thường ngày, từ cảnh quan tới hình thể, kể cả khuôn mặt người, mà thí dụ rõ nhất là quá trình sáng tác của Picasso trong cả thế kỷ XX.

Trong không gian nghệ thuật của Đinh Cường, có lực tạo hình mới là đảo ngược, đảo lộn trật tự cũ của tạo hình cũ, lập ra cái mới làm ra cái lạ mà còn chế tác ra từ cái ngược với cái cũ, cái ngược luôn là thử thách trong nghệ thuật. Khi cái ngược được chấp nhận, thì quan niệm của cái đẹp đã bị đổi, bị thay, bị xem lại rồi! Đừng ngần ngại mà xem lại lộ trình tạo hình của Đinh Cường để nhận ra sáng tạo trong các sáng tác của Đinh Cường.



CÁI SÁNG TẠO CHỐNG *CÁI GIỐNG*

Khi *sáng tác cái đẹp hiện đại* không còn tôn trọng sự hài hòa, mà lại xáo trộn các trật tự cũ, nó còn tháo gỡ luôn các *tính nối kết*, làm ra từ *lực nội kết* các phần tử tạo ra sự hài hòa cho tổng thể đã được chấp nhận và công nhận từ lâu. Trong tự do của nghệ sĩ khi sáng tác có *cái bất chấp* cơ cấu cũ, để đi tìm cái mới trong cái đẹp, như vậy vai trò của mỹ học là phải thấu hiểu *cái bất chấp* trong *cái bất tuân* mọi trật tự, có trong *cái nổi loạn* của kẻ sáng tạo chống lại *cái cũ*! Chống lại *cái cũ* là chống lại năm thói quen (mà sáng tạo là chống lại thói quen):

- chống lại *cái giống*
- chống lại *cái trùng*
- chống lại *cái dễ*
- chống lại *cái ăn khớp*
- chống lại *cái lập lại*.

Ngày ngày trong sáng tác, Đinh Cường chống lại năm thói quen này, cụ thể là chống lại các kẻ muốn mang tên là sáng tác nhưng luôn sao chép, sao chụp các tác phẩm của các tác giả lớn. Đinh Cường chống cái dễ dãi lập lại cái cũ để chống lại sự thất bại của cái đẹp, vì đây là sự thảm bại của những kẻ sao chép, sao chụp; vì đây là chuyện đánh lận con đen, không phải là chuyện sáng tác ra cái đẹp!



CÁI ĐẸP (PHẢI) MỚI!

Nếu sáng tác ra *cái đẹp* mà chỉ là *cái lặp lại*, thì cái đẹp loại này không thể sống lâu, nếu *cái lặp lại* làm ra *cái giống* tới từ *cái sao chụp*, thì mỹ thuật không có chỗ đứng trong xã hội, không có chỗ đứng trong tương lai, vì trường cửu xua đuổi nó, vĩnh hằng khử trừ nó. Như vậy, *cái lặp lại, cái giống, cái sao chụp* còn tệ hơn *«cái sớm nở tối tàn»*, nó chính là *cái chết yểu* trong mỹ thuật.

Khi nhập nội vào không gian tạo hình của Đinh Cường, thì mỹ học và mỹ luận phải đào sâu vấn đề này, vì khi nhà sáng tạo đuổi cái cũ, chống cái lặp lại, xua cái giống, tống cái sao chụp, chính là lúc người nghệ sĩ vừa từ bỏ thói quen, vừa từ chối đường mòn, vừa vứt đi cái tiện nghi mà họ đã có trong sáng tác: đây là chuyện đáng khâm phục khi đi tìm cái đẹp (phải) mới! Tôi còn muốn thêm một phân tích khác: họ là những kẻ đáng kính phục vì họ loại bỏ luôn cái quá trung thực! Loại trừ luôn cái quá đúng thực!



CÁI ĐẸP KỴ CÁI BỊ NHÀO NẶN!

Kẻ sáng tác đáng kính phục vì họ kính trọng cái đẹp trong nội dung đầy đủ của cái gọi là *sáng tạo*, (*sáng kiến* từ đầu tới cuối, *sáng lập* từ thượng nguồn tới hạ nguồn, *sáng tác* trong mỗi công đoạn). Có chuyện ảnh hưởng nghệ thuật của kẻ đi trước lên kẻ đi sau, nhưng ảnh hưởng không hề là *cái cũ*, *cái lặp lại*, *cái giống*, *cái sao chụp*, khi nhận hoặc chịu ảnh hưởng của tiền nhân là tiến xa trên tư duy sáng tác của chính mình, cho nên sáng tạo là vẽ ra hồn, viết ra tâm, nắm ra lực… Tại đây, bản lĩnh của *sáng kiến*, nội công của *sáng lập*, tầm vóc của *sáng tác* được tạo ra từ kẻ sáng tạo. Nghệ thuật không những chống lại *cái giống*, nó chống luôn cái *phản xạ của đường đi-lối về*, nó loại khử luôn *thói ngựa quen đường cũ*. Nó chống đối *cái rập khuôn*, nó đối kháng lại *cái nhà tù của khuôn vàng thước ngọc*, vì cái đẹp trong sáng tạo được làm ra để phá mô hình, để đập (cho tan) các khuôn mẫu, vì khuôn mẫu chỉ là khuôn bánh để nhào bột (làm bánh), cái đẹp kỵ cái bị nhào nặn!

Thảm bại trong thảm hại là tuyên truyền trị song hành cùng ngu dân trị của một chế độ độc đảng đang toàn trị trên quê hương Việt đã tạo ra khuôn mẫu thô thiển để cái đẹp bị nhào nặn tới tận gốc, rễ, cội, nguồn. Thảm hại trong thảm họa là chế độ này vô minh trong vô học vì nó không biết mời Đinh Cường thủa sinh thời giảng dạy trong các đại học mỹ thuật. Thảm họa trong thảm hoạn là chế độ này vô tri trong vô cảm, vì nó không biết định vị Đình Cường ngay trong nền mỹ thuật cận đại và hiện đại của Việt Nam.



CÁI ĐẸP MỚI BÓ BUỘC *MỸ QUAN CŨ* PHẢI THAY ĐỔI

Cái đẹp khi được ra đời từ sáng tạo, nó chống lại, nó làm ngược lại *cái thăng bằng của thói quen, cái trật tự của phản xạ*, cái đã bị (hoặc được) *«bình thường hóa»*. *Mỹ học* phải chú ý chuyện này vì các tác giả lớn báo cho ta biết là cái *«bình thường hóa»* chính là *sự phản bội nghệ thuật*, những ai muốn sống với nghệ thuật, với sáng tạo phải đuổi nó như: *đuổi tà!* Và, *mỹ luận* phải chú tâm hơn nữa chuyện này, vì một tác phẩm chính thức ra đời qua tay kẻ thực sự sáng tạo luôn mang: *hiện đại tính* của *cái chưa thấy* vì chưa ai thực hiện.

Ý nguyện nghệ thuật của Đinh Cường là đây! Là đi tìm hiện đại tính của cái chưa thấy. Thí dụ thì không thiếu! Trong nhạc thì Mozart sáng tác như biến các cơ cấu nhạc học cũ thành ra cái dễ vỡ, dễ tan nát… Giacometti sáng tác trong điêu khắc biến các hình thể người thành các hình thể mới như sắp sụp đổ vì quá mong manh… Picasso sáng tác ngay trên sự hỗn loạn của khuôn mặt người, của hình thể người, và chính sự hỗn loạn này bó buộc mỹ quan phải thay đổi, bỏ cái cũ để nhìn, để yêu, để quý cái mới, tưởng là hỗn loạn nhưng thật ra là một trật tự mới của mỹ thuật.



CÁI TÔI MỚI TRONG *CÁI ĐẸP MỚI*

Sáng tạo ra *cái đẹp mới* trong nghệ thuật hiện đại là nhập cuộc vào một *sân chơi*, vào một *trò chơi*, nhưng tại đây không có *luật chơi* rành mạch, và thượng nguồn của *trò chơi* này là phải từ bỏ các trật tự cũ, chối bỏ khuôn mẫu đã có sẵn, xua đuổi các mô hình đang là nhà tù giam hãm *mỹ quan*, *mỹ thuật*, *mỹ học*, *mỹ luận*. Vì nếu sáng tạo mà vào khuôn thì tư duy sáng tạo sẽ rơi vào vòng *lao lý*, cái *sung lực* sáng tác sẽ bị *«hãm tài hóa»* bởi ngục tù của giáo điều.

Vào không gian sáng tác của Đinh Cường, thì mỹ học phải chăm chú hơn để nhận ra: sáng tạo ra cái đẹp mới trong nghệ thuật là làm ra một cái tôi mới, cái tôi mới này được đại diện qua tác phẩm của tác giả. Và, mỹ luận phải đi tìm các diễn luận mới để thấy cho thấu là: cái tôi mới không những đang đặt lại hay đang đả kích các trật tự cũ, mà còn đang làm tan rã các hệ thống giáo điều đã được tuyên truyền từ bao lâu nay. Cái tôi mới trong cái đẹp mới đang từ chối lối đoàn kết giả của tất cả các ý thức hệ, tất cả các chế độ độc tài luôn muốn quản lý cái đẹp mới!

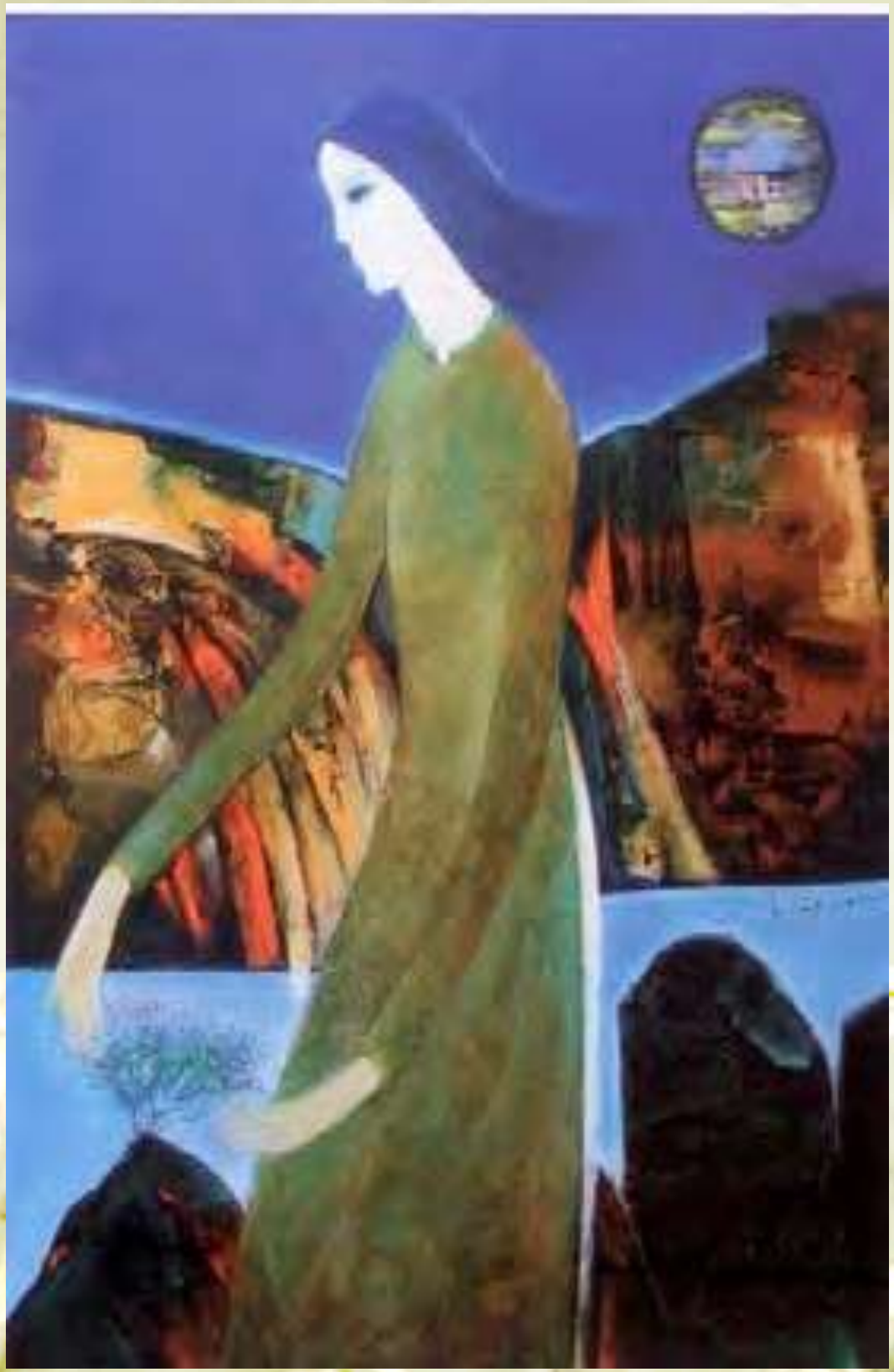

CHUYỂN *SỰ SỐNG* ĐỔI *CHẤT SỐNG*

Cái đẹp được sáng tạo qua *quá trình phân chia* giữa *cái cũ* đã ổn định được xem như bền vững để bảo trì *cái đã có sẵn*, cùng lúc tư tưởng sáng tạo đòi hỏi kẻ sáng tạo phải chuyển hóa, phải thay đổi, phải tìm tòi *cái mới* từ mỹ quan qua vật liệu, bắt đầu bằng *sự sống* phải chuyển đổi đến *chất sống* phải thay đổi. Trong sáng tạo nghệ thuật thường xuyên xảy ra chuyện *tạo các vết nứt, xóa đường mòn, phá cầu, chuyển hướng, thay chân trời, đổi tư duy, chối bỏ thói quen…* tức là *phải thay đổi chính cái tôi sáng tạo* để làm ra cái đẹp mới.

Đây là ý lực của hội họa của Đinh Cường, không để nghệ thuật bị «tê bại», nên họa sĩ phải thay đổi ngay trong tư tưởng khi lý luận để sáng tạo, mà bắt đầu là lấy sáng kiến ngay trong quá trình sáng tạo; và khi lấy sáng kiến tức là đang chặt, chém, đẽo, gọt cái cũ, mở ra các góc, cạnh, chiều, hướng mới. Và, có khi còn phải bỏ, hủy, đốt, vùi cái tư duy đường mòn của «đường xưa lối cũ»; và trong sáng tác Đinh Cường đã «vạch rừng» để tìm các lối đi mới!



CHỐNG: *BÌNH THƯỜNG, THÔNG THƯỜNG, THÔNG DỤNG, THỰC DỤNG*

Cái đẹp tới từ cái tự do trong sáng tạo, nhưng bối cảnh của tự do là các cơ chế do ý thức hệ tạo nên, do tôn giáo duy trì, do giáo điều điều kiện hóa nó, tạo ra mâu thuẫn ngay trong sáng tác nghệ thuật, mà sáng tạo là phải vượt qua sự mâu thuẫn, cụ thể là chống lại cái *giáo điều cố hữu* đang chặn không những *tự do sáng tác* mà chặn luôn ngay thượng nguồn *tự do tư duy*, *tự do tư tưởng*, tự do cho phép sáng tạo hoàn toàn độc lập với mọi khẩu lệnh tuyên truyền. Cái đẹp tới từ cái *tự do sáng tạo* tới từ *tự do lý trí*, chính lý trí là quyết đoán khi chọn quyết định sáng tạo trên một cảm xúc tới cũng từ tự do. Cái tự do trong sáng tạo nghệ thuật không chấp nhận cái *bị bình thường hóa*, nó chối bỏ luôn *cái thông dụng* trong xã hội, xa lánh *cái thông thường*, rời xa cái *thực dụng* trong sản xuất hoặc tiêu thụ. Cái đẹp mới là cái hoàn toàn khác *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.*

Một thi sĩ có ảnh hưởng vào loại rộng nhất trong thi ca Pháp lại có biệt tài nhận định nghệ thuật sâu sắc chính là thầy Bonnefoi. Thầy thường dặn dò đám môn sinh chúng tôi là trong sáng tạo nghệ thuật cũng có hiện tượng kết nghĩa nghệ thuật giữa các nghệ sĩ, một không gian kết nghĩa cao, sâu, xa, rộng mà kẻ nhận định nghệ thuật phải thấy cho thấu. Đó là trường hợp kết nghĩa nghệ thuật giữa Đinh Cường và Trịnh Công Sơn, cả hai đều khâm phục nghệ thuật tạo hình của Chagall, nơi mà con người được quyền mộng mơ ngay trong cuộc sống hiện tại, để mình được bay bổng, bay cao…



CÁI ĐẸP CỦA *NHÂN TÍNH ĐẶC SẮC*!

Cái đẹp lấy *nhân sinh* để làm nên *nhân tính*, trong đó tự do sáng tạo tới từ ba nguồn: *nhân lý, nhân tri, nhân trí*, chính bộ ba này đã tạo ra sung lực cho tự do tư duy, tạo ra hùng lực cho tự do tư tưởng, tạo ra mãnh lực cho tự do trong tự chủ sáng tác nghệ thuật ra *cái đẹp* cho *nhân bản, nhân văn*.

Hội họa của Đinh Cường đã đưa nhân tính vào sáng tạo nghệ thuật để bảo vệ nhân phẩm trước các bạo lực của ý thức hệ, các bạo hành của giáo điều, bạo quyền của độc tài. Như vậy, sáng tạo nghệ thuật ra cái đẹp có thể mang tư duy cách mạng là chống cái độc tài và chứng minh tất cả độc tài đều bất tài! Vì cái độc tài vì bất tài này muốn cái nhân tình phải là «cá mè một lứa», và trước cái độc đoán của độc tài, thì cái đẹp khẳng định nhân tính của nó là đặc thù vì đặc sắc!

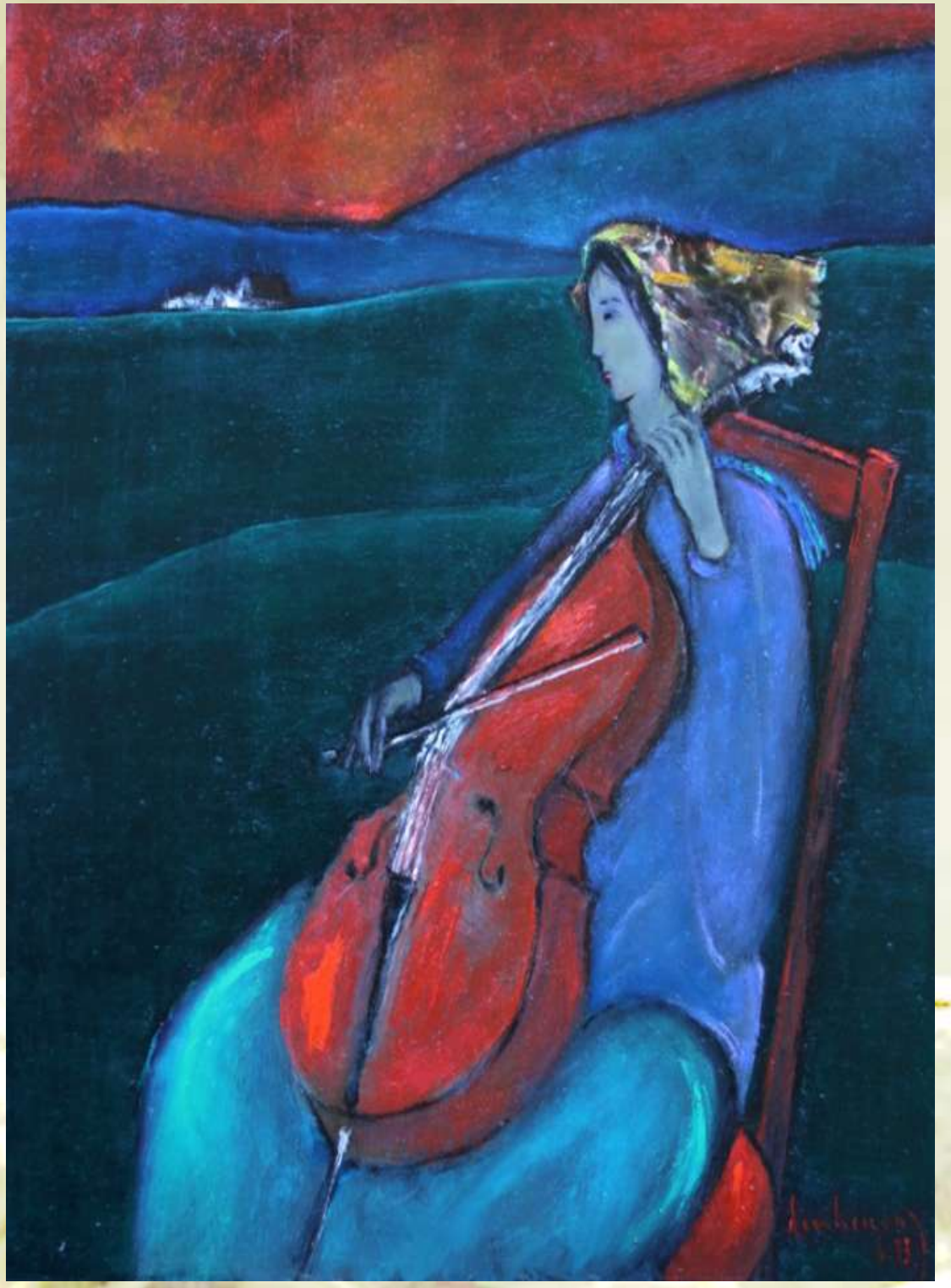

CÁI ĐẸP: *QUẢ* CỦA *THÔNG MINH*

Chống *cái độc tài* để chống *cái độc đoán,* chống *cái bất tài*, tức là dùng *cái đẹp của nghệ thuật* để nói lên *cái thông minh* của nhân lý, *cái thông thái* của nhân tri, *cái tinh thông* của nhân trí, như vậy *cái đẹp* của nghệ thuật luôn là kết quả của *sự thông minh* được nhìn nhận và công nhận. Và, nếu nó gây được cảm xúc hay, cảm động đẹp, và nó có thể đóng vai trò chế tác ra hạnh phúc cho *nhân sinh*, nó còn đủ sức tạo ra một *niềm tin mới* về nhân đạo, tức là giúp con người nhìn rõ được *«đường đi, nước bước»* về hướng nhân văn, được tạo dựng nên bởi *cái thông minh* của nhân lý, *cái thông thái* của nhân tri, *cái tinh thông* của nhân trí.

Sức mạnh của cái đẹp trong nghệ thuật của Đinh Cường tạo ra sung lực giúp nhân tính tạm thời rời hiện tại tầm thường, để phóng tầm nhìn vào tương lai qua cái đẹp, để tin vào một viễn ảnh lạc quan cho nhân phẩm. Một cuốn tiểu thuyết như những kẻ khốn cùng của Hugo, một bài thơ như tự do của Eluard, một tác phẩm tạo hình như chim hoà bình của Picasso… có sức mạnh đó!

.



CÁI ĐẸP MỚI CHỌN CÁI TỰ CHỦ

Khi *mỹ học* nghiên cứu về *mỹ thuật*, thì bản thân *mỹ luận* không được rời *hai trở lực (như hai ngõ cụt)* chống người sáng tạo ra cái đẹp mới, ngay trong công việc và cuộc sống của họ: thứ nhất là *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.* Thứ nhì là cái *mà ta không bao giờ được quên là cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài của bạo quyền độc đảng toàn trị luôn mang ý đồ thanh trừng cái đẹp đến từ sự tự chủ của cá nhân, để thủ tiêu chính sự thông minh trong sáng tạo.* Chính *hai trở lực (như hai ngõ cụt)* tạo ra *hai cái dễ dãi (như hai cái bẫy)* giăng chung quanh người sáng tạo ra cái đẹp mới: *cái dễ dãi* trong sáng tác để thỏa mãn *cái dễ bảo* trong tuyên truyền; *cái tuân lệnh* để làm vừa lòng *cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài.*

Bản lĩnh của Đinh Cường là làm ra cái đẹp mới, đã tự tạo ra cái đẹp mới đứng ngoài cái cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng. Cái đẹp mới đứng tách biệt, đứng đối diện với cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài. Từ đây, cái đẹp mới đã chọn cho mình cái tự chủ, cái tự sinh, cái tự tồn không những trong nghệ thuật mà cả trong nhân sinh, Đinh Cường đã sáng tác như vậy, Đinh Cường đã sáng tạo như thế cả cuộc đời của chính họa sĩ.



CÁI ĐẸP MỚI ĐÃ CHỌN *TỰ CHỦ, TỰ SINH, TỰ TỒN*

Trong khi đi tìm *cái đẹp mới*, thì kẻ sáng tạo đã có *ý định* là dứt khoát với cái cũ, với *ý muốn* là cắt các quan hệ với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng* đã có mặt trong mỹ quan, trong thói quen, trong xã hội. *Cái đẹp mới* dưới dạng một tác phẩm của sáng tạo, nó cùng lúc tạo *một khoảng cách, một tách biệt, một chia lìa* với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng*. Chính đây không những là lối đi của nghệ thuật hiện đại thế kỷ thứ XX, mà còn là *ý tưởng* của phái *siêu thực (surréalisme).*

Kinh nghiệm thật hay tại Việt Nam chính là của danh họa Nguyễn Gia Trí dùng tự do nghệ thuật của mình để tạo ra cái đẹp mới, để chọn cho mình cái tự chủ, cái tự sinh, cái tự tồn, cùng lúc làm một cuộc khai phá hoàn toàn mới không những trên kỹ thuật sơn mài mà còn mới về tư duy, ý tưởng, lý luận trong sáng tạo ra cái đẹp mới! Một công hai việc, hãy phân tích để phân giải cái đẹp mới trong hội họa của Đinh Cường đó là cái đẹp thong thả để thanh thoát dù cho bao thăng trầm đã tạo ra biết bao trầm luân.



CÁI ĐẸP MỚI CHỐNG LẠI PHẢN XẠ TIỆN

Trên con đường đi tìm *cái đẹp mới* cho nghệ thuật, kẻ sáng tạo còn phải chống lại phạm trù *tiện* (*tiện nghi, tiện lợi, tiện dụng),* chống lại *cái tầm thường, cái bất tài*, thì không thể chấp nhận *cái dễ xài, dễ dùng, để dễ bán, dễ mua*. Và, *cái đẹp mới* trong nghệ thuật còn tự cho phép mình không những tránh xa, lìa xa mà còn đập cho vỡ, đập cho tan phạm trù *tiện*, để đối mặt và đối kháng với *cái tùy tiện.* Vì chính *cái tùy tiện* diệt *cái khai phá* trong sáng tác, hủy *cái khai thị* trong mỹ quan, loại *cái khai sáng* trong mỹ thuật.

Đinh Cường đã đi trên con đường mỹ luận bằng quá trình sáng tạo ra cái đẹp mới của một họa sĩ được sáng tác như một chủ thể có tự do tuyệt đối để quyết đoán về tác phẩm của mình, và dùng tuệ giác của mình để làm khác, làm ngược lại cảm tính dễ xài, dễ dùng, dễ bán, dễ mua trong sinh hoạt nghệ thuật. Cuối cùng đây là cuộc đối đầu giữa phản xạ tiện (tiện nghi, tiện lợi, tiện dụng) và sự cố của sáng tạo ra cái đẹp mới, khi nó giới thiệu cái đẹp không những đẹp mà còn mới, còn lạ, và cái chưa có này chính là một biến cố trong nghệ thuật.



CÁI ĐẸP: THỰC CHẤT CỦA *TRÌNH ĐỘ*

Cái đẹp trong nghệ thuật khi được ra đời, nó mang theo *cái mới, cái lạ* vào cuộc sống, tức là *cái chưa thấy* vì *chưa ai tạo được*, *cái chưa biết* vì *chưa ai giới thiệu*. *Cái đẹp* đưa vào cuộc sống, *tính hiện đại* của nó mang theo luôn *cái mở*: nó mở mắt cho *mỹ quan*, rồi đánh thức *mỹ thuật*, làm thăng hoa mỹ học, nó kích động *mỹ luận*. Đừng xếp *cái đẹp mới* này cùng rọ, cùng ngăn, cùng chỗ với những *cái cũ, cái tầm thường*, những cái «*vô thưởng vô phạt*», mà cứ để nó giữ khoảng cách, giữ sự cách biệt, để nó giúp tư duy của người xem, của kẻ thưởng thức thấy được *sự khác nhau*, để rồi trí tuệ nhân sinh được thay đổi theo hướng thăng hoa.

Cái đẹp của nghệ thuật trong không gian tạo hình của Đinh Cường, xa để lánh cái rọ *«cá mè một lứa»* với các *cái tồi, cái dở, cái tục, cái xấu*; chuyện «*nồi nào úp vung nấy*» là chuyện có trong xã hội, nó cũng có trong nghệ thuật, chính nó làm chúng ta phân biệt cho rành mạch chuyện *đẳng cấp* của *cái đẹp*. Vì, *cái đẹp* khi được công nhận là *đẹp* vì trình độ sáng tạo nó cao, vì mức độ trí tuệ của nó rộng, đừng bắt nó phải thấp, phải lùi, phải hạ mình trước những cái không đẹp! Như vậy là rất bất công với nó. Hãy cùng họa sĩ đi tìm *cái đẹp* mang thực chất của *trình độ*.



CÁI ĐẸP CỦA *MỸ QUAN, MỸ THUẬT, MỸ HỌC, MỸ LUẬN*

Nếu trong cuộc sống *có sinh, có diệt* vì *có tụ, có tán*, thì trong sáng tạo nghệ thuật đây là chuyện *«cơm bữa»*, thường xuyên và thường trực. Hệ *sáng (sáng tạo, sáng tác, sáng kiến)* chính là quy luật sinh tồn của *mỹ thuật*, đừng bắt cái đẹp *«bị chết cứng trong khuôn»*. Nó mang mãnh lực của *chất sống*, nó đầy hùng lực của *sự sống*, và *sáng tạo là tự tạo*, tự tạo năng lượng qua tư duy của kẻ sáng tác, mà *cái đẹp* là đứa con tinh thần được sinh ra trong thử thách, có khi chính *cái cùng quẫn* trong thiếu thốn, *cái thăng trầm* trong đau khổ: càng làm cái đẹp đẹp hơn!

Hãy vận dụng mọi phương cách để tiếp cận không gian tạo hình của Đinh Cường để thấy được khoảng cách giữa mỹ quan khi thấy cái đẹp thì chỉ thốt lên: «đẹp quá!», trong khi đó mỹ thuật phải tìm hiểu kỹ thuật và nghệ thuật nào đã làm nên cái đẹp này. Còn mỹ học thì chọn con đường nghiên cứu, điều tra, điền dã, so sánh… để gây dựng một hệ thống phân tích hoàn chỉnh, kế đó là phạm trù hóa hệ thống này qua lý thuyết và phương pháp. Hãy tận dụng mọi phương pháp để tiếp cận không gian tạo hình của Đinh Cường để thấu được vai trò của mỹ luận dùng lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận để cái đẹp không chỉ còn là cảm xúc của mỹ quan, mà tự bản thân của nó mang những trí tuệ mới để phục vụ cho nhân lý, nhân tri, nhân trí.



CÁI ĐẸP CỦA *SINH ĐÔI MÂU THUẪN*

Cái đẹp có khi *lạc quan*, có khi *bi quan*, lắm lúc *chủ bại*, nhưng cái đẹp xuất hiện giữa cuộc sống để đánh thức hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* qua quá trình của *mỹ thuật. Cái đẹp* luôn mang theo nó không những *cái cảm xúc* tạo ra *cái cảm động* của mỹ quan, qua thưởng thức hoặc qua chiêm ngưỡng, nó còn mang theo *lý trí* của kẻ sáng tạo, *trí tuệ* của tác phẩm, và khi nó có nội công sâu, bản lĩnh cao, tầm vóc rộng nó còn nói lên *tuệ giác* của *nhân tính*. Một *nhân tính* luôn sống động-vì-chủ động trong *nhân sinh. Cái đẹp* tới từ sáng tạo nghệ thuật nó cũng tự cho phép nó chế tác ra chuyện *sinh đôi mâu thuẫn*: bi quan song hành cùng lạc quan, chủ bại sánh vai cùng chủ động ngay trong một tác phẩm.

Đó là các sáng tác của họa sĩ Đinh Cường trong cả cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn 1954-1975, vì trong tranh của Đinh Cường luôn có một cô gái thật đẹp nhưng thật buồn, đại diện cho cái đẹp trung tâm, mà chung quanh cô gái ấy là sự đổ nát của thành thị, của giáo đường, của phố xá... trong cái bi quan, cái tàn tạ của tâm hồn Việt, của một nhân sinh quan không tin là chiến tranh có thể chấm dứt. Cái đẹp không cần thông điệp, nhưng chính nhờ mỹ học và mỹ luận khi ta nghiên cứu về cuộc đời, về điều kiện sáng tác, về quan hệ thân hữu giữa Đinh Cường và Trịnh Công Sơn, ta sẽ hiểu ít nhất bốn thông điệp của họa sĩ này: chất sống trong sáng tác, sự sống trong tác phẩm, khuyên ta phải sống để tiếp tục sống dù trong sinh ly!



CÁI ĐẸP LÀ CÁI HAM MUỐN ĐƯỢC THỎA MÃN!

Cái đẹp khi được hình thành qua tác phẩm đã trải qua giai đoạn ban đầu của nó, ngay trên thượng nguồn là *sự trống vắng* trước khi nó sinh ra đời, trước khi nó xuất hiện như một *hiện thể* có hình, có dạng, có sắc, có thanh… cái đẹp phải được thấy qua *sức bật* của nó, từ không đến có, trong cái tìm tòi của tác giả, có khi lạc đường, lầm lối, để kết cuộc là *cái đẹp* hiện sinh ra để con người thưởng thức, chiêm nghiệm, xem xét, đánh giá về giá trị của nó. Từ nó, *cái đẹp* xuất hiện như để *choán chỗ trống* qua sáng tạo của nghệ sĩ, mà nó còn hiển hiện ngay trong cuộc sống để đứng đối diện trước các *phản diện* của nó là *cái xấu, cái tồi, cái tục, cái dở.*

Trong không gian sáng tác của Đinh Cường, có thể dẫn ta tới một phạm trù trong phân tâm học: cái đẹp tới từ sự ham muốn được có mặt trong cuộc sống, chính sự ham muốn này là chất xúc tác của kẻ sáng tạo. Nó ngược lại với sự ham muốn của chiếm đoạt mà động cơ là sự ích kỷ, nó chỉ có động cơ là tạo để hưởng (tận hưởng là mong cầu của ham muốn), nhưng đây là sự tận hưởng có chia sẻ, chia sẻ với đồng loại, chia sẻ với nhân loại: chất tạo trong chất sống được hoàn mỹ hóa qua sáng tạo. Cái đẹp khi được công nhận sẽ sống còn với thời gian, và trong cái sống còn này mỹ học phải thấy để phân tích: cái đẹp là cái ham muốn đã được thỏa mãn!



SÁNG TẠO MANG NỘI CHẤT ĐA NGUYÊN

Cái đẹp có mang cái giá của nó phải trả trong lúc sáng tạo cũng như khi được hoặc bị mang ra phán xét trước xã hội. Cái giá của nó phải trả trong lúc sáng tạo là cái giá mà kẻ sáng tạo đã dám *tháo rời*, có khi là *tháo bỏ* cái cũ để *làm mới cái đẹp*, cái giá này thì không những Picasso mà Dali cùng nhiều người khác đã trả trong thế kỷ qua. Cái đẹp quá mới luôn bị các sức đề kháng không những từ các định kiến cũ kỹ, mà cả một hệ thống giáo điều đã có mặt trong các cơ chế bảo thủ từ văn hóa tới giáo dục, trong đó có hàn lâm viện chuộng cái cũ, dù đã thủ cựu hơn là chọn cái mới mà họ không biết từ đâu tới? Phái ấn tượng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng phải trả những cái giá rất đắt khi đã chọn định hướng là: ấn tượng về màu sắc, mà đã bỏ đi cái đẹp cũ về hình thể của các thế hệ đi trước.

Đinh Cường đã giới thiệu một cái đẹp mới như một cuộc tranh tài giữa cái cũ và cái mới, với cái cũ đã dùng khuôn mẫu để bắt cái mới phải vào mô hình. Nghệ thuật của Đinh Cường là sự đối thoại tới tự cái mới, trông chờ sự cởi mở, mong cầu sự cải cách. Tại đây, mỹ học phải phân tích thêm về cái đẹp cũ và cái đẹp mới khi sống chung với nhau trong bảo tàng, cũng như trong giáo dục nghệ thuật, vì đây không phải là sự sống chung bình yên trong chia sẻ về nghệ thuật mà là một cuộc sống chung có căng thẳng vì có mâu thuẫn, có xung đột vì có đối kháng. Và đây, cũng là chuyện vô cùng bình thường về cái đẹp luôn đa hình, đa dạng, đa sắc, đa thể, đa thanh… trong sáng tạo: vì sáng tạo mang nội chất của đa nguyên.

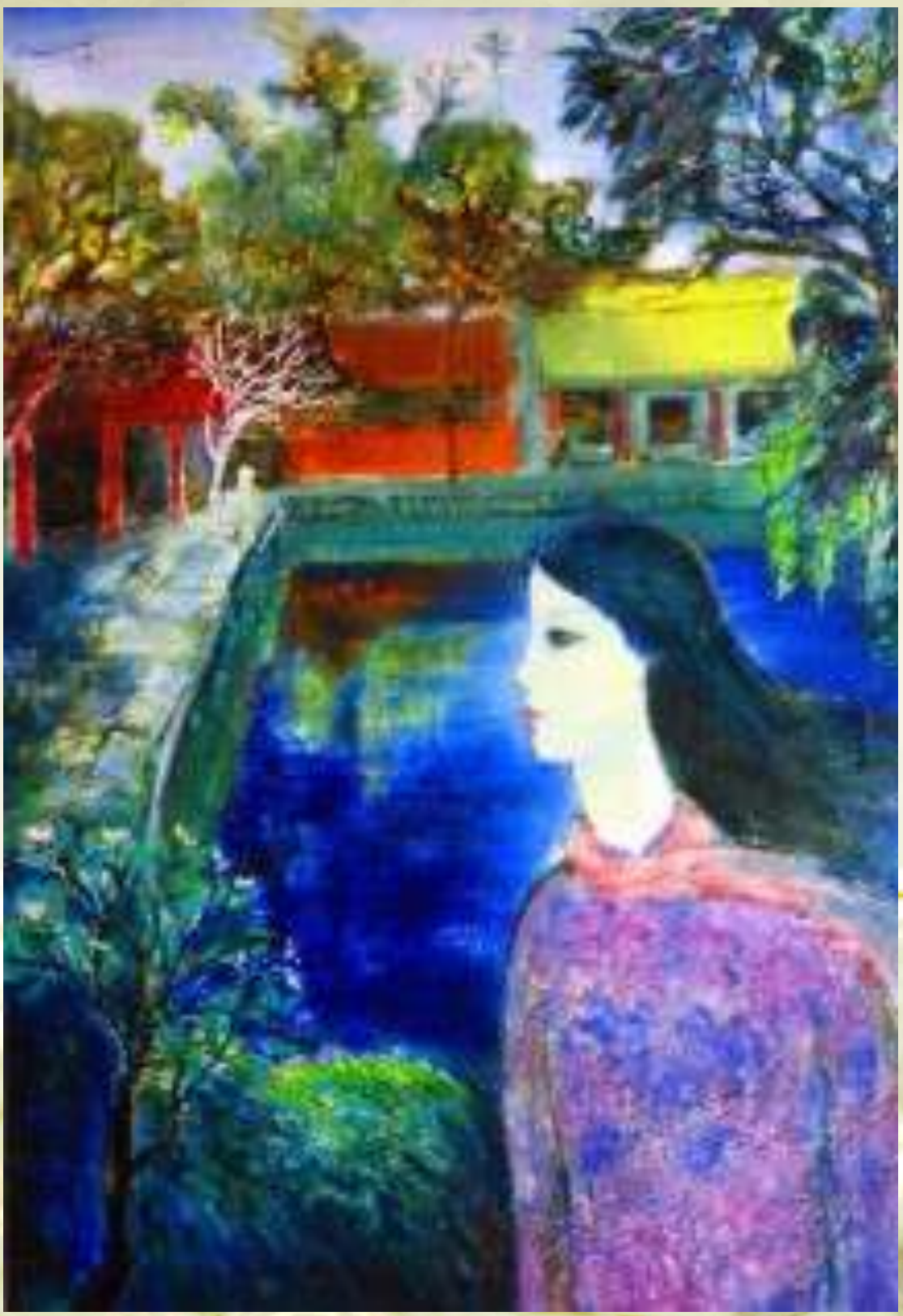

TÍNH CỞI MỞ TRONG *TÍNH THÁO GỠ*

Cái đẹp mới mang *tính cởi mở* trong bối cảnh của tự do khi kẻ sáng tác không còn bị ép buộc phải ca tụng một bạo chúa hay một chế độ độc tài, nó mang luôn *tính tháo gỡ* những ràng buộc về tôn giáo, đạo giáo, trong đó nghệ sĩ phải tôn vinh cái thánh thiện, nhất là sự hy sinh của Chúa, của thánh, của các tín đồ tử vì đạo. *Tính cởi mở* trong *tính tháo gỡ* là để đi tìm *«cái dễ thở»* chống lại *«cái ngộp thở»* không những tới từ các ràng buộc của sự ngoan đạo trong cuồng đạo, của sự ngoan ngoãn cúi đầu, khoanh tay trước bạo chúa, mà cũng có thể tới từ bổn phận, trách nhiệm luôn bắt buộc cá nhân sáng tạo phải vào khuôn mẫu để bị thuần hóa bằng luân lý.

Hãy vào không gian nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường để tìm cái cởi mở để có «cái dễ thở», như đi tìm cái thoải mái để chống lại cái cứng nhắc, đi tìm cái tươi mát để chọi lại cái khô cằn, đi tìm cái năng động để đẩy ra cái đang dậm chân tại chỗ. Khi cái đẹp mới xuất hiện trong nghệ thuật, rồi trong cuộc sống, và được xã hội lẫn văn hóa công nhận, thì cái đẹp đã mang theo một đạo lý mới (khác xa cái luân lý của bổn phận và trách nhiệm), và đạo lý này chính là chân trời của nhân mỹ.



SÁNG TẠO CHẤT SỐNG ĐỂ HOÁ THÂN!

Cái đẹp trong sáng tạo nghệ thuật tháo gỡ các hệ thống cứng ngắt, khô cằn, thụ động, nó tháo gỡ luôn những quan niệm *bất di bất dịch* về *bản sắc*, đang khô đọng trong ao tù: *«ao làng»!* Chỉ thấy lũy tre làng mà không thấy bao chân trời chung quanh. *Cái đẹp nghệ thuật* làm thăng hoa văn hóa của một dân tộc, nếu dân tộc đó biết mở cửa để tiếp nhận *cái hay, cái đẹp* của các dân tộc khác, của các nền văn hóa khác, vì chính cái đẹp sáng tạo từ nghệ thuật luôn chống lại những *hằng số thụ động* (vô bổ vì vô cảm) loại *giấy chứng minh nhân dân*, loại *thẻ căn cước* mà trong đó tên, tuổi, giới tính, mắt, mặt… không bao giờ thay đổi (*bất di* để *bất dịch).*

Nghệ thuật không thể chấp nhận loại hằng số thụ động này! Cái đẹp mang chất sống của cuộc sống luôn chống cái thủ thân, cái yên thân, nó tạo chất sống mới để hoá thân (có khi để thoát thân), nó luôn muốn chuyển tiếp bằng chuyển hóa. Cái đẹp nghệ thuật thường kể các câu chuyện về: sáng tạo chất sống để hoá thân! Hãy vào sâu trong không gian nghệ thuật của Đinh Cường để thấy và để sống, cùng lúc làm sống lại các giá trị về cái đẹp biết làm gốc, rễ, cội, nguồn của mọi giá trị tâm linh.

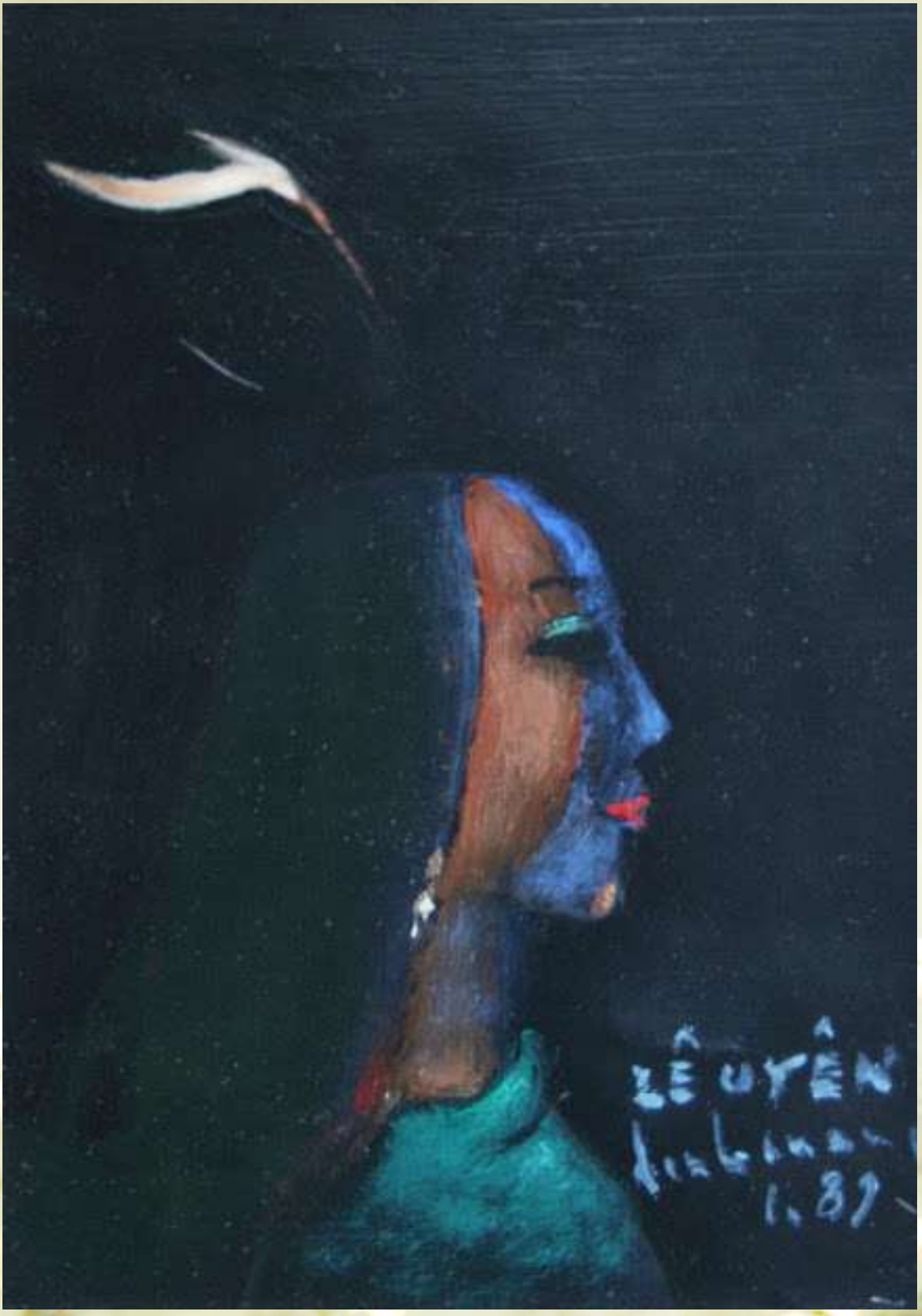

CÁI MONG MUỐN ĐƯỢC

SỐNG-VUI-ĐỂ-VUI-SỐNG

Cái đẹp nghệ thuật có thể tới từ kẻ sáng tạo muốn gỡ tung mọi dữ kiện đã được công nhận, mọi sự kiện đã được thừa nhận, có khi là những thành tích, chiến tích đang được tôn thờ, để từ đó tạo ra một tư duy, để gây dựng nên một tư tưởng mới. Cái đẹp loại này muốn đặt lại vấn đề của ký ức, của hồi niệm, của lịch sử, có khi nó trực diện để chống lại giáo điều, tuyên truyền, độc tài… như các tác phẩm của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm… trong phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*. Từ đây, cái đẹp nó không còn là cái đẹp thuần túy chỉ để *«làm đẹp»* mà còn là hệ vấn đề của tự do tư tưởng, nói lên *nỗi khổ niềm đau* trong *thân phận con người* qua cái đẹp, và n*hạc phản chiến* của Trịnh Công Sơn trước 1975 trong luồng sáng tạo này.

Sức mạnh của sáng tạo nghệ thuật của Đinh Cường nằm trong quyền lực của họa sĩ làm ra cái đẹp không hề thờ ơ, lãnh đạm, lạnh nhạt với vận mệnh một dân tộc, với vấn nạn một thời đại. Vì nó muốn truy nghiệm kiếp làm người, cùng lúc làm trỗi dậy sức sống qua cái đẹp. Sáng tạo nghệ thuật đi lại từ hiện tại về quá khứ rồi mang dự phóng con người gửi tới tương lai trong quá trình vô hạn định để đòi hỏi được sống đẹp. Nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường chối bỏ chiến tranh và từ chối chuyện cổ vũ giết đồng bào đồng loại. Cái đẹp mang theo nó cái mong muốn được sống đẹp để làm đẹp cuộc sống.



PHƯƠNG TRÌNH *CÓ MẶT - VẮNG MẶT*

Cái đẹp tới từ sáng tạo nghệ thuật có quá trình sáng tác biến *cái chưa có thành có*, như thể cho xuất hiện *một sự vắng mặt* dưới dạng một tác phẩm giờ đang đối diện với sự có mặt của các cái đẹp cũ đã được ra đời, ở đây xuất hiện một phương trình cái đẹp mới đứng cạnh các cái đẹp cũ. Phương trình này cũng là *phương trình có mặt-vắng mặt* trong nghệ thuật, trong đó *cái đẹp mới* tới không những làm xáo trộn trật tự của những *cái đẹp cũ*, mà nó còn làm *hoán ngôi-đổi vị* cùng lúc đổi *thứ bậc* giữa các cái đẹp đã được công nhận.

Chuyện hoán ngôi-đổi vị này trong mỹ thuật tác động trực tiếp tới mỹ học trong quá trình nghiên cứu mà sự khác biệt, sự xung khắc giữa mới và cũ, nó bó buộc mỹ luận phải luôn xem lại các phương pháp lập luận của chính mình để thấy là không có sự hài hòa, sự trùng hợp, không có cái vi hòa vi quý giữa các tác phẩm nghệ thuật. Khi Đinh Cường cho ra đời cái đẹp mới, thì cái đẹp này tự đặt lại cách đánh giá về nghệ thuật, chính cái đẹp bó buộc chúng ta phải luôn xem lại các tiêu chí khách quan khi kết luận: thế nào là đẹp? Trong đó cái đẹp mới lấy cái khác, cái lạ của chính nó để tự định giá về giá trị của nó, từ đây xuất hiện một ý thức mới, một nhận thức mới không những về nghệ thuật mà còn về tâm linh.



CÁI ĐẸP CHIẾM *CÁI TRỐNG*, ĐOẠT *CÁI VẮNG*, CHOÁN *CÁI THIẾU*

Cái đẹp có quan hệ khăng khít với ý thức sáng tạo ra nó, nơi mà kẻ sáng tạo đi từ không tới có cái đẹp qua tác phẩm, biến cái chưa có thành cái phải có, biến cái vắng mặt thành cái có mặt giữa cuộc sống, làm cho cái đang có mặt không bao giờ là cái đầy đủ, cái hoàn chỉnh, mà luôn là cái thiếu, để cái đẹp mới tới được tiếp nhận, được công nhận, được thừa nhận. Mỹ học nên ngừng tại đây để phân tích thêm là cái đang có trong nghệ thuật luôn là cái chưa đầy, chưa đủ, không có chuyện *«đủ xài», «đủ tiêu», «đủ dùng»* trong đời sống nghệ thuật, vì nghệ thuật tồn tại qua sáng tạo, chính các sáng tạo mới nuôi sống các sinh hoạt nghệ thuật trong hiện tại và trong tương lai.

Mỹ luận cũng nên dừng tạm tại đây để lý luận thêm về cách giải luận của mình, nơi mà cái đẹp mới luôn được chờ đợi, cầu mong, trông ngóng để được thưởng thức, được chiêm ngưỡng; nó sẽ được đón tiếp xứng đáng, và nếu nó được công nhận là thật sự đẹp thì mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận sớm muộn gì cũng phải trải thảm đỏ để nghênh tiếp nó, mà Đinh Cường là một thí dụ hiển nhiên.



CÁI ĐẸP CỦA HỆ *THỨC* VÀ HỆ *LUẬN*

Cái đẹp còn được gọi là *«có hồn»*, giờ đây phải được phân tích vừa bằng cảm xúc, vừa bằng lý trí, để từ đó *trí tuệ* hợp lực cùng *ý thức* để làm rõ hệ *nội (nội dung, nội chất, nội địa)* của *cái đẹp*. Các từ ngữ như *linh hồn, tâm hồn, tâm linh*... thuộc phạm trù *siêu hình học* đang bị khoa học não bộ, thần kinh học qua *tri thức luận* đẩy lùi vào cõi: phản khoa học! Chỉ vì *cảm giác, cảm xúc, cảm động* trước một vật thể đẹp, một áng văn đẹp, một bức tranh đẹp… được gọi là *«có hồn»:* giờ đã thành *«cô hồn»* trong *não bộ học*.

Tại đây, nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường, tạo được hệ cảm (cảm giác, cảm xúc, cảm động) *được điều khiển từ não bộ, có lý trí, có trí tuệ làm nên tuệ giác để tiếp nhận cái đẹp. Mỹ học phải thay đổi từ vựng, ngữ văn của mình khi nhận định về cái đẹp, mỹ luận cũng phải chuyển đổi ngữ pháp của mình, cụ thể là xa lánh loại văn phong mơ hồ mang màu mê tín, dị đoan, mà phải làm ngược lại là ngày càng gần với* hệ thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức) *để có: luận thức! Qua trung gian* của hệ luận (lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận) *bằng sáng tạo nghệ thuật, bằng chứng từ tạo hình.*



ẨN SỐ VỀ *TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG* GIỮA *XÚC CẢM, LÝ TRÍ* VÀ *Ý THỨC*

Cái đẹp không chỉ là chuyện của hệ *cảm* (*cảm giác, cảm xúc, cảm động),* mà nó còn là chuyện giữa *lý trí* và *ý thức* trong quá trình sáng tạo của nghệ sĩ mang sung lực biến sáng tác của mình thành tác phẩm. *Lý trí* mang vai trò tiếp nhận kiến thức, tạo sự sắp xếp để xếp đặt, lấy tổng kết để tổng hợp, nó nắm hiện tượng để giữ nội dung, từ đó nó tổ chức thế giới và cuộc sống theo hệ *ý (ý muốn, ý định, ý đồ)* của nó, từ đây *lý trí* có thể *công cụ hóa* nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của một cá nhân. *Ý thức* thì khác, khi nó đánh giá kiến thức, nó lấy đạo lý để xếp đặt, nó lấy luân lý để tổng kết, nó lấy đạo đức để nhận diện nội dung xấu hay tốt của hiện tượng.

Và khi ý thức mang dạng nhận thức, thì nó sẽ đi bước khó hơn và dài hơn lý trí, để được đi xa hơn về nhân sinh, sâu hơn về nhân tình. Ý thức miệt mài với nhân lý phải rộng hơn lý trí, nó chỉnh chu với nhân bản phải rộng hơn lý trí, nó cẩn trọng với nhân văn phải cao hơn lý trí. Sinh hoạt của lý trí thường bị khung vào phương cách đi tìm sự thật, còn ý thức vừa đi tìm sự thực, nó đi lần tìm luôn chân lý, nó tìm kiếm luôn lẽ phải. Như vậy, cái đẹp của nghệ thuật thường mang theo một ẩn số về tương quan lực lượng giữa xúc cảm, lý trí và ý thức ngay trong tư duy sáng tạo của nghệ sĩ. Đinh Cường đã đi qua đoạn đường này!

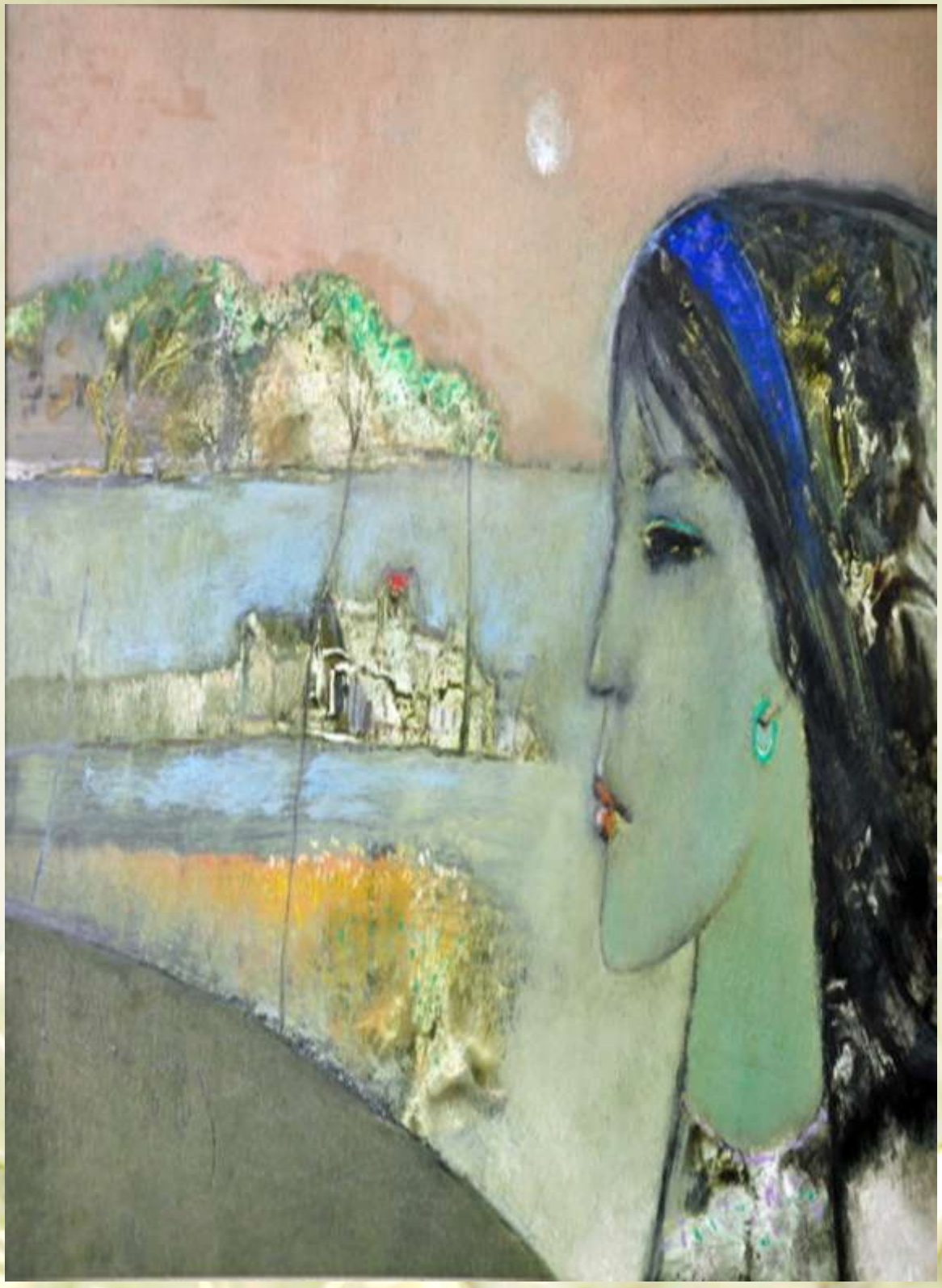

CÁI *NHÌN XA TRÔNG RỘNG* CỦA NGHỆ THUẬT

Cái đẹp khi nó từ chối *sự hài hòa*, chối bỏ *cái đồng điệu*, mà đi tìm *cái xa, cái lạ*, để tạo ra *cái khoảng cách*, để làm rõ nét *cái cách biệt* giữa mới và cũ, thì nó sẽ chỉ trích *cái khô cằn* giờ đã quá cằn cỗi của cái cũ, đó chính là lúc *cái mới* đang thiêu cái lý trí, đang hủy cái tình cảm của cái cũ, vì tất cả cái ra đời sau *cái mới* đều bị xem là lỗi thời! Cho nên các trường phái mới, họ tự đặt tên của họ là: *siêu thực, hiện đại, hậu hiện đại*…

Cái được thể hiện trong không gian tạo hình của Đinh Cường là cái của hiện tại, nó mới nên nó không muốn đi chung, đứng chung, xếp chung cùng với những cái cũ, đã bị xem không những là xơ cứng, mà còn là thủ cựu nữa. Nhưng Đinh Cường biết rõ là có những cái đẹp dù cũ về niên đại nhưng không có cái đẹp nào mới ra đời mà hiện đại hơn nó, tại đây thì mỹ học nghĩ sao? Mỹ luận nghĩ gì? Câu trả lời có trong cách định nghĩa thế nào là hiện đại? Trong cái hiện đại luôn có tính thời đại, tại đây hiện tại lấy cái đẹp mới để tạo mỹ quan mới, mỹ thuật mới, tháo gỡ những cái cũ đang là rào cản để tiếp nhận những tự do mới, những tự chủ mới, kể cả những tự giác mới, Đinh Cường đã đi trên con đường này.



CÁI ĐẸP CHUYỂN *CÁI TÌNH* VÀO *CÁI LÝ*

Cái đẹp vừa tới từ *cảm xúc*, vừa tới bằng *lý trí* trong đó *ý thức* sáng tác làm nên tầm vóc của nghệ sĩ trong quá trình làm nên cái đẹp, tại đây luôn có sự giằng co giữa *lý trí* muốn *duy lý hóa* sáng tạo qua vai trò của kiến thức và *ý thức* nhận diện sáng tạo ra *cái đẹp* bằng một đạo lý mới song hành cùng *cái thiện*, và cả hai đưa ra ánh sáng *cái hay*, *cái tốt*, *cái lành* có trong *cái đẹp*. *Lý trí* nắm sự thật của chất liệu, của dữ kiện để sáng tác với sức mạnh của lý luận về chủ đề dùng cho lập luận trong phương pháp sáng tác, còn *ý thức* không phải lúc nào cũng thức để có hùng lực của tra khảo, giám xét, thẩm định các kết quả của *lý trí* trong sáng tác. Nhưng khi *lý trí* đi quá xa, quá đà, quá đỗi thì *ý thức sẽ được đánh thức* và khi nó thức dậy rồi thì nó dùng *nhân tính* để truy xét *nhân tình*, dụng *nhân bản* để xét nghiệm *nhân thế*, lấy *nhân văn* để phân xử *nhân lý*, cụ thể là nó mang *cái tình vào cái lý* của lý trí để soi sáng lý trí, để thấu hiểu *đường đi nẻo về* của lý trí.

Nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường, yêu cầu mỹ học phải chú ý là ý thức vận động chất tình để vận hành chất người qua đời sống nội tâm của họa sĩ sáng tạo ra cái đẹp. Đời sống nội tâm này như một phòng kín, khu riêng, lĩnh vực ngầm của phán xét luân lý, phân định đạo lý, giải bày đạo đức, chính quá trình này sẽ điều kiện hóa sáng tác từ thể hiện tới trình bày để tạo ra cái đẹp.



CÁI ĐẸP CỦA *CÁI LÝ, CÁI TÌNH, CÁI THỨC, CÁI TRÍ, CÁI LUẬN*

Mỹ luận nên ngừng lại trước ba tác giả sau đây để thấy rõ quan hệ của hai hệ: *lý* và *tình* này trong cái đẹp, trước hết phải kể tới Kant tin vào *sự kết hợp tinh trí giữa lý và tình*, tiếp theo là Hegel dựa vào sự *xuất hiện cùng lúc của hai giờ đã thành một giữa lý và tình* ngay trong sáng tác, cuối cùng là Husserl chắc bẩm rằng sáng tạo là *sự hợp tác* mật thiết của *lý* và *tình*, đây chính là định nghĩa của *ý thức* trong *hiện tượng luận*.

Trong nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường, thì cái đẹp còn mang cả cái đối chọi giữa cảm xúc và lý trí để đi tìm một trung gian mới, một môi giới mới, một trọng tài mới, chính đây là hùng lực của cái đẹp khi nó biết đánh thức lương tâm để nghiệm, để xem, để xét, để tra, để gạn, để lọc, để tuyển, để chọn một chân trời mới cho nhân sinh, một phương hướng mới cho nhân tri. Cái đẹp của nghệ thuật có thể tới từ sự tưởng tượng, và mọi sự tưởng tượng đều có gốc, rễ, cội, nguồn của cái lý, của cái tình, của cái thức đau đáu vì cái trí, cái luận, tất cả luôn sinh động qua lại với nhau trong sáng tác để cho ra đời các lý trí mới, các tình cảm mới, đây là kết quả của sự thao thức ngay trong ý chí sáng tạo, mà cũng là định nghĩa về sự thông minh của kẻ sáng tạo: luôn năng động qua lại giữa hệ cảm (cảm xúc, cảm động) và hệ lý (lý trí, lý luận).



CHOÁNG NGỢP, CHOÁNG VÁNG, CHÓNG MẶT

Cái đẹp có thể được sáng tạo ra từ *sự choáng váng*, làm cho kẻ sáng tạo như đang *bị chóng mặt*, tức là *mất thăng bằng* trước một cái đẹp của cảnh quan, một cái đẹp xuất thần của một vùng ánh sáng, từ đó sinh ra một ý tưởng thi ca hay tạo hình, làm thay đổi tức khắc không chỉ cảm xúc, lý trí, ý thức, mà cả về *nhân sinh quan, vũ trụ quan* của tác giả đang tìm mọi cách để tái tạo lại cảm xúc choáng váng, cảm giác chóng mặt, chính sự mất thăng bằng vì được khám phá ra *cái vừa mới, vừa đẹp* này, nơi mà nghệ sĩ đã *trao thân gửi phận* vì thượng nguồn của cái đẹp mà chất liệu tới từ ánh sáng thật đặc thù của một xứ sở. Tại Địa Trung Hải có loại ánh sáng tạo ra *cái bất ngờ cho cảm xúc*. Renoir đã rủ rê Monet về đây để vẽ, đây cũng là quê hương mà Cézanne không bao giờ muốn rời, cũng là nơi mà hai danh họa Matisse và Picasso đấu trí, tranh tài vừa qua tạo hình, vừa qua lý luận. Người ở xa lơ xa lắc như Chagall cũng *xin tụ cờ dưới trướng* ánh sáng Địa Trung Hải, ta cũng không quên Léger, và nhắc luôn Bonnet cũng về đây…

Trong mỹ thuật của Đinh Cường có ngôn ngữ của ánh sáng này, lúc thì họa sĩ thốt lên «ánh sáng xứ này đẹp quá!», có lần họa sĩ tâm sự: «ánh sáng nơi đây mạnh thật!». Và Đinh Cường đã hiểu các họa sự kể trên bằng chính ngôn ngữ của họ: «ánh sáng quê hương này dày lắm!». Dày như nội lực làm choáng ngợp rồi làm choáng váng; dày như mãnh lực của ánh sáng mà ngày ngày họa sĩ luôn mong muốn mình bị-và-được chóng mặt, mất thăng bằng để… sáng tạo!

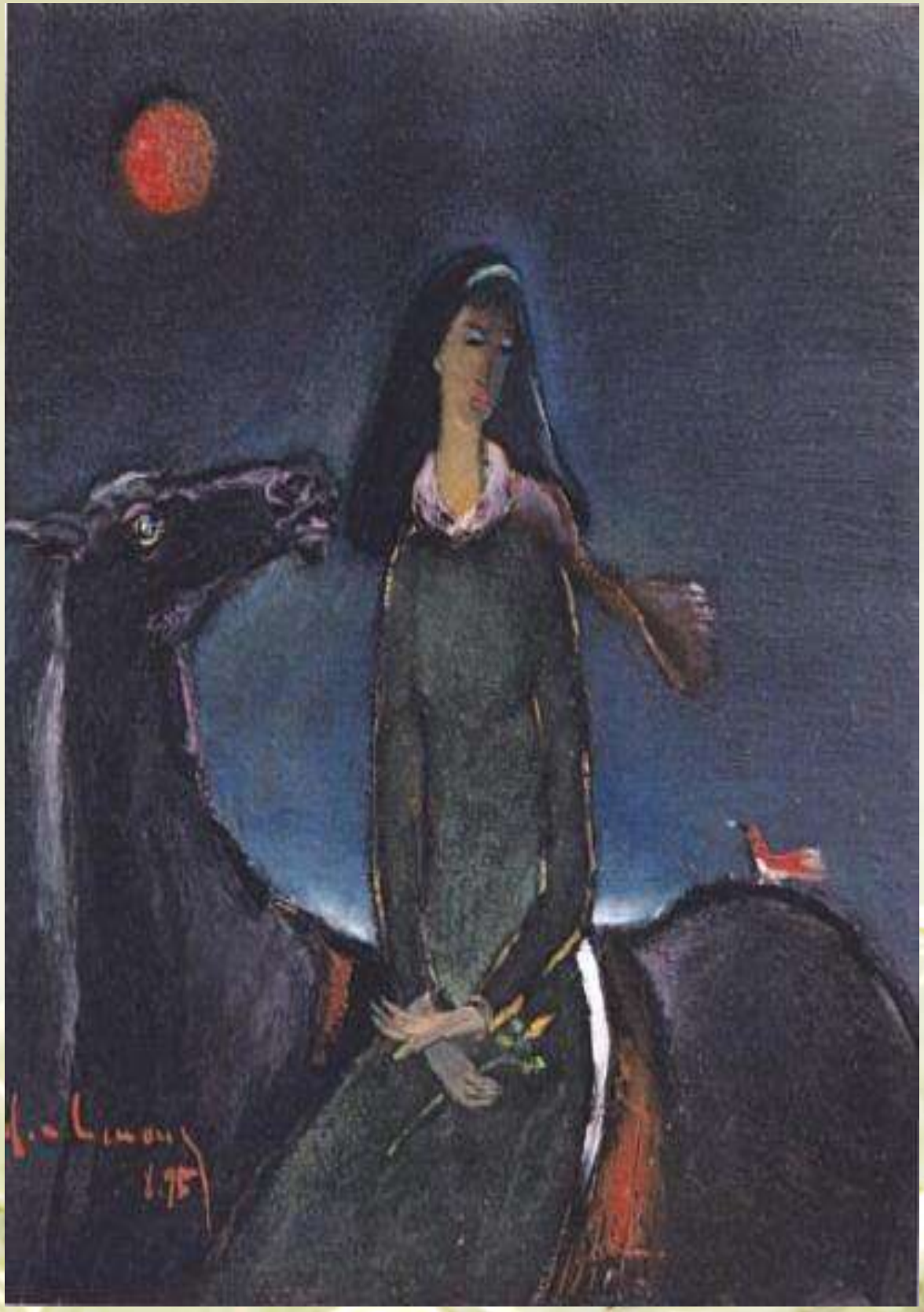

SÁNG TẠO NHƯ TỰ CỨU

Cái đẹp được sáng tạo ra trong nghệ thuật để xa lánh các *khẩu hiệu của tuyên truyền*, để tránh xa các *khẩu lệnh của độc tà*i-vì *bất tài*- trong sáng tạo. *Cái đẹp* này không diệt cảm xúc của lý trí, không hủy lý trí, không vùi ý thức, ngược lại nó là tụ điểm của cảm xúc, của ý thức để *cái đẹp* được thăng hoa. *Cái đẹp* xuất hiện để đối diện với những cái *xấu, tồi, tục, dở*, và khi *cái đẹp* này được tôn vinh qua tuổi thọ của nó, thì nó đã làm *bản cáo chung* về cái *chết yểu* của những cái *xấu, tồi, tục, dở*. *Cái đẹp* chống lại cái duy lý của ích kỷ, cái duy tâm của cuồng đạo, nó chống luôn cái tò mò dễ dãi của *chưa hiểu đã viết* trong văn học, *chưa vẽ đã quẹt* trong hội họa, *chưa có giai điệu đã ồn ào* trong âm nhạc…

Trong hội họa của Đinh Cường không có cái kiêu ngạo của các cái đẹp cũ, cái kiêu căng của các nghệ sĩ đang kể thành tích về quá khứ của mình, nhưng thực ra là đang ngủ quên trên chiến thắng của mình. Tại sao vậy? Chỉ vì của Đinh Cường là cái đẹp tới từ công lao của sáng tạo, không cần dựa vào cái kiêu ngạo của tác phẩm, cái kiêu căng của các nghệ sĩ đã thành danh. Sáng tạo ra cái đẹp mới như một bất ngờ tạo ngạc nhiên cho nhân sinh là một quá trình khổ luyện trong khổ tu không giáo, không đạo, mà chỉ có tâm phải sáng để trí tạo và trí mạnh để tâm phải cảm. Mỹ luận của Đinh Cường là: sáng tạo như để tự cứu mình thoát khỏi những cái xấu, tồi, tục, dở, cùng lúc thoát luôn cái kiêu ngạo của tác phẩm, cái kiêu căng của các nghệ sĩ.



CHÂN DUNG VỊ CHÂN NHÂN

Nhân diện gần đón nhân dạng xa

«Khóa ơi, chân dung những người mình vẽ, toàn là chân dung bạn bè gần xa trong giới văn nghệ. Có người moi họa chân dung chỉ một lần, có người moi họa chân dung nhiều lần, có người moi vẽ đi vẽ lại chân dung. Có người dù là bạn thân nhưng mình không họa được chân dung họ vì sắc, diện, thần, thái của họ moi vẫn chưa nhận ra…»

ĐINH CƯỜNG, 1987, Hè, Sài Gòn

KHÁCH QUAN HÓA
QUÁ TRÌNH CẢM NHẬN *CÁI ĐẸP*

Trong không gian tạo chân dung rất đặc thù của Đinh Cường thì *cái đẹp* được hình thành là *kết quả* (trong *hiệu quả* hoặc *hậu quả)* của *chủ quan sáng tạo qua cảm xúc* khi trực diện với *lý trí* biết *duy lý hóa* từ kỹ thuật tới vật liệu trong quá trình sáng tác của họa sĩ. Tại nơi này đã có *ý thức* vận hành để chuẩn bị từ sáng tác của nghệ sĩ tới sự tiếp nhận của công-chúng trước *cái đẹp*. Cụ thể *ý thức* mang ra *cân, đo, đong, đếm* các tác động tiêu cực hoặc tích cực của tác phẩm trước sự tiếp nhận của đám đông.

Tại đây *mỹ học* nên chú ý khi *mỹ thuật* kêu gọi *triết học* vào cuộc để nhận định *cái đẹp*, thì ngôn ngữ của triết học là lý thuyết đã được *duy lý hóa* qua một quá trình *trí thức hóa ngôn ngữ*. Cũng từ đây, *mỹ luận* cũng phải thận trọng khi *mỹ học* mời gọi *phân tâm học* nhập cuộc để phân tích *cái đẹp* như quá trình tâm lý của của kẻ sáng tác, thì ngữ văn của *phân tâm học* là *tâm thần học*.

Từ đó, chính *triết học* và *phân tâm học* phải lập cho được các cầu nối với *mỹ quan* của một nhân sinh quan bình thường, trong đó *xã hội học nghệ thuật* và *giáo dục học mỹ thuật* cũng phải có phương pháp phân tích bằng chính các công trình nghiên cứu, điều tra, điền dã của mình. Chuyện đáng mừng là khi *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận* được *khoa học xã hội và nhân văn* hợp tác, góp sức, thì *nhân trí* được thêm vốn, thêm lời trên chuyện *khách quan hóa* quá trình cảm nhận *cái đẹp*.


HOMMAGE
à
THẠCH LAM
6.04

CÁI ĐẸP LÀ CHIẾN THẮNG CỦA *LÝ-TRÍ-CHÍ SÁNG TẠO*

Cái đẹp được sáng tạo bên ngoài với *ba thực tế* (quá thực!): của *cơm, áo, gạo, tiền*; của *chén cơm manh áo*; của *giá áo túi cơm,* mặc dù người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp không thoát được *ba thực tế* này khi họ đi tìm *cái đẹp*. Nhưng vì *cái đẹp*, mà họ cũng có thể phát biểu: *«những phường giá áo túi cơm sá gì!»* (Nguyễn Du), đây không phải là câu chuyện khinh chê các nhu cầu vật chất ngày ngày nuôi sống con người, mà đó chính là một phần của sự nhận thức về *lý trí sáng tạo*, không để chuyện nuôi thân hủy diệt *ý chí sáng tạo*.

Và Đinh Cường biết rõ là khi cái đẹp được hoàn tất trong cái túng nghèo của nghệ sĩ sáng tác ra nó, thì cái đẹp này mang theo thành tích chiến thắng của lý-trí-chí sáng tạo, làm thăng hoa ý thức và nhận thức trong lao động nghệ thuật. Nếu cái đẹp tới từ đây, thì cái đẹp đã giới thiệu được một thực tế khác, mới xuất hiện, bao trùm hơn, sắc nhọn hơn cả ba thực tế cũ: cuộc sống không chỉ là các nhu cầu về lương thực và vật chất để thỏa mãn bản năng. Cái đẹp chính là sức mạnh vượt lên các thực tế tầm thường của nhu cầu thường nhật, vì nó quá tầm thường nên cái đẹp tự cho phép vượt qua nó để cuộc sống trở nên đáng sống vì cái đẹp!


NGUYEN TAT NHIEN

LAO TÁC TIẾP NHẬN *NGẪU NHIÊN*

Mỹ thuật khi đi tìm *cái đẹp mới*, sau khi tháo gỡ, tránh xa *cái đẹp cũ* để tự tìm đường mà đi, nhưng không chối bỏ các vốn liếng, các kinh nghiệm mà cái đẹp cũ đã trao tặng cho mình. Từ đây, kẻ sáng tác như *«độc thân, độc mã»* trên con đường do chính mình vạch ra: tìm ra! *Con đường mới* này đi để tìm cho ra *mỹ thuật mới*, có thể tới từ lao tác nghệ thuật, có thể tới từ sự *ngẫu nhiên*. Nhưng khả năng tiếp nhận mọi ngẫu nhiên luôn dựa trên *tài năng* của *chủ thể sáng tác*, luôn dựa trên *khả năng sáng tạo* của kẻ sáng tác khi *thấy*, *biết*, *hiểu*, *thấu* là ngẫu nhiên từ đâu tới? Trong bối cảnh nào? Trong tình huống nào? Trong thực trạng nào?

Trong hội họa của Đinh Cường, ta nhận ra sự nhạy cảm của kẻ sáng tác, đây cũng chính là trí năng của họa sĩ đã cảm nhận được, đã xúc cảm được trước cái ngẫu nhiên trong khi bao kẻ vô tài, lãnh cảm thì lại thờ ơ, dửng dưng, lạnh nhạt với ngẫu nhiên đó. Trong quá trình sáng tạo có lao tác qua lao tâm bằng lao trí của kẻ sáng tác, luôn biết dọn đường cho ngẫu nhiên tới để tiếp nhận nó đúng lúc, đúng thời, đúng nơi, đúng chỗ. Trong trường hợp của Đinh Cường là quá trình đi tìm cái đẹp mới, như tự tìm một tiềm năng của hệ cảnh (bối cảnh, thực cảnh, tâm cảnh) mà họa sĩ đang sống, và chỉ chờ hệ lực (tiềm lực, trí lực, tâm lực, ý lực làm ra sung lực, hùng lực, mãnh lực) là họa sĩ đón nhận đón nhận nó qua sáng tạo bằng chính sáng tác của mình.



CÁI ĐẸP MỚI LÀ CHẤT SỐNG MỚI: *VỰC DẬY CÁI CHƯA DẬY!*

Chính *chất sống mới* trong lao tác nghệ thuật nói lên được *chất sống mới* trong *cái đẹp mới* vừa được trình bày trước công chúng, và trong chất sống tự nó đã mang theo một *đạo lý* lấy *cái đẹp mới* của sáng tác nghệ thuật để *làm mới cái đẹp chung* cho *nhân sinh, nhân thế, nhân tình, nhân loại*. Cái đẹp mang *chất sống* vào *sự sống*, nó mang *sinh khí mới, sung lực mới* không những cho mỗi tư duy cá nhân mà cho cả sinh hoạt tập thể, đời sống cộng đồng, nó còn có thể mang hùng lực làm thay đổi xã hội. Vì vậy, trước mọi cuộc cách mạng hay mọi cải cách, chính giới thường van xin (có khi là van lạy) các nghệ sĩ phải cho ra đời những *«bản thiên anh hùng ca»* qua nhạc, qua thơ, qua văn, qua họa, qua điêu khắc…

Đinh Cường không bao giờ để đám vỗ ngực làm cách mạng trợ lực cho họa sĩ tạo sinh khí mới, sung lực mới trong chất sống mới. Vì họa sĩ qua cái đẹp mới đã tự đánh thức cái thụ động, cái ù lì, cái ê chề trong thảm trạng của một tập thể, trong thảm cảnh của một cộng đồng, trong thảm họa của một dân tộc. Kết quả tạo hình của Đinh Cường là biết tự đánh thức cái đang ngủ, biết dựng thân cái bất động, biết dựng vai cái bi lụy, nó còn biết vực dậy cái chưa dậy!


NGUYỄN MÔNG GIÁC
† 10.30 PM
2. JULY. 2012

CÁI ĐẸP: LÝ TƯỞNG SỐNG MỚI

Nếu *cái đẹp* mang tới một *sức sống mới*, tức là nó mang lại một *sinh khí mới*, và khi kẻ thưởng ngoạn nhận ra là *cái đẹp* tạo ra được thích thú mới, hào hứng mới, sảng khoái mới, kể cả khoái lạc mới, tựu chung là *chất sống mới*, thì chính sự sống của kẻ thưởng ngoạn đang và đã được thay đổi. Vì dường như lao tác nghệ thuật trong sáng tạo là lao công, lao lực, lao tâm, lao trí… để đi tìm *lẽ sống mới*! Đây là chuyện mà cơ chế không thúc đẩy được, xã hội không giúp gì được, kể cả luân lý cũng không kích thích được. Như vậy *mỹ học* nên nghiên cứu thêm và *mỹ luận* nên lý luận thêm: trong sáng tạo nghệ thuật, *cái đẹp* tự nó mang theo một *lý tưởng sống* để tôn vinh *chất sống* đang ẩn nấp trong *chất người*, nó nói lên một hoài bão để thăng hoa *sức sáng tạo vô hạn trong sức người vô định*. Định đề này hoàn toàn không mơ hồ, chính lao tác nghệ thuật là sự vượt qua: khó khăn, ngõ cụt, khốn khổ, mệt mỏi, đuối sức, kiệt lực… của nghệ sĩ phải «*sống chết*» với nghệ thuật của mình, để *cái đẹp* được sáng tạo và được công nhận. Và, khi mọi người công nhận nó, thì người ta đặt tên cho nó là vĩnh hằng, là trường cửu…

Cái đẹp trong sinh hoạt nghệ thuật của Đinh Cường là một nhân sinh được định nghĩa bằng một lý tưởng mới. Trong đó có nhân tâm của Trịnh Công Sơn (yêu em lòng chợt tự bi bất ngờ), có nhân tri của Thanh Tâm Tuyền (yêu như giọt nước hân hoan), có nhân tính của Tô Thùy Yên (thế giới vui từ mỗi lẻ loi). Cái đẹp của thế hệ này đi trên lưng bạo quyền, đi trên vai tà quyền, đi trên đầu quỷ quyền độc đảng công an trị.


DƯƠNG
NGHIỆM
MẬU
X.1991

CÁI ĐẸP CỦA *SÁNG*
(SÁNG KIẾN-SÁNG TÁC-SÁNG TẠO)

Cái đẹp tới sự tự do trong sáng tạo, mà kẻ sáng tác có tự chủ để tự cho phép mình cắt, xẻ, chẻ, chia những cái đẹp cũ đã được công nhận, kể cả tháo, gỡ, tách, phân chính cái mỹ quan của quần chúng, kể cả của chuyên gia phê bình nghệ thuật trong độc đạo của *«ngựa quen đường cũ»,* với phản xạ là cứ theo đường mòn mà đi. Từ đây, mỹ học sẽ nhận ra bản chất của sự tự do trong sáng tạo này. Nó chống lại chuyện đóng cửa vì nó muốn ngược lại mở cửa để mở cõi. Nó chống lại chuyện đoàn kết hòa hợp để bị đóng khung, nó phá khuôn để phá mẫu. Nó chống lại chuyện hòa thuận để bị quấn xiềng trong trí nó loại thỏa thuận để thỏa hiệp.

Các đối kháng này là chất kích thích, chất xúc tác, làm nên động cơ của mọi vận hành trong sáng tác nghệ thuật trên đường đi tìm cái đẹp của Đinh Cường. Đối kháng để lấy sáng kiến, có sáng kiến rồi mới vào sáng tác, khi sáng tác đã hoàn thiện trong mỹ mãn và được nghệ thuật công nhận thì đó là: sáng tạo! Nhưng Đinh Cường không để mặc các đối kháng này gây ồn ào, tạo ầm ỉ trong không gian nghệ thuật của mình, vì họa sĩ biết xử lý một cách đằm thắm các đối kháng này.



CÁI ĐẸP CHỐNG *CÂN BẰNG, THĂNG BẰNG*

Cái đẹp mới sinh ra để tồn tại không những trong *sự sống mới*, mà cả trong *chất sống mới*, không những qua một tư duy *sáng tác mới* mà qua cả *mỹ thuật mới*. Chính *cái đẹp mới* sinh ra để tồn tại lâu dài trong *an nhiên tự tại* bất chấp thời gian; nó có mặt để chống lại cái *bất di bất dịch*, vì cái *bất động* đã bị nghệ sĩ sáng tạo ra *cái đẹp* coi như là đã bị: *bất tỉnh* rồi! Và, *đường mòn, thói quen, phản xạ*... đều bị kẻ sáng tạo xem là *bất động* và *bất tỉnh*, vì *cái đẹp mới* không để cho định chế định vị nó, không để cho cơ chế cơ giới hóa nó.

Cái đẹp trong hội họa của Đinh Cường tự tại trong hiển nhiên! Sự cân bằng trong thăng bằng giả dạng là công bằng để xếp chỗ sáng tác, xếp loại sáng tạo, xếp hạng cái mới đều đáng bị chống bởi nghệ sĩ đang đi tìm cái chưa có, cái chưa thể hiện, cái chưa ra đời. Chủ ý của sáng tác và sáng tạo là chống hệ bằng (cân bằng, thăng bằng, công bằng giả) bằng cách thay đổi không những mỹ quan mà cả nhân sinh quan qua nhân cách của con người khi tiếp nhận cái đẹp.



Oil on paper 1998
14"x17"
Coll. of the artist

CÁI ĐẸP TỪ *Ý TƯỞNG RIÊNG* TỚI *VŨ TRỤ RIÊNG*

Trong hội họa có hai trường hợp về cách tạo hình trên đường đi tìm *ý tưởng riêng* để tạo cả một *vũ trụ riêng* tạo hình cho mình: trường hợp thứ nhất của Dégas chuyên họa các vũ công opéra, trường hợp thứ nhì của Toulouse-Lautrec chuyên vẽ về sinh hoạt các phòng trà, các nơi văn nghệ đêm. Trước và sau Dégas đã có người vẽ về các vũ công, cũng như trước và sau Toulouse-Lautrec đã có người vẽ về các hộp đêm, nhưng họ không vào hệ *chuyên (chuyên môn, chuyên nghiệp, chuyên tài)* để nuôi hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo).* Các tác phẩm của hai danh họa này là cả một vũ trụ vừa sinh động, vừa đặc sắc, vừa đầy chất sống, vừa đầy đặc thù. Như vậy là có những cái đẹp: vừa đẹp từ tác phẩm, lại vừa sáng tạo ra một vũ trụ rất-đẹp-và-rất-riêng luôn được trân trọng và quý yêu bởi quần chúng.

Cái đẹp mới trong sáng tạo nghệ thuật luôn mang theo tư tưởng của kẻ sáng tạo, nếu định nghĩa tư tưởng là kết quả từ ý tưởng tới cấu trúc để thể hiện tác phẩm qua: tư duy riêng, phương pháp riêng, tri thức riêng của kẻ sáng tạo. Tư tưởng nghệ thuật của Đinh Cường bắt đầu bằng sự ra đi để rời xa: cái đã cũ, cái đã thể hiện, cái đã thấy, cái đã trưng bày, để tìm tới một cái chưa có, chưa thể hiện. Cái đẹp mới trong chủ đề mới lẫn kỹ thuật mới; và mới ngay trong thượng nguồn ý tưởng tới hạ nguồn trong lao tác nghệ thuật. Ra đi để minh chứng là không muốn, không cần, không mong, không đợi gì ở cái đẹp đã cũ (dù rất đẹp).



Oil on paper 1998
14"x18"
Coll. of the artist

CÁI KHÁC TỰ DO HƠN,
CÁI RIÊNG TỰ CHỦ HƠN

Trước các nguyên tắc cứng nhắc, thì sáng tạo nghệ thuật chọn *cái cởi mở* để dễ cởi bỏ cái cứng đơ! Trước các khẩu lệnh tuyên truyền độc đoán thì sáng tạo nghệ thuật chọn cái *đa chiều* để thăng hoa cái *đa dạng*, cùng lúc chế tác ra cái *đa thể*, có kết quả qua cái *đa chuyên* để chống khuôn khổ, để chống khuôn mẫu. Như vậy, *mỹ học* có thể nghiên cứu thêm: khi kẻ sáng tác đi tìm *cái đẹp mới* tức là hắn đang đi tìm *cái khác tự do hơn, cái riêng tự chủ hơn*. Từ đây, *mỹ luận* cũng nên đào sâu một lập luận mới là: *cái khác tự do hơn* đang *ở ngoài* xã hội mà kẻ sáng tác đang sinh sống; *cái riêng tự chủ hơn* đang *ở xa* cái cộng đồng mà kẻ sáng tạo đang sinh hoạt.

Cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa trong không gian sáng tác của Đinh Cường được kích thích bởi cái tự do đang leo thang (đã tự do rồi thì phải tự do hơn), được kích động bởi cái tự chủ (cũng lên thang đã tự chủ rồi thì phải tự chủ hơn). Cả mỹ học lẫn mỹ luận phải đi tới một định đề khác rất năng động trong sáng tạo nghệ thuật: quá trình lao tác của sáng tạo luôn có mối quan hệ giữa cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa trong tư duy của kẻ sáng tạo và cái tự do, cái tự chủ trong hệ quyết (quyết tâm, quyết chí, quyết định, quyết đoán) của kẻ sáng tạo, nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm về tác phẩm của mình.

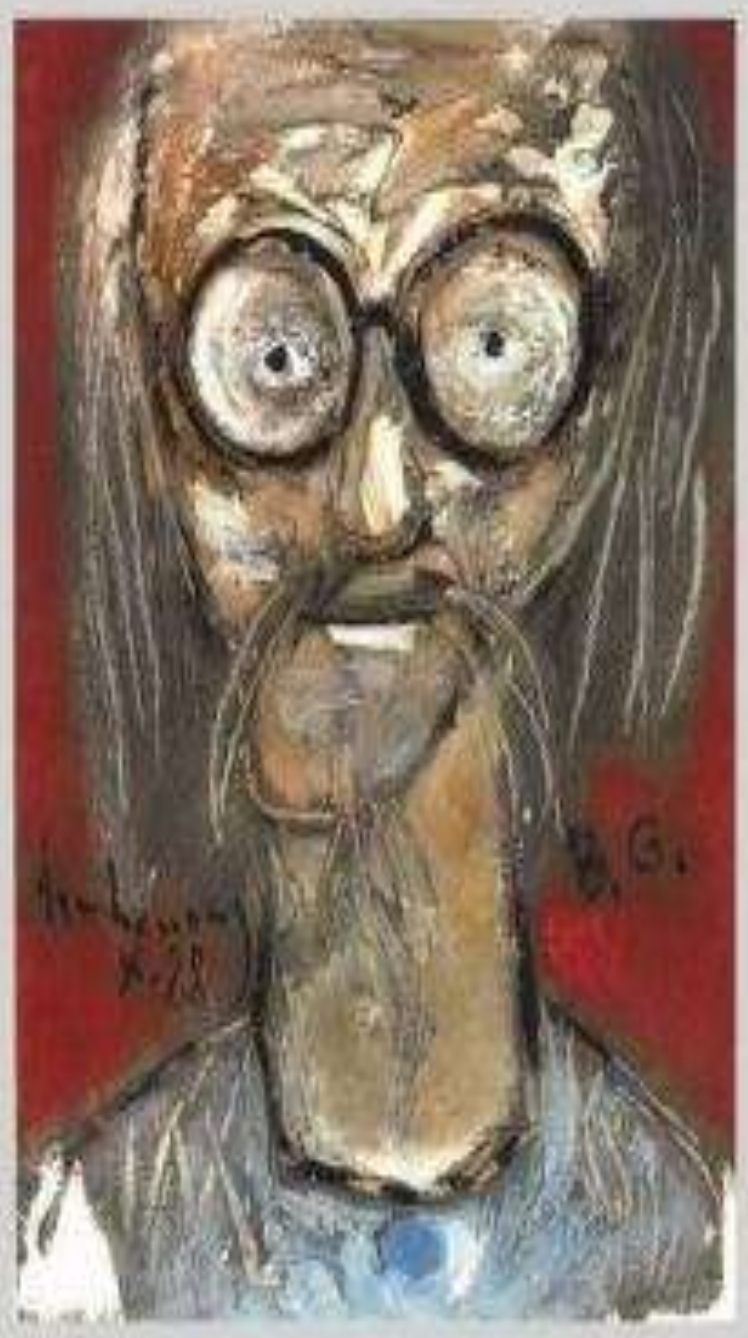

Oil on canvas 1998
7"x9"
Coll. of the artist

CÁI ĐẸP: *CÔ LẺ* ĐỂ *CÔ ĐỌNG*

Nếu có một sự nghiệp sáng tạo của các nghệ sĩ trong đó *chữ tài liền với chữ tai một vần* (Nguyễn Du), thì ta có hai thí dụ, trong hội họa có lẽ là Van Gogh, và trong thi ca dường như là Hàn Mặc Tử. Không những *cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa* có mặt trong sáng tác của họ mà có mặt luôn trong cuộc sống xã hội của họ, Van Gogh thì cái túng quẫn sinh ra cái trầm cảm, Hàn Mặc Tử cái nan bệnh sinh ra cái ruồng rẫy. Cả hai đều có *ý tưởng vừa lạ vừa hay*, để có *sáng tạo vừa đẹp, vừa riêng*, nhưng cả hai không được xã hội đương thời công nhận. Cả hai có đầy đủ hệ *lực (tiềm lực, sung lực, hùng lực)* để thăng hoa trong hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)* nhưng cả hai không được đồng nghiệp thừa nhận trong chính hệ *năng* (*tiềm năng, khả năng, tài năng)* vượt trội của họ so với các nghệ sĩ cùng thời.

Đinh Cường sống thường xuyên với cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa để thêm vào cái tự do, cái tự chủ vừa nuôi sống và vừa cô lập họa sĩ trong hệ cô (cô đơn, cô độc, cô liêu). Chính đây vừa là hằng số, vừa là ẩn số của sáng tạo, nơi mà có sự giao nối giữa ba hệ: lực (tiềm lực, sung lực, hùng lực); sáng (sáng kiến, sáng tác, sáng tạo); cô (cô đơn, cô độc, cô liêu). Vì họa sĩ đã nhận ra một chuyện thật hay là cái cô lẻ của kẻ sáng tạo luôn chống lại cái đơn điệu trong lao tác nghệ thuật: đây là chân lý của nghệ thuật! Giữa cái cô lẻ để cô đọng trong tác phẩm, ngược lại cái đơn điệu vì đơn phương, chọn cô lẻ để cô đọng.



Oil on carton 1998
11"x14"
Coll. of the artist

CÁI ĐẸP: CÁI THAO THỨC, CÁI ĐAU ĐÁU

Cái đẹp khi thể hiện trước mọi người, nó có thể giới thiệu các *kỹ thuật nghề nghiệp* mà nó áp dụng từ vật liệu tới màu sắc, nó cũng có thể phơi bày các *kinh nghiệm chuyên nghiệp* mà nó ứng dụng vào tác phẩm, nhưng *mỹ quan* chờ đợi nó qua *nội chất của tác phẩm*, tại đây: *sáng tạo là sáng tạo!* Vì, *cái đẹp sáng tạo* không lặp lại, không sao chụp, nó mới từ trong ra ngoài, từ nội dung tới hình thức. Có một phân tích mà *mỹ học* nên đeo đuổi khi nhận xét và phân tích là *cái đẹp sáng tạo* không nêu lên *cái ta đây* của tác giả, mà *cái đẹp* phải đủ tầm, đủ lực để diễn tả *cái ta thế nào* của tác giả qua tác phẩm. Cụ thể thì *cái ta đây* thích phô trương qua *tính từ* và *trạng từ* trong *cái tôi cá nhân*; còn *cái ta thế nào* là nhân cách thành thật của các *động từ*, kể lại một quá trình lao tác nghệ thuật qua hệ *công (công sức, công lao, công tâm)* của tác giả, nơi mà tác phẩm là một bằng chứng hiển nhiên. *Cái ta đây* trong *cái tôi cá nhân* thường mang cái kiêu căng, cái ngạo mạn, nó *«vỗ ngực tự xưng»* trước mọi người nhưng nó có thể chỉ là *«thùng rỗng kêu to»*.

Còn Đinh Cường thì đi tìm cái ta qua công sức miệt mài của sáng tạo, qua công lao ngày ngày sáng tối của tác giả nhập thân vào công việc sáng tác, qua đó có công tâm của kẻ sáng tạo đã «mất ăn, mất ngủ» trên chính sáng tác của mình. Chính hệ công (công sức, công lao, công tâm) giúp mỹ học và mỹ luận nhận ra không những tài năng của tác giả, mà còn là cái thao thức, cái đau đáu của họa sĩ khi sáng tạo ra cái đẹp.



Phụ bản 3 của Đinh Cường

93 • CHU SƠN

SÁNG TẠO: *VƯỢT THOÁT MỌI THƯỚC ĐO!*

Cái đẹp mới trong sáng tạo nghệ thuật là kết quả lao tác của nghệ sĩ sáng tạo ra nó, trong lao tác này kẻ sáng tạo tự tạo ra ranh giới trong lãnh thổ sáng tạo của mình, nơi mà ranh giới và lãnh thổ của các cái đẹp cũ không còn được tuân theo. *Cái đẹp mới* chính nó tạo ra *ranh giới mới* và *lãnh thổ mới* riêng cho nó, tại đây nó đổi các định nghĩa về *hình, dạng, dáng, thể* bình thường qua một mỹ quan mới, có thể là bất thường, có thể là dị thường đối với nhãn quan tầm thường. Và khi *cái đẹp mới* được công nhận là đẹp, thì nó có *hình, dạng, dáng, thể* riêng của nó, mà không bị xem là quái đản, dị hợm… *Mỹ học* nên phân tích thêm: *quyền lực sáng tạo nghệ thuật* chống lại *quyền hạn của các tiêu chuẩn, tiêu chí* trong định nghĩa thế nào là *vĩ mô*? Thế nào là *vi mô*?

Đinh Cường tự cho phép mình trong sáng tạo: biến vĩ mô thành là vi mô, và ngược lại hóa vi mô ra vĩ mô. Tại đây, mỹ luận phải nhận ra cái khác biệt giữa dữ kiện khách quan trong cuộc sống và mỹ quan chủ quan của kẻ sáng tạo, để thấu rõ một khác biệt nữa giữa khoa học có các thước đo khách quan qua tính toán và nghệ thuật dùng cách đo lường riêng của nó: loại thước (không) đo của mỹ thuật. Từ mỹ thuật của kẻ sáng tạo, mỹ học và mỹ luận phải giải luận một hệ vấn đề khác sâu hơn: sáng tạo là vượt thoát mọi thước đo! Cái đẹp cũ của hình thể cân đối toàn mỹ trong điêu khắc cổ Hy Lạp từ bao thế kỷ bao trùm lên tất cả các mô hình mỹ quan của Âu châu không những không còn được tuân theo, mà còn bị «tạm quên» của sáng tạo hiện đại. Đinh Cường đã đi trên lộ trình tạo hình này.



NĂNG ĐỘNG TÍNH CỦA SÁNG TẠO

Cái đẹp trong sáng tạo nghệ thuật không đi tìm *cái giống hệt*, *cái trùng khớp* chỉ là kết quả của lao công không sáng tạo, ngược lại nó đi tìm: các tác động tạo ra tác phẩm! *Cái đẹp* tác động lên *mỹ quan*, *mỹ thuật*, kế đó là lên *mỹ học*, *mỹ luận*, tiếp theo là trên *nhân sinh quan*, *thế giới quan, vũ trụ quan*, và cuối cùng là trên *nhân sinh*, *nhân tình*, *nhân thế*, trong đó *nhân lý*, *nhân tri*, *nhân trí* đã được thay đổi thăng hướng thăng hoa! *Cái đẹp* kể một *câu chuyện mới*, tự trình một *lịch sử mới* trong nghệ thuật, tạo một *thể loại tự truyện mới* về sự cố nghệ thuật, trong đó nội chất của cái đẹp mới chính là *chất sống mới* mang *cuộc sống mới* làm mới sinh hoạt nghệ thuật vị mỹ thuật. Nếu *cái đẹp* mang lại một *sức sống mới*, thì nó cũng mang lại một *sức hoạt náo mới* làm cho cái ngủ phải thức, cái gục phải dậy, cái nằm phải đứng, cái ù lỳ phải vận động… nếu không sẽ bị *thụ động* trong *bất động*, tức là ngược lại với *năng động tính của sáng tạo*.

Khi điều tra để khảo sát nghệ thuật chân dung của Đinh Cường, thì kẻ thưởng ngoạn sáng tác của họa sĩ sẽ phải tìm tới với các chân dung của các thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ từ Bắc đã vào Nam sau 1975, mà Đinh Cường đã để lại những chân dung tuyệt tác. Đinh Cường đã thực hiện xuất sắc chân dung của Hoàng Cầm, Hữu Loan, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân... Một chính quyền hữu tri không bất trí, một Bộ Văn hóa hữu trí không vô tri, những bảo tàng có mỹ cảm để bảo hành mỹ thuật phải biết tìm cho ra các chân dung này để tôn vinh rồi trưng bày càng sớm càng hay để quần chúng được thưởng ngoạn.



SỨC BẬT BUÔNG BỎ ĐỂ

DỨT KHOÁT THOÁT THÂN

Cái đẹp được hoàn tất sau khi nó *đủ tâm, đủ trí, đủ lực* tạo ra *cái thoát thân* cho chính nó trong hệ thống nghệ thuật và xã hội mà nó đang lao tác và đang sinh sống, vì nó luôn tìm cách *đi ra ngoài cái toàn diện* đang có, để tìm đến một tương lai chưa có cho chính nó. *Mỹ học* có thể gọi đây là *sức bật của sự buông bỏ*, bỏ *cái toàn diện* đang ngự trị trên vạn vật, chính đây là *sự thông minh của sáng tạo* qua tác phẩm để xem xét, đánh giá, phẩm định lại hiện tại, nơi mà kẻ sáng tạo tự cho phép qua *cái đẹp mới và riêng*, nói lên hoài bão, ước nguyện của mình về tương lai không những cho nghệ thuật, mà cả cho nhân sinh. Chính *sức bật của sự buông bỏ*, không hề thụ động này, là *giàn phóng* tạo ra *sự dứt khoát thoát thân*, sẵn sàng chấp nhận sự rạn nứt ngay trong mỹ quan cũ, ngay trong sự nổi loạn về mỹ thuật để có *một ánh sáng mới*, *một âm hưởng mới*, *một văn phong mới*, *một giai điệu mới*. Klee xem nghệ thuật như là khả năng tạo ra các *rạn nứt* ngay trong hệ thống mỹ thuật, của xã hội, của quần chúng. Vì, từ các *rạn nứt* này sẽ xuất hiện những *dạng, hình, thể, dáng mới*, hơn thế nữa sẽ xuất hiện *trí, tâm, chí, lực mới*.

Trong cuộc sống thường nhật dưới một chế độ độc đảng công an trị ngày giờ rình rập để truy cùng diệt tận văn nghệ sĩ miền Nam sau 1975; khi cả đất nước nằm trong tay của một tà quyền ngu dân trị sinh đôi cùng quỷ quyền tuyên truyền trị, thì Đinh Cường âm thầm nhận vai trò là họa sĩ vẽ lên những nhân tính đẹp của bạn bè gần xa. Và, Đinh Cường đã thành công trên sứ mệnh nghệ thuật này


Đinh
cường
Par
t.Hình
11.2015

CÁI ĐẸP *MUỐN-VƯỢT-ĐỂ-THOÁT*

Cái đẹp được tới với con người không phải để thỏa mãn *cái sướng mắt* trong hội họa, *cái sướng tai* trong âm nhạc, *cái sướng tâm* trong thi ca hay văn học, vì nó không được sáng tạo ra để thỏa mãn cái thị hiếu đang được ca tụng trong sinh hoạt xã hội dễ dãi. Mà *cái đẹp* tới để làm thay đổi *cái sướng mắt nhẹ nhàng*, biến đổi *cái sướng tai êm ả*, chuyển đổi *cái sướng tâm thong dong*, cụ thể là nó làm xáo trộn các phương trình nghệ thuật hài hòa và ổn định, để tìm cái mới trong lý trí, cái hay trong tình cảm.

Đinh Cường bắt buộc cái đẹp mới phải song hành cái các cái dịu dàng, cái êm thắm, cái nhẹ nhàng! Kết quả của sáng tạo cái đẹp của họa sĩ là kết quả của cái rung để chuyển, cái chuyển để hóa, cái vượt để thoát! Từ đây mỹ học hiểu ra tại sao các vật thể trong tranh của Cézanne như muốn tuôn ra ngoài khung tranh, chúng như muốn đi, muốn chuyển, muốn-vượt-để-thoát, mà từ hình dạng tới bố cục không tuân thủ theo các tiêu chí hàn lâm viện trong giáo dục bình thường về hội họa cảnh trí.

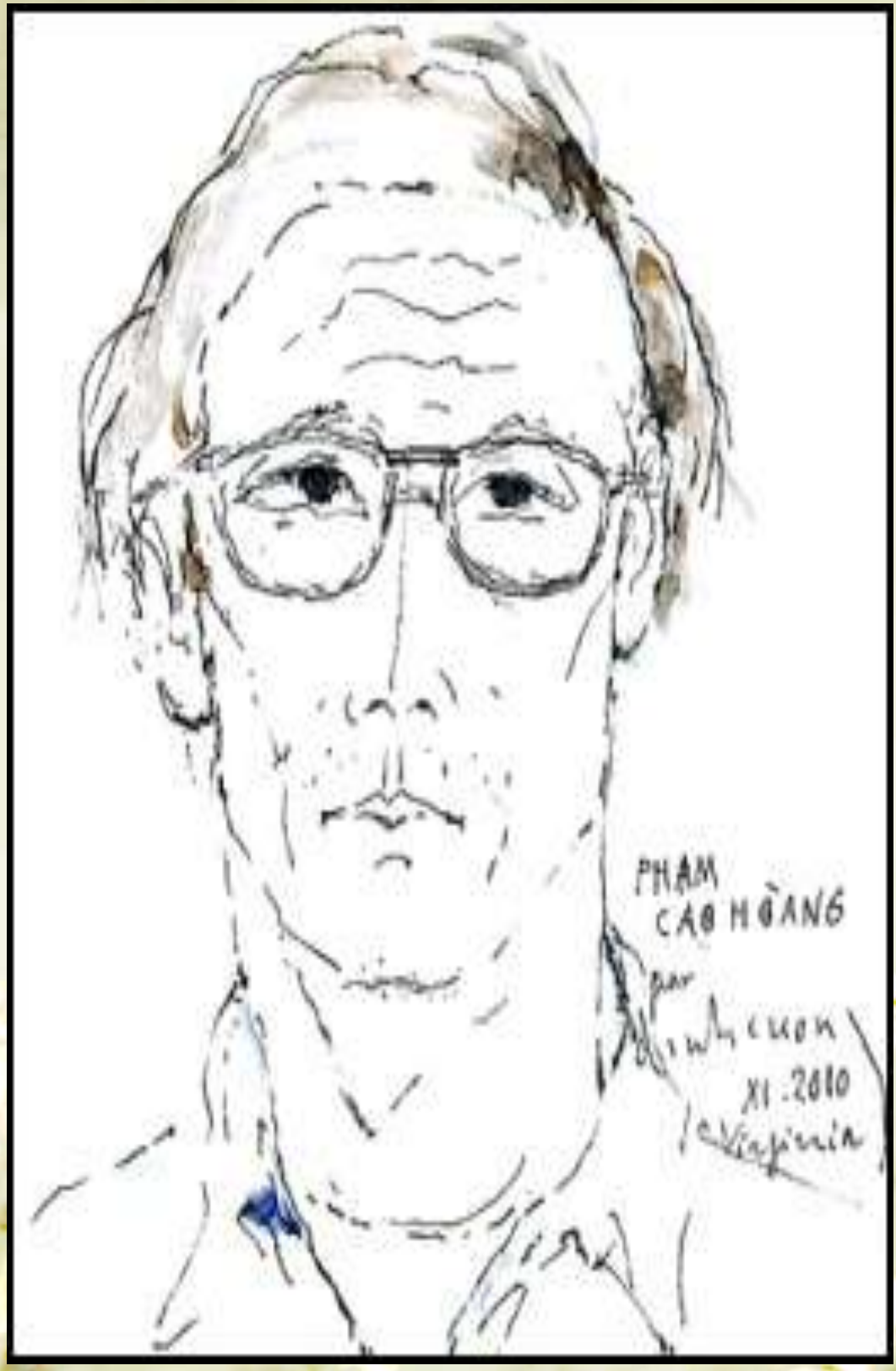
PHẠM
CAO HOÀNG
par
XI.2010

SUNG LỰC ĐI RA NGOÀI

Cái đẹp trong sáng tạo không phải là *cái được tái tạo*: thấy cảnh quan đẹp rồi vẽ lại cảnh quan, thấy thân thể đẹp rồi họa lại thân thể. *Cái đẹp* trong sáng tạo *diễn luận* cái đẹp cảnh quan qua *cảm quan*, cái đẹp thân thể qua *cảm nhận* của họa sĩ. *Cái đẹp sáng tạo* không tô lại *cái thực*, không đồ lại *cái đã có*, kể cả trong nghệ thuật nhiếp ảnh là thể loại nghệ thuật từ chối sao chụp lại nguyên bản, và như các ngành nghệ thuật khác, nó có sung lực sáng tạo biến tác phẩm trở thành công trình.

Cái đẹp sáng tạo trong hội họa của Đinh Cường còn biết rời bỏ cái chí lý để đi tìm cái chưa có lý; cho nên cái đẹp sáng tạo không chỉ nói lên cái đẹp của mỹ quan, mỹ thuật, mà nó còn nêu lên được sung lực đi ra ngoài để ở bên ngoài, sống bên ngoài và tồn tại với thời gian ở ngoài tất cả cái tầm thường đang ở bên trong một thói quen, một phản xạ, một xã hội, một văn hóa. Bataille, một nhà nhận định văn học và nghệ thuật tài ba của thế kỷ thứ XX, đã hiểu chuyện này và đã thốt rằng: "Chắc không thể viết hơn họa được!".

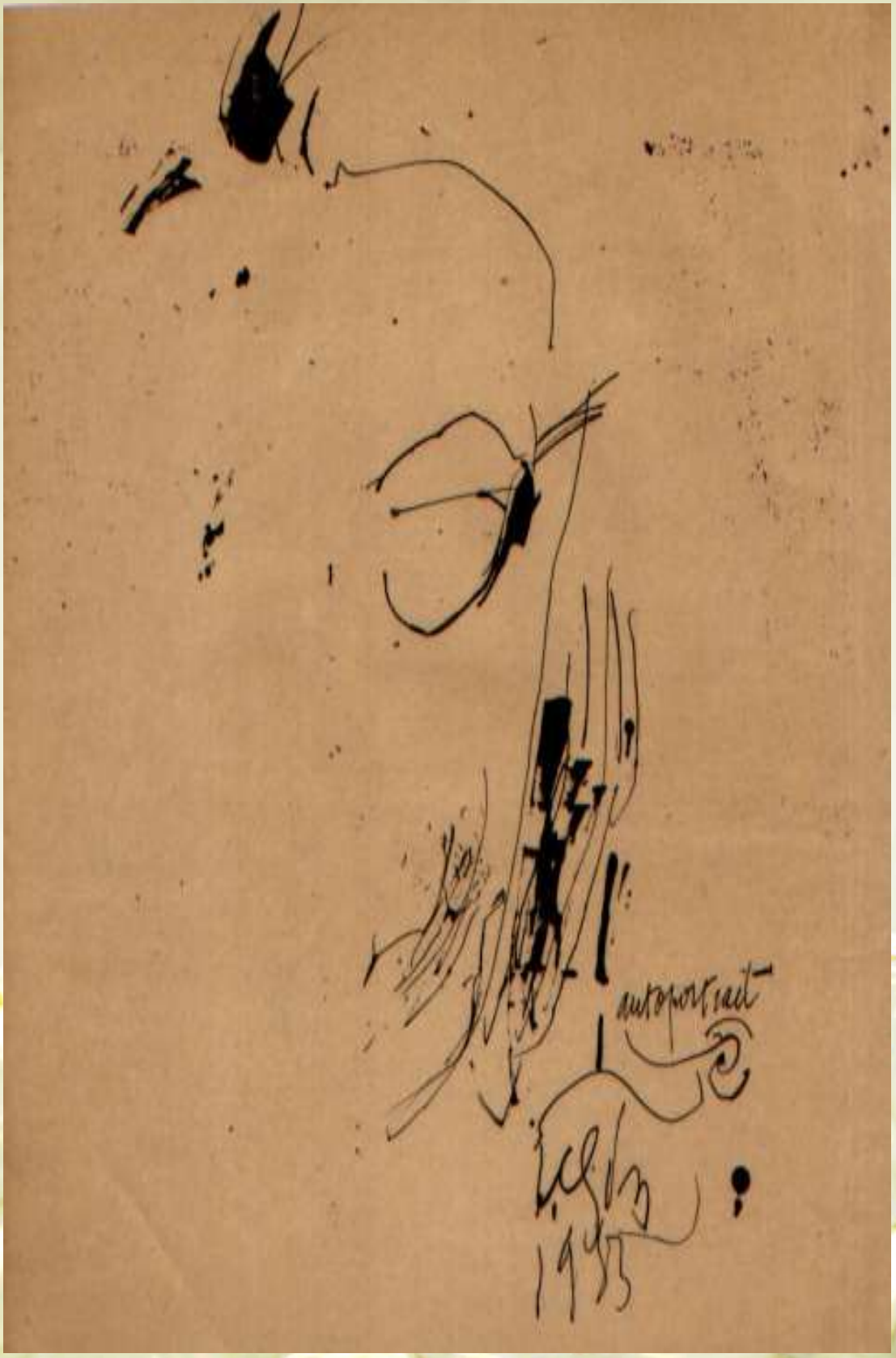
autoportrait
1955

TUYỆT CHIÊU-TUYỆT PHẨM-TUYỆT TÁC

Sau những năm dài tù rạt từ 1975 đến 1985 trong những miền xa xăm, mang tên *« trại cải tạo »*, thời khắc đó thì tôi từ phương Tây về lại Sài Gòn thường đến chào và thăm hỏi các bậc văn hữu đàn anh, các cuộc gặp gỡ thường là buổi tối và do họa sĩ Đinh Cường nhận liên lạc và thường được giữ kín, vì trùm phủ lên chúng tôi vẫn là một chế độ công an trị nơi mà bạo quyền bắt bớ cũng là tà quyền rình rập và ma quyền lén lút luôn dò tìm xem chúng tôi tâm sự với nhau những gì? Nội dung ra sao? Giá trị thế nào? Tư tưởng là gì?...

Và những năm tháng từ 1986 đến 1987 là những lần gặp gỡ vô cùng hứng thú cho tâm lực lẫn trí lực của tôi, nhất là được gặp và trò chuyện với các thi sĩ của miền Nam trước 1975, có lần trong một cuộc gặp gỡ tại nhà của Tô Thùy Yên, hè 1987, có Cung Trầm Tưởng, dĩ nhiên là có Đinh Cường, thì Thanh Tâm Tuyền thổ lộ một tâm sự mà anh suy nghĩ từ lâu, những năm tù đày gọi là «cải tạo», thì anh càng suy nghĩ sâu hơn.

Anh Tâm (Thanh Tâm Tuyền) vừa giải thích vừa giải luận là: *nghệ thuật* thì đã vượt lên *kỹ thuật*, nhưng trong nghệ thuật chính người nghệ sĩ là kẻ sáng tạo còn muốn vượt luôn nghệ thuật đã và đang có, để tới một trình độ sáng tác ra những tác phẩm hoàn toàn mới và lạ. Nếu những sáng tác mới và lạ này được công nhận vì nó đã thuyết phục được (vì nó đã cướp hồn) người thưởng ngoạn thì nên gọi nó là *ma thuật*! ».

Anh Tâm lấy nhiều thí dụ, anh ngừng lâu trên trường hợp của Picasco, chúng tôi nghe anh tâm sự, nhưng không ai có ý kiến thêm về chuyện này trong buổi gặp gỡ tại ngôi nhà của Tô Thùy Yên.

Riêng tôi thì cứ thắc mắc từ đó đến nay. Về ngữ pháp, thì tôi có lần tâm sự với anh Tâm qua điện thoại khi anh ấy đã tới Mỹ, là tôi xin dùng cụm từ: *tuyệt thuật* thay cho từ *ma thuật*. Mà định đề để định nghĩa giúp chúng ta định luận là: một tác phẩm hoặc một sự nghiệp nghệ thuật *tuyệt vời* trong *tuyệt hảo* là kết quả của *tuyệt thuật* đã sáng tác ra *tuyệt phẩm*, và chính *tuyệt thuật* này đã vượt thoát để vượt thắng cả cái gọi là: *tuyệt đối* đã và đang có trong nghệ thuật đương thời.

Chính *tuyệt thuật* khi đã thuyết phục được (vì nó đã cướp hồn được) người thưởng ngoạn thì nó sẽ trở thành *tuyệt phái*, sẽ có người theo, sẽ có kẻ chống, nhưng phương trình *tuyệt phẩm-tuyệt thuật-tuyệt phái* sẽ cuốn hút một dòng người thưởng ngoạn mới, vì nó vừa mở ra một *chân trời mới*. Tức là *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã mở-để-mời nhân tri của nhân sinh có một nhân sinh quan mới, một thế giới quan mới, một vũ trụ quan mới.

Như vậy, *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã khai thị rồi khai sáng một hành trình nhận định *mỹ thuật mới*, bằng lộ trình của một *mỹ quan mới*, để chế tác ra một *mỹ học mới*. Xa hơn nữa, sâu hơn nữa là phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* này sẽ tạo một *ngã tư mới* mới giữa nghệ thuật, triết học, sử học và xã hội học... nơi mà tất cả các ngành khoa học xã hội và nhân văn phải suy nghĩ lại để có các lý luận mới, lập luận mới, giải luận mới, diễn luận mới.

Cho nên, phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã làm chuyện *«bứt dây động rừng»*, nơi mà kết quả, hiệu quả, hậu quả, hệ quả chỉ là một phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã phơi bày cho nhân sinh, nhân thế, nhân loại thấy được nó chính là: *tuyệt tác!*





Chân dung Nguyễn Bắc Sơn
dinhcuong



CÁI ĐẸP CỦA *KHOÁI CẢM*

Cái đẹp tạo ra *khoái lạc* qua thưởng ngoạn, *thỏa mãn* cho mỹ quan, đây là vai trò đầu tiên của mỹ thuật: giới thiệu *cái đẹp*, bằng kiến thức về *cái đẹp* qua sự *khoái cảm*. Và, *cái đẹp* tự nó đứng ngoài giáo dục, đứng ngoài luôn cả văn hóa, và các thói quen của một xã hội, nó còn chế tác ra phạm trù riêng của nó là: *ý thức về sự khoái cảm*. Có những tác động tâm linh, có cả những ảnh hưởng về tâm lý trên *ý thức về sự khoái cảm*, nó có thể kéo dài với thời gian, có khi cả đời người và truyền nối cho các thế hệ sau. Những cuộc triển lãm những danh họa do Grand Palais tổ chức hàng thế kỷ qua là một minh chứng, vừa tạo ra sức hút của Paris là một thủ đô ánh sáng (của nghệ thuật), vừa tạo ra tiền của về du lịch cho nước Pháp. Trong đó, qua điều tra *xã hội học tiếp nhận mỹ thuật*, có rất nhiều người, nhiều gia đình đi xem nhiều lần những danh họa trong nhiều năm, qua các cuộc triển lãm về Cézanne, Gauguin, Monet, Picasso…

Hãy đi vào sự khoái cảm riêng tư của Đinh Cường, hình như là khuôn mặt «vui ngầm» của họa sĩ khi bạn bè có mặt rồi vui cười trong các câu chuyện văn nghệ. Mỗi lần tiếng cười vang của bạn bè trong ngôi nhà của Trịnh Công Sơn, thì Đình Cường lẳng lặng đi tìm một chỗ nằm nhưng phải sát cận với câu chuyện của bạn bè, để bạn bè cười thì họa sĩ cười theo. Ngay phòng vẽ của Đinh Cường, mỗi lần các thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng bàn bạc sôi nổi, thì họa sĩ lấy giấy bút ra để «tạo chân dung» *bạn bè... những chân dung này đẹp quá! Với thời gian, những chân dung này ngày càng đẹp…*







NGHỆ THUẬT ĐÂU CHỈ ĐI TÌM *CÁI ĐẸP*!

Nghệ thuật đâu chỉ đi tìm *cái đẹp*!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp thì bản thân nghệ thuật đó cũng sẽ không đi xa trong cái đẹp… vì cái đẹp đơn lẻ không nhân sinh sẽ là cái đẹp đơn độc, khó mà chia sẻ được, và khi không chia sẻ được thì bản thân cái đẹp sẽ đơn côi đến… mồ côi!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *sự thật* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *chân lý* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *lẽ phải* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *công bằng* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *tự do* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *bác ái* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *nhân quyền* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Trong không gian tạo hình của mình, Đinh Cường không gào thét tự do, công bằng, bác ái bằng tranh, nhưng Đinh Cường biết vận dụng tự do trong sáng tác để đi trên lưng bạo quyền, trên vai tà quyền, trong đầu quỷ quyền. Họa sĩ này còn biết vượt thoát để vượt thắng luôn cả định luật sinh bịnh lão tử. Vì Đinh Cường đã hiểu thông điệp của Mallarmé: "Ai cũng phải chết, tôi biết rồi, nên tôi dẹp cái chết qua một bên, để chỉ chăm lo cho tự do sáng tạo vì tự do này cao, sâu, xa, rộng hơn cái chết".



TRONG THI CA HIỂN HIỆN THƯỢNG NGUỒN CỦA NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

Từ cuối thế kỷ qua cho tới đầu thế kỷ này, Đinh Cường họa đi vẽ lại chân dung của thi sĩ Bùi Giáng, tôi thắc mắc về chuyện này, có lần tôi hỏi Đinh Cường là nếu lấy chỉ được một thi từ của Bùi Giáng thôi, thì họa sĩ sẽ chọn câu thơ nào, Đinh Cường trả lời nhanh gọn: "Moi sẽ chọn câu Từ em rũ áo mù sa/ Trút quần phong nhụy cho tà huy bay. *Câu này tạo hình lắm". Hóa ra họa sĩ đã thưởng ngoạn thi ca bằng lực tạo hình của thi từ, thi tứ để nhập nội vào thi họa!*



Oil on paper 1989
10"x14"
Coll. of the artist



Oil on paper 1998
8"x12"
Coll. of the artist



Oil on canvas 1985
14"x20"
Private collection

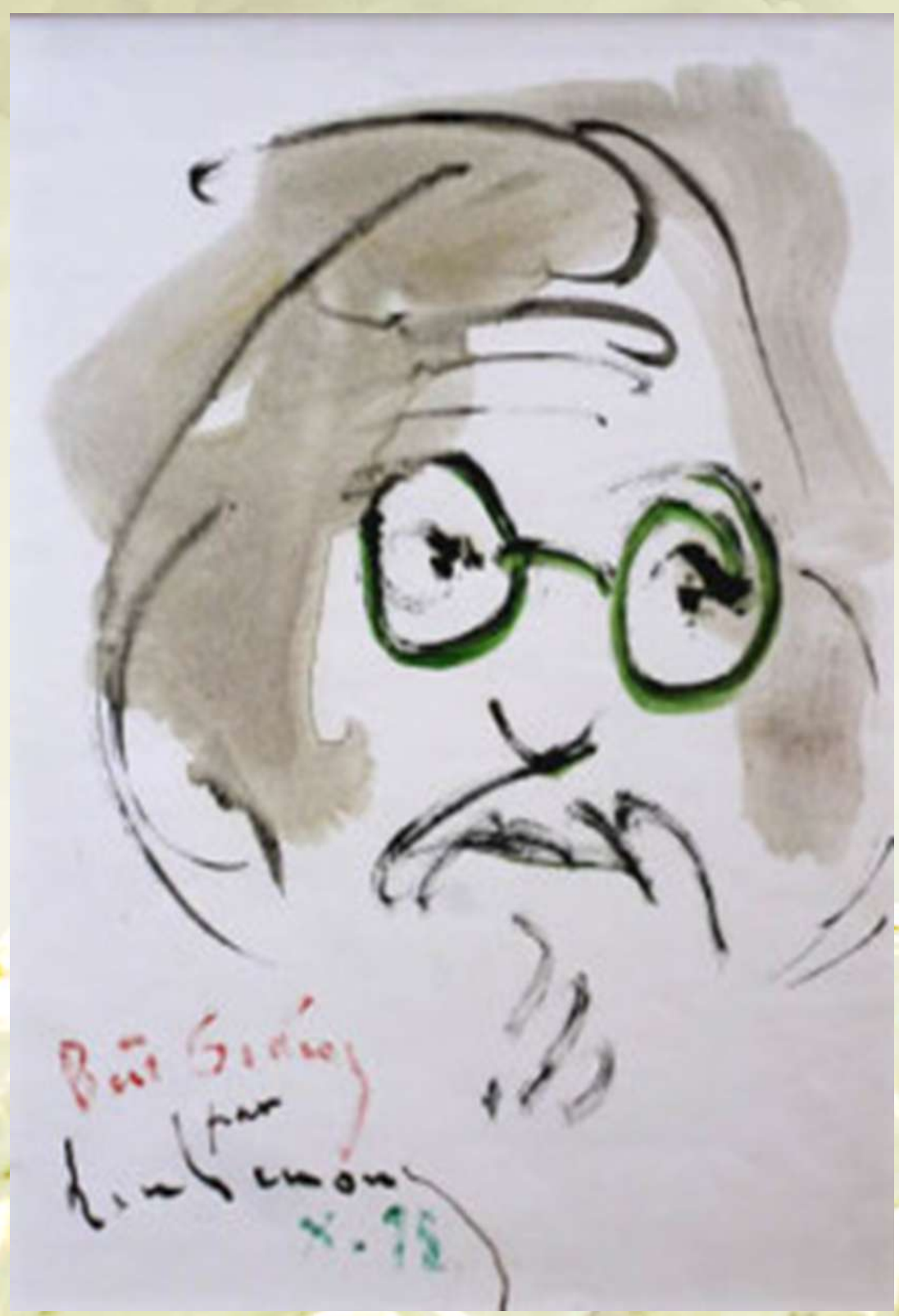


BÙI GIÁNG
WILD
TURKEY





Oil on carton 1998
10"x13"
Coll. of the artist







TỰ DO, TỰ CHỦ VÌ TỰ TIN

Cái đẹp luôn tìm cách *ở ngoài* các cái bị xếp hạng, được xếp loại, nó ra đời để *đứng ngoài* mọi ý muốn *hội nhập*, vì nó không có ý định *nhập hội*, nó lại càng tránh chuyện *«đồng hội, đồng thuyền»*, theo lối *«cá mè một lứa»* của sáng tác hàng loạt, sáng chế hàng kho. *Cái đẹp* muốn *đi riêng* vì nó muốn *sống riêng*. Khi *cái đẹp* ra đời và đã được công nhận thì tự nó đã *trưởng thành* rồi, nó không cần ai *dắt tay*, *chỉ đường*, *dẫn lối* cho nó nữa!

Cái đẹp giữa sáng tác nghệ thuật của Đinh Cường khẳng khái để khẳng định là nó có ít nhất ba tự do: tự do đi lại, tự do tồn tại, tự do khai sáng... Chính hành tác tạo hình thường nhất của họa sĩ đã bảo vệ được ba tự do này của cái đẹp! Phải nói cho rõ là cái đẹp không đòi hỏi được đứng ngoài cuộc sống, nó muốn đứng và muốn sống giữa cuộc sống bằng tự do, tự chủ của nó. Vì khi nó thật sự được công nhận, cái đẹp đã mang nội công, bản lĩnh, tầm vóc của tự tin rồi!



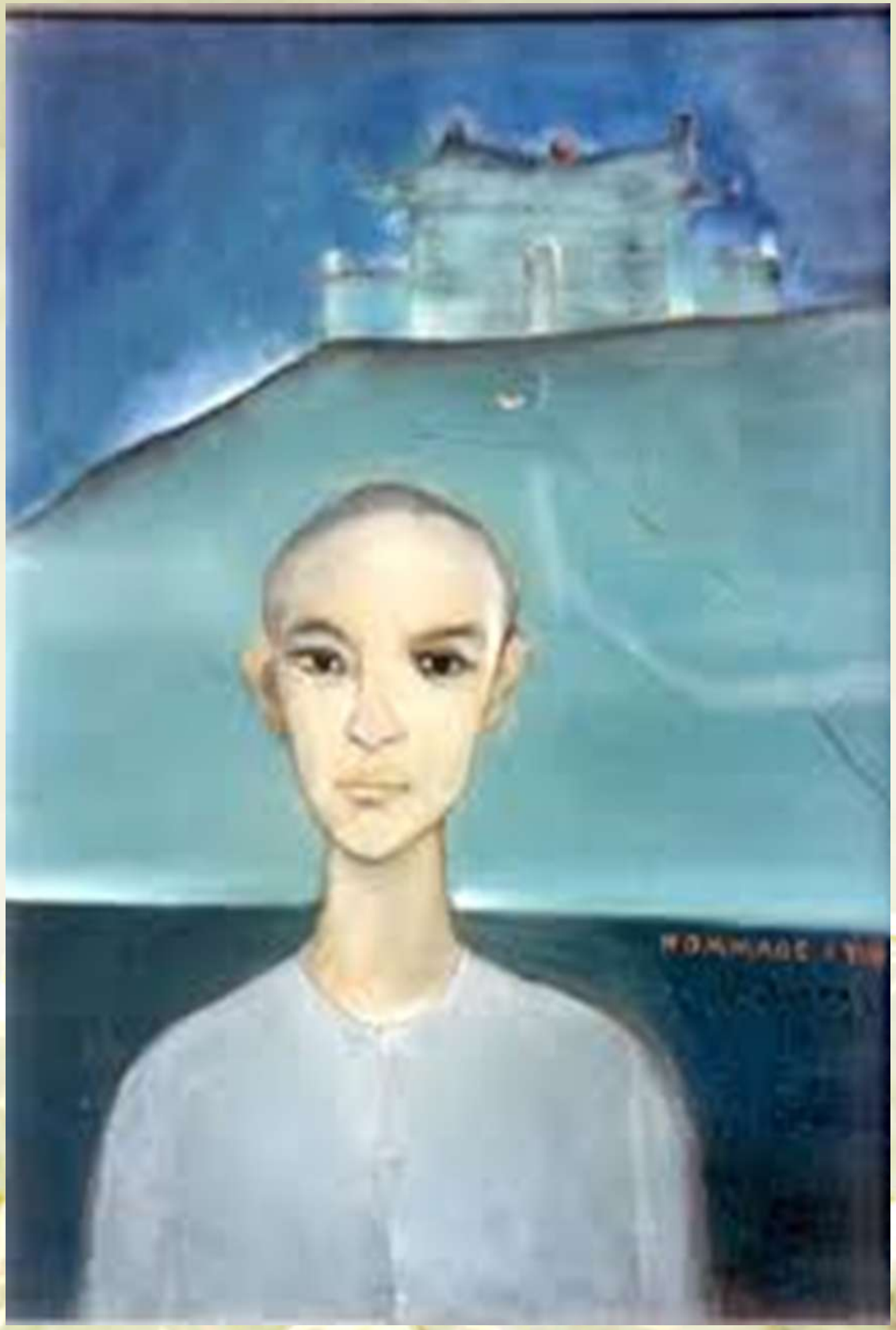



MỘT *THỰC THỂ* CHƯA CÓ MẶT TRONG CUỘC SỐNG

Năng lực nghệ thuật tạo ra *cái đẹp* là cái năng lực đi tìm cho ra *cái đặc sắc*! Mỗi sáng tạo đều có cái giá của nó, mà thành công hay thất bại trong sáng tác, tức là được công nhận hay bị phủ nhận bởi công chúng, bởi xã hội, chỉ là một thử thách trong nhiều thử thách, và thử thách chính vẫn là thử thách với chính *cái tôi* của tác giả. *Cái đẹp* nghệ thuật đi tìm phương trình mới về mỹ thuật nhưng phải nhận thử thách là *đổi*, là *thay*, có khi là *xóa*, là *bỏ* các phương trình nghệ thuật cũ: *chọn mới lánh cũ*. Tại đây *mỹ luận* phải nhận ra là trong quá trình sáng tác ra cái đẹp mới, thì kẻ sáng tạo không tìm cách *thích ứng*, không tìm cách *hòa hợp*, mà ngược lại tìm cho ra cách chống *thích ứng*, chống *hòa hợp*.

Đinh Cường đã chống lại chuyện phải sống chung với cái cũ (cái đã được thừa nhận), cái mới thật sự mới qua cái đẹp phải là cái chống lại sự dung hợp. Vì thích ứng, hòa hợp, dung hợp là còn ngụp lặn ở bên trong (trong khuôn, trong mẫu, trong thói quen, trong đường mòn…). Ngược lại cái đẹp mới đòi hỏi dự phóng mới, mong mỏi chân trời mới, vì sáng tạo trong nghệ thuật là sáng tạo ra cái mới qua một thực thể chưa có mặt trong cuộc sống.



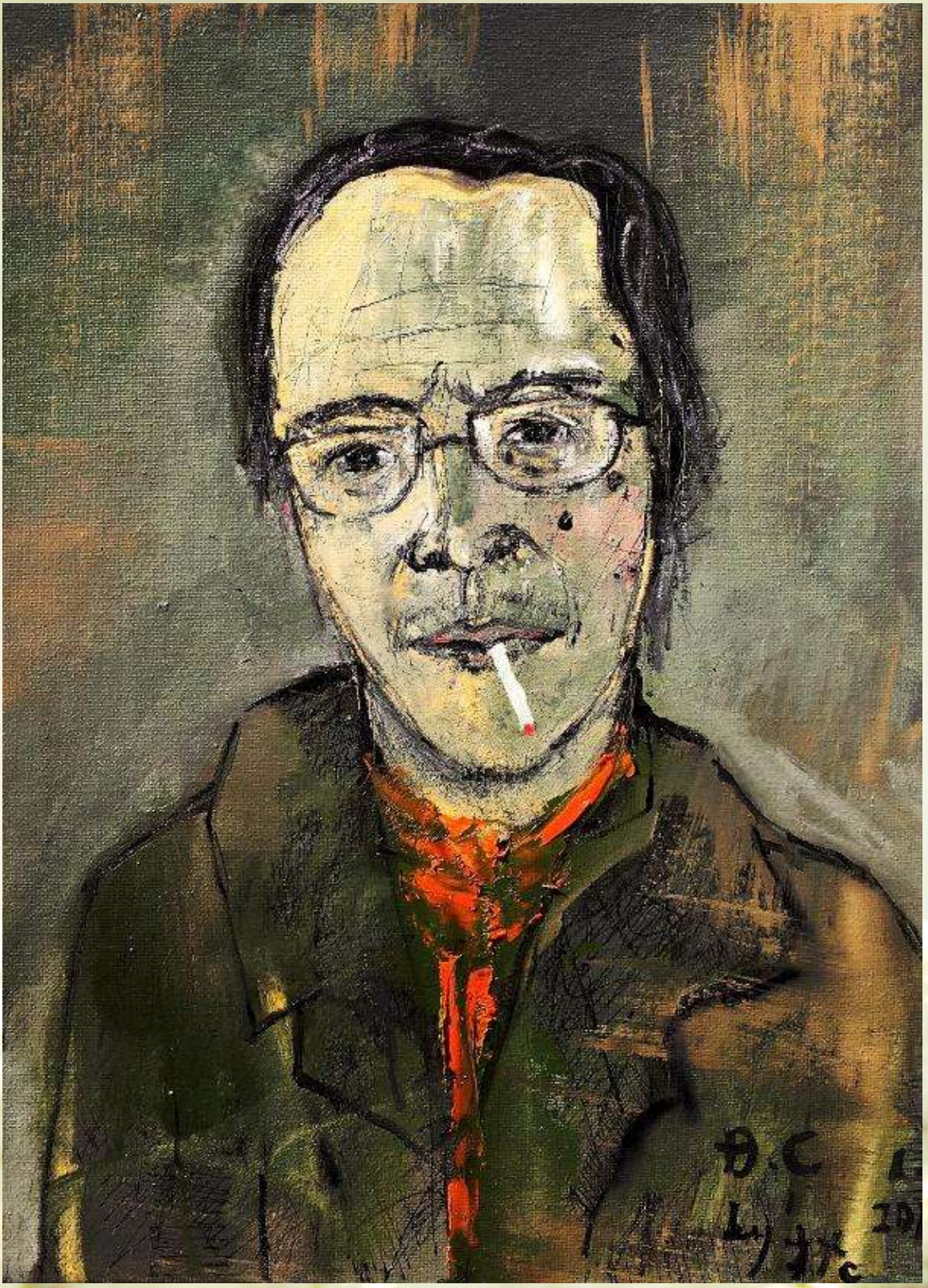



CÁI ĐẸP TÌM CÁI KẾT BẰNG TẠO HÌNH

Nhân tri xứng đáng với *nhân tính*, để *nhân mỹ* đáng xứng với *nhân phẩm*! Cái đẹp trong sáng tạo chính là một bài học không những cho mỹ thuật mà cả cho cuộc sống. Cái đẹp sáng tạo không tô hồng cuộc sống, nên nó không phải là cảnh trí cho nhân sinh, là nội thất cho nhân tình, nó là nhân tri của nhân tính. Đây là câu chuyện chính của nghệ thuật: không phải sống chỉ để sống, mà sống làm sao để cuộc sống trở nên đáng sống, tức là vừa sống sao cho đáng, vừa sống sao cho xứng, tại đây nhân tri xứng đáng với nhân tính.

Cái đẹp tìm cái kết bằng tạo hình trong nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường là sự thanh thoát trong nhân dạng của người phụ nữ Việt; là sự sâu lắng trong nhân diện của bạn bè văn nghệ sĩ Việt; là sự chịu đựng thầm kín trong nhân cách của người Việt, trước bao thăng trầm của Việt sử. Cõi người Việt trong tranh của Đinh Cường là cõi của những con người biết giữ nhân tính trước chiến tranh. Cõi người Việt trong tranh của Đinh Cường là cõi của những con người biết giữ nhân vị trước bạo quyền. Cõi người Việt trong tranh của Đinh Cường là cõi của những con người biết giữ nhân bản trên lộ trình lưu vong ngay trong đất nước của mình rồi bị đánh văng ra khỏi quê hương của mình để lưu vong xứ người. Dường như Đinh Cường đã nhận ra nhân phẩm Việt…

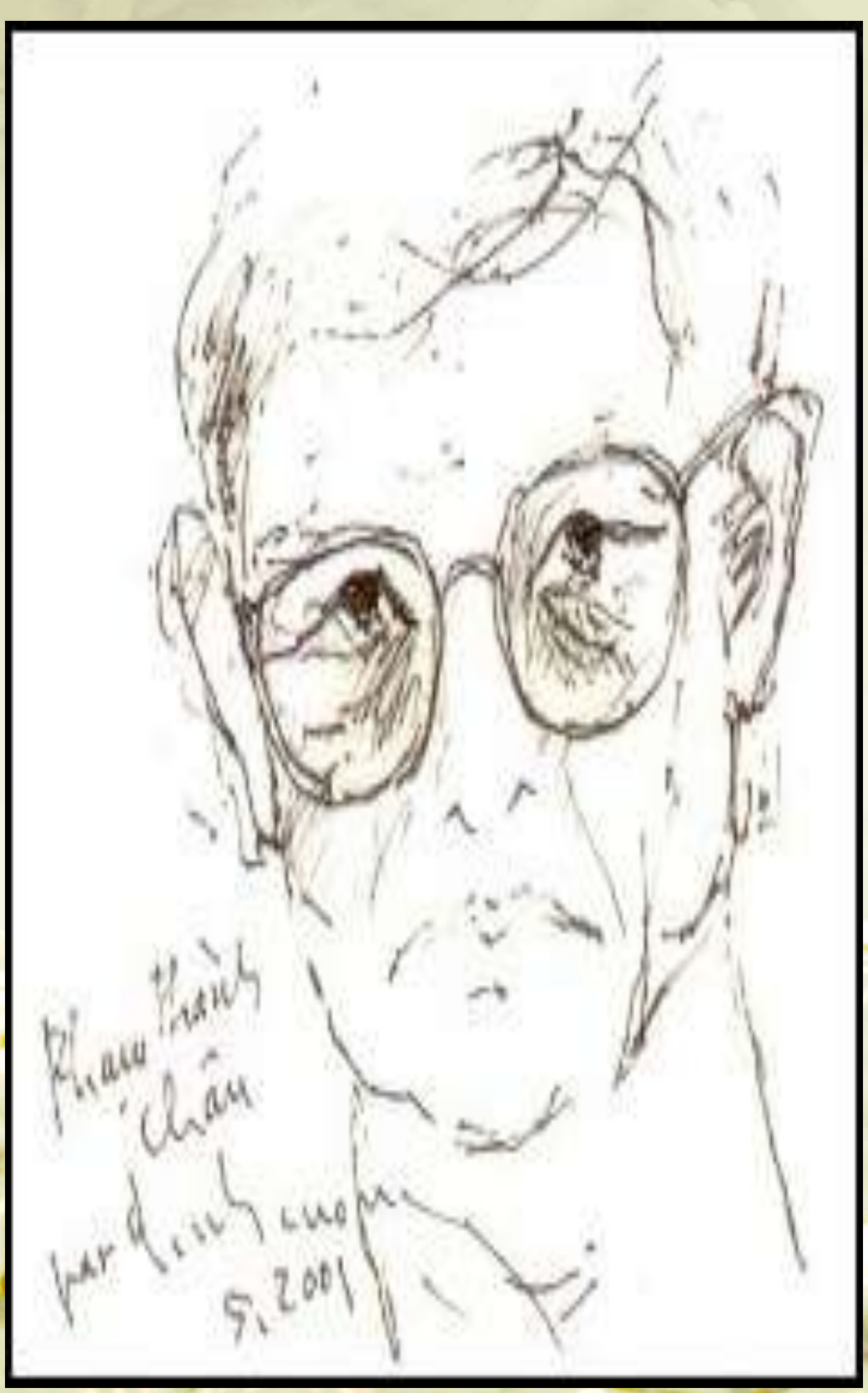







CÁI ĐẸP MỚI

Cái đẹp mới chống lại cái *ngăn sông, cấm chợ*, nó dị ứng với cái *kín cổng cao tường*, nó ưa cái *đi một ngày đàng học một sàng khôn*, nó chuộng cái *nhìn xa trông rộng* của nghệ thuật.

Vì *nghệ thuật là tự do*, ngược lại với cấm đoán, nghệ thuật không bị khuôn vào niên đại, cho nên hiện nay có những sáng tác mới rất bảo thủ, cùng lúc có những cái đẹp đã được sáng tạo từ lâu nhưng rất hiện đại.

Từ đây, *mỹ học* phải nghiệm cho rõ là khi Gauguin vẽ về các bộ tộc sống hoang dã trong thiên nhiên với sinh hoạt hoang sơ của họ tại cực nam Thái Bình Dương, thì kẻ nghiên cứu phải nhận ra cái đẹp rất hiện đại của Gauguin khi ông quyết định «*sống chết*» với cái *ban sơ* nhưng rất hiện đại của nhân loại thoải mái trong trần truồng.

Chúng ta cũng phải thấy cái hiện đại của Millet khi vẽ về đời sống nông thôn, ông đã mở cửa cho trường phái ấn tượng dễ dàng rời các mô hình về hình thể cứng nhắc kiểu cẩm thạch trong mỹ quan của các hàn lâm viện của Âu châu, để vào thế giới đầy ánh sáng, và đầy sắc màu của ấn tượng.

Trong không gian nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường thì cái đẹp mới *của mỗi tác phẩm mà họa sĩ sáng tạo ra là sự miệt mài thao tác không ngừng nghỉ, dù trong bất cứ hoàn cảnh lịch sử nào. Trong chiến tranh hoặc dưới bạo quyền công an trị, trong lưu vong rồi trong biệt xứ, thì sự sáng tạo không ngơi nghỉ của Đinh Cường đã để lại cho đời, cho người một số lượng tranh lớn. Mà ngay trong phân tích định lượng về* cái nhiều, *kẻ thưởng ngoạn tranh của họa sĩ phải nhận ra là sự miệt mài thao tác làm nên nghệ thuật của Đinh Cường luôn mới trong sự tìm tòi, nhưng là cái mới trong hằng số Đinh Cường. Cụ thể là dù mới tới đâu, kẻ thưởng ngoạn sẽ cảm nhận ra ngay hằng số Đinh Cường: tất cả sáng tạo đều phải thay đổi vì cái đẹp mới, nhưng phải thấy để thấu là không có gì thay đổi cả! Chế tác ra cái đẹp mới là bản chất của sáng tạo, luôn song hành cùng bản sắc của nghệ thuật tới từ bản thể của nghệ sĩ. Nên* vật đổi sao dời*, nhưng ta vẫn là ta!*

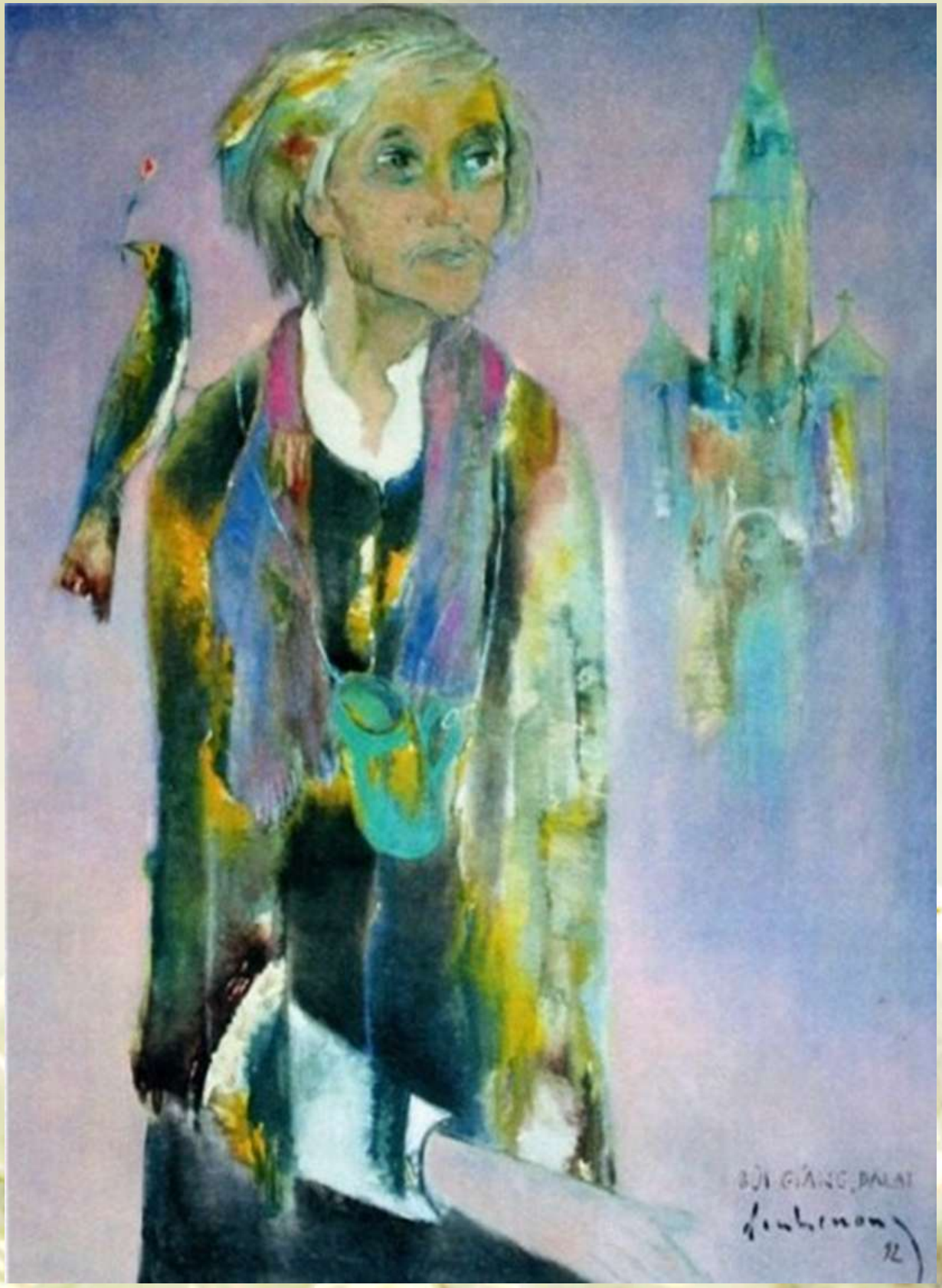







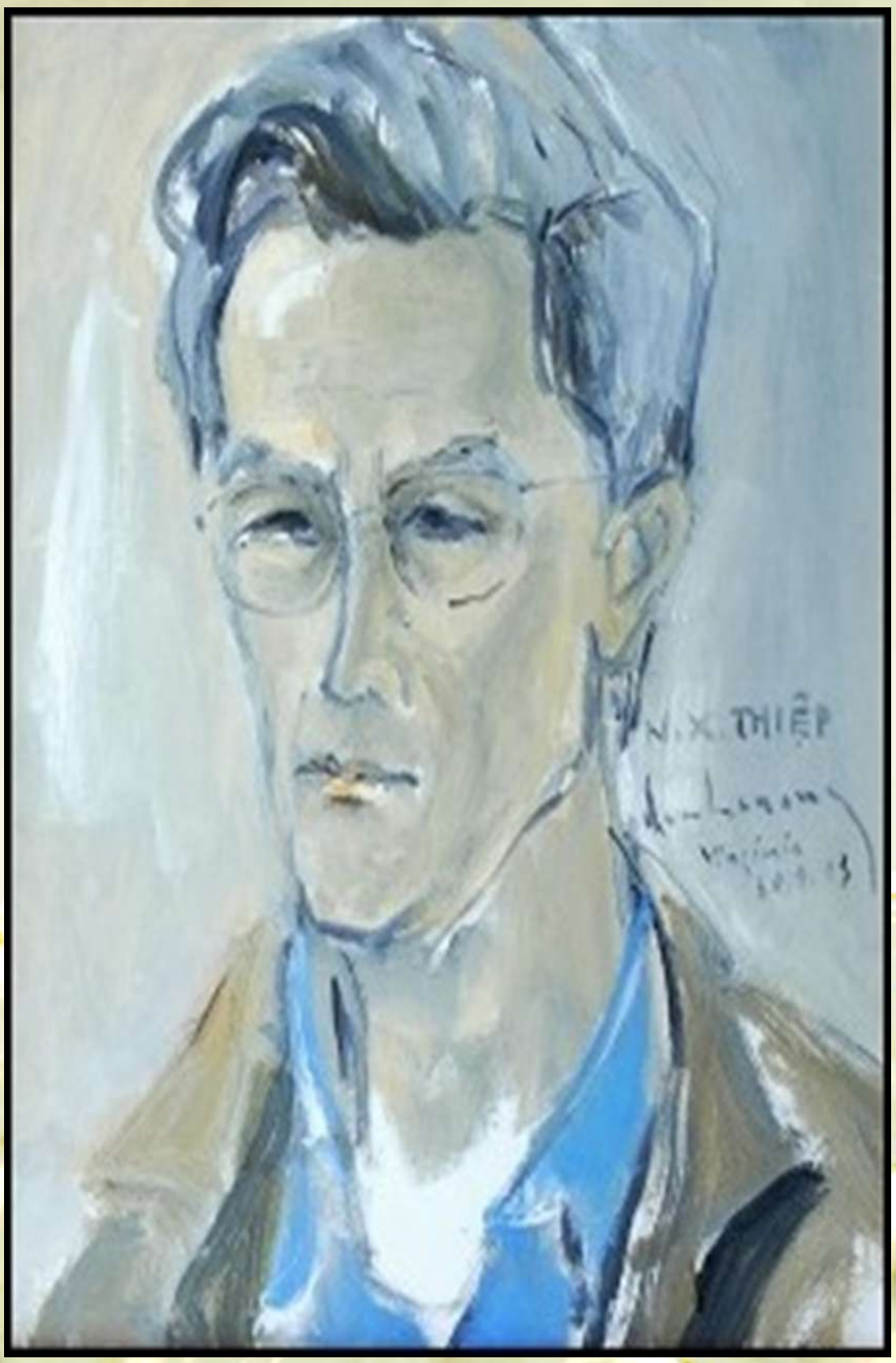
N. X. THIỆP

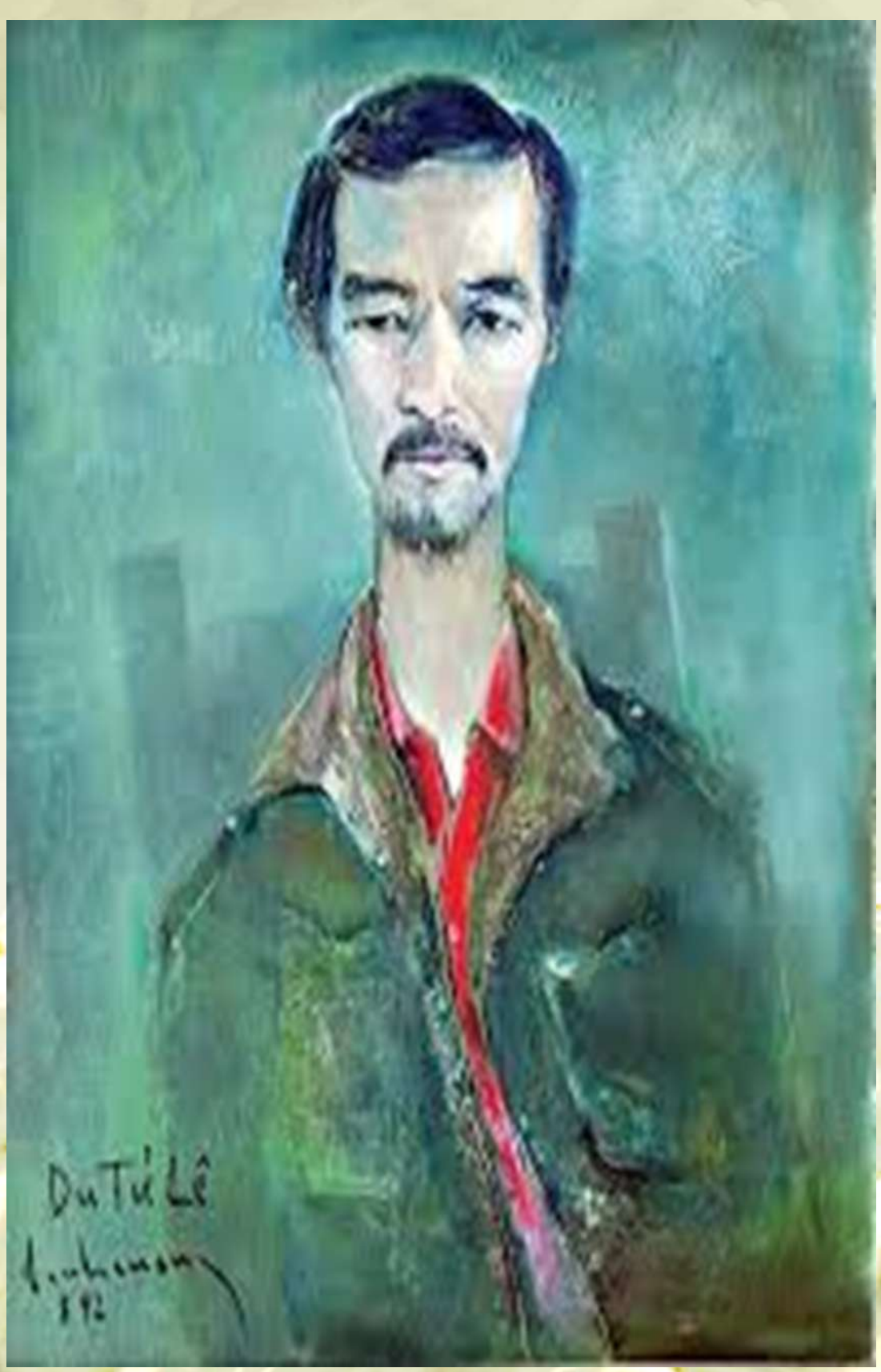
Du Tử Lê

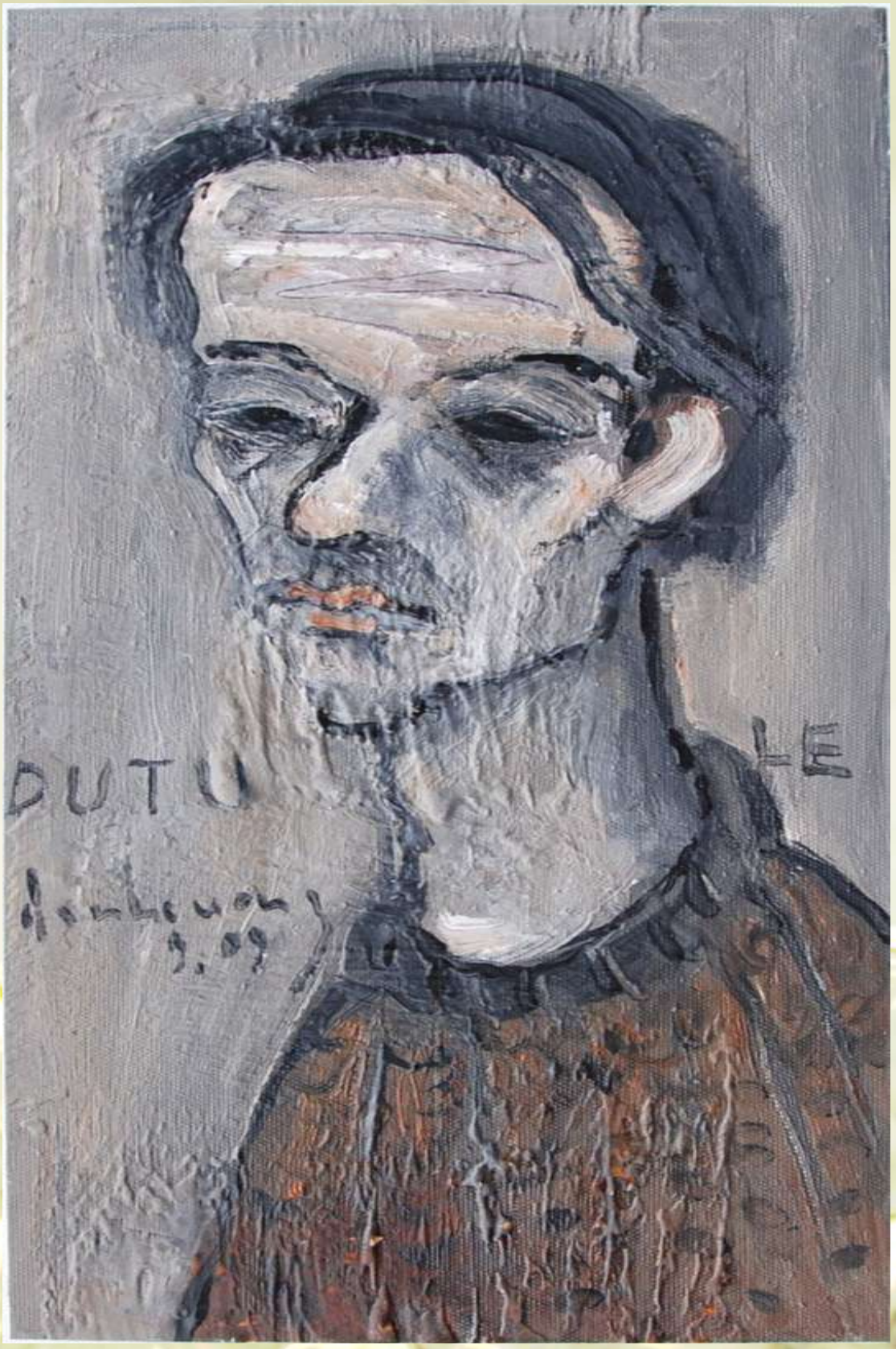
DUTU
LE

NGHỆ THUẬT HẰN LÊN
NỖI LO CỦA NHÂN SINH TRƯỚC NHÂN KIẾP

Chúng ta nhìn một tác phẩm được giới thiệu là nghệ thuật, chúng ta nhận ra được nội công, bản lĩnh, tầm vóc của nghệ sĩ đã làm nên tác phẩm này, xa hơn nữa chúng ta cảm nhận được nội dung nhân sinh của nghệ sĩ này, sâu hơn nữa chúng ta chia sẻ được nhân sinh quan có trong nhân tính của nghệ sĩ này, rộng hơn nữa chúng ta đồng hành cùng thế giới quan có trong nhân tri của nghệ sĩ này, và cao hơn nữa chúng ta có thể đồng hội, đồng thuyền với vũ trụ quan có trong nhân bản của nghệ sĩ này.

Như vậy, nghệ thuật không ngừng ở cách nói xuôi: *chân, thiện, mỹ*, mà ta thường hay nghe tới nhàm tai, tới chán, câu hỏi được đặt ra nghệ thuật có thật sự là cao, sâu, xa, rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ hay không? Hình như là có! Vì chính người nghệ sĩ ngay trong sáng tạo của mình luôn muốn đi xa, đào sâu, với cao, nới rộng phạm trù này.

Và người thưởng ngoạn, thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật, chúng ta cũng đòi hỏi người nghệ sĩ giúp ta đi cao, sâu, xa, rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ; vì phạm trù này luôn ẩn nấp cái khung, cái khuôn, có khi lại trở thành cái nhà tù lúc nào mà chúng ta không hay! Nên nghệ thuật phải có gốc, rễ, cội, nguồn trong hệ thức nơi mà: kiến thức tạo tri thức để dựng trí thức, rồi chế

tác ra ý thức để xây nên nhận thức giúp nhân loại phải luôn tỉnh thức.

Chính hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức, tỉnh thức)* là nội công, bản lĩnh, tầm vóc của nghệ sĩ

đã dẫn đường cho nghệ sĩ này trong hệ sáng: lấy sáng kiến ngay trong nhân sinh, để sáng chế ra một mỹ quan, rồi sáng lập ra một mỹ cảm mà tên gọi của nó là sáng tạo ra một mỹ thuật. Nên các nhà phê bình và nghiên cứu về mỹ học cũng phải có là nội công, bản lĩnh, tầm vóc của hệ thức lẫn cả hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tạo), vì nếu không có tối thiểu hai hệ này thì không còn là phê bình và nghiên cứu, mà chỉ là tán mà tán thì rất dễ rơi vào tán nhảm, tán nhàm, sinh ra tán dóc, tán loạn…).

Hệ *mỹ (mỹ quan, mỹ cảm, mỹ thuật, mỹ học)* chính là hiệu quả đã trở thành kết quả của hệ thức biết song hành cùng hệ sáng. Nên sư phụ G.Genette cứ dặn các môn sinh chúng mình là trong phê bình và nghiên cứu là chúng ta bắt buộc phải đặt một mức thang: muốn phê bình một tác phẩm thật sự là nghệ thuật thì chính bài phê bình của nhà phê bình cũng phải là một tác phẩm!

Cái độc của độc đảng làm nên độc tài trong vô tri, độc quyền trong vô minh, độc trị trong vô giác, độc tôn trong vô nhân, thì chính hệ độc này (độc đảng, độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn), nó giết để diệt hệ thức lẫn

hệ sáng. Cụ thể là nó tiêu diệt sáng tạo nghệ thuật chính thống, cùng lúc tiêu hủy luôn trí thông minh của một dân tộc, giống nòi trong sinh hoạt nghệ thuật và sáng tạo, đưa đất nước và dân tộc vào tà lộ của ma ngục bằng hệ vô (vô tri, vô minh, vô giác, vô nhân).

Và câu chuyện này bỗng nhiên trở nên trầm trọng vì nó vượt qua, vượt lên câu chuyện nghệ thuật khi chúng ta dùng cụm từ: vô nhân, vì vô nhân mở đường cho bất nhân (mất nhân tính), rồi dẫn lối cho thất nhân (bỏ nhân phẩm)!

Vì vậy chúng ta nên mở rộng câu chuyện về nghệ thuật, khi chúng ta thấy được hệ thức song hành cùng hệ sáng để chống lại hệ vô, đứa con độc tôn của hệ độc, như một loại thuốc độc, và nó độc vì nó diệt hệ nhân. Nó diệt nhân tính ngay trong nhân sinh, nó giết nhân bản ngay trong nhân thế, nó chôn nhân văn ngay trong nhân tình, nó vùi nhân tri ngay trong nhân loại.

Từ đây, nhân đạo cùng nhân nghĩa sẽ không có lối thoát, vì nhân từ và nhân ái đã bị nó giết rồi, do thuốc độc mà nó tự chế ra! Rất dễ nhìn ra cái độc, quả độc hại của loại thuốc độc này qua hệ vô (vô tri, vô minh, vô giác, vô nhân) ngập trong sinh hoạt xã hội, tràn trong quan hệ xã hội, đầy trong đời sống xã hội.

Nghệ thuật hằn lên nỗi lo nhân sinh trước nhân kiếp, không hề bị lạc đề, nếu chúng ta có hệ thức song hành cùng hệ sáng để nhận ra các chỉ báo của các tác phẩm

nghệ thuật mỗi khi nghệ thuật trả lời câu hỏi chân, thiện, mỹ, và trong thực tiễn của sáng tác có những tác phẩm nghệ thuật đi xa, đi cao, đi sâu, đi rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ, vì nó *có nội dung của nhân bản trong nhân sinh, của nhân văn trong nhân kiếp; có giá trị của nhân vị trong nhân sinh, của nhân đạo trong nhân kiếp, có tư tưởng của nhân tri trong nhân sinh, của nhân trí trong nhân kiếp.*

Kết chuyện mà không kết luận: những nghệ sĩ của Việt tộc đang sáng tác, hãy đưa nội dung thật của hệ nhân vào nội công sáng tạo của mình; các nhà phê bình và nghiên cứu nghệ thuật hãy đưa giá trị thật của hệ thức vào công trình của mình, và cả hai hãy nâng trình độ thưởng thức nghệ thuật của xã hội bằng hùng lực của tư tưởng thật để đánh thức hệ thức của Việt tộc mình.

Trong không gian tạo hình của Đinh Cường thì những nỗi lo của nhân sinh không phải là chuyện cơm áo gạo tiền mà là những nỗi lo song hành cùng nỗi buồn tới từ bao tàn phá do chiến tranh gây ra… Trong không gian nghệ thuật của Đinh Cường thì những nỗi lo của nhân sinh không phải là chuyện chén cơm manh áo mà là những nỗi lo song hành cùng nỗi buồn tới từ bao đổ vỡ do tù đày gây nên… Trong không gian suy tưởng của Đinh Cường thì những nỗi lo của nhân sinh không phải là chuyện giá áo túi cơm mà là những nỗi lo song hành cùng nỗi buồn tới từ bao mất mát do lưu vong tạo ra…


NGUYỄN ĐỨC SƠN




THÁI
BÔ
XÁM
THẾ UYÊN

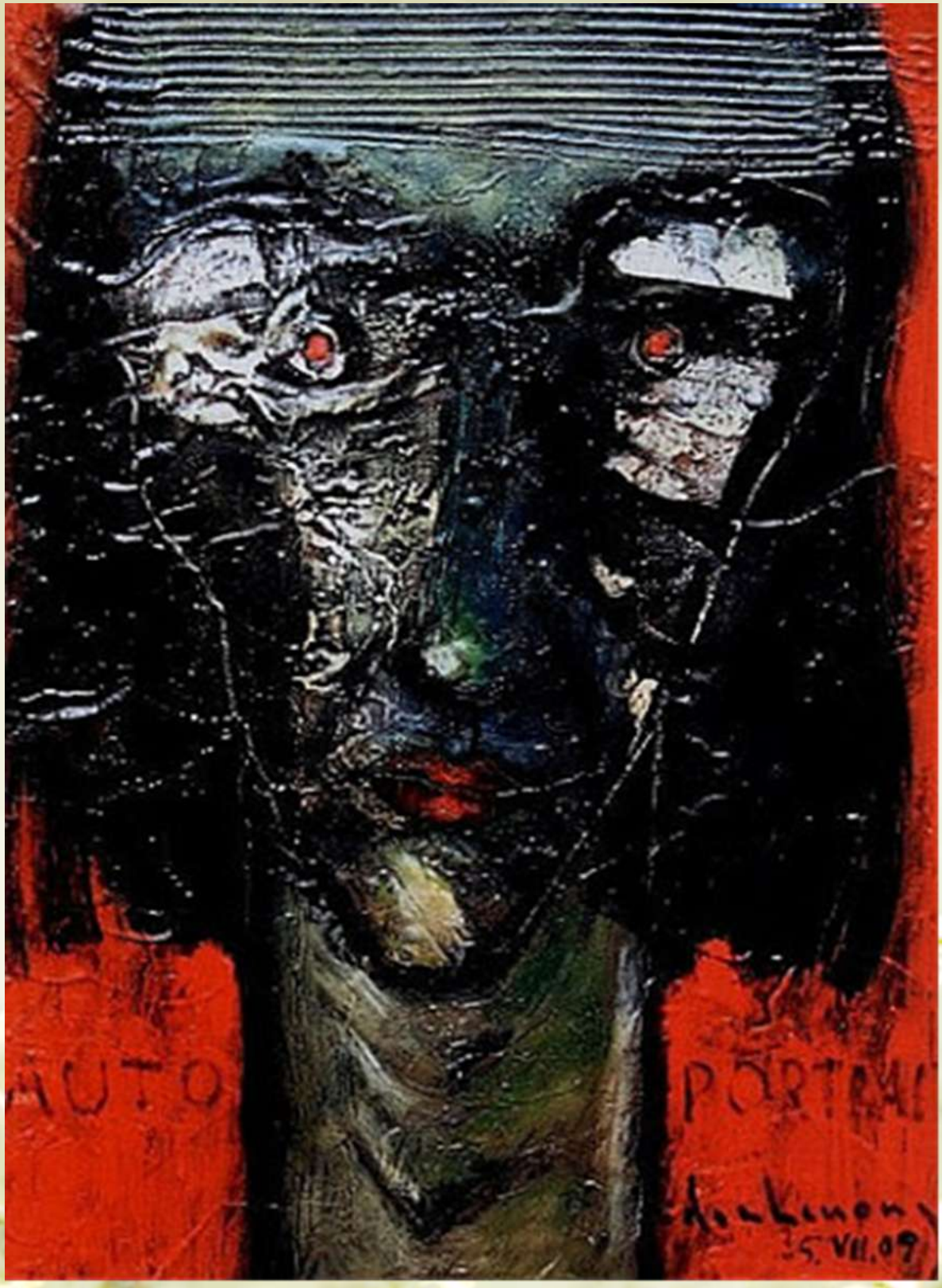
AUTO
PORTRAI
15. VII.09





THIÊN THẦN ĐẸP TRONG CÕI TÂM

Từ khi ra đời cho tới khi lìa đời, chúng ta chắc cũng không gặp được các thiên thần để được đối diện mà đối thoại, nhưng qua nghệ thuật chúng ta muốn gặp thiên thần lúc nào cũng được, nếu không thấy các thiên thần các nơi có tôn giáo, thì cũng rất dễ gặp các thiên thần trong các bảo tàng viện. Chúng ta cũng có thể tới các cuộc triển lãm nghệ thuật, hay là chúng ta tới thẳng mà gỏ cửa nhà của các nghệ sĩ, nghệ nhân để được thấy các thiên thần trong không gian sáng tạo của họ. Những nghệ sĩ, nghệ nhân này cũng như chúng ta, họ chưa bao giờ được trực diện với thiên thần bằng xương bằng thịt, nhưng họ có thể để cả đời mà sáng tác trên chủ đề các thiên thần.

Có một chuyện vừa hay vừa lạ nữa là chúng ta không cần theo một tôn giáo nào, chúng ta đều nhận ra được cái đẹp của các thiên thần làm nên cả một cõi đẹp thanh khiết trong thảnh thơi, thong dong trong thư thả. Từ đây, ra đời một *vũ trụ quan* tới từ sự tưởng tượng của con người đã sáng tạo ra rồi dâng cho mỗi chúng ta một *thế giới quan* về một cõi đẹp có thiên thần đẹp, có cảnh quan đẹp, có cả quan hệ đẹp, có sinh hoạt đẹp, có đời sống đẹp…

Chính tất cả cái đẹp này lại đủ bản lĩnh để tạo ra một *nhân sinh quan* đẹp. Và chúng ta ai cũng muốn sống trong liên minh *vũ trụ quan-thế giới quan-nhân sinh quan* để chính cuộc sống, cuộc đời của chúng ta cũng được đẹp như vậy. Con người khi biết mong cầu về cái đẹp, con người sẽ đưa sự tưởng tượng tới gặp sáng tạo, con người sẽ dẫn sự hình dung tới gặp sáng tác, con người sẽ dắt sự mường tượng tới gặp tuyệt tác, chính đây là sức mạnh của sáng tạo nghệ thuật. Đừng dùng chính trị có ý thức hệ quá khích, đừng

dùng tôn giáo với giáo điều cực đoan mà phủ nhận phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt tác* này. Hãy thấy để thấu:

- *Nội lực của nghệ thuật* trong cách dựng *chủ đề thiên thần* có một cõi riêng, không phải cõi người những con người thấy, thấu, thấm cõi đó.
- *Sung lực của nghệ thuật* trong cách xây *thiên thần cảnh quan* không phải cõi người, có lẽ là cõi trời, và chính con người sáng tạo ra cõi trời này.
- *Hùng lực của nghệ thuật* trong cách giới thiệu các *sinh hoạt thiên thần* với các thiên thần mang nhân dạng người nhưng biết bay, mang nhân diện người với cái đẹp của cõi thanh, không một dấu vết gì về cõi tục.
- *Mãnh lực của nghệ thuật* trong cách xây dựng *quan hệ giữa các thiên thần* với nhân dạng của người trong thái hòa, với nhân diện của người trong an nhiên …

Cõi thái hòa, miền an nhiên tới từ vùng *nhân-tri-sáng-tạo-tác-phẩm* để làm nên *nhân phẩm*!

Thiên thần trong không gian nghệ thuật của Đinh Cường không tới từ cõi thánh thần hay tôn giáo, mà tới từ cõi tâm của hy sinh, của chịu đựng, của mất mát… qua chiến tranh rồi lưu vong của bao thiếu nữ đã mất trắng tình yêu, mất trọn người yêu. Nhưng họ vẫn giữ được một nhân cách đẹp trong thanh thoát, dường như những đau khổ của mất mát không hằn được gì trên nhân diện của họ, tại đây nhân mỹ xứng đáng với nhân phẩm!




ELENA. VIRGINIA
STARBUCKS COFFEE
OCT 21. 2015





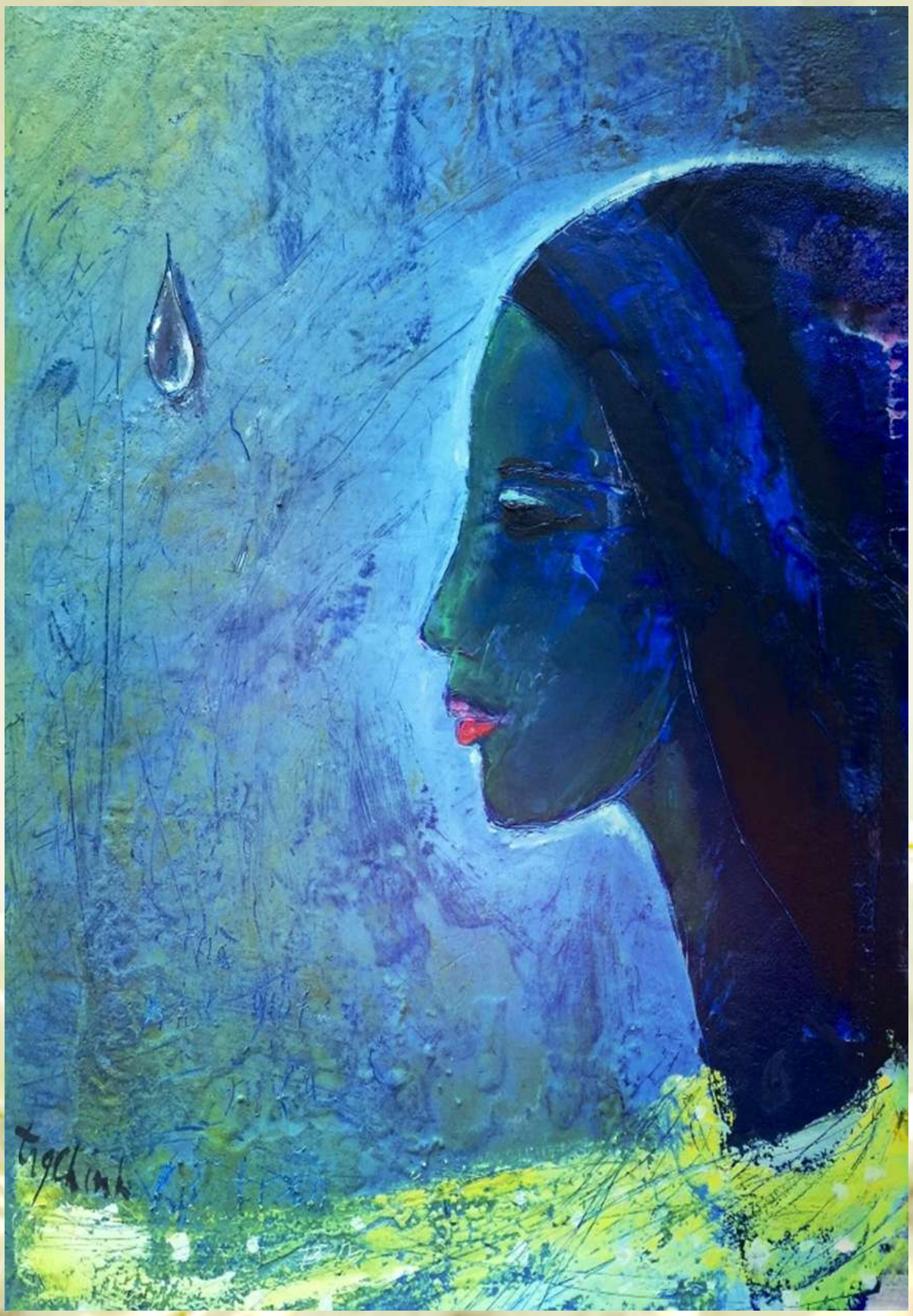









NHÂN SINH
VỊ
VŨ TRỤ

Nhận diện thế giới quan sinh sắc

"Khóa ơi, moi cần về lại quê nhà thường xuyên Khóa à;
Có khi về rồi cũng chẳng để gặp ai, bạn bè xưa đã qua đời rồi.
Moi thường về lại miền Trung, một thân một mình tới Hội An, tối ra Cửa Đại, mướn một cái chiếu nằm cả đêm chỉ để nhìn ngân hà, trời sao… để thấy sao vũ trụ đẹp quá!"

ĐINH CƯỜNG, Xuân 2010, Sài Gòn.



NHẬP NỘI VÀO KHÔNG GIAN TẠO HÌNH CỦA ĐINH CƯỜNG LÀ ĐI TÌM MỘT THÔNG ĐIỆP SỐNG NGẦM CỦA CÁI ĐẸP

Cái đẹp được hình thành trong khám phá nghệ thuật mang tên gọi là *sáng tạo*, nhưng chính nghệ sĩ sáng tạo ra nó cũng chưa chắc thấu triệt toàn bộ hành trình của nó, từ khi bắt đầu tới khi hoàn tất. Tại đây có vai trò của *tiềm thức* khi nhận những ảnh hưởng tới từ các nghệ sĩ khác. Và, *phân tâm học* sẵn sàng sử dụng phạm trù *vô thức* để tìm hiểu các diễn biến trong tư duy sáng tạo của nghệ sĩ. Gần đây, *tri thức luận* dựa vào các kết quả của *não bộ học* để giải thích công việc của khu vực mỹ thuật trong não bộ có vai trò trọng yếu trong cách tiếp cận *mỹ thuật*, qua đóng góp nghiên cứu của Dejeune. Nhưng công việc phân tích của *mỹ học* vẫn phải tiếp tục trên quỹ đạo của *cái đẹp* đưa *tính hiện đại* vào *hiện tại*, để làm ngược hoặc để chống lại *sự hiện diện* của thói quen cổ điển. Cái đẹp đưa ra trong sinh hoạt nghệ thuật và nhân sinh một định nghĩa mới về thế nào là *sự thật*? Cùng lúc khẳng định *sự thật* luôn ở *số nhiều* trong hệ *đa* (*đa tài, đa năng, đa hiệu, đa lực, đa trí).*

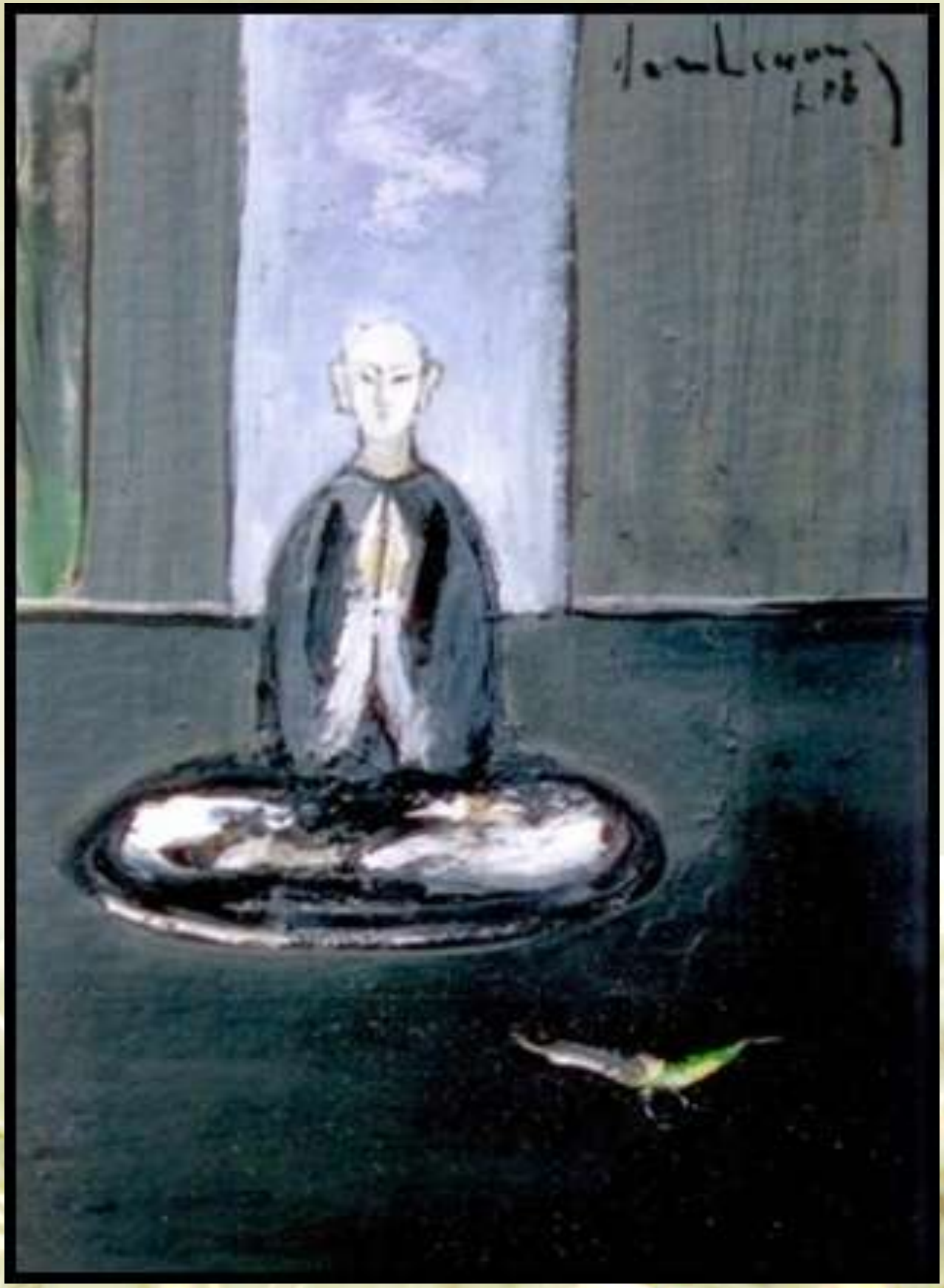

Ý LỰC *CỦA* NGUYỆN CẦU

Đâu ai biết người đang nguyện cầu, họ nguyện cầu gì? Chỉ có họ mới biết sâu xa nguồn cội sự nguyện cầu của họ, cho nên chúng ta tránh suy đoán của chúng ta biến thành võ đoán về kẻ đang nguyện cầu. Nguyện hình như rèn luyện một ý muốn để biến nó thành ý lực; cầu hình như là gởi mong cầu vào một niềm tin, và niềm tin đó có khi dính dáng tới tôn giáo, Thượng đế, có khi không hề dính dáng gì tôn giáo, Thượng đế.

Nhưng câu chuyện nguyện cầu mà tôi muốn kể tại đây trước hết là chuyện của chúng ta, chẳng hạn như tôi đây bị xếp loại là vô thần, tức là không tin có Thượng đế, nên không theo một tôn giáo nào, nhưng tôi thấy hình ảnh (từ tướng mạo tới phong cách tạo ra chân dung) của kẻ đang nguyện cầu thật đẹp!

Cái đẹp rất trong sáng của một nội lực biết tạo dựng niềm tin cho chính mình. Như vậy, chính con người chế tác ra niềm tin, vì tin vào nội dung, tư tưởng và nhất là giá trị của niềm tin mà họ chế tác ra, chớ không phải Thượng đế… Và các nghệ sĩ đã thấy rõ và cảm nhận được vẻ đẹp này, họ để lại những áng văn, những câu thơ, những tạo hình từ hội họa tới điêu khắc, để ghi rõ, nói hay, vẽ đẹp, khắc sâu về động thái có trong hành tác của kẻ đang cầu nguyện.

Vô thần nhưng không vô tri, nên không hề vô giác để trở thành vô cảm, nên khi chúng ta thấy một người đang nghiêm khẩn cầu nguyện, chính chúng ta cũng phải nghiêm túc khi đứng gần, ngồi cạnh họ. Chính sự thành khẩn của

kẻ đang nguyện cầu đưa chúng ta vào một không gian nhân sinh luôn cần chỗ dựa vào một niềm tin để gìn giữ nhân phẩm. Và những người đang cầu nguyện có quyền hỏi chúng ta những kẻ vô thần (nhưng luôn muốn nhìn để thấy, hiểu để thấu nỗi khổ niềm đau của đồng loại) là: niềm tin của chúng ta là gì? Nó đang ở đâu? Nó có chỗ đứng hàng ngày trong tâm can chúng ta không?

Những tác phẩm về chân dung, diện mạo, hình tướng của người Việt trong vị thế nguyện cầu, để dựng lên nhân vị người Việt thành khẩn, nghiêm cẩn trước cuộc sống, tin vào cuộc sống như tin vào lòng tự tin của chính mình là phải bảo vệ nhân cách dù nhân thế đang chịu bao vật đổi sao dời.

Hình tượng của Việt tộc cầu nguyện cho hòa bình sẽ tới, phải tới vì chiến tranh phải chấm dứt! Trong sáng tác điêu khắc về hình thể của bà: ý nguyện là ý lực! Ý lực về sự sống với ý chí muốn sống: sống lành, sống đẹp trước tàn phá và truy diệt của chiến tranh như quỷ dữ đang muốn xóa hủy nhân sinh để xóa sổ nhân tính lẫn nhân phẩm…

Mỗi ngày sống trong cõi tâm linh nhiều hơn sống với cõi thực của đời thực trong một xã hội thực đầy kỳ thị, dầy thị phi đó chính là thi sĩ Hàn Mạc Tử, người thầy cõi tâm linh này hằng ngày phải tìm cách thoát ra khỏi một xã hội đã làm ông dở sống, dở chết, tức là sống không ra sống mà chết không ra chết, và ông đã chọn nhân vị của nguyện cầu:

Lạy Mẹ Maria linh hồn con ớn lạnh.
Run như run thần tử thấy long nhan…

Nếu bạn là người hữu thần, tin vào Thượng đế, vào tôn giáo, thì bạn sẽ thấy Hàn Mạc Tử đang quỳ gối trước Đức Mẹ Maria; còn nếu bạn là kẻ vô thần như tôi, bạn sẽ có một diễn luận khác để có một giải luận khác, nơi mà nhân sinh đang ở trong họa nạn, trong cô đơn tuyệt đối làm nên ớn lạnh trong cô độc, cô thế ngay trong chính nhân loài của mình.

Mình đang sống với đồng loại của mình mà sao mình lại cô đơn, cô độc, thân cô, thế cô tới như vầy! Chính tôi đây, đã sau Hàn Mạc Tử một thế kỷ, đang rơi sâu (*Ai mang tôi bỏ giữa trời sâu?*)

Tôi nguyện cầu cho họ là đồng bào tôi chung trứng Âu Cơ, vì cùng mẹ cùng cha với tôi, vì cùng là thành viên của Việt tộc, nguyện cầu mong họ có được thảnh thơi trong nhân tâm, có được thong thả trong nhân từ, có được thư thái trong nhân vị. … Chúng ta hãy xem kỹ để hiểu thấu các nghệ sĩ, từ họa sĩ tới điêu khắc gia sau đây, đã biết quý nhân sinh, vì biết vinh danh sự nguyện cầu, họ đã đưa chất tin vào chất sống của nhân loại…

Đêm qua nguyện tận tinh cầu
Đêm nay nguyện thấu nhiệm mầu nhân sinh.

Những kẻ có nhân dạng nguyện cầu trong không gian tạo hình của Đinh Cường, là những người đã lấy nhân kiếp của chính mình để chứa đựng bao hậu quả, bạo hậu nạn từ chiến tranh tới bạo quyền độc đảng toàn trị, từ ngục tù tới lưu vong..









Đêm thắp nhang ngoài trời mù sương
oil con canvas 24 x 30 in



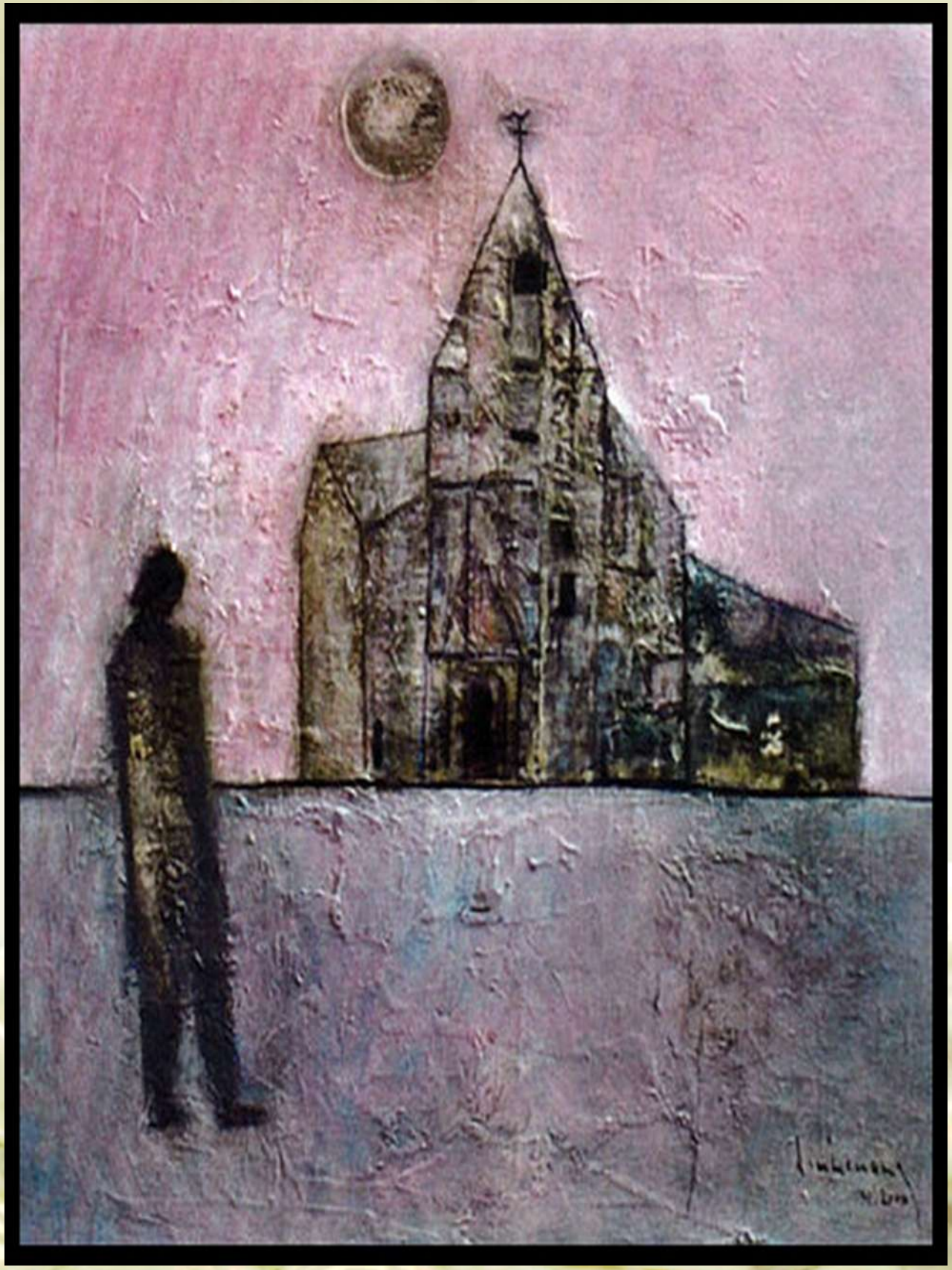

CÕI KHÔNG NGƯỜI MÀ VẪN NGƯỜI

A.Breton, đầu lãnh phái siêu hiện thực, có lần khuyên những ai yêu nghệ thuật: *«Đừng tới bảo tàng viện nữa! Vì trong bảo tàng viện, các tác phẩm nghệ thuật được bày vẻ một cách cố hữu của loại lý luận hàn lâm, không làm cho người thưởng ngoạn nghệ thuật còn chút xíu gì ngạc nhiên... Những ai yêu nghệ thuật mà muốn ngạc nhiên, muốn sững sờ với những cái vừa đẹp, vừa lạ, thì hãy ra: chợ trời!»*.

Chúng ta cứ vừa vào các *bảo tàng viện*, cứ vừa ra các *chợ trời* có các dấu vết của nghệ thuật, nhưng chúng ta đừng quên một nơi, nhất là khi các bạn ghé các quốc gia Pháp, Ý, Tây Ban Nha… để được hưởng không khí nghệ thuật *ngoài trời* với các tác phẩm điêu khắc có chỗ đứng vừa trung tâm, lại vừa tinh tế trong các công viên. Các tác phẩm điêu khắc này đã tạo nên cõi người, ngay khi công viên không có người, không còn người: *Cõi không người mà vẫn người!*

Trong các công viên này, có lúc chúng ta gặp chân dung của các danh nhân, các hiền triết, chúng ta thường gặp nhất là vóc dáng phụ nữ thật đẹp; được các trường phái nghệ thuật của quốc gia Âu châu thuộc các vùng văn minh của Địa Trung Hải. Nơi mà nghệ thuật điêu khắc đã khai phóng sáng tạo của các nghệ sĩ để họ khai thị thưởng thức trong mỗi chúng ta về cái đẹp của nhân

dạng, lúc *trần vai* trong thong thả, khi *trần lưng* trong thư thái, có cả *trần thân* trong thanh thoát…

Thong thả, thư thái, thanh thoát đã tạo cho chúng ta từ trực quan nghệ thuật tới cảm xúc nghệ thuật một trạng thái thật an nhiên trong ung dung. Nơi mà cái vừa *đẹp*, vừa *thanh* làm nên cái *trong*, cái *sáng*, nên cái *tục* không có chỗ đứng, ghế ngồi tại đây! Câu chuyện của các công viên bỗng nhiên trở nên quan trọng, trong những nơi không có người, không còn người, một c*õi không người mà vẫn người*, một không gian giúp ta thong thả, thư thái, thanh thoát trong an nhiên tự tại để thưởng ngoạn tức khắc, để thưởng thức sâu đậm các tác phẩm nghệ thuật.

Tại sao câu chuyện này bỗng nhiên trở nên quan trọng? Chỉ vì từ đời sống thường nhật cho tới cuộc sống xã hội nơi mà sinh hoạt cá nhân hoặc nghề nghiệp đã không còn cho chúng ta thời gian để sống trong thong thả, thư thái, thanh thoát, để *tạm ngừng* công việc mà hưởng các thời khắc của an nhiên tự tại. Chúng ta hãy biết *tạm ngừng* trong các công viên của c*õi không người mà vẫn người* để *tự biết* là mình còn biết *tự ngừng* để cái những cái đẹp thong thả, thư thái, thanh thoát giúp chúng ta *tự thấu* là cái đẹp còn đây!

Mà cái đẹp còn thì cuộc sống hối hả đã tự mất sức ép của nó, cuộc đời giục giã đã tự tiêu áp lực của chính nó. Bây giờ thì tôi phải để bạn chọn một trong hai cõi sau:

- Cõi *không biết ngừng* của hối hả-giục giã, cõi của những kẻ không *tự biết*.
- Cõi *tạm ngừng* của *tự ngừng-tự biết-tự thấu* để *tự cảm* là cái đẹp còn đó.

Nếu bạn chọn cõi thứ hai: cõi *tạm ngừng* của quốc gia Âu châu thuộc các vùng văn minh của Địa Trung Hải, thì khi bạn ghé các quốc gia này, các bạn nhớ thăm các công viên, để *«tự bắt buộc mình»*: phải tạm ngừng! Phải tự biết cách để cuộc sống chậm lại trước cái đẹp!

Cõi không của Đinh Cường là cõi mà chiến tranh đã đi qua, đã tàn phá rồi, chiến tranh đã làm nên nỗi buồn của thế hệ của Đinh Cường, một nỗi buồn không tên hay chưa được đặt tên, nỗi buồn của bao bạn bè nằm xuống sinh ra mất mát trong tình yêu, mất trắng ngay trong nhân tính mà Đinh Cường đã trông chờ vào nghệ thuật tạo hình vừa để giữ cõi có, vừa để giữ cõi không...



Phố Mùa Thu (Tranh Đinh Cường)



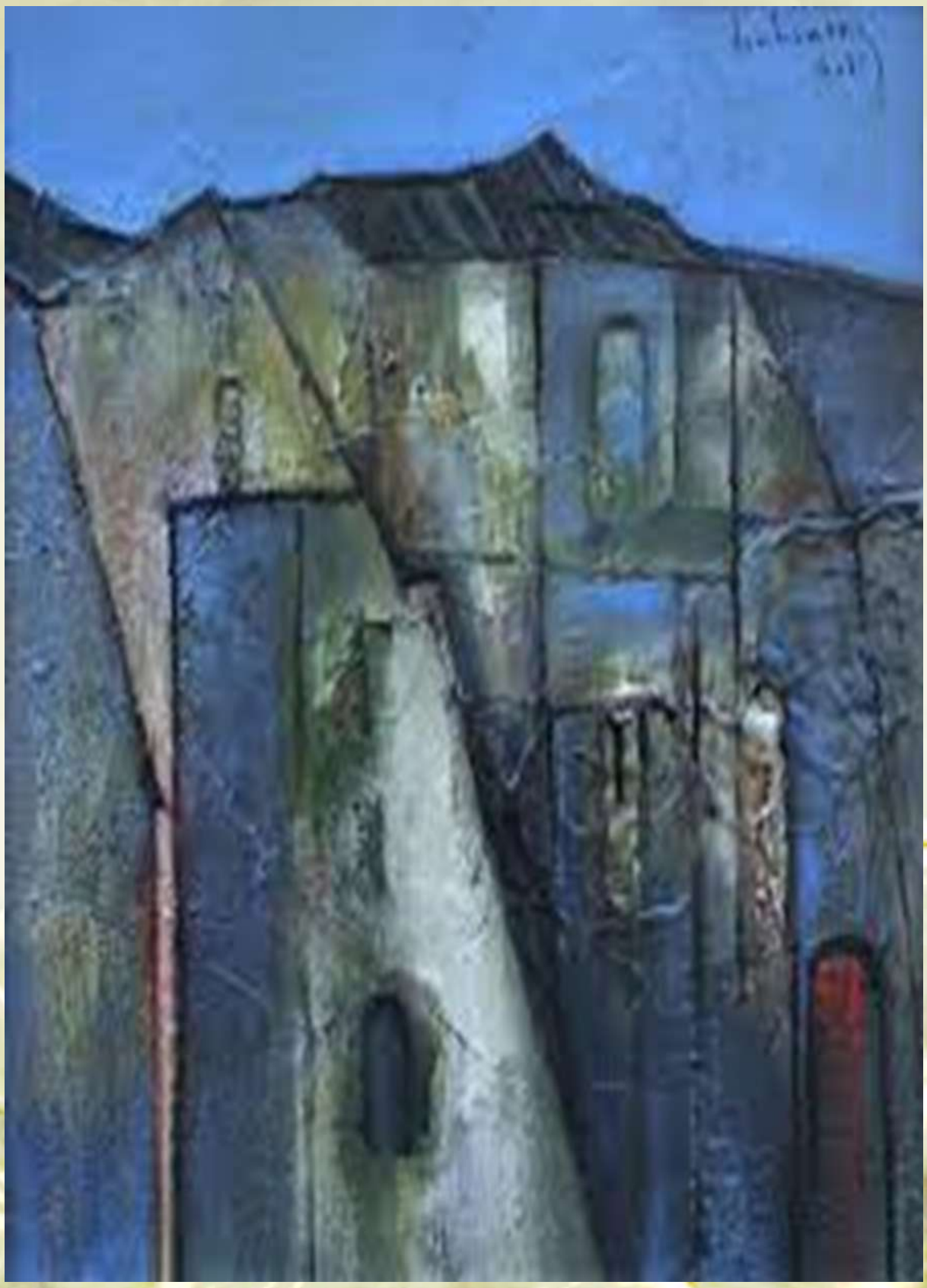













CHỦ ĐỀ *TỰ DO* TRONG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH.

Tự do là rễ của hệ *tự (tự tin, tự lập, tự chủ)* không có tự do sẽ không có nhân quyền và dân chủ, cụ thể là sẽ không có công bằng và bác ái để có tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp, tư pháp, không có tự do sẽ không có một xã hội dân sự văn minh. Tự do là gốc của hệ *công (công bằng, công lý, công pháp)* trong đó công tâm không hề rời đạo lý và luân lý để tự do cá nhân không bị bóp, siết, ngăn, chặn bởi ích kỷ, tư lợi luôn là mối đe dọa trong đời sống cộng đồng, trong sinh hoạt tập thể.Tự do là cội của hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức),* hợp lưu của ý thức, nhận thức, tâm thức, làm nội lực cho thăng hoa cá nhân, cho thăng tiến tập thể, cho thăng chất cộng đồng, không có tự do thì tập thể chỉ là khuôn khép, cộng đồng chỉ là khung kín, và xã hội chỉ là nhà tù không quản giáo Tự do là nguồn của hệ *sáng (sáng kiến, sáng lập, sáng tạo)* trong đó tự do sáng tạo của cá nhân là giàn phóng cho tự do tập thể, là giàn nhún cho tự do cộng đồng, để đưa xã hội vào quỹ đạo trong đó cá nhân làm động cơ cho dân tộc, là động lực cho đất nước. Tự do là nền của hệ *văn (văn hóa, văn minh, văn hiến)* trong đó có tự do sáng kiến của tập thể, có tự do sáng lập của cộng đồng, có tự do sáng tạo của cá nhân kích thích văn hóa mở cửa để đón các văn hóa khác, thôi thúc văn minh của một dân tộc hội nhập vào văn minh của thế giới, đón chào các văn hiến của láng giềng, cùng nhau xây dựng một nhân văn đáng sống cho nhân loại.

Tự do là trụ của hệ *nhân (nhân loại, nhân sinh, nhân tình)* được tự do của *nhân tri, nhân trí, nhân văn* đưa tới những

chân trời của *nhân đạo, nhân bản, nhân tính*, trong đó *nhân quyền* hỗ trợ cho *nhân nghĩa* có chỗ đứng xứng đáng trong nhân cách của mỗi cá nhân qua tự do. Tức là tự do làm người một cách liêm sỉ nhất, tự do làm chủ cuộc đời mình một cách liêm minh nhất. Tự do là cột của hệ *cá (cá nhân, cá thể, cá tính),* tại đây tự do nâng hệ cá tới hệ chủ (chủ động, chủ đạo, chủ quyền) để cá thể thực sự thành chủ thể, sống có trách nhiệm với tập thể, lao động có bổn phận với cộng đồng, tiến thân có đạo đức với xã hội, và chủ thể đó không ngừng có sáng kiến với dân tộc, có sáng tạo vì đất nước, chính tự do là định chất của mọi định nghĩa về chủ thể sáng tạo trong mọi xã hội văn minh, dân chủ, nhân quyền hiện nay.Tự do là thượng nguồn của hệ *tư (tư duy, tư tưởng)* trong đó các hệ thống tư tưởng văn minh luôn lấy tự do của cá nhân, của tập thể, của cộng đồng, của nhân loại làm mấu chốt cho hệ luận (lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận) để làm cao, sâu, xa, rộng hệ nhân (nhân tri, nhân trí, nhân văn), nếu không có tự do nghiên cứu, điều

---

Đinh Cường có một tự do mà hiếm người có được, một tự do tới từ cảm xúc để sáng tạo ngay trong thế hệ của họa sĩ đã phải chịu bao thử thách, bao mất mát, đó là thế hệ của Trịnh Công Sơn, của Thanh Tâm Tuyền, của Tô Thùy Yên… một thế hệ trong bão lửa. Hãy lắng lòng để thấy cho thấu đây là một thế hệ đã biến bão lửa của chiến tranh trong thế kỷ XX, đã tàn phá từng ngày nhân phẩm Việt; mà họa sĩ đã chế tác thành mầm lửa, rồi biết giữ như một bếp lửa ngày ngày nuôi tự do để họa sĩ sống mãi trong sáng tạo.





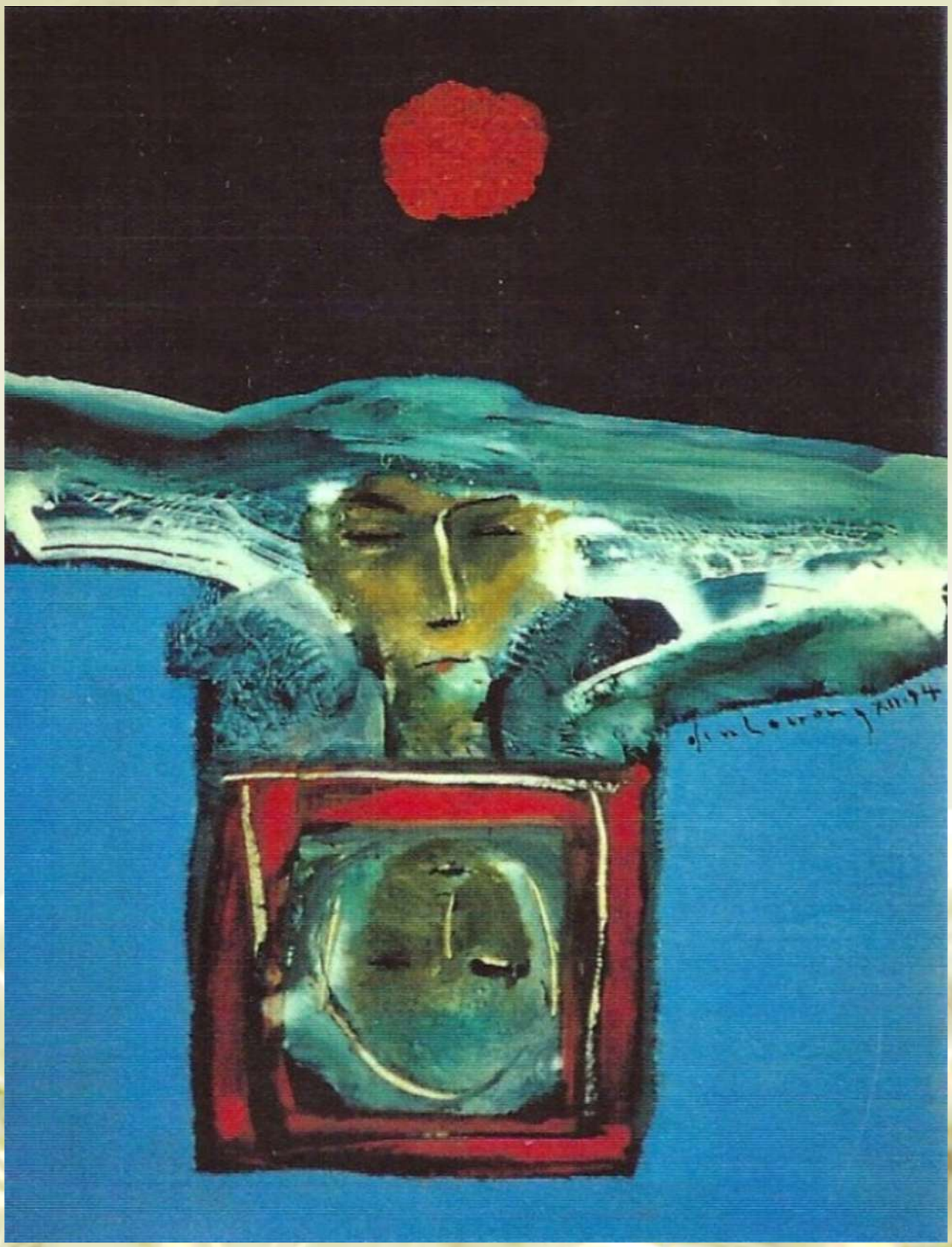







SỰ THÔNG MINH CỦA SÁNG TẠO

Mỹ luận có thể đóng góp một lập luận lạ tới từ triết học của Nietzsche: *"chúng ta không còn tin là* sự thật *tồn tại như* sự thật, *nếu nó không còn các màn che cho nó, chúng ta đã sống nhiều về chuyện này rồi!"*. Như vậy, *cái khó phân tích* không nằm trong *mỹ quan* về *cái đẹp (cái đẹp đẹp quá!)* mà trong *mỹ luận* khi nó lý luận là *cái đẹp mới* giới thiệu một *chủ đề mới* như để phơi bày một *chủ thể mới*, qua một *tác phẩm mới* hiển hiện như một *bản năng mới*, làm cho con người có ít nhất ba ngạc nhiên: *nó vừa đẹp, vừa mới, vừa lạ*. Cái khó giờ lại càng khó hơn khi *mỹ luận* phải giải luận là ngoài *hình thức diễn đạt* cái đẹp như *chủ đề mới, chủ thể mới, tác phẩm mới, bản năng mới* thì còn có cái gì còn *ẩn giấu* bên trong cái hình thức này hay không? Đây chính là *sự thông minh của sáng tạo*, khi người nghệ sĩ phải dùng *ẩn ngữ, mật ngôn, lý chìm, luận kín* để trao tới kẻ thưởng ngoạn, người thưởng thức những *thông điệp sống ngầm* của *cái đẹp* đang bị hệ *độc* (*độc tài, độc trị, độc quyền, độc tôn, độc đảng*) kiểm duyệt để vùi dập. Văn nghệ sĩ Việt Nam có nhiều kinh nghiệm về cách dụng *ẩn ngữ, mật ngôn, lý chìm, luận kín* này, trong hội họa có Bùi Xuân Phái, trong thi ca có Hoàng Cầm, trong truyện ngắn có Nguyễn Huy Thiệp…

Riêng Đinh Cường thì cái đẹp phải luôn luôn đẹp trong thiên bẩm bất di bất dịch của nó, và Đinh Cường không rời không gian đẹp được chế tác ra từ cái đẹp do chính họa sĩ tạo ra. Khi cảm nhận được cái đẹp này, thì cứ thong dong mà nhập nội vào nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường.

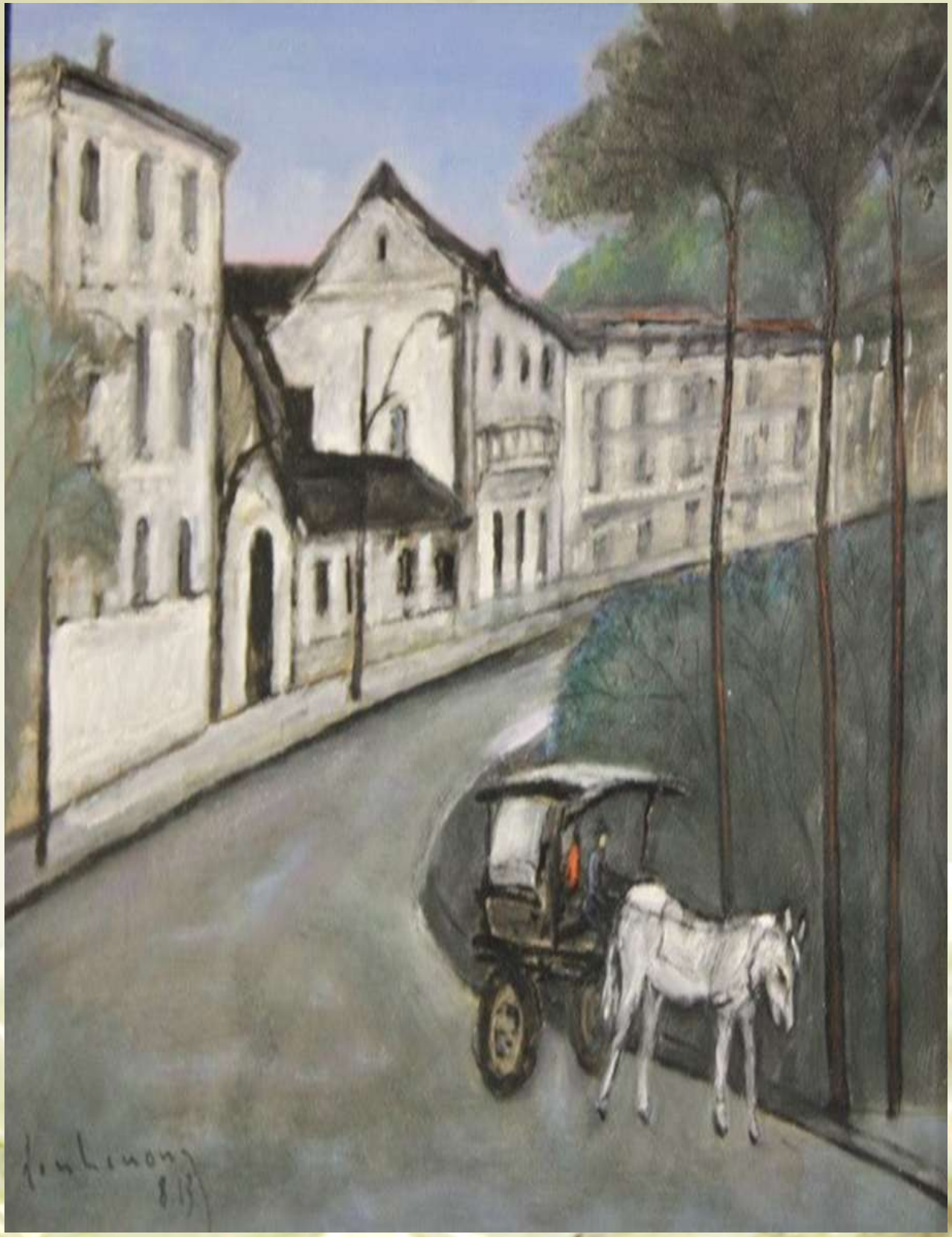







"TRẦN AI" KHÔNG TRẦN TỤC

Trần thân là cụm từ tôi vẫn gọi tên các tác phẩm nghệ thuật về chủ đề lõa thể, mà trong giới tạo hình thường gọi gọn là: nu. Từ khi người Pháp tới Việt Nam, họ mang nghệ thuật lõa thể của Âu châu để giảng dạy trong các trường nghệ thuật, cùng lúc họ mang luôn ngôn ngữ của họ để dân bản xứ dùng như từ nu vì muốn vừa nhanh gọn trong ngữ pháp, vừa tiện lợi trong ngữ văn.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện, dụng cụ, kỹ thuật trong truyền thông để truyền đạt các kinh nghiệm, từ kỹ thuật tới nghệ thuật, mà ngôn ngữ còn có chiều cao, chiều rộng, chiều dài, chiều sâu của nó trong tư duy, từ lý luận tới lập luận, tự giải luận tới diễn luận vì ngôn ngữ là tư tưởng của mọi tư tưởng!

Ngôn ngữ định hình lý luận của tư tưởng từ dạng hình của văn học, triết học tới diện mạo nghệ thuật, văn hóa, vì tất cả đều phải dựa vào nó để phân tích, giải thích, giải luận, diễn luận… Khi một văn hóa áp đặt ngôn ngữ của nó lên một văn hóa khác qua ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp, thì cũng chính là đang áp đặt nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan mạnh của nó lên văn hóa phải tiếp nhận nó (tiếp nhận trong thế yếu!).

Trần tục lại là một câu chuyện khác nữa. Tổ tiên Việt tộc vô cùng cẩn trọng khi sử dụng ngôn ngữ vì đó là các bài học về nhân cách làm nên tư cách, nâng cao phong cách (*học ăn, học nói, học gói, học mở*). Cẩn trọng trong ngôn ngữ nên cẩn mật trong lời nói (*giữ miệng như giữ nút bình*), từ đây ông bà ta dùng ngôn ngữ để xếp loại nhân sinh, xếp hạng nhân thế, xếp thứ tự nhân loại, nơi mà ngôn

ngữ là đại diện cho đạo lý (*hay, đẹp, tốt, lành*) và cho luân lý (bổn phận với cộng đồng, trách nhiệm với tha nhân).

Cụ thể là bằng ngôn ngữ và qua ngôn ngữ, tổ tiên Việt định vị hai loại người, đối trọng và đối kháng nhau trong sinh hoạt cộng đồng, trong đời sống tập thể, trong quan hệ xã hội: loại thứ nhất là thanh, loại thứ nhì là tục. Khi hai loại người này phải sống chung trong cùng một không gian văn hóa, nơi mà ngôn ngữ chính là chủ thể luôn tìm cách chủ trì hành động của cá nhân thì người thanh luôn là thầy của kẻ tục.

Vì sao? Vì khi người thanh đủ khả năng ngôn ngữ phản ánh trình độ tri thức của mình, làm được một chuyện khó trên đời này là đố tục, giảng thanh, nơi mà kẻ đối diện dù có tục như thế nào thì người thanh luôn giữ được tư cách, phong cách, nhân cách của mình với nhân vị trong cõi thanh. Vì *cõi thanh* làm nên nhân bản, nhân văn, nhân tri, nhân trí của *người thanh*; từ đây kẻ tục phải cẩn trọng hơn để có tỉnh thức về cái tục vì chắc chắn là cái xấu, tồi, tệ, dở, vì người thanh đã chọn thế đối nghịch để có độc quyền về cái hay, đẹp, tốt, lành.

Theo hiện tượng học lý trí và triết học đạo đức thì cõi thanh vận hành trên lưng, trên vai, trên đầu cõi tục, cụ thể là cõi thanh có nhân vị làm thầy cõi tục. Tổ tiên Việt còn dắt con cháu đi xa hơn nữa khi chỉ bảo con cháu là người thanh chắc chắn là người khôn. Trước hết là nhân vị của người *khôn «Người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu»;* kế đó là nhân cách của người khôn *«Người khôn ăn nói nửa (giữ) chừng, để cho kẻ dại (tục) nửa mừng nửa lo»*; người khôn (thanh) đánh giá người dại (tục) bằng nội suy của họ «Rồng vàng tắm nước ao tù,

người khôn ở với kẻ ngu bực mình!» và bài học cần lấy ra đây là cõi tục chính là ao tù, là nhà tù của kẻ tục, là tư duy bị giam nhốt (vì cái dốt của cái tục) mà không biết.

Câu chuyện của nghệ thuật là *trần thân nhưng không trần tục*. Tại đây trần thân trong nghệ thuật làm nên nghệ luận qua bao thế kỷ và giờ đã phổ quát trong sáng tác tạo hình của phương Tây. Trần thân đã trở thành phương hướng, phương cách tạo ra bao tác phẩm về một cái đẹp đủ nhân tri, dày nhân trí, cống hiến cho nhân loại một nhân sinh quan ngay trên nhân dạng của chính mình. Từ đây, cụm từ trần tục trở nên phức tạp vì ngôn ngữ có những giới hạn của nó, có thể sinh ra các hậu quả: viết đúng nhưng bị hiểu sai, nên mới có câu *bút sa gà chết*; ngay trong ngạn ngữ này: *bút sa* thì hình như thanh hơn *gà chết*.

Nhưng hậu quả đáng sợ nhất là *sai một ly đi một dặm*, rồi *sai con tính bán con trâu*, trong hai ngạn ngữ trên thì hình như: *sai một ly đi một dặm* có vẻ thanh hơn *sai con tính bán con trâu*. Trong ngữ văn mà đã thế, thì nói chi đến trong nghệ thuật tạo hình, vì tại đây họa sĩ có thể vẽ một đằng, người xem hiểu một nẻo, điêu khắc gia tạc hình thể một hướng mà kẻ thưởng ngoạn thì cảm nhận hướng ngược lại.

Cho nên câu chuyện nghệ thuật và ngôn ngữ luôn là câu chuyện văn hóa, mà trong văn hóa thì cõi tục lẩn lách thoải mái trong cõi thanh để làm nên cõi người, cho nên thơ của Hồ Xuân Hương gần gũi vô cùng với tranh của Picasso khi cả hai sáng tác nên cõi dục trong cõi người. Nhưng tại sao trong văn hóa phương Tây cõi dục của dục tính thì cao, sâu, xa, rộng từ trần thân đến dục tính, mà ngược lại thì nó

bị chỉ trích để bị lên án, bị miệt thị rồi bị kết án bởi văn hóa Việt Nam?

Câu chuyện càng trở nên phức tạp và tế nhị khi người thưởng ngoạn các tác phẩm trần thân (nu), thường là giới đàn ông Việt Nam thì thường thấy cái tục của cái dục trong các tác phẩm trần thân, còn người Âu châu không «bị cảm nhận» như vậy. Có lẽ vì trong văn hóa của phương Tây, họ được giáo dục là phải thấy cái đẹp của trần thân làm chủ luận về nghệ thuật (cứ xem các ảnh kèm theo bài này thì cái đẹp trong tác phẩm đã có thượng nguồn của cái thanh trong sáng tác của người nghệ sĩ).

Câu chuyện sẽ càng trở nên tế nhị khi chúng ta nhận ra: mọi chuyện trên đời này, nhất là trong nghệ thuật đều là câu chuyện về trình độ! Mà trình độ từ sáng tác tới thưởng ngoạn là câu chuyện lõi của nhân tri, có gốc của nhân trí, từ truyền thông qua truyền đạt giờ đã thành giáo khoa nâng giáo dục, giáo án nâng giáo trình. Cụ thể là muốn nhận ra cái đẹp trong các sáng tác trần thân phải học-biết-hiểu, để đừng nhìn sai khi thấy cái thanh mà tưởng lầm là cái tục, để nhìn đúng mà nhận ra cái đẹp, vì câu chuyện thưởng ngoạn nghệ thuật cũng là câu chuyện dùng nhân tri để định nhân vị cho chính mình.

Người sáng tác đã hành tác trong cõi thanh, tại sao mình là người thưởng ngoạn lại hiểu tác phẩm của họ bằng cõi tục? Hiểu sai rồi tạo ra ngộ nhận, thì kẻ thưởng ngoạn thật đáng trách! Một hình thể của một phụ nữ trần thân được thăng hoa để vinh danh trong cõi thanh, tại sao kẻ thưởng ngoạn lại thô tục hóa nó bằng các tư duy, các tiêu chí của cõi tục?

Câu chuyện trần tục dường như cũng chưa dứt, vì cùng sống trong một trần thế tại sao có người tạo ra cái thanh, mà kẻ chiêm ngưỡng chỉ thấy bằng cái tục? Ngay cụm từ trần tục cũng mang mâu thuẫn nội hàm trong cấu trúc ngữ pháp của nó: trần thì chưa chắc là tục, tạo sao trần thì phải tục? Trần gian có cõi thanh, trần thế có cõi đẹp, vậy nên chính kẻ tục đã tục tĩu hóa trần gian, đã thô tục hóa trần thế, chớ đâu phải nghệ thuật, đâu phải nghệ sĩ sáng tác các tác phẩm về chủ đề trần thân!

Tác phẩm có chỗ đứng vững trong nghệ thuật chèo của Việt Nam là Quan Âm Thị Kính, có nêu phạm trù trần duyên (*Quét sao cho sạch trần duyên?*). Hóa ra muốn hội ngộ với cõi thanh để được hạnh ngộ với người thanh thì phải có duyên (*nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây*)! Câu chuyện duyên có thời khắc của ngẫu nhiên trong tình cờ làm nên ngạc nghiên của ngộ: mới sơ ngộ mà đã muốn tái ngộ, mới hội ngộ mà biết chắc bẩm là hạnh ngộ.

Đây chính là định nghĩa của tình yêu khi hai người tình cờ gặp nhau rồi yêu nhau, nó cũng chính là định đề làm nên mẫu số chung giữa nghệ sĩ sáng tác ra tác phẩm và người thưởng ngoạn nhìn ra, thấy được cái đẹp trong cái thanh của

cái trần thân. Nơi đây nghệ sĩ sáng tác đã: mở-trần-thân-để-mời-trần-thế nhận ra cái đẹp toàn nhân của trần thân trong cõi thanh, nơi mà cái tục không bén mảng tới được, không đột nhập lén lút được. Từ đây, kẻ tục trong tức khắc nhận ra cái-thanh-qua-cái-đẹp: đây chính là phép lạ nhiệm mầu của nghệ thuật! Nghệ thuật giúp kẻ tục rời xa cõi tục, trút

bỏ nhà tù tư duy thấp hèn của tục lụy, để song hành cùng với tác phẩm trần thân trong cái đẹp của *cõi thanh*!

Cả sự nghiệp nghệ thuật tạo hình của Đinh Cường thì có không trần thân, *trống* trần lưng, *và hoàn toàn vắng* trần tục, *mặc dầu Đinh Cường đã sống mọi cõi* "trần ai", *từ thảm thương của chiến cuộc đến thảm họa của chiến tranh. Cõi* "trần ai" *lại tiếp diễn trong cuộc đời của họa sĩ, từ mất mát bạn bè đến phải sống dưới bạo quyền công an trị, rồi lưu vong bằng tấm lòng đau đáu hồi xứ, vì không sao sống "thiếu xứ". Bạn bè gần gũi biết rất rõ là Đinh Cường có hiểu biết và có luôn những nhận định sắc nhọn về* hội họa trần thân, trần lưng*, nhưng Đinh Cường luôn giữ sự cách biệt đã làm nên hằng số nghệ thuật bằng khoảng cách về hành tác nghệ thuật trần này.* Hằng số nghệ thuật không trần *chính là* hằng số nghệ thuật đẹp mà không cần trần *của riêng Đinh Cường*










Ta thấy em đang ngồi khóc
khi vừng chiều đỏ nữa



NHỮNG NẺO CẢNH CỦA ĐINH CƯỜNG

Từ cuối thế kỷ qua tới đầu thế kỷ này, mỗi lần tôi được gặp Đinh Cường, lúc tại Sài Gòn, khi tại Paris, nhưng nơi mà tôi thường xuyên tới mỗi lần được về lại quê Việt là phòng vẽ của họa sĩ, cũng tại đây tôi cũng gặp Trịnh Công Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Cung Trầm Tưởng… Mỗi lần trò chuyện riêng với Đinh Cường, tôi có thói quen đặt một câu hỏi có trong phản xạ của tôi mà tôi chỉ hỏi câu này với họa sĩ này: *«Anh đang vẽ, đang suy nghĩ về chủ đề gì vậy?»*.

Đinh Cường cũng trả lời theo thói quen, mà tôi không biết là câu trả lời này là câu trả lời cho riêng tôi hay câu trả lời thông thường biến thành thông dụng của họa sĩ khi được-hoặc-bị hỏi về công việc sáng tạo của mình: *«Thì* moi *vẫn vẽ đi vẽ lại chỉ một đề tài: có một cô gái xuất hiện trong tranh, bị vây quanh là cảnh đổ nát của một đất nước đổ nát vì chiến tranh, một quê hương điêu tàn ngay trong tâm hồn bởi chiến cuộc»*.

Chỉ một đề tài sáng tạo của họa sĩ Đinh Cường tới từ bao đề tài về cuộc chiến huynh đệ tương tàn trong thế kỷ qua, câu chuyện *tuyệt thuật* làm ra *tuyệt tác*, tạo ra *tuyệt phẩm*, có lẽ cũng là câu chuyện của *tuyệt nghệ* tạo ra *tuyệt phái*, đó là chuyện *tuyệt nhiên* của một nghệ sĩ có tâm hồn riêng để dựng lên không gian sáng tạo riêng cho mình.

Bè bạn gần xa quý yêu rồi quý trọng Đinh Cường ngay trên thực tài của họa sĩ, vì có người tự xưng là họa sĩ nhưng họ không biết vẽ, lại có người vẽ rất giỏi về kỹ thuật nhưng người xem tranh họ, ta không có được một cảm xúc nào cả. Đinh Cường thì nắm chắc kỹ thuật, rồi trải nghệ thuật của mình trong những xúc cảm, mà người xem tranh của họa sĩ chia sẻ được ngay bối cảnh, tâm trạng, tình huống tạo hình của họa sĩ.

Đinh Cường chung thủy với một đề tài, dành cuộc đời nghệ thuật của mình cho chủ đề mình chọn; người ta nhận ra ngay họa sĩ Đinh Cường, với những sắc màu hoài niệm, vờn bay qua bao đổ nát của quê hương với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp thầm lặng của mình, như giữ cho bằng được nhân cách giờ đã thành nhân dạng thật đẹp của mình. Đây là chuyện khó trong nghệ thuật tạo hình, những người cảm nhận tranh của Đinh Cường thấy được tư tưởng nghệ thuật này qua cách tạo hình, tạo thể, tạo dạng, tạo phách trong tranh của Đinh Cường, nghệ của họa sĩ dính chặt với nghiệp của Việt tộc mình.

Đinh Cường còn có một chân tài tạo hình khác, mà ít họa sĩ khác có được: họa sĩ vẽ chân dung bạn bè rất đẹp, họa sĩ đã để lại một dấu ấn tạo hình xuất sắc qua thể loại này. Đinh Cường vẽ các portraits của Trịnh Công Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng… đã trở thành những tạo hình nhân dạng khó quên của nghệ thuật chân dung cho hội họa Việt Nam. Họa sĩ cũng đã để lại những chân dung của Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Lưu Trọng Lư… ở tầm cao trong sáng tạo thần sắc văn nghệ sĩ.

Tới Mỹ, Đinh Cường vẫn tiếp tục thể hiện tài hoa này khi họa sĩ vẽ chân dung của Lê Uyên Phương, Du Tử Lê… với trọn vẹn thiên năng diễn sâu nhân tính bạn bè của mình đã chịu bao thử thách của nhân sinh.

Hãy ngừng lại thật lâu thấy-cho-thấu rồi cúi đầu cảm nhận thâm sâu nỗi cô đơn, luôn mang theo cái mất mát không ngừng trùm phủ lên kiếp người, luôn ráp nhập vào cái chết; cái mất mát luôn kề cạnh thế hệ của Đinh Cường, của chúng tôi trong khói lửa chiến tranh, mà không sao buông bỏ ra được!



















TUYỆT THUẬT KHÔNG TUYỆT DỐI

Hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* luôn là thử thách cao nhất trong nghệ thuật, nên nó là mức thang cao nhất, mức tới xa nhất cho những ai chọn còn đường sáng tạo trong nghệ thuật. Hệ *tuyệt* này có mặt để nhắc cho tất cả những ai sinh hoạt trong nghệ thuật trên con đường đi tìm nó là tất cả từ sáng tạo tới sáng tác luôn là vấn đề trình độ! Trong đó các đối luận phải trực tiếp đối diện nhau: *cao/thấp, rộng/hẹp, sâu/cạn*… Cũng chính hệ *tuyệt* sẽ vạch thẳng vấn đề trình độ ngay trong đối chọi *đẹp/xấu, hay/dở, thanh/thô* để vạch luôn sự đối kháng của *khôn/khờ, thông/dại, khéo/tục* … Câu chuyện trình độ từ đây sẽ dần dà trở thành câu chuyện của nhân sinh quan, của thế giới quan, của vũ trụ quan của kẻ sáng tạo, của người sáng tác. Nghệ thuật cân, đo, đong, đếm gay gắt hệ *đối (đối luận, đối diện, đối kháng, đối chọi)* để *cái đẹp* trước mắt sẽ là *cái hay* lâu dài…

Khi chúng ta định vị được không gian của hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* thì chúng ta phải đưa hệ *đối (đối luận, đối diện, đối kháng, đối chọi)* này vào khung của một hệ đối thứ nhì là *đối (đối nghịch, đối trọng, đối đầu*) giữa Hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* và phạm trù *tuyệt đối (absolu).*

Đinh Cường đã đi tìm hệ tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật) trong kín đáo… trong lẵng lặng.

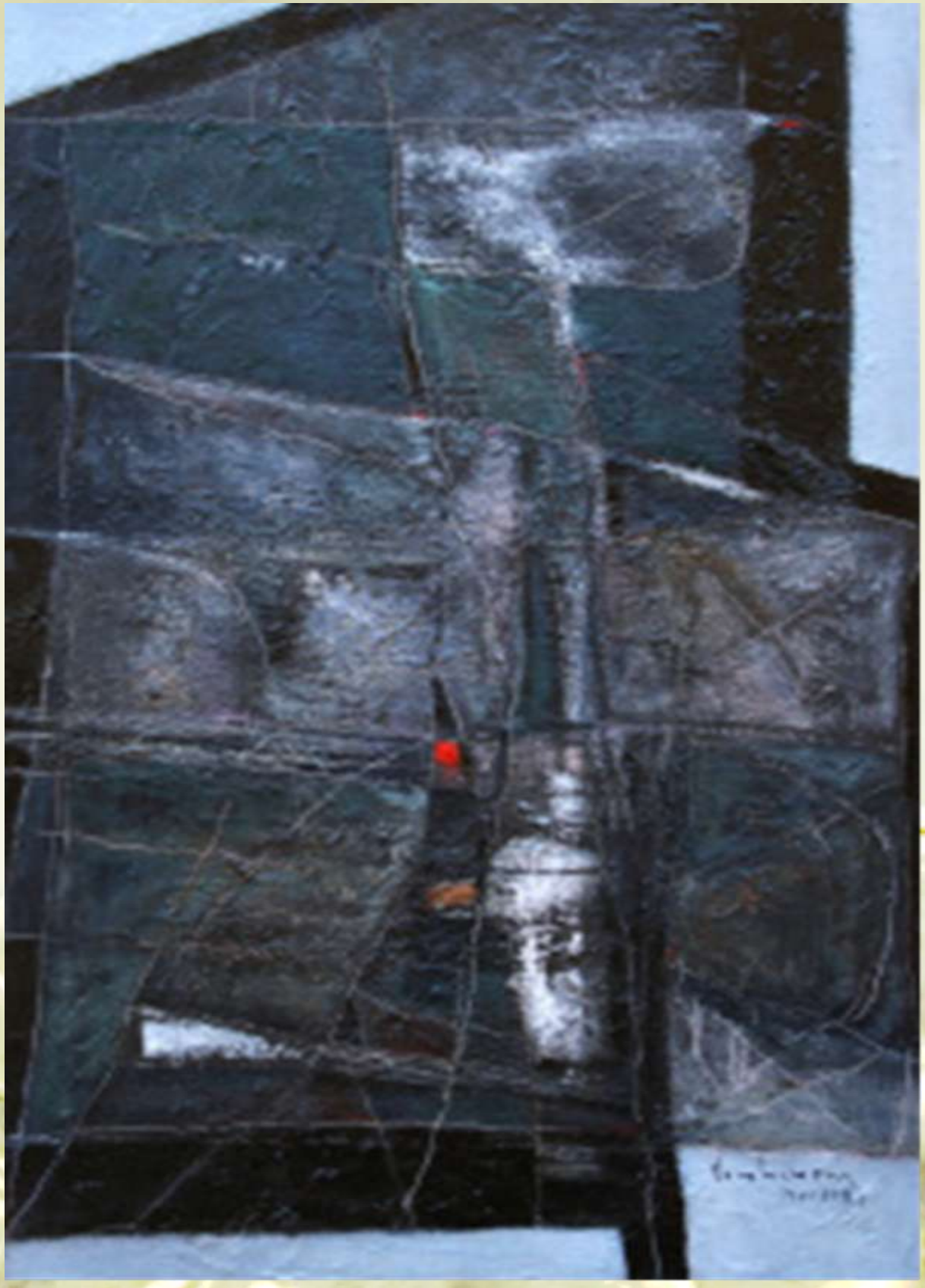



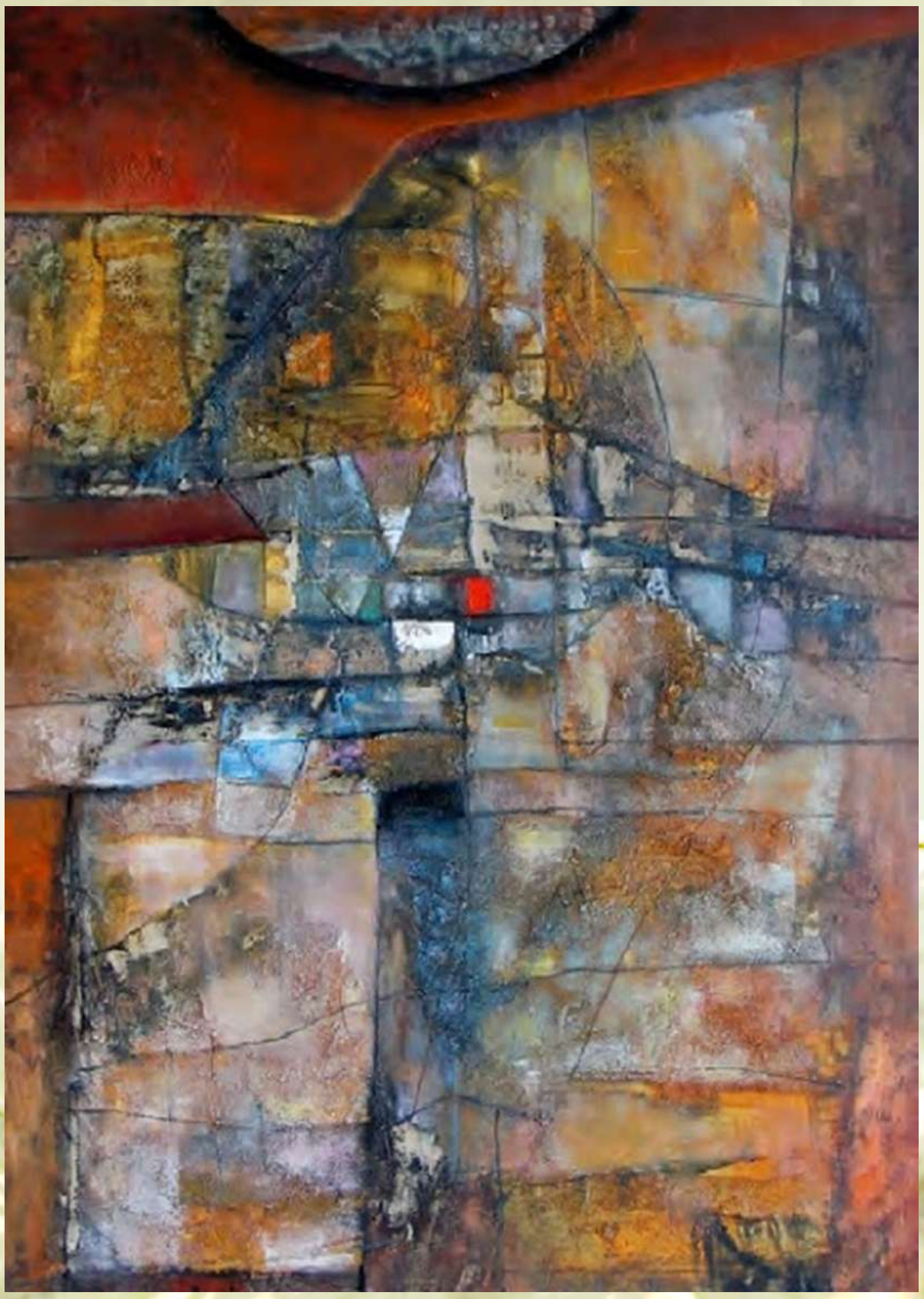





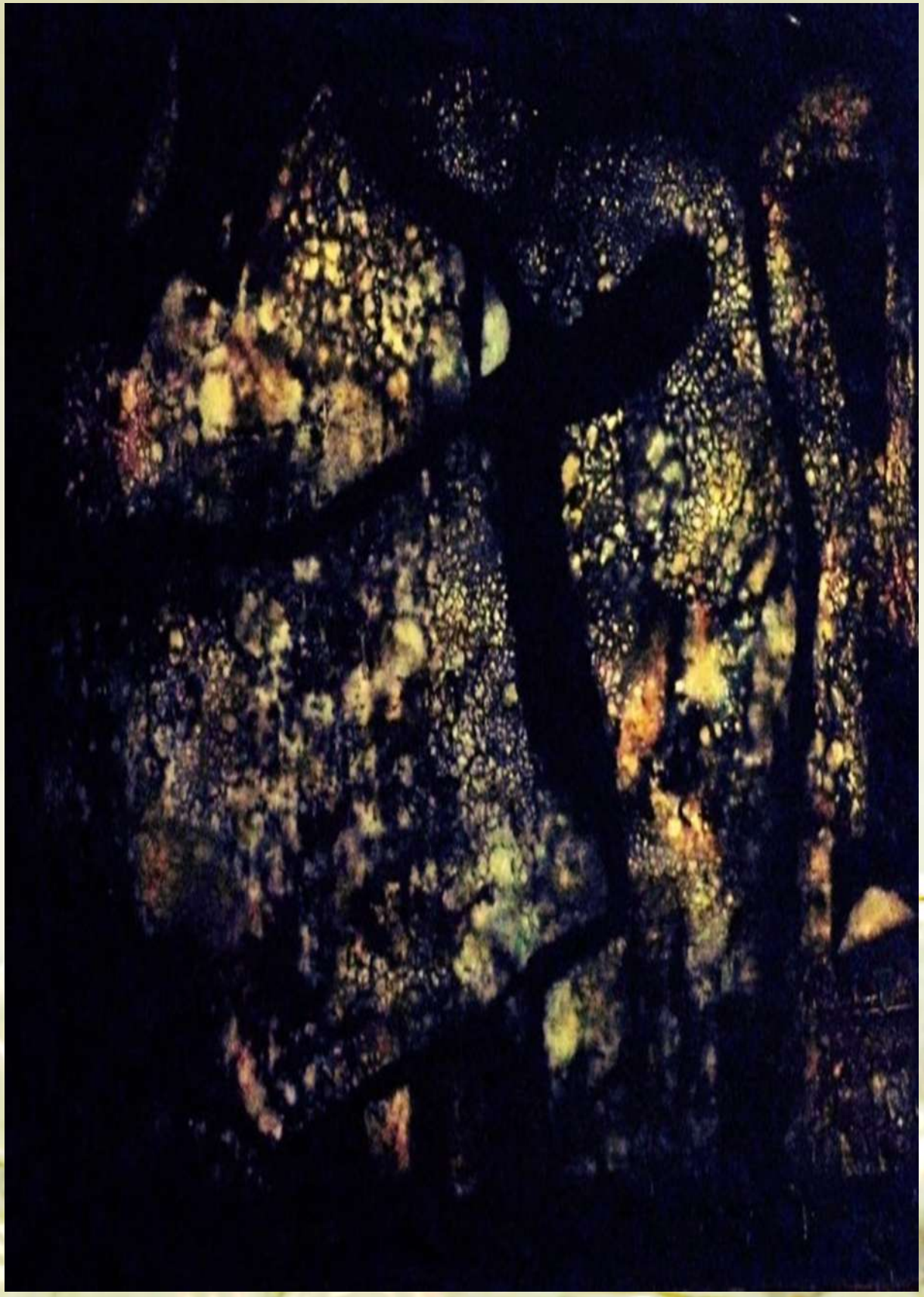



Cùng Đinh Cường với Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An.

Nhớ Đinh Cường.

«AI GỌI BIA ĐỜI TÔI?»

Cher Chinh,

«Kính báo chú Khoá, Ba cháu đã qua đời ngày 7 tháng 1.2016. Quá đau buồn, không thể nguôi», đây là câu cháu viết cho chú, để trả lời lá thư của chú gởi cho Ba cháu, báo là chú sẽ ghé thăm Ba trong chuyến đi Mỹ đầu năm nay. Chú cảm nhận đầy đủ được câu: *Quá đau buồn* của cháu, cũng là nỗi buồn của bao bạn bè gần xa đã biết, quen, thân với Ba cháu. Trong thư này, chú xin kể vài chuyện tình thâm của giới văn học, nghệ thuật mà có thể cháu chưa biết về Ba, con người của Ba trong thế giới văn nghệ sĩ đẹp lắm cháu à.

Trịnh Công Sơn, dãy Trường Sơn của ca khúc nối được bao vòng tay lớn cho Việt tộc, cũng là người bạn tâm giao của Ba cháu, tâm giao và tâm đắc trong tĩnh lặng, không ồn ào, vì có nhiều người hay nhận là bạn của nhạc sĩ thân thương này của chúng ta, nhưng bạn bè thân thuộc với cả hai, thấy rất rõ, hiếm ai gần gũi với Trịnh tiên sinh hơn Ba cháu.

Những năm vừa buồn chán, vừa bế tắc sau 1975, mà đồng bào mình tan loãng bốn phương, tám hướng; bè bạn tù tội, bị đày đọa trong các trại cải tạo, đi mà không biết ngày về… mỗi gia đình thấy cái tan rữa ngay trong căn nhà của mình, mỗi bầy bạn thấy cái rã nát từng ngày trong tình bằng hữu, gặp nhau rất khó, tâm sự với nhau còn khó hơn, trước một hệ thống công an vô tâm, được kích thích bởi một ý thức hệ cực đoan bị ung thư tư duy ngay trong phản xạ rình rập.

Nhưng đó là những năm mà tình bạn giữa Ba và Trịnh Công Sơn thật gắn bó, có những buổi trưa mà «cả nước đang say giấc cá trưa», đây là câu thường tới trong đầu của chú, mỗi lần chú thấy cả Việt tộc, thật tội nghiệp, mệt rồi gục ngủ sau nhiều năm dài đằng đẵng chiến tranh, không tỉnh giấc đúng lúc trước những hạnh ngộ với nhân quyền, chưa sơ ngộ với dân chủ, chưa gặp mà đã bị đánh mất, như lời răn của Bác Bùi Giáng *«Chết từ sơ ngộ, màu hoa trên ngàn»*.

Những năm tháng đó, Bác nhạc sĩ tới thăm Ba họa sĩ, có khi ngồi với nhau thật lâu, mà chẳng nói với nhau một lời, cái yên lặng quý báu giữa cuộc đời thăng trầm, cái

yên lặng có nội lực của tình người trong thử thách về nhân cách; đồng hội, đồng thuyền trong đồng cam, đồng kham. Những buổi trưa như vậy, chú học được bao nhiêu điều sâu đậm của tình bạn, trong cái yên lặng khôn nguôi này. Rồi những buổi tối, tại nhà của Trịnh nhạc sĩ, với bao bạn bè, lúc đùa giỡn ồn ào, lúc tranh cãi sôi nổi, Ba cháu luôn có mặt, nhưng Ba chọn một cái ghế dài, ở nhà Bác Sơn, hay ở nhà chú Tịnh, em Bác Sơn, Ba ngả lưng, cũng yên lặng, lúc mắt nhắm nghiền, lúc hút những hơi thuốc lá thật sâu, theo dõi sát các câu chuyện, Ba luôn cười, vui đúng lúc theo nhịp sống, nhịp đời với bè bạn. Tâm giao, đắc khí với Bác Sơn, ngay trong nghệ thuật ca khúc, ngay trong sáng tạo ca từ của Bác ấy; những lúc ngồi riêng với chú, không có Bác Sơn, Ba hay nhắc chú những câu mà Ba tâm đắc nhất trong nhạc của Bác Sơn.

Trong nhạc tình, Ba hay nhắc tới câu: *«Em vì câu khấn nhỏ, bỏ ta đứng bên đời kia»*, Ba giải thích là những ca từ này là con người rất thật, qua cuộc sống cũng rất thật của Bác Sơn; trong cái đẹp ngữ pháp của Trịnh nhạc sĩ, Ba dặn chú đừng quên cái thật của Bác ấy trong cách cấu từ. Trong các bài nói về thế hệ của Ba và Bác Sơn, Ba thích nhất câu: «Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì», chỉ một câu mà tổng kết rồi giải kết cho một thế hệ, phải gồng gánh bao đau thương của cả một dân tộc, để đi ngang qua một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc, cháu à.

Chú nói với Ba là câu này cũng là loại câu thống hợp với đầy đủ tính sử học, nói được sâu đậm cái mất mát

của thế hệ của Ba và Bác Sơn, theo chú thì câu này còn hoang vu, còn hoang lạnh hơn cả câu: «*Chúng tôi tuổi trẻ đầu thai lầm thế kỷ*» của người thầy của chú là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Nghe chú nói xong, Ba để lộ một nỗi buồn, cùng với một nỗi vui, ẩn hiện cùng lúc trên khuôn mặt của Ba, chắc là Ba nhận ra được sự cảm thông của thế hệ đàn em, ít chịu đựng «thử lửa» hơn bao thế hệ đàn anh của mình.

Bạn bè văn nghệ sĩ miền Nam vẫn hàng ngày bị hệ thống công an rình rập, Ba luôn chú ý tới cuộc sống hằng ngày của bè bạn, Ba thường thông tin cho chú biết ai đang gặp khó khăn, ai cần phải giúp đỡ gấp. Mùa hè năm 1986, chú vừa tới Sài Gòn, Ba tìm chú, rồi kể: *«Khóa ơi! Mộ của Hoàng Trúc Ly, không được chăm sóc, bị bò dẫm nát cả!»*, Ba lại sợ chú đã quên thơ của Hoàng thi sĩ, Ba đọc liền bài Ca sĩ: *«Từ Em tiếng hát lên trời… Tay vê vòm tóc, tay mời âm thanh… Giọt sầu chẻ xuống lòng anh…»*. Chú trả lời: *«Để Khóa lo, nhưng phải về Paris đi cày đã, rồi gởi tiền xây mộ sau, chuyện mướn thợ xây mộ, anh lo nhé!»*, Ba: *«Ừ, để moi lo!»*, hai tuần sau khi nhận được tiền, chú nhận được tấm ảnh Ba đứng cạnh mộ Bác Ly đã được xây lại, cùng vài người trong gia đình Bác ấy.

Uy tín của Ba trong giới văn nghệ sĩ là vậy, thầm lặng giúp bạn bè, không bao giờ ồn ào, làm bao cầu nối, giúp nhiều bạn bè vừa ra khỏi tù cải tạo, giúp họ nhận được «viện trợ» đúng lúc. Mùa hè năm sau, 1987, chú hỏi Ba: *«Nghe nói là Vũ Thành An vừa ra khỏi trại cải tạo, chắc còn khó khăn?»,* Ba: *«Ừ!»*, rồi tiếp luôn: *«Nếu toi muốn*

giúp An, thì moi đi tìm An, mai gặp vào giờ cơm trưa nha!».

Hôm sau, Ba xuất hiện với Vũ tiên sinh, ngay giờ cơm trưa tại nhà đường Duy Tân của Bác Sơn, hôm đó Bác An, tác giả chân tù của lối thú… không tên, nói một câu thôi với Bác Sơn, tác giả miệng ngọt hạt từ tâm, mà sau gần 30 năm chú nhớ rất rõ: «Sau bao nhiêu năm rồi, mình mới gặp nhau Sơn hả!». Tại sao chú phải nhớ câu này trong những năm dài đằng đẵng vậy cháu? Vì bạn bè cùng một thế hệ, sống trong cùng một xã hội, đam mê cùng một nghệ thuật, vậy mà gặp nhau quá khó, cái vắng mặt trùm phủ thời gian, để khi bè bạn gặp nhau, thì hết là chuyện thường, mà là cơ may như hải đăng le lói, nửa cúi, nửa gục trong đêm đen, biển sâu, đây cũng là nghiệp chướng của thế hệ của Ba, rồi của chú.

Khi qua định cư tại Mỹ, Ba vẫn giữ chặt chẽ cầu nối với bạn bè còn lại trên quê hương, trong đó có Bùi Giáng vẫn luôn được chăm sóc. Năm 2007, Ba biết chú đang có mặt tại Sài Gòn, Ba gọi chú lên tiệm Givral, là nơi Ba rất thích ngồi uống cà phê với bè bạn gần nửa thế kỷ qua, chú vừa tới, Ba đưa ngay điện thoại di động cho chú, rồi nói là: *«Nghe Nguyễn Đức Sơn đọc bài thơ vừa làm xong!»*, đầu dây bên kia Bác Sơn (Sơn thơ chớ không phải Sơn nhạc) kể: *«Khóa ơi, số phận dân tộc mình vẫn đen tối Khóa à, moi vừa làm xong một bài mới, mà thơ của moi bây giờ mỗi bài chỉ có một câu, đây là bài mới nhất của moi: thằng nào nhiều lưu đạn, thằng đó thắng!».*

Có lần, Ba cháu cũng qua tận Paris năm 1994 thăm chú, ba cháu rất ngạc nhiên với cảnh *«hàn vi»* của chú, trong một căn phòng 20 thước vuông, vô cùng chật chội nằm ngay giữa thủ đô, Ba cháu phải ngủ dưới đất, Ba thắc mắc rồi hỏi kỹ về kiểu sống: option 0 của chú, tức là «Không còn một cắc trong túi ngày cuối tháng», làm được bao nhiêu tiền, thì «tặng-gởi-biếu-trao» các văn nghệ sĩ, Nam có, Trung có, Bắc có. Có lần, Ba thích thú đọc trong danh sách những người nhận trợ giúp, có những người rất lớn tuổi: Đoàn Phú Tứ, Vũ Đình Liên, Trần Huyền Trân, Văn Cao… Đó là những năm tháng thật lạ, thú thật với cháu, là những năm tháng vui trong cuộc đời của chú… Vì chú biết rõ là không có một bạo quyền nào giết được tình người, tình bạn.

Những năm tháng đó, có khi giữa đêm, chú hay thức giấc, xin lỗi Bác Sơn (Sơn nhạc), tự động đổi một chữ trong câu của Bác Sơn: *«Ngọn gió hoang vu (vui) suốt xuân thì»*. Những năm tháng đó chú rất gần gũi với Ba, chú nghĩ chắc là Ba cũng có niềm vui đó. Gần đây với tuổi đời, chú cũng xin lỗi luôn Bác Sơn (Sơn thơ), tự động thêm hai chữ trong câu của Bác ấy: *«Thằng nào nhiều lựu đạn, thằng đó (chưa chắc) thắng!»*.



Cùng Đinh Cường, tại lâu đài Normandie

Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi u hiển nhưng vời vợi của thơ tự do Việt Nam, cũng là bạn thân của Ba cháu, trong những năm ngột ngạt của chế độ công an, thích bắt người hơn bảo vệ người. Bác Tâm thường ghé thăm Ba những lúc Bác ấy buồn vì cuộc sống không có ngày mai của Việt tộc. Trong thi ca cũng như trong văn chương, Bác ấy luôn thấy trước, thấy sâu, thấy rộng hơn những người chung quanh, tại nhà của Ba Má cháu khi còn ở khu Tân Định là nơi chú nghe được những tâm sự sâu lắng *«Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ»*, của thi sĩ Tôi không còn cô độc.

Những ngày tháng này, chú càng hiểu rõ hơn nỗi cô độc trùm phủ lên thế hệ của Bác Tâm, của Ba, cái cô độc làm ra cái sáng tạo lúc thâm trầm, lúc mãnh liệt của bao văn nghệ sĩ miền Nam. Nhà của Ba những năm sau 1975, cũng là nơi mà Bác Tâm dặn dò chú rất

kỹ: *«Trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống, dù là «khốn nạn nhất», đừng bao giờ nuôi dưỡng hận thù trong tâm trí, trong văn thơ...».* Chú tu hằng ngày câu này của Bác Tâm, tu cho tới ngày chú rời cuộc sống này, chỉ có một câu thôi mà tu cả đời không xong, bài học này chú nghe và học được ngay trong ngôi nhà của Ba, của các cháu.

Nhưng bè bạn gần xa quý yêu rồi quý trọng Ba ngay trên thực tài họa sĩ của Ba, vì có người tư xưng là họa sĩ nhưng họ không biết vẽ cháu à! Lại có người vẽ rất giỏi về kỹ thuật nhưng người xem tranh họ, ta không có được một cảm xúc nào cả. Ba thì nắm chắc kỹ thuật, rồi trải nghệ thuật của mình trong những xúc cảm, mà người xem tranh của Ba chia sẻ được ngay bối cảnh, tâm trạng, tình huống tạo hình của Ba. Ba cháu chung thủy với một đề tài, dành cuộc đời nghệ thuật của mình cho chủ đề mình chọn; người ta nhận ra ngay họa sĩ Đinh Cường, với những sắc màu hoài niệm, vờn bay qua bao đổ nát của quê hương với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp thầm lặng của mình, như giữ cho bằng được nhân cách giờ đã thành nhân dạng của mình. Đây là chuyện khó trong nghệ thuật tạo hình, những người hiểu tranh của Ba thấy được tư tưởng nghệ thuật này qua cách tạo hình, tạo thể, tạo dạng, tạo phách trong tranh của Ba, nghệ của Ba dính chặt với nghiệp của dân tộc mình cháu à.

Tô Thùy Yên, dòng nước ngầm thâm sâu, nhiều lúc dâng đầy bao nẻo đường lao nạn của Việt tộc, cũng là người rất gần gũi với Ba. Trong cái rình rập của một chế

độ công an cú vọ, say sưa hãm hại, đam mê trừng phạt hơn là bảo vệ nguyện lực của nhân sinh, những lần chú gặp gỡ được Bác Tiên thường là ở nhà của Ba, mà Má của cháu cũng là người rất «*mê*» thơ của thi sĩ «*Chiều trên phá Tam Giang*» này. Có lúc, Ba vừa vẽ, vừa «*thúc*» Bác Tiên nhớ lại các bài thơ vừa mới làm xong, rồi «*giục*» Bác ấy viết lên những khổ giấy dài, mà cuộn gọn lại được; có lần Tô tiên sinh hỏi: «*Tại sao phải viết thơ của moi trên khổ giấy này?*», Ba vừa cười, vừa trả lời: «*Để cho moi treo lên đây, cho bạn bè đọc trước, sau đó để thằng Khóa cuộn lại mang đi Tây!*».

Ít người biết là những năm tháng đó, có nhiều bạn bè gần xa, ghé thăm Ba, và ngồi thật lâu trước các bài thơ mới của Bác Tiên, trong đó có Bác Sơn, rất quý yêu các bài của Bác Tiên, chú còn giữ bài *Hái rau*, ghi lại những năm tù rạc trong các trại học tập của Bác Tiên, lần mò giữa rừng núi, hái từng đọt rau dại nuôi thân:

«Chiều ra đồng hái rau hoang,
Nghe sầu trong gió thổi tràn mặt ta
Ơn trời, ơn đất bao la
Hái đi này những xót xa kiếp người
Cổ kim chung một mái trời
Kinh thi cũng có kiếp người hái rau».

Ba còn có một chân tài tạo hình khác, mà ít họa sĩ khác có được: Ba vẽ chân dung bạn bè rất đẹp, Ba đã để lại một dấu ấn tạo hình xuất sắc qua thể loại này. Các portraits của Bác Sơn, Bác Tâm, Bác Tiên, Bác Cần (Cung Trầm Tưởng) … đã trở thành những tạo hình nhân dạng khó quên của nghệ thuật chân dung cho hội

họa Việt Nam. Ba cũng đã để lại những chân dung của Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Lưu Trọng Lư… ở tầm cao trong sáng tạo thần sắc văn nghệ sĩ; qua Mỹ Ba vẫn tiếp tục thể hiện tài hoa này khi Ba vẽ chân dung của Lê Uyên Phương, Du Tử Lê… với trọn vẹn thiên năng diễn sâu nhân tính bạn bè của mình đã chịu bao thử thách của nhân sinh.

Cher Chinh,
Cháu có biết câu làm tựa cho bài viết này: *«Ai gọi bia đời tôi?»* từ đâu ra không? Đó là câu trong một bài thơ của Ba cháu, làm thời thanh niên, làm trên đoạn đường nối hai miền của đất nước, miền Trung quê quán của Ba, và miền Nam đất dung thân, dụng võ của Ba, trong những năm dài đằng đẵng huynh đệ tương tàn của thế kỷ XX, đã lấy đi bao bạn bè, lấy luôn cả cái ham muốn sống của bao thanh niên trong thế hệ của Ba, ham muốn được sống bình thường với thân quyến, được sống trọn vẹn với nghệ thuật của mình.

Năm 1987, họa sĩ Hồ Thành Đức đọc bài thơ này cho các họa sĩ hay thường tụ họp tại nhà của họa sĩ Bé Ký, xóm Đa Kao, vào cuối tuần; lần đầu tiên chú nghe được bài thơ này, chú cúi đầu cảm nhận thâm sâu nỗi cô đơn, luôn mang theo cái mất mát không ngừng trùm phủ lên kiếp người, luôn ráp nhập vào cái chết; cái mất mát và cái chết luôn kề cạnh thế hệ của Ba, của chú trong khói lửa chiến tranh, mà không sao buông bỏ được cháu à!



Đinh Cường bên mộ Hoàng Trúc Ly.

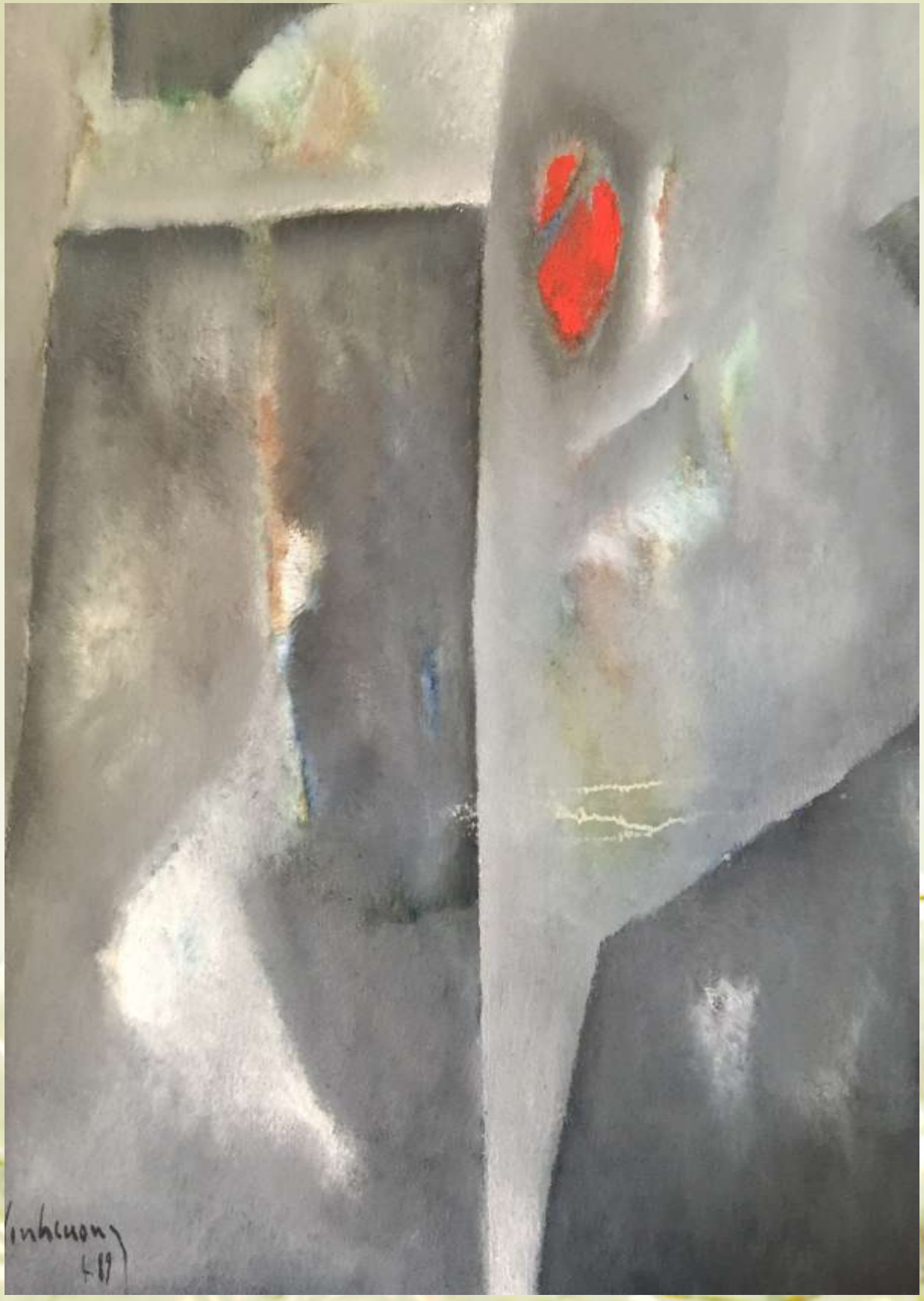

Các bản thảo được nhà xuất bản

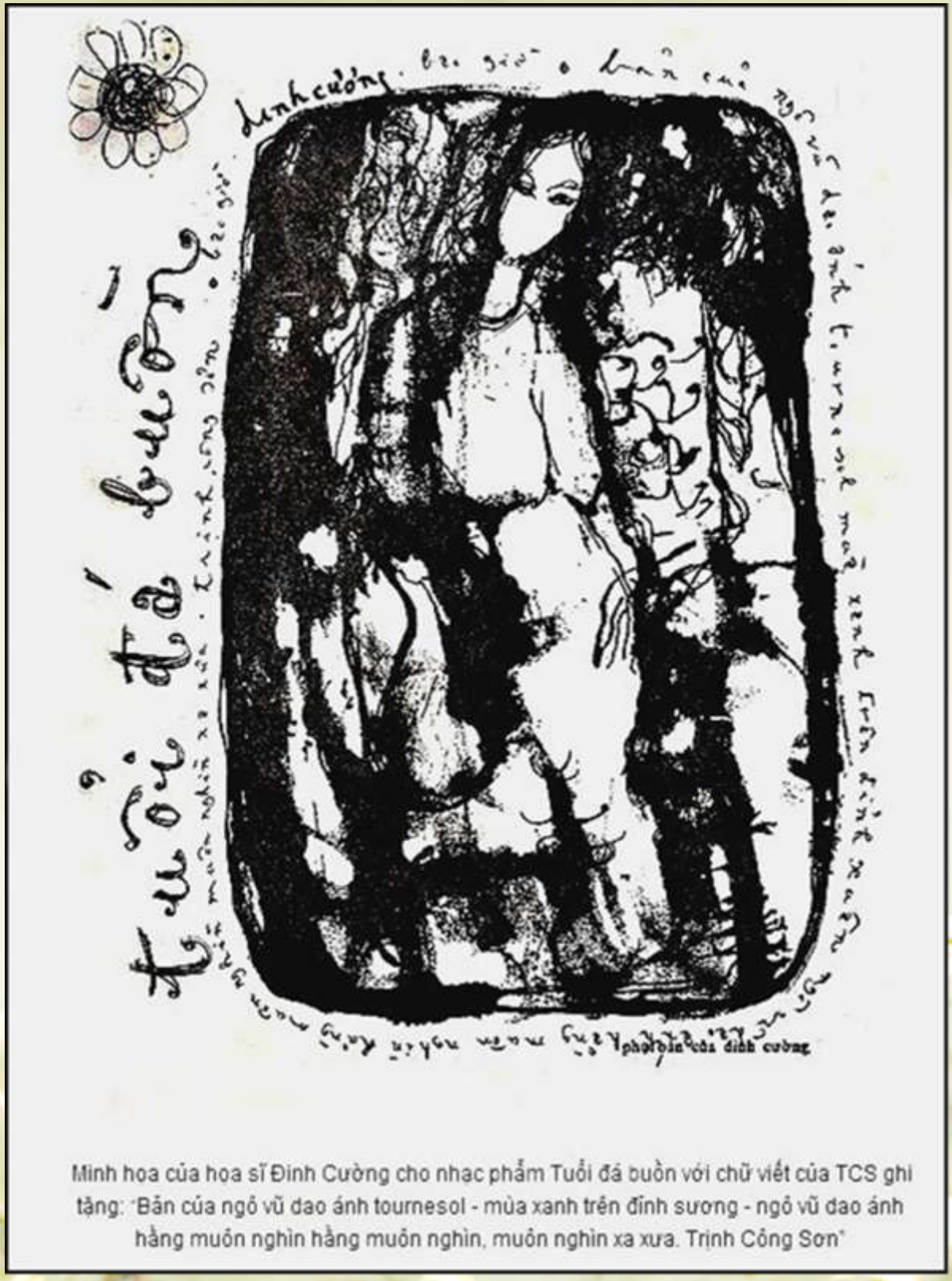

Minh hoa của hoạ sĩ Đinh Cường cho nhạc phẩm Tuổi đá buồn với chữ viết của TCS ghi tặng: "Bản của ngõ vũ dao ánh tournesol - mùa xanh trên đỉnh sương - ngõ vũ dao ánh hằng muôn nghìn hằng muôn nghìn, muôn nghìn xa xưa. Trịnh Công Sơn"



LÊ HỮU KHÓA



NGHỆ LUẬN

Ca sĩ THÁI HIỀN

NGHỀ - NGHỆ - NGHIỆP

Anthropol-Asie

à la mémoire de **PHẠM DUY** et de **THÁI HẰNG**.

*Mes remerciements à **DUY CƯỜNG.***

Mục

Nữ ca: dáng và dạng

Ca sĩ: tầm và vóc

Nghệ sĩ: trầm và tĩnh

Tiếng hát: giọng và cõi



Photos : Lan Anh.
Graphisme : Farhan Belayel.
Documentation : Duy Cường

THÁI HIỀN

Ca sĩ, sinh năm 1958, trưởng nữ của ca sĩ Thái Hằng, và nhạc sĩ Phạm Duy. Vào đời ca sĩ rất sớm trong những thập niên bảy mươi của thế kỷ qua, với các ca khúc qua Bé ca, Nữ ca…do chính nhạc sĩ Phạm Duy soạn cho Thái Hiền. Gần nửa thế kỷ với nghiệp hát, Thái Hiền đã diễn đạt nhiều ca khúc, từ nhạc tiền chiến tới các sáng tác của các nhạc sĩ Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương… hành nghệ và hành nghiệp với hai hệ ca khúc rất khác nhau, Việt và Hoa Kỳ, Thái Hiền hát rất sớm nhạc Mỹ, luôn tiếp cận với các thể loại ca khúc đa dạng của xứ sở này, giờ đã là quê hương thứ hai của mình. Hiện định cư tại California, tự quyết định giải nghệ trong những năm qua, để lại cho những người yêu ca khúc Việt nhiều câu hỏi, đặc biệt cho các chuyên gia về âm nhạc một hệ vấn đề nghiên cứu sắc nhọn: một nghệ thuật ca khúc nghiêm túc dựa trên chuyên cần tập luyện công phu, mang đến thành công khi diễn đạt được chiều sâu của nghệ thuật ca khúc Việt, gạt bỏ được các bẫy biện hình thức hoặc phô trương kỹ thuật của giọng hát mà không ít ca sĩ bị vướng, bị mắc, bị bẫy.

Tựa về… nghề

Tại sao lại chọn Thái Hiền, để nghiên cứu? Lý do thứ nhất, vừa khách quan, vừa tiêu biểu, đây là một ca sĩ rất đúng nghĩa, từ kỹ thuật phát âm tới nghệ thuật diễn đạt. Lý do thứ nhì, vừa lịch sử cận đại của dân tộc, vừa ký ức văn nghệ trong quá trình phát triển ca khúc, Thái Hiền vào nghiệp hát rất sớm, ở tuổi mười ba, trực tiếp sống với các thăng trầm của nửa thế kỷ sôi động vừa qua của Đất Nước, nhất là của giới văn nghệ, từ chiến tranh tới lưu vong, rồi trở lại thăm quê hương đầu thế kỷ này, luôn kết nối với nhiều dòng ca khúc khác nhau, trong và ngoài nước giữa lúc giao thời của hai thế kỷ. Lý do thứ ba, vừa là môi trường gia đình, vừa là bối cảnh họ hàng, không những được sự giáo dưỡng của mẹ là ca sĩ Thái Hằng, cha là nhạc sĩ Phạm Duy, anh em cũng cùng nghiệp, cùng giới: Duy Quang, Duy Minh, Duy Hùng, Duy Cường, Thái Thảo lại luôn được nhập lưu với một mạng thống tộc văn nghệ có ảnh hưởng lớn trong lịch sử ca khúc việt nam, là cháu của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, của ca sĩ Thái Thanh… Thái Hiền lại sống nhiều, sống rộng với nhiều thế hệ văn nghệ sĩ; sống chia sẻ, sống sâu sắc với không khí nghệ thuật ca khúc; sống trọn vẹn, sống tâm giao với nghệ thuật sân khấu… Cùng nhiều lý do khác nữa, đã giúp làm nên cấu trúc luận của tiểu luận nhỏ này.



Ngỏ về… nghệ

Nghiên cứu về văn hóa và nghệ thuật, giảng dạy về dân tộc học và xã hội học, ngoài các sách đã viết về lý thuyết luận, phương pháp luận, khoa học luận của khoa học xã hội và nhân văn, tôi cũng đã nghiên cứu về các đề tài của Việt học, qua học thuật tôi đã viết về các tác giả thế hệ tổ, cha, anh: Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Trần Dần, Hoàng Cầm, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư... Tôi chưa viết về một tác giả hoặc một nghệ **sĩ** cùng thế hệ với tôi, lần này, xin được chọn một người gần tuổi với mình, có một sự nghiệp nghệ thuật ca khúc vừa lạ, vừa sâu. Lạ, vì Thái Hiền xác nhận rõ và rất sớm cá tính của mình ngay tuổi thiếu niên trong một nghề, một nghệ, một nghiệp có nhiều thử thách là ca sĩ. Sâu, vì Thái Hiền đi tìm chiều sâu cảm xúc của ca khúc qua khổ công luyện tập, nếu một ca khúc khi ra đời đã là một tác phẩm, thì giọng hát của ca sĩ cũng phải là một tác phẩm hạ nguồn ngang hàng với tác phẩm thượng nguồn của nhạc sĩ. Cái lạ và cái sâu của ca **sĩ** này tạm đủ làm động cơ giúp tôi nghiên cứu, điều tra, sưu tập tự liệu… về cuộc đời và sự nghiệp của Thái Hiền.

Luận về… nghiệp

Xin được giải luận các giai đoạn nghiên cứu về Thái Hiền, vừa là khung, vừa là nền cho tiểu luận nhỏ này. Giai đoạn một, đơn thuần là nhận diện chiều sâu của giọng hát qua nhiều ca khúc, nhiều tác giả, nhiều giai đoạn, không quên phương pháp so sánh kỹ thuật, nghệ thuật với các ca sĩ khác đã hát cùng ca khúc, cùng tác giả. Giai đoạn hai, lập một chương trình điều tra về các thành công và thất bại của ca sĩ qua các ca khúc, qua các giai đoạn, được thẩm định không những bởi khán giả, mà luôn được xác nghiệm bởi các nhạc sĩ qua các bài phê bình, tôi cùng lúc buông bỏ các nhận định vội vã của các bài báo không có lý luận trong phân tích, không có lập luận trong giải thích. Giai đoạn ba, trực tiếp tiếp cận với ca sĩ Thái Hiền, vừa qua thư tín, vừa qua điện thoại và dùng bản câu hỏi của xã hội học và tâm lý học trên nhiều chủ đề liên hệ từ con người tới sự nghiệp, từ đời sống cá nhân tới quan hệ nghề nghiệp, từ nhân sinh quan tới thế giới quan của ca sĩ. Giai đoạn bốn, tổng hợp các thông tin bên ngoài với kết quả điều tra trực tiếp qua bản câu hỏi, và với các câu trả lời của Thái Hiền, bắt đầu *«viết như đi tìm sự thật»* về con người nghệ thuật của ca sĩ, *«viết như đi tìm chân lý»* về một sự nghiệp có nhiều chiều sâu, ở nhiều cường độ khác nhau. Giai đoạn năm, nhận định của tác giả sẽ là thể loại và văn phong cho bản thảo, tôi xin chọn thể loại *thư tín (corespondances)*: mỗi chủ đề được viết như những lá thư giữa hai người bạn. Chọn lựa này tránh được cái (có khi) quá nghiêm túc của các công trình nghiên cứu, tránh luôn cái (đôi lúc) quá nghiêm khắc của các công trình phê bình. *Thư gởi bạn* (*Hiền)* là cách hành văn của tác giả, đi tìm *tâm giao* trong nhận định để nhận được *đắc khí* khi chia sẻ về câu chuyện nghệ thuật, lấy chuyện *đồng cảm* thẩm định để tìm bạn *đồng hành* trong phân tích. Tại sao lại phải *đồng giao, đồng cảm*? Chỉ vì: có rất nhiều ca sĩ hát hay, nhưng có thật ít ca sĩ mà giọng hát đã thành bạn *đồng hành*, bền sức theo chúng ta cả một đời người. *Thư gởi bạn* (*Hiền)* trong tiểu luận nhỏ này kể lại một loại phép lạ để chúng ta luôn thấy cuộc sống quả nhiệm mầu: khi *sơ ngộ* với một giọng hát giờ đã thành *hội ngộ*, mang đủ nội lực tạo ra *tao ngộ*, mà mỗi lần chúng ta được nghe giọng hát của ca sĩ này, chúng ta cảm nhận như là một *hạnh ngộ*. Giọng hát của ca sĩ này đã có nội công *hành ngộ* để tái tạo *hạnh ngộ*.

Bé ca & **Nữ ca** : dáng và dạng



.

Bé bắt được con công (như bắt được rồng)

Chère Thái Hiền,

"Bé Ca dậy cho mình khôn ngoan. Chú bé bắt được con công, đem về biếu cả nhà, làm mọi người trong gia đình đánh nhau. Thôi đem trả con công đi".

Đây là lá thư ngắn Thái Hiền viết về *Bé Ca*, sau gần nửa thế kỷ, tôi vẫn nhận ra trọn tâm hồn ở dạng hồn nhiên nhất của tuổi thơ trong con người hiện nay của Thái Hiền.

Bắt được con công chú bé bắt được con công…đem về biếu ông… đem về biếu bà… đem về biếu chị… đem về biếu anh…ai ngờ đánh nhau…cô chú đánh nhau vở đầu…

Một món quà lạ: *con công*, là tạo ngay ra xung đột trong gia đình…Nhưng phép lạ trong âm nhạc và ca khúc là người nghe nhớ thật rõ giọng hát của Thái Hiền, giọng hát của thiếu nhi khi khám phá ra thế giới người lớn ngay trong chính gia đình mình. Giọng hát của Thái Hiền hồn nhiên qua ca từ nhạc thiếu nhi của nhạc Phạm Duy, bố của Thái Hiền, đã thành một *nội lực* cứ lướt đi cùng thời gian, và với thời gian nội lực trở thành một *dấu ấn*, như ghi nhận lại cho người nghe là: trong âm nhạc Việt Nam có một *bé-ca-sĩ* mang giọng hát của *tuổi bé*, vui và mạnh rất hồn nhiên trong ung dung mà sau này không sao tìm lại được, đó là Thái Hiền.



Tuổi mộng mơ *(nội lực hồn nhiên)*

Chère Thái Hiền,

«Em ước mơ gì ? Mơ là tiên nử…Mơ mang hồn thi sỉ…Mơ đẹp như trăng rằm…Mơ được nên người…thật đẹp thay giấc mơ tiên… », tôi nghe lại *Bé Ca*, tôi nghe rõ giọng hát của Thái Hiền, vừa hồn nhiên lại vừa thần tiên, như lời bài hát. Như vậy là đã gần nửa thế kỷ, đóng góp của nhạc sĩ Phạm Duy, bố của Thái Hiền lớn quá, vì ông đã tạo ra, dựng nên cả một thế giới mộng mơ đẹp thong dong lướt trên đời, và thanh thoát, ung dung lướt cả trên thơ. Giọng hát của *thiếu nhi* Thái Hiền luôn trong sáng, trong vắt…nhẹ nhàng… nhưng có lúc mạnh vụt như có nội lực tự tại chỉ có ở tuổi thiếu nhi, nội lực của hồn nhiên tới từ bản lĩnh của tuổi thơ…Ca từ như hồn biết bay…với giọng hát Thái Hiền đã bay… giúp bao người nghe được lướt, được bay theo lời ca, tiếng hát *nhi đồng* của thiếu nhi, sau bao năm rồi, vẫn xin giữ lời cảm ơn sâu đậm tới Thái Hiền.



Tuổi ngọc *(Kiếp hát)*

Chère Thái Hiền

Sáng nay cuối năm mùa đông, nghe lại bài *Tuổi ngọc*, nghe như giọng đời thơ còn vang vang trong tuổi đời nay, tuổi người của Thái Hiền (vì tôi vừa nghe, vừa nhìn lại ảnh của Thái Hiền từ gần nữ thế kỷ qua), nhìn người như nhìn một sự nghiệp thật đẹp của kiếp làm người, mà có lần tôi nhắc Thái Hiền: tại sao không gọi tên nó là *kiếp hát*!

Xin cho em…Một chiếc áo dài…Một chiếc áo màu…Một chiếc áo như mây hồng…Một bờ tóc dài… Phạm Duy đưa động từ *xin* vào thế giới tuổi thơ, nhưng xin ở đây không phải là xin sỏ, van xin, mà xin là sáng kiến tạo nên các giấc mơ, xin như mở lòng để mở cửa cuộc đời, xin như tự tạo tuổi thơ của mình phải là *Tuổi ngọc*,với giọng hát của Thái Hiền, vừa thoải mái vừa tự tin, vừa an nhiên vừa lướt tới, lướt trên cuộc đời dù biết là **sẽ** có nhiều thử thách.

Xin cho em còn một xe đạp…xe sinh sinh để em đi học…Từng vọng, từng vòng xe là vòng đời nhỏ bé đạp… bằng bàn chân gót đỏ heo…cho em leo từng con dốc dài…cho em xuôi về con dốc này…rồi một ngày mai đây…từng kỷ niệm êm ái…chở về đầy trên chiếc xe này…Xin cho em nhiều thêm chuyến xe êm đềm. Bố của Thái Hiền, nhạc **sĩ** Phạm Duy, sáng tác hình như cho giọng hát và con người của Thái Hiền, hình ảnh của đứa con đang mang tuổi ngọc, đi đứng, vui đùa trước mắt ông, và ông đã thấy tuổi thiếu nhi của Thái Hiền đang qua tuổi thiếu niên. Động từ *xin* ở đây đã trở thành động từ *muốn*… muốn *một xe đạp* để hằng ngày *lên dốc, xuống dốc* với giòng đời, nhưng không để chỉ để chở *từng kỷ niệm êm ái…*

Ngay đầu đời, cuộc đời Thái Hiền thật đẹp, đẹp vượt cả mọi cơ may, đây là diễm phúc, nhớ mỗi lần nhìn lại về đời mình, thì nên *leo dốc*, rồi *xuôi dốc* với *Tuổi ngọc* nhé !



Mừng xuân.

Chúc cho một nước luôn tự do…
Mừng xuân tới bằng tiếng hát vang…

Chère Thái Hiền,

Tôi lần mò trong lúc một người đón tết, tìm lại được cassette Shotgun xuân 1974, ca khúc *Mừng xuân* của Phạm Duy, giọng hát thiếu niên *tin trong* -đặt niềm tin vào trong sáng- của Thái Hiền, vang bên giọng xuôi ấm của Duy quang. Tiếng hát *tin đời vì tin tương lai*: *Chúc cho một nước luôn tự do…* đưa *trong trẻo của nhân sinh quan* vào *trong sáng của thế giới quan* làm đẹp cho vũ trụ quan của nhân sinh, của những ai muốn sống tự do vì cuộc sống đẹp phải có tự do. Và chuyện đẹp ở đây là: *Chúc cho một nước luôn tự do…Mừng xuân tới bằng tiếng hát vang…*tới từ *cảm quan* của một thiếu nữ chưa là phụ nữ, cái trong trẻo của giọng hát mang *mỹ âm như ánh sáng* làm nên cái *trong sáng thính âm* của người nghe, đây là thành công loại lạ trong ca khúc Việt, tôi là người nghe xin "nhắn tin" cho Thái Hiền biết chuyện này!

Nhưng còn có một chuyện khác nữa là ca sỉ thiếu nữ Thái Hiền thửa nọ đã đại diện cho thiếu niên của thế hệ chiến tránh trước 1975, hát nên niềm tin trong sáng là cuộc chiến gây bao đỗ nát trong tâm hồn Việt, cuộc chiến huynh đệ tương tàn này phải chấm dứt để *tự do…luôn là tự do…* không còn bị chiến cuộc vây bủa nữa, bạo quyền trù ám nữa… Vậy mà chờ đã bao năm, sau hơn 40 năm hòa bình *tự do… vẫn chưa là tự do…* Người nghe chưa thấy vì chưa có tự do, nhưng họ đã có *giọng hát tự do* của Thái Hiền như *tri âm* trên những mảnh đời còn sót lại.

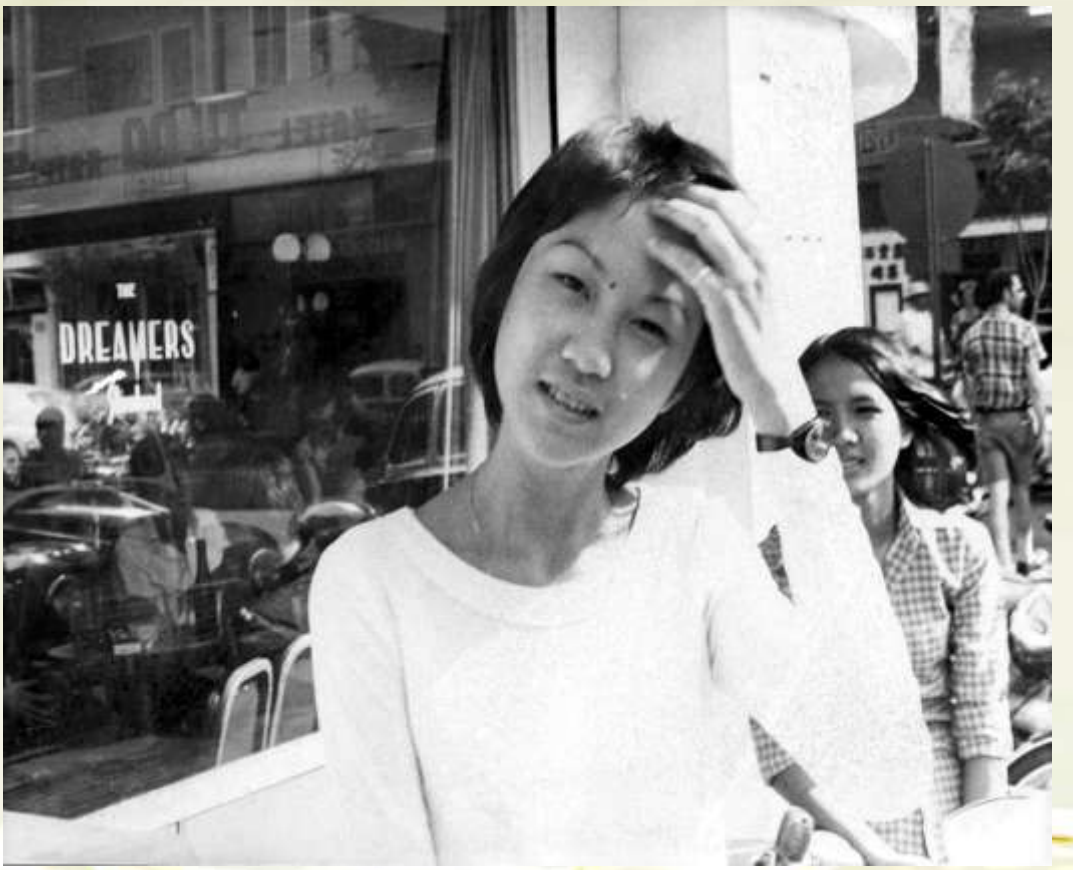
THE
DREAMERS

Tuổi xuân.

Bỗng dưng yêu đời… Bỗng dưng yêu đời…
Bỗng dưng yêu người… Bỗng dưng yêu người…
Bỗng dưng vui nhiều… Bỗng dưng vui nhiều…
Bỗng dưng mơ màng… Bỗng dưng mơ màng…

Chère Thái Hiền,

Tôi nghe ca khúc *Tuổi xuân* trước tết, giữa tết, sau tết… trước mùa xuân, giữa mùa xuân, sau mùa xuân, vì giọng hát của Thái Hiền thửa nào làm tỉnh lại quá khứ, làm vui ngầm hiện tại, làm sáng thầm tương lai, kiếp người không bị xám tối đi… một ca khúc hồn nhiên của Pham Duy : *Em nết na yêu kiều…*qua giọng hát *bỗng dưng yêu đời…*của Thái Hiền vì *…Bỗng dưng yêu người…* biết khẳng định … và khâm luôn luôn chuyện : *Em không ngại tim mình vở toan…*với bao âm hưởng của *vui-sống* vì biết *sống-vui*… giọng hát Thái Hiền trong suốt tin vui : *Em ca em hát em vui rộn ràng.*

Quy luật của *tạo âm-thính âm-tri âm* của ca khúc thật rõ trong *Tuổi xuân*: khi Thái Hiền đã tạo ra bao *tri âm,* giờ đã thành *tri ân* trong âm nhạc của thế kỷ qua, thì các người đã nghe Thái Hiền họ không còn *"thích"* bất cứ giọng hát nào khác sau đó của thế kỷ này; quy luật này nghe có vẻ phũ phàng nhưng nó không bất công đâu. Trong học thuật của sinh hoạt *nghề-nghệ-nghiệp* của tôi cũng vậy các sư tổ, sư phụ, sư huynh thường khuyên hậu sinh chúng tôi là đừng *đi lại-soạn lại-sao lại* các thành công lớn trong tư tưởng, trong lý luận, trong luận giải của các tác giả đã đoạt được *tâm cảm-tâm giao-tâm tình* của người đọc…

Một bài hát có *hạnh nghiệp* được làm nên bởi một giọng hát có *thiên năng* trong một thời điểm lịch sử, trong một bối cảnh xã hội, trong một môi trường văn hóa nhất định, được diễn đạt với một *thiên quý* của một ca sĩ đã vĩnh viễn vào lòng người. Nếu những ca sĩ sau này muốn hát lại thì nên cẩn trọng! Vì có thể làm *"vô duyên hóa"* tài năng của tác giả ca khúc đó, cùng lúc làm *"nhạt nhẽo hóa"* một thời điểm lịch sử, trong một bối cảnh xã hội, trong một môi trường văn hóa đã có lần được *thiên xuất* của một giọng hát, *thiên nghiệp* của một ca sĩ.



Trên đồi xuân.

Một buổi sáng vừa tỉnh giấc… là tàn đông…
Đi trong hơi thở quê nhà…
Một con ốc nằm yên giấc ở đồi hoang… chờ đón xuân…

Chère Thái Hiền,

Giữa mùa xuân năm nay, 2017 tôi tìm lại được cassette Shotgun xuân 1975, chỉ một hai tháng sau là *sự kiện* 30 tháng 4, thời điểm của chiến tranh được chấm dứt, một năm thật kinh lạ: *hòa bình trong sinh ly*, với bao bạn bè phải đi tù trong các trại học tập, với bao đồng bào phải vượt biển tìm tự do (thật sự tự do). Vậy mà, trong băng nhạc này, ca khúc *Trên đồi xuân* của Phạm Duy, giọng hát của Thái Hiền thật *tinh trong*-tinh khôi và trong trẻo- luôn là bản chất của một giọng hát *tin đời vì yêu đời* của tuổi thiếu niên chuyển dần qua thanh niên, của một thiếu nữ mang *nền trong sáng* của tâm hồn mình đưa người nghe xa địa ngục của chiến tranh cứ dài đằng đẵng từ 1945 tới 1975 mới chấm hết! Trên một quê hương điêu tàn, rồi cứ tiếp tục điêu tàn. Thái Hiền có bao giờ đặt câu hỏi là *nguồn giọng tinh trong* đó cũng từ từ xa dần Thái Hiền trong cuộc sống mới của một thiếu nữ *lần bước* đi vào tuổi phụ nữ…Người phụ nữ đó phải tiếp tục *lần đường* đi vào tuổi trung niên…rồi sẽ vượt tuổi trung niên tiếp tục *lần trông* đau đáu về cuối đời trong quỹ đạo *giọng xa người*. Nếu kiếp người là *vô thường*, thì giọng hát của người ca sĩ giúp ta thấy rõ cái *tuệ giác vô thường* ngay trong giọng người, cái *vô thường* mang theo cái phũ phàng của *vô ngã* (ta không thuộc về ta, vì ta không phải ta) thân thể lẫn sinh nghiệp của ta không phải của ta, thì giọng hát của ta cũng không phải sở hữu của ta. Nhưng cái đẹp trong cuộc đời ca sĩ của Thái Hiền là giọng hát năm nào đó, nếu nó không thuộc về Thái Hiền nữa vì nó đã thuộc về sử học ca khúc Việt, vì nó đã thuộc về cuộc đời của tất cả những ai đã cảm nhận sâu sắc giọng hát đó…



Tuổi biết buồn (tuổi lạc đàn ?)

Chère Thái Hiền,

Có chuyện lạ trong tình bạn của chúng ta: Thái Hiền hát trọn *Bé ca,* Thái Hiền hát đầy *Nữ ca,* nhưng bài cuối cùng trong tập *Nữ ca: Tuổi biết buồn,* báo «mật tin» ở cuối tuổi thiếu niên bước vào ngưỡng cửa tuổi thanh niên, nỗi buồn **sẽ** tràn ngập tuổi biết yêu, tuổi tìm yêu này. Mỗi lần chúng ta bàn chuyện về chuyện nảy : tại sao Thái Hiền không bao giờ hát bài *Tuổi biết buồn* ? Thái Hiền luôn im lặng, cái lặng yên, cứ làm người chờ đợi câu trả lời phán đoán, như kẻ mù lại mù thêm vì đêm khuya. Bài *Tuổi biết buồn* làm nên tên tuổi của ca sĩ Thanh Lan, lại đoạt giải trong một cuộc thi ca khúc của Nhật.

Những bước chân chim có nhớ vườn hồng…Vòng chơi cuốn theo tuổi xanh…Buồn đã biết rồi…Đâu ngờ giòng đời đang cuốn mau…Mang dỉ vảng trong tay, trên quảng đường dài…Còn tiếc thơ ngây hoài…

Sao tôi thấy rất nhiều nỗi lo về cuộc sống trong ánh nhìn của Thái Hiền, lo trong cuộc sống có quá nhiều tàn tệ với một người phụ nữ đa cảm. Tôi cũng thấy nhiều nỗi sợ về cuộc đời, sợ có những kẻ không lành, mang những điều xấu vào đời mình. Nỗi lo và nỗi sợ làm niềm tin về con người bị lạc hướng. Hôm qua, tôi đọc lại lá thư tuần này của Thái Hiền : *«Mẹ mất, rồi anh (Duy) Quang mất, rồi tới Bố mất, Thái Hiền như con chim thật sự lạc đàn».* Thái Hiền đã có quá khứ của tài năng, nhưng sáng suốt không để quá khứ này đè nặng trong hiện tại, bước qua quá khứ, sống cuộc đời mới thật bình yên, như vậy là Thái Hiền đã hiểu câu *hiện pháp lạc trú,* vui sống sâu sắc với hiện tại rồi, tại sao cứ lo cho mệt thân!

Thái Hiền ơi! Những người thân ra đi, mà trong quá khứ họ đã che chở, đùm bọc ta, họ chỉ vui lên khi vĩnh viễn ra đi nếu ta biến những mất mát người thân thành nội công của tâm lực, bản lĩnh của trí lực, vai vóc của thể lực…Chỉ có con đường *vui-sống* để *sống-vui* thôi Thái Hiền ơi! Như vậy ta sẽ làm những người thân vĩnh viễn ra đi sẽ vui lên. Có lẽ Bố, Mẹ, Anh của Thái Hiền cũng sẽ nghĩ như vậy.



Thái Hiền và me, ca sĩ Thái Hằng, với bố nhạc sĩ Phạm Duy

Sớm.

Anh ơi ! Em ra đời sớm lắm !...

Chère Thái Hiền,

Đó là câu Thái Hiền nói với tôi mùa thu vừa qua, còn tuổi thiếu nhi mà đã rất sớm bước vào giới văn nghệ. *Ra đời sớm* hay *vào đời sớm* để trưởng thành sớm, với các thử thách sớm, thăng trầm sớm hơn mọi người, có thành công sớm nhưng cũng nhận lãnh các khó khăn sớm hơn, nhiều hơn những người cùng thế hệ, trong một môi trường văn nghệ thời buổi chiến tranh phức tạp, với lắm các con buôn âm nhạc, mà người ta quan gọi là bọn *đầu nậu văn nghệ*. Nhưng khi xem lại các dữ kiện được chứng thực trong quá trình nghệ thuật ca khúc của Thái Hiền, thì gần đây tôi suy nghĩ lại rất nhiều về câu này của Thái Hiền, chỉ xung quanh chữ *sớm*, vì có loại *sớm*, loại thứ nhất trong cái *sớm* rất *lành*, vì nó dựa trên cái *hay, đẹp, tốt, cao*; và loại thứ hai mang cái *sớm* rất *dữ* vì nó dựa trên cái *xấu, tồi, độc, ác*. Thái Hiền ở trường hợp thứ nhất, chắc nhạc sĩ Phạm Duy, bố của Thái Hiền, đóng vai chính trong chuyện này, khi ông đưa được bao cái *hay, đẹp, tốt, lành* trong các ca khúc *Bé ca*, từ *Tuổi thần tiên*...*Tuổi mộng mơ*...đã làm nên tên tuổi của Thái Hiền. Có được một tuổi thơ đẹp, lại được bố của mình trao tặng nhiều ca khúc, để chia sẻ với các bạn của lứa tuổi, chia sẻ luôn cho cả xã hội đang điêu đứng vì chiến tranh trong cuối thế kỷ qua, có cả các *Kỷ niệm* (một ca khúc của Phạm Duy, mà Thái Hiền hát rất hay) trân quý của tuổi thơ.

Tuổi thiếu nhi… Tuổi thiếu niên… *Ra đời sớm*, nhưng Thái Hiền vẫn giữ được cái hồn nhiên, cái trong sáng trong giọng hát, trong cách thể hiện các ca khúc cho tới Tuổi thanh niên… Tuổi trung niên; đây là một thành công (thầm lặng) khác của Thái Hiền. Chuyện này, có nội chất, có tầm vóc của nó, vì bi kịch của nhiều ca sĩ là tự đánh mất nội chất trong sáng, thành thật, chân tình ngay trong chính giọng hát của mình, khi *chất mị dân* bị *chất thị hiếu* đưa đẩy vào *chất mị thời thượng* truy diệt cái chất *hay, đẹp, tốt, lành* được dựng lên từ cái *thực* (*có thực mới vực được đạo, sự thực chớ không phảm ẩm thực*) trong chiều sâu của mỗi tâm hồn nghệ sĩ. Nghe kỹ lại các ca khúc từ Bé Ca tới Nữ Ca, người nghe nhận ngay cái thực trong giọng hát của Thái Hiền, chia sẻ bao cái *hay, đẹp, tốt, lành* làm cuộc sống đáng sống, vui sống để sống vui, thành công của giai đoạn Bé Ca, Nữ Ca dường như là trường hợp độc nhất trong lịch sử âm nhạc việt nam.

Tuổi thiếu nhi… Tuổi thiếu niên…của Thái Hiền cũng là những ngày dài không muốn dứt, sáng luyện tập, chiều thâu thanh, tối trình diễn các phòng trà, không kể các nhạc hội… Thái Hiền kể có những ngày mưa như trút nước tại Sài Gòn, đường lầy lụt, Duy Cường phải ẵm Thái Hiền từ phòng trà ra xe…Nữa thế kỷ trong *nghề* ca sĩ, Thái Hiền đã sống thật trọn vẹn, thật rộng, thật sâu với *nghệ* của mình, đó cũng là *nghiệp* của Thái Hiền, trong một đất nước căng lửa chiến tranh cho tới khi lưu lạc quê người, mang kiếp luu vong, Thái Hiền đã hát trong các trại di tản, đã hát trong các công tác từ thiện, nhân đạo… Chữ *nghề, nghệ, nghiệp* kết lại, thắt lại, đọng lại trong cuộc đời của Thái Hiền, một cuộc đời như vậy thì đã quá đẹp… Nhiều người mơ ước mà không sao thực hiện được.

Ca sĩ : tầm và vóc

Trong

Chère Thái Hiền,

Nhiều người đã viết về giọng hát của Thái Hiền, họ viết rất hay, vì họ hiểu rất thông suốt âm lượng và âm vực trong cách thể hiện các ca khúc trong phong cách ca sĩ của Thái Hiền; nhưng có lẽ người nhận định đúng chất giọng, phân tích trúng về phẩm chất khi phát âm các ca từ của Thái Hiền có lẽ chính là bố của Thái Hiền : nhạc sĩ Phạm Duy, khi ông nới chuyện với bè bạn, khi ông giới thiệu giọng hát của Thái Hiền qua tác phẩm thơ của Hàn Mặc Tử được ông phổ nhạc. Tôi muốn trong thư này, đi sâu hơn "tí" nữa về chuyện *trong* như nội chất phát âm của Thái Hiền.

Một giọng hát: *trong*, mang cái *trong suốt* vào giai điệu, làm mọi ồn ào cùng bao vẩn đục cần phải được loại bỏ trong cái *thanh*, để đưa cái *lịch* thăng hoa, nâng cái *quý phái* đúng tầm của nó.

Một giọng hát: *trong*, mang cái *trong lành* vào âm điệu, trong cái lành đã có sẵn cái *hay* và cái *tốt*, loại ra cả cái xấu lẫn cái tục, mời cái *đẹp* thoải mái vào nhận ca từ như nhận bạn, nhận tri âm,dẫn lối cho tri kỷ.

Một giọng hát: *trong*, mang cái *trong sáng*, đưa ánh sáng nhẹ nhàng vào ngôn ngữ, mà ca từ là ngôn ngữ vừa đằm thắm, vứa sáng lên trong cấu trúc của một ca khúc, vui cũng như trong buồn, đây là nội chất của ca khúc Việt, mà nhiều ca sĩ tự cho mình là: "chuyên nghiệp", tự cho mình là: "suốt đời để phục sự nghệ thuật âm nhạc", không hiểu, không thông, không thấu.

Thái Hiền ơi: chất *trong*, mang theo chất *lành* và chất *sáng* làm nên thành công *cao, xa, sâu, rộng* của Thái Hiền mà nhiều ca sĩ chuyên nghiệp khác không có, và sẽ còn nhiều ca sĩ khác khi tự cho mình là "chuyện nghiệp" sẽ không bao giờ có, có lẽ vì họ không hiểu ca từ Việt, tới từ ngôn ngữ Việt: *hay, đẹp, sáng, lành* chăng?



Đôi mắt người Sơn Tây.

Nhớ … mắt, biết…mơ

Đôi mắt người Sơn Tây…
Em hảy hãy cùng ta mơ
…mơ một ngày đất mẹ…
Ngày bóng dáng quê hương…
đường hoa khô ráo lệ…

Chère Thái Hiền,

Các ca sĩ có vị thế vững trong âm nhạc Việt, hình như đa số họ có hát bài này, ca sĩ thành công nhất vẫn là Thái Thanh (cô của Thái Hiền), họ thích hát ca khúc *Đôi mắt người Sơn Tây* chỉ vì nó hay, vì thi từ của thi sĩ Quang Dũng vừa đẹp, vừa quý phái như phong cách của bác ấy trong thi ca; vì ca từ của nhạc sĩ Phạm Đình Chương (cậu của Thái Hiền) vừa hay, vừa sâu; và Thái Hiền hát thành công ca khúc này, theo cách riêng của Thái Hiền.

Các đoạn cần *âm lượng cao*, thì Thái Hiền không rơi vào chuyện "hét"(la); các đoạn cần *âm vực rộng*, thì Thái Hiền không bị bẫy bởi chuyện "ngâm"(nga); các đoạn có *âm khí ngang*, thì Thái Hiền không bị sa vào chuyện "kể"(lể); mà ngược lại Thái Hiền tìm cách sống thật với tâm trạng của ca khúc, tức là của tác giả, mà đây lại là tác giả đôi: thi sư Quang Dũng biết làm sâu lắng những địa danh của Đất Nước (Sơn Tây, Tây Phương, Sông Đáy, Phủ Quốc…); và của nhạc sư Phạm Đình Chương biết tượng hình hóa các tình cảm về các địa danh đó qua âm nhạc; trong đó nội tâm của hai tác giả dẫn dắt người nghe một cách rất tinh vi qua các cảnh quan bằng tâm trạng Việt đang lạc đường ngay trong tâm hồn Việt, đang phải cam nhận những điêu tàn của chiến tranh…Nhưng tâm hồn Việt này không để bị suy kiệt, vì nó biết bảo vệ giấc mơ Việt: mơ hòa bình, mơ thái hòa, mơ *ngày bóng dáng quê hương… đường hoa khô ráo lệ…*

Nhớ… mắt để biết…mơ đây là nội lực thi ca của thi sĩ Quang Dũng, đó cũng là bản lĩnh ca khúc của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, mà người nghe cảm nhận được qua giọng hát rất thật, nhưng rất sâu lắng của Thái Hiền.

Hoài cảm.

Len lén tâm tư…

Chiều buồn len lén tâm tư… Lòng cuồng điên vì nhớ….
Chờ hoài nhau trong mơ…Như mơ hồ về trong đêm tối…
Cố nhân xa rồi…Có ai về lối xưa...
Chờ nhau hoài cố nhân ơi…

Chère Thái Hiền,

Khi gặp nhau, trò chuyện với nhau thật lâu với Thái Hiền, tôi mới biết là Thái Hiền chưa gặp và chưa quen với Cung Tiến, một nhạc sĩ vừa tài hoa, vừa rất trí thức, mà ta cảm nhận được qua ca từ, qua *vài* ca khúc (nhưng chữ *vài* ở đây không có nghĩa là *ít*, mà phải hiểu ngược lại là *đủ*), đủ để tạo dấu ấn của Cung Tiến vừa sâu đậm, vừa lan tỏa trong âm nhạc Việt. Cuộc sống *ngoài đời* của Cung Tiến cũng *hoa*, và *trí*, như các câu chuyện âm nhạc của ông vừa đẹp trong cách đặt chủ đề, vừa mang theo những phân tích chỉnh chu của nhận định âm nhạc. Cuộc sống *trong đời riêng* cũng *tài*, cũng *thức*, biết *"ăn ngon, mặc đẹp"*, vì biết *"học ăn, học nói"*, vì rõ chuyện *"học gói, học mở"*. Những năm cuối thế kỷ qua, từ Mỹ, Cung Tiến thường ghé Paris, lặng lẽ (len lén) rủ tôi đi xe thật chậm, thật lâu qua vùng Beaujolais -vùng rượu đỏ tươi mộng- tới Lyon-thủ đô bàn bạc ẩm thực của Âu châu- để hưởng *món ngon,vị lạ* trong *niệm, định, tuệ*…theo nghĩa thoải mái của *phật học*. Chưa chắc Phật đồng ý về chuyện *lụy rượu, yêu vị* của chúng tôi, nhưng không sao, chúng tôi hiểu theo *phật lý*, biết nhận *phật luận*, chớ chúng tôi không phải *phật tử*.

Nhạc của Cung Tiến không xa với chuyện *ngoài đời* và *trong đời* của ông. Ông thấu được cái rộng xa của thi ca Bà Huyện Thanh Quan, ông cảm nhận sắc nhọn thơ của Thanh Tâm Tuyền trong các thử thách qua chiến tranh, qua các trại học tập, mà bản chất là các trại tù sau 1975. Ông phổ *thơ tù* của Thanh Tâm Tuyền thật hay, thủa ấy trong tù anh Tâm lấy bút hiệu là Trần Kha. Những ai biết nhạc của Cung Tiến và biết thơ của Thanh Tâm Tuyền đều yêu quý và trân trọng bài *Vang vang trời vào xuân*, chắc một ngày kia Thái Hiền nên hát ca khúc này, nó hợp với giọng hát trong sáng và trầm lắng của Thái Hiền lắm!



Một mình trong đêm vắng.
Đàn trong đêm vắng.

Vắng

Chère Thái Hiền,

Thái Hiền đã thể hiện thành công những ca khúc của các nhạc **sĩ** lớn của âm nhạc Việt, họ lớn trước nhất là vì nghệ thuật họ lớn, mà cũng vì tư tưởng họ lớn, mà ca từ vừa là nhân sinh quan, vừa là thế giới quan của họ. Nhưng có chuyện lạ là Thái Hiền cũng thành công với các ca khúc không sâu về nghệ thuật, không cao về tư tưởng, nhưng thấm đậm lòng người nghe qua giọng hát vừa trong vừa thật, vừa sáng vừa sâu của Thái Hiền, chuyện này làm tôi suy nghĩ mãi? Thí dụ **rõ** nhất là hai ca khúc:

Một mình trong đêm vắng
...Người le lói trong kiếp sầu...chìm về đêm sâu...Một đêm thâu...

Đàn trong đêm vắng
...Lạnh lùng buông tiếng gieo đau thương...trăng gió bơ vơ... mây nước hững hờ...chim chóc ơ thờ...

Tôi cứ tìm cách giải thích chuyện này, bằng những giả thuyết quanh quẩn trong đầu mình bao lâu nay. Tôi lần mò qua lý lịch, qua những chặn đời của Thái Hiền từ độ thiếu niên cho tới nay, tôi ngừng thật lâu lại tuổi trung niên của Thái Hiền, gắng lòng nhớ lại những lần nói chuyện thật lâu qua điện thoại với Thái Hiền, tôi cứ đau đáu tìm cho ra một «*mối*» để lý giải, để hiểu cho ra một chân lý trong ca khúc: một ca sĩ thành công vì giọng hát của ca sĩ đó đã *đi sâu, ở đậm* trong lòng người nghe, không chỉ vì ca sĩ đó hát hay, mà chính vì ca sĩ đó sống thật với ca khúc đó, mà ca từ của ca khúc đang âm thầm, lẳng lặng phản ánh đời sống thật của ca sĩ đó.

Sáng chủ nhật này, giữa mùa đông gay gắt, dai dẳng của Âu châu, khi nghe kỹ giọng Thái Hiền qua hai ca khúc này, tôi tìm ra được từ: *vắng*, chỉ một chữ, nhưng vừa là động từ, vừa là trạng từ… *Vắng* từ ngoại cảnh tới nội tâm, đây là nội chất thật của mọi định nghĩa về sự cô đơn, mà sự cô độc ta nhận diện được qua thái độ sống, qua các hành vi quan hệ với cuộc đời.

Có thể cuộc đời của Thái Hiền, xung quanh chữ *vắng* này chăng? *Vắng* tâm giao, *vắng* đắc khí, *vắng* đồng hành vì *vắng* tri kỷ, hát cả đời mà không có tri âm, mặc dù thính giả rất đông, người ngưỡng mộ rất nhiều.

Trong *Cư trần lạc đạo (sống đời vui đạo)* của Phật hoàng Trần Nhân Tông, vị minh quân sáng suốt của Việt tộc, tặng chúng ta một lời khuyên: *đối cảnh vô tâm*, cứ nhìn ngoại giới để hiểu đời, nhưng không để nội tâm mình bị ngoại cảnh tác động, chi phối. Lời khuyên thật *cao, sâu, xa, rộng* vì rất *hay, đẹp, tốt, lành* cho mỗi người; nhưng nó không trọn vẹn, không đầy đủ, tự nó không bao trùm toàn bộ cuộc sống được; không chỉ vì cuộc sống phức tạp, quanh co, mà vì cuộc sống cũng được làm bởi cá tính của mỗi người. Nhất là đối với Thái Hiền, không thấy lạc lõng trong cô đơn, đọa đày trong cô độc, vì biết sống với cái *riêng* của mình, trân quý cái *cô* trong cái *vắng* để nhìn rõ cái *tâm* của mình… Không biết tôi đoán có đúng không? Không sợ cái *vắng* (người), vì biết chăm sóc cái *cô* (sâu) của mình.

Hoàng Thanh Tâm

Làm đậm cái nhạt

Tháng Sáu Trời Mưa

«Tháng sáu trời mưa… trời mưa không dứt… trời không mưa anh cũng lạy trời mưa… »

Như mây lênh đênh

«Quê hương ta ơi…những đêm dài mưa xuống đời…»

Dạ khúc cuối

«…Cho nhau ngàn yêu giấu…tình yêu giờ xa khuất tầm tay…»

Ru đời chỉ là mơ qua

«…Chia nhau biển sầu trong mắt…Cho em vào mộng đã tan… »

…

Chère Thái Hiền,

Thái Hiền đã thành công trên các ca khúc của Hoàng Thanh Tâm, Thái Hiền đã để lại dấu ấn sâu cho những ai thích các bài của nhạc sĩ này, thành công nhất có lẻ là bài Tháng Sáu Trời Mưa, có thể ca từ của bài này được trợ lực bởi thi từ của thi sĩ Nguyên Sa.

Nhưng nếu Thái Hiền nhớ trong các lần trò chuyện với nhau những năm qua, tôi không bàn về chuyện này, vì chắc nó không phải là một chủ đề mạnh để làm động lực cho một câu chuyện hay, bao tháng ngày qua tôi không đổi ý kiến về chuyện này… Nhưng hôm nay giữa mùa xuân Địa trung Hải, nắng mưa xám nhạt trong bầu trời mờ nhạt, tôi lại thấy được: cái đậm của giọng hát Thái Hiền trong cái nhạt các ca khúc của tác giả này, chuyện này từ đâu tới vậy?

Những năm qua, tôi xin thú thật là tôi «lẳng lặng» xếp tác giả này trong vị nhạt trong nghệ thuật ca khúc Việt, tức là có người hát và có người nghe các ca khúc của nhạc sĩ này, những bài của ông có thể phổ biến cho không ít người, nhưng nó khó trở thành phổ quát với thời gian, hiện diện bền trong lịch sử âm nhạc việt, tại sao vậy ?

Vì tôi thấy: nhạc thuật của nhạc sĩ này không sáng tạo, ca từ không có nội dung sâu, ca khúc không có tư tưởng rộng, tại sao tôi lại vào lối diễn luận này, vì tôi tin là các nhạc sĩ đậm, tức là các tác giả lớn (Phạm Duy, Văn cao, Trịnh Công Sơn…) ca khúc của họ làm giầu nhân sinh quan, làm đẹp thế giới quan, làm cao vũ trụ quan của chúng ta.

Nhưng giữa chiều và tối của ngày hôm nay, nắng mưa xám nhạt trong bầu trời mờ nhạt, tôi thấy sáng ra một chuyện : tài năng của Thái Hiền báo rõ một thiên năng, nơi mà giọng hát Thái Hiền đã thổi một tâm lực vào các ca khúc của nhạc sĩ. Thái Hiền đã chế tác được cái cảm nhận (riêng và sâu) của mình để tạo ra được cái cảm xúc (lắng và đọng) nơi người nghe.

Đây là một thành công vừa cao, vừa lạ trong cuộc đời của một ca sĩ!



Đêm chợ phiên mùa đông,
Lê Uyên Phương

Tình yêu đang xanh… mà*… lòng vắng tanh*

Chère Thái Hiền,

Trong hành trình lưu vong của hàng triệu đồng bào mình sau 1975, với bao trăn trở về hiện tình của đất nước, về lối ra của Việt tộc, thì tại hải ngoại chúng ta dần dần nhận ra những giá trị đặc thù các bài nhạc tình của Lê Uyên Phương: phải thật sự có tự do trong sáng tác mới thể hiện được chiều sâu của nỗi buồn trong tình yêu. Còn sống trong một chế độ mà chỉ có khẩu lịnh trong tuyền truyền, nhồi sọ dày não bộ, thì không sao cảm nhận được trọn vẹn giá trị của loại nhạc tình này. Vì chúng có bản lĩnh tự do để ngự trị dài lâu trong ý thức lẫn tàng thức của cõi tình Lê Uyên Phương trong chúng ta. Trong cõi đó: *yêu* vì quá *lụy*, rồi *buồn* vì quá *yêu*. Tác giả đã cùng ca sĩ đã đưa người nghe vào *cỏi bại của tình*, thất bại qua mất mát, khi *yêu*, khi *lụy*, khi *buồn*, mà Phương đã tượng hình hóa qua: *nhức mỏi rã rời trong vũng lầy (vũng lầy của chúng ta)*, mà Lê Uyên biết truyền đạt bằng giọng hát cuồng nhiệt trong đam mê, dấn thân yêu để sẵn sàng tiếp nhận mọi mất mát sẻ tới với đời mình!

Nhưng khi vào của cõi tình Lê Uyên Phương, Thái Hiền tiếp nhận cách khác, diễn đạt cách khác, tìm một ánh sáng mới trong nhạc tình của Lê Uyên Phương, đưa giọng *trong sáng* của mình để làm *trong xanh* tình yêu, rồi sau đó mới nhập giọng hát *trong trẻo* của mình vào *cõi buồn của tình yêu*, như tìm ra một khám phá mới về cuộc đời, về cõi tình, tinh tế gạt qua các *cuồng nhiệt* tới từ các *cuồng vọng* trong tình yêu ; ngược lại Thái Hiền lấy giọng hát *trong* để chống lại cái *đục* của *tình*… Tôi thấy nên lập luận như vậy để dễ nhập nội vào cõi buồn của ca khúc *Bài ca hạnh ngộ.*

Hoa ngân vang lời ái ân
Môi say cười gió đông
Em mơ lời tha thiết ân cần

Thái Hiền vào thật vừa trầm, vừa nhẹ đoạn này, để mọi người đều nhận ra được cái đẹp của tình như *thì thầm* để yêu người, rồi *ngân vang* để yêu đời…

Sao… sao ơi! Chờ gió đưa
Thì thầm trong bóng đêm dịu êm
Nghiên cánh hoa chờ dư âm xa
Trong bốn đêm màu môi phôi pha
Nhưng mắt em ngời lên sao xa
Buồn như gió thu vừa qua

Một tình yêu đẹp luôn có một vũ trụ quan lớn, với *sao, gió, đêm, hoa, thu*… nhưng *phôi pha* đã có mặt, với cái *buồn*, ngời lên giữa *sao, gió, đêm, hoa, thu.* Giọng hát của Thái Hiền vẫn không than thở, không gào trách, vẫn giọng thanh thản buồn (nhưng không thong thả đến những hờ) mà tỉnh táo đào sâu nỗi buồn, để có sáng suốt mà nhận ra chân tướng của *phôi pha* như *mầm vô thường* đang được tưới tẩm nỗi buồn trong cõi tình.

Sau lưng em đèn kết hoa
Mái tóc lộng gió xa
Em say ngàn câu hát chan hòa
Nhưng em ơi lòng cách xa
Nhạc buồn như tiếng ca đường khuya

Cách xa không còn là tín hiệu mà đã thành thực thể *buồn như tiếng ca đường khuya*, ngay trong lúc *em say ngàn câu hát chan hòa*, thành công của Thái Hiền là *giọng hát thật* hát lên một *linh tính có thật* về sự mất mát trong tình yêu.

Sao hỡi sao đừng rơi trong đêm
Mây hỡi mây đừng trôi qua nhanh
Như mắt môi tình yêu đang xanh
Rồi như lá hoa đầu thu…

Chỉ báo *mất mát* qua động từ *rơi*: *sao hỡi sao đừng rơi trong đêm,* rơi là *mất*, mà *nhanh* cũng là mất : *mây hỡi mây đừng trôi qua nhanh*, những kẻ yêu nhau đã thấy *đầu thu* mang theo tàn tạ rồi tàn úa giữa *mắt môi tình yêu đang xanh*. Đoạn này, Thái Hiền đã biến *giọng hát thật* qua *giọng hát buồn* và người nghe thấy *rơi-nhanh-mất* đang làm mất trắng cái *đang xanh*.

Ơ gió rung ngọn đèn vàng
Ơ gió theo lòng rộn ràng
Mơ môi em hoa thơm trinh nguyên
Mơ tay em đem bao yêu thương
Biết đâu rằng rồi mờ hơi sương

Những ai yêu giọng hát của Thái Hiền, tìm được bài này trong CD *Đôi mắt người Sơn Tây*, hát cùng Tuấn Ngọc, trong bài này nam ca sĩ lão luyện của chúng ta đã theo sau giọng hát của Thái Hiền bằng một âm hưởng *lắng, êm, dịu, nhẹ* đưa chuyện *mơ tay em đem bao yêu thương,* thành chuyện *biết đâu rằng rồi mờ hơi sương.* Hình ảnh *rơi-nhanh-mất* bây giờ đã được rõ nét trong *hơi sương.*

Trên phố khuya âm thầm trong gió đông

Trên phố khuya âm thầm như ngóng trông
Mắt thơ ngây màu môi sẻ phai nhanh
Tuổi yêu thương còn xanh

Cõi nhớ của vực tình là: *khuya… âm thầm… trong gió đông*. Nhớ nhau không hề thụ động, nó chủ động qua *ngóng trông*, nhưng luôn mang theo *nỗi lo* đã làm thành *nỗi buồn*: *màu môi sẻ phai nhanh.* Vũ trụ *khuya trong gió đông* trùm phủ mọi bề của *tuổi yêu thương còn xanh.* Nhạc tình của Lê Uyên Phương có một nỗi buồn của vực sâu, mà không ai đủ sức thoát khỏi vực thẳm này!

Trăng đêm đen tìm bóng em
Xanh xanh màu áo em
Nghiêng nghiêng màu tóc ngắn hoa cài
Môi xinh xinh lòng vắng tanh
Dịu buồn như mắt em còn xanh

Đoạn này, người nghe Thái Hiền cảm nhận được chuyện lần tìm một khởi hành mới cho tình yêu: *trăng đêm đen tìm bóng em*…Nhưng cái mất mát đã định vị sâu đậm trong tình yêu: *môi xinh xinh lòng vắng tanh*. Có *dịu buồn* báo hiệu mất *mắt em còn xanh*, trong đó mọi hình ảnh *xanh xanh, xinh xinh* rồi sẻ *vắng tanh… dịu buồn* sẻ thành buồn rả rợi.

Em hởi em đừng mơ thu qua
Như áng mây chiều mau phôi pha
Như gió đông thường mang đi xa
Một nụ cười thoáng qua.

Đừng mơ vì mọi cuộc tình đều *phôi pha*: *như gió đông thường mau đi xa.* Trong phương trình (dường như) vỉnh hằng của tình yêu: *rơi-nhanh-mất*. Phương lại thêm hai hằng số mới: *đi xa* và *thoáng qua.* Phải hiểu các hằng số này (*đi xa-thoáng qua)* mới diễn đạt thành công nhạc của Lê Uyên Phương, tôi biết là Thái Hiền đã hiểu rất rỏ, nên đã thành công.

Ra đời sớm … vào đời sớm, Thái Hiền vừa có những kỷ niệm rất sâu đậm, vừa có những tâm sự thâm trầm với các ca sỉ đàn cô (Thái Thanh, Kim Tước), đàn chị (Lệ Thu, Khánh Ly), đây vừa là vốn văn nghệ, vừa là vốn sống quý lắm Thái Hiền à ! Đây là cái *hay* trong cái *sớm* mà không một gia đình nào, không một trường lớp nào giảng dạy được, vì khi chúng ta nghe được kẻ đi trước tâm sự, mà không *«dạy đời»* về các vướng mắt, các trở lực của nghề nghiệp, chúng ta được hưởng ba chuyện: *nghe sớm* để *hiểu sớm*, hiểu sớm để *thương sớm* hơn cái nghề, cái nghệ, cái nghiệp của mình. *Nghe-hiểu-thương* là cốt lõi làm nên phật học, sức thông minh tới từ cái *bi*, cái *từ*, cái *tâm*; không có *duyên khởi sớm*, không có *hạnh ngộ sớm*, thì đừng mong có cái *nghe-hiểu-thương* tới từ cái *bi-từ-tâm* này!

Thái Hiền nhớ giữ cho kỹ và tâm niệm cho sâu về cái *sớm* trong khi nghe được tâm sự của Khánh Ly trong những ngày hát cùng với chị ấy tại Texas, Pennsylvania, Kansas...khi tâm sự với chị Lệ Thu, cách chào khán giả, với lòng quý trọng nhất…Khi chia sẻ chuyến bay đi San José với cô Kim Tước…Khi cùng Tuấn Ngọc đi Canada…Khi cùng chia sẻ đời âm nhạc với Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng. Cái sống sớm trao tặng ta cái học sớm. Cái chất nội kết nghề-nghệ-nghiệp nếu biết khai thác, nó sẻ trở thành tiềm năng cho một nội lực, vì nó biết chuyển hóa để biến thành cái đạo, cái pháp, cái thuật làm ra thế giới quan của văn nghệ để khai phá ra hay, vũ trụ quan của nghệ thuật để sáng tạo ra cái đẹp, nhân sinh quan của nghệ sĩ để nhận diện cái sâu trong cuộc đời của họ. Đừng quên trong cái sớm, có cái sâu nhé!

Đêm màu hồng

Tôi đẹp như hình tôi

Chère Thái Hiền,

Với tuổi trung niên của mình, Thái Hiền đã chọn đứng trước một dàn giao hưởng thật chỉnh tề để *diễn thật đạt* ca khúc *Đêm màu hồng*, của Phạm Đình Chương, cậu của Thái Hiền, đứa con yêu dấu của ca khúc Việt, vì đã là người cha dầy thiên năng phổ thơ cho âm nhạc Việt, đã chọn một bài thơ tình tuyt đẹp của Thanh Tâm Tuyền để phổ nhạc :

Em gối đầu sương xuống
Chuyện trò bằng bóng mình
Tôi đẹp như hình tôi
Như cuộc đời… như mọi người…

Trong lúc chúng ta trò chuyện, Thái Hiền biết rất rõ cuộc đời và sự nghiệp của Phạm Đình Chương, nhưng Thái Hiền hỏi rất nhiều về Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi xa tắp của thơ tự do, lạ lẫm trước bình nguyên thi ca, lối lạ giữa đồng bằng văn chương Việt, tôi không sao đủ sức tóm tắc được cuộc đời cuộc đời và sự nghiệp Thanh Tâm Tuyền. Bài thơ tình *Đêm màu hồng* được phổ nhạc này có cái êm thắm mà các bài thơ tình khác của anh Tâm không có; có lẽ anh ấy thấy rõ cái *chủ bại tình yêu*, từ *tin yêu* tới thẳng *mất yêu*, cuộc sống như ngõ cụt không có lối thoát cho tình yêu. Người yêu thơ Thanh Tâm Tuyền, trong đó có Phạm Đình Chương, hiểu rõ cái *chủ bại tình yêu* trong thơ anh ấy : *Anh sẻ đưa em xa thành phố…Anh sợ các cột đèn đèn ngã xuống…dây điện quấn lấy chúng ta…bóp chết biết bao hy vọng…* Cái chủ bại như mầm đen luôn «yên thân» trong tàn thức của tình yêu, nhưng thật lạ! Nó giúp chúng ta sáng suốt trước các khốn cùng, giúp chúng ta tỉnh táo trước mọi thăng trầm. Anh Tâm có lần dùng cụm từ: *ghẻ lạnh*, chỉ hai chữ mà chúng cứ đeo đuổi tôi suốt cuộc sống lưu vong xứ người. Sống cạnh anh ấy, bạn bè hưởng cái sáng suốt của côi cút, cái tỉnh táo của cô lẻ… Thôi để có dịp khác tôi sẽ kể thêm, kể nhiều, kể hoài về Thanh Tâm Tuyền, người thầy đau đáo, người cha mòn mỏi, người anh sâu lắng, người bạn hải đăng… Còn bây giờ, Thái Hiền cứ hát những câu thật đẹp của anh Tâm cho tình khúc việt, cho tình ca việt, của một thi sĩ luôn quý phái trong ngữ văn, sang trọng trong ngữ pháp :

Sớm mai khua thức… nhiều nhớ thương… nhiều nhớ thương…
Em là cánh hoa …là khói sóng….đêm màu hồng…
Vòng tay… vòng tay dĩ vảng… Vòng tay… vòng tay bát ngát
Chốn yên nghĩ cuối cùng…
Dưới mắt sao…dưới bàn chân… những đứa con
Em là lá biết, là mây cao, là tiếng hát…
Sớm mai khua thức… nhiều nhớ thương… nhiều nhớ thương…

Thật ra, anh Tâm không *chủ bại* như ta nghĩ, vì tôi biết là bao thế hệ vẫn nhớ cái mầm *chủ hoan*, một mầm sáng cũng nằm trong tàn thức của chúng ta, làm ta cảm nhận được : *vui như tình*, ngược lại với *chủ bại*, vì *chủ hoan* thôi thúc chúng ta cứ yêu :

Yêu như giọt nước hân hoan !



Ơn

« Em mang ơn những bài hát đã nuôi em ».

Chère Thái Hiền,

Trong điện thoại tháng qua, Thái Hiền nhắc nhiều lần câu này, làm tôi suy nghĩ cũng nhiều đêm qua, một câu thật *ngắn*, thật *gọn* nhưng *ý lực* của câu này thật *mạnh*, thật *rộng*, tôi học được thật nhiều chuyện trong câu này, bản thân tôi phải biết nghiền ngẫm câu này sâu hơn nữa trong những ngày tháng tới. Vì đây là chuyện lạ đối với tôi, *mang ơn* là *mang ơn người* chớ có ai *mang ơn những bài hát*, nhưng thật sự là có những bài hát đã nuôi những ca sĩ hát những bài hát đó, chuyện dễ hiểu nhưng *«truy luận»* cho rõ, thật không phải dễ. Đi tìm *gốc, rễ, cội, nguồn* trong quan hệ *«ơn sâu, nghĩa nặng »* giữa ca sĩ và ca khúc, để hiểu cho được chuyện *một duyên, hai nợ, ba tình* giữa giọng hát và bài hát là câu chuyện *lý của lòng* trong nghệ thuật ca khúc, Thái Hiền à.

Có lần, Thái Hiền kể cho tôi nghe một câu chuyện thật hay: *«Có những bài hát không phải là những bài hát mà ca sĩ thích nhất, nhưng khán giả liên tục yêu cầu, với thời gian người ca sĩ hiểu càng sâu hơn tại sao khán giả quý yêu các bài hát đó, chuyện này làm người ca sĩ yêu hơn, nhất là phải* mang ơn *những bài hát đó »*. Sức nội kết một giọng hát vào một bài hát tạo ra một *huyền lực*, nói rõ hơn là một *tổng lực* giữa *bản lĩnh* của một ca sĩ và *nội công* của một bài hát sáng tạo được qua *tầm vóc* của một nhạc sĩ, làm ra cái *lực nội kết* thứ hai trong cách cảm nhận của thính giả: cái *lý yêu nhạc* tự cho phép mình yêu cầu các bài hát mà mình quý yêu!

Lần khác, Thái Hiền kể cho tôi nghe một câu chuyện khác nữa: «*Có những bài hát không phải là những bài hát mà ca si thích nhất, nhưng các trung tâm phát hành nhạc yêu cầu ca sĩ hát. Ra công tập luyện, rồi khi trình diễn có thành công, được khán giả đón nhận, như vậy ca*

*sĩ đó vừa phải cảm ơn các trung tâm phát hành đã có sáng kiến rồi biến thành đề nghị cho ca sĩ ra công tập luyện, vừa phải mang ơn khán giả đã đón nhận cái thành công trong thử thách tập luyện của ca sỉ đó».*Nhận định được như vậy, Thái Hiền có ít nhất ba cái vốn rất thông minh của một nghệ sĩ. Thứ nhất, làm người *mền mỏng* để *nhũn nhặn* với môi trường nghệ thuật, trong đó không chỉ có ca sĩ làm trung tâm giữa vũ trụ của ca khúc, mà phải biết sống chung với tác giả, nhạc sĩ, nhạc công, các trung tâm phát hành, nhất là khán giả trực tiếp đối diện và trực tiếp cảm nhận giọng hát làm ra *thể chất* của bài hát. Thứ nhì, làm người *cởi mở* để *rộng mở*, biết người biết ta, biết nghe người khác để khám phá thêm về mình, để hát hay hơn. Thứ ba, làm người *biết hiểu* để *biết làm* được chuyện trình diễn, chuyện trao truyền, học người đời mà trước hết là học ở đồng nghiệp những kinh nghiệm để *nhìn xa, trông rộng* trong cái *nghề-nghệ-nghiệp* của mình.

Một lần nữa, Thái Hiền kể cho tôi nghe một câu chuyện nữa học được ở mẹ của Thái Hiền, ca sĩ Thái Hằng: *«Khi hát, mình nên diễn tả tâm trạng sẵn có của ca khúc, đừng nên diễn tả tâm trạng riêng của mình»*, đây là một bài học quý báo khác, ca sĩ phải cảm nhận trọn vẹn bài hát, không được sai hiểu mà phải hiểu cho thấu bài hát, qua tâm trạng của tác giả bài hát, tâm trạng này không phải là tâm trạng cá nhân của ca sĩ hát bài hát đó. Tâm trạng của bài hát trong cảm xúc, trong sáng tạo của nhạc sĩ là tác giả của bài hát -*sống còn và sống sót*- trong một tình huống, một thời cuộc, một bối cảnh trên những cái nền xã hội, văn hóa, ngôn ngữ của thế hệ, của lịch sử trong cuộc đời của tác giả đó. Hình như, Thái Hiền mang ơn sâu sắc bài học này, tôi nghĩ qua câu nói của mẹ, Thái Hiền nhận ra chiều cao, chiều rộng, chiều sâu của hơn nữa thế kỷ điêu-luyện-nhạc của ban hợp ca Thăng Long, có mẹ của Thái Hiền là ca **sĩ** Thái Hằng, có Thái Thanh, Hoài Trung, Hoài Bắc.

Sau khi xem phóng sự của Duy Đức, em của Thái Hiền, về ban hợp ca Thăng Long, tôi có tâm sự với Duy Đức là sau các dữ kiện và thông tin về ban hợp ca này, phải đưa ra được các lập luận khác: đây là ban hợp ca ở đỉnh cao nhất của nghệ thuật ca khúc Việt Nam; vì ngoài chuyện là ban hợp ca có *nhạc lý* và *nhạc nghiệm* vững nhất, mà còn họ hát các sáng tác phần lớn của chính họ qua các ca khúc của Phạm Đình Chương, và Phạm Duy lúc đầu cũng là thành viên của ban hợp ca này. Họ không những đi vững vàng trên con đường trình diễn, mà trước hết họ rất nhuần nhuyễn trên con đường sáng tạo. Ban hợp ca này có tuổi thọ cao nhất vì sức sáng tạo của họ, làm ra từ sức sống của họ. Họ sống sâu đậm với đất nước, với dân tộc, với các thăng trầm của thời cuộc, với các biến thiên của nhân thế, cái *mạnh riêng* của họ tạo ra cái *bền riêng* cho chính họ. Trong nội chiến Bắc-Nam vừa qua, ban hợp ca Thăng Long tham gia nhiều nhạc hội, hát cùng với các ban nhạc, các ban hợp ca khác, trong *vàng thau lẫn lộn*, thế mà họ vẫn là họ, vàng của vàng trong nghệ thuật ca khúc. Có phải đây là nguồn nước ngầm trong chuyện *ơn sâu, nghĩa nặng* với các bậc mẹ, dì, cha, chú của Thái Hiền chăng?

Một lần nữa khác nữa, Thái Hiền kể cho tôi nghe một câu chuyện học được ở bố, nhạc sỉ Phạm Duy : *«Khi lên sân khấu, mình nên hài lòng với lối trình diễn của mình, tức là không nên diễn tả một cách quá trớn»*. Những khán giả đã quen, thích, yêu Thái Hiền từ nửa thế kỷ qua nhận rất rỏ là Thái Hiền đã cảm nhận đầy đủ bài học này. Trong giọng hát của Thái Hiền, người nghe *«yên tâm»* với cái *trầm*, cái *lắng*, cái *đọng*, họ không bị *«giật mình»* một cách vô cớ qua cái *gào*, cái *thét*, cái *rên*, như nhiều ca sỉ việt nam hay *vướng*, hay *rơi*, hay *rớt* vào cái *«thảm thiết»* vô căn.

Tuần qua, Thái Hiền kể thêm nhiều bài học của mẹ, của cha, của các anh… ngấm ngầm tạo nên phong cách của Thái Hiền trên sân khấu. Tôi nghĩ đây cũng là bài học cho các thế hệ sau Thái Hiền, một bài học về cảm nhận, về trình diễn, về truyền đạt… Học tiền bối để học nhạc nghiệp tức là đang học *mang ơn* nhân tính nghề và nhân tình nghiệp, mang trên vai *nghề-nghệ-nghiệp*...đi hát suốt đời mà không thấy nặng kiếp.



Giọng của người, người của giọng.

Trời đày cô tiên nữ xuống đầu thai ... thành hoa…

Chère Thái Hiền,

Đây là câu trong CD *Màu thời gian*, chỉ một câu trong bài *Cành hoa lan trắng*, mà người nghe cảm nhận được nội lực trong giọng hát của Thái Hiền, tới từ bản lĩnh vừa thầm lặng, vừa sâu lắng của một ca sĩ. Xin lỗi! đây cũng là câu chuyện làm tôi *"cười"* trong tuần qua khi đọc hai bài phê bình của hai phóng viên *vô minh*, một nói giọng hát của Thái Hiền *"lạnh"*; một kể là giọng hát này không có *"cá tính";* ngay sau đó tôi bị bè bạn trách là tại sao lại đọc những bài báo *vô vị* này, của các tác giả *vô tri* này, thôi tôi xin đóng ngoặc kép lại. Trong thư này, tôi muốn tìm hiểu thêm về giọng hát của Thái Hiền, rồi tâm sự vài suy nghĩ về chuyện: *giọng của người* và *người của giọng*, trong *nghề-nghệ-nghiệp* của các ca sĩ mà tôi theo (dõi) từ nhiều năm nay.

Có những người tự xưng là ca sĩ, hát suốt đời nhưng vẫn không được người (biết) nghe nhạc xem là ca sĩ, ngược lại có người chỉ hát một bài, có khi chỉ hát một lần, mà vĩnh viễn được những kẻ ái mộ xem (ngay) là ca sĩ suốt kiếp, như vậy thiên hạ không lầm! Câu chuyện *giọng của người*, và *người của giọng* cũng từ đây, vì *chất giọng* là *chất người*. Trong ba giọng hát nữ của Jazz trong thế kỷ XX, đã để lại những dấu ấn sâu trong trí nhớ người nghe là: Lise Fitzgerald, Billy Hollyday, Nina Simon, ba dấu ấn sâu nhưng cũng là ba giọng làm nên thành lũy của thể loại này, họ là những bật thang thật cao, giúp đồng nghiệp họ thấy được cái chiều rộng trong cái tương tức *giọng của người-người của giọng.* Fitzgerald hát như muốn giữ mãi bao tiềm lực cao đẹp trong kỷ niệm của nhân sinh. Billy Hollyday hát bằng cái vô vọng của nhân thế không ra khỏi được nghiệp chướng của sinh ly. Nina Simon hát như nuốt giận trước cái bất công kỳ thị không sao xóa như cái ung thư đã và đang truy diệt mần sống của người da đen, cái phân biệt chủng tộc không sao chấp nhận được trong xã hội Mỹ. Cùng là một thể loại Jazz, nhưng ba ngôi sao này, không ai hát giống ai, nhưng họ rất giống nhau về *chất người trong giọng hát* của họ, chất giọng của họ là bản sắc sâu đậm, sâu lắng, sâu sa… trong *nghệ-nghệ-nghiệp* của họ, Thái Hiền à.

Thái Thanh, dì của Thái Hiền, có tầm vóc giọng, có nội công người, có bản lĩnh nhạc của các ngôi sao lớn này, khi người nghe so sánh giọng của Thái Thanh như đủ sức *vượt thời gian.* Lệ Thu, đàn chị mà Thái Hiền quý trọng, có nội lực nói đậm nét những bài tình ca của Việt tộc, nội lực này luôn có chỗ đứng riêng trong thế giới ngày càng nhiều ca sĩ. Khánh Ly, trong chiến tranh với các ca khúc của Trịnh Công Sơn, thật gần với đồng bào của mình, khi hát bằng giọng của một ca sĩ chán chường cái chiến tranh dài đằng đẵng, với giọng hát này mang luôn cái chán nản thân phận của chính cá nhân mình. Thái Hiền hiểu các ca sĩ đàn dì, đàn chị rất rõ; Thái Hiền lại có luôn các kinh nghiệm quý báu của Kim Tước, của Mai Hương, nhưngThái Hiền là Thái Hiền, người nghe phải thấy *cái khác* để thấy *cái riêng* của Thái Hiền. Trong phong cách kín đáo khi trình diễn, người nghe nhận ra cái *quý phái* trong phong cách trình diễn của một một ca sĩ phát âm rất *chính phái* các ngữ âm của ca từ.

Tôi muốn tâm sự một chuyện khác nửa: giọng hát của các nhạc sĩ, tác giả của chính các ca khúc của họ, đây cũng là chuyện lạ, mà tôi đã được sống trực tiếp. Trước hết là nhạc sĩ Phạm Duy, thân sinh của Thái Hiền, mà có người *"dám nói"* là ông không biết hát, hoặc hát *"không hay"*, riêng tôi được sống nhiều giờ cùng ông, khi ông vừa hát, vừa kể về các giai điệu, các ca từ trong lúc ông sáng tác; đây là những lúc không bao giờ tôi quên, vì tôi được nghe *giọng của giọng, người của người*. Vậy mà mỗi lần đám đông mời ông hát, ông luôn trả lời: *"Bây giờ, tôi mà hát, thì quý vị bỏ về hết!"*, câu trả lời khiêm tốn, cũng là câu *"thố lộ giữa đời"* rằng : đám đông *chưa chắc* là tâm giao trong quá trình lĩnh hội *giọng của giọng, người của người*. Kinh nghiệm thứ hai với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, mà cũng có người *"dám nói"* là ông không biết hát, hoặc không biết *"phát âm"*, riêng tôi được hưởng nhiều ngày khi nhạc sĩ này hát các ca khúc của chính mình, theo tôi chắc không ai hát nhạc Trịnh Công Sơn hay hơn Trịnh Công Sơn; đây là *giọng của hồn, người của kiếp*. Vũ Thành An hát nhạc của Vũ Thành An hay trong đầm thắm, Từ Công Phụng hát nhạc của Từ Công Phụng hay sâu lắng. Gần đây, tôi nghĩ nhiều về giọng hát của Thái Hiền; Thái Hiền diễn tả vừa cao, vừa sâu các tác phẩm của cha là nhạc sĩ Phạm Duy; nhưng Thái Hiền còn có cách hát riêng của mình khi hát các tác phẩm của Trịnh Công Sơn. Nếu giọng hát của Khánh Ly *"gồng gánh"* nhạc của Trịnh Công Sơn trong nửa thế kỷ qua, như *nghiệp* của một ca sỉ nhập nội vào *nghệ* của một nhạc sĩ; thì Thái Hiền xây dựng *cỏi riêng* của mình, bằng *chất riêng* của giọng mình, khi Thái Hiền hát nhạc của Trịnh Công Sơn. Qua giọng hát của Thái Hiền, các bài nhạc tình của Trịnh Công Sơn có thêm một *vủ trụ khác*, vủ trụ của thầm lặng, *chất đời* lắng trong chất *giọng giữ giọng*. Giọng giữ giọng là giọng không muốn phô trương; như giữ, như giấu các nổi niềm riêng, không rơi vào gào thét để tránh tan vở, không lạc vào than vản để gạt ra nghẹn ngào; giữ tình yêu trong nhạc điệu như giữ nhân cách cho giọng hát, giữ hồn nhạc trong ca từ như giữ nhân dạng cho nhân tình. Đây chắc hẳn là *nội lực giọng* mà cũng là *nội công người* của Thái Hiền đấy!

Nghệ sĩ : trầm và tĩnh

Đêm Hiền, Saigon, 2006.

Đêm Hiền của giọng Hiền

Chère Thái Hiền,

Sau hơn 30 năm xa quê nhà, Thái Hiền đã trở *«về quê»* với đêm hòa nhạc của riêng Thái Hiền với khán giả Sài Gòn, năm 2006, concert *Đêm Hiền*, một đêm nhưng nhiều kỳ diệu trong cuộc sống: gặp lại thính giả cũ, gặp thêm được khán giả mới, nhiều thế hệ trong một đêm nhạc, với các ca khúc không những làm nên tên tuổi của Thái Hiền, mà nhất là làm nên nội chất -theo nghĩa *nội dung* và *bản chất*- đã tạo dựng ra *bản* lĩnh và *nội công* của Thái Hiền trong ca khúc Việt.

Bài *Kỷ niệm* của Phạm Duy, bố của Thái Hiền, sáng tác hình như chỉ để Thái Hiền hát, và chỉ qua giọng của Thái Hiền, người nghe mới cảm nhận được đứa con nhìn bố mẹ mình ra sao: *cho tôi lại ngày nào…Me tôi ngồi khâu áo…Cha tôi ngồi xem báo…Phố xa vắng hiu hiu…* và con người con đó nhìn quê hương ra sao: *cho tôi lại chiều hè…tôi đi giữa đường quê… hai bên là hương lúa…tiếng nước dưới chân đê…tôi mê trời mây tía…quên nghe me gọi về…* Từ đó người con này tự xây dựng nhân tính cho mình:*Bao nhiêu là người thương…Không ai thù, ai oán…Trên môi một nguyện cầu…* Để nhận ra luôn các ước mơ cho nhân thế, các dự phong cho nhân sinh: *tôi mơ thành triệu phú… cứu với gái bơ vơ.* Rồi xin đời một lần nữa *: cho đi lại từ đầu, chưa đi vội về sau.* Về lại quê hương với bài *Kỷ niệm* của bố Phạm Duy, thật thông minh, thảnh thơi nhưng sâu đậm, thong dong nhưng lắng động, của một kiếp ca sĩ có *kiếp quê*, có luôn cả *kiếp tha hương.*

Sau bài *Hoài Cảm* của Cung Tiến mà Thái Hiền rất chủ động từ mạch âm tới luồng nhạc, Thái Hiền đưa người nghe đi vào *Tình khúc cho em* của Lê Uyên Phương: *cho em môi hôn vội vàng…Xin cho yêu em nồng nàng… dù tháng năm buồn vui bàng hoàng… còn yêu chi hoa ngày xanh… héo hon vì mong manh…bỏ quên lại ngày ngở ngàng…Soi lấy bóng mối duyên sầu… dù biết yêu tình yêu muốn màng…*cũng chủ động trong sâu lắng, không dùng kỷ thuật để «cường điệu» các ca từ bi quan của Lê Uyên Phương, vẫn giọng trong sáng làm sáng lên một chuyện tình buồn.

Đến *Tháng sáu trời mưa* của Hoàng Thanh Tâm, nhiều người yêu ưa thích, cũng như trước đó họ đã yêu thích thơ của Nguyên Sa, nhưng người nghe và nghe thật thấu giòng của Thái Hiền là bài *Mộ Khúc*, nhạc Phạm Duy, thơ Xuân Diệu, nếu không là Bắc đẩu thì cũng Nam tào trong thơ mới: *sương trinh rơi kín tự nguồn yêu thương…phất phơ hồn của bông hường, trong hơi phiêu bạc còn vương máu hồng…nghe chừng gió mới qua sông, e bên lau lách thuyền không bến bờ…không gian như có dây tơ, bước đi sẻ đứt động hờ sẻ tiêu…*tuyệt đỉnh lục bát Việt là đây, từ thơ mới cho tới giờ đã gần một thế kỷ, mà không có bài lục bát nào có cấu trúc thi từ vừa cao, lại vừa sâu, có nội tính nhạc vừa tinh tế, vừa «trầm luân» như bài này, mà Phạm Duy đã đưa được *cả hồn lẫn xác* bài thơ vào đầy đặn ca khúc của ông, qua giọng hát

mang sắc xảo độ rung động của *sương trinh… phất phơ… dây tơ… động hờ sẻ tiêu* của Thái Hiền.

Khán thính giả (cũ và mới) càng cảm động khi được nghe *Nụ Tầm Xuân,* của Phạm Duy qua giọng hát của Thái Hiền, mà ai cũng biết là Thái Thanh (cô của Thái Hiền) đã đưa ca khúc này vào lòng người rồi ở lại đó với một vị thế cao đẹp trong nghệ thuật ca khúc việt. Nhưng Thái Hiền lại luôn có cách diễn đạt rất sáng tạo qua phong cách riêng của mình: phát âm trong sáng,

tư cách sân khấu dịu dàng, thấu tâm trạng ca khúc vì hiểu sâu xa nội dung ca từ với giọng hát thật của mình: *trèo lên cây bưởi hái hoa…bước ra vườn cà hái nụ tầm xuân… nụ tầm xuân… nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, em lấy chồng, anh tiếc lắm thay…Một miếng trầu cay khó gì… sao anh không hỏi những ngày em còn không ?... Giờ đây em đã có chồng…Như chim vào lồng, như cá ngậm mồi câu…Cá cắn câu biết đâu mà gở ? Chim vào lồng biết thưa nào ra ?...*

Nhưng *vắt não-để-nhuộm tim* là tác phẩm *Tình cầm* của Phạm Duy, thơ của Hoàng Cầm, đứa con tài hoa của Kinh Bắc: *nếu anh còn trẻ như năm cũ… quyết đón em về sống với anh…ngày tháng tỳ bà vương ánh nguyệt…mộng héo bên sông vẫn đợi chờ…có mây bàn bạt gây thương nhớ… có em ngồi lại so phiếm cũ…mong chờ anh hát khúc xuân xưa…Nhưng thuyền em buột trên sông hận… Nếu có ngày nào em quay gót, thì đôi mái tóc không cong xanh nữa…Mây bạc, trăng vàng vẫn thướt tha…*Một ca khúc hay với *nỗi buồn* trong *nỗi tiếc,* tiếc cái *trước trẻ-sau già* là nội chất của mọi tình yêu, cứ đe dọa từng chặn đường đời, Thái Hiền có sống và hiểu thấu những chặn đường đó; và bạn bè gần xa yêu quý Thái Hiền vì họ thấy rỏ trong đời sống hằng ngày Thái Hiền có *chất buồn* đó.

Trong *Dốc mơ* của Ngô Thụy Miên: *dõi mắt trông theo tình bền… mà ngày tháng đâu có đời chờ…nói đi câu mong chờ… giấu đi bao ơ thờ…người yêu dấu đã xa thật xa…* là luồng nhạc quen thuộc từ tuổi thiếu nữ qua trung niên của Thái Hiền. Nhưng tới *Tôi ru em ngủ,* thì Thái Hiền nhập vào cõi ca từ (thượng thừa) của Trịnh Công Sơn, Thái Hiền mang giọng hát thong thả trong sáng để người nghe nhẹ nhàng thấm trọn các mỹ từ qua mỹ quan tình yêu của đứa con tin yêu ca khúc việt : *Tôi ru em ngũ…một sớm mùa đông…em ra ngoài ruộng đồng hỏi thăm cành lúa mới… con đường thật buồn một ngày cuối đông…con đường mịt mù một ngày cuối thu…đi nhẹ vào đời thầm thì gót chân…tôi ru em ngũ một sớm mùa xuân…em hôn một nụ hồng vừa tàn cuối sân… để mùa xuân sau mua riêng tình sầu … Tôi ru em ngũ hạ cũng vừa sang … em hôn lên tay mình để chua sót tình trần.* Thái Hiền không hát nhạc Trịnh Công Sơn qua cách *«chán kiếp người»* của Khánh Ly trước 1975, cũng không hát của nhiều ca sĩ khác là không cảm nhận trọn vẹn nội dung ca từ của tác giả mà vẫn *«ham hát»* thường được thấy sau 1975. Thái Hiền hát thật nhất tâm trạng và nảo trạng của tác giả trong trầm tích nhạc thuật, trong tri thức của ca từ, vì những ai biết nghệ thuật và cuộc đời của Trịnh Công Sơn, đều biết là tác giả này hiểu sâu vì sống trọn với mọi thăng trầm của nhân sinh, nhưng không bao giờ căng thẳng trong thái độ sống, không bao giờ loạn tâm trong hành vi sống.

Dứt buổi trình diễn giành cho riêng mình : *Đêm Hiền,* bằng ca khúc *Gởi gió cho mây ngàn bay,* của Đoàn Chuẩn là rất tinh tế, vì thông minh, chỉ có ba từ : *gió...mây (ngàn)...bay…* thật đúng là phương trình cuộc đời của Thái Hiền, *sống như gió…sống như mây…sống như bay…* bay nhẹ nhưng bay bổng bằng âm nhạc, sống như vậy là đẹp và đủ rồi đấy!



Nguyễn Du,

Minh họa Kiều của Phạm Duy

Trải qua một cuộc binh đao
Nắm xương vô định đã cao bằng trời

Chère Thái Hiền,

Giọng hát của Thái Hiền đã thâm nhập vào chiều sâu của bao biến thiên, bao biến vận trong Truyện Kiều, một tác phẩm có chiều sâu thật rõ trong tâm hồn của người việt, một trường hợp thật lạ trong nhân sinh, nơi mà nghệ thuật thi ca có chỗ đứng trung tâm không những trong nhân tri mà cả trong nhân cách của Việt tộc. Thái Hiền biết không, đây hình như là trường hợp độc nhất của nhân loại. Nhưng ở đây tôi muốn nói một chuyện khác về Thái Hiền: công trình *Minh họa Kiều*, một công trình bền bỉ của nhạc sĩ *Phạm Duy*, đấng sinh thành của Thái Hiền, bắt đầu từ cuối thế kỷ rồi qua nhiều năm của thế kỷ mới, mà giọng hát của Thái Hiền đã cùng cha dong duổi qua nhiều thử thách của nghệ thuật ca khúc, bằng nội công phổ nhạc của bố mình và bằng bản lĩnh trao truyền của Thái Hiền, để thể hiện một tuyệt tác.

Khi chúng ta trao đổi về Truyện Kiều, Thái Hiền hiểu thật rõ là mỗi cuộc đời không những chỉ có thử thách, mà còn có tiếp nhận để nắm giữ cho bằng được các giá trị của nhân phẩm được coi như hoài bão-nhân tố sinh động của cuộc sống- lấy ý nguyện để vượt thắng nghiệp chướng, vì có những kiếp người, chẳng hạn như kiếp của Kiều, sống trong tù ngục của nhân sinh. Mỗi lần nói về Kiều, chúng ta thấy chuyện hy sinh lấy thân cứu cha của Kiều, vừa là sự can đảm, vừa là chất xúc tác làm nên cá tính của Kiều; mà càng thưởng thức sâu truyện Kiều, thì ta càng thấy cá tính và bản sắc cá nhân không còn ranh giới nữa trong một đời người. Tiếp nhận và nắm giữ cho bằng được các giá trị của nhân phẩm, làm nên cá tính và bản lĩnh, vừa là hướng đi của đạo lý, vừa là tiếng nói của tự do, dẫn dắt mỗi cá nhân chúng ta trong mỗi thử thách, sau đó giúp ta đánh giá lại cuộc sống, qua các quan hệ mà chúng ta có với môi trường xã hội xung quanh. Từ đó, ta sống và nhìn cuộc đời qua những bậc thang của các giá trị đạo lý, lấy đó để xét, để xoát lại các kinh nghiệm cá nhân của chúng ta. Triết học luân lý nhận định là các thói quen của chúng ta, luôn có một cái nền của đạo lý, nó giúp thói quen ta nhập

vào các nội chất *hay, đẹp, tốt, lành* tới từ kẻ khác, mang cái sáng bên ngoài vào soi rọi cái chưa sáng bên trong. Có lần Thái Hiền đặt vấn đề về cái khác nhau giữa các *nguyên tắc luân lý* và *tình cảm luân lý*, cách đặt vấn đề thật hay! Tuổi đời lấn trí não tôi mỗi ngày, nhưng tôi vẫn coi tình cảm luân lý sống động và thông minh hơn các nguyên tắc luân lý, vì tình cảm luân lý là *gốc, rễ, cội, nguồn* của mọi chuyện Thái Hiền à! Vì tình cảm luân lý nó kết thân, nhập xác với các niềm tin rồi thâm nhập vào giá trị chân thật của nhân cách, mà không cần khuôn vàng, thước ngọc, lắm lúc giáo điều của các nguyên tắc luân lý. Cái hay của các tình cảm luân lý là nó không duy lý một cách máy móc, không dạy đời kiểu một chiều như các văn bản về nguyên tắc luân lý, nó tìm và hiểu nhân phẩm qua các bối cảnh xã hội trong tình cảm, tình yêu, tình ái… ở những dạng rất khác nhau, nó không chỉ là biểu hiện nội tâm của ta trước cuộc sống mà còn là định hướng của cuộc đời mỗi người, nơi mà cái *phải sống đẹp* lấy ra từ *chất sống* của các tình cảm luân lý. Cái *phải sống đẹp* không chỉ là hoài bảo, ý nguyện, làm nên niềm tin và làm nên cả lý tưởng cho chất sống, mà nó còn là kích thước để *cân, đo, đong, đếm* mọi hậu quả của mỗi hành động của chúng ta. Chúng ta cứ bị thử thách hằng ngày Thái Hiền à! Ý thức về hậu quả trong hệ vấn đề tình cảm, tình yêu, tình ái…bắt chúng ta phải lấy tự do ra để phán xét thử thách, lấy tình yêu bền chắc ra phán đoán các ham muốn tức khắc, đam mê tức thời. Trong hơn 3000 câu, đã hơn hai thể kỷ qua, không những ta thấy được cuộc đời của mỗi chúng ta; mà dường như có số phận của Việt tộc trong truyện Kiều. Trong những câu chuyện của chúng ta về truyện Kiều trong năm qua, chúng ta được quyền có cái cảm tưởng *«ngộp thở»* trước các nguyên tắc luân lý tam tòng cứng ngắt của khổng giáo, *«rợn người»* trước cách giải thích về vô thường, vô ngã của phật giáo, *«ớn thân»* trong cách diễn luận vô vi, vô tác của Lão giáo. Chỉ vì chúng ta không muốn tiếp nhận những mô hình luân lý của tam giáo đồng nguyên như những kẻ đã bị nhào nặn *«thành bột»* cho các khuôn bánh luân lý, có lần tôi thật sự *«ớn lạnh»* nghe Thái Hiền hát cảnh Kiều chấp nhận lấy thân để chuộc cha:

Thì đành liều một thân con
Hoa dù rả cánh, lá còn xanh cây.

Như vậy, Thái Hiền đã thành công trong cách thể hiện *kiếp Kiều* trong Truyện Kiều! Không những các khuôn khổ luân lý, mà cả một hệ thống giá trị tâm linh như bị *«vật gụt bất tỉnh»* trong truyện Kiều. Trước hết, là quan niệm về *mệnh,* nơi mà *nhân nghiệp* bị xem như *oan nghiệp* do *thiên mệnh* tạo ra, nơi mà cái *tài* không tránh được cái *tai* (*chữ tài đi với chữ tai một vần*), làm ta âu lo mỗi lần nhắc tới chữ *tâm,* mỗi lần ta nghe được chữ *tình*! Nếu phải hiểu *tâm* là *«ngã tư»* của tình cảm, *tình* là các *«ngã rẽ»* của tâm. Trong cuộc đời chúng ta, *«ngã tư»* và *«ngã rẽ»,* kết nối rồi bám chặc vào cả cuộc sống của mỗi người, tạo ra bao mâu thuẫn trong mỗi quyết định. Tại sao vậy? Tại vì, *«ngã tư»* là phân vân, do dự, chần chừ; và *«ngã rẽ»* là phiêu lưu, mạo hiểm, một đi không trở lại, ra đi biền biệt … Mà Kiều lại mang kiếp con gái (*Thân em như giếng giữa đàng, người sang rửa mặt, kẻ hèn rửa chân*), *giếng giữa đàng* có phải là *«ngã tư»* của bao *«ngã rẽ»* trong đời người? Mà, *ra đi* là không biết ngày về, mà thi sĩ Tô Thùy Yên đã nói hộ cho *kiếp bụi* của mỗi chúng ta: *Bỏ đi biền biệt miệt thiên thu*; chữ *miệt* thương yêu của miền Nam, như báo cho kiếp lưu vong của mỗi người: *miệt* nghĩa là *không biết miền nào*!

U hiển

Sống làm vợ khắp người ta
Đến khi chết sớm làm ma không chồng ,

Đây cũng là oan nghiệp của Đạm Tiên, mà Thái Hiền đã diễn đạt thành công trong Minh Họa Kiều, phần 1, bài thứ 5: *Ngổn ngang gò đống kéo lên.* Tâm trạng của ta khi cảm nhận truyện Kiều là tâm cảnh của kẻ bị phân tâm giữa trật tự của các giá trị đạo lý và trật tự của các thực tế trong cách hành xử; cả hai trật tự này đều có cách vận hành, cách lý giải, cách biện luận riêng của nó trong cuộc sống, một cuộc sống luôn bị xoay vần bởi bối cảnh, tình huống, thời thế, *cái này tốt ở nơi này, chưa chắc còn tốt ở một nơi khác.* Nhưng người ta có thể hiểu được các quyết định xấu, các hành động sai, các hậu quả tồi đã xảy đến trong cuộc đời của mỗi người, bằng cách xem, xét, soát lại các sai lầm, các khuyết điểm, để hiểu tại sao tình yêu ban đầu của hôn nhân bây giờ đã thành hận thù trong ly hôn, cái hiếu thảo thủa nọ chóng chầy biến thành cái bất hiếu, lời hứa chung tình thủa xưa giờ đã tìm đường rẽ ngang qua con đường bội bạc. Cứu cánh không thể biện minh cho phương tiện, nếu ta chứng minh được là sự thật phải đầy đủ, toàn bộ, trọn vẹn (*nữa trái táo vẫn là còn là táo, nhưng nửa sự thật không phải là sự thật*) và không có phương tiện nào là không phán xét được, nếu cứu cánh vẫn chưa rõ, thiếu sót, què cụt, khi còn nhiều điều đáng bị ngờ vực, cái sắc xuất không phải là cái chắc bẩm, con tính tư lợi của cá nhân không phải là các giá trị phổ quát cho cộng đồng. Đây là sai lầm trầm trọng nhất khi chủ nghĩa cộng sản đặt chân tới đất nước Việt, dẫm chân dầm dề trong kiếp nhân của Việt tộc.

Các thủ đoạn mà Kiều là nạn nhân, đều đến từ cái ích kỷ của những kẻ gần Kiều, nó bắt ta khi đọc Kiều và khi nghe giọng hát của Thái Hiền trong Minh Họa Kiều là phải làm hai chuyện cùng lúc: chuyện thứ nhất là phải xem lại các giá trị của luân lý, của đạo lý trong cuộc sống chung với nhau; chuyện thứ hai, là phải luôn nghiệm lại các kiến thức của mỗi người trước các thử thách của cuộc sống, trước các thăng trầm đang đe dọa các giá trị của luân lý, của đạo lý. Các giá trị đạo đức luôn dựa trên cách thuyết minh của nó, chắc trong lý luận, vững trong lập luận, tạo ra cơ may cho chính nó nếu nó muốn sống sót lâu dài, bền bỉ trong nhân tri, cũng như sự thật phải luôn được kiểm chứng hằng ngày. Chúng ta cũng đừng quên là có những *giá trị giả* được áp đặt trong vài bối cảnh, nhưng khi bị đối diện với các hệ thống kiểm chứng phổ quát, với các chứng cớ bằng chứng từ tạo ra chính kiến, thì các giá trị giả này sẻ tự sụp đổ. Đây là bi kịch của Đảng cộng sản việt nam hiện nay : giữ độc đảng để bị ngập trong độc quyền, bám độc trị để bị chìm trong độc tôn, chuyện sinh tồn của Việt tộc không còn là ưu tiên trong chuyện sinh sống của đảng này.

Thanh Tâm Tuyền[1] dặn chúng ta hãy cảm nhận Truyện Kiều như nơi hội tụ các mâu thuẫn đa dạng, bất ngờ và vượt mọi kinh nghiệm bình thường trong xã hội, lịch sử, văn hóa… mà ta được trao truyền qua gia đình, trường học. Thái Hiền còn nhớ: Dante khi ông dắt ta vào tác phẩm *Divine comédie (Thiên hài kịch)* của ông, nơi mà cuộc đời vừa có thiên đàng, vừa có địa ngục, như mỗi kiếp người đều có ngõ cụt của riêng nó. Đỗ Long Vân[2], còn dặn thêm một điều khác nữa khi đọc Truyện Kiều là mỗi mánh khoé của sự đểu giả (Mả Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến…), luôn có một tình huống riêng của nó, để cho thủ đoạn được bày biện một cách có nội kết, để tác giả của một ý đồ xấu được phát biểu ý kiến của họ, qua biện luận, qua quyết định, cùng lúc họ tự gạt đi mọi tình cảm luân lý, để họ tránh bị xét nghiệm trước khi họ

[1] *Chân dung Nguyễn Du,* Ed. Nam Sơn, Sàigon, 1971, pp : 158-171.
[2] *Truyện Kiều a,b,c.* Revue Văn Học, n°.3, 1997.

hành động. Mánh khoé, thủ đoạn, ý kiến, biện luận…chính là nội tính của mỗi cá nhân, sẽ được rõ mặt, lộ chân tướng khi các mô hình luân lý không thuyết phục được con tính tư lợi của họ. Nhưng Nguyễn Du của chúng ta tin con người có thể thấy được và nhận ra *cái đúng* (*le juste)*, để hành xử theo *cái tốt (le bon)*, rồi tìm ra *cái hay (le bien)*, mà không cần chờ đợi *cái hợp pháp (le légal)* của mỗi hành động. Như vậy quá trình tiến hành của các tình cảm luân lý luôn nằm trong quỷ đạo rất mạo hiểm của mỗi cá nhân, vì quỷ đạo này thoát mọi kềm kẹp của các mô hình luân lý. Thái Hiền hát thật rỏ trạng thái này khi Thúy Kiều tâm tình với Kim trọng :

«Khi tựa gối, khi cúi đầu
Khi vò chín khúc, khi trao đôi mày».

Lý của đạo

Cách thể hiện các tình cảm luân lý của mỗi cá nhân thì thường được kể qua các biến cố đã và đang xảy đến cho cá nhân đó; các biến cố này thường nằm ngoài mọi ước lệ hình thức của xã hội, *tình cảm luân lý* được thể hiện qua các *lý luận luân lý*, chính lý luận luân lý này sẽ làm nền cho các *nguyên tắc luân lý* và dẫn chứng cho mọi *phán đoán luân lý* sau đó. Có lần chúng ta bàn về cái khác nhau giữa *luân lý (la morale)* và *đạo lý (l'éthique);* tôi nhớ là tôi trả lời rằng *đạo lý* là ý nguyện của chủ thể xây dựng cuộc đời qua các chiều hướng *hay, đẹp, tốt, lành* của mỗi người trước nhân sinh đang vàng thau lẫn lộn; còn *luân lý* là khuôn phép của *phải, đúng, hợp, hòa* trong quan hệ xã hội giữa chủ thể và tha nhân trong mọi quan hệ ngoại giới. Như vậy, đạo lý của một cá nhân, khi được tập thể, cộng đồng, xã hội công nhận nó **sẽ** trở thành luân lý, khi Thái Hiền hát thật cảm động đạo lý *bán thân để chuộc cha* của Kiều :

Kể chi một mảnh hồng nhan
Tóc tơ chưa trút đền ơn sinh thành

thì mọi người nghe Thái Hiền nên biết tự chuyển thể *đạo lý Kiều* ra thành *luân lý ta.* Cho nên thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật cũng là chuyện trình độ và mức độ của *cảm nhận đạo lý*, đó chính là chất kết tinh của mọi tình cảm luân lý trong mỗi chúng ta. Còn một chuyện nữa: *đạo lý mô phạm* vẫn đưa ra các định hướng cho ta biết lối đi, nẻo về của những cái *hay, đẹp, tốt, lành*, riêng Kiều thì phải sống với một loại đạo lý khó hơn mà các triết gia của đạo đức học gọi là *siêu đạo lý (métaéthique)* bắt chủ thể phải nhận ra tính đặc thù của mỗi môi trường, để có phán đoán đúng trước khi hành động, vì môi trường gia đình không phải là môi trường của tình yêu, môi trường sáng tạo nghệ thuật không phải là môi trường văn hóa truyền thống. Chuyện rất lạ là truyện Kiều đã từ lâu trở thành *nỗi niềm đạo lý của cả Việt tộc*, mọi tầng lớp xã hội cảm nhận thâm sâu và lấy truyện Kiều để dặn dò nhau là phải cẩn trọng trước mọi thăm trầm, biết lấy cái *hay, đẹp, tốt, lành* ra để gạt cái *xấu, tồi, độc, ác* ra khỏi cuộc sống. Chúng ta vẫn quý trọng Nguyễn Công Trứ, Huỳnh Thúc Kháng, nhưng khi họ đã có những nhận xét chống Kiều, thiếu bao dung, hẹp vị tha, chật khoan hồng, khuyết điểm của họ trong khi phê phán Kiều, giờ đã thành khuyết tật trong sự nghiệp tri thức của họ. Đây là lỗi của chính họ, chớ không phải lỗi của ai cả, vì không ai bắt họ phải buộc tội một người con gái *sa cơ lỡ vận*, lạc lõng như *bụi đời*, dở sống, dở chết như *oan hồn*, trong thế giới đàn ông nơi mà đạo đức giả đã ăn đời ở kiếp với phản xạ bạo hành chống phụ nữ của họ.

...Mai cốt cách tuyết tình thần…

Kiều như bị tiếng sét của một cái đẹp cao nhất dành riêng nữ giới nhập vào cốt cách của mình, Kiều lại mang thêm bốn cái tài của *cầm, kỳ, thi, họa*, mà khi tại họa lầu hồng tới, Kiều như

muốn vung tay bỏ hết: *Chém cha cái số hoa đào!* Nguyễn Du tìm cách đi thật xa trong truyện Kiều, xa hơn cái thảm kịch mà Edgar Quinet dặn nhân sinh: «*les âmes s'émoussent en vivant*», những linh hồn thành bọt nổi trôi giữa đời; xa hơn luôn cái dở khóc, dở cười của Alfred de Vigny : *«Gémir, pleurer, prier est également lâche… Dans la voie où le sort a voulu t'appeler… souffre et meurs sans parler»,* gục, khóc, khẩn, cầu cho tới nhục…rồi vào con đường mà kiếp đã gọi, sống khổ rồi gụt chết không lời. Khi Kiều bị tra tấn, ta đã thấy rõ những hình phạt tới từ cái bạo động thối tha của Tú Bà: *Uốn lưng thịt đổ, giật đầu máu sa,* nhưng Kiều vẫn để lộ được cái *chân, thiện, mỹ* trong thể phách của mình: *Tuy dầm hơi nước, chẳng lòa bóng gương,* cái *kiều* vẫn ở trong Kiều: *Vừa tuần nguyệt, sáng gương trong*. Thiên tài của Tố Như là đẩy cái đẹp Kiều, từ tâm hồn tới thể phách, ra để thách thức với mọi thô bạo xung quanh Kiều, cái đẹp Kiều này dường như không ai bứng rễ được: *Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng.* Cái đẹp Kiều không chỉ là cái đẹp của dáng vóc, mà cái đẹp có mặt ngay trong thân thể Kiều là nơi chịu đựng mọi biến cố, để từ đó điều chế ra một nội công, chế tác ra một bản lĩnh để bảo vệ các giá trị của nhân tính, chỗ dựa cho mọi tình cảm luân lý. Vũ Khắc Khoan[3] thương sót thân Kiều trong cái thế giới của đàn ông với vô số loại tình: với Kim Trọng, Kiều có *tình đầu;* với Mã Giám Sinh, Kiều có *tình hãm ;* với Sở Khanh, Kiều có *tình vội ;* với Thúc Sinh, Kiều có *tình si;* với Từ Hải, Kiều có *tình hiệp;* với Hồ Tôn Hiến, Kiều có có *tình thẹn.* Mỗi loại tình bắt Kiều phải có một thái độ luân lý, vì trong cái tử tế, cái đàng hoàng của mình, Kiều nhận ra sự có mặt các con tính ích kỷ, đến độ thấp hèn của phần lớn các kẻ đối diện :

Một mình rọi ngọn đèn khuya
Áo dầm giọt lệ, tóc se môi sầu

khi Thái Hiền hát câu này trong Minh Họa Kiều, rất nhiều người xúc động! *Rọi ngọn đèn khuya* rồi *áo dầm giọt lệ* đó là khi giá trị của tình cảm luân lý đang thử thách nhân cách con người giữa cái khuya khoắt của nhân sinh. Vì giá trị luân lý là *cái khác ở trên cao* cái chủ thể; nó tự cho phép nó đi trên vai, trên lưng chủ thể qua cách định nghĩa của nó về bổn phận, về trách nhiệm, áp đặt tính phổ quát, tính phổ biến của nó trước bất cứ mọi trường xã hội, giáo dục, văn hóa. Nhưng vấn đề giá trị đạo lý luôn là hệ mở, vì cá nhân nhìn nó qua các biến thiên của nhân sinh, qua vô thường của nhân thế; các giá trị luân lý sẻ không giống nhau, nếu các chủ quyền của các cá nhân, của các thành phần xã hội không giống nhau. Nhưng mỗi cá nhân sống không bằng cái tự do tuyệt đối của mình, mà tùy thuộc ở mức độ rất cao và rất sâu vào các cá nhân khác; tính lệ thuộc lẫn nhau giới hạn các tự do thuộc về bản năng của mỗi người; từ đây sinh ra bao mâu thuẫn trong xã hội; vì nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của mỗi cá nhân rất riêng rẽ, rất đặc thù, rất cá biệt… rất khác nhau. Nội lực của truyện Kiều là đào thật sâu các mâu thuẫn của mỗi nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của các cá thể có các tư lợi kình chống nhau, và cụ Tiên Điền có đầy đủ nội công để làm chuyện này, cụ hứa với ta: *Phải dò cho tới tận nguồn lạch sông,* từ đây, cụ đưa ra hai loại giá trị: giá trị luân lý trong khuôn phép mô phạm (cứng) và giá trị đạo lý trong thực hành (mền), linh hoạt qua các biến cố. Những người có liêm sỉ, có thông minh luôn phối hợp hai loại giá trị này, không những để tự bảo vệ mình mà còn để cứu vớt kẻ khác, đó là hình ảnh của Từ Hải :

Đầu đội trời, chân đạp đất
Gươm đàn nữa gánh, non sông một chèo.

[3] Nguyễn Du và tình yêu, nxb. Nam Sơn, Sàigon, 1971, pp : 127-135.

Chỉ có nhưng kẻ *xấu, tồi, độc, ác*, mới có ý đồ thấp hèn, kết tội người anh hùng này là thảo khấu. Thái Hiền đã chọn Hoa Kỳ là quê hương từ gần nữa thế kỷ qua, tại đây các tư tưởng gia mỷ đưa ra một luận thuyết *core value*, trong đó cá nhân có quyền ráp tính thực tế trong quyết định, lắp tính thực dụng trong hành động của mình để nhận rỏ tính khả thi của kết quả, trong đó giá trị trung tâm là *self-reliance* -mọi giá trị chỉ tùy thuộc chính ta- nơi mà cứu cánh không thể đè đạp các phương tiện của mỗi cá nhân. Từ đó, cá nhân tự xếp đặt, từ trên xuống dưới, các bậc thang giá trị, để chọn các phương hướng ưu tiên, từ đây các giá trị được đặt trong một hệ thống hợp lý, để cá nhân được hành động trong một không gian phù hợp, với một thời gian thích hợp. Có nhiều giá trị trong cuộc sống, giá trị của cá nhân không phải là giá trị của tập thể ; cá nhân có thể tôn trọng giá trị *thương thân* (của phật giáo) hoặc *tiến thân* (của khổng giáo), trong khi đó thì giá trị tập thể lại đề cao sự can đảm, tôn thờ chuyện hy sinh, tự cho phép mình đưa đẩy cá nhân vào chiến trường, ra trận mạc.

Thân cõng nghiệp

Một khúc mắc nửa là trong một kiếp người : phán đoán về thực tế không phải phán đoán của giá trị. Trong truyện Kiều, người đọc thấy rỏ nổi khổ niềm đau của Kiều khi Kiều phán đoán về thực tế của kiếp người trong lầu hồng và phán đoán của giá trị về thân phận của mình không có ngày mai, đây là gốc rể của mọi tình cảm luân lý của Nguyễn Du (*Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân).*Thái Hiền hát rất cẩn thận, rất sâu đậm chữ *mình* (*Giật mình mình lại thương mình xót xa),* chữ *thân* (*Thân sao thân đến thế này),* Thái Hiền hiểu là trong *mình,* trong *thân,* chứa trọn vẹn *số, kiếp, mệnh, phận* (*Đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*), Thái Hiền đã dùng giọng hát của mình để trao gởi cho người nghe câu chuyện đau khổ bao la của *nhân sinh, nhân thế,* trong việc giữ *nhân tính, nhân tri*, mỗi khi *nhân phẩm, nhân đạo* bị đe dọa, đây là một thành công rất đẹp trong cuộc đời của một ca sỉ, Thái Hiền à !

Phật học đưa ra quan niệm *nghiệp*, rồi truy giải nó qua gốc rể của nó là *nhân*, để lý giải nó qua cành ngọn của nó là *quả*, luật *nhân quả* này trùm phủ cả một kiếp người : *hiện nghiệp* bắt ta trả giá ngay trong hiện tai, *hậu nghiệp* gởi chuyện trả giá cho tương lai, *nghiệp vô hạn định* không ai biết được bao giờ dứt, *nghiệp vô hiệu lực* không ai đủ sức tháo gở nổi nghiệp của chính mình. Kiều đã trả đủ giá bốn loại nghiệp này, Kiều tiếp nhận luôn cả thuyết *khổ đế* bằng thân xác, bằng cuộc đời của chính mình, để hiểu tận gốc rể của khổ đau, đối với ba loại khổ đau trong tình ái, Kiều cũng thẳng lưng đón nhận : *ái biệt ly* nơi mà tình yêu là sinh ly *; oán tang hội* nơi mà hội ngộ có yêu thương mà cũng có oán hận*; cầu bất đắc* nơi mà bất trắc sẻ nghiền nát mọi mong cầu. Thái Hiền hiểu rất rỏ các thử thách của Kiều, trong hành trình vô tận của nhân quả, càng *dã hành*, càng đi xa, đi hoài, thì càng *thâm cảm*, càng đào sâu tình người cho nội tâm của mình. Trong tuyệt vọng trước cái chết, hình như Kiều không còn biết sợ nửa, cuộc đối thoại giữa Kiều và Đạm Tiên là một tuyệt đỉnh của văn học việt tộc, từ khi có nó tới giờ, không có một cuộc đối thoại nào có tầm vóc như nó :

Đạm Tiên nàng nhé có hay
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.

Ngay như đầu truyện, khi tai họa chưa đến, trong tiết Thanh Minh khi đi tảo mộ, vô tình gặp một nấm mồ bỏ hoang, Kiều nhờ Vương Quan đi dò hỏi mới biết là mộ của Đạm Tiên. Kiều không sợ mà còn vui, mời Đạm Tiên rời cỏi âm, xuất hiện để kết nghĩa với Kiều : *Chớ nề u hiển, mới là chị em,* mà *u* là tối, *hiển* là sáng, để người sống giữa ánh sáng được kết nghĩa với

kẻ trong bóng tối của cỏi âm. Cùng lúc đó đám em của Kiều, rất lo cho chị, vì chúng sợ *ma* : *Ở đây âm khí nặng nề, bóng chiều đã ngã dạm về còn xa.* Cái chính là họ không có tầm vóc, bản lỉnh, nội công của một loại tình cảm luân lý cao rộng như Kiều, đám em này không bao giờ thấu hiểu nổi cách *truy luận* sâu đậm của Kiều : *Khéo hay tình lại gặp tình*.Thái Hiền à, đừng nhắm mắt chấp nhận cái mà người đời thường gọi là số mệnh, không có gì an bài sẵn cả, chính Nguyễn Du cũng phải thốt ra : *Có trời mà cũng tại ta.* Tôi tin là mọi người có thể tác động lên xã hội mình đang sống với chính kiến thức của mình đã có về cái xã hội đó, đây là cái khác nhau giữa các *cá nhân* (an phận) và *chủ thể* (tự chủ) dùng tự do để thay đổi xã hội, để sáng tạo ra cái mới bắt nó phải hay hơn cái cũ. Nhưng ta biết số phận Kiều thì khác, phấn đấu để trong sạch, nhưng bùn nhơ của xã hội vẫn vấy bẩn lên thân Kiều, cho tới khi Kiều kiệt sức, xuôi chân :

Cũng đành nhắm mắt xuôi chân
Cũng xem còn vận xoay vần tới đâu.

Những con đường mà Kiều đã qua, cũng là những ngã ba, ngã tư bắt Kiều phải chọn lựa, giữa đạo lý (*cái được xem là tốt*) và luân lý (*cái bắt ta làm tốt*) ; một bên là *ý thức về cái tốt*, một bên là *bó buột phải tốt* ; một bên là tình cảm tốt sẻ hành động theo hướng tốt, một bên là khuôn phép tốt bắt đi ta vào lối tốt. Khi Kiều đi về phía Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải, thì Kiều đi trên những con đường của đạo lý tình yêu; khi Kiều bán mình chuột cha thì Kiều đã rơi vào độc đạo của luân lý. Đây cũng là kiếp nhân sinh của nhiều người trong chúng ta, bị phân chia rồi phân tán, phân tâm rồi phân thân. Trong các con đường, nhiều chiều của đạo lý, nhưng chỉ một chiều của luân lý, kể cả Thái Hiền và tôi cũng khó có thể thoát được chuyện này, một mình đứng trước bao giòng nước. Đạo lý đi tìm cứu cánh trước các chân trời bày biện các mục đích của cái tốt; còn luân lý thì chế tác các mô hình về nghĩa vụ, để đóng khuôn thành bổn phận, thành trách nhiệm, Nguyễn Du đặt cái tuyệt vọng của con người vào hình ảnh của Kiều khi mơ ước về một *đạo lý đúng* (đúng thôi chớ chưa cần phải tốt ngay) : *cuộc đời đúng* (nghĩa) trong một *quan hệ xã hội đúng* (cách) được bảo vệ và tôn trọng bằng các *cơ chế đúng* (luật). Cái *đúng* nếu nó chưa làm ra được cái *tốt*, thì ít ra nó cũng làm ra được cái *lành*, được sống lành đã là chổ dựa cho bao cái *hòa*, cái *yên*, cái *vui* rồi. Muốn vấn nạn cuộc đời của Kiều, thì ta cứ xem lại các cách điên ngoa, lừa đảo, xảo trá, thủ đoạn giữa người với người, ở đây Nguyễn Du đưa ta đứng trước một thử thách : chấp nhận số mệnh hay lấy tự do cá nhân để thay đổi số mệnh. Diễn biến của truyện Kiều bày biện cho ta các sự thực là giữa số mệnh và tự do, còn đưa ra con đường thứ ba : con đường của tình cảm luân lý -nội lực của tình thương- nhất quyết không biến cuộc đời này thành địa ngục của bao sinh linh. Phật học xem mọi sự sống đều thiêng liêng nên mới gọi tên nó là sinh linh, đây là *ý lực* mà nhạc sĩ Pham Duy, thân sinh của Thái Hiền hiểu rất rỏ mỗi lần ông tâm sự với tôi về chuyện hòa hợp, hòa giải dân tộc sau cuộc chiến đăng đẳng huynh đệ tương tàn thế kỷ qua. *Ý lực* có được từ *một ý tốt* trong tư duy, đã thành một sức mạnh thượng nguồn, biến nó thành *pháp lực*, một *cách làm tốt* để hành động, giờ đã thành một sức mạnh hạ nguồn, từ đó thay đổi nghiệp chướng của sinh linh *(có trời mà cũng tại ta).* Có lúc Thái Hiền lo lắng cho các sinh hoạt trí thức của tôi là ngoài nghiên cứu trong học thuật, tôi luôn vạch mặt chỉ tên các chế độ vô nhân không tôn trọng *nhân quyền*, mặc dù tôi bị rình rập, đe dọa, và có ngày sẻ bị hảm hại…đây là tình cảm luân lý mà cũng là nghiệp chướng của chúng ta, nếu tin là có nhân (*thiện căn vốn ở lòng ta),* thì phải nhận quả (*đã mang lấy nghiệp vào thân, chớ đừng trách lẫn trời gần trời xa)* Thái Hiền à.

Tuyết pha thân

Trong bi kịch của Kiều, ngay đầu truyện đã có cái thảm kịch của Đạm Tiên, nhưng giọng hát của Thái Hiền, của Duy Quang, của Tuấn Ngọc không rơi vào rên xiết, tỉ tê, khóc lóc…Đây là chuyện thành công của các ca sĩ, thật sự là ca sĩ với nội công thấu hiểu được số phận người, với bản lĩnh thâm nhập vào nghiệp chướng người.

...Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi
Nổi danh tài sắc một kỳ
Xôn xao ngoài ngõ thiếu gì yến anh
Phận hồng nhan có mong manh
Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương…
Sương in mặt, tuyết pha thân.

Bạc mệnh nhưng những thiếu nữ như Đạm Tiên, Thúy Kiều, họ không cúi đầu, quy phục; vì trong tài sắc của họ đã có sẵn cái nội chất liêm sỉ của họ, mặc dù họ đang sống giữa địa ngục trần gian. Đây là nỗi ám ảnh suốt đời của cụ Tiên Điền (*hay đâu địa ngục ở miền trần gian),* nó hiện rõ trong *Văn tế thập nhị chúng sinh (cõi dương còn thế thế là cõi âm).* Kiều gặp Đạm Tiên như trực diện với số phận mai sau của mình:

"Nỗi niềm tương diễn mà đau
Thấy người nằm đó biết sau thế nào"

Gặp một nắm mồ bên đường như gặp biểu tượng của số kiếp đoạn trường của chính mình*:*

Rỉ rằng: « nhân quả dở dang
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao.

Thầy của tôi là tư tưởng gia Ricoeur[4], Nam Tào u ẩn của hiện tượng luận, trường giang yên lắng của triết luân lý; thầy luôn tin trong mỗi con người luôn có một sung lực làm được chuyện mình muốn, theo thầy thì cái *ta* không phải là cái *tôi*, cái *ta* không cần có chỗ đứng riêng **rẽ**, nhưng cái *ta* biết tự tôn trọng mình trong dấn thân, biết giữ lời hứa như giữ nhân phẩm, quý trọng mình như kính trọng các quan hệ xã hội, từ tình bạn đến tình yêu, lấy sáng kiến để *sống đúng*, trong *quyết định đúng,* rồi *hành động đúng*. Cái bi kịch của Đạm Tiên, của Kiều, là họ bị cái *xấu, tồi, độc, ác* công cụ hóa họ, tha hóa họ, truy diệt mọi sáng kiến trong họ, trong khi họ chỉ muốn tồn tại trong một trật tự xã hội bình thường với một luân lý bình thường. Phụ nữ biết sâu đậm cái thiệt thòi này (*đau đớn thay phận đàn bà);* phận đàn bà-kiếp hồng nhan-điều bạc mệnh, đột nhiên có sức nội kết, đột biến liên kết như một cản lực, làm nên oan nghiệp:*"Rằng: «hồng nhan tự nghìn xưa/Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu! »*.Có lần, tôi giảng Truyện Kiều cho các ban cao học trong các chuyên ngành dân tộc học, xã hội học, văn học, hợp tác quốc tế… của đại học Lille, bỗng nhiên trong tàn thức như *«thúc»* tôi phải buột miệng trước sinh viên của tôi: *«Les femmes peuvent pardonner les hommes, car les hommes ne sont pas conscients de leur insuffissance face aux femmes», phụ nữ nên tha lỗi cho đàn ông, vì đàn ông không ý thức đầy đủ được các thiếu sót của họ mỗi khi đối diện với phụ nữ*. Tôi thấy phụ nữ trong giảng đường *«ngỡ ngàng»,* còn đám thanh niên nam thì *«chưng hửng»* nhìn tôi, tôi phải *«động não»* ngay để dùng một lý thuyết về giới tính của một thi sĩ Bắc Đẩu trong thi ca Pháp thế kỷ XX, Réné Char: *«Les femmes aiment, les hommes désirent», đàn bà biết yêu, đàn ông chỉ ham muốn*. Yêu vừa muốn sâu lắng, vừa muốn bền lâu; ham muốn thì muốn tức thời, nhưng chóng chầy. Tôi nhìn lại hơn hai trăm khuôn mặt sinh viên

[4] Soi même comme un autre, 1987, Paris, Seuil.

trong giảng đường, nữ phân nửa, nam phân nửa, vẫn còn «*kinh ngạc*», tôi biết là sư phụ Réné Char không *«cứu giúp»* gì được tôi! Nhưng Thái Hiền à, sau bao năm, tôi vẫn giữ ý kiến này; nhất là trong truyện Kiều, tôi thấy rất rõ là đám đàn ông chỉ ham muốn, hình như chỉ có Kiều là biết yêu. Tôi thấy rõ trong tâm lý của Kim Trọng, có luôn cả cái ích kỷ *(Khi xa cách mặt, có thưa thớt lòng)* hiện diện ngay trong cái ham muốn (*Lòng riêng nhớ ít tưởng nhiều)*. Kiều muốn lý tưởng hóa tình yêu với Kim Trọng, nhưng người đàn ông này, hoàn toàn vắng mặt trong tất cả các thảm họa của Kiều, từ đầu tới cuối truyện, chàng này không có một câu an ủi nào đáng nhớ cho số phận bất hạnh của Kiều. Anh ta cũng không tuyên bố một câu gì can đảm về tất cả các bất công đã tàn nhẫn đày đọa cuộc đời của Kiều. Chàng này không hề có một sáng kiến nào để *sống đúng*, lấy *quyết định đúng,* có *hành động đúng.* Kim Trọng có cảm nhận đầy đủ về tất cả thăng trầm từ tâm trí tới thân xác của Kiều không? Nếu đám đàn ông: Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, kể cả đám đàn bà: Tú Bà, Hoạn Thư, là tác giả của các trầm luân của Kiều, vì họ *xấu, tồi, độc, ác*, họ không thương Kiều vẫn là chuyện dễ hiểu, nhưng Kim Trọng là người yêu của Kiều mà không có cái *hay, đẹp, tốt, lành* trong *ân cần* (*sollicitude*) để che chở Kiều, thì làm sao chàng này có được một suy nghĩ chính chắn về *công bằng* (*égalité*), làm cơ sở của *công lý* (*justice*), là chỗ dựa cho tình cảm luân lý (*sentiment moral*).

Vắng lý, biệt đạo

Có lần chúng ta nhắc tới Mã Giám Sinh trong câu chuyện cuộc đời, như tìm cách tránh kẻ *xấu, tồi, độc, ác*, để dùng thì giờ mà đi tìm người *hay, đẹp, tốt, lành,* nhưng *nghiệp* của Kiều thì gặp toàn kẻ *thô, lậu, tục, ngoa,* Mã Giám Sinh là loại người này, hủy hoại nhân cách Kiều, buôn Kiều như buôn đồ vật (*cò kè bớt một thêm hai),* cuộc sống của hắn vắng biền biệt đạo lý, luân lý không hề xuất hiện trong tư duy, trong phản xạ của hắn *(tướng vô nghĩa, ở bất nhân).* Lừa đảo trong điêu ngoa, nhân phẩm vắng tanh trong con tính hằng ngày của hắn, cái vô đạo đức nhập nội vào cái vô giáo dục, cái vô văn hóa luồn nhập vào cái vô tri thức, trong hành vi của hắn, ta thấy vắng mặt tuyệt đối của cái *biết* (*đối nhân xử thể, biết người biết ta, biết trên kính dưới nhường).* Chỉ một câu của cụ Tố Như thôi, chúng ta đã có đầy đủ lý lịch của hắn: *"Ghế trên ngồi tót **sỗ** sàng".* Đừng trông chờ gì Mã Giám Sinh, trong chuyện đối xử có *nhân* (tức là có tình thương tức khắc trong cuộc sống); có *nghĩa (*tức là có tình người bền lâu trong cuộc đời). *Nhân* và *nghĩa* là hai giá trị chủ đạo cho nhân sinh, trong đó chữ *nhân* là sự nghiệp của Khổng Tử, mà cũng là nội công tư tưởng của Mạnh Tử; chữ *nghĩa* là *gốc, rễ, cội, nguồn* của giáo lý việt tộc, *nền* của đạo thờ tổ tiên, *khung* của đời sống lứa đôi, gân cốt của các thế hệ đang trưởng thành, vì nó chính làm ra *cốt cách* cho tư cách *hiếu,* phong cách *thuận*, nhân cách *hòa* trong thống tộc và trong cộng đồng. Các giá trị này không hề rời rạc, lẻ loi, lạc lõng, mà đã thành hệ thống hoàn chỉnh, bởi chính *ý lực* của đạo lý, đủ sức làm nên *hành lực* cho luân lý trong xã hội, đủ vai vóc làm nên *sung lực* tương tác trong gia phong, biết tương trợ lẫn nhau để các thế hệ để giữ cầu nối cho nhau. Để *nhân phẩm* luôn là nội tạng cho *nhân lý*, để *nhân tri* luôn là huyết mạch cho *nhân sinh*. Nhưng Thái Hiền ơi! Các giá trị này đang bị đe dọa trong xã hội hiện nay ngay trên quê hương Việt Nam của chúng ta, nơi mà người với người sẵn sàng truy diệt, hãm hại, thanh trừng nhau vì tiền, vì vàng, vì đất, vì nhà… tức là vì những thứ thấp hơn *nhân đạo, nhân trí, nhân nghĩa*. Không có các giá trị đạo lý và luân lý thì sẽ không có giá trị cá nhân để hướng dẫn hành động cá nhân gần tình thương, vì tình thương đẩy ra xa cái ích kỷ, vì cái ích kỷ rất dễ trở thành vô nhân, tức là vô giá trị nhân bản. Các giá

trị đạo lý làm nên tình cảm luân lý giữa chúng ta luôn được xem là *xứng đáng* trong nhân sinh quan *thương người như thể thương thân* của chúng ta, vì giá trị này, tình cảm này trên thượng nguồn đã được xem là *đúng,* chính cái *đúng* này sẽ tạo ra cái *hay*, cái *đẹp* trong đạo lý, làm nên thế giới quan *trong ấm ngoài êm*, làm nên vũ trụ quan *mưa thuận gió hòa* trong phương cách *đối nhân, xử thế* với nhau. Như vậy, *giá trị đạo lý* làm nên *tình cảm luân lý* từ *lý* đã trở thành *đạo* (đạo chớ không phải tôn giáo), đạo là đi tìm hướng đi đúng, tôn giáo đi tìm hướng để tôn thờ. Nếu mỗi quyết định, mỗi hành động đều có chỗ dựa là giá trị đạo lý để làm nên tình cảm luân lý, thì cái *đáng*, cái *đúng*, cái *hay*, cái *đẹp* lại có thêm cái *lý* và cái *đạo* trợ lực thì sẽ làm ra cái *bền*, đủ gân cốt để làm nên cái *lệ*, rồi dần dà trở thành cái *luật*, sẽ được sử dụng trong luật pháp, mỗi lần các cơ chế xã hội chần chừ, phân vân, lưỡng lự. Sinh lực của luật pháp đủ sức nói *rõ*, nói *giùm*, nói *hộ* cho luân lý: bổn phận và trách nhiệm của mỗi người, rồi phân công và phân bố các bổn phận và trách nhiệm này qua các định chế. Luân lý và luật pháp luôn có mặt trong quan hệ xã hội, theo Durkheim thì nó nằm ngay trong phân nhành và phân nghề, theo Weber nó còn có sung lực làm ra cơ may cho mỗi người: thành đạt qua học đường, thành công qua nghề nghiệp, thành tựu qua kinh tế, để tăng vị trong xã hội; mà Elias giải thích các cơ may này làm cho các quan hệ xã hội được bền vững, được dài lâu. Kiều không có cái cơ may này Thái Hiền à! Tên Mã Giám Sinh đã đã đốn tận gốc rễ cơ may này, như đã hủy diệt tiết hạnh và cuộc đời Kiều, giữ tiết hạnh để bị mất tiết hạnh bởi một tên khốn kiếp, tình cảm luân lý của Kiều cho phép Kiều thương tiếc tại sao Kiều đã không tặng tiết hạnh này cho người yêu mình là Kim Trọng:

Biết thân đến bước lạc loài
Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung.

Điếm nhục

Tú Bà, vừa là cái bẫy của chuyện buôn người, vừa là vũng bùn của nhân sinh, thấy tư lợi là phải nhai ngấu nghiến cho tới nghẹn, sẵn sàng vùi dập Kiều bằng cực hình để thuần hóa Kiều như đồ vật cho đám đàn ông mua vui, mụ có cách tra tấn để nạn nhân phải mang cái nhục vào thân…Điếm nhục… mụ là phản diện của mọi tình cảm luân lý (*Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê).* Phản xạ tiền bạc đã thành cử động hàng ngày của mụ: sống để kiếm tiền, nói để tìm lời, cười để sinh lợi, biến nghề lầu hồng thành nghệ chiêu chuộc (*Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề).* Chữ *ít vốn nhiều lời*, làm nên nhân sinh quan của mụ: *tư lợi là quyền lợi*, sống để ăn lời *(Đêm về rướt khách, kiếm lời mà ăn)*. Chúng ta cứ ngỡ là loại người này, ngày càng vắng mặt trên thế kỷ mới này, nhưng họ ngày càng đông trên quê hương đất nước của Việt tộc; bọn *ít vốn nhiều lời* hiện là bọn dùng quyền lực để tham nhũng trong chính quyền, biến *tư lợi là quyền lợi* trong các cơ chế qua hối lộ, chúng bòn rút vốn liếng của dân, chúng định chế hóa chuyện vơ vét, chụp giựt của chúng, dù không là chủ động trong các lầu hồng, nhưng tôi thấy chúng còn đáng khinh hơn Tú Bà, vì chúng không có vốn, không cần vốn, chúng *mượn đầu heo nấu cháo*... Điếm nhục của điếm nhục…vì chúng để đồng bào mình trong đối nghèo…ghẻ lạnh… Chúng không có tình cảm luân lý đâu, chúng tuyên truyền các mô hình luân lý đơn điệu, một chiều, chớ chúng không bao giờ trực diện để đối thoại với trí thức-để có tri thức-để có phương hướng đưa Việt tộc thăng hoa. Vì gặp trí thức tức là gặp kiến thức trong lý luận, gặp ý thức trong lập luận, gặp để giải luận các hệ vấn đề gay gắt của đạo lý và luân lý. Không có tri thức, kiến thức, ý thức trong lý luận, lập luận, giải luận mà chúng vẫn *ăn trên ngồi trốc* (như Mã Giám Sinh, như Tú Bà), nghiệp chướng của Việt tộc,

phải được giải oan càng sớm càng hay, Thái Hiền à! Cảnh Kiều bị Tú Bà tra khảo không khác cảnh của bao dân oan hiện nay đấu tranh đòi lại đất của tổ tiên, rồi bị công an tra tấn, đánh đập trong các đồn bót: *Uốn lưng thịt đổ, giập đầu máu sa.* Buôn người hay buôn quyền, cướp người hay cướp đất, đều là loại đi buôn, lấy điếm nhục vùi nhân cách, đừng trông chúng để làm rõ *nhân phẩm* trong *nhân quyền*, *nhân trí* trong *nhân tri*, vì *nhân đạo* không nằm trong con tính tự lợi của chúng, *nhân nghĩa* không có chỗ trong tư duy hằng ngày của chúng, ngày càng xa rời *nhân tính*, nhưng chúng ta đừng để chúng dắt Việt tộc vào lối *vô nhân* này. Mả Giám Sinh và Tú Bà, chúng sống thành bày đàn trong các đường dây, mạng lưới của xã hội đen, luôn thông đồng với quyền lực nhận tham nhũng để lùng đoạn các cơ chế, thối tha hóa các đình chế qua hối lộ, tất cả bọn này cá Mè một lứa, chúng có ngôn ngữ riêng của chúng vì chúng có tư tưởng đã bị ung thư, đang ăn mòn tất cả tình cảm luân lý của chúng, rồi lan dần, lan rộng ra các sinh hoạt xã hội, ung thư hóa mọi đạo lý cá nhân, mọi luân lý cộng đồng, bòn rút tận xương tủy người khác là *lẽ sống ngày* của chúng : *Người còn thì của hãy còn.*

Cụ Tiên Điền trao cho chúng ta bài học Mã Giám Sinh và Tú Bà, giúp chúng ta làm hai chuyện trong cuộc sống hiện nay cho đồng bào, cho quyến thuộc: loại bọn ký sinh trùng ra khỏi đạo lý của chúng ta; và tìm cho ra các kháng thể, kháng tố mới để bảo vệ thể lực cho đạo lý, thể phách cho luân lý. Khi chúng ta phải gặp chúng trong cuộc sống, chúng ta bảo vệ nhân cách của chúng ta bằng các định đề của *nhân tính, nhân đạo, nhân phẩm, nhân quyền, nhân tri, nhân trí, nhân nghĩa*…chúng ta nói cho chúng biết là *sống phải có tình, có nghĩa*… để *có hậu*. Vì sao? Vì bọn buôn người, buôn quyền chúng đâu biết là chúng đang đi vào con đường *triệt hậu*! Bọn có quyền nhưng *vô hậu* này sống trong thảm kịch mà chúng không biết; vì chúng không tôn trọng *công bằng*, nên không biết nội lực của *công lý*, chúng tạo ra *bất công* để sau này sẽ *bất lực* khi vào đường cùng! Tại sao lại đường cùng? Vì có một định đề bất biến trong đạo đức học: lời nói là *lời hứa*, lời hứa là *dấn thân*, dấn thân để bảo vệ lời hứa, lời hứa làm nên *lời hẹn*, dấn thân làm nên luân lý, là thước đo giữa *sự thật* làm nên *chân lý*, để bảo vệ *lẽ phải*, để lẽ phải vạch trần mọi xảo trá, lột mặt nạ mọi điêu ngoa…và ngày tàn của chúng luôn thật bi đát trong… điếm nhục…trong ghẻ lạnh của nhân sinh! Có *(sự) thực mới vực được (đúng) đạo* luôn sánh vai cùng *quanh minh chính đại*, đi giữa *thanh thiên bạch nhật*, trong nhân cách *đường đường chính chính*, qua phong cách *thẳng lưng mà bước*…Bọn buôn người, buôn quyền, khi chúng nói về *đạo* là để lừa người, khi chúng bày chuyện *quanh minh chính đại* là để lừa nhau, khi chúng đi giữa *thanh thiên bạch nhật* là đang dàn cảnh, khi chúng tạo dạng *đường đường chính chính* là đang đóng kịch, khi chúng gồng vai để *thẳng lưng mà bước* thì chúng thường cúi đầu, chớ không dám gặp, dám nói chuyện tử tế với những người thật sự có chính nghĩa, có nhân đức.

Lời mặt nạ

Kiếp Kiều mang trên vai chữ *khốn*, kiếp khốn vùi kiếp người vào bùn, nếu không giữ được nhân cách sẽ rơi vào khốn kiếp, và Kiều đã rơi vào tên khốn kiếp Sở Khanh, nơi mà mỗi chữ, mỗi câu của hắn đều đeo mặt nạ, để điêu ngoa, để lừa đảo đồng loại. Xã hội học giáo dục và triết học phân tích đề nghị ta nhận diện ra hai loại người trong xã hội: loại thứ nhất, *atomiste*, tư lợi điều khiển hành vi, cứu cánh cá nhân dằm lên đạo lý tập thể; loại thứ hai: *holiste*, sinh hoạt cộng đồng dẫn dắt phong cách để điều kiện hóa cá nhân. Loại thứ nhất là loại *cá nhân nguyên tử*, nhỏ bé trong nhân sinh quan,thấp kém trong thế giới quan, lè tè trong vũ trụ quan, *ăn cổ đi trước, lội nước đi sau,* thậm chí *ai chết mặc ai* thô tục trong hành vi *của ta, ta giữ,*

của người ta vơ. Loại thứ hai là loại *cá nhân dể loãng,* dể dàng rơi vào hành động *ba phải,* thậm chí *chó hùa,* lúc cuộc sống không có biến động thì *chó cậy gần nhà,* lúc tai biến đến với thân quyến thì *gà què ăn dựa cối xay,* vừa xoay theo thời, vừa *"ăn mót"* vào vựa lúa của cộng đồng. Sở Khanh có cả hai loại người này trong phản xạ của hắn, lại được kích thích bởi con tính lừa lọc (*Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng)*, vừa xảo lại vừa hèn, xảo trá mà không đo lường các hậu quả đến với nạn nhân của mình (*Đem người đẩy xuống giếng khơi/Nói lời rồi lại ăn lời được ngay*), lách luật pháp, tráo luân lý chỉ để lừa người, điêu ngoa với Kiều (*Thuyền quyên vì biết anh hùng. Ra tay tháo củi sổ lồng như chơi)*. Hắn gạt ra ba nguyên tắc căn bản trong đạo lý của nhân sinh: nguyên tắc thứ nhất là *giá trị của lời nói* sẽ bảo vệ quyền lợi của mỗi bên trong thảo luận cũng như trong đàm phán; nguyên tắc thứ hai là tính *công bằng xã hội* trong đó tư lợi cá nhân không phải là ưu tiên tối thượng, nguyên tắc thứ ba là *bảo vệ đối tượng,* tuyệt đối không biến tha nhân, hoặc đối tác của mình thành nạn nhân cho tư lợi cá nhân mình. Nguyễn Du làm rất rõ lý lịch của hắn có bốn phản xạ *lừa*: lừa người bằng bề ngoài, lừa người bằng lời nói, lừa người bằng lời hứa, lừa người bằng hành động. Kẻ đi lừa có bốn hành vi này, luôn *vung tay qua trán,* nói được nhưng làm không được: *Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi!* Đây là các trò xảo thuật trong bốn dạng giả dối mà Việt tộc đang gánh chịu qua bốn cái tai ách hiện nay: ý thức hệ, chính sách, văn bản, lời nói của các lãnh đạo. Lừa đảo dễ dãi qua lời hứa, nhưng Sở Khanh là ai? Nó cũng là đám đàn ông trong các lầu hồng của cái thế giới đàn ông tự cho phép mình cơ chế hóa chuyện đa thê, đa thiếp, bắt phụ nữ luôn phải có phản xạ xưng *em* trước đám đàn ông luôn được làm *anh,* dù nhân cách họ thấp hèn, nhân tri họ hạn hẹp, nhân lý họ tồi tục, nhân phẩm họ trơn tuột! Trước đe dọa tra tấn của Tú Bà, Sở Khanh *"nhanh nhẩu"* rời vai người *hùng* để nhận vai thật của mình là người *hèn.* Cái *hùng* qua cái *hèn* trong chớp mắt, đó cũng là cảnh của một số lãnh đạo hiện nay, của một số tướng lĩnh hiện nay, hôm trước *"ưỡn ngực"* ăn hiếp dân oan, hôm sau *"cúi đầu"* trước bọn cướp đảo, cướp biển, cướp đất Trung quốc. Nhân gian không lầm bọn *khôn nhà dại chợ,* nhân thế không lầm bọn cõng *rắn cắn gà nhà,* nhân tình không lầm bọn *mang voi dày mồ tổ.*

Chúng ta phải bảo vệ Kiều, để bảo vệ Nguyễn Du, chúng ta đứng cùng Phạm Quỳnh để trực diện bằng lý luận trước các nhận định sai lạc của Nguyễn Công trứ, Tản Đà, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế (mặc dù ta quý trọng sự nghiệp các người này) khi họ phê phán dễ dãi Kiều như họ dễ dàng phê bình phụ nữ, mà không cùng lúc phê chuẩn nghiêm túc cái xã hội nam giới đa thê. J.Stuart Mill[5] xem tự do là nguyên tắc đầu tiên của mọi đạo lý: *"Đâu khó gì khi ta thấy qua bao thí dụ trong lịch sử, khi ta thấy cái quyền lực của đám công an giành đại diện cho luân lý, sẵn sàng chà đạp quyền tự do chính đánh nhất của cá nhân".* Nhưng luân lý của chúng là luân lý giả, đạo đức giả; luân lý thật thì phải để lên *cân, đo, đong, đếm* cho công bằng giữa cái *ta* và cái *người;* cái đau khổ và cái hạnh phúc của *ta* chưa chắc là cái đau khổ và cái hạn phúc của *người,* đừng làm chuyện *cá mè một lứa* để *đánh lận con đen.* Cái tự do cao quý nhất của mỗi cá nhân là đừng làm hại, làm khổ, làm buồn, làm phiền người khác! Cái *nuốt chữ tiết* của Mã Giám Sinh, cái *trục lợi nhớp* của Tú Bà; cái *điểu dựa láo* của Sơ Khanh; cái *ghen hóa thù* của Hoạn Thư, cái *xảo trong quyền* của Hồ Tôn Hiến không hề là đạo lý phổ biến của Việt tộc, cũng không hề là luân lý phổ quát của nhân sinh, lấy cái *lợi của ta* để đè, để dằm, để đạp lên cái *quyền của người* là vô nhân.

[5] *De la Liberté*, 1990, Paris, Gallimard, p.139.

Ham không kham

Thúc Sinh, trong truyện Kiều có kẻ chê, người trách, nhưng ít người oán, hiếm người hận, vậy ta có nên ta "ghét" nhân vật này không? Cụ Tiên Điền nêu rõ lý lịch (ngầm) của hắn: *« Thúc Sinh quen thói bốt rời »*, trong ân ái chàng biết ái ân, trong ham muốn của chàng có tình yêu, đừng phủ nhận tình yêu của Thúc Sinh dù là tình yêu trái phép, dù là tình yêu *ham vui* hơn là *ham kham*, nhận khoái lạc dễ hơn nhận trách nhiệm. Khi Hoạn Thư làm nhục Kiều trước mặt Thúc Sinh, ta thấy sung lực của chàng trong tình ái không làm nên nội lực của chàng trong tình yêu, chàng không dám đứng ra bảo vệ Kiều, thiếu can đảm trong thử thách của tình yêu, tức là thiếu tình cảm luân lý, mặc dù chàng dư thừa tình ái trong đam mê, dư luôn cái hèn trong nhân cách. Đam mê trong ham muốn, lùi bước trước sinh ly của tình yêu, phương tây đặt tên cho loại người như Thúc Sinh là *épicurien*, ham chơi vì ham vui nhưng không kham bổn phận, không màng trách nhiệm *(Miệt mài trong cuộc truy hoan)*. Khi cơn ghen của Hoạn Thư đã thành hận thù ngất trời (bắt cóc, giam cầm, tra tấn, nhục mạ) thì chàng thú nhận cái giới hạn tình cảm luân lý của chàng trong tình yêu, trong cái hèn của chàng chỉ có hai động từ *bay* và *chạy* : "*Liệu mà xa chạy cao bay/Ái ân ta có ngần này mà thôi",* khi chàng khuyên Kiều đào tẩu, thoát nanh vuốt của Hoạn Thư, thì Thúc Sinh đã *bay* xa trách nhiệm của mình, đã *chạy* khỏi bổn phận của chính chàng. Loại người như Thúc Sinh xuất hiện nhiều trong xã hội Việt Nam thời của Nguyễn Du, thế kỷ XVIII: con cái của các chủ nhân ông, có tiền, làm giầu nhờ mua bán, khai thác sự có mặt của ngoại bang để trút lợi, trước đà đi xuống thâm tệ của cái xã hội phong kiến, đang trở thành hủ lậu. Nhưng loại người này vẫn còn và ngày càng nhiều trong xã hội việt nam thời nay, thế kỷ XXI này, đó là bọn: con ông cháu cha, tiêu xài phung phí bằng tiền của tới từ tham nhũng, hối lộ qua chức quyền của ông cha chúng. Cha ông chúng *mua bằng bán chức*, như *buôn thần bán thánh*, đừng trông chờ chúng có tình cảm luân lý dựa trên các giá trị đạo lý của Việt tộc, chúng đang làm ung thư cả một hệ thống giáo dục hiện nay, như chúng đã *điếm nhục hóa* các định chế, các cơ chế của xã hội việt hiện nay. *Dân thường* giờ đã thành *dân oan*, vì bọn này *giả hóa* mọi kiến thức, mọi ý thức, mọi tri thức, vì bằng cấp của chúng là bằng giả, học hàm, học lực, học vị của chúng chỉ trên giấy, không qua công trình, không qua học tập, không qua các bậc thang thật của học thuật. Hằng ngày chúng nhởn nhơ nói cười bằng tiền bạc của dân, rồi dám tự xưng là *"đại gia",* nhân cách này của chúng là nhân cách giả. Có tiền, chúng tự cho phép được khinh miệt đồng bào, chúng là quái thai ngay trong nội dung *trọc phú* của chúng, chớ không phải dân oan; vì dân oan vừa là nạn nhân, nhưng cũng là đại diện cho đạo lý để chống bất công, họ đại diện cho công lý khi pháp lý bị chính quyền vùi dập! Và, Thúc Sinh không đáng khinh bằng bọn *buôn quyền bán chức* này. Văn **sĩ** Võ Hồng nghĩ rằng: *«Thúc Sinh là người vừa tốt, vừa xấu…"* có khi *ba phải*, xoay chiều theo đám mạnh, không đủ can đảm để bảo vệ kẻ yếm thế. Còn bọn ăn hiếp dân oan hiện nay, chúng không hề là loại người *tốt* vì chúng không có gì *cao, hay, đẹp, lành* trong tư cách của chúng, chúng chắc chắn là người *xấu* vì chúng chỉ có *dở, tồi, độc, ác* ngay trong con tính tư lợi của chúng, giờ đã thành phản xạ trong trục lợi. Thúc Sinh khi muốn chuộc Kiều, đưa nàng ra khỏi lầu hồng thì: *«Trăm điều hãy cứ trông vào một ta»*, nhưng khi cha của chàng truy tố Kiều trước tòa, thì chàng có thái độ yếu đuối trong tự thú: *«Nóng lòng chẳng biết nghĩ sâu»;* khi vợ là Hoạn Thư tra tấn Kiều lại còn bày trò giúp vui, thì chàng chuyển từ *yếu đuối* qua *yếu hèn: "Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa".* Cuối Truyện Kiều, khi Từ Hải giúp Kiều lập tòa để chuyện *ân oán giang hồ* được xử minh bạch, thì Thúc Sinh bị gọi ra tòa án này, chàng đã chuyển cái *yếu đuối*, cái *yếu hèn* qua cái *yếu rụt*: *«Mặt như chàm*

đổ, mình dường giẻ run ».Tư cách của chàng tan vữa, nhân cách của chàng chảy thành mồ hôi lạnh, lạnh vì sợ: *«Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm»*. Nhưng Kiều không những không hận, không oán Thúc Sinh, mà còn tặng thưởng chàng, chúng ta hiểu Kiều, vì Kiều cũng có những ngày hạnh phúc bên Thúc Sinh: *«Mảng vui rượu, sớm trà trưa »*. Khi Thúc Sinh *khóc vì sợ, hoảng vì hèn*, tạo nên trong tư cách của chàng một loại tâm lý không những bất an, mà còn ở dạng hỗn loạn nhất; đây không phải là một trường hợp hiếm hoi trong nam giới, tự cho phép mình làm *phái mạnh*, nhưng khi biến cố tới thì *yếu hơn phái yếu*, hành vi này dễ thấy trong phản xạ của loại đàn ông ham mà không kham. Trong tâm lý học, trường phái *giải luận tình huống* nhận định là không ai sinh ra thành hèn nhát, cũng không ai sinh ra là can đảm; hèn nhát và can đảm không hẳn là một *hằng số*, mà thường là *ẩn số*, rất dễ trở thành *biến số* trước con tính ích kỷ cá nhân trong bối cảnh của các so sánh lực lượng luôn thay đổi, trong những tình huống nghịch nhau, biến thiên theo thời cuộc, *thời bắt thế, theo thời phải thế*. Aristote[6] không hề đồng ý với quan điểm này khi ông phân tích nguồn cội của đạo đức, được sinh ra và lớn lên trong quá trình tôi luyện của cá nhân trong những môi trường giáo dục có đạo lý, biết kiềm chế trước hưởng thụ, biết can đảm trước thăng trầm. Giữa hai luận thuyết này, ta có lối ra nào khác không? Nếu can đảm có sức thể hiện đạo đức bề ngoài, nhưng can đảm có mang nội dung luân lý không? Một người lính trung thành trong mù quáng dưới bạo quyền của một bạo chúa, hắn can đảm trong trận mạc, rồi dùng can đảm này trong đàn áp dân oan, thì can đảm của hắn có nội dung luân lý không? Chắc chắn là không! Như vậy, một hành động can đảm phải luôn mang trong gốc, rễ, cội, nguồn của nó từ một giá trị *đúng*, đúng trong bất di bất dịch, đúng khi chống bất công để bảo vệ công bằng, và đúng khi đưa nhân phẩm thăng hoa theo những cái *hay, đẹp, tốt, lành*. Đạo đức luôn dựa vào chính nghĩa trong đó can đảm phải kham bổn phận và trách nhiệm, làm nguyên tắc và phương hướng của mọi tình cảm luân lý. Đạo đức của can đảm cũng phải biết dựa vào lý luận về hậu quả, không gây hậu quả xấu cho đồng loại, luôn tạo hiệu quả lành cho nhân sinh.Thúc Sinh làm ta nhớ các nhân vật của Kundéra, trong *l'insoutenable légèreté d'être* (*Nhẹ kiếp nhân sinh*), các số phận khi vui, khi buồn, nhưng không hề có ý thức về số phận của họ đang bị thời cuộc chọc thủng, vò nát.Trong các kinh của phật giáo, ta còn thấy một hình ảnh rùng rợn hơn, trong đó những kẻ đam mê ái dục là một lũ trẻ đang vui đùa trong một ngôi nhà đang cháy. Nhưng trong đám trẻ này, có đứa đáng trách hơn là những đứa khác, Thúc Sinh đáng trách hơn là Thúy Kiều, vì Thúc Sinh *đồng hội (nhưng không) đồng thuyền*, chàng để mặc Kiều một mình trong ngôi nhà đang cháy này. Thái Hiền còn nhớ câu: *"Bỏ mặc căn nhà, bỏ mặc tôi"* của Trịnh Công Sơn không? Bây giờ, mỗi lần tôi nghe bạn bè đùa giỡn: *"cuộc đời chỉ là một cuộc chơi, một trò đùa"*,tôi chẳng thấy vui, chẳng thấy hứng, mà ngược lại còn thấy *"ớn lạnh"*.Tư tưởng gia Dewey dặn dò ta phải ngờ vực luôn cả các cứu cánh của ta, mặc dù ta có đầy đủ các lý lẽ chính đáng để thực hiện chúng, vì sao phải ngờ vực? vì các cứu cánh này khi biến thành mục đích, mục tiêu trong cuộc sống của ta, mà ta không thực hiện được trọn vẹn, đầy đủ, vì nó đòi hỏi quá nhiều can đảm, quá nhiều dũng lược mà không ai với tới, thì nó không còn nguyện vẹn là cứu cánh nữa. Từ đây, trường phái *triết học thực dụng* ra đời, dựa trên định đề: mọi lập luận về cứu cánh dù là đầy đủ về ý thức, trọn vẹn về luân lý, hoàn chỉnh về đạo lý, cũng chỉ là thượng nguồn của lý trí, làm chỗ dựa cho các ý nguyện; nhưng trong thực tế thì không gian và thời gian của một quyết định mới là cốt lõi của vấn đề. Hãy trở lại với truyện Kiều, quyết định

[6] *Ethique à Nicomaque*, Jon Elster, *Alchemie of the mind*, Cambridge, Cambridge Univesity Presse, 1999.

làm nên hành động, ý muốn làm nên đam mê, đam mê làm nên tri kỷ, và tri kỷ là một tình cảm rất cao quý, cụ Tố Như không lầm, cụ dành cho mối tình của Kiều và Thúc Sinh hơn 250 câu trong hơn 3000 câu của truyện Kiều. Tri kỷ, họ *đồng thanh, đồng khí*, vì họ nhập giọng, chia lời qua thơ, qua họa, chắc chắn là có qua nhạc, tình yêu này tròn đầy, chúng ta phải quý yêu và tôn trọng tình yêu này, Thái Hiền à.

"Nọc Hoạn"

Trong cái bề ngoài mang gia phong của một gia đình tưởng có khung đạo lý, nhưng nội chất tâm lý cá nhân của Hoạn Thư luôn được *hoạt náo bởi cái ghen*, chờ *lửa oán* lên để bến thành *núi thù*, sau khi thiêu đốt xong tình địch của mình, thì *bải hận* vẫn còn đầy trong não bộ của Hoạn Thư (*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn)*. Những phụ nữ xem tâm lý loại này là bình thường (*Ghen tuông thì cũng người ta thường tình)*, thì chắc chắn là họ cũng không bình thường; không có cái vị tha của khổng giáo, cái bao dung của của lão giáo, cái từ bi của của phật giáo trong cái xã hội thời đó, thì khó có thể bình thường, vì khi ghen mà tự cho phép mình hủy diệt -theo nghĩa sát nhân tư cách của người khác- với cái giọng đạo đức giả trọn vẹn (*Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên)* là không bình thường. Tình cảm luân lý không cho phép *nhập hai làm một* trong *hệ ghen tuông: ghen vì yêu (Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen)*, đây là loại tình yêu không có *lý của tự do*, không có *luận của hạnh phúc*, tức là không có *lối của tình thương*, cả ba cái *lý, luận, lối* này đi trên vai, trên đầu cái ghen, biến kẻ ghen từ thấp kém qua thấp hèn, từ thấp hèn qua thấp rạp. Tôi chỉ muốn nói một chuyện là một tình yêu *cao, xa, rộng, sâu* biết dựa lên cái *hay, đẹp, tốt, lành* của tình cảm luân lý, không quan hệ gì tới cái ghen *thâm, hiểm, độc, ác* chỉ biết dựa lên cái *xấu, tồi, tệ, tục*.Tôi còn muốn lý giải rõ hơn là ghen tuông không quan hệ gì với tình yêu, nó là con đỉa đói của ích kỷ, lấy chuyện chiếm đoạt làm lẽ sống, tự ái của ghen bóp ngộp, thắp cổ tình yêu. Tình yêu làm thăng hoa tâm linh, ghen tuông vùi tâm linh vào bùn đọng. Ghen tuông chỉ là ký sinh trùng của tình yêu, vì một tình yêu chân thật và thông minh là tình yêu hiến dâng cho kẻ được yêu, loại ra được chuyện ghen tuông ích kỷ chiếm đoạt. Tôi nghĩ khi ta yêu một người, thì ta phải tôn trọng tự do và hạnh phúc của người mình yêu, nên kẻ muốn yêu không được ghen khi người mình yêu gặp được hạnh phúc mới, vì người mình yêu có thể dùng tự do của riêng mình để đi tìm hạnh phúc khác với một người khác, thì kẻ muốn yêu ban đầu cũng phải tiếp tục tôn trọng tự do và hạnh phúc của người mình yêu. Ghen tuông là tự vùi nhân cách mình vào bùn sâu. Tình yêu chân thật và thông minh biết tôn trọng tự do và hạnh phúc của người mình yêu này, loại hẳn cái ghen ra ngoài mọi tình cảm luân lý, nó đi ngoài cái *oán*, nó bay xa cái *hận*, nó thoát biệt cái *thù*, nó đẩy lùi cái ích kỷ của ghen, chỉ muốn chiếm đoạt, tôi thành thật với phân tích này, vì tôi tin ba cái *lý, luận, lối* này là đúng. Như vậy, chúng ta đừng sớm "bỏ qua" cái *ghen hóa thù* của Hoạn Thư, vì cái ghen mà bà Hoạn này tự cho phép mình : bắt cóc, giam cầm, tra tấn, sỉ nhục Kiều, thì đây không chỉ là *lỗi* mà nó đã biến thành *tội* rồi, *tội* trước mọi tình cảm luân lý, *tội* trước mọi pháp lý phải bảo vệ công bằng xã hội và tự do cá nhân.Hành vi của Hoạn Thư thật trầm trọng : đe dọa tính mạng của Kiều, phỉ bán nhân cách của Kiều *:*

Bề ngoài thon thót nói cười.
Mà trong nham hiểm giết người không dao

Những ai đang đấu tranh cho quyền làm người của phụ nữ, cho nam nữ bình quyền, trên quê hương của Việt tộc, đều rất buồn trước các cảnh đánh ghen giữa phụ nữ, trong đó phụ nữ vừa là tác nhân, mà phụ nữ cũng vừa là nạn nhân. Một phụ nữ là nạn nhân của một chuyện bội

tình thật *đáng thương* và đáng được che chở; nhưng người phụ nữ này vì bị mê chấp trong cái ghen, từ đó hành sát người tình mới của chồng mình cũng là phụ nử như mình thì người phụ nữ này *đáng khinh*, và nếu đe dọa sinh mạng của người tình mới của chồng mình thì *đáng tội*; trong khi *hệ vấn đề gốc* chỉ là chuyện giữa hai chủ thể, một *nạn nhân* bị bội tình, và một *chủ nhân* được (hay không được) bội tình. Ta không quên *chuyện rễ* là phải lý giải cho nghiêm minh các hành động đa thê, đa thiếp của nam giới; mà *chuyện gốc* là phải luận giải cho nghiêm túc các hành động ghen tuông, bạo hành giữa nữ giới với nhau; hai chuyện này phải dựa trên *chuyện cội* là đạo lý tự do cá nhân phải có chỗ đứng trong luân lý tổ chức xã hội, mà tất cả dựa trên một *chuyện nguồn* là muốn sống chung phải sống trong sự tôn trọng lẫn nhau. Trong đạo đức học, các triết gia phân biệt hai loại đạo lý-ở đây đạo lý làm ra giá trị cho luân lý: *đạo lý tối thiểu* là không được làm hại tính mạng, làm tổn thương nhân cách kẻ khác; *đạo lý tối đa* là có trách nhiệm trước các nguy hiểm đe dọa tính mạng của kẻ khác, phải giúp đỡ kẻ khác trong nguy cơ. Hoạn Thư không có đạo lý tối đa, vì trên *gốc, rễ, cội, nguồn* của phẩm chất cá nhân của nàng không có đạo lý tối thiểu *(Trước cho bỏ ghét những người.Sau cho để một trò cười về sau)*. Mà Hoạn Thư còn làm ngược lại cả hai đạo lý trên, bất chấp hậu quả xấu cho Kiều, tồi cho Thúc Sinh, tục cho chính Hoạn Thư *(Làm cho, cho mệt, cho mê/ Làm cho đau đớn, ê chề, cho coi)*. Những kẻ ghen như Hoạn Thư, thì họ không bao giờ dám nói rõ ràng cái *mâu thuẫn trong quyết định* của họ, cái *nghịch lý trong hành động* của họ, cái *xung đột trong hậu quả* mà họ gây ra, đây cũng là một loại người hèn, hèn mà không dám nhận là mình hèn. Khi Hoạn Thư biết được phẩm chất của Kiều là phải bán mình để chuộc cha, rồi rơi vô cảnh lầu hồng, luôn bị đám đàn ông mua vui lường gạt (*Hữu tài thương nối vô duyên lạ đời)*, Kiều có cái phẩm chất mà chưa chắc Hoạn Thư có, Kiều chịu những thử thách mà chưa chắc Hoạn Thư chịu đựng được. Nhưng cái ghen đã diệt cái thương trong con tính của Hoạn Thư, mà khi cái thương bị diệt, thì cái tỉnh táo, cái sáng suốt cũng bị chết ngộp luôn (*Chồng chung ai dễ ai chiều cho ai). Giận mất khôn* là như vậy, *độc ác xóa tinh anh* là như vậy, hai người phụ nữ mang tiếng *"ăn sương"* là Đạm Tiên và Thúy Kiều, nhưng ta thấy nhân cách, phong cách, tư cách của họ hơn hẳn, hơn xa Hoạn Thư. Khi Hoạn Thư đưa ra lý lịch : *Khôn ngoan rất mực nói năng phải lời*, đây là loại lý lịch giả, chỉ là bề ngoài của đạo đức giả, cái bề trong là cái thật của nàng là một loại phụ nữ mà đám đàn ông họ không bao giờ màng tới, vì họ không thấy cái *cao, xa, rộng, sâu* trong tinh anh, sánh vai cùng cái *hay, đẹp, tốt, lành* của thể phách mà họ thấy ở các phụ nữ khác. Đừng tưởng mình khôn hơn người khác, *khôn quá hóa dại*, trường hợp của Hoạn Thư là *ác quá hóa ngu*, loại *óc độc, miệng thâm*, vừa sống vừa chặt tất cả quan hệ xã hội xung quanh, vừa sống vừa tự chém lòng bao dung, tự đốn lòng vị tha, tự nạo rỗng tình thương trong chính nhân tính của mình. Truy lùng tình yêu của kẻ khác như đi truy nả kẻ thù không đội trời chung, truy diệt tình địch của mình là Kiều, mà không có một nội công cảm hóa để thuyết phục chồng mình là Thúc Sinh, thì đúng là loại người không có một tình cảm luân lý nào. Thời đó họ gọi Hoạn Thư là *quan cô*, không có học hàm, học lực, học vị của một vị quan chính thống, nhưng mượn thế của quan, giả mạo để ăn hiếp dân oan. Không có một tình cảm luân lý nào, vì không có một khả năng gì để phán quyết *"đây là quyết định đúng!"*, không có một lý trí gì để quyết đoán : *"đây là hành động tốt!"*, sống chỉ mang tới phiền não cho Thúc Sinh, sống chỉ mang tới hiểm nạn cho Kiều. Hoạn Thư sẵn sàng sống để *ăn hiếp công bằng, ăn hại công lý, ăn tục công chúng*… để thỏa tư thù! Nếu chúng ta loại Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến ra khỏi mọi tình cảm luân lý để tìm con đường nhân lý cho nhân tính, thì chúng ta phải loại luôn ra khỏi tập thể, cộng đồng, xã hội

loại người có lý lịch *xấu, tồi, tệ, tục*, có hồ sơ *thâm, độc, ác, hiểm* như Hoạn Thư. Chuyện "*khử nọc"* Hoạn Thư ra khỏi phong cách của nữ giới, theo tôi (trộm) nghĩ nữ giới sẽ có những *phương pháp luận* khôn khéo hơn nam giới.

Một chèo non sông.

Tầm vóc của truyện Kiều mà cũng là bản lĩnh của Nguyễn Du là phụ nữ không tìm anh hùng *"giữa chốn ba quân",* mà họ thấy người hùng trong đám người mà xã hội xếp hạng là *"thảo khấu"*, nhưng hình ảnh kẻ cướp rừng thật rộng, lý lịch của lĩnh tụ Từ Hải, cụ Tiên Điền lập rất rõ: *"Giang hồ quen thói vẫy vùng",* và hồ sơ cá nhân của chàng không những hay, mà còn rất đẹp: *"Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo".* Từ Hải hơn cả *Robin de Bois* của tây phương, vì chàng đủ sức làm chuyện lấy của của kẻ giầu chia cho người nghèo như Robin de Bois, mà chàng còn cứu được phụ nữ-là Kiều- ra khỏi chốn lầu hồng, ngập nạn; chưa kể cái *Gươm đàn* của Từ Hải là chất nghệ sĩ mà Robin de Bois không có trong lý lịch, trong hồ sơ cá nhân. Từ Hải lại có hai vốn riêng thật quý: có nghệ thuật nhạc trong phong cách như có *nội lực nhạy cảm* trong tư cách; chàng còn có luôn cả cái hiểu về khổ hạnh của đồng loại để có *nội công chạnh lòng* trước những kẻ sa cơ, nhục kiếp qua bao bất công trong xã hội. Xem lý lịch, hồ sơ cá nhân để biết chiến công và thành tích của cá nhân đó, nhưng cũng để nhận ra nhân sinh quan và thế giới quan của họ. Từ Hải hiểu số phận mình phải được xây dựng bằng tự do của mình, hiểu số kiếp mình phải được gầy dựng bằng quyết tâm tự chủ của chính mình: "*Triều đình riêng một góc trời".* Cá tính của chàng làm nên vủ trụ quan của chàng, tài năng của Từ Hải làm nên giang sơn của Từ Hải: *"Gom hai văn võ rạch đôi sơn hà".* Đây đúng là nhân dạng anh hào mà bao phụ nữ chờ đợi trong đám nam giới, và Kiều đã không lầm khi tìm nơi, chốn, đất, nhà của Từ Hải để sống, vì người hùng này đi trên vai, trên lưng tất cả đám đàn ông mà Kiều đã gặp trong cuộc đời của mình; người hùng này đúng là anh hùng theo nghĩa rộng nhất, sâu nhất. Từ Hải không hề chịu đựng cái phong trần như một nghiệp chướng (*Bắt phong trần, phải phong trần),* mà chàng chủ động chọn cái phong trần của mình (*Phong trần mài một lưỡi gươm),* để cầm tự do, để nắm tự chủ, chàng sống không vì *chén cơm, manh áo,* chuyện *cơm, áo, gạo, tiền* quá thấp hơn cách *đối nhân xử thế* của chàng (*Những phương giá áo túi cơm sá gì).* Chàng sống và hành động như chàng luôn nhìn thẳng vào mặt bọn quan lại tạo ra bao bất công trong xã hội, rồi nói thẳng vào mặt chúng là chàng sẽ chặt xiềng những bất công này để giải thoát cho đồng loại. Nếu Kiều là nạn nhân của bao bất công, thì chỉ có người hùng như Từ Hải mới cứu được nàng:

Rằng: Từ là đấng anh hùng.
Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi.

Hãy nhớ lại câu -nổi loạn vì yêu tự do- của Rimbaud không : «*Je m'entête affreusement à adorer la liberté libre», tôi quyết liệt yêu tự do thật tự do,* đây cũng là định hướng rất kịch liệt của Từ Hải không quy phục bọn quan lại tại triều đình, không để bất công thuần hóa mình. Cái đam mê *đất rộng trời cao* của Từ Hải, không ra từ cái ích kỷ cá nhân, nó ra cái nổi loạn vì tự do, không chấp nhận làm *thường dân* để rồi sau đó bị bọn cầm quyền, cầm mạng mình, biến mình thành *dân oan*. Chàng *chọc trời quấy nước,* vì chàng không chấp nhận ai *«đè đầu»* mình: "*Chọc trời quấy nước mặc dầu. Dọc ngang nào biết trên đầu có ai*". Bọn cầm quyền luôn «*mất ăn, mất ngủ»* vì các nhân dạng như Từ Hải, vì *nhân cách* anh hùng của chàng làm

nên *nhân phẩm* trong *nhân sinh, nhân tính* của chàng làm lộ ra cái vô nhân của bọn cầm quyền, cái *nhân nghĩa* của chàng vạch rành rành cái vô đức của bọn quan lại, mà thời nào cũng có. Bọn cầm quyền «*mất vui, mất hưởng*» luôn, vì Từ Hải làm được thêm một chuyện, một chuyện làm chúng *điên tiết*: *"Một tay gây dựng cơ đồ"*! *Nhân dạng* làm nên từ *nhân đạo, nhân tri, nhân đức* với tầm vóc, với bản lĩnh như vậy của Từ Hải thì làm sao bọn cầm quyền chịu được. Vua Tự Đức để lộ ra cái hủ lậu, cái lo sợ, cái *điên tiết* khi ông vua này không dằn được cơn nóng giận lúc đọc truyện Kiều, với hình ảnh người hùng Từ Hải, đã thốt ra giọng bạo hành thô lỗ của bọn nắm cửa quyền: *«Nếu Nguyễn Du còn sống, thì đáng bị trừng phạt 20 roi»*. Đừng trông chờ ông vua đa thê, đa thiếp một cách bịnh hoạn này, có được câu nói tri kỷ trong tri âm của Từ Hải, khi chàng gặp Kiều: *« Cười rằng: « tri kỷ trước sau mấy người»*. Bọn cầm quyền, răn đe, dọa nạt ủkiều Tự Đức, càng *«mất ăn, mất ngũ»,* càng *«mất vui, mất hưởng»*, khi Từ Hải đại diện cho công lý, cho pháp luật, đủ sức lập ra một tòa án nghiêm minh giúp Kiều làm minh bạch mọi chuyện *«ân oán giang hồ»* ; khen phạt nghiêm túc. Từ hậu đài trong chuẩn bị ra tới tổ chức để thực hiện chuyện *nhân lý*, Từ Hải thể hiện trọn vẹn cái *hay, đẹp, tốt, lành* của tình cảm luân lý, trước thanh thiên bạch nhật, bảo vệ nhân cách Kiều tới cùng: *«Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi»*. Qua hình ảnh của Từ Hải, Nguyễn Du là một trí thức chân chính yêu công bằng, tự do hơn ai hết thời đó, người ta còn đặt giả thuyết là cụ Tố Như còn mượn hình ảnh của Từ Hải để nói lên cái *uy chính nghĩa*, cái *lực liêm sỉ* của Nguyễn Huệ-Quang Trung hoàng đế-mà cụ (có thể) rất (thầm) khâm phục. Một giả thuyết có thể (chí) lý, vì trong Truyện tầu gốc *Đoạn Trường Tân Thanh* của Thanh Tâm Tài Nhân, thì hình ảnh Từ Hải chỉ là một tên thảo khấu, không hề đại diện được cho công bằng, cho công lý, cho công pháp. Nguyễn Du chắc chắn đủ *nội lực nhạy cảm*, đầy *nội công chạnh lòng*, để yêu mến người hùng Nguyễn Huệ, đã dẹp quân Thanh xâm lăng nước ta trong chớp nhoáng, dựng lại cơ đồ của Việt Tộc trong *nhân tính*. Nhưng, chính trường hợp của Từ Hải cũng làm sinh ra vấn đề chọn lựa cá nhân qua các giá trị rất khác nhau, Tocqueville nhận định rằng tính khách quan thường không có mặt trong các chọn lựa này, có khi còn đi ngược lại tính duy lý trong việc gây dựng quyết dịnh và hành động. Thí dụ, muốn xây dựng dân chủ để có một nền cộng hòa, thì phải có ba định đề: *công bằng, tự do, bác ái*, ba định đề được nhận diện và nhận định rất khác nhau trong mỗi cá nhân. Có kẻ để công bằng lên trên tự do, có kẻ để tự do thấp hơn bác ái, có kẻ đánh giá công bằng cao hơn bác ái vì muốn có công bằng phải nắm công lý để làm ra pháp luật, có kẻ lại đặt bác ái chỗ cao nhất để

bảo vệ chuyện đoàn kết trong tập thể, chuyện tương trợ trong cộng đồng. Nhưng các giá trị này vẫn có chỗ đứng mạnh trong quan hệ xã hội, vẫn có chỗ ngồi vững trong đời sống quốc gia, cùng lúc chúng cũng là nơi định hình các ưu tiên về quyền lợi, từ đó sinh ra xung đột, tranh chấp trong xã hội, mà luật chơi là đa số thắng thiểu số, và thiểu số vẫn giữ được quyền bảo vệ ý kiến, trong luật chơi và sân chơi được cả hai bên đa số và thiểu số công nhận. Gần đây trong khoa học xã hội và nhân văn, sinh ra chủ thuyết *cái tôi đa chiều* (*multiple self, moi multiple*), làm ra *cái tôi mâu thuẫn* trong cách tìm ra cách giải pháp cho các khúc mắc trong cuộc sống. Từ Hải khinh bọn quan lại vây kín triều đình bằng tư lợi của chúng, chuyện sống chung với chúng làm Từ Hải "dị ứng" triệt để (*Bỏ thần về với triều đình/Hàng thần lơ láo phận mình ra chi).* Nhưng cũng chính Từ Hải, lại để Kiều thuyết phục về hàng vua, để nàng được "yên thân", trong lý luận "yên nước". Yêu Kiều, thương vợ, quý tri âm, Từ Hải chấp nhận đầu hàng, để rồi vào bẫy của Hồ Tôn Hiến, rồi tự nhận mình hèn trước khi gụt chết (*Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn*!). Phải đưa chỉ báo "bối cảnh trước mắt" để hiểu tại

sao có thay đổi định hướng trong tư duy của Từ Hải hiểu và thông cảm tâm trạng của Kiều không muốn "sóng gió" trong cuộc sống nữa. Nhưng khí tiết của niềm tin phải có chỗ trung tâm, tin vào các giá trị vĩnh hằng làm hải đăng cho nhân tính, chuyện này Từ Hải cũng hiểu rất rõ trước khi bị diệt, nên chàng chết đứng, để chết cho thẳng lưng: "*Khí thiêng khi đã về thần. Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng".*

Vừa thương Từ Hải biết thương Kiều, vừa trọng Từ Hải có liêm sỉ của loại *"cây ngay không sợ chết đứng",* vừa quý Từ Hải mang được (gần như) trọn đời cái khí tiết không cúi đầu, chúng ta gần gũi với Từ Hải trong tình cảm luân lý của chàng, luôn mong được sống trong một hệ thống giá trị luân lý có tự do, có công bằng. Có lẽ Từ Hải chấp nhận cái "phi lý ra hàng" để thể nghiệm luôn một luân lý mới trong chàng: biến *đối phương* thành *đối tác*, và tin là đối tác này có liêm sỉ, đủ sức giữ lời hứa, đủ khôn để giữ chữ tín trong một thỏa ước mới của luân lý mà chàng kỳ vọng là nó sẽ vừa bền vững, vừa dài lâu; nhưng chàng đã bị lừa! Trường hợp của Từ Hải bắt chúng ta phải xem lại lần nữa câu chuyện chính của chúng ta: *tình cảm luân lý* luôn đứng thẳng chống cái bất công, nói rõ cái công bằng, không bằng lý thuyết mà bằng thực nghiệm trực tiếp với cuộc sống qua các quan hệ xã hội mà giá trị luân lý phải vừa phổ quát, phải vừa trường tồn. Như vậy, cái nổi loạn của Từ Hải đứng ra chống cái bất công của bọn phong kiến hủ lậu chính là năng lượng và năng lực của tình cảm luân lý, cái *trí* của chàng là cái *uy* của chàng trước bọn tham ô:*"Bỗng đâu lại gặp một người. Hơn người trí dũng, nghiên trời uy linh ».* Câu *"thời thế tạo anh hùng"* không đúng cho Từ Hải, câu "*trí dũng tạo anh hùng"*mới nói lên con người thật của chàng. cái *trí* trong là cái *uy* của Từ Hải cũng là nỗi buồn khôn nguôi của Nguyễn Du, vì qua hình ảnh của Từ Hải, cụ Tố Như (có thể) muốn nói lên lòng khâm phục phong trào yêu nước dưới *trí uy binh lược* của Nguyễn Huệ, trong một hệ thống phong kiến đang bị sơ cứng, rồi bại liệt bởi tham ô mà trước mắt là ngoại xâm phương tây đang ưỡn ngực vào đất Việt như chỗ không người. Cái ung thư của giáo điều *"quân tử thần tử, thần bất tử bất trung"* mà Nguyễn Du là nạn nhân vừa trực tiếp, vừa kịch liệt, để cụ phải thốt lên: *"Hậu thế ai người khóc Tố Như".* Vì trong thực tế của thời cuộc, Nguyễn Du là một trí thức hoàn toàn mất tự do trước bao bất công, cho nên cụ đã gởi tất cả tin yêu, kỳ vọng, tất cả tình cảm luân lý của cụ vào cái tự do của Từ Hải, cái tự do mà không sao cụ có được trong cái xã hội quan lại ô trọc thời đó. Khi *triết học* "hội ngộ" cùng *văn học* tại âu châu, thì thuyết *ân nhân hiệp sĩ* (*bonsamaritainisme*), ra đời để phân biệt ba loại ân nhân, sẵn sàng cứu người trong hoạn nạn. Loại thứ nhất coi chuyện *cứu đồng loại là bổn phận*, họ được gọi là *kẻ ân tốt* (*bon samaritain),* ở đây Từ Hải có mặt, khi chàng cứu Kiều ra khỏi lầu hồng. Loại thứ nhì coi tính mạng kẻ bị hoạn nạn như chính tính mạng của mình, phải cứu và giúp cho bằng được, qua công bằng có công lý, họ có tên là *kẻ ân lớn* (*grand samaritain*), tại đây Từ Hải có cũng mặt khi chàng lập cho bằng được tòa án phân xử công minh tất cả các bất công mà Kiều đã gánh chịu. Loại thứ ba lấy tính mạng mình để thỏa mãn ước nguyện của người thân, kỳ vọng của đồng loại, họ có mệnh danh là *kẻ ân ngoại hạng* (*samaritain hors norme),* trong loại này Từ Hải cũng hiện diện, chàng làm theo ý Kiều vì ước mơ hạnh phúc của nàng, chàng chấp nhận về hàng, để Hồ Tôn Hiến lập bẫy, mưu sát chàng.Từ Hải có cả ba : có chí nguyện, có bác ái, có hy sinh, chàng là một *ân nhân thật* (*vrai samaritain)* với ý nghĩa trọn ven, đầy đủ, tràn đầy, có phải chàng là một tình cảm luân lý đầy đặn nhất của Tố Như ?

Lận trong gian

Hồ Tôn Hiến, được Nguyễn Du lập lý lịch như tên quan, cận triều, kề vua, dùng chức để gian xảo, dùng quyền để tráo lừa, phản xạ hảm hại người hiền, kẻ lành có đầy đủ trong sinh hoạt của quyền của hắn, hôm trước rào đón Kiều thì *"khẩu phật, tâm xà",* hôm sau lập bẫy để mưu sát Từ Hải *"ngậm máu phun người".* Hồ Tôn Hiến vừa là đại diện, vừa là cố vấn cho bọn quan lại tham ô vây bủa triều đình bằng tư lợi của chúng (*cướp ngày là quan)*; khi mờ ám sử dụng quyền lực, thì hắn vừa là *chiến lược gia lận trong gian* để thắng, vừa là *kỷ thuật viên lén để diệt* những ai đi ngược lại con tính của hắn. Lại thêm tật ham sắc, khi gặp Kiều, hắn trở nên ngây dại: *«Lạ hay mặt sắt cũng ngây vì tình»,* nhưng hắn lấy ngay cái đạo đức giả bề ngoài ra làm bình phong cho tư duy chụp giựt của hắn:

Nghĩ mình phương diện quốc gia
Quan trên nhìn xuống người ta trông vào.

Hồ Tôn Hiến mang trong con người của hắn hai hố sâu rất xấu: không có đạo đức nên rất dễ dàng lận trong gian; không có đạo lý nên không phân biệt thiện ác nên rất sẵn sàng lấy cái *tham, độc, ác, hiểm* ra để diệt cái *hay, đẹp, tốt, lành*. Đừng trông chờ hắn có tình cảm luân lý, chỉ có lợi nhuận và quyền lực là hoạt náo mỗi ngày não bộ của hắn, hắn có lý luận xấu để quyết định hiểm rồi hành động thâm, bất chấp hậu quả ác. Môi trường cá nhân của hắn không có bao dung, vị tha, rộng lượng; môi trường hành nghề của hắn không có công lý, công pháp, công tâm; vì môi trường xã hội của hắn không có công bằng, tự do, bác ái. Nghiên cứu lý lịch, phân tích hồ sơ, cho thấy trong giới lãnh đạo hiện nay trong ĐCSVN, có không ít loại người như Hồ Tôn Hiến; tri thức của trí thức phải vạch mặt bọn này cho nhân tri của Việt tộc thấy rõ hiểm họa phản nhân phẩm, nghịch nhân đạo, chống nhân quyền do chúng gây ra. Điều mà Kant dặn: đồng loại là cứu cánh, chớ không phải là phương tiện, hoàn toàn xa lạ với cách hành nghề, dụng nghiệp của Hồ Tôn Hiến, tư lợi trước mắt dẫm lên các giá trị luân lý, quyền lực lấp đè tử tế. Đối với hắn, tất cả quan hệ xã hội đều là chuyện dùng tình huống để tìm tư lợi, cho nên tình người chỉ là tạm bợ, không có gì là bền cho đẹp, vững cho hay, cho nên tình cảm luân lý của hắn đã bị bóp chết ngay trong trứng nước, trước khi tình cảm này thành lối cho đạo lý, khung cho luân lý. Cho nên quan hệ xã hội là chuyện khống chế rồi tước đoạt, lấy quyền để giành, lấy chức để chiếm, tất cả nằm trong cái trật tự bất bình đẳng do hắn lập ra, cái trật tự này không ai được ngang hàng với hắn, chỉ có quyền ở trên, dân ở dưới; vua cao dân thấp, cơ chế đè cá nhân, trên ra lệnh-dưới tuân lịnh. Trong quan hệ xã hội bất công này, thì mọi các nhân đều có thể là nạn nhân của cơ chế không tôn trọng công bằng, của chế độ không tôn trọng tự do cá nhân, trong bối cảnh này thì ý muốn của kẻ nắm quyền chính là quyền lực của hắn trên số phận của người khác, đây cũng là bi kịch hiện nay của xã hội Việt Nam, dân đen là nạn nhân của độc quyền, dân oan nạn nhân của độc đảng. Chủ thuyết thực dụng của John Stuart Mill đề nghị tiêu chuẩn đầu tiên của công lý là mang lại tối đa các điều kiện vật chất cho số đông nhất của

xã hội; trong lý luận về công lý thì Rawls trở lại chổ đứng của mỗi cá nhân có quyền bình đẳng trong một hệ thống xã hội rộng rãi nhất cho tự do của cá nhân đó, mỗi cá nhân như nhau, có quyền được sống như nhau là hợp đồng công bằng làm cơ sở cho mọi nguyên tắc công lý.Trong cá bối cảnh cụ thể của cuộc sống, khi tự do cùng song hành với nhân phẩm và nhân đạo thì tư cách tự tôn trọng mình phải song hành với tư cách biết tôn trọng các người chung quanh. Arendt yêu cầu nếu làm luật để bảo vệ công bằng và công lý thì phải nghĩ tới hệ thống mà mỗi cá nhân tự bảo vệ khi có các bất công tới từ kẻ khác, cùng lúc phải có luật để bảo vệ

kẻ khác khi có các bất công do ta tạo ra cho kẻ khác. Lý luận nghiêm minh về công lý cho chúng ta thấy rỏ bộ mặt của kẻ cầm quyền, khi muốn lộng quyền thì nói với dân là do lý lẽ của chính quyền, khi đàn áp dân thì nói là vì luân lý của nhà nước, mà ý đồ là chỉ để bảo vệ kẻ cầm quyền, đây là bộ mặt đôi của chính quyền: làm cha thiên hạ qua giọng điệu trật tự (mơ hồ) của chính quyền. Nhưng cái thâm, độc, ác, hiểm của Hồ Tôn Hiến là dùng *tâm thuật,* đánh vào con tim của Kiều, đánh vào tình cảm luân lý của một người phụ nử muốn sống yên, với một người chồng, có một gia đình êm ấm, để qua tình cảm luân lý này của Kiều để chiêu dụ Từ Hải ra hàng. Mánh lới của Hồ Tôn Hiến là lấy mẹo tâm của Kiều để lựa nhân của Từ Hải, và cả Kiều lẫn Từ Hải đều vào bẫy của Hồ Tôn Hiến, để Từ Hải phải chết đứng. Trong cuộc sống, khi chúng ta gặp loại người như Hồ Tôn Hiến thì chúng ta thấy tự do chúng ta bị thu lại, và ngược lại khi chúng ta hội ngộ được với Từ Hải chúng ta thấy tự do chúng ta được đề cao và nâng lên. Trong thực tế, khi chúng ta chạm mặt loại *lòng lang dạ quỷ* như Hồ Tôn Hiến chúng thấy đạo đức chính quyền chỉ là loại đạo đức giả, vì nó không biết tôn trọng tự do cá nhân, công bằng xã hội. Đây cũng là bộ mặt của nhiều kẻ cầm quyền hiện nay tại Việt Nam, nói giọng đạo đức giả qua các nghị quyết, nhưng trong bóng tối của quyền lực thì *trộm, cắp, cướp, giật* của công*;* giả giọng luân lý trước quần chúng *dân đen,* tráo lời công lý trước *dân oan*, nhưng trong bóng đêm thì *ăn trên, ngồi trốc,* lại còn tự cho mình là *đại gia*, mà tiền của là tới từ tham nhũng hối lộ, tham ô, cửa quyền, vậy mà gặp các nước giầu thì lại có phản xạ *van, xin, trợ, viện;* trong tư cách đại gia của chúng có nội chất của một hành vi *ăn mày* thiên hạ. Trong cái xung đột giữa tự do của Tư Hải và xảo quyền của Hồ Tôn Hiến, thời của Nguyễn Du có cụm từ *thói sai nha,* nói lên nội dung: công lý quần chúng luôn chống lại thói lộng quyền quân phiệt, làm cho chúng ta hiểu thêm câu của thi hào: *mới hay địa ngục ở miền trần gian.*

Buông bỏ

Khi Kiều được sư cô Giác Duyên cứu, thì Kiều thật sự đã gặp cả *từ* lẫn *bi*, mà Nguyễn Du đã đúc kết qua khái niệm *tu*, ý nguyện *buông* sánh đôi cùng trí lực *bỏ : Có trời mà cũng tại ta/ Tu là cõi phúc tình là dây oan.* Ở đây, tâm giới bình thản xem xét vật giới, lấy tâm để phán cảnh, mà lời của sư Tam Hợp thì *trời* không còn là *thiên mệnh* đè dằm nhân sinh : *Khi nên trời cũng chiều người/ Nhẹ nhàng nợ trước đến bồi duyên sau.* Trong văn hóa và giáo dục của Việt tộc, khi nhập thế thì lấy lập thân của khổng giáo làm đuốc dẫn đường, khi muốn muốn thoát tục thì chọn phật giáo để buông, để bỏ, nhưng cuộc đời của Nguyễn Du, tác giả của Truyện Kiều đâu dễ buông bỏ, sống giữa bi kịch Trịnh Nguyễn phân tranh, muốn gần nhà Lê cũng không được, một cuộc đời phải lưu vong ngay trên đất nước của mình, từ thủ đô Thăng Long, trôi dạt vào Quảng Bình làm quan. Câu Kiều làm mọi người xúc động : *Buồn trông của bể chiều hôm*, có lẽ là *cái nhìn* từ Quảng Bình, nhưng chuyện chính là *cách nhìn*, sinh tạo từ ra một nhân sinh quan thảm, trong một thế giới quan buồn, bao trùm bởi một vũ trụ quan sầu.

Nhưng cái *hay, đẹp, tốt, lành* thì ai ai cũng đi tìm chúng trong cuộc sống, nhưng nó từ đâu tới, nó bắt đầu bằng nguồn nước tình cảm luân lý, băng đèo, vượt thác bằng ý thức luân lý, để nhập dòng vào hạ nguồn kinh nghiệm luân lý. Từ đó *tình cảm luân lý-ý thức luân lý-kinh nghiệm luân lý,* thành một: *tâm-cảnh nhất như,* một khối nhất thể, từ đây từ, bi, hý, xả vừa là tình cảm, vừa là lý trí; vùa là lập luận của nhân lý, vừa là sức thông minh của nhân tri. Trong lý luận tứ diệu đế của phật học, thì *cội, rễ, gốc, nguồn* của đau khổ của nhân sinh, khi được hiểu đúng và tra đúng thì chính nhân trí sẻ *gạt, xóa, buông, bỏ* được đau khổ, nhân trí giờ đã

thành *nhân thức*, vừa làm người đúng, vừa phải thức sâu, thức suốt để nhân sinh quan trợ duyên cho thế giới quan. Biết làm *người sống*, nhưng cũng phải biết làm *người thức*, lấy *đồng cảm* chống *vô cảm*, lấy *từ* nuôi *bi*, *từ bi* trợ lực cho nhau cùng diệt khổ, *sống* với *thức* làm ra *nhạy*, nhạy cảm và nhạy tâm, không phải chỉ để dễ cảm, dễ xúc, mà để đào sâu cảm, nạo rộng xúc, để làm cao nhân sinh quan đã gạt được cái ích kỷ, để làm lớn thế giới quan đã xóa được cái tôi kiêu căng nhưng quá nhỏ bé. Một trong nhưng tổ sư của nhân học cận đại là L. Dumont nói rõ được loại tình cảm luân lý này : *"Lorsque foi et sentiment envahissent le domaine de la raison, lorsque l'histoire acquiert une forme et l'avenir de l'humanité s'éclaire d'espoir, on croit assister à une réhabilitation de la vie dans le monde...". Khi niềm tin và tình cảm tràn vào lảnh vục của cái lý, khi lịch sử co mang nhân dạng, thì tương lai của nhân sinh sáng lên hy vọng, cho ta tin là nhân sinh được tái lập giữa cuộc sống*.

Thợ trời Nguyễn Du

Đọc Truyện Kiều là đọc để vượt qua hành động của mỗi nhân vật trong truyện, để nhập nội vào các biến cố, trong đó từng cuộc đời của mỗi nhân vật phải được người đọc *tra phận* để *vấn nạn*, vấn nạn rồi truy tầm lại cả bản thân của người đọc, để họ thấy gần xa trong kiếp người của họ, có ít nhiều chất Kiều không trong nhân sinh, thì cũng trong nhân trí họ, vì nhân tính bàn bạc suốt truyện này. Truyện kiều còn đặt cho người đọc một thử thách khác là : hiện tượng *ngồi không*, không phải kiểu « ngồi không sơi nước » mà là ngồi không lao động nhưng tự tư duy, đào thật sâu tâm cảnh, nạo thật sát tâm lý, sới thật đầy tâm sự để nghĩ thật kỹ, ngẫm thật xa kiếp làm người. Hành vi *ngồi không* xuất hiện 17 lần trong Truyện Kiều, chiếm khoảng 15% câu truyện, với 474 câu, trong đó có 222 câu tả bản chất của các nhân vật với các diễn biến tâm lý với 775 câu trong 3254 tổng số câu của truyện. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử dụng truyện của Việt Nam mà các nhân vật không bị sơ cứng trong một mô hình, mà ngược lại có diễn biến tâm trạng và tâm lý phức tạp. Phạm Quỳnh không lầm khi nhận định Truyện Kiều là cấu trúc của cảm súc với diễn biến của những nhạy cảm của tư duy. Nhưng riêng tôi trân quý truyện Kiều vì truyện mang theo tất cả mâu thuẫn của cuộc đời Nguyễn Du, sống trong bối cảnh Trịnh–Nguyễn phân tranh, phò triều Lê hay bỏ nó, nghi ngại hay ngần ngại trước nhân vật lịch sử trung tâm thời đó là Quang Trung. Có Nguyễn Du đa tình : « *Vầng trăng ai xẻ làm đôi / Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường* » ; cũng có Nguyễn Du sầu cảm *: « Sầu đong càng lắc càng đầy ».* Có Nguyễn Du tổng kết đạo đức *: « Thiện căn vốn ở lòng ta/ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài »*, cũng có Nguyễn Du bi quan : « *Ngẫm hay muôn sự tại trời/ Trời kia đã bắt làm người có thân»*, và cũng có Nguyễn Du sắn sàn nổi loạn : *«Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều».*

Câu chuyện tình cảm luân lý trong Truyện Kiều là đưa kiếp làm người vào nhiều thử thách, mà trước nhất là thử thách của lời nói : tôn trọng lời hứa như trân trọng các chân trời sẽ tới trân quý chuyện dấn thân trong hành động, triết gia Levinas có công thức giúp ta đào sâu quan hệ giữa người và người, biết giữ lời như biết giữ tâm *:"l'humain ne s'offre qu'un à une relation qui n'est pas pouvoir", người có nhân tính là kẻ biết hiến dâng một quan hệ làm người không qua quyền lực.* Từ đầu truyện tới cuối truyện, Kiều từ một tiểu thư đài các qua bao biến cố phải trở thành gái giang hồ, một người mà phải mang ba chuyển biến nhân sinh : *chuyển biến của chủ thể* trong quá trình học đời trong xã hội để học đạo lý trong đời ; *chuyển biến qua sự cố* trong thử thách và thăng trầm học đời để học làm người, *chuyển biến trong biến loạn* nhận phiêu linh mà vẫn giữ nhân phẩm làm nên tư cách, phong cách, nhân cách của

mình. Kinh nghiệm xã hội và ý thức làm người, làm nên cá tính trong cá thể của Kiều. Cá thể khi đối diện với tha nhân học được kinh nghiệm làm người ngay trong quan hệ xã hội, cá tính khi đối đầu với thử thách không để biến cố nuốt đứng bản sắc của mình, đây là một trong những định nghĩa về chủ thể trước cuộc sống, vẫn là người trong cá thể, có cá tính từ đầu đời tới cuối đời, chúng ta biết là trong quá trình này, Kiều gặp nhiều thất bại hơn là thành công. Chúng ta trân quý Truyện Kiều vì chúng ta gặp được một cách thật sâu lắng tư tưởng của chủ thể, cái tôi của Kiều không phải là cái ta của thiên hạ, trong đó tự do của tôi không phải là tự do của cái ta chung chung, mỗi tự do luôn ở ngoài nhau, mặc dầu có lệ thuộc nhau. Cái riêng của Kiều làm nên nhân tính Kiều, cá tính Kiều, trong cái *bối cảnh* bị vo tròn bóp méo bởi cái *hoàn cảnh*, rồi cái *hoàn cảnh* tạo, sinh, chế, dựng ra cái *tâm cảnh*, làm ch ngoại giới và nội tâm thành một mối tơ vò, vì vậy nên chúng ta vừa thương, vừa quý Kiều. Những ai phê phán nặng nề Kiều, chỉ trích nhẫn tâm Nguyễn Du là những kẻ đã mang khuyết tật ngay trong tâm linh bởi các mô hình giáo điều cứng nhắc, sống nhưng không nhận ra tính tương tác của *bối cảnh, hoàn cảnh, tâm cảnh*, tức là sống mà không hiểu cuộc sống. Họ không hiểu cái tương quan mật thiết giữa ý thức xã hội và ý thức luân lý, thứ nhất là về mặt chủ quyền: các chuyện trong xã hội mang tính độc lập của xã hội vì nó không phải là chủ quyền của tôi, Kiều đã trả giá rất đắt về chuyện này, vì bọn quan lại dùng quyền trong quan hệ xã hội để tham ô, thâm nhũng, đưa đẩy Kiều tới chỗ phải bán thân. Chuyện thứ hai là quan hệ giữa người này với người kia cũng ngoài tầm kiểm soát của tôi, Kiều cũng trả giá rất đắt về các chuyện này, nàng không làm gì được trong quan hệ «buôn người-buôn tiết» giữa Mã Giám Sinh và Tú Bà ; trong quan hệ *«thiếu tình-thiếu ái»* giữa Thúc Sinh và Hoạn Thư ; trong quan hệ *«quyền lực-quyền lợi»* giữa Từ Hải và Hồ Tôn Hiến. Nhưng chính cái bất lực trước các quan hệ đầy mánh khóe, đầy ghen tuông, đầy bạo lực trong xã hội đã làm nên tư tưởng cái tôi của Kiều. Ý thức xã hội là *nền, cột, trụ, mái* cho ý thức luân lý, vì ý thức xã hội làm dữ kiện cho ý thức luân lý lý luận và lập luận, chúng ta có tất cả các dữ kiện để phẫn nộ khi đọc Truyện Kiều, khi chúng thấy kẻ mạnh như mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư bạo đọng, bạo hành bằng bạo lực với kẻ yếu thân, yếm thế như Kiều. Ý thức luân lý được chế tác từ tình cảm luân lý của chúng ta, tình cảm này không quan hệ dính dáng gì với các tâm lý lo âu, sợ hãi, hoặc buồn rầu hay khoái lạc, nó là loại tình cảm dựa trên nguyên tắc biết-làm-người-và-phải làm-người, một cách đúng nghĩa nhất, tức là đúng đạo lý và luân lý nhất, mà hiện nay chúng ta gọi tên nó thật gảy gọn là : *nhân quyền. Tình cảm luân lý* kết tinh và hình thành *ý thức luân lý* được của chúng ta sẽ chi phối từ đầu tới cuối : các chọn lựa, các quyết định, các hành động, các phán xét của chúng ta trên nguyên tắc của nhân quyền, không tôn trọng nó thì sẻ sinh ra bất bình đẳng rồi bất công, tức là thất nhân rồi vô nhân. Tình cảm luân lý làm tiền đề ý thức luân lý, nhưng chính tình cảm luân lý này bắt đầu bằng *cảm xúc luân lý*, giúp ta nói rõ là bất công bất bình đẳng là không thể chấp nhận được ; bạo động, bạo hành bằng bạo lực là không thêt chấp nhận được! Bây giờ thì cảm xúc luân lý đã thành lý lẽ, mở cửa cho tình cảm luân lý trở thành *giá trị luân lý*, hoàn chỉnh qua thời gian để trở nên *hệ thống luân lý* vừa tích cực, vừa chủ động giúp chủ thể có hành vi của *nhân tính*, kiến chủ thể có hành động của *nhân đạo*

Xuân Diệu[7] tặng Nguyễn Du danh hiệu «thợ trời», tức là kẻ đủ bản lĩnh, đủ nội công, đủ tầm vóc để đào sâu, để xét rõ quan hệ giữa trời và đất mà ở giữa là chốn người với bao thử thách trong khốn khó, với bao thăng trầm trong lầm than. «Thợ trời» này thấy rõ luôn chiều sâu của

[7] *Đoạn trường tân thanh*, Ed Văn Học, 1994, Hà Nội, pp: 80-126.

con người trong nguy cơ, trong hoạn nạn, trong việc bảo vệ nhân cách bảo trọng nhân phẩm của mình, trong chiều rộng vô hạn của các quan hệ xã hội đầy gian truân, luôn bắt con người phải nhìn xa trông rộng trong cách gắn bó giữa người với trời, với đất. Cuối đời mình, giữa ranh giới sinh tử, Nguyễn Du hỏi người nhà là thân ông : *«hiện nay là lạnh hay nóng?»*, người nhà trả lời là : *«đã lạnh»*, ông gật : *«được rồi !»*, tức là xong rồi : xong một đời người mà cũng xong (hoàn hảo) một sự nghiệp. Vậy mà có khi sư phụ Tiên Điền mình có lần thắc mắc : «Hậu thế (ai) người khóc Tố Như ? », xin sư phụ đừng lo : « «Hậu thế (nhiều) người khóc Tố Như !»

Chère Thái Hiền,

Thái Hiền lại trách tôi : viết thư sao lại kể lể dài dòng vậy, cũng chỉ vì sư phụ Nguyễn Du dậy là : *«Phải dò cho tới tận nguồn lạch sông»*, phải đảo tới nơi rồi sới lên tới chốn, tránh chuyện *« ăn sổi ở thì »*, tránh chuyện *«nửa làm, nửa chơi».* Một người ca sỉ hát một bài hát của một tác giả nhạc sỉ, tới từ một tuyệt phẩm văn chương, nếu chỉ biết hát ua kt thuật mà không biết *gốc, rễ, cội ,nguồn* của tác phẩm thì chỉ *«cao cào sới sơi»* trên mặt đất, còn ngược lại nếu hiểu thấu tác phẩm sẽ có cách diễn đạt sâu hơn, xa hơn, cao hơn, rộng hơn, Thái Hiền là một ca sĩ hiểu rất thấu chuyện này, đây vừa là vinh dự cho Thái Hiền, vừa là chuyện tôn trọng *nghề, nghệ, nghiệp* của mình, nhờ vậy Thái Hiền đã làm thính giả cùng thăng hoa với Thái Hiền, đây không phải là thành công lớn nhất của cuộc đời nghệ thuật của Thái Hiền sao?



Hàn Mặc Tử

Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên…

Chère Thái Hiền,
Chỉ cần câu đầu của bài thơ mà cả nước biết : *Đây thôn Vĩ Dạ,* giọng hát của Thái Hiền đã đưa người nghe vào vủ trụ của bài thơ, một bài thơ ngắn nhưng nó vũ trụ quan riêng của nó, một bài thơ hay làm được chuyện này, vai vóc của một bài thơ là vũ trụ quan của nó từ thể hiện thi từ tới cấu trúc thi ngữ; một người ca sỉ có nghệ thuật nắm vững ca từ thì thể hiện được vũ trụ quan này của tác giả, Thái Hiền đã làm được chuyện này. Người nghe cũng không được quên tầm vóc phổ nhạc của một nghệ sĩ *«suốt kiếp yêu thơ»* là Phạm Duy, bố của Thái Hiền, đã chọn âm điệu nhẹ để dòng nhạc được yên, đi thật sâu rồi lắng vào lòng người, ở lại thật lâu trong tâm nảo người nghe; cũng không được quên nghệ thuật phối âm, phối khí điêu luyện của Duy Cường, anh của Thái Hiền. *Je m'incline avec respect ! (xin cúi đầu thán phục).*

Thân giếng đục
Tôi điều tra về cuộc đời của Hàn Mặc Tử, nghiên cứu mãi về thi sĩ này, từ tháng này qua năm nọ, lần mò trong học thuật trước một sự nghiệp thi ca hoàn toàn không có trong lịch sử thi nhân của thế giới, vừa đầy đau thương, vừa đầy sáng tạo. Kẻ nghiên cứu như gặp một quặng mỏ xa lạ, cứ đào hoài, đào thật sâu, nhưng không biết đào lên nguyên liệu gì, tinh chất hay tạp chất, nhưng cứ tôi tin trong đấy chắc chắn sẽ có tuyệt chất của nhân sinh. Giọng hát Thái Hiền có lẽ là một nẻo đường tới quặng mỏ xa lạ đó, có thể cũng là một trong những đường hầm, giúp tôi vào sâu để sơ ngộ với các tuyệt chất mà tôi đang tìm từ những năm qua (Thái Hiền nhớ hai chữ *tuyệt chất* này nhé). Tại sao lại có chuyện *quặng mỏ* ? Rồi lại có câu chuyện của tôi : *cứ đào hoài, đào thật sâu* ? Vì đó là con đường mà Hàn Mặc Tử đã đắt chúng ta ngay phút đầu tiên khi gặp thi sĩ : *«Ai mang tôi bỏ giữa trời sâu»*. Câu chuyện *«trời cao»* của con người là chuyện trên đầu của chúng ta nhưng xa ta quá, câu chuyện *«trời sâu»* trong nghệ thuật mới là chuyện đáng chú ý vì là chuyện lạ, những người yêu giọng hát của Thái Hiền, theo tôi nghĩ chắc không phải vì giọng hát của Thái Hiền *«mạnh mẽ»* hoặc *«dễ thương»*, mà chắc là giọng hát Thái Hiền có chiều sâu. «*Đào thật sâu»* cũng bắt đầu từ đây.
Năm 2009, tôi lần tìm tới Quy Nhơn, tìm dấu vết của thi nhân này, tìm tới nơi, đào tới chốn, tới tận giường bịnh, nơi Hàn Mặc Tử trút hơi thở cuối cùng, tôi tìm được tuyệt chất đầu tiên : một câu thơ trên giường bịnh của người : *«Gió trăng có sẵn làm sao ăn ?»*. Tuồng chữ của Hàn thi nhân hiển hiện trước mắt tôi, tôi vừa sững sờ, vừa thấy vui, vui ngay từ trong não bộ, tôi nói với người bạn vừa là văn sĩ, vừa là bác sĩ chăm lo cho các người bị lâm vào bịnh hủi, như thi sĩ của chúng ta : *«Gần một thế kỷ, vậy mà thi ca Việt Nam nói chung cũng chưa vượt được câu này !»*. Người bạn nghi ngờ *: «Tại sao vậy ? Khóa có chắc không ?»*. Để tránh ngộ nhận, tôi trả lời: *«Không vượt được Hàn Mặc Tử chỉ vì lý do:* Gió trăng có sẵn *là nội chất của vũ trụ quan ; còn* làm sao ăn? *Là ham muốn của nhân sinh quan của thi nhân, đưa vũ trụ quan vào miệng của nhân sinh quan, hình như chỉ có Hàn Mặc Tử mới làm được !»*. Cũng

như chuyện : *«Ai mua trăng, tôi bán trăng cho ? »*). Ăn không được thì mang ra bán, phải có trí tuệ thật tự do trong sáng tác mới dám làm chuyện này. Tới Quy Hòa, cảm nhận được cái đau đớn của những người hủi bị xã hội bỏ rơi, ruồng rẫy tới cùng cực, phải vượt lên cái nhầy nhụa của căn bịnh ngặt nghèo nầy mới thấy cái tinh chất của thi từ giờ đã thành tuyệt chất thi ca của Hàn Mặc Tử :

Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rả rời.
Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi .

Cái đạo lý *«thương người như thể thương thân»,* nếu không áp dụng cho những nạn nhân đã sa cơ vào căn bịnh này, tìm cách cứu họ, thì chỉ là một giáo lý suông, nếu không nói là giả, xã hội Việt Nam bây giờ cũng vậy, không hề tiến hơn, không hề đẹp hơn xã hội của Hàn Mặc Tử, nó có chiều còn xấu hơn, vì cái đạo đức giả đang đầy dẫy, lan tràn trong cuộc sống người Việt hiện nay. *«Lạy mẹ Maria, linh hồn tôi ớn lạnh»*, chúng ta chia sẻ được Hàn Mặc Tử, vì chúng ta thấy được cái *ớn lạnh*, con đường nhầy nhụa mà dân tộc đang bị dẫn đi, con đường *giả hóa* giáo lý. Trong chuyện bạn bè của chúng ta, có lần Thái Hiền có hỏi tôi : *« Dân tộc học mà anh nghiên cứu hằng ngày, xã hội học mà anh giảng dạy trong đại học, nhân học mà anh hay viết rồi «ráp» vào chuyện của văn hóa việt nam, với sáng tác trong thi ca quan hệ gì với nhau ? »*. Đây là lúc tôi trả lời câu hỏi này: sáng tác trong nghệ thuật, từ thi ca tới ca khúc, kể luôn cả các dạng sáng tạo nghệ thuật khác, đó là những thời điểm nơi mà người nghệ sĩ sử dụng triệt để cá tính của mình để *«đi ngược chiều» ; «lội ngược dòng», «bay ngược hướng»*. Để làm chi vậy ? để chống lại số kiếp ngặt nghèo, chống lại hoàn cảnh bất công, phản lại cái bất bình đẳng giữa cuộc đời, tạo ra một phản lực mới bằng sáng tạo, Hàn Mặc Tử đã làm trọn vẹn chuyện này, nhạc sĩ Phạm Duy, bố của Thái Hiền, đã làm thành công, và chính Thái Hiền cũng đã làm trong cuộc đời ca sĩ của mình, chỉ tại Thái Hiền không để ý đấy thôi! Hàn Mặc Tử đã sống cái bi kịch của bi kịch với căn bịnh của mình, một căn bịnh mà xã hội dứt khoát đóng cửa không cho các người hủi hội nhập trong các sinh hoạt tập thể bình thường, đó là loại kỳ thị của kỳ thị, loại bỏ của loại bỏ, từ bỏ rơi trong giấu diếm tới bỏ rơi trong đầy ải, đày ải cho biệt tăm, biệt tích, đi để đi luôn, đừng về, đi để chết ở chỗ không ai lui tới trong các trại hủi, phải sống trong môi trường *«bỏ quên không tên»* này mới hiểu tâm cảnh của các người mang căn bịnh này. Muốn hiểu thấu Hàn Mặc Tử không dễ, Thái Hiền à :

Con sông này ta đã đi qua.
Thề suốt đời ta không trở lại.

Thi sĩ vừa trăng trối, vừa dặn dò chúng ta là có những nơi trong cõi đời này còn tệ hơn cõi chết, rơi vào đó thì tuyệt đối đau thương, nhiều khi cái chết còn sống hơn cái sống của những người hủi như Hàn Mặc Tử, hãy đọc lại kỹ hơn hai câu này :

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?

Thái Hiền có lúc trách tôi sao cứ đào sâu các chuyện này! Tôi có vài lý do chính đáng trong lúc suy nghĩ về chuyện này, lý do chính là tâm cảnh của Hàn Mặc Tử yêu cầu các người làm văn nghệ phải cẩn trọng, đừng thi vị hóa một cách thiếu ý thức qua các chuyện tình của thi nhân với các thiếu nữ xung quanh người, mà không ai kiểm chứng được mức độ và cường độ, rồi tự cho phép mình *«sến hóa»* các tác phẩm của thi nhân này. Mọi người được quyền yêu và cũng được quyền không yêu nhạc sến, đây không phải là chuyện xếp hạng cao thấp trong cách thưởng thức các ca khúc mà là chuyện cẩn trọng khi tiếp nhận các tác phẩm của thi ca. Và, những người không yêu nhạc sến có những lý do riêng để bảo vệ tại sao họ không thích thể

loại này : cái sáo ngữ trong ca từ, cái bi thảm hóa dễ dãi trong cách thể hiện, cái *«không bịnh mà rên»*, câu chữ quá đà xa cái thực, làm cho người nghe không chia sẻ được gì với kẻ sáng tác, đã dùng nhạc để cường điệu hóa một cách cẩu thả cuộc đời của Hàn Mặc Tử. Cái thành công lớn của Phạm Duy, khi phổ thơ của Hàn Mặc Tử, là đã nhập nội vào được cái đau, không cường điệu, cũng không sa đà, tránh xa chuyện bi thảm hóa, trung thực với tác phẩm. Rồi, chính giọng hát của Thái Hiền, cũng không thảm thương hóa ca khúc, đây là thành công của Thái Hiền, một thành công thật hiếm hoi trong giới ca sĩ việt nam, không rơi vào kỷ thuật rên rỉ dễ dãi mặc dầu ca khúc đôi lúc có thảm, có sầu, của một câu chuyện đau thương. Tôi nghỉ là Thái Hiền rất hiểu Hàn Mặc Tử :

Anh đứng cách xa hàng thế giới
Lặng nhìn trong mộng miệng em cười
Em cười anh cũng cười theo nữa
Để nhắn hồn em đã tới nơi.

Khi khám phá ra trọng bịnh của mình, Hàn Mặc Tử đã quyết định chọn lựa vào trại Quy Hòa, ông tự nguyện làm chuyện tự mình cô lập mình, để các người thân không bận tâm, khỏi bận lòng với những ngày đen tối sẽ tới, đang chờ ông; nhưng căn bịnh ngặt nghèo này vô cùng tàn ác, nếu muốn đến cõi chết, thì phải qua các ải đày đọa đau đớn từng nội tạng trên thân xác. Tự quản một số kiếp, trước hết là phải cắt các dây nối với xã hội bên ngoài, cái cô đơn can đảm của ông là biết chặt, biết chém đi các dây quấn ràng buột thi nhân với xã hội bên ngoài, nỗi đau này thực cùng cực, không *"sến hóa"* nó được đâu :

Ôi, ta đã mữa ra từng búng huyết
Khi say sưa lượn với sóng triền miên
Khi nhận thấy trong thâm tâm cay nghiệt
Giọng hờn đau trăm vạn nỗi niềm riêng.

Khi tôi đi tìm hiểu về cái chết của những người hủi, tôi thấy họ bị dẫn tới hai loại chết, loại thứ nhất, *"được chết",* sau khi bị đày ải qua đau đớn trên từng phần của thân xác, chết như một trái chín đau thương, được *"rụng chết",* như được giải thoát ra khỏi cái đau đớn khốn kiếp. Loại thứ nhì, là kẻ sắp chết thấy cả một vũ trụ dừng lại, như bất động, cái tuần hoàn bị khựng lại, để cơn đau "tha hồ" lên thật cao, lên không ngừng nghỉ, rồi chết như ngất, ngất và không tỉnh lại nữa, nhưng cũng là giải thoát, giải hóa cái *"kiếp sống côi, chết đơn",* đây cũng là chuyện không thể *"sến hóa"* dễ dãi được:

Lời thơ ngậm cứng không rền rĩ
Mà máu tim anh vọt láng lai
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi.

Muốn *"được chết",* phải nhận đầy đủ, trọn vẹn đau đớn, rên la chỉ một mình mình nghe, cơn đau như hiện trên da, thật rõ như để cho mọi người thấy, để họ tự cho một cái quyền tởm căn bịnh đó. Cơn đau lớn rộng trên da, trên thịt, trên gân cốt, đau từng cơn, nhức từng mùa, có lúc điếng trong yên lặng tuyệt đối, nghẹn ngào đến ngộp thở, vật gụt thi sĩ đến liệm ngất đi. Để giữ được nhân cách, Hàn thi nhân đã chọn cách cái nói về cái đau bằng thuật ngữ riêng lạ của mình: *mê mẩn, khoan khoái;* cái tự do của ngôn ngữ tạo cái cái tự do của tư tưởng trong thi ca của ông làm bằng câu chuyện thật của *máu trào:*

Anh đã ngâm và đã thuộc làu
Cả người rung động bởi thương đau

Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cắn lời thơ để máu trào.

Kẻ hủi, người cùi sống với cái hủy diệt từng ngày của cơ thể, đau nghẹn tới đau điếng, đau sâu đến đau riêng, những kẻ xung quanh khó biết được, đưa cái đau đã vào thơ, biến nó thành một kiến thức mới: *hủi hủy như đám tang của vũ trụ,* cái tang tan tác lan tỏa giữa trời, đây là thiên tài của Hàn Mặc Tử. Công việc của thi sĩ *"đi ngược lại"* với cái ý thức hệ vừa thô thiển, vừa thô bạo, lại còn ra giọng "dạy đời" : *lười như hủi*, lấy cái (vô) lý buột con người phải lao động bằng cách đưa hình ảnh hoàn toàn tật nguyền của căn bịnh *"đau ngang trời"* của ông*;* các kẻ dùng loại ngạn ngữ này họ không biết, không hiểu, không thấu được Hàn Mặc Tử, họ không sao vào được cõi thơ của ông. Ở đây, câu chuyện của chúng ta có thêm ý nghĩa mới: khoa học nhân văn và xã hội phân tích gì trong câu chuyện kẻ hủi, người cùi trên những đoạn đường đi tìm thi nhân này. Cái đầu tiên phải phân tích là tính bạo động của một loại giáo dục xã hội xỉ vả kẻ lười biếng bằng cách nhục mạ những nạn nhân hủi. Cái tàn phá kinh khủng nhất trên thân thể của nạn nhân này là họ dần dà mất đi những ngón tay, không sao lao động tay chân được, không sao tự kiếm sống được. Một thế giới không có ngón tay, ngón chân của những kẻ hủi lại còn phải làm nạn nhân một lần nữa cho tục ngữ, ngạn ngữ, ca dao, dân ca…cái bất công này là bất công của bất công, không chấp nhận được, và nếu chúng ta thực sự là trí thức và nghệ sĩ thì không thể chịu đựng được loại bất công này. Thái Hiền lại sẽ trách tôi như mọi lần: *"sao khó tính vậy!", "sao khó chịu vậy!"*, đây hoàn toàn không phải là chuyện *khó tính, khó chịu,* mà là chuyện bao dung để xây dựng nhân tính, khoan dung để bồi đắp nhân cách, rộng lượng để chế tác ra nhân phẩm, cần có ba cái nhân này mới làm nghệ thuật được Thái Hiền à. Đó cũng là câu chuyện thửa xưa của Thúy Kiều khẩn cầu hồn ma của Đạm Tiên ra để kết nghĩa: *"Chớ nề u hiển, mới là chị em",* u là bóng tối của cõi ma, hiển là cõi sáng của sự sống, nhưng bóng tối và ánh sáng không hề rời nhau trong biện chứng của cuộc đời, chính cái tối làm cho cái sáng: sáng hơn! Thái Hiền à. Trong lúc các người xung quanh trách Thúy Kiều: *"Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa",* thì Thúy Kiều rất vui với chuyện gặp được Đạm Tiên: *"Khéo hay tình lại gặp tình".* Chuyện chính là chúng ta đừng vô điều kiện với các loại giáo dục xã hội nhẫn tâm với những kẻ mang nan bịnh, vì loại giáo dục này mù quáng trước các khổ hạnh của nhân sinh, chúng ta hãy đi tìm cái "tuyệt chất" của Hàn Mặc Tử, khi thi sĩ nói được cái cô đơn tuyệt đối vô danh của kẻ hủi, giúp chúng ta tự giáo dưỡng được cái nhân tâm của chúng ta:

Chao ôi ghê quá trong tư tưởng
Một vũng cô liêu cũ vạn đời.

Cái đau hủi câm điếng, cái đau thay mặt cái chết đến trước để gặm nhấm dần mòn thân thể, một cuộc sống không có đau nhức sẽ không bao giờ trở lại nữa, Hàn Mặc Tử muốn báo động cho chúng ta cái đau câm điếng này đi kèm với cái vắng mặt của mọi người thân, của xã hội không nhận chăm lo, mà chỉ biết ruồng rẫy họ. Thơ của ông cương quyết đối kháng chống lại cái im tiếng vùi kẻ mang bịnh này xuống giếng cô đơn không đáy, loại thơ này hoàn toàn xa lạ với những ca khúc tình cảm dễ dãi xung quanh cuộc đời của ông, thơ của Hàn Mặc Tử không than vãn, tự nó biết đứng lên, một mình đứng lên, ngang tầm với vủ trụ, với trăng sao xung quanh ông:

Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên
Tôi dìm hồn xuống một vũng trăng êm
Cho trăng ngập, trăng dồn lên tới ngực.

Mặc dầu xung quanh Hàn Mặc Tử, nhân sinh đã là sa mạc:

Chửa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn anh theo dõi bóng em đi
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió
Lưu luyến bên em chẳng nói gì.

Người mang bịnh hủi thấy được cái chết đến rõ trên da thịt họ, cái chết gần sát mắt, cái biến cố chết này không ồn ào, nhưng nó làm kẻ bịnh chết lịm đi khi nhìn nó, Hàn Mặc Tử không sửng sốt, ông nhận ra nó, nhìn thật kỹ nó đang biến thân thể ông thành hang động của nó:

Một nữa hồn tôi đã chết
Còn nữa hồn kia bỗng dại khờ.

Ý thức cái chết đến sau cái đau, trước khi cái chết đến kẻ bịnh đã biết thực chất của cô đơn, đã biết bản ngã của kẻ của những kẻ bị *"bỏ giữa trời sâu"*. Kẻ mang bịnh kinh hoàng khi thấy thân thể của mình như bị nuốt sống, mang theo cái ô nhiễm, khi lờn phớt trên làn da, khi ăn sâu vào thịt xương, biến hình hài thành một dòng nước đục, một loại giếng ngầu đen vĩnh viễn thuộc đáy cặn, không sao trong sạch lại được nữa. Thân bọt, xác lầy, ải ngụp lặn điếng đau phải qua trước khi gặp hư vô trong cõi chết; giếng thân lầy lội này ngăn chặn các hơi thở bình thường, người bịnh như không ngoi lên được mặt bằng của cuộc sống, để nhìn đồng loại. Gào thét cho nguôi giận chỉ làm cho cái đau khẳng định sự hiện diện của nó trên thân xác, thấy rõ trên mỗi viết thương cái điêu tàn của kiếp bèo tan:

Anh điên anh nói như người dại
Van lạy không gian xóa những ngày.

Từ chuyện ca khúc của chúng ta tới chuyện nan bịnh của Hàn Mặc Tử, tôi muốn chia sẻ với Thái Hiền một chuyện là những hình ảnh đẹp tuyệt vời, đẹp như tranh vẽ, lành như ước mơ, trong bài *Đây thôn vĩ dạ* sẽ không bao giờ trở lại thơ của ông, khi cái hủi chiếm lĩnh cái cái thân và hủy diệt ông từng ngày. Hủi nuốt thân, biến thân thành một loại nhà kho hoang phế, thịt xương rỉ sét, thân bùn, kiếp người đã mục nát, nó trùm phủ, nghiến lấp mọi ý nguyện quyết sống của người bịnh. Nếu thi sỉ muốn thoát khỏi loại nhà tù lấp ngộp thân này, thì phải biết xây được một thành lũy hoàn toàn mới cho thơ, với giá trị mới, với thi từ mới, làm vũ trụ tươi mới ra chống lại cái nhờm tởm của hủi đang chà diệt thân ông:

Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng
Để hồn đở bớt nỗi bi thương.

Chế tác ra *hồn* rồi cụ thể hóa được nó qua thơ, cho nó tự do luân lưu, thoát cái đau, cái chết cứ luồng nhập trong thân, đó là tầm vóc tư tưởng thi ca của Hàn Mặc Tử. Nhưng phạm trù *hồn* (*linh hồn, tâm hồn*) những năm qua bị thần kinh học, gọi rõ ra là khoa học bộ óc, tấn công liên tục, bị buộc tội là phạm trù của siêu hình học, phản khoa học. Khoa học vủ bảo này, mỗi tháng một khám phám mới, mỗi tuần một phát minh mới, lấn vào khoa học nhân văn và xã hội, áp đảo các nhành như tâm lý học, kinh tế học…một số chuyên gia thuộc phái chủ thuyết vật chất học não bộ trong thần kinh học khẳng định thẳng thừng là mọi chuyện đều do cái duy lý của bộ óc. Rồi gần đây, chính họ lại phải nhận hậu quả *retour de baton (gậy ông đập lưng ông),* khi họ tìm ra được là trong nảo bộ con người có một khu vực của não bộ chăm lo về *đạo lý (éthique),* có khu vực bên cạnh chăm lo về *mỹ thuật (esthétique).* Giờ đây trong *khoa học thần kinh (neucroscience)* của họ, đã suất hiện hai chuyên ngành mới: *khoa học thần kinh đạo lý (neucroéthique)* và *khoa học thần kinh mỹ thuật (neucroesthétique).* Như vậy câu chuyện chế tác ra hồn của Hàn Mặc Tử, vẫn giữ được giá trị nguyên vẹn của nó, vì nó là nơi thống hợp được đạo lý và mỹ học. Thái Hiền lại trách tôi nửa, *"Sao dắt người ta đi xa vậy?"* từ

chuyện ca khúc trong âm nhạc, qua chuyện thi ca, từ thi ca qua tới nan bịnh của thi nhân, từ khoa học xã hội và nhân văn giờ đã tới thần kinh học. Không phải đi xa đâu, mà phải nghe lời sư phụ Nguyễn Du, vì học thuật gần giống như chuyện gầy dựng với nhau khi muốn thành vợ chồng: *"Phải dò cho tới tận nguồn lạch sông".* Trở lại câu chuyện bịnh của Hàn Mặc Tử, bịnh hủi không đeo mặt nạ, không cần lẩn trốn, nó biến thân người bịnh thành nhà của nó, nó còn dạy cho người bịnh thế nào là thất vọng, dẫn dắt họ tới tuyệt vọng, đẩy họ vào vô vọng, mọi dũng cảm đều là ảo vọng. Thân xác bỗng chốc trở nên nặng trĩu, người bịnh thấy rõ số kiếp của mình, như thấy cái ô nhiễm vào từng tế bào, họ nên tiết kiệm sinh lực bằng cách nằm yên, luôn có phản xạ bất động như có bổn phận với thân thể đã bị đục khoét điêu tàn. Vậy mà thi sĩ của chúng ta đã có đủ nội lực để tách được cái đau khôn xiết ra khỏi vủ trụ thơ của ông, vũ trụ quan thi ca của Hàn Mặc Tử có tầm vóc thông minh của nhân tính, tìm mọi cách để thắng cái tồi tợm của hủi. Một bên là thân đã đứt gân, cái đau đang đẩy máu trào, làm tình làm tội người bịnh; còn một bên là thi ca mà nội công tâm linh mở của đón cái đẹp của vũ trụ:

Ta còn trìu mến biết bao người
Vẻ đẹp xa hoa của một trời
Đây lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng
Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi.

Hủi bóp chết mọi dự án sống, sống trong cái *«sans rien à faire» (không làm được gì hết)*, thân xác cứ chờ đó: chờ chết, vì bịnh đang tạo những hỗn loạn trong từng gan tất trên thể chất, gây hỗn loạn như để tự báo tin chiến thắng của nó, nó biến thể phách thành ảo lực, tinh anh thành vô vị. Nhưng giá trị thi ca của Hàn Mặc Tử nằm trong cái thông minh của con người biết nắm bắt cuộc sống ngay trên lãnh thổ đau đớn của hủi, bằng cách tạo ra *hồn*, biết vượt xác đã tàn, tìm cõi sống bằng ánh sáng của vũ trụ mà thi sĩ tha hồ ngậm, nhai, nuốt :

Hồn là ai ? Là ai ? Tôi chẳng biết
Hồn theo tôi như muốn cợt tôi chơi
Môi đầy hương tôi không ứa ngậm cười
Hồn vội mớn cho tôi bao ánh sáng.

Quyền lực của hủi là bạo lực của nhẫn tâm, người bịnh không bao giờ được yên, mang cái đau song phương, cái đau đầu tiên đàn áp hủy hoại thân thể, cái đau thứ hai là cái bất lực, cái nhục nhã của vô tác, không thể có một hành động nào được gọi là bình thường, không làm sao thoát được chính cái thân của mình, kẻ mang bịnh này có một ý thức mới là họ hoàn toàn bất lực với cái đau của một ma lực đang gỡ ra từng phần thân thể họ… cho tới chết. Đây là *cái không chịu đựng được* (*l'insupportabilité)* cho tâm trí, nó báo động cho não bộ biết là cái chết sẽ tới, không biết lúc nào, nhưng người bịnh phải đớn đau cho tới tận mạng :

Trời hỡi bao giờ tôi chết đi ?
Bao giờ tôi mới được yêu vì ?
Hủi giếp thân, diệt luôn tình :
Máu đã khô rồi thơ cũng khô
Tình ta chết yểu tự bao giờ.

Hồn thức ý

Thái Hiền còn nhớ René Char không: *« De quoi souffres-tu ? De l'irréel intact dans le réel dévasté », Bạn ơi, bạn đau gì ? Đau cái ảo còn nguyên vẹn giữa cái thực đã tan rửa.* Lạ chứ! Câu này hợp với bi cảnh trong vũ trụ thi ca của Hàn Mặc Tử vậy, vì ông là người đã biến hồn thành thực thể của ý thức, *hồn thức để đánh thức ý thức*, đây là câu chuyện mới của hai chúng ta. Cái *hồn thức ý* của thi sĩ chống lại cái ý thức tập thể khi nó gạt cái kẻ hủi ra khỏi *cuộc sống (vie)*, đã cướp đi *cái sống (le vivre)*-cái sinh động, cái di động, cái hành động- của họ, muốn được nắm chất sống, nó là cái lõi của ý thức của mỗi chúng ta để giữ thân, phòng thân, thủ thân,lập thân…trước cái đau hủi đại diện cho cái chết, sẽ đến để cướp đi cái sống này. Hàn

Mặc Tử đã dùng các tinh thể đã có trong vũ trụ (trăng, gió, mây, sao…) để đặt một ý thức mới vào vũ trụ lớn đó cho thi sĩ trước; rồi hiến tặng cho chúng ta các tuyệt chất này. Ở đây cảm xúc phải tức khắc, một ý lực mới đủ sức giải luận các nặng lực của ý thức qua kinh nghiệm của thơ. William James, trong *Principes de psychologie (Các nguyên tắc tâm lý học),* nói ngắn gọn là nhiệm vụ của ngành này là mô tả và giải thích các tiến trình của ý thức, thơ của Hàn thi nhân đã kham nổi vai trò này, nơi mà mỗi câu thơ là một sự nhận diện có chính niệm, có quán chiếu -nếu nói theo quan điểm của phật học- những giai đoạn phức tạp trong quá trình xây dựng ý thức, qua những chặn đường oan nghiệt của thể phách đang bị cái đau nhiễm bạo dắt bịnh nhân hủi đến cái chết nhầy loạn, ở đây ý thức về *cái sống* trở nên vô cùng sắc nhọn :

Ôi hồn thiêng liêng không hề chết đặng
Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên
Ngày tận thế là ngày tán loạn
Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.

Muốn nhận diện được cái sống khi nó đối diện với cái đau, như tên đao phủ thích tra tấn thân thể người bịnh trước khi cướp mạng của họ, nó là loại đồ tể vô điều kiện của thần chết hủi; ở đây thi sỉ phải biết tạo ra, một vùng tâm cảm mới, để có một tư tưởng tinh khiết mới, làm chỗ dựa cho việc bồi dưng ý thức, nơi mà nhân cách sống từ chối không để nan bịnh tha hóa. James tin là có môt *cái tôi hoàn toàn cá nhân (Moi personnels),* tạo ra trạng thái sáng suốt nhất của ý thức, luôn gắn bó với cái sống, rồi tác chế ra *cái tôi chủ động* (*Moi dynamique)* để giữ vững chủ thể ý thức, liên tục có mặt trong tư duy, không bị nứt, không bị rạn, không bị rữa, không bị nát, James đưa ra hình ảnh một con chim vừa biết vượt giông tố, còn biết luôn cách tránh vực sâu, lách núi nhọn. Hàn Mặc Tử sống trọn vẹn khi để hồn mình bay vào *sông máu,* cái ý thức của thi sĩ là cái ý thức mang nội chất một *ý thức vủ trụ quan mới (la nouvelle conscience célèste)* :

Ta muốn níu hồn ai đương hiển hiện
Trong lòng và đang tắm máu sông ta
Ta muốn vọt ai ngoài sóng diện
Để nhìn xem sắc mặt với làn da.

James lại thêm là trạng thái ý thức mới này cũng rất bất an, nằm ngoài tất cả các thăng bằng bình thường, lại biết chọn cái này, gạt cái kia, khi thấy mọi vật đang hiển hiện trước mắt, chuyện tuyển lựa này chính là một *nghệ thuật sống* để nuôi *cái sống,* Hàn Mặc Tử đã nằm trong luồng ý thức loại này để tinh chế ra hai loại tư duy dựa trên hai câu hỏi sắc nhọn. Thứ nhất : *«ta muốn gì ?»,* thứ hai : *«ta muốn trở thành loại người nào?»,* khi đặt ra câu hỏi dựa trên động từ *trở thành,* thì động từ này đã là hành động, đã là quyền năng làm bật thi sĩ dậy, thúc ông ra khỏi căn bịnh đang làm băng hoại thể chất ông, ông muốn vào ngay vũ trụ mới, sẽ là vũ trụ của ông, ra ngoài cái quỹ đạo của thần chết đang đục mòn thân xác ông :

Hồn hởi hồn lên nữa quá thinh gian
Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.

Giờ đây, ý thức muốn sống còn của ông tùy thuộc vào *ý lực* của *cái sống* của ông, ngợp *ý nguyện,* ngập quyết đoán, kịch liệt không để cái hủi tàn phá *ý thơ.* Hàn Mặc Tử để lại trong thi ca việt nam một dấu ấn sâu đậm : *ý lực thơ như dũng lực của ý thức,* bằng cách tư hữu hóa vũ trụ, càng bao la càng hay, lấy vũ trụ này để giữ cho bằng được nhân cách trước *họa hủi* đe dọa *cái sống*:

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Ai hãy làm thinh cho nói nhiều…
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dầu là tiếng vỡ của sao băng.

Trong tác phẩm *Phản xạ tâm lý* (*Automatisme psychologique),* ra đời năm 1889, Pierre Janet đã nhận ra được là có những *tác hành tiềm thức* (*actes subconscients),* làm lệch các quy luật của mọi thể chất đã có chỗ đứng trong thực tế, tác hành này chúng đi lại trên ranh giới giữa ý

thức và mộng tưởng. Hàn Mặc Tử cũng đã sống khi ông cầm giữ cho bằng được hồn của mình, lúc bọn ma hủi lại lấy thân xác của ông:

Ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo
Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh…
Cho yêu ma muôn năm vùng tỉnh dậy
Nào không gian cho lửa lòng bùng cháy.

Khi tôi timh hiểu về những cơn đau hủi, mà những kẻ vô tri gọi là những *"cơn điên vì đau",* chúng ta phải bình tâm, lắp ráp những luận thuyết rất khác nhau giữa tâm lý học, phân tâm học, tâm thần học, mà không được quên thần kinh học, để thấy rõ trường hợp của thi sĩ, chúng ta phải gạt ra các nhận định vô minh vội vã, các phân tích vô giác sống sượng. Các hành động của tiềm thức, theo Freud, là cơ hội để hiểu vai trò của vô thức, được định nghĩa bởi Breuer như là một cốt lỏi của các vấn đề tâm lý; và giữa ý thức và vô thức, thì ý thức được xem như là nội



chất chính của cảm nhận. Cả Freud và Breuer, đều công nhận là có một quá trình tâm thần rất mạnh liệt mà ý thức không nắm và không giải quyết được, nếu ý thức là cái biết của biết, thì có những tư tưởng tồn tại ngoài ý thức, mà người ta cho phép được đặt tên nó là vô thức. Cơn điên như vậy là tiến trình bất bình thường của ý thức, trong đó ta có thể nhận ra các diễn bày của tâm bịnh được điều khiển bởi vô thức. Để tránh việc cho vô thức một vai trò quá cao, quá rộng, trong khi chúng ta không biết cái gì có và không có trong vô thức, thì Wittgenstein đề nghị hãy xem ý thức là hiện tượng tự nhiên của cuộc sống, nó không nằm trong thế giới của tâm bịnh. John Watson, dùng tri thức của khoa học thần kinh, để nhận diện các tiến trình của tâm lý như là một hệ thống có thứ tự giúp mỗi cá nhân hành động, nơi mà mọi hành động đều có hiểu biết rỏ về tính nhân quả của nó. Riêng Pooper xếp ý thức vào loại nội tạng thượng tầng, không những biết hành động, mà còn biết tự kiểm soát, biết loại bỏ các sai lầm có thể xẩy ra. Tại sao chúng ta phải trở lại lịch sử của các luận thuyết tâm thần học này? Chỉ để hiểu thêm về Hàn Mặc Tử. Cái ý thức sắc nhọn về căn bịnh của ông, giúp ông nhận diện rất ý thức về cái vô thường rất bi đát của thể phách trước cái đau như muốn thiêu diệt nhân cách. Đau hủi, bắt người bịnh phải nhận thức – có ý thức tuyệt đối- về tâm thức của mình đang bị cái chết vắt, vò bóp qua cái đau -thân càng đau, ý thức càng cao-Thái Hiền à :

Ôi ngông cuồng! Ôi rồ dại, rồ dại!
Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta
Ôi ngông cuồng! Ôi rồ dại, rồ dại!
Ta cắm thuyền chính giữa vũng hồn ta.

Sự xuất hiện của hiện tượng luận dưới phân tích của Husserl đã nhấn mạnh khả năng của con người khi tổng kết không gian và thời gian trong thế giới của họ qua kinh nghiêm sống với vũ trụ, việc này không hề có gốc rễ gì thuộc về tâm lý. Cảm nhận vũ trụ cũng như cảm nhận cuộc sống là quá trình gặt hái và dung hòa các kinh nghiệm được kết nối giữa chủ quan cực đoan khi bám sát cảm nhận, và khách quan cũng cực đoan đeo sát cái duy lý, như vậy mỗi chủ thể phải giữ vai trò thâu lượm và dung hòa giữa hai cực đoan này trong cuộc sống. Taine nói rõ là trong cuộc sống của mỗi người thì chủ quan và khách quan quấn quyện vào nhau, cho nên trong cùng một biến cố, mỗi chủ thể luôn sống với hai diện đối nghịch của một vấn đề. Hàn Mặc Tử không tự cô lập mình mỗi lần đối diện với vũ trụ, chính cái cảm nhận sâu xa về vũ trụ nên thơ của ông đã mang hai tuyệt chất mới: *thanh khí (souffle pur)*, và *tinh anh (l'intelligence vive),* như hai dấu ấn của ý thức phận làm người trước vũ trụ, thi ca của ông có cái sáng suốt riêng, hoàn toàn xa lạ với loại phê bình cẩu thả bảo ông là *"điên vì đau";* ông biết thoát thân để tìm *thanh khí,* thoát cái xã hội tù túng để tiếp nhận *tinh anh* :

Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt…
Anh đã gặp hồn em đang chới với…
Chúng ta biến, em ơi thành thanh khí
Cho tan ra hòa hợp với tinh anh.

Ý định của Hàn Mặc Tử khi đi tìm thanh khí, là để tạo ra cái đồng cảm với vũ trụ, như chính ông đang thăng hoa trên con đường đi tìm một ý thức mới, không chỉ để tạo nhân sinh quan cho riêng ông, mà ông đã tặng luôn cho chúng ta cả một vũ trụ quan mới. Trong các trào lưu nổi bật của khoa học thần kinh, có công trình của Henry Ey đã phân tích được là một con người có ý thức là con người chủ động được thời gian tính bằng ý thức của chính mình. Cũng trên diện của thời gian tính này, Penrose[8] tin rằng có một nguyên tắc ý thức, giúp chủ thể ý thức làm được chuyện đi ngược dòng thời gian. Trong thi ca của Hàn Mặc Tử, người đọc thấy rõ từng giai đoạn hành trình của *hồn* ông, chính là hành trình của ý thức, vượt cái đau của bịnh để tới cái rộng, cái cao, cái sâu của thời gian tính ẩn hiện trong vũ trụ trước mặt; ông có một ý thức đôi, một nằm trong cơn đau không rời thân xác, một nằm ngoài căn bịnh và đủ dũng lực bay vào vũ trụ làm mới thế giới quan của thi nhân:

[8] *The Emperor's New Mind*, Oxford, Oxford University Press, 1999.

Há miệng cho hồn văng lên muôn trượng
Chơi vơi trong khi hậu chín tầng mây…
Nên hồn bay vùng vụt tới trăng sao…
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu? ...
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu…
Thôi hồn ơi, phiêu lạc đến bao giờ! ...
Hồn đi rồi không nhập xác thê lương.

Churchland đề nghị một diễn luận khác về kinh nghiệm của ý thức trong thứ tự của thời gian tính, trong đó có sự hỗn loạn về không gian và thời gian, mà ý thức phải tổ chức lại theo *một chuỗi các sự cố* lớn trong cuộc sống; và ý thức tổ chức này được quyết định theo chủ quan của mỗi cá nhân, chủ quan này có sáng tạo riêng của nó, nó giúp ý thức được chủ động để mỗi cá nhân tái tạo được cái chuyện mình mong cầu. Trong thi ca của Hàn Mặc Tử luôn có hai loại kinh nghiệm của ý thức, ý thức thứ nhất là các cơn đau của căn bịnh quá ngặt nghèo, làm thân oằn, máu sôi sụt; ý thức thứ hai vô cùng sáng suốt nhập nội vào vũ trụ để luân chuyển, để biến hóa với trăng, sao, mây, nước, trong đó trời đất là thân thể thứ hai của ông:

Máu cho cuồng rung giận đến miên man
Hồn hởi hồn, lên nửa, quá thinh không.

Hécaen đưa ra hình ảnh sơ đồ của thân xác để giải thích cái tôi trong mỗi chúng ta là kết quả của quá trình tự xây dựng một hệ thống giá trị có từ kinh nghiệm trực tiếp với cuộc sống; và một chủ thể có ý thức là chủ thể có một mô hình cá nhân trong thế giới mà mình đang sống với kinh nghiệm cốt lõi của mình, chủ yếu nhất là ý thức về thân xác của mình. Ông táo bạo đưa ra hình ảnh của thân xác như lối vào ra của các ma lực, Hàn Mặc Tử đã sống trục diện với cái ra vào các ma lực này, một cõi không dạng, mà ông gọi là *cõi siêu hình*, có *cù lao* lạc lõng giữa *xứ mênh mang*, kích động *trí vô cùng* của ông, đang tìm ra nẻo vào giữa thân xác điêu tàn và vủ trụ trên cao, tìm ra cho bằng được câu trả lời của câu hỏi *tôi là ai?*

Mới hay cõi siêu hình cao tột bực
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao…
Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang…
Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên…
Ta là ta hay không phải là ta?…

Các nghiên cứu về ý thức cũng đặt một vấn đề khác: *ý thức của kẻ khác «la conscience des autres»* có thể tạo ra sự hỗn loạn tâm lý của ta, trong công trình nghiên cứu của Utah Firth, Léo Kenner và Hans Asperger về autisme (….) Như quá trình thu ngắn các quan hệ với thế giới bên ngoài, bắt đầu bằng cách gạt ra các quan hệ gần gũi nhất và cuối cùng là rút lui về thế giới riêng của mình, tự cô lập hóa mình trong một thế giới mà không ai vào được đi cùng với các cảm nhận là sẽ không có gì thay đổi nữa ở thế giới bên ngoài, nhưng chinh những kẻ autiste có một thiên năng ngoại hạng về ký ức và số học. Trong hoàn cảnh của kẻ bị hủi, thì quá trình xã hội hóa của họ đã bị gạt đi bởi các tập thể không bịnh, chận các lối ra vào của xã hội, kể cả lời của họ cùng không nên thành tiếng trong xã hội, họ bị biệt lập với các phương tiện truyền thông. Nhưng qua thi ca, Hàn Mặc Tử đã lập được cấu trúc của xã hội hóa qua đường vũ trụ *«socialisation céleste»*, truyền thông qua môi giới của vũ trụ quan *«communication cosmique»*, để giữ cho bằng được ý thức của ông, cái ý thức sáng suốt xếp đặt lại cái tinh khôi của vũ trụ ở trên, trùm phủ vạn vật, thông suốt -và thông minh- hơn căn bịnh hủi làm nhân cách mất đi :

Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng
Tấp tới đến ở ngoài kia vủ trụ…
Sáng vô cùng sáng láng cả mọi miền
Không u ám như cõi lòng ma quỷ… ».

Các công trình về *cái thức (l'éveil)* của Llinas, Stériade et Paré[9], đóng vai trò rường cột cho các nhận định về ý thức, tiếp nhận các cảm xúc, quản lý các quan hệ giữa ký ức và thế giới bên ngoài.Thế giới của Hàn Mặc Tử, thi nhân một thân một mình, lại bị chia phân sẻ đôi, một bên là căn bịnh kéo kẻ hủi xuống đất chết, một bên là vũ trụ hiển hiện giữa trung tâm cái thức của ông đua ông đi lên. Một cái thức trong cô đơn, một cái thức vắng bóng cái từ bi của xã hội bên ngoài đang cô lập cho bằng được tất cả người hủi. Ở đây hiện ra một thử thách mới cho ý thức của ông, thi ca có *«kham»* được không cái vô biên, vô định của vũ trụ không? Ông lần tìm cái liên quan giữa con người bị đồng loại mình ruồng bỏ và cái cảm quan của nhân tính đang được vủ trụ mở của đón chào, tiếp nhận, và đối thoại, vủ trụ quan của ông hoàn toàn mới so với các kẻ đương thời với ông : *Hồn hởi hồn, bay ra ngoài kia mức*.Chính cái ý thức này là tuyệt chất của thơ ông, từ thi từ tới diễn đạt, nơi mà thơ có sức nội kết, gầy dựng được một thực thể ngoại cảnh thiên nhiên bên ngoài mạnh hơn cái đau hủi đang tàn diệt ông bên thân thân xác ông. Cái thực thể ngoại cảnh thiên nhiên giờ đã thành cái thực thể nội tâm, có *nội thức* tạo ra *nội lực* giúp *cái sống* đối đầu với cái chết đang tới. Nội tâm, nội thức, nội lực, làm ra một thể loại thi ca nơi mà thực thể ngoại cảnh càng rộng, càng cao, thì ý thức nội cảm càng sắc, càng nhọn: *« Trăng, trăng, tăng, này trăng, trăng, trăng, trăng).* Các công trình não bộ học của Changeux[10] cho thấy có một sự tổ chức lại rất triệt để của *cái thức*, tổ chức lại cái thực thể ngoại cảnh và đời sống nội tâm của chủ thể, dùng sáng tạo để gầy dựng *cái ngã* ; cái thức và cái ngã sẻ song hành để bảo vệ cái sống. Có lần Hàn Mặc Tử đã viết : *«Tôi đã sống cuồng nhiệt, sống với tim, với phổi, với máu, với nước mắt, với hồn, tôi khai triển tất cả các cảm giác của tình yêu? Tôi đã vui, đã buồn, tôi biết hận, giận, có khi muốn cắt đi sợi dây của sự sống»*. Edelman[11]làm rõ được vai trò so sánh của ý thức, phân tích rằng chúng ta có hai loại tổ chức cho ý thức: loại thứ nhất dùng khả năng của ký ức để xây dựng cái ngã, dựa trên sự xếp đặt các giá trị do ngoại cảnh mang tới cho ta; loại thứ hai sử dụng các giao hợp của các cảm nhận của thế giới bên ngoài, không thuộc cái ngã, để gây dựng ý thức sơ đẳng. Cả hai tổ chức ý thức này làm nên cái ngã -*cái bản năng chủ động*- của cá nhân khi tiếp nhận và làm chủ một ngôn ngữ. James không đồng ý về cách phân tích ý thức qua hai hệ thống như Edelman phân tích, mà cho rằng ý thức là sự chủ động của một loại luồn -luồn nước-mà Hàn Mặc Tử tin rằng nó tới từ một nguồn-trong trẻo, tinh khiết: *Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo.* Cái *Nguồn trong trẻo* có cội rễ trong cái tinh khiết tâm linh, ngày 24.10.1940, trước khi lâm chung ngày 11.11.1940, ông có viết về cái nguồn thơ này, ông viết bằng tiếng pháp, tựa bài là : *La Pureté de l'Âme (cái tinh khiết của hồn) : « ... La poésie semble apte à esquisser le portrait en ruine du destin humain… La poésie n'est pas une allégorie sincère. Le poète a fait perdre son innocence…Tout est cassé, aliéné à l'intérieur de tout projet humain » (... Thơ vẻ nên chân dung hư hoại của kiếp người… Thơ không còn là lời hồn nhiên ca tụng. Thi si đã đánh mất sự ngây thơ…Tất cả gẩy đổ, băng hoại ngay trong dự phóng làm người).* Hãy đọc những dòng này của một thanh niên biết mình phải chết yểu, phải làm tổng kết cho cái tổng thể thi ca đau thương của mình, có đau đớn của bịnh tật, có cô đơn trong cảnh đời bị biệt lập. Ở đây, ý thức trước hết là một sức mạnh, theo nhận định của Fodor: *một không gian thao tác tổng quát (un espace de travail global, global workspace),* và Baars đã đồng ý với nhận định này trong *Lý thuyết tri thức của ý thức* (*Cognitive Theory of Consciousnesse),* dựa trên nguyên tắc của Kant, đặt vai trò tác hành của ý thức như khả năng chế tác ra cái không gian thao tác tổng quát. Baars phân tích rằng chúng ta bị tác động bởi rất nhiều dử kiện ngoại cảnh ở mỗi thời khoảng trong cuộc sống, có cả những sự cố mà chúng ta hoàn toàn xa lạ, không biết chúng, nhưng ý thức của chúng ta có kỷ năng tổ chức lại, sắp xếp

[9] Llinas.R, Stériade.M, Bursting of thalamic neurons and states of vigilance, *J.Neurophysiol*, 2006, 95, p.3297-3308.
Llinas.R, Paré.D, «Conscious and preconscious proesseses seen from the stanpoint of sleep-warking cycle neurophysiology », *Neuropsychologia*, 1995, vol.33, n°9, p.1155-1168.

[10] *L'homme neuronal*, Paris, Fayard, 1983 ; et *L'homme de vérité*, Paris, Odile Jacob, 2002.

[11] The *Remembered Present. A Biological Theory of Consciousnesse*, New York, Basic Books, 1990. Et, *Plus vaste que le ciel. Une nouvelle théorie générale du cerveau*, Paris, Odile Jacob, 2004.

lại những dử kiện trong một không gian thao tác tổng quát, loại ra những phản xạ vô ích, những hành vi vô bổ; và trong không gian thao tác này, các dữ kiện không những được soi xét, đánh giá, mà còn được kích thích để thi đua, cạnh tranh với nhau để hoàn chỉnh hóa không gian thao tác tổng quát này. Trong thế giới của Hàn Mặc Tử có không gian thao tác tổng quát rộng, cao của cả một vũ trụ (thiên nhiên, mùa màng, trăng, sao, mấy, gió) được ý thức sâu sắc, cái mới của ông là sự tự giải thoát ra cái thực tế của căn bịnh ngặt nghèo, bay cao -*bay sâu*- vào vũ trụ để thoát cái thân bị mọc tràn thương tích, cũng như cái xã hội của ông đang tràn lan những kẻ gai :

Thơ tôi bay suốt một đời không thấu
Hồn tôi bay đến bao gio mới đậu.

Trăng tâm giao

Thái Hiền ơi, muốn vào được vũ trụ lơ lửng giữa trời và đất, thì phải có ý lực đi vào không gian tâm giao giữa thi sĩ và trăng, giờ đã là bạn tri ân với Hàn Mặc Tử, có hai thi sĩ lớn giúp ta vào được chốn này. Louise Bourgeois : *«Je ne suis à la recherche ni d'une image, ni d'une idée ; je veux créer une émotion, celle du désir, du don, de la destruction », Tôi không đi tìm một hình ảnh, cũng chẳng đi tìm một ý, tôi chỉ muốn đi tìm một cảm xúc, một ham muốn, từ cái đã đổ nát*, và Charles Beaudelaire : *« Redonner plus de réalité au rêve »*, (*Hãy đưa thêm cái thực vào giấc mơ*). Trong thế giới của Hàn Mặc Tử, lại có thêm hai chuyện thật lạ khác, chuyện thứ nhất : cái lạ nhẫn tâm của đau thương, cái vũ trụ sôi sụt thân thể ông, luôn ở một độ nóng rất cao, chỉ vì thể phách của ông phải luôn chịu cảnh *«dầu sôi lửa bỏng»*, những ngọn lửa ngày đêm âm ỉ thiêu rụi da, thịt, xương của ông. Chuyện thứ hai là dũng lực tâm giao với vũ trụ, nhất là với trăng, trăng giờ đã là bạn, giúp ông xa được cái địa ngục của dầu sôi, của lửa thiêu, xa luôn cái ruồng rẫy của xã hội đương thời, tao ra cô đơn truy diệt tâm linh của ông, ông quyết đi tìm một tình yêu rộng hơn, cao hơn, sâu hơn, mà thước đo bây giờ là vũ trụ, từ đó tạo ra một vũ trụ quan tình yêu và ham muốn, mà đối tượng là không trung. Ở đây nhân dạng lùi dần xa, (*ở đây sương khói mờ nhân ảnh*) ; để vủ trụ cho hiện lên cái bao la của nó, mà chung quanh ông chỉ là trăng, (*trăng, trăng, trăng, này trăng, trăng, trăng*). Thái Hiền ơi, đây không còn là chuyện mơ tưởng, mà là chuyện sống còn, vừa sống thăng lưng, vừa sống bao la, ý thơ là ý lực, sáng tạo thi ca là sáng tạo ra chính sinh lực của mình, một *cái muốn trao thân mảnh liệt* (*vouloir charnel)*, ý lực muốn sống kiếp đôi, vừa sống trọn vẹn với vũ trụ, vừa sống da diết với thương yêu, ham muốn sống, nhưng sống để dùng vủ trụ quan mà *«giáo dưỡng»* cho nhân sinh quan. Trong vũ trụ quan thi ca của Hàn Mặc Tử, có ánh sáng là chất sống của vũ trụ, có những con sông như nhưng mạch máu, luân chuyển với hoa có mang sắc, mang hương ngay trong bản thể tự nhiên của đất trời :

Hôm nay, trời lửng lơ trời,
Dòng sông ánh sáng sẻ trôi hoa vàng.

Ngày nào, vũ trụ thật cao nhưng quá xa, bây giờ cũng vũ trụ đó nó gần ông, nó ngang tầm của ông, tầm mắt và tầm thân, để ông đối thoại được với nó, đối thoại theo nghĩa thông minh nhất trong quan niệm của cổ văn và cổ triết của Hy Lạp; *đối thoại* (*dialogue* nếu tách đôi sẻ là *dia-logue)*, mà *dia* là *écart* là *cách khoảng)* làm ra cái giầu của sự khác biệt đôi bên, để sinh sôi nảy nở ra nhiều ý tưởng mới, tri thức mới, còn *logue* (tới từ *logos* là *sức nội kết của một định nghĩa*) ở đây, nội lực của ngữ văn làm ra cái sung lực cho ngữ pháp :

Sương điểm trăng lồng bóng thướt tha…
Đêm vắng gần kề say chén nguyệt

Thi ca tâm giao với vũ trụ, là thơ đưa nội cảm của nhân tính nhập nội được vào trời, vào luôn cả thinh không, để hiểu hư vô, để hiểu sâu hơn: duyên, phận, số, kiếp của nhân sinh. Đừng mang những *lệ, luật, thói, thời* của chuyện *«giá áo túi cơm»* ra mà *cân, đo, đong, đếm* loại thi ca này; chuyện *«chén cơm, manh áo»* chỉ làm *xấu, dở, tồi, hèn* làm nó mất nhân cách trước vủ trụ, tội nghiệp nó! Vì bây giờ nó muốn nhân cách nó ngang tầm với vủ trụ, nó phải có một

bản lĩnh của nhân sinh đủ lực để *đèo, bồng, cỏng, bế* được môi sinh. Nếu hiểu và thấu được vũ trụ, thì cảm nhận của tri giác đã thành *cảm lực* của tri thức, Hàn Mặc Tử rất thức, thức đậm, thức triền miên, hơn hẳn những kẻ ngày ngày kể lể cho chúng ta những mô hình luân lý đã sơ cứng, mà chính họ không có được cái *cảm lực* nhận ra được *cái hay, đẹp, tốt, lành* của vũ trụ, làm tăng nhân tính, làm sâu nhân sinh, làm cao nhân phẩm, làm rộng nhân đạo của chính họ :

Không, không, không, tôi chẳng bán hồn trăng
Tôi giả đò chơi anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt là anh dại quá
Trăng vàng, trăng ngọc bán sao đang.

Không gian tâm giao với vủ trụ của Hàn Mặc Tử, là từng bước đi vào cái hòa quyện giữa thân thể và thiên nhiên, không còn cách trở, không còn biên giới, vì không còn phân biệt lãnh địa, mỗi lần trăng trao ánh sáng mênh mang, gió trao cái ve vuốt dịu dàng, tất cả các vật thể, tất cả các sự sống riêng rẽ như được kết nối lại, cái riêng loãng dần, cái chung lan tỏa, tất cả cùng nhau hẹn: hẹn để với cái *cùng sống (un commun à vivre)*,hẹn để chia sẻ, hẹn để hiến dâng:

Trăng, trăng, trăng, này, trăng, trăng, trăng,
Trăng sáng, trăng sáng khắp mọi nơi
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi…
Trăng sáng là trăng của Rạng Ngời.

Thi từ *Rạng Ngời*, thi nhân viết hoa. Ánh sáng trăng trùm phủ luôn cả cái đau câm điếng của hủi. Tâm giao với vũ trụ giờ đã rời cái tư duy luôn tìm cách khách quan hóa môi trường, duy lý hóa cuộc đời, cái tâm giao này không cần một chỗ đứng lý thuyết, vì bây giờ nó đã thâm nhập sâu đậm vào mọi cấu trúc của cảm nhận, nội nhập để hòa quyện, nó xa lạ với cái chia để bị sẻ, cái tách để bị rách. Phải thấy *tôi (moi)* và *thế giới (monde)* là một, chỉ là một. Tâm giao với vũ trụ không có khẩu lịnh, không có tham luận, không có tư tưởng chỉ đạo, chỉ có cái riêng của thi nhân giờ muốn nhập nội với cái chung của vũ trụ, nếu chỉ thấy cái đau vì hủi, mà không thấy cái cao rộng thi ca trùm phủ vũ trụ của Hàn Mặc Tử, tức là chưa thấy tầm vóc của Hàn Mặc Tử. Thi ca của ông không có cái tôi hạn hẹp của kiếp người, mà mang cái ta bao la, càng lan rộng, tạo được cảm thông, tạo cái «*thông gia*» giữa nhân kiếp và vô biên, thơ của ông không đi tìm cái đặc thù để độc quyền nó, thơ của ông trao truyền cho chúng ta cái cảm thông sâu đậm nơi mà nhân sinh *kham* được, *đảm* được chuyện làm *môi giới cho môi sinh*. Khi làm được chuyện này, ông biến cái cô đơn khi bị cô lập thành cái phụ, cái thấp, cái ngoài lề, không còn đe dọa ông được nữa, thi từ của ông giờ *cán đán* được, *chia kiếp* được với vũ trụ, chia sẻ tới nơi tới chốn, không cần phải chiếm hữu :

Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã.

Tâm giao với vũ trụ không chống lại các hiểu biết đã được thể nghiệm trong vai trò môi giới giữa trời và đất, qua các sinh lực của trăng, gió, mây, sao… đã thành khung thành nền cho mọi tri thức thực nghiệm. Hàn thi nhân kết nối các tinh thể của thiên nhiên cùng với các tuyệt thể của cảm nhận để xóa đi sự phân biệt giữa thi nhân là chủ thể sáng tạo và vũ trụ là đối tượng của sáng tạo, ông muốn đi lại hít thở giữa vũ trụ, để ta cùng hòa quyện vào nhau, hòa quyện nhưng không hòa tan, nơi tâm giao đắc khí này gạt ra mọi quan hệ quyền lực, mọi so sánh lực lượng, nó là nơi hội nhập hài hoà mà không có trấn áp nhau, vượt lên mọi tính toán hơn thua. Cái tâm giao với vũ trụ tự nó huyền diệu giữa cái vô biên của thiên nhiên và cái riêng tư sâu lắng nhất của thi sỉ, giữ cái bên ngoài để chăm lo cái bên trong, đây là một dạng thông minh của nhân sinh, mỗi cảm nhận thi ca là một bước đi, đi để khám phá vũ trụ như khám phá chính mình, khám phá chính mình để *tái sinh* trong thăng hoa. Nơi chốn hẹn hò để tâm giao, để đắc khí này không có biên giới, vì không có phân biệt lảnh thổ, cũng chẳng có mô hình gì, vì mọi vật nằm trong vạn vật, nằm để chờ thống hợp của *diệu nguyện*, chờ thành tổng thể của *lạc pháp*:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi.

Lả lơi, động từ này làm mọi người phải thận trọng, vì trong *lả lơi* vừa có bày biện sự mời mọc để chiêu tình, lấy cái quyến rủ ra để khiêu gợi cái ham muốn, nhưng chúng ta phải *«chịu khó đi thêm bước nửa»* trong diễn luận: *lả lơi* trong vũ trụ quan thi ca của Hàn Mặc Tử là sẵn sàng hiến dâng, vì đã sẵn sàng chia sẻ. Chỉ vì động từ *thẹn thò* theo sau, mang theo nội chất của cái *«mắc cở»*, mặc dù không có gì sống sượng trong một cuộc gặp gở với vũ trụ, cái thẹn và cái hiến dâng không hề loại bỏ nhau, Thái Hiền à :

Mới lớn lên trăng đã thẹn thò
Thơm như tình ái của ni cô.

Tâm giao với vũ trụ là bắt đầu bằng sự cảm thông thượng nguồn với một ý lực đẹp của sự *trao nhập* -trao tất cả và nhập trọn vẹn vào cái chung-tâm giao này đi trên vai mọi định kiến, bay trên đầu mọi thành kiến, xóa xung đột, loại mâu thuẩn, khử kỳ thị, thoái mái bay bổng, thảnh thơi trên cao mọi mê chấp. Cái dị biệt sẽ biến thành khói, rồi thành hơi, tan biết với mọi tỵ hiềm, cái chiếm đoạt không có chổ đứng, thì cái thắng thua cũng sẽ không có chổ để ngồi, chuyện *cách lòng, ngăn tâm* cũng tự nó loảng kiếp rồi dần dần biệt tích :

Hư thực làm sao phân biệt được…
Cả trời say nhuộm một màu trăng.

Nhưng thi sĩ không quên là cái chết vẫn bên cạnh, nhưng giờ nó trở thành một *phụ chế*, nằm *«úp mặt»* cạnh vạn vật trong cái bao la của vũ trụ, và trong cái tinh khôi của thiên nhiên nó phải tự giấu đi cái tính nhiễu loạn vô nhân của nó; ở đây cái *diệt* vai phụ, cái *sinh* vai chính và cái *tái sinh* làm đạo diễn, không ai bị hốt hoảng trước cái diễn biến kỳ diệu của *nhân tính*, tiếp nhận đất trời để đào thai ra một *nhân sinh* mới, chắc chắn là cao hơn, rộng hơn, sâu hơn cái nhân sinh *«đèn nhà ai nấy sáng»* hạn hẹp trong lý lẽ thường nhật, chật chội trong lý cảm thường ngày. Những loại phê bình thi ca dễ dãi bảo rằng thơ của ông chỉ là cái ám ảnh trước cái chết, những loại phê bình này không ra khỏi cái ánh sáng một chiều, quanh quẩn, tự nó nhốt nó trong cái nhà tù thiển cận của nó, manh theo ba tà nghiệp: không kiến thức, không trí thức, không tri thức, làm què cụt tư duy thi ca, mà phật học xếp chính sát vào ba loại *vô* (vô minh, vô tri, vô giác). Hài hòa giữa cái bao la của vũ trụ và cái tinh anh của thi nhân, giờ đã biết vượt lên cái thể phách của mình đã điêu tàn, như nhận định của sư phụ Tiên Điền *«Chết là thể phách, còn là tinh anh»*. Đây là chiều sâu lòng đất thi ca của Hàn Mặc Tử mà trong đó ngầm chứa bao *tuyệt chất*, nắm cho bằng được cái sống, dùng vũ trụ để *trợ duyên*, rồi *trợ lực* giúp thi nhân chế tác cái *tái sinh*, trong *cái trăng* đã có *cái nhân* theo nghĩa *nhân của nhân*, một loại *nhân* làm ra mọi *quả* ngọt, lành :

Không gian dày đặc toàn trăng cả
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng.

Giá trị tâm giao đã tràn ngập, *tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng,* mỗi lần có một chủ thể xuất hiện, thì đã có sẵn một cầu nối, với các chủ thể khác, mạng lưới liên kết giữa các chủ thể, mang đầy đủ nội lực của mỗi chủ thể. Không ai cô đơn, không ai loại bỏ ai, không ai vắng mặt, khoảng cách không còn là khoảng cách, tự do kiếp người nối được trợ duyên bởi tự do mở cửa để đón nhận, tự do đi lại-theo kinh nghiệm của Phạm Duy *«Để anh bắt gổ, xây nhịp cầu bước sang»*- là tự do của thông minh, lấy cái giầu của *môi sinh* làm cái khôn cho *nhân sinh*, cho mình và cho đồng loại. Cái thông minh của *«thấy em hôm nay, biết tình còn đây»,* trong đó không những có vũ trụ, có thiên nhiên, mà có luôn cả *nhân ảnh*, không để cho chuyện *«ở đây sương khói »* làm *«mờ nhân ảnh»*. Hàn Mặc Tử đi lại trong vũ trụ, tức là đi lại trong ánh sáng, xóa đi cái u mịt của bịnh tật, ông còn biết làm sáng ngữ văn, rạng ngữ pháp, ngời thi từ của ông, và khẳng định với nan bịnh là: *ta vẫn còn đây !* Thi ca của ông xa lạ với cái sợ bắt con người phải cúi đầu trước địa hình của cái đau, đồ hình của cái chết, thơ của ông có *«xuân tràn trề»*, có *«say chới với»*:

Cho trăng xuân tràn trề say chới với.

Thái Hiền ơi! Như vậy, vấn đề của nghệ thuật thi ca sẻ là: *cái gì là nội chất của nhân sinh quan, giờ đã được trợ duyên bởi vủ trụ quan của thi nhân?* Trả lời được câu hỏi này, thì *nhân sinh* sẽ đi được thật xa, bay được thật cao, về những chân trời mới của *nhân tính,* thật hay, trong đó con người không còn cô lập con người nửa, không ai làm ai cô đơn nữa. Hàn Mặc Tử lấy cái nhân tính này, rồi nhờ vũ trụ quan mới của ông trợ lực, giúp ông vượt thoát, rồi vượt thắng cái địa thể lầy lội của hủi. Ông cũng chẳng mong cầu tôn giáo cứu rỗi linh hồn ông, đừng ai nhân danh đạo giáo đến để gột rửa linh hồn ông ; linh hồn ông tự nó đã nhận đầy đủ ánh sáng của trăng, của cả một vũ trụ, làm ông cũng nhẹ như ánh sáng, bay thoát cái nhà tù của hủi. Cái vũ trụ trên cao là vừa không gian tự nó biết *hóa thân*, cũng là thời gian tự nó biết *hồi sinh*. Trong trường ca Hàn Mặc Tử, của Phạm Duy, Thái Hiền giữ được âm lượng trong tỉnh táo, trao âm vực trong sáng suốt, tới người nghe, tránh nức nở, xa cái rên xiết, tức là Thái Hiền đã hiểu cái tri thức của vũ trụ quan này, chính cái tri thức này là cái kiến thức cảm nhận của một ca sĩ, cái trí thức của nghệ thuật ca khúc. Đúng là không cần phải hát như rên, mà nhiều ca sĩ mắc phải, vướng vào, sa bẫy, không có lối ra, hãy giữ bản lĩnh sẵn có của Thái Hiền, làm nội lực cho ca từ, tạo tầm vóc cho thi ca được thăng hoa, cái tự do bay trên cao của thi nhân, nhẹ bỗng như ánh sáng mà cũng rực mạnh như ánh sáng, là tổng lực thi ca của để tạo ra tổng thể vũ trụ, mà sinh lực ngôn ngữ pháp phải *«dám»* gọi là *coup de force ;* tổng lực bay trong cao rộng thảnh thơi, thoải mái vượt ra ngoài cái điêu linh của bịnh tật đang hủy hoại thể phách của ông trong những góc tối tàn tạ :

Đây là tất cả người anh tiêu tán
Cùng trăng sao bàng bạc xứ Say Mơ.

Một lần nữa: *xứ Say Mơ,* viết hoa, giăng cho căng cái trên cao, luôn xa hơn, luôn rộng hơn cái thấp của thân thể đang tàn tạ, giúp thi nhân cảm nhận được cái ít ai cảm nhận được cái sung khí của vũ trụ giờ đã thành sung lực của thi nhân, dũng lực của thi ca. Phải nhận ra trong thơ của ông có một tư tưởng mới, cái tư tưởng biết ngẩn đầu lên để thở mạnh, đứng dậy để căng thân cùng thanh khí, bay lên cùng trăng gió để sống, phải tìm cho ra trong cái vũ trụ trước mắt: cái mãnh lực của vũ trụ quan thi ca, nơi mà thăng thiên của hồn người là thăng hoa của thi từ! Mọi cản lực của nan bịnh tự nó không còn là trở lực, vì thăng là tự do, thăng là sáng tạo, thăng là tự giải thoát. Ông đâu còn là nạn nhân của bịnh, ông đã *"định cư"* trong vũ trụ, thì con bịnh chỉ là *hòn gạch trơ tráo* giữa vũ trụ bao la của sáng tạo, nói theo cách nói của Văn Cao, năm 1984 khi nhạc sĩ này kể với tôi, về bọn xấu và kẻ tồi, sống chỉ để kiếm duyệt tự do sáng tác của văn nghệ sĩ. Tự do tư duy tạo được tư tưởng mới cho thi ca, Hàn Mặc Tử dẫn dắt chúng ta biết cách sống, hiểu cách ăn ở với vũ trụ bao la, mỗi lần chúng ta bị hất hủi ngay chính trong các căn nhà của của tập thể, của cộng đồng, của xã hội, ngay trên quê hương *"chôn nhau, cắt rốn"* của chúng ta. Hảy theo ông đi *tìm trăng*, để thấy *thuyền trăng*, để cảm nhận là có *nhiều trăng*, đêm đau còn u tối của bịnh tật, mà náo lên chuyện lòng của những có lòng:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay

Có kẻ hiểu lầm là *trăng* của Hàn Mặc Tử cũng chẳng lạ gì với trăng của cổ thi -nhiều và đầy- của Trung Quốc, đem cái cảm nhận đa cảm đặt vào cái đẹp hài hòa của thiên nhiên của Đường thi, họ lầm! *Trăng* của Hàn Mặc Tử xa cái trăng hoài cảm của loại cổ thi này, vì loại trăng này sẽ trở thành *«vô thưởng, vô phạt»* trước cái hủi, cái bi hoạn tàn hại thể phách, bị xã hội bỏ rơi và thân quen bỏ quên. Lại có kẻ hiểu *tư tưởng sống trong vủ trụ* là huyền hoặc, không có một sức nặng của một sự thật có thể kiểm chứng được. Cái trọng lực của thi ca của ông ở chỗ khác, nó nằm trong có thử thách cảm nhận không gian, một không gian có chiều cao vô tận nhưng ông nhận diện được, một không gian có chiều sâu vô định nhưng ông đào sới được, ông cảm thụ nó đầy đủ, vì nó đang lan tràn khắp thân thể, khắp môi trường, khắp tình huống, khắp hơi thở của ông; có khi làm ông bị choáng ngợp, bất cứ lúc nào:*Cả miệng ta trăng là trăng.* Nếu đã có thân, có hồn trong vũ trụ, thì có khi không cần thể lực, cái ánh sáng

cũng là cái nền tâm lực, cái sức đẩy của trí lực, giải tỏa cái u ám của bịnh, quá thấp, nhục quá, trước cái tinh anh của trăng, gió, mây, sao... Ánh sáng tràn lan trong cái sống này biết đánh thức cái sống kia, gió đánh thức rừng, trăng đánh thức rừng, cái vận hành của vũ trụ tự nó sung mãn giữa thiên nhiên, chế tác ra chất xám cho tuệ giác thi ca. Không có mơ hồ cảm nhận, cũng không có luôn cái lý tưởng hóa dễ dãi cảnh quan, ở đây vũ trụ để lộ ra cái gốc, cái lõi, cái rễ của sự sống biết hít thở tinh khí của thiên nhiên, rồi chế tác ra cái tinh chất của tâm linh, dâng lên cái tuyệt chất trong thi ca:

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi
Trăng ngậm đáy sông, chảy láng lai.

Trăng vừa sáng lan tỏa, vừa sáng sâu đậm, nhưng trong trăng giờ đã có cả xác lẫn hồn của thi nhân, ánh sáng trăng thật nội thể có sức nội kết mạnh, vững, bền giữa người và vũ trụ, cái đẹp của trăng không hệ bị đe dọa, cái bao lao của vũ trụ cũng không bị trầy sứt, nhưng mặt trăng đã tâm giao được với nan bịnh của thi nhân:

Bao giờ mặt nhật tan thành máu.

Vũ trụ, nan bịnh, cái đau, cả ba có chổ đứng, có thực thể của chúng, nhưng cái cao của vũ trụ đã hút được cái tinh anh của thi sĩ ra khỏi cái thể phách bịnh hoạn, bị biến thể bởi hủi, trong thơ của Hàn Mặc Tử cái bay lên của *hồn-thơ* là cái tự do cuối cùng của kẻ hủi, cái tự do tự do bay xa là cái sinh lực của tư tưởng thi ca của ông, trong đó phải nhìn ra một hiện tượng luận thinh không vừa bay bổng, nhưng luôn ngang tầm với nhân sinh, đối với những ai muốn có tự do qua loại vũ trụ luận này. Hiện tượng luận thinh không thao tác cùng với vũ trụ luận thi từ, tự giải hóa được *hư kiếp* vì hủi bằng cách đưa cảm nhận không gian bao la của thi sĩ, tới cảm xúc sâu thẳm thiên nhiên của thi ca, trong đó Hàn Mặc Tử có cảm giác chuyện *loạn thân* có cùng chuyện *loạn trăng*, rồi ông nhận rõ đây là mãnh lực của thơ, biết lấy tinh khí của vũ trụ làm ra tinh lực cho chính ông: *Xác ta se hút bao nguồn trăng loạn.* Cái ý thức có mảnh lực để hút tinh lực trăng sao dâng cho thi sĩ một chân lý mới, tạo ra cái động lực cho chuyện thay hồn đổi xác, để thoát cái đau, để đến với hồn của cái đẹp:

Em, hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.

Cách giải luận *nhập hồn (người) trong bóng nguyệt* xóa được cái khoảng cách tưởng như không sao xóa được giữa cái thân bịnh đầy độc tố ở dưới thấp, và cái thinh không tinh khiết ở trên cao, hiện tượng luận thinh không cùng lúc tháo gỡ ra cái khác biệt giữa cái *thân-bịnh-tử* trong cái sống cạn, chết vội; và cái vũ trụ *trường-cửu-vĩnh-hằng*, không sao chết được. Giữa cái sắp thân tàn theo ma dại vì hủi, và cái tư tưởng tuyệt chất chế tác từ một vũ trụ đầy tinh chất. Hàn Mặc Tử không kể lể ảo tưởng mơ hồ, ông gầy dựng một cầu nối với thế giới trên cao, cái ông muốn là cái xuyên thoát theo chiều cao, biến hóa qua chiều rộng của vũ trụ, với chụp cho bằng được nguồn sáng, mặc dầu sức mạnh của nó luôn tuôn tràn, vung vãi mọi nơi, nhưng bao nhiêu ánh sáng ông điều muốn tiếp nhận cả, dù tràn lấp, dù lan ngập thân thể ông, ở đây lộ ra câu hỏi rất gay gắt về kiếp người : *làm người là làm kiếp gì*? Trong cái *nhược kiếp* gì? Trong cái *bạc phận* gì? Trong cái *tổng thể gì của nhân sinh*, trong cái *tổng lực gì của vũ trụ*? Câu hỏi này giúp ông vượt lên cái ngã thấp kém của mỗi người, cùng lúc tránh luôn cái ích kỷ giữa người với người. Trong thơ của ông không có cái vủ trụ trên cao khinh bỉ cái thấp kém của thế gian, thơ của ông bao la, trùm phủ cái trên cao, cả luôn cái không cao của đất thấp, của thân mạc vận. Ý nguyện, giờ đã thành ý lực trong vũ trụ thơ của ông, ôm trọn vũ trụ bên ngoài, rồi nhận ra là vũ trụ cũng *"người"* như người, có khi cũng quỵ ngả, bị quỳ rạp : *Bổng đêm nay trước cửa bóng trăng quỳ.*

Quan hệ giữa người và thiên nhiên không còn là trên dưới, cao hèn, thanh tục… con người không bị mất phẩm chất trong thơ của ông, quan hệ giữa trời và người không hề là quan hệ của áp bức, cái *nhân* và cái *thiên* luôn quấn quyện vào nhau, không xung nghịch, không truy lùng, không bội phản nhau, không gian thơ của Hàn Mặc Tử có tầm vóc của *thiên sơn vạn thủy*, có nội công của *điệp trùng trăng gió*, có bản lỉnh của *vạn nẻo thiên lý* . Có luôn cả quan

hệ gợi cảm, gợi tình với thiên nhiên, có lần Hàn thi nhân kể cho chúng ta nghe chuyện ông*: Ngủ với trăng*:

Tiếng vàng rơi xuống giếng
Trăng vàng ôm bờ ao…
Gió vàng đang xao xuyến,
Áo vàng hỏi chị chưa chồng đã mặc đi đêm.

Đừng ngộ nhận là thi nhân hàm hồ với vủ trụ thiêng liêng, nhưng quan hệ đồng cảm tới từ tâm giao, có thể dẫn tới *đồng dục,* trong quan hệ quý trọng nhau, đây là một khúc mắc khác của vũ trụ thi ca Hàn Mặc Tử, đi tìm trăng, sẽ bị trăng chiêu hồn, quyến rủ, khí lực của trăng sẽ tạo ra sung lực cho *thi nhân-thi* bị quyến rũ vì *nhân* ham muốn-Trăng đa cảm gặp thi nhân đa tình, không sống sượng, không thô tục, trân quý nhau vì quý trọng nhau có. Thái Hiền còn nhớ Rimbaud không? *« Je m'entête affreusement à adorer la liberté libre», tôi ngoan cố cuồng nhiệt để cảm kích cái tự do thật tự do,* câu này có lẽ cùng một nhân sinh quan với câu ca dao của đồng bằng sông Cửu Long mà chúng ta lấy ra đùa giỡn, ngày đầu năm nay 2016 : *«Con sông nước chảy đôi bờ, để anh chín dại mười khờ yêu em».* Cái *chín dại mười khờ* chính là cái «*cứng đầu*» của *Je m'entête affreusement.*

Nhưng đừng quên một nguồn đau tâm linh khác, có mặt trong thi ca Hàn Mặc Tử, ý thức sống như *bụi đời,* chết quên như *oan hồn,* trong cái gay gắt của hủi*: sống nay, chết mai,* bó buột ông phải nhìn rõ không gian *máu trào,* dấu hiệu của sự có mặt của thần chết, luôn quanh quẩn cạnh ông: *Anh cắn lời thơ để máu trào.* Chính ý thức sống này làm ra được cái *nhập nội* vào vũ trụ, cái *nhập thân* vào thiên nhiên, cái *trao thân trên cao,* trong không gian sâu rộng, hình như chỉ có Hàn Mặc Tử thành công trong thế giới thi ca này, thành công trong cái vũ trụ càng bao la, càng thân quen. Thân quen trong *nhập thân để chung thân.*Thi ca của ông đặt được cái thật của cái *nhân yêu-nhân oán* vào cái thật của vũ trụ, không những để *sống còn* mà còn để *sống cao,* biến *sống mòn* thành *sống nhập,* lấy tinh thể của thiên nhiên làm tinh khôi cho tư duy, tạo ra một không gian thi ca có tuyệt chất của vũ trụ đã nhập cuồng si vào thi thể của thi nhân:

Cả miệng ta trăng là trăng…
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chắp tay tôi lạy khắp miền không gian…

Vừa ngậm trăng trong miệng, vừa bơi lặn trong ánh sáng trăng, *cái của thân* với *cái của trăng* đã bị xóa mất, *cái trong thân* và *cái cao trăng* đang tỏa sáng đã biến mất rồi, tất cả đã là trời, nhưng trời giờ đã thành đất của thi nhân. Hòa nhập được tức là đã vô hiệu hóa mọi mâu thuẫn, ngoại cảnh đã là ta, thì tâm ta giờ đã chứa mọi ngoại cảnh, nội công thơ của ông thâm hậu vì nó vô biên-vô biên trời, vô biên đất. Cái vừa *đầy tràn (plénitude)* tạo ra cái ý thức về một hạnh phúc mới, luôn thăng hoa, theo nghĩa vừa cao, vừa đẹp, chế tác ra cái *thiên năng* của thi ca, có khi năng động trong cuồng nhiệt :

Tôi lôi đình thấy trăng sao liền mổ
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao.

Mổ trăng, mổ sao, trong cuồng vội để lấy tinh lực, làm thức ăn cho tâm linh, sống tròn đầy với với từng góc, từng khu, từng vùng thiêng liêng của thiên nhiên, nuôi một ham muốn cao rộng là sống dầy, sống đủ với cái vô biên của vũ trụ. Đừng tìm cái vô tác của minh triết trong thơ của Hàn Mặc Tử, vô vi sớm trở thành vô vị, ngay trên thượng nguồn ông đã sử dụng cái chủ quan của *mê muốn* (đam mê ham muốn-ham muốn đam mê). Cái *muốn* này làm ra cái *tìm,* cái tìm tiếp nhận cái *hiểu,* cái hiểu chế tác ra cái *thức,* cái thức gầy dựng nên ý thức, để ham muốn tiếp tục đam mê, cái *mê muốn* giáo dưỡng chúng ta ngang hàng và ngang tầm với thần học của các tôn giáo, với kiến thức khoa học của các địa lý và địa chất. Nhưng nếu chỉ biết thần học và khoa học, thì như tự nhốt mình vào hai loại nhà tù, nhà tù thứ nhất của tín ngưỡng vô điều kiện và nhà tù thứ nhì của tri thức đầy dẫy các điều kiện, Hàn thi nhân đã

thoát ngay từ đầu, thoát lâu rồi hai nhà tù này! Ông gần vũ trụ, cận thiên nhiên, có khi ông nhận ra là ông quá thân mật với trăng sao, nên ông phải *xin tha thứ, xin lỗi:*

Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sỹ kẻ lên trăng.

Hồn cởi mặt

Có khi ông mang con bịnh của ông đi cùng ông, để thiên nhiên ngoại cảnh thấy rõ thể phách điêu tàn của ông: *Và ai gánh máu đi trên tuyết ?* Để vũ trụ thấy tận mắt cái *chết sống-sống chết* mà ông phải đang chịu đựng, chịu gánh. Để trời phải nhìn rõ dáng *nghịch kiếp của nhân sinh*, dạng *loạn phận của nhân tri*. Thái Hiền ơi, phải sống tại miền trung của đất Việt, mới thấy loại sáng trăng vừa vằng vặc, vừa soi trọi mọi ngõ ngách của địa lý; rọi luôn sâu vào các địa phận của tâm trạng, đánh thức tâm lý, nó rọi thẳng vào tâm địa, khơi lên cái thiết yếu của tâm linh. Loại trăng này không tôn trọng bất cứ lãnh thổ nào, bất chấp mọi biên giới, trong thế giới của trại hủi Hàn Mặc Tử thường xuyên nhận một kiếp người thật lạ: đầy trăng trong một không gian không nhân dạng, nếu tìm tâm giao để tâm sự, thì chỉ có trăng; trăng tròn, thi sỉ đúng hẹn, trăng khuyết, thi sĩ vẫn giữ hẹn :

Hôm nay chỉ có nửa trăng thôi
Một nửa trăng kia ai cắn vỡ rồi
Ta nhớ mình xa thương đứt ruột
Gió làm nên tội buổi chia phôi.

Chúng ta phải tìm cách đọc theo *nghĩa đôi*: *Một nửa trăng kia ai cắn vỡ rồi*, cũng có thể là thể phách của thi sĩ cũng đã bị hủi hủy tàn phân nữa rồi, ngoại cảnh và tâm cảnh là một, cái đau nếu có trong thân thể, nó sẽ hiển hiện thẳng giữa trời, nó cùng một thể dạng với người, Thái Hiền à! Cái *hiển hiện đôi* là cái trọn vẹn của cái bây giờ và ở đây giữa người và vũ trụ, làm ra cái thực của trực quan nắm được thực trạng, nắm luôn biểu tượng của thực trạng đó có hình, có ảnh, có rơi, có tan : *Trăng tan tành rơi xuống vũng cù lao*. Rồi buồn cho trăng : *Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi.* Như để nói thật về cái chết của chính mình, nói rõ và không sợ nó trong thi ca, vì đây là loại thơ biết sống vững trước cái chết, trăng càng sáng tỏa, thi sĩ càng sáng suốt, thì cái chết càng gụt đầu, khom lưng, quỵ thấp… biết : *à l'aise,* thảnh thơi trong thong thả ; ung dung trong thong dong. Chính cái *mê muốn* -ham muốn đam mê, đam mê ham muốn (mặc dầu chung quanh không còn nhân dạng nào) làm cho cái sắp chết phải đợi, cái chết biết khoanh tay chờ, ở đây không hề là chuyện của can đảm chỉ là chuyện biết sống rộng để rõ mặt vũ trụ: *Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.*

Ngày này qua tháng nọ, năm rồi năm, trăng vừa là nỗi niềm, vừa là lực đẩy làm nổi vạn vật, lấn hẳn vào văn xuôi, vào bút ký của Hàn Mặc Tử: *« Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới cho chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bềnh bồng đến một địa cầu nào khác… ».* Cái *mê muốn* nhận diện cho bằng được *cái đẹp*, Marcel Proust tâm cảm được điều này: *« La beauté n'est pas comme un superlatif de ce que nous imaginons, comme un type abstrait que nous avons devant les yeux, mais au contraire un type nouveau, impossible à imaginer que la réalité nous présente »*[12]*. Cái đẹp không phải là chuyện cấu từ của cái ta hình dung, như một loại ảnh trừu tượng, ngược lại nó hoàn toàn mới, là thực tế không giới thiệu được.* Đọc thơ của Hàn Mặc Tử đừng *đọc chơi*, theo cái «*giả (dạng) từ*»: *Chơi giữa mùa trăng,* mà nên đọc theo cái *mê muốn*-ham muốn đam mê, đam mê ham muốn-của ông, trong các chặn đường chế tác, gầy dựng một tri thức luận thi ca làm nhân đạo đi lên, nhân phẩm đi xa, nhân tri đi sâu vào không gian, vào thiên nhiên, vào vũ trụ, trong đó không ai bỏ ai, không gian không bỏ thời gian, thì người đừng bỏ người! Tất cả hợp lại trong cái vũ trụ quan mới để làm cao hơn, đẩy xa hơn tri thức của dân ca *«Chim xa cành thương cây nhớ cội, người xa người tội lắm người ơi»,* thi giới của Hàn Mặc Tử phải đo bằng vũ trụ quan, biết giăng rộng thế giới quan, biết nâng cao nhân sinh quan của chúng ta.

[12] *Contre Saint-Beuve*, p.80. Collection Idées-Gallimard, édition de Poche, 1965.

Cái cô đơn khi bị cô lập trong trại hủi, cái cách biệt làm ra cái cách lòng với đồng loại, chính có cái cô và cái cách đưa ông tới ý lực cởi mặt cho hồn, cởi mặt cho lòng, cởi mặt luôn cho vũ trụ, thiên nhiên chung quanh ông, đây là kinh nghiệm độc nhất trong thi ca cũng như trong nghệ thuật thể hiện sáng tạo bằng ngôn ngữ. Cởi cho rõ mặt, cởi cho trần lưng, cho trần thân, nhưng không cởi vì trần tục, không trần trụi hóa nhân sinh, không thô thiển hóa vũ trụ, cởi trước hết để thấy rõ đau thương của thể phách trước hủy hại: *Trong lòng và đang tắm máu sông ta.* Cởi lòng mình để rõ thân xác mình, cái ngã đang sôi sụt máu của nan bịnh, cái nóng bỏng của thể phách trong cái lạnh buốt của cô đơn, cái rủ rục của bỏ rơi, chỉ có thơ là sống, chữ của thơ vụt, vọt, vung mạnh, thơ đang sống vũ bảo trong cái quan hệ xã hội con người đang chết : *Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt.* Loại thi ca này trực diện không ngừng với thi nhân, không có chỗ cho ảo tưởng, chỉ có chỗ cho cái thật, tất cả thật như *huyết*, cái đau của hủi đi song hành cùng cái tỉnh của não, chống cái đau bằng cái tỉnh, có khi cái thức phải *ngất ngư* cái hủi có cái thô bạo của đao phủ, cái đau cởi lột cái thân: *Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết.* Cái yên lặng tới từ cái đau câm điếng, muốn thoát cái đau này, có khi phải *cắn lời thơ (Anh cắn lời thơ để máu trào),* máu trào tức là thân xác đã bị cởi tung ra, cái đau đang ở cực điểm, bị cởi như bị cơn đau tra tấn cho tới, làm đuối gụt thi sĩ ngay trên vườn thơ của chính mình: *Vườn thơ tôi rộng không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh.* Cởi là giải thích cho rõ, cởi là giải luận cho sâu, không giấu diếm, không che lấp, để sống sáng giữa không gian lồng lộng :

Lời thơ ngậm cứng không rền rĩ
Mà máu tim anh vọt láng lai.

Cởi thân, cởi lòng, cởi hồn, tức là cởi thơ, để thấy rõ cái chết đang đến, nhưng không vì vậy mà cái sống phải lùi, không lùi vì đang sống sâu sắc phút giây hiện tại, sống đến *cuồng run,* đến *miên man,* nhưng không lo âu, không hoảng hốt (*Máu cho cuồng run giận đến miên man).* Nhưng cái đau cũng không lùi, cái chết vẫn lấn tới, cái nhẫn tâm của hủi là vật vã liên hồi một thể xác đã lụi tàn, vật gụt cho tới khi thân xác thành câm điếc, mọi lời tuôn ra đã thuộc về cõi *dại*:

Anh điên anh nói như người dại
Vạn lạy không gian xóa những ngày.

Cái lạnh lùng bất nhân của hủi, cái thờ ơ của cái đau liệm, cái lãnh đạm của thần chết, tất cả được cởi -và bị cởi- trong thi ca của Hàn Mặc Tử, tự do cởi bỏ tất cả để có sự thật toàn diện về kiếp người, để biết chân lý trọn vẹn của nhân sinh. Cởi với cường độ của cái *chết sống-sống chết*, trong cái cao độ của *đam mê ham muốn- ham muốn đam mê*, làm cho thơ của ông tự do đi lại giữa cái sống, tự do thăng hoa giữa trời và đất, bây giờ từ từ ta hiểu ra, nếu đã có trời cao, thì thi nhân dẫn dắt ta tới trời sâu, như đáy vô định của hành trình vô phương :

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai mang tôi bỏ giữa trời sâu.

Thái Hiền ơi, thơ của Hàn Mặc Tử đâu còn là cuộc đối thoại giữa *nhân sinh*, mà ở cạnh, ở trên cao, ở dưới sâu trong *nhân thế*. Ông bị loại ra ngoài xã hội, chuyện ông bị bỏ rơi, không còn là câu chuyện trung tâm của đời ông, cái *nguồn sống* của ông, bây giờ đã được đặt ở một nơi khác, nơi mà cái cảnh bị cô lập đã mở cho ông biết bao chân trời mới trong không gian, nơi mà cái cô đơn đã mở biết bao viễn ảnh trong vũ trụ. Hàn Mặc Tử đưa ra thi từ *bào ảnh* đặt nó vào giữa *thinh không và hư vô*, tại sao lại *bào ảnh*: bào thai của viễn ảnh? Báo động cái đào thai của *nhân tính* ? Cả hai rất xa cái nhân sinh hẹp hòi đến chất hẹp của *nhân tình* xung quanh ông : *Thinh không tan như bào ảnh hư vô.* Có lẽ *bào ảnh*, sẽ thay thế *nhân ảnh* chăng? Khi *nhân ảnh* đang bị mờ (*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*), chúng ta được ông báo động là *bào ảnh* chưa hiện đã tan, ta không thấy được dạng của nó, hình của nó, tướng của nó, ông chưa cởi nó ra, nó đã khuất…Thái Hiền lại trách tôi : *«dài dòng ghê !»* ; đừng sợ *«dài dòng»* Thái Hiền à, vì chúng ta đang làm chuyện *hiểu thật sâu* để *thương thật đúng* thi nhân của chúng ta :

Vườn ai mướt qua xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chử điền…

Thái Hiền cũng sẻ không quên than thở: *«sau rắc rối vậy ?»*; đừng ngại *«rắc rối»* Thái Hiền à, vì *«hiểu thật rõ»* để *«hát hay hơn»* các tác phẩm thơ phổ nhạc của thi nhân của chúng ta. Vì đây *nghề* của Thái Hiền mà, *nghệ* của ca sĩ mà, *nghiệp* của nghệ thuật mà.

Gió theo lối gió mây đường mây
Thuyền ai neo biển sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay ?
Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng qua nhìn không ra….



Hoàng cầm ca

Tình cầm

Nếu anh còn trẻ như năm cũ,
quyết đón em về sống với anh…

Chère Thái Hiền,

Tôi lại nghe một lần nữa bài này, nếu có Thái Hiền bên cạnh, Thái Hiền sẽ trách : *«Nghe gì mà nghe hoài vậy, không chán à !»*, không chán, Thái Hiền biết tại sao không? Vì cái đẹp, trước khi được công nhận, trên thượng nguồn nó là cái lạ Thái Hiền à; sau khi được mọi người công nhận, nó hiển nhiên trở thành cái đẹp giữa đời, cảm nhận trước, công nhận sau, đó là số phận của các sáng tạo trong nghệ thuật, các sáng tác trong ca khúc. Cái lạ đầu tiên là Phạm Duy hiểu rất sâu bài thơ này của Hoàng Cầm, biến nhịp thơ sâu lắng những nối tiếc thành dòng nhạc sâu đậm một nỗi buồn khi tình yêu bị đe doạ. Cái lạ thứ hai, là giọng hát của Thái Hiền, giữ được nỗi buồn sầu lắng mà không than thở, dẫn lời thơ, chuyển hơi nhạc đã đậm rồi sẽ đậm hơn, mà không rơi vào sầu thảm, than trách. Hai cái lạ này làm nên cái lạ thứ ba là kẻ làm thơ, người phổ nhạc, có cõi sống của họ trong giọng hát của Thái Hiền, họ còn sống, họ sống thật, họ buồn thật sâu nhưng họ tỉnh táo, họ tiếc nối thật đậm tình yêu đã mất, nhưng họ sáng suốt trước các thử thách của cuộc sống… kẻ thơ, người nhạc, giọng hát tạo ra vũ trụ quan của tình yêu, càng ngầm lắng trong thăng trầm thì càng đọng sâu vào lòng người.

Một ngày mùa đông năm 2007, tại Hà Nội, tôi đến thăm bác Hoàng Cầm, tại nhà của bác ở đường Lý Quốc Sư, nói chuyện cả buổi, mà bác phải nằm nghiên trên giường, sau một tai nạn lưu thông. Trước mắt tôi, một thi sĩ tài hoa của việt tộc, vẫn tôn vinh tình yêu, vẫn thấy tình yêu thiêng liêng trước bao bạo ngược của thời cuộc, mà nhân tính chìm đắm trong một chế độ không biết được, nên không tạo được chỗ đứng cho tình yêu thăng hoa. Bác nói với tôi là lịch sử của dân tộc mình vừa là bi kịch, vừa là hài kịch, cho nên tình yêu phải trả những giá rất đắt, và bác muốn làm *kẻ phụ sản* cho tiếng việt, rất đẹp, rất sâu, cho tới chết…vì tình yêu. Thái Hiền, đã hiểu chuyện này, Thái Hiền, đã chọn những ca khúc có tiếng việt đẹp thật cao quý, sâu thật thâm trầm. Thái Hiền cũng hiểu tôi, luôn tránh xa những nơi có người Việt với những lời lẽ thô bạo với tiếng Việt. Tôi chọn những nơi có *«Em ngồi lại so phím cũ»*. Trước cái thô bạo của một ý thức hệ rình rập rồi đe doạ tình yêu, bác Hoàng Cầm làm một việc thật đẹp *: căng mộng sự thật,* làm ra mộng đẹp từ tình yêu, rồi căng rộng nó ra trong cuộc sống, cho mọi người nhận diện ra tình yêu, chổ nào nhân tính bị đe doạ, chỗ đó có tình yêu hiện diện trong sáng và quý phái :

Có ánh trăng vàng soi thướt tha».

Bác Hoàng Cầm nói với tôi, trong tình yêu người ta chỉ cần : *«Le rêve extrait à l'homme un peu d'argent pour sa longue route». Ước mơ như chút tiền mãi lộ, cho con người đi thật xa trên đường dài, l'extériorité*, như cái ngoại cảnh đường xa, tạo ra được cái *l'altérité,* cái khác biệt của tình yêu, nên không một ý thức hệ nào thuần hoá được tình yêu. Các chế độ toàn trị phải hiểu rằng họ không thể nào xếp hạng được tình yêu, vì tình yêu ở chỗ khác, chỗ xa, ngoài

mọi sắp xếp, chuyện chính vẫn là: ý thức hệ thấp hơn tình yêu thì làm sao xếp hạng được tình yêu. Thi sĩ cũng như sáng tác của họ, ở xa và ở ngoài mọi kiểm kẹp thô bạo của kiểm duyệt và thanh tra. Bài Tình cầm này trong giọng hát của Thái Hiền, đã chọn những ca khúc có tiếng Việt đẹp thật cao quý, sâu thật thâm trầm. Đã đi trên vai, trên đầu mọi ý thức hệ muốn truy diệt tình yêu, với ý đồ thế tình yêu đôi lứa bằng tình yêu giai cấp, một loại tình yêu *(tinh yêu-yêu tinh)* chưa nở đã tàn, chỉ vì nó không phải là tình yêu của nhân tính. Tôi muốn tâm sự với Thái Hiền, đã chọn những ca khúc có tiếng việt đẹp thật cao quý, sâu thật thâm trầm. Một bài thơ hay, mà Phạm Duy đã biến thành một ca khúc cao đẹp cho âm nhạc Việt Nam, chính nhờ bài thơ này có tư tưởng, thơ dở thì sẽ không có tư tưởng, vì tư tưởng là nhận thức của tư duy, có tư tưởng mới có triết học, vì triết học là lý luận và lập luận của tư duy, đây là một hệ vấn đề, nghiêm túc và gay gắt, để đánh giá thi ca, ca khúc của Việt Nam trong những năm tháng tới Em à. Chính tư tưởng là đường đi, nước bước làm nên tự do trong sáng tác, cũng chính là tự do triết lý của kẻ sáng tạo. Không có tự do tư tưởng thì sẽ không có nhân phẩm, không có *nhân phẩm* thì làm sao có *nhân cách* trong sáng tác thi ca, *phong cách* trong sáng tạo âm nhạc, *tư cách* trong diễn đạt ca khúc. *Tình cầm*, thi ca của Hoàng Cầm, âm nhạc của Phạm Duy, giọng hát của Thái Hiền, người nghe không những thấy *nhân tính*, mà thấy luôn cả *nhân dạng* của *nhân loại*, của kiếp làm người cao đẹp trong tình yêu.

Lúc tâm giao, đắc khí nhất, bác Hoàng Cầm tâm sự : *«...một bài thơ khi đã lên đỉnh cao của sáng tạo, nó trở thành hiếm hoi, từ đó nó chủ động làm cho cái hay, đẹp, tốt, lành, tự nó thăng hoa giữa khổ đau »*, giọng hát của Thái Hiền, đã chọn những ca khúc có tiếng việt đẹp thật cao quý, sâu thật thâm trầm, đã hiểu được khổ đau mỗi lần tình yêu bị đe doạ, mỗi lời hát ra, hiếm chữ, nghẹn câu, ca từ như chìm đi, khan đi *«... nhưng thuyền em buột trên sông hận, anh chẳng quay về với trúc tơ».* Tôi muốn thêm một ý nữa: những bạo quyền trên trái đất này không hiểu là nghệ sĩ họ có não bộ riêng, không ai giam cầm hay cải tạo được loại não bộ này, một loại não bộ ở ngoài mọi kiểm duyệt, nhưng luôn song hành với nhân tâm để bảo vệ nhân tính, với nhân tri để nâng đở nhân phẩm, với nhân đạo bồng ẵm nhân thế. Nảo bộ của nghệ sĩ chắc chắn là thông minh, vì nó biết dùng mật ngữ để che chở tình yêu, giữ tình người trong những nơi ẩn mật; những kẻ thô bạo với tình yêu sẽ không có mã số để vào được những nơi này, vì ngay trong cội nguồn họ đã không hiểu nổi các tín hiệu của tình yêu. Thái Hiền phát âm những tín hiệu này rất rõ trong bài về *Về với ta, « Ta soi mình vào tận đáy ao sâu…Chỉ còn ta đạp lùi tinh tú… »*. Thi nhân còn đủ lực để đạp lùi một loại ngôi sao độc tôn, tự cho mình cái quyền quyết định số phận của tình yêu, số phận của con người, khi họ thấy chung quanh chim chóc im hơi (*con chim gù lưng*) trong một vủ trụ im lặng, họ tưởng là họ đã thuần hoá được vạn vật. Họ lầm! Tình yêu vẫn còn và vẫn sáng, chỉ có họ là không thấy : *«Ổ rơm thơm nồng tuổi xuân thì » (Cổ bài tam cúc).* Tình Yêu là dậy thì, Thái Hiền đã giải thích rất sâu cho tôi chuyện này. Tôi lại xin thêm một ý nữa : nếu Tình Yêu là dậy thì, thì tự nó có sức nóng, tự nó có ánh sáng, tự nó là tỉnh thức (nó thức suốt Thái Hiền à !), nó tỉnh hơn tất cả các ý thức hệ có trên đời này, nó thức khuya dậy sớm hơn tất cả các ý đồ bạo quyền trong nhân sinh này; các chế độ độc tài, độc tôn, độc đảng đâu có đủ sức thức tỉnh táo, thức suốt ngày sáng đêm như Tình Yêu. Chúng ta quý bác Hoàng Cầm, vì ta hiểu được nội công của Tình Yêu trong bản lĩnh của thi từ của bác:

Có phải em đang cần gió Bấc.
Quất lên sông Đuống buốt phù sa.

Có lúc bác Hoàng Cầm ngồi nói chuyện với tôi, mà hình như bác đang tâm sự với chính mình: *"Le cœur du poète possède des émotions spontanées, mouvementées, son cerveau ne calcule pas, ne mesure pas, par conséquent il accepte que l'autorité le considère comme un opposant…Or, la sanction de l'autorité me rejette profondément dans mon pays natal plein de poésie, d'art… à quelque chose malheur est bon », Trái tim của thi sĩ nhịp đúng lúc theo cảm xúc thi nhân, luân chuyển không nguôi, trí não của thi sĩ không tính toán, không đong đếm bằng chính trị, nên thi sĩ chấp nhận mọi hậu quả khi quyền lực chính trị coi họ là kẻ chống đối…Sự trừng phạt gọi là chỉnh huấn hất tôi trở lại quê cha đất tổ (Bắc Ninh), một quê hương đầy thi tính, thì đây lại là một cơ may.* Bác có đầy đủ các phương thức để làm người khác hiểu nhân sinh quan trong sáng tác, thế giới quan trong cảm nhận thi ca, vủ trụ quan trong diễn đạt tình người, bác kể về chuyện *trở lại quê cha đất tổ (Bắc Ninh)* bằng công thức: *«Chân quê đầy tri thức",* khi mà lời thơ giúp thi sĩ bay được, bay để thoát những chuyện thấp hèn của cuộc sống. Và, khi người ta biết quay về quê hương của mình, thì người ta sẽ thấy được tài hoa của tổ tiên họ, tài năng này như những chất liệu nuôi con người, giúp họ biết đề kháng, biết tồn tại, biết tìm cách sống sót giữa trầm luân Thái Hiền à! Trong cuộc đời của chúng ta, có lúc ta *"thử sống"*, có lúc ta *"sống thử",* ca hai cách đều bắt con người phải phiêu lưu, nhận kiếp trôi dạt, khi về được nơi *chôn nhao, cắt rốn,* thì như tìm lại được thêm một tự do mới. Tự do mới có ngay đất *"dụng võ"* ngay, nhờ *"quen nước, quen cái"*, nên mọi cô đơn, cô độc sẽ tiêu tan, các bạn của tôi nghiên cứu trong triết học hiện đại, họ rất mê chủ đề này, tôi vừa đặt tên cho chủ đề này: *"cuộc dọn nhà cuối cùng của tâm linh"*. Nhân tiện, anh xin lỗi Thái hiền luôn, vì những năm tháng gần đây, tôi giống bác Hoàng Cầm, cứ suốt ngày tính chuyện *"về quê"* với Thái Hiền*."Nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây!"*

Thái Hiền có thấy là bác ấy sống rất thực trong câu: "*Anh đàn em hát níu xuân xưa"*… Giọng hát của Thái Hiền trong câu này đúng là *tâm cảnh* của bác trong nữa thế kỷ vừa qua, bất chấp bạo quyền! vì Bác tìm được cái khác biệt trong thi từ của bác để tạo ra tư tưởng đặc thù trong sáng tác, từ đó bác có đặc tính trong bản sắc nghệ thuật của bác, làm nên cá tính của bác trong thi ca. *«Thì như núi ngọn chọc phanh trời»*. Thi từ, tư tưởng, sáng tác, bản sắc, cá tính của bác không hề đi lại trong lảnh thổ của các loại văn nghệ sỉ đã bị thuần hoá, mà dân mình gọi là *bọn bồi bút.* Trong thơ của bác, tình yêu không bao giờ chấp nhận *kiếp vong nô*, thơ của bác ở một cõi khác, giọng hát của Thái Hiền đưa thơ của Bác, nhạc của Bố của Thái Hiền đi xa, đi cao, đi rộng đi xa, đi cao, đi rộng: "*Có mây bàng bạc gây thương nhớ. Mong chờ anh hát khúc xuân xưa. Ngày tháng tỳ bà vương ánh nguyệt…"*

Bác còn biết sống không hận thù nữa, Thái Hiền à*: « J'ai le courage de dire ce que je pense et le considère comme utile pour une littérature authentique, je ne porte jamais la haine et la rancœur, car je sais qu'une œuvre porteuse de haine devient obscure, perd la pure nature de l'art, et les ouvrages poussés par les intérêts se vident de leur sens… Un vrai artiste ne se trompe pas dans son jugement, la fierté existe, mais l'arrogance est à éviter. L'autosatisfaction de l'artiste est son suicide…Ton art purifie ton âme». Tôi can đảm nói những gì mình nghĩ, mà tôi tin là nó có ích cho một nền văn học chính thống, tôi sống mà không mang oán thù, đeo cừu hận, một tác phẩm mà mang hận thù sẽ trở nên tăm tối, sẽ mất đi bản chất tinh khiết của nghệ thuật, những tác phẩm làm ra vì quyền lợi sẽ tự nó nạo rỗng chất sống của nó…Một nghệ sĩ chân chính không được lầm trong quyết đoán của mình, niềm tự hào có, nhưng kiêu căng là chuyện phải tránh, tự mãn là tự vận…nghệ thuật của bạn giúp bạn tinh khiết hoá tâm hồn của bạn »* . Bác chung thuỷ với nhận định này trong thơ của bác *:*

Ta con phù du ao trời chật trội.
Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao.

Trùng hợp ghê và hay lắm, tôi thấy Thái Hiền giống bác ấy, tôi chưa bao thấy Thái Hiền *kiêu căng*, chưa bao giờ nghe một câu nào của Thái Hiền *tự mãn*, Thái Hiền tránh nói về Thái Hiền, Thái Hiền tôn trọng các bậc ca sĩ đàn dì (Thái Thanh, Kim Tước…), đàn chị (Lệ Thu, Khánh Ly…), đàn anh (Tuấn Ngọc, Duy Quang…), Thái Hiền quý trọng các ca sĩ cùng thế hệ với Thái Hiền. Làm người Việt với nhân phẩm trọn vẹn, trong thế kỷ qua: thật khó, với bao đe doạ, không những của chế độ, rình rập của công an, lại còn bị hãm hại bởi những loại thi sĩ thấp hèn không tài hoa bằng bác, ghen ghét, tị hiềm với bác ấy, viện mọi cớ chính trị để hủy tập thơ Kinh Bắc của bác, để bắt bớ, giam cầm bác những năm ròng. Bác nhận rất rõ chuyện này :

Ai đem cái chết khổng lồ.
Úp xuống đầu anh đang bốc lửa.

Giữ được nhân cách để đối diện với bọn xấu, tồi độc, ác, bọn mà bác đặt tên là: "*Nước lạnh khép mặt người",* bác vẫn gởi được thông điệp cho nhân sinh là thi *sĩ* vẫn đứng vững để tiếp tục bảo vệ tình yêu: "*Vừa đứng trăng vừa nồng nàn hoa sữa. Đi tận cùng trời trải lụa đón đê mê".* Ấp ủ cho tình yêu bằng chất người, cùng lúc công nhận có những thử thách quá lớn trong kiếp người: "*Xuân về xuân đi ai kịp làm người".* Cho nên tại sao chúng ta rất thích những câu *"gợi tình" (sensualité)* của bác mỗi lần chúng ta nhắc tới thơ Hoàng Cầm:

Cổ lơi áo cởi trưa hè.
Ngực trần vỗ yếm gọi về tuổi hoa.

Gợi tình không phải để gợi dục, mà để bảo vệ một loại tự do vô cùng thiêng liêng, là tự do của tình yêu, làm cuộc sống *"đáng sống",* dựa vào tình yêu để quý cuộc sống hơn, ham sống vì vui sống…để yêu, vì *Mây bạc trăng vàng vẩn thướt tha.*

Những kẻ rình rập để kiểm duyệt, để huỷ diệt thơ của bác, không hiểu là thi từ*: gió*, chính là tự do của thi nhân*:*

Gió vào trăm cửa.
Gió ra hồng da trinh nữ.

Những kẻ rình rập để kiểm duyệt thì sẽ không hiểu tình yêu, họ làm sao cảm nhận được *"da trinh nữ"* sẽ *"hồng"* vì *"gió"*. Tự do như gió là kiếp của bác, cũng là của bố của Thái Hiền, từ bao giờ luôn là của Thái Hiền, nên chúng ta hiểu bác:

Bỏ lại sau lưng hoàng hôn ráng đỏ.
Gậy nghiên mình chào những sớm mai xanh.

Không những "*Bỏ lại sau lưng"* mà còn trút rủ triệt để cái loại "*hoàng hôn ráng đỏ",* vừa của chiến tranh, máu lữa, chết chóc… vừa của một ý thức hệ một chiều chỉ thấy bạo động, bạo ngược, bạo hành. Chúng ta theo bác, vì chúng ta hiểu tình yêu sinh trước tất cả các ý thức hệ và lạ hơn nữa là nó luôn mới hơn, "hiện đại hơn" mọi ý thức hệ, vì tình yêu biết tự tái tạo lại, cho kiếp người được thăng hoa: *« Cái em có vô cùng. Đến cái không vô tận »; «vô cùng»* và *«vô tận »*, vừa là không gian, vừa là thời gian của tình yêu; lãnh thổ nào cũng nhỏ bé, biên giới nào cũng chật hẹp với nó. Ý thức hệ là khung, chế độ toàn trị là khuôn, còn tình yêu là chất, chất sống và chất men, chất sống vực con người dậy trước những trầm luân; chất men nâng con người lên, phải tỉnh lại để đưa tình yêu đi xa. *«Ra biển vẫy chân trời. Dẫu thuyền không bến hẹn ».* Tình yêu luôn báo cho chúng ta là *một cuộc sống thực là có thật* khi người ta biết yêu nhau Thái Hiền à; cuộc sống thực và thật này nằm trong động từ: *quyết đón* của

bác Hoàng Cầm. Thái Hiền có vài người bạn thích đùa giỡn, họ tự ý đổi câu *: «Nếu anh còn trẻ như năm cũ,* quyết đón *em về sống với anh»*, ra thành *«Nếu anh còn trẻ như năm cũ, «*sức mấy» *em về sống với anh»*, theo ý riêng của tôi thì Thái Hiền đừng tham dự vào những loại đùa giỡn như vậy, vì sao Thái Hiền biết không? Vì bác Hoàng Cầm là người đầu tiên trong thi ca Việt Nam đưa động từ: *quyết đón* vào thơ tình, như một khẳng định của Tình Yêu, luôn muốn tự tồn, luôn muốn tự tại. Bài Tình Cầm, hình như có hai thời gian trong một cuộc đời, trong một bài: thời gian thứ nhất thuộc về cuộc đời, nó vừa trôi dạt, nó vừa mờ loãng trong thăm trầm của nhân sinh; thời gian thứ nhì thuộc về tình yêu, nó vừa dựa vào sự thiêng liêng của tình yêu, vừa có quyết tâm -giờ đã thành quyết đón- của hai kẻ yêu nhau, Bác viết *: « Khoảng cách không gian một điều bất hạnh…Khoảng cách thời gian lại thêm bất hạnh…Nhưng người thơ đâu biết tháng năm già…". «Sức mấy»* một động từ đầy mâu thuẩn và giới hạn, mâu thuẩn vì không thấy được niềm tin đã có trong tình yêu; và giới hạn vì không tự tin vào mình và vào người mình yêu… (tôi đang phân tích *xa đà* đây, nhưng tôi muốn tìm ra một loại diễn luận giúp chúng ta đi xa hơn), vì sự thật trong bài Tình Cầm này, là sự thật của hai kẻ yêu nhau nhưng họ không còn sống được với tình yêu của họ. Một bài thơ tình buồn, Phạm Duy đã chuyển thành một ca khúc lắng sầu của kiếp người, và Thái Hiền biết mài lời thơ, chuốt giòng nhạc để truyền đạt cho bằng được cái mất mát của những kẻ yêu nhau, nhưng không chung kiếp được với nhau.



Tiếng hát: giọng và cõi

Phạm Duy

Chère Thái Hiền
Cher Duy Cường,
«Tôi đang ốm nặng, tin Khoá làm tôi vui», đây là dòng thư cuối cùng mà tôi nhận được của Bác, viết ngày 15 tháng giêng; ngày 27 cùng tháng năm 2013, tôi nhận tin bác qua đời. Thư cuối cùng tôi viết tới Bác để thông tin thêm các suy nghĩ mới của tôi về nghệ thuật ca khúc của Bác, sau bài nghiên cứu về Bác bằng tiếng pháp trong bộ sách *Anthrpologie du Vietnam* của tôi. Tôi đã tặng Bác bài nghiên cứu này, vào một ngày mùa xuân năm 2010, chắc Duy Cường còn nhớ buổi trưa hôm đó, Duy Cường và tôi dùng cơm trưa gần chợ Bến Thành, Duy Cường dặn Bác qua điện thoại: *«Bố đừng đi đâu nhá, Khoá lại thăm Bố»*; rồi đầu dây bên kia, giọng của Bác lúc nào cũng mạnh và rõ: *«Khoá cứ lại, Bố chờ đây!».* Tôi mang lại một bài nghiên cứu của mình sau gần hai mươi năm mới xong, Bác nửa đùa, nửa thật, trách tôi: *«Viết gì mà lâu quá vậy, tưởng tới chết vẫn chưa đọc được bài của toi»*. Tôi lúc nào cũng có sẵn câu trả lời: *«Bác ạ, nghiên cứu không chỉ là viết, mà phải tổ chức tư liệu, sắp xếp lập luận, giải trình tư duy...mất rất nhiều thì giờ mà chưa chắc đã thành công »*. Bác ngồi thanh thản nhưng rất tập trung đọc bài này, nhìn khuôn mặt Bác tôi biết Bác rất thú vị mỗi lần được đọc tiếng pháp, vì tôi nhớ rất rõ khuôn mặt này mỗi lần Bác lại đọc sách tiếng pháp tại nhà tôi ở Paris những năm cuối thế kỷ qua. Bác không hỏi, không bàn gì về nghệ thuật âm nhạc, cuộc đời của Bác trong bài viết, mà chỉ hỏi, hỏi thật nhiều về các tư tưởng gia, các triết gia, các nhà phê bình nghệ thuật âm nhạc và thi ca của Âu châu được trích trong bài này dùng để *«giải mã»* cách sáng tác của Bác. Bác bàn thật lâu với tôi về câu của Kant : *« L'amour est une affaire de sentiment et non de volonté, ainsi je ne peux aimer parce que je le veux, encore moins parce que je le dois, car le devoir d'aimer est un non sens »*. Tình yêu vẫn là chuyện của tình cảm, không phải chuyện của ý chí, tôi yêu vì tôi muốn yêu, không ai yêu vì bị buộc yêu, chuyện bổn phận trong tình yêu là chuyện vô nghĩa. Vô nghĩa đã biến thành vô duyên. Hôm đó, tôi nhắc là Bác có cách nói riêng của Bác : *«Ngày đôi môi đã quyết trói đời người»*.
Bây giờ Bác đã ra đi, người cha thâm niên của trường ca dân tộc, người yêu bền bỉ của tình ca, đứa con tin yêu của Việt tộc, mà không một ý thức hệ nào thuần hoá được, không một chế độ nào khống chế được, không một bè phái nào có thể bôi bác được. Vì đứa con tin yêu này của Việt tộc đã tặng tổ quốc mình hàng ngàn ca khúc, với rất nhiều bài hát làm rạng rỡ tinh anh dân tộc mình, làm thăng hoa thể phách đồng bào mình. Chuyện này phải có thiên tài mới làm được. Nếu có những người trách Bác vì bị thất thế trong cuộc vật đổi sao dời vừa qua, vì chiến tranh, vì là nạn nhân của các chế độ bất nhân trong chuyện huynh đệ tương tàn của thế kỷ qua, họ cứ trách, tôi hiểu họ, thông cảm với hoàn cảnh của họ, nhưng tôi không phải là họ. Bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên hay trách tôi : «*chỉ khen chớ không chê, chỉ nâng chớ không hạ, chỉ nghe, đọc, nhìn chuyện hay, không nhắc, không viết gì về chuyện xấu, chuyện tồi»* ; mỗi lần bị trách như vậy, tôi luôn trả lời rất thành thật : *«Sách thánh hiền cả đời đọc không hết, nhạc hay nghe tới chết chưa xong, còn thì giờ đâu mà đi phanh phui chuyện dở, chuyện thấp…để viết »*; tôi được quyền có thái độ này với cuộc sống *«nắng sớm, mưa chiều»* này. Vậy nên trong những năm qua, tôi gần Bác qua cái đẹp, cái hay, cái cao, cái lành trong âm nhạc Bác, tôi tiếp tục trân trọng những cái này trong việc nghiên cứu về dân tộc học, về nhân học của mình mà không để *cái mê chấp của thời cuộc* làm mờ nhạt đóng góp của đứa con tin yêu này của Việt tộc. Nếu các thế hệ đàn cha, đàn anh đã có những ý kiến khác nhau về Bác

trong cuộc biến thiên của thế kỷ qua, mà chiến tranh vô nhân, các ý thức hệ vô luân gieo bao đại nạn cho dân tộc, hàng ngày vùi dập nhân cách nghệ sĩ và trí thức; riêng tôi chỉ muốn tâm sự với các thế hệ trẻ tuổi hơn Duy Cường và tôi (chúng ta sinh cùng năm, có lần Duy Cường còn nói là : *«Tôi hơn Khoá sáu tháng»)*, tâm sự về nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan trong âm nhạc của Bác.

Không già

Bác là người Việt hiếm hoi mà tôi thấy tuổi đời không lấn được trí lực. Lý trí khi đã thành sinh lực, nó trở thành tinh anh và tự cho phép nghệ sỹ và trí thức đi trên vai của thời gian, cụ Tiên Điền thi hào của việt tộc đã đào sâu được chuyện này : *«Thác là thể phách, còn là tinh anh*». Bác vượt lên cả chuyện *thể phách, tinh anh* của riêng mình, để tinh hoa hoá môi trường sống của đất nước qua cách tự tình dân tộc của riêng mình, cả đời nghệ thuật của mình Bác biết «trẻ hoá tình yêu», «thăng hoa yêu đương», cùng vui chia nhau những niềm thương thật hiếm hoi trong cuộc sống. Muốn làm được chuyện này trong gần một thế kỷ phải có hoài bão mạnh, ý tưởng vững, nơi mà trí lực phải dựa vai cùng ý lực, như lời Bác đã đọc khi giới thiệu Đạo ca, khi phổ thơ Phạm Thiên Thư : «*Ý lực cứu độ muôn loài như cứu chính mình»,* ý Phật và tâm Phật là một. Sinh lực của Bác đủ vai vóc đồng hành với ý lực, chuyện Bác làm việc say mê dung hoà với chuyện ăn uống điều độ, sống một ngày với Bác thấy rõ được việc này, trách xa mọi nơi *«chén chú, chén anh»*, kỷ luật tri thức rành mạch với thì giờ trước mắt, chuyện nghỉ ngơi đúng lúc giữ cho tầm vóc tư duy luôn được sáng suốt. Bác đã tặng cho chính mình một món quà thật quý, mà thi sĩ Y.Bonnefoy, tầm cở loại Nam Tào của thi ca Pháp trong thế kỷ hai mươi, đã nói rõ được chuyện này *«L'esprit sait vaincre la grisaille»*. Lý trí biết cách thắng cái ảm đạm, cái mờ đục, nó không chấp nhận cái đìu hiu. Không già tức là không lẩm cẩm, mà cũng là không thụ động trước các truy bức trong cuộc sống, cứ đẩy nhân tính gần về phía biên giới của thú tính. Tôi thấy rõ chuyện kỹ luật tri thức này trong các nhà tư tưởng, các lý thuyết gia của nhân loại, sự sáng suốt có từ sự tỉnh táo, trí tuệ minh giác là nội công của lý luận, kiến thức tinh thông là nội lực của lập luận. Không già và đủ sức mở lòng thật mạnh với đời để sáng tác, lực nghệ thuật có trong sức nhạy cảm, ý nhập nội trong lý, khai nghiệp để nhập nghệ. Sau một ngày đi đây đó tại Paris, tối Bác về nhà tôi, vui vẻ kể cho tôi nghe : *«Trong mười bài Thiền ca, nội ngày hôm nay, moi làm được năm bài !»*, chuyện không già này thấy rõ trong Thiền ca : *«Hai mươi tuổi đời yêu như hổ đói, bảy mươi tuổi rồi yêu cũng vậy thôi»*. Bạn bè gần xa thường *«trách» : «Câu này chẳng có hơi hướm thiền gì cả!»*. Bác và tôi thường đùa nhau : *«Nhập thiền kiểu này để tránh già!»*.

Không rũ

Bác luôn thấy được lối ra mỗi lần cuộc sống bế tắc, sự thụ động hoàn toàn xa lạ với cá tính quyết đoán của Bác, không có cá tính này đừng tìm đến nghệ thuật, có cá tính mạnh mới trao truyền được sáng tác, kể cả những sáng tác buồn, kể cả những tác phẩm bi quan. Vì cá tính đánh thức cảm tính, vực dậy linh tính, làm thẳng lưng trí tính, mở đường cho nghệ thuật được thăng hoa; không rũ tức là không cam nhận tai biến. Trong chuyện vật đổi sao dời sau 1975, với hằng triệu đồng bào phải bỏ quê cha đất tổ ra đi, Bác có trong khúc ruột bị cắt điếng vất xa tắp khỏi quê hương đó. Những năm đầu tiên Bác cũng hoang mang như mọi người, vì đồng bào di tản của mình bắt buộc phải *vượt biên* mà dân tộc mình chưa hề có kinh nghiệm *vượt biển*. Duy Cường ơi! Biển đông đã thành một nấm mồ khổng lồ vô hình của bao bạn bè, của

bao quyến thuộc…Nhưng Bác không rũ, không rục ; với *Bầy chim bỏ xứ*, chủ động với nhận định *«Tự do là tiếng loài chim!»*, phải chọn lựa tự do mới bảo vệ được nhân cách của mình, phải gìn giữ tự do mới che chở được tư cách của mình, đối với nghệ sĩ và trí thức phải ôm ấp tự do mới nuôi nấng được phong cách của mình. Tôi kể về nhận định của văn sĩ J.M.Clézio : *«Le destin de chacun est sa liberté»*, số kiếp mỗi người vẫn là tự do của người đó, Bác rất thích câu này. Trong thư, Bác thường viết *«Khoá ơi ! PD, chim già chưa mõi cánh».* Nhớ lại nhiều thi sĩ được dân mình ngưỡng mộ nhờ qua các bài được Bác phổ nhạc, hãy xem lại tên tuổi những thi sĩ đó, tất cả họ là những người yêu tự do, từ nhân sinh quan ra thế giới quan. Một tự do không ích kỷ cũng không hận thù, tự do còn phải biết biến thành tình thương đồng loại, tinh anh của nhân loại là đây, nếu tự do là riêng tư thì nó vô thưởng vô phạt. Có lần, Bác hỏi tôi : *«Trong Thiền ca, nếu chọn một câu hay nhất thì toi chọn câu nào ?»*, tôi thảnh thơi nhưng cũng trầm mặc trả lời : *«Cháu chọn câu :* «Tròn như viên đạn đồng đen, đã khô vết máu, xa miền chiến tranh », *cháu chọn câu này vì nó có nội dung hoà hợp, hoà giải dân tộc!».* Sau cuộc huynh đệ tương tàn trong thế kỷ hai mươi, đáng lẽ kẻ thắng là người cộng sản phải làm chuyện này, họ không làm lại để kẻ thua trận, bại cuộc làm chuyện này, thì lương tri và nhân phẩm sẽ thuộc về bên thua cuộc. Nhớ lại người xưa thật hay, như Quang Trung Nguyễn Huệ chẳng hạn, từ nam ra bắc, giải phóng trọn vẹn tổ quốc, khi tới Thăng Long, thủ đô thương yêu của Việt tộc, không còn một bóng giặc Thanh, vua liền bị vây quanh bởi các kẻ đầy tị hiềm dân tộc, trao tới vua một hồ sơ những người đã hợp tác với ngoại xâm, đưa đẩy vua phải mang họ ra xử, vua đã xé bản tường trình tố cáo đó, lại còn lập ngay đàn giải oan, dứt khoát xoá tất cả vết nhơ trong chuyện huynh đệ tương tàn. Đấng minh quân này đã hoá giải chuyện *«gà nhà bôi mặt đá nhau»* để hòa giải nên chuyện *«gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau».* Bác nghe tôi kể xong chuyện *hoá giải để hoà giải,* Bác liền nhắc tôi : *«Moi đã làm chuyện hoá giải để hoà giải này từ lâu, hồi còn trẻ giữa cuộc chiến tang thương, trong bài* Bên cầu biên giới *moi đã thấy hậu quả của chuyện hận thù* : «Lòng tôi sao vẫn còn biên giới ?», *rồi trong bài* Bà mẹ Gio Linh, *ôm đầu đứa con vừa bị giặc chặt, nhưng lòng tràn đầy tình thương đồng loại*: «Xa xa tiếng chuông chùa réo», *moi hình dung một viễn ảnh của dân tộc mình mà tâm phật qua tiếng chuông chùa chan hoà trong không gian ; tình thương đồng loại ngân vang như chuông chùa giữa cuộc sống».* Duy Cường ơi ! Nhạc hay là nhạc cảm hoá được mọi tỵ hiềm, cảm nhận được tình thương bao la của việc *hoá giải để hoà giải.* Hãy tâm sự với các bạn trẻ đang làm nhạc và đang nghe nhạc Việt Nam, các bạn đừng rơi vào các lời lẽ dễ dãi, câu chữ chụp giựt, âm điệu ngẫu nghiến trong cách sáng tác, trong cách thưởng thức nhạc hiện nay; nếu các bạn không *hoá giải* được cái *tục* để *hoà giải* cùng với cái *thanh,* các bạn có thể bị sa lầy trong tương lai vì các bạn sẽ không đủ tâm, đủ ý, đủ lực để *hoà hợp* được với dân tộc này, đã chịu quá nhiều thảm hoạ.

Không nản,

Bác không coi chuyến lưu vong sau 1975 vừa qua là vĩnh viễn, phải chấp nhận kiếp lưu đày tới chết, Bác đã trở lại với quê hương, đã tìm về với dân tộc, không một xảo thuật chính trị nào có thể giật dây được thái độ này, kẻ thân với chính quyền thì bảo đã trở về với chế độ, kẻ chống cộng sản thì bảo là đã đầu hàng trước quyền lực độc tài. Riêng người nghệ sĩ họ biết trước hết họ là ai, họ là nghệ sĩ của dân tộc họ, họ có chỗ đứng trên bất cứ thời gian và không gian nào của tổ quốc họ, vì họ yêu đất nước như bất cứ một nhà cách mạng nào, như bất cứ một chính trị gia nào, đừng mơ hồ và cũng đừng *đánh lận con đen* trên chuyện này, vì nước

Việt là của mọi người Việt, không một chế độ nào, không một chính phủ nào, không một ý thức hệ nào thay đổi được chân lý này. Không nản ở đây là không để cho dân tộc này bị chia xé, không để cho đất nước này bị chia cắt, vì «*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời*», cho dù *« Đất nước cháy theo với ngọn lửa thiêu »*, cùng dân tộc tôi *«Tôi đi từ ải Nam Quan sau vài ngàn năm lẻ »;* đó là thông điệp âm nhạc của Bác. Nhưng khổ đau cuộc sống hàng ngày trên đất nước đã tới Bác trọn vẹn, nhờ sức nhận định rành mạch về thời cuộc của Bác, lần cuối gặp Bác tại Sài Gòn, Bác tâm sự : *«Đối với nghệ sĩ trên đời này chỉ có hai chế độ, chế độ ác và chế độ lành, chế độ này không lành, vì nghệ sĩ không được tự do sáng tác, kể cả tự do gặp gỡ nhau. Moi về đây đã năm năm, bị mổ, bị bịnh, bạn bè không dám tới thăm…Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc mình còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à ! ... Có lẽ moi sẽ trở lại Mỹ, rồi viết tiếp hồi ký, cuốn hồi ký lần này, moi sẽ đặt tựa là :* Năm năm mặc áo giấy !». Duy Cường ơi ! *Đi với thầy tu mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy,* chúng ta chỉ bảo nhau chuyện này vừa để *phòng thân* đối với bọn xấu, vừa để *thủ thân* đối với kẻ ác, cũng vừa để tìm cách *lập thân* trong một môi trường lành, rồi *tu thân* trong cái trong. Nhưng khi chia tay, rời nhà Bác lấy taxi về lại trung tâm Sài Gòn, tôi tìm cách *ngồi thật yên, thở thật sâu* như lời dặn của thiền học, nhưng không sao thở sâu được, nước mắt tự nhiên rơi, khi nhớ lại câu : « *Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à !*». Tôi nhìn kỹ hơn Sài Gòn trước mắt, *lầm than, khổ cực* đã lẳng lặng nhưng sừng sững đứng giữa tầm nhìn của tôi.

Không chùng,

Đối với Bác vừa là không chùng bước cũng vừa là không chùng lời, trong thư từ qua lại, Bác luôn tìm cách trao tin vui : *«Đừng sợ già cậu à, càng già nhạc của moi càng hay, lời ngày càng sâu, chữ ngày càng rộng.».* Từ lâu, khi nghe nhạc của Bác chúng ta học sâu thêm được nhiều chữ, trong đó có chữ *đi* : «*Cho đi lại từ đầu, chưa đi vội về sau, Xin đi từ thơ ấu đi, vui và bên nhau» ;*chữ *đi* không rời chữ *đời* : « *Đời ngon như men say, tình lên phơi phới …Đời vui như ong bay, ngọt lên cây trái ... »*, rồi chữ *đời* này được làm *bạn đời* với chữ *hát : «Vì lòng tin yêu còn hát nghìn năm…Hát với tôi khi mới mang thân phận bào thai… ».* Đi để hát cho đời, hát câu yêu đời để đi xa, đi rộng, đi sâu, đi có khi để tránh cảnh : « *Đất nước hai miền chật chội oan khiên… ».* Nhìn lại những người quen chung quanh, ít ai đi nhiều như Bác, «*Người đi trong đêm tối, trong đêm thâu. Người đi không dắt, không ai đưa… »*, đi nhưng luôn cảnh tỉnh « *Thế giới âm thầm, thủ phạm lâu năm»* để hiểu sâu đậm hơn chữ *tự do : «Ngoài trời tự do…Đưa tôi ra gặp ngay ánh sáng…».* Không chấp nhận cảnh *: « Như đui mắt, như bơ vơ…Đi trong vòng quanh của bầy ma… »*, đi và hát để thấu được số phận của Việt tộc đã nằm trong cái tăm tối của thế kỷ hai mươi, rời khỏi thế kỷ này không biết là mình đang cười hay đang khóc, hài kịch cũng bi kịch trong thế kỷ này vì thảm kịch đã bồng thảm cảnh trong thế kỷ qua, «*nước mắt len sau từng nụ cười»*, vận nước nay mai rồi không biết về đâu ? Nhưng đừng chùng bước trong cuộc tầm xuân: «*...Người ôm nhân loại trong mình. Cười trong nước mắt cho xuân tình dấy men…».*

Không chờ

Chữ ban ân, không đợi lời thương xót; trong *xuân tình,* cái lõi vẫn là *tình,* Bác nhận chữ *tình* rồi gìn giữ nó như báu vật, gìn giữ trọn vẹn không phải chuyện dễ, tình yêu đôi lứa không

thiếu vắng tình thương đồng bào, đồng loại; không ngại câu chuyện tình ái, cũng không giấu diếm câu chuyện tình dục... *«Tình âm dương chan chứa, xoay trong vòng tử sinh…».* Platon dặn đời muốn hiểu được chữ *yêu,* thì phải hiểu tại sao chữ *thiếu* chống lại với chữ *có*: *«aime ce dont il manque, et qu'il ne possède pas»,* yêu vì thiếu, yêu vì chưa có. Aristote còn khẳng định rõ hơn là yêu thú vị hơn được yêu, vì sao? Chỉ vì: *«aimer est certainement une activité de plaisir et un bien, alors que le fait d'être aimé ne procède d'aucune activité chez l'être aimé»,* yêu là một sinh hoạt vừa sướng vừa vui, còn được yêu không tạo dựng được một sinh hoạt lý thú nào cả cho kẻ được yêu. Bác thấy xuyên qua các thế hệ cái lõi vui của chữ *yêu:* «*Xuân trong tôi, đã khơi trong một đêm vui. Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về ».* Nhạc của Bác cũng dặn thêm cho đời chữ *mất*, người ta yêu và không ngừng yêu, vì đã bị mất mát nhiều, và biết vui lên khi cuộc sống trở lại bình thường: *«Tình xuân chớm nở đêm qua khi mùa chinh chiến đã lùi xa ngoài đời»,* số phận của một dân tộc đếm bằng *mùa chinh chiến*. Không chờ, không đợi, sẵn sàng tìm nhau *«Tìm nhau khi nhân loại được trùng tu…»* để gặp nhau... « *Gặp nhau trong vinh dự của đời người …».* Không chờ, không đợi để không vội, không hoảng, biết nhận vận tốc của thời gian như biết nhận tuổi đời, nhưng cũng biết thong thả với đời, để được ung dung với thân: *"Nắng còn nắng lê thê thì đêm ơi chớ vội gì".* Phải tiếp tục sáng tác, phải tiếp tục làm chứng nhân cho sự thật và lẽ phải: « *Đừng ngậm miệng im hơi thành xác không hồn… »,* cũng chỉ vì: «*...Lời tôi thay cho tiếng đạn bay...Lời tôi khâu vá tình thương...Đừng cho ai ăn cướp tình ta...Lời tôi sâu như tiếng tình yêu…».* Trước sau, Bác vẫn không nản: «*Tôi còn yêu đời, tôi còn yêu người*». Trong tình yêu Bác đi thật xa, *đi-yêu* và *yêu-đi*, Bác thông cảm với Stendhal: *«Aimer, c'est avoir du plaisir à voir, toucher, sentir par tous les sens, et d'aussi près que possible, la personne aimée»,* yêu là có thích thú trong chuyện nhìn để thấy, va chạm để cảm nhận bằng tất cả cảm quan, càng gần người mình yêu càng hay. Rồi Stendhal như kẻ *ham-yêu* đi xa hơn: *«Il nous pousse à aller plus loin dans le sens de la jouissance: aimer c'est pouvoir jouir ou se réjouir, et se démarquer de l'indifférence et l'ennuie".* Tình yêu đưa ta tới vùng cảm nhận của khoái lạc, yêu để hưởng đi, để được sướng lại, nó hoàn toàn xa lạ với sự thờ ơ, sự buồn chán. Ngược lại với mọi lãnh đạm, buồn rầu, nhạc của Bác có sức gợi cảm trong tình yêu, bàng bạc trùm phủ chữ *yêu* trong không gian, biến môi trường sống thành lãnh địa của ham muốn : *Đêm thơm như một dòng sữa.* Nietzche vẫn không lầm khi nhận ra : *« ce qu'on fait par amour s'accomplit toujours par-delà, le bien et le mal »,* chuyện con người làm trong tình yêu, vượt lên cái thiện và cái ác. Bác cũng hiểu rõ chuyện này của Nietzche, Bác càng hiểu hơn Réné Char, thi sĩ loại Bắc Đẩu của thi ca Pháp thế kỷ hai mươi, đào kiếm trong tình yêu để hiểu thêm ham muốn : *«L'amour réalisé du désir demeuré désir»,* tình yêu được thực hiện qua ham muốn, rồi vĩnh viễn ở luôn trong dạng ham muốn, bởi vì sao? *«Bởi vì đời còn nhiều khi là mơ! Bởi vì đời còn nhiều khi thành thơ! ...».*



Phạm Duy

Thiền ca… Paris…

Chère Thái Hiền

Trong *giao mùa thế kỷ*, hết thế kỷ XX bước qua thế kỷ XXI, người cha thân thương Phạm Duy lại trao tặng tới cô con gái ca sĩ Thái Hiền: 10 bài *Thiền ca*, tuổi cha đã lớn trao tặng cho đứa con gái thân yêu Thái Hiền vào tuổi trung niên. Món quà này đẹp quá! Hiếm ai trong đời được một món quà như vậy, một món quà như vậy thật *ngoại lệ* trong một đời người, món quà tới từ người nhạc sĩ lão thành tổng kết cuộc đời mình bằng tỉnh táo của *thiền định*, bằng sáng suốt của *thiền tập*, bằng trầm lặng của *thiền thuật*. Nhưng người nhạc sĩ này có phương cách *nhập thiền* riêng, có phương cách *sống thiền* kiểu của ông, ông tránh lối rút lui kiểu *«mai danh ẩn tích»*, ông chọn lối mà ông thích: tiếp tục sống trọn để yêu trọn đời, trọn người, Thái Hiền đã thể hiện, diễn đạt thành công các tác phẩm này. Thành công trong ca khúc là thành quả trong nghệ thuật, thành tựu trong cuộc đời rồi!

Những ngày sáng tác các tác phẩm này, tôi thường gặp bác Phạm Duy, vì bác thường đến nhà tôi, ăn trưa, ngủ trưa. Ăn trưa thì bác dặn: *«Moi ăn cá chứ không ăn thịt đâu nhá, moi sợ colestérol lắm!»*. Đến giờ nghỉ trưa, thì bác thay quần áo thật nhanh, nói rõ từng chữ: *«Moi ngũ trưa đây!»*. Nghỉ xong, bác mặc đồ cũng mau, nói cũng gọn: *«Moi xuống phố đây!»*, bác đóng nhẹ cửa, đi tới tối. Hôm nào bác muốn về trễ, ngủ nơi khác, bác dặn trong điện thoại với giọng nói luôn gãy gọn: *«Khóa đừng chờ moi nhé!»*.

Ra phố thăm hỏi bạn bè xong, bác lẳng lặng và chậm trãi qua các đường phố Paris mà bác thuộc như lòng bàn tay. Bác là đợt du học sinh đầu tiên tới Paris, và cả một thế kỷ qua, có bao thế hệ sinh viên tới thủ đô này, họ giống bác lắm! Khi họ đã biết Paris, thì họ không quên Paris, nhớ đường Paris, nhớ phố Paris, nhớ các xóm Paris. Về tới quê nhà rồi, tại Việt Nam, họ kể vành vạch ngõ, hẻm, dốc Paris không lầm, không sai, không lạc.

Và, những ngày sáng tác các bài *Thiền ca*, tại Paris, tôi chưa bao giờ thấy bác vui như vậy, có lúc bác về tới nhà tôi, bác kể giọng hứng, câu vui : «*Hôm nay, moi làm được một bài hay lắm!», «Hôm nay, moi được mấy bài luôn!», « Hôm nay, moi hứng quá làm thật mau mấy bài!»*. Sáng lòng trong sáng tạo, bác là một trong những người hiếm hoi mà tôi biết, biết trao tặng niềm vui, nỗi hứng tới các người xung quanh. Đúng là một cái gương sáng cho ta học hỏi, học tập, học hành…

Thiền ca 1.

Thinh không

Thinh không… tất cả là tôi mà cũng là chung

Chère Thái Hiền,

Tuần qua, Thái Hiền chỉ nói qua điện thoại một câu làm tôi suy nghĩ rất nhiều: «*Khi vào trung tuần, một giọng ca mới chín mùi… Thái Hiền thích giọng hát của mình khi vào tuổi này …* ». Câu này thật hay, đối với một ca sĩ đã tạo tên tên tuổi từ thủa thiếu niên, rạng danh thủa thanh niên, lại tâm sự rất thật về nghệ thuật tuổi trung niên; câu này càng hay, khi chúng ta đang rời tuổi trung niên này. Cứ xem câu này như tổng kết một cuộc đời sống trọn với ca khúc, càng sống càng thật với với giọng hát của mình, và tôi sẽ dùng câu này: «*Khi vào trung tuần, một giọng ca mới chín mùi…* » để nghiệm lại tất cả các giọng hát mà tôi thích, nếu nghiệm đúng thì tôi xin bái phục.

Thủa sinh thời trong khi bác Phạm Duy, bố của Thái Hiền, sáng tác 10 bài *Thiền ca* tại Paris, tôi *«đãng trí»* vì công việc, mà không hỏi bác khi bác làm ra câu: «*Tất cả là tôi mà cũng là chung»*, bác có thích câu của Nguyễn Công Trứ *«Kho trời chung mà vô tận của mình riêng»* không? Nhưng chuyện *riêng-chung* hôm nay của chúng ta đang trở thành một chuyện thật hay nhờ «tổng luận» của Thái Hiền: *trung tuần-giọng hát-chín mùi*, tôi sẽ xem đây có phải là quy luật chung cho tất cả ca sĩ, tôi sẽ nghiệm xem nó có phải là chân lý của tất cả các giọng hát không nhé!

Nhưng phải thừa nhận trong 10 bài *Thiền ca*, sáng tác lúc giao thời của hai thể kỷ XX và thế kỷ XXI, cũng là giao thời của hai lứa tuổi thanh niên và trung niên của Thái Hiền, ở đây giọng hát của Thái Hiền đã tới một đỉnh cao: khi cần cao nó cao thật thản nhiên, khi cần nhọn nó nhọn trong ung dung, khi cần sắc nó sắc trong thong dong. Đây có phải là định nghĩa của điệu luyện ở tuổi trung niên chăng?



Thiền ca 2.

Võng

Cõi tử, cõi sinh, cõi tình, cõi hận…
Tôi nằm đó nằm yên mọi chốn…

Chère Thái Hiền,

Nhạc sĩ Phạm Duy đã gởi gấm cả 10 bài *Thiền ca* cho giọng hát của Thái Hiền ở tuổi trung niên, tôi cũng quan sát được một chuyện khác nữa là ở tuổi trung niên, thì Thái Hiền dùng nhiều thì giờ để nghe thật kỹ các ca khúc, với các giọng hát quốc gia và quốc tế mà Thái Hiền quý yêu. Tuổi thanh niên, các đồng nghiệp ai cũng biết là Thái Hiền miệt mài tập dượt, tuổi trung niên thì lắng nghe thật kỹ để tập dượt thật sâu, cái sôi nổi lùi cho cái trầm tĩnh đi tìm cái sâu lắng, tim cách giữ được cái lắng đọng trong tâm người nghe.

Chắc bài *Võng*, bài *Thiền ca* thứ hai này là nơi hẹn của trầm tĩnh, của lắng đọng?



Thiền ca 3.

Thế thôi

Một cuộc tình… thật bền… rồi cũng chênh vênh…
Một cuộc đời…chỉ cần thế thôi…

Chère Thái Hiền,

Bài *Thế thôi*, bài *Thiền ca* thứ ba, ở đây từ *thế thôi* là tâm trạng cuối đời của một cuộc đời sôi nổi, có lẽ nhạc sĩ Phạm Duy đang ở ngã tư: dấn thân nữa hay ngừng chân đây? Tiếp tục yêu người, yêu đời, hay chậm lại, ngừng lại chuyện yêu? Thái Hiền dường như hiểu thấu được tâm trạng của cha mình, nên giọng *Thái Hiền* chậm trãi nhưng thiết tha, ấm nhưng còn nồng, cùng lúc hình như cũng muốn *buông!*

Buông gì? Buông đời? Buông người, hay buông chính mình? Đây là những câu hỏi của người nghe cứ tự đặt ra, rồi cứ tự suy nghĩ, cứ tự suy diễn, rồi cứ tự trả lời. Nếu ca sĩ mà có quyền lực để làm người nghe làm 4 *cứ tự* này, thì ca sĩ này đã thành công lắm rồi?

Thiền ca 4.

Không tên

Một con suối không tên bé nhỏ ngoan hiền…
Mà như lòng tôi… nổi sóng lên

Chère Thái Hiền,

Dù ở một ngã tư nào đó, nhạc sĩ Phạm Duy luôn nồng nhiệt với đời, dù ở đoạn cuối nào đó của cuộc đời, nhạc sĩ này luôn nồng nhiệt với người, giọng hát Thái Hiền trong bài *Thiền ca 4 : Không tên,* có tâm trạng của một nghệ sĩ muốn lắng lòng, nhưng không lắng tâm được. Nhiều người nghe *Thiền ca* vẫn thấy Phạm Duy ở ranh giới của thiền, chứ chưa sống hẳn trên lãnh thổ thiền, có thể họ không sai khi có nhận định này. Nhưng Phạm Duy nhận định thiền theo cách của ông, rồi ông *nhập thiền* cũng bằng cá tính của ông, để rồi ông *ra vào thiền* bằng tự do của ông.

Riêng giọng hát của Thái Hiền trong bài này thì sao? Thái Hiền hiểu rất rỏ cách phát âm: lúc nào muốn lắng thì nên chậm lại, lúc nào muốn yên thì nên thấp xuống. Giọng lắng chậm, giọng yên thấp, cũng hợp với cá tính của Thái Hiền ở tuổi trung niên, và rất hợp với tâm sự của Thái Hiền mỗi lần tâm sự về ca khúc Việt. Nhưng trong giọng hát của Thái Hiền đã có sẵn chất lắng, chất yên rồi! Mà không cần phải minh luận hay minh chứng bằng lời nói.



Thiền ca 5.

Xuân

… Là xuân con bướm hút nhụy xuân tình
Là gió xuân nồng, là cơn xuân vũ…

Chère Thái Hiền,

Đưa *xuân* vào *thiền* không phải chuyện dễ, nếu thiền là nhập nội để tâm yên, thì ngoại cảnh, dù là xuân, cũng có thể làm cho tâm loạn, vậy mà cái náo nức *xuân* của thiền ca 5 này không làm *«tán loạn»* tâm thiền. Nghe lại những gì thiền sư Thích Nhất Hạnh kể về nhạc sĩ Phạm Duy lúc cuối đời, tôi mới hiểu rõ cách chọn âm điệu, giai điệu của bài này.

Thái Hiền lại nâng tầm vóc bài này lên bằng một giọng hát trong trẻo trong thanh thoát, luôn thăng hoa theo hướng trong sáng. Phối âm hài hòa của Duy Cường theo giọng hát của Thái Hiền vừa tế nhị, vừa tinh vi, lời, phối khí quyện nhất như vào giọng hát, ca khúc việt có cách trưởng thành riêng của nó, mà ít dân tộc thực hiện được.

Trong thành công của cuộc đời ca sĩ, người Việt thường giải thích cái *tài* thường đi cùng với cái *duyên*, được hiểu như là điểm hội tụ tất cả các điều kiện thuận lợi và tốt lành để làm nên cái đẹp cho nghề, cái hay cho nghệ, cái tốt cho nghiệp; thì trường hợp của Thái Hiền nên gọi là *«gia duyên»* : bố sáng tác nhạc, mẹ trao truyền kinh nghiệm ca hát, các anh : Duy quang, Duy Cường biết thăng hoa giọng hát của Thái Hiền: đã trong thì phải thanh, đã rõ thì phải sáng hơn.

Thiền ca 6.

Chiều

Trong chiều lên có cây cỏ hát êm…
Chôn em trong lòng, sau lấy em ra…
Ta trông thì mất em…

Chère Thái Hiền,

Cảnh chiều của nhạc sĩ Phạm Duy là cảnh cuối đời, nhưng dù cuối đời những tình yêu vẫn đầy, đầy ở trong, dầy ở ngoài, nó còn rất sôi nổi: *chôn em trong lòng, sau lấy em ra,* chôn rồi rồi lấy ra, nó còn cái cuồng nhiệt yêu đương của nhạc sĩ.

Nhưng giọng hát của Thái Hiền thì sao? Người nghe thì cảm nhận được là ca sĩ muốn cái *đầy* bên trong *lắng* xuống, cái *dầy* bên ngoài *yên* đi, cái sôi nổi phải biết tĩnh lặng, các ca từ : *chôn em trong lòng, sau lấy em ra* ở dạng đằm thắm hơn, đây là cách chọn lựa diễn đạt của Thái Hiền, chọn lựa này rất đúng, đúng cho một người nhạc sĩ đang chọn hướng thiền… người nghe nhận ra *thiện tâm* trong cách phát âm của Thái Hiền.



Thiền ca 7.

Người tình

Người tình tuyệt vời trăm năm tình ái
Hai mươi tuổi đời yêu như hổ đói…
Nhưng cũng làm mồi hiến dâng cho người…

Chère Thái Hiền,

Chuyện lạ là lần này chuyện thất tình không còn làm cho nhạc sĩ Phạm Duy buồn nữa, kể chuyện thất tình trong tỉnh táo không đau thương, thất tình trong sáng suốt không thảm thiết, lại còn kể chuyện ngày mai của mọi cuộc tình là thắng chớ không thua: *thất tình ngày rầy, thỏa tình ngày mai*

Thái Hiền chọn nhẹ nhàng nhưng không quên sâu lắng, ca từ : *yêu như hổ đói* được hát rất bình tĩnh, không hung hăng, vì không còn muốn chiếm đoạt nữa…Vì *người cũng là người ban phát niềm vui…*

Thiền ca 8.

Rạn

«Sống cho thẳng, chết cho ngay…
Nhớ ơn người, quên thù ai…
Nhớ mình rồi, quên mình luôn”

Chère Thái Hiền,

Phối âm trong bài này bỗng dưng mạnh lên, có thêm giọng “gầm” của nhạc sĩ, như muốn làm tăng cường độ, tốc độ của ca khúc, tác giả như muốn “bạo dạn” để phối khí làm tăng lên cái dũng mãnh mà ca khúc phải có.

Nhưng Thái Hiền vẫn giữ chọn lựa của Thái Hiền: nhẹ nhàng và đằm thắm, êm ả và thanh thoát. Người nghe cảm nhận được giọng hát của Thái Hiền còn *nhẹ-đằm-êm-thoát* khi Thái Hiền hát Phạm Thiên Thư, Cung Tiến, Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương…

Giọng hát *nhẹ-đằm-êm-thoát* này **sẽ** lắng đọng thật lâu trong ký ức người nghe.



Thiền ca 9.

Thiên đường địa ngục

Vượt chín tầng mây tới thiên đường này…
Thấy em khỏa thân đứng bên Ngọc Hoàng…
Chín vạt dầu sôi đường vào địa ngục…
Em chọn nhục hình dàn thiêu lửa đốt…
Tìm em cao thấp chỉ là ảo vọng…

Chère Thái Hiền,

Nhạc sĩ bất chất bạn bè gần xa trách là ca khúc này: «chẳng thiền gì cả, mà chống thiền, kể chuyện: *thiên đường* rồi *địa ngục*, lại còn đưa toàn những hình ảnh ngược đời với thiền : *dàn thiêu lửa đốt…* Nhưng Phạm Duy muốn đưa chuyện *cao thấp* xung quanh lãnh thổ của thiền, để nói cho bằng được chuyện *ảo vọng* có trong tình yêu, có trong não trạng của mỗi người chúng ta, chính nó làm ra chất rất người của mỗi người.

Chính giọng hát rất lành vì rất trong, rất lắng vì rất hiền, tương đối hóa được chuyện *dàn thiêu lửa đốt…*của *địa ngục*, cũng như của kiếp người, mà trong phật học ai cũng biết phạm trù *địa ngục điện tiền*, địa ngục có mặt ngay trong cuộc sống, bây giờ và ở đây, vì người với người nhiều lần đã coi nhau như sói lang… may quá có giọng hát của Thái Hiền,làm bài hát dịu đi, hiền đi, hóa giãi được độ căng thẳng của ca khúc.



Thiền ca 10.

Nhân quả

Tròn như viên đạn đồng đen
Đã khô vết máu quên miền chiến tranh
Tròn như trái đất yên lành
*Muôn loài như một, **cõ**i sinh vẹn toàn…*

Chère Thái hiền

Đây là bài mà tôi thích nhất trong 10 bài Thiền ca, bố của Thái Hiền, nhạc sĩ Phạm Duy và tôi, cuối thế kỷ qua, cứ lấy ra bàn hoài, mỗi lần gặp nhau, được đối thoại với ông về bài này tôi sung sướng vô cùng, chỉ hai câu :

Tròn như viên đạn đồng đen
Đã khô vết máu quên miền chiến tranh.

Tôi đã thấy **rõ** ý nguyện của ông về chuyện hòa hợp, hòa giải dân tộc, quên đi các đau thương của chiến tranh, quên đi bao **t**ủi buồn đã làm tâm hồn Việt suy gục trong thế kỷ XX. Hai câu tiếp theo thì đúng là thiền của thiền :

Tròn như trái đất yên lành
*Muôn loài như một, **cõi** sinh vẹn toàn*

Nhưng có một nỗi buồn thật sâu trong giọng của Thái Hiền, nhưng Thái Hiền ca sĩ ngừng đúng lúc để tránh mọi than van, và sẽ không bao giờ có chuyện nức nở trong giọng của Thái Hiền, cũng không có chỗ cho chán chường, cho than vãn…Trong những lúc phải phát âm những ca từ buồn, người nghe luôn cảm nhận được cái sáng suốt thật trong sáng của mọt giọng hát không bao giờ muốn thảm thiết trong than trách.



Ngừng hay ngưng!

Chère Thái Hiền,

Tôi đã trở về Âu châu, với những hình ảnh thật đẹp của cõi sống hằng ngày của Thái Hiền, vùng đất California ấm áp quá, chắc đây là nơi hợp với Thái Hiền nhất, xin chia vui cùng Thái Hiền đã tìm được đất lành, cánh chim hiền không cần phải căng thân bay xa nữa!

Tuần qua, chị Tâm Vấn, một đàn chị kính yêu trong giới ca sĩ, mời chúng ta đến nhà dự sinh nhật của chị ấy, tôi vui vô cùng vì gặp lại được chị Kim Tước, chị Mai Hương, những ca sĩ thật đáng yêu của chúng ta, của những năm đất nước bị khói lửa chiến tranh, dân tộc bị đày đọa, thế mà các chị Tâm Vấn, Kim Tước, Mai Hương luôn giữ được phong cách cao đẹp của người Hà Nội.

Tôi sắp kể về Thái Hiền đây: giữa bữa tiệc thật vui, có một người bầu văn nghệ, vui tính và am hiểu giới ca sĩ, nhẹ nhàng và tâm huyết, mời Thái Hiền hát lại chỉ trong một đêm, chỉ cho khoảng 200 người nghe, đây chắc là những khán giả vừa yêu, vừa «nghiện» giọng ca của Thái Hiền, họ bất chấp thời gian. Chiều hôm đó, Thái Hiền thong thả và từ tốn trả lời: *«Thái Hiền tạm ngừng!»*, vẫn một giọng ung dung và thành thật : *«Thái Hiền tạm ngưng!»,* luôn giữ âm lượng đầm ấm và khoai thai : *«Xin lỗi nhe!»*. Tôi ngồi khuất trong một chỗ kín đáo của bữa tiệc, nhưng không xa Thái Hiền, tôi nghe rõ từng chữ, tôi vừa cảm phục, vừa quý thương cách trả lời chân thành vì chân tình này. Hôm đó, tôi học được một bài học thật đẹp của nhân cách rành mạch, phong cách sáng suốt, tư cách tỉnh táo của Thái Hiền: *bài học nhập cuộc* trọn vẹn đời ca sĩ phải luôn đi cùng với *tạm ngừng* hoặc *tạm ngưng* đúng lúc. Không ồn ào trong cuộc, vì biết không đeo đẳng, dây dưa.

Thái Hiền biết sâu bài học *xuất* đúng lúc và *sử* đúng lúc trong Khổng giáo, hiểu sâu đậm bài học *mai danh ẩn tích* **của Lão** giáo. *Nghệ* ca **sĩ** của Thái Hiền thật đẹp, *nghiệp* làm người của Thái Hiền thật cao, càng được gần Thái Hiền càng thấy **rõ** điều này.Trong triết học **Âu** châu, có một phạm trù *nhân luận*: *l'art de se persuader (nghệ thuật biết tự thuyết phục mình)* luôn đi đôi với *l'art de se retirer provisoirement (nghệ thuật biết tạm thoái)* cho đúng lúc, đúng thời, đúng tuổi, đúng luật vô thường của kiếp nhân sinh.



Nhân ái…nhân tình

Chère Thái Hiền,

Sáng nay, dậy thật sớm, xem lại bản thảo sau hơn hai năm miệt mài viết về cuộc đời và sự nghiệp của Thái Hiền trong nghệ thuật ca khúc Việt, tôi lần mò từng chữ, xem lại từng câu, dò lại từng trang. *Vạch lá tìm sâu* trong ngữ vựng, *vạch lông tìm vết* trong ngữ văn, *vạch tâm tìm nết* trong ngữ pháp về những đoạn đời mà Thái Hiền đã sống, trên sân khấu và ngoài sân khấu.

Tới trưa, thì chữ thắt gút trong câu, câu buột thừng trong bài, bao nhiêu bài… dài và ngắn về Thái Hiền. Bây giờ, thì phải lấy quyết định xuống biển bơi, để tháo các thắt gút, gỡ các buột thừng của loại bản thảo không biết bao giờ mới dứt? Mỗi lần được bềnh bồng trên biển, là mỗi lần tôi nhận thức rất rõ là biển đã cứu mình bao lâu nay, mỗi lần bị chữ xiết, câu trói, là mỗi lần biển giúp não trạng gỡ…gỡ dần, tháo…tháo ra…khỏi các ngõ cụt những câu hỏi không được trả lời…

Giữa trưa nay, có chuyện «êm ả» xảy ra ngay trong tư duy, khi còn lênh đênh trên mặt biển là những gì tôi phân tích về Thái Hiền vẫn đúng về *nội dung*, con người trong sáng làm nên thực chất của Thái Hiền, ai muốn thấy thì sẽ thấy. Những gì tôi giải thích về nghệ thuật ca khúc của Thái Hiền vẫn đúng về *nội chất* trong chuyện kham gánh nghề-nghệ-nghiệp của Thái Hiền, ai muốn hiểu thì sẽ hiểu. Những gì tôi cảm nhận về cuộc sống của Thái Hiền vẫn đúng về *nội tại* trong cuộc đời hằng ngày của Thái Hiền, ai muốn thấu thì sẽ thấu. *Thấy-hiểu-thấu* là chuyện tôi đã căng sức suy nghĩ miệt mài và mài miệt suy ngẫm trong những năm tháng qua.

Nhưng câu chuyện về cuộc đời nghệ thuật ca khúc của Thái Hiền sẽ không dứt, sẽ giúp tôi truy luận thêm về *nhân tình* trong ca khúc làm nên *nhân tính* trong cuộc sống, *nhân ái* trong ca khúc làm nên *nhân đạo* trong cuộc đời, *nhân tri* trong ca khúc làm nên *nhân trí* cho *nhân sinh*. Chữ *nhân* này sẽẻ làm quan hệ giữa người hát và những người được nghe hát không cạn, không vơi, không mòn, không mất đâu!



*Nghề, nghệ, nhiệp (*bàn bạc đầy tâm cảnh*)*

Chère Thái Hiền,

Trong Việt ngữ, ba chữ *nghề, nghệ, nghiệp*, như quyện vào nhau, như không muốn rời nhau, nhất là đối với người nghệ sĩ như Thái Hiền, ba từ, ba thuật ngữ, bàn bạc đầy tâm cảnh trong chính cuộc sống của Thái Hiền.

Nghề, nếu định nghĩa qua điêu luyện thành tu luyện, tập dượt trong tin chuyên, người nghe ca khúc Việt sẽ nhận ra điều này trong cách phát âm của Thái Hiền; tôi ý thấy ca sĩ nào dày công tập luyện với trọn ý thức nghệ công như Thái Hiền.

Nghệ, nếu định nghĩa qua nghệ thuật, cách tiếp nhận ca từ đẹp, giữ cảm xúc về «mỹ thuật» «của tiếng hát, có nhận thức về «mỹ học» của ca khúc, sống trọn vẹn bằng tâm trạng của bài hát, để đủ lực quên đi cái tôi chủ quan của ca sĩ, thì Thái Hiền đã làm được đầy đủ chuyện này.

Nhiệp, nếu định nghĩa qua số phận của kiếp người, qua *phúc nghiệp* trong chuyện lựa chọn nhập nhiệp sớm: lên sân khấu ca khúc trước 10 tuổi, rồi nhận luôn *nghiệp chướng* chấp nhận cái giá rất đắt, có khi rất xấu phải trả, về chuyện sống trong sóng gió của nghề «đi hát», thì Thái Hiền cũng đã trả đầy *nợ*, vì đã đầy *duyên* với nghiệp cầm ca! Có gì đâu mà buồn. Thuận duyên thì Thái Hiền đã làm ca sĩ thật sớm, nghịch duyên thì Thái Hiền đã giải nghệ đúng lúc. Trong sáng suốt, trong tỉnh táo, Thái Hiền đã quyết định đúng trong phương trình *«một duyên, hai nợ, ba tình»*, cuộc đời Thái Hiền như vậy là đẹp quá rồi.

Bà mẹ tinh thần của tôi: điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, cũng hay *«lo ra»* như Thái Hiền, làm nhiều bạn bè của Bà phải *«lo theo» ;* có lần để giải tỏa nỗi lo của Bà, văn sĩ André Malraux, bộ trưởng văn hóa của De Gaulle, vai vóc của lý luận nghệ thuật, bản lĩnh của lập luận nghệ nghiệp, Ông viết cho Bà một lá thư chỉ một câu: *«Votre talent est reconnu, pourquoi vous vous inquiétez ?», tài năng của Bà được công nhận, chuyện gì làm Bà phải lo (ra)?* Tôi cũng muốn viết một câu tương tự như vậy với Thái Hiền!

Thư mục các tác phẩm quốc tế
LISTE DES PUBLICATIONS

OUVRAGES INDIVIDUELS :

• *Les Vietnamiens en France*, insertion et identité, L'Harmattan.
• Les *jeunes Vietnamiens de la deuxième génération, semi-rupture au quotidien*, L'Harmattan.
• *L'interculturel et l'Eurasien*, L'Harmattan.
• *Asiatiques en France, les expériences d'intégration locale*, L'Harmattan.
• *L'immigration confucéenne en France, "On s'exile toujours avec ses ancêtres",* essai de sociologie de l'exil, L'Harmattan.
• *L'immigration asiatique, économie communautaire et stratégies professionnelle*, Documentation Française, Centre des Hautes Études de l'Asie Moderne, Fondation des sciences politiques.
-Liens méthodologiques et Parenté épistémologique entre les sciences sociales, Collection Sens & Preuves, Presse Universitaire du Septentrion, 2000.
-Femmes asiatiques en France, places familiales, placements professionnels et déplacements sociaux. Editions *Les Indes Savantes.*

Anthropologie du Vietnam
Tome I : *l'espace mental du lien*.
Tome II : *l'espace spirituel de la vie*.
Tome III : *l'espace réflexif de l'homme*.
Tome IV **:** *l'espace singulier du destin***.**
Tome V : .*l'espace cognitif du peuple*
Editions *les Indes savantes.*

OUVRAGES COLLECTIFS :
DIRECTION ET CODIRECTIONS D'OUVRAGES COLLECTIFS
• L'immigration entre lois et vie quotidienne,
Avec J. Barou, L'Harmattan.
• *La part d'exil, sociologie de la littérature des exilés,*
Publication d'Université de Provence.
• *Dépayser la pensée*, avec T. Marchaise,
Les empêcheurs de penser en rond, Seuil.
• Chine-Europe, Percussions dans la pensée,
Avec P. Chartier, Coll. *Quadrige Essais-Débats*, PUF.
• *Le dialogue entre les cultures, du commun à la production de l'universel*
François Jullien, Le Huu Khoa. Editions *Les Indes Savantes***.**

DIRECTION DES DOSSIERS DE REVUES
• *Populations du Sud-est asiatique, Revue Hommes & Migrations*.
• *Réfugiés asiatiques, Revue Groupement pour les Droits des Minorités*.
• *Lettres d'exil, Revue Hommes & Migrations*.
• *Bouddhisme en France, Revue Hommes & Migrations*.
• *Confucianisme : permanence et renouveau, Revue Approches Asie*, Economica.
• *Pratique alimentaire et identité culturelle, Revue de l'Ethnologie française*.
• *Vietnamologie et francophonie*, Revue *Approches Asie*, Economica.

Thư mục các tác phẩm việt ngữ

Thơ :

° *Vách và vực***,** nxb Grisea, USA.
° *Vó*, nxb Đà Nẵng
° *Vong***,** nxb Đà Nẵng
° *Vóc***,** nxb Văn học
Tùy Bút : nxb Master-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea
° *Thương yêu (duyên trao nợ cho tình)*
° *Thư tình-tình thư (tình yêu tiếp tình thương nhận tình người).*
Chính luận : nxb Master-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea
° Nhân Việt (Nhân cách giáo lý Việt tộc).

Báo cáo nghiên cứu quốc tế
RAPPORTS DE RECHERCHE

• Ministère des affaires sociales,
Mission Interministérielle Recherche Expérimentation - MIRE:
L'insertion socioprofessionnelle des jeunes issus de l'immigration du sud-est asiatique.

• **Premier-Ministre**,
Secrétaire Général à l'Intégration-SGI:
La présence chinoise à Paris.
L'intégration asiatique dans les secteurs technologiques de pointe.
Les générations de l'immigration du Sud-est asiatique.
Le dilemme du cadrage de l'intégration asiatique.

• Ministère des affaires sociales,
Agence du Développement des Relations Interculturelles - ADRI,
Les immigrés et réfugiés originaires de la péninsule indochinoise.
Les réfugiés du sud-est asiatique.
La littérature de l'Asie du sud-est.
L'immigration du Sud-est asiatique.

• Ministère des affaires sociales,
Direction de la population et des migrations - DPM,
Fond d'action sociale- FAS, Secrétaire général à l'intégration - SGI
L'intégration des populations asiatiques, conditions locales et expériences collectives.
L'immigration asiatique : les espaces économiques et ses unités ethniques dans la stratégie d'ascension professionnelle.
Connaissance des dispositifs d'accueils et mode d'installation dans le regroupement familial, (enquête nationale sur les familles immigrées).

• Ministère de l'Intérieur,
Institut des Hautes études de la sécurité intérieure - IHESI,
Groupe de recherche interdisciplinaire sur l'autorité
L'immigration et l'autorité.

• **Ministère de la cohésion sociale**,
ACES - Agence nationale pour la cohésion sociales et l'égalité des chances,
Carrières à l'international et masters professionnels, parcours des diplômes, trajets de stage, itinéraires d'embauche, destinations d'Asie.

LÊ HỮU KHÓA

Họa sĩ

TẠ TỴ

Thấy nhân diện
Thấu nhân dạng
Tìm nhân cách



CHÂN DUNG LUẬN THA NHÂN

Anthropol-Asie

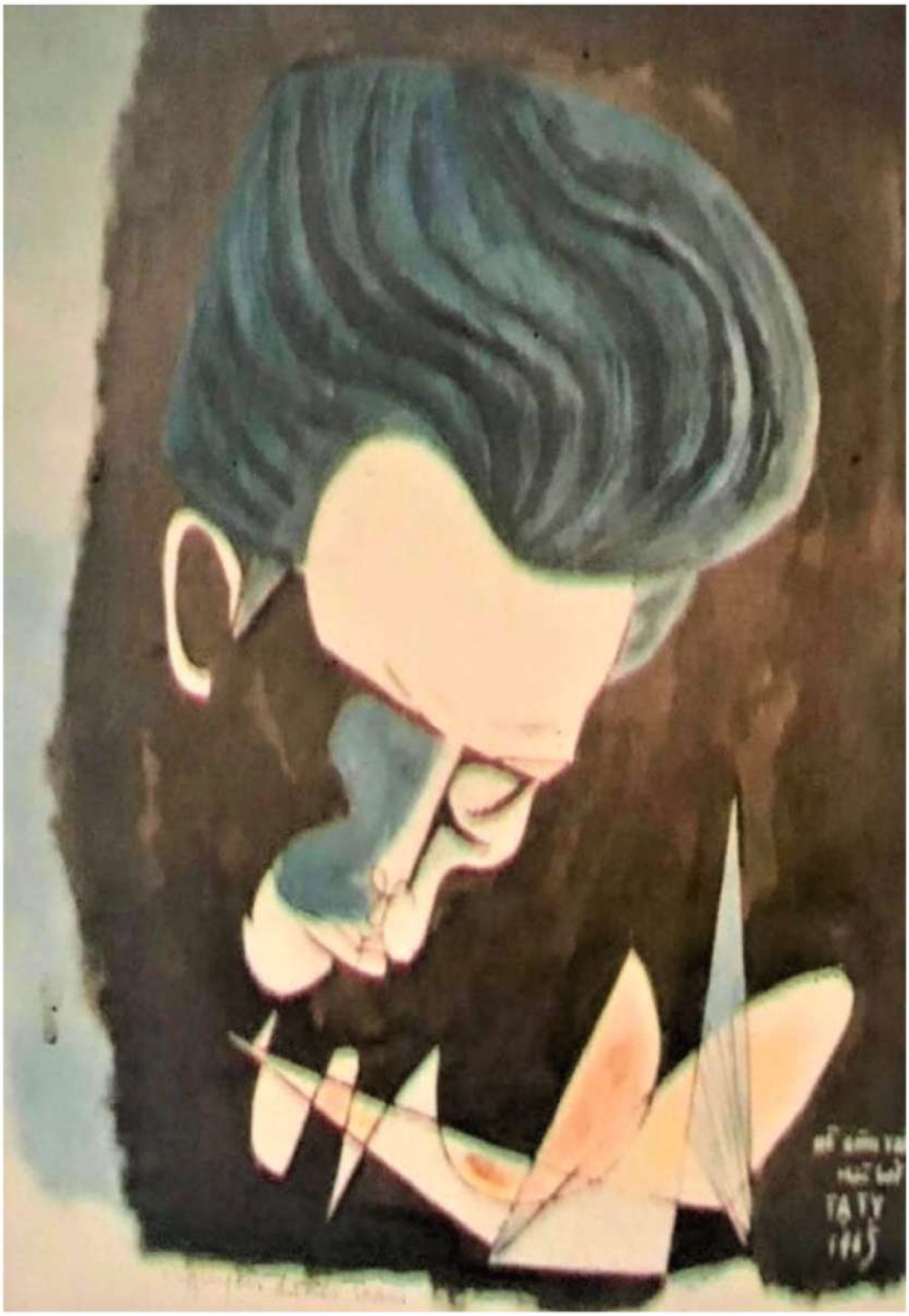

Nguyễn Đình Toàn



Vi Huyền Đắc



Á nam Trần Tuấn Khải



Nhà thơ Lê Minh Ngọc

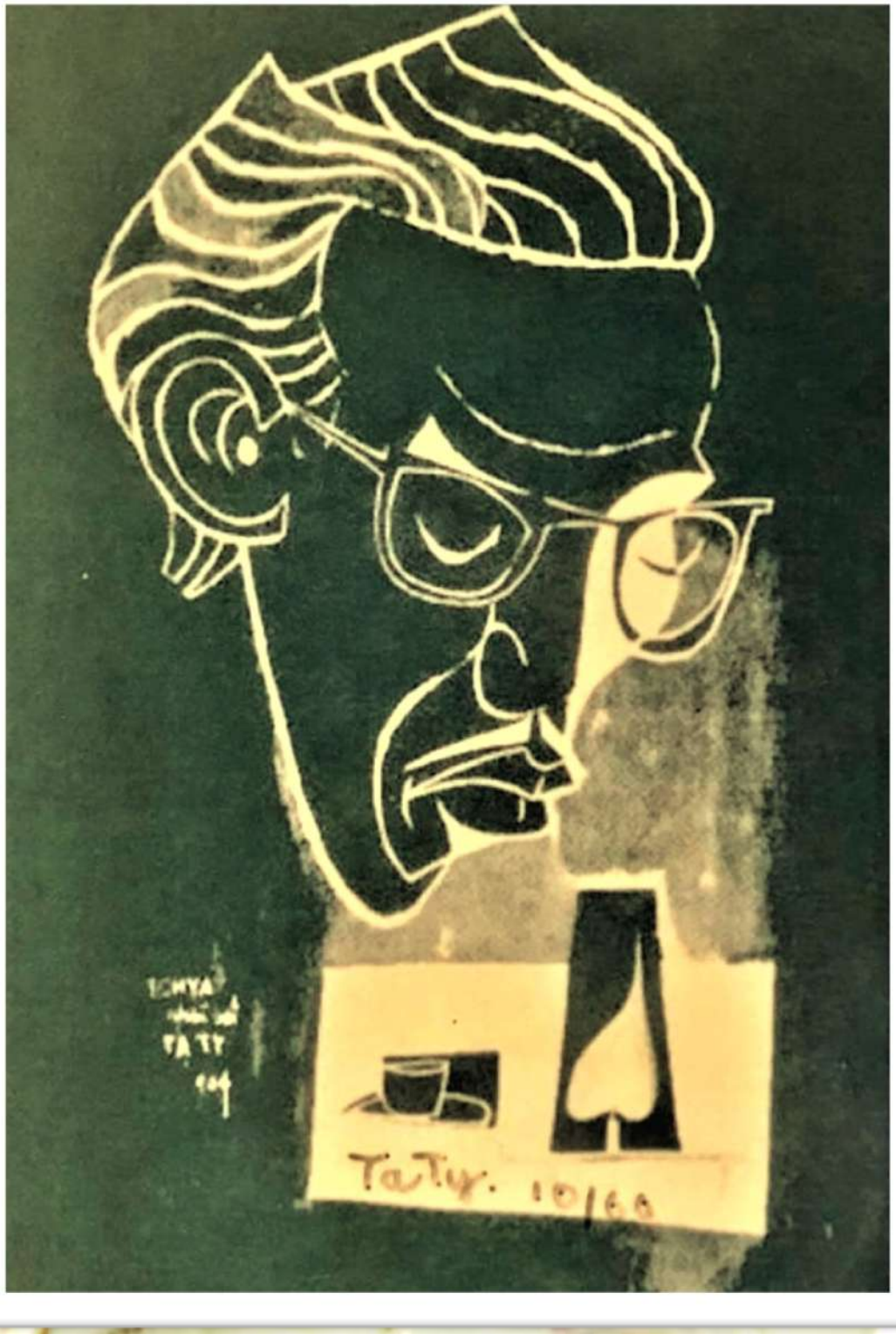

Tchya



Nhà báo Thượng sĩ



Nhà thơ Đinh Hùng

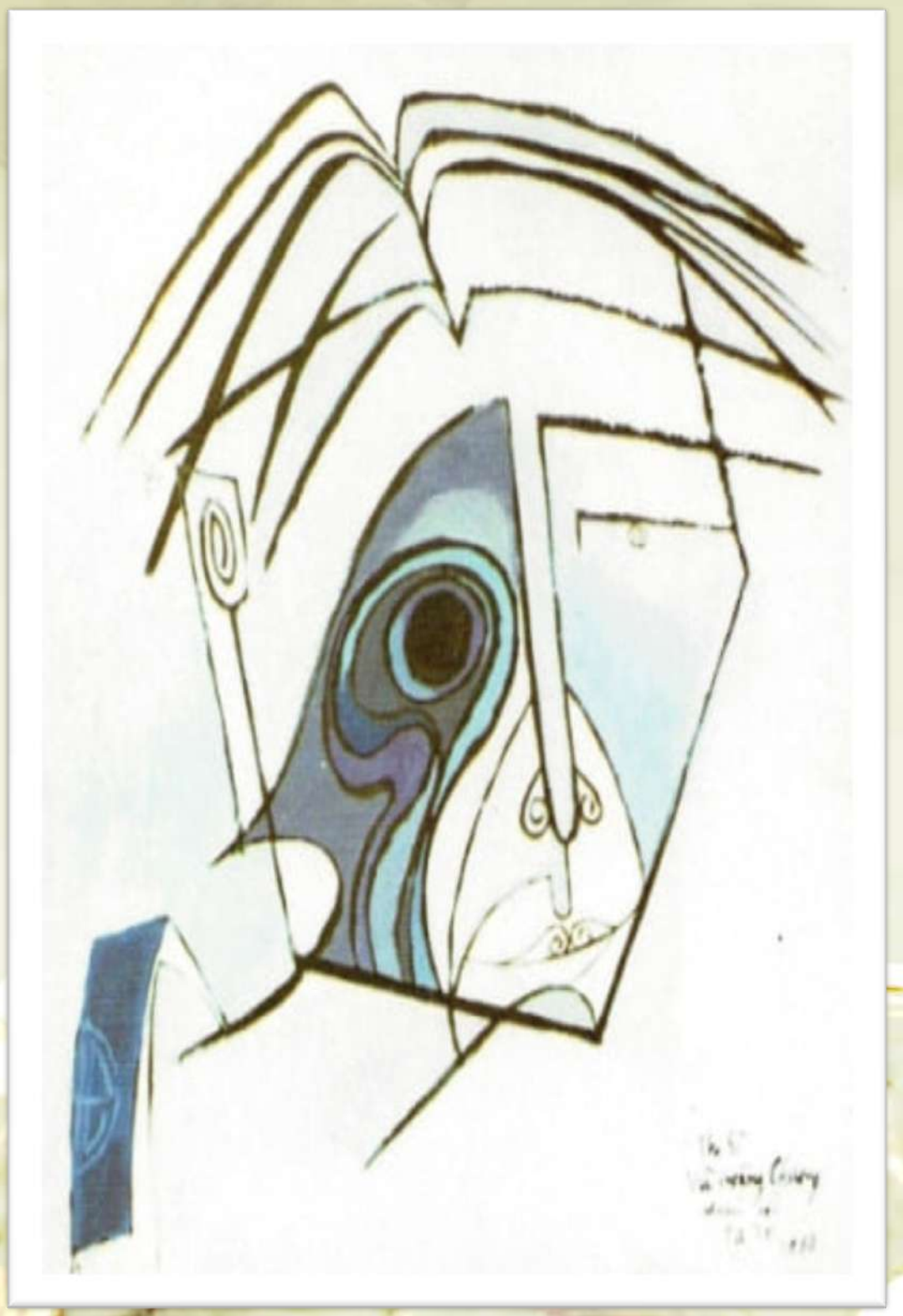

Nhà Thơ Vũ Hoàng Chương



Nguyễn Tiểu Tử

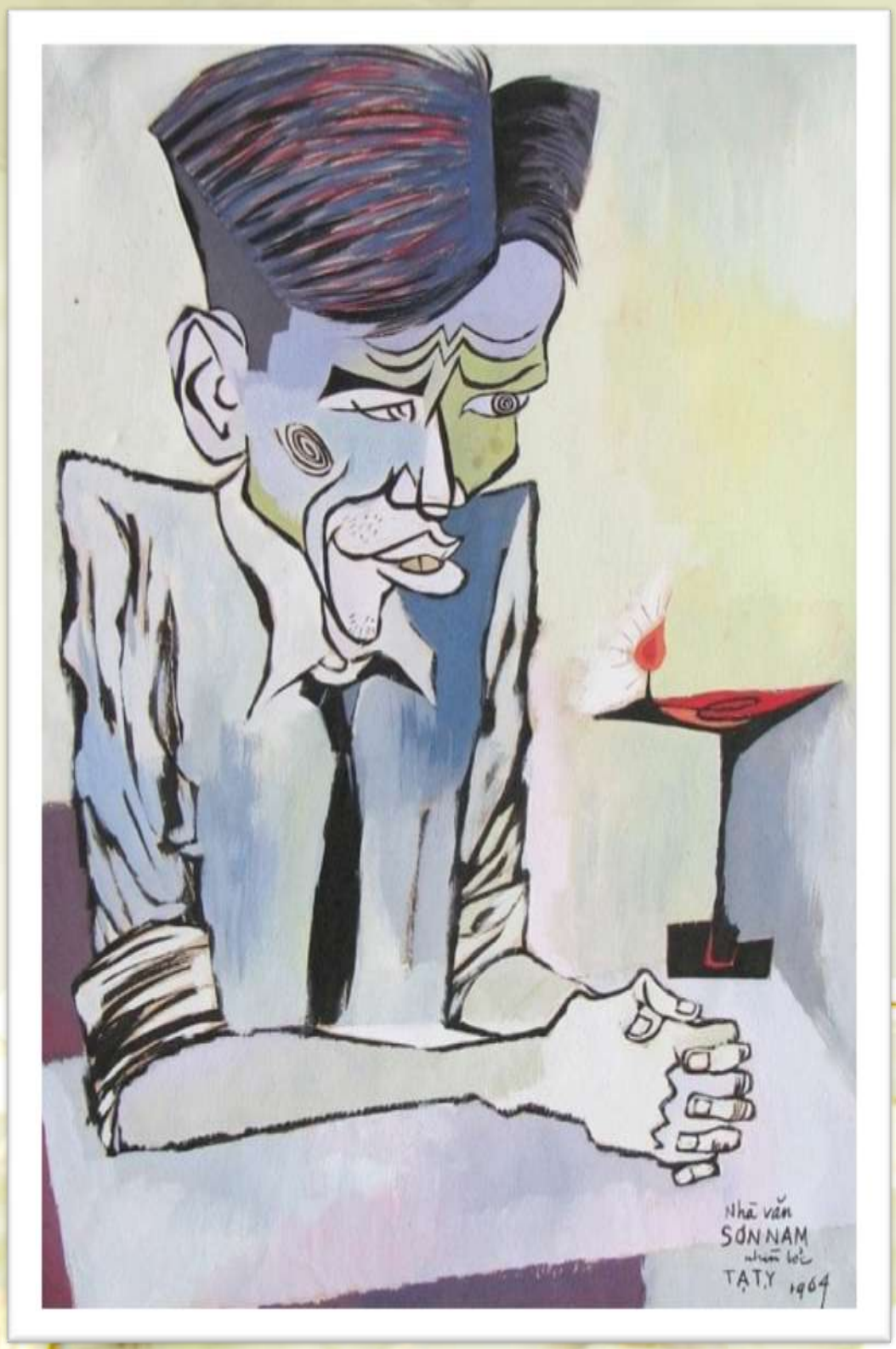

Sơn Nam



Bình Nguyên Lộc

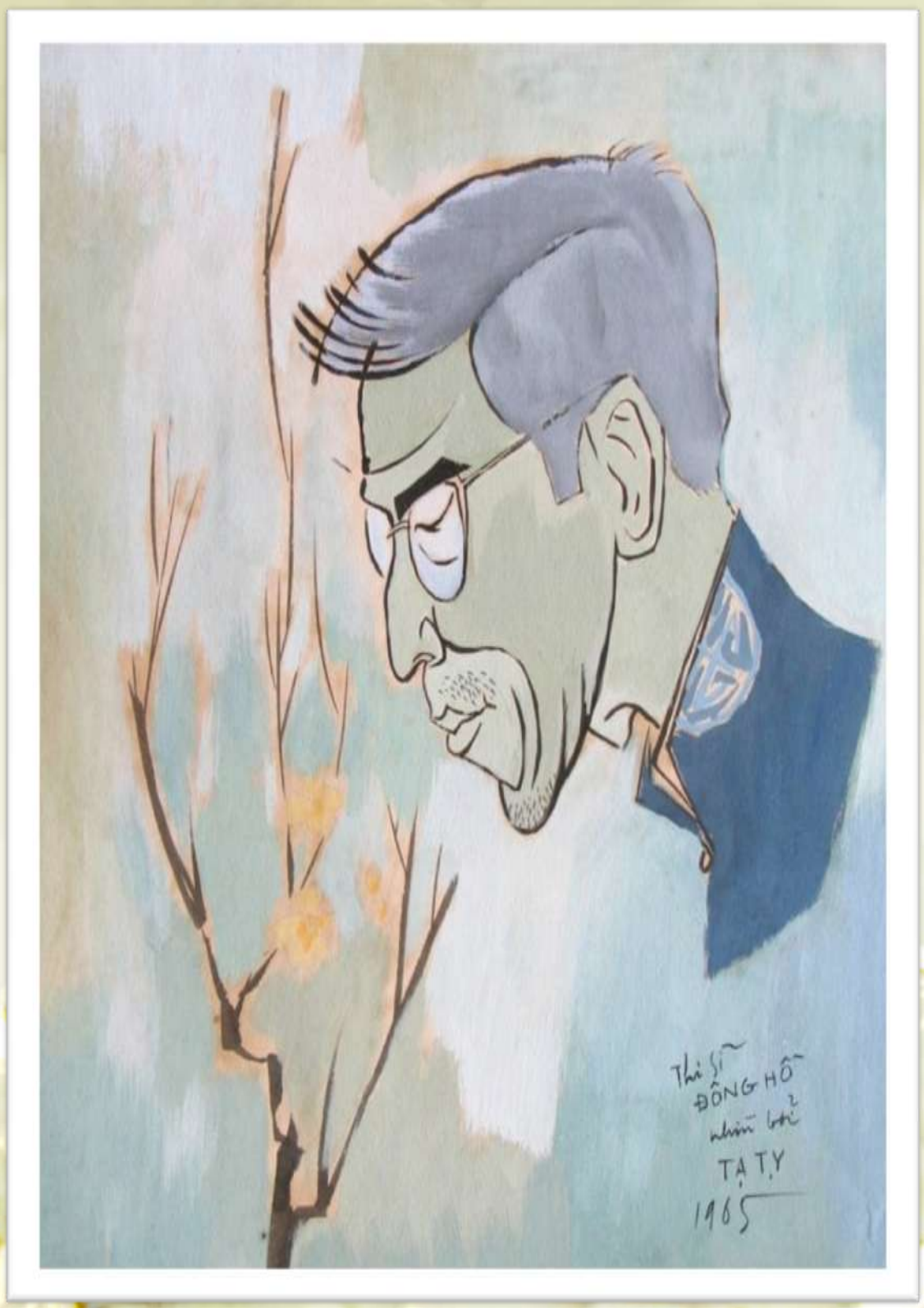

Nhà Thơ Đông Hồ

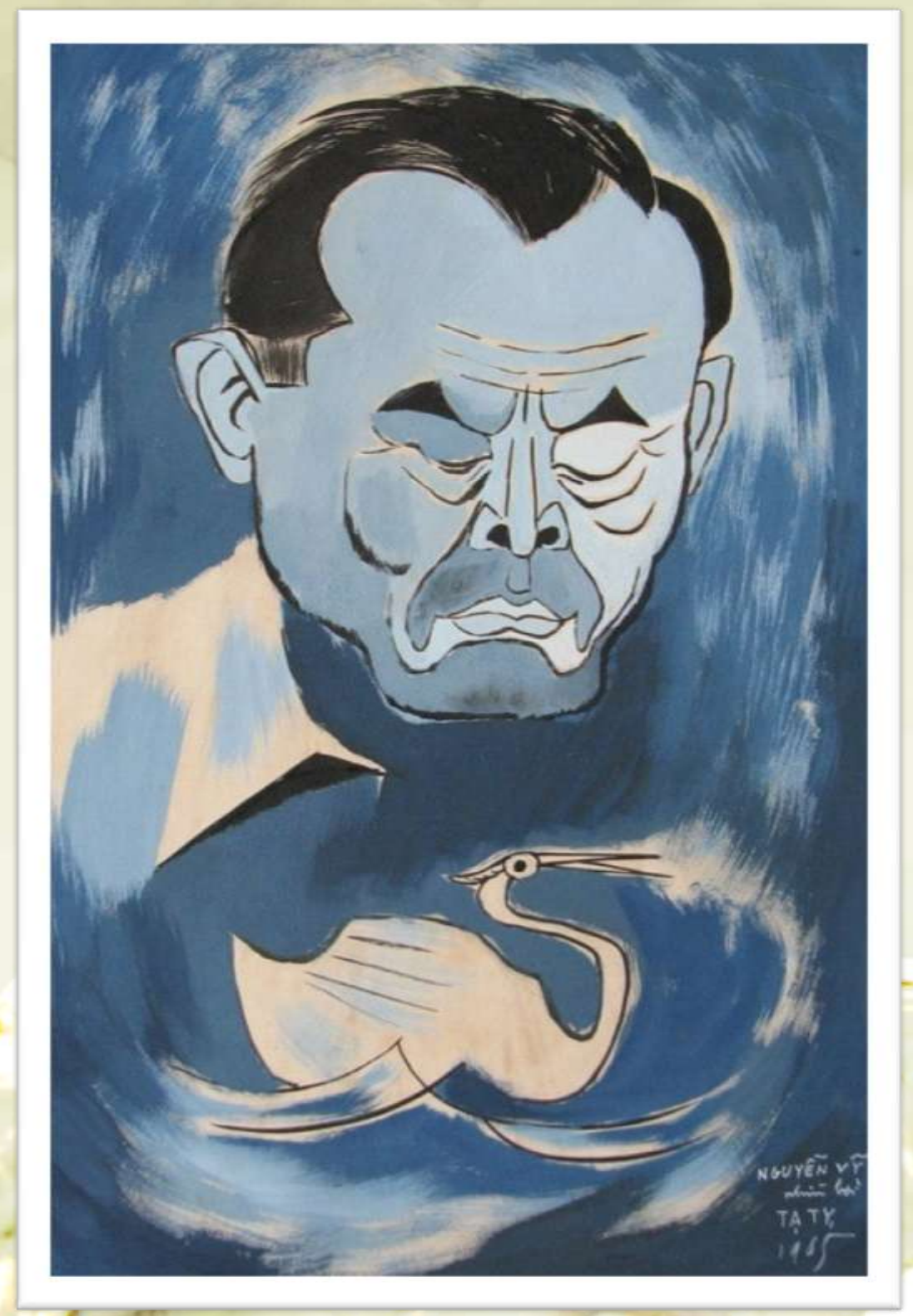

Nhà báo Nguyễn Vỹ

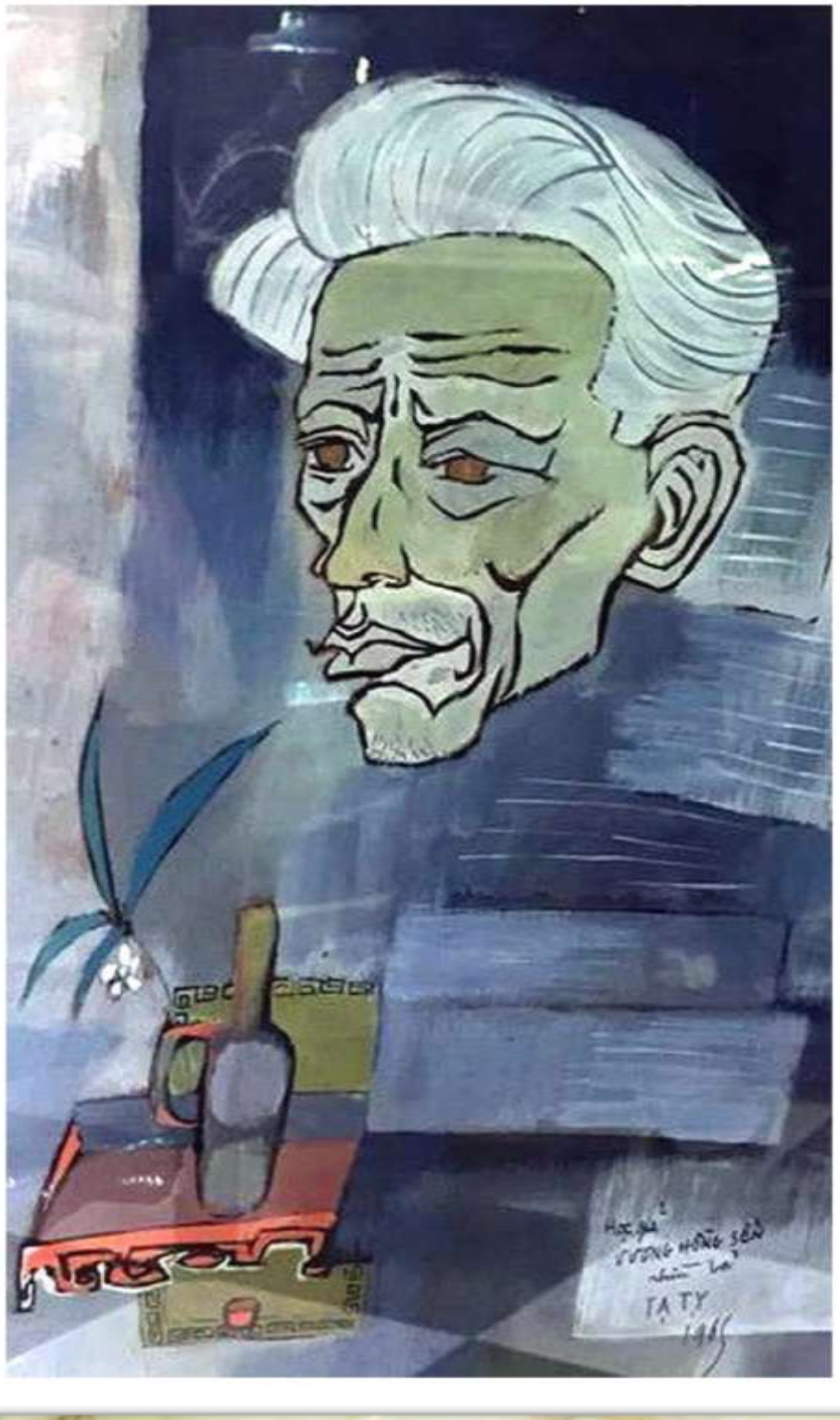

Nhà cổ vật Vương Hồng Sển



Tam Lang

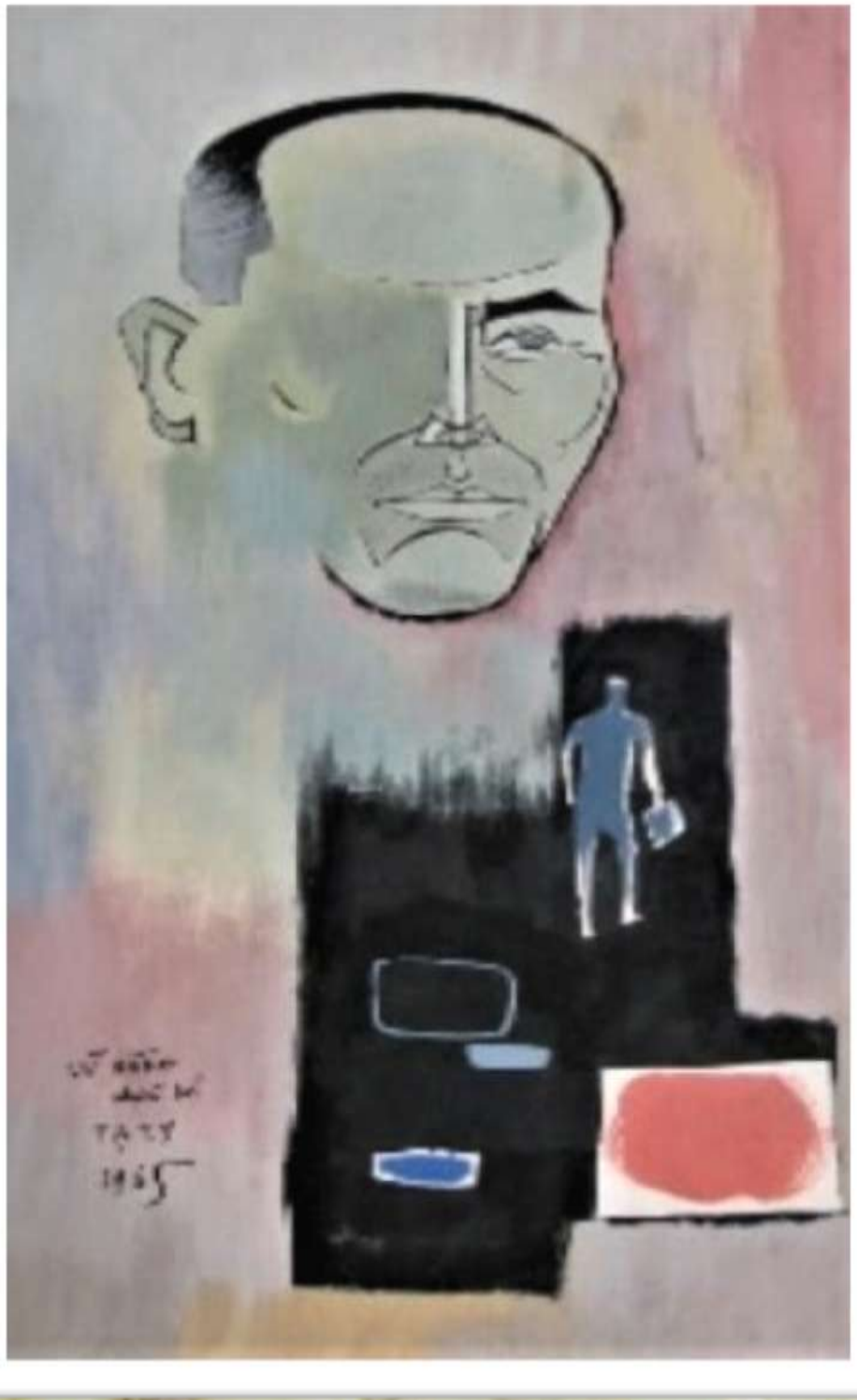

Nhà văn Vũ Bằng

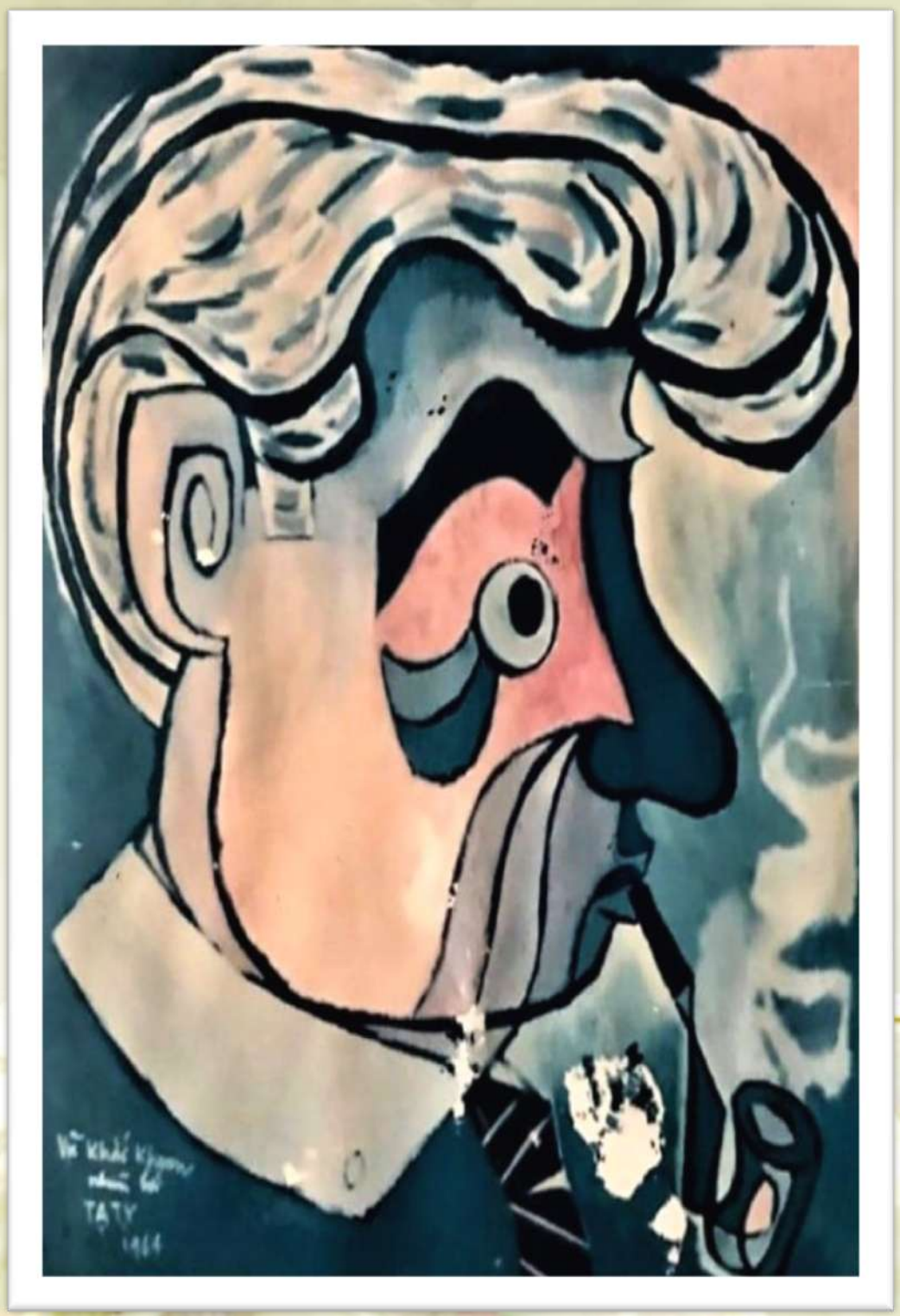

Vũ Khắc Khoan

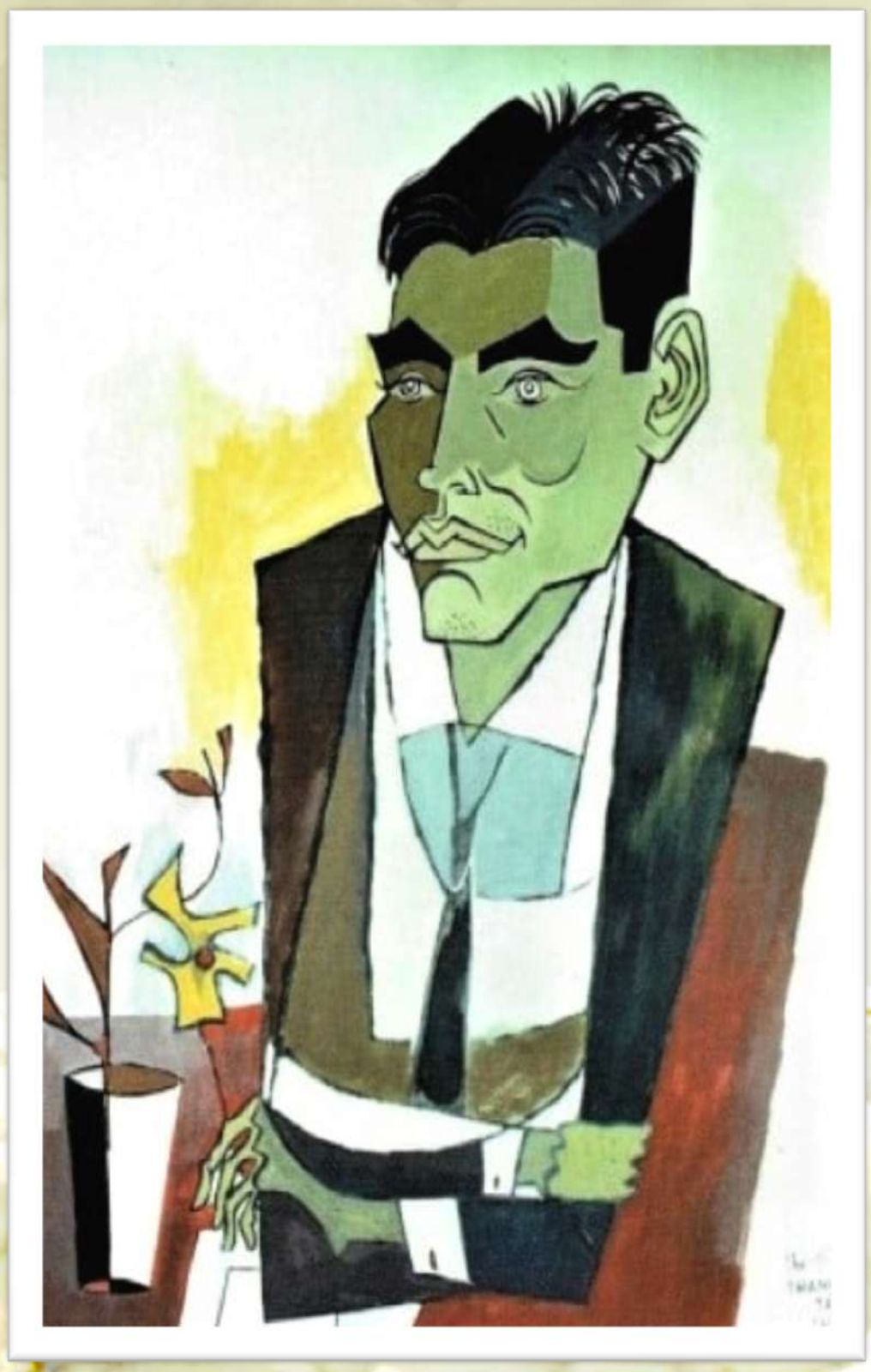

Thanh Tâm Tuyền



Mai Thảo

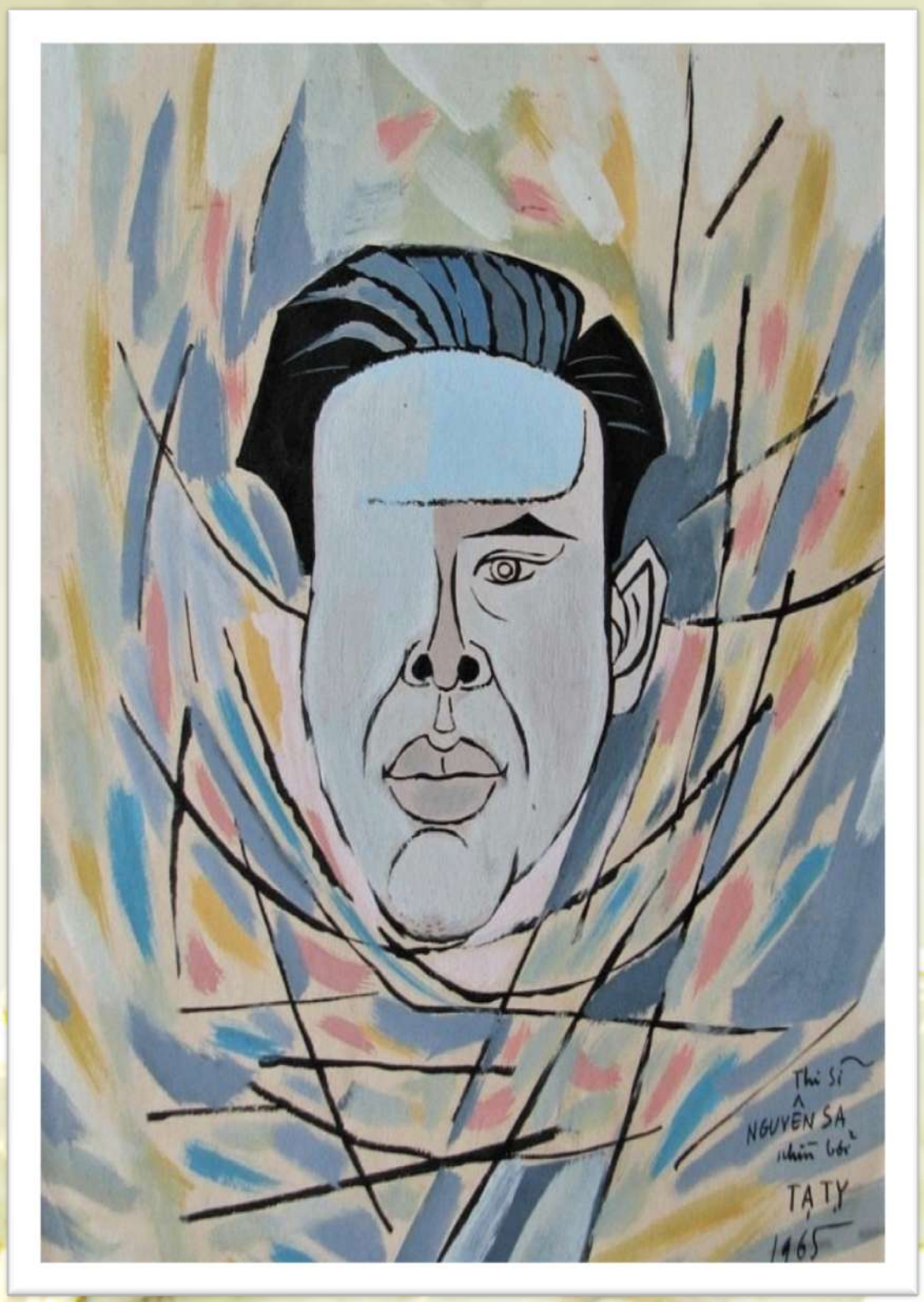

Nhà thơ Nguyên Sa

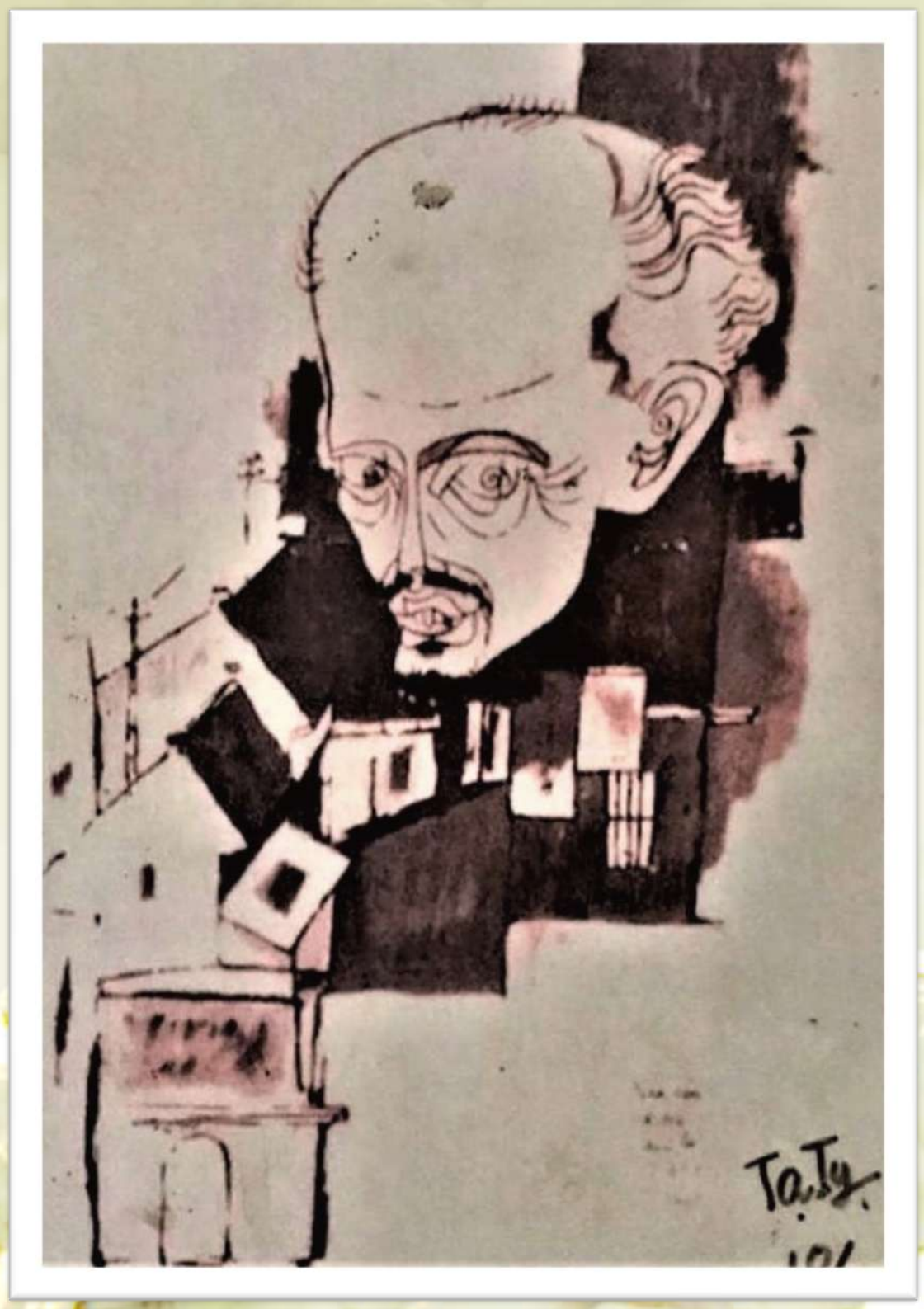

Trọng Lang



Thi sĩ Tường Linh

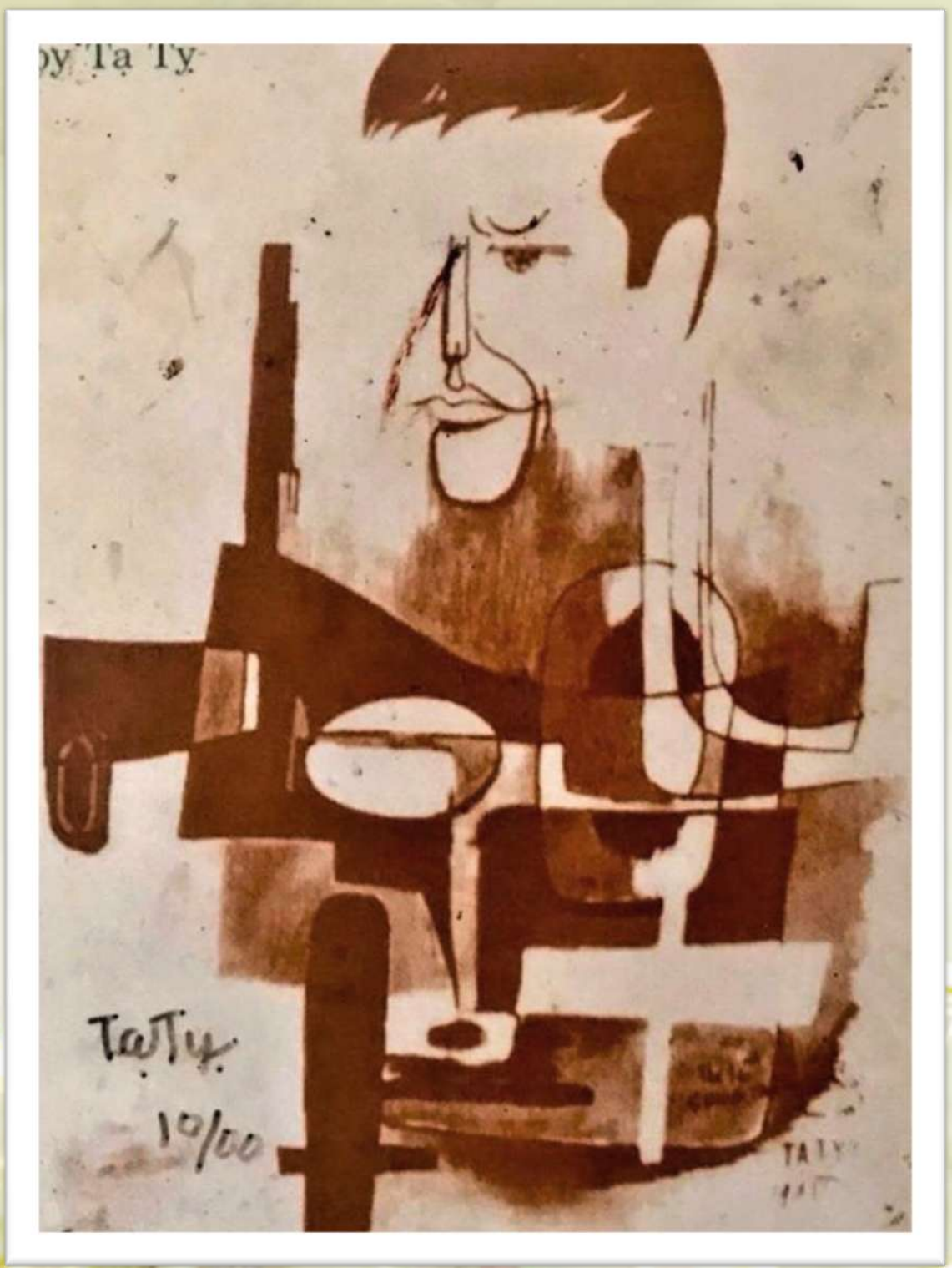

Cung Trầm Tưởng



Nhà văn Chu Tử



Phạm Duy



Lê Văn Siêu

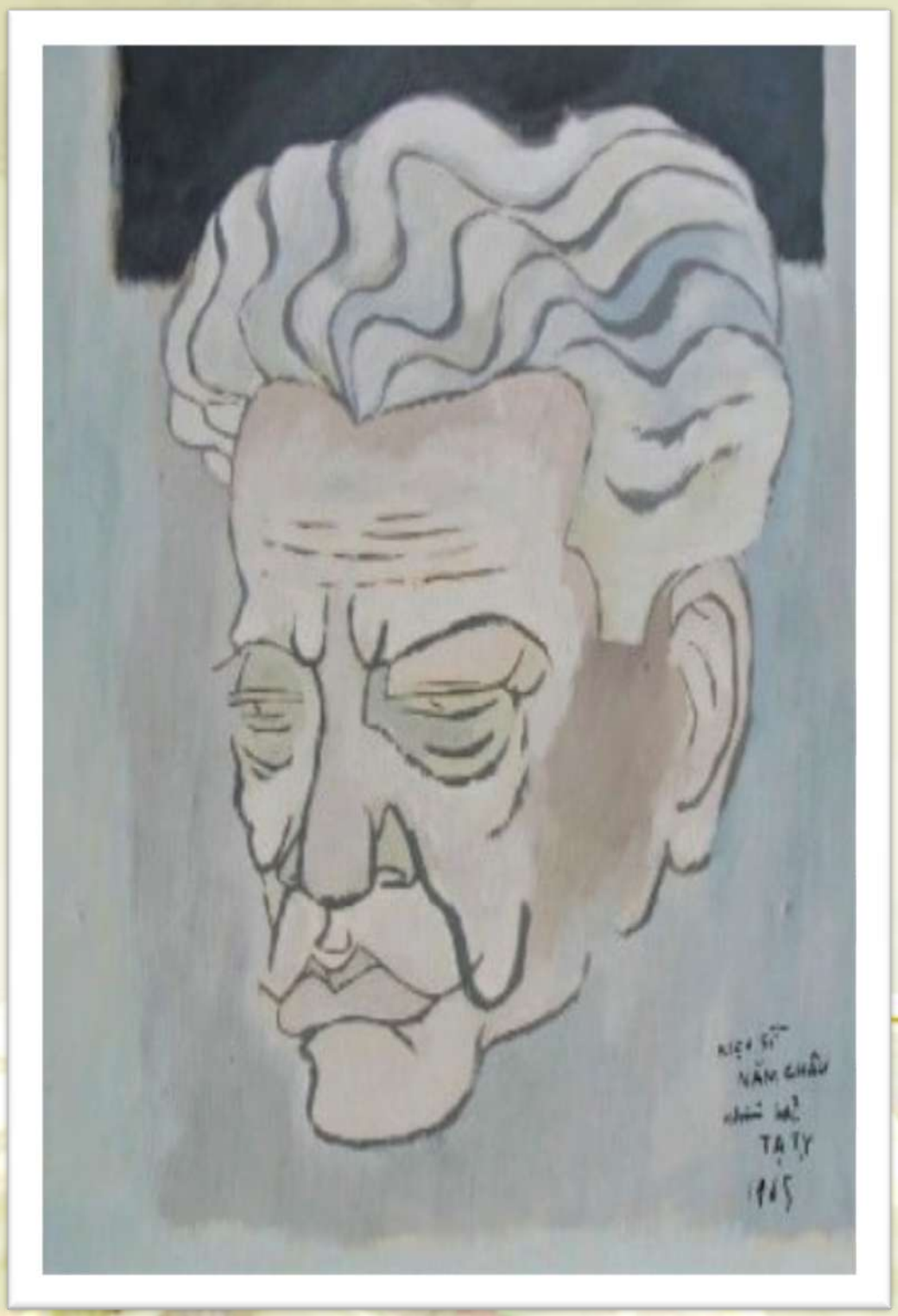

Nhạc Sỹ Năm Châu

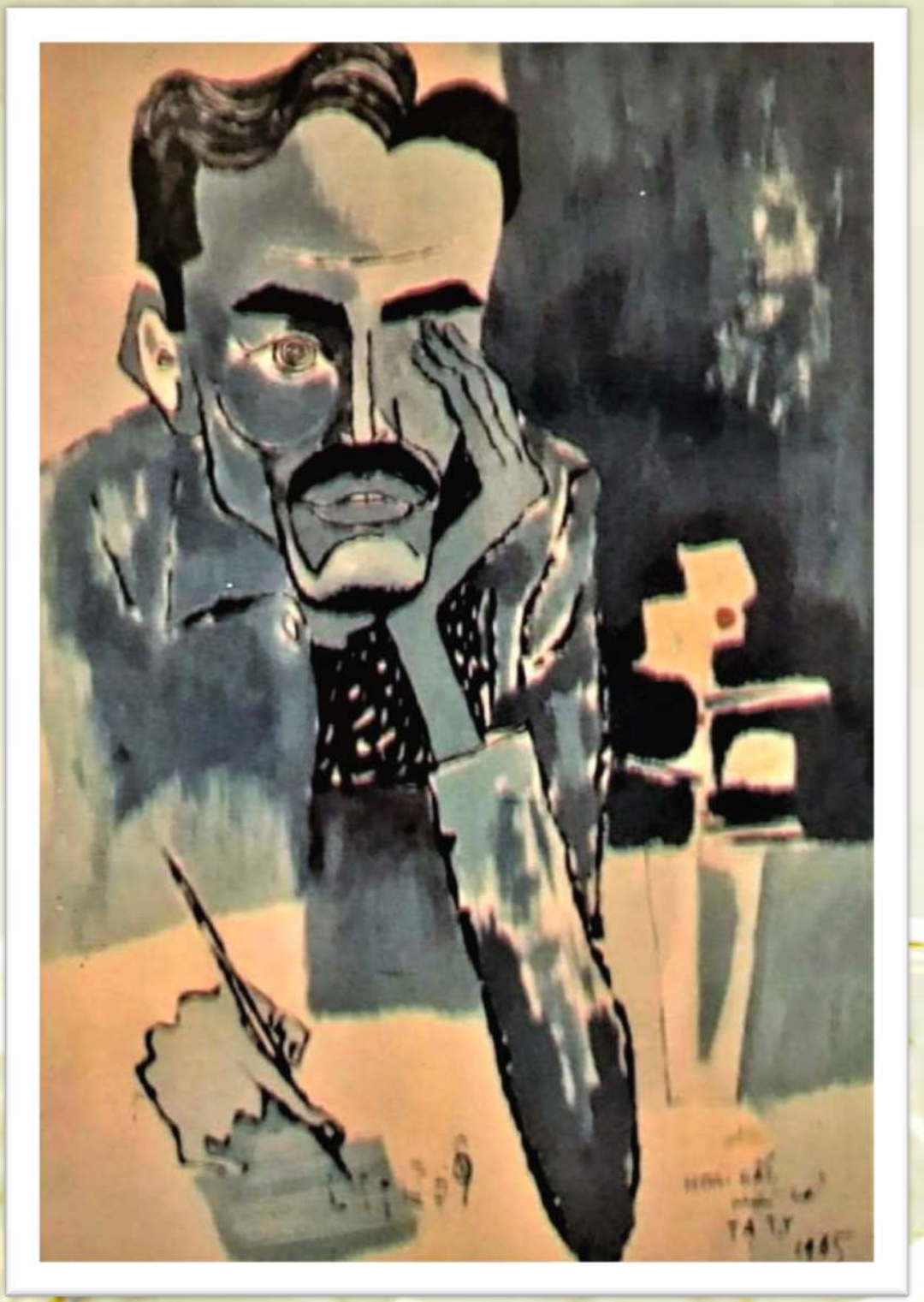

Hoài Bắc Phạm Đình Chương



Vũ Hoàng Chương

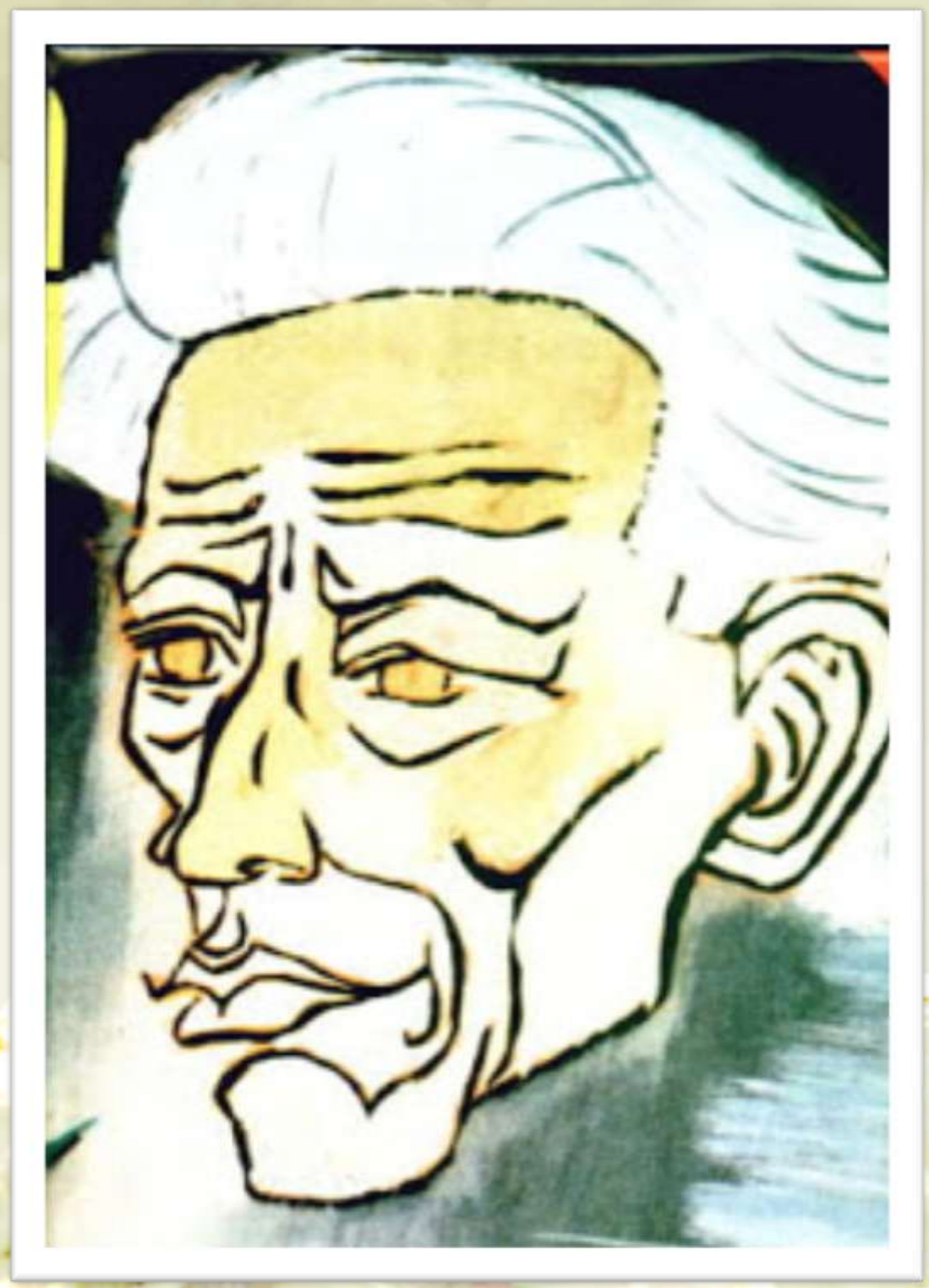

Học giả Vương Hồng Sển



Anh Việt Thu

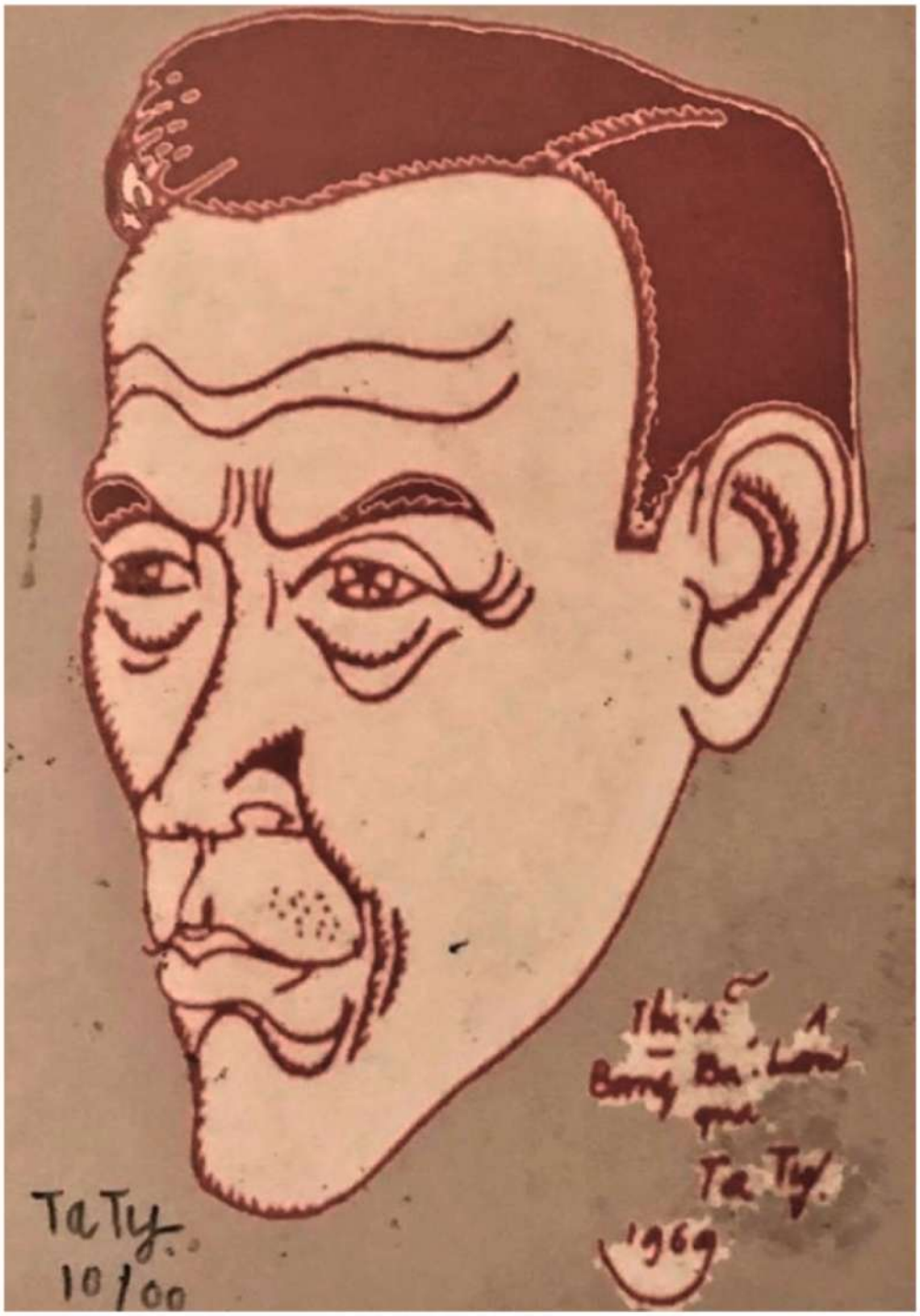

Bàng Bá Lân

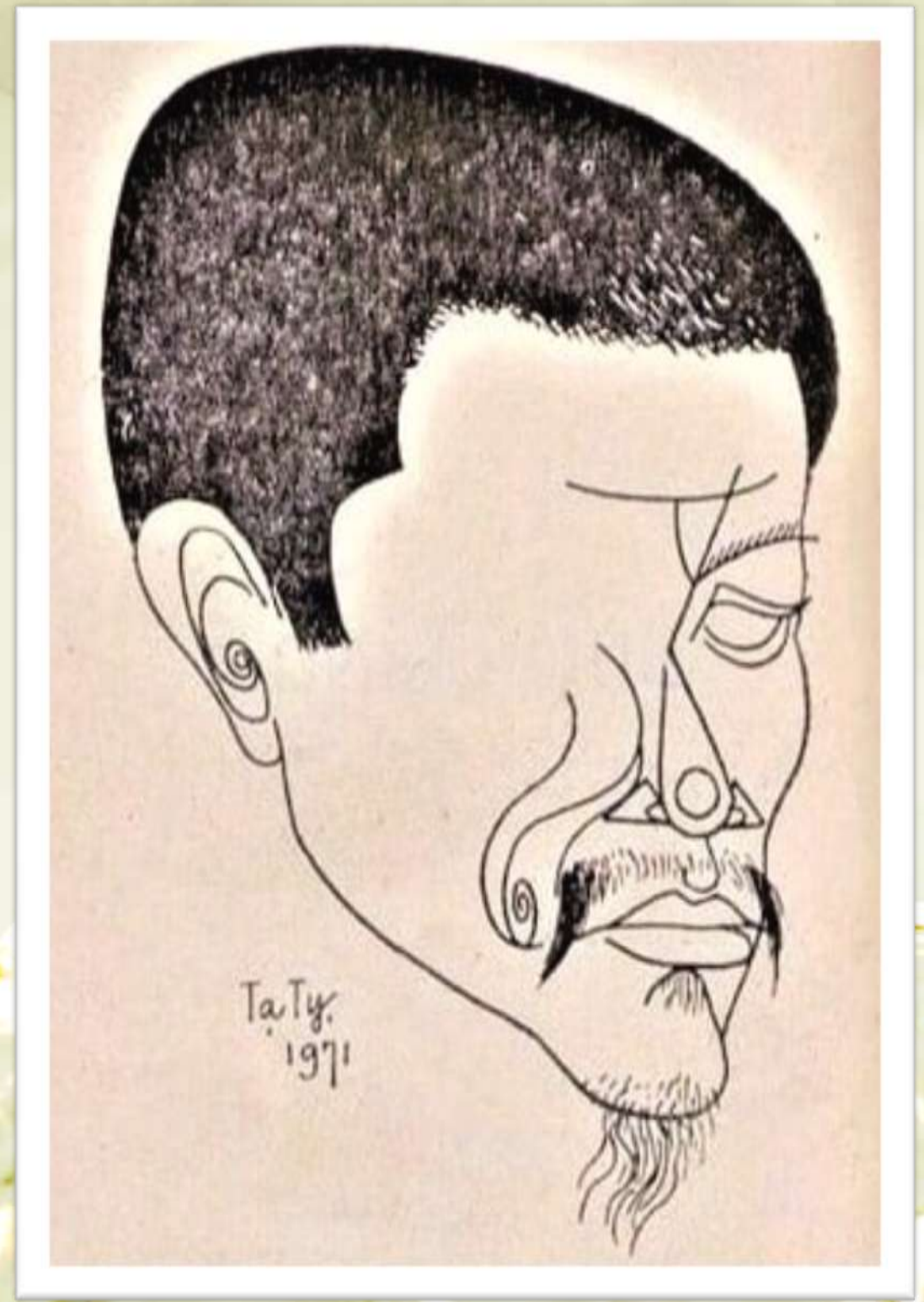

Bùi Giáng

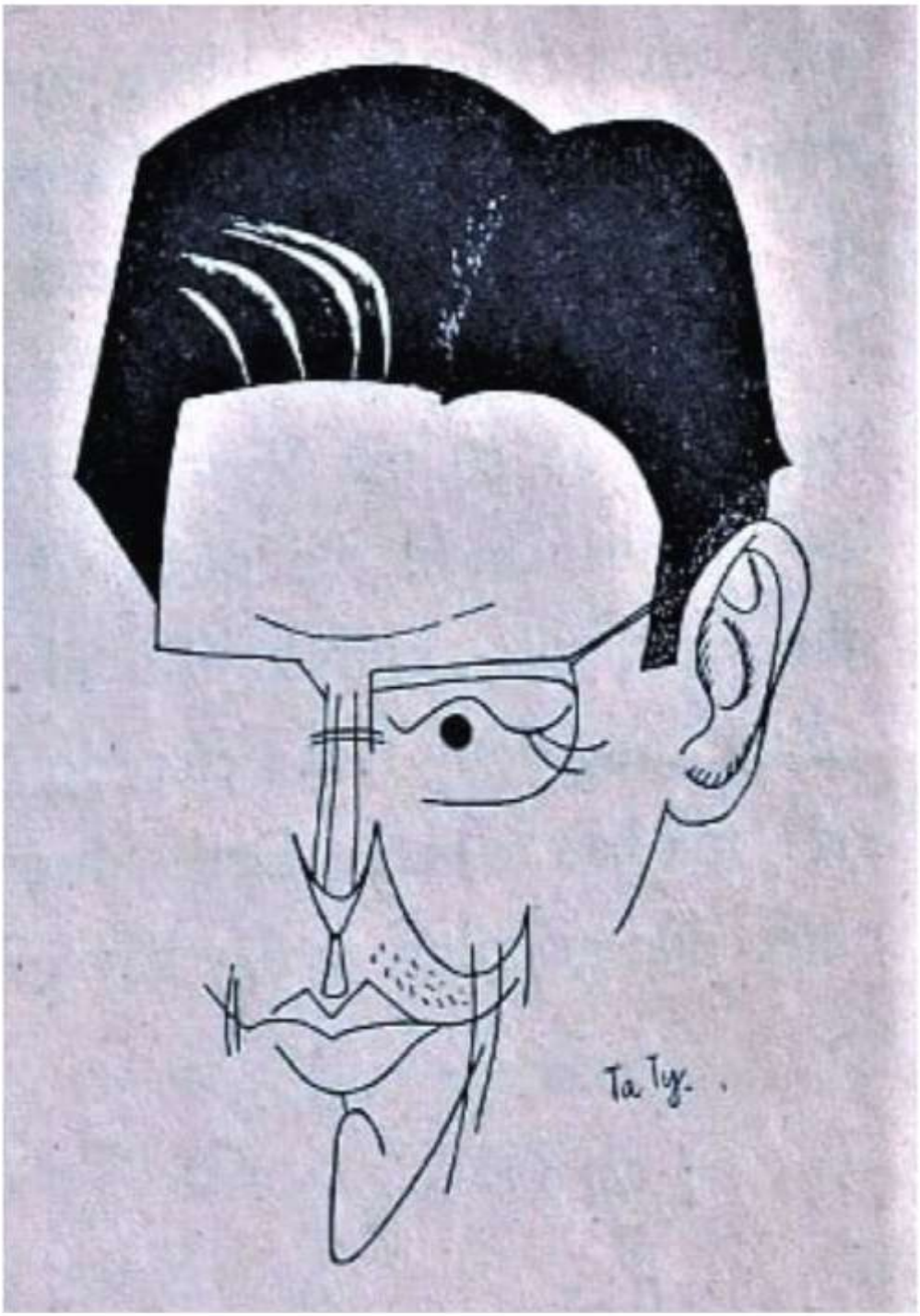

Nguyễn Hữ Viện

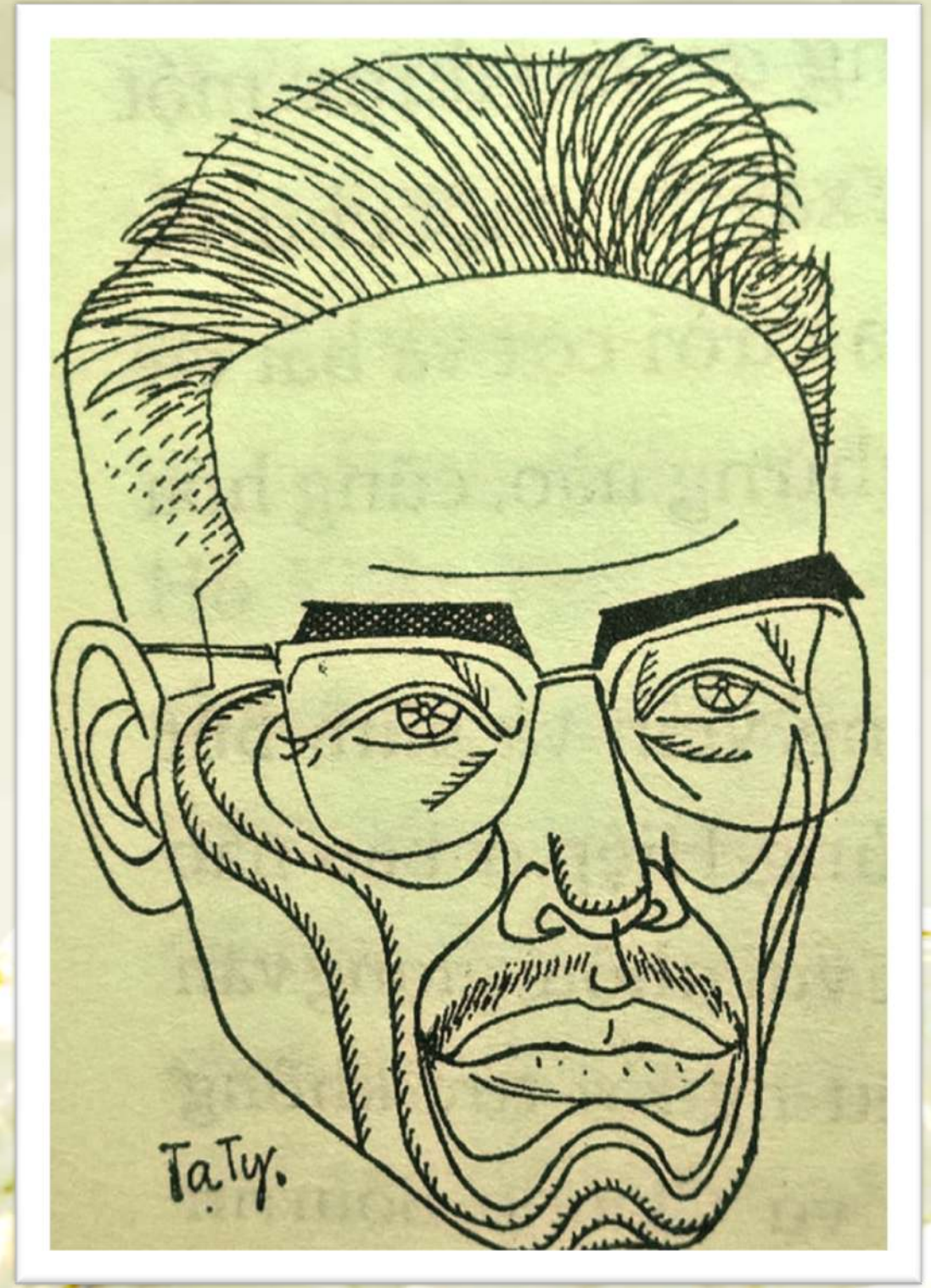

Đào Trinh Nhất



Đinh HÙng



Thi Sĩ Du Tử Lê

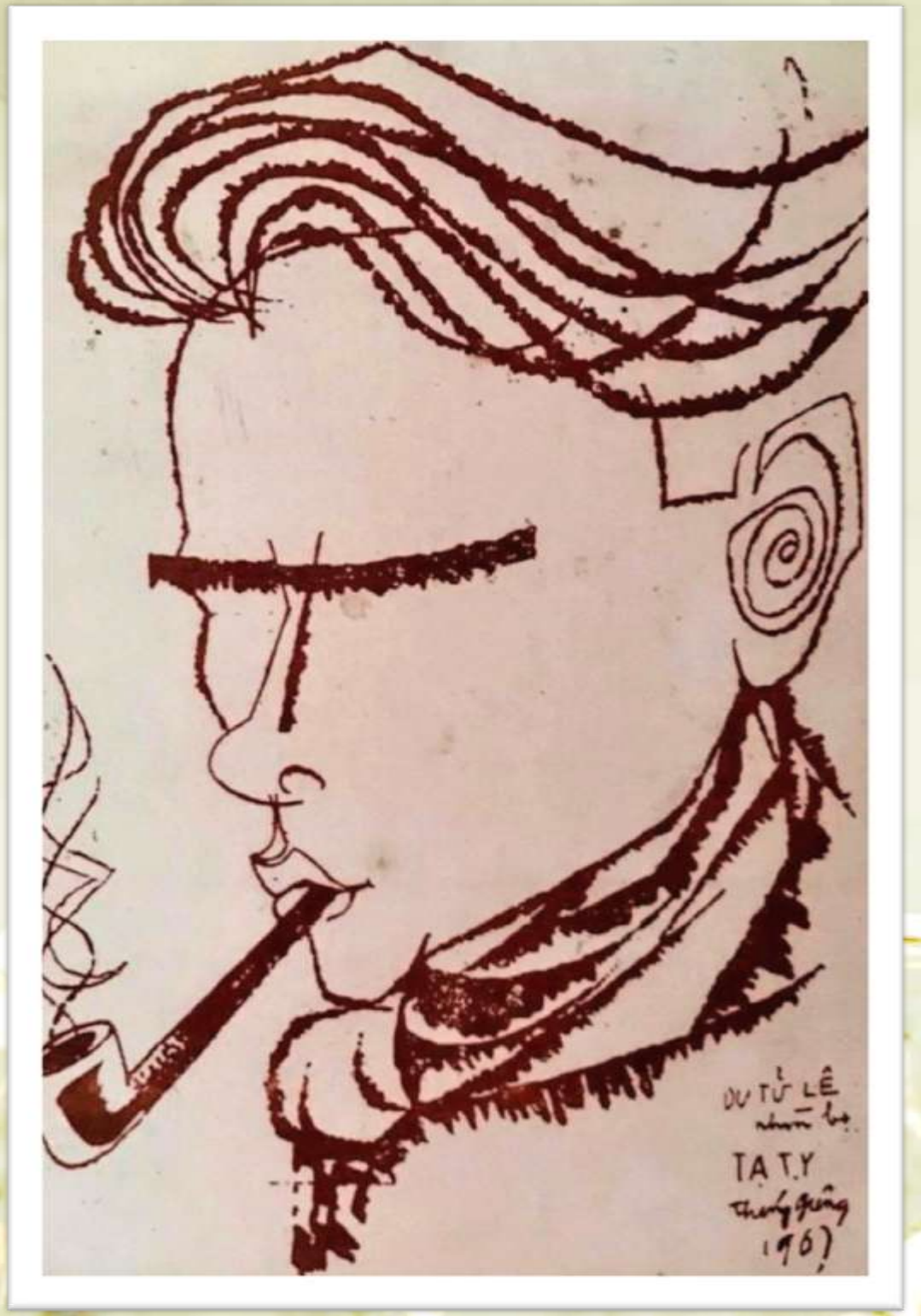

Thi Sĩ Du Tử Lê

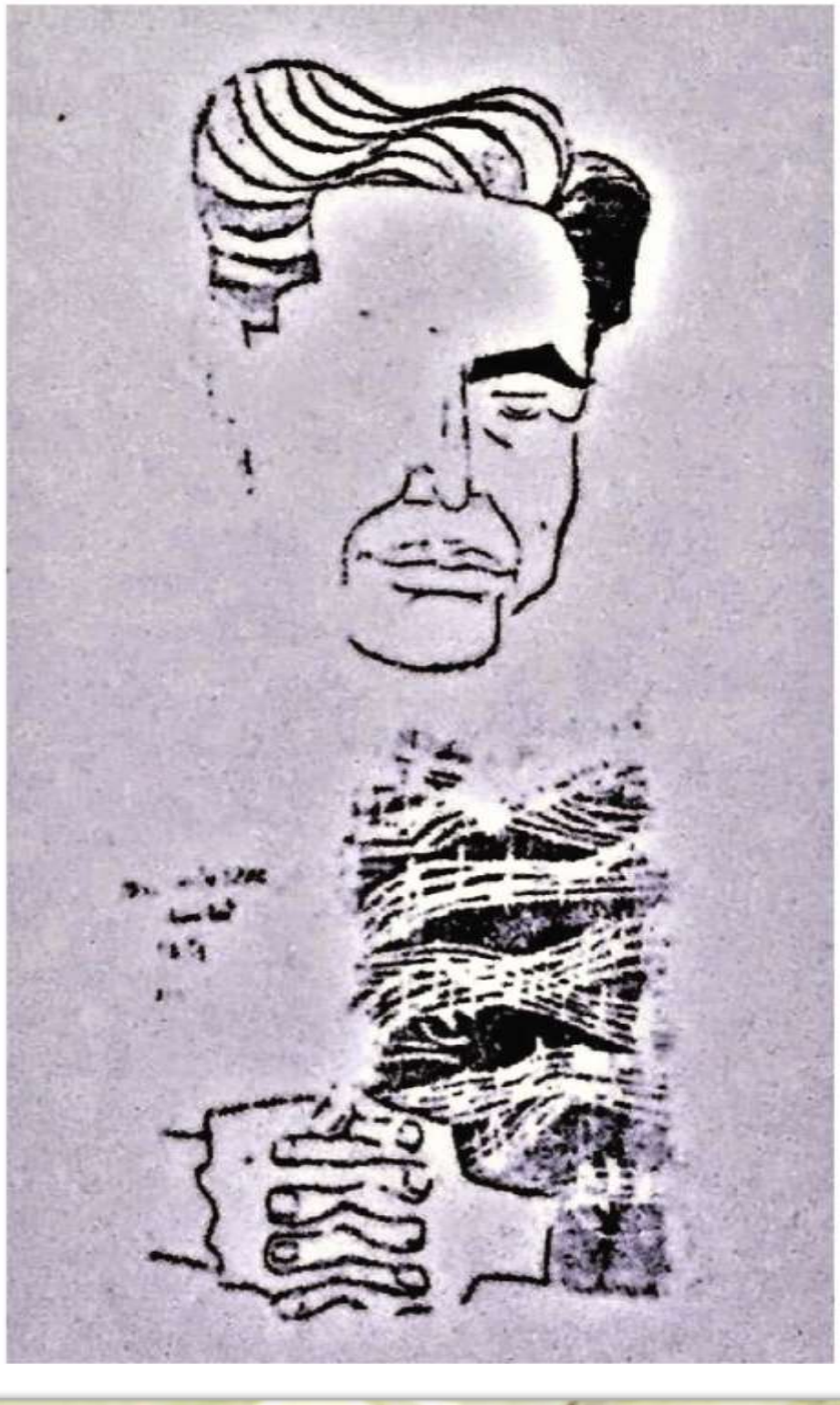

Nhạc Sĩ DƯơng Thiệu TƯớc

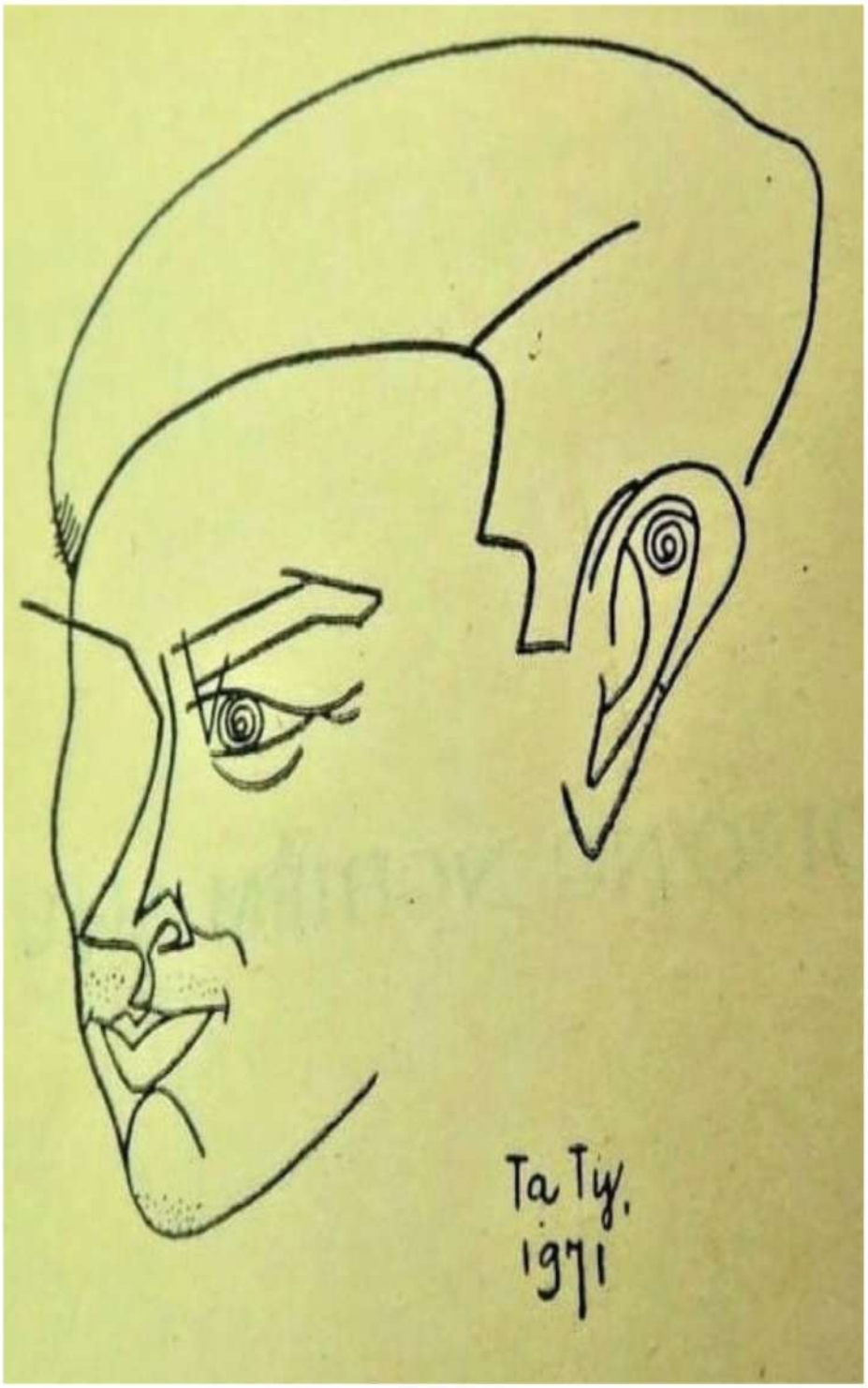

Phi Ích Nghiêm

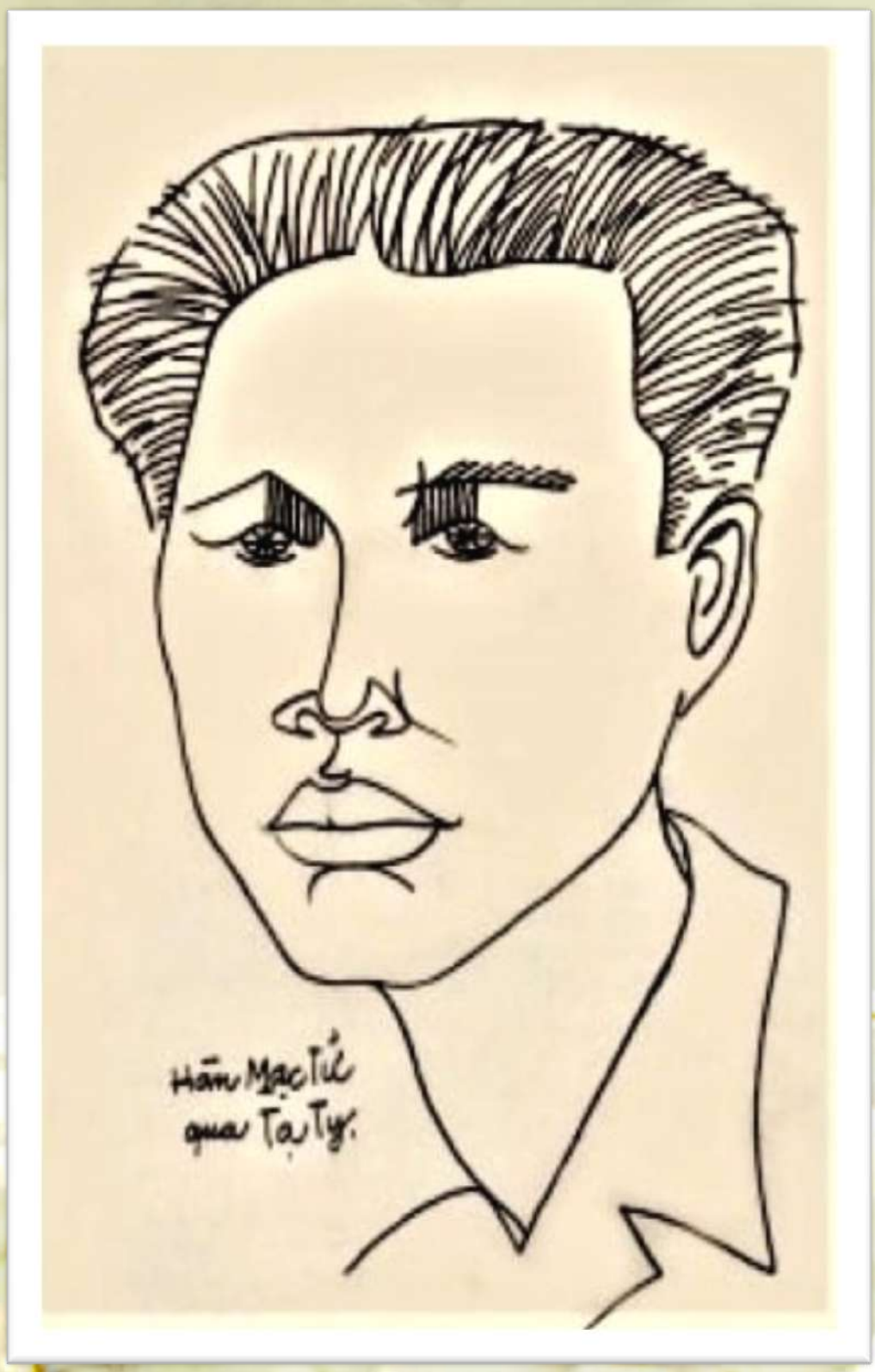

Hàn Mạc Tử



Hoàng Thích CHu

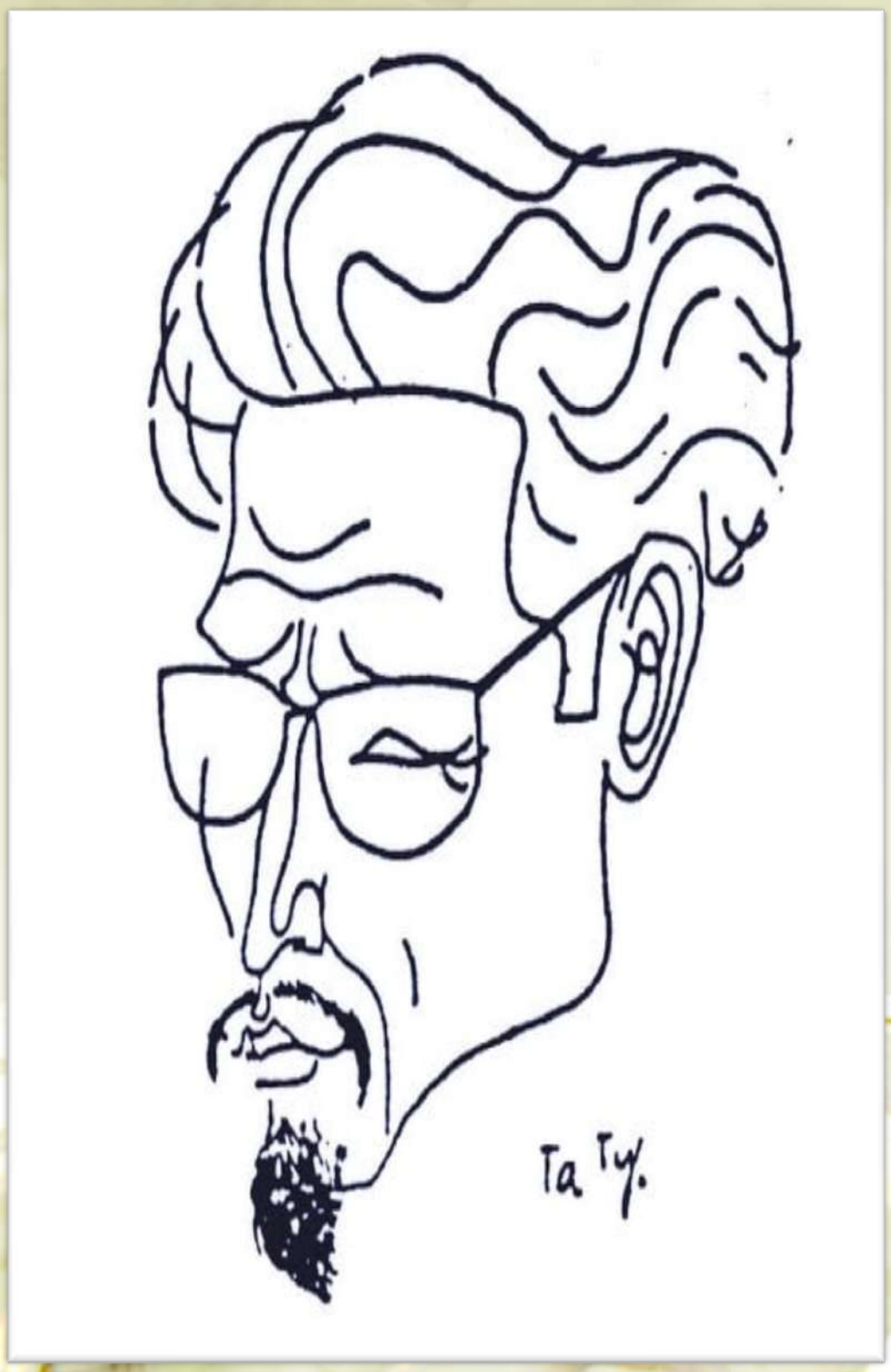

Huỳnh Văn Phẩm

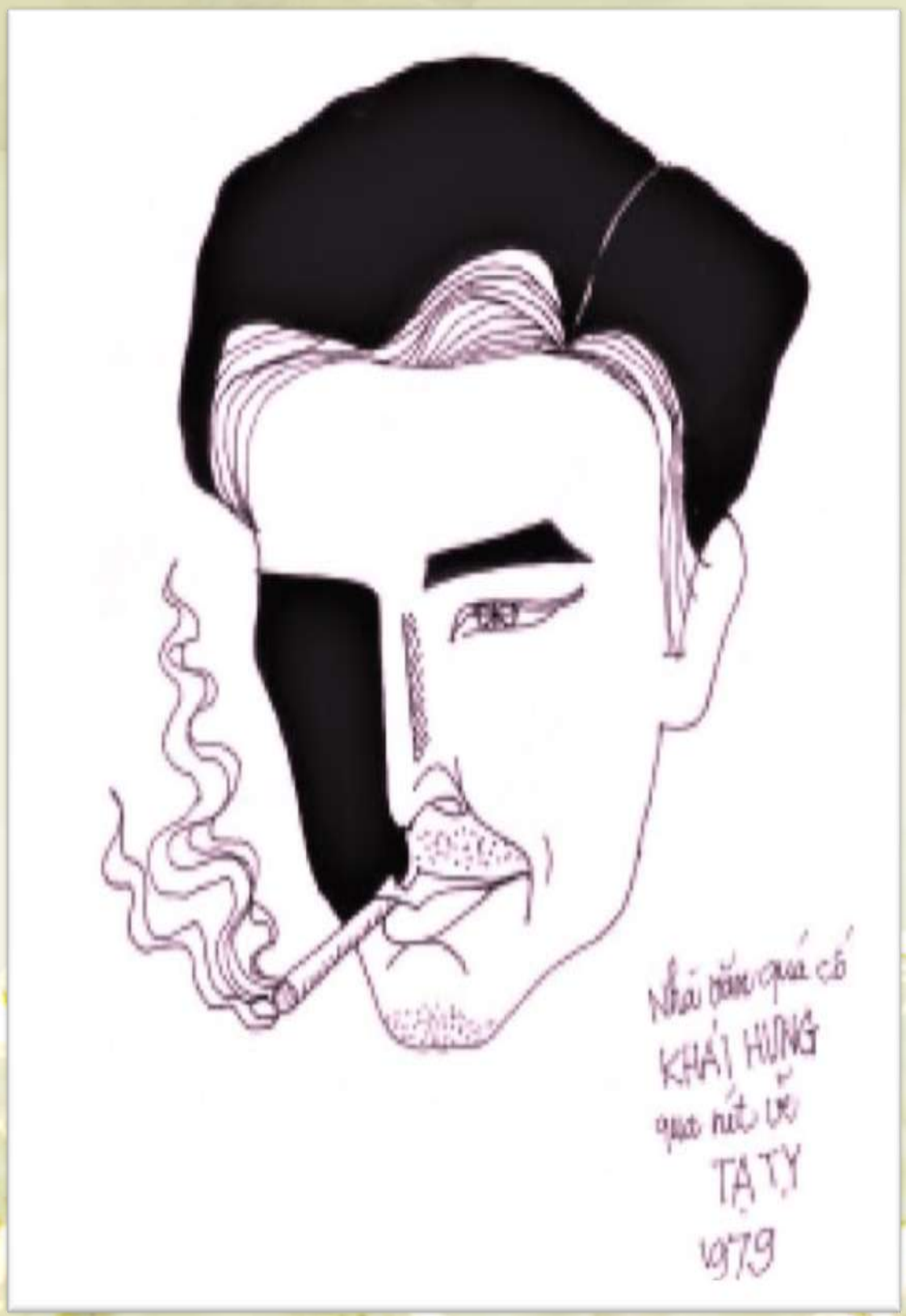

KHải Hưng

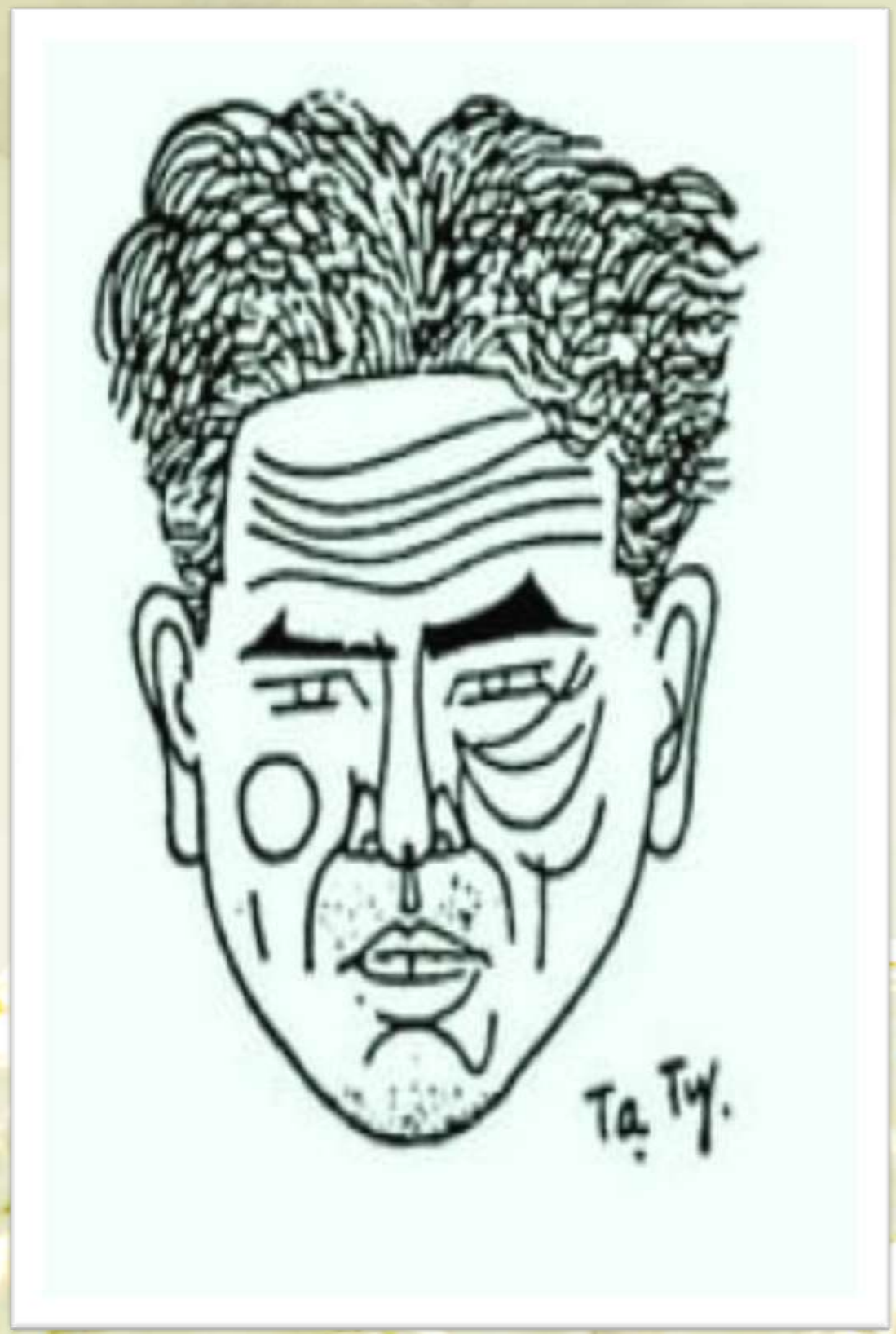

Komatasu

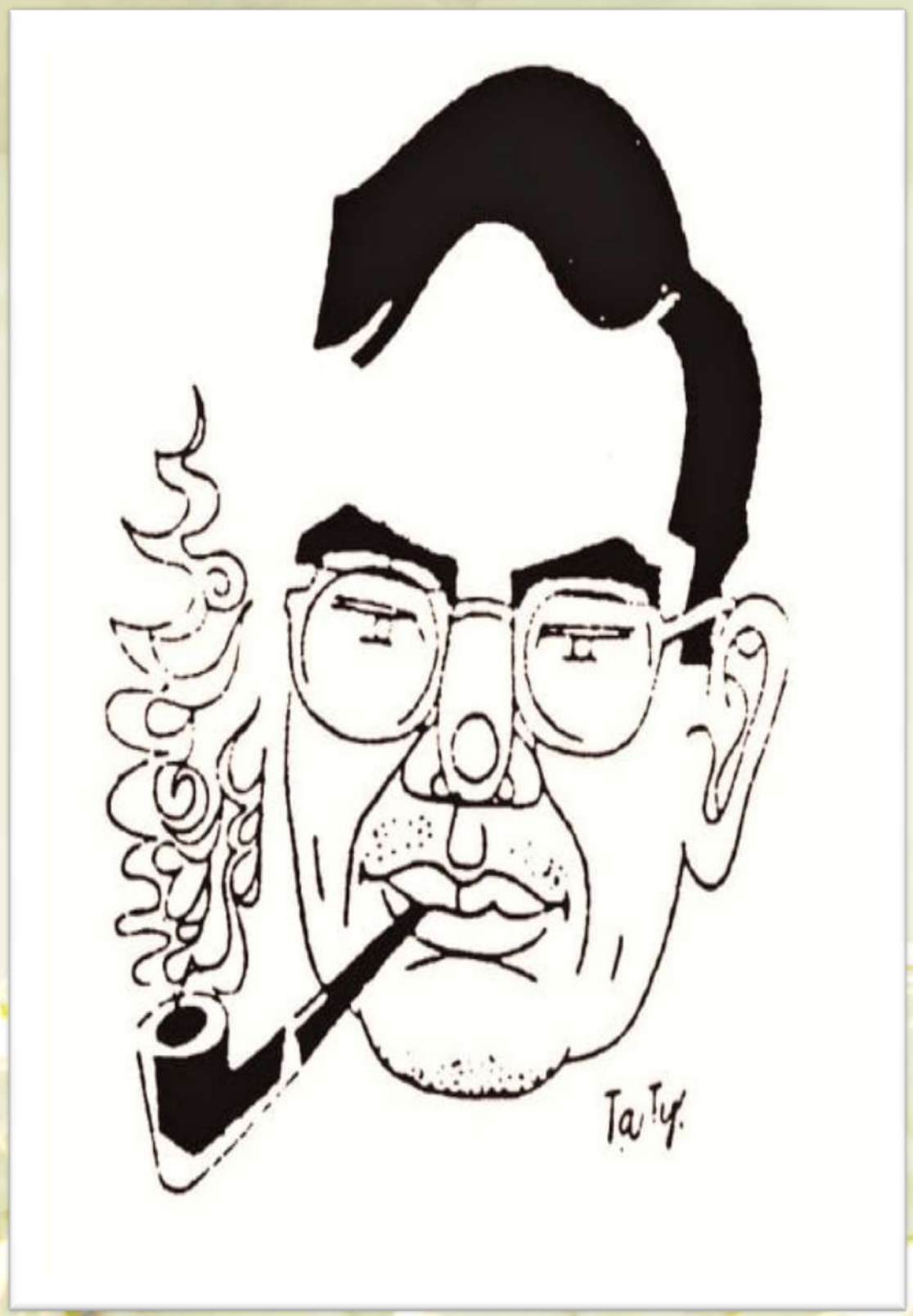

Lãng Nhân

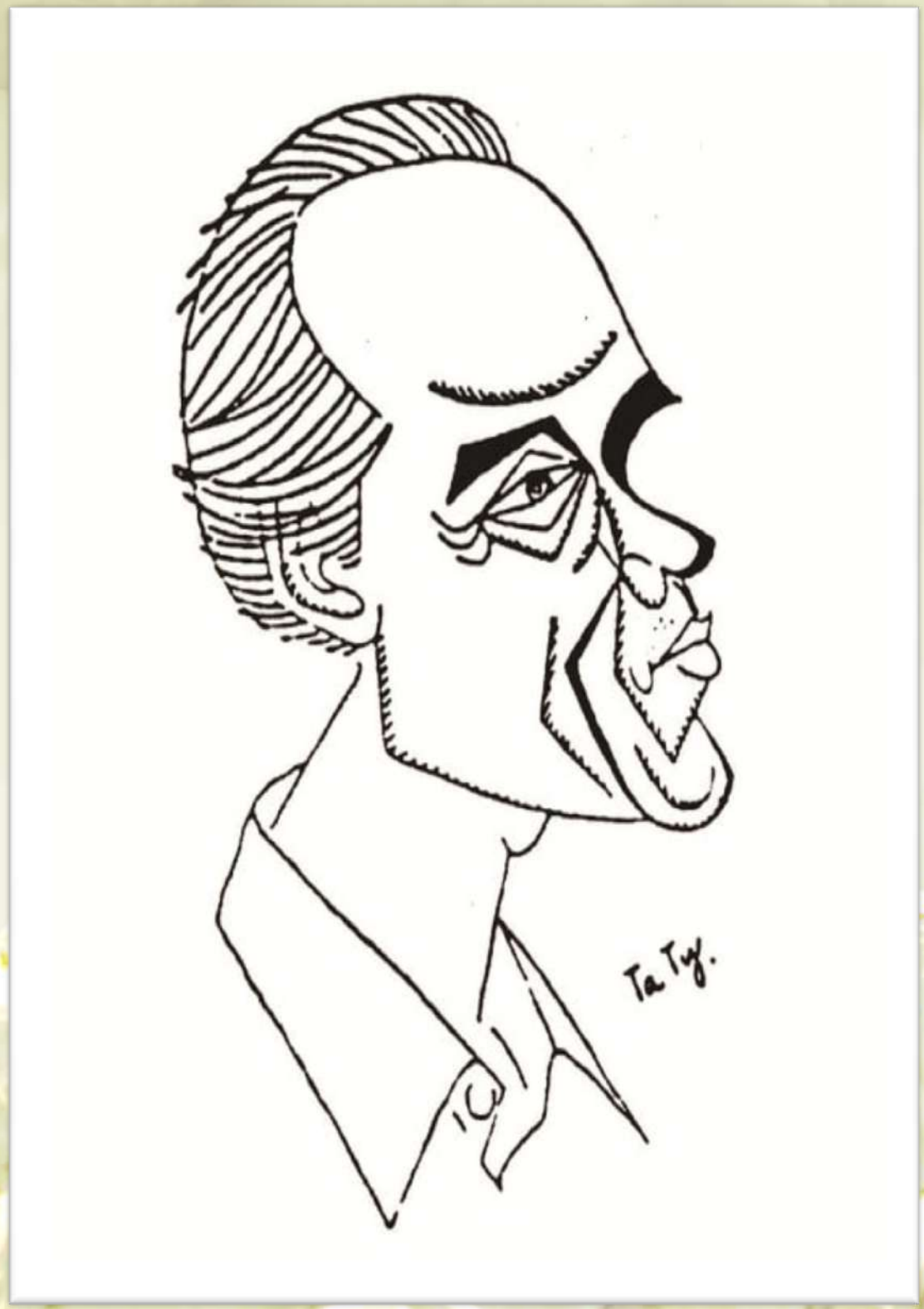

Lê Văn Siêu



Mặc Đỗ



Mai Thảo



Nguyễn BÍnh

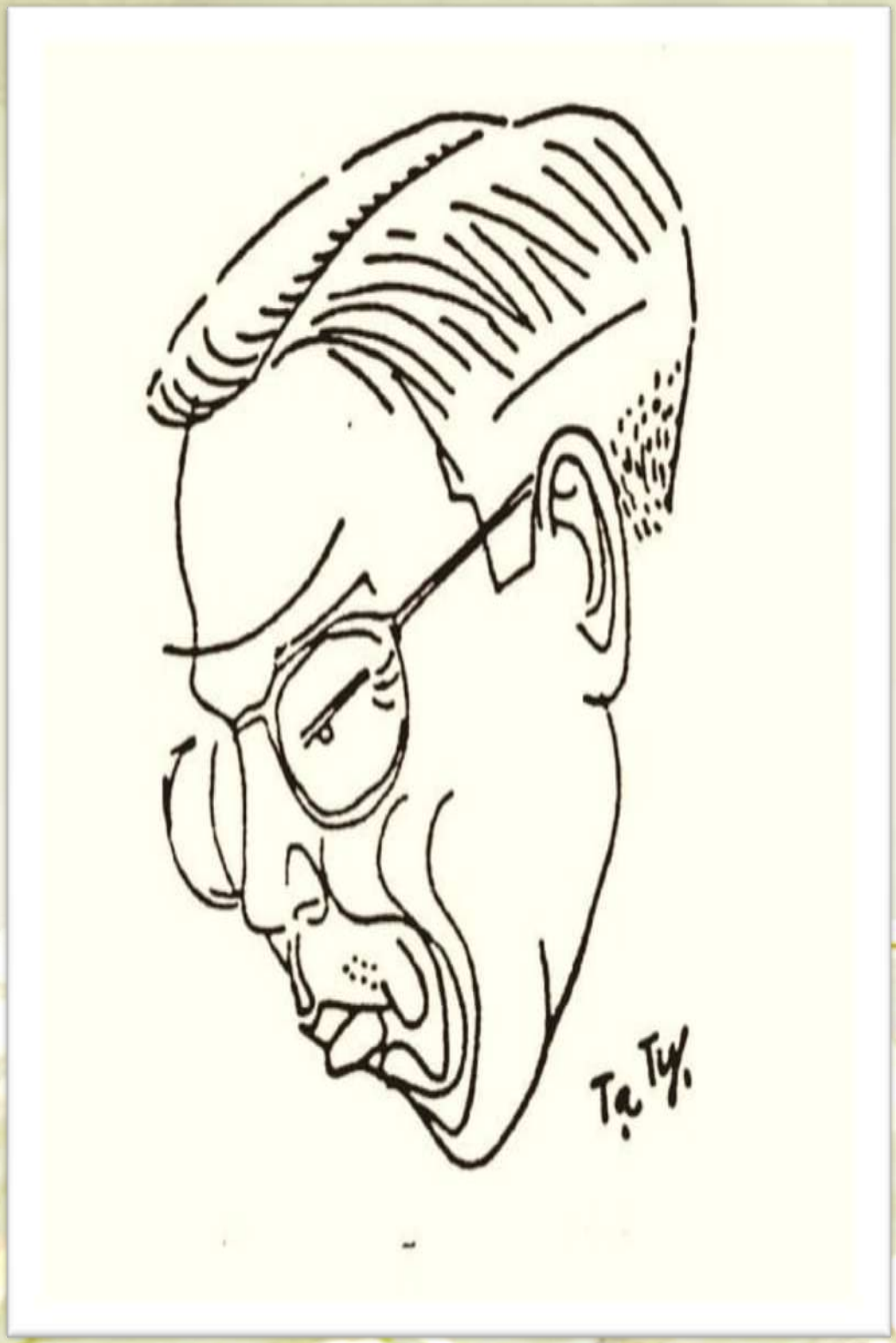

Nguyễn Kim Sanh

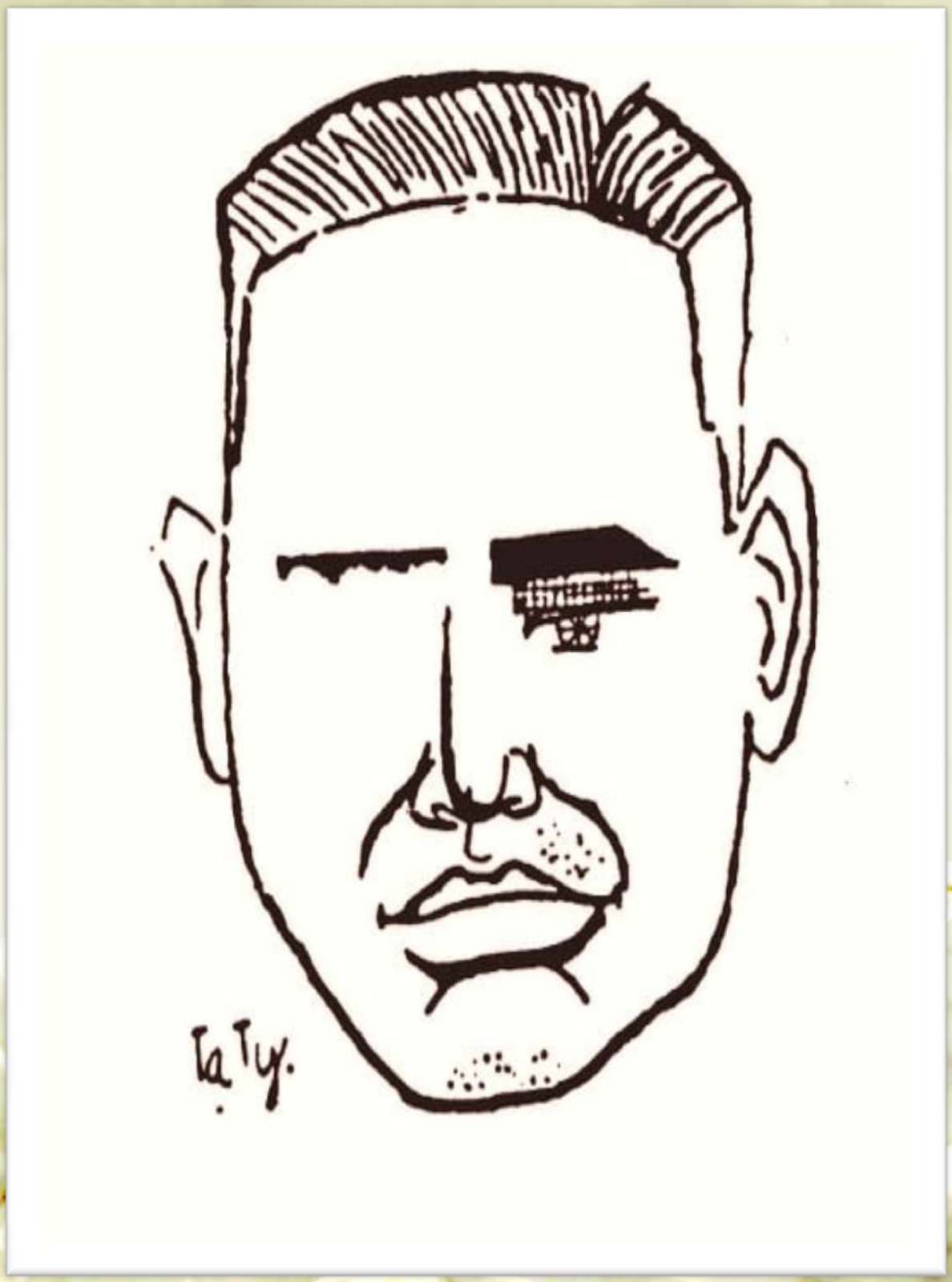

Nguyễn Phổ

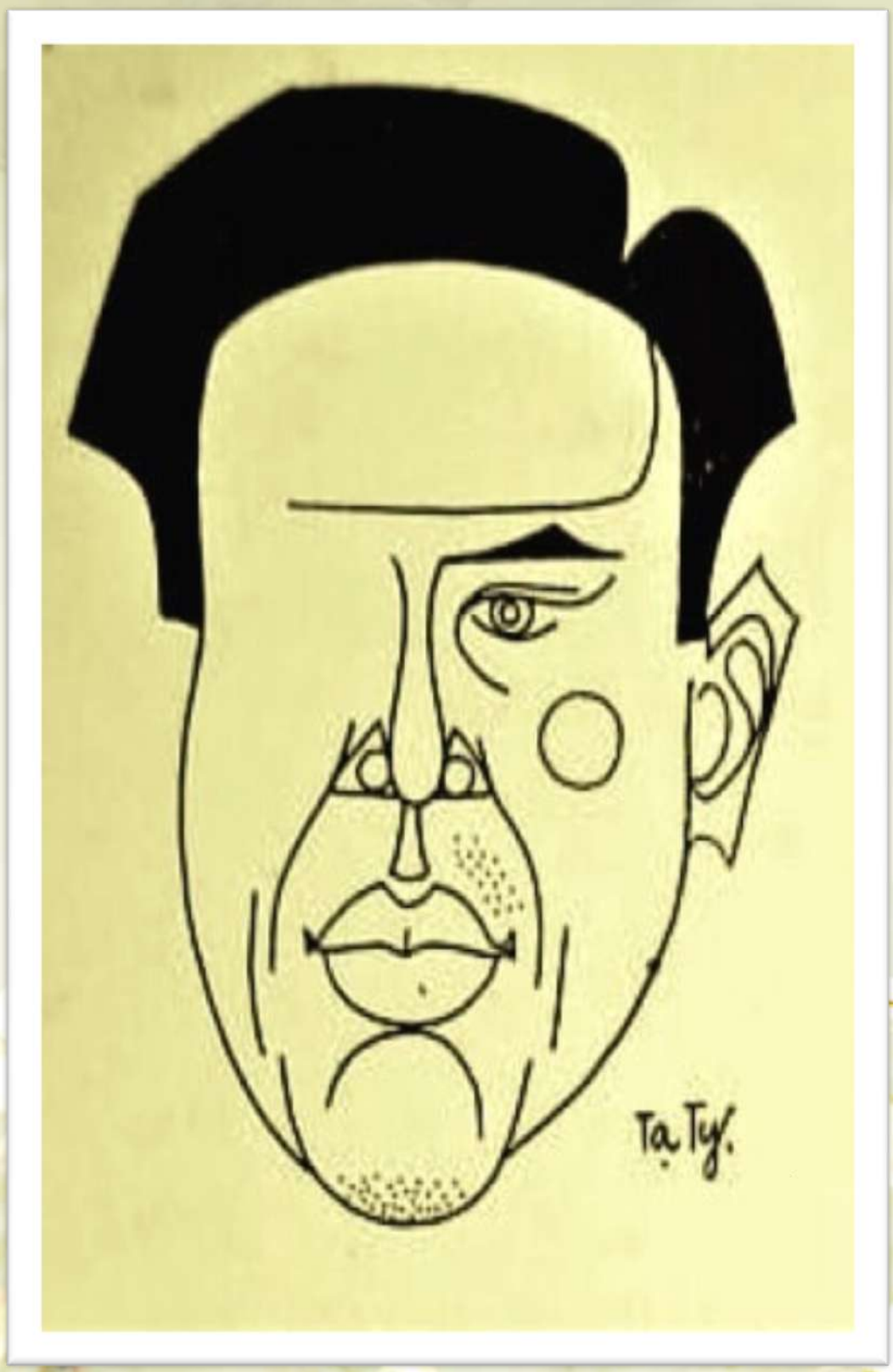

Nguyên Sa



\Nguyễn Tuân

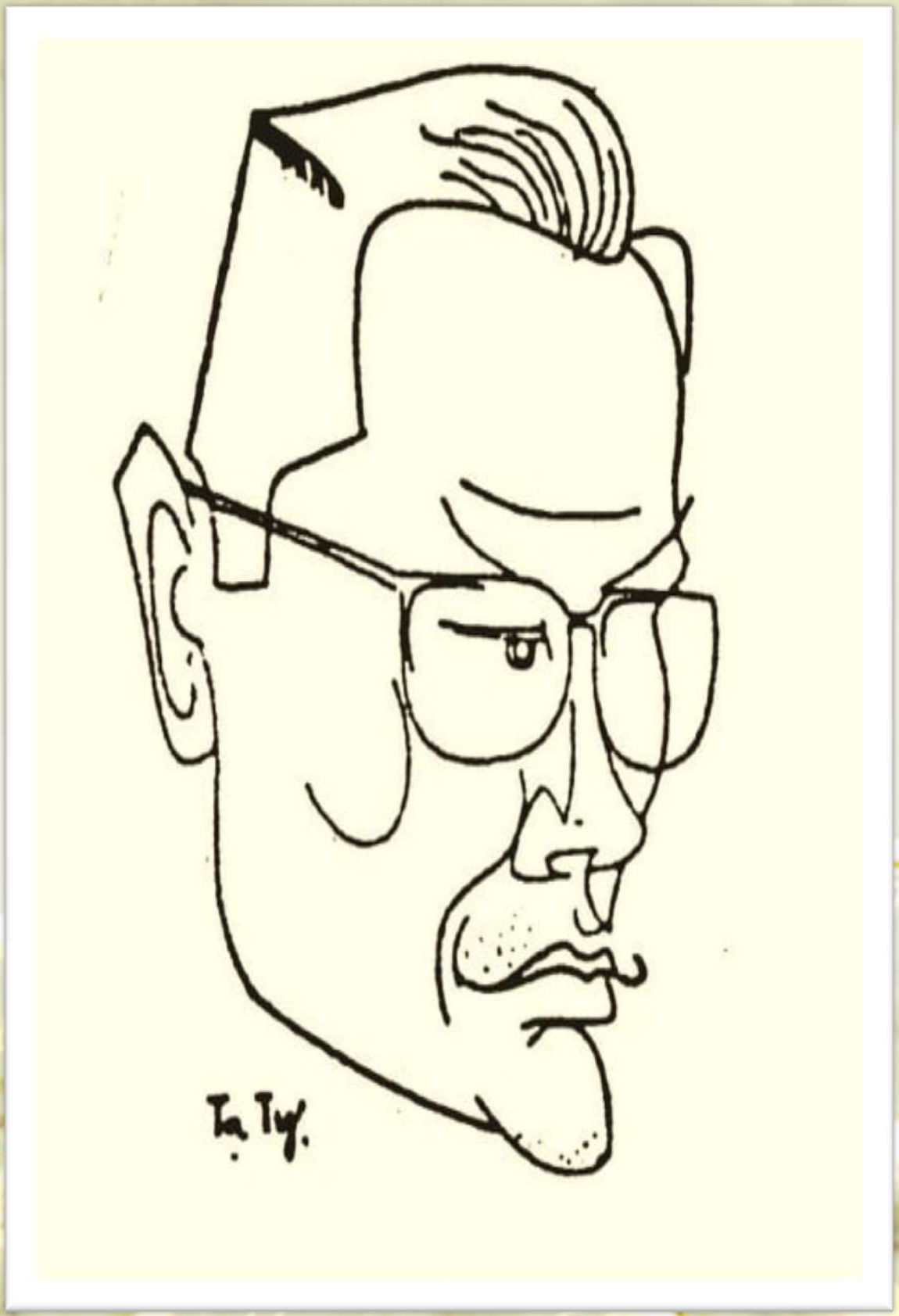

Nguyễn Văn Hợi

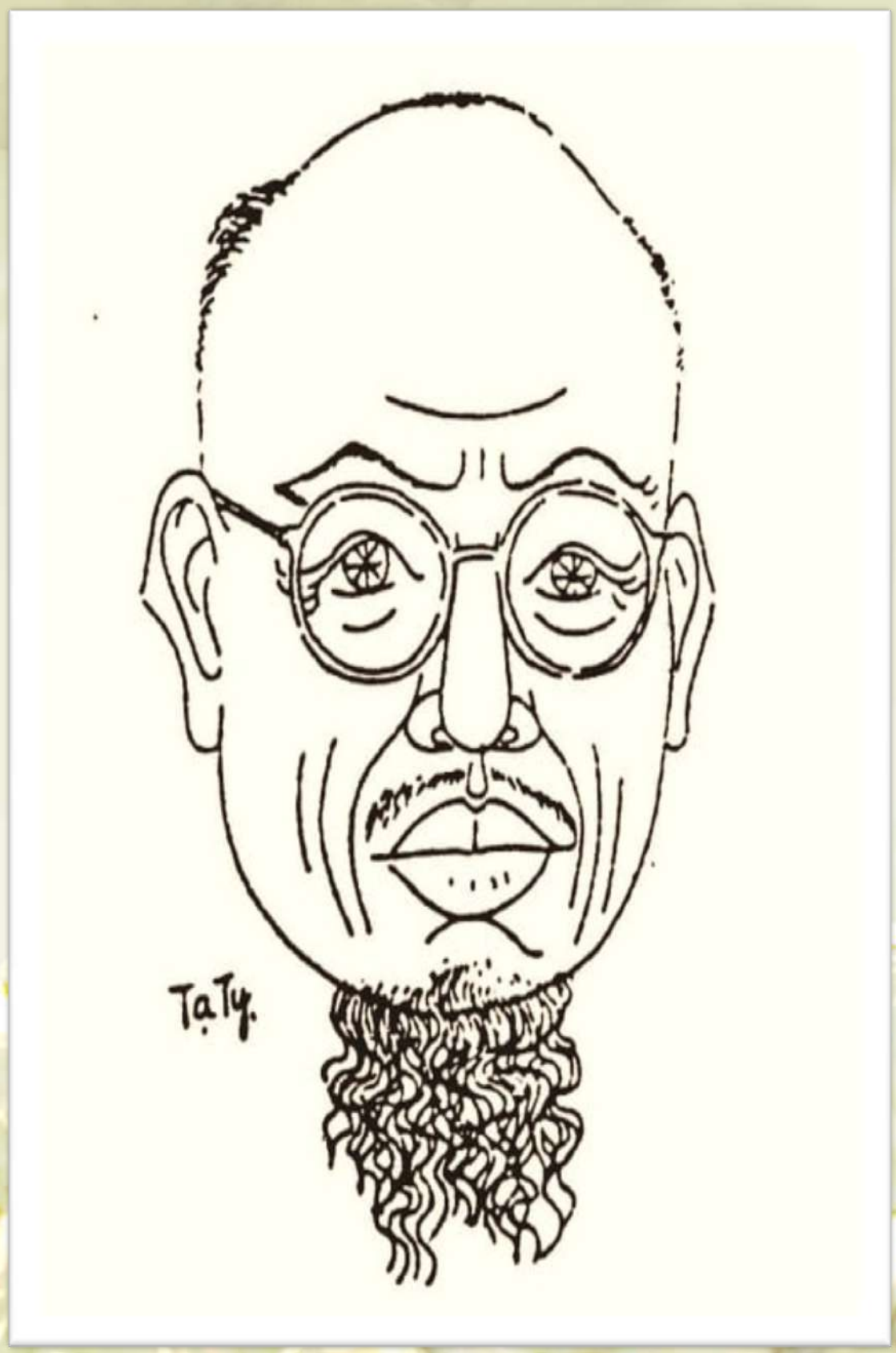

Nguyễn Văn Luận

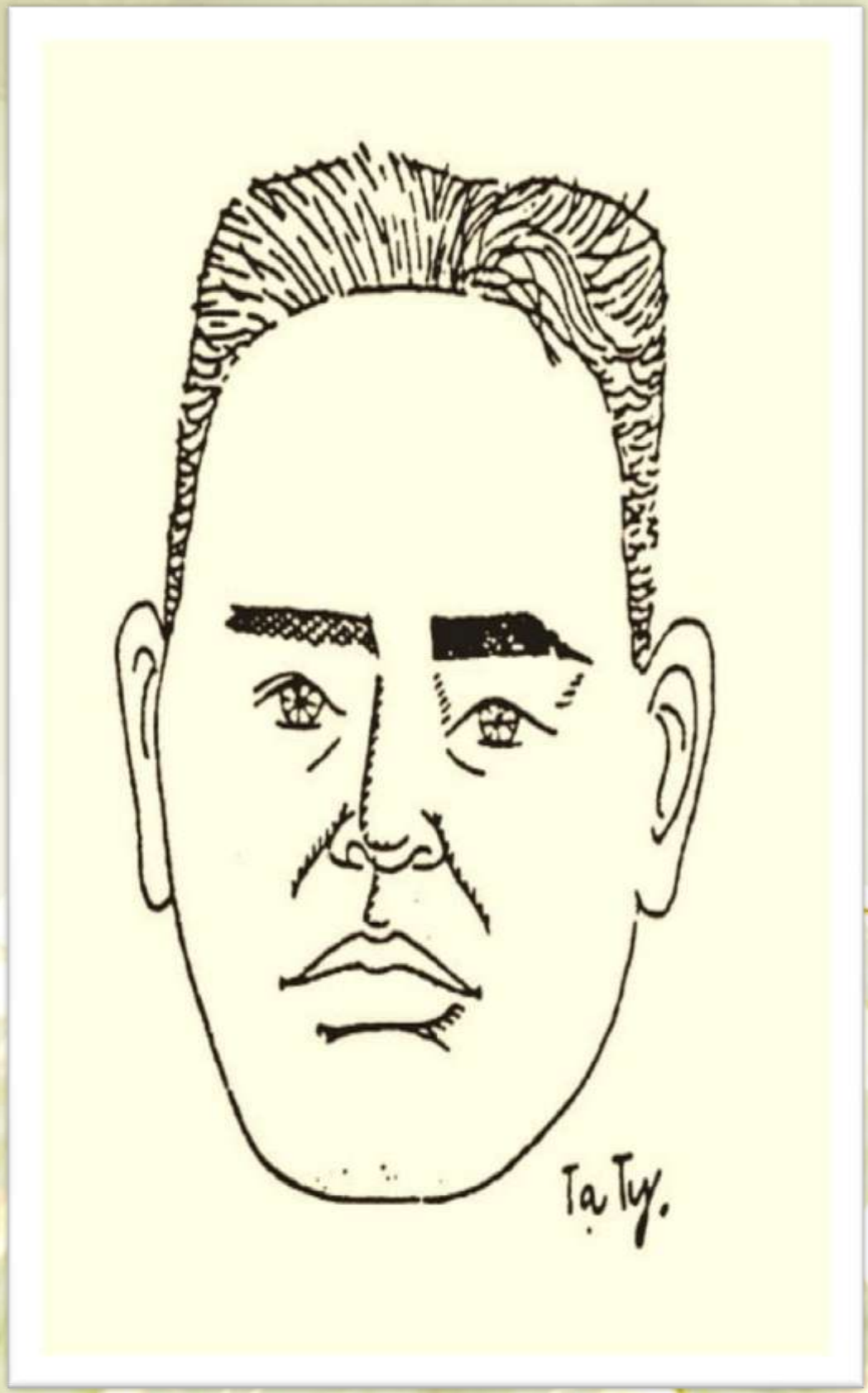

Nguyễn Văn Vĩnh

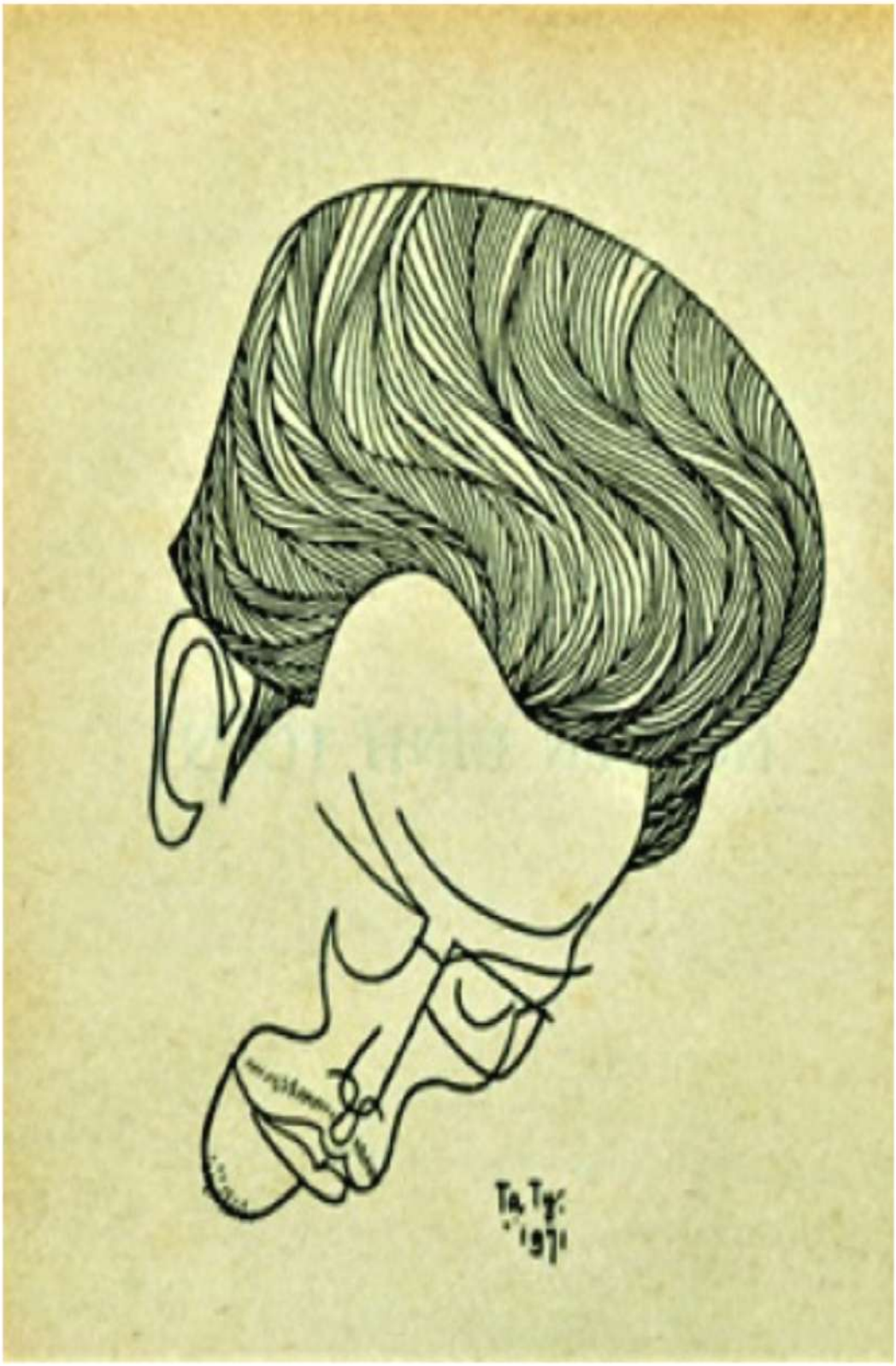

Nguyễn Đình TOàn

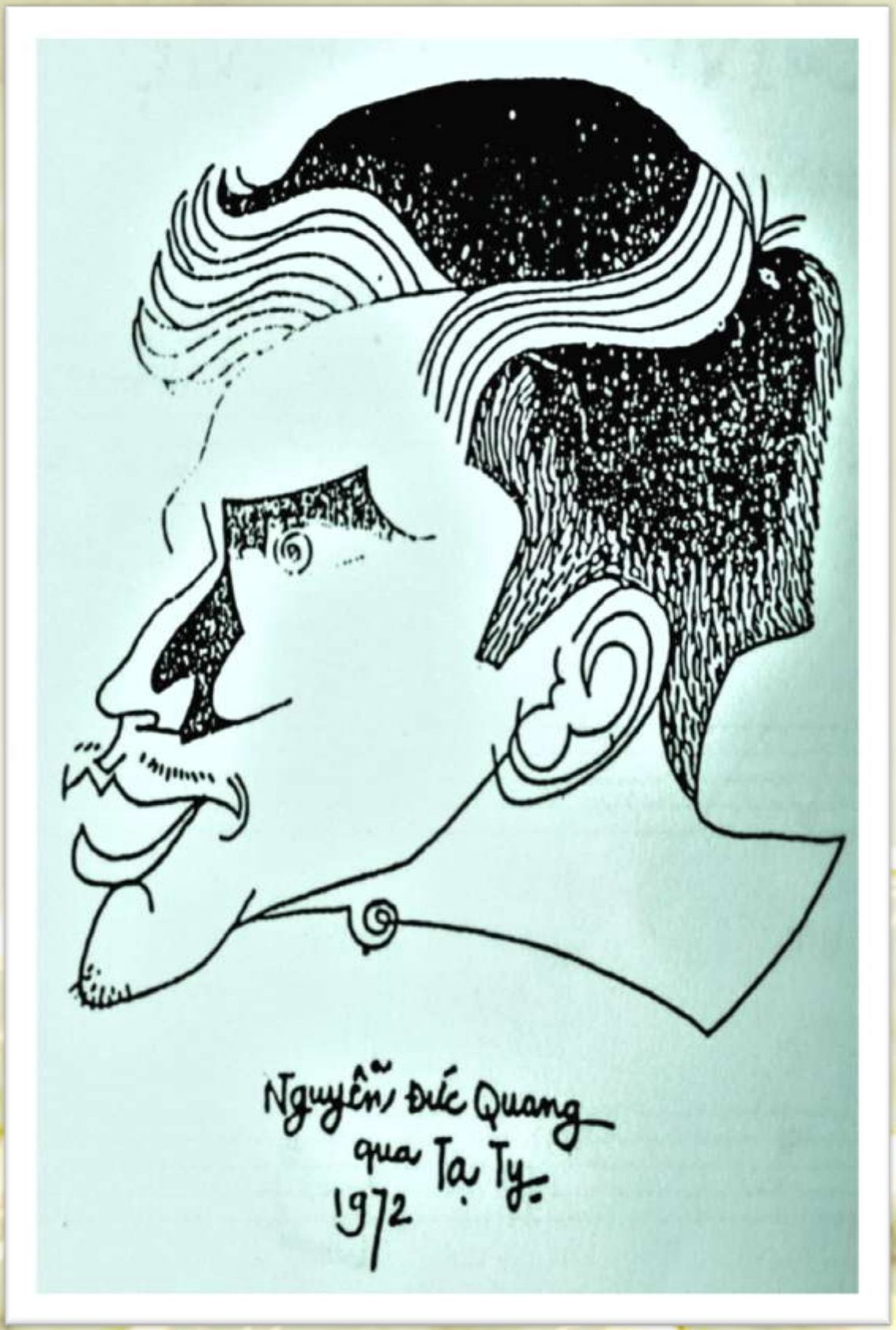

Nguyễn Đức Quang



Nguyễn Thị Thuy Vũ

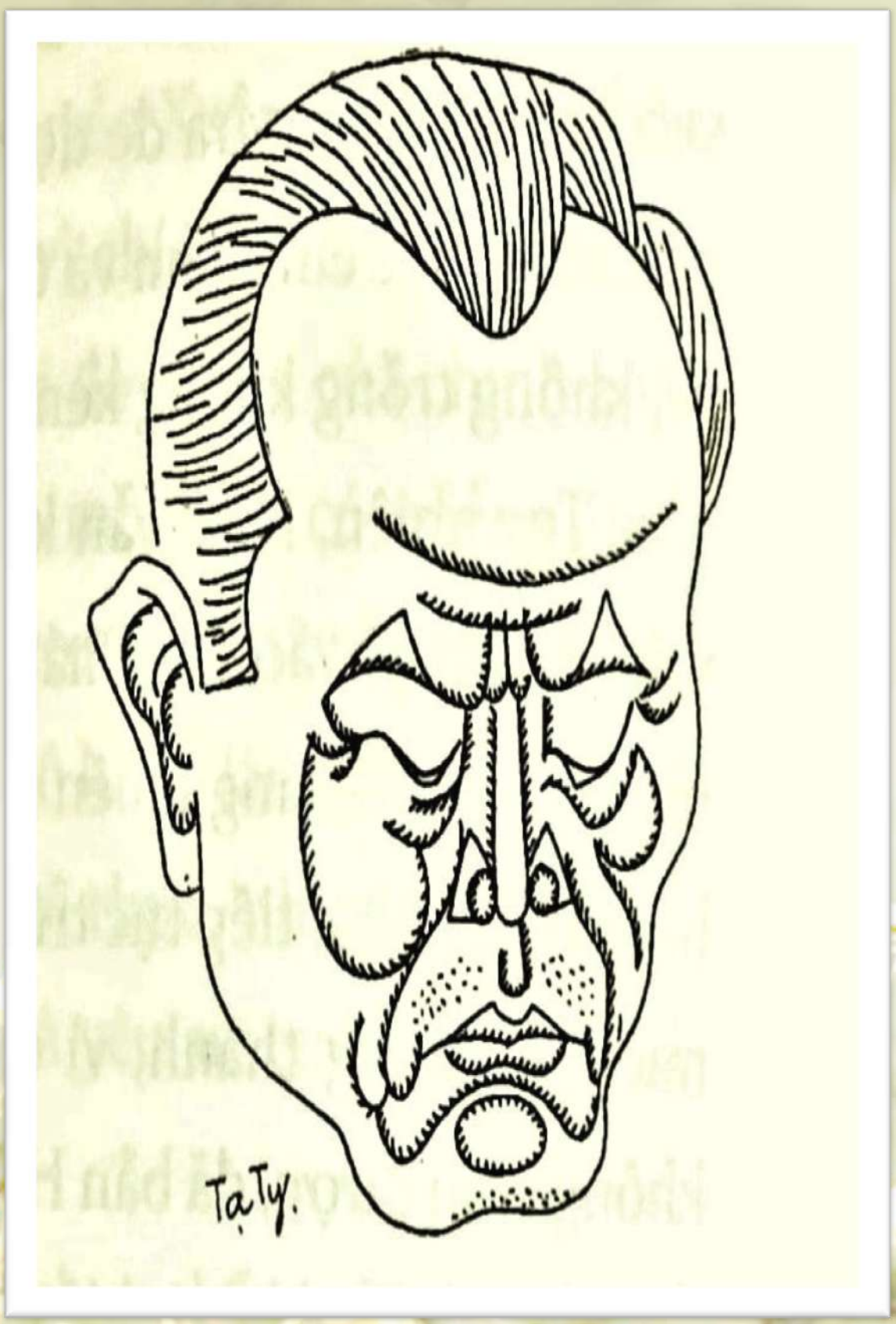

Nguyễn Vỹ

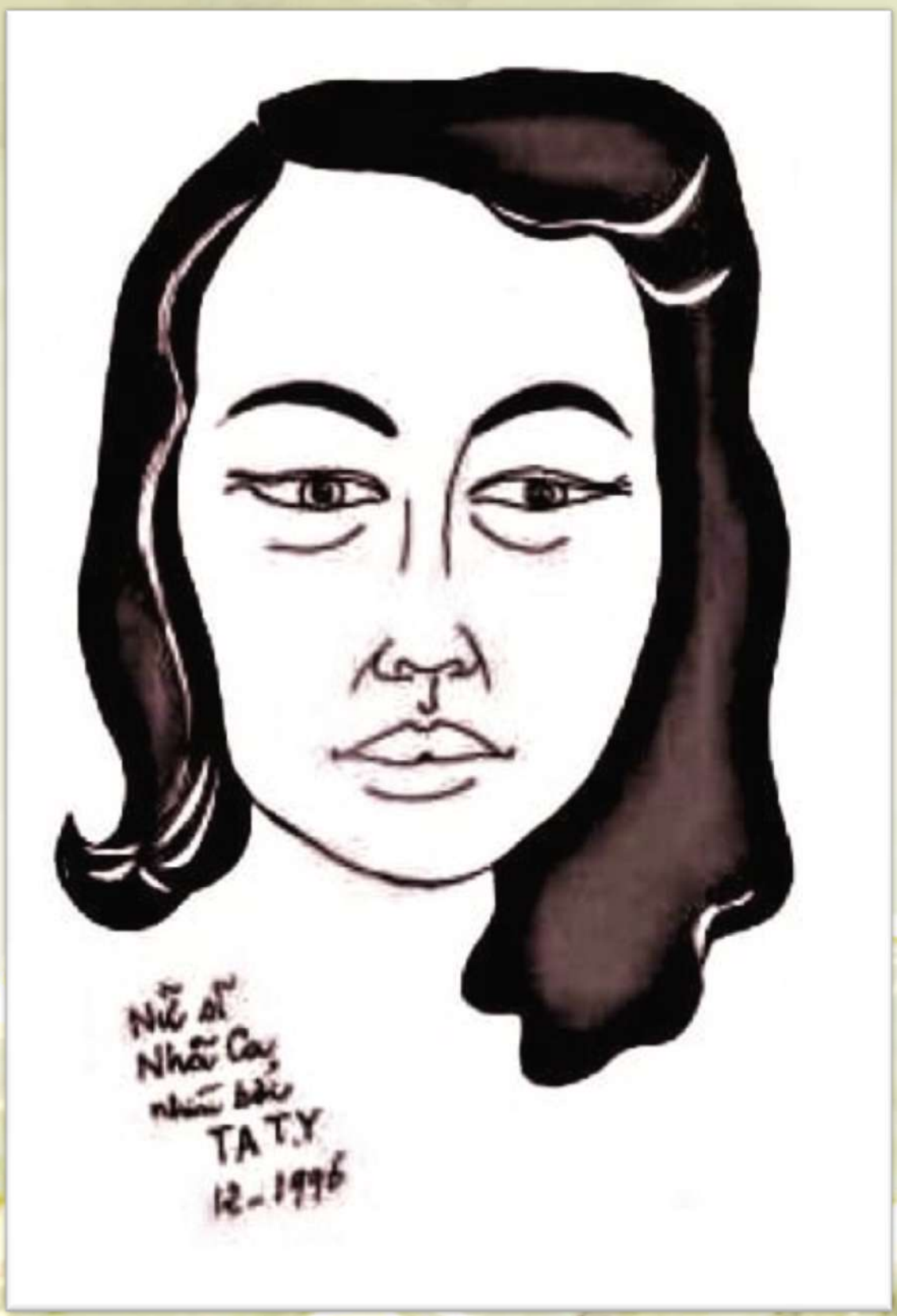

Ca sĩ Nhã Ca

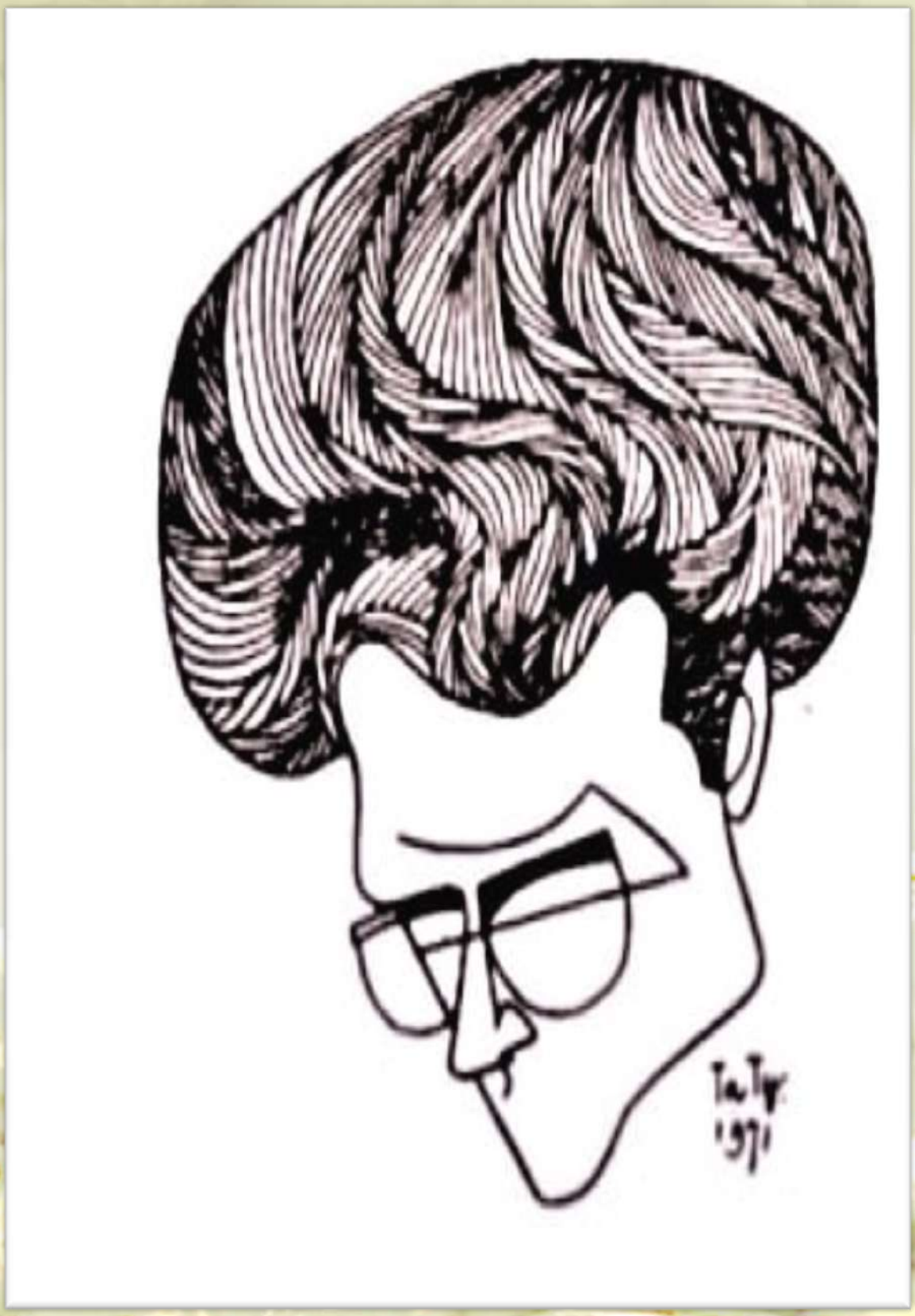

Nhật Tiến

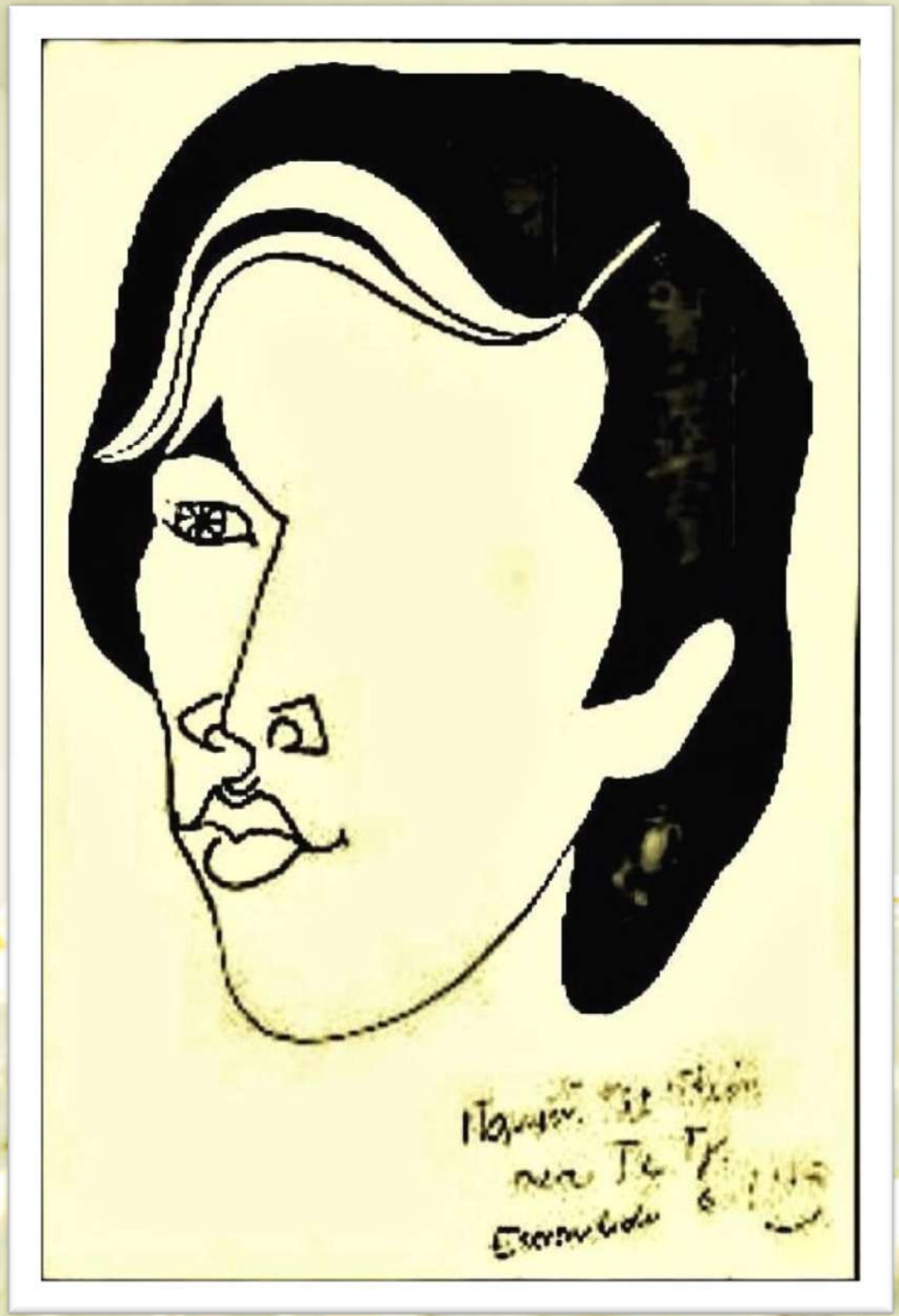

Nguyễn Tất Nhiên

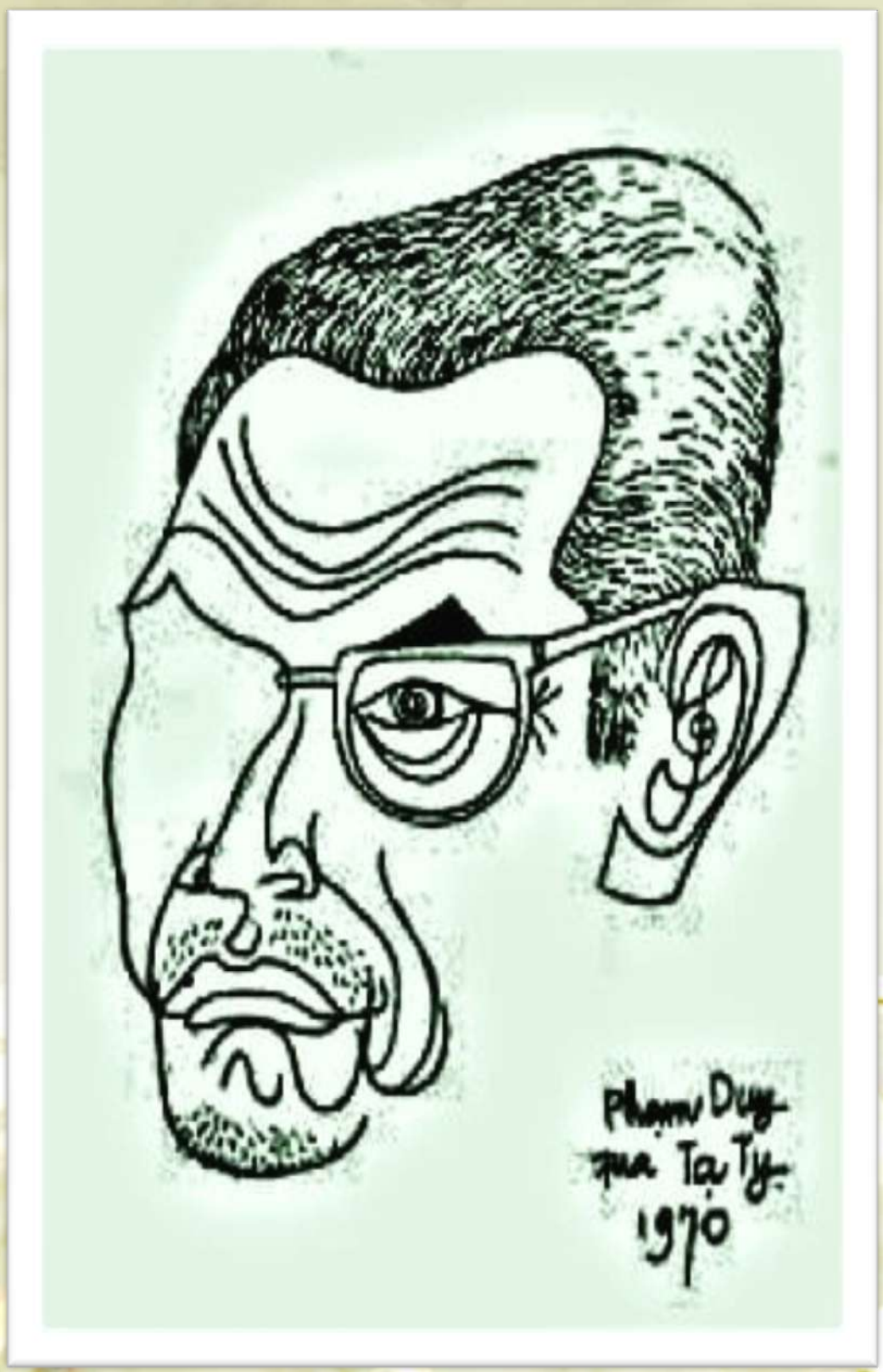

Pham Duy

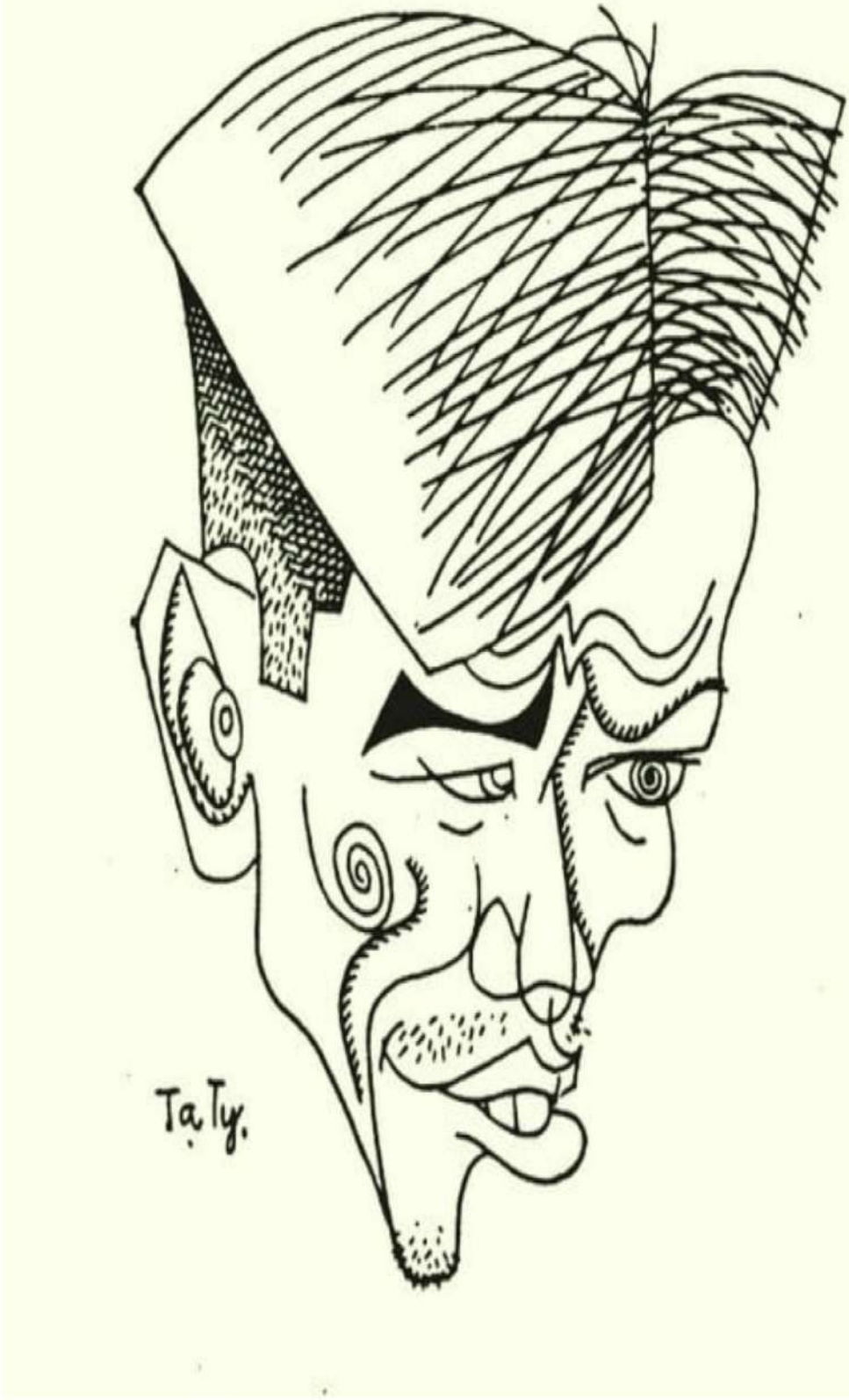
Tạ Tỵ.

Sơn Nam



Tam Lang Vũ Đình Chi


Tạ Tỵ.
tự họa

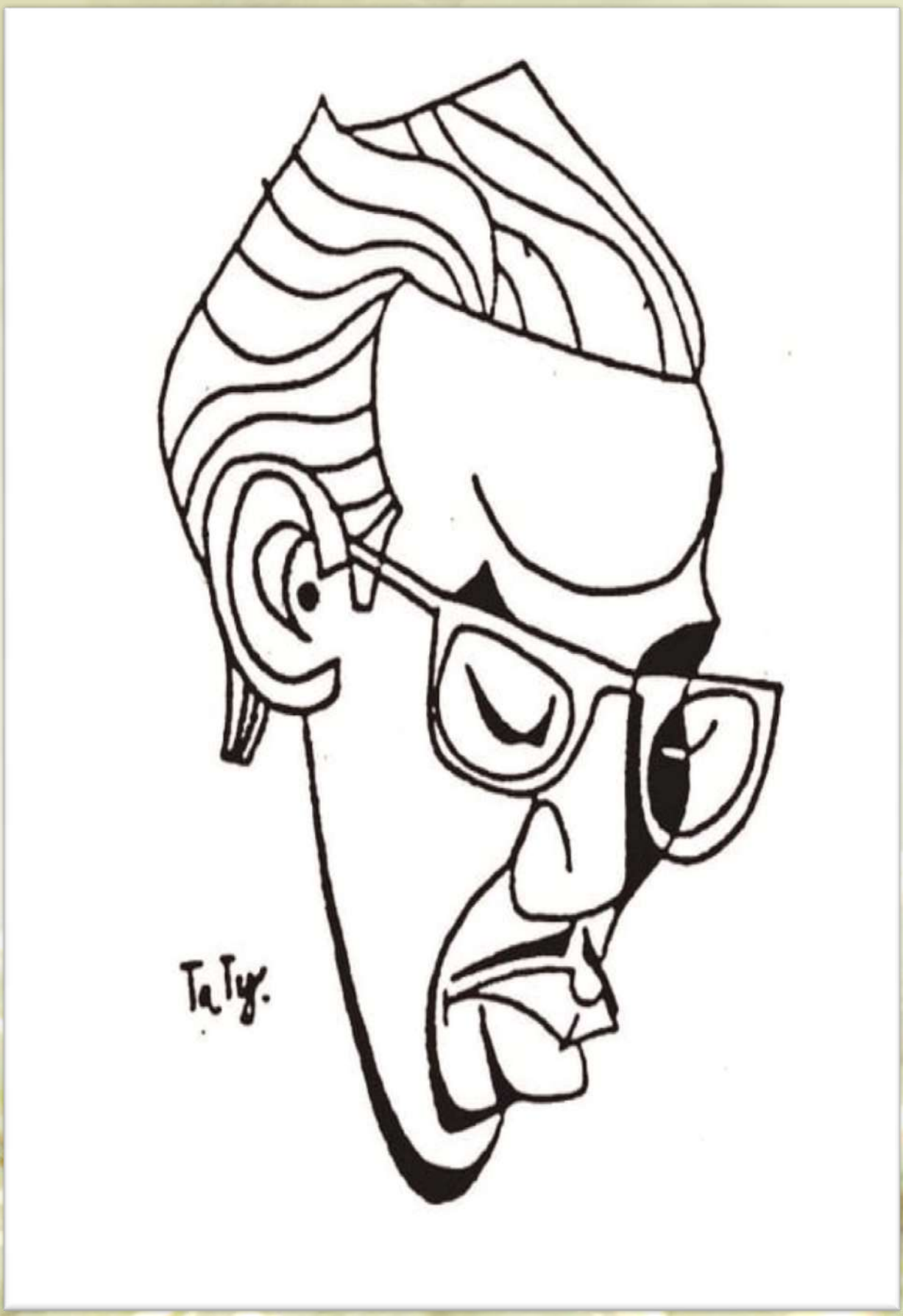

TchyA (1908-1968)



Đỗ Mạnh Tường. Bút hiệu: Thế Phong

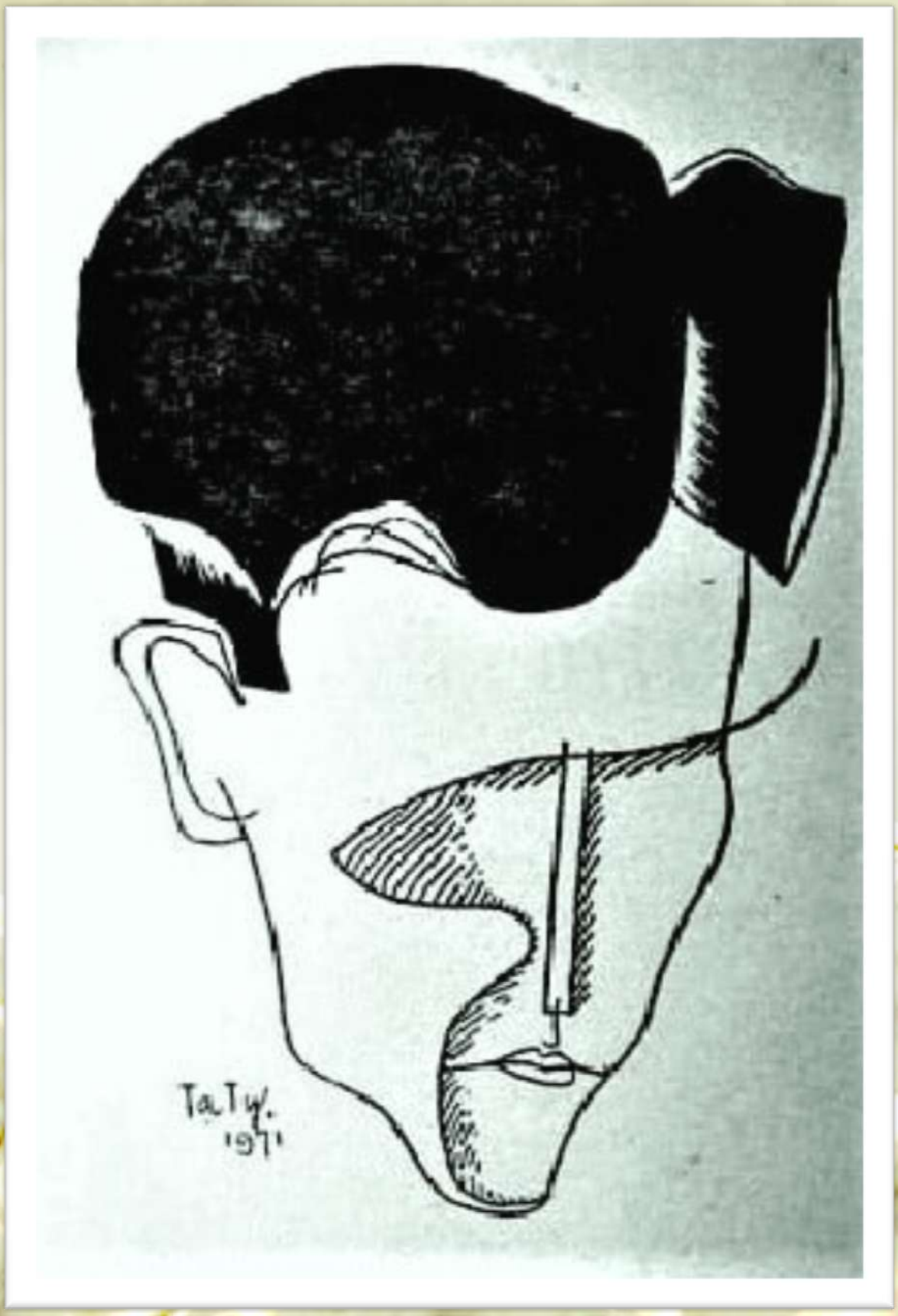

Văn Việt

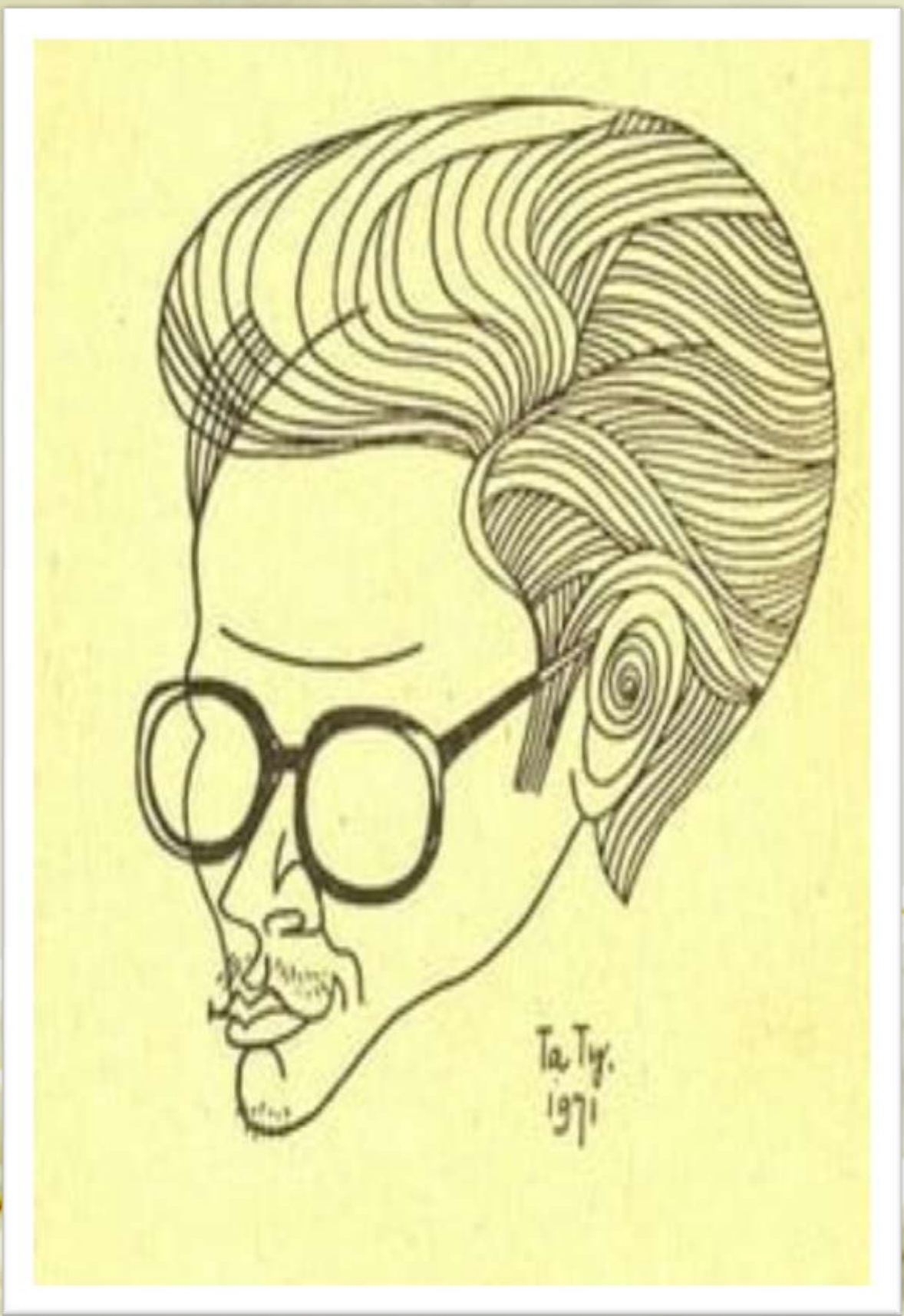

Trịnh Công SƠn

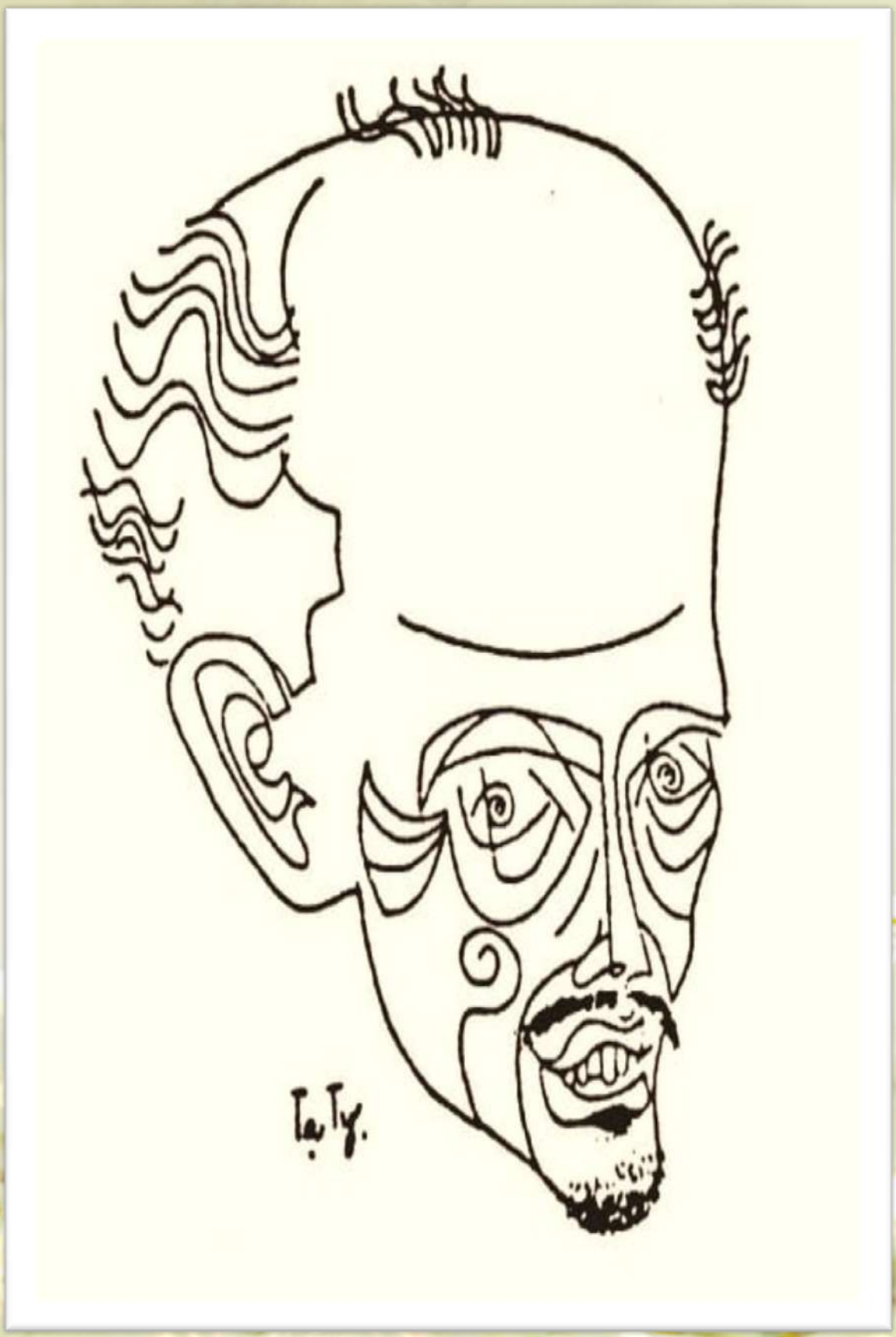

Trọng LAng

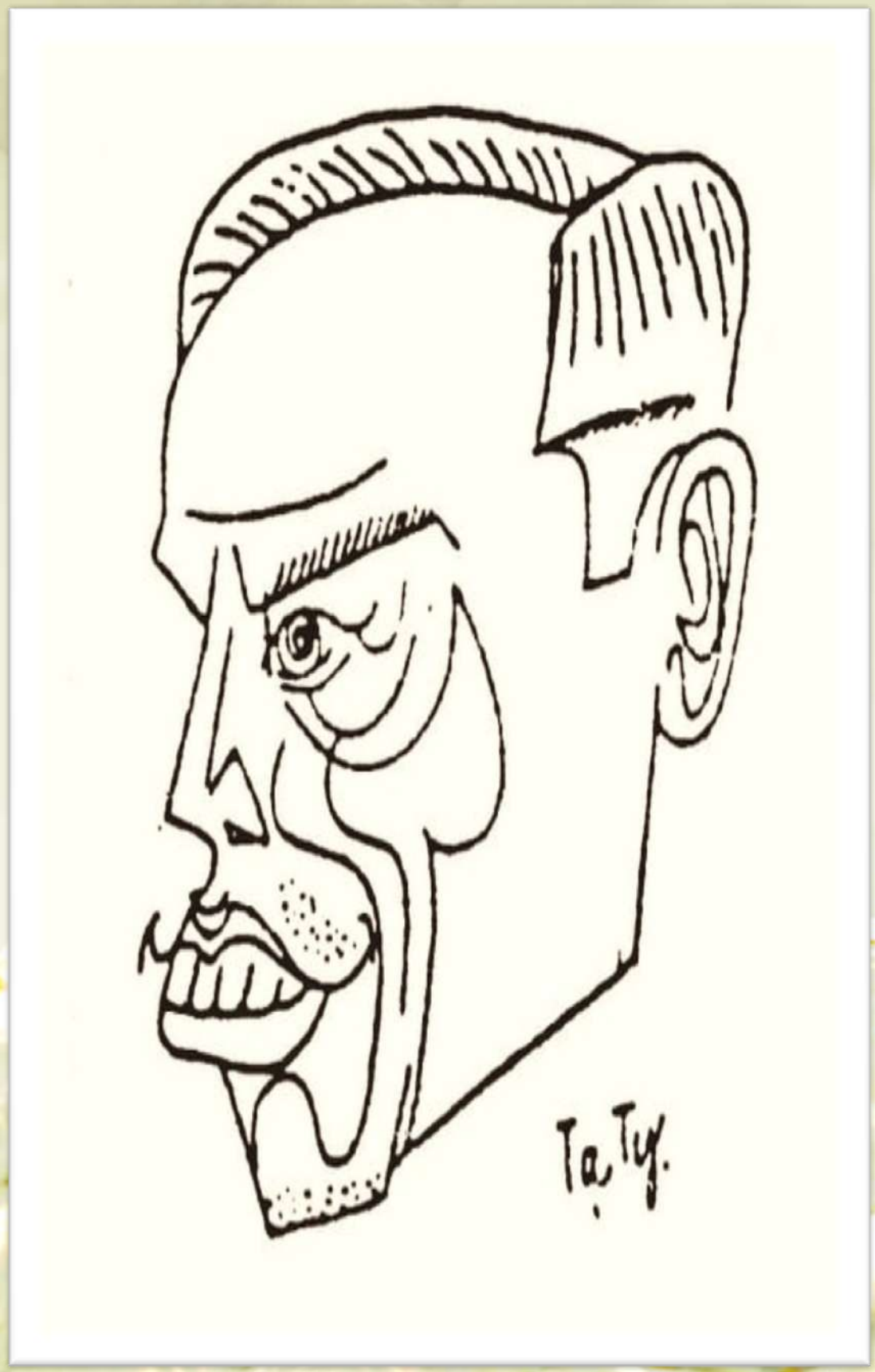

Trương Đình THi

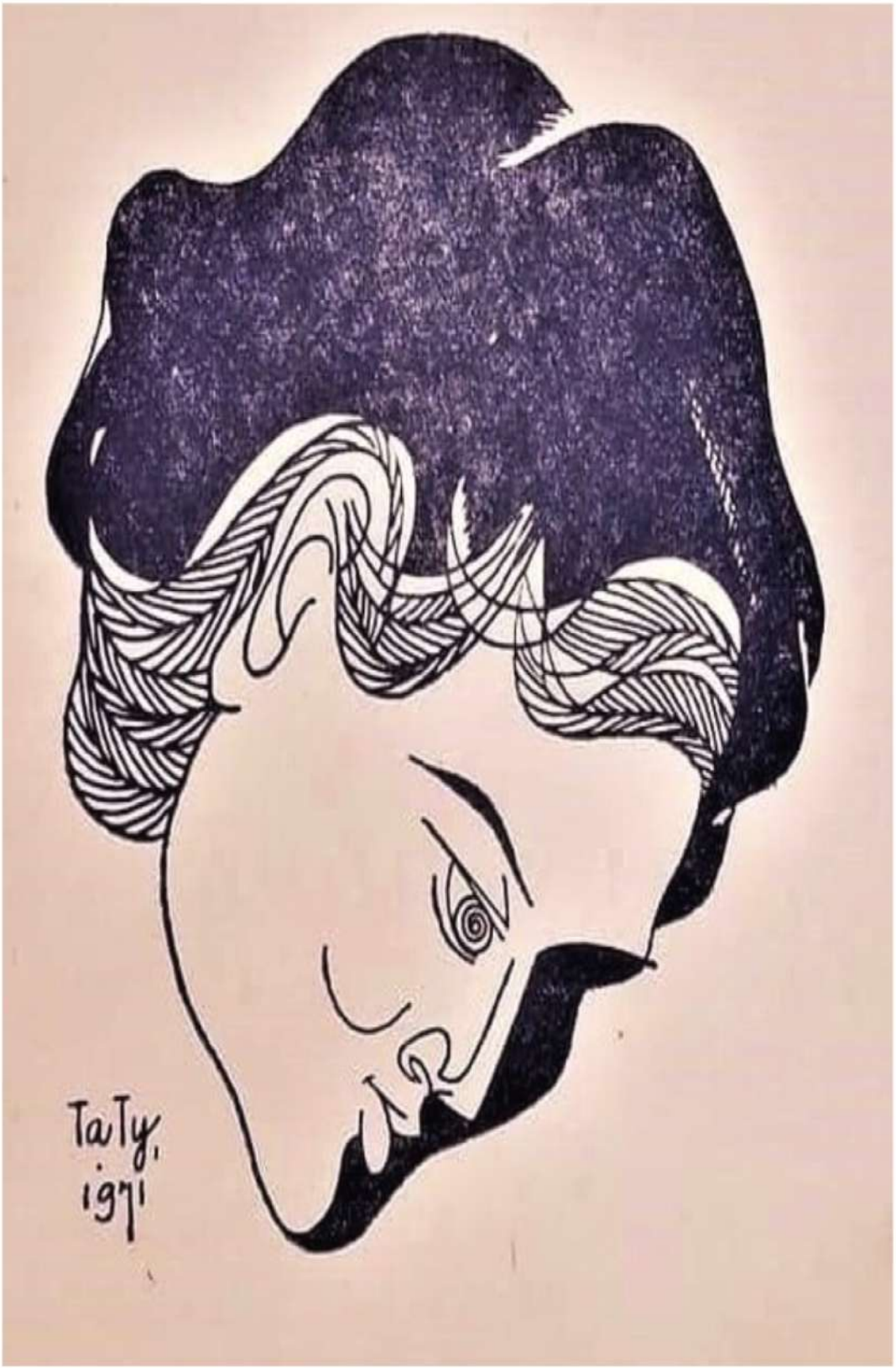

Văn Túy Hồng

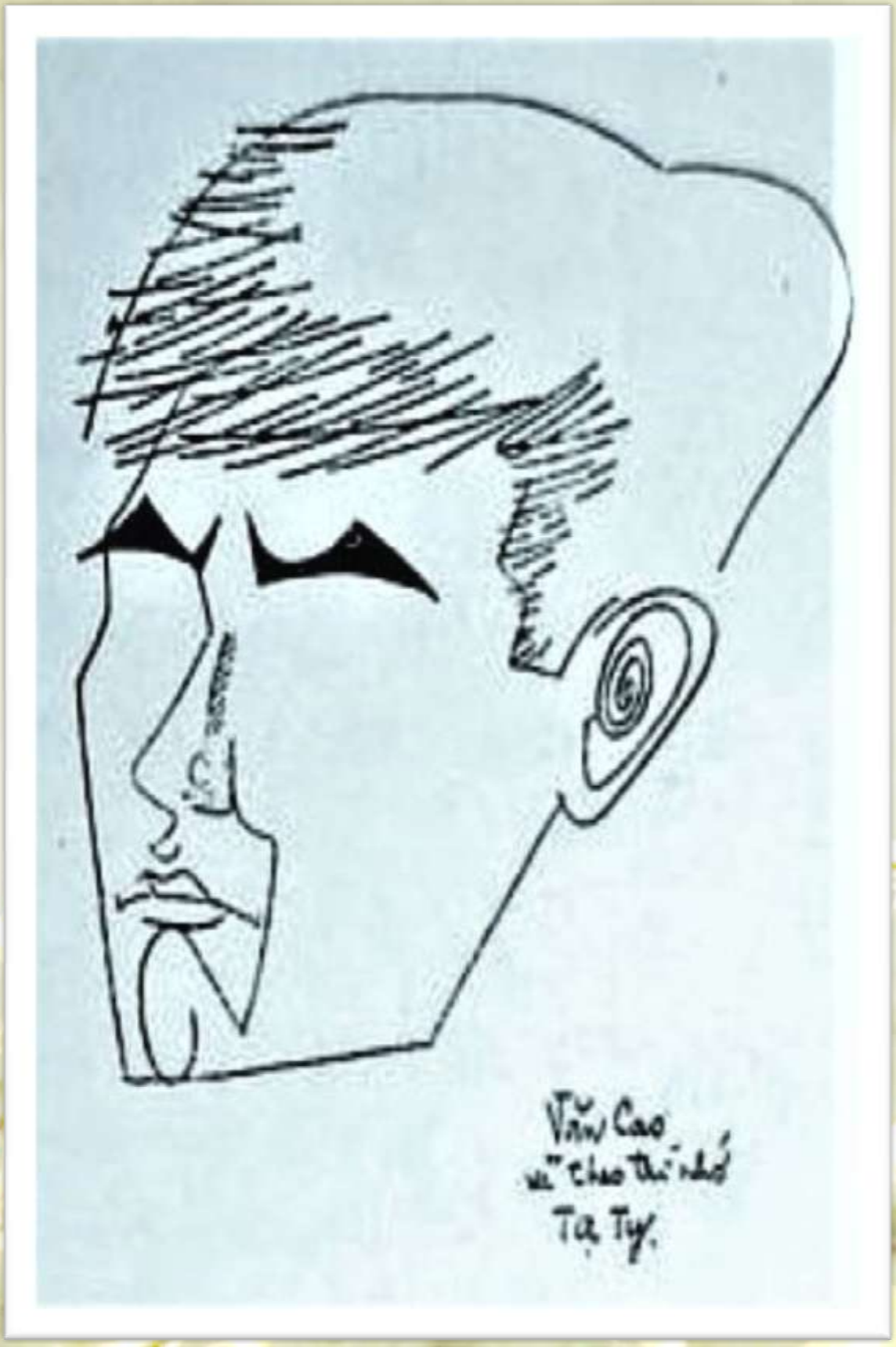

Văn Cao

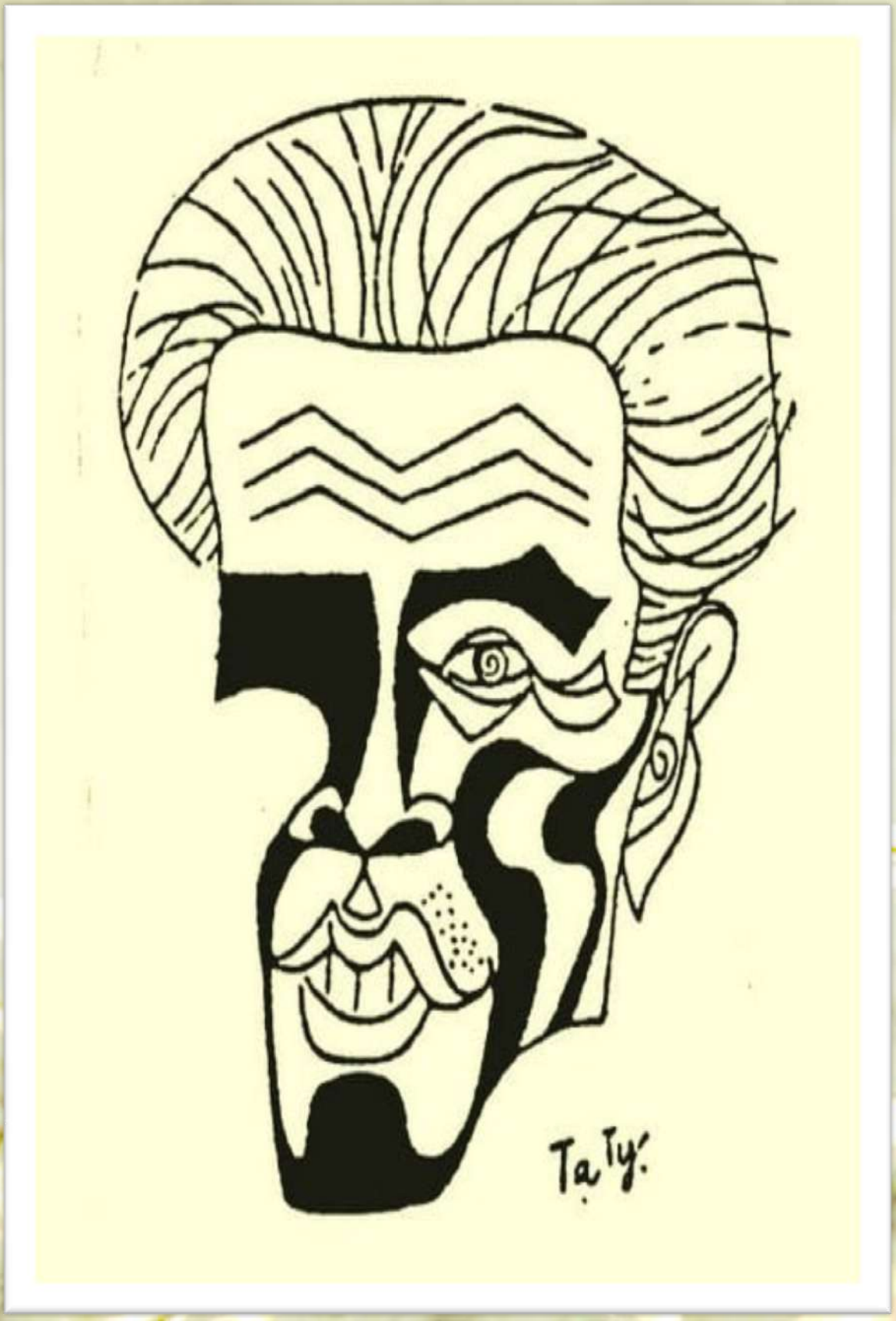

Vi Huyền Đắc

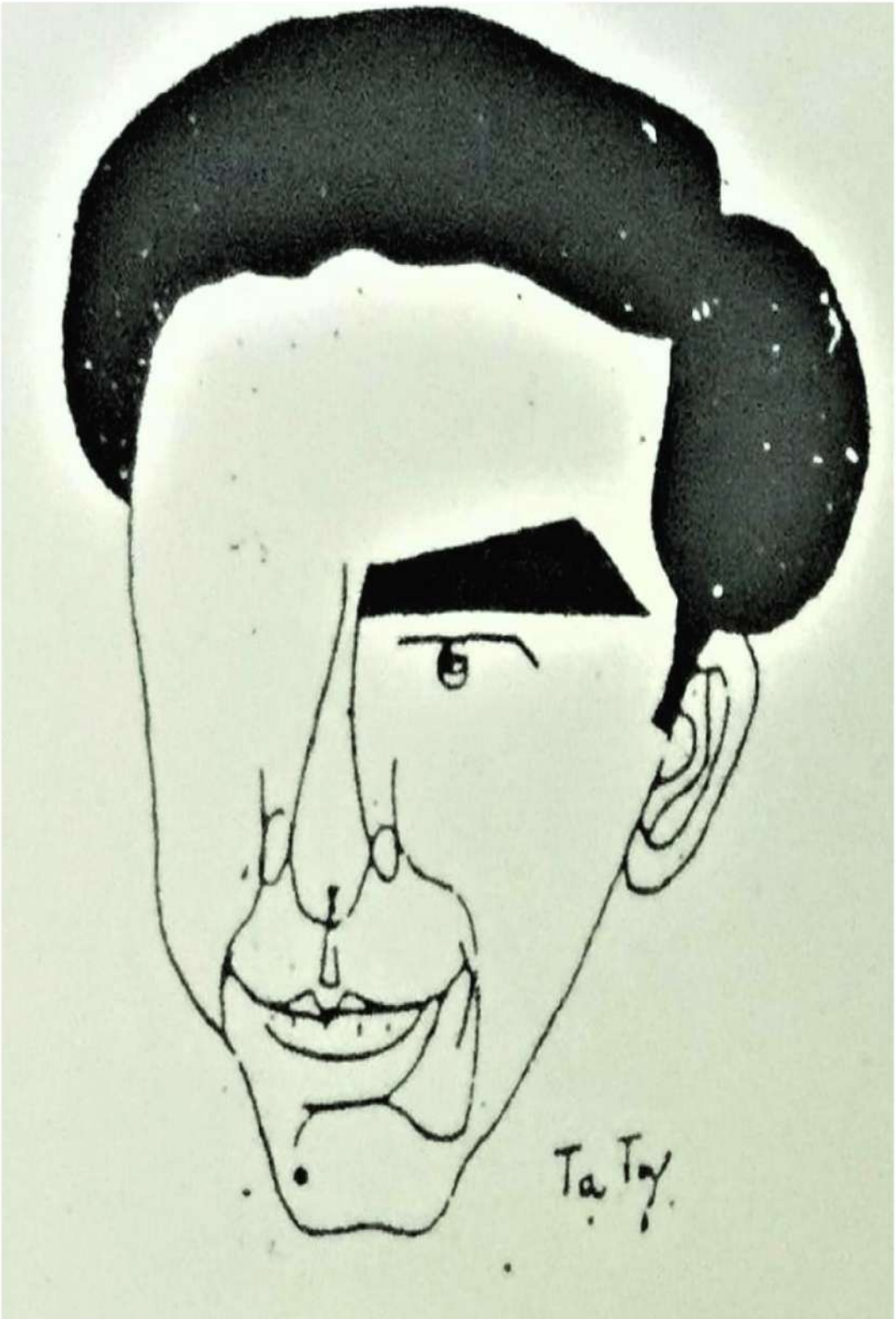

Việt Đình Phương

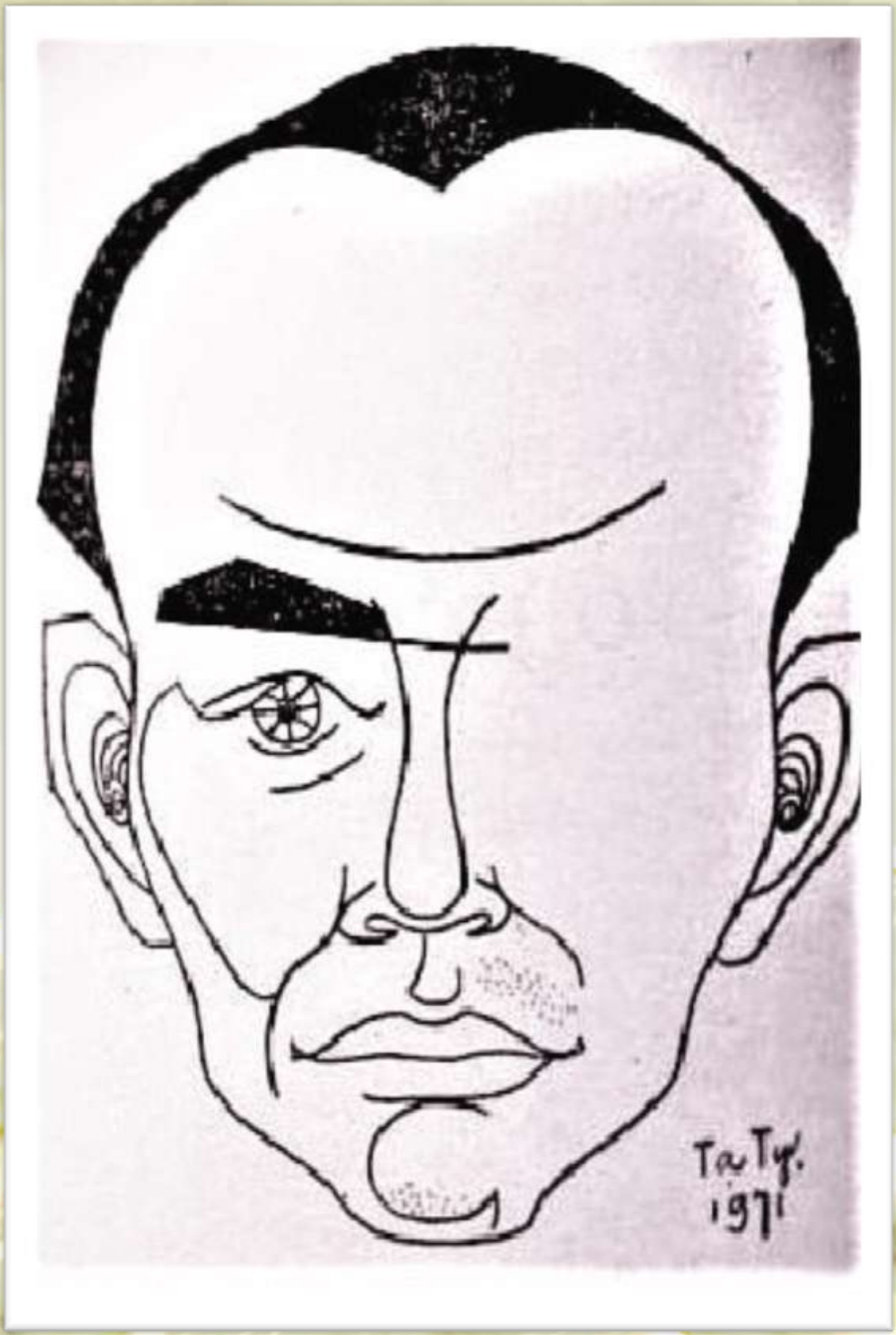

Vũ Bằng

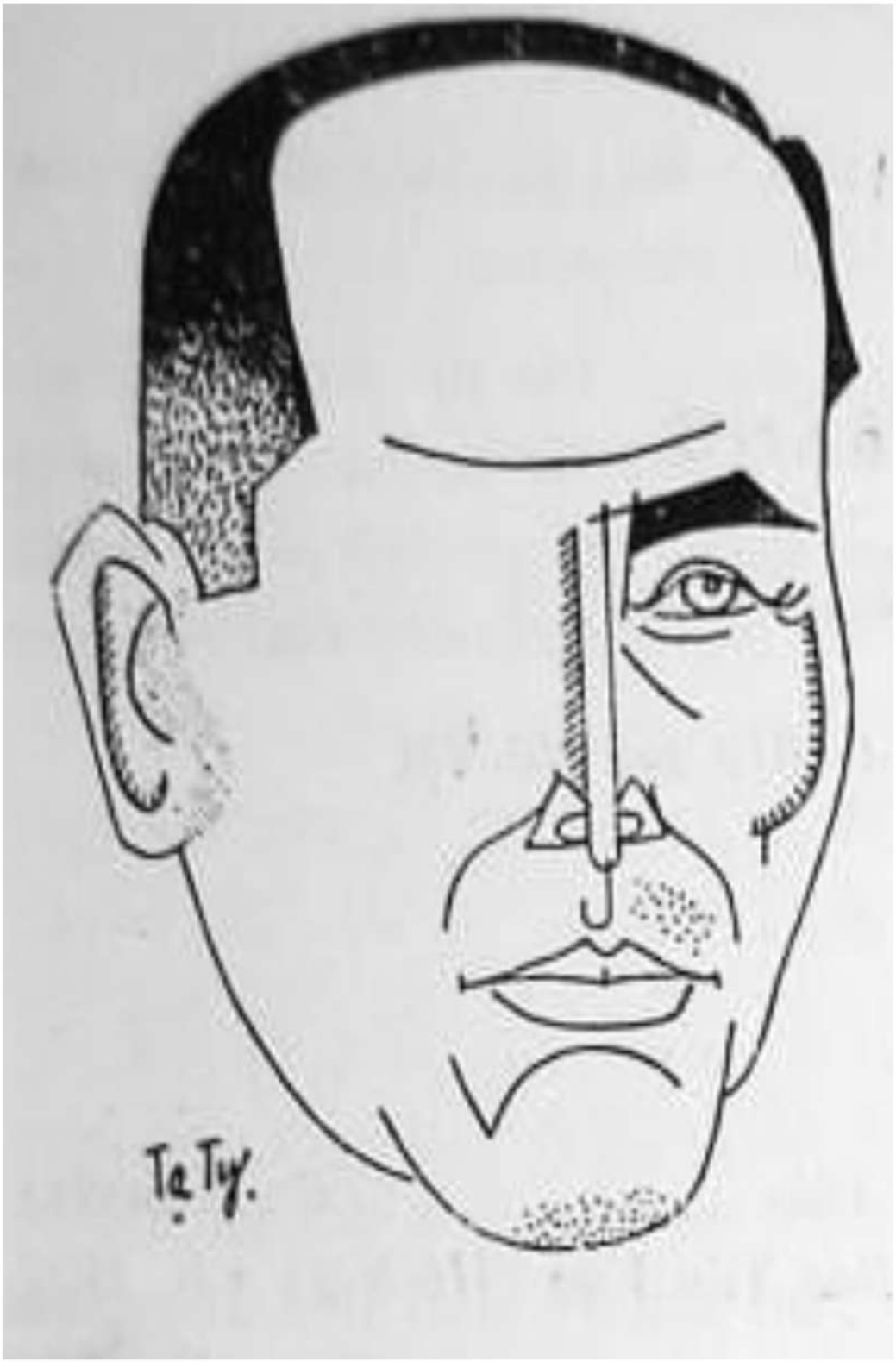

Vũ Bằng



Hồ Hữu Tường

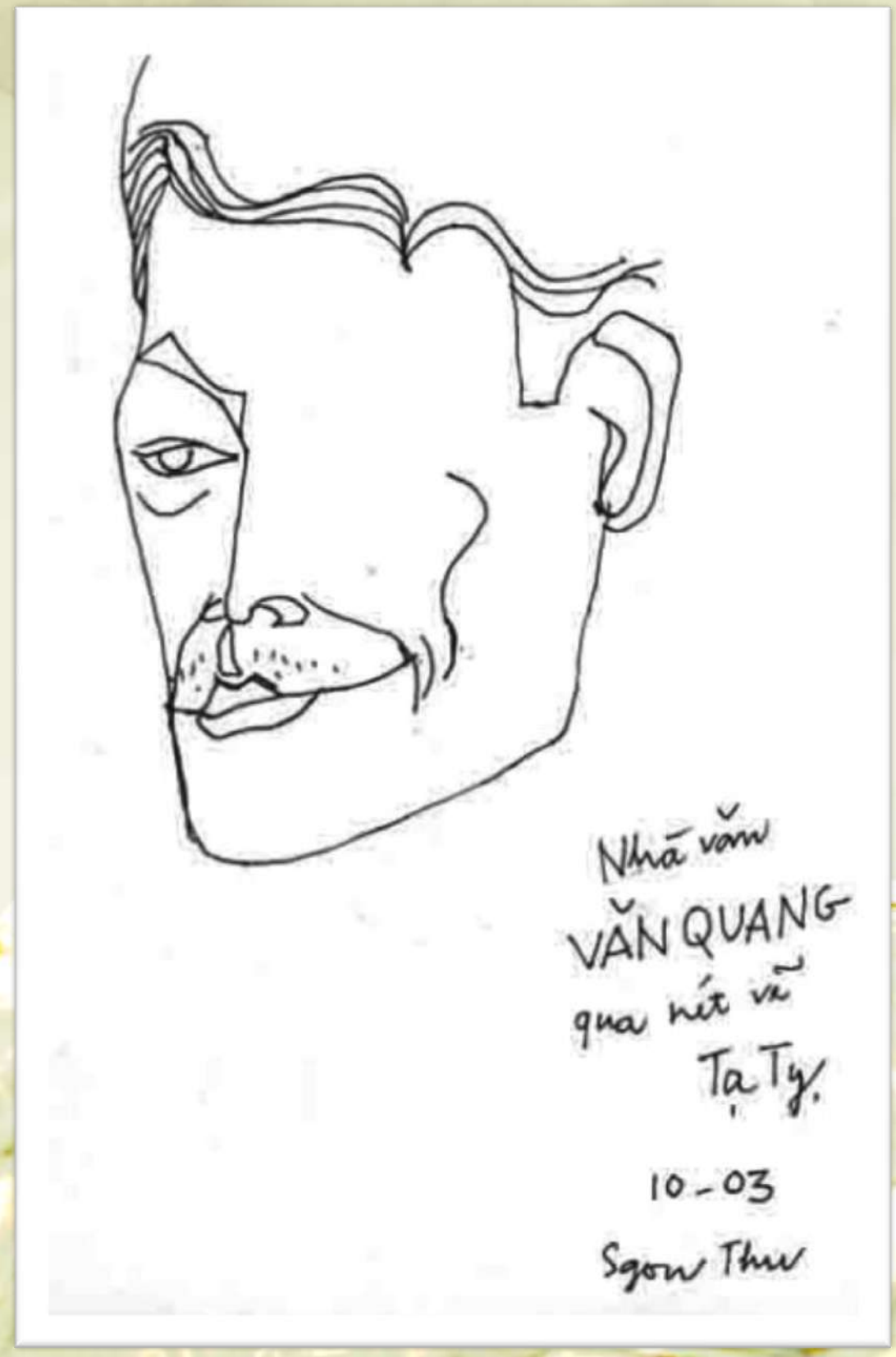

Nhà Văn Văn Quang

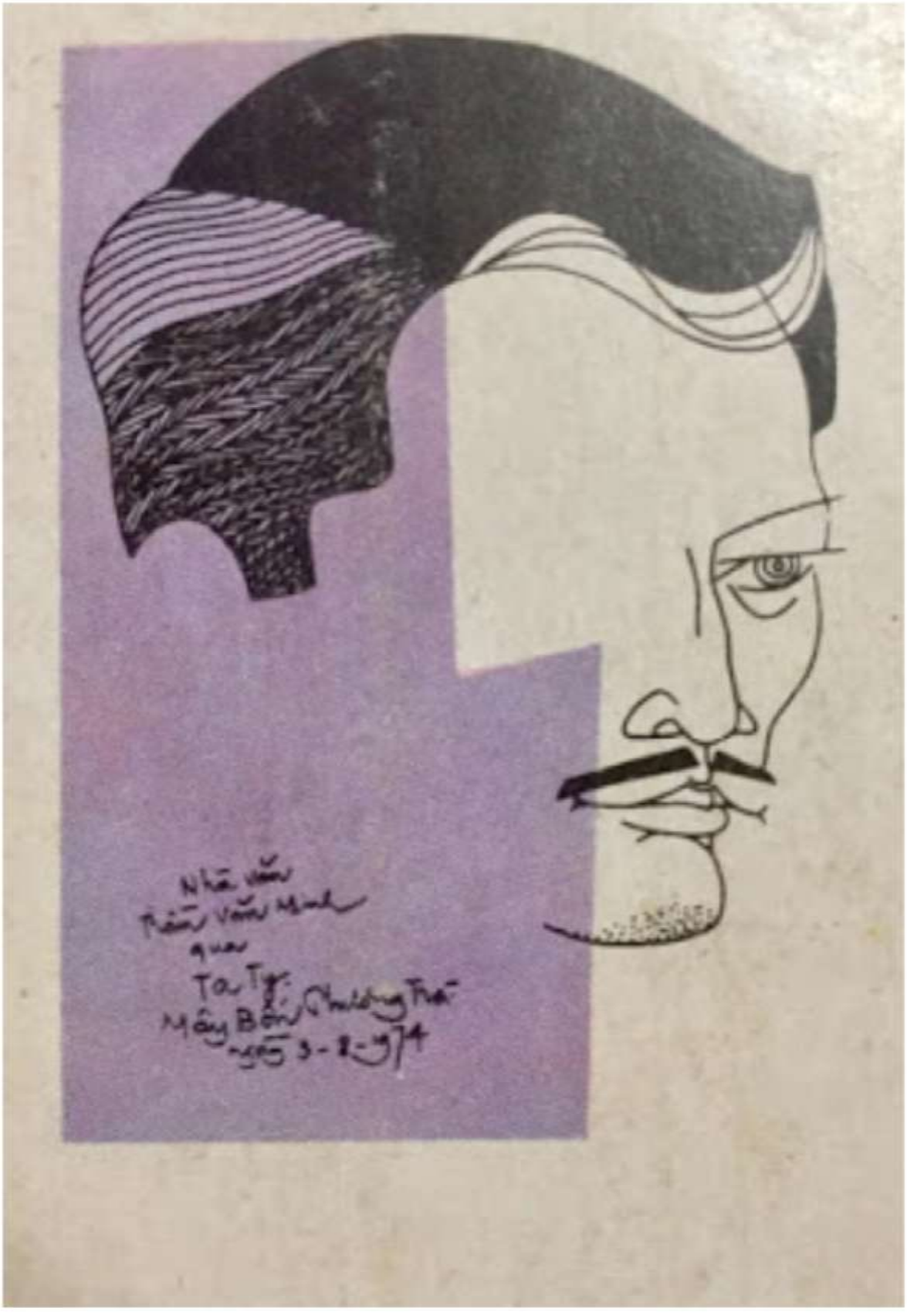

Trần Văn Minh

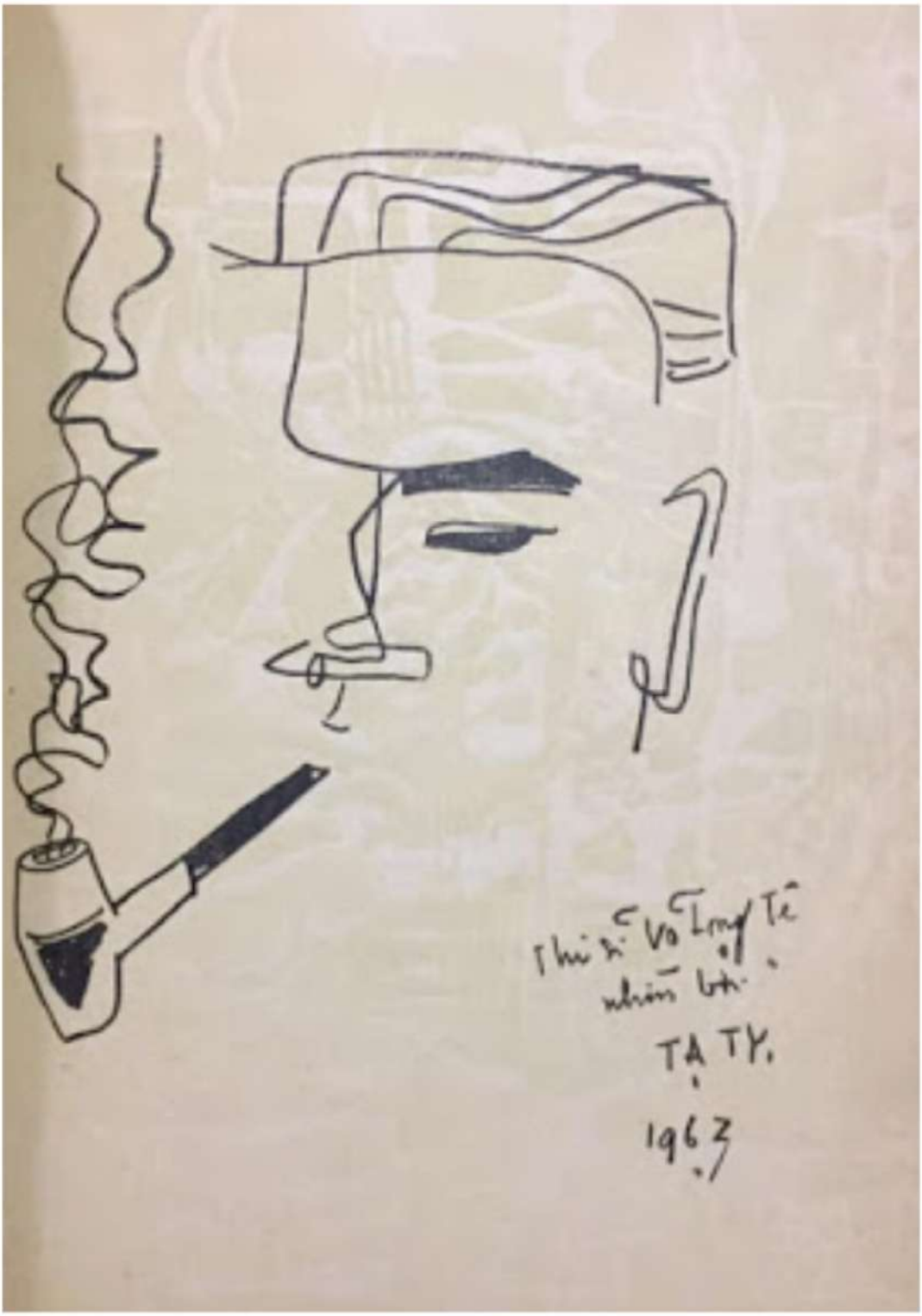

Võ Long Tê

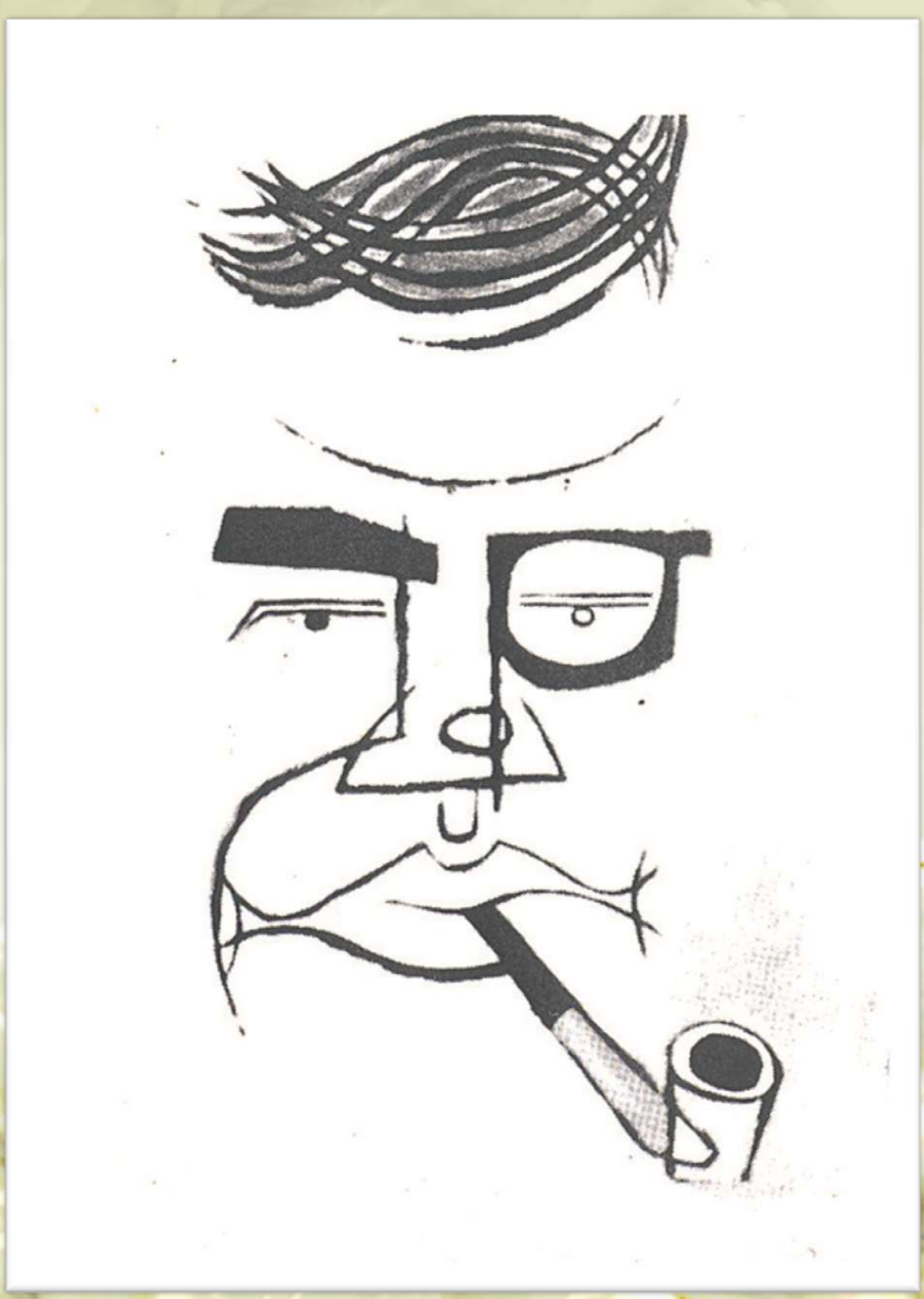

Chân dung Lãng Nhân Phùng Tất Đắc

LÊ HỮU KHÓA

Mỹ Luận

nhập
mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học



Anthropol-Asie

Hồi niệm những lần trò chuyện về cái đẹp *với*
Nguyễn Gia Trí, Điềm Phùng Thị, Thái Tuấn,
Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Đinh Cường, Bửu Chỉ, Nguyễn Trung,
Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Tiến, Cung Trầm Tưởng,
cuối thế kỷ qua.

Quý nhớ những lần đối thoại về cái đẹp *với*
Geneviève Fraisse, Anne Léoni, Marie-José Sansemle, Didier Coste,
Alain Blanchet, Roger-François Gauthier, François Jullien
tại các đại học Âu châu.

Tặng hai con LÊ KHẢ AN, LÊ KHẢ ANH
kỷ niệm những lần tâm sự về cái đẹp
thường hay qua lại giữa mỹ thuật, tư tưởng và triết học.



Chợ quê. Nguyễn Gia Trí: danh sự Nguyễn Gia Trí

Nhập

Tiểu luận này tìm cách phân tích *cái đẹp* qua *mỹ luận* (lý luận và lập luận về *cái đẹp)*, để đi tìm *mỹ quan* (cách nhìn và cách thấy cái đẹp), qua *mỹ thuật* (nghệ thuật nhận định và phân tích về cái đẹp) và *mỹ học* (nghiên cứu và phân tích về cái đẹp).

Từ *đẹp* tới *cái đẹp,* tiểu luận này sử dụng các tư tưởng, các phương pháp, các tác giả, các kinh nghiệm sáng tác… để qua *cái đẹp,* tìm tới *cái sáng tạo* ra *cái đẹp,* của nghệ nhân và nghệ sĩ trong sinh hoạt sáng tạo nghệ thuật. Càng nhiều lối vào về *lý luận, lập luận, diễn luận, giải luận,* càng tránh được chủ quan, độc đoán, độc tài trong định nghĩa về *cái đẹp.*

Dẫn

Khi ta được hỏi: *«đẹp không?»,* câu trả lời có vẻ dễ! Nhưng khi bị hỏi: *«cái đẹp là gì?»* đây là một câu hỏi khó! *«Đẹp không?»,* thuộc về *tính từ, «cái đẹp là gì?»* là khu vực của *danh từ,* đòi hỏi một định nghĩa. Câu chuyện như vậy đã chuyển từ *phẩm chất* của một hiện hình hay một hiện thể qua tới *nội chất* của hiện hình hay hiện thể đó. Chưa hết, nó bó buộc *mỹ luận* phải đi từ *trường hợp cá biệt* tới *nhận định tổng quan* qua *lý luận, lập luận, diễn luận, giải luận* về *cái đẹp* từ nhân sinh qua nhân lý và nhân trí.

Bạt

Từ nhận định tới định nghĩa về *cái đẹp* của một vật thể được xem là đẹp tới bản thân của nó có nội chất đẹp, từ đây đặt ra quan hệ giữa *nhân sinh quan* với *thế giới quan* và *vũ trụ quan*, trong đó vai trò của giáo dục, của văn hóa có vị thế chủ đạo. Nếu *cái đẹp là «chuyện xúc cảm của cái nhìn» (mỹ quan*), thì vai trò của *xúc cảm* là động lực khởi xướng cho mọi nhận định, *xúc cảm* này được xem như một khám phá, và khám phá này tạo ít nhất ba loại cảm giác mới trong nhân sinh: cảm giác vui sướng mới, cảm giác khoái lạc mới, cảm giác ngạc nhiên mới.

Ý

Cái nhìn chỉ là *cái trông, cái thấy*, nó là một giác quan trong năm giác quan của một con người, như vậy cái đẹp không thể chỉ đóng khung trong *cái nhìn*, cũng không nên quên là cái nhìn ngạc nhiên của một cá nhân có thể tới từ sự ngây thơ, tới từ một sự cảm nhận chỉ chọn sự dễ chịu, và chưa chắc được kẻ khác công nhận là *cái đẹp*. Như vậy, *cái đẹp* phải vượt lên sự ngây thơ, cái dễ chịu…

Luận

Trong mỹ luận, *cái đẹp* mang phạm trù lý thuyết có lý luận, có lập luận trong đó *ý tưởng* đóng vai trò khởi xướng cho các phạm trù lý thuyết. Mỹ luận nhận định *cái đẹp* qua nội chất của phán xét, không liên quan gì đến niềm tin bị ảnh hưởng bởi tôn giáo, tín ngưỡng. *Cái đẹp*, tạo ra một loại niềm tin đó là niềm tin vào *sự thăng hoa* cho cuộc sống. *Cái đẹp* có đường đi nẻo về hoàn toàn khác *cái to, cái hay, cái đúng*; *cái to* thì thấy được, *cái đúng* thì luân lý quản lý được, *cái hay* thì giáo dục được, nhưng *cái đẹp* từ *riêng* tới *chung*, có từ *bản thân* (màu đẹp, giọng nói đẹp, lời ca đẹp…) mà *gốc*, *rễ*, *cội*, *nguồn* của *cái đẹp* là nó tạo được sự thăng hoa vừa cho nhân loại, vừa cho nhân tri.

Chứng

Khi *cái đẹp* tạo được sự thăng hoa, tự nó là một danh từ đi tìm một nội dung, để từ đó ta có thể hiểu tại sao *kẻ sáng tạo* ra *cái đẹp*, có thể hiến thân vì *cái đẹp*, nơi đây mỹ luận được xem là khả năng hiểu cảm xúc để phân tích thành *ý tưởng về cái đẹp*. Phân loại *cái đẹp* qua lịch sử mỹ thuật, có vai trò của văn hóa, trong đó cảm nhận về *cái đẹp* được ảnh hưởng bởi quá trình giáo dục của một dân tộc. Tây Âu cảm nhận cái đẹp qua *hình dạng*, rồi đặt *hình danh*, biến nó thành môn học về *hình thể*, tạo ra *cái đẹp* của *thân thể (nu)* kiểu trần thân, *cái đẹp* này có sức nội kết các phần tử để tạo nên một tổng thể hài hoà, kinh nghiệm trong *cái đẹp* của *thân thể (nu)* kiểu trần thân, không có trong văn hóa, giáo dục, lịch sử của Á châu.



Âm-Dương. danh sự Nguyễn Gia Trí

Cường độ của cái đẹp

Cái đẹp khi được tạo, nó tạo cho kẻ thưởng thức nó một loại *cường độ,* theo Diderot, làm *căng, dồn, nén…* ngay trên sức cảm nhận của chúng ta tạo sự chú ý, đưa tới chuyện phải dừng mắt đứng xem, từ đó tạo ra sự chiêm ngưỡng, để người xem có khi phải sững sờ trước cái đẹp. Và kẻ thưởng thức phải tìm cho ra nội dung bên trong của *cái đẹp*. Chưa hết, khi tìm hiểu nội chất hoặc nội dung của *cái đẹp*, thì kẻ thưởng thức phải tìm hiểu thêm về sự tương quan, lực quan hệ, sức nối kết giữa cái đẹp và môi trường chung quanh. Chính khi cảm nhận về cái đẹp, thì kiến thức của chúng ta về môi trường có thể được hoặc bị thay đổi, cả *lý trí* lẫn *trí tuệ* của chúng ta có thể được hoặc bị chuyển hóa.

Cái đẹp trong *sự toàn hảo*

Cái đẹp có thể xem là đẹp vì nó là *cái hợp* với ta, hợp với khuôn mẫu, hợp hình thể của ta, nó được xem như sự xuất hiện trong *sự toàn hảo*. Như vậy, cái khuôn của một vật thể được xem là đẹp nằm trọn vẹn, vừa trong nguyên tắc, vừa trong ý tưởng. Sự toàn hảo của loại đẹp này cho thấy cái đẹp là *cái hợp khuôn từ trong ra ngoài*, và theo Hegel: cái *hợp khuôn* biết tự thể hiện qua *ý tưởng* (toàn hảo vì hợp khuôn). Sự toàn hảo này thấy rất rõ qua các trường phái về hình thể, nhất là các trường phái về cảnh quan.

Hài hoà hay *tự thăng hoa*?

Trung Quốc có truyền thống luận giảng về cái đẹp là tôn vinh *sự hài hoà*, hiển dương *sự quân bình*, cụ thể nhất là tranh thủy mặc, về phong cảnh, mang sức nội kết của sơn thủy, qua quy luật *âm dương phối triệt* Cái đẹp của Tây Âu thì khác hẳn, trong đó *sự sáng tạo là sự tự thăng hoa*, tự hiển dương nó, cùng lúc tác giả của sáng tạo ra cái đẹp nhiều lúc phải phạm trù hoá sản phẩm sáng tạo của mình, phải lý thuyết hoá quá trình sáng tác của mình, ở đây có sự đòi hỏi phải *mô hình hóa cái đẹp*. Ở đây, có sức ép của sơ đồ, nếu không nói là có *kiến trúc hoá ý tưởng*, để *«đặt tên»* cho nội dung, để đặt *«nhãn hiệu»* cho lý thuyết.

Cái đẹp tạo *cách ly*

Cái đẹp tạo *cách ly*, thường tới *từ xa*, tới từ *chỗ khác*, mà kẻ sáng tạo phải ham muốn, phải dong tìm, phải đau khổ để tìm ra, để tạo ra, mà chính kẻ thưởng thức cái đẹp có khi rất khó quyết đoán về nguồn gốc của nó, nó càng mông lung thì người xem càng khó đến gần, càng khó tham dự. Theo Baudelaire, cái đẹp có ít nhiều dính dáng tới *cái đau khổ*, khi kẻ sáng tác phải nhận thử thách, hy sinh, cực hình để tạo ra nó. Loại đẹp này mang bản chất bất khuất vì muốn trở thành bất diệt, nên có khả năng tạo ra bi kịch. Thử thách của *Gauguin*, cam chịu của Van Gogh... Loại đẹp này có hành trình dong tìm của ý nguyện, của ước vọng, của hoài bão.



Bảo tàng viện Villeneuve d'Ascq

Cái đẹp *hướng thượng*

Cái đẹp tạo sự *tách biệt* với người thưởng thức phải tìm đến nó như đến với một khám phá, cái đẹp cũng tạo ra sự *thiền định* đưa kẻ thưởng thức từ chiêm ngưỡng đến chuyện phải định thần, định tâm, định trí ở dạng thiền định. *Cái đẹp* có mặt để chống lại sự vô cảm, vô tình, vô tri, vô giác. Và, *thiền định là* để lập *tư tưởng* không những cho cảm xúc, mà cả cho lý trí. Khi cái đẹp được cảm nhận từ nội dung tới nội chất, thì nó sẽ được phân giải bởi tư tưởng để chế tác ra *mỹ luận*. Để kẻ thưởng thức cái đẹp có thể hiểu được quá trình từ cảm nhận tới khả tri, từ thể hiện tới sáng tác. Khi cái đẹp được đánh giá là thánh thượng, thì nó có thể sánh ngang hàng với tôn giáo và thần học. Chính vì cái đẹp đi tìm sự hướng thượng, nên cái đẹp có thể hướng dẫn được cuộc sống. Cho nên vai trò của các bảo tàng là giáo dục sự thăng hoa cho cuộc sống. *Sự hướng thượng* được thấy rõ qua các tác phẩm ca tụng sự can đảm của các anh hùng, sự hy sinh của các nhân vật ái quốc.

Cái đẹp của *thử thách*

Cái đẹp làm rõ *cảm tính* qua *cảm xúc*, từ đó giúp người thưởng thức cái đẹp phải nhận định bằng *tri thức*. Theo Kant**,** thì cái đẹp là quá trình đi từ tính quy ước của tập thể tới tính tự do cá nhân, mà ta thấy rõ qua sự phối kết giữa điều lệ trong quy ước của tập thể và lập trường trong ý tưởng của kẻ sáng tác với tự do của chính mình.Cái đẹp được sáng tạo ít nhất qua ba loại thử thách: *thử thách của tính toàn hảo, thử thách của tính nội kết, thử thách của tính toàn bộ*. Cái đẹp chính là sự tổng kết qua thử thách của tính phối hợp, từ cứu cánh của tính tập thể tới tính tự do của sáng tạo. Tính tự do thấy rất rõ qua tạo hình của Braque, của Léger, nhất là của Picasso.

Cái đẹp của *tự do*

Các trường phái cổ Hy lạp, nhìn *cái đẹp* như nhìn *cái được yêu*, nhìn cái đẹp như nhìn người yêu, từ đó cái đẹp tự tan biến nếu *cái lành, cái hay* của luân lý tới chiếm chỗ nó. Ngược lại, các trường phái hiện đại tạo sự đối kháng ngay trong sáng tạo. Schiller nhận thấy cái đẹp của hiện đại tập trung trong nó sự đối kháng để chống lại truyền thống (cứ lặp đi lặp lại), ở đây sức nhạy cảm của cá nhân sáng tạo đi tìm lý lẽ mới để có lý luận mới trong sáng tạo, tới từ chính tự do cá nhân đó, không cần trường phái. Ở đây, sức thuyết phục của cái đẹp phải vừa là *cảm xúc*, phải vừa là *lập luận*; cho nên sức thuyết minh của cái đẹp phải vừa của *cảm nhận*, phải vừa của *tư tưởng*.

Cái đẹp không biên giới

Tranh cổ Trung Quốc có phong cảnh, thường có sơn thủy, tạo ra cách nhìn tức là tạo ra mỹ quan, trong đó bức tranh là một *cảm nhận tổng thể* để có cái chiêm ngưỡng toàn diện. Chính sự sinh động của toàn thể phong cảnh làm nên sự năng động của tổng thể sơn thủy. Cách sáng tạo là cách phân tích *có núi-có sông, có trên-có dưới, có cao-có thấp, có cứng-có mềm, như phải có âm-có dương.* Như vậy, cách diễn luận sẽ là *âm-dương phối triệt* trong hài hoà của diễn tác, ở đây cách cảm nhận là quá trình đi từ thực thể cảnh quan tới cảm nhận thuộc về tâm linh. Từ đó có sự liên đới giữa cảm nhận và khả tri trong sự xen lẫn giữa *núi-sông, trên-dưới, cao-thấp, cứng-mềm, âm- dương*, không có lãnh thổ, vì không có biên giới rõ ràng…

Cái đẹp từ *dạng* qua *ý*

Cái đẹp, theo Plotin, có sức liên kết, có lực làm cầu nối giữa *dạng và ý.*
Trong sáng tạo, người n*ghệ sĩ sáng tác trong quá trình:*
* Dung hợp giữa mô hình và hiện thực.
* Cái đẹp tới từ sự hài hoà của hình học, giữa phần tử với tổng thể.
* Tham gia liên kết giữa dạng và ý.
Từ đây, xuất hiện một quá trình khác trong sáng tạo cái đẹp:
- Dạng là sự bày biện của sáng tạo.
- Chất là nội lực của nội dung.
- Ý là tác động của tư tưởng.



Với Picasso tại Antibles

Cái âm vang bên trong

Trong tranh Trung Quốc, qua sơn thủy, người thưởng thức nhận diện được khí công, như hơi thở của sự sống, có cây xanh, có suối chảy, có thác gầm, có gió giữa vách và vực, làm nên sức sống bên trong của cảnh quan. Từ đây ta nhận ra cái *âm vang bên trong.* Tranh sơn thủy không hề là chuyện sao chụp, vẽ không như chụp ảnh, mà là *sự sáng tạo cái âm vang bên trong.* Chính cái *âm vang bên trong sẽ tạo được cái vang dội bên ngoài.* Cho tới nay, tất cả các luận thuyết mới về mỹ học vẫn chưa vượt khỏi những lý luận về *cái âm vang bên trong* này.

Cái đẹp *khai sáng chủ thể*

Một vật thể đẹp được tạo dựng được bởi cái đẹp nội chất, cái đẹp nếu nó có *nội chất*, nó sẽ có *nội công*; nếu nó có bản lĩnh, nó sẽ có tầm vóc; nếu nó có *nội lực*, nó sẽ có vai vế. Cái đẹp là cái hiện hữu, cái có mặt, nó hiện diện với sắc đẹp của một vật thể được sản sinh ra như báo hiệu cho sự khai sáng của một chủ thể. Sau khi cảm nhận, kẻ thưởng thức cái đẹp này có thể sẽ được đưa tới cái trong sáng, cái thanh tao, có khi gặp được cái thăng hoa.

Cái đẹp *đồng cảm*

Trong *tranh thủy mặc* Trung Quốc, tạo sự cảm thông tới từ sơn thủy hài hòa, sau đó tạo ra sự đồng cảm không cần chọn lựa, định nghĩa, phân loại; cũng không bám vào một tiểu tiết, không nhập vào một từ, và không bị điều kiện hoá bởi một lý thuyết. Tranh thủy mặc mang cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp không sở hữu hoá được, và thường là phải lùi xa nó mới thấy nó trọn vẹn.



Với phái tranh tường Thiên Chúa giáo Ý

Cái đẹp *trần thân (nu)*

Trong mỹ thuật Âu châu, từ Hy Lạp cổ tới cận đại của Tây Âu, *trần thân* giới thiệu sắc đẹp của thể xác, trần thân tôn vinh *thân thể*, nó không phải chỉ là *trần truồng*, trần thân tạo sự nhạy cảm tạo trên cái dạng hình lý tưởng của con người, nó không phải là *trần trụi*. Trần thân là cái đẹp của *thanh*, nó không hề *tục*, vì nó không phải là cái tục của trần truồng, trần trụi. Phương trình *thân là thanh* là một khám phá, được thuyết phục qua *mỹ quan* để thành *mỹ thuật* và hiện diện thoải mái trong *mỹ học* qua giáo dục về cái đẹp, trong *mỹ nghệ* qua thương mại, qua du lịch, vì nó không hề *tục*.

Cá nhân hóa *chủ thể sáng tạo*

Tranh *thủy mặc* Trung Quốc tới từ hứng khí của sáng tạo trước cảnh quan, còn *tranh trần thân (nu)* của Âu châu định hình vĩnh viễn sáng tác của tác giả. Trong tranh thủy mặc Trung Quốc, ta có thể thấy đá, thấy núi, thấy thác, thấy mây... đó là những phần tử trong một tổng thể, sự hài hòa của tổng quan, ở đây sơn thủy là thiên địa, mang sự tuần hoàn của vũ trụ, tạo ra *vũ trụ quan* chung quanh phạm trù của *hòa*, của *bình*. Sáng tạo Âu châu cũng có tuần hoàn, có hài hòa, nhưng cũng có rất nhiều nổi loạn, tráo dời, lật ngược, hóa chuyển, hỗn loạn chống lại trật tự quan đã và đang có. Đây là hai quan niệm rất khác nhau về sáng tạo, xa nhau về văn hóa, tách nhau ra trên quan niệm và định nghĩa về nghệ sĩ như một chủ thể sáng tạo, ở đây Âu châu đã chọn con đường *cá nhân hóa chủ thể sáng tạo tuyệt đối*.

Cái đẹp của *cá thể, cá tính, cá biệt*

Khi *cái đẹp* được giới thiệu, được bày biện, được phô trương, được xếp đặt, thì sáng tác của nó tới từ một *cá thể* của cá nhân (hay tập thể) sáng tác, có *cá tính* được thấy rõ qua bản lĩnh, qua nội cộng, qua tầm vóc của sáng tác, và nó có luôn sự *cá biệt*, chính là *đặc điểm, đặc thù, đặc tính* tạo ra *đặc trưng* của cái đẹp. Chính đặc điểm, đặc thù, đặc tính này làm nên định nghĩa về chủ thể là tác giả chủ động về hành động của mình, trước sáng tạo. Đó là sự độc lập trong *sáng tác*, tự chủ trong *sáng lập*: *chủ đạo* trong *sáng tạo*, nơi mà tác phẩm là sáng tác đã có, sáng lập đã thấy, sáng tạo giờ đã được nhận diện.

Cái đẹp của *ý tưởng sáng tạo*

Cái đẹp, theo Kant, luôn mang theo *cái quyền nội tại của trình bày*, trong đó *sức tưởng tượng* của tác phẩm chính là thượng nguồn của sáng tạo. Từ đây, một tác phẩm nghệ thuật ra đời qua quá trình sáng tạo của tác giả, mà sáng tạo được bắt đầu qua *ý tưởng nghệ thuật*, đóng một vai trò tiên quyết, chính nó thiết lập cầu nối giữa sáng tạo và thế giới chung quanh. Khi tác phẩm được *hiện hình hóa* qua tài năng của kẻ sáng tác, thì *ẩn số* của phạm trù về cái đẹp được thông báo, được trình bày. *Ý tưởng nghệ thuật* chính là trung tâm của sáng tạo, mà người sáng tác có thể biến các vật thể xấu, các vật liệu bị phế thải thành một sáng tác đẹp. Điêu khắc gia César đã thành công và đã tạo ra những ảnh hưởng lớn cho nhiều thế hệ sáng tác trên các phế dụng của xã hội công nghiệp. Như vậy, không thể hiểu và cảm nhận *cái đẹp* mà không qua sự diễn đạt *ý tưởng sáng tạo* của nó về một quan niệm trên cái đẹp!



Với gia đình Masséna

Cái đẹp của *quyền nội tại*

Cái đẹp vượt qua *cái đúng,* vượt lên *cái sai,* vượt ngoài *cái xấu*, lướt luôn qua *cái tốt*. Cái đẹp tự mang cái *quyền nội tại* để quyết định khi sáng tác, và kẻ nhận diện ra cái đẹp có cái *quyền nội tại* để phê phán khi thưởng thức. Cái đẹp mang sự tự chủ trước các trật tự của thế giới bên ngoài, nên nó độc lập ngay trên thượng nguồn của sáng tác, đây chính là sự tự do trong nhận định về sáng tạo. Cái đẹp vừa mang bản năng, vừa mang tài năng, mà siêu hình học không ngần ngại gọi nó là *thiên năng của tâm hồn,* lấy cảm xúc bên trong để sáng tạo, theo hoặc không theo thước đo mẫu mực bên ngoài. Như vậy là có sự khác biệt có thể biến thành xung khắc giữa cảm xúc bên trong và thước đo bên ngoài của xã hội, tại đây thì vai trò của phê bình về *cái đẹp* phải rất chính xác.

Cái đẹp tạo *thăng hoa kiến thức*

Để phân biệt *cái đẹp* và *cái không đẹp*, Kant đề nghị nhận diện cái đẹp qua *nhân tri trong phán xét*, nhân tri từ giới thiệu qua trình bày, từ bày biện qua xếp loại, mà không quên vai trò của *nhân trí* trong nhận định. Khi *cái đẹp* được trình bày và được cảm nhận, nơi mà *cái đẹp* làm cầu nối cho mối tương quan giữa: *chủ đề, đối tượng* và *chủ thể sáng tác*. Quan hệ giữa *phân tích* và *giải thích* sẽ làm giàu *mỹ học*; quan hệ giữa *phán xét* và *phê bình* sẽ làm giàu *mỹ luận*; Và, quan hệ giữa *mỹ học* và *mỹ luận* sẽ làm giàu cho *mỹ thuật*.

Cái đẹp của *khoái cảm*

Cái đẹp tạo ra *khoái lạc* qua thưởng ngoạn, *thỏa mãn* cho mỹ quan, đây là vai trò đầu tiên của mỹ thuật: giới thiệu *cái đẹp*, bằng kiến thức về *cái đẹp* qua sự *khoái cảm*. Và, *cái đẹp* tự nó đứng ngoài giáo dục, đứng ngoài luôn cả văn hóa, và các thói quen của một xã hội, nó còn chế tác ra phạm trù riêng của nó là: *ý thức về sự khoái cảm*. Có những tác động tâm linh, có cả những ảnh hưởng về tâm lý trên *ý thức về sự khoái cảm*, nó có thể kéo dài với thời gian, có khi cả đời người và truyền nối cho các thế hệ sau. Những cuộc triển lãm những danh họa do Grand Palais tổ chức hàng thế kỷ qua là một minh chứng, vừa tạo ra sức hút của Paris là một thủ đô ánh sáng (của nghệ thuật), vừa tạo ra tiền của về du lịch cho nước Pháp. Trong đó, qua điều tra *xã hội học tiếp nhận mỹ thuật*, có rất nhiều người, nhiều gia đình đi xem nhiều lần những danh họa trong nhiều năm, qua các cuộc triển lãm về Cézanne, Gauguin, Monet, Picasso…

Cái đẹp khi sáng tạo gặp đồng cảm

Cái đẹp thường là sự gặp gỡ giữa sáng tạo như kết qua ý tưởng trong tự do của tác giả và sự *đồng cảm* của kẻ thưởng thức tác phẩm, tại đây có sự *đồng thuận* về cảm quan của nghệ sĩ và khách thưởng ngoạn. Như vậy quan hệ giữa *sáng tạo* và *đồng cảm* là gì? Câu trả lời là c*ả* hai đều tới từ: *khả năng của kiến thức.* Kiến thức về cái đẹp dựng nên tri thức về mỹ thuật, vượt qua sự khoái lạc, cái thỏa mãn để đi xa hơn là tìm *giá trị của tri thức* trong thưởng thức nghệ thuật.



Với phái Thiên Chúa giáo Bắc Âu

Cảm xúc tới từ tư duy

Mỹ thuật luôn là vấn đề của tư duy trong tranh cũng như trong thơ, trong nhạc trong điêu khắc, trong đó sáng tạo *cho đúng* khác với sáng tạo *cho đẹp (cho hay).* Sáng tạo là quá trình của tư duy làm: *đổi chất, biến dạng, thay vóc* của vật thể, phong cảnh, hình thể… Sáng tạo còn là quá trình của tư duy làm *trong*, làm *sạch*, làm *bật*, làm *nổi*, làm *trội* các vật thể, phong cảnh, hình thể… qua sáng tác của nghệ sĩ. Như vậy, mỗi lần nhận định về *cái đẹp* tạo ra cảm xúc, chúng ta không được quên tư duy sáng tạo đã chế tác ra cảm xúc đó.

Cái đẹp qua *mức độ* và *trình độ*

Cái đẹp có thể được *phổ quát hóa* qua giáo dục, có mặt trong sách giáo khoa, khi cái đẹp được công nhận, nó còn được *thể chế hóa* trong các công trình công cộng: các công viên, các nơi được xem như trung tâm của các thành phố, nó có mặt luôn trước các nghĩa trang liệt sĩ, khi nó muốn ca tụng chuyện nhớ ơn, tưởng niệm... Vấn đề ở đây là *khoảng cách* giữa *mỹ thuật* của cá nhân có tự do sáng tác, và *mỹ quan* của quần chúng chiêm ngưỡng và chứng thực cho cái đẹp, sau đó là chuyện đánh giá về cái đẹp qua *mỹ học*, khi cái đẹp trở thành đối tượng cho các chuyên gia nhận định và chuẩn mực giá trị của nó. Tại đây, *mỹ luận* nên công nhận là mọi *cảm nhận về cái đẹp* đều nói lên *khả năng của kiến thức*. Cái đẹp làm rõ *mức độ* của kiến thức và *trình độ* của tri thức. Cái đẹp có khả năng phạm trù hóa kiến thức qua ý tưởng của sáng tạo, nhưng trên thực tế không ý thức hệ nào, chế độ nào có thể *mô hình hóa* cái đẹp để quản lý nó.

Cái đẹp tạo sự thức tỉnh

Cái đẹp đột nhiên tới từ một sáng tạo, sẽ tạo ra *sự ngạc nhiên*, và chính sự ngạc nhiên này tạo ra *sức đánh thức* cho công chúng thưởng ngoạn. Phân tích sức đánh thức này chính là đang lý giải về *sự thức tỉnh* của *nhân tri*. Đưa cái đẹp qua sáng tạo được chế tác bằng những phế liệu đang gây ra ô nhiễm môi trường, đang hủy hoại môi sinh, tức là tạo ra được một *sự cảnh tỉnh*, trong đó có thông điệp phê phán của nghệ sĩ, có lý luận phê bình của tác giả đang chống lại lối đi tự sát của một *nhân loại* tự hủy diệt chính đất sống của mình. Ở đây, cái đẹp đã nhập vào phạm trù của *nhân tính* để thấu hiểu *nhân lý*, để phân tích *nhân tri*, để lý giải *nhân trí*. Khi một cái đẹp được *nhân lý, nhân tri, nhân tính* thừa nhận thì cái đẹp này có tính phổ quát cho *nhân sinh*.



Với Valet

Cái đẹp *thuyết phục*

Cái đẹp không phải là *cái thực*, nó không đại diện cho *sự thật* hoặc *chân lý*, cho nên cái đẹp được sáng tạo không để tranh cãi về *lẽ phải* hay *luân lý*. Nhưng cái đẹp có thể được mang ra bàn bạc, thảo luận trong tinh thần dân chủ có lý luận, có lập luận, và cái đẹp nếu được *khâm phục* bởi nhiều cá nhân, thì cái đẹp sẽ có tính *thuyết phục* qua tập thể. Nếu cái đẹp thuyết phục được tập thể thì nó có thể được công nhận bởi quần chúng, quá trình của cái đẹp *từ riêng tới chung* chính là quy trình từ *cá thể* tới *tập thể*.

Hệ đa nguyên hóa

Cái đẹp mang hai kết quả: *thấy được* và *tiếp nhận được*, vì nó mang theo ba nội lực: *tổng kết được, dung hòa được, hòa nhập được* trong sinh hoạt xã hội, trong đời sống cộng đồng. Có một mẫu số chung cho *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học* và *mỹ luận:* cái đẹp là *sự kết tinh trọn vẹn* (tinh của tinh hoa được hoàn tất) qua sáng tạo, vì cái đẹp không nhận giới thiệu cái dở dang, cái chưa xong. Từ đây, cái đẹp được tiếp nhận qua *cảm xúc*, tạo ra sự thăng hoa trực tiếp trong *cảm nhận*. Và, khi cái đẹp được công nhận bởi *lý trí*, nó còn mang tác động của *ý niệm* đòi hỏi được *định nghĩa*. Từ *ý niệm* tới *định nghĩa,* đây là bước đầu để lập ra *trường phái*; chính chuyện sản sinh các trường phái trong sáng tạo nghệ thuật là *hệ đa nguyên hóa* trong sáng tạo, làm sáng tạo về cái đẹp phải luôn *đa dạng, đa chiều*...

Tuổi thọ của cái đẹp

Nếu *cái đẹp* đặt sáng tạo trong *sự sống* như một *cá thể sống*, thì *cái đẹp* cũng *có sống* và *có chết*. Nếu *sự sống* có *sự hủy diệt* thì cái đẹp cũng có *sự tàn lụi*. Nếu sự sống là *vô thường* thì cái đẹp cũng *vô thường*, cũng bị lỗi thời, để có khi bị rơi vào quên lãng. Nhưng cái đẹp trong các tác phẩm lớn không dễ bị mai một, nó vượt lên cái trang trí của thời trang, nó không chạy theo thời thượng, vì qua sáng tạo nó biết diễn đạt sự đấu tranh để sống, chuyện vượt lên cái chết, chống lại cái *sớm nở tối tàn*. Các tác phẩm lớn có tuổi thọ cao hơn một kiếp người, các tác phẩm này xuyên qua nhiều thế hệ, nhiều thế kỷ... Nhận diện *cái đẹp* phải nhận diện thêm tính bền vững của nó trước *cái chết!*

Phải vượt qua - phải vươn tới

Sáng tạo ra *cái đẹp* là chế tác ra *cái lực* để đẩy xa, đẩy cao *cái thấy* và *cái nhận thức*, để làm ra một hùng lực là *cái phải vượt qua* cái tầm thường, cái đẹp đi trên lưng, trên vai cái tầm phào, để ta tới gặp cái đẹp trong cái mới, cái chưa có, cái vừa được sáng tạo bằng tài năng. *Mỹ thuật* luôn đẩy sâu, đẩy rộng cái nhìn để tìm ra cái *phải vươn tới*. Hùng lực của cái đẹp là gây sự chú ý của kẻ thưởng ngoạn, tạo ra sự tập trung của người chiêm ngưỡng nó. Khán giả có thể thần tượng hóa cái đẹp để tôn vinh cái phải tôn thờ! Đây là một trong những công tác của các bảo tàng, vì tôn vinh cái đẹp là trân quý *mỹ thuật*, là bảo vệ *mỹ quan* của nhân tri, là bảo trì cái *mỹ học* cho nhân trí!

Cái đẹp tạo nên *tình cảm mới*

Cái đẹp được cảm nhận từ cảm giác tới cảm xúc, tạo nên xúc động, có thể tạo nên một *tình cảm mới*, làm thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của ta. Chính *mỹ thuật* phải dựa vào *mỹ quan* trong kết quả tạo nên *tình cảm mới* này để tìm đường đến tới *mỹ luận* là nơi xây dựng ý niệm và lý luận về quá trình sáng tạo ra *cái đẹp*. Từ đây, phải bắt đầu bằng lập luận: *cái đẹp* là *cái lạ* giữa các *cái tầm thường*, chính vì vậy nên cái đẹp tạo được *cái thăng hoa* cho *xúc cảm*, từ *cảm xúc* tới *cảm động*. Và, *mỹ thuật* là phạm trù tri thức của *xúc cảm*, đi từ ngoại giới tới nội tâm, và chính mỹ thuật tạo ra *cái thăng hoa* cho tâm hồn, lý trí, trí tuệ.

Cái đẹp của *chất cảm*

Cái đẹp có thể được chiêm ngưỡng và đánh giá bằng các tính từ*: «đẹp một cách thánh thiện»*, nhưng *chất thánh* ở đây không có *chất giáo*, cái đẹp được cảm nhận và công nhận rồi được tôn vinh không qua tôn giáo. Từ đây, *mỹ học* nhận định cái đẹp khi gây được cảm xúc, thì tạo ra *chất cảm*, nhưng chất cảm này không phải là *chất nghiệm*. Tức là không mang ra thí nghiệm theo quy luật của khoa học thực nghiệm, cụ thể là được thể nghiệm nhiều lần để kiểm chứng rồi thực chứng, và sau đó làm đi làm lại để bảo đảm là cùng một kết quả. Và khi, *cái đẹp* được-hoặc-bị tái sản suất ra hàng loạt, tức là đang bị *tầm thường hóa*, và như mọi vật thể khác thì chuyện *bình thường hóa* này cùng lúc mang hậu quả của một vật thể «*bị xem thường*». *Mỹ học* phải minh chứng ba lập luận sau đây :

- Cái đẹp được công nhận không cần qua kiểm nghiệm của khoa học.
- Cái đẹp có thể được thần thánh hóa nhưng vô giáo, vô đạo.
- Cái đẹp có thể được huyền thoại hóa nhưng không mê tín, không dị đoan!



Với Volti

Cái đẹp ở ngoài, ở xa, ở cao

Cái đẹp có nguyên thủy của nó trong cổ văn và cổ sử, theo Plotin, tranh cổ Âu châu, cái đẹp giới thiệu *cái phúc* đang *ở ngoài* cõi người, *ở xa* nhân gian, có lúc ở *thiên đường*. Tranh thủy mặc Tầu, không thoát khỏi chuyện này, *cái phúc* cũng ở ngoài cuộc sống, ở xa cõi thật, có lúc ở *tiên giới*. Cả hai *thiên đường* hoặc *tiên giới*, cái đẹp giới thiệu cái *không nắm được*, cái *khó ao ước được*, cho nên cái đẹp thường cận kề với *cái mơ, cái ước*, *cái mong*, không những ở ngoài và ở xa mà còn *ở cao* nữa.

Theo *tối thượng* hay theo *khoái cảm*

Cái đẹp là *cái tự có* trong thiên nhiên, đủ sức *tự tái sinh* qua thời gian, mùa màng, từ hoa mùa xuân tới tuyết mùa đông, cho nên *cái đẹp* này là *cái sẵn có*, có ngay trong *cái bẩm sinh*. Khi nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp trong nghệ thuật, thì tài năng của nghệ sĩ đó, theo Platon, được xem như thuộc *cái bẩm sinh*, tên gọi của nó là: *thiên năng*. Tại Âu châu, thiên tài sáng tạo của nghệ sĩ là tạo ra *cái đẹp tối thượng* có thể so đo với *cái đẹp tối cao* của thượng đế. Trong nghệ thuật hiện đại thì hoàn toàn khác: cái đẹp hiện đại là cái đẹp theo *sở thích (goût)*, theo *khoái cảm (satisfaction)*, tức là theo *cảm nhận (sensation)*. Cái đẹp này thì phải đi tìm, phải tạo ra, cho nên chuyện lấy *cái đẹp tối thượng* để ca tụng *cái đẹp tối cao của thượng đế*, là chuyện không thể tồn tại được nữa.



Với Picasso

Nội chất của cái đẹp

Cái đẹp mang tính *tự chủ trong sáng tạo, độc lập trong sáng tác*, như vậy mỹ thuật là tự quyết trước giáo dục, tự tồn trước văn hóa, nhưng chưa chắc cái đẹp thoát được *tính thực dụng* của xã hội, biến cái đẹp thành sản phẩm thương mại để bán cho du khách, để trang trí cho nội thất... cho nên cái đẹp khó thoát khỏi *kiếp sản phẩm*. Ở một trình độ cao hơn, mỹ học cũng phải xác minh rõ cái đẹp có tự chủ trước luân lý hay không? Có độc lập trước chính trị hay không? Nếu cái đẹp được sáng tác hoàn toàn trong tự do tuyệt đối, thì nó có thật sự tự chủ trước mọi chính sách hay không? Có tự tồn trước ý thức hệ hay không? Để trả lời các câu hỏi này, Kant đề nghị 4 tiền đề của *nghệ thuật vì cái đẹp* để xem xét tính độc lập và tự do của *cái đẹp*: sáng tạo, đối tượng, phán xét, nội chất của cái đẹp.

Cái riêng, cái chung, cái đại chúng

Sáng tạo ra *cái đẹp* là đưa *cái đẹp* vào lộ trình đi từ *cái riêng*, giờ được công nhận để trở thành *cái chung*. Đây cũng là quá trình của *mỹ thuật*: cái riêng của một tác giả khi được chứng nhận giờ đã trở thành *cái đại chúng*. Mà cái đại chúng là *cái truyền đạt được, cái phổ biến được, cái giáo dục được*. Tại đây *mỹ thuật* qua thần thánh, tôn giáo, hão huyền, tưởng tượng... đã nhường chỗ cho *mỹ học* để cái đẹp được vào phạm trù của *kiến thức, tri thức, trí thức* trong hệ thống giáo dục.

Tính tự do tự cứu mình

Có những cái đẹp mang *tính cứu rỗi*, và theo Dostoievski, nó ngược lại *cái đau khổ* của nhân sinh. *Tính cứu rỗi* này chính là hướng đi của nhân loại về một chân trời tự do. Ý kiến này gần xa được ủng hộ bởi Schiller, xem cái đẹp như kết quả của sáng tạo để chống lại *cái tham nhũng của quyền lực chính trị*, vì cái đẹp luôn vượt các rào cản của tham ô trong cái *thấp, tồi, tục, xấu*. Vì cái đẹp là cái biết vượt qua để tiến tới *cái lý tưởng*, cái đẹp luôn mang ý thức về *tự do tự cứu mình*.

Cái đẹp chống cái xấu, cái dị, cái quái, cái thô, cái lười

Quan niệm về *cái đẹp* thường đối chọi cái đẹp với *cái xấu*, là *cái dị dạng, dị thể, dị hình, dị tướng, dị sắc…* Quan niệm này khẳng định *cái không hài hòa* thì rơi vào *quái hình, quái thể, quái tướng, quái sắc*. *Dị* và *quái* vì không có có *sự hài hòa, sự cân bằng, sự cân đối, sự thăng bằng*. Quan niệm này còn thêm vô: sự có mặt của cái xấu làm thăng hoa thêm cho cái đẹp! Chính sự có mặt của cái xấu làm cái đẹp phải xuất hiện như để chống lại sự thụ động của mỹ quan. *Cái xấu* (bị buộc tội) là tới từ cái *bạo động* hoặc cái *thụ động*; mà cái xấu còn bị buộc tội là tới từ *cái thô* hoặc *cái lười*!

Cái đẹp: thắng trận thăng hoa

Cái đẹp khi đại diện cho nghệ thuật, theo Hegel, thì tự nó đã mang lý tưởng của nó. Cho nên cái đẹp là *cái thắng trận* trong *cái thăng hoa* khi được công nhận, và *nghệ thuật chỉ tồn tại qua cái đẹp*. Trước đó, Aristote có một nhận định khác: nghệ thuật sống nhờ thiên nhiên, nhưng là thiên nhiên của sáng tạo, chớ không phải thiên nhiên của thủ công (lặp đi, lặp lại). Sáng tác nghệ thuật ra cái đẹp là chế tác ra *cái độc nhất*, còn thủ công sản sinh ra *cái hàng loạt.*



Với Hartung

Cái lạ đa tính của *cái đẹp*

Để nhận diện được *cái đẹp*, theo Adorno, thì phải bắt đầu bằng cách từ bỏ các phạm trù lý thuyết một chiều, các mô hình lý giải một hướng về *cái đẹp*. Vì sao? Nếu định nghĩa về cái đẹp mà chỉ nêu lên *độc dạng*, trong khi mỹ quan của sáng tạo nghệ thuật là *đa dạng, đa chiều*, như vậy nhìn bằng định nghĩa một chiều, mô hình một dạng là: rất bất công với nghệ thuật. *Đa chiều, đa dạng, đa thể* nằm ngay trong *tính đối chọi, tính mâu thuẫn, tính không cân đối* của sự vật,và *cái lạ của cái đẹp thường là đa diện*!

Cái đẹp là *tự tính* của *nhân sinh*

Các phạm trù *lý thuyết* về cái đẹp luôn *lý thuyết hóa cái đẹp* qua lý luận và lập luận của nó, cùng lúc nó giải thích và phân tích để làm tăng thêm giá trị của cái đẹp qua *diễn thuyết* của nó.Các phạm trù lý thuyết trong lúc mổ xẻ cái đẹp có thể lười, có thể quên những cái nó muốn quên. Cái đẹp là tự tính của nhân sinh, ta có ít nhất là hai trường phái: *cổ phái* thì xác nhận cái đẹp không định nghĩa được, còn khoa học bộ não hay thần kinh học qua tri thức luận thì xác nhận là đã *định vị* được nơi nào trong não bộ là nơi tạo ra *mỹ quan*, trực tiếp tiếp nhận được *mỹ thuật*, nhưng chính não bộ học cũng chưa có thông báo gì về định nghĩa của cái đẹp.

Chất sống của *cái đẹp* phải là *cái lạ*

Tại Âu châu, từ *hữu thần* qua *vô thần*, khi tuyên bố là: *thượng đế đã chết!* thì tất cả cái đẹp từ dính dáng tới thượng đế cũng phải chết theo! Khi quả quyết là thượng đế và cái đẹp đã chết, thì đã có sự *nổi loạn trong nghệ thuật*, nơi mà sáng tạo được công nhận và tôn vinh như một *tự do tuyệt đối*. Và chính các cuộc nổi loạn trong nghệ thuật đã làm mới, đã làm giầu cho nghệ thuật, tức là cho *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học* và *mỹ luận*. Khi phải đi tìm ra *cái đẹp mới không có thượng đế*, từ đây có sự tái tạo trong nghệ thuật Âu châu mang sức mạnh về *chất sống* của *cái đẹp* phải là *cái lạ*. Chưa hết, cái đẹp cũng phải là *cái mở*, cái mang tính sinh sản, nhất là *cái đẹp mới lạ* này phải không ngừng làm giàu cho *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học*. Và chắc chắn là cái đẹp phải làm giàu cho *nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan* của kẻ thưởng thức cái đẹp!

Cái đẹp hiện đại
từ *cái lạ* tới *cái ngược*

Quan niệm về *sáng tác cái đẹp hiện đại* không còn tôn trọng sự hài hòa, có khi tự cho phép *đổi, tráo, dời, hoán* cơ cấu và tổ chức của sự hài hòa. Cái hài hòa được mọi người công nhận, giờ đây bị hoặc được đưa vào quá trình *đổi vị, tráo vị, dời chỗ, hoán ngôi* các trật tự thường ngày, từ cảnh quan tới hình thể, kể cả khuôn mặt người, mà thí dụ rõ nhất là quá trình sáng tác của Picasso trong cả thế kỷ XX. Tạo hình mới là *đảo ngược, đảo lộn* trật tự cũ của tạo hình cũ, lập ra *cái mới* làm ra *cái lạ* mà còn chế tác ra từ *cái ngược* với cái cũ, cái ngược luôn là thử thách trong nghệ thuật. Khi *cái ngược (đời)* được chấp nhận, thì quan niệm của *cái đẹp* đã bị đổi, bị thay, bị xem lại rồi!

Cái sáng tạo chống *cái giống*

Khi *sáng tác cái đẹp hiện đại* không còn tôn trọng sự hài hòa, mà lại xáo trộn các trật tự cũ, nó còn tháo gỡ luôn các *tính nối kết*, làm ra từ *lực nội kết* các phần tử tạo ra sự hài hòa cho tổng thể đã được chấp nhận và công nhận từ lâu. Trong tự do của nghệ sĩ khi sáng tác có *cái bất chấp* cơ cấu cũ, để đi tìm cái mới trong cái đẹp, như vậy vai trò của mỹ học là phải thấu hiểu *cái bất chấp* trong *cái bất tuân* mọi trật tự, có trong *cái nổi loạn* của kẻ sáng tạo chống lại *cái cũ*! Chống lại *cái cũ* là chống lại năm thói quen (mà sáng tạo là chống lại thói quen) :

- chống lại *cái giống*
- chống lại *cái trùng*
- chống lại *cái dễ*
- chống lại *cái ăn khớp*
- chống lại *cái lặp lại*

Tại đây, các chuyên gia phê bình mỹ học cũng như tất cả những kẻ thưởng thức nghệ thuật phải cùng các nhà sáng tạo chống lại *năm thói* này, cụ thể là chống lại các kẻ muốn mang tên là sáng tác nhưng luôn *sao chép, sao chụp* các tác phẩm của các tác giả lớn. Chính cái dễ dãi lặp lại *cái cũ* này là sự thất bại của cái đẹp, cũng chính là sự thảm bại của những kẻ *sao chép, sao chụp*; vì đây là chuyện đánh lận con đen, không phải là chuyện sáng tác ra *cái đẹp*!



Régresco

Cái đẹp (phải) mới!

Nếu sáng tác ra *cái đẹp* mà chỉ là *cái lặp lại*, thì cái đẹp loại này không thể sống lâu, nếu *cái lặp lại* làm ra *cái giống* tới từ *cái sao chụp*, thì mỹ thuật không có chỗ đứng trong xã hội, không có chỗ đứng trong tương lai, vì trường cửu xua đuổi nó, vĩnh hằng khử trừ nó. Như vậy, *cái lặp lại*, *cái giống*, *cái sao chụp* còn tệ hơn *«cái sớm nở tối tàn»*, nó chính là *cái chết yểu* trong mỹ thuật. Mỹ học và mỹ luận phải đào sâu hơn nữa vấn đề này, vì khi nhà sáng tạo đuổi *cái cũ*, chống *cái lặp lại*, xua *cái giống*, tống *cái sao chụp*, chính là lúc người nghệ sĩ vừa từ bỏ thói quen, vừa từ chối đường mòn, vừa vứt đi cái tiện nghi mà họ đã có trong sáng tác: đây là chuyện đáng khâm phục khi đi tìm *cái đẹp (phải) mới!* Tôi còn muốn thêm một phân tích khác: họ là những kẻ đáng kính phục vì họ loại bỏ luôn *cái quá trung thực*! Loại trừ luôn *cái quá đúng thực*!

Cái đẹp kỵ *cái bị nhào nặn*!

Kẻ sáng tác đáng kính phục vì họ kính trọng cái đẹp trong nội dung đầy đủ của cái gọi là *sáng tạo*, (*sáng kiến* từ đầu tới cuối, *sáng lập* từ thượng nguồn tới hạ nguồn, *sáng tác* trong mỗi công đoạn). Có chuyện ảnh hưởng nghệ thuật của kẻ đi trước lên kẻ đi sau, nhưng ảnh hưởng không hề là *cái cũ, cái lặp lại, cái giống, cái sao chụp,* khi nhận hoặc chịu ảnh hưởng của tiền nhân là tiến xa trên tư duy sáng tác của chính mình, cho nên sáng tạo là vẽ ra hồn, viết ra tâm, nắm ra lực… Tại đây, bản lĩnh của *sáng kiến*, nội công của *sáng lập*, tầm vóc của *sáng tác* được tạo ra từ kẻ sáng tạo. Nghệ thuật không những chống lại *cái giống,* nó chống luôn cái *phản xạ của đường đi-lối về,* nó loại khử luôn *thói ngựa quen đường cũ.* Nó chống đối *cái rập khuôn*, nó đối kháng lại *cái nhà tù của khuôn vàng thước ngọc,* vì cái đẹp trong sáng tạo ~~nó~~ được làm ra để phá mô hình, để đập (cho tan) các khuôn mẫu, vì khuôn mẫu chỉ là khuôn bánh để nhào bột (làm bánh), cái đẹp kỵ cái bị nhào nặn !

Cái đẹp sáng tạo
bó buộc *mỹ quan* phải thay đổi

Cái đẹp khi được ra đời từ sáng tạo, nó chống lại, nó làm ngược lại *cái thăng bằng của thói quen, cái trật tự của phản xạ*, cái đã bị (hoặc được) *«bình thường hóa»*. *Mỹ học* phải chú ý chuyện này vì các tác giả lớn báo cho ta biết là cái *«bình thường hóa»* chính là *sự phản bội nghệ thuật*, những ai muốn sống với nghệ thuật, với sáng tạo phải đuổi nó như: *đuổi tà!* Và, *mỹ luận* phải chú tâm hơn nữa chuyện này, vì một tác phẩm chính thức ra đời qua tay kẻ thực sự sáng tạo luôn mang: *hiện đại tính* của *cái chưa thấy* vì chưa ai thực hiện. Trong nhạc thì Mozart sáng tác như biến các cơ cấu nhạc học cũ thành ra cái dễ vỡ, dễ tan nát… Giacometti sáng tác trong điêu khắc biến các hình thể người thành các hình thể mới như sắp sụp đổ vì quá mong manh… Picasso sáng tác ngay trên *sự hỗn loạn* của khuôn mặt người, của hình thể người, và chính sự hỗn loạn này *bó buộc mỹ quan phải thay đổi*, bỏ cái cũ để nhìn, để yêu, để quý cái mới, tưởng là hỗn loạn nhưng thật ra là một trật tự mới của mỹ thuật.

Diễn biến nội tâm, luận điểm bên ngoài, sự cố ngoạn mục

Mỹ học phải đi tìm một phạm trù lý luận mới để hiểu tại sao khi sáng tạo ra *cái đẹp mới* luôn là kết quả của *cái cắt đứt*, có khi là *phá cầu* để phá thói quen của đường mòn, đây hoàn toàn không phải là chuyện *«qua cầu rút ván»*, vì chuyện ảnh hưởng nghệ thuật qua các thế hệ vẫn có, vẫn còn. Nhưng khi kẻ sáng tác làm công việc sáng tạo ra *cái đẹp mới* (như văn sĩ trước tờ giấy trắng, họa sĩ trước khuôn vải trống, nhà điêu khắc chưa bắt tay vào nhào để nặn), đây là lúc họ đang tìm cách làm sáng, làm rõ, làm cho ra một *diễn biến nội tâm* của chính họ! Sáng tạo là biến cái *diễn biến nội tâm* này thành một *luận điểm được đưa ra ngoài*, có ngữ văn, có đường nét, có hình thể như một *lập luận mới* qua chất liệu (giấy, màu, vật liệu…). *Mỹ luận* càng phải chú trọng hơn nữa quá trình này, vì đã có ba chuyện đã xảy ra trong quá trình sáng tạo này: *cắt đứt cầu, diễn biến nội tâm, luận điểm bên ngoài*. Cái bí mật của sáng tác giờ đã thành sự cố, nếu không nói là biến cố, mang tính trình diễn vừa ngoạn mục, vừa tế nhị của *nhân trí* trước *nhân sinh!*

Cái tôi mới trong *cái đẹp mới*

Sáng tạo ra *cái đẹp mới* trong nghệ thuật hiện đại là nhập cuộc vào một *sân chơi*, vào một *trò chơi*, nhưng tại đây không có *luật chơi* rành mạch, và thượng nguồn của *trò chơi* này là phải từ bỏ các trật tự cũ, chối bỏ khuôn mẫu đã có sẵn, xua đuổi các mô hình đang là nhà tù giam hãm *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận*. Vì nếu sáng tạo mà vào khuôn thì tư duy sáng tạo sẽ rơi vào vòng *lao lý*, cái *sung lực* sáng tác sẽ bị *«hãm tài hóa»* bởi ngục tù của giáo điều. Chính tại nơi này, *mỹ học* phải chăm chú hơn để nhận ra: sáng tạo ra cái đẹp mới trong nghệ thuật là làm ra một *cái tôi mới*, cái tôi mới này được đại diện qua tác phẩm của tác giả. Và, *mỹ luận* phải đi tìm các *diễn luận mới* để thấy cho thấu là: *cái tôi mới* không những đang đặt lại hay đang đả kích các trật tự cũ, mà còn đang làm tan rã các hệ thống giáo điều đã được tuyên truyền từ bao lâu nay. *Cái tôi mới* trong *cái đẹp mới* đang từ chối lối *đoàn kết giả* của tất cả các ý thức hệ, tất cả các chế độ độc tài luôn muốn quản lý *cái đẹp mới!*

Chuyển *sự sống* đổi *chất sống*

Cái đẹp được sáng tạo qua *quá trình phân chia* giữa *cái cũ* đã ổn định được xem như bền vững để bảo trì *cái đã có sẵn*, cùng lúc tư tưởng sáng tạo đòi hỏi kẻ sáng tạo phải chuyển hóa, phải thay đổi, phải tìm tòi *cái mới* từ mỹ quan qua vật liệu, bắt đầu bằng *sự sống* phải chuyển đổi đến *chất sống* phải thay đổi. Trong sáng tạo nghệ thuật thường xuyên xảy ra chuyện *tạo các vết nứt, xóa đường mòn, phá cầu, chuyển hướng, thay chân trời, đổi tư duy, chối bỏ thói quen*… tức là *phải thay đổi chính cái tôi sáng tạo* để làm ra cái đẹp mới. Không để nghệ thuật bị *«tê bại»* thì phải thay đổi ngay trong tư tưởng khi lý luận để sáng tạo, mà bắt đầu là lấy *sáng kiến* ngay trong quá trình sáng tạo; và khi lấy sáng kiến tức là đang *chặt, chém, đẽo, gọt* cái cũ, mở ra các *góc, cạnh, chiều, hướng* mới. Và, có khi còn phải *bỏ, hủy, đốt, vùi* cái tư duy đường mòn của *«đường xưa lối cũ»* trong sáng tác để *«vạch rừng»* tìm lối đi mới !

Chống: *bình thường, thông thường, thông dụng, thực dụng*

Cái đẹp tới từ cái tự do trong sáng tạo, nhưng bối cảnh của tự do là các cơ chế do ý thức hệ tạo nên, do tôn giáo duy trì, do giáo điều điều kiện hóa nó, tạo ra mâu thuẫn ngay trong sáng tác nghệ thuật, mà sáng tạo là phải vượt qua sự mâu thuẫn, cụ thể là chống lại cái *giáo điều cố hữu* đang chặn không những *tự do sáng tác* mà chặn luôn ngay thượng nguồn *tự do tư duy*, *tự do tư tưởng*, tự do cho phép sáng tạo hoàn toàn độc lập với mọi khẩu lệnh tuyền truyền. Cái đẹp tới từ cái *tự do sáng tạo* tới từ *tự do lý trí*, chính lý trí là quyết đoán khi chọn quyết định sáng tạo trên một cảm xúc tới cũng từ tự do. Cái tự do trong sáng tạo nghệ thuật không chấp nhận cái *bị bình thường hóa*, nó chối bỏ luôn *cái thông dụng* trong xã hội, xa lánh *cái thông thường*, rời xa cái *thực dụng* trong sản xuất hoặc tiêu thụ. Cái đẹp mới là cái hoàn toàn khác *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.*

Cái đẹp của *nhân tính đặc sắc*!

Cái đẹp lấy *nhân sinh* để làm nên *nhân tính*, trong đó tự do sáng tạo tới từ ba nguồn: *nhân lý, nhân tri, nhân trí*, chính bộ ba này đã tạo ra sung lực cho tự do tư duy, tạo ra hùng lực cho tự do tư tưởng, tạo ra mãnh lực cho tự do trong tự chủ sáng tác nghệ thuật ra *cái đẹp* cho *nhân bản, nhân văn*. Con người đưa *nhân tính* vào sáng tạo nghệ thuật để bảo vệ *nhân phẩm* trước các bạo lực của ý thức hệ, các bạo hành của giáo điều, bạo quyền của độc tài. Như vậy, *sáng tạo nghệ thuật ra cái đẹp* có thể mang tư duy cách mạng là *chống cái độc tài* và chứng minh *tất cả độc tài đều bất tài*! Vì cái *độc tài vì bất tài* này muốn cái *nhân tình* phải là *«cá mè một lứa»*, và trước *cái độc đoán* của độc tài, thì *cái đẹp* khẳng định *nhân tính* của nó là *đặc thù* vì *đặc sắc*!

Cái đẹp: *quả* của *thông minh*

Chống *cái độc tài* để chống *cái độc đoán,* chống *cái bất tài*, tức là dùng *cái đẹp của nghệ thuật* để nói lên *cái thông minh* của nhân lý, *cái thông thái* của nhân tri, *cái tinh thông* của nhân trí, như vậy *cái đẹp* của nghệ thuật luôn là kết quả của *sự thông minh* được nhìn nhận và công nhận. Và, nếu nó gây được cảm xúc hay, cảm động đẹp, và nó có thể đóng vai trò chế tác ra hạnh phúc cho *nhân sinh*, nó còn đủ sức tạo ra một *niềm tin mới* về nhân đạo, tức là giúp con người nhìn rõ được *«đường đi, nước bước»* về hướng nhân văn, được tạo dựng nên bởi *cái thông minh* của nhân lý, *cái thông thái* của nhân tri, *cái tinh thông* của nhân trí. Như vậy sức mạnh của cái đẹp trong nghệ thuật tạo ra sung lực giúp *nhân tính* tạm thời rời hiện tại tầm thường, để phóng tầm nhìn vào tương lai qua cái đẹp, để tin vào một viễn ảnh lạc quan cho *nhân phẩm*. Một cuốn tiểu thuyết như *Những kẻ khốn cùng* của Hugo, một bài thơ như *Tự do* của Eluard, một tác phẩm tạo hình như *Chim hoà bình* của Picasso… có sức mạnh đó!

.



Với phái Thiên Chúa giáo Lille

Cái đẹp mới chọn *cái tự chủ*

Khi *mỹ học* nghiên cứu về *mỹ thuật*, thì bản thân *mỹ luận* không được rời *hai trở lực (như hai ngõ cụt)* chống người sáng tạo ra cái đẹp mới ngay trong công việc và cuộc sống của họ:

- *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.*
- *cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài.*

Chính *hai trở lực (như hai ngõ cụt)* tạo ra *hai cái dễ dãi (như hai cái bẫy)* giăng chung quanh người sáng tạo ra cái đẹp mới :

- *cái dễ dãi* trong sáng tác để thỏa mãn *cái dễ bảo* trong tuyên truyền
- *cái tuân lệnh* để làm vừa lòng *cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài.*

Bản lĩnh của người sáng tạo ra cái đẹp mới là phải tự tạo ra:

- *cái đẹp mới* đứng *ngoài* cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.*
- *cái đẹp mới* đứng tách biệt, đứng đối diện với *cái độc tài, cái độc đoán, cái bất tài*

Từ đây, *cái đẹp mới* đã chọn cho mình *cái tự chủ, cái tự sinh, cái tự tồn* không những trong nghệ thuật mà cả trong *nhân sinh*. Đó là trường hợp của họa sĩ Bùi Xuân Phái, không rơi vào tranh tuyên truyền của độc tài qua độc đảng cả hơn nửa thế kỷ qua, mà tự mình tạo ra vũ trụ riêng cho mình mà Nguyễn Tuân đặt tên là *Phố Phái*. Sau bao năm qua, các tranh tuyên truyền thuở nọ bây giờ phải mang giấu đi, còn *Phố Phái* thì ngày được tôn vinh, ngày càng nhiều người sưu tập.

Cái đẹp mới đã chọn *tự chủ, tự sinh, tự tồn*

Trong khi đi tìm *cái đẹp mới*, thì kẻ sáng tạo đã có *ý định* là dứt khoát với cái cũ, với *ý muốn* là cắt các quan hệ với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng* đã có mặt trong mỹ quan, trong thói quen, trong xã hội. *Cái đẹp mới* dưới dạng một tác phẩm của sáng tạo, nó cùng lúc tạo *một khoảng cách, một tách biệt, một chia lìa* với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.* Chính đây không những là lối đi của nghệ thuật hiện đại thế kỷ thứ XX, mà còn là *ý tưởng* của phái *siêu thực (surréalisme).* Kinh nghiệm hay nhất tại Việt Nam vẫn là của danh họa Nguyễn Gia Trí dùng tự do nghệ thuật của mình để tạo ra *cái đẹp mới,* để chọn cho mình *cái tự chủ, cái tự sinh, cái tự tồn,* cùng lúc làm một *cuộc khai phá hoàn toàn mới* không những trên kỹ thuật sơn mài mà còn mới về tư duy, ý tưởng, lý luận trong sáng tạo ra *cái đẹp mới!*

Cái đẹp mới chống lại phản xạ *tiện*

Trên con đường đi tìm *cái đẹp mới* cho nghệ thuật, kẻ sáng tạo còn phải chống lại phạm trù *tiện* (*tiện nghi, tiện lợi, tiện dụng),* chống lại *cái tầm thường, cái bất tài*, thì không thể chấp nhận *cái dễ xài, dễ dùng, để dễ bán, dễ mua*. Và, *cái đẹp mới* trong nghệ thuật còn tự cho phép mình không những tránh xa, lìa xa mà còn đập cho vỡ, đập cho tan phạm trù *tiện*, để đối mặt và đối kháng với *cái tùy tiện.* Vì chính *cái tùy tiện* diệt *cái khai phá* trong sáng tác, hủy *cái khai thị* trong mỹ quan, loại *cái khai sáng* trong mỹ thuật. Tại đây, *mỹ luận* phải phân tích rõ quá trình sáng tạo ra cái đẹp mới của một tác giả được định nghĩa như một *chủ thể có tự do tuyệt đối để quyết đoán* về tác phẩm của mình, và dùng *tuệ giác* của mình để làm khác, làm ngược lại *cảm tính* dễ xài, dễ dùng, để dễ bán, dễ mua trong sinh hoạt nghệ thuật. Cuối cùng đây là cuộc đối đầu giữa phản xạ *tiện* (*tiện nghi, tiện lợi, tiện dụng)* và sự cố của sáng tạo ra cái đẹp mới, khi nó giới thiệu cái đẹp không những *đẹp* mà còn *mới*, còn *lạ*, và *cái chưa có* này chính là một biến cố trong nghệ thuật.

Cái đẹp: thực chất của *trình độ*

Cái đẹp trong nghệ thuật khi được ra đời, nó mang theo *cái mới, cái lạ* vào cuộc sống, tức là *cái chưa thấy* vì *chưa ai tạo được*, *cái chưa biết* vì *chưa ai giới thiệu. Cái đẹp* đưa vào cuộc sống, *tính hiện đại* của nó mang theo luôn *cái mở*: nó mở mắt cho *mỹ quan*, rồi đánh thức *mỹ thuật*, làm thăng hoa mỹ học, nó kích động *mỹ luận*. Đừng xếp *cái đẹp mới* này cùng rọ, cùng ngăn, cùng chỗ với những *cái cũ, cái tầm thường*, những cái «*vô thưởng vô phạt*», mà cứ để nó giữ khoảng cách, giữ sự cách biệt, để nó giúp tư duy của người xem, của kẻ thưởng thức thấy được *sự khác nhau*, để rồi trí tuệ nhân sinh được thay đổi theo hướng thăng hoa. Đừng xem *cái đẹp* của nghệ thuật cùng *«cá mè một lứa»* với các *cái tồi, cái dở, cái tục, cái xấu*; chuyện «*nồi nào úp vung nấy*» là chuyện có trong xã hội, nó cũng có trong nghệ thuật, có chuyện *đẳng cấp* của *cái đẹp*. Vì, *cái đẹp* khi được công nhận là *đẹp* vì trình độ sáng tạo nó cao, vì mức độ trí tuệ của nó rộng, đừng bắt nó phải thấp, phải lùi, phải hạ mình trước những cái không đẹp! Như vậy là rất bất công với nó. Cho nên kết luận cho Mỹ luận là: *cái đẹp* mang thực chất của *trình độ*, của *mức độ*. Đây là trường hợp của họa sĩ Mai Thứ với các chủ đề nhân gian, với kỹ thuật của tranh lụa cũng dân gian, nhưng mỹ thuật của Mai Thứ là một nghệ thuật mới và lạ, từ trong cách dựng chủ đề tới cách sáng tác, từ trong tư cách sáng tạo ra tác phẩm tới nhân cách sáng tạo ra một vũ trụ rất Việt Nam, mà cũng *rất mới, rất lạ*; và trước Mai Thứ không có *cái đẹp* của *đẳng cấp*, của *trình độ*, của *mức độ* về tranh lụa loại này.



Với Millet

Cái đẹp của mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận

Nếu trong cuộc sống *có sinh, có diệt* vì *có tụ, có tán*, thì trong sáng tạo nghệ thuật đây là chuyện *«cơm bữa»*, thường xuyên và thường trực. Hệ *sáng (sáng tạo, sáng tác, sáng kiến)* chính là quy luật sinh tồn của *mỹ thuật*, đừng bắt cái đẹp *«bị chết cứng trong khuôn»*. Nó mang mãnh lực của *chất sống*, nó đầy hùng lực của *sự sống*, và *sáng tạo là tự tạo*, tự tạo năng lượng qua tư duy của kẻ sáng tác, mà *cái đẹp* là đứa con tinh thần được sinh ra trong thử thách, có khi chính *cái cùng quẫn* trong thiếu thốn, *cái thăng trầm* trong đau khổ: càng làm cái đẹp đẹp hơn! Nhưng ta phải thấy khoảng cách giữa *mỹ quan* khi thấy *cái đẹp* thì chỉ thốt lên: *«đẹp quá!»*, trong khi đó *mỹ thuật* phải tìm hiểu kỹ thuật và nghệ thuật nào đã làm nên cái đẹp này. Còn *mỹ học* thì chọn con đường nghiên cứu, điều tra, điền dã, so sánh… để gây dựng một hệ thống phân tích hoàn chỉnh, kế đó là phạm trù hóa hệ thống này qua lý thuyết và phương pháp. Cuối cùng là *mỹ luận* dùng lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận để cái đẹp không chỉ còn là cảm xúc của mỹ quan, mà tự bản thân của nó mang những trí tuệ mới để phục vụ cho *nhân lý, nhân tri, nhân trí*.

Cái đẹp của *sinh đôi mâu thuẫn*

Cái đẹp có khi *lạc quan*, có khi *bi quan*, lắm lúc *chủ bại*, nhưng cái đẹp xuất hiện giữa cuộc sống để đánh thức hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* qua quá trình của *mỹ thuật. Cái đẹp* luôn mang theo nó không những *cái cảm xúc* tạo ra *cái cảm động* của mỹ quan, qua thưởng thức hoặc qua chiêm ngưỡng, nó còn mang theo *lý trí* của kẻ sáng tạo, *trí tuệ* của tác phẩm, và khi nó có nội công sâu, bản lĩnh cao, tầm vóc rộng nó còn nói lên *tuệ giác* của *nhân tính*. Một *nhân tính* luôn sống động-vì-chủ động trong *nhân sinh. Cái đẹp* tới từ sáng tạo nghệ thuật nó cũng tự cho phép nó chế tác ra chuyện *sinh đôi mâu thuẫn*: bi quan song hành cùng lạc quan, chủ bại sánh vai cùng chủ động ngay trong một tác phẩm. Đó là các sáng tác của họa sĩ Đinh Cường trong cả cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn 1954-1975, vì trong tranh của Đinh Cường luôn có một cô gái thật đẹp nhưng thật buồn, đại diện cho cái đẹp trung tâm, mà chung quanh cô gái ấy là sự đổ nát của thành thị, của giáo đường, của phố xá... trong cái bi quan, cái tàn tạ của tâm hồn Việt, của một nhân sinh quan không tin là chiến tranh có thể chấm dứt. *Cái đẹp* không cần thông điệp, nhưng chính nhờ *mỹ học* và *mỹ luận* khi ta nghiên cứu về cuộc đời, về điều kiện sáng tác, về quan hệ thân hữu giữa Đinh Cường và Trịnh Công Sơn, ta sẽ hiểu ít nhất *bốn thông điệp* của họa sĩ này: *chất sống* trong sáng tác, *sự sống* trong tác phẩm, khuyên ta *phải sống* để *tiếp tục sống* dù trong sinh ly!

Một *thực thể* chưa có mặt trong cuộc sống

Năng lực nghệ thuật tạo ra *cái đẹp* là cái năng lực đi tìm cho ra *cái đặc sắc*! Mỗi sáng tạo đều có cái giá của nó, mà thành công hay thất bại trong sáng tác, tức là được công nhận hay bị phủ nhận bởi công chúng, bởi xã hội, chỉ là một thử thách trong nhiều thử thách, và thử thách chính vẫn là thử thách với chính *cái tôi* của tác giả. *Cái đẹp* nghệ thuật đi tìm phương trình mới về mỹ thuật nhưng phải nhận thử thách là *đổi*, là *thay*, có khi là *xóa*, là *bỏ* các phương trình nghệ thuật cũ: *chọn mới lánh cũ*. Tại đây *mỹ luận* phải nhận ra là trong quá trình sáng tác ra cái đẹp mới, thì kẻ sáng tạo không tìm cách *thích ứng*, không tìm cách *hòa hợp*, mà ngược lại tìm cho ra cách chống *thích ứng*, chống *hòa hợp*. Cụ thể là chống lại chuyện phải *sống chung* với cái cũ (cái đã được thừa nhận), cái mới thật sự mới qua cái đẹp phải là cái chống lại sự *dung hợp*. Vì *thích ứng, hòa hợp, dung hợp* là còn ngụp lặn ở bên *trong (trong khuôn, trong mẫu, trong thói quen, trong đường mòn…)*. Ngược lại cái đẹp mới đòi hỏi dự phóng mới, mong mỏi chân trời mới, vì sáng tạo trong nghệ thuật là sáng tạo ra cái mới qua một thực thể chưa có mặt trong cuộc sống.

Cái đẹp là cái ham muốn được thỏa mãn!

Cái đẹp khi được hình thành qua tác phẩm đã trải qua giai đoạn ban đầu của nó, ngay trên thượng nguồn là *sự trống vắng* trước khi nó sinh ra đời, trước khi nó xuất hiện như một *hiện thể* có hình, có dạng, có sắc, có thanh… cái đẹp phải được thấy qua *sức bật* của nó, từ không đến có, trong cái tìm tòi của tác giả, có khi lạc đường, lầm lối, để kết cuộc là *cái đẹp* hiện sinh ra để con người thưởng thức, chiêm nghiệm, xem xét, đánh giá về giá trị của nó. Từ nó, *cái đẹp* xuất hiện như để *choán chỗ trống* qua sáng tạo của nghệ sĩ, mà nó còn hiển hiện ngay trong cuộc sống để đứng đối diện trước các *phản diện* của nó là *cái xấu, cái tồi, cái tục, cái dở.* Từ đây, *mỹ luận* có thể đi tới một phạm trù khác trong *phân tâm học*: cái đẹp tới tự *sự ham muốn* được có mặt trong cuộc sống, chính sự ham muốn này là chất xúc tác của kẻ sáng tạo. Nó ngược lại với *sự ham muốn* của chiếm đoạt mà động cơ là sự ích kỷ, nó chỉ có động cơ là *tạo* để *hưởng* (*tận hưởng là mong cầu của ham muốn*), nhưng đây là *sự tận hưởng có chia sẻ*, chia sẻ với đồng loại, chia sẻ với nhân loại: *chất tạo trong chất sống* được hoàn mỹ hóa qua sáng tạo. Cái đẹp khi được công nhận sẽ sống còn với thời gian, và trong cái sống còn này *mỹ học* phải thấy để phân tích: *cái đẹp là cái ham muốn đã được thỏa mãn!*

Sáng tạo mang nội chất đa nguyên

Cái đẹp có mang cái giá của nó phải trả trong lúc sáng tạo cũng như khi được hoặc bị mang ra phán xét trước xã hội. Cái giá của nó phải trả trong lúc sáng tạo là cái giá mà kẻ sáng tạo đã dám *tháo rời*, có khi là *tháo bỏ* cái cũ để *làm mới cái đẹp*, cái giá này thì không những Picasso mà Dali cùng nhiều người khác đã trả trong thế kỷ qua. Cái đẹp quá mới luôn bị các sức đề kháng không những từ các định kiến cũ kỹ, mà cả một hệ thống giáo điều đã có mặt trong các cơ chế bảo thủ từ văn hóa tới giáo dục, trong đó có hàn lâm viện chuộng cái cũ dù đã thủ cựu hơn là chọn cái mới mà họ không biết từ đâu tới? Phái ấn tượng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng phải trả những cái giá rất đắt khi đã chọn định hướng là: ấn tượng về màu sắc, mà đã bỏ đi cái đẹp cũ về hình thể của các thế hệ đi trước. Như vậy, một cái đẹp mới khi *nổi lên được*, khi *trồi lên được* để được chấp nhận và công nhận thì đây là một *cuộc tranh tài giữa các lý trí*, trong đó phái bảo vệ cái cũ không những dùng khuôn mẫu để bắt cái mới phải vào mô hình; và đối diện là cái mới trông chờ *sự cởi mở*, mong cầu *sự cải cách*, có khi còn thúc đẩy để có một *cuộc cách mạng nghệ thuật* vừa trong sáng tạo, vừa trong định nghĩa về *mỹ quan*. Tại đây, *mỹ học* phải phân tích thêm về cái đẹp cũ và cái đẹp mới khi *sống chung* với nhau trong bảo tàng, cũng như trong giáo dục nghệ thuật, thì đây không phải là sự sống chung bình yên trong chia sẻ về nghệ thuật mà là một cuộc sống chung có *căng thẳng* vì có *mâu thuẫn*, có *xung đột* vì có *đối kháng*. Và đây, cũng là chuyện vô cùng bình thường về cái đẹp luôn *đa hình, đa dạng, đa sắc, đa thể, đa thanh*… trong sáng tạo: vì sáng tạo có nội chất là đa nguyên.



Với Picasso

Tính cởi mở trong *tính tháo gỡ*

Cái đẹp mới mang *tính cởi mở* trong bối cảnh của tự do khi kẻ sáng tác không còn bị ép buộc phải ca tụng một bạo chúa hay một chế độ độc tài, nó mang luôn *tính tháo gỡ* những ràng buộc về tôn giáo, đạo giáo, trong đó nghệ sĩ phải tôn vinh cái thánh thiện, nhất là sự hy sinh của chúa, của thánh, của các tín đồ tử vì đạo. *Tính cởi mở* trong *tính tháo gỡ* là để đi tìm *«cái dễ thở»* chống lại *«cái ngộp thở»* không những tới từ các ràng buộc của sự ngoan đạo trong cuồng đạo, của sự ngoan ngoãn cúi đầu, khoanh tay trước bạo chúa, mà cũng có thể tới từ bổn phận, trách nhiệm luôn bắt buộc cá nhân sáng tạo phải vào khuôn mẫu để bị thuần hóa bằng luân lý. Tìm *cái cởi mở* để có *«cái dễ thở»*, là đi tìm *cái thoải mái* để chống lại *cái cứng nhắc*, đi tìm *cái tươi mát* để chọi lại *cái khô cằn*, đi tìm *cái năng động* để đẩy ra *cái đang dậm chân tại chỗ*. Khi *cái đẹp mới* xuất hiện trong nghệ thuật, rồi trong cuộc sống, và được xã hội lẫn văn hóa công nhận, thì cái đẹp đã mang theo một *đạo lý mới* (khác xa cái luân lý của bổn phận và trách nhiệm), và đạo lý này chính là chân trời của *nhân mỹ*.

Sáng tạo chất sống để hoá thân!

Cái đẹp trong sáng tạo nghệ thuật tháo gỡ các hệ thống cứng nhắc, khô cằn, thụ động, nó tháo gỡ luôn những quan niệm *bất di bất dịch* về *bản sắc*, đang khô đọng trong ao tù: *«ao làng»!* Chỉ thấy lũy tre làng mà không thấy bao chân trời chung quanh. *Cái đẹp nghệ thuật* làm thăng hoa văn hóa của một dân tộc, nếu dân tộc đó biết mở cửa để tiếp nhận *cái hay, cái đẹp* của các dân tộc khác, của các nền văn hóa khác, vì chính cái đẹp sáng tạo từ nghệ thuật luôn chống lại những *hằng số thụ động* (vô bổ vì vô cảm) loại *giấy chứng minh nhân dân*, loại *thẻ căn cước* mà trong đó tên, tuổi, giới tính, mắt, mặt… không bao giờ thay đổi (*bất di* để *bất dịch)*. Nghệ thuật không thể chấp nhận loại *hằng số thụ động* này*! Cái đẹp* mang *chất sống* của cuộc sống luôn chống cái thủ thân, cái yên thân, nó tạo chất sống mới để *hoá thân (*có khi để *thoát thân)*, nó luôn muốn *chuyển tiếp* bằng *chuyển hóa*. *Cái đẹp nghệ thuật* thường kể các câu chuyện về: *sáng tạo chất sống để hoá thân!*

Cái mong muốn được *sống-vui-để-vui-sống*

Cái đẹp nghệ thuật có thể tới từ kẻ sáng tạo muốn gỡ tung mọi dữ kiện đã được công nhận, mọi sự kiện đã được thừa nhận, có khi là những thành tích, chiến tích đang được tôn thờ, để từ đó tạo ra một tư duy, để gây dựng nên một tư tưởng mới. Cái đẹp loại này muốn đặt lại vấn đề của ký ức, của hồi niệm, của lịch sử, có khi nó trực diện để chống lại giáo điều, tuyên truyền, độc tài… như các tác phẩm của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm… trong phong trào *Nhân Văn Giai Phẩm*. Từ đây, cái đẹp nó không còn là cái đẹp thuần túy chỉ để *«làm đẹp»* mà còn là hệ vấn đề của tự do tư tưởng, nói lên *nỗi khổ niềm đau* trong *thân phận con người* qua cái đẹp, *nhạc phản chiến* của Trịnh Công Sơn trước 1975 trong luồng sáng tạo này. Sức mạnh của sáng tạo nghệ thuật nằm trong quyền lực của tác giả làm ra cái đẹp không hề thờ ơ, lãnh đạm, lạnh nhạt với vận mệnh một dân tộc, với vấn nạn một thời đại: nó muốn *truy nghiệm kiếp làm người*, cùng lúc làm trỗi dậy *sức sống* qua cái đẹp. Sáng tạo nghệ thuật đi lại từ hiện tại về quá khứ rồi mang dự phóng con người gửi tới tương lai trong quá trình vô hạn định để đòi hỏi được *sống đẹp*. Nó chối bỏ chiến tranh và từ chối giết đồng loại, đồng bào mà điển hình là các ca khúc tự tình dân tộc của nhạc sĩ Phạm duy *(tôi từ chối giết người, giết hết người rồi tôi sống với ai?)*. Cái đẹp mang theo nó cái mong muốn được *sống đẹp để làm đẹp sống*.

Phương trình *có mặt-vắng mặt*

Cái đẹp tới từ sáng tạo nghệ thuật có quá trình sáng tác biến *cái chưa có thành có*, như thể cho xuất hiện *một sự vắng mặt* dưới dạng một tác phẩm giờ đang đối diện với sự có mặt của các cái đẹp cũ đã được ra đời, ở đây xuất hiện một phương trình cái đẹp mới đứng cạnh các cái đẹp cũ. Phương trình này cũng là *phương trình có mặt-vắng mặt* trong nghệ thuật, trong đó *cái đẹp mới* tới không những làm xáo trộn trật tự của những *cái đẹp cũ*, mà nó còn làm *hoán ngôi-đổi vị* cùng lúc đổi *thứ bậc* giữa các cái đẹp đã được công nhận. Chuyện *hoán ngôi-đổi vị* này trong *mỹ thuật* tác động trực tiếp tới *mỹ học* trong quá trình nghiên cứu mà *sự khác biệt, sự xung khắc* giữa mới và cũ, nó bó buộc *mỹ luận* phải luôn xem lại các phương pháp lập luận của chính mình để thấy là không có sự hài hòa, sự trùng hợp, cái *vi hòa vi quý* giữa các tác phẩm nghệ thuật. Khi cái đẹp mới ra đời, nó tự đặt lại cách đánh giá cho chính nó, vì cái đẹp bó buộc chúng ta phải luôn xem lại các tiêu chí khách quan khi kết luận: *thế nào là đẹp?* Trong đó *cái đẹp mới* lấy *cái khác, cái lạ* của chính nó để *tự định giá về giá trị của nó*, từ đây xuất hiện một *ý thức mới*, một *nhận thức mới* không những về nghệ thuật mà còn về nhân sinh.

Cái đẹp chiếm *cái trống*, đoạt *cái vắng*, choán *cái thiếu*

Cái đẹp có quan hệ khăng khít với *ý thức sáng tạo ra nó*, nơi mà kẻ sáng tạo *đi từ không tới có* cái đẹp qua tác phẩm, biến cái chưa có thành cái phải có, biến *cái vắng mặt* thành *cái có mặt* giữa cuộc sống, làm cho cái đang có mặt không bao giờ là cái đầy đủ, cái hoàn chỉnh, mà luôn là cái thiếu, để cái đẹp mới tới được tiếp nhận, được công nhận, được thừa nhận. *Mỹ học* nên ngừng tại đây để phân tích thêm là cái đang có trong nghệ thuật luôn là cái chưa đầy, chưa đủ, không có chuyện *«đủ xài», «đủ tiêu», «đủ dùng»* trong đời sống nghệ thuật, vì nghệ thuật tồn tại qua sáng tạo, chính các sáng tạo mới nuôi sống các sinh hoạt nghệ thuật trong hiện tại và trong tương lai. *Mỹ luận* cũng nên dừng tạm tại đây để *lý luận* thêm về cách *giải luận* của mình, nơi mà *cái đẹp mới* luôn được chờ đợi, cầu mong, trông ngóng để được thưởng thức, được chiêm ngưỡng; nó sẽ được đón tiếp xứng đáng, và nếu nó được công nhận là thật sự đẹp thì *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận* sớm muộn gì cũng phải *trải thảm đỏ* để nghênh tiếp nó.



Với Gauguin. Grand Palais.

Cái đẹp của hệ *thức* và hệ *luận*

Cái đẹp còn được gọi là *«có hồn»*, giờ đây phải được phân tích vừa bằng cảm xúc, vừa bằng lý trí, để từ đó *trí tuệ* hợp lực cùng *ý thức* để làm rõ hệ *nội (nội dung, nội chất, nội địa)* của *cái đẹp*. Các từ ngữ như *linh hồn, tâm hồn, tâm linh…* thuộc phạm trù *siêu hình học* đang bị khoa học não bộ, thần kinh học qua *tri thức luận* đẩy lùi vào cõi: phản khoa học! Chỉ vì *cảm giác, cảm xúc, cảm động* trước một vật thể đẹp, một áng văn đẹp, một bức tranh đẹp… được gọi là *«có hồn»:* giờ đã thành *«cô hồn»* trong *não bộ học*. Tại đây hệ *cảm* (*cảm giác, cảm xúc, cảm động)* chỉ được điều khiển bởi *não bộ*, còn *«con tim»* thì *«mù lòa»*, vì nó là chỉ một cơ bắp, không có nhiệm vụ và không đủ khả năng lo cho *hệ cảm* này. *Mỹ học* phải thay đổi *từ vựng, ngữ văn* của mình khi nhận định về cái đẹp, *mỹ luận* cũng phải chuyển đổi *ngữ pháp* của mình, cụ thể là xa lánh loại văn phong mơ hồ mang mầu mê tín, dị đoan, mà phải làm ngược lại là ngày càng gần với hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* để có: *luận thức!* Qua trung gian của hệ *luận (lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận)* vừa qua dữ kiện thực, vùa qua chứng từ đúng.

Ẩn số về *tương quan lực lượng* giữa *xúc cảm, lý trí* và *ý thức*

Cái đẹp không chỉ là chuyện của hệ *cảm* (*cảm giác, cảm xúc, cảm động),* mà nó còn là chuyện giữa *lý trí* và *ý thức* trong quá trình sáng tạo của nghệ sĩ mang sung lực biến sáng tác của mình thành tác phẩm. *Lý trí* mang vai trò tiếp nhận kiến thức, tạo sự sắp xếp để xếp đặt, lấy tổng kết để tổng hợp, nó nắm hiện tượng để giữ nội dung, từ đó nó tổ chức thế giới và cuộc sống theo hệ *ý (ý muốn, ý định, ý đồ)* của nó, từ đây *lý trí* có thể *công cụ hóa* nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của một cá nhân. *Ý thức* thì khác, khi nó đánh giá kiến thức, nó lấy đạo lý để xếp đặt, nó lấy luân lý để tổng kết, nó lấy đạo đức để nhận diện nội dung xấu hay tốt của hiện tượng Và khi *ý thức* mang dạng *nhận thức,* thì nó sẽ đi bước khó hơn và dài hơn lý trí, để được đi xa hơn về *nhân sinh*, sâu hơn về *nhân tình*. *Ý thức* miệt mài với *nhân lý* phải rộng hơn lý trí, nó chỉn chu với *nhân bản* phải rộng hơn lý trí, nó cẩn trọng với *nhân văn* phải cao hơn lý trí. Sinh hoạt của *lý trí* thường bị khung vào phương cách đi tìm *sự thật*, còn *ý thức* vừa đi tìm sự thực, nó đi lần tìm luôn *chân lý*, nó tìm kiếm luôn *lẽ phải*. Như vậy, *cái đẹp* của nghệ thuật thường mang theo một *ẩn số về tương quan lực lượng* giữa *xúc cảm, lý trí* và *ý thức* ngay trong tư duy sáng tạo của nghệ sĩ.

Cái đẹp chuyển *cái tình* vào *cái lý*

Cái đẹp vừa tới từ *cảm xúc,* vừa tới bằng *lý trí* trong đó *ý thức* sáng tác làm nên tầm vóc của nghệ sĩ trong quá trình làm nên cái đẹp, tại đây luôn có sự giằng co giữa *lý trí* muốn *duy lý hóa* sáng tạo qua vai trò của kiến thức và *ý thức* nhận diện sáng tạo ra *cái đẹp* bằng một đạo lý mới song hành cùng *cái thiện,* và cả hai đưa ra ánh sáng *cái hay, cái tốt, cái lành* có trong *cái đẹp*. *Lý trí* nắm sự thật của chất liệu, của dữ kiện để sáng tác với sức mạnh của lý luận về chủ đề dùng cho lập luận trong phương pháp sáng tác, còn *ý thức* không phải lúc nào cũng thức để có hùng lực của tra khảo, giám xét, thẩm định các kết quả của *lý trí* trong sáng tác. Nhưng khi *lý trí* đi quá xa, quá đà, quá đỗi thì *ý thức sẽ được đánh thức* và khi nó thức dậy rồi thì nó dùng *nhân tính* để truy xét *nhân tình*, dụng *nhân bản* để xét nghiệm *nhân thế,* lấy *nhân văn* để phân xử *nhân lý,* cụ thể là nó mang *cái tình vào cái lý* của lý trí để soi sáng lý trí, để thấu hiểu *đường đi nẻo về* của lý trí. Tại đây, *mỹ học* phải chú ý là ý thức vận động *chất tình* để vận hành *chất người* qua *đời sống nội tâm* của nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp. Đời sống nội tâm này như một phòng kín, khu riêng, lĩnh vực ngầm của phán xét luân lý, phân định đạo lý, giãi bày đạo đức, chính quá trình này sẽ điều kiện hóa sáng tác từ thể hiện tới trình bày qua trình diễn *cái đẹp* trước công chúng.



Với Hartung

Cái đẹp của *cái lý, cái tình, cái thức, cái trí, cái luận*

Cái đẹp còn mang cả cái đối chọi giữa *cảm xúc* và *lý trí* để đi tìm một trung gian mới, một môi giới mới, một trọng tài mới, chính đây là hùng lực của *cái đẹp* khi nó *biết đánh thức lương tâm* để nghiệm, để xem, để xét, để tra, để gạn, để lọc, để tuyển, để chọn *một chân trời mới* cho *nhân sinh*, một *phương hướng mới* cho *nhân tri*. Cái đẹp của nghệ thuật có thể tới từ sự tưởng tượng, và mọi sự tưởng tượng đều có *gốc, rễ, cội, nguồn* của *cái lý*, của *cái tình*, của *cái thức* đau đáu vì *cái trí, cái luận*, tất cả luôn sinh động qua lại với nhau trong sáng tác để cho ra đời các lý trí mới, các tình cảm mới, đây là kết quả của *sự thao thức* ngay trong *ý chí sáng tạo*, mà cũng là định nghĩa về sự thông minh của kẻ sáng tạo: luôn năng động qua lại giữa hệ *cảm (cảm giác, cảm xúc, cảm động)* và hệ *lý (lý trí, lý luận). Mỹ luận* nên ngừng lại trước ba tác giả sau đây để thấy rõ quan hệ của hai hệ *lý* và *tình* này trong cái đẹp, trước hết là Kant tin vào *sự kết hợp tinh trí giữa lý và tình*, tiếp theo là Hegel dựa vào sự *xuất hiện cùng lúc của hai giờ đã thành một giữa lý và tình*, cuối cùng là Husserl chắc mẩm rằng sáng tạo là *sự hợp tác* mật thiết của *lý* và *tình*, đây chính là định nghĩa của *ý thức* trong *hiện tượng luận*.

Cái *nhìn xa trông rộng* của nghệ thuật

Cái đẹp khi nó từ chối *sự hài hòa,* chối bỏ *cái đồng điệu*, mà đi tìm *cái xa, cái lạ*, để tạo ra *cái khoảng cách,* để làm rõ nét *cái cách biệt* giữa mới và cũ, thì nó sẽ chỉ trích *cái khô cằn* giờ đã quá cằn cỗi của cái cũ, đó chính là lúc *cái mới* đang thiêu cái lý trí, đang hủy cái tình cảm của cái cũ, vì tất cả cái ra đời sau *cái mới* đều bị xem là lỗi thời! Cho nên các trường phái mới, họ tự đặt tên của họ là: *siêu thực, hiện đại, hậu hiện đại*… vì cái được *thể hiện* phải là cái của *hiện tại,* nó mới nên nó không muốn đi chung, đứng chung, xếp chung cùng với những cái cũ, đã bị xem không những là xơ cứng, mà còn là thủ cựu nữa. Nhưng có những cái đẹp dù cũ về niên đại nhưng không có cái đẹp nào mới ra đời mà hiện đại hơn nó, *mỹ học* nghĩ sao? *Mỹ luận* nghĩ gì? Câu trả lời có trong cách định nghĩa thế nào là *hiện đại* ? Trong *cái hiện đại* luôn có *tính thời đại*, tại đây *hiện tại* lấy *cái đẹp mới* để tạo *mỹ quan mới, mỹ thuật mới,* tháo gỡ những cái cũ đang là rào cản để tiếp nhận những *tự do mới*, những *tự chủ mới*, kể cả những *tự giác mới. Cái đẹp mới* chống lại cái *ngăn sông, cấm chợ*, nó dị ứng với cái *kín cổng cao tường*, nó ưa cái *đi một ngày đàng học một sàng khôn*, nó chuộng cái *nhìn xa trông rộng* của nghệ thuật. Vì *nghệ thuật là tự do*, ngược lại với cấm đoán, nghệ thuật không bị khuôn vào niên đại, cho nên hiện nay có những sáng tác mới rất bảo thủ, cùng lúc có những cái đẹp đã được sáng tạo từ lâu nhưng rất hiện đại. Từ đây, *mỹ học* phải nghiệm cho rõ là khi Gauguin vẽ về các bộ tộc sống hoang dã trong thiên nhiên với sinh hoạt hoang sơ của họ tại cực nam Thái Bình Dương, thì kẻ nghiên cứu phải nhận ra cái đẹp rất hiện đại của Gauguin khi trở ông quyết định *«sống chết»* với cái *ban sơ* nhưng rất hiện đại của nhân loại thoải mái trong trần truồng. Chúng ta cũng phải thấy cái hiện đại của Millet khi vẽ về đời sống nông thôn, ông đã mở cửa cho trường phái ấn tượng dễ dàng rời các mô hình về hình thể cứng nhắc kiểu cẩm thạch trong mỹ quan của các hàn lâm viện của Âu châu, để vào thế giới đầy ánh sáng, và đầy sắc màu của ấn tượng.

Choáng ngợp… choáng váng… chóng mặt

Cái đẹp có thể được sáng tạo ra từ *sự choáng váng*, làm cho kẻ sáng tạo như đang *bị chóng mặt*, tức là *mất thăng bằng* trước một cái đẹp của cảnh quan, một cái đẹp xuất thần của một vùng ánh sáng, từ đó sinh ra một ý tưởng thi ca hay tạo hình, làm thay đổi tức khắc không chỉ cảm xúc, lý trí, ý thức, mà cả về *nhân sinh quan, vũ trụ quan* của tác giả đang tìm mọi cách để tái tạo lại cảm xúc choáng váng, cảm giác chóng mặt, chính sự mất thăng bằng vì được khám phá ra *cái vừa mới, vừa đẹp* này, nơi mà nghệ sĩ đã *trao thân gửi phận* vì thượng nguồn của cái đẹp mà chất liệu tới từ ánh sáng thật đặc thù của một xứ sở. Tôi sống tại Địa Trung Hải đã gần 40 năm, tại đây ánh sáng trùm phủ lên *biển, rừng, núi, đồi* luôn tạo cảm xúc choáng váng, cảm giác chóng mặt chỉ vì địa danh này có loại ánh sáng tạo ra *cái bất ngờ cho cảm xúc*. Renoir đã rủ rê Monet về đây để vẽ, đây cũng là quê hương mà Cézanne không bao giờ muốn rời, cũng là nơi mà hai danh họa Matisse và Picasso đấu trí, tranh tài vừa qua tạo hình, vừa qua lý luận. Người ở xa lơ xa lắc như Chagall cũng *xin tụ cờ dưới trướng* ánh sáng Địa Trung Hải, ta cũng không quên Léger, và nhắc luôn Bonnet cũng về đây… *Mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận* phải chú ý thêm về ngôn ngữ của các danh họa *vùng đất sáng* này: khi các khách du lịch tới thăm vùng này họ thốt ra: *«ánh sáng xứ này đẹp quá!»*, còn các khách viễn lai chọn nơi đây làm *đất để sống đời* thì họ nói là: *«ánh sáng nơi đây mạnh thật!»*. Riêng các danh họa vừa mới kể tên khi họ nói chuyện về quê hương Địa Trung Hải này thì ngôn ngữ họ hoàn toàn khác: *«ánh sáng quê hương này dầy lắm!»*. *Dầy* như nội lực làm choáng ngợp trước khi làm choáng váng các danh sư; *dầy* như hùng lực của cảnh quan *giữ chân các chân tài* tạo hình phải ở đây (*nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây*), *dầy* như mãnh lực của ánh sáng Địa Trung Hải này, mà ngày ngày các họa sĩ luôn muốn mình *bị-và-được* chóng mặt, mất thăng bằng để… sáng tạo!

Sáng tạo như tự cứu

Cái đẹp được sáng tạo ra trong nghệ thuật để xa lánh các *khẩu hiệu của tuyên truyền*, để tránh xa các *khẩu lệnh của độc tà*i-vì *bất tài*- trong sáng tạo. *Cái đẹp* này không diệt cảm xúc của lý trí, không hủy lý trí, không vùi ý thức, ngược lại nó là tụ điểm của cảm xúc, của ý thức để *cái đẹp* được thăng hoa. *Cái đẹp* xuất hiện để đối diện với những cái *xấu, tồi, tục, dở*, và khi *cái đẹp* này được tôn vinh qua tuổi thọ của nó, thì nó đã làm *bản cáo chung* về cái *chết yểu* của những cái *xấu, tồi, tục, dở. Cái đẹp* chống lại cái duy lý của ích kỷ, cái duy tâm của cuồng đạo, nó chống luôn cái tò mò dễ dãi của *chưa hiểu đã viết* trong văn học, *chưa vẽ đã nghoẹt* trong hội họa, *chưa có giai điệu đã ồn ào* trong âm nhạc… Nó dị ứng luôn với cái kiêu ngạo của các cái đẹp cũ, cái kiêu căng của các nghệ sĩ đang kể thành tích về quá khứ của mình, nhưng thực ra là đang ngủ *quên trên chiến thắng* của mình. Tại sao vậy? Chỉ vì *cái đẹp* tới từ *công lao của sáng tạo*, không cần dựa vào cái kiêu ngạo của tác phẩm, cái kiêu căng của các nghệ sĩ đã thành danh. Sáng tạo ra cái đẹp mới như *một bất ngờ tạo ngạc nhiên* cho nhân sinh là một quá trình *khổ luyện trong khổ tu* không giáo, không đạo, mà chỉ có *tâm phải sáng để trí tạo* và *trí mạnh để tâm phải cảm*. Định luận của mỹ luận là*: sáng tạo như để tự cứu mình thoát khỏi* những cái *xấu, tồi, tục, dở,* cùng lúc thoát luôn cái kiêu ngạo của tác phẩm, cái kiêu căng của các nghệ sĩ.



Với phái Thiên Chúa giáo Dominicain. Nice.

Khách quan hóa quá trình cảm nhận *cái đẹp*

Cái đẹp được hình thành là *kết quả* (trong *hiệu quả* hoặc *hậu quả)* của *chủ quan sáng tạo qua cảm xúc* khi trực diện với *lý trí* đang *duy lý hóa* từ kỹ thuật tới vật liệu trong quá trình sáng tác của nghệ sĩ, ở nơi đó *ý thức* vận hành để chuẩn bị từ sáng tác của nghệ sĩ tới sự tiếp nhận của công-chúng trước *cái đẹp*. Cụ thể *ý thức* mang ra *cân, đo, đong, đếm* các tác động tiêu cực hoặc tích cực của tác phẩm trước sự tiếp nhận của đám đông. Tại đây *mỹ học* nên chú ý khi *mỹ thuật* kêu gọi *triết học* vào cuộc để nhận định *cái đẹp*, thì ngôn ngữ của triết học là lý thuyết đã được *duy lý hóa* qua một quá trình *trí thức hóa ngôn ngữ*. Cũng từ đây, *mỹ luận* cũng phải thận trọng khi *mỹ học* mời gọi *phân tâm học* nhập cuộc để phân tích *cái đẹp* như quá trình tâm lý của của kẻ sáng tác, thì ngữ văn của *phân tâm học* là *tâm thần học*. Từ đây, chính *triết học* và *phân tâm học* phải lập cho được các cầu nối với *mỹ quan* của một nhân sinh quan bình thường, trong đó *xã hội học nghệ thuật* và *giáo dục học mỹ thuật* cũng phải có phương pháp phân tích bằng chính các công trình nghiên cứu, điều tra, điền dã của mình. Chuyện đáng mừng là khi *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận* được *khoa học xã hội và nhân văn* hợp tác, góp sức, thì *nhân trí* được thêm vốn, thêm lời trên chuyện *khách quan hóa* quá trình cảm nhận *cái đẹp*.

Cái đẹp là chiến thắng của *lý-trí-chí sáng tạo*

Cái đẹp được sáng tạo bên ngoài với *ba thực tế* (quá thực!): của *cơm, áo, gạo, tiền*; của *chén cơm manh áo*; của *giá áo túi cơm,* mặc dù người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp không thoát được *ba thực tế* này khi họ đi tìm *cái đẹp*. Nhưng vì *cái đẹp*, mà họ cũng có thể phát biểu: *«những phường giá áo túi cơm xá gì!»* (Nguyễn Du), đây không phải là câu chuyện khinh chê các nhu cầu vật chất ngày ngày nuôi sống con người, mà đó chính là một phần của sự nhận thức về *lý trí sáng tạo*, không để chuyện nuôi thân hủy diệt *ý chí sáng tạo*. Và, khi *cái đẹp* được hoàn tất trong cái túng nghèo của nghệ sĩ sáng tác ra nó, thì cái đẹp này mang theo thành tích chiến thắng của *lý-trí-chí sáng tạo*, làm thăng hoa *ý thức* và *nhận thức* trong lao động nghệ thuật. Nếu cái đẹp tới từ đây, thì cái đẹp đã giới thiệu được một *thực tế khác*, mới xuất hiện, bao trùm hơn, sắc nhọn hơn cả *ba thực tế* cũ: cuộc sống không chỉ là các nhu cầu về lương thực và vật chất để thỏa mản bản năng. *Cái đẹp* chính là sức mạnh vượt lên các *thực tế tầm thường* của nhu cầu thường nhật, vì nó quá tầm thường nên *cái đẹp* tự cho phép vượt qua nó để cuộc sống trở nên *đáng sống vì cái đẹp!*

Mỹ thuật: sự liên kết giữa sáng tạo, lý luận và tư tưởng

Khi sáng tạo ra cái đẹp qua lao tác của nghệ thuật có khả năng tháo gỡ cấu trúc (*déstructuration*) các thói quen cũ, có kinh nghiệm của *tháo gỡ bố cục (décomposition)* các cách xây dựng cũ, với ý muốn *tháo gỡ tổ chức (déorganisation*) các định chế kỹ thuật và nghệ thuật cũ. Trong quá trình này, *mỹ học* nên tách một cách rất rõ ràng sự khác biệt giữa *sự hủy diệt (destruction)* là phá cho tan tành, với *tháo gỡ cơ cấu (déconstruction)* để xem xét lại các *khuyết điểm* đã làm nên *khuyết tật* của cơ cấu cũ, từ đó mới tính chuyện gắn ráp lại để tạo ra cái mới. Trong lao tác cũng như trong tuyên bố của các tác giả sáng tạo ra *cái đẹp*, cũng có hai thành phần khác nhau, giữa *sự hủy diệt (destruction) và sự tháo gỡ cơ cấu (déconstruction)* nói lên hai phong cách nghệ thuật, tạo ra hai loại *mỹ thuật quan* rất khác nhau trong sinh hoạt nghệ thuật. Tại đây, *mỹ luận* phải chú ý kỹ hơn nữa ba thành phần nghệ sĩ trong sáng tác:

- *Thành phần thứ nhất*, chỉ lấy sáng tác để nói lên nghệ thuật của mình.
- *Thành phần thứ nhì*, có diễn luận và giải luận qua lý luận do chính họ tạo ra.
- *Thành phần thứ ba*, vừa có sáng tác, vừa có lý luận, lại có thêm tư tưởng riêng để minh chứng *sự liên kết* giữa sáng tạo, lý thuyết và tư tưởng. Nếu quần chúng, xã hội và chuyên môn công nhận, tôn vinh *sức liên kết* này thì họ chính là các nghệ sĩ không những *tài* mà *lớn* của nhân loại. Trong văn học, ta thấy có Hugo, trong thi ca thấy có Char, trong âm nhạc ta có Bethoveen, trong hội họa có Picasso, trong điêu khắc có Giacometti…

Cái đẹp tháo gỡ *bản thể*

Cái đẹp có thể mang ngay trên thượng nguồn của nó là *sự tái tạo lại* thiên nhiên, cảnh quan, hình thể… tức là bắt đầu thay đổi bằng bố cục của hệ *thực (thực tế, thực tiễn, thực trạng)*, từ đây kẻ sáng tác *hoán, chuyển, thay, dời* các phần tử của cơ cấu cũ để tạo ra một bố cục mới, có lúc kẻ sáng tác giả này *xiết, vo, bóp, nắn* lại chính các phần tử của cơ cấu để tạo hẳn một hình thể khác, khác xa với cái thực thường thấy. Tại đây, *mỹ học* có thể đi vào phân tích các sáng tác nghệ thuật qua *quá trình thay đổi bản thể*, từ hình thức tới cả nội dung. Chính *bản thể học (ontologie)* chủ đạo định nghĩa để hướng dẫn túc từ, làm nền cho *chủ từ* trong truyền thông, thí dụ khi ta thốt lên: *ánh sáng ở đây quá đẹp*! Bản thể này còn làm gốc cho *chủ thể* trong hành động khi ta phán quyết: *người hùng này rất can đảm!* Vậy mà, lịch sử nghệ thuật thường là quá trình xem xét lại bản thể, mà còn là lịch sử của sự *thay ngôi, hoán vị bản thể*: sáng tạo là sáng tác lại bản thể! Chuyện này đã rõ khi *phái ấn tượng* chối bỏ *phái hình thể*, ngay sau đó Picasso rời bỏ cả hình thể qua bản thể, buông bỏ cả ấn tượng qua màu sắc, để tạo ra một nghệ thuật tạo hình không bản thể và không ấn tượng. Gần xa, đây cũng là con đường nghệ thuật của điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, trong nghiên cứu của tôi về các sáng tác của Bà trong 20 năm cuối thế kỷ qua tại Paris: Bà sáng tạo ra các khuôn (module) mới vừa để gạt các cấu trúc bình thường của bản thể, vừa tạo ra các chủ đề trong đó cái đẹp có *bản thể mới* từ cấu trúc tới nội dung. Từ đây, sáng tạo được hình thành bởi nhiều khuôn, và mỗi lần hoán vị các khuôn thì sẽ có một chủ đề mới; như vậy các khuôn do Bà tạo ra là *ngữ vựng* của một loại ngôn ngữ trực quan, và chủ đề chính là *ngữ pháp* của Bà, tạo ra *ngữ văn* đặc thù của Bà làm nên tư tưởng riêng trong sáng tác của Bà.

Mỹ quan mới qua *truyền cảmmới, truyền thông mới, ngôn ngữ mới*

Cái đẹp trong nghệ thuật là tái tạo lại *ngôn ngữ mới* để tạo ra một *truyền thông mới* bằng *truyền cảm mới,* chưa có trong thông tin bình thường của sinh hoạt xã hội, đây chính là ngôn ngữ của sáng tạo nghệ thuật luôn muốn *thay đổi trực quan*, bắt nó phải dừng lại để ngắm nhìn, chiêm ngưỡng, thấu hiểu *cái đẹp mới* bằng một *mỹ quan mới*. Trong đó, cái đẹp mới giới thiệu cảnh quan, con người, hình thể… qua các *chấm* (phái chấm trong hội họa), qua các đường *gạch* (phái đường gạch trong hội họa) tạo ra *ngôn ngữ riêng cho mỹ quan*. Sinh hoạt nghệ thuật từ sáng tác trong thơ văn, tới sáng tạo trong hội họa và điêu khắc, từ nghệ thuật nhạc tới nghệ thuật kiến trúc, luôn quan niệm các cơ cấu có sẵn chính là các *ngõ cụt*, đang giam lỏng trí tuệ sáng tạo. Như vậy, *lý trí của sáng tạo* là phải tìm cách thay đổi cấu trúc của các định chế đã có sẵn, mà bắt đầu là công việc thay đổi các phần tử đã tạo nên hình thể, nên dáng vóc của các định chế đó. Sinh hoạt nghệ thuật của thế kỷ XX là những diễn biến sôi nổi về việc sáng tạo ra các mỹ quan mới, lúc đầu có Braque, Léger, Picasso và sau đó là Hartung, và diễn biến liên hồi cho tới kinh nghiệm của Soulage là chỉ dùng *màu đen* trong hầu hết các sáng tác của ông, và họa sĩ tìm mọi cách để kẻ thưởng ngoạn các tác phẩm của ông phải thấy được các *ánh sáng mới* rất sáng tạo trong cái đen nghịt trong các sáng tác của ông.



Theo Soulage

Mỹ thuật mới là con đường mới: *phải tự tìm đường mà đi!*

Cái đẹp mới của sáng tạo nghệ thuật thường tìm cách xa lánh các cái đẹp cũ, rất hài hòa, từ kinh nghiệm của Hy Lạp cổ tới giai đoạn được gọi là tái sinh (rennaissance) trong đó nghệ thuật của Ý đóng vai trò tiên phong trong cả thế kỷ 18 và 19. Xa lánh vừa để lách tránh, vừa để *«vắt óc và xiết tâm»* đi tìm *con đường mới*, làm ra một *mỹ thuật mới*, không còn chịu áp lực, chịu ảnh hưởng của *sự bắt-buộc-phải-hài-hòa*, nó chống lại chuyện này vì đây là khuôn mẫu làm nên mô hình đang đóng kín sáng tạo trong một loại nhà tù tư duy là phải đi trên *quốc lộ hài hòa*! Trong khi đó sinh hoạt sáng tạo mỹ thuật là sinh hoạt *sinh động để chủ động*: *phải tự tìm đường mà đi!* Tức là phải vạch rừng tìm lối, vượt thác, băng đèo, xẻ núi để tới *cái đẹp mới*. Nếu không theo quá trình này mà làm ngược lại là *sao chụp* các cái đẹp đã có sẵn thì không phải là sáng tạo!

Lao tác tiếp nhận *ngẫu nhiên*

Mỹ thuật khi đi tìm *cái đẹp mới*, sau khi tháo gỡ, tránh xa *cái đẹp cũ* để tự tìm đường mà đi, nhưng không chối bỏ các vốn liếng, các kinh nghiệm mà cái đẹp cũ đã trao tặng cho mình. Từ đây, kẻ sáng tác như *«độc thân, độc mã»* trên con đường do chính mình vạch ra: tìm ra ! *Con đường mới* này đi để tìm cho ra *mỹ thuật mới*, có thể tới từ lao tác nghệ thuật, có thể tới từ sự *ngẫu nhiên*. Nhưng khả năng tiếp nhận mọi ngẫu nhiên luôn dựa trên *tài năng* của *chủ thể sáng tác*, luôn dựa trên *khả năng sáng tạo* của kẻ sáng tác khi *thấy, biết, hiểu, thấu* là ngẫu nhiên từ đâu tới? Trong bối cảnh nào? Trong tình huống nào? Trong thực trạng nào? Tại đây, có *sự nhạy cảm* của kẻ sáng tác, đây cũng chính là *trí năng* của họ đã cảm nhận được, đã xúc cảm được trước *cái ngẫu nhiên* trong khi bao kẻ vô tài, lãnh cảm thì lại thờ ơ, dửng dưng, lạnh nhạt với ngẫu nhiên đó. Trong quá trình sáng tạo, *lao tác (qua lao tâm và lao trí)* của kẻ sáng tác luôn dọn đường cho ngẫu nhiên tới để tiếp nhận nó *đúng lúc, đúng thời, đúng nơi, đúng chỗ*. Tại đây, *mỹ luận* về quá trình đi tìm cái đẹp mới phải phân tích cái ngẫu nhiên như *tiềm năng* của hệ *cảnh (bối cảnh, thực cảnh, tâm cảnh)* chỉ chờ hệ *lực (tiềm lực, trí lực, tâm lực, ý lực làm ra sung lực, hùng lực, mãnh lực trong sáng tạo)* của nghệ sĩ biết đón nhận nó, biết khai thác cái được gọi là *ngẫu nhiên*.

Cái đẹp mới là *chất sống mới*: vực dậy *cái chưa dậy!*

Chính *chất sống mới* trong lao tác nghệ thuật nói lên được *chất sống mới* trong *cái đẹp mới* vừa được trình bày trước công chúng, và trong chất sống tự nó đã mang theo một *đạo lý* lấy *cái đẹp mới* của sáng tác nghệ thuật để *làm mới cái đẹp chung* cho *nhân sinh, nhân thế, nhân tình, nhân loại*. Cái đẹp mang *chất sống* vào *sự sống*, nó mang *sinh khí mới, sung lực mới* không những cho mỗi tư duy cá nhân mà cho cả sinh hoạt tập thể, đời sống cộng đồng, nó còn có thể mang hùng lực làm thay đổi xã hội. Vì vậy, trước mọi cuộc cách mạng hay mọi cải cách, chính giới thường van xin (có khi là van lạy) các nghệ sĩ phải cho ra đời những *«bản thiên anh hùng ca»* qua nhạc, qua thơ, qua văn, qua họa, qua điêu khắc… Chính *sinh khí mới, sung lực mới* trong *chất sống mới* qua *cái đẹp mới* đánh thức cái thụ động, cái ù lì, cái ê chề trong thảm trạng của một tập thể, trong thảm cảnh của một cộng đồng, trong thảm họa của một dân tộc. Kết quả cụ thể có trong các bài *quốc ca* của các dân tộc, nó đánh thức cái đang ngủ, nó dựng thân cái bất động, nó dựng đầu cái bi lụy, nó *vực dậy cái chưa dậy!* Bài Tiến quân ca của nhạc sĩ Văn Cao đã đóng vai trò này tại Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân thế kỷ XX.

Cái đẹp: lý tưởng sống mới

Nếu *cái đẹp* mang tới một *sức sống mới*, tức là nó mang lại một *sinh khí mới*, và khi kẻ thưởng ngoạn nhận ra là *cái đẹp* tạo ra được thích thú mới, hào hứng mới, sảng khoái mới, kể cả khoái lạc mới, tựu chung là *chất sống mới*, thì chính sự sống của kẻ thưởng ngoạn đang và đã được thay đổi. Vì dường như lao tác nghệ thuật trong sáng tạo là lao công, lao lực, lao tâm, lao trí… để đi tìm *lẽ sống mới*! Đây là chuyện mà cơ chế không thúc đẩy được, xã hội không giúp gì được, kể cả luân lý cũng không kích thích được. Như vậy *mỹ học* nên nghiên cứu thêm và *mỹ luận* nên lý luận thêm: trong sáng tạo nghệ thuật, *cái đẹp* tự nó mang theo một *lý tưởng sống* để tôn vinh *chất sống* đang ẩn nấp trong *chất người*, nó nói lên theo một hoài bão để thăng hoa *sức sáng tạo vô hạn trong sức người vô định*. Định đề này hoàn toàn không mơ hồ, chính lao tác nghệ thuật là sự vượt qua: khó khăn, ngõ cụt, khốn khổ, mệt mỏi, đuối sức, kiệt lực… của nghệ sĩ phải *«sống chết»* với nghệ thuật của mình, để *cái đẹp* được sáng tạo và được công nhận. Và, khi mọi người công nhận nó, thì người ta đặt tên cho nó là vĩnh hằng, là trường cửu…

Cái đẹp của *sáng*
(sáng kiến-sáng chế-sáng tạo)

Cái đẹp tới *sự tự do trong sáng tạo*, mà kẻ sáng tác có *tự chủ* để tự cho phép mình *cắt, xẻ, chẻ, chia* những cái đẹp cũ đã được công nhận, kể cả *tháo, gỡ, tách, phân* chính *cái mỹ quan* của quần chúng, kể cả của chuyên gia phê bình nghệ thuật trong *độc đạo* của *«ngựa quen đường cũ»*, với phản xạ là cứ theo *đường mòn* mà đi. Từ đây, *mỹ học* sẽ nhận ra bản chất của sự tự do trong sáng tạo này :

- Nó chống lại chuyện *đóng cửa* vì nó muốn ngược lại:
  mở cửa để mở cõi.
- Nó chống lại chuyện *đoàn kết hòa hợp* để bị đóng khung:
  nó phá khuôn để phá mẫu.
- Nó chống lại *chuyện hòa thuận* để bị quấn xiềng trong trí:
  nó loại thỏa thuận để loại thỏa hiệp.

Chính *ba đối kháng* này là *chất kích thích, chất xúc tác*, làm nên động cơ của mọi vận hành trong sáng tác nghệ thuật trên quỹ đạo đi tìm *cái đẹp.* Đối kháng để lấy *sáng kiến*, có sáng kiến rồi mới vào *sáng chế*, khi sáng chế đã hoàn thiện trong mỹ mãn và được nghệ thuật công nhận thì đó là: *sáng tạo!*



Với phái Thiên Chúa giáo tại Arras

Cái đẹp chống *cân bằng, thăng bằng, công bằng*

Cái đẹp mới sinh ra để tồn tại không những trong *sự sống mới*, mà cả trong *chất sống mới*, không những qua một tư duy *sáng tác mới* mà qua cả *mỹ thuật mới*. Chính *cái đẹp mới* sinh ra để tồn tại lâu dài trong *an nhiên tự tại* bất chấp thời gian; nó có mặt để chống lại cái *bất di bất dịch*, vì cái *bất động* đã bị nghệ sĩ sáng tạo ra *cái đẹp* coi như là đã bị: *bất tỉnh* rồi! Và, *đường mòn, thói quen, phản xạ…* đều bị kẻ sáng tạo xem là *bất động* và *bất tỉnh*, vì *cái đẹp mới* không để cho định chế định vị nó, không để cho cơ chế cơ giới hóa nó. *Cái đẹp* tự tại trong hiển nhiên! Sự *cân bằng* trong *thăng bằng* giả dạng là *công bằng* để xếp chỗ sáng tác, xếp loại sáng tạo, xếp hạng cái mới đều đáng bị chống bởi nghệ sĩ đang đi tìm *cái chưa có, cái chưa thể hiện, cái chưa ra đời*. Chủ ý của sáng tác và sáng tạo là chống hệ *bằng (cân bằng, thăng bằng, công bằng giả)* bằng cách thay đổi không những *mỹ quan* mà cả *nhân sinh quan* qua *nhân cách* tiếp nhận *cái đẹp*.

Cái đẹp: tự do, tự chủ vì tự tin

Cái đẹp luôn tìm cách *ở ngoài* các cái bị xếp hạng, được xếp loại, nó ra đời để *đứng ngoài* mọi ý muốn *hội nhập*, vì nó không có ý định *nhập hội*, nó lại càng tránh chuyện *«đồng hội, đồng thuyền»*, theo lối *«cá mè một lứa»* của sáng tác hàng loạt, sáng chế hàng kho. *Cái đẹp* muốn *đi riêng* vì nó muốn *sống riêng*. Khi *cái đẹp* ra đời và đã được công nhận thì tự nó đã *trưởng thành* rồi, nó không cần ai *dắt tay, chỉ đường, dẫn lối* cho nó nữa! *Cái đẹp* giữa sinh hoạt nghệ thuật, khẳng khái để khẳng định là nó có ít nhất ba tự do :

- Tự do đi lại
- Tự do tồn tại
- Tự do khai sáng…

Chính *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ học, mỹ luận* phải bảo vệ ba tự do này của *cái đẹp!* Phải nói cho rõ là *cái đẹp* không đòi hỏi được đứng ngoài cuộc sống, nó muốn đứng và muốn sống giữa cuộc sống bằng *tự do, tự chủ* của nó. Vì khi nó thật sự được công nhận, *cái đẹp* đã mang nội công, bản lĩnh, tầm vóc của *tự tin* rồi !

Cái đẹp từ *ý tưởng riêng* tới *vũ trụ riêng*

Cái đẹp mới trong sáng tạo nghệ thuật luôn mang theo tư tưởng của kẻ sáng tạo, nếu định nghĩa tư tưởng là kết quả từ *ý tưởng* tới *cấu trúc* để thể hiện tác phẩm qua: tư duy riêng, phương pháp riêng, tri thức riêng của kẻ sáng tạo. *Tư tưởng* bắt đầu bằng sự ra đi để rời xa: cái đã cũ, cái đã thể hiện, cái đã thấy, cái đã trưng bày, để tìm tới một cái chưa có, chưa thể hiện. *Cái đẹp mới* trong *chủ đề mới* lẫn *kỹ thuật mới*; và mới ngay trong thượng nguồn ý tưởng tới hạ nguồn trong lao tác nghệ thuật. Ra đi để minh chứng là *không muốn, không cần, không mong, không đợi* gì ở cái đẹp đã cũ (dù rất đẹp). Trong hội họa có hai trường hợp về cách tạo hình trên đường đi tìm *ý tưởng riêng* để tạo cả một *vũ trụ riêng* tạo hình cho mình: trường hợp thứ nhất của Dégas chuyên họa các vũ công opéra, trường hợp thứ nhì của Toulouse-Lautrec chuyên vẽ về sinh hoạt các phòng trà, các nơi văn nghệ đêm. Trước và sau Dégas đã có người vẽ về các vũ công, cũng như trước và sau Toulouse-Lautrec đã có người vẽ về các hộp đêm, nhưng họ không vào hệ *chuyên (chuyên môn, chuyên nghiệp, chuyên tài)* để nuôi hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)*. Các tác phẩm của hai danh họa này là cả một vũ trụ vừa sinh động, vừa đặc sắc, vừa đầy chất sống, vừa đầy đặc thù. Như vậy là có những cái đẹp: vừa đẹp từ tác phẩm, lại vừa sáng tạo ra một vũ trụ rất-đẹp-và-rất-riêng luôn được trân trọng và quý yêu bởi quần chúng.

Cái khác tự do hơn, cái riêng tự chủ hơn

Trước các nguyên tắc cứng nhắc, thì sáng tạo nghệ thuật chọn *cái cởi mở* để dễ cởi bỏ cái cứng đơ ! Trước các khẩu lệnh tuyên truyền độc đoán thì sáng tạo nghệ thuật chọn cái *đa chiều* để thăng hoa cái *đa dạng,* cùng lúc chế tác ra cái *đa thể,* có kết quả qua cái *đa chuyên* để chống khuôn khổ, để chống khuôn mẫu. Như vậy, *mỹ học* có thể nghiên cứu thêm: khi kẻ sáng tác đi tìm *cái đẹp mới* tức là hắn đang đi tìm *cái khác tự do hơn, cái riêng tự chủ hơn*. Từ đây, *mỹ luận* cũng nên đào sâu một lập luận mới là: *cái khác tự do hơn* đang *ở ngoài* xã hội mà kẻ sáng tác đang sinh sống; *cái riêng tự chủ hơn* đang *ở xa* cái cộng đồng mà kẻ sáng tạo đang sinh hoạt. *Cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa* được kích thích bởi *cái tự do* đang leo thang (đã tự do rồi thì phải tự do hơn), được kích động bởi *cái tự chủ* (cũng lên thang đã tự chủ rồi thì phải tự chủ hơn). Cả *mỹ học* lẫn *mỹ luận* phải đi tới một định đề khác rất năng động trong sáng tạo nghệ thuật: quá trình lao tác của sáng tạo luôn có *mối quan hệ* giữa *cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa* trong tư duy của kẻ sáng tạo và *cái tự do, cái tự chủ* trong hệ *quyết (quyết tâm, quyết chí, quyết định, quyết đoán)* của kẻ sáng tạo, nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm về tác phẩm của mình.

Cái đẹp: *cô lẻ* để *cô đọng*

Nếu có một sự nghiệp sáng tạo của các nghệ sĩ trong đó *chữ tài liền với chữ tai một vần* (Nguyễn Du), thì ta có hai thí dụ, trong hội họa có lẽ là Van Gogh, và trong thi ca dường như là Hàn Mặc Tử. Không những *cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa* có mặt trong sáng tác của họ mà có mặt luôn trong cuộc sống xã hội của họ, Van Gogh thì cái túng quẫn sinh ra cái trầm cảm, Hàn Mặc Tử cái nan bệnh sinh ra cái ruồng rẫy. Cả hai đều có *ý tưởng vừa lạ vừa hay*, để có *sáng tạo vừa đẹp, vừa riêng*, nhưng cả hai không được xã hội đương thời công nhận. Cả hai có đầy đủ hệ *lực (tiềm lực, sung lực, hùng lực)* để thăng hoa trong hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)* nhưng cả hai không được đồng nghiệp thừa nhận trong chính hệ *năng* (*tiềm năng, khả năng, tài năng)* vượt trội của họ so với các nghệ sĩ cùng thời. Như vậy, *mỹ thuật* phải chú ý hơn là họ sống thường xuyên với *cái khác, cái riêng, cái ngoài, cái xa* ngay trên đất nước của họ, ngay giữa đồng bào của họ. Từ đây, *mỹ luận* phải diễn luận thêm là *cái tự do, cái tự chủ* vừa nuôi sống và vừa *cô lập* họ trong hệ *cô (cô đơn, cô độc, cô liêu)*. Chính đây vừa là *hằng số*, vừa là *ẩn số* của sáng tạo, nơi mà có sự *giao nối* giữa ba hệ: *lực (tiềm lực, sung lực, hùng lực); sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo); cô (cô đơn, cô độc, cô liêu)*. Và, *mỹ luận* phải nhận ra một chuyện thật hay là *cái cô lẻ* của kẻ sáng tạo luôn chống lại *cái đơn điệu* trong lao tác nghệ thuật: đây là chân lý của nghệ thuật! Giữa *cái cô lẻ để cô đọng* trong tác phẩm, ngược lại *cái đơn điệu* vì *đơn phương,* cả Van Goch lẫn Hàn Mặc Tử, cả hai đã chọn: *cô lẻ để cô đọng*.

Với



Hartung

Cái đẹp: cái thao thức, cái đau đáu

Cái đẹp khi thể hiện trước mọi người, nó có thể giới thiệu các *kỹ thuật nghề nghiệp* mà nó áp dụng từ vật liệu tới màu sắc, nó cũng có thể phơi bày các *kinh nghiệm chuyên nghiệp* mà nó ứng dụng vào tác phẩm, nhưng *mỹ quan* chờ đợi nó qua *nội chất của tác phẩm*, tại đây: *sáng tạo là sáng tạo!* Vì, *cái đẹp sáng tạo* không lặp lại, không sao chụp, nó mới từ trong ra ngoài, từ nội dung tới hình thức. Có một phân tích mà *mỹ học* nên đeo đuổi khi nhận xét và phân tích là *cái đẹp sáng tạo* không nêu lên *cái ta đây* của tác giả, mà *cái đẹp* phải đủ tầm, đủ lực để diễn tả *cái ta thế nào* của tác giả qua tác phẩm. Cụ thể thì *cái ta đây* thích phô trương qua *tính từ* và *trạng từ* trong *cái tôi cá nhân*; còn *cái ta thế nào* là nhân cách thành thật của các *động từ*, kể lại một quá trình lao tác nghệ thuật qua hệ *công (công sức, công lao, công tâm)* của tác giả, nơi mà tác phẩm là một bằng chứng hiển nhiên. *Cái ta đây* trong *cái tôi cá nhân* thường mang cái kiêu căng, cái ngạo mạn, nó *«vỗ ngực tự xưng»* trước mọi người nhưng nó có thể chỉ là *«thùng rỗng kêu to»*. Còn *cái ta thế nào* qua *công sức* miệt mài của sáng tạo, qua *công lao* ngày ngày sáng tối của tác giả nhập thân vào công việc sáng tác, qua đó có *công tâm* của kẻ sáng tạo đã *«mất ăn, mất ngủ»* trên chính sáng tác của mình. Chính hệ *công (công sức, công lao, công tâm)* giúp *mỹ học* và *mỹ luận* nhận ra không những tài năng của tác giả, mà còn là *cái thao thức, cái đau đáu* của tác giả này khi sáng tạo ra *cái đẹp*.

Sáng tạo: vượt thoát mọi thước đo!

Cái đẹp mới trong sáng tạo nghệ thuật là kết quả lao tác của nghệ sĩ sáng tạo ra nó, trong lao tác này kẻ sáng tạo tự tạo ra ranh giới trong lãnh thổ sáng tạo của mình, nơi mà ranh giới và lãnh thổ của các cái đẹp cũ không còn được tuân theo. *Cái đẹp mới* chính nó tạo ra *ranh giới mới* và *lãnh thổ mới* riêng cho nó, tại đây nó đổi các định nghĩa về *hình, dạng, dáng, thể* bình thường qua một mỹ quan mới, có thể là bất thường, có thể là dị thường đối với nhãn quan tầm thường. Và khi *cái đẹp mới* được công nhận là đẹp, thì nó có *hình, dạng, dáng, thể* riêng của nó, mà không bị xem là quái đản, dị hợm… *Mỹ học* nên phân tích thêm ở đây: *quyền lực sáng tạo nghệ thuật* chống lại *quyền hạn của các tiêu chuẩn, tiêu chí* trong định nghĩa thế nào là *vĩ mô* ? Thế nào là *vi mô* ? Cụ thể là kẻ sáng tạo tự cho phép mình trong sáng tạo: biến *vĩ mô* thành là *vi mô*, và ngược lại hóa *vi mô* ra *vĩ mô*. Tại đây, *mỹ luận* phải nhận ra cái khác biệt giữa dữ kiện khách quan trong cuộc sống và *mỹ quan chủ quan của kẻ sáng tạo*, để thấu rõ một khác biệt nữa giữa khoa học có các thước đo khách quan qua tính toán và nghệ thuật dùng cách đo lường riêng của nó: loại *thước (không) đo* của mỹ thuật. Từ *mỹ thuật* của kẻ sáng tạo, *mỹ học và mỹ luận* phải giải luận một hệ vấn đề khác sâu hơn: *sáng tạo là vượt thoát mọi thước đo!* Cái đẹp cũ của hình thể cân đối toàn mỹ trong điêu khắc cổ Hy Lạp từ bao thế kỷ bao trùm lên tất cả các mô hình mỹ quan của Âu châu không những không còn được tuân theo, mà còn bị *«tạm quên»* của sáng tạo hiện đại.

Năng động tính của sáng tạo

Cái đẹp trong sáng tạo nghệ thuật không đi tìm *cái giống hệt, cái trùng khớp* chỉ là kết quả của lao công không sáng tạo, ngược lại nó đi tìm: các tác động tạo ra tác phẩm! *Cái đẹp* tác động lên *mỹ quan, mỹ thuật,* kế đó là lên *mỹ học, mỹ luận*, tiếp theo là trên *nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan*, và cuối cùng là trên *nhân sinh, nhân tình, nhân thế*, trong đó *nhân lý, nhân tri, nhân trí* đã được thay đổi thăng hướng thăng hoa! *Cái đẹp* kể một *câu chuyện mới*, tự trình một *lịch sử mới* trong nghệ thuật, tạo một *thể loại tự truyện mới* về sự cố nghệ thuật, trong đó nội chất của cái đẹp mới chính là *chất sống mới* mang *cuộc sống mới* làm mới sinh hoạt nghệ thuật vị mỹ thuật. Nếu *cái đẹp* mang lại một *sức sống mới*, thì nó cũng mang lại một *sức hoạt náo mới* làm cho cái ngủ phải thức, cái gục phải dậy, cái nằm phải đứng, cái ù lỳ phải vận động… nếu không sẽ bị *thụ động* trong *bất động*, tức là ngược lại với *năng động tính của sáng tạo*.

.

Thông điệp sống ngầm của cái đẹp

Cái đẹp được hình thành trong khám phá nghệ thuật mang tên gọi là *sáng tạo*, nhưng chính nghệ sĩ sáng tạo ra nó cũng chưa chắc thấu triệt toàn bộ hành trình của nó, từ khi bắt đầu tới khi hoàn tất. Tại đây có vai trò của *tiềm thức* khi nhận những ảnh hưởng tới từ các nghệ sĩ khác. Và, *phân tâm học* sẵn sàng sử dụng phạm trù *vô thức* để tìm hiểu các diễn biến trong tư duy sáng tạo của nghệ sĩ. Gần đây, *tri thức luận* dựa vào các kết quả của *não bộ học* để giải thích công việc của khu vực mỹ thuật trong não bộ có vai trò trọng yếu trong cách tiếp cận *mỹ thuật*, qua đóng góp nghiên cứu của Dejeune. Nhưng công việc phân tích của *mỹ học* vẫn phải tiếp tục trên quỹ đạo của *cái đẹp* đưa *tính hiện đại* vào *hiện tại*, để làm ngược hoặc để chống lại *sự hiện diện* của thói quen cổ điển. Cái đẹp đưa ra trong sinh hoạt nghệ thuật và nhân sinh một định nghĩa mới về thế nào là *sự thật*? Cùng lúc khẳng định *sự thật* luôn *ở số nhiều* trong hệ *đa* (*đa tài, đa năng, đa hiệu, đa lực, đa trí).* Tại đây, *mỹ luận* có thể đóng góp một lập luận lạ tới từ triết học của Nietzsche: *«Nous ne croyons plus que la vérité reste vérité sans ses voiles, nous avons trop vécu pour cela »* (lời giới thiệu trong tác phẩm *Gai savoir)*: *chúng ta không còn tin là* sự thật *tồn tại như* sự thật, *nếu nó không còn các màn che cho nó, chúng ta đã sống nhiều về chuyện này rồi!* Như vậy, *cái khó phân tích* không nằm trong *mỹ quan* về *cái đẹp (cái đẹp đẹp quá!)* mà trong *mỹ luận* khi nó lý luận là *cái đẹp mới* giới thiệu một *chủ đề mới* như để phơi bày một *chủ thể mới*, qua một *tác phẩm mới* hiển hiện như một *bản năng mới*, làm cho con người có ít nhất ba ngạc nhiên: *nó vừa đẹp, vừa mới,vừa lạ*. Cái khó giờ lại càng khó hơn khi *mỹ luận* phải giải luận là ngoài *hình thức diễn đạt* cái đẹp như *chủ đề mới, chủ thể mới, tác phẩm mới, bản năng mới* thì còn có cái gì còn *ẩn giấu* bên trong cái hình thức này hay không? Đây chính là *sự thông minh của sáng tạo*, khi người nghệ sĩ phải dùng *ẩn ngữ, mật ngôn, lý chìm, luận kín* để trao tới kẻ thưởng ngoạn, người thưởng thức những *thông điệp sống ngầm* của *cái đẹp* đang bị hệ *độc* (*độc tài, độc trị, độc quyền, độc tôn, độc đảng*) kiểm duyệt để vùi dập. Văn nghệ sĩ Việt Nam có nhiều kinh nghiệm về cách dụng *ẩn ngữ, mật ngôn, lý chìm, luận kín* này, trong hội họa có Bùi Xuân Phái, trong thi ca có Hoàng Cầm, trong truyện ngắn có Nguyễn Huy Thiệp…



Với Soulage

Sức bật buông bỏ để *dứt khoát thoát thân*

Cái đẹp được hoàn tất sau khi nó *đủ tâm, đủ trí, đủ lực* tạo ra *cái thoát thân* cho chính nó trong hệ thống nghệ thuật và xã hội mà nó đang lao tác và đang sinh sống, vì nó luôn tìm cách *đi ra ngoài cái toàn diện* đang có, để tìm đến một tương lai chưa có cho chính nó. *Mỹ học* có thể gọi đây là *sức bật của sự buông bỏ*, bỏ *cái toàn diện* đang ngự trị trên vạn vật, chính đây là *sự thông minh của sáng tạo* qua tác phẩm để xem xét, đánh giá, phẩm định lại hiện tại, nơi mà kẻ sáng tạo tự cho phép qua *cái đẹp mới và riêng*, nói lên hoài bão, ước nguyện của mình về tương lai không những cho nghệ thuật, mà cả cho nhân sinh. Chính *sức bật của sự buông bỏ*, không hề thụ động này, là *giàn phóng* tạo ra *sự dứt khoát thoát thân*, sẵn sàng chấp nhận sự rạn nứt ngay trong mỹ quan cũ, ngay trong sự nổi loạn về mỹ thuật để có *một ánh sáng mới, một âm hưởng mới, một văn phong mới, một giai điệu mới*. Klee xem nghệ thuật như là khả năng tạo ra các *rạn nứt* ngay trong hệ thống mỹ thuật, của xã hội, của quần chúng. Vì, từ các *rạn nứt* này sẽ xuất hiện những *dạng, hình, thể, dáng mới*, hơn thế nữa sẽ xuất hiện *trí, tâm, chí, lực mới*.

Cái đẹp muốn-vượt-để-thoát

Cái đẹp được tới với con người không phải để thỏa mãn *cái sướng mắt* trong hội họa, *cái sướng tai* trong âm nhạc, *cái sướng tâm* trong thi ca hay văn học, vì nó không được sáng tạo ra để thỏa mãn cái thị hiếu đang được ca tụng trong sinh hoạt xã hội dễ dãi. Mà *cái đẹp* tới để làm thay đổi *cái sướng mắt nhẹ nhàng*, biến đổi *cái sướng tai êm ả*, chuyển đổi *cái sướng tâm thong dong*, cụ thể là nó làm xáo trộn các phương trình nghệ thuật hài hòa và ổn định, để tìm cái mới trong lý trí, cái hay trong tình cảm. Đừng bắt *cái đẹp mới* phải chết cứng trong các cái dịu dàng, cái êm thắm, cái nhẹ nhàng! Kết quả của sáng tạo *cái đẹp* là kết quả của *cái rung để chuyển, cái chuyển để hóa, cái vượt để thoát!* Từ đây *mỹ học* hiểu ra tại sao các vật thể trong tranh của Cézanne như muốn tuôn ra ngoài khung tranh, chúng như muốn đi, muốn chuyển, *muốn-vượt-để-thoát*, mà từ hình dạng tới bố cục mà không tuân thủ theo các tiêu chí hàn lâm viện trong giáo dục bình thường về họa cảnh trí.

Sung lực đi ra ngoài

Cái đẹp trong sáng tạo không phải là *cái được tái tạo*: thấy cảnh quan đẹp rồi vẽ lại cảnh quan, thấy thân thể đẹp rồi họa lại thân thể. *Cái đẹp* trong sáng tạo *diễn luận* cái đẹp cảnh quan qua *cảm quan*, cái đẹp thân thể qua *cảm nhận* của họa sĩ. *Cái đẹp sáng tạo* không tô lại *cái thực*, không đồ lại *cái đã có*, kể cả trong nghệ thuật nhiếp ảnh là thể loại nghệ thuật từ chối sao chụp lại nguyên bản, và như các ngành nghệ thuật khác, nó có sung lực sáng tạo biến tác phẩm trở thành công trình. *Cái đẹp sáng tạo* còn biết rời bỏ *cái chí lý* để đi tìm *cái chưa có lý;* cho nên *cái đẹp sáng tạo* không chỉ nói lên cái đẹp của *mỹ quan*, *mỹ thuật*, mà nó còn nêu lên được *sung lực đi ra ngoài* để ở bên ngoài, sống bên ngoài và tồn tại với thời gian ở ngoài tất cả cái tầm thường đang ở bên trong một thói quen, một phản xạ, một xã hội, một văn hóa.

(Tạm) kết:

Nhân tri xứng đáng với *nhân tính*, để *nhân mỹ* đáng xứng với *nhân phẩm*!

Cái đẹp trong sáng tạo chính là *một bài học* không những cho *mỹ thuật* mà cả cho cuộc sống. *Cái đẹp sáng tạo* không tô hồng cuộc sống, nên nó không phải là cảnh trí cho *nhân sinh*, là nội thất cho *nhân tình*, nó là *nhân tri* của *nhân tính*. Đây là câu chuyện chính của nghệ thuật: không phải sống chỉ để sống, mà *sống làm sao để cuộc sống trở nên đáng sống*, tức là vừa sống sao cho *đáng*, vừa sống sao cho *xứng*, tại đây *nhân tri* xứng đáng với *nhân tính*, để *nhân mỹ* xứng đáng với *nhân phẩm*!

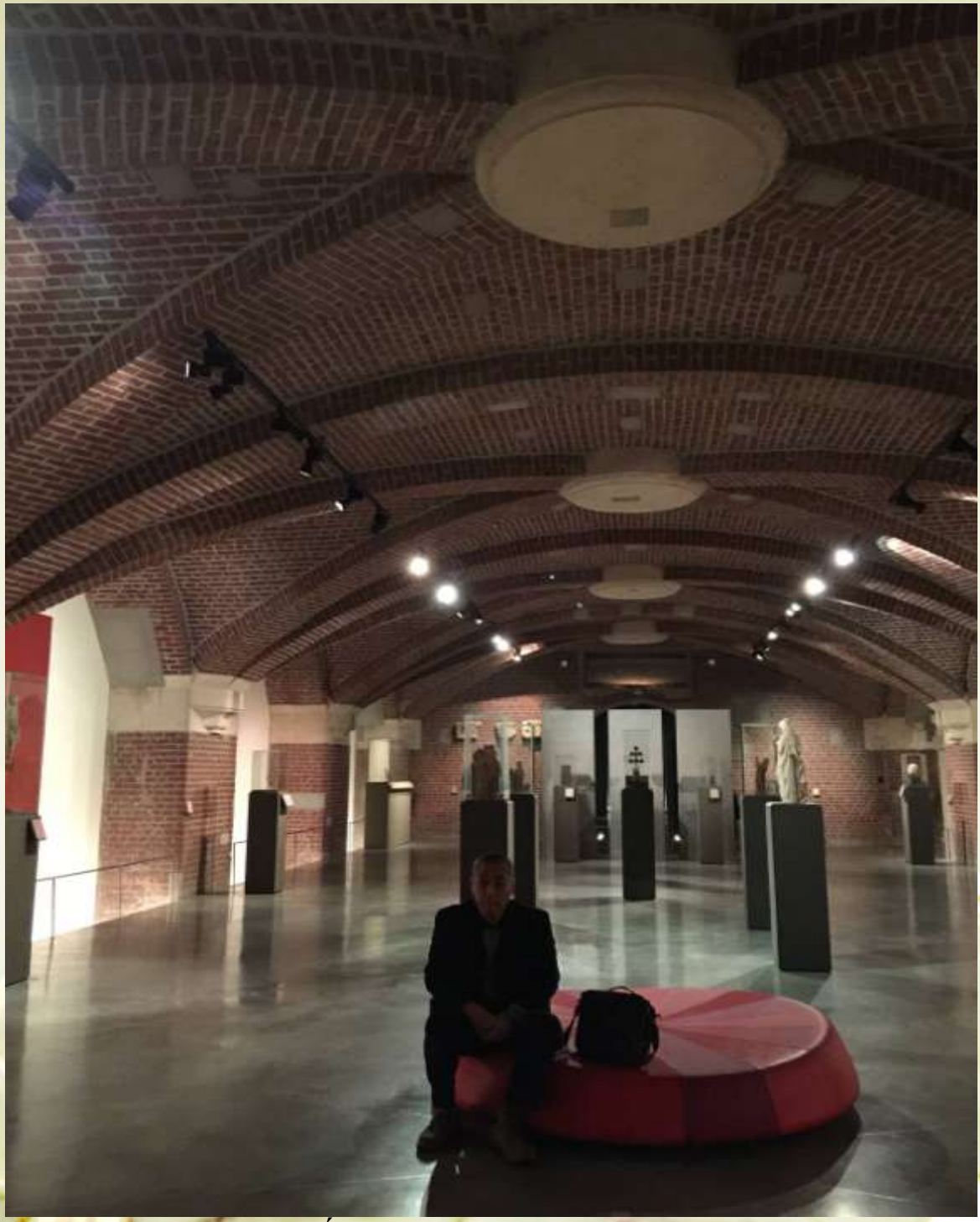

Với phái Thiên Chúa giáo bắc nước Pháp.

LÊ HỮU KHÓA



THUẬT LUẬN

(Nghệ luận nhập tuyệt luận)

NHÂN TRI SÁNG TÁC & NHÂN TRÍ SÁNG TẠO

Anthropol-Asie

Tác giả gửi lòng kính, phục, quý, thương tới các bậc thầy, bậc anh đã dẫn dắt tác giả tới con đường nghệ thuật có nhân vị trong nhân phẩm, có nhân văn trong nhân bản, có nhân tri trong nhân trí, có nhân tâm trong nhân nghĩa

NGUYỄN GIA TRÍ, ĐIỂM PHÙNG THỊ, THÁI TUẤN, BÙI GIÁNG, PHẠM DUY, TRỊNH CÔNG SƠN, THANH TÂM TUYỀN, TÔ THÙY YÊN, ĐINH CƯỜNG, NGUYỄN TRUNG, CUNG TIẾN…

M.BLANCHOT, A.BENECHOU, Y.BONNEFOY, P.BOURDIEU, A.BADIOU, J.DERRIDA, G.DELEUZE, G.GENETTE, F. JULLIEN, J.C.PASSERON, P.RICOEUR.

Bìa: tranh của họa sư NGUYỄN GIA TRÍ



MỤC

Dẫn

Thuật luận?
Tuyệt thuật không tuyệt đối
Nghệ thuật đâu chỉ đi tìm *cái đẹp*!

Giải

Tâm cảm & nghệ thuật
Tư tưởng & nghệ thuật
Nhân thuật & nghệ thuật
Thuật luận & nghệ thuật

Nghiệm

Vài nẻo đường Việt thuật
Nghĩ về bất, thất, vô
Thất nhân diệt thuật luận

Kết thuật & kết nghệ

Phụ bản về các triển lãm



Dẫn

Thuật luận?
Tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt tác

Tuyệt thuật không tuyệt đối

Nghệ thuật đâu chỉ đi tìm *cái đẹp*!



Thuật luận?

Tuyệt chiêu - Tuyệt phẩm - Tuyệt tác

Sau những năm dài tù rạt từ 1975 đến 1985 trong những miền xa xăm, mang tên *«trại cải tạo»*, thời khắc đó thì tôi từ phương Tây về lại Sài Gòn thường đến chào và thăm hỏi các bậc văn hữu đàn anh, các cuộc gặp gỡ thường là buổi tối và do họa sĩ Đinh Cường nhận liên lạc và thường được giữ kín, vì trùm phủ lên chúng tôi vẫn là một chế độ công an trị nơi mà bạo quyền bắt bớ cũng là tà quyền rình rập và ma quyền lén lút luôn dò tìm xem chúng tôi tâm sự với nhau những gì? Nội dung ra sao? Giá trị thế nào? Tư tưởng là gì?...

Và những năm tháng từ 1986 đến 1987 là những lần gặp gỡ vô cùng hứng thú cho tâm lực lẫn trí lực của tôi, nhất là được gặp và trò truyền với các thi sĩ của miền nam trước 1975, có lần trong một cuộc gặp gỡ tại nhà của Tô Thùy Yên, hè 1987, có Cung Trầm Tưởng, dĩ nhiên là có Đinh Cường, thì Thanh Tâm Tuyền thổ lộ một tâm sự mà anh suy nghĩ từ lâu, những năm tù đày gọi là «cải tạo», thì anh càng suy nghĩ sâu hơn. Anh Tâm vừa giải thích vừa giải luận là: *nghệ thuật* thì đã vượt lên *kỹ thuật*, nhưng trong nghệ thuật chính người nghệ sĩ là kẻ sáng tạo còn muốn vượt luôn nghệ thuật đã và đang có, để tới một trình độ sáng tác ra những tác phẩm hoàn toàn mới và lạ. Nếu những sáng tác mới và lạ này được công nhận vì nó đã thuyết phục được (vì nó đã cướp hồn) người thưởng ngoạn thì nên gọi nó là «*ma thuật*!». Anh Tâm lấy nhiều thí dụ, anh ngừng lâu trên trường hợp của Picasco, chúng tôi nghe anh tâm sự, nhưng không ai có ý kiến thêm về chuyện này trong buổi gặp gỡ tại ngôi nhà của Tô Thùy Yên.

Riêng tôi thì cứ thắc mắc từ đó đến nay, và tiểu luận này kể lại những thắc mắc của tôi. Về ngữ pháp, thì tôi có lần tâm sự với anh Tâm qua điện thoại khi anh ấy đã tới Mỹ, là tôi xin dùng cụm từ: *tuyệt thuật* thay cho từ *ma thuật.* Mà định đề để định nghĩa giúp chúng ta định luận là: một tác phẩm hoặc một sự nghiệp nghệ thuật *tuyệt vời* trong *tuyệt hảo* là kết quả của *tuyệt thuật* đã sáng tác ra *tuyệt phẩm*, và chính *tuyệt thuật* này đã vượt thoát để vượt thắng cả cái gọi là: *tuyệt đối* đã và đang có trong nghệ thuật đương thời.

Chính *tuyệt thuật* khi đã thuyết phục được (vì nó đã cướp hồn được) người thưởng ngoạn thì nó sẽ trở thành *tuyệt phái,* sẽ có người theo, sẽ có kẻ chống, nhưng phương trình *tuyệt phẩm-tuyệt thuật-tuyệt phái* sẽ cuốn hút một dòng người thưởng ngoạn mới, vì nó vừa mở ra một *chân trời mới*. Tức là *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã mở-để-mời nhân tri của nhân sinh có một nhân sinh quan mới, một thế giới quan mới, một vũ trụ qua mới.

Như vậy, *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã khai thị rồi khai sáng một hành trình nhận định *mỹ thuật mới*, bằng lộ trình của một *mỹ quan mới*, để chế tác ra một *mỹ học mới*. Xa hơn nửa, sâu hơn nữa là phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* này sẽ tạo một *ngã tư mới* mới giữa nghệ thuật, triết học, sử học và xã hội học...nơi mà tất cả các nghành khoa học xã hội và nhân văn phải suy nghĩ lại để có các lý luận mới, lập luận mới, giải luận mới, diễn luận mới.

Cho nên, phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã làm chuyện *«rút dây động rừng»*, nơi mà kết quả, hiệu quả, hậu quả, hệ quả chỉ là một: phương *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* đã phơi bày cho nhân sinh, nhân thế, nhân loại nó chính là: *tuyệt tác !*



Tuyệt thuật không tuyệt đối

Hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* luôn là thử thách cao nhất trong nghệ thuật, nên nó là mức thang cao nhất, mức tới xa nhất cho những ai chọn con đường sáng tạo trong nghệ thuật. Hệ *tuyệt* này có mặt để nhắc cho tất cả những ai sinh hoạt trong nghệ thuật trên con đường đi tìm nó là tất cả từ sáng tạo tới sáng tác luôn là vấn đề trình độ! Trong đó, các đối luận phải trực tiếp đối diện nhau: *cao/thấp, rộng/hẹp, sâu/cạn*… Cũng chính hệ *tuyệt* sẽ vạch thẳng vấn đề trình độ ngay trong đối chọi *đẹp/xấu, hay/dở, thanh/thô* để vạch luôn sụ đối kháng của *khôn/khờ, thông/dại, khéo/tục*… Câu chuyện trình độ từ đây sẽ dần dà trở thành câu chuyên nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của kẻ sáng tạo, của người sáng tác. Nghệ thuật cân, đo, đong, đếm gay gắt hệ *đối (đối luận, đối diện, đối kháng, đối chọi)* để *cái đẹp* trước mắt sẽ là *cái hay* lâu dài…

Khi chúng ta định vị được không gian của hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* thì chúng ta phải đưa hệ *đối (đối luận, đối diện, đối kháng, đối chọi)* này vào khung của một hệ đối thứ nhì là *đối (đối nghịch, đối trọng, đối đầu*) giữa Hệ *tuyệt (tuyệt tác, tuyệt phẩm, tuyệt thuật)* và phạm trù *tuyệt đối (absolu).*



Nghệ thuật đâu chỉ đi tìm *cái đẹp*!

Nghệ thuật đâu chỉ đi tìm *cái đẹp*!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp thì bản thân nghệ thuật đó cũng sẽ không đi xa trong cái đẹp… vì cái đẹp đơn lẻ không nhân sinh sẽ là cái đẹp sẽ đơn độc, khó mà chia sẻ được, và khi không chia sẻ được thì bản thân cái đẹp sẽ đơn côi đến… mồ côi!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *sự thật* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *chân lý* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *lẻ phải* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *công bằng* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *tự do* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *bác ái* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!

Nếu nghệ thuật đâu chỉ đi tìm cái đẹp, mà quên *nhân quyền* đang đứng cạnh nó thì nghệ thuật có lẽ sẽ bị tật nguyền chăng!



Giải

Tâm cảm & nghệ thuật

Tư tưởng & nghệ thuật

Nhân thuật & nghệ thuật



Tâm cảm & nghệ thuật

Chủ đề nguyện cầu trong nghệ thuật:
Ý lực của niềm tin

Thiên thần đẹp trong cõi tâm

Cõi không người mà vẫn người

Trần thân không trần tục

Chủ đề nguyện cầu trong nghệ thuật:
Ý lực của niềm tin

Có ai biết người đang nguyện cầu, họ nguyện cầu gì? Chỉ có họ mới biết sâu xa nguồn cội sự nguyện cầu của họ, cho nên chúng ta tránh suy đoán của chúng ta biến thành võ đoán về kẻ đang nguyện cầu. Nguyện hình như rèn luyện một ý muốn để biến nó thành ý lực; cầu hình như là gửi mong cầu vào một niềm tin, và niềm tin đó có khi dính dáng tới tôn giáo, thượng đế, có khi không hề dính dáng gì tôn giáo, thượng đế. Nhưng câu chuyện nguyện cầu mà tôi muốn kể tại đây trước hết là chuyện của chúng ta, chẳng hạn như tôi đây bị xếp loại là vô thần, tức là không tin có thương đế, nên không theo một tôn giáo nào, nhưng tôi thấy hình ảnh (từ tướng mạo tới phong cách tạo ra chân dung) của kẻ đang nguyện cầu thật đẹp! Cái đẹp rất trong sáng của một nội lực biết tạo dựng niềm tin cho chính mình. Như vậy, chính con người chế tác ra niềm tin, vì tin vào nội dung, tư tưởng và nhất là giá trị của niềm tin mà họ chế tác ra, chớ không phải thượng đế… Và các nghệ sĩ đã thấy rõ và cảm nhận được vẻ đẹp này, họ để lại những áng văn, những câu thơ, những tạo hình từ hội họa tới điêu khắc, để ghi rõ, nói hay, vẽ đẹp, khắc sâu về động thái có trong hành tác của kẻ đang cầu nguyện.

Vô thần nhưng không vô tri, nên không hề vô giác để trở thành vô cảm, nên khi chúng ta thấy một người đang nghiêm khẩn cầu nguyện, chính chúng ta cũng phải nghiêm túc khi đứng gần, ngồi cạnh họ. Chính sự thành khẩn của kẻ đang nguyện cầu đưa chúng ta vào một không gian nhân sinh luôn cần chỗ dựa vào một niềm tin để gìn giữ nhân phẩm. Và những người đang cầu nguyện có quyền hỏi chúng ta những kẻ vô thần (nhưng luôn muốn nhìn để thấy, hiểu để thấu nỗi khổ niềm đau của đồng loại) là: niềm tin của chúng ta là gì? Nó đang ở đâu? Nó có chỗ đứng hàng ngày trong tâm can chúng ta không?

Người mẹ tinh thần của tôi là điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, cũng bị xếp vào nhân loại vô thần, nhưng bà sáng tác thật nhiều tác phẩm về chân dung, diện mạo, hình tướng của người Việt trong vị thế nguyện cầu, để dựng lên nhân vị người Việt thành khẩn, nghiêm cẩn trước cuộc sống, tin vào cuộc sống như tin vào lòng tự tin của chính mình là phải bảo vệ nhân cách dù nhân thế đang chịu bao vật đổi sao dời. Trong thế kỷ XX vừa qua, người mẹ tinh thần này đưa lên hình tượng của Việt tộc cầu nguyện cho hòa bình sẽ tới, phải tới vì chiến tranh phải chấm dứt! Trong sáng tác điêu khắc về hình thể của bà: ý nguyện là ý lực! Ý lực về sự sống với ý chí muốn sống: sống lành, sống đẹp trước tàn phá và truy diệt của chiến tranh như quỷ dữ đang muốn xóa hủy nhân sinh để xóa sổ nhân tính lẫn nhân phẩm… Các bạn nhớ xem lại để nhìn kỹ chân dung, diện mạo, hình tướng của người Việt trong các tác phẩm của điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, để thấy người Việt mình yêu nhân phẩm, trọng nhân tính, quý nhân diện như thế nào nhé.

Người thầy của thi ca mà mỗi ngày sống trong cõi tâm linh nhiều hơn sống với cõi thực của đời thực trong một xã hội thực đầy kỳ thị, đầy thị phi đó chính là thi sĩ Hàn Mạc Tử, người thầy cõi tâm linh này hằng ngày phải tìm cách thoát ra khỏi một xã hội đã làm ông dở sống, dở chết, tức là sống không ra sống mà chết không ra chết, và ông đã chọn nhân vị của nguyện cầu:

Lạy Mẹ Maria linh hồn con ớn lạnh.
Rung như rung thần tử thấy long nhan…

Nếu bạn là người hữu thần, tin vào thương đế, vào tôn giáo, thì bạn sẽ thấy Hàn Mạc Tử đang quỳ gối trước Đức Mẹ Maria; còn nếu bạn là kẻ vô thần như tôi, bạn sẽ có một diễn luận khác để có một giải luận khác, nơi mà nhân sinh đang ở trong họa nạn, trong cô đơn tuyệt đối làm nên ớn lạnh trong cô độc, cô thế ngay trong chính nhân loài của mình. Mình đang sống với đồng loại của mình mà sao mình lại cô đơn, cô độc, thân cô, thế cô tới như vầy! Chính tôi đây, đã sau Hàn Mạc Tử một thế kỷ, đang rơi sâu (Ai mang tôi bỏ giữa trời sâu?) vào cô đơn, cô độc khi tháng này tôi (kẻ vô thần) đã thắp hương, cúi đầu nghiêm cẩn nguyện cầu trước vong linh của 39 đồng bào bất hạnh, tử vong trong tủi nhục của ớn lạnh; những đồng bào phải bỏ quê hương để lén lút tới một quê hương xa lạ là Anh quốc, bất chấp tử lộ, đánh đổi cả mạng sống của mình. Tôi nguyện cầu cho họ là đồng bào tôi chung trứng Âu Cơ, vì cùng mẹ cùng cha với tôi, vì cùng là thành viên của Việt tộc, nguyện cầu mong họ có được thảnh thơi trong nhân tâm, có được thong thả trong nhân từ, có được thư thái trong nhân vị. Vì 39 đồng bào của tôi không hề đánh mất nhân phẩm! Họ rời một chế độ tồi tệ tràn bạo quyền, ngợp bất công để tới một nơi mà dân chủ biết tôn vinh nhân quyền.

Mà bọn bị mất nhân phẩm chính là: cả một lũ trong Quốc hội mang tiếng là đại diện cho lập pháp, mà chỉ biết cúi đầu-khoanh tay-chờ bấm nút các mệnh lệnh của ĐCSVN, chột phận trong đục kiếp, bù nhìn vì không đủ ý lực làm nên ý nguyện là ra một bản thông cáo chính thức để phân ưu tới các gia đình của 39 nạn nhân này. Mà bọn mạt vận trong nhục kiếp, chính là chính phủ hiện nay, không hề nhận một trách nhiệm gì với các gia đình nạn nhân, cụ thể là tổ chức chu đáo để các thi thể được nhanh chóng trở về nơi chôn nhau cắt rốn của họ. Và tận đáy của nhơ phận trong nhớp kiếp chính là một bè từ Bộ Chính trị tới Trung ương đảng của ĐCSVN, không một lời phân ưu, không một câu cáo phó, chúng chui nhủi như âm binh trong đốn mạt phận-mạt vận kiếp của chúng trước số phận bi đát của Việt tộc hiện nay. Đồng bào cứ lần lượt bỏ đất nước ra đi, có khi chấp nhận đi vào cõi vô định… Bè lũ lãnh đạo này cùng với bọn nội xâm tham nhũng ngày ngày chè chén với ngoại xâm Tàu tặc để đu dây từ phản dân hại nước tới buôn dân bán nước. Bạn hữu thần, tôi kẻ vô thần, chúng ta hãy cùng nhau nguyện cầu cho Việt tộc có ý nguyện của nhân phẩm, có ý lực của nhân vị, làm nên ý muốn của nhân bản, với ý định của nhân tri được đưa đường dẫn lối bởi nhân đạo của nhân nghĩa… Chúng ta hãy xem kỹ để hiểu thấu các nghệ sĩ, từ họa sĩ tới điêu khắc gia sau đây, đã biết quý nhân sinh, vì biết vinh danh sự nguyện cầu, họ đã đưa chất tin vào chất sống của nhân loại…

Đêm qua nguyện tận tinh cầu
Đêm nay nguyện thấu nhiệm mầu nhân sinh.









Thiên thần đẹp trong cõi tâm

Từ khi ra đời cho tới khi lìa đời, chúng ta chắc cũng không gặp được các thiên thần để được đối diện mà đối thoại, nhưng qua nghệ thuật chúng ta muốn gặp thiên thần lúc nào cũng được, nếu không thấy các thiên thần các nơi có tôn giáo, thì cũng rất dễ gặp các thiên thần trong các bảo tàng viện. Chúng ta cũng có thể tới các cuộc triển lãm nghệ thuật, hay là chúng ta tới thẳng mà gõ cửa nhà của các nghệ sĩ, nghệ nhân để được thấy các thiên thần trong không gian sáng tạo của họ. Những nghệ sĩ, nghệ nhân này cũng như chúng ta, họ chưa bao giờ được trực diện với thiên thần bằng xương bằng thịt, nhưng họ có thể để cả đời mà sáng tác trên chủ đề các thiên thần.

Có một chuyện vừa hay vừa lạ nữa là chúng ta không cần theo một tôn giáo nào, chúng ta đều nhận ra được cái đẹp của các thiên thần làm nên cả một cõi đẹp thanh khiết trong thảnh thơi, thong dong trong thư thả. Từ đây, ra đời một *vũ trụ quan* tới từ sự tưởng tượng của con người đã sáng tạo ra rồi dâng cho mỗi chúng ta một *thế giới quan* về một cõi đẹp có thiên thần đẹp, có cảnh quan đẹp, có cả quan hệ đẹp, có sinh hoạt đẹp, có đời sống đẹp… Chính tất cả cái đẹp này lại đủ bản lĩnh để tạo ra một *nhân sinh quan* đẹp. Và chúng ta ai cũng muốn sống trong liên minh *vũ trụ quan-thế giới quan-nhân sinh quan* để chính cuộc sống, cuộc đời của chúng ta cũng được đẹp như vậy. Con người khi biết mong cầu về cái đẹp, con người sẽ đưa sự tưởng tượng tới gặp sáng tạo, con người sẽ dẫn sự hình dung tới gặp sáng tác, con người sẽ dắt sự mường tượng tới gặp tuyệt tác, chính đây là sức mạnh của sáng tạo nghệ thuật. Đừng dùng chính trị có ý thức hệ quá khích, đừng dùng tôn giáo với giáo điều cực đoan mà phủ nhận phương trình *tuyệt chiêu-tuyệt phẩm-tuyệt tác* này.

Hãy thấy để thấu :

- *Nội lực của nghệ thuật* trong cách dựng *chủ đề thiên thần* có một cõi riêng, không phải cõi người những con người thấy, thấu, thấm cõi đó.
- *Sung lực của nghệ thuật* trong cách xây *thiên thần cảnh quan* không phải cõi người, có lẽ là cõi trời, và chính con người sáng tạo ra cõi trời này.
- *Hùng lực của nghệ thuật* trong cách giới thiệu các *sinh hoạt thiên thần* với các thiên thần mang nhân dạng người nhưng biết bay, mang nhân diện người với cái đẹp của cõi thanh, không một dấu vết gì về cõi tục.
- *Mãnh lực của nghệ thuật* trong cách xây dựng *quan hệ giữa các thiên thần* với nhân dạng của người trong thái hòa, với nhân diện của người trong an nhiên …

Cõi thái hòa, miền an nhiên tới từ vùng *nhân-tri-sáng-tạo-tác-phẩm* để làm nên *nhân phẩm*!








Cõi không người mà vẫn người

A.Breton, đầu lãnh phái siêu hiện thực, có lần khuyên những ai yêu nghệ thuật: *«Đừng tới bảo tàng viện nữa! Vì trong bảo tàng viện, các tác phẩm nghệ thuật được bày vẻ một cách cố hữu của loại lý luận hàn lâm, không làm cho người thưởng ngoạn nghệ thuật còn chút xíu gì ngạc nhiên…Những ai yêu nghệ thuật mà muốn ngạc nhiên, muốn sửng sờ với những cái vừa đẹp, vừa lạ, thì hãy ra: chợ trời!»*.

Chúng ta cứ vừa vào các *bảo tàng viện*, cứ vừa ra các *chợ trời* có các dấu vết của nghệ thuật, nhưng chúng ta đừng quên một nơi, nhất là khi các bạn ghé các quốc gia Pháp, Ý, Tây Ban Nha… để được hưởng không khí nghệ thuật *ngoài trời* với các tác phẩm điêu khắc có chỗ đứng vừa trung tâm, lại vừa tinh tế trong các công viên. Các tác phẩm điêu khắc này đã tạo nên cõi người, ngay khi công viên không có người, không còn người: *Cõi không người mà vẫn người!* Trong các công viên này, có lúc chúng ta gặp chân dung của các danh nhân, các hiền triết, chúng ta thường gặp nhất là vóc dáng phụ nữ thật đẹp; được các trường phái nghệ thuật của quốc gia Âu châu thuộc các vùng văn minh của Địa Trung Hải. Nơi mà nghệ thuật điêu khắc đã khai phóng sáng tạo của các nghệ sĩ để họ khai thị thưởng thức trong mỗi chúng ta về cái đẹp của nhân dạng, lúc *trần vai* trong thong thả, khi *trần lưng* trong thư thái, có cả *trần thân* trong thanh thoát… Thong thả, thư thái, thanh thoát đã tạo cho chúng ta tự trực quan nghệ thuật tới cảm xúc nghệ thuật một trạng thái thật an nhiên trong ung dung. Nơi mà cái vừa *đẹp*, vừa *thanh* làm nên cái *trong*, cái *sáng*, nên cái *tục* không có chỗ đứng, ghế ngồi tại đây!

Câu chuyện của các công viên bỗng nhiên trở nên quan trọng, trong những nơi không có người, không còn người, một c*õi không người mà vẫn người*, một không gian giúp ta thong thả, thư thái, thanh thoát trong an nhiên tự tại để thưởng ngoạn tức khắc, để thưởng thức sâu đậm các tác phẩm nghệ thuật. Tại sao câu chuyện này bỗng nhiên trở nên quan trọng? Chỉ vì từ đời sống thường nhật cho tới cuộc sống xã hội nơi mà sinh hoạt cá nhân hoặc nghề nghiệp đã không còn cho chúng ta thời gian để sống trong thong thả, thư thái, thanh thoát, để *tạm ngừng* công việc mà hưởng các thời khắc của an nhiện tự tại. Chúng ta hãy biết *tạm ngừng* trong các công viên của c*õi không người mà vẫn người* để *tự biết* là mình còn biết *tự ngừng* để cái những cái đẹp thong thả, thư thái, thanh thoát giúp chúng ta *tự thấu* là cái đẹp còn đây! Mà cái đẹp còn thì cuộc sống hối hả đã tự mất sức ép của nó, cuộc đời giục giã đã tự tiêu áp lực của chính nó. Bây giờ thì tôi phải để bạn chọn một trong hai cõi sau:

- Cõi *không biết ngừng* của hối hả- giục giã, cõi của những kẻ không *tự biết*.
- Cõi *tạm ngừng* của *tự ngừng-tự biết-tự thấu* để *tự cảm* là cái đẹp còn đó.

Nếu bạn chọn cõi thứ hai: cõi *tạm ngừng* của quốc gia Âu châu thuộc các vùng văn minh của Địa Trung Hải, thì khi bạn ghé các quốc gia này, các bạn nhớ thăm các công viên, để *«tự bắt buộc mình»*: phải tạm ngừng! Phải tự biết cách để cuộc sống chậm lại trước cái đẹp!









Trần thân không trần tục

Trần thân là cụm từ tôi vẫn thích gọi tên các tác phẩm nghệ thuật về chủ đề lõa thể, mà trong giới tạo hình thường gọi gọn là: nu. Từ khi người Pháp tới Việt Nam, họ mang nghệ thuật lõa thể của Âu châu để giảng dạy trong các trường nghệ thuật, cùng lúc họ mang luôn ngôn ngữ của họ để dân bản xứ dùng như từ nu vì muốn vừa nhanh gọn trong ngữ pháp, vừa tiện lợi trong ngữ văn.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện, dụng cụ, kỹ thuật trong truyền thông để truyền đạt các kinh nghiệm, từ kỹ thuật tới nghệ thuật, mà ngôn ngữ còn có chiều cao, chiều rộng, chiều dài, chiều sâu của nó trong tư duy, từ lý luận tới lập luận, tự giải luận tới diễn luận vì ngôn ngữ là tư tưởng của mọi tư tưởng!

Ngôn ngữ định hình lý luận của tư tưởng từ dạng hình của văn học, triết học tới diện mạo nghệ thuật, văn hóa, vì tất cả đều phải dựa vào nó để phân tích, giải thích, giải luận, diễn luận… Khi một văn hóa áp đặt ngôn ngữ của nó lên một văn hóa khác qua ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp, thì cũng chính là đang áp đặt nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan mạnh của nó lên văn hóa phải tiếp nhận nó (tiếp nhận trong thế yếu!).

Trần tục lại là một câu chuyện khác nữa. Tổ tiên Việt tộc vô cùng cẩn trọng khi sử dụng ngôn ngữ vì đó là các bài học về nhân cách làm nên tư cách, nâng cao

phong cách (học ăn, học nói, học gói, học mở). Cẩn trọng trong ngôn ngữ nên cẩn mật trong lời nói (giữ miệng như giữ nút bình), từ đây ông bà ta dùng ngôn ngữ để xếp loại nhân sinh, xếp hạng nhân thế, xếp thứ tự nhân loại, nơi mà ngôn ngữ là đại diện cho đạo lý (hay, đẹp, tốt, lành) và cho luân lý (bổn phận với cộng đồng, trách nhiệm với tha nhân).

Cụ thể là bằng ngôn ngữ và qua ngôn ngữ, tổ tiên Việt định vị hai loại người, đối trọng và đối kháng nhau trong sinh hoạt cộng đồng, trong đời sống tập thể, trong quan hệ xã hội: loại thứ nhất là thanh, loại thứ nhì là tục. Khi hai loại người này phải sống chung trong cùng một không gian văn hóa, nơi mà ngôn ngữ chính là chủ thể luôn tìm cách chủ trì hành động của cá nhân thì người thanh luôn là thầy của kẻ tục.

Vì sao? Vì khi người thanh đủ khả năng ngôn ngữ phản ánh trình độ tri thức của mình, làm được một chuyện khó trên đời này là đố tục, giảng thanh, nơi mà kẻ đối diện dù có tục như thế nào thì người thanh luôn giữ được tư cách, phong cách, nhân cách của mình với nhân vị trong cõi thanh. Vì cõi thanh làm nên nhân bản, nhân văn, nhân tri, nhân trí của người thanh; từ đây kẻ tục phải cẩn trọng hơn để có tỉnh thức về cái tục vì chắc chắn là cái xấu, tồi, tệ, dở, vì người thanh đã chọn thế đối nghịch để có độc quyền về cái hay, đẹp, tốt, lành.

Theo hiện tượng học lý trí và triết học đạo đức thì cõi thanh vận hành trên lưng, trên vai, trên đầu cõi tục, cụ thể là cõi thanh có nhân vị làm thầy cõi tục. Tổ tiên Việt còn dắt con cháu đi xa hơn nữa khi chỉ bảo con cháu là người thanh chắc chắn là người khôn. Trước hết là nhân vị của người khôn «Người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu»; kế đó là nhân cách của người khôn «Người khôn ăn nói nửa (giữ) chừng, để cho người dại (tục) nửa mừng nửa lo»; người khôn (thanh) đánh giá người dại (tục) bằng nội suy của họ «Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với kẻ ngu bực mình!» và bài học cần lấy ra đây là cõi tục chính là ao tù, là nhà tù của kẻ tục, là tư duy bị giam nhốt (vì cái dốt của cái tục) mà không biết.

Chủ đề chính của chúng ta trong bài này về nghệ thuật là: trần thân nhưng không trần tục. Tại đây trần thân trong nghệ thuật làm nên nghệ luận qua bao thế kỷ và giờ đã phổ quát trong sáng tác tạo hình của phương Tây. Trần thân đã trở thành phương hướng, phương cách tạo ra bao tác phẩm về một cái đẹp đủ nhân tri, dày nhân trí, cống hiến cho nhân loại một nhân sinh quan ngay trên nhân dạng của chính mình.

Từ đây, cụm từ trần tục trở nên phức tạp vì ngôn ngữ có những giới hạn của nó, có thể sinh ra các hậu quả: viết đúng nhưng bị hiểu sai, nên mới có câu *bút sa gà chết*; ngay trong ngạn ngữ này: *bút sa* thì hình như thanh hơn *gà chết*. Nhưng hậu quả đáng sợ nhất là *sai một ly đi một dặm*, rồi *sai con tính bán con trâu*, trong hai ngạn ngữ trên thì hình như: *sai một ly đi một dặm* có vẻ thanh hơn *sai*

con tính bán con trâu. Trong ngữ văn mà đã thế, thì nói chi đến trong nghệ thuật tạo hình, vì tại đây họa sĩ có thể vẽ một đằng, người xem hiểu một nẻo, điêu khắc gia tạc hình thể một hướng mà kẻ thưởng ngoạn thì cảm nhận hướng ngược lại.

Cho nên câu chuyện nghệ thuật và ngôn ngữ luôn là câu chuyện văn hóa, mà trong văn hóa thì cõi tục lẩn lách thoải mái trong cõi thanh để làm nên cõi người, cho nên thơ của Hồ Xuân Hương gần gũi vô cùng với tranh của Picasso khi cả hai sáng tác nên cõi dục trong cõi người. Nhưng tại sao trong văn hóa phương Tây cõi dục của dục tính thì cao, sâu, xa, rộng từ trần thân đến dục tính, mà ngược lại thì nó bị chỉ trích để bị lên án, bị miệt thị rồi bị kết án bởi văn hóa Việt Nam?

Câu chuyện càng trở nên phức tạp và tế nhị khi người thưởng ngoạn các tác phẩm trần thân (nu), thường là giới đàn ông Việt Nam thì thường thấy cái tục của cái dục trong các tác phẩm trần thân, còn người Âu châu không «bị cảm nhận» như vậy. Có lẽ vì trong văn hóa của phương Tây, họ được giáo dục là phải thấy cái đẹp của trần thân làm chủ luận về nghệ thuật (cứ xem các ảnh kèm theo bài này thì cái đẹp trong tác phẩm đã có thượng nguồn của cái thanh trong sáng tác của người nghệ sĩ).

Câu chuyện sẽ càng trở nên tế nhị khi chúng ta nhận ra: mọi chuyện trên đời này, nhất là trong nghệ thuật đều là câu chuyện về trình độ! Mà trình độ từ sáng tác tới thưởng ngoạn là câu chuyện lõi của nhân tri, có gốc của nhân trí, từ truyền thông qua truyền đạt giờ đã thành giáo khoa nâng giáo dục, giáo án nâng giáo trình. Cụ thể là muốn nhận ra cái đẹp trong các sáng tác trần thân phải học-biết-hiểu, để đừng nhìn sai khi thấy cái thanh mà tưởng lầm là cái tục, để nhìn đúng mà nhận ra cái đẹp, vì câu chuyện thưởng ngoạn nghệ thuật cũng là câu chuyện dùng nhân tri để định nhân vị cho chính mình. Người sáng tác đã hành tác trong cõi thanh, tại sao mình là người thưởng ngoạn lại hiểu tác phẩm của họ bằng cõi tục? Hiểu sai rồi tạo ra ngộ nhận, thì kẻ thưởng ngoạn thật đáng trách! Một hình thể của một phụ nữ trần thân được thăng hoa để vinh danh trong cõi thanh, tại sao kẻ thưởng ngoạn lại thô tục hóa nó bằng các tư duy, các tiêu chí của cõi tục?

Câu chuyện trần tục dường như cũng chưa dứt, vì cùng sống trong một trần thế tại sao có người tạo ra cái thanh, mà kẻ chiêm ngưỡng chỉ thấy bằng cái tục? Ngay cụm từ trần tục cũng mang mâu thuẫn nội hàm trong cấu trúc ngữ pháp của nó: trần thì chưa chắc là tục, tạo sao trần thì phải tục? Trần gian có cõi thanh, trần thế có cõi đẹp, vậy nên chính kẻ tục đã tục tĩu hóa trần gian, đã thô tục hóa trần thế, chớ đâu phải nghệ thuật, đâu phải nghệ sĩ sáng tác các tác phẩm về chủ đề trần thân!

Tác phẩm có chỗ đứng vững trong nghệ thuật chèo của Việt Nam là Quan Âm Thị Kính, có nêu phạm trù trần duyên (quét sao cho sạch trần duyên?). Hóa ra muốn hội ngộ với cõi thanh để được hạnh ngộ với người thanh thì phải có duyên (nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây)! Câu chuyện duyên có thời khắc của ngẫu nhiên trong tình cờ làm nên ngạc nghiên của ngộ: mới sơ ngộ mà đã muốn tái ngộ, mới hội ngộ mà biết chắc bẩm là hạnh ngộ. Đây chính là định nghĩa của tình yêu khi hai người tình cờ gặp nhau rồi yêu nhau, nó cũng chính là định đề làm nên mẫu số chung giữa nghệ sĩ sáng tác ra tác phẩm và người thưởng ngoạn nhìn ra, thấy được cái đẹp trong cái thanh của cái trần thân.

Nơi đây nghệ sĩ sáng tác đã: mở-trần-thân-để-mời-trần-thế nhận ra cái đẹp toàn nhân của trần thân trong cõi thanh, nơi mà cái tục không bén mảng tới được, không đột nhập lén lút được. Từ đây, kẻ tục trong tức khắc nhận ra cái-thanh-qua-cái-đẹp: đây chính là phép lạ nhiệm mầu của nghệ thuật! Nghệ thuật giúp kẻ tục rời xa cõi tục, trút bỏ nhà tù tư duy thấp hèn của tục lụy, để song hành cùng với tác phẩm trần thân trong cái đẹp của cõi thanh!











Tư tưởng & nghệ thuật

Các tư tưởng gia đấu tranh cho *tự do-dân chủ-nhân quyền* có mặt trong nghệ thuật.

Công lý... Lẽ phải... Nhân quyền... Nhân vị

Nghệ thuật hằn lên nỗi lo nhân sinh trước nhân kiếp

Chủ đề *tự do* trong nghệ thuật tạo hình.

Thời trang xa thời thượng



Các tư tưởng gia đấu tranh cho
***tự do-dân chủ-nhân quyền* có mặt trong nghệ thuật.**

Tôi xin được đi lại con đường các tư tưởng gia này...
Như họ, tôi muốn đứng về phía nước mắt...

Những giọt nước mắt đã rơi... đang rơi... sẽ rơi...

Không khoanh tay-không cúi đầu-không quỳ gối
Có khi phải khoanh tay tủi hờn trước sự thật
Vì bao lần nhân tâm để sảy thai chân lý!
Có khi phải cúi đầu nhìn lại nhân diện
Vì bao lần nhân tri để đánh mất tự do!
Có khi phải quỳ gối thấp hơn nhân dạng
Vì bao lần nhân tai đã giam cầm chủ thể!

Sự thật mãi mãi-tự do mãi mãi-chủ thể mãi mãi
Cúi sâu xuống bóng đêm quật lên sự thật
Vì mấy lần chân lý đã quỵ chân
Nằm sát đất nén hơi thở tự do vào ngực lửa
Vì bao bận công lý buông nhân dạng!
Siết chặt tay ôm đầy nguồn nước mắt
Vì vạn lần chủ thể đã biệt tăm!

Các bạn cùng tôi dừng chân trước các tư tưởng gia này, trước những tác phẩm nhân tri vì nhân loại, các tư tưởng gia này đã vào các tác phẩm nghệ thuật ba thế kỷ qua: họ ngẩng đầu, họ thẳng lưng, và không bao giờ quỳ gối. Hãy nhìn kỹ ánh mắt của họ, họ nhìn sâu vào sự thật nhân sinh để tìm cho ra chân lý nhân vị, rồi đón nhận lẽ phải nhân bản:

• Khi bạn gặp *Diderot*, tức là bạn sẽ gặp được kiến thức uyên thâm của nhân trí đã thành trí thức hàn lâm trực tiếp phục vụ nhân sinh.
• Khi bạn gặp *Voltaire*, bạn sẽ gặp ý chí của tự do là phải bảo vệ cho bằng được nhân phẩm trong nhân quyền.
• Khi bạn gặp *Montesquieu*, bạn càng quý tự do hơn, quý vì tự do là cao, sâu, xa, rộng trong không gian lẫn thời gian, tự do biết vận dụng công bằng để nâng bác ái.
• Khi bạn gặp *Rousseau*, bạn thấy ngay công ước của xã hội là phải bảo vệ dân chủ để dân chủ là chủ lực để che chở nhân quyền trong tam quyền phân lập.
• Khi bạn gặp Hugo, bạn cảm nhận được tự do, công bằng, bác ái đã bàng bạc trong nhân văn, bạn cứ thở mạnh và từ buồng phổi dâng lên sung lực của nhân phẩm, đã song hành cùng với nội lực của nhân tâm, cả hai đang làm nên hùng lực cho nhân bản.








Công lý... Lẽ phải... Nhân quyền... Nhân vị

Khi chúng ta dùng công lý để đấu tranh cho công bằng thì chúng ta cảm nhận ngay là đầu của chúng ta không cúi xuống nữa... Đầu ngẩng lên để nhìn trời cao!

Khi chúng ta dùng chân lý để đấu tranh cho lẽ phải thì chúng ta cảm nhận được là lưng của chúng ta không gục xuống, không khom gù nữa... lưng thẳng như tùng bách đứng vững trên đất!

Khi chúng ta dùng nhân quyền để bảo vệ nhân vị, chúng ta cảm nhận ngay là chúng ta đứng để đi tới và chưa hề quỳ gối để không phải là tù nhân trong bất động ngay trên mặt đất! Công lý... Lẽ phải... Nhân quyền... Nhân vị là những nội hàm với sung lực biến hành vi thành hành động, rồi biến hành động thành hành tác vì tự do.

Công lý... Lẽ phải... Nhân quyền... Nhân vị đang chủ động đánh thức, thúc giục tự do, cùng chúng ta, cùng nhân loại, nhân sinh, nhân thế, tất cả cùng nhau lên đường để đón nhân phẩm, đưa nhân phẩm về lại ngôi nhà của nhân tính.

Chúng ta thường hay thắc mắc là khi chúng ta có nhận thức để đấu tranh trước bất công… bạo quyền… tham nhũng…suy vong, thì những nghệ sĩ quanh ta họ đang làm gì? Đang sáng tác gì? Chúng ta đừng lo cho họ, vì họ cũng có nhạy cảm, rồi cũng thức tỉnh như ta… Có khi họ nhạy cảm, thức tỉnh từ giờ này qua giờ kia, bằng cảm xúc đến ngột thở của họ…

Chúng ta sẽ thấy nước mắt trước bất công trong sáng tác của họ… Chúng ta sẽ thấy máu đổ trước bạo quyền trong tác phẩm của họ… Chúng ta sẽ thấy đầu rơi, xương rụng… rồi núi xương, biển máu trước bất công trong sáng tác của họ khi bạo quyền giờ đã thành tà quyền mang đầy ma lực đang hủy diệt nhân tính, đe nẹt nhân vị, đe dọa nhân quyền…

Nếu chúng ta không thấy được những người nghệ sĩ chung quanh trên con đường dấn thân của chúng ta vì: Công lý... Lẽ phải... Nhân quyền... Nhân vị, thì các bạn đừng lo, họ vẫn đang song hành cùng chúng ta, họ vẫn đang thao thức với nhân sinh bằng sự yên lặng: cái lẳng lặng của sóng ngầm trong sáng tác sẽ thành giông bão của tác phẩm... sẽ ra đời nay mai thôi!

Qua vài sáng tác sau đây, mời các bạn của tôi đi cùng tôi trên con đường Công lý-Lẽ phải-Nhân quyền-Nhân vị, song hành cùng những nghệ sĩ… trên con đường nhân phẩm nhé!









Nghệ thuật hằn lên nỗi lo nhân sinh trước nhân kiếp

Chúng ta nhìn một tác phẩm được giới thiệu là nghệ thuật, chúng ta nhận ra được nội công, bản lĩnh, tầm vóc của nghệ sĩ đã làm nên tác phẩm này, xa hơn nữa chúng ta cảm nhận được nội dung nhân sinh của nghệ sĩ này, sâu hơn nữa chúng ta chia sẻ được nhân sinh quan có trong nhân tính của nghệ sĩ này, rộng hơn nữa chúng ta đồng hành cùng thế giới quan có trong nhân tri của nghệ sĩ này, và cao hơn nữa chúng ta có thể đồng hội, đồng thuyền với vũ trụ quan có trong nhân bản của nghệ sĩ này.

Như vậy, nghệ thuật không ngừng ở cách nói xuôi: *chân, thiện, mỹ*, mà ta thường hay nghe tới nhàm tai, tới chán, câu hỏi được đặt ra nghệ thuật có thật sự là cao, sâu, xa, rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ hay không? Hình như là có! Vì chính người nghệ sĩ ngay trong sáng tạo của mình luôn muốn đi xa, đào sâu, với cao, nới rộng phạm trù này. Và người thưởng ngoạn, thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật, chúng ta cũng đòi hỏi người nghệ sĩ giúp ta đi cao, sâu, xa, rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ; vì phạm trù này luôn ẩn nấp cái khung, cái khuôn, có khi lại trở thành cái nhà tù lúc nào mà chúng ta không hay! Nên nghệ thuật phải có gốc, rễ, cội, nguồn trong hệ thức nơi mà: kiến thức tạo tri thức để dựng trí thức, rồi chế tác ra ý thức để xây nên nhận thức giúp nhân loại phải luôn tỉnh thức.

Chính hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức, tỉnh thức)* là nội công, bản lĩnh, tầm vóc của nghệ sĩ đã dẫn đường cho nghệ sĩ này trong hệ sáng: lấy sáng kiến ngay trong nhân sinh, để sáng chế ra một mỹ quan, rồi sáng lập ra một mỹ cảm mà tên gọi của nó là sáng tạo ra một mỹ thuật. Nên các nhà phê bình và nghiên cứu về mỹ học cũng phải có là nội công, bản lĩnh, tầm vóc của hệ thức lẫn cả hệ sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng lập, sáng tạo), vì nếu không có tối thiểu hai hệ này thì không còn là phê bình và nghiên cứu, mà chỉ là tán mà tán thì rất dễ rơi vào tán nhảm, tán nhàm, sinh ra tán dóc, tán loạn…). Hệ mỹ (mỹ quan, mỹ cảm, mỹ thuật, mỹ học) chính là hiệu quả đã trở thành kết quả của hệ thức biết song hành cùng hệ sáng. Nên sự phụ G.Genette cứ dặn các môn sinh chúng mình là trong phê bình và nghiên cứu là chúng ta bắt buộc phải đặt một mức thang: muốn phê bình một tác phẩm thật sự là nghệ thuật thì chính bài phê bình của nhà phê bình cũng phải là một tác phẩm! Thầy qua đời rồi, nhưng bài học của thầy không hề lỗi thời, nhất là trong thảm trạng phê bình và nghiên cứu các tác phẩm nghệ thuật trong một xã hội bị trùm phủ bởi ngu dân, mỵ dân để lừa dân của bạo quyền, tà quyền, ma quyền bằng công an trị như xã hội Việt Nam hiện nay.

Cái độc của độc đảng làm nên độc tài trong vô tri, độc quyền trong vô minh, độc trị trong vô giác, độc tôn trong vô nhân, thì chính hệ độc này (độc đảng, độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn), nó giết để diệt hệ thức lẫn hệ sáng. Cụ thể là nó tiêu diệt sáng tạo nghệ thuật chính thống, cùng lúc tiêu hủy luôn trí thông minh của một dân tộc, giống nòi trong sinh hoạt nghệ thuật và sáng tạo, đưa đất nước và dân tộc vào tà lộ của ma ngục bằng hệ vô (vô tri, vô minh, vô giác, vô nhân). Và

câu chuyện này bỗng nhiên trở nên trầm trọng vì nó vượt qua, vượt lên câu chuyện nghệ thuật khi chúng ta dùng cụm từ: vô nhân, vì vô nhân mở đường cho bất nhân (mất nhân tính), rồi dẫn lối cho thất nhân (bỏ nhân phẩm)!

Vì vậy chúng ta nên mở rộng câu chuyện về nghệ thuật, khi chúng ta thấy được hệ thức song hành cùng hệ sáng để chống lại hệ vô, đứa con độc tôn của hệ độc, như một loại thuốc độc, và nó độc vì nó diệt hệ nhân. Nó diệt nhân tính ngay trong nhân sinh, nó giết nhân bản ngay trong nhân thế, nó chôn nhân văn ngay trong nhân tình, nó vùi nhân tri ngay trong nhân loại. Từ đây, nhân đạo cùng nhân nghĩa sẽ không có lối thoát, vì nhân từ và nhân ái đã bị nó giết rồi, do thuốc độc mà nó tự chế ra! Rất dễ nhìn ra cái độc, quả độc hại của loại thuốc độc này qua hệ vô (vô tri, vô minh, vô giác, vô nhân) ngập trong sinh hoạt xã hội, tràn trong quan hệ xã hội, đầy trong đời sống xã hội. Hãy khoan trách các nghệ sĩ của Việt tộc hiện nay là không có các tác phẩm ngang vai với thời đại, và trước hết là ngang hàng với hiện trạng, với thực trạng, tức là với thảm trạng của một dân tộc trước thảm họa của hệ thống chính trị dựa vào hệ độc (độc đảng, độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn), sản sinh ra hệ vô (vô tri, vô minh, vô giác, vô nhân) trước bi kịch hằng ngày là: hèn với giặc, ác với dân. Giặc đây là Tàu tặc đang cướp đất, biển, đảo của Việt tộc; đang song đôi với Tàu họa đang gây ô nhiễm môi trường; đang song hành cùng Tàu hoạn với thực phẩm bẩn, hóa chất độc, đang song lứa với Tàu nạn buôn ma túy, đưa du đảng, côn đồ của nó vào đất Việt để cướp của, giết người… Tất cả Tàu man này hội tụ trong Tàu tà với buôn người để lấy nội tạng, biến công nhân Việt thành lao nô, biến phụ nữ Việt thành nô tỳ cho chúng… Nếu nêu tên để chỉ tội thì trước hết phải vạch mặt chỉ tên các tội đồ chính là các lãnh đạo của ĐCSVN là tác giả của hệ độc và hệ vô chứ!

Chủ đề của chúng ta hôm nay: Nghệ thuật hằn lên nỗi lo nhân sinh trước nhân kiếp, không hề bị lạc đề, nếu chúng ta có hệ thức song hành cùng hệ sáng để nhận ra các chỉ báo của các tác phẩm nghệ thuật mỗi khi nghệ thuật trả lời câu hỏi chân, thiện, mỹ, và trong thực tiễn của sáng tác có những tác phẩm nghệ thuật đi xa, đi cao, đi sâu, đi rộng hơn phạm trù chân, thiện, mỹ, vì nó:
• Có nội dung của nhân bản trong nhân sinh, của nhân văn trong nhân kiếp.
• Có giá trị của nhân vị trong nhân sinh, của nhân đạo trong nhân kiếp.
• Có tư tưởng của nhân tri trong nhân sinh, của nhân trí trong nhân kiếp.
Kết chuyện mà không kết luận: Những nghệ sĩ của Việt tộc đang sáng tác, hãy đưa nội dung thật của hệ nhân vào nội công sáng tạo của mình; các nhà phê bình và nghiên cứu nghệ thuật hãy đưa giá trị thật của hệ thức vào công trình của mình, và cả hai hãy nâng trình độ thưởng thức nghệ thuật của xã hội bằng hùng lực của tư tưởng thật để đánh thức hệ thức của Việt tộc mình.

Mời các bạn của tôi xem để hiểu, thấy để thấu vài tác phẩm sau đây trong lịch sử nghệ thuật tạo hình của nhân loại, mà tôi đã dám đặt tên là: Nghệ thuật hằn lên nỗi lo nhân sinh trước nhân kiếp!





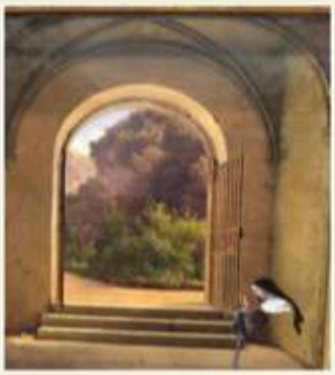





Chủ đề *tự do* trong nghệ thuật tạo hình.

Tự do là rễ của hệ *tự (tự tin, tự lập, tự chủ)* không có tự do sẽ không có nhân quyền và dân chủ, cụ thể là sẽ không có công bằng và bác ái để có tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp, tư pháp, không có tự do sẽ không có một xã hội dân sự văn minh.

Tự do là gốc của hệ *công (công bằng, công lý, công pháp)* trong đó công tâm không hề rời đạo lý và luân lý để tự do cá nhân không bị bóp, siết, ngăn, chặn bởi ích kỷ, tư lợi luôn là mối đe dọa trong đời sống cộng đồng, trong sinh hoạt tập thể.

Tự do là cội của hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức),* hợp lưu của ý thức, nhận thức, tâm thức, làm nội lực cho thăng hoa cá nhân, cho thăng tiến tập thể, cho thăng chất cộng đồng, không có tự do thì tập thể chỉ là khuôn khép, cộng đồng chỉ là khung kín, và xã hội chỉ là nhà tù không quản giáo.

Tự do là nguồn của hệ *sáng (sáng kiến, sáng lập, sáng tạo)* trong đó tự do sáng tạo của cá nhân là dàn phóng cho tự do tập thể, là dàn nhún cho tự do cộng đồng, để đưa xã hội vào quỹ đạo trong đó cá nhân làm động cơ cho dân tộc, là động lực cho đất nước.

Tự do là nền của hệ *văn (văn hóa, văn minh, văn hiến)* trong đó có tự do sáng kiến của tập thể, có tự do sáng lập của cộng đồng, có tự do sáng tạo của cá nhân kích thích văn hóa mở cửa để đón các văn hóa khác, thôi thúc văn minh của một dân tộc hội nhập vào văn minh của thế giới, đón chào các văn hiến của láng giềng, cùng nhau xây dựng một nhân văn đáng sống cho nhân loại.

Tự do là trụ của hệ *nhân (nhân loại, nhân sinh, nhân tình)* được tự do của *nhân tri, nhân trí, nhân văn* đưa tới những chân trời của *nhân đạo, nhân bản, nhân tính*, trong đó *nhân quyền* hỗ trợ cho *nhân nghĩa* có chỗ đứng xứng đáng trong nhân cách của mỗi cá nhân qua tự do. Tức là tự do làm người một cách liêm sỉ nhất, tự do làm chủ cuộc đời mình một cách liêm minh nhất.

Tự do là cột của hệ *cá (cá nhân, cá thể, cá tính),* tại đây tự do nâng hệ cá tới hệ chủ (chủ động, chủ đạo, chủ quyền) để cá thể thực sự thành chủ thể, sống có trách nhiệm với tập thể, lao động có bổn phận với cộng đồng, tiến thân có đạo đức với xã hội, và chủ thể đó không ngừng có sáng kiến với dân tộc, có sáng tạo vì đất nước, chính tự do là định chất của mọi định nghĩa về chủ thể sáng tạo trong mọi xã hội văn minh, dân chủ, nhân quyền hiện nay.

Tự do là móng của hệ *tư (tư duy, tư tưởng)* trong đó các hệ thống tư tưởng văn minh luôn lấy tự do của cá nhân, của tập thể, của cộng đồng, của nhân loại làm mấu chốt cho hệ luận (lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận) để làm cao, sâu, xa, rộng hệ nhân (nhân tri, nhân trí, nhân văn), nếu không có tự do nghiên cứu, điều

tra, điền dã, trong học thuật thì sẽ không có hệ phát (phát minh, phát huy, phát triển) trong tất cả các chuyên ngành khoa học.

Tự do là mái nhà của hệ *triết* (từ *triết học* tới *minh triết*) đây chính là quá trình tiến hóa tư duy của nhân loại qua nhân tri luôn củng cố cho nhân trí trong quy luật tiến hóa của nhân loại, qua đó ta biết thêm nhiều để hiểu sâu hơn hệ nội (nội chất, nội hàm, nội công) của nhân tính, cụ thể là để thấu suốt hơn số kiếp của con người, thân phận của cá nhân trong nhân thế.

Tự do là thuật để chống hệ *tham (tham quan, tham quyền, tham chức)* mà thực chất là để duy trì *tham nhũng*, mà dân tộc đã bị tước đi quyền tự do bầu cử để chọn người tài phục vụ đất nước, tự do biểu tình trước vô số các bất công trong xã hội hiện nay. Chính tự do dẫn dắt dân chủ, chính tự do sẽ đưa đường dẫn lối nhân quyền, trong đó có tự do để tự chọn cho mình một tương lai, một chân trời không có tham quan bất tài, không có tham nhũng vô nhân, làm quỵ kiệt mọi tiềm năng phát triển của Việt tộc, đó là tự do diệt bọn «sâu dân, mọt nước».

Tự do là vốn để chống hệ *độc (độc đảng, độc tài, độc tôn, độc trị)* đang truy diệt nội công Việt tộc, đang vùi lấp nội lực trí thức, đang thủ tiêu sung lực thanh niên, đang bóp nghẹt mãnh lực của toàn dân trên con đường phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật... Một hệ độc đang giết dần, giết mòn mọi sinh lực xã hội, biến thanh niên là nguyên khí của quốc gia thành các kẻ làm thuê, làm công với điều kiện lương bổng tồi, với bảo hiểm lao động tục. Chỉ có tự do của toàn dân, của toàn xã hội, của mọi cá nhân mới loại bỏ được hệ độc này đang thiêu hủy tiền đồ của tổ tiên, biến nam giới Việt tộc thành lao nô, biến nữ giới Việt tộc thành nô tỳ cho các nước láng giềng. Tự do phải được xác minh, xác nhận, xác chứng để vĩnh viễn gạt hệ độc đang trù ém tương lai của giống nòi này.

Tự do là lực để chống hệ *xâm (xâm lấn, xâm lược, xâm chiếm)* của bọn lãnh đạo Bắc Kinh, mang phong cách không nhân cách mà ta có thể gọi chúng là: Tàu tặc, với ý đồ muôn thuở xâm lăng để đồng hóa Việt tộc. Chỉ có tự do bảo trì chủ quyền, tự do bảo đảm độc lập, tự do bảo quản đất nước của toàn dân, ta mới đi trên lưng bọn bán nước cho Tàu tặc đang lẩn lách trong giới lãnh đạo hiện nay. Chỉ có tự do của chính ta, ta mới đi trên vai bọn lãnh đạo «hèn với giặc, ác với dân», vì chúng đã vong thân đang chờ vong quốc. Chỉ có tự do của chính ta, ta mới đi trên đầu bọn Tàu tặc chỉ biết dùng tự do của kẻ mạnh để trộm, cắp, cướp, giật, đất đai biển đảo của láng giềng, mà không biết dùng tự do của chúng để làm đẹp tự do của nhân phẩm.









Thời trang xa thời thượng

Chuyện *thời thượng* là chuyện *sớm nở tối tàn*, còn chuyện *thời trang* là sự thông minh biết nâng trang điểm để làm đẹp nhân diện, nhân dạng; và đối với những người sáng tạo thời trang có tri thức của một nghệ thuật mang hình thể, có diện mạo, biết tạo nên một nhân sinh quan mới với đầy đủ các tiêu chuẩn của nghệ thuật thì *thời trang* chắc chắn không còn là chuyện *thời thượng*.

Chuyện *thời trang* được tôn vinh qua các dân tộc có văn hóa cao, có văn minh sâu, nên *thời trang* Âu châu, nhất là tại Pháp,Ý đã có chỗ đứng ghế ngồi trong các bảo tàng viện, và vị thế ảnh hưởng của thời trang ngày đang ảnh hưởng sâu rộng qua các cuộc trình diễn đại chúng, qua các cuộc triển lãm mang chuyên đề với nghệ thuật đặc sắc. Các cuộc triển lãm lớn thành công, nhu cầu quần chúng được xem triển lãm thời trang mà không cần có người mẫu đã thành thói quen, sở thích của quần chúng tại phương Tây. Họ đang đi tìm cái đẹp mới, một cái đẹp thông minh, vì vậy các bảo tàng công rồi tư, lớn rồi nhỏ ra đời ngày càng nhiều, đã giành cho nghệ thuật thời trang một vị thế ngày càng trung tâm… Và có loại du lịch mới ra đời, với du khách biết đầu tư tài chính và thời gian để được sống với nghệ thuật thời trang.

Câu chuyện *thời trang* thành một chuyên ngành nghệ thuật mới được sự hỗ trợ có quy củ của các chính quyền, để trở thành giáo dục, giáo khoa, giáo trình, giáo án trong các đại học có uy tín của các quốc gia văn minh, mang dấu ấn của một vùng tri thức luận mới về cái đẹp. Cái đẹp của *thời trang* không đứng chết cứng, không ngồi chết cóng trong các bảo tàng kiểu hàn lâm cổ, với cái đẹp của *thời trang* con người có thể *mang, mặc, treo* trên thân thể, một cái đẹp sinh động vì nó di động, chuyển động với người.

Câu chuyện *thời trang* chắc chắn không phải là chuyện *thời thượng* của *sớm nở tối tàn, bèo dạt mây trôi, sống nay chết mai…* mà ngược lại nó giúp chúng ta khẳng định một sự thật trong nghệ thuật thời trang là: "*mọi chuyện đều thay đổi với thời gian và cuối cùng là không có gì thay đổi cả"*! Đây là câu châm ngôn của các nhà sáng tạo thời trang lớn của nhân loại: St Laurent, Dior, Lacroix, Gautier…, họ muốn nói chuyện gì? Họ muốn chuyển thông điệp gì tới chúng ta? Họ muốn nói là trong biến cuộc *vật đổi sao dời* của nhân sinh, mọi chuyện đều thay đổi nhưng nhân sinh quan về cái đẹp làm nên sáng tạo về cái đẹp, tự đó biết biến phương pháp luận làm nên cái đẹp chính là *cái dạng* làm nên *cái nhân* có trong *cái bề ngoài (style)* của nghệ thuật thời trang, mà *style* chính là nội dung của nội dung.

Từ đây chuyện quy trình *nắng sớm chiều mưa* trong quy luật *vật đổi sao dời* là chuyện của thời gian, còn chuyện *style* thì không thay đổi, thời trang từ mùa này qua mùa kia, thời trang từ năm này qua năm kia là không thay đổi gì cả, *style* thì không biến chất gì cả. Nên khi chúng ta xem thời trang này, ngắm thời trang kia, người thưởng ngoạn biết ngay là: *style* này là của St Laurent, *style* kia là của Dior, *style* nọ là của Lacroix, *style* trước mắt là của Gautier…

Nếu *thời trang* biết vượt qua *thời gian*, thì thời trang đã vượt thoát để vượt thắng *thời thượng* rồi!






Nghiệm

Vài nẻo đường Việt thuật

Nghĩ về bất, thất, vô

Thất nhân diệt thuật luận



Vài nẻo đường Việt thuật

Nguyễn Gia Trí

Điềm Phùng Thị

Trịnh Công Sơn

Đinh Cường

Nguyễn Trung

Những nẻo mầu của họa sư Nguyễn Gia Trí

Tôi được họa sĩ Nguyễn Nhã, giới thiệu với một người bạn thân của bác Nguyễn Gia Trí, bạn từ khi còn ở Hà Nội và luôn bên nhau cho tới khi người bạn này qua Pháp. Tôi quyết định mua ngay tác phẩm này năm 1985, trong một chiều cuối đông tại một ngoại ô nam của Paris, ngay trong nhà của người bạn của bác Nguyễn Gia Trí. Tôi quyết định ngay vì chưa bao giờ thấy một tác phẩm sơn mài nào mà có một nghệ thuật vô cùng thoải mái, phóng khoáng đi cùng với một kỹ thuật tinh tế, sắc nhọn, mà tôi chưa gặp trong sơn mài Việt Nam, cũng chưa hề thấy trong sơn mài Nhật Bản hoặc Trung Quốc. Những năm tháng tiếp theo đó, tôi đi tìm hiểu thêm về nghệ thuật sơn mài Việt Nam, cùng lúc giới thiệu bức *Chợ đồng quê* cho nhiều nghệ nhân, cho các họa sĩ qua lại với sơn mài, tất cả đều công nhận đỉnh cao, với vị thế độc nhất của tác phẩm *Chợ đồng quê* này.

Tôi được thi sĩ Cung Trầm Tưởng đưa tới nhà bác Nguyễn Gia Trí, hè năm 1987, sau khi có được địa chỉ của bác qua họa sĩ Đằng Giao. Chúng tôi tới thăm bác trước giờ cơm trưa tại nhà bác, có bác gái và con trai của bác cùng ngồi trò chuyện. Bác không muốn tiếp khách mà bác không quen, nên thi sĩ Cung Trầm Tưởng giới thiệu thật khá kỹ về tôi là: nhà sưu tầm tranh của hội họa Việt Nam, chớ không phải kẻ đi buôn tranh. Trong câu chuyện của chúng tôi, tôi có kể cho bác nghe về cuộc sống của họa sĩ Thái Tuấn tại Pháp, và cuộc trao đổi giữa thi sĩ Thanh Tâm Tuyền và tôi về nghệ thuật sơn mài độc nhất của bác, trước khi tôi được gặp bác. Tôi cũng được nghe tâm sự của bác qua bức *Âm dương* là tác phẩm dường như độc nhất của bác ở dạng trừu tượng, nhưng khi bác trao tôi tác phẩm này, bác có dặn dò tôi: *"Vấn đề không phải là trừu tượng hay không trừu tượng, mà đây là tác phẩm thử thách lớn trong cuộc đời nghệ thuật tạo hình qua sơn mài của tôi. Qua bức* Âm dương *này, tôi muốn thực hiện cho bằng được màu vàng trên cánh con gián, một thử thách đã lấy rất nhiều công sức của tôi".*

Trong khi đi tìm *cái đẹp mới*, thì kẻ sáng tạo đã có *ý định* là dứt khoát với cái cũ, với *ý muốn* là cắt các quan hệ với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng* đã có mặt trong mỹ quan, trong thói quen, trong xã hội. *Cái đẹp mới* dưới dạng một tác phẩm của sáng tạo, nó cùng lúc tạo *một khoảng cách, một tách biệt, một chia lìa* với cái *cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.* Chính đây không những là lối đi của nghệ thuật hiện đại thế kỷ thứ XX, mà còn là *ý tưởng* của phái *siêu thực (surréalisme).* Kinh nghiệm hay nhất tại Việt Nam vẫn là của danh họa Nguyễn Gia Trí dùng tự do nghệ thuật của mình để tạo ra *cái đẹp mới,* để chọn cho mình *cái tự chủ, cái tự sinh, cái tự tồn,* cùng lúc làm một *cuộc khai phá hoàn toàn mới* không những trên kỹ thuật sơn mài mà còn mới về tư duy, ý tưởng, lý luận trong sáng tạo ra *cái đẹp mới!*



Những nẻo khắc của Điềm Phùng Thị

Năm 1999, tôi rủ rê họa sĩ Nguyễn Cầm đi cùng tôi lên khu phía nam núi Alpes thăm điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, chỉ cách Nice là nơi tôi "dung thân" có 200km, tới nơi cả hai ngồi dùng bữa trưa rồi đi dạo với điêu khắc gia này dọc các sườn núi lúc giao mùa xuân đang sang hạ, cõi của trăm màu, cõi biết khởi trăm sắc, cõi của các kẻ sáng tạo tìm tới không chỉ để nhìn, để ngắm mà còn để thở, để hưởng, có khi phải nín thở về cõi thực của thiên nhiên tại đây. Đang đi dạo, thì Điềm Phùng Thị trở lại thói quen của bà là khi nói chuyện thì câu chữ của Bà là: "*vừa đùa cho vui, vừa trách cho đáng*: *"Nguyễn Cầm biết không, mỗi lần gặp thằng Khóa này, rất khó nói chuyện, vì tôi không biết nó là bạn tôi? em tôi? Hay con tôi?»*. Nguyễn Cầm thay tôi (mà *«nộp mạng»* vì họa sĩ này không quen cách đặt chủ đề của Bà) vội vàng phản ứng ngay: "*Thì chị cứ coi thằng Khóa vừa là bạn, vừa là em, vừa là con»*.

Câu chữ làm nên câu chuyện "*vừa đùa cho vui, vừa trách cho đáng"* điêu khắc gia Điềm Phùng Thị có *gốc, rễ, cội, nguồn* của nó, tôi nhớ lại lời của bà trong nhiều năm tại Paris, kể cả khi bà chọn lựa về ở hẳn quê hương Việt, vĩnh viễn trở về quê nhà là Huế của bà:

- Năm 1985 tại Paris*: «Chị đang ở yên trong nhà, em lại rủ chị đi xem triển lãm, trời ơi tranh của họa sĩ này sao nó xấu quá vậy em, nếu tranh mà xấu thì chắc người không sao đẹp được… vì tranh với người là một đó em!»*.
- Năm 1987 tại Fontenay*: «Chị gọi em lại nhà chị đây, ăn cơm trưa với chị, do chị làm bếp mời em, vì chị thích làm bếp lắm, nhưng chị vừa biết một tiệm ăn, đầu bếp nấu ngon, mà đi nhà hàng thì được người ta «hầu» mình, nên bây giờ hai chị em tới nhà hàng đó đi!»*.
- Năm 1991 tại Valauris: *«Quần áo chị đang mặc đây là chị tự may, cái gì mà mình muốn đẹp theo ý của mình thì mình phải tự làm, ăn mặc thì phải ăn ngon mặc đẹp, phải do mình chế biến, chế tạo ra, đừng để người khác làm thay mình»*.
- Năm 1993 tại St Laurent: *«Nhà Hàng này chị mời em hôm nay, bình thường họ nấu ngon lắm, nhưng hôm nay thì món bánh xèo của họ, họ để nghệ nhiều quá, chưa ăn nhìn màu vàng kiểu này là biết có quá nhiều nghệ. Trong họa cũng vậy không chỉ có một màu vàng đâu em, có cả chục, có khi cả trăm màu vàng, trong điêu khắc còn khó hơn nữa, có khi chỉ nhìn màu là người ta biết nhiên liệu này mềm, vật liệu kia cứng, nhìn màu là biết chất liệu này dễ vỡ, chất liệu kia dễ hòa tan…»*.
- Năm 1997 tại đồng bằng sông Cửu Long: *«Em tới đây là đồng quê, nếu muốn giữ ảnh kỷ niệm mà có người thì phải chọn người mang chất đồng quê, đừng để dân đô thị xen vào ảnh nhé!»*.

Đối với tôi, bà đúng là *người mẹ* của sáng tạo vì đã biết: *làm bạn, làm em, làm con* của nghệ thuật.

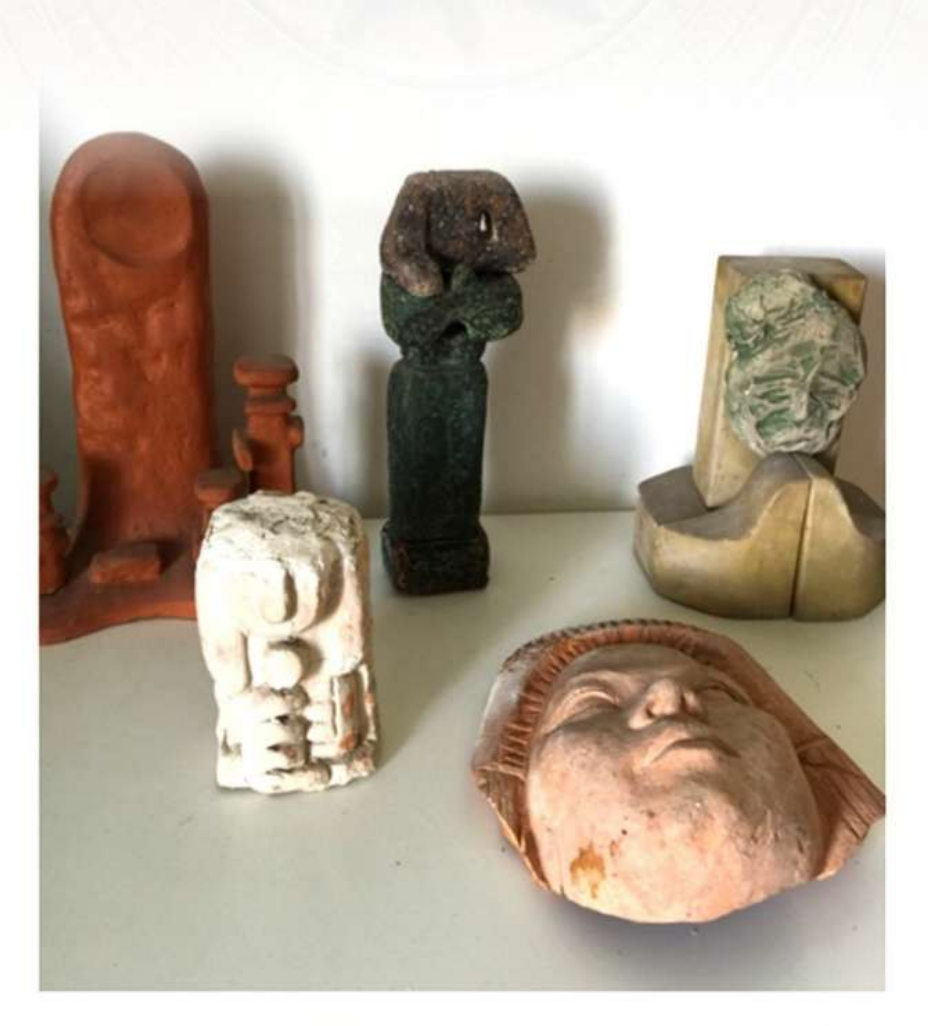

Những nẻo mơ-họa của Trịnh Công Sơn

Mỗi lần được gặp nhau tại Sài Gòn hay tại Paris, Trịnh Công Sơn thường nhắc tới họa sĩ Chagall, có lẽ trong lời mời của tôi là đưa được nhạc sĩ về Địa Trung Hải, tại Nice, nơi mà tôi đã chọn làm quê hương từ học thuật đến nghệ thuật từ gần nửa thế kỷ, và cũng tại đây có một bảo tàng "tuyệt hay" về họa sĩ Chagall. Những lúc được yên tại ngôi nhà 47c Duy Tân, tại Sài Gòn, không còn bạn bè chung quanh, Trịnh Công Sơn thường kể về tranh của Chagall chỉ toàn là chuyện trong giấc mơ, giấc mê, giấc ngủ của họa sĩ này, để khi người được xem tranh của ông, thì như được đi vào, được nhập nội vào cõi *nửa họa-nửa mơ*. Trịnh Công Sơn trải tâm sự của mình vào không gian hội họa của Chagall, không những bằng lời, mà bằng tâm-cảm-của-tâm-tưởng của mình khi nhạc sĩ ngồi vẽ, ngồi một mình, ngồi để nhập nội và *cõi mơ-họa*, ngay như những lúc Trịnh Công Sơn vẽ chân dung bạn bè. Nếu không nhận ra *cõi mơ-họa* khi xem tranh của Trịnh Công Sơn có thể là một thiệt thòi chăng? Từ đây, chúng ta có thể đặt ra một giả thuyết là ngay thượng nguồn của tạo hình, có lẽ là nhạc sĩ có thể chỉ chọn những màu, những sắc phải hợp với *chuyện mơ* trước khi vào *chuyện họa* chăng? Tôi tiếc quá khi không còn dịp đặt câu hỏi này, để được nghe câu trả lời của Trịnh Công Sơn. Câu chuyện chọn lựa chất liệu ngay trên thượng nguồn không hề là câu chuyện được giải quyết dễ dàng trong sáng tạo, nếu ta tự đặt hai câu hỏi: *Bao giờ thì sáng tạo bắt đầu? Bao giờ thì sáng tạo chấm dứt?* Vì có khi bắt đầu rồi mà không bao giờ sáng tạo chấm dứt! Mà cũng có khi tưởng như đã chấm dứt rồi nhưng kẻ sáng tạo lại phải trở lại thượng nguồn trước khi thật sự sáng tạo! Hai câu hỏi này có nguồn cội của nó trong những lần tôi được ngồi riêng mà nghe Trịnh Công Sơn tâm sự về sáng tạo, tôi nhớ được hai kinh nghiệm với nhạc sĩ (mà đối với bạn bè cũng là họa sĩ, thi sĩ):

*Tết năm 1984, đó là những năm tôi thấy để thấu nỗi cô đơn của Trịnh Công Sơn, thời điểm đó nhạc sĩ kể: *"Có khi một bài hát làm chỉ một ngày là xong, nhưng có một chữ, một từ trong ca khúc không ổn, tức làm không xong thì* moi *biết là cả bài hát chưa xong. Chỉ một chữ mà nó làm mình mất ăn, mất ngủ từ ngày này sang ngày kia, rồi có khi nó kéo dài cả tuần, cả tháng, nó kéo dài lâu hơn hàng chục lần khi khám phá ra giai điệu cùng các ca từ khác trong bài, lúc đó mới thấy thật rõ là ca khúc này chưa ổn, chưa xong. Nhưng khi chữ đó được tìm ra, thì sướng ơi là sướng! Một hạnh phúc trên các hạnh phúc khác… Rốt cuộc sáng tạo là một cuộc đi tìm, lần mò, phải tìm cho ra mới được yên".*

*Xuân năm 1999, đó là những năm tôi thấy để thấu hơn cơn trọng bệnh đã tới với người bạn, người anh, người thầy tinh thần của mình, cũng là năm tôi chờ đợi con đầu lòng ra đời, tôi yêu cầu nhạc sĩ đặt tên, Trịnh Công Sơn sau vài ngày suy nghĩ, gọi tôi tới nhà và báo là đã tìm ra tên: *"Con gái sắp ra đời của* toi, moi *chọn tên là: Khả An, nếu có được con gái thứ hai đặt tên là Khả Anh, còn đứa thứ hai là con trai thì nó sẽ mang tên: Khả Ân"*. Tôi thắc mắc: "Tại sao *Khả* vậy anh?", Nhạc sĩ trả lời: "*Khả vừa là khả năng, vừa là khả dĩ, là đi tìm từ posssibilité (sự khả thi) tới éventualité (sự khả thực), mà khả thi hay khả thực là cuộc đi tìm, tìm mãi, tìm hoài trong sáng tạo!"*.



Những nẻo cảnh của Đinh Cường

Từ cuối thế kỷ qua tới đầu thế kỷ này, mỗi lần tôi được gặp Đinh Cường, lúc tại Sài Gòn, khi tại Paris, nhưng nơi mà tôi thường xuyên tới mỗi lần được về lại quê Việt là phòng vẽ của họa sĩ, cũng tại đây tôi cũng gặp Trịnh Công Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Cung Trầm Tưởng… Mỗi lần trò chuyện riêng với Đinh Cường, tôi có thói quen đặt một câu hỏi có trong phản xạ của tôi mà tôi chỉ hỏi câu này với họa sĩ này: *«Anh đang vẽ, đang suy nghĩ về chủ đề gì vậy?»*. Đinh Cường cũng trả lời theo thói quen, mà tôi không biết là câu trả lời này là câu trả lời cho riêng tôi hay câu trả lời thông thường biến thành thông dụng của họa sĩ khi được-hoặc-bị hỏi về công việc sáng tạo của mình: *«Thì* moi *vẫn vẽ đi vẽ lại chỉ một đề tài: có một cô gái xuất hiện trong tranh, bị vây quanh là cảnh đổ nát của một đất nước đổ nát vì chiến tranh, một quê hương điêu tàn ngay trong tâm hồn bởi chiến cuộc»*. Chỉ một đề tài sáng tạo của họa sĩ Đinh Cường tới từ bao đề tài về cuộc chiến huynh đệ tương tàn trong thế kỷ qua, câu chuyện *tuyệt thuật* làm ra *tuyệt tác*, tạo ra *tuyệt phẩm*, có lẽ cũng là câu chuyện của *tuyệt nghệ* tạo ra *tuyệt phái*, đó là chuyện *tuyệt nhiên* của một nghệ sĩ có tâm hồn riêng để dựng lên không gian sáng tạo riêng cho mình. Bè bạn gần xa quý yêu rồi quý trọng Đinh Cường ngay trên thực tài của họa sĩ, vì có người tự xưng là họa sĩ nhưng họ không biết vẽ, lại có người vẽ rất giỏi về kỹ thuật nhưng người xem tranh họ, ta không có được một cảm xúc nào cả. Đinh Cường thì nắm chắc kỹ thuật, rồi trải nghệ thuật của mình trong những xúc cảm, mà người xem tranh của họa sĩ chia sẻ được ngay bối cảnh, tâm trạng, tình huống tạo hình của họa sĩ. Đinh Cường chung thủy với một đề tài, dành cuộc đời nghệ thuật của mình cho chủ đề mình chọn; người ta nhận ra ngay họa sĩ Đinh Cường, với những sắc màu hoài niệm, vờn bay qua bao đổ nát của quê hương với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp thầm lặng của mình, như giữ cho bằng được nhân cách giờ đã thành nhân dạng thật đẹp của mình. Đây là chuyện khó trong nghệ thuật tạo hình, những người cảm nhận tranh của Đinh Cường thấy được tư tưởng nghệ thuật này qua cách tạo hình, tạo thể, tạo dạng,"tạo phách" trong tranh của Đinh Cường, nghệ của họa sĩ dính chặt với nghiệp của Việt tộc mình.

Đinh Cường còn có một chân tài tạo hình khác, mà ít họa sĩ khác có được: họa sĩ vẽ chân dung bạn bè rất đẹp, họa sĩ đã để lại một dấu ấn tạo hình xuất sắc qua thể loại này. Đinh Cường vẽ các portraits của Trịnh Công Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng… đã trở thành những tạo hình nhân dạng khó quên của nghệ thuật chân dung cho hội họa Việt Nam. Họa sĩ cũng đã để lại những chân dung của Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Lưu Trọng Lư… ở tầm cao trong sáng tạo thần sắc văn nghệ sĩ. Tới Mỹ, Đinh Cường vẫn tiếp tục thể hiện tài hoa này khi họa sĩ vẽ chân dung của Lê Uyên Phương, Du Tử Lê… với trọn vẹn thiên năng diễn sâu nhân tính bạn bè của mình đã chịu bao thử thách của nhân sinh.

Hãy ngừng lại thật lâu thấy-cho-thấu rồi cúi đầu cảm nhận thâm sâu nỗi cô đơn, luôn mang theo cái mất mát không ngừng trùm phủ lên kiếp người, luôn ráp nhập vào cái chết; cái mất mát luôn kề cạnh thế hệ của Đinh Cường, của chúng tôi trong khói lửa chiến tranh, mà không sao buông bỏ ra được!



Những nẻo nhân dạng của Nguyễn Trung

«Sướng trong sáng tạo» có thể là câu chuyện làm khởi nét để lập chân dung của họa sĩ Nguyễn Trung về công việc tạo hình, còn câu chuyện đây là nghệ thuật, kia là tuyệt phẩm, đó là tuyệt tác thì cứ để kẻ thưởng ngoạn, người chiêm ngưỡng phán quyết. Nhưng đối với tôi câu chuyện *«sướng trong sáng tạo»* chính là nội lực làm nên sung lực trong sáng tạo, mà chuyện khó bình phẩm là trong động trạng từ *sướng* có nội công, bản lĩnh, tầm vóc của một nghệ sĩ:

- Năm 1987 tại Sài Gòn, tôi tặng Nguyễn Trung một số của tập san Beaux-Arts của Paris, họa sĩ: *«Chuyện thông tin về nghệ thuật quan trọng lắm Khóa à, trước không có thông tin, bây giờ được thông tin, thì sướng là phải rồi, cầm tờ Beaux-Arts này trên tay, chưa kịp đọc đã sướng rồi»*.
- Năm 1994 tại Sartrouville: *«Tới lúc vẽ rồi, ngồi vô vẽ không biết bao giờ vẽ xong, nhưng trước mắt có màu, có bảng vẽ, có khung, thì vẽ cho sướng tay cái đã!»*
- Năm 1994 tại Paris, tôi nói: *«Tối nay anh chỉ cách Khóa làm món này»*, Nguyễn Trung hỏi ngay: *«có mua gừng, mua sả không? Nếu có thì lấy ra hưởng ngay, không cần chờ phải chờ làm xong món ăn mới hưởng»*. Khi chúng tôi rửa, gọt, cắt gừng, sả xong thì họa sĩ nói: *«K ngậm gừng, nhai sả giống anh nè, vừa nhai vừa ngậm cho sướng cái đã trước khi làm món này!»*.
- Năm 1994 tại Normandie, tôi nói: *«Ở đây nhiều rong biển lắm, mà người Pháp họ không ăn rong biển»*, Nguyễn Trung *«ra lệnh»*: *«Tây không ăn kệ tụi nó, bây giờ Khóa xuống biển với anh, thủy triều xuống rồi, hái rong biển đi, nhặt càng nhiều càng tốt»*. Khi về lại Paris cuối ngày, tôi hỏi: *«Lấy nhiều rong biển làm gì vậy anh? Ở Paris này, mình đâu nấu chè, nấu canh được đâu!»*, Họa sĩ trả lời: *«Không biết nấu nướng gì, nhưng khi hái nhận ra mùi rong, bây giờ được cầm tay đầy mùi rong đủ sướng rồi! Dù chưa biết làm gì hết»*.
- Năm 1994 tại Deauville, tôi than phiền: *«Khóa vừa đọc một bài viết, tác giả viết là nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn hay hơn nhạc tình của anh ấy!»*, và mỗi lần tôi bực dọc là Nguyễn Trung lấy quan niệm *«sướng»* của họa sĩ ra để an ủi tôi: *«Đứa nào viết như vậy? Tại sao nó lại phân biệt nhạc phản chiến với nhạc tình của thằng Sơn? Nhạc của thằng Sơn thì nghe cho sướng cái đã, còn lấy ra phân loại, phân biệt làm cái gì không biết nữa»*.

Quan niệm *sướng* của Nguyễn Trung là câu chuyện *sướng cho thỏa, sướng cho đủ, sướng cho đầy, sướng cho tràn… sướng cho khoái… sướng cho vui… sướng cho nhân sinh quan sung sức… sướng cho thế giới quan sung mãn… sướng cho vũ trụ quan sung lạc*. Mong sao nghệ thuật chớ nên rời quan niệm *sướng* này!



Thất nhân diệt *thuật luận*

Cái *bất* hủy cái *tri*

Cái *vô* diệt cái *đẹp*

Cái *thất* triệt cái *trí*

Cái *thất* thui cái *tin*

Bất, thất, vô* vùi *tri, luận, thuật



Cái *bất* hủy cái *tri*

Tôi được dung thân tại Địa Trung Hải đã gần nửa thế kỷ, quê hương Địa Trung Hải mới lạ về mọi điều khi ta lập bản thống kê về cái *đẹp, hay, tốt, lành* mà Địa Trung Hải đã hiến dâng cho *nhân tri, nhân trí, nhân bản, nhân văn* vì *nhân loại*. Đây không những là quê hương của *triết học* mà cũng là của *toán học*, đây không những là cái nôi của *dân chủ* mà còn là của không biết bao nhiêu luận thuyết về *nhân quyền*, đây không những là quê cha đất mẹ của *thế vận hội* mà còn là của không biết bao nhiêu thuật luận về *mỹ quan, mỹ thuật, mỹ cảnh, mỹ học*... Đấy cũng đủ là lý do làm nên nguyên nhân để *học thuật* chọn nơi này làm quê hương. Không biết bao nhiêu nghệ sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ nhất là họa sĩ đã chọn nơi này làm quê hương; riêng tôi được làm hàng xóm, láng giềng với *Chagall, Picasso, Léger, Renoir*... mà nhà gần nhất là được cận kề với sư tổ tạo hình *Matisse*. Có lần tổ mình tâm sự thành thật với dân tình tại Nice rằng: *"Mỗi ngày thức dậy, chưa sáng tác gì cả, chưa vẽ được gì mà đã sống được với ánh sáng mặt trời của Địa Trung Hải tại Nice, thì đây là cơ duyên đã thành cơ may, cái may này phải hiểu như một ân huệ, một đặc ân, tự nó đã là hạnh phúc của hạnh phúc…"*.

Vì là người Việt Nam, nên tôi phải theo dõi tin tức của quê cha đất mẹ Việt từng ngày, có khi từng giờ… Chẳng may cho tôi sáng nay đã cuối năm cũ 2019, đầu năm mới 2020, có ông Tổng bí thư kiêm chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng xuất thân trong trọng bệnh để xuất thế với bạo ngữ*: "Thế giới đang bị trùm phủ bởi bóng đêm, chỉ có mặt trời tại Việt Nam"* để nói về kinh tế Việt Nam năm 2019. Ông trích một câu trong báo cáo quốc tế về kinh tế Việt Nam mà trong đó các tác giả của báo cáo này căn dặn chính quyền Việt Nam phải vô cùng cẩn trọng từ sản xuất tới xuất khẩu, từ đầu tư tới tiêu thụ… Nơi mà thực tế về nợ công không biết trả bằng cách nào, với một đất nước mà hằng năm có hàng trăm ngàn người bỏ quê hương ra đi để làm lao nô cho các nước láng giềng… Chưa kể là bọn *phản dân hại nước* bây giờ đã để lộ mặt là *bọn buôn dân bán nước*, đã để *Tàu tặc* chiếm đất, biển, đảo; đã để *Tàu họa* ô nhiễm môi trường từ Tây Nguyên tới các vùng biển miền Trung; với *Tàu hoạn* của thực phẩm bẩn, hóa chất độc, từ buôn ma túy tới buôn người… Ngay trên định nghĩa đúng về ánh sáng thì cũng thật khủng khiếp cho dân tộc tôi, vì các thành phố lớn hiện nay của đất nước như Hà Nội, thành Hồ đang thiếu ánh sáng bởi ô nhiễm môi trường với các nhà máy điện than, đang giết dần giết mòn Việt tộc… Tôi giật mình nhận ra có hai loại ánh sáng trên đời này:

- *Ánh sáng thật* của Matisse cùng bao nhiêu nghệ sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ nhất là họa sĩ đã chọn nơi Địa Trung Hải này làm quê hương…
- *Ánh sáng giả* của các lãnh đạo trong ĐCSVN, lừa đảo trong tội ác, của *loài xảo ngôn trong điếm ngữ.*

Câu chuyện *cái sáng* làm nền cho *cái đẹp,* dựng lên *cái nghệ* làm gốc cho *cái thuật,* tôi đã chọn loại *ánh sáng thật,* và tôi tin chắc bẩm là đồng bào tôi cũng sẽ chọn *loại ánh sáng thật* này!



Cái *vô* diệt cái *đẹp*

Dân tộc Pháp thường đi trước về sáng tác nghệ thuật để đi đầu trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật, đây là chuyện mà không phải dân tộc nào cũng làm được. Có lần tại xứ sở này, với các loại truyền thông kỳ thị chống các sắc tộc di dân ngày càng nhiều đã chọn nước Pháp để định cư, và trước làn sóng rất kỳ thị này thì Bộ trưởng đầu tiên của Bộ Văn Hóa là A.Malraux của chính phủ Charles De Gaulle đã thẳng lưng mà tuyên bố với nhân dân Pháp là: *"Bổn phận của nước Pháp là phải tiếp nhận các thiên tài của nhân loại"*. Và nước Pháp đã tiếp nhận để tiếp đón các thiên tài: Chagall, Picasso, Van Goch… không sao kể hết!

Chuyện lạ hơn là tôi chưa (bị) nghe một lãnh đạo nào của quốc gia này tự khen là dân tộc họ thông minh, giỏi hơn thiên hạ… có lẽ vì vậy mà họ không có một Bộ Văn Hóa với các bộ trưởng không biết gì về văn hóa như Việt Nam dưới quyền độc đảng của ĐCSVN. Để khi chúng ta đặt những câu hỏi về định nghĩa, định đề, định luận của nghệ thuật mà đạo lý sáng tạo là phải tạo nên *cái đẹp*, để quần chúng được cái đẹp, thì tôi chưa được đọc một văn bản nào, lại càng không được nghe một cuộc đối thoại để đối luận, đối đề để đối lý giữa lãnh đạo của ĐCSVN với trí thức về cái đẹp. Và, khi đi sâu vào điều tra thực địa của quyền lực, thì tôi khám phá ra tất cả các bài tham luận, tất cả các báo cáo tường trình về văn hóa và nghệ thuật của các bộ trưởng này thì đều do các cố vấn của họ viết thay cho họ. Nhưng hỡi ôi! Khi tôi được phỏng vấn, trao đổi với các cố vấn này thì tôi mới biết ra là họ cũng không có công trình, không có nghiên cứu, không có khảo sát, không có điều tra, không có điền dã gì về *cái đẹp* trong nghệ thuật. ĐCSVN độc tài bất tài vì bất lực trước lời khuyên của Nguyễn Du là: *"Phải lần cho tới tận nguồn lạch sông"* để định vị, định thế, định danh cái này là tuyệt tác, cái kia là tuyệt phẩm… Nếu chỉ biết cào cào, xới xới thì làm sao dám đào cho sâu, bới cho xong! Cái *giả biết-giả hiểu-giả thích-giả quý* không có chỗ đứng ghế ngồi chân thực trước cái đẹp!

Cái đẹp gắn bó với *cái tri* (lực hiểu biết), với *cái trí* (lực phân giải), với *cái lý* (lực chỉnh lý), với *cái luận* (lực toàn luận), với *cái giáo* (lực giáo dục) tất cả được giáo dưỡng trong một môi trường có giáo lý làm nên giáo trình, có giáo khoa dựng lên giáo án… Không chịu học thì *vô tri, vô minh* trước *cái minh* (lực thông lý) thì sẽ *vô cảm, vô giác* trước *cái thông* (lực thông suốt). Đây là bi kịch *vô (vô tri, vô minh, vô cảm, vô giác)* của các lãnh đạo trong chế độ độc đảng hiện nay, độc tài nhưng bất tài, giành độc trị về văn hóa, nghệ thuật mà không biết quản trị *cái đẹp, cái hay, cái tốt, cái lành* tới tự nghệ thuật. Thí dụ thì quá nhiều, Bộ trưởng hiện nay chưa hề có một tuyên bố gì về văn hóa về nghệ thuật về cái đẹp… Có thứ trưởng của ông chọn một bà lên đồng chỗ quen biết với ông ấy và bầu cho bà là: nữ hoàng tâm linh… Có lãnh đạo văn hóa cứ canh giữ lon coca-cola, mà nhân dân gọi bà là *tiến sĩ lon*, bà ngồi cùng chiếu ăn cùng mâm vì cùng vai vế quyền lực với bà *tiến sĩ lu,* dạy dân thành Hồ là phải chống lụt bằng *lu*!

Nhân văn tạo *nhân vị* là câu chuyện ánh sáng để đứng về phía trời cao, nó ngược lại với phía vực thấp của bóng tối hệ *vô (vô tri, vô minh, vô cảm, vô giác)*.



Cái *thất* triệt cái *trí*

Hiện nay, Việt tộc có một thủ tướng, tức là chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng không do hành pháp cử ra như các quốc gia có văn hóa của dân chủ trong văn minh của nhân quyền, mà ông thủ tướng này do ĐCSVN của ông ấy chọn, hoặc chính ông ấy tổ chức bè nhóm nội bộ để tranh giành được. Cái vô tri đến thất trí của ông này làm các công dân Việt ngày ngày giật mình, làm cho các trí thức Việt đêm đêm giật nảy mình, khi phải nhớ lại các phát ngôn của ông ấy. Khi ông đọc thẳng *cờ, lờ, mờ, vờ* do cố vấn của ông viết tham luận cho ông, mà kẻ cố vấn này thật *"vô phúc"* đã viết tắc Camphchia, Lào, Miến Điện, Việt Nam làm ông thủ tướng này phải bị *"vô phúc"* theo bởi chính cái vô tri song hành cùng vô trí của ông, mà ông thủ tướng lại phải mang tên là: Nguyễn Xuân Phúc. Gần đây ông lại ghé một tỉnh phía Bắc của đất nước, và khuyên các con dân Việt khi đi du lịch vùng này, thì mỗi người: *"Nhớ mua một con vịt quay mang về nhà"*. Chân dung tri thức của thủ tướng này là vóc dáng trí thức của hầu như tất cả các lãnh đạo của ĐCSVN đang độc quyền trên chính quyền, đang độc trị để quản trị đất nước Việt, một loại độc tôn của vô tri. Trong các cuộc phóng vấn từ thông tin chính trị tới truyền thông đại chúng, các lãnh đạo các quốc gia có văn hóa của dân chủ trong văn minh của nhân quyền, họ trả lời rõ ràng trong rành mạch là họ đang đọc cuốn sách gì; gần đây họ thưởng ngoạn qua các bảo tàng viện nào; sắp tới họ sẽ tham gia tổ chức các triển lãm nào từ văn hóa tới nghệ thuật… Khi nghiên cứu từ lý lịch cá nhân tới quá trình quản trị từ văn hóa tới nghệ thuật của các lãnh đạo ĐCSVN, chúng ta thấy hoàn toàn vắng bóng các tác phẩm văn học, vắng mặt các tuyệt phẩm nghệ thuật, các phân tích về cái đẹp, các phân giải về mỹ quan, mỹ thuật, mỹ nghệ, mỹ học… Hóa ra câu chuyện của chúng ta đang bàn về *thuật luận* nơi mà *kỹ thuật* tìm tới *nghệ thuật* để được thăng hoa trong *tuyệt tác-tuyệt phẩm-tuyệt thuật* chính là câu chuyện:

- *Nhân tri, nhân trí* luôn đối nghịch với cái *thất tri, bất trí*
- *Nhân bản, nhân văn* luôn đối trọng với cái *vô tri, bất luận*
- *Nhân lý, nhân tính* luôn đối chọi với cái *vô cảm, bất nghệ*
- *Nhân vị, nhân quyền* luôn đối kháng với cái *vô giác, bất thuật*

Mà chính *nhân tri, nhân trí, nhân bản, nhân văn, nhân lý, nhân tính, nhân vị, nhân quyền* làm nên và dựng ra *nhân phẩm*! Đừng ngừng ở một ông thủ tướng mà tất cả các ông thủ tướng Việt tộc đã biết từ khi có ĐCSVN độc quyền trong độc tôn đều mang trên thân phận họ cái *thất tri, bất trí, vô tri, bất luận, vô cảm, bất nghệ, vô giác, bất thuật*. Nhưng xã hội học so sánh trí tuệ của mỹ quan cho phép chúng ta thấy rõ ra ông thủ tướng hiện nay Nguyễn Xuân Phúc đang ở đáy của hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức, tỉnh thức…)*. Vì ông thủ tướng Phạm Văn Đồng còn hỏi tri thức thời đó trích cho câu vài câu Kiều để ông *"xài"* trong các bài tham luận của ông; và ông Võ Văn Kiệt còn biết kêu gọi trí thức lại giảng cho ông ấy nghe các chuyện trí thức mà ông không biết, còn ông thủ tướng hiện nay thì ngày ngày, tháng tháng, năm năm vẫn làm cho dân tộc của ông *khiếp hồn bạc vía* với *cái bất, cái thất, cái vô* làm nên cái *cờ, lờ, mờ, vờ* đang vật vờ trong *cờ gian, làm lờ, mờ óc, vờ sống* trên nhân kiếp của Việt tộc!



Cái *thất* thui cái *tin*

Tôi còn nhớ rõ sau 1975, khi đất nước đã qua khỏi nạn chiến tranh, một cuộc huynh đệ tương tàn thật thảm khốc lại được đánh phấn, thoa son là một cuộc cách mạng, một cuộc giải phóng, một cuộc đổi đời. Nhưng có chuyện lạ những năm từ 1975 tới 1985, tại các đại học mà tôi được đào tạo: Aix, Lyon, Nice, Paris… tôi được gặp các trí thức gốc miền Bắc tới nước Pháp như những du học sinh, thực tập viên, nhiều người trong số này trí thức với đúng nghĩa là học thuật, trí thức, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật là một tổng thể, bồi đắp cho nhau, hòa hợp với nhau thành một thực thể, giúp cá thể thành chủ thể để học hỏi, tìm tòi, tra cứu về những gì hay, đẹp, tốt, lành cho nhân sinh. Trong số người này, cứ tìm tôi trong tuần tại đại học, có người hỏi tôi*: "cuối tuần này, thành phố có buổi hòa nhạc nào hay không?";* có người đề nghị tôi: *"tớ muốn đi xem vở kịch này, cậu giúp tớ có vé, và đi cùng với tớ nhé",* có người tâm sự: *"Bảo tàng thành phố to quá, chắc tôi phải trở lại xem nữa bạn à, càng xem càng thích, càng xem càng thấy hay!"*.

Nhưng thế kỷ mới tới, thế kỷ XXI này, với những lãnh đạo, những cố vấn, những trí thức mới trong bối cảnh tiêu tan của giọng điệu *cách mạng, giải phóng, đổi đời* mà thay vào đó là tràn ngập tranh giành quyền lực dẫn tới thanh trừng nội bộ tràn lan, nơi mà *mua bằng bán cấp* qua *học giả-thi giả-điểm giả-bằng giả* song lứa với *mua chức bán quyền*, thì ngôn ngữ của các những lãnh đạo, những cố vấn, những trí thức mới cùng *thay đời đổi kiếp* theo hướng vơ vét vật chất, mà tôi thấy chính là vực thẳm trong đời sống tinh thần, tâm linh, tri thức của họ, cụ thể là khi tôi đề nghị họ: "*Có triển lãm nghệ thuật này đặc sắc lắm!"; "Nên đi thăm bảo tàng này có nhiều hiện vật lạ lắm!"; "Có muốn đi nghe nhạc tối nay không?"; "Có tác phẩm này vừa ra đời, mà độc giả được gặp tác giả, muốn đi không?"...* Các lãnh đạo, những cố vấn, những trí thức mới thường nhìn tôi như nhìn *"người ngoài hành tinh"*, rồi có khi họ nhìn nhau mà mỉm cười với nhau, nhưng họ không giấu được tính toán của họ:

- *Anh đưa chúng tôi tới siêu thị lớn nhất đi, để chúng tôi còn mua một số thực phẩm, mua rượu, mua thuốc lá nữa.*
- *Anh dẫn chúng tôi tới một trung tâm thương mại gần đây để chúng tôi mua nước hoa, đồ dụng hạng sang, mang về bên nhà mà xài.*
- *Anh dẫn chúng tôi tới một khu bán đầy đủ các mỹ phẩm cho phụ nữ để chúng tôi mua mỹ phẩm cho bà xã, mua luôn cho người yêu nữa.*
- *Anh chỉ chỗ chúng tôi mua được vừa mỹ phẩm, được vừa thuốc tây, ít thuế nhưng tha hồ lựa chọn nhé!*

Niềm tin của tôi về: học thuật, trí thức, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật như một tổng thể trong chớp mắt tan biến, bốc hơi, thành khói. Tôi nhớ lời dặn của thầy mình P.Ricoeur, Trường Sơn của hiện tượng luận, Trường Giang của triết luân lý*: "Niềm tin là do con người tạo ra, vì con người tin vào giá trị của niềm tin đó".* Trước những lãnh đạo, những cố vấn, những trí thức mới này thì niềm tin, giá trị đang bị tiêu hủy từ nội dung đến tư tưởng… Một thảm họa cho Việt tộc!



Bất, thất, vô* vùi *tri, luận, thuật

Nhớ giữa thời chiến tranh loạn lạc, khăn gói lên đường đi du học trong lúc đất nước đang điêu tàn với chiến cuộc thiêu hủy tâm hồn Việt hằng ngày, hằng giờ; vậy mà khi lên chào các thầy trung học phổ thông của miền Nam mà mình thương yêu lại được nghe những lời: đúng cả đời, có dùng mà tu cả đời không hết những lời khuyên. Ông thầy triết dặn: *"Con du học một đất nước có văn hóa cao, con học lấy bằng cấp của họ, nhưng phải hiểu văn hóa của họ con à"*. Ông thầy văn khuyên: *"Dân tộc nào có văn hóa cao là dân tộc đó có văn minh sâu con à, con phải tìm hiểu thêm, phải tìm hiểu nhiều về văn học của họ con à, con cứ tiếp tục chuyện của con là tầm sư học đạo con nhé!"*. Ông thầy toán răn: *"Con đến một xứ sở thì thấy ra ngay là họ giỏi toán thì học giỏi khoa học kỹ thuật, chưa hết, khi học giỏi về toán, về khoa học, về kỹ thuật thì học đời sống tinh thần, đời sống sáng tạo cao, con nhớ điều này, để mà học!"*. Câu chuyện của nửa thế kỷ trước ngày mình lên đường du học tưởng là chuyện của cá nhân mình, ai ngờ nó trở thành chuyện của giới trẻ, của thanh niên, của du học sinh Việt Nam hiện nay đã và đang du học phương Tây. Từ cuối thế kỷ XX vừa qua tới nay đã được hơn 30 năm, từ khi tôi được bầu cùng lúc ba vai: giáo sư đại học, giám đốc Ban Cao học châu Á, chủ tịch Viện Nghiên cứu về di dân và nhập cư, mỗi năm tôi đều có các sinh viên Việt Nam tìm đến để học thạc sĩ, rồi tiến sĩ. Tôi thấy họ hoàn toàn thờ ơ với văn hóa, văn minh, văn học của Pháp, họ càng hững hờ với nghệ thuật, sáng tạo, nên họ rất dửng dưng trước cái đẹp! Tôi thường xuyên trao đổi để nhắn nhủ với họ là:

**Các bạn đi học trong đại học nhưng phải học về chiều cao văn hóa, chiều sâu văn minh, chiều rộng văn học của xứ sở này. Các bạn nên biết những tác phẩm hay, những tác giả lớn, những tuyệt tác nghệ thuật của quốc gia này.*

**Khi rãnh rỗi, các bạn nên dùng thì giờ, nhất là cuối tuần để đi tới các bảo tàng, thăm các triển lãm, tham dự các sự cố về nghệ thuật có ngay trong thành phố này.*

**Nếu các bạn chỉ muốn quanh quẩn trong khu đại học này, thì có các cours, các hội luận, hội thảo, hội nghị về văn hóa, văn minh, văn học, nghệ thuật không những của Pháp, của Âu châu, của nhân loại nói chung, các bạn nên tham dự chỉ vì tri thức của các bạn*… Sau bao năm dài, tôi khám phá ra là không một người sinh viên này suy nghĩ và thực hiện theo hướng nhắn nhủ này, hàng trăm thạc sĩ, hàng chục tiến sĩ tới từ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa không một sinh viên nào tìm hiểu thêm những chuyện cao, sâu, xa, rộng về văn hóa, văn minh, văn học; những điều hay, đẹp, tốt, lành của nghệ thuật tại sở này, khi tôi được gặp lại các bạn này, thì tôi hiểu ra thảm họa của *bất, thất, vô* ngày ngày vùi *tri, luận, thuật* của họ. Kẻ thì: *"Thầy ơi, chúng em đi du học là để khi về lại Việt Nam thì được "thăng quan tiến chức" thầy à! Tất cả cũng vì chén cơm manh áo thầy ạ"*. Người thì: "*Thưa thầy, du học bên Pháp bao năm mà không nói rành, viết rõ, đọc sâu được ngôn ngữ Pháp, đi du học là để về lại Việt Nam mà "có chức có quyền", thời giờ đâu mà tìm hiểu thêm về văn hóa, lịch sử, nghệ thuật của họ"*. Tôi thấy sự thất bại của tôi! Tôi thấy sự thảm bại của họ! Tôi nhận ra một thảm họa cho Việt tộc của tôi!



Nhân thuật & nghệ thuật

(Hồi âm của thầy tới trò)

Biến sự phẫn nộ trước bất công,
trước bạo lực thành dũng khí

Hãy sống với dũng lực của
tình thương đồng bào, đồng loại

Dù *«đố tục»* tới đâu cũng phải *«giảng thanh»*

Thầy tin con như thầy luôn tin
Việt tộc là một dũng tộc!

Thầy tin con như thầy luôn tin
Việt tộc là một dũng tộc!

Ý nguyện làm nên ý lực
giúp người biết giữ người

Sống lâu mới biết lòng người có nhân

Thi ca: đưa cá thể gặp chủ thể



Biến sự phẫn nộ trước bất công, trước bạo lực thành dũng khí

Chào con,
Thầy xin lỗi đã hồi âm trễ tới con.

Khi con phẫn nộ vì giới trẻ, thời đại, chế độ… vì họ *ngu*, thì chính con phải làm hai chuyện: Thứ nhất là nâng trình độ tri thức của chính mình, thứ nhì là nâng trình độ của tha nhân đang bị ngu dân hóa với tình thương của chính con, không giận hờn và không oán trách, hãy tới với đời bằng lòng vị tha của con.

Con nên biến sự phẫn nộ trước bất công, trước bạo lực, trước ngu dân thành dũng khí của con, cụ thể là con biến tri thức của con thành công trình, thành tác phẩm.

Con có thể lập ra một bảng câu hỏi, chỉ cần 5 câu hỏi, rồi con chọn 5 trí thức trong nước có lương tâm, 5 trí thức ngoài nước có lương tri, rồi đặt 5 câu hỏi này:

1. *Giới trẻ của Việt tộc hiện nay cần làm gì? Phải làm gì cho đất nước, đồng bào, giống nòi?*
2. *Giới trẻ của Việt tộc hiện nay có bổn phận gì với dân tộc? Có trách nhiệm gì với xã hội? Và phải có đạo đức gì đối với tương lai của chính mình?*
3. *Giới trẻ của Việt tộc hiện nay phải có thái độ, hành động, chương trình gì trước bạo quyền độc đảng, tà quyền tham nhũng, ma quyền tham tiền?*
4. *Giới trẻ của Việt tộc hiện nay phải học gì, phải được giáo dục và giáo dưỡng ra sao để tham dự tích cực vào sự phát triển của đất nước? Vào sự văn minh của dân tộc? Vào sự thăng hóa của giống nòi?*
5. *Giới trẻ của Việt tộc hiện nay phải làm gì, có thái độ gì để đấu tranh vì tự do, công bằng, bác ái? Phải có hành động gì, có chương trình gì để dân chủ tới với đa nguyên mà bảo vệ cho bằng được nhân quyền vì Việt tộc?*

Chỉ cần như vậy, con sẽ có hằng trăm câu trả lời để có một đầu sách hằng trăm trang, để con bắt đầu có công trình, có tác phẩm mà bảo vệ nhân tri của con, vì đồng bào của con.

Chúc con luôn có tỉnh táo để có công trình, luôn có sáng suốt để có tác phẩm!



Hãy sống với dũng lực của tình thương đồng bào, đồng loại

Chào con,
Thầy phải đưa hai cô con gái đi thăm bạn bè, nên thầy hồi âm trễ tới con.
Con có tấm lòng với đời, con lại có văn phong của một người vừa hiểu đời, vừa yêu đời, có tình thương với tha nhân, con sẽ có đủ nội lực để song hành cùng thời đại của con, con lại có văn phong của một người cầm bút có lương tâm.

Như vậy con nên để thời giờ mà viết một cuốn sách, làm nên công trình tri thức của con, là nên sự nghiệp trí thức của con, một cuốn sách trong đó hoài bão là hoài vọng của con, lương tâm là lương tri của con, mà dàn bài của đầu sách có thể là:

- *Hạnh phúc và niềm tin*
- *Hạnh phúc và công bằng*
- *Hạnh phúc và tự do*
- *Hạnh phúc và bác ái*
- *Hạnh phúc và dân chủ*
- *Hạnh phúc và nhân quyền…*

Chỉ cần 50 trang tới 100 trang là đồng bào, đồng loại sẽ nhận ra nhân sinh quan, thế giới quan của con, để được song hành cùng con đi vào tiến bộ của xã hội, văn minh của dân tộc, tất cả thăng hoa vì giống nòi. Con sẽ nhận ra nghệ thuật trong công việc này.

Hãy luôn mang dũng lực của tình thương đồng bào, đồng loại như chính sung lực của riêng con làm nên tầm vóc, tầm cỡ, tầm nhìn của con. Con sẽ nhận ra nghệ thuật trong công trình này.

Chúc con muôn sự tốt lành.



Dù «đố tục» tới đâu cũng phải «giảng thanh»

Chào con,

Con cứ yên tâm nhé! Nếu con có lý tưởng cộng hòa (tự do, công bằng, bác ái), con lại có thực chất của dân chủ vì nhân quyền, thì chúng ta có cùng một nhân sinh quan, một thế giới quan, một vũ trụ quan, chúng ta đã đồng hội đồng thuyền rồi.

Chỉ cần con luôn chú ý mà luôn dùng ái ngữ của nhân từ và nhân tâm trong bất cứ tình huống nào. Đây là điểm khác biệt giữa những người đấu tranh vì nhân phẩm, họ đối ngược lại với bạo quyền, tà quyền, ma quyền chỉ biết dùng: ác tâm qua tục ngôn.

Chúng ta thì phải luôn ở cõi thanh để đối trọng trong đối luận với bọn bạo quyền, tà quyền, ma quyền đã chọn cõi tục, đây là loạn kiếp của họ. Thầy vừa đăng bài trần thân không trần tục, con cứ đọc trên các báo mà con biết; dù «đố tục» tới đâu con cũng phải «giảng thanh» nhé !

Khi con gặp bạo ngữ trong nhân gian con phải trải đường bằng ái ngữ của nhân tâm, nhân từ; khi con chạm mặt với tục ngôn trong nhân thế con phải nở mặt bằng minh ngôn của nhân bản, nhân văn; khi con gặp tà ngữ trong nhân sinh, con phải thẳng bước bằng chính ngữ của nhân lý, nhân tính. Chỉ có như vậy nhân cách của con mới không bị «vấy bùn», và cũng chỉ như vậy thì ái ngữ của minh ngôn mới vượt thoát để vượt thắng bùn nhơ con à. Vì ái ngữ của minh ngôn biết đi trên lưng, trên vai, trên đầu cái tục, thường lẩn lút, chui rúc với cái bạo, cái tà, cái ma để vấy bẩn nhân phẩm

Chính ngữ tạo được ánh sáng, chính ngôn tạo được hào quang, để ái ngữ sẽ mở rồi nới rộng nhân lộ giúp kẻ tục biết chọn nhân đạo mà đi phía các chân trời của nhân phẩm làm nên nhân vị và nhân cách của chúng ta.

Thầy chúc con một cuối tuần bình an.



Thầy tin con như thầy luôn tin Việt tộc là một dũng tộc!

Chào con,
Tối nay, thầy đọc đi đọc lại câu này của con*: «Thầy ơi! Con làm 1 người đấu tranh vì dân chủ thôi! Con đã chuẩn bị cả cho tình huống bị bắt vào tù rồi! Cảm ơn thầy đã muốn những điều tốt đẹp cho con!».*
Thầy suy nghĩ nhiều về câu này, cũng câu này đã đưa thầy trở lại tuổi thanh thiếu niên của thầy, giữa cuộc chiến Nam-Bắc thế kỷ qua, thầy cũng đấu tranh vì dân chủ, vì nhân quyền, và vì hòa bình. Thủa ấy, thầy chỉ 17 tuổi, cũng chỉ bị *«ở tù»* có vài ngày, nhưng trong ngày đó não trạng của thầy nẩy sinh một nỗi lo mới, một nỗi lo chưa bao giờ có, nếu ta chưa một lần *«ngồi tù»*. Đó là nỗi lo làm cho mẹ cha buồn, vì cha mẹ chưa hiểu sự dấn thân của mình. Chuyện thật lạ! Ngồi trong tù mà lo chuyện ngoài tù! Nhưng thầy biết là con hiểu chuyện thầy đang muốn nói với con.
Con hãy gần hơn mẹ cha trong những ngày tháng tới và giải thích với mẹ cha sự chọn lựa của con: một sự dấn thân vì đồng loại! Sự hy sinh vì đồng bào! Để cha mẹ hiểu con hơn, hiểu là con đã chọn một con đường đúng, trên *nhân lộ của chính nghĩa,* trong *nhân cách của lý tưởng*, trong đó có nhân phẩm của con, của gia đình, của thân tộc, và của Việt tộc. Khi mẹ cha hiểu được *nhân lộ có nhân cách* song hành cùng *nhân phẩm làm nên nhân vị* của con, thì chính mẹ cha sẽ cùng đồng hành với con, trong thử thách của gian nan, trong thăng trầm của đấu tranh, con sẽ không bao giờ cô đơn. Khi chính mẹ cha đã *xẻ da cắt thịt* để đưa con vào đời thì chính họ cũng muốn con sống hay, sống đẹp, tức là sống đúng như sự chọn lựa hiện nay của con: Vì tiến bộ xã hội, vì văn minh giống nòi, vì nhân vị dân tộc. Khi gia đình đồng hành với con, thì tổ tiên cũng *chia ngọt sẻ bùi* với con, ông bà cũng *đồng cam cộng khổ* với con, đạo lý Việt rất rõ về chuyện này: *«con cháu ở đâu, ông bà ở đó»*.
Chính đây cũng là sự thất bại của bạo quyền độc đảng, sự thảm bại của tà quyền tham quan, sự lụn bại của ma quyền tham tiền, nếu chúng *«bỏ tù»* đồng bào của chúng, thì chính bạo quyền độc đảng đã thất nhân, tà quyền tham quan đã vô nhân, ma quyền tham tiền chắc chắn đã thất nhân lẫn thất đức. Vì chúng hiểu rõ sự thất bại về lương tâm, sự thảm bại về lương tri, sự thất nhân lẫn thất đức trước sự lương thiện của con, của thầy nên chúng không bao giờ đủ can đảm đối diện để đối thoại, đối đầu để đối luận với chúng ta. Chúng chỉ biết đàn áp, khủng bố, bắt bớ, tù đày hãm hại vì chúng rất sợ lương tâm chúng ta luôn biết dùng lương thiện để trao lương tri tới đồng bào, đồng loại của chúng ta.
Giữa ánh sáng của nhân sinh, giữa chợ đời của nhân thế, giữa *nắng sớm chiều mưa* của nhân gian, con đã *đứng lên-thẳng lưng-ngẩng đầu-đi tới* để bảo vệ tự do, công bằng, bác ái, lấy dân chủ để bảo hành nhân quyền; thì thầy tin là con sẽ không *cúi đầu-khoanh tay-quỳ gối* trước bạo quyền độc đảng, tà quyền tham quan, ma quyền tham tiền…



Thầy tin con như thầy luôn tin Việt tộc là một dũng tộc!

Ý nguyện làm nên ý lực giúp người biết giữ người

Chào con,
Cả ngày hôm nay, thầy đọc lại nhiều lần câu này của con:
*"Con cầu nguyện Đức Chúa và có cả cảm ơn Người đã gìn giữ thầy".*Thầy cảm tạ trong tri ân về câu này, chính bản lĩnh của lương thiện, cùng nội công của lương tâm, đã song hành cùng tầm vóc của lương tri đã làm nên con người của con, một con người biết sống đúng để sống đẹp, một con người biết sống hay để sống lành, đây là sự trưởng thành của *nhân tri* có trong *nhân tính* lẫn *nhân trí* của con.

Thầy không theo đạo, thầy không theo một tôn giáo nào, nhưng lòng kính trọng trong nghiêm cẩn trước các đạo giáo, các tôn giáo luôn có trong phản xạ của thầy… Sâu hơn nữa sự cầu nguyện có trong nhân cách của người đang cầu nguyện luôn luôn là một hình ảnh vô cùng đẹp đối với thầy. Một người biết gửi sự cầu nguyện của mình như một ý lực để bảo vệ đồng bào, đồng loại, tha nhân từ gần tới xa, người đó đã biến nhân sinh quan vị tha của mình thành thế giới quan của từ tâm, nên câu chuyện *thương người như thể thương thân*, là câu chuyện có thật! Câu chuyện *thương người* này không mơ hồ vì cầu nguyện đã làm nên *nhân tâm* của *nhân tính*, nó không hề là chuyện mông lung vì nó làm nên *nhân lý* của *nhân từ*, và *thương người* lại không phải là câu chuyện của lý thuyết vì chính *nhân tâm* cùng *nhân từ* đã tạo ra *nhân phẩm*, chế tác ra ra chân dung diện mạo cho *nhân vị*.

Con biết không các thế hệ đi trước chúng ta đã suy nghĩ nhiều về nhân cách làm nên *nhân bản* và *nhân văn*. Có lần trong cuộc biểu tình xuống đường tại Mỹ để đòi hòa bình cho Việt Nam, thì mục sư King có hỏi thiền sư Thích Nhất Hạnh, nên chọn khẩu hiệu gì cho cuộc xuống đường này? Thầy Thích Nhất Hạnh khuyên mục sư King chọn một ca từ trong một ca khúc của nhạc sĩ Phạm Duy: *"Tôi từ chối giết người, vì giết người rồi, thì tôi sống với ai?"*. Thầy nhắc lại chuyện xưa này, để thầy nói rõ với con là câu của con: *"Con cầu nguyện Đức Chúa và có cả cảm ơn Người đã gìn giữ thầy"* cũng vừa *hay, đẹp, tốt, lành*, cũng vừa *cao, sâu, xa, rộng*, cũng song hành được với câu của bác Phạm Duy.

Như vậy là con đã trưởng thành, con đã thành công ngay trong ý nghĩa về cuộc sống, từ ngữ pháp tới ý nguyện của con; xa hơn con đã thành tựu trong *nhân cách*, thành tài trong *nhân vị*, nhất là thành nhân trong *nhân từ* luôn là chỗ dựa vững chắc nhất của *nhân vị*. Nếu cha mẹ của con biết được tầm vóc *nhân bản* của con, thì mẹ cha của con sẽ rất vui; nếu các con của con biết được *nhân tâm* của con, thì các con của con sẽ thấy được cơ-duyên-trong-cơ-may đã và đang được sự giữ gìn, che chở, đùm bọc, bảo vệ bởi con.

Thầy chúc con muôn điều tốt lành trước sự thăng trầm của nhân sinh…



Sống lâu mới biết lòng người có nhân

Chào con,

Thầy đã đọc thư của con, thầy rất hiểu thắc mắc của con: chữ *nhân* và chữ *người* là *một trời một vực* con à! Vì sinh ra là *người* mà khi chết rồi cùng chưa chắc thành *nhân.* Nếu dân tộc mình hét lên bạo quyền độc tài hiện nay là *thất nhân*, nếu đồng bào mình gào lên tà quyền tham nhũng hiện nay là *vô nhân*, nếu quần chúng mình vạch mặt chỉ tên ma quyền tham tiền hiện nay là *vô nhân thất đức*, thì bọn này tới ngày xuống mồ cũng chưa chắc hiểu được chữ: *nhân* đâu con…

Trong thư của con, con kể là sao con thấy hệ thống *luận* (lý *luận, lập luận, giải luận, diễn luận)* của thầy trên hệ luận *nhân (nhân lý-nhân tính-nhân tri-nhân trí-nhân bản-nhân văn- nhân tâm-nhân từ-nhân đạo-nhân nghĩa)* làm nên *nhân cách*, sao nó *«phức tạp quá»*! Thầy xin trả lời con, nó không phức tạp như ta nghĩ đâu, con hãy bắt đầu bằng lời dặn dò của Rousseau: *«Les hommes soyez humains» (con người ơi hãy giữ nhân tính)*, từ đây con hãy đi từng bước, rồi lên từng tầng, thì mọi chuyện sẽ rõ trước mắt con:

* Mỗi ngày, con phải sống ở tầng trệt với: *nhân sinh, nhân thế, nhân gian, nhân kiếp,* nơi mà *nhân cách* bị thử thách rất gay go nhất. Nhân sinh là thực tế, nhân thế là thực cảnh, nhân gian là thực địa, cả ba làm ra cho mỗi chúng ta đang sống trong thực trạng *bây giờ và ở đây*, bó buộc chúng ta phải bảo vệ các giá trị của cộng hòa là *tự do-công bằng-bác ái*, các giá trị của *dân chủ-nhân quyền-đa nguyên.*

* Con hãy lên tầng một cao hơn, nếu con luôn muốn không những sống đúng mà còn phải sống hay, sống đẹp, thì *nhân lý* sẽ xuất hiện để bảo vệ *nhân tính* của mình; nơi mà nhân lý biết hợp lý trong sống chung, biết chỉnh lý trong sống chia. Từ đây, nhân tính biết toàn lý trong chung-chia, để *tự do* của mỗi cá thể biết chung-chia với *công bằng* vì tập thể, mà chế tác ra *bác ái* chung-chia để chia-chung.

* Con hãy bước thêm để lên trên cao một tầng nữa, để nhân ra *nhân tri* và *nhân trí* xuất hiện khi *nhân lý* đã là móng dựa trên nền của *nhân tính*, hướng dẫn mọi hành động của cá nhân, tập thể, cộng đồng, xã hội. Tại đây sự hiểu biết về *nhân sinh, nhân thế, nhân gian, nhân kiếp* đúc kết ra *nhân tri*, luôn được hỗ trợ bởi *nhân trí* chính là *ý thức* về tiến bộ xã hội, có nhận thức về văn minh cho dân tộc sẽ làm nên *tỉnh thức* cho cả giống nòi được trang bị bởi các kiến thức đứng đắn, đàng hoàng, tử tế, không mỵ dân bằng mê thức.

* Lên cao nữa con à, ở tầng trên nữa con sẽ nhận ra liên minh giữa *nhân lý-nhân tính-nhân tri-nhân trí,* vừa là nội công của *nhân loại* để cho ra đời *nhân bản, nhân văn*; vừa là bản lĩnh của *nhân sinh* biết chế tác ra *nhân tâm, nhân từ,* làm nên đường đi nẻo về cho *nhân đạo*, nâng cao tầm vóc của *nhân nghĩa.*

*Cứ lên cao hơn để thấy để thấu là khi con người có: *nhân lý-nhân tính-nhân tri-nhân trí-nhân bản-nhân văn-nhân tâm-nhân từ-nhân đạo-nhân nghĩa,* thì con người sẽ có *nhân cách*! Và *nhân cách* đại diện cho *nhân phẩm* hình như đỉnh

cao nhất của *nhân vị*! Chính sáng tạo nghệ thuật phải đi con đường này để tạo cho chính nó nội lực, bản lĩnh, tầm vóc trước các thử thách của nhân sinh.



Thi ca: Đưa cá thể gặp chủ thể

Chào con,

Thầy cảm ơn phong cách đọc thư cùng nhân cách cảm nhận thơ của con, vì con đã viết những dòng này rất đúng, đây là những dòng của một người yêu thơ và hiểu thơ: *"Cá nhân và ý vị của con thì vẫn muốn, giá như thơ của thầy thêm 20% hơi thở cuộc sống, như là sự chế loãng, lỏng phẩm vị để đồng điệu cây đời. Như thể khai phóng bản tự do, tự nhiên chất thơ"*.

Chúng ta hãy bắt đầu đi tìm *định nghĩa* thi ca là gì? *Định chất* của nó mang những giá trị gì? *Định đề* của nó giải quyết chuyện gì của con người? *Định luận* của thơ sẽ dẫn dắt nhân sinh đi về đâu? Nếu chúng ta trả lời được ít nhiều các câu hỏi này thì chúng ta sẽ làm được một chuyện có thể vừa sắc, vừa nhọn cho nhân kiếp: chúng ta sẽ giải phóng thi ca, cùng lúc giải phóng luôn cho nhân kiếp của chúng ta! Khi sống với thơ, thầy luôn vừa bị vây hãm, vừa được nhắc nhở bởi những câu hỏi kiểu này, để thầy kể con nghe *đường đi nẻo về* mỗi khi thầy rơi vào không gian của thi ca:

- *Thơ là thượng nguồn của tư tưởng*, chính thơ là đứa trẻ sơ sinh của tư tưởng, nhưng rất lạ là nó mới ra đời mà nó đã biết đi, biết chạy, biết hát, kể cả biết bay, biết hoạt náo cuộc sống để tư tưởng từ từ tới với lý luận để lập luận, tới với với giải luận để diễn luận. Từ đây, thi ca trao cho triết học chức năng phân tích và vai trò giải thích tư tưởng, nên thi ca tạo *sơ ngộ* để triết học có cơ duyên *hội ngộ* với tư tưởng, rồi thơ tiếp tục làm cầu nối cho tư tưởng và triết học được *tái ngộ*, để tạo ra *hạnh ngộ* với tuệ giác. Nếu con đi trên thi lộ này, thì con sẽ hiểu bác Bùi Giáng, bác có một câu thật kinh hoàng: *"Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn"*, nếu không thấy được sung lực của thi ca, thì không khác gì làm cho thơ chết ngay khi nó vừa ra đời.
- *Thơ làm rộng không gian của nhân sinh*, thơ có chủ lực luôn nới rộng không gian, thơ luôn vượt thoát để vượt thắng các biên giới, từ biên giới địa lý tới biên giới lòng người, thơ biết bay qua, bay cao trên mọi giới hạn. Mọi ý định để định vị thơ, rồi giam cầm cầm nó trong ý muốn cá nhân hay ý đồ của ý thức hệ đều thất bại; phục kích thơ trên độc đạo của độc tài, thì thơ đã ra ngã tư, ngã năm, ngã bảy từ lúc nào rồi! Thơ thong dong trong thảnh thơi để rong dạo ngoài mọi sự kiểm soát. Nội lực thơ

làm nên sung lực thơ, thơ nói chuyện tình yêu bằng địa dư mênh mông, thơ tả yêu đương bằng không gian sôi nổi, bác Hoàng Cầm đứa con tin yêu của Kinh Bắc, với bác thì Bắc Ninh của con luôn sôi động: *"Có phải em đang cầm gió Bắc. Quất lên sông Đuống buốt phù sa"*.

- *Thơ biến tâm trạng thành tâm cảnh,* thơ đi từ chiều sâu của *tâm hồn* để rồi lan tỏa cùng khắp mọi không gian ngoại giới, để kẻ làm thơ tới người đọc thơ nhận ra sự hội tụ của *tâm trạng* bên trong và của *tâm cảnh* bên ngoài. Một sự hội tụ vừa làm nên chiều sâu, vừa làm nên chiều cao, mà thơ lại biết đi xa để khơi rộng *tâm giới*: *"Quê nhà xa lắc, xa lơ đó. Trông lại tha hồ mây trắng bay"*. Tại đây, hãy nhận ra liên minh *tâm hồn-tâm trạng-tâm cảnh-tâm giới* trong thi ca của bác Nguyễn Bính, người tình tâm trạng thi ca*:" Mưa chấm tay em từng chấm nặng"*, một cấu trúc thi ca vô cùng hiện đại, nên những kẻ vô tri vì vô giác, vô minh vì vô cảm dám nói, dám viết là thi ngữ của bác Nguyễn Bính là quê mùa, là mộc mạt…họ thật bất cẩn!
- *Thơ biết thăng hoa tình yêu,* mà không phải thăng hoa trong ích kỷ của hai kẻ đóng kín cửa để yêu nhau mà quên mất nỗi khổ niềm đau của đồng loại. Thơ thăng hoa tình yêu bằng phương pháp trực tiếp mà chỉ có thơ mới biết thực hiện*:" Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ"*, nơi mà *nhân ái, nhân tâm, nhân từ* kết tụ thành *nhân tình*, tầm vóc ca từ của bác Trịnh Công Sơn được làm ra từ nội công của thi ca của bác ấy. Vì bác Sơn biết rõ hơn ai hết thơ phải mang trong số kiếp *cõng, gánh, bồng, nâng* nhân kiếp:*"Chim thiêng hát lời mệnh bạc",* nhưng thơ không bao giờ quên trao tình yêu cho nhân thế, để nhân tính sẽ làm dàn phóng cho nhân lý: *"Tôi là ai mà yêu quá đời này"*.
- *Thơ báo động cuộc sống phải sống,* mà *sống* đây là sống tức khắc để nắm sự thật tức thì, sống ngay bây giờ và ở đây để giữ chân lý của thời gian, mà cũng để sống cùng một dòng sinh mệnh với nhân sinh, có đồng loại cận kề, có nhân loại bao la. Con nên tìm và đọc thật kỹ thơ của bác Tô Thùy Yên, tinh hoa của thi ca miền nam thân thương, nguồn nước ngầm bền bỉ qua bao vấn nạn của Việt tộc. Những năm bác còn rất trẻ, bác biết mình sẽ gửi sinh mạng cho thơ, sống chết cùng thơ, nên thời gian trong thi ca của bác luôn hối thúc ta: *"cuộc sống báo động từng giờ"*, vì bác đã nhận ra nhân lộ của nhân kiếp: *"Trên dốc thời gian hòn đá tuột. Lăn dài kinh động cả hư vô"*.
- *Thơ đưa cá thể tới gặp chủ thể,* mà cá thể chỉ là cá nhân trong cô lẻ, còn ngược lại chủ thể biết chủ động để chủ quyết, nhận bổn phận, đón trách nhiệm, hiểu lịch sử nhưng không lập lại lịch sử, biến sáng tạo thành sáng

tác, biến cuộc đời thành tác phẩm. Cá thể thủa nào lạc lỏng trong cô đơn, giờ đây bằng thi ca đã vực dậy để đứng lên làm chủ thể để quyết định nhân cách cho chính mình, để cả quyết về nhân phẩm của mình. Bác Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi vừa xa lạ trước mắt chúng ta, vừa xa tắp nơi mà tầm nhìn của bác đã làm nên tầm vóc cho mỗi chúng ta, những con người luôn muốn là chủ thể trước cuộc đời. Bác ấy đã làm rõ từng nét chân dung của chủ thể:" *Tôi chờ đợi lớn lên cùng giông bão",* thi ca đã dâng chủ kiến để chủ thể nắm chủ luận:" *Tôi chờ đợi cười lên sặc sỡ...Bấu lấy tim tôi thành nhịp thở".*

Thôi thầy xin ngừng ở đây, nếu không thầy lại sa đà…Riêng câu hỏi của con:*"Sao con thấy thơ thầy buồn quá vậy?",* thú thật là thầy không trả lời được câu này.

- Không biết có phải mình đã sinh ra và lớn lên trên một đất nước điêu linh vì chiến tranh đã làm tâm hồn mình rụi tàn với bao thương tích của đồng bào qua bao trận mạc: "*Mắt lỗ châu mai. Thịt xương pháo đài tủy lạnh…".*
- Ngày xếp hành trang lên đường du học, rồi nữa thế kỷ sống tại Âu châu với tâm trạng lưu vong không dứt, với tâm thế vong thân không ngừng:*"Bước vong hồn như chim vừa bay, vừa khát… Trên đầu… xa xa…vang vang bước chân lùi ngược các tinh cầu".*
- Giờ với tuổi đời đã lấn mình hằng ngày, lại chọn nơi sống biệt tăm, biệt tích giữa biển, rừng, núi, đồi của Địa Trung Hải này, mà ngày nào cũng nhầm biển là thơ:*" Lội câm theo sóng rụng… thân thể vết thẹo đại dương…bờ không còn đợi như môi…".*



Phụ bản:
Các triển lãm tại Địa Trung Hải của tác giả

Triển lãm đá

Triển lãm đồng

Triển lãm gổ

Triển lãm gốm

Triển lãm gốm Chu đậu

Triển lãm Điềm Phùng Thị

TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT



CANNES-MONACO-NICE
Địa Trung Hải. Pháp quốc.

Vinh danh
nghệ thuật Việt tộc

Giới thiệu 100
hiện vật chất liệu

ĐÁ

Liên lạc và kết nối : ngheviet2018@gmail.com
Phone (facetime/viber/zalo) : +33 607 309 737

















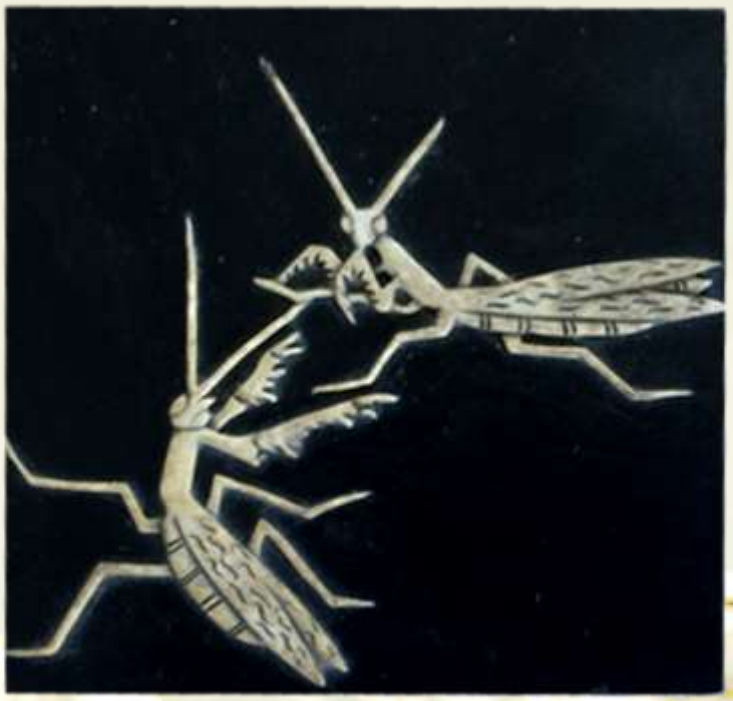







TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT

CANNES-MONACO-NICE
Địa Trung Hải. Pháp quốc.



Vinh danh
nghệ thuật Việt tộc
Giới thiệu 100
hiện vật chất liệu

ĐỒNG











































TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT

CANNES-MONACO-NICE
Địa Trung Hải. Pháp quốc.



Vinh danh nghệ thuật Việt tộc

Giới thiệu 100 hiện vật chất liệu

GỖ

Liên lạc và kết nối : ngheviet2018@gmail.com
Phone (facetime/viber/zalo) : +33 607 309 737

























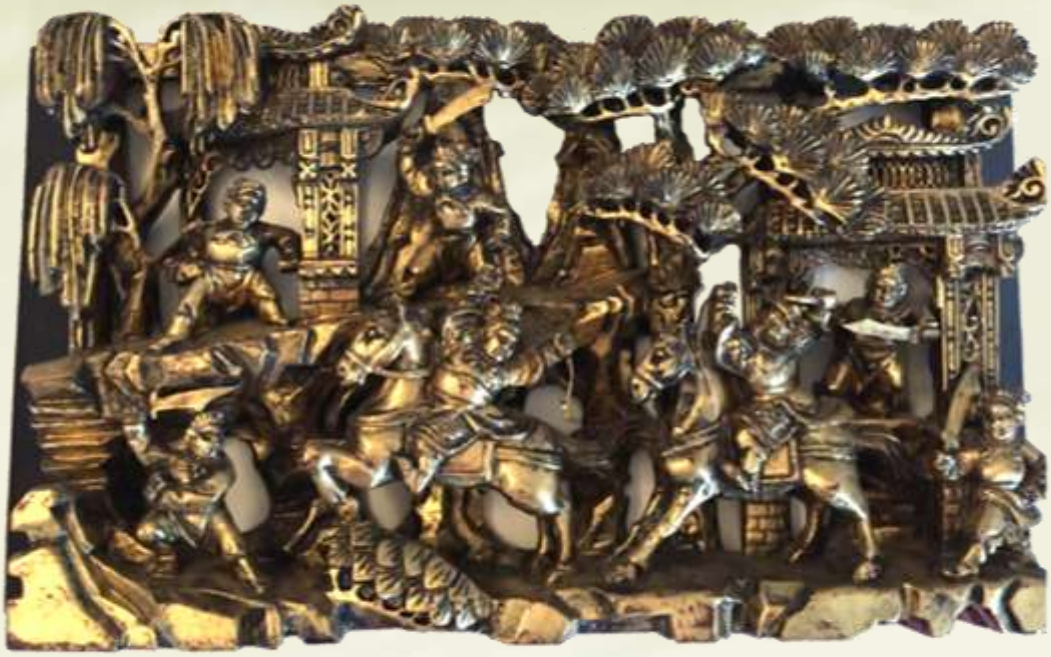



TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT

CANNES-MONACO-NICE
Địa Trung Hải. Pháp quốc.



Vinh danh nghệ thuật

GỐM

Liên lạc và kết nối : ngheviet2018@gmail.com
Phone (facetime/viber/zalo) : +33 607 309 737























TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT

CANNES-MONACO-NICE
Địa Trung Hải. Pháp quốc.



Vinh danh nghệ thuật

GỐM CHU ĐẬU

Liên lạc và kết nối : ngheviet2018@gmail.com
Phone (facetime/viber/zalo) : +33 607 309 737

























Thay cho ảnh bìa

TRIỂN LÃM CỦA NGHỆ VIỆT

CANNES-MONACO-NICE

Địa Trung Hải. Pháp quốc.



Vinh danh nghệ thuật điêu khắc gia

ĐIỀM PHÙNG THỊ

giới thiệu 20 tác phẩm

Liên lạc và kết nối : ngheviet2018@gmail.com
Phone (facetime/viber/zalo) : +33 607 309 737





















LÊ HỮU KHÓA

ÁO DÀI

(diện-dáng-dạng-duyên)



NHÂN HỌC DUYÊN DẠNG

Anthropol-Asie



Tặng những chiếc áo dài biết làm đẹp nhân diện, làm sáng nhân dạng phụ nữ Việt, biết chủ duyên giữa trần duyên, biết đi trên duyên lộ*: một duyên-hai nợ-ba tình*.



Tri ân, cảm tạ và kính phục những nhà thiết kế cùng nhiếp ảnh gia đã cảm nhận, để thăng hoa những *nhân diện*, *nhân dạng*, *nhân cách phụ nữ Việt trong chiếc áo dài Việt*, để cùng nhau gìn giữ *quốc hồn Việt!*



Mục

Chủ đề

Chủ pháp

Chủ giải

Chủ duyên

Có một nhân học duyên dạng

Nhân diện

Nhận dạng

Nhân cách

Có một nhân học dạng duyên



Chủ đề

Chủ đề -nhập đề để mở đề- của bút luận này không bình phẩm về áo dài, với lời khen tiếng chê, mà dựa vào các lý luận của tri thức về *nhân diện*, *nhân dạng* làm nên *nhân cách*, khi một phụ nữ quyết định mặc chiếc áo dài bằng kiến thức của chính mình. Liên hợp *nhân diện-nhân dạng-nhân cách* có nền là truyền thống, có cội là văn hóa và có nguồn là giáo dục làm nên một khái niệm mới về *nhân học sĩ diện*. Nơi mà bề ngoài của một cá nhân trong quan hệ xã hội chính là nội dung của nhiều nội dung về gia đình, về tập thể, về cộng đồng đã làm nên cá tính của cá nhân.



Chủ pháp

Chủ pháp -bằng phương pháp luận thực địa- của bút luận này không phân tích sự tích của áo dài, cũng không giải thích sự cố của áo dài, mà chỉ dựa vào *hiện tượng luận trực quan* (*mắt thấy tai nghe*) về áo dài để vận dụng *hiện tượng luận lý trí* (*so ra mới biết ngắn dài*) về nhân diện, nhân dạng và nhân cách. Khi một phụ nữ quyết định mặc chiếc áo dài với ý thức của chính mình, thì cá tính đã có nội công, cá nhân đã có bản lĩnh, làm nên tầm vóc của người phụ nữ đã quyết đoán khi chọn mặc chiếc áo dài, nếu quyết đoán này đúng và được công nhận bằng sự khâm phục của tha nhân thì cá thể này đã thành chủ thể để giới thiệu cái đẹp đến với đồng loại.



Chủ giải

Chủ giải -từ giải thích tới giải luận- của bút luận này mang *đề nghị đôi* của nhân học, cụ thể là khi nghiên cứu, khảo sát, điều tra về một đối tượng thì khoa học luận của nhân học phải đi từ *mặt nổi của văn hóa* (thấy được), từ sinh hoạt văn hóa tới quan hệ văn hóa làm nên đời sống văn hóa. Mà không quên *mặt chìm của văn hóa* (cảm nhận được), nơi có niềm tin làm nên tín ngưỡng, có thuần phong làm nên mỹ tục, có giá trị tâm linh làm nên giá trị đạo đức. Bút luận này đề nghị đi xa hơn một bước nữa để thấy sự liên kếp, sự hội tụ, sự nhập nội lẫn nhau giữa *mặt nổi* và *mặt chìm của văn hóa* để nhận ra nhân học nhân cách. Nơi đây nhân cách không còn là chuyện bày biện hình thức để khoe khoang bề ngoài, mà nhân cách là sự thông minh biết tôn trọng lẫn nhau được bắt đầu một cách đơn phương của một người phụ nữ biết mặc chiếc áo dài đẹp, làm nên quan hệ đẹp, sinh hoạt đẹp, đời sống đẹp.



Chủ duyên

Khi đang làm đẹp cho mình, cho chính chiếc áo dài mà mình đang mặc, thì người phụ nữ này đang làm đẹp từ sinh hoạt xã hội tới quan hệ xã hội làm nên đời sống xã hội đẹp. *Trông gần để nghĩ xa*, khi một người phụ nữ biết mặc chiếc áo dài đẹp, làm đẹp cho mình, làm đẹp cho chính chiếc áo dài của mình, thì người phụ nữ đó đang làm đẹp cho bối cảnh của các cuộc gặp gỡ. *Nhìn người rồi nghĩ tới ta*, người phụ nữ đó đang trợ lực cho *sơ ngộ* để cái đẹp trợ lực cho *tao ngộ*, với thời gian sẽ trợ duyên cho *tái ngộ*, và nếu có tái ngộ thì *hạnh ngộ* sẽ có mặt trong *trần duyên*. Cái *đẹp người-đẹp áo* làm nên thuận cảnh để *thuận duyên* xuất hiện, nơi đây cái đẹp đã mở đường chỉ lối cho cái duyên. Mà khi cái duyên có rồi thì nó sẽ đi rất xa: *một duyên-hai nợ-ba tình.*



CÓ MỘT
NHÂN HỌC DUYÊN DẠNG

Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm hỏi có duyên gì hay không, chỉ một lần gặp gỡ mà có thể đã *thay đời đổi kiếp* một nhân số, người Việt tin trong của nhân số, có lõi số phần, được làm nên bởi *nhân duyên*, mà *duyên* tới từ một người thường là xa lạ.

Kẻ xa người lạ này làm thay đổi mọi nhân sinh quan đang sẵn có, mọi thế gian quan đang vững vàng, mọi vũ trụ quan đang cứng rễ, vậy mà chỉ một lần gặp gỡ với kẻ xa người lạ chuyện thay đời đổi kiếp như *long trời lở đất* đã đến, tưởng như đã làm *thay hồn đổi xác*, giờ đây những chuyện tưởng như vững chắc trong miên viễn đang bị xem lại, xét lại, tổ chức lại.

Tất cả đều có thể xảy tới trong nhân kiếp của mỗi người, khi ta nhìn để thấy được nhận diện của tha nhân, khi ta thấy cho thấu được nhận dạng của tha nhân, khi ta hiểu rồi thương nhân cách của tha nhân, nhân học duyên dạng đã xuất hiện từ đây.

Một chủ đề nhân học chủ yếu như vậy mà chỉ có ca dao, ngạn ngữ, dân ca nói lên được, còn các chuyên ngành của khoa học xã hội và nhân văn đã vắng mặt, từ lý thuyết tới phương pháp, mặc cho văn chương vận hành câu chuyện *duyên khởi* qua thi ca và tiểu thuyết. Một chủ đề chủ trọng như vậy, mà triết học, sử học, nhân học, xã hội học lại khơi khơi vắng bóng, lại tà tà biệt dạng.



Phạm trù *duyên* lại là gốc, rễ, cội, nguồn của văn hóa Việt tộc, *duyên* mô tả câu chuyện biến thiên của *thay đời đổi kiếp*, theo chiều rộng và theo chiều cao, và *duyên* lột tả các công đoạn *thay hồn đổi xác* của nhân kiếp chỉ qua nhân tình, đây là chuyện vừa hay lại vừa sâu.

Phạm trù *duyên* phải được chú ý-lắng nghe ngay trong lý thuyết luận, phương pháp luận, khoa học luận của các chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn. Nếu phạm trù *duyên* này cứ *«biền biệt miệt đâu đâu»,* mà các chuyên gia của các chuyên ngành này không nhận ra, thì đây chính là lỗi của các chuyên gia trong các chuyên ngành này, chớ không phải lỗi của ai khác cả. Hóa ra ngay trong sinh hoạt của học thuật, trong đó có nghiên cứu cũng bị những bóng đêm che lấp mà không được đi tới nơi tới chốn; có khảo sát cũng bị những nếp gấp không được mở ra tới gốc tới ngọn; có điều tra cũng bị những thói quen không được ngó ngàng tới gốc, tới rễ; và có điền dã cũng bị những đãng trí không được sáng lên tới hoa tới trái trước phạm trù *duyên*.

Duyên dạng của một người đẹp trong dáng duyên với áo dài duyên là một chuỗi sự kiện làm nên *«động đất»* ngay trong *«đất trời của đời sống nội tâm»*. Người của *duyên khởi* song lứa với áo của *duyên thầm*, và nếu gặp *duyên lành* thì người *đáng yêu* sẽ trở thành người *đáng tin*. Từ đây, phạm trù *duyên* vượt lên một nhân kiếp chỉ biết vị kỷ trong tính toán, chỉ biết ích kỷ trong toan tính (chắc chắn đây là chân dung xã hội của các nhân dạng vô duyên).



Phạm trù *duyên* đi trên lưng chuyện *chén cơm manh áo*, tri thức *duyên* đi trên vai chuyện *giá áo túi cơm*, nhận thức *duyên* đi trên đầu chuyện *cơm áo gạo tiền*, chính đây là bản lĩnh của giải luận *duyên*, luôn biết diễn luận theo mô thức của cụ Tiên Điền Nguyễn Du: *Những phường giá áo túi cơm sá gì*! trước hùng lực của *duyên*.

Duyên dạng của một người đẹp trong áo dài duyên dáng thì cuộc gặp gỡ này mở ra một cơ may trong quan hệ xã hội, vì nó đặt nhân cảm qua cảm xúc làm thay đổi nhân sinh quan lẫn thế giới quan của cá nhân nhận ra cái đẹp, hiểu ra cái duyên. Dạng của người cùng vùng duyên của áo đã đặt cá nhân này vào một quỹ đạo khác, nơi mà chính được các đẹp đã khai thị, đã mở mắt cho sáng lòng cá nhân này.

Chính đây là *duyên lành* làm nên từ *duyên đẹp*. Vì *dáng duyên* đã mở ra một cõi *hay, đẹp, tốt, lành*, ngược lại hẳn với *họa* luôn mang theo những hệ lụy *xấu, tồi, tục, dở*. *Dáng duyên* trong sáng từ nguồn tới giòng. *Dáng duyên* đẹp từ người tới áo. Dáng duyên sáng tỏ từ nhận diện tới nhân dạng. *Dáng duyên* có nội chất trong suốt, sạch sẽ, sáng tỏ, dáng duyên mới làm đời rực lên và người phải mở mắt lớn mà tươi cười để nhận (diện) duyên phận của mình. Từ đây, *nhân kiếp* cảm nhận được hiệu quả của *nhân duyên*, mà chính *nhân duyên* sẽ làm thay đổi *nhân thế* ngay từ bên trong, nếu *thế thái nhân tình* được thay đổi thì chính bản thân *nhân loại* đang thay đổi. Xa hơn nữa *nhân duyên* còn biết làm *thay hình đổi dạng* nhân tính.



Dáng duyên mở ra không gian của *sơ ngộ*, rồi cho xuất hiện *hội ngộ*, từ đó tỉnh táo mà tạo nên thời gian cho *tái ngộ*, để sáng suốt chuyển hóa trần duyên phải là không gian của *hạnh ngộ*.

Dáng duyên là khởi điểm để tiềm năng làm nên hiệu năng *gặp duyên-hiểu duyên-nhận duyên* là sự nhạy cảm làm nên sự thông minh biết xúc cảm khi gặp dáng duyên, biết xúc động khi thấy dạng duyên trước nhân diện đẹp trong nhân dạng duyên. Một nhân học thấy được *dáng duyên*, thấu được dạng duyên chắc chắc sẽ là một nhân học có nội công về phương pháp luận mỹ cảm, có bản lĩnh về khoa học luận mỹ quan, có lý thuyết luận mỹ thuật. Đó là một nhân học có 4d: *diện-dáng-dạng-duyên!*

Nhưng khi *hiện tượng luận nhân dạng* nghiên cứu về *duyên dạng* thì nó phải biết đi xa và đi sâu hơn để nhận ra *hiện tượng học nhân cách*, để giải thích được tại sao khi ta gặp một kẻ lạ chưa hề quen mà ta đã quý yêu ngay, khi ta gặp một người xa chưa hề biết mà ta đã muốn gần ngay. Ngay trong cảm xúc trong duyên dạng đã tạo được nhân tính biết trân quý dạng duyên.

Câu chuyện *dáng duyên* biết làm nên *duyên dạng* không phải là chuyện đam mê tức khắc, say mê tức thì, mà là câu chuyện của sự hiểu biết để nhận ra *nhân diện, nhân dạng, nhân cách* của một chủ thể đang làm chủ từ dáng duyên tới dạng duyên của mình.



Chính *dáng duyên* đã *khởi duyên* để nhận ra kẻ hiểu người, hiểu đời, đã biết nhận ra ngẫu nhiên của *ngẫu duyên* đã trao cho mình một mỹ quan mới là thấy được cái đẹp trong cái duyên, đây là sứ mệnh sắp tới của một một nhân học biết mở để đón *dạng*, tiếp *dáng* mà nhận *duyên*.

Dáng duyên báo động với kẻ vừa hiểu người, vừa hiểu đời là kẻ này đang *gặp duyên-hiểu duyên-nhận duyên*, và hướng dẫn để kẻ này biết: *tiếp duyên-trao duyên-giữ duyên*, vì trong nhân sinh có những lần gặp gỡ vô cùng vô duyên, vì không phải cuộc gặp gỡ nào cũng *mở duyên*. Không có giây phút đầu tiên của *duyên dạng* làm nên *dáng duyên*, thì kẻ vừa hiểu người, vừa hiểu đời không dám đi tới một bước nữa để gặp *nhân duyên* giữa *trần duyên*.

Trong bối cảnh người có dáng duyên lại mặc áo dài biết làm tăng lên duyên dạng, thì nhân học phải phân tích cho tới nơi tới chốn phạm trù *duyên* là câu chuyện của mật độ (mật độ của xúc cảm), là câu chuyện của cường độ (cường độ của xúc động).



Mật độ cùng cường độ chính là câu chuyện của trình độ (trình độ cảm nhận duyên dạng). Đây là thử thách của mỹ quan làm nên mỹ cảm, của mỹ thuật làm nên mỹ luận, tất cả đóng góp trực tiếp vào mỹ học. Nhân học duyên dạng song hành cùng *nhân học mỹ quan* làm nên *nhân học mỹ tính* của một dân tộc, của một văn hóa có mỹ cảm biết tạo ra một văn hiến có mỹ tính.

Duyên dạng từ người tới áo là thử thách về trình độ mỹ thuật của nhân học mỹ quan, đây là câu chuyện *so ra mới biết ngắn dài* ngay trong trình độ tri thức của một sắc tộc biết tạo duyên cho người lẫn cho áo.

Duyên dạng làm nên dáng duyên phải biết *cân, đo, đong, đếm*, để tiếp đón cả hai chuyên ngành nhân học mới, mới từ phương pháp luận tới khoa học luận, mới từ lý thuyết luận tới hiện tượng luận: *nhân học duyên dạng* và *nhân học mỹ quan*, cả hai đều quan tâm và chí tình với câu chuyện của trình độ tri thức của mỹ tính, biết về *cái đẹp* cùng lúc hiểu sâu về *cái duyên*.



NHÂN DIỆN

Một nhận diện đẹp chúng ta nhận ra ngay, còn sự hiện diện của cái đẹp trên khuôn mặt đẹp, ở đây thì cái đẹp là gì? Đẹp *là tĩnh từ,* cái đẹp *là danh từ, đẹp thấy được, nhưng cái đẹp phải được định nghĩa. Từ đây, câu trả lời của chúng ta phải cần nhiều khuôn mặt đẹp được trợ duyên bằng những chiếc áo dài vừa xinh đẹp, vừa duyên dáng để nhận ra sự đa diện của cái đẹp. Từ đó, ta từ từ đi tới một nhân học hợp nhất về cái đẹp bằng một không gian đa diện đẹp.*



TẠO HÌNH, TẠO THỂ, TẠO DẠNG

Khi một phụ nữ đẹp mặc chiếc áo dài sáng, đưa chiếc áo vào cuộc sống xã hội, người phụ nữ này đã là chủ thể biết trân trọng đón mời chiếc áo dài để làm chủ đề cho những sinh hoạt mà mình trân quý. Người ta sẽ nhận ra những sắc màu biết khuyên thế giới chung quanh nên tỉnh giấc, vì cái đẹp đang vờn bay như xuân thắm đang thấm vào cuộc sống. Với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp, cùng chiếc áo dài biết sáng lên cho sắc diện được thăng hoa. Có nhân diện đẹp biết tạo nhân dạng thật đẹp, tại đây có công lao của người thiết kế với sự thông minh của cảm nhận nơi mà nhân diện đẹp, nơi mà một chiếc dài là một sáng tác, biết tạo rực sắc bằng ánh sáng của áo duyên, để chế tác ra một huyền lực đẹp! Có mang sung lực tạo hình, tạo thể, tạo dạng, tạo phách, mà chung quanh không được vô tâm, vô giác trước cái đẹp biết nâng cao nhân sinh này.



SẮC DẠNG THÔNG MINH

Có những phụ nữ ý thức rõ về sắc đẹp của mình lại có thêm nhận thức sâu về chiếc áo dài mình mặc, để thăng hoa cái đẹp đôi, đẹp người và đẹp áo, đây là sự thông minh đôi. Một *sự thông minh của trí lực*, vừa yêu nhân diện, vừa yêu trang phục, sự thông minh đi xa hơn các lối nghĩ tầm thường là người đẹp chỉ làm đẹp cho mình. Không đâu! Họ đang làm đẹp không gian sống của họ. Nên người đẹp trong áo chính là sáng kiến của lý trí làm nên sáng tạo ngay trong hình. Nên trang phục là loại hình thể nghệ thuật sống động nhất, nó mang lại bao sung lực cho thời trang, vì nó đại diện cho chất sống, một chất sống không bị khung như tranh, không bị cứng như tượng. những ai *nhìn-mà-không-thấy* các sắc dạng thông minh ngay trong giao tế của chính mình thì kẻ này đúng là nạn nhân của vô minh không thấy sắc để thấu dạng.



TƯƠI MÁT ĐỂ TƯỚI MÁT

Một người phụ nữ có nhân diện tươi sáng, mặc một chiếc áo dài thanh thoát, chỉ một màu trắng, đây chính ánh sáng tới từ một nhân diện tươi sáng, với chiếc áo dài trong sáng, làm cho quan hệ xã hội chung quanh tươi tỉnh lên. Tại đây, cái đẹp có tác dụng làm con người tươi tỉnh lại, vì bản chất của cái đẹp - *đẹp người và đẹp áo*- với sự tươi mát. Tươi-để-mát, và mát-để-tươi, lập luận này đi xa hơn định nghĩa về một sắc đẹp thuần túy, nhưng lại dễ phai tàn với thời gian, vì không ai là chủ cả đời trên sắc đẹp thanh xuân của mình. Chính thời gian, chính tuổi tác, chính tuổi người cùng tuổi đời sẽ lấy đi cái thanh xuân của sắc đẹp. Sự tươi mát thì khác, người hiểu sự tươi mát thì biết làm tươi tỉnh đồng loại, người này chọn một con đường khác, đó là *con đường vui*, trong đó *vui sống* để *sống vui*. Vui sống sinh đôi cùng tươi mát, sống vui sinh cùng với mát tươi. Đây chính là câu chuyện của *cái đẹp mang tính cứu rỗi*, lấy vui sống để sống vui, để ngăn cái già hăm hăm đi đến làm mòn nua cuộc sống. Mà tính cứu rỗi của *cái duyên làm nên cái đẹp* là do người tạo ra, mà không cần một đấng linh thiêng, một đạo giáo linh nghiệm nào bày vẽ cả. Mang cái *tươi mát để tưới mát* mà cứu rỗi nhân sinh trước sự trấn áp của thời gian, làm ta già nua với tuổi tác, sự *tươi mát để tưới mát* chính là sự thông minh của tự do, một tự do biết tưới mát để tươi mát mãi!



CÔ LẺ ĐỂ CÔ ĐỌNG

Một người phụ nữ có nhân diện thanh thoát, lại mặc chiếc dài đài các, lại chọn một chỗ đứng riêng rẽ để làm trội lên cái đẹp của người và của áo; giúp ta nên định nghĩa lại cái đẹp. Người đẹp chọn cái đẹp có không gian riêng, có bối cảnh riêng, tại đây người đẹp trong áo đứng riêng, với nhận thức của *an nhiên tự tại* cho chính mình mà không cần những bày biện nhân tạo. Nên khi ta định nghĩa về cái đẹp, ta phải thấy cái riêng của nó, nó biết tạo *cô lẻ để cô đọng*. Và chính trong sự cô đọng, cái đẹp biết giới thiệu nội dung riêng của nó, cái đẹp ung dung đưa ra nội hàm của nó, từ đây nội lực *an nhiên tự tại* sẽ cho ta cảm nhận *cái riêng*, *cái khác*, *cái lẻ*, *cái đọng của cái đẹp*. Mỹ quan phải nhận ra chuyện này để giúp mỹ luận giải bày được mỹ cảm đã có sẵn trong mỗi chúng ta.



TRONG SÁNG VÌ ÁNH SÁNG

Một nhân diện vừa đẹp, lại vừa sáng với chiếc áo dài trắng, hoàn toàn trắng, không cần một hoa văn, không màng hoa lá, cái đẹp trong sáng này lại được chiếc áo dài trắng đưa về phía ánh sáng cho người và áo được sáng hơn, sáng lên, đây chính là sự thành công của *mỹ quan* đã làm nên *mỹ quang*. Mà *quan* là biết nhìn, còn *quang* là không gian mà ánh sáng đã chế ngự để cái đẹp được sáng lên. Khi gặp ánh sáng thì kẻ chưa tỉnh phải tỉnh dậy, chưa được khai thị thì hãy sáng suốt lên để được khai thị. Câu chuyện *trong sáng vì ánh sáng* này mang *kiến thức* của người phụ nữ biết giá trị của sự trong sáng, lại chủ trì luôn những *tri thức* về quyền năng của ánh sáng, biết lấy sáng tạo sáng. Đây chính là một *ý thức* cao về cái đẹp, một *nhận thức* sâu về ánh sáng để tạo nên nhân diện sáng với nhân dạng sáng nhờ áo dài trắng, đã làm sáng lên cả không gian sáng mà áo và người đang hành tác.



XANH TƯƠI TRONG TRẦM LẮNG

Khi một phụ nữ ngồi yên với chiếc áo dài màu xanh, vừa xanh tươi, vừa xanh sáng trong một không gian nội thất với các màu trầm, màu đậm, thì người phụ nữ đang đi tìm một nhân diện cho chính mình. Một nhân diện có nội lực của hài hòa để dung hòa sự đối nghịch giữa các màu sắc, tính đối trọng giữa màu áo tươi và không gian đang trầm, đang lắng. Tinh ý để tạo *sự hài hòa*, biết dung hòa những cái chưa được dung hòa, để chính người và áo sẽ tạo ra *sự dung hợp* giữa người và không gian chung quanh, từ đó tạo ra tinh khôi cho nhân diện. Người phụ nữ có nhân diện hiền này trong chiếc áo dài xanh tươi đang định vị sự tinh anh cho chính mình rồi!



ĐỒNG HÀNH TRONG TÂM GIAO

Chiếc áo dài trắng lắng yên nhưng vững chãi với nhân diện trầm tư của người phụ nữ, đang sống với những diễn biến nội tâm, và màu áo trắng thanh lịch đã làm nên không gian thanh tao. Tất cả dường như bất động, nhưng không phải là sự bất động của vô tri, vì sự bất động này không hề vô giác, hoàn toàn không vô cảm. Mà chính là một sự sống biết lặng để hưởng yên, sự bất động này làm chung quanh phải nghiêm túc khi đứng gần, ngồi cạnh nó. Một người ngồi yên, nhưng suy nghĩ biết đi thật xa, với chiếc dài như kẻ đồng hành trong mỗi chuyến đi xa của suy tưởng. Giúp ta muốn nói thêm được rằng chiếc áo dài biết lẳng lặng đồng hành với người đang mặc nó, ta nói rõ chuyện này để biết thêm là có nhiều trang phục không làm được chuyện đồng hành trong tâm giao với những ai mặc các trang phục không biết đứng lặng, không biết ngồi yên. Ngược lại có trang phục lại nói lên được nhiều chuyện của đời sống nội tâm, từ suy nghĩ tới suy tưởng.



TINH Ý-TINH KHÔI-TINH ANH

Một cô gái đang thanh xuân với nhân diện rạng rỡ trong chiếc áo dài trắng, trắng của tinh nguyên, cô gái này chưa là phụ nữ lại đi ngang qua hai người thanh niên, đã dẫn tới hai hậu quả khác nhau trong nhãn quan của hai kẻ này. Người thanh niên thứ nhất không thấy gì cả, hoặc thấy mà như không thấy, đây là loại người *"nhìn mà không thấy"*. Đừng mong cầu loại người này có *chánh niệm* biết sống trong từng sát na của cuộc sống, và cũng đừng trông chờ loại người này sống để *quán chiếu*, để biết sâu sắc những gì đang xẩy ra trong bây giờ và ở đây. Nhưng người thanh niên thứ hai, thì hoàn toàn ngược lại, đã thốt lên với người thanh niên thứ nhất là: *"chúng ta vừa gặp một thiên thần!"*. Người thứ thanh niên thứ hai này, vừa có chánh niệm, lại vừa biết quán chiếu, biết sống để trân quý các thiên thần của nhân thế. Một loại thiên thần không tới từ đạo giáo, không từ trên trời xuống trần, mà tự động giáng trần giữa trần gian. Thiên thần người này đã mở cõi cho trần duyên, trao cho trần thế một nét đẹp thanh thoát trong thánh thiện ngay trong cõi phàm, với nhân diện tinh khôi, với chiếc áo trắng trong sáng. Chúng ta ai cũng muốn được sống cùng, sống chung với những người tinh ý biết nhận ra tinh khôi của tinh anh.



TUYỆT TÁC TRONG GIẢN ĐƠN, TUYỆT PHẨM TRONG GIẢN DỊ, TUYỆT THUẬT TRONG MỸ THUẬT

Cái đẹp của chiếc áo dài Việt, dễ cảm nhận nhưng thật khó bình phẩm, và nếu muốn đi tìm một bình luận tỉnh táo trong sáng suốt, không thái quá thì chúng ta có nên thấy cái đẹp, cái duyên của chiếc áo dài Việt bằng hệ *tuyệt: tuyệt tác trong giản đơn, tuyệt phẩm trong giản dị, tuyệt thuật trong mỹ thuật. Đây* chính là thử thách loại cao nhất trong nghệ thuật, làm nên mức thang cao nhất, mức tới xa nhất cho những ai có mỹ quan lẫn mỹ cảm, có mỹ thuật lẫn mỹ luận. Biết vận dụng hệ *giản (giản đơn, giản dị)* để hóa giải hệ *tuyệt* (*tuyệt tác*, *tuyệt phẩm*, *tuyệt thuật*. Đây chính là vấn đề trình độ trong sáng tạo, vì hệ *tuyệt* này sẽ vạch thẳng vấn đề trình độ ngay trong sự đối chọi *đẹp/xấu*, *hay/dở*, *thanh/thô*, để vạch luôn sự đối kháng của *khôn/khờ*, *thông/dại*, *khéo/tục* … Câu chuyện trình độ từ đây sẽ dần dà trở thành câu chuyện của nhân sinh quan, của thế giới quan, của vũ trụ quan làm nên một quốc phục, để *cái đẹp*, *cái duyên* bây giờ sẽ là *cái đẹp*, *cái duyên* của mai sau… Khi chúng ta định vị được không gian của chiếc áo dài Việt qua hệ *tuyệt: tuyệt tác trong giản đơn, tuyệt phẩm trong giản dị, tuyệt thuật trong mỹ thuật*, thì sự thông minh của chúng ta là biến hệ *tuyệt* thành sự sáng suốt của chúng ta trong giáo khoa, giáo trình, giáo án, làm nên giáo lý để giáo dục các thế hệ mai hậu.



NHÂN DIỆN THIÊN THẦN

Chúng ta vẫn giữ một thói quen không đúng vì thói quen này không sinh động, chỉ vì chúng ta tìm thiên thần qua đạo giáo, với những mơ tưởng về một thiên đường có những thiên thần biết bay, luôn có vị thế trên trời, cụ thể là luôn cao hơn chúng ta. Chúng ta cũng có một thói quen chưa đúng là khi muốn gặp các thiên thần, thì chúng ta tới các bảo tàng viện. Chúng ta có luôn một thói quen chưa trúng là chúng ta gặp các thiên thần trong các cuộc triển lãm nghệ thuật. Có khi chúng ta còn tới thẳng mà gõ cửa nhà của các nghệ sĩ, của các nghệ nhân để được thấy các thiên thần trong không gian sáng tạo qua tưởng tượng của các nghệ sĩ, nghệ nhân này. Mà những nghệ sĩ, nghệ nhân này cũng như chúng ta, họ chưa bao giờ được trực diện với thiên thần bằng xương bằng thịt. Nhưng ngẫu nhiên có một thiếu nữ xuất hiện giữa phàm trần một thiếu nữ với nhân diện thiên thần, với nhân dạng thánh thiện, qua chiếc áo trắng một cách linh diệu, thì chúng ta cứ đặt tên rồi gọi thiếu nữ này là: *thiên thần* đi!



KIẾN TRÚC HOÁ MỘT Ý TƯỞNG

Có những phụ nữ khi chọn để mặc một chiếc áo dài là để giới thiệu về một cái đẹp *hài hoà*, một cái đẹp hiển dương *sự quân bình*, tạo ra tính nội kết của sự thăng bằng từ màu sắc tới hình thể của áo. Nhưng cũng có những phụ nữ khi chọn và mặc một chiếc áo dài mà trong đó có sự sáng tạo là sự tự thăng hoa, tự hiển dương cả người lẫn áo. Hãy nhận ra trên các chiếc áo dài sự sáng tạo ra cái đẹp mới. Ở đây có quá trình *kiến trúc hoá một ý tưởng*; và nếu ý tưởng này là một sáng tác được chấp nhận, thì nó có thể mang danh tánh của một tác phẩm.



NGƯỜI BIẾT TỰ LÀM MỚI QUA ÁO

Người thiếu nữ mặc một chiếc áo dài mới với nhân diện đẹp, nhân dạng duyên, áo mới làm nên sáng tạo mới, tạo ra một nhân cách mới, vượt thoát mọi thước đo! Cái đẹp áo mới làm nên con người mới biết tạo ra lãnh thổ vừa mới, vừa riêng cho nó, tại đây hình, dạng, dáng, thể đã có nhân cách mới làm nên cá thể mới. Khi cái mới được công nhận là cái đẹp mới thì nó có hình đẹp mới, dạng đẹp mới, dáng đẹp mới riêng của nó, mà không bị ai xem là quái đản hay dị hợm… Người biết tự làm mới nhân dạng qua áo, vì áo biết làm mới nhân dạng, đây chính là quyền lực của sáng tạo biết làm ngược lại quyền hạn của các tiêu chuẩn, của các tiêu chí luôn muốn đóng khung, đóng khuôn nhân dạng phụ nữ.



TÁC PHẨM CỦA NHÂN TRI VIỆT

Một nhân diện vừa đẹp, vừa tươi trong chiếc áo dài vừa lành vừa duyên, giúp ta nhận ra nội lực của nhân dạng qua chiếc áo dài đã tạo cho người phụ nữ mặc nó có một cõi riêng, cõi người vì những con người thấy, thấu, thấm cái đẹp. Sung lực của nhân dạng qua chiếc áo dài, có không gian riêng với màu sắc riêng, một không gian đẹp được làm đẹp bởi nhân dạng biết mặc áo đẹp. Đã tạo được bản lĩnh cho nhân dạng qua chiếc áo dài biết làm đẹp một nhân dạng, từ một cái đẹp ung dung trong cõi thanh, xa cái tục nơi cõi phàm. Và vóc dáng đơn giản nhưng thanh thoát của chiếc áo dài đã tạo được nhân dạng thái hòa, với nhân diện an nhiên… Áo dài của cõi thái hòa, của miền an nhiên tới từ sáng tác Việt qua sáng tạo Việt, để áo dài Việt là tác phẩm của nhân tri Việt!



CÂU CHUYỆN CHIẾC ÁO DÀI THEO NHÂN LỘ

Sáng tạo ra chiếc áo dài và khi áo dài được công nhận là đẹp, thì cái đẹp này đã vào lộ trình đi từ cái riêng của một sáng tác khi được công nhận đã trở thành cái chung cho phụ nữ. Và sâu, xa, cao, rộng hơn nữa chiếc áo dài đã trở thành quốc phục, một quốc phục đẹp trong ung dung, hay trong thanh thoát, lành trong thư thả, và rõ như cái đẹp đang hiện thân. Đây chính là quá trình của nghệ thuật: cái riêng của sáng tạo đã được xác chứng để trở thành cái đại chúng. Mà cái đại chúng là cái truyền đạt được, cái phổ biến được, là cái giáo dục được. Tại đây mỹ thuật phải được phân tích rồi phân giải bằng mỹ học, để cái đẹp của áo dài được vào phạm trù của hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* trong hệ thống giáo dục.



CÂN BẰNG, THĂNG BẰNG RỒI THĂNG TIẾN

Chiếc áo dài đẹp cân bằng tăng sự thăng bằng cho nhân dạng, để nhận diện cứ thoải mái trong xinh tươi, từ đây nhân diện và nhân dạng hội tụ để chế tác ra một cái đẹp mới biết thăng tiến trong vui tươi. Cái đẹp mới này ra đời trong ung dung làm mới cuộc sống, vì chính nó là chất sống mới, bằng nhân cách yêu đời của người phụ nữ. Chính cái đẹp mới cả người lẫn áo này *an nhiên tự tại* giữa đời, cái đẹp mới tự có mặt làm tươi sinh hoạt xã hội, làm mát quan hệ xã hội, làm đẹp cuộc sống của tập thể, của cộng đồng, của xã hội.



NHÂN DIỆN UNG DUNG,
NHÂN DẠNG NHÀN HẠ

Người phụ nữ có nhân diện bình an với nhân dạng ngồi trong chiếc áo dài màu trầm vững tâm dù đang chờ đợi, có khi chỉ ngừng lại để nghỉ ngơi. Câu chuyện chiếc áo rất hợp với tư thế nghỉ ngơi cũng là câu chuyện thật đẹp, vì nhân diện bình an trong tư thế nghỉ ngơi để được nhàn hạ chính là chỉ báo của định nghĩa thế nào là tự do? *Tự do được nghỉ ngơi, tự do được nhàn hạ, tự do được thong dong, tự do được thư thả, tự do được ung dung*. Đây là tự do rất nhân đạo trong nhân sinh phải *dãi nắng dầm mưa*. Đây là tự do rất nhân từ trong nhân thế phải *một nắng hai sương*. Đây là tự do có nhân tâm trong nhân gian *phải thức khuya dậy sớm.* Nhân diện và nhân dạng của phụ nữ Việt hài hòa trong chiếc áo dài Việt giới thiệu được định nghĩa tự do này, nhàn hạ để thong dong, thư thả để ung dung. Chiếc áo dài biết tôn vinh sự thư thái, đây là loại quốc phục biết tự thoải mái, vì chúng ta biết rõ là không phải quốc phục nào cũng tạo được cái đẹp bằng tính tự do trong thong thả.



NHÂN DIỆN TẠO NHÂN DUYÊN
ÁO BIẾT KHAI DUYÊN

Có một thiếu nữ với nhân diện xinh tươi trong chiếc áo tươi nắng, với nhân dạng yêu đời, đi thong dong trên đường phố. Chiếc áo dài làm nắng đậm theo, nhưng làm quan hệ giữa người mát lên, chiếc áo dài này cùng người thiếu nữ kia đã cùng nhau tạo nên một huyền lực làm đời tươi hơn, làm người vui hơn, vì biết làm mát tất cả chung quanh bằng sự tươi mát. Hãy nhìn kỹ hơn cái đẹp của người lẫn áo, đã làm nên cả một cõi đẹp tươi mát trong thảnh thơi: thong dong vui trong thư thả mát. Từ đây, nhân diện xinh cùng nhân dạng mát trong áo tươi đã cho ra đời một *vũ trụ quan xinh-mát-tươi*, làm mới cuộc sống, trao tới chúng ta một *thế giới quan mới-trẻ-vui*, đây chính là thượng nguồn của những quan hệ lành, của những sinh hoạt tốt vì một cuộc sống đẹp…



NHÂN DIỆN THÙY MỴ,
NHÂN DẠNG THÙY TRANG

Người phụ nữ đã chọn một màu áo xanh, nhưng là xanh non đang dần sang xanh sáng, nhưng là sáng để trong, chớ không phải sáng để rực. Một nhân diện thùy mỵ biết chọn chiếc áo đúng màu để nhân dạng của mình được thùy trang. Khi chúng ta đã nhận diện được cái đẹp mới này, rất sinh động, vừa ra đời với nhân diện xinh đẹp trong nhân dạng sang trọng, qua chiếc áo có màu mà ta phải cảm phục người chọn màu áo đó. Chúng ta sẽ cảm ơn để tri ân cái đẹp mới này, đã giúp chúng ta từ bỏ các phạm trù lý thuyết một chiều, các mô hình lý giải một hướng về cái đẹp. Vì sao vậy? Vì nếu định nghĩa về cái đẹp mà chỉ nêu lên độc dạng của khung, độc chiều của khuôn thì đã lao lý hóa cái đẹp rồi! Trong khi cuộc sống sinh động hằng ngày nhờ trí tuệ của người phụ nữ biết chọn màu làm cho nhân diện xinh đẹp hơn, biết chọn áo làm cho nhân dạng quý phái hơn. Chiếc áo dài Việt là hiện thân của đa dạng, là hiện hình của đa sắc. Nếu chúng ta cứ nhìn người phụ nữ và chiếc áo dài bằng độc khuôn trong mô hình độc khung, thì hóa ra chúng ta rất bất công, vừa với chiếc áo dài, vừa với phụ nữ Việt.



CHIẾC ÁO DÀI CỦA ĐIỀM VUI TẠO ĐIỀM LÀNH

Người thiếu nữ chọn mặc chiếc áo trắng, trắng tinh và trắng suốt, với nụ cười hồn nhiên vui trong khuôn mặt hồn nhiên tươi, nơi mà màu trắng sáng của áo cùng nụ cười xinh đã làm vui ngoại giới. Ngoại cảnh chung quanh đã vui theo nội tâm người mặc chiếc áo dài, luôn muốn có nhân sinh tươi, có nhân gian trong, có nhân thế mát. Cái đẹp rất trong sáng này có một nội lực biết tạo dựng *điềm vui* cho chính mình, rồi *điềm lành* cho ngoại giới. Mà điềm vui cùng điềm lành là hai ý nguyện của *niềm tin*, nơi mà giá trị của niềm tin là do con người chế tác ra, chớ không phải Thượng đế, cũng không phải đạo giáo… Khi ta đã thấy rõ và cảm nhận được vẻ đẹp có nhân diện vui trong nhân dạng sáng qua chiếc áo dài biết *tươi sáng ngoại giới*, thì chúng ta nên biết ơn các thiếu nữ đã trao cho chúng ta những cơ may này; những cơ may đã làm đổi mỹ quan thông thường để thay mỹ cảm tầm thường của chúng ta.



NỘI LỰC LÀM DỊU, LÀM LÀNH NHỮNG CÁI GAY, CÁI GẮT.

Có lần, Hàn Mặc Tử phải thốt lên: *"Áo em trắng quá nhìn không ra"*, khi thi từ này được tạo nên thì người thiếu nữ của thi sĩ chắc chắn là mặc áo trắng, nhưng không biết là người ấy có đang đứng dưới nắng gay, nắng gắt hay không? Người thiếu nữ trong ảnh này đang đứng dưới nắng, chắc là nắng gay, nắng gắt đây! Nhưng người này lại có nhân diện ung dung, cùng nhân dạng thư thái, với chiếc áo dài biết làm dịu nắng gay, làm lành nắng gắt. Màu trắng của áo dài mang nội lực làm dịu, làm lành làm nên nhận thức sâu của người phụ nữ Việt về cái đẹp dịu, cái đẹp lành. Các phạm trù lý thuyết về cái đẹp luôn tìm cách lý thuyết hóa cái đẹp qua lý luận và lập luận của nó, cùng lúc nó giải thích và phân tích để làm tăng thêm giá trị của cái đẹp qua diễn thuyết của nó. Chúng ta cũng cần biết các phạm trù lý thuyết của mỹ học trong lúc mổ xẻ cái đẹp có thể lười -để quên những cái nó muốn quên-. Chúng ta phải chống cái lười để nhận ra cái đẹp có nội lực làm dịu, làm lành những cái gay, cái gắt.



CÁI KHÁC MUỐN TỰ DO HƠN, CÁI RIÊNG MUỐN TỰ CHỦ HƠN.

Người phụ nữ chọn màu áo đậm hợp với nhân diện lành lại đặt những đáo hoa ngay trong lòng mình như đặt mùa xuân vào không gian của chiếc áo dài. Trước các nguyên tắc cứng nhắc của cuộc sống thường nhật, thì người phụ nữ này chọn cái cởi mở để cởi bỏ cái khô cứng. Như vậy, khi người phụ nữ chọn màu áo khác vì một nhân diện vui, với một nhân dạng tươi nhờ áo, thì người phụ nữ này đẹp nhờ hoa đang mang cả mùa màng về chung quanh chiếc áo dài. Người phụ nữ này đã tìm cái đẹp mới bằng cái khác tự do hơn cho mình, cái riêng tự chủ hơn vì mình. Từ đây, mỹ quan của chúng ta cũng nên đi phải xa hơn để hiểu ra rằng: cái khác muốn tự do hơn đang chối bỏ cái tầm thường; cái riêng muốn tự chủ hơn đang chối từ cái bình thường. Áo dài kể một câu chuyện thật hay là khi đã có tự do rồi con người muốn có tự do hơn.



CÂU CHUYỆN TẠO DUYÊN

Câu chuyện của người con gái áo trắng, giữ nhiều hoa trắng, với nhân diện tươi như hoa, rồi sẽ còn tươi hơn hoa, thì hãy hiểu rằng người con gái này hình như muốn kể một câu chuyện, *câu chuyện tạo duyên* giữa đời bằng áo trắng hoa trắng, của tinh nguyên biết làm nên tinh khôi. Người qua kẻ lại, sẽ dần dần hiểu ra rằng đây là câu chuyện đẹp của một không gian của ý thức. Tại chốn này, người con gái không đi tìm duyên mà tự tạo duyên, với nhận thức sâu sắc về sự xuất hiện của duyên. Đinh Hùng, đã cảm nhận được tâm cảnh của người con gái biết tạo duyên: *«Chưa gặp em, tôi vẫn nghĩ rằng/ Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng»*, thi sĩ đã thấy không gian đầy duyên của người con gái: *«Em chẳng tìm đâu cũng sẵn thơ»*. Câu chuyện tạo duyên này tác động thẳng tới tâm khảm của tha nhân, vì những kẻ vô tình qua lại chốn này, bỗng nhiên nhận ra *không gian biết tạo duyên* này. Nếu tha nhân bỗng chốc như bị mất thăng bằng rồi choáng váng, nhưng lại cảm nhận được ngay là mình vừa được đánh thức bởi *người duyên-dạng duyên-áo duyên-hoa duyên* đang bày biện cả một *không gian duyên*, đang trực diện trước tha nhân. Nếu tha nhân là *"người khôn chưa đắn đã đo"*, quá cẩn trọng thì có thể trở thành loại *"khôn quá hóa dại"*. Còn nếu tha nhân là người thật sự khôn ngoan của tri ân có sự thông minh của đa tạ, thì tha nhân này nên khiêm tốn để nói khẽ với người con gái rằng: "*Nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây!"*.



BUÔNG BỎ
CÁI TẦM THƯỜNG, CÁI THÔNG THƯỜNG, CÁI THÔNG DỤNG, CÁI THỰC DỤNG.

Khi người phụ nữ đã chọn một chiếc áo dài đậm sắc, với trang sức làm đậm nét từ nhân diện tới nhân dạng thì hình như người phụ nữ đang muốn rời bỏ một trở lực. Đó là sự quyết đoán buông bỏ *cái tầm thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng* đang đầy rẫy trong cuộc sống. Tại đây, chúng ta phải đi xa hơn nữa để biến *mỹ cảm* thàn *mỹ luận*: cái tầm thường mà lập đi lập lại thì nó sẽ thành cái độc tài; cái thông thường mà lập đi lập lại thì nó sẽ thành cái độc đoán; cái thông dụng mà lập đi lập lại thì nó sẽ thành cái độc trị; cái thực dụng mà lập đi lập lại thì nó sẽ thành cái độc tôn. Những cái này chặn cuộc sống thăng hoa, ngăn cuộc đời thăng tiến. Tệ hơn nữa nó tạo ra cái dễ dãi -chính là một cái bẫy- đang vây bủa rồi giăng bẫy chúng ta; khi chúng ta lấy *cái dễ dãi* trong ăn mặc để thỏa mãn *cái dễ bảo* trong trang sức. Đừng lấy *cái tuân lệnh* để làm vừa lòng cái độc tài nhưng bất tài trước cái đẹp.



QUYỀN NĂNG CHIẾC ÁO DÀI

Chiếc áo dài kín đáo che thân thể của phụ nữ Việt, nhưng cũng chiếc áo dài lại biết trình bày rõ nét những đường nét đẹp của nhân dạng phụ nữ. Chiếc áo dài mang hai quyền năng, tưởng là đối nghịch có thể tạo nên sự đối chọi của người mặc nó. Không! Quyền năng chiếc áo dài đã tạo nên quyền lực trang sức của nó, vì chiếc áo dài biết bối cảnh nào phải *che thân*, hoàn cảnh nào phải *"khoe thân"*, và thực cảnh nào thì vừa *"che"* được, lại vừa *"khoe"* được. Đây không hề là mâu thuẫn của chiếc áo dài mà sự thông minh trong *tính tương tác linh hoạt* biết cả hai: *"che để ẩn"* và *"khoe để hiện"*. Một người phụ nữ mà biết *"vừa che vừa khoe*", lúc biết *ẩn thân*, lúc biết *hiện thân* là một người rất thông minh, vì đã biết vận dụng sự thông thạo của trang phục để làm nên sự thông thái của nhân dạng cho chính mình.



BIẾT THƯ THẢ HÓA,
THƯ GIẢN HÓA CÁI ĐẸP

Thiếu nữ biết chọn áo dài trắng để sáng, sáng để nâng một nhân diện xinh tươi, cùng các hoa tươi đẹp, đây là chiếc áo dài biết làm nền cho người và hoa được thăng hoa. Có lẽ đây là chọn lựa của người thiếu nữ khi mặc chiếc áo này, nhưng đây cũng là một quan niệm thông minh về cái đẹp có đủ bản lĩnh để tạo ra một nhân sinh quan đẹp sáng trong giản đơn. Và quan niệm này giúp chúng ta có một vũ trụ quan được sáng lên chỉ bằng một cái đẹp biết dung dị. Cái đẹp này đã tạo được một *thế giới quan đẹp trong thư giản*, không bị đóng khung bởi các trang sức rườm rà. Cái đẹp này làm cuộc sống thư thả, làm cuộc đời thong thả. Con người biết mong cầu về cái đẹp, con người cũng biết thư thả hóa, thư giản hóa cái đẹp.



NGƯỜI VÀ ÁO ĐÃ
BIẾT RỜI, BIẾT TÁCH, BIẾT LÌA

Khi một phụ nữ chọn chiếc áo dài đẹp, vừa làm rực nhân diện, vừa làm vững nhân dạng, người phụ nữ còn biết cầm quạt để cái đẹp, cái rực, cái vững được thăng hoa, thì người này đã nhận ra được cái đẹp mới. Như mọi cái đẹp mới khác, cái đẹp mới này trên thượng nguồn đã có ý định là dứt khoát với cái cũ, với ý muốn là cắt đi các quan hệ với cái tầm thường đã có mặt đời sống xã hội. Cái đẹp mới dưới hình thể một nhân cách mới, nó biết rời nhân sinh *đầu tắt mặt tối*, biết tách nhân gian *quần quật mưu sinh*, biết lìa với nhân thế *một nắng hai sương*. Chúng ta luôn cần cái đẹp mới này để tạm quên đi bao nhọc nhằn của cuộc sống, bao khó nhọc trong cuộc đời.



THÔNG ĐIỆP CỦA CÁI ĐẸP

Thiếu nữ này chỉ chọn chiếc áo dài trắng, mặc màu trắng giữa vũ trụ bao màu sắc là để trắng được trong hơn, là để trắng được sáng hơn, sáng vì nhân diện, sáng vì nhân dạng. Không những trắng biết làm sáng, mà trắng còn biết làm tươi nhân diện, làm mát nhân dạng, thử thách của nhân học duyên dạng là đây. Mà đây cũng là tri thức luận về mỹ quan biết làm nên mỹ cảm, vì cái đẹp được hình thành để chống lại sự bình thường của thói quen vô tình hay cố ý ngày ngày tầm thường hóa nhân diện đẹp, nhân dạng sáng. Thông điệp của cái đẹp luôn là sự thật về cái đẹp, khi khẳng định sự thật của cái đẹp, thì quyền lợi của con người là được sống thảnh thơi giữa quyền lực của cái đẹp.



CÁI ĐẸP CÓ THAO THỨC, CÓ ĐAU ĐÁU.

Khi chúng ta nhận ra cái thao thức làm nên cái đau đáu trên khuôn mặt một phụ nữ mặc chiếc áo trắng trong, chúng ta sẽ suy đoán về nỗi lo làm nên nỗi buồn của người phụ nữ này. Cái thao thức của nhân diện đã làm nên cái đau đáu của bối cảnh, trong cái đẹp biết gánh nỗi lo, biết cõng nỗi buồn làm nên nội chất, một nội chất không thuần chất, mà có ít nhất bốn chất: *chất nhân diện, chất nhân dạng, chất bối cảnh và chất áo*. Nhưng chính chúng ta phải biết gần hơn nữa cái đẹp biết lo, biết buồn để thấy trong cái đẹp này có *cái tôi nội tâm* rất riêng biệt của người nữ có mang đầy đủ mọi chất sống (chất nhân diện, chất nhân dạng, chất bối cảnh và chất áo) nhưng để tạo cái đẹp có thao thức, có đau đáu. Cái tôi nội tâm đã làm nên nhân cách thật của người phụ nữ này, với cái tôi nội tâm rất thật mà cũng rất riêng của người phụ nữ này, mà chiếc áo dài là một chỉ báo. Một chỉ báo để báo hiệu với thế giới chung quanh là đời sống nội tâm của một người, từ thao thức tới đau đáu, đang diễn biến và đang hiển hiện, mà chúng ta phải biết: thấy để thấu.



SÁNG TẠO TRÊN SÁNG TẠO

Sáng tạo trên sáng tạo chính là sung lực của chiếc áo dài Việt, nơi mà nhà thiết kế có thể sáng tạo thêm một bức tranh, từ phong cảnh tới mùa màng, từ thiên nhiên tới hoa lá… Nên trước khi người phụ nữ Việt mặc chiếc áo dài Việt, nhà thiết kế đã thực hiện hai sáng tạo, một là chiếc áo dài với màu sắc và hình thể đặc thù của nó, hai là sự vận hành các hoa văn sống động đặc sắc ngay trên áo. Câu chuyện về áo dài là câu chuyện cảm xúc của mỹ cảm, làm nên mỹ quan có lý trí, từ ý thức về cái đẹp, dẫn tới nhận thức về sáng tạo ngay trên sáng tạo.



CHIẾC ÁO CÕI MỘNG, TÀ ÁO CÕI MƠ

Một nhân diện, một nhân dạng, một chiếc áo dài của cõi mộng với ánh sáng chung quanh tạo nên một cõi như trong mơ, giúp chúng ta đọc lại những vần thơ của Xuân Diệu để trân quý hơn quan hệ người và người đã tạo nên một nét đẹp, mong manh, chúng ta hãy luôn cẩn trọng bảo vệ nét đẹp này: *"Không gian như có dây tơ/ Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tiêu.../ Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương*". Để phân biệt cái đẹp và cái không đẹp, Kant đề nghị nhận diện cái đẹp qua xúc cảm trong phán xét, xúc cảm từ giới thiệu tới trình bày, từ bày biện tới xếp loại, mà không quên vai trò của xúc cảm trong nhận định. Khi cái đẹp được trình bày và được cảm nhận, nơi mà cái đẹp làm cầu nối cho mối tương quan giữa *chủ đề, đối tượng và chủ thể tạo ra cái đẹp*. Quan hệ giữa cảm quan và cảm nhận sẽ làm giàu cho nhân sinh quan; quan hệ giữa cảm xúc và cảm động sẽ làm giàu thế giới quan; và quan hệ giữa mỹ cảm và mỹ luận sẽ làm giàu cho mỹ thuật.



CÁI ĐẸP MANG MỘT Ý THỨC ĐẦY HUYỀN LỰC

Có một nhận diện thanh tao trong một nhân dạng trong sáng với chiếc áo dài trắng, trong và sáng trước nắng, trong nắng, ngoài nắng. Nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn đã cảm xúc bằng cảm nhận qua ca khúc *Nắng chiều: «Anh nhớ trước đây dáng em gầy gầy/ Gợn buồn nhìn anh đôi mắt lonh lanh/ Anh nhớ bước em khi nắng vương thềm/ Má em màu ngà tóc thề nhẹ buông*». Hãy phân tích sâu vào cái đẹp được cấu trúc từ một nhận diện thanh tao trong một nhân dạng trong sáng với chiếc áo dài trắng. Đây là kết quả của sự sáng tạo trong thảnh thơi nhưng tạo được những mỹ quan, dựng nên mỹ cảm. Mà giờ đây mỹ cảm trở thành là ý thức biết tiếp nhận cái đẹp rồi được trao truyền tới đồng loại. Một cái đẹp mới khi đã được tạo ra, nó sẽ trợ duyên cho những cái đẹp khác sẽ tiếp tục ra đời. Nên chỉ một cái đẹp bình thường trong giản dị, vậy mà nó sẽ cho xuất hiện trong những ngày sắp tới nhiều cái đẹp mới khác. Con người thường nhật phải vật vã vì *chén cơm manh áo*, nhưng con người có mỹ cảm biết rất rõ là cái đẹp mang một ý thức đầy huyền lực, nó lẳng lặng dặn dò thường xuyên là con người phải biết *ăn ngon mặc đẹp!*



THÔNG ĐIỆP SÁNG:
"TỪ ĐÂY NGƯỜI BIẾT YÊU NGƯỜI"

Khuôn mặt rạng rỡ của người phụ nữ, với chiếc áo dài hồng theo duyên giữa xuân, hãy nhận ra nhân diện tươi vui trong nhân dạng tươi mát, từ đấy các ca từ của nhạc sĩ Văn Cao sẽ tìm tới ta. Vì đã có một *Mùa xuân đầu tiên: "Ôi giờ phút yêu quê hương làm sao.../ Từ đây người biết quê người.../ Từ đây người biết yêu người"*. Ca từ biết định hình diễn biến của tư tưởng từ diện mạo tới nhân dạng, nơi mà chiếc áo dài là một *thông điệp sáng*, nó làm sáng người và sáng luôn cho bối cảnh mùa màng chung quanh… Người phụ nữ chọn chiếc áo dài này trong quang cảnh xuân đang làm thay đổi nhân sinh quan lẫn thế giới quan của chúng ta. Đây là sự thông minh biết cách làm sáng, làm đẹp, làm rộng vũ trụ quan của chúng ta. Tổ tiên Việt tộc vô cùng cẩn trọng trong giáo lý làm nên nhân cách, để thăng hoa tư cách, để nâng cao phong cách (*học ăn, học nói, học gói, học mở*). Sự thông minh của người phụ nữ biết chọn chiếc áo dài tươi để sáng, mát để vui, đã tạo ra một nhân diện đẹp cùng một nhân dạng lành với chiếc áo dài tươi. Chuyện tiếp theo là đồng loại phải thấy và tha nhân phải thấu là những cái *hay, đẹp, tốt, lành* đang xuất hiện trước mắt họ.



TRÁNH TRẦN THÂN ĐỂ LÁNH TRẦN TỤC

Cái đẹp kín đáo toàn thân của chiếc áo dài đã chọn lựa rời quỹ đạo của cái trần lưng của trần thân đã có trong trang phục phụ nữ Việt trước khi chiếc áo dài xuất hiện. Chính cái trần thân làm nên nghệ thuật của phương Tây là lấy thân thể làm khuôn cho hình thể. Nơi đây nghệ thuật tạo hình đã *mở-trần-thân-để-mời-trần-thế* nhận ra *cái đẹp toàn thể của trần thân*. Ngược lại, chiếc áo dài chọn cách thể hiện của cõi thanh, nơi mà cái kín là cái biết che thân để che chở. Từ đây, những ai yêu quý chiếc áo dài, dù là nữ hay nam, sẽ nhận ra cái đẹp qua cái thanh biết che thân để che chở. Đây là một chọn lựa dứt khoát của phụ nữ Việt khi họ mặc chiếc áo dài! Vì chiếc áo dài đã chọn cái đẹp không qua con đường trần thân giữa trần thế, tránh trần thân để lánh trần tục.



LIÊN KẾT *Ý LỰC-Ý NGUYỆN-Ý NGUYỀN*

Khi cái đẹp được giới thiệu bằng nhân diện xinh tươi với một nhân dạng trong sáng qua chiếc áo dài trắng của người thiếu nữ, với bó hoa đẹp cùng nụ cười yêu đời của người con gái, thì cái đẹp này vẫn ở trong cuộc sống thường nhật. Nhưng cùng lúc hình như cái đẹp thanh thoát và trong sáng này cũng muốn đi ra ngoài với ba thực trạng của cuộc sống: thực trạng thứ nhất của *cơm, áo, gạo, tiền* với *đầu tắt mặt tối*; thực trạng thứ nhì của *chén cơm manh áo* với *thức khuya dậy sớm*; thực trạng thứ ba của *giá áo túi cơm* với *một nắng hai sương.* Chúng ta có toàn quyền đi tìm cái đẹp bên ngoài các nhu cầu vật chất ngày ngày nuôi sống con người. Nơi mà *ý lực* làm nên cái đẹp tới từ *ý nguyện* mong cầu về một cuộc sống đẹp với *ý nguyền* phấn đấu cho cái đẹp. Nơi mà liên kết *ý lực-ý nguyện-ý nguyền* sẽ làm cuộc sống trở nên đáng sống hơn.



DUYÊN VỮNG ĐỂ BỀN,
BỀN ĐỂ DÀI, DÀI ĐỂ SÂU.

Một chiếc áo dài trắng trên một nhân dạng thật đáng trân quý, cùng một nhân diện yêu đời, với bó hoa đẹp trên tay, không đi ngang cuộc đời mà sẽ ở với đời, đang giữa đời để ở trong đời, nơi có người thiếu nữ tạo duyên cho mình và cả cho đời. Vì câu chuyện *trần duyên* là câu chuyện có thật của những cơ may, mà kẻ vô tâm cứ tưởng là ngẫu nhiên trong tình cờ. Không đâu! Từ khi cái duyên làm sáng lên cái đẹp cho người thiếu nữ, thì nó đã tạo được đầy đủ mọi điều kiện thuận lợi cho *sơ ngộ* sẽ đi trên nhân lộ của *tao ngộ*, để *tái ngộ* sẽ thành *hạnh ngộ*. Khi Elias xem lại các *sinh hoạt xã hội* để thấy-cho-thấu *đời sống xã hội,* từ đó xây dựng nền tảng cho *xã hội học*, thì ông đã nhận ra vai trò gốc, rễ, cội, nguồn của *quan hệ xã hội*. Nơi mà một người biết tạo ra tất cả những điều kiện thuận lợi cho câu chuyện gặp gỡ giữa người và người phải là câu chuyện *hay, đẹp, tốt, lành* trong kiếp người. Chính người này sẽ có tiềm năng tạo ra tiềm lực để biến một cuộc gặp gỡ tưởng là sẽ vô tình trong chớp nhoáng, nhưng ngược lại, đó là cuộc gặp gỡ mang sung lực biết tạo ra một quan hệ vững để bền, bền để dài, dài để sâu ngay trong nhân kiếp. Liên minh giữa *xã hội học* và *nhân học* là đây, nơi có những người *thấy cái đẹp để thấu cái duyên*, chính họ sẽ cho ra đời một nhân học rất *"nhạy cảm"* vì rất *"tinh ý"*, đó là *nhân học duyên dạng*!



GIÁ TRỊ CỦA MỸ THỨC

Trong không gian có nhân diện tươi, có nhân dạng duyên, có chiếc áo dài trắng sáng rồi trắng trong, đưa chúng ta tới một mỹ quan mới nơi mà cái đẹp thường là sự gặp gỡ giữa người, áo và cảnh, có mùa màng trong không gian của thiên nhiên tươi với ánh sáng vui. Tất cả tạo nên sự *đồng cảm* của người mặc chiếc áo đẹp và những người nhận ra và hiểu được cái đẹp của người lẫn áo. Tại đây có sự *đồng thuận* về cảm quan của người chọn áo và những kẻ qua người lại đang cảm nhận được cái đẹp này. Khi đồng cảm dẫn tới đồng thuận về cái đẹp, thì mỹ quan và mỹ cảm đã hội tụ với nhau cùng một chân trời. Một chân trời có đồng cảm lẫn đồng thuận, từ đó mở ra một chân trời khác của *tâm giao* trong *đắc khí*. Khi có một người biết mặc trang phục duyên để thăng hoa nhân diện tươi và nhân dạng đẹp của mình, thì người này đã có một nhận thức cao dẹp. Đó là một kiến thức về cái đẹp dựng nên tri thức về mỹ quan, mang giá trị của *mỹ thức*. Dường như nhạc sĩ Cung Tiến cảm nhận được *mỹ thức* này trong ca khúc *Mắt biếc*: *"Mắt hoa vừa sáng ngời mùa xuân đó.../ Sớm mai vừa thức với nhiều nhớ thương.../ Nắng ơi đừng vắng, gió ơi đừng lắng, ái ân đừng xa vắng trần gian"*.



SỰ TỰ CHỦ TRƯỚC CÁC TRẬT TỰ VÔ DUYÊN

Có nhân diện tươi đẹp trong chiếc áo dài đang vui cùng mùa màng cũng đang vui trong thiên nhiên, giúp chúng ta nhận ra có những cái đẹp vượt qua cái bình thường, vượt lên cái tầm thường, vượt ngoài cái tầm phào, luôn có mặt trong nhân sinh. Tại đây, cái đẹp có cái quyền nội tại để quyết định từ nhân diện tới nhân dạng bằng sắc áo lẫn tà áo. Cái đẹp của người lẫn áo mang sự tự chủ trước các trật tự vô duyên của thế giới bên ngoài, cái đẹp này độc lập ngay trên thượng nguồn trong quyết đoán của người phụ nữ, đây chính là sự tự do trong nhận định về cái đẹp biết chống cái bình thường, để xa cái tầm thường, để lánh cái tầm phào. Cái đẹp này mang một tài năng, mà siêu hình học không ngần ngại gọi nó là *thiên năng của tâm hồn*, lấy mỹ cảm của chủ thể để thay đổi mỹ quan của thế giới chung quanh, mà không cần theo thước đo mẫu mực nào của ngoại giới. Từ đây, sẽ có sự khác biệt giữa cảm xúc bên trong của người chọn chiếc áo dài và thói quen tầm thường của xã hội bên ngoài. Nhưng khi xã hội chung quanh nhận ra rồi chấp nhận cái đẹp mới này, thì sau chiếc áo dài đã tạo ra cái đẹp mới là một chiến thắng mới của cái đẹp biết tự chủ trước nhân sinh.



CÁI ĐẸP MỚI LÀ CHẤT SỐNG MỚI: *VỰC DẬY CÁI CHƯA DẬY!*

Chính *chất sống mới* trong lao tác nghệ thuật nói lên được *chất sống mới* trong *cái đẹp mới* vừa được trình bày trước công chúng, và trong chất sống tự nó đã mang theo một *đạo lý* lấy *cái đẹp mới* của sáng tác nghệ thuật để *làm mới cái đẹp chung* cho *nhân sinh, nhân thế, nhân tình, nhân loại*. Cái đẹp mang *chất sống* vào *sự sống*, nó mang *sinh khí mới, sung lực mới* không những cho mỗi tư duy cá nhân mà cho cả sinh hoạt tập thể, đời sống cộng đồng, nó còn có thể mang hùng lực làm thay đổi xã hội. Vì vậy, trước mọi cuộc cách mạng hay mọi cải cách, chính giới nắm quyền lực thường van xin (có khi là van lạy) các nghệ sĩ phải cho ra đời những *«bản thiên anh hùng ca»* qua nhạc, qua thơ, qua văn, qua họa, qua điêu khắc… Chính kẻ nắm quyền cũng cần cái đẹp để được thức dậy, để được khôn lên, vì cái đẹp biết vượt thoát để vượt thắng quyền lực.



NHÂN DẠNG *GÁI XUÂN*.

Mặc chiếc áo dài trắng với hành tác thoải mái vui trong thiên nhiên, có ngoại cảnh và nhân dạng cùng nhân cách của người thiếu nữ giữa cõi sen. Đây là cái đẹp nữ tính luôn biết nhập nội vào chất sống của thiên nhiên, nơi có chất xuân làm rộng hẳn lên tuổi xuân của thiếu nữ. Nguyễn Bính đã cảm nhận bằng những thi từ xuân thật đẹp, và nhạc sĩ Từ Vũ đã đưa các thi từ này vào giai điệu thật xuân, rất xuân trong ca khúc *Gái xuân*: *"Em như cô gái hãy còn xuân/ Trong trắng xuân chưa lấm bụi trần.../ Gái xuân rũ lụa trên sông vân.../ Đôi tám xuân đi trên mái tóc.../ Xuân đi xuân tới vẫn còn xuân..."*. Trong thi ca của Pháp, có trường hợp của Baudelaire, cả quyết rằng cái đẹp có ít nhiều dính dáng tới *cái đau khổ*, khi kẻ sáng tác phải nhận thử thách, hy sinh, cực hình để tạo ra nó, mà thí dụ thì nhiều vô kể, có trầm luân của *Gauguin*, có khổ ải của Van Gogh... Quan niệm của loại đẹp này có hành trình không thong dong, có lộ trình không thoải mái, có nhân lộ không vui, có nhân thế không tươi. Và nó xa quá với cái đẹp thư thả của chiếc áo dài, nó lạ quá với chất sống yêu đời của Nguyễn Bính qua nhân dạng *Gái Xuân*.



ĐỦ DÁNG, ĐỦ DẠNG, ĐỦ DUYÊN

Một khuôn trang duyên dáng trong chiếc áo dài thanh lịch trong nhân dạng xinh tươi, đây là mẫu chuyện về trang phục tạo nên câu chuyện mỹ thuật. Khi mỹ thuật đi tìm cái đẹp mới qua lộ trình duyên dáng rồi thanh lịch bằng nữ tính, thì cái đẹp đã nhận một thử thách là lao tác tiếp nhận *ngẫu nhiên* sau khi tháo gỡ, tránh xa *cái đẹp cũ* để tự tìm đường mà đi, nhưng không chối bỏ các vốn liếng, các kinh nghiệm mà cái đẹp cũ đã trao tặng cho mình. Chính *chiếc áo tứ thân* thủa nọ đã tạo được cầu nối cho chiếc áo dài ra đời. Và từ một thế kỷ qua chiếc áo dài đã đủ dáng, đủ dạng, đủ duyên, để tự *«độc thân, độc mã»* trên con đường do chính mình vạch ra. Con đường mới này biết đi để tìm cho ra mỹ thuật mới, với tiềm năng tiếp nhận mọi tài năng của mỗi người phụ nữ biết chọn tà áo, sắc áo để làm nên duyên áo.



NHÂN DẠNG

Nhân dạng từ xa chỉ là nhân dáng, tới gần sẽ là nhân hình, để khi cận kề bằng người duyên trong áo đẹp, hay là người đẹp trong áo duyên, để cả hai: người và áo, sẽ làm đẹp duyên cho hội ngộ, thắm duyên cho tao ngộ, đậm duyên để tái ngộ. Tại đây, cái đẹp và cái duyên đã nhập nội vào một nhân dạng để chuẩn bị xây nên cõi của hạnh ngộ.



CHỦ THỂ ĐÃ CHỦ ĐẠO TRONG SÁNG TẠO

Khi ta thấy một nhân diện đẹp trong chiếc áo dài khi thì rực, khi thì lắng, luôn biết chở che cho một nhân dạng thanh cao, thì những thi từ của Đoàn Phú Tứ sẽ giúp ta tái tạo được một hệ thống ngữ vựng thanh, một cấu trúc ngữ văn cao, trong một ngữ pháp Việt quý phái làm nên *Màu thời gian: «Thoáng xuân tình.../ Nhuốm thời gian.../ Màu thời gian tím ngắt.../ Hương thời gian không nồng.../ Hương thời gian thanh thanh.../ Nghìn trùng e lệ.../ Tình một thủa còn vương...».* Tại đây, *cái đẹp* giới thiệu tính thanh cao của mình qua chiếc áo hình như *«biết nhuốm màu thời gian»*, lại *«biết nhuốm hương thời gian»*. Đó là một sáng tác của một phụ nữ có cá tính mà ta được thấy rõ qua bản lĩnh tạo diện, qua nội công tạo dạng. Bằng trang sức cùng trang điểm, người phụ nữ này là một chủ thể đã thấu nội hàm cua trang phục để làm đẹp nhân diện, để làm mới nhân dạng của chính mình. Hãy phân tích sâu thêm nữa sự cá biệt làm nên *đặc điểm, đặc thù, đặc tính* tạo ra tính *đặc trưng* của cái đẹp; chính đặc điểm, đặc thù, đặc tính này làm rõ định nghĩa về chủ thể nơi mà người phụ nữ là tác giả đã chủ động từ nhân diện tới nhân dạng của mình. Một chủ thể đã chủ đạo trong sáng tạo ra một nhân dạng cho chính mình, mà mỹ cảm của tha nhân phải nhận diện ra cho bằng được.



TÔN NGHIÊM NHẬP HƯỚNG THƯỢNG

Người phụ nữ nghiêm trang trong chiếc áo dài biết nghiêm túc trong không gian có tín ngưỡng, có truyền thống, có giáo lý, có tổ tiên… Đây là sự nghiêm túc của một ý thức biết chọn trang phục, biết tuyển trang sức. Khi người phụ nữ này biết tạo ra một cái đẹp trong chiếc áo dài có đủ lực giới thiệu lòng sự tôn kính, thì cái đẹp này đã biết định thần, định tâm, định trí ở dạng tôn vinh các giá trị giáo lý mà mình đang sống. Cái đẹp này có mặt để chống lại sự hỗn loạn, sự bê bối, sự cẩu thả, vì nó chối từ chuyện *«ăn xổi ở thì»*. Cái đẹp biết tôn trọng môi trường của các giá trị tâm linh là cái đẹp có tư duy biết cảm xúc về các niềm tin đã làm nên giáo lý của mình. Đây là cái đẹp có lý trí biết tôn thờ các giá trị của đạo đức tổ tiên để làm đẹp cho đạo hạnh của phụ nữ. Khi cái đẹp được cảm nhận từ niềm tin tới tâm linh, thì chính nó đã là tư tưởng để chế tác ra mỹ cảm biết tôn kính, sẽ làm nên mỹ quan biết *kính trên, nhường dưới* của người phụ nữ trong nhân dạng tôn nghiêm. Hãy đi xa hơn nữa để tìm một định nghĩa khác về cái đẹp, nơi mà cái đẹp luôn biết đi tìm sự *hướng thượng*. Một cái đẹp có quyền năng hướng dẫn được cuộc sống. Từ đây, vai trò của giáo dục là biết tạo ra giáo khoa, giáo trình, giáo án biết tôn kính những giá trị đã được tôn vinh, để thăng hoa cho tri thức của các thế hệ mai hậu.



MÙA XUÂN CHƯA CẠN NGÀY

Người phụ nữ luôn có ý thức sâu sắc về mùa xuân, vì có nhận thức sâu xa về tuổi xuân của mình, một tuổi xuân sẽ đi qua, nhưng ai cũng muốn cầm giữ nó lại. Nam giới thường có kiến thức hời hợt về mùa xuân, nên có tri thức lắm khi cạn cợt về tuổi xuân, với những mê thức làm ra mê luận là nữ giới *«chóng già»* hơn nam giới. Nam tính từ kiến thức tới tri thức thức thường *«kém hơn»* ý thức cùng nhận thức làm nên nữ tính. Nếu phụ nữ nhận ra cái *«thiếu vì sót»*, cái *«kém vì cạn»* của nam giới trước mật độ cùng cường độ làm nên trình độ của nhận thức để nhận diện tuổi xuân; thì phụ nữ nên *«tha thứ»* cho nam giới, đây là *khuyết điểm tâm lý* đã làm nên *khuyết tật tâm tri* của không ít nam giới. Vì cái đẹp nữ tính đòi hỏi trình độ của cảm quan làm nên từ cường độ của cảm xúc, cái đẹp này thường được nhận định ba loại thử thách: thử thách thứ nhất là tuổi xuân mau qua như thời gian trôi nhanh; thử thách thứ nhì là phải biết gìn giữ cái đẹp của tuổi xuân để làm nên cái đẹp cho môi trường mà mình đang sống; thử thách thứ ba là vận dụng cái đẹp đang có của tuổi xuân để chế tác ra cái đẹp từ mỹ cảm tới mỹ quan, từ mỹ thuật tới mỹ luận cho nhiều thế hệ mai sau. Cái đẹp xuân chính là sự tổng kết của các thử thách này, từ khi con người nhận ra tính chóng chầy của thời gian cũng chính là *tính mau tan biến* của tuổi xuân. Chúng ta cầu mong nam giới khi tự nhận ra *khuyết điểm tâm lý* đã làm nên *khuyết tật tâm tri* của mình, thì nên đọc lại bài *Mưa xuân* của sư phụ Nguyễn Bính: «*Mẹ bảo: mùa xuân đã cạn ngày!... Anh ạ: mùa xuân đã cạn ngày*».



TỔNG THỂ CỦA CÁI ĐẸP MỚI

Một người phụ nữ từ tà áo tới sắc áo, từ trang điểm nhân diện tới trang sức nhân dạng tạo được sự tập trung cho thế giới quanh, với cái đẹp biết rực rỡ. Cái đẹp này tạo ra sự choáng váng, làm cho người qua kẻ lại như bị chóng mặt, vì nó đã làm mất thăng bằng ngay trong mỹ cảm của kẻ đang nhận diện ra nó. Một cái đẹp với dạng xuất thần được chế tác từ một vùng màu sắc mới. Tại đây, cái đẹp này làm thay đổi không chỉ cảm xúc, mà cả về nhân sinh quan của những ai đang có cảm xúc choáng váng, cảm giác chóng mặt trước nó. Câu chuyện một cảm quan mất thăng bằng là câu chuyện của khám phá ra cái vừa mới, lại vừa đẹp trong nhân sinh. Nơi đây, người phụ nữ biết giới thiệu với người, với đời một cái đẹp từ nhân diện tới nhân dạng, từ sắc áo tới tà áo làm nên một tổng thể của cái đẹp mới.



NHÂN DẠNG CỦA NGHỆ THUẬT

Trong hệ thống giáo dục xưa, ngoài tứ đức, người ta vừa mong cầu, vừa đòi hỏi người phụ nữ có bốn kỹ năng trong nghệ thuật: *cầm, kỳ, thi, họa*. Câu chuyện này dường như đã xưa lắm rồi, quá xưa và có nhiều người cho nó là lỗi thời rồi. Nhưng câu chuyện của chúng ta đang bàn về nét đẹp dáng duyên của chiếc áo dài, thì chúng ta đều nhận ra là chiếc áo dài rất hợp với tư thế của phái nữ khi họ ngồi cạnh các nhạc cụ dân tộc: đàn huyền cầm, đàn tranh… Câu chuyện chiếc áo dài của phụ nữ Việt: *hợp nơi, hợp chốn, hợp tình, hợp huống* với các nhạc cụ dân tộc là chuyện thật đáng bàn, đáng luận để lập ra lý cho người và cho nghệ thuật. Khi cái đẹp của áo hợp cái đẹp của đàn, để thăng hoa hai cái đẹp khác là: cái đẹp của nhân dạng được song hành cùng cái đẹp của nghệ thuật, từ đó giới thiệu được nhân dạng của nghệ thuật. Tại đây, cái đẹp người và cái đẹp nghệ thuật biết tương tác lẫn nhau, biết hòa quyện vào nhau. Từ đó tạo ra hình thể mới rồi biểu tượng mới về một sự toàn hảo mới đã được xuất hiện: sự toàn hảo của cái đẹp nhân dạng trong cái đẹp nhân cách đang diễn tả nghệ thuật. Khi suy nghĩ về triết nghệ thuật, Hegel đề nghị phải thấy trong sự toàn hảo giữa người và nghệ thuật, đó là sự kết hợp rất hợp tình huống giữa những cái đẹp, đã được thể hiện bằng sự kết hợp toàn hảo giữa người và nghệ thuật.



MỸ CẢM ĐÃ CHẾ TÁC RA MỸ QUAN

Trong ca khúc *Bến xuân*, nhạc sĩ Văn Cao có nhận ra một tà áo: *«Tà áo em rung trong gió nhẹ/ Thẹn thùng ngoài bến xuân»*. Mùa xuân có bến của nó, và tà áo của người thiếu nữ nào đó đang hiện diện rất thẹn thùng quanh bến ấy. Nơi mà *tà áo ngoài bến xuân* đã là thượng nguồn của sáng tạo làm nên sáng tác được bắt đầu qua ý tưởng nghệ thuật tới từ cái thật của tà áo người thiếu nữ. Tà áo này đóng một vai trò tiên quyết, chính nó thiết lập cầu nối giữa sáng tác của nhạc sĩ và thế giới bên ngoài là *bến xuân*. Khi tác phẩm được hiện hình hóa qua vóc và dáng của *tà áo em rung trong gió nhẹ*, thì cái đẹp đã được trình bày bằng ý tưởng nghệ thuật của *thẹn thùng ngoài bến xuân*. Và sự liên kết của *tà áo* (biết) *thẹn thùng ngoài bến xuân* chính là nơi mà mỹ cảm đã chế tác ra được một mỹ quan mới.



SỰ THÔNG MINH LẠC QUAN YÊU DỜI.

Mặc chiếc áo dài lên chùa, lễ Phật để dâng hương, là giới thiệu về một cái đẹp đã được phổ quát hóa qua thi ca và văn học, cái đẹp đã có mặt trong sách giáo khoa, khi cái đẹp được công nhận. Cái đẹp khi đã phổ quát rồi được thể chế hóa trong các sáng tác, từ hội họa tới điêu khắc, kể cả tượng đài nơi công cộng. Câu chuyện cần phân tích ở đây là khoảng cách giữa mỹ thuật của cá nhân có tự do *tạo diện*, *tạo dáng*, *tạo dạng*, *tạo duyên* qua chiếc áo dài, và mỹ quan của quần chúng chiêm ngưỡng và chứng thực cho cái đẹp của chiếc áo. Đây là chuyện đánh giá về cái đẹp qua mỹ cảm, khi cái đẹp trở thành đối tượng cho những ai nhìn ngắm nó. Nhưng những ai tìm cách chuẩn mực giá trị của cái đẹp bằng cách ép buộc bối cảnh thờ phụng nơi chốn trang nghiêm vào trang phục, để bắt buộc người mặc áo cũng phải *«âu sầu trong trang nghiêm»*, thì đây là chuẩn mực sai. Người con gái có thể lên chùa, với phong cách tươi mát, cùng chiếc áo dài có hoa văn vui tươi, dạng duyên yêu đời. Biết làm tươi mát chốn thờ phụng là một hành tác trang sức tới từ môt sự thông minh lạc quan yêu đời.



NHÂN CÁCH-NHÂN BẢN-NHÂN PHẨM.

Người thiếu nữ với nhân diện tươi sáng yêu đời, cùng nhân dạng nghiêm chỉnh, nhưng thoải mái trong chiếc áo dài có màu áo sang đẹp, có tà áo hoàn chỉnh với hoa văn giới thiệu một thiên nhiên đẹp, một vũ trụ lành. Khi quyết định chọn lựa và thể hiện một nhân cách như vậy, thì người tiếu nữ này đã tuyển chọn được một cái đẹp tổng thể đủ bản lĩnh để tạo ra một nhân sinh quan đẹp. Vì chúng ta ai cũng muốn sống với một nhân sinh quan đẹp, có thế giới quan tốt, có vũ trụ quan lành ngay trong nhân kiếp của chúng ta. Thiếu nữ này với thời gian sẽ là phụ nữ, và khi đã trở thành người mẹ, thì tâm hồn luôn đẹp, biết tạo dựng lên những gia đình đẹp với quan hệ xã hội tốt: *trong ấm ngoài êm*. Con người khi biết mong cầu về cái đẹp trong một xã hội tốt, thì ngay trong tư duy của con người đã có những câu hỏi về số phận của chính mình sẽ ra sao? Đó là những câu hỏi về nhân tri và nhân trí cho chính giá trị mà mình muốn bảo vệ. Những câu hỏi về tương lai sẽ như thế nào? Cũng là những câu hỏi về nhân đạo và nhân bản khi cùng nhau chung sống trong những quan hệ xã hội làm nên đời sống xã hội. Nên mỗi lần chúng ta được thấy một người thiếu nữ với nhân diện tươi sáng yêu đời, cùng nhân dạng nghiêm chỉnh nhưng thoải mái trong chiếc áo dài có màu áo đẹp, có tà áo hoàn chỉnh với hoa văn giới thiệu một thiên nhiên đẹp, thì chúng ta phải thấu câu chuyện của con người là luôn phải sống trước các thử thách về nhân phẩm, mà chính nhân cách từ trang phục tới trang sức làm nên nhân bản đang có *nơi ăn chốn ở* là nhân phẩm.



TIẾNG YÊU KHÔNG LỜI

Người phụ nữ có nhan sắc đậm nét đẹp, trong chiếc áo dài làm tăng thêm vẻ đẹp của nhân diện, làm thăng hoa cả nhân dạng. Cái đẹp của người phụ nữ này tạo ra sức hút loại mãnh lực, nơi mà bối cảnh chung quanh phải lùi về đóng vai phụ, để người phụ nữ nhận vai chính; làm trung tâm cho mọi diễn biến (tâm bão). Trong mỹ luận làm nên mỹ học, thì người đẹp trong áo đẹp là một vũ trụ dẫn dắt kẻ thưởng thức cái đẹp phải thốt lên tiếng nói là: *cái đẹp phải được yêu*. Nhạc sĩ Phạm Duy đề nghị một một phản xạ là *mỗi lần cái đẹp xuất hiện thì tiếng yêu xuất hiện*, mà tiếng yêu thì tránh lời hồ đồ, khử giọng sỗ sàng, lánh câu vồ vập, đó là loại *tiếng yêu không lời*. Tiếng yêu này có hiện hình rõ ràng trong ca khúc *Bao giờ biết tương tư*, của Phạm Duy chỉ bằng một ca từ: «*Tà áo em phơi bày/ Ngón tay em dài/ Tiếng yêu không lời*».



DỨT KHOÁT THOÁT THÂN

Thiếu nữ đi trong chiếc áo dài có nhân diện rạng rỡ, có nhân dạng thanh cao, làm nên cái đẹp đủ tâm, đủ trí, đủ lực để tạo ra *cái thoát thân* cho chính nó ngay trong một xã hội đang *đầu tắt mặt tối*. Cái thoát thân này mang nội hàm của ý muốn luôn tìm cách đi ra ngoài cái lập đi lập lại đang ép uổng những số phận đang *một nắng hai sương*, đang áp chế những số *kiếp* đang *cày sâu cuốc bẩm*. Cái thoát thân để tìm đến một tương lai có đẹp người, dáng đẹp, mà có luôn cả đời đẹp, kiếp đẹp. Hãy cứ gọi tên nó là *sức bật của sự buông bỏ*, bỏ cái áp chế đang toàn trị, đang ngự trị trên vạn vật, đây chính là sự thông minh của thời trang biết làm đẹp nhân dạng, tự cho phép qua cái đẹp mới và riêng. Từ đây, nói lên hoài bão, ước nguyện về tương lai không những cho nghệ thuật, mà cả cho nhân sinh. Chính sức bật của sự buông bỏ, không hề thụ động này, nó là giàn phóng tạo ra sự dứt khoát thoát thân, sẵn sàng chấp nhận sự rạn nứt ngay thói quen thường nhật, để mang lại một nhân diện mới, một nhân dạng mới, một nhân cách mới, một nhân vị mới. Trong hội họa, có lần Klee khẳng định khả năng tạo ra các rạn nứt ngay trong hệ thống xã hội, chính là sực sáng tạo của sự thông minh. Vì, từ các rạn nứt này sẽ xuất hiện những dạng, hình, thể, dáng mới, hơn thế nữa sẽ xuất hiện trí, tâm, chí, lực mới.



CÁI ĐẸP CỦA CHIỀU SÂU, CHIỀU RỘNG, CHIỀU DÀI, CHIỀU CAO CỦA ĐỘC SẮC.

Chiếc áo dài có duyên giữa đời, giữa thiên nhiên vì nó có thông minh biết hợp duyên với mùa màng với cảnh quan, cả với tâm sự của người, khi áo tím cùng hoa tím trong cả một khung trời tím. Đây làm nên một cái đẹp biết dẫn dắt chúng ta đến với chiều sâu, chiều rộng, chiều dài, chiều cao của màu tím. Đây là một sự khám phá của mỹ quan sẽ làm nên mỹ cảm trong một không gian chỉ một màu: tím. Nghệ thuật ca khúc Việt đã cảm nhận được điều này trong bài *Chiều tím*: *«Chiều tím chiều nhớ thương ai/ Người em tóc dài.../ Thương ai hoa rơi lá rơi../ Tóc bay dài gió viễn khơi»*. Trang phục và trang sức không chỉ thu hẹp vào khung vào nhân diện và nhân dạng của một người, mà còn biết xa hơn giữa thiên nhiên, giữa mùa màng để làm nhân diện đẹp hơn, để làm nhân dạng có duyên hơn. Xa hơn nữa cái đẹp của chiều sâu, chiều rộng, chiều dài, chiều cao chỉ một màu còn biết dẫn dắt cả tư duy sáng tác trong ca khúc, trong thi ca, trong hội họa, trong điêu khắc… Tại đây, sáng tác trong thời trang chính là sáng tạo trong một quá trình của tư duy làm *bật*, làm *nổi*, làm *trội* thiên nhiên, để thiên nhiên trợ duyên cho nhân diện và nhân dạng mà làm đẹp nhân cách. Nên mỗi lần nhận định về cái đẹp của chiều sâu, chiều rộng, chiều dài, chiều cao chỉ một màu tạo ra cảm xúc, chúng ta không được quên tư duy sáng tạo đã cảm nhận đầy đủ thiên nhiên, trọn vẹn cảnh quan để chế tác ra cảm xúc đó.



CÁI ĐẸP LÀ
MỘT TƯ TƯỞNG BIẾT HƯỚNG THƯỢNG

Khi chúng ta nhận ra cùng một lúc ba cái đẹp: nhân diện đẹp, nhân dạng đẹp, áo dài đẹp, thì chúng ta tự động đi thêm một bước nữa về phân tích cái đẹp. Nơi đây, cái đẹp là cái được yêu, nên chúng ta nhìn cái đẹp như nhìn cái được yêu, từ đây chúng ta nhận ra cái đẹp đưa cái cao thượng tới ngồi chung, để chia chung một không gian trong đó có cái đẹp và có cái cao thượng, Mọi sự đối kháng làm nên mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại phải biết tự giải quyết xung khắc với nhau bằng những thỏa hiệp thông minh là biết giữ cho bằng được cái đẹp trong cái cao thượng. Sự đồng cảm biết công nhận sức thuyết phục của cái đẹp phải vừa là cảm xúc, phải vừa là lập luận. Từ quan niệm biết làm đẹp tự nhân diện tới nhân dạng qua thời trang vẫn chưa đủ, mà còn phải tạo ra một nhân vị cao thượng. Chính nhân vị cao thượng mang sức thuyết minh về cái đẹp được cảm nhận bằng cảm xúc, tới từ một tư tưởng biết hướng thượng.



DÁNG ÊM Ả-DẠNG YÊN VUI

Người thiếu nữ với nhân diện tươi, nhân dạng mát trong chiếc áo dài mang lại những sắc màu mới cho cuộc sống, cùng lúc đánh thức cảm quan để mỹ cảm được hiện diện giữa đời, giữa người với người, phái đẹp đã nhận sứ mệnh này trước nhân sinh. Như vậy, cái đẹp trong trang phục không đi tìm cái giống hệt, cái trùng khớp chỉ là kết quả của lao công không sáng tạo. Cái đẹp đi tìm cái mới để tác động lên mỹ quan, mỹ thuật, lên cả mỹ học, mỹ luận, rồi ảnh hưởng ngay trên nhân sinh quan, thế giới quan, của mỗi chúng ta. Xa hơn nữa, cái đẹp biết xoay chuyển nhân sinh, nhân tình, nhân thế, trong đó nhân lý, nhân tri, nhân trí đã được thay đổi theo hướng thăng hoa. *Cái đẹp mới* kể một *câu chuyện mới*, trong đó nội chất của cái đẹp mới chính là *chất sống mới* đang mang lại *cuộc sống mới* làm mới nhân sinh. Nếu *cái đẹp* mang lại một *sức sống mới*, thì nó cũng mang lại một *sức hoạt náo mới* làm cho cái ngủ phải thức, cái gục phải dậy, cái nằm phải đứng, cái ù lỳ phải vận động, nếu không sẽ bị *thụ động* trong *bất động*. Trong một ca khúc buồn kể chuyện về một sự chia tay: *Nghìn trùng xa cách*, vậy mà nhạc sĩ Phạm Duy vẫn biết mong cầu *trời đất yên vui* vì *hạnh phúc cho người*: "*Đường ta đi trời đất yên vui/ Đường dài hạnh phúc cầu chúc cho người*". Hình ảnh chiếc áo dài cũng là hình tượng về đường dài được cầu chúc thật yên vui cho người, bằng dáng êm ả, dạng yên vui của nó.



“BIẾT MANG ƠN”

Một người phụ nữ với nhân diện đẹp, nhân dạng sang, trong chiếc áo dài duyên đã tạo nên một sự quyến rũ. Sự quyến rũ nay không là kết quả của một ý đồ chiêu dụ vì ham muốn, mà nó tới từ nhận thức của nam giới, qua chữ: *ân* bằng ngữ pháp *“biết mang ơn”*. Đây là câu chuyện trong chiều sâu của cái đẹp, luôn có hai mặt, có mặt nổi là sự quyến rũ, và có mặt chìm là đạo lý của những kẻ biết *“biết mang ơn”*. Mà người *“biết mang ơn”* là kẻ có chính lý làm nên chính kiến tới từ chính tâm của họ. Người này hoàn toàn khác với những kẻ *vong ân* trong *vô ơn*, vì *vô tri* trong *vô minh*, *vô giác* trong *vô cảm*. Từ thi ca tới ca khúc, các nghệ sĩ Việt đã cảm nhận sâu xa câu chuyện *“biết mang ơn”* này. Trong bài thơ *Ơn em* của thi sĩ Du Tử Lê, mà nhạc sĩ Từ Công Phụng đã đưa *thi ca ân* vào *nhạc lý ân* của câu chuyện *“biết mang ơn*”: “*Ơn em dáng mỏng mưa vời…/ Ơn em ngực ngãi môi trầm…/ Ơn em hơi thoáng chỗ nằm…/ Ơn em hôm sớm ngậm ngùi/ Kiếp sau xin giữ trọn đời cho nhau”*. Schiller nhận thấy cái đẹp tạo ra sức nhạy cảm của cá nhân dựng lên sự quyến rũ cho tha nhân, nơi đây sáng tạo ra cái đẹp mới tức là đang đi tìm một lẽ sống mới, tới từ chính tự do cá nhân mà không cần trường phái. Câu chuyện *“biết mang ơn”* bằng chữ *ân* của *nhân nghĩa Việt* đi xa hơn câu chuyện sáng tạo ra cái đẹp. Chỉ vì nó khó hơn, nó muốn những ai đang sáng tạo ra cái đẹp phải có đầy đủ nhận thức về chuyện *“biết mang ơn*”.



CÁI ĐẸP NỮ TÍNH VÌ NỮ GIỚI

Nếu cái đẹp mang tới một sức sống mới, tức là nó mang lại một sinh khí mới, và khi kẻ thưởng ngoạn nhận ra là cái đẹp tạo ra được thích thú mới, hào hứng mới, sảng khoái mới, kể cả khoái lạc mới, tựu chung là chất sống mới, thì chính sự sống của kẻ thưởng ngoạn đang và đã được thay đổi. Vì dường như lao tác nghệ thuật thời trang trong sáng tạo là lao công, lao lực, lao tâm, lao trí… để đi tìm lẽ sống mới! Trong sáng tạo thời trang, cái đẹp tự nó mang theo một lý tưởng sống để tôn vinh chất sống đang ẩn nấp trong chất người. Chính lao tác thời trang là sự vượt qua: khó khăn, ngõ cụt, khốn khổ, mệt mỏi, đuối sức, kiệt lực… của nhân sinh đang vừa áp đặt lại vừa áp chế điều kiện làm người của phụ nữ. Khi diện, dáng, dạng, duyên được chiếc ái dài thể hiện lên cái đẹp đã được công nhận. Và, khi mọi người công nhận *diện*, *dáng*, *dạng*, *duyên* được chiếc áo dài thể hiện để làm nên cái đẹp nữ tính vì nữ giới, thì người ta đã đưa nó vào nhân lộ vì nhân phẩm.



TẦM VÓC CỦA NHÂN DẠNG

Có nhân dạng nữ với chiếc áo dài qua cầu đi thảnh thơi ngang chốn gió, đủ mang một bố cục cho hội họa, trong gió, giữa trời nhân dạng này thật sinh động, khung tranh khuôn họa dễ làm mất chất sống này. Trên tay cầm hoa như cầm mùa xuân, như bảo vệ mùa xuân, với chiếc áo dài làm vui nhân dạng. Chiếc áo dài biết làm vui nhân dạng này đem lại một xúc cảm vui, mà kẻ qua người lại tự nhận ra là giữa cuộc sống mỹ quan đã làm nên mỹ cảm, để họ phải thốt lên: "*nhìn sướng mắt*". Nghệ thuật luôn đi tìm hiệu quả "*sướng*" này trước cái đẹp tới với con người để thỏa mãn *cái sướng mắt* trong hội họa, *cái sướng tai* trong âm nhạc, *cái sướng tâm* trong thi ca. Câu chuyện *sướng tâm* trong thi ca không phải chỉ là câu chuyện đơn thuần của thị hiếu trong cái hiếu kỳ dễ dãi, mà là câu chuyện sáng tạo tầm vóc cho nhân dạng để sáng tác tầm cỡ cho thi ca. Thi ca của Hoàng Cầm có vai vóc nhận ra tầm vóc của nhân dạng này: "*Có phải em đang cầm gió bấc/ Quất lên sông Đuống buốt phù sa*".



CHIẾC ÁO DÀI VỚI *DIỆN-DẠNG-ĐÁNG-DUYÊN* BIẾT ĐẶT MỘT MỨC THANG VỀ TRÌNH ĐỘ

Cái đẹp của chiếc áo dài với *diện-dạng-đáng-duyên* chính là hành tác chống lại *cái dễ xài, dễ dùng,* để *dễ bán, dễ mua*. Vì chính *cái tùy tiện* diệt cái khai phá trong trang phục, hủy cái khai thị trong trang điểm, loại cái khai sáng trong trang sức. Chống lại cái *"ăn xổi ở thì"* với áo quần bê bối, để tự xác nhận lại hệ *mỹ (mỹ quan, mỹ cảm, mỹ thuật, mỹ luận, mỹ học)* được trợ duyên bởi hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức)* được trợ lực bởi hệ *sáng,* với *sáng kiến* trên trang sức, *sáng chế* trên trang điểm, *sáng tạo* trên trang phục. Cái đẹp của chiếc áo dài với *diện-dạng-dáng-duyên* biết đặt một mức thang về trình độ: muốn phê bình một cái đẹp của chiếc áo dài với *diện-dạng-dáng-duyên đã* làm nên một nghệ thuật sống thì chính các kẻ phê bình thời trang cũng phải có trình độ về *mỹ (mỹ quan, mỹ cảm, mỹ thuật, mỹ học),* hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức)* và hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo).*



CHÚNG TA LUÔN CẦN CÕI *THANH*

Câu chuyện về cái đẹp, cũng như câu chuyện về chiếc áo dài của phụ nữ Việt, cũng mọi chuyện trên đời này, đều là câu chuyện về trình độ! Mà trình độ từ sáng tác tới thưởng ngoạn là câu chuyện lõi của nhân tri, có gốc của nhân trí, từ truyền thông qua truyền đạt giờ đã thành giáo lý nâng giáo dục, để mỹ cảm nâng mỹ quan. Cụ thể là khi chúng ta muốn nhận ra cái đẹp từ trang phục tới trang sức, chúng ta phải nhập nội vào quy trình học-biết-hiểu. Để đừng nhìn sai khi thấy cái thanh mà tưởng lầm là cái tục, để nhìn đúng mà nhận ra cái đẹp, vì câu chuyện thưởng ngoạn cái đẹp cũng như cảm nhân trang phục cũng là câu chuyện dùng nhân tri để định nhân trí cho chính mình. Người phụ nữ cùng chiếc áo dài đã hành tác trong cõi thanh, nên người thưởng ngoạn phải ở trọn trong cõi thanh này. Một nhân dạng một phụ nữ được thăng hoa trong chiếc áo dài là để vinh danh trong cõi thanh. Nên kẻ thưởng ngoạn cõi thanh phải có từ tư duy tới tư tưởng, từ cảm nhận tới cảm xúc, vì từ nhân bản tới nhân phẩm, chúng ta luôn cần cõi thanh.



SUNG LỰC ĐI RA NGOÀI

Chính chiếc áo dài biết che thân thật hoàn thiện, lại biết tạo duyên cho dáng, nên chiếc áo dài có sung lực đi ra ngoài. Đi ra ngoài đường thoải mái, đi ra ngoài phố thong dong, đi ra ngoài đời ung dung. Chiếc áo dài không bó thân, bó thể người phụ nữ như chúng ta thấy trong một số quốc phục của vài quốc gia láng giềng với Việt Nam. *Cái đẹp* của chiếc áo dài mang sung lực của sự vận hành bằng thể phách xa cái thụ động của các trang phục bó, siết thân thể nữ giới. Chiếc áo dài chính là sung lực của hành tác linh hoạt trong sinh hoạt xã hội, sống động trong quan hệ xã hội, sinh động trong đời sống xã hội.



BIẾT VƯƠN VAI MÀ SỐNG

Người thiếu nữ ngồi một mình, với nhân diện trầm tư, với nhân dạng của kẻ đang sống nhiều với nội tâm, nhưng với chiếc áo dài đẹp, biết làm cho người thiếu này không cô đơn. Câu chuyện chiếc áo biết làm vơi tâm trạng cô đơn có trong không gian ca khúc những *bài không tên* của nhạc sĩ Vũ Thành An. Trong đó, có tà áo là động cơ giúp người biết *vươn vai mà sống*: *"Quấn quít vân vê tà áo.../ Hãy sắc se đợi ngày tới/ Mai rồi ngọt bùi sẻ chia/ Hãy đến chia nhau nghèo khó/ Quên lo tương lai mịt mờ/ Hãy cố yêu người mà sống.../ Hãy cố vươn vai mà sống*."



CÂU CHUYỆN *NHÂN CÁCH SỐNG*

Qua chiếc áo dài, ta nhận ra một nhân diện đẹp, một nhân dạng nghiêm trang, cùng sự nghiêm cẩn làm lên nhân cách của phụ nữ này. Chúng ta có nên đi thêm một bước nữa trong phân tích nhân dạng và nhân cách để nhận ra được nội công, bản lĩnh, tầm vóc của người phụ nữ trong trang phục áo dài. Đã tạo ra không những *diện-dạng-dáng-duyên* mà cùng lúc cho hình hành một *nhân cách sống* với hành vi đàng hoàng, cử chỉ nghiêm túc, hành tác tử tế. Câu chuyện *nhân cách sống* nơi mà chúng ta cảm nhận được nội dung nhân sinh của phụ nữ này, sâu hơn nữa chúng ta chia sẻ được nhân sinh quan có trong nhân giáo của người này. Rộng hơn nữa chúng ta muốn đồng hành cùng thế giới quan có trong nhân tri của phụ nữ này, và cao hơn nữa chúng ta còn muốn *đồng hội, đồng thuyền* với vũ trụ quan có trong nhân bản của người này.



CÁI ĐẸP CHUNG

Áo dài làm đẹp chợ hoa, áo dài làm đẹp chợ tết, áo dài làm đẹp nhân diện cùng nhân dạng đang đi qua các cõi hoa. Áo dài như tạo được lực liên kiếp giữa người và hoa, nơi có tà áo như luôn sẵn sàng phơi phới vì một không gian đẹp. Plotin đề nghị là khi chúng ta nhận ra cái đẹp, thì chóng chày gì rồi chúng ta sẽ nhận có sức liên kết của nó, một sức liên kết tạo được nội lực làm cầu nối giữa *dạng và ý*. Chiếc áo dài đi ngang chợ hoa, chợ tết như đi tìm sự dung hợp giữa nhân dạng và sắc hoa, nơi đây chiếc áo dài là một cầu nối linh động. Cái đẹp như muốn đi thêm một bước nữa để làm rõ một liên kết khác, liên kết giữa nhân dạng, nhân diện và cõi hoa để tạo ra sự xuất hiện một quá trình khác làm nên *cái đẹp chung*. Một cái đẹp chung hài hòa, có nhân dạng áo dài trong sự bày biện choáng ngợp của hoa, để tổng thể này làm nên *một không gian chung vừa đẹp, vừa rộng*. Trong một ca khúc kể về một cuộc tình tan vỡ, khi người con trai nhìn người con gái rời tình yêu để đi lấy chồng. Một bản nhạc tình buồn -như nhiều bài nhạc tình của khác- nhưng cái buồn của ca khúc này là cái buồn mang người con trai xuống vực sâu. Tên ca khúc này là *Tà áo cưới*, nhưng có một chuyện lạ là ngay trong bài này, rõ ràng có hình ảnh vè câu chuyện mà chúng ta đang bàn là *cái đẹp chung* tạo ra một không gian chung vừa đẹp, vừa rộng: *«Hôm nay sao áo bay nhiều thế/ Tôi tưởng nghìn cánh bướm khoe màu»*. Hóa ra ngay trong một nỗi buồn của sự tuyệt vọng, mà con người vẫn nhận ra cái đẹp chung.



ÁO BIẾT UỐN THEO THÂN HÌNH

Câu chuyện trang phục của phụ nữ luôn là câu chuyện văn hóa, mà trong văn hóa thì *cõi tục* và *cõi thanh* đã làm nên *cõi người*, trong cõi trần kiểu *"vàng thau lẫn lộn"* thì chiếc áo dài dứt khoát chọn *cõi thanh*. Từ giáo lý tới giáo dục, tổ tiên Việt cũng định vị hai loại người, đối kháng nhau trong sinh hoạt cộng đồng, trong đời sống tập thể, trong quan hệ xã hội: loại thứ nhất là *thanh*, loại thứ nhì là *tục*. Khi hai loại người này phải sống chung trong cùng một không gian văn hóa, nơi mà ngôn ngữ hình thể qua trang phục luôn tìm cách chủ trì các hành động của cá nhân, nơi mà người *thanh* luôn là *thầy* của kẻ *tục*. Huyền lực của áo dài còn cao, sâu, xa, rộng hơn sự phận định giữa *cái thanh* và *cái tục*; vì khi người phụ nữ đã chọn cái thanh rồi, thì chiếc áo dài sẽ đưa người phụ nữ Việt tới gặp *cái duyên* để cùng nhau đón *cái đẹp*. Cái đẹp của chiếc áo dài từ tinh khôi tới tinh anh, tại đây cái đẹp áo dài biết *uốn thân hình* theo người phụ nữ để làm nên một loại hình thể mà Phạm Duy gọi tên là *bóng xiêm đình,* trong ca khúc *Tiếng sáo thiên thai*: *"Xinh như bóng xiêm đình/ Trên không uốn thân hình..."*.



HƠI NGƯỜI QUANH TÀ ÁO.

Trong đời sống nghệ thuật, từ thi ca tới ca khúc, từ tiểu thuyết tới hội họa… Chiếc áo dài trắng nhiều lúc hiện diện ở trung tâm các tình khúc, các bài thơ, nhạc sĩ Lê Uyên Phương có những ca từ tuyệt đẹp và tuyệt buồn về chiếc áo dài trắng của chia ly. Về chiếc áo dài trắng của nỗi đau có trong tình yêu, vì biết tình yêu có khi làm nên ê chề tuyệt vọng: "*Một chiều mưa áo trắng đưa nhau/ Bên kia đời, tình buông nửa vời…/ Áo trắng thân xô có đau não nề/ Tình yêu cũng thôi ê chề.../ Còn tìm đâu áo ấm thanh xuân áp trên da thịt người…".* Lê Uyên Phương dắt chúng ta tới hình tượng *áo trắng đưa nhau,* nhạc sĩ cũng nhắc chúng ta đừng bao giờ quên *hơi người quanh tà áo* trong hình ảnh "*áo thanh xuân… Áp trên da thịt người…".* Câu chuyện *hơi người quanh tà áo* cũng là câu chuyện một ông vua triều Nguyễn thủa nào: *"Đập vỡ gương ra tìm lấy bóng/ Xếp tàn y lại để giành hơi".* Đây không chỉ là câu chuyện của kỷ niệm, mà nó còn điều kiện hóa cảm xúc làm nên cảm tính của chúng ta. Rộng hơn nữa nơi mà *kỷ niệm* bây giờ đã thành *kinh nghiệm*, sâu hơn nữa kinh nghiệm giờ đây đã thành *kiến thức*, cao hơn nữa kiến thức hiện nay đã thành *ý thức*. Một ý thức chủ quan về tình yêu, và khi mất người yêu rồi, thì còn lại một nhận thức thật cao, sâu, xa, rộng về *hơi người quanh tà áo.*



NHÌN ÁO DUYÊN-NHẬN CƠ DUYÊN

Hãy tự nhìn lại cuộc đời của mỗi người trong chúng ta, cuộc đời là một chuỗi dài của những gặp gỡ, hết gặp gỡ này đến gặp gỡ khác, có những gặp gỡ này quan trọng hơn, thiết yếu hơn những gặp gỡ kia. Và có một cuộc gặp gỡ quan trọng nhất, thiết yếu nhất, mà ta phải đặt tên nó là: *cơ duyên*, sẽ quyết định cuộc đời, có khi còn là cả tương lai cùng giòng sinh mệnh của ta. Như vậy *duyên* là khởi sự từ một cuộc gặp gỡ, và cuộc gặp gỡ này tự nó sẽ vận hành bằng cảm xúc của ta để ta tự biết phải xoay chuyển cuộc sống của mình ngay bây giờ và ở đây, rồi chấp nhận xoay vần cùng *duyên* (mới) trong một cuộc đời từ đây đã mới hẳn lên.



DỨT KHOÁT CHỌN CÕI THANH

Mauss là một trong những tổ của *nhân học* và *xã hội học*, có nhiều đóng góp từ nghiên cứu tới khảo sát, từ điều tra tới điền dã. Một trong những đóng góp của Maus là đã hội tụ được lý thuyết luận, phương pháp luận cùng khoa học luận chỉ trong một ý niệm về *dữ kiện xã hội toàn diện*. Nơi mà một dữ kiện xã hội là một dữ kiện của toàn diện xã hội, một sử kiện lịch sử cùng lúc là một dữ kiện văn hoá, một dữ kiện chính trị cũng là một dữ kiện kinh tế, không có một dữ kiện nào thuần nhất trong "đơn thân độc mã" cả. Nên câu chuyện chiếc áo dài vừa là một dữ kiện văn hóa mà cũng là một dữ kiện giáo dục, mà trong giáo dục thì giáo lý điều khiển giáo khoa. Chúng ta không quên *hiện tượng học lý trí* và *triết học đạo đức* thì trong cuộc sống *cái thanh* vận hành trên lưng, trên vai, trên đầu *cái tục*. Tổ tiên Việt còn dắt con cháu đi xa hơn nữa khi chỉ bảo con cháu là *người thanh* chắc chắn là *người khôn*. Trước hết là nhân vị của người *khôn «Người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu»;* kế đến là nhân cách của người khôn *«Người khôn ăn nói nửa (giữ) chừng, để cho kẻ dại (tục) nửa mừng nửa lo»*. Người vừa khôn lại vừa thanh đánh giá người dại và tục bằng nội suy của họ « *Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với kẻ ngu bực mình!* ». Và chiếc áo dài đã dứt khoát chọn cõi thanh để sống với người vừa thanh lại vừa khôn; chỉ vì cõi tục chính là cõi ao tù, mà nhà tù này của kẻ tục sẽ giam hãm tư duy dốt của cái tục có khi cả một nhân kiếp.



«ĐẸP NHƯ TRANH», «ĐẸP NHƯ MƠ» LÀ *«CHUYỆN CÓ THẬT»*

Cái đẹp của trang phục làm nên nhân diện quý phái, làm ra nhân dạng sang trọng là chuyện của *cái thực* qua tà áo dài. Khi cái đẹp nếu được khâm phục bởi nhiều cá nhân, thì cái đẹp sẽ có từ từ tới tính thuyết phục trong tập thể. Nếu cái đẹp thuyết phục được tập thể thì chóng chầy nó có thể được công nhận bởi quần chúng. Quá trình của cái đẹp từ riêng tới chung chính là quy trình từ cá thể tới tập thể. Và khi con người cảm nhận được cái đẹp thì chính nghệ thuật của con người từ thi ca tới ca khúc, từ tiểu thuyết tới hội họa… Tất cả sẽ vận dụng ngôn ngữ nghệ thuật để diễn tả rồi diễn luận cái đẹp này. Trong thi ca, thi sĩ Đinh Hùng đã có ngôn ngữ riêng của mình để thăng hoa cái đẹp, nơi mà ngôn ngữ có lực tạo hình của hội họa, qua bài *Mái tóc dạ hương* có bóng dáng của một người thiếu nữ mang: «*Nét buồn khuê cát hoen sương phủ/ Tiền kiếp xưa nào em hé môi...*». Cứ như vậy liên tục trong nghệ thuật của thi ca và ca khúc phải vận dụng ngôn ngữ thường nhật để ca tụng cái đẹp của phái nữ. Vậy mà ngôn ngữ của nghệ thuật vẫn vẽ được những bức tranh bằng thi từ, bằng ca từ. Sau Đinh Hùng là Trịnh Công Sơn, chỉ sáu chữ thì chuyện *«đẹp như tranh», «đẹp như mơ»* là *«chuyện có thật»*: *«Hồn lẻ nghiêng vai gọi buồn»*.



CHIẾC ÁO BAO NGƯỜI

Chúng ta sẽ vui khi thấy một chiếc áo dài lụa với hoa văn vừa bình dị, lại vừa tinh tế, và chúng ta sẽ vui hơn khi được người thiếu nữ mặc chiếc áo dài này giới thiệu đó là: *chiếc áo bao người*. Phạm trù *chiếc áo bao người* vừa đẹp, lại vừa đúng, vì chiếc áo này là thành quả của nhiều người: người quay tơ, người dệt, người nhuộm, người cắt, người may, và giờ đây có cả người thiết kế đã đưa mỹ thuật vào tà áo. *Chiếc áo bao người* này thành hình rồi hiện hình giữa cuộc sống qua tay nhiều người biết lao động trong tinh chuyên, qua nhiều công đoạn mà thủ công và mỹ công đã hòa quyện vào nhau. Phạm trù *chiếc áo bao người* vừa đẹp trong sự cần cù lao động, lại vừa đúng theo đạo lý của *nhân nghĩa*; một nhân nghĩa *biết mang ơn* những ai đã chăm lo chuyện *cơm ăn áo mặc* cho mình. Câu chuyện nhân nghĩa trong giáo lý của Việt tộc là câu chuyện sâu xa của những ai biết: *ăn ở có hậu*. Mà muốn *ăn ở có hậu* để có kiến thức tới tri thức, từ ý thức tới nhận thức trong trang phục cũng như trong trang sức, thì phải biết sụ vận hành của đạo lý, lấy *cái tốt* để làm nên *cái lành*. Cụ thể là biết chối bỏ những hành vi *ăn hoang xài phí*; biết buông bỏ các hành động *ăn tươi nuốt sống*, biết loại bỏ các hành tác kiểu *vất tiền qua cửa sổ*, với thái độ *có tiền mua tiên cũng được*. Có tiền nhưng không có giáo dục, có bề ngoài là tỷ phú nhưng bề trong lại là trọc phú, vô văn hóa vì vô tri trước lao động của khác, vô minh trước các lao tác cần cù của tha nhân, vô giác rồi vô cảm vì không biết tôn trọng trang phục. Các phụ nữ Việt đừng để *chiếc áo dài bao người* bị trọc phú hóa!



GẶP GỠ CÙNG MỘT LÚC BỐN CƠ MAY

Có phụ nữ xuất hiện với chiếc áo dài vừa duyên dáng, vừa chỉnh tề với nhân diện tươi vui, với nhân dạng tươi sáng, những người chung quanh như được *khai thị*. Có người lại tự công nhận là lần đầu trong đời được gặp bốn cơ may cùng một lúc: *diện*, *dáng*, *dạng*, *duyên*, chính đây là sung lực làm nên bản lĩnh, rồi tạo ra tầm vóc của chiếc áo dài. Kẻ vô tâm có thể không thấy gì cả, còn người khôn sẽ nhận ra cõi đẹp của nữ tính sẽ là cõi thanh có nội lực giáo dục cảm quan, có nội công giáo dưỡng cảm xúc. Tâm lý học xã hội và triết học mỹ quan, cả hai đã tự lập ra một cầu nối để giải thích nhân tri trong nhân sinh, nhân lý trong nhân gian, nhân tính trong nhân thế. Vì sống chung trong cùng một nhân loại nhưng có kẻ vô giác trong vô tri, vô cảm trong vô minh, ngược lại thì có người có cảm xúc vừa bằng tâm hồn vừa bằng lý trí, người này biết cảm động vừa bằng mỹ cảm vừa bằng các giá trị tâm linh. Cùng là người, nhưng khác nhau nơi đây, sự khác nhau thật sâu xa, kẻ vô tâm đi cả nhân kiếp mà không gặp được trần duyên để dựng nên cơ duyên cho chính mình.



SỐNG CHUNG, SỐNG CẠNH, SỐNG KỀ, SỐNG CÙNG VỚI CÁI ĐẸP

Có thiếu nữ trong chiếc áo dài duyên dáng, với nhân diện xinh tươi, với nhân dạng tươi mát, những người chung quanh nhận ra là họ vừa được khai thị rồi khai trí trước cái đẹp đang thay nhân sinh quan của họ, vì trước cái đẹp này họ đang chuyển hóa chính tri thức luận trong não trạng của họ. Xa hơn nữa, có người từ cảm xúc tới cảm động họ nhận ngay *cơ duyên* để nhập nội vào *thuận duyên* mà xây đắp *tình duyên*. Trong ca khúc, *Thủa ban đầu*, chỉ có một ca từ nhưng nhiều kẻ không nhận ra *cơ duyên* ngay trong hành tác rất nhân tính trong nhân tình: *"Sao không thấy em lại để cùng anh thẩn thơ"*. Tất cả *cơ duyên, thuận duyên*, *tình duyên* hiện diện đầy đủ trong trạng từ *thẩn thơ*, vì khi ta gặp một người có đủ *diện, dáng, dạng, duyên* đã tạo nên cảm xúc đã làm ta cảm động, thì ta luôn muốn sống chung, sống cạnh, sống kề sống cùng với người này, để ngày ngày được *thẩn thơ* với *diện, dáng, dạng, duyên*.



KHÔNG GIAN CỦA *TIN-YÊU*

Khi ta thật sự *«mở mắt»* trước *diện-dáng-dạng-duyên*, ta cảm nhận được sự trưởng thành của chính ta để nhận ra cái đẹp của tha nhân trước mắt ta dù tha nhân này là một kẻ xa người lạ. Một tha nhân không những đáng được yêu mà còn được ta tặng, trao, gửi từ niềm vui tới niềm tin đang có ngay trong tâm trạng của ta. Một niềm tin tới bất ngờ, nhưng được mong cầu sẽ bền vững, sẽ được gìn giữ dài lâu, vì ta muốn ngày ngày được có niềm vui này, được nuôi nấng một niềm tin. Câu chuyện tin-yêu không tới tự một đáng linh thiêng xa lạ, một đạo giáo với các giáo điều, mà là một niềm tin giữa người với người. Một niềm tin *"trước lạ sau quen",* quen rồi thì tin được, mà tin được thì gởi gấm được, vì ta muốn *"chọn mặt gửi vàng",* nếu ta gởi đúng nơi thì ta đã sẵn sàng *"trao thân gửi phận"* cho tha nhân được ta yêu và ta tin. Đây chính là *giàn nhún* của *duyên*, được nhận ra ngay từ thượng nguồn của *diện*, *dáng*, *dạng* của tha nhân. Vì *duyên* là sự vận hành sâu lắng như một giàn nhún sẽ đưa cá nhân gặp *duyên* vào một không gian khác: không gian của *tin-yêu*. Giàn nhún sẽ là *giàn phóng*, một giàn phóng đưa kẻ gặp duyên vào một vũ trụ khác, một vũ trụ của *«ta với người tuy hai mà một»*.



CHIẾC ÁO DUYÊN SINH

Một chiếc áo mang phạm trù *duyên sinh*, là một chiếc áo có cái đẹp được kết tinh bởi nhiều điều kiện thuận lợi làm nên *duyên*, duyên dạng rồi duyên dáng. Và cái duyên còn kể được nhiều chuyện của nhân sinh từ quá khứ tới bây giờ, từ hiện tại tới vị lai. Nơi mà sự kết tinh ra cái đẹp trên thượng nguồn đã có tổ tiên Việt biết nhận ra cái đẹp, nơi mà trung nguồn có cha mẹ biết giáo dục con cái biết *ăn ngon mặc đẹp*. Nơi mà hạ nguồn có những thiếu nữ biết mặc chiếc áo dài sẽ thành phụ nữ, rồi sẽ là những người mẹ biết giáo dưỡng các thế hệ mai sau. Giáo dục rằng chuyện *ăn ngon mặc đẹp* này không hề mâu thuẫn, không hề đối chọi, không hề xung khắc với chuyện *ăn chắc mặc bền*. Con người dù phải tính toán trong *ăn bữa sáng lo bữa tối*, con người dù phải toan tính trong *liệu cơm gắp mắm*; nhưng chính con người này cũng biết thưởng thức *sơn hào hải vị*. Và khi trang sức thì biết thể hiện những cái đẹp của *sắc nước hương trời,* cụ thể biết đưa cả *gió mát trăng thanh* để làm nên một tà áo đẹp cho một nhân dạng cao quý. *Chiếc áo dài duyên sinh* mang nhân tri của mỹ cảm, nhân trí của mỹ thuật, nơi mà cái đẹp của một *chiếc áo dài-biết-dài theo duyên sinh.*



CÓ RIÊNG MÌNH, NHƯNG CÓ CUỘC ĐỜI, CÓ CẢ MỌI NGƯỜI.

Thật hiếm có cơ may gặp được một phụ nữ với chiếc áo dài đầy duyên, cùng một nhân dạng thong dong, trong tư thế thong thả nằm vui này, nằm thoải mải với nhân diện thư thái. Hiếm khi thấy được, chỉ vì khi người phụ nữ chọn tư thế xuôi thân để duỗi người, nhàn hạ thân để thư giản đời, vì người phụ nữ này đang sống trong cõi riêng của người ấy, với chuyện riêng của mình. Mà bất cứ kẻ xa người lạ vào vô ý, vô tứ lạc vào cõi riêng này, với ngôn ngữ hỗn loạn, thì tất cả sẽ trở nên vô duyên ngay! Chiếc áo dài chọn vị thế xuôi thân để duỗi người, nhàn hạ thân để thư giản đời; còn mang một cái đẹp - thật đẹp- mà có lần thi sĩ Thanh Tâm Tuyền nhận ra được, đó là cõi đẹp của một người thiếu nữ trong tâm trạng tự tâm sự: "*Em gối đầu sương xuống/ Trò truyện với bóng mình/ Tôi đẹp như hình tôi/ Như cuộc đời... Như mọi người*". Nếu tôi đẹp như hình tôi, như cuộc đời, như mọi người thì cái đẹp trong cõi riêng của người thiếu nữ này không hề tới từ sự vị kỷ, không hề tới từ sự ích kỷ, muốn sống riêng để hưởng riêng. Mà khi người thiếu nữ này *gối đầu sương xuống*, thì người thiếu nữ này đã gối đầu cùng cuộc đời, cùng mọi người; nên *cái đẹp gối đầu* này mang một mẫu số chung từ mỹ cảm tới mỹ quan, từ mỹ thuật tới mỹ luận. Đây là cái đẹp của sự kết tinh trọn vẹn từ nhân dạng thong dong tới nhân diện thư thái, có cuộc đời và có mọi người, từ suy tư tới suy tưởng của người thiếu nữ này.



NHÂN TÍNH VÌ NỮ TÍNH CỦA PHỤ NỮ VIỆT

Cái đẹp có khi *lạc quan*, có khi *bi quan*, lắm lúc *chủ bại*, nhưng cái đẹp xuất hiện giữa cuộc sống để *đánh thức* hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức). Cái đẹp* luôn mang theo nó không những *cái cảm xúc* tạo ra *cái cảm động* của mỹ quan, từ thưởng thức tới chiêm ngưỡng, cái đẹp còn mang theo *lý trí* của kẻ sáng tác ra nó, và câu chuyện chiếc áo dài là câu chuyện của *trí tuệ* làm nên tác phẩm *diện-dáng-dạng-duyên*. Đây là câu chuyện có nội công sâu, bản lĩnh cao, tầm vóc rộng của *tuệ giác* của nhân tri làm nên nhân tính vì nữ tính của phụ nữ Việt. Và liên hợp *lý trí- trí tuệ- tuệ giác* này đã nói lên được một nhân tính luôn sống-động-để-chủ-động ngay trong nhân sinh. Cái đẹp tới từ sáng tạo trang phục nó cũng tự cho phép nó chủ động ngay trong hành *tác diện-dáng-dạng-duyên* do nó chế tác ra.



SỰ TỈNH GIẤC TRONG CHỚP MẮT

Có một thiếu nữ với chiếc áo dài vừa bay theo gió, vừa tạo ra mây ngay trong *diện-dáng-dạng-duyên* của người phụ nữ này làm cho nghệ sĩ phải sáng tác ngay trên hành tác đầy nữ tính này. Nhạc sĩ Phạm Duy có cách nhìn của riêng ông để thấu được cái đẹp này qua ca khúc *Đường em đi,* nơi đây vừa có thực cảnh, vừa có mộng cảnh: *"Đường em có đi/ Hằng đêm bước qua/ Nở những đóa hoa ôi diệu kỳ".* Một vũ trụ mà cảm xúc thích toán cộng, xúc động thích toán nhân từ khi ta gặp được *diện-dáng-dạng-duyên*. Người hưởng *diện-dáng-dạng-duyên* không thích toán chia, mà thích tính toán chung, không ham toán trừ, mà yêu *hợp toán* để được *hợp tính*. Chính *diện-dáng-dạng-duyên* làm nên sự *tỉnh thức* trước *nhân tình thế thái*, mà trước đó ta đang say ngủ trong thụ động. Nhưng khi tha nhân trước mắt ta là một thiếu nữ đột nhiên xuất hiện với chiếc áo dài vừa bay theo gió, vừa tạo ra mây ngay trong *diện-dáng-dạng-duyên* đã tạo *ra sự bừng tỉnh*. Và *sự tỉnh giấc trong chớp mắt này* là một biến động loại lớn nhất trong đời người, như Thanh Tâm Tuyền đã mô thức hóa được: *«Đập vỡ hình hài mà tỉnh giấc»*.



NIỀM TIN CHỦ QUAN ĐƠN PHƯƠNG

M.Weber là một trong những tổ của hai chuyên ngành xã hội học cận đại, và kinh tế học cận đại, ông đã tôi luyện ra ý niệm chủ đạo cho hai chuyên ngành này: *niềm tin chủ quan đơn phương*. Nơi đây, *niềm tin* vào sinh hoạt xã hội được hiểu một cách *chủ quan* ngay trên các quan hệ xã hội, nơi mà mỗi cá nhân *đơn phương* bảo vệ *niềm tin* này trong đời sống xã hội của mình. Tại sao lại bảo vệ *niềm tin* một cách *"đơn phương độc mã"* vậy? Chỉ vì niềm tin này chính là sự mong cầu được thăng hoa trong tri thức, thăng tiến trong đạo lý, cả hai tự tri thức tới đạo lý sẽ làm nên ý nghĩa của cuộc sống. Từ đó sẽ dẫn dắt chúng ta đi về hướng những sinh hoạt xã hội lành, những quan hệ xã hội tốt trong một đời sống xã hội đẹp. *Niềm tin chủ quan đơn phương* vào quan hệ xã hội là niềm tin một chiều, nó chủ quan nhưng nó chính là niềm tin biết tạo cơ may. Và khi chúng ta gặp gỡ cùng lúc bốn cơ may: *diện-dáng-dạng-duyên*, qua một tà áo của một thiếu nữ, một phụ nữ, một nữ tính thanh cao thì chúng ta đã nhận ra tín hiệu đầu tiên để xây dựng rồi bồi đắp cho *niềm tin chủ quan đơn phương* đang nhen nhúm trong mỗi chúng ta.



CẬU CHUYỆN BỐN HỆ:
HỆ *MỸ*, HỆ *THỨC*, HỆ *CẢM*, HỆ *TUYỆT*

Cậu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* qua một tà áo của phụ nữ Việt biết đi thật xa nếu chúng ta biết kết hợp ba hệ, trước hết là hệ *mỹ* (*mỹ quan, mỹ thuật, mỹ luận, mỹ học).* Biết song lứa cùng hệ *thức (*kiến *thức; tri thức, ý thức, nhận thức)* rồi vận dụng hệ *mỹ* cùng hệ *thức* để giáo dục và giáo dưỡng hệ *cảm (cảm xúc, cảm động, cảm tính, cảm tình)* trong mỗi chúng ta. Khi ta liên hợp được ba hệ này thì liên minh của chúng sẽ dẫn dắt chúng ta tới đỉnh cao của mọi nghệ thuật, từ thi ca tới ca khúc, từ điêu khắc tới hội họa… Đó là hệ *tuyệt* nơi có *tuyệt thuật* đã chế tác ra được *tuyệt chiêu* để dựng lên *tuyệt phẩm*, hệ này sẽ khai thị một hành trình nhận định *mỹ thuật mới*, rồi khai sáng một nhân lộ của một *mỹ quan mới*, để chế tác ra một *mỹ học mới*. Chính hệ *tuyệt (tuyệt thuật, tuyệt chiêu, tuyệt phẩm)* này sẽ tạo một ngã tư mới về một cái đẹp có nhân lý trong nhân tính, có nhân tri trong nhân tình, ... nơi mà tất cả các ngành khoa học xã hội và nhân văn phải suy nghĩ lại để có các lý luận mới, lập luận mới, giải luận mới, diễn luận mới. Giờ đây, bốn hệ (hệ *mỹ*, hệ *thức*, hệ *cảm*, hệ *tuyệt)* đã phơi bày cho nhân sinh, nhân thế, nhân loại thấy được nó chính thế nào *tuyệt tác!* Đây cũng là câu chuyện sâu xa về chiếc áo dài của phụ nữ Việt; và nếu biết *ân nghĩa* làm nên *nhân nghĩa,* thì chúng ta sẽ cảm nhận được chữ *ơn*. Mà thi sĩ Du Tử Lê cùng nhạc sĩ Từ Công Phụng đã cảm nhận được bằng chính phong cách của họ: "*Ơn em …ngực ngại môi trầm/ Ơn em… để giữ đời cho nhau…".*



CÁI VANG DỘI BÊN NGOÀI
CÁI ÂM VANG BÊN TRONG

Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài biết thăng hoa nhân diện, nhân dạng, nhân cách phụ nữ Việt, cũng là câu chuyện *hơi thở của sự sống*. Một hơi thở làm tỉnh lại cuộc sống *đầu tắt mặt tối* bởi sức ép của *cơm áo gạo tiền*. Khi ta cảm nhận được cái đẹp tổng hợp của *diện-dáng-dạng-duyên* làm nên nữ tính đẹp của phụ nữ Việt thì ta hãy đi thêm một bước nữa để nhận ra cái *âm vang bên trong* có trong nội tâm của phụ nữ Việt. Chính cái *âm vang bên trong* đã tạo dựng được *cái vang dội bên ngoài* của *diện-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài. Cho tới nay, tất cả các luận thuyết mới về mỹ học vẫn chưa nhận định rành mạch về *cái âm vang bên trong* này. Trong thi ca Việt cận đại, thi sĩ Cung Trầm Tưởng có lần gọi *bên trong là bên ni*, và *bên ngoài là bên nớ*, hoặc ngược lại, chuyện chính là nội lực của bên trong sẽ làm ấm bên ngoài, qua bài *Bên ni bên nớ* có cái ấm của tình: «*Em ơi sương rơi ngoài song khép hở/ Bên trong kín gió ấm ơi là tình...*».



VƯỢT THẮNG CÁI *SỚM NỞ TỐI TÀN*

Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài với người phụ nữ -dưới ánh đèn hay dưới ánh trăng- với nhân diện đẹp tự nhiên, với nhân dạng đẹp thảnh thơi đã có trong văn học làm nên văn hóa Việt qua nhiều thế hệ. Một cái đẹp biết đi xuyên qua nhiều thế hệ, thì đây là cái đẹp được bảo vệ bởi một dân tộc biết bảo trì cái đẹp, vì biết biến cái đẹp thành cái vững, cái bền với thời gian. Đây là dịp chúng ta suy nghĩ thêm về mỹ cảm trong nhân tri của mỗi chúng ta. Nếu cái đẹp đặt trang phục phụ nữ trong sự sống như một cá thể sống, thì cái đẹp cũng có sống và có chết. Nếu sự sống có sự hủy diệt, thì cái đẹp cũng có sự tàn lụi. Nếu sự sống là vô thường, thì cái đẹp cũng vô thường, trang phục cũng bị lỗi thời, có khi bị rơi vào quên lãng. Nhưng cái đẹp của chiếc áo dài từ một thế kỷ nay không bị mai một, có lẽ là chiếc áo dài đã biết vượt lên cái trang trí của thời trang. Chiếc áo dài không cần chạy theo thời thượng, vì chiếc áo dài biết *an nhiên tự tại* cho chính nó. Nếu giả thuyết này đúng, thì chiếc áo dài đã biết vượt thoát cái chết, để vượt thắng cái *sớm nở tối tàn* của thời thượng trong thời trang.



CÂU CHUYỆN BÁO DUYÊN

Chỉ một cuộc gặp gỡ với nhân diện xinh, nhân dạng tươi với chiếc áo dài biết tạo duyên, đang tự vận hành để trở thành duyên thật! Câu chuyện *báo duyên* này mang tới cho ta nhiều câu hỏi để đánh thức tư duy của ta, không những hỏi về tha nhân kia đang có thể trở thành người yêu, người thương là ai vậy? Rồi chính ta tự tra vấn về số phận của chính mình? Nhân kiếp của mình trong vị lai mình có tiên liệu, tiên đoán được chăng? Rồi nhiều câu hỏi khác nữa, và tất cả những câu hỏi này không hề dễ trả lời. Những câu hỏi về *nhân lý* và *nhân tính* của thiếu nữ có nhân diện đáng yêu, có nhân dạng của người thương? Đây cũng là những câu hỏi về nhân tâm và nhân ái của người ấy. Câu chuyện *«người đâu gặp gỡ làm chi»* chính là một chỉ báo sinh động để đi tới nơi tới chốn chữ *duyên*. Nơi mà trần duyên mang đầy những ngẫu nhiên, ngẫu nhiên vì ta không dự liệu trước được, vì ta không tiên liệu trước được, ngẫu nhiên đến ta đến ngạc nhiên. Như vậy, *duyên* mang nội chất của sự tình cờ, đột biến làm ta đột ngột, nên ta mới sực tỉnh mà tự hỏi*: trăm năm hỏi có duyên gì hay không?*



ĐỪNG PHẢI LẠC LÕNG NHAU.

Trước nhân ảnh một thiếu nữ trong chiếc áo dài trắng tinh anh với nhân diện xinh tươi trong nhân dạng tươi mát lại ngồi giữa cõi hoa mà thong thả nhặt hoa. Chiếc áo dài trở thành trung tâm trắng trong giữa cõi phượng đỏ rực, nếu ta chỉ là kẻ qua người lại nhưng có tâm với đời, có tình với người, thì chúng ta sẽ có nhiều diễn luận bâng quơ. Diễn luận thứ nhất là *áo trắng người thanh nhặt cõi phượng*. Diễn luận thứ nhì là *người, áo, hoa cùng nhau lạc lối về*. Diễn luận thứ ba là *người và áo cứ ngày ngày đi về cùng hoa*. Nếu ta có não trạng thong dong, có não bộ thảnh thơi như thiếu nữ này, thì ta cứ cho ra đời các diễn luận khác… Có lần nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đưa diễn cảm của mình đi thật xa, rồi vận dụng *cái xa* này để thăng hoa *cái đẹp* chung quanh một thiếu nữ. Qua ca khúc *Hạ trắng*, nơi mà mỗi ca từ cứ tăng dần, cứ tăng cao cái đẹp của *đường xa áo bay*, đó là câu chuyện đẹp, đẹp dần lên cao, lên cao mãi: «*Gọi nắng trên vai em gầy đường xa áo bay.../ Đường đi suốt mùa nắng lên thắp đầy.../ Gọi nắng cho tay em gầy dài thêm nắng mai.../ Gọi nắng cho tóc em cài loại hoa nắng rơi…/ Áo em bây giờ mờ xa nẻo mây*”. Cõi nam giới là cõi thường có những mong cầu thầm lặng là *diện-dáng-dạng-duyên* cứ cùng nhau mỗi ngày lạc lối trong cõi hoa, để người không bỏ quên hoa trong bơ vơ, đừng để mùa đẹp, hoa đẹp, áo đẹp, hoa đẹp đừng phải lạc lõng nhau.



ÁO CÙNG NGƯỜI HỨNG SUỐI NẮNG

Trong ca khúc *Tiếng sáo thiên thai*, nhạc sĩ Phạm Duy đã chia sẻ một hình ảnh, tưởng như không có thực nơi cõi trần, và tại đây hình như có nhân dạng của người phụ nữ đã nhập nội vào hẳn chốn thiên thai: *«Xuân tươi, êm êm ánh xuân nồng/ Tiên nga buông lơi tóc bên nguồn…»*. Sáng tạo ra *cái đẹp* là chế tác ra *cái lực* để đẩy xa *cái thấy*, đẩy cao *cái nhận thức*, từ một ý lực phải vượt qua *«cái tầm tầm»*. Cái đẹp nữ tính đi trên lưng cái bình thường, trên vai cái tầm thường, đưa ta tới gặp cái đẹp trong cái mới, cái chưa có, cái vừa được sáng tạo bằng chủ ý của trang phục làm nên nhân diện đẹp, nhân dạng đẹp của một thiếu nữ đã là chủ thể trên trang sức, trang điểm của mình. Một chủ thể biết đặt nhân dạng vào một không gian đặc sắc nơi người và áo đang đẹp trong suối nắng. Nhân diện tìm chốn đẹp, nhân dạng tìm nơi cao để đẩy xa nhân cách luôn biết tìm cách vươn tới.



KỶ NIỆM-HOÀI NIỆM-TÂM NIỆM

Một phụ nữ chọn chiếc áo dài vàng, thơ thẩn trên con đường có lá hoa vàng, tất cả *dáng-diện-dạng-duyên* tạo nên một cõi của *ấn tượng*. Mà ấn tượng khi đã trở thành dấu ấn, thì nó đã là một *kỷ niệm* sâu xa, và sẽ sống với người với đời như những *hoài niệm* bền, với *tâm niệm* vững. Khi còn thanh niên, Trịnh Công Sơn đã nhận ra không gian của ấn tượng: *«Áo xưa chưa quen phong trần/ Đợi mùa thu vàng áo thêm»* qua ca khúc *Chiều một mình qua phố*. Vào tuổi trung niên rồi qua luôn tuổi trung niên, nhạc sĩ đã nhận ra *kỷ niệm* giờ là đã *hoài niệm*, hoài niêm về một cái đẹp có chỗ đứng trung tâm trong *tâm niệm*, ngày ngày lẳng lặng có mặt trong *tâm tưởng*: *«Trên đường em đi hoa vàng mấy độ»*, trong ca khúc *Hoa vàng mấy độ*. Khi nhận ra trang phục qua chiếc áo dài lúc đầu chỉ là ấn tượng, sau trở thành *kỷ niệm*, sâu hơn nữa đã biến thành *hoài niệm* trong nhân kiếp, rồi nội kết trong *tâm niệm*, bền như *tâm tưởng* lại có sung lực làm nên *tư tưởng* trong sáng tác ca khúc, thi ca, hội họa… Câu chuyện *dáng-diện-dạng-duyên* của chiếc áo dài đâu còn là câu chuyện đơn thuần về trang phục, nó là câu chuyện biết đi thật sâu vào *tâm hồn*, biết đi thật rộng trong *lý trí*, biết đi thật cao trong *tuệ giác*. Mà liên minh của *tâm hồn-lý trí-tuệ giác* chính là sự xúc cảm đánh thức cái thông minh trong những ai biết nhận ra cái đẹp.



CÁI ĐẸP TẠO RA KHOÁI LẠC ĐỂ THỎA MÃN MỸ QUAN

Khi một thiếu nữ có ý thức rõ ràng là chiếc áo dài không những duyên dáng mà còn sang trọng nếu biết trang sức. Và một chiếc áo dài vừa duyên, vừa đẹp sẽ thăng hoa nhân diện và nhân dạng, tạo nên sự khoái cảm cho người biết mặc nó. Nơi đây, chúng ta hãy phân tích cái đẹp tạo ra khoái lạc để thỏa mãn mỹ quan, đây là vai trò đầu tiên của mỹ thuật: giới thiệu cái đẹp, bằng kiến thức về cái đẹp qua sự khoái cảm. Cái đẹp này tự nó đứng ngoài giáo dục, đứng ngoài luôn cả văn hóa, và các thói quen của một xã hội, vì nó muốn chế tác ra một phạm trù riêng cho nó: một ý thức về sự khoái cảm. Một ý thức về sự khoái cảm còn tạo ra được những tác động tâm linh, ảnh hưởng thẳng lên tâm lý. Và ý thức về sự khoái cảm, nó có thể kéo dài với thời gian, có khi cả đời người mà còn biết truyền nối cho các thế hệ sau. Nhưng cái đẹp biết tạo ra sự khoái lạc làm thỏa mãn cho mỹ quan thường là những cái đẹp mới, luôn bị các sức đề kháng không những từ các định kiến cũ kỹ, mà cả một hệ thống giáo điều đã có mặt trong các cơ chế bảo thủ từ văn hóa tới giáo dục, chuộng cái cũ trong thủ cựu, hơn là chọn cái đẹp mới mà họ không biết từ đâu tới? Câu chuyện cái đẹp mới lấn lướt cái cũ chính là câu chuyện hiện đại thông minh lấn áp thủ cựu vô minh. Và vô minh trước cái đẹp luôn mang theo ít nhất hai hậu quả: vô minh là thiếu kiến thức, vắng tri thức, trống nhận thức về cái đẹp; mà vô mình còn tới từ vô tri làm nên vô giác, tạo ra vô cảm trước cái đẹp.



VỚI *BAO NHIÊU LÀ HƯƠNG*

Câu chuyện về cái đẹp là cái tự có trong thiên nhiên, đủ sức tự tái sinh qua thời gian, mùa màng, từ hoa mùa xuân tới tuyết mùa đông, cho nên cái đẹp này là cái sẵn có, có ngay trong cái bẩm sinh. Khi nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp trong nghệ thuật, thì tài năng của nghệ sĩ đó, theo Platon, được xem như thuộc cái bẩm sinh, tên gọi của nó là: thiên năng. Tại Âu châu, thiên tài sáng tạo của nghệ sĩ là tạo ra cái đẹp tối thượng có thể so đo với cái đẹp tối cao của Thượng đế. Có câu chuyện về cái áo dài của một thiếu nữ, giữa mùa thu lại mặc chiếc áo vàng màu mùa thu, quan hệ gắn bó mùa thu và màu thu làm nên ca khúc Thu Vàng của nhạc sĩ Cung Tiến, không giới thiệu một cái đẹp tối thượng có thể *"đọ sức"* với cái đẹp tối cao của Thượng đế. Mà liên kết mùa thu-màu thu đã chế tác ra một hiệu quả nghệ thuật khác: hiệu quả *thắm muôn hương: "Một mình đi lang thang trên đường/ Hoàng hôn xuống chiều thắm muôn hương/ Chiều hôm qua mình tôi bâng khuâng/ Có mùa thu về tơ vàng vương vương/ Chiều hôm nay trời nhiều mây vương/ Có mùa thu vàng bao nhiêu là hương"*. Nếu chúng ta yêu chiếc áo dài, thì chúng ta sẽ cảm nhận được: *tơ vàng vương,* vì *trời nhiều mây vương*, nên có *mùa thu vàng* với *bao nhiêu là hương.*



CHƯA TÀN BA SINH

Có người con gái với chiếc áo dài trắng duyên dịu, với nhân diện thản nhiên trên thuyền, thong dong trên mặt hồ, cạnh sông dài. Câu chuyện không ngừng ở đây, mà câu chuyện đi xa với đời, đi sâu với tình yêu, khi người con trai yêu người con gái này nghĩ về một tà áo trên sông dài, có người con gái thong dong chưa hề biết phiền não về tình yêu. Nhưng người con trai yêu của cô gái này thì mang một tâm sự khác, hoàn toàn khác, từ tâm tưởng tới ý tưởng, từ đây sinh ra tư tưởng nghệ thuật cho thi ca, vượt xa để vượt sâu hơn ngôn ngữ hàng ngày, vì thi ca có sung lực đưa ngôn ngữ tới những nơi mà chính ngôn ngữ và con người chưa từng tới. Từ sung lực trở thành mảnh lực, thi ca dẫn dắt ngôn ngữ tới những chốn mà ngôn ngữ chưa từng biết, chưa từng thăm. Đây cũng là chuyện người con gái được yêu nhưng chưa hiểu gì về tình yêu, và người con gái sẽ được thi ca biết thăng hoa tình yêu đưa cô ấy tới chốn yêu, nơi yêu, cõi yêu mà sự vô tâm trong vô tình của người con gái đã không tự khám phá ra được. Thi sĩ Tô Thùy Yên đã đưa đường mở lối cho những ai vô tình với tình yêu, vô ý với người yêu: *"Sông Hằng suốt bãi chờ nhau/ Cát mòn mỏi cát mùa hao hớt mùa/ Hẹn về dù nắng dù mưa/ Che đầu, sẵn tấm lòng thừa tuyết sương"*. Tới đây, nếu kẻ vô tình vẫn vô tình thì thi sĩ sẽ bày tỏ thêm: *"Nguồn đào trôi xuống nhánh đào/ Hỏi thăm còn hết chiêm bao chỗ nằm"*. Nếu vô tình luôn vô tâm, thì thi sĩ sẽ giữ một hình ảnh rất đẹp về người con gái này, một hình ảnh xuyên thời gian, xuyên cả ba sinh (quá khứ/hiện tại/vị lai): *"Em về, gió cát òa lên/ Trăm thương nghìn nhớ vỡ rền thế gian/ Trở chiều ngồi lại cời than/ Thổi bùng ngọn lửa chưa tàn ba sinh"*.



ĐIỀU TIẾT TÂM HỒN

Hình ảnh áo cùng người lạc chốn hoa đồng cỏ nội, mọi vật cùng nhau ở dạng lay chuyển, rung chuyển, một nơi gió mạnh, làm nhân diện tươi lên, làm nhân dạng tỉnh ra. Nhưng cái đẹp này có khi được tâm trí hóa một cách khác, hoàn toàn khác, đã có bận nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nhìn áo trong gió chiều với cái nhìn hoàn toàn mới *"Như áo xưa lồng lộng đã xô dạt trời chiều"*. Cùng một tà áo nhưng hai cách nhìn hoàn toàn khác nhau, cách thứ nhất thì áo bay theo chiều gió, cách thứ nhì ngược lại *áo xô dạt trời chiều*. Đây là câu chuyện giữa xúc cảm và lý trí biết tạo nên ý thức làm nên ấn tượng. Cái đẹp không chỉ là chuyện của cảm xúc, mà nó còn là chuyện của tâm lực biết dẫn dắt trí lực. Để tâm trí nhận vai trò tiếp nhận kiến thức, rồi sắp xếp lại tâm trạng, từ đó tâm trí mang nội lực biết tự tổ chức lại thế giới chung quanh. Tâm trí luôn nhận vai trò điều tiết tâm hồn!



ÁO MÂY-ÁO GIÓ

Áo dài là loại quốc phục thật sống động nó chỉ cần gió chuyển mình là nó chuyển thân theo, khiến người thiếu nữ mặc chiếc áo dài vui theo tà áo bay. Chuyện đáng phân tích là chiếc áo dài làm vui, cùng lúc làm đẹp nhân dạng người phụ nữ một cách sinh động nhất. Vì chúng ta biết là có rất nhiều quốc phục không hề sinh động trước thiên nhiên, không hề sống động trước mùa màng. Đây là sự thông minh biết chế tác ra chiếc áo nhẹ nhàng như mây, sẵn sàng bay theo gió, vì văn hóa Việt biết thảnh thơi trong nhẹ nhàng, văn minh Việt biết thong dong trong thư thả, văn hiến Việt biết thư thái trong ung dung. Văn học Việt cùng thi ca Việt thì hoàn toàn không hững hờ với chiếc áo dài, Nguyên Sa đã thấy, đã thấu chất sống luôn sinh động của chiếc áo dài: *"Có phải em mang trên áo bay/ Một phần gió thổi một phần mây/ Hay là em gói mây trong áo/ Rồi thở cho làn áo trắng bay"*. Một công hai việc, nhân cơ hội này chúng ta hãy thêm một định nghĩa mới về cái đẹp: cái đẹp có *tính cởi mở* trong bối cảnh của tự do không ai bị ép buộc rồi bị o ép. *Tính cởi mở* là hiệu quả của sự thông minh mang *tính tháo gỡ*, để đi tìm *«cái dễ thở»* mà chống lại *«cái ngộp thở»*. Đây là sự thông minh của thư thái, biết linh hoạt mà chối từ những khuôn mẫu lúc nào cũng muốn thuần hóa nhân tính thảnh thơi của chúng ta.



RŨ ÁO MÙ SA-TRÚT QUẦN PHONG NHUỴ

Một phụ nữ trong cõi riêng của mình với chiếc áo dài biết tạo ra sự thảnh thơi, với nhân dạng biết chế tác ra phong cách thong dong, vì tà áo dài biết trợ duyên rồi trợ lực cho nhân cách thư thái này. Một nhà xã hội học thì phân tích rằng chiếc áo dài tạo ra nhân cách của người phụ nữ, một nhà dân tộc học thì phân giải rằng chiếc áo dài xây dựng được nhân cách thư thái của người phụ nữ Việt. Cả hai chuyên gia này không sao đi sâu hơn nữa bằng cảm xúc làm nên cảm động, bằng cảm quan làm nên hình ảnh vô cùng táo bạo như thi ca của Bùi Giáng: *"Từ em rũ áo mù sa/ Trút quần phong nhuỵ cho tà huy bay"*. Thi từ lục bát này của thi sĩ đã gởi tới một nội hàm mỹ cảm hoàn toàn mới về nhân dạng phụ nữ Việt qua chiếc áo trong bối cảnh của một văn hóa Việt tạo nên giáo dục Việt là luôn khuyên con người Việt nên gần thanh để tránh tục, dù bị *đố tục*, nhưng phải luôn *giảng thanh*. Nhưng Bùi Giáng đã biết đi xa để đi sâu, thi sĩ đã vận dụng chuyện *rũ áo mù sa* để nêu lên một hành tác táo bạo làm nên hình ảnh thật đẹp *trút quần phong nhuỵ*. Hình ảnh này vừa thật đẹp, vừa thật lạ, đẹp và lạ của người thiếu nữ hình như đang cận kề với cõi dục, thấy để thấu cõi dục, và cõi dục này không hề tục, mà vẫn đứng trong cõi thanh. Người phụ nữ và chiếc áo dài đi lại thản nhiên trong cõi trần, lại còn biết đi trên ranh giới giữa cõi thân và cõi dục trong thanh thản. Chất thanh thản rất tự nhiên không thuộc về cõi tục, vì nó chưa bao giờ rời cõi thanh.



CÂU CHUYỆN *ĐẸP ĐÔI*

Có chiếc áo dài biết làm đẹp bên hồ, rồi người cùng áo làm hồ có nhân tình hơn, câu chuyện chiếc áo dài luôn thoái mái trong hồ, biển, núi, đồi, rừng giữa thiên nhiên đó là một *câu chuyện đẹp đôi* (đẹp biết đôi, đôi làm đẹp). Đây là một câu chuyện khác về cái đẹp nơi cái đẹp được cảm nhận từ cảm giác tới cảm xúc tạo nên xúc động, để tạo nên một tình cảm mới trong một tổng thể sinh động *người-áo-cảnh.* Một tổng thể sống động biết đóng góp tích cực làm thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của chúng ta. Chính mỹ thuật phải dựa vào mỹ quan biết tạo ra mỹ cảm, một cảm tính trước cái đẹp. Đây là bước khởi hành của mỹ quan tìm đường đến tới mỹ luận, cũng là nơi xây dựng từ ý niệm tới ý tưởng về quá trình sáng tạo ra cái đẹp. Liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* được trợ duyên lẫn trợ lực bởi *hồ, biển, núi, đồi, rừng* trong thiên nhiên sẽ tạo dựng được một nội chất đẹp mới. Và, cái đẹp có *nội chất* sẽ tự có *nội công*; làm nên bản lĩnh, dựng lên tầm vóc; để tự chế tác ra *nội lực* cho chính nó. Cái đẹp của *diện-dáng-dạng-duyên* là cái hiện hữu, cái có mặt, nó hiện diện như báo hiệu cho sự khai sáng cho tha nhân. Sau khi cảm nhận, kẻ thưởng thức *diện-dáng-dạng-duyên* này có thể sẽ được đưa tới cái thanh tao tạo ra cái thanh lạc của *câu chuyện đẹp đôi*.



THÂN THỂ ĐÍCH THỰC

Có lần được mời đối thoại với các nhà thiết kế thời trang tại Paris, với tư cách là một chuyên gia về nhân học văn hóa. Một nhân học văn hóa không khư khư bảo vệ truyền thống, mà nghiên cứu để khảo sát, điều tra để phân tích về một *nhân học duyên dạng*, nơi mà cái duyên nữ tính biết thăng hoa cái đẹp của phụ nữ. Từ đối thoại tới đối lý, từ đối lý tới đối luận, từ đó tạo ra lập luận cho mọi thời trang. Từ sáng tạo ý tưởng tới sáng tác ra hình thể của thời trang, theo tôi, đều phải bắt đầu bằng kiến thức biết phạm trù hóa một *thân thể đích thực*, có trong *nhân loại*, thoải mái trong *nhân gian* thong dong trong *nhân thế* biết ung dung để tạo ra *nhân duyên* giữa người với người. Tôi nhớ rõ hôm đó, tôi đã bảo vệ quan điểm làm nên quan niệm của chiếc áo dài, tôi phân giải rồi phân bày rằng: người phụ nữ Việt chỉ nhận ra một thân thể đích thực cho mình, khi thời trang chở che được cho thân thể của họ. Người phụ nữ Việt tiếp nhận một trang phục là người có ý thức về thời trang tạo được: *an ninh làm nên an bình ngay trong thân thể của mình*. Phụ nữ Việt có nhận thức rõ về thời trang được trang sức đàng hoàng, được trang điểm tử tế, nên nhà thiết kế thời trang phải có đầy đủ nhận thức này. Tôi còn phân minh rõ hơn rằng quan điểm này ngược lại với quan niệm trưng diện thời trang để trưng bày lộ liễu thân thể.



NHÂN CÁCH

Có những nhân diện làm nên tư cách, có những nhân dạng làm nên phong cách, nơi mà tư cách là nội công của nhân tri, phong cách là bản lĩnh của nhân trí. Trống tư cách, rỗng phong cách thì sẽ vắng luôn nhân cách. Vì tư cách, cùng phong cách luôn biết trợ duyên cho nhân cách, để nhân cách biết quý trọng nhân vị, biết trân quý nhân bản, từ đó thăng hoa chính nhân phẩm của mình.



TÀ ÁO NHỊP CẦU: *GIÁ TRỊ TƯƠNG TỨC*

Những thiếu nữ đang mặc chiếc áo dài, họ và những người chung quanh họ có một niềm vui chung, đây là *niềm vui tương tức*. Tương tức có nội hàm: cái này đang xuất hiện vì cái kia đã xuất hiện rồi, những thiếu nữ đang mặc chiếc áo dài hiện nay, vì trước đó bà mình, mẹ mình, cô mình, dì mình đã mặc chiếc áo dài rồi. Thủa trước năm xưa, họ mặc áo với nhân diện vui tươi, với nhân dạng chỉnh tề, với nhân cách đoan trang. Các thế hệ thiếu nữ rồi phụ nữ giờ đây cũng mặc những chiếc áo dài được thời trang, được các nhà thiết kế thăng hoa. Nhưng *niềm vui tương tức* vẫn còn, vẫn vững, vẫn bền. Vì những thiếu nữ, phụ nữ đang mặc những chiếc áo dài, họ vẫn thấy bà mình, mẹ mình, cô mình, dì mình đang mặc chiếc áo dài với mình, cùng mình. Họ thấy rõ hình ảnh của *thân bằng quyến thuộc* của mình trong chiếc áo dài mà họ đang mặc. *Dân tộc học* thủa nào với tên gọi mới là *nhân học* cùng với *xã hội học* nghĩ suy rất nhiều về chuyện này, để tìm ra một ý niệm mà phục vụ cho một lý thuyết với tên gọi là: *giá trị biểu tượng của niềm tin tương* tức qua nhiều thế hệ. Như vậy, chiếc áo dài Việt không chỉ là một trang phục giờ đã trở thành quốc phục, mà là một *giá trị biểu tượng* nơi nhiều thế hệ đã tin và đã yêu chiếc dài này. Một công hai việc, bằng câu chuyện chiếc áo dài chúng ta hãy đi xa thêm một bước nữa để nhận ra giáo lý của Việt tộc: *con cái ở đâu, ông bà ở đấy*. Từ đây, cùng nhau lập ra một chủ thuyết mới, với tên mới cho chiếc áo dài là: *tà áo nhịp cầu* liên thế hệ, nối các thế hệ, nối cái duyên áo vào cái đẹp nữ tính để đi xuyên suốt thời gian.



NGẪU NHIÊN LÀM NÊN NGẠC NHIÊN.

Trên những nẻo đường quê hương, chúng ta vẫn nhận ra các tà áo dài *quen thuộc-đến-thân thuộc* trong các sinh hoạt thường nhật. Mỗi ngày nơi phố thị, chúng ta cũng nhận rõ các tà áo dài *thân quen-đến-thân thương* trong các dáng nữ tới trường rồi tan trường. Khi Schutz vận dụng từ xã hội hoạc tới tâm lý học để giải luận phạm trù văn hóa của một sắc tộc, ông đề nghị một mệnh đề dưới dạng một câu hỏi là: *Tại sao có những cái cứ lập đi lập lại trước mặt ta qua thời gian, mà nó vẫn tạo được cảm xúc làm nên cảm động trong mỗi chúng ta*? Chúng ta biết Tết sẽ trở đi trở lại hằng năm mà ta cứ nôn nao chờ đợi, chúng ta biết là sẽ gặp các tà áo dài trên đường phố, mà ta cứ nao nao chờ đợi những tà áo. Vì mỗi ngày các tà áo dài mang tới cho chúng ta những *diện*, *dáng*, *dạng*, *duyên* rất khác nhau. Câu chuyện văn hóa trong trang phục giờ đã là câu chuyện *ngẫu nhiên làm nên ngạc nhiên*, trong ngạc nhiên có khi ta sững sờ trước sự hiện diện bất ngờ của *diện-dáng-dạng-duyên* tạo nên những cảm xúc mạnh. Từ đó, thay đổi tự tâm hồn tới lý trí của mỗi chúng ta. Tại đây kiến thức mới về *diện-dáng-dạng-duyên* đã làm nên cái đẹp, đóng vai trò của *tri thức mới* làm ra *ý thức mới*, tất cả tạo nên một *nhận thức mới* về sự ngẫu nhiên làm nên ngạc nhiên cùng lúc làm giàu thêm cuộc sống.



NHÂN VỊ VÌ TỰ DO

Qua chiếc áo dài duyên với nhân diện xuân, nhận dạng sáng, thiếu nữ Việt mang lại vừa *niềm vui* tới từ cái đẹp, vừa *niềm tin* tới từ một cuộc sống lành làm nên bởi một cuộc sống đẹp. Liên kết *niềm vui- niềm tin* hiện diện trong nghệ thuật ca khúc Việt biết cảm nhận được chiều sâu lẫn chiều cao của cái đẹp này, bằng ngôn ngữ Việt cũng đẹp vô cùng. Trong ca khúc *Biển nhớ*, nhạc sĩ Trình Công Sơn có những ca từ đẹp về bóng dáng người thiếu nữ Việt: *"Nửa bóng xuân qua ngập ngừng.../ Nghe trời gió lộng mà thương"*. Chiếc áo dài duyên, nhân diện xuân, nhận dạng sáng của thiếu nữ Việt ngày ngày tạo ra những *cái đẹp mới*. Và những cái đẹp mới này cũng ngày chống lại cái *ngăn sông, cấm chợ* của thủ cựu, vì nó dị ứng với cái *kín cổng cao tường* của hủ hóa, vì nó muốn sống để chuộng cái *nhìn xa trông rộng* có mặt trong cái đẹp. Nên mỗi lần một thiếu nữ, một phụ nữ họ trang điểm, trang sức qua trang phục đẹp vì đời, vì người, tức là họ đang định vị vì nghệ thuật của trang điểm, trang sức qua trang phục. Đây cũng là lúc họ đang nhận thức rành mạch về *nhân vị vì tự do* của họ.



NHÂN TRI XỨNG ĐÁNG VỚI NHÂN PHẨM.

Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài còn là câu chuyện của n*hân tri xứng đáng với nhân phẩm*, để nhân mỹ đáng xứng với nhân tri! Cái đẹp của chiếc áo dài làm thăng hoa *diện-dáng-dạng-duyên* của phụ nữ Việt cũng là một bài học không những cho mỹ thuật mà cả cho nhân sinh. Cái đẹp của chiếc áo dài biết hướng thượng *diện-dáng-dạng-duyên* không giả tạo để tô hồng cuộc sống, vì chiếc áo dài không phải là cảnh trí cho nhân dạng, là nội thất cho nhân diện, mà chiếc áo dài chính là nhân tri vì nhân phẩm. Đây là câu chuyện đẹp của chiếc áo dài, không phải mặc chỉ để mặc, mà mặc làm sao để cuộc sống trở nên đáng sống, tức là vừa sống sao cho đáng, vừa sống sao cho xứng, tại đây nhân tri xứng đáng với nhân phẩm. Hình ảnh người thiếu nữ với chiếc áo dài màu xanh, một màu xanh không chỉ của riêng áo, của riêng một người. Vì khi nó tạo được cảm xúc làm nên cảm nhận thì màu xanh của chiếc áo dài này sẽ trở thành *dây liên hệ màu xanh*. Trong ca khúc *Tà áo xanh*, hai nhạc sĩ Đoàn Chuẩn và Từ Linh đã nhắc nhở người thiếu nữ đã từng măc chiếc áo xanh rằng: "*Khi nào em đến với anh nhớ đừng quên chiếc áo xanh*".

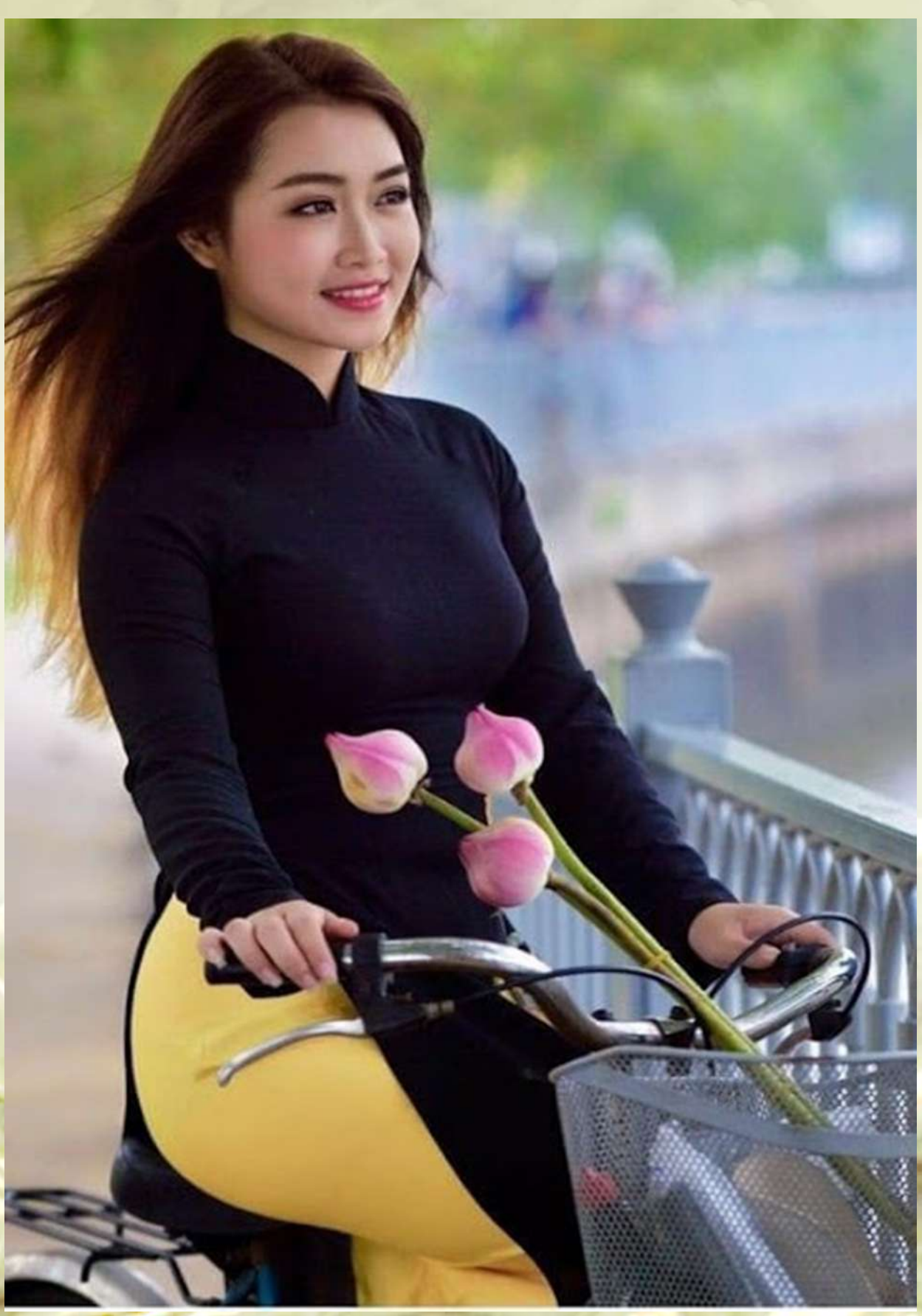

TRANG PHỤC CHUNG TRONG TRANG SỨC RIÊNG, VỚI TRANG ĐIỂM RIÊNG.

Mỗi người phụ nữ Việt có cách mặc áo riêng của họ, với trang sức riêng, với trang điểm riêng hợp với nhân diện, nhân dạng, nhân cách của họ**.** Trang sức riêng, với trang điểm riêng làm nên cái riêng, chính cái riêng này này làm nên *đặc sắc*, tạo ra *đặc điểm*, chế tác ra cái *đặc thù* của một nhân diện, cái *đặc biệt* của một nhân dạng. Hệ *đặc (*đặc *sắc, đặc điểm, đặc thù, đặc biệt)* đưa trang phục tới mỹ thuật để mỹ học phải thể nghiệm cho rõ ràng, để có những mỹ luận rành mạch. Trong hội họa, khi Gauguin vẽ về các bộ tộc sống hoang dã trong thiên nhiên với sinh hoạt hoang sơ của họ tại cực nam Thái Bình Dương; thì chúng ta nhận ra cái đẹp rất hiện đại của Gauguin khi ông quyết định *«sống chết»* với cái *ban sơ* nhưng rất hiện đại của nhân loại thoải mái trong trần thân tại cực nam Thái Bình Dương. Chúng ta cũng phải thấy cái hiện đại của Millet khi vẽ về đời sống thường nhật nông thôn, ông đã mở cửa cho trường phái ấn tượng dễ dàng rời các mô hình về hình thể cứng nhắc kiểu cẩm thạch trong mỹ quan của các hàn lâm viện của Âu châu, để đi vào một thế giới đầy ánh sáng, và đầy sắc màu của ấn tượng. Nếu trang phục biết sáng tác ra *cái đẹp* mà chỉ là *cái lặp lại*, thì cái đẹp loại này không thể sống lâu, nếu *cái lặp lại* làm ra *cái giống* tới từ *cái sao chụp*, loại mỹ thuật này không có chỗ đứng trong mỹ cảm, không có chỗ đứng trong mỹ quan, vì mỹ thuật sẽ xua đuổi nó, mỹ luận sẽ khử trừ nó. Như vậy, *cái lặp lại, cái giống, cái sao chụp* còn tệ hơn *«cái sớm nở tối tàn»*, nó chính là *cái chết yểu* trong mỹ thuật.



CÁI PHÚC CỦA *SỐNG ĐẸP VUI DUYÊN*

Cái đẹp của chiếc áo dài mang tính liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* là một câu chuyện vừa hay, vừa lạ. Nếu chiếc áo dài muốn truyền thống nó sẽ tạo được nhân dạng truyền thống; nếu chiếc áo dài muốn hiện đại nó sẽ tạo được nhân dạng hiện đại, đây có phải là *cái phúc* của chiếc áo dài? Muốn thanh tao là thanh tao, muốn đài các là đài các. Đây cũng là câu chuyện có trong cổ văn và cổ sử trong mỹ thuật của Âu châu, khi phân tích hội họa cổ của Âu châu, Plotin nhận ra cái đẹp giới thiệu *cái phúc* đang *ở ngoài* cõi người, *ở xa* nhân gian, thường cư trú ở *thiên đường*. Tranh thủy mặc Tàu, không thoát khỏi chuyện này, *cái phúc* cũng ở ngoài cuộc sống, ở xa cõi thật, có lúc ở *tiên giới*. Cả hai *thiên đường* hoặc *tiên giới*, cái đẹp giới thiệu cái *không nắm được*, cái *khó ao ước được*, cho nên cái đẹp thường cận kề với *cái mơ, cái ước, cái mong*, không những ở ngoài và ở xa, mà còn *ở cao* nữa. *Cái phúc* của chiếc áo dài thì hoàn toàn ngược lại, nó có mặt ngay trong cuộc sống, và người phụ nữ muốn nó xuất hiện thì nó sẽ xuất thân để cho nhân sinh giữa trần gian chiêm ngưỡng nó. Chiếc áo dài gần gũi, cận kề và chung sống với chúng ta, như minh triết *Cư trần lạc đạo* của Phật hoàng Trần Nhân Tôn, nơi đó có minh trí của *sống đời vui đạo*. Còn *cái phúc* của chiếc áo dài thì càng cụ thể, đó là minh tri của *sống đẹp vui duyên*.



TÀ ÁO BÌNH: TỰ BIẾT HƯỚNG THƯỢNG ĐỂ TỰ BIẾT THĂNG HOA

Cái đẹp của liên kết *diên-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài cũng là một câu chuyện vừa rộng, vừa cao, khi chúng ta muốn chiếc áo dài bình dị để dung dị, thì nó sẽ bình dị để dung dị; khi chúng ta muốn chiếc áo dài thanh bạch để thanh cao thì nó sẽ thanh bạch để thanh cao. Chiếc áo dài tự biết hướng thượng để tự biết thăng hoa, vì vậy chiếc áo dài tự nó mang một kiến thức rộng, một tri thức cao. Phật học đề nghị quan niệm *hiện pháp lạc trú*, tìm hạnh phúc ngay trong hiện tại, bây giờ và ở đây, một hạnh phúc hiện thực mà không cần một lời hứa của một đấng linh thiêng nào, hay của một đạo giáo nào. Bước thứ hai là *duyên vô sự*, sống mà không sinh sự, không rơi vào tham, sân, si, biết buông bỏ sân hận, để tránh phiền não. Bước thứ ba là tạo được tâm bình để cảnh bình, tâm an lạc sẽ tạo được cảnh thái hòa. Đây dường như cũng là câu chuyện chiếc áo dài biết tạo ra *tà áo bình*, nơi liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* khẳng định sự hài hòa, sự cân bằng, sự cân đối, sự thăng bằng.



CÁI ĐẸP LẠC QUAN

Có người con gái với nhân diện đẹp trong tươi mát, nhân dạng ung dung ngời sáng giữa mùa màng, ngồi giữa đất trời tạo ra một nhân cách lạc quan, với môi cười trong chiếc áo dài đầy đủ duyên. Cái đẹp đầy đủ *diện đẹp-dạng lành-dáng sáng-duyên tràn* đã làm ra *cõi lạc quan* để người yêu đời. Trong ca khúc *Xóm đêm*, nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã đưa tâm tình lạc quan này tới một lời hứa hay, đẹp, tốt, lành, đó là lời hứa sẽ bảo vệ nội chất yêu đời của người bằng tiếng yêu thương: *"Nghe không gian tiếng yêu thương nhiều/ Hứa cho đời thôi đìu hiu…"*. Cái đẹp lạc quan luôn tìm cách rời bỏ cái ủ rủ vô cớ, cái rầu rĩ vô duyên, cái ủ dột vô giác, cái thờ ơ vô cảm. Vì cái đẹp lạc quan tránh chuyện «*đồng hội, đồng thuyền*» của phản xạ phiền não, vì nó lánh chuyện «*cá mè một lứa*» của phản ứng héo gục. Cái đẹp của chiếc áo dài luôn muốn đi với nhân diện tươi, vì nó muốn sống với nhân dạng sáng, trong nhân cách yêu đời vì biết yêu người.



MỘT MINH TỘC CỦA *DIỆN-DÁNG-DẠNG-DUYÊN.*

Cái đẹp của liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài cũng là câu chuyện của liên hợp *thân quen-thân thuộc-thân thương* trong đời sống của mỗi người Việt có cảm nhân, cảm xúc, cảm động khi được gặp cái đẹp này. Ngô Thụy Miên trong ca khúc *Bản tình cuối* đã cảm nhận sâu xa về câu chuyện "*ngỡ như quen thủa nào"* đã có trong tiềm thức của mỗi chúng ta khi được chứng kiến liên kết *diện-dáng-dạng-duyên.* Nhạc sĩ đã có những ca từ dày *Việt tính: «Một lần gặp gỡ ngỡ như quen thủa nào.../ Ta đã say, hồn ta ngất ngây.../ Bên em ta hát khúc mong chờ".* Cái đẹp của liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài phải biết tháo gỡ các hệ thống giáo điều cứng ngắt, khô cằn, thụ động. Một công hai việc, cái đẹp của liên kết này phải tháo gỡ luôn những định kiến *bất di bất dịch* của hủ hóa *tứ đức-tam tòng*, đã hủ bại văn hóa Việt thủa nào. Hiện nay, *cái hủ hóa* vẫn còn đang khô đọng trong ao tù: *«ao làng»!* Chỉ thấy lũy tre làng mà không thấy bao chân trời chung quanh. Cái đẹp của liên kết *diện-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài phải tự biết thăng hoa trong một thế giới hiện đại. Trong Việt sử, *Việt tộc* nhiều lần đã là một *minh tộc*, có đủ thông minh biết mở cửa để tiếp nhận *cái hay, cái đẹp* của các dân tộc khác, của các nền văn hóa khác, Trong tương lai, nếu Việt tộc vẫn là một minh tộc, thì dân tộc sẽ còn sáng tạo ra những cái đẹp ngay trên chiếc áo *diện-dáng-dạng-duyên.*



CHẮP TAY HƯƠNG

Những chân dung, diện mạo, hình tướng của người Việt trong vị thế nguyện cầu, để dựng lên nhân vị người Việt thành khẩn, nghiêm cẩn trước cuộc sống, tin vào cuộc sống như tin vào lòng tự tin của chính mình là phải bảo vệ nhân cách? dù nhân thế đang chịu bao vật đổi sao dời. Trong cầu nguyện thường mang một ý lực! Ý lực về sự sống với ý chí muốn sống: sống lành, sống đẹp. Nguyện hình như rèn luyện một ý muốn để biến nó thành ý lực; cầu hình như là gởi mong cầu vào một niềm tin, và niềm tin đó có khi dính dáng tới tôn giáo, Thượng đế cả. Chắp tay nguyện cầu cho nắng lên màu, cho hương trong tay, chắp tay lạy trời cho trời cao rộng, chắp tay lạy đời mãi rộng…



CHẮP TAY XUÂN

Có những hành tác nghiêm cẩn chắp tay tới từ tuổi thật trẻ, không mê tín, chẳng dị đoan, vẳng xin xỏ… Chiếc áo dài Việt thủy chung đã cùng nhập nội với thiếu nữ Việt, phụ nữ Việt vào cõi của các giá trị tâm linh. Những giá trị tâm linh mang những giá trị dạo lý hay, đạo đức lành, luân lý tốt làm nên con người đẹp với chiếc áo dài đẹp. Ta phải nói rõ chuyện câu chuyện này, vì có những trang phục của phụ nữ không thích hợp với hành tác nguyện cầu, có những trang phục của phụ nữ không sao thích ứng được với hành tác tâm nguyện. Nhưng áo dài Việt thì ngược lại, nó thong thả trong kính cẩn, nó thong dong trong khiêm cẩn, nó thư thả trong cung kính. Đây là nội lực của một quốc phục là nhân học văn hóa, xã hội giáo dục và giáo dục học thẩm mỹ không nên quên.



MỘT *DIỆN-DÁNG-DẠNG-DUYÊN* CHƯA CÓ MẶT TRONG CUỘC SỐNG

Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài có mặt trong cuộc đời của phụ nữ Việt, lại luôn được chính phữ nữ Việt làm mới qua *nhân diện mới*, *nhân dáng mới*, *nhân dạng mới*. Đây là câu chuyện làm mới chiếc áo dài đã có qua dạng của trạng phục, sắc của trang điểm, tất cả là năng lực thời trang tạo ra *cái đẹp* luôn đi tìm cho ra *cái đặc sắc*! Mỗi sáng tạo ra *nhân diện mới*, *nhân dáng mới*, *nhân dạng mới* tức là đi tìm những giá trị mới, mà thành công hay thất bại có trong sự công nhận hay sự phủ nhận bởi công chúng, bởi xã hội. Nhưng đây chỉ là một thử thách trong nhiều thử thách, mà thử thách chính vẫn là thử thách với chính phụ nữ nơi nữ tính làm nên "nữ cảm" về *cái đẹp*. Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài cũng là câu chuyện chấp nhận thử thách là *đổi*, là *thay*, có khi là *xóa*, là *bỏ* các thói quen cũ: *chọn mới lánh cũ*. Tại đây câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài, người phụ nữ không tìm cách thích ứng, không tìm cách hòa hợp, mà ngược lại tìm cho ra cách chống thích ứng, chống hòa hợp, để nhận diện ra một cái đẹp mới do chính mình tạo ra.



TRÙNG TRÙNG DUYÊN KHỞI

Cái đẹp tới từ sự liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* qua chiếc áo dài có ít nhiều liên quan tới phạm trù *trùng trùng duyên khởi* trong kinh Hoa Nghiêm của Phật học. Nơi mà *duyên* được xem và xét như tập hợp những điều kiện thuận lợi cho một sự cố hay, đẹp, tốt, lành xuất hiện. Khi bốn cơ may *diện-dáng-dạng-duyên* cùng xuất hiện một lúc thì chúng ta có *trùng trùng duyên khởi* chung quanh chiếc áo dài. Người phụ nữ thực hiện được bốn cơ may nào để tạo ra *duyên* cho chính mình, thì người này thật đáng được quý yêu và kính phục. Chỉ vì người này biết quý trọng cái đẹp với nội dung đầy đủ của một quá trình có tên gọi là *sáng tạo*. Với *sáng kiến* về nhân diện, có *sáng chế* ngay trên nhân dạng, bằng *sáng tác* ra một nhân cách qua trang phục là chiếc áo dài. Tại đây người phụ nữ đã tự giới thiệu bản lĩnh của *sáng kiến*, nội công của *sáng chế*, và tầm vóc của *sáng tác* của mình. Liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* làm nên nhân diện đẹp, nhân dạng tươi, nhân cách hay đã trực tiếp hay gián tiếp_chống lại cái rập khuôn, nó đối kháng lại các khuôn mẫu, vì cái đẹp biết sáng tạo là cái đẹp kỵ chuyện bị nhào nặn!



CẦM LỘC CHO ĐỜI

Một trong những hình đẹp của áo dài là hành tác người phụ nữ Việt cầm lộc xuân cho mình và cho đời, nơi mà chiếc áo dài cùng người phụ nữ tạo ra hình tượng của một nhân sinh luôn thiết với cuộc sống, với sự sống. Yêu, thương, quý, trọng cuộc sống, sự sống có mùa màng biết báo xuân sang, có phái đẹp với chiếc ái dài đẹp báo tin xuân với bao chuyện *hay, đẹp, tốt, lành* cho nhân gian. Để nhân thế thúc giục nhân loại phải chế tác ra một nhân sinh quan cao, một thế giới quan rộng, một vũ trụ quan xa để tạo ra được một nhân cách cao. Khi chúng ta nhận ra cái đẹp, thì phản xạ của chúng ta là muốn tức khắc đi cùng, đi chung với cái đẹp. Thi sĩ Phạm Thiên Thư cùng nhạc sĩ Phạm Duy nói rõ để nói thẳng chuyện này: *"Đầu mùa xuân/ Cùng em đi lễ/ Lễ chùa này…"*.



Ơ KÌA HAY *Ớ KÌA*

Người phụ nữ với nhân diện lành, cùng nhân dạng duyên qua chiếc áo dài biết nhẹ hồng trong cõi bụi hồng, đang có hành vi ngạc nhiên vì một sự cố nào đó. Khi ngạc nhiên mà phải thốt ra lời, thì tiếng Việt thật sinh động, trao tặng cho chúng ta hai chọn lựa với hai sự ngạc nhiên thật khác nhau. Một là ngạc nhiên buồn của Bích Khê có ơ kìa của: *"Ô hay buồn vương cây ngô đồng/ Vàng rơi, vàng rơi thu mênh mông"*. Hai là ngạc nhiên vui của Trần Huyền Trân: *"Ớ kìa thiên hạ đang say/ Có nhìn tay nắm ngàn tay reo cười"*. Cũng có một giả thuyết thứ ba làm nên ngạc nhiên thứ ba ngay trong đời sống nội tâm của người phụ nữ này: *"Ơ kìa nhân dạng giăng xuân/ Ớ kìa nhân kiếp say trân kiếp người!"*.



SỨC ĐÁNH THỨC CỦA MỘT LỰC NỘI KẾT MỚI

Cái đẹp đột nhiên tới từ sự liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* của một thiếu nữ trong chiếc áo dài sẽ tạo ra sự ngạc nhiên từ mỹ quan tới mỹ cẩm, và chính sự ngạc nhiên này tạo ra *sức đánh thức* cho công chúng thưởng ngoạn. *Cái đẹp* khi được hình thành đã trải qua giai đoạn ban đầu của nó có ngay trên thượng nguồn là *sự trống vắng* trước khi nó sinh ra đời, trước khi nó xuất hiện như một *hiện thể* có hình, có dạng, có sắc, có thanh… Cái đẹp phải được thấy qua *sức bật* của nó, từ không đến có, trong cái tìm tòi của thiếu nữ, có khi lạc đường trong hình dạng, có khi lầm lối trong mầu sắc, để kết cuộc là *cái đẹp* hiện sinh ra để chúng quanh được thưởng thức, được chiêm nghiệm, được xem xét, để đánh giá về giá trị liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* này. Từ đây, cái đẹp xuất hiện như để choán chỗ trống và nó sẽ còn hiển hiện ngay trong cuộc sống để đứng đối diện trước các *phản diện* của nó là *cái xấu*, *cái tồi*, *cái tục*, *cái dở*. Khi một thiếu nữ biết sáng tác cái đẹp bằng liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* thì, *một lực nội kết mới* sẽ ra đời để từ đó tạo ra sự hài hòa cho tổng thể mới.



ẨN NGỮ, MẬT NGÔN, LÝ ĐÓNG, LUẬN KÍN CỦA *DIỆN-DÁNG-DẠNG-DUYÊN*

Cái đẹp của liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* có thể xem xét bằng một lập luận "hơi lạ" tới từ triết học của Nietzsche: *"Chúng ta không còn tin là sự thật tồn tại như sự thật, nếu nó không còn các màn che cho nó, chúng ta đã sống nhiều về chuyện này rồi!"*. Như vậy, cái khó phân tích không nằm trong mỹ quan về cái đẹp mà trong mỹ luận khi nó lý luận là *cái đẹp mới* giới thiệu một *chủ đề mới*, để phơi bày một *chủ thể mới*, qua một *sáng tác mới* hiển hiện trong nhân sinh như một *bản năng mới*. Cái đẹp mới này làm cho con người có ít nhất ba ngạc nhiên: *nó vừa đẹp, vừa mới, vừa lạ*. Cái khó giờ lại càng khó hơn khi mỹ luận phải giải luận là ngoài hình thức diễn đạt cái đẹp như *chủ đề mới, chủ thể mới, tác phẩm mới, bản năng mới*. Như vậy, thì liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* còn có *ẩn giấu* cái gì bên trong của nó không? Đây chính là *ẩn số của cái đẹp nữ giới*, khi kẻ thưởng ngoạn cái đẹp này phải dùng: *ẩn ngữ, mật ngôn, lý đóng, luận kín* để trao tới những *thông điệp sống ngầm* của *cái đẹp*. Qua thi từ của Đinh Hùng, bằng giai điệu của nhạc sĩ Đan Thọ trong ca khúc *Mái tóc dạ hương* đã *"mật ngữ hóa"* nét đẹp này: *"Từ giả hoàng hôn trong mắt em…/ Của chút ân tình hương tóc quen/ Nét buồn khuê cát hoen sương phủ/ Tiếng cười như cõi thiên thu lại…/ Chao ôi màu suối tóc buông mềm/ Tiền kiếp xưa nào em hé môi…"*.



4D: *DIỆN-DẠNG-DÁNG-DUYÊN*

Nhân diện đẹp, nhân dạng đẹp, để đại diện cho cái đẹp bằng chiếc áo dài trắng, càng làm rõ nhân diện, càng làm sáng nhân dạng, tạo nên cõi không những của một người mà của cả phái đẹp. Khi cái đẹp được thăng hoa, cái đẹp này có huyền lực tạo nên mộng, nên mơ, đưa suy tưởng chúng ta đi thật xa. Từ tính linh hoạt Việt ngữ, Nguyễn Du đã vận dụng ngữ vựng *giờ*, rồi tạo ra hai ngữ văn *bây giờ* và *bao giờ* song hành nhau, để lập ra ngữ pháp nói về cái đẹp: *« Ngỡ bây giờ là bao giờ! »*. Huyền lực của cái đẹp đưa ta tới cõi mơ, dắt ta tới cõi mộng, đưa ra ta khỏi cõi thực tầm thường, rồi đặt ta vào cõi mà chính ta phải công nhận là tuyệt diệu! Khi ta rời cõi linh diệu tuyệt đẹp này, và lấy lại được sự tỉnh táo để phân tích và nhận lại sự sáng suốt để trở về mà giải thích cho tới chốn vai trò của chiếc áo dài màu trắng với tà áo mềm, nhẹ, linh hoạt nhưng kín đáo biết tạo ra một cõi như mây trắng. Cõi áo mây này làm rực nhận diện, làm sáng nhân dạng, được chế tác từ cái tinh khôi của áo-duyên-để-làm-dáng cho cái đẹp của người. Đây là sự thành công của một quốc phục, từ ý tưởng tới hình thể, mà cũng là chiến thắng của chiếc áo dài biết thăng hoa *diện, dạng, dáng, duyên*. Liên kết giờ đã thành liên minh 4d *diện-dạng-dáng-duyên*, vừa là thông minh trong mỹ quan, vừa là sự thông thái trong mỹ cảm.



CÁI ĐẸP CHIẾM *CÁI TRỐNG*, ĐOẠT *CÁI VẮNG*, CHOÁNG *CÁI THIẾU*.

Cái đẹp của liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* có quan hệ khăng khít với ý thức sáng tạo ra nó, nơi mà người thiếu nữ sử dụng trang sức, vận dụng trang điểm, tận dụng trang phục. Người thiếu nữ đã đi từ không tới có cái đẹp qua nhận diện, nhân dạng, nhân cách của chính mình, biến cái chưa có thành cái phải có, biến cái vắng mặt thành cái có mặt giữa cuộc sống. Mỹ cảm của mỗi chúng ta không nên ngừng tại đây, mà phải đi thêm nhiều bước nữa để phân tích sâu thêm là tính sinh động của liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* đã và đang có trong trang phục Việt luôn là cái chưa đầy, chưa đủ, không có chuyện *«đủ xài», «đủ tiêu», «đủ dùng»* trong đời sống của mỹ cảm làm nên mỹ quan. Vì mỹ thuật chỉ tồn tại qua sáng tạo, chính các sáng tác mới ngay trên liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* sẽ tạo ra các nhân diện mới, các nhân dạng mới, các nhân cách mới, để nuôi sống các sinh hoạt luôn sinh động của cái đẹp nữ giới, trong hiện tại và trong tương lai.



CÁI ĐẸP TỪ Ý TƯỞNG TỚI LÝ TƯỞNG

Có một nhận diện xinh, và nụ cười tươi, trong chiếc áo dài với màu tinh khiết, với dáng tinh khôi của người thiếu nữ tự nhiên trong thoải mái, hồn nhiên trong thư thái, tay cầm hoa, tay nhặt lá. Một hành vi tươi sáng trong một hành tác yêu đời, cái đẹp này thật đi thẳng từ ý tưởng tới lý tưởng. Nơi đây, ý tưởng *diện-dạng-dáng-duyên* làm nên lý tưởng về một cuộc sống đẹp trong chan hòa, người đẹp tự nhiên trong thiên nhiên đẹp, rồi và người và thiên nhiên sẽ chỉ là một! Một tổng thể đẹp trong hài hòa đẹp. Thi ca cận đại của Việt Nam đã cảm nhận trọn vẹn về cái đẹp biết tạo ý tưởng để dựng lý tưởng, qua người thi sĩ tài hoa là Đinh Hùng, qua thi từ của bài *Mộng dưới hoa*: *"Em chẳng tìm đâu cũng sẵn thơ/ Có nắng trong hoa với gió bên hồ/ Giành riêng em đấy khi tình tự/ Ta sẽ đi về những sớm mai…"*. Mà nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã phổ nhạc thành một ca khúc thật đẹp cho nhạc tình Việt với giai điệu lạc quan yêu đời, biết yêu cái đẹp vì biết yêu người: *"Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng/ Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng…"*.



CHIẾC ÁO THUẬN DUYÊN

Chiếc áo dài biết làm nên cái đẹp đôn hậu của người phụ nữ có nhân diện đoan trang. Cặp đôi *đôn hậu-đoan trang* của người phụ nữ biết sống với miệng cười cho đời luôn vui, vì biết sống thuận duyên cho đời thuận bườm xuôi gió. Cặp đôi *đôn hậu-đoan trang* lại được bảo vệ rồi bảo hộ bởi *nhân duyên* đang có mặt giữa *trần duyên*: *"Nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây",* khi yêu nhau thì biết và yêu quê hương của người mình yêu. Cặp đôi *đôn hậu-đoan trang* biết đi xa ngay trên nhân kiếp làm nên *đoan hậu*, tình yêu sẽ thành tình thương và cả hai sẽ được che chở bởi *tình nghĩa*: *"Đường dài ngựa chạy biệt tăm/ Người thương có nghĩa mấy năm cũng chờ"*. Và khi một phụ nữ muốn đọc, muốn ngâm, muốn hát câu này, mà họ lại mặc chiếc áo dài thì câu này từ rất hay sẽ biến thành một câu rất đẹp. Không hiểu sao, chiếc áo dài thường thuận duyên, rất hợp duyên khi người phụ nữ nói về câu chuyện*: "một duyên, hai nợ, ba tình"* để đi xa, đi sâu vào tình nghĩa. Khi triết học thẩm mỹ muốn *ngồi cùng mâm ăn cùng chiếu* với triết học đạo đức, thì từ Platon tới Aristote, qua bao thế kỷ cho tới triết cận và hiện đại, từ Kant tới Ricoeur, các minh sư này đã khẳng định một định luận triết: *"Cái đẹp và cái đạo lý không bao giờ rời nhau"*. Nhưng có một chuyện rất lạ là triết học đạo đức của phương Tây không có phạm trù *tình nghĩa*, không có thăng trầm của *Đường dài ngựa chạy biệt tăm,* hoặc của *Sông dài cá lội biệt tăm* để thấy con người nhận thử thách (*lửa thử vàng, gian nan thử sức*) sức đây là lực biết chờ: *Người thương có nghĩa mấy năm cũng chờ*.



DÂNG LÊN NHÂN CÁCH

Khi một phụ nữ biết chọn một chiếc áo dài không những hợp với nhân dạng của mình, mà còn dâng cho mình một nhân cách đẹp và sang, cái đẹp song hành cùng sự quý phái, chiếc áo dài Việt có nội lực để làm nên nội công này. Và những phụ nữ có nhận thức này chắc chắn là những phụ nữ thông minh, vì họ đã ý thức rõ là sứ mệnh của trang phục không chỉ làm đẹp mà còn biết dâng lên nhân cách cao quý, cao sang. Đây là một cái đẹp biết thăng hoa nhân cách để hướng thượng nhân vị. Câu chuyện cao, sâu, xa, rộng của trang phục, trang sức, trang điểm là đây. Loại cái tầm thường nên phải gạt qua cái không có tầm vóc từ mỹ quan tới mỹ cảm. Khử cái tầm phào để tới để buông cái không có vai vóc trong cao quý, cao sang. Mà cao quý, cao sang không chỉ là những tĩnh từ mà là một thái độ sống làm nên nhân sinh quan về cái đẹp biết song hành cùng sự quý phái, làm nên quan hệ giữa người và người qua sự quý trọng. Câu *chuyện chiếc áo dài biết dâng lên nhân cách* không chỉ ngừng ở cái đẹp biết song hành cùng cái cao sang, mà nó còn là câu chuyện không phải mặc áo để vừa che thân, mà là câu chuyện b*iết* sáng tạo ra trang phục để *«so đo» (so ra mới biết ngắn dài)* trước những cái đẹp đã có sẵn của tạo hóa, của thiên nhiên, của mùa màng theo «chiêu thức» của cụ Tiên Điền Nguyễn Du: *«Kể ra nhân định thắng thiên cũng nhiều!»*.



THỂ PHÁCH CỦA TINH ANH

Người phụ nữ khi đã mặc xong chiếc áo dài vừa xinh dẹp, vừa cao quý, cùng lúc có hành tác chuẩn bị đẹp để có một xuất hành đẹp, tươm tất trong chu đáo. Tại đây, câu chuyện chiếc áo dài trở thành câu chuyện của cái đẹp qua hai hệ, hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhân thức)* và hệ *luận (lý uận, lập luận, giải luận, diễn luận*) làm nên mỹ cảm, để tạo nên mỹ quan; xa hơn nữa, rộng hơn nữa tạo nên mỹ thuật để lập nên mỹ luận. Để từ đây tạo nên một cái đẹp không những *«có hồn»*, mà có *«cả phách»*, có cả *tinh anh* không rời *thể phách*. Câu chuyện thể phách và tinh anh là câu chuyện *hay, dẹp, tốt, lành* mà Nguyễn Du đã cảm nhận sâu xa khi kể về nhân dạng đã làm nên nhân cách của Đạm Tiên: *«Thác là thể phách, còn là tinh anh»*. Câu chuyện thể phách song đôi với tinh anh cần được phân tích vừa bằng cảm xúc, vừa bằng lý trí, để từ đó trí tuệ tổng hợp được cả hai hệ, hệ *thức (kiến thức, tri thức, ý thức, nhân thức)* và hệ *luận (lý uận, lập luận, giải luận, diễn luận*). Từ đó cùng nhau hợp lực để làm rõ hệ *nội (nội dung, nội chất, nội địa)* của cái đẹp. Đây không phải là chuyện của *siêu hình học* mà chính là cốt lõi của *tri thức luận* mà khoa học xã hội và nhân văn không thể không có ý kiến bằng chánh kiến.



NHÂN TÂM NHẤT NHƯ

Một thiếu nữ nhân diện đẹp, nhân dạng lành trong nhân cách trang nghiêm nhắc ta về một cái đẹp được sáng tạo qua một *quá trình phân chia* giữa cái cũ đã ổn định được xem như bền vững để bảo trì cái đã có sẵn, cùng lúc thời đại bằng sung lực của hiện đại đòi hỏi trang phục phải biết chuyển hóa, trang sức phải biết thay đổi, trang điểm phải sắc thái mới để: *làm mới sự sống, làm tươi chất sống*. Ngay trong sáng tạo của nghệ thuật, chính người nghệ sĩ qua thi từ hoặc ca từ luôn làm mới ngôn ngữ của mình để làm mới tư tưởng của chính mình, mặc dù đối tượng luôn chỉ là một vẽ đẹp của phụ nữ. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã đi qua quá trình làm mới ngôn ngữ để làm mới tư tưởng của mình bằng tính đa diện của trực quan khi quan sát vẽ đẹp của nữ giới. Lúc đầu là: *"Tìm em tôi tìm mình hạt sương mai"*. Sau đó là: *Ru em vì dáng kiêu sa/ Ru em về giữa chiêm bao/ Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ"*. Với thời gian thì chung cuộc sẽ là: *"Áo xưa dù nhầu/ Cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau"*. Con người biết làm mới sự sống, làm tươi chất sống, nhưng cũng biết lấy *nhân tính* để truy xét *nhân tình*, vận dụng *nhân bản* để xét nghiệm *nhân thế*, lấy *nhân văn* để phân xử *nhân lý*, đưa *cái tình vào cái lý* để lý trí, trí tuệ, tuệ giác, tất cả hội tụ trong: *nhân tâm nhất như*.



HÃY VỀ ĐỂ CÙNG THĂNG HOA VỚI *DIỆN-DÁNG-DẠNG-DUYÊN*.

Tha nhân tình cờ nhận ra có một thiếu nữ với nhân diện xinh tươi, với nhân dạng tươi mát trong chiếc áo dài trắng tinh khôi đi ngang qua suối, ngang qua sông, ngang qua ngàn hoa, thì tha nhận này sẽ mời ít nhất ba vẻ đẹp khác nhau đã có mặt trong ca khúc Việt. Bài thứ nhất được tha nhân mời là ca khúc *Trăng mờ bên suối* của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên: *«Người hẹn cùng ta đến bên bờ suối/ Rừng chiều mờ sương ánh trăng mờ chiếu/ Người ơi nhớ phút nhạc lòng hôm ấy/ Ngày xưa còn đó trăng nước mong chờ»*. Bài thứ nhì là ca khúc *Hoa soan bên thềm cũ* của nhạc sĩ Tuấn Khanh: *«Như hương hoa soan dâng bên thềm nhẹ nhàng nhưng ngất ngây»*. Bài thứ ba là ca khúc *Chiều một mình qua phố* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: *«Chiều một mình qua phố/ Âm thầm nhớ nhớ tên em/ Có khi nắng khuya chưa lên mà một loại hoa chợt tím.../ Gọi buồn cho mình nhớ tên...»*. Chỉ một cái đẹp của *diện-dáng-dạng-duyên* của một thiếu nữ mà đã *«đánh thức»* rồi *«huy động»* để *«tổng động viên»* nhiều ca khúc, lắm ca từ, cùng về để thăng hoa cái đẹp của nữ giới. Đây là một chuyện rất đẹp trong cuộc sống, sự thông minh của mỹ quan biết song hành cùng sự thông thái trong nghệ thuật ca khúc. Tất cả hãy cùng về để thăng hoa với *diện-dáng-dạng-duyên*. Nếu nam giới nào đang vô tình trong vô tâm, rồi vô giác trong vô cảm, vì vô tri trong vô minh trước cái đẹp này thì sẽ bị thiệt thòi về mỹ quan, hao tổn về mỹ cảm và sẽ thất bại về mỹ thuật trước sự hiện hữu của liên hợp *diện-dáng-dạng-duyên* của nữ giới.



NGỒI THẤP ĐỂ NÂNG HOA

Thật hiếm khi được thấy hình ảnh người phụ nữ Việt ngồi bên đường nâng hoa, nơi mà chiếc dài biết tạo ra một không gian mới, đẹp trong hài hòa, đẹp theo hướng thiện, nên không hề thấp và chắc chắn là không hề tục mà ngược lại rất thanh. Vì trong không gian áo dài trải đất, rải nền này cái đẹp đôi, người phụ nữ Việt cùng chiếc áo dài Việt đã chế tác được một không gian vừa đẹp, vừa lành, có hai cái đẹp người và áo đang nâng một cái đẹp khác là hoa. Cứ ngồi thản nhiên với áo, có ngồi thả hồn với lòng, rồi dùng cái đẹp người này với cái đẹp áo kia để nâng cao cái đẹp hoa nọ.



BÀNG BẠC TRONG CUỘC SỐNG

Sau hơn một thế kỷ được công nhận để tồn tại trong thoải mái như quốc phục của phụ nữ Việt, có một động từ thật đẹp trong Việt ngữ là trạng động từ: *bàng bạc*, chiếc áo dài rất gần gũi với trạng động từ này. *Bàng bạc* là hành tác có mặt nhưng là sự có mặt nhẹ nhàng, là hành vi chế tác ra sự xuất hiện thư thái, thường trực hiển hiện trong thong dong, đó là hành động biết tạo cõi *trong ấm ngoài êm* trước bao thăng trầm của cuộc sống. Khi chúng ta chiêm nghiệm hình ảnh *chiếc áo dài bàng bạc trong cuộc sống*, bằng nép đẹp kín đáo, bằng dạng duyên thư thả của nó, thì chúng ta cũng nên trở lại lịch sử của chiếc áo dài từ khi nó ra đời, nó phải sống còn với lịch sử của một đất nước Việt phải nhận bao chiến tranh, với tâm hồn Việt phải gánh bao mùa trận mạc. Động từ *bàng bạc* của *cõi lành chốn yên* này hoàn toàn ngược lại với bạo lực giết người bằng chiến tranh, hoàn toàn nghịch lại với bạo động hủy giá trị tâm linh của dân tộc bằng chiến cuộc.

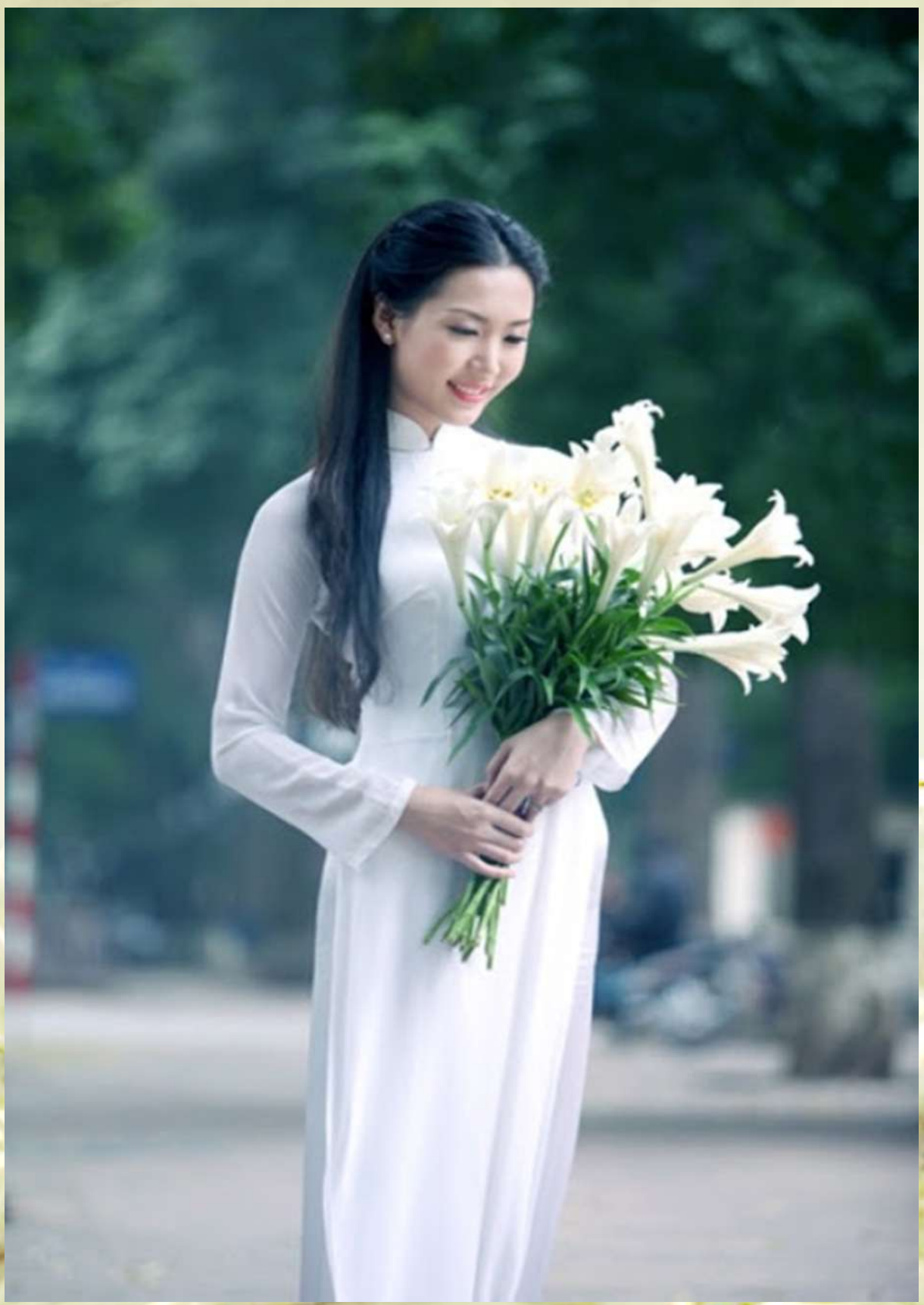

BÀNG BẠC GIỮA CUỘC ĐỜI

Hình ảnh *chiếc áo dài bàng bạc trong cuộc sống* hoàn toàn trái lại với chuyện huynh đệ tương tàn vì một ý thức hệ ngoại lai đã giết hại hằng triệu đồng bào. Và hiện nay hình ảnh bàng bạc hoàn toàn ngược hướng với bạo quyền công an trị đang lao lý hóa Việt tộc, nơi mà sự tự do của bàng bạc luôn bị đe dọa bởi bạo quyền độc đảng ngu dân trị. Đây là câu chuyện tâm tư của chiếc áo dài trong tâm sự của cả một dân tộc, mà mỹ thuật học, ngôn ngữ học, chính trị học cùng tâm thần học nên lập một liên minh để nghiên cứu tới nơi, khảo sát tới chốn, điều tra tới cùng là hệ *bạo* (*bạo* quyền, *bạo lực*, *bạo động*, *bạo hành)* luôn là nguồn cơn của mọi chuyện tâm thần, trên một dân tộc phải nhận, lãnh, gánh, chịu bao chiến cuộc trong nhân kiếp. Mà chính tộc này cũng chưa ý thức đầy đủ về các hậu quả tâm thần mà dân tộc và giống nòi này đang phải chịu đựng. Câu chuyện này có mức trầm trọng của nó, và sự xuất hiện của chiếc áo dài biết bàng bạc giữa cuộc đời để nhẹ kiếp nhân sinh, để thư thái trong thư thả mà hóa giải bao nỗi khổ niềm đau của một số phận bạo nghiệt. Đây là câu chuyện đẹp về một chiếc áo. Nét đẹp cùng dáng duyên của chiếc áo dài là hình ảnh của một dân tộc đủ nội lực tự biết chạy chữa tâm bịnh của mình. Nếu giả thuyết này được kiểm chứng, đúng tâm trạng và trúng tâm lý, thì Việt tộc nên bảo vệ cho bằng được *nội chất bàng bạc của quốc phục* này.



BÀNG BẠC CHỐN TÂM LINH

Hình ảnh chiếc áo dài bàng bạc trong cuộc sống đã biết đi trên lưng hệ *chiến* (*chiến tranh, chiến chinh, chiến cuộc),* đã biết đi trên đầu hệ *bạo* (*bạo* quyền, *bạo lực, bạo động, bạo hành).* Đó là hình ảnh của tâm lý biết tự trị liệu, là tâm ảnh của tâm thần biết tự cứu rỗi chính tâm hồn của mình, mà đó cũng là tâm sự của cộng đồng Việt kiều lưu vong phải rời bỏ đất nước từ khi đặc quyền độc đảng toàn trị chỉ để đặc lợi bằng đặc ân cho riêng nó. Có một văn sĩ xuất sắc của văn học hải ngoại là Kiệt Tấn, được độc giả trân quý qua những chuyện ông kể về các hậu quả tâm thần mà ông phải gánh chịu, có rễ từ gia đình, có gốc từ làng xóm, có cội từ đất nước, có nguồn từ dân tộc. Giọng văn ông nửa đùa, nửa thật, nhưng độc giả tinh ý để chú tâm sẽ nhận ra một phạm trù tâm thần mà bao thế hệ vẫn phải còn gánh chịu. Nơi đây, trạng động từ *bàng bạc* đã biết *nhẹ nhàng hóa* cuộc sống để *thư giản hóa* mọi biến nạn tâm lý, làm nên những biến động không lường được của tâm thần trong cơn hỗn man. Chất *bàng bạc* biết ôm nỗi khổ, biết ấp niềm đau, để nỗi khổ niềm đau từ từ nguội dần, dịu dần. Hiểu được nội công thật thong dong làm nên nội lực thật thong thả, đây chính là sự thông minh của bản lĩnh *bàng bạc.*



BÀNG BẠC CÙNG CHÂN TRỜI

Có lần, văn sĩ Kiệt Tấn kể về chuyện chữa trị tâm thần trong những tháng năm dài trong một viện tâm thần. Khi được xuất viện, thì cái rã rời của tâm lý, cái mệt đừ của tâm trạng, cái mệt gục của tâm linh vẫn ngày ngày đe dọa để đè bẹp tâm thần của ông. Nhà ông ở ngoại ô nhưng cận kề với Paris, một thủ đô vừa chen chúc trong hỗn loạn, vừa ồn ào trong tán loạn, vậy mà ông đã biết tự leo lên ngọn đồi Bagnolet, rồi viết một tản văn, với tựa là *Trang kinh trên đồi*, độc giả ngừng lại để chú tâm trong giải luận câu: *"Phật tính bàng bạc trong cuộc sống"*. Chỉ một câu thật hội tụ ba ý tưởng: *Phật tính/ bàng bạc/ cuộc sống*, khi gặp lại nhau tại Paris, tôi nhắc câu này và thử thách (không thử lửa mà chỉ thử chọn) là trong ba ý tưởng này, nếu phải chọn một trong ba, thì phải chọn ý tưởng nào? Kiệt Tấn và tôi cùng nhau chọn trạng động từ *bàng bạc*. Vì cái gì đã *bàng bạc* trong quá khứ và vẫn *bàng bạc* trong hiện tại, nó sẽ còn *bàng bạc* trong tương lai, và nó sẽ *bàng bạc* xuất hiện cạnh các chân trời. Riêng tôi, cũng vậy thôi, mỗi lần được nhìn nép đẹp của *diện-dáng-dạng-duyên* của chiếc áo dài đang *bàng bạc* trong cuộc sống, giữa cuộc đời, bên các chân trời, thì tôi vừa vui, vừa sướng. Vì tôi biết là Việt tộc và tôi đang thảnh thơi trong thư thả trên *nhân lộ bàng bạc* của tâm lý trị liệu, biết tự cứu rỗi tâm hồn mình.



BIẾT TẠO NIỀM VUI

Nghệ thuật không nên ngừng ở cách nói xuôi: *chân, thiện, mỹ*, mà ta thường nghe tới nhàm tai, tới chán giọng. Câu hỏi nên được đặt ra nghệ thuật có thật sự là cao, sâu, xa, rộng hơn phạm trù *chân, thiện, mỹ* hay không? Hình như là có! Nếu ta đi sâu vào nghệ thuật trang phục mang chất người sinh động, có nhân diện đẹp cùng nhân dạng duyên qua chiếc áo dài biết tạo ra nghệ thuật sống. Trong nghệ thuật sống này thì con người phải biết định nghĩa thế nào là *hạnh phúc*? Mỗi lần ta thấy nhân diện đẹp, cùng nhân dạng duyên qua chiếc áo dài thì ta sẽ biết định nghĩa hạnh phúc bằng *niềm vui*: Người biết biết tạo được hạnh phúc cho mình có lẽ là kẻ biết tạo niềm vui từng ngày cho mình và cho mọi người.



CÂU CHUYỆN *NHÂN*

"Em tan trường về/ Đường mưa nho nhỏ/ Ôm nghiêng tập vở/ Tóc dài tà áo vờn bay/ Em đi dịu dàng/ Bờ vai em nhỏ/ Chim non lề đường/ Nằm yên giấu mỏ/... Mai vào lớp học/ Anh còn ngẩn ngơ, ngẩn ngơ...". Thi ca của Phạm Thiên Thư, nhạc điệu của Phạm Duy không những đã giới thiệu cõi áo, cõi người, cõi đời mà còn dựng lên một *cõi tình*: cõi của *ngẩn ngơ.* Đây là cái đẹp biết lấy nhân sinh ngày ngày của *Em tan trường về* để làm nên nhân tình của nhân tính. Ngày ngày cũng là câu chuyện của giòng đời: "*Em tan trường về/ mưa bay mờ mờ/ Anh trao vội vàng/ Chùm hoa mới nở/ Ép vào cuối vở/ Muôn thủa còn thương... còn thương".* Câu chuyện nhân tình giờ đây trở thành câu chuyện nhân tri làm nên nhân trí, của người con trai (*Anh trao vội vàng/ Chùm hoa mới nở).* Câu chuyện nhân tri làm nên nhân trí vẫn chưa hết, mà tiếp tục đi tới tận cái đẹp cho nhân bản làm nên nhân văn *(Ép vào cuối vở/ Muôn thủa còn thương...còn thương).* Khởi đầu của ca khúc, ta nghĩ chỉ là chuyện riêng tư của hai người, gnhưng khi hưởng trọn bài thơ được cảm nhận qua ca khúc, chúng ta nhận ra các nội hàm của nhân loại đã hiện rõ ra: *nhân tình làm nên nhân tính, nhân tri làm nên nhân trí, nhân bản làm nên nhân văn*.



NGƯỜI-ÁO-HOA CHUNG MỘNG

Cái đẹp tới từ cái tự do trong sáng tạo trang phục, nhưng bối cảnh của tự do thường xuyên bị định vị bởi cơ chế xã hội, trong đó có tôn giáo lẫn giáo dục lắm lúc rất giáo điều để kềm chế tự do của chúng ta. Từ đây giáo điều tạo ra những khung, khuôn, mẫu cho trang phục, trang sức, trang điểm, trực tiếp hay gián tiếp giới hạn tự do của cá nhân muốn làm khác nhân diện, nhân dạng của mình. Đây chính là tự do tư duy, làm nên tự do tư tưởng, tự do này cho phép người phụ nữ được phép tạo nhân diện, được đổi nhân dạng, được làm dáng bằng chính tự do sáng tạo thời trang cho nhân cách của mình. Cái đẹp của tự do sáng tạo nhân diện, nhân dạng, nhân cách cũng chính là tự do lý trí, chính lý trí biết quyết đoán khi quyết định bằng một cảm xúc tới từ tự do thời trang. Cái tự do này không chấp nhận cái bị bình thường hóa, nó chối bỏ luôn cái thông dụng trong xã hội, xa lánh cái thông thường. Cái đẹp mới này là đi xa để đi ngoài cái bình thường, cái thông thường, cái thông dụng, cái thực dụng.



CÁI ĐẸP BIẾT ĐÁNH THỨC

Cái đẹp của *diện-dáng-dạng-duyên* trong chiếc áo dài tạo ra *cảm xúc*, sẽ nhận vai trò của *kiến thức* để tạo ra *ý thức* để nhận diện ra cái đẹp tự biết thăng hoa, tự biết hướng thượng. Câu chuyện *diện-dáng-dạng-duyên* là câu chuyện của lý trí biết nắm sự thật của nhân diện, có đầy đủ dữ kiện về nhân dạng để sáng tác ra một nhân cách. Khi liên minh *nhân diện-nhân dạng-nhân cách* được hình thành thì liên minh này sẽ quyết định trang phục, trang điểm và trang sức. Chính quá trình lý trí này sẽ đóng vai trò *"đánh thức"* những kiến thức về hình dạng, về màu sắc, rồi nó tuyển chọn hành vi đi đứng, hành tác đi lại của người phụ nữ. Cụ thể là nó mang *cái thức* vào *cái lý* để lý trí soi sáng trí tuệ, để thấu hiểu *đường đi nẻo về* của tuệ giác luôn rất cảnh giác vì đã thuần thục qua giáo dục: *học ăn, học nói, học gói, học mở.* Chúng ta nhận ra cái đẹp nữ làm nên cả một khung cảnh đẹp qua thi từ của Phạm Thiên Thư bằng nhạc điệu của Phạm Duy trong bài *Em lễ chùa này*. Bài này kể về một câu chuyện tình rất buồn, tan nát trong sinh ly, nhưng nó uy lực dẫn dắt chúng ta tới với *cái đẹp biết đánh thức*: *"Đầu mùa xuân cùng em đi lễ/ lễ chùa này vườn nắng tung bay.../ Một con bướm đẹp/ Trái mơ ngon/ Đồi gió mơn man/ Khói hương thơm/ Bờ tóc em vờn/ Tóc em xưa tơ óng như mây"*. Chúng ta mong mỏi những *cái đẹp biết đánh thức* này sẽ *đánh thức* mãi chúng ta, mãi để dài theo nhân kiếp.



MÀU CỦA TÌNH YÊU
BIẾT CHẤP NHẬN THỬ THÁCH

Người Việt ai cũng nhớ, vì ai cũng yêu bài *Màu tím hoa sim* của thi sĩ Hữu Loan. Đây là một buồn thơ buồn vì nó rõ về một sự mất mát tuyệt đối là mất người yêu, khi chính cái chết đã mang người mình yêu vĩnh viễn về cõi xa. Nhưng người Việt có thể yêu bài thơ tình này bằng màu tím của hoa sim, màu của tình yêu biết chấp nhận thử thách của nhân sinh, biết cam nhận những thăng trầm trong nhân gian. Khi đã yêu, thì người ta xem màu tím là màu của tình yêu, chính là màu của biểu tượng vĩnh hằng của tình yêu trước cái vô thường của nhân thế. Chúng ta biết bài *Màu tím hoa sim* là một bài thơ buồn nơi mà sinh ly là một mất mát không bù đắp được; nhưng chúng ta vẫn đọc, ngâm, ngẫm để ngầm yêu chiếc áo màu tím hoa sim: "*Ngày xưa, nàng yêu hoa sim tím/ Áo nàng màu tím hoa sim*".



CÓ MỘT NHÂN HỌC DẠNG DUYÊN

Khi gặp *người duyên dạng* trong *áo dài dạng duyên*, thì đây chính là của *duyên hành*, nhân dạng của *duyên khởi* để nhân duyên có cảm xúc của mỹ quan, làm nên cảm động của mỹ tính.

Đây cũng là thử thách của một chuyên ngành mới trong nhân học có hiểu biết để đón cái đẹp dáng cùng lúc tiếp cái duyên trong dạng. Một nhân học biết phân tích *nhân dạng đẹp*, biết giải thích luôn *nhân dáng duyên*. Một nhân học nhận ra *dáng để lượng duyên*, hiểu được *duyên để định dáng*.

Duyên dạng của người, *dạng duyên* của áo khi trở thành một chuyên ngành mới là *nhân học dạng duyên*, thì nhân học sẽ đi sâu, xa, rộng, cao hơn tĩnh từ duyên dáng. Nơi mà, *duyên dạng* là danh từ, *dạng duyên* cũng là danh từ, mở ra những không gian lý thuyết luận bị bỏ quên, những không gian phương pháp luận bị bỏ rơi, những không gian khoa học luận bị bỏ qua, bởi trước đó các nhà nhân học chưa cảm nhận được duyên dạng, hay chưa có cảm xúc về dạng duyên.

Nhân học dạng duyên không vô minh, vô tri, vì không vô giác, vô cảm trước *duyên dạng* giữa cõi người. *Dạng duyên* xuất hiện ngay trong tiếng Việt, trong một tiếng mẹ đẻ mà chữ *duyên* ra thảnh thơi, vào thong thả, mà mỗi lần nhắc đến *duyên dạng*, thì thường làm cho không khí vui hẳn lên: *«Mặc áo có duyên quá!», «Đẹp duyên, đẹp người, đẹp áo chưa?»*,



« Người và áo hợp duyên nhau quá», «Áo và người xứng duyên rồi! »... thật lạ mà cũng thật hay là chữ *duyên*, không những báo cho ta các tín hiệu về *duyên lành* trong cõi người Việt, mà nó rất *duyên dáng* trong các câu chuyện giữa người và áo.

Sung lực của *dạng duyên* tạo dư chấn thật xa, vì mỗi lần cái đẹp xuất hiện cái duyên thì không những phải chụp ảnh để giữ làm kỷ niệm, mà còn để thông tin bằng truyền thông, trước là giữa bạn bè, sau nếu cần thì thông báo cho mạng xã hội biết.

Để cái đẹp được thăng hoa cùng cái duyên; vẫn chưa hết cái đẹp khi được "trợ duyên" bằng cái duyên, thì các nhà thiết kế áo dài lấy sáng kiến để "tạo duyên" ngay trong sáng tạo của mình, nơi mà áo dài sẽ cùng người làm nên sáng tác, tạo ra tác phẩm.

Áo duyên trong dạng đẹp là những tác phẩm rất người, vì nó có người thật, đang tạo duyên bằng dáng duyên trong dạng duyên rất sống động, rất sinh động, rất chủ động. Chất sống là đây!

Hùng lực của *duyên dạng* tác động thật rộng lên câu chuyện của chữ *duyên* là câu chuyện của kiếp người, tại đây các chuyên ngành của khoa học xã hội và nhân văn phải nhận ra là trong lần gặp gỡ nếu đúng là *duyên* thì có nhiều sự cố sẽ xảy ra.

Sự cố thứ nhất là sự ngạc nhiên khi khám phá ra một *duyên dạng* mà ta sẽ quý, sẽ yêu, sẽ thương, sẽ trân trọng



để gìn giữ với thời gian.

Sự cố thứ nhì là cõi lòng đang *«đơn phương độc mã»*, bỗng nhiên bị mở tung, bao nhiêu rào cản, bao tường vách tự nhiên tan sụp chớp nhoáng, đẩy ta lại gần hơn với dáng duyên, cận kề hơn với duyên dạng.

Sự cố thứ ba là mọi sự cấm kỵ của hủ tục, mọi sự kiểm tra của định kiến, sự kiểm đoán của thành kiến phải tan theo mây khói. *Duyên dạng* đã phá tan chuyện *kín cổng cao tường* ngay trong nhân sinh quan của cá nhân.

Dạng duyên mở ra cõi *duyên định* nơi mà không ai còn có thể trù hãm cá nhân kiểu *ngăn sông cấm chợ*. *Duyên dạng* vừa trong sáng, lại vừa thanh cao làm tăng, làm rộng *duyên số* của kẻ hiểu duyên để yêu dạng; Không còn ai có thể giam tù ta kiểu *bế môn tỏa cảng* khi ta đã gặp dạng duyên, đã làm tăng cao *nhân duyên* của ta.

Trong khu vực được mệnh danh là Tam giáo đồng nguyên, mà Việt Nam có ba láng giềng: Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc nơi mà ba hệ thống tư tưởng cận kề nhau, sống chung với nhau qua bao thế kỷ.

Các quốc gia láng giềng này có những quốc phục rất chỉnh tề giành cho phụ nữ của họ, nhưng áo dài của phụ nữ Việt vừa chỉnh tề lại vừa thư thả.

Các quốc gia láng giềng này có những quốc phục rất chu đáo giành cho phụ nữ của họ, nhưng áo dài của phụ nữ Việt vừa chu đáo lại vừa thong dong.



Các quốc gia láng giềng này có những quốc phục rất trang nghiêm giành cho phụ nữ của họ, nhưng áo dài của phụ nữ Việt vừa trang nghiêm lại vừa ung dung.

Đây cũng là câu chuyên của nhân học văn hóa làm nên nhân học văn hiến, mà cũng là câu chuyện của nhân học duyên dạng làm nên nhân học mỹ quan.

Hãy ở lại thêm chốc lát nữa để thấy cho thấu là Khổng học và Lão học tới từ Trung Quốc lại không đầu tư trí tuệ vào chữ *duyên* nhiều như Phật học tới từ khu vực có văn hóa ảnh hưởng Ấn Độ.

Trong kinh Phật xuất hiện phạm trù xuất sắc về lý luận của chữ *duyên*: *trùng trùng duyên khởi* đã mài dũa trí tuệ của *duyê*n thành một tuệ giác, làm nên gốc, rễ, cội, nguồn, của lập luận về giác ngộ.

Nếu *trùng trùng duyên khởi* là sự hạnh ngộ của tất cả các điều kiện thuận lợi để làm nên *duyên*, thì tại đây duyên dạng sẽ là chỉ báo, duyên dạng sẽ là tín hiệu để báo hiệu là nhân duyên đã có mặt trong trần duyên.

Duyên khởi rồi thì nhân diện đẹp hơn, nhân dạng thanh cao hơn, nhân cách quý phái hơn, nên câu chuyện *duyên* là câu chuyện *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân phẩm được rõ ra *dạng duyên*, sáng ra nhờ *duyên dạng*.

Mà có *duyên dạng* là sẽ có sinh hoạt, có *dạng duyên* là sẽ có quan hệ, và *duyên dạng* hòa nhập trong chan hòa với *dạng duyên* còn biết làm đẹp đời sống từ xã hội tới văn hóa, từ giáo dục tới văn minh. Nơi mà định nghĩa về văn



hiến không chỉ là độ dày lịch sử của một văn hóa mà còn sự sinh động được kích hoạt bằng cái đẹp có trong cái duyên.

Duyên dạng song cặp với *dạng duyên* trong *tháng rộng năm dài*, chữ *duyên* giúp ta nhận ra là trong nhân sinh, luôn có *duyên hành* mà dạng của người làm nên duyên của áo (dài) đã *hành duyên* ngay trong nhân thế.

Kẻ tinh tế, người thông thái phải thấy chuyện hành duyên của người đẹp mặc áo duyên, để thấu chuyện duyên hành của người duyên mặc áo đẹp. Nên chữ *duyên* rộng hơn chuyện trai gái gặp nhau rồi thành vợ chồng, xa hơn chuyện yêu đương của lứa đôi, cao hơn chuyện tình yêu của đôi lứa đóng cửa để xây tháp ngà mà xa lánh hẳn cõi đời.

Duyên dạng khi xuất hiện giữa đời, thì nó biết *đường đi nẻo về* giữa người và đời, và nó hành tác ung dung giữa cõi người và cõi đời. Khi chúng ta nhận thức được là *dạng duyên* làm đẹp nhân diện, làm sáng nhân dạng, làm cao nhân cách, thì chính nhân vị của chúng ta sẽ vững hơn, nhân bản của chúng ta sẽ bền hơn, nhất là nhân văn của chúng ta sẽ thông minh hơn.

Câu chuyện dạng duyên của người, duyên dạng của áo dài, không hề là câu chuyện viễn vông trong trừu tượng. Mà cả hai làm *đậm duyên* cho phong tục, *thắm duyên* vì truyền thống, *sâu duyên* với giống nòi.

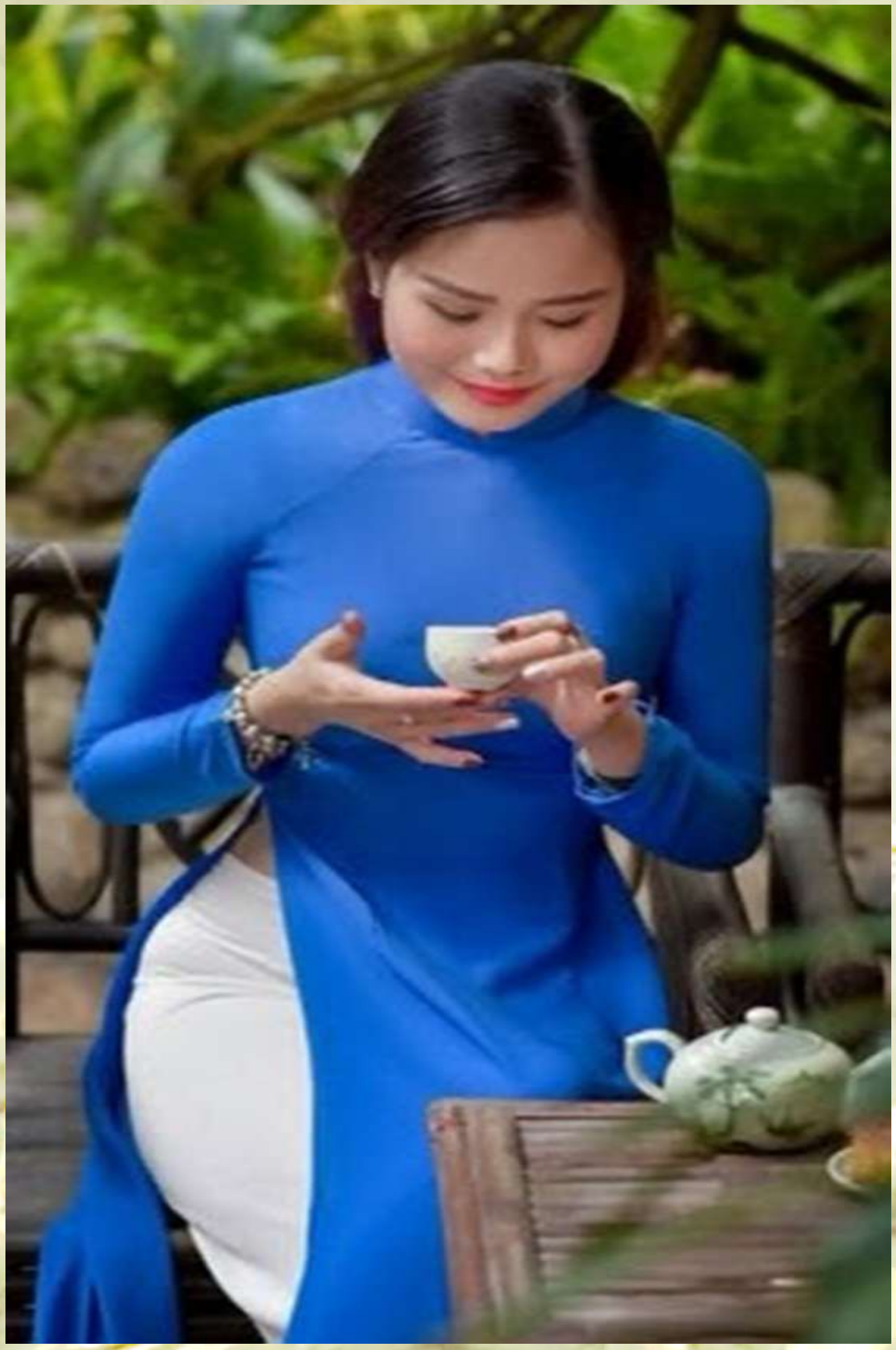

Nếu cuộc đời của mỗi người trong chúng ta là một chuỗi dài của những gặp gỡ, hết gặp gỡ này đến gặp gỡ khác, tại sao khi ta được đi học từ nhỏ cho tới tuổi trưởng thành, thì ta chỉ được học phải có kiến thức để hành động, và phải hành động bằng kiến thức, để là những công dân có ý thức như những chủ thể hành động với đầy đủ tri thức.

Tại sao ta không được học là giữa kiến thức và hành động là một không gian nhân sinh vô cùng sinh động của các cuộc gặp gỡ tới từ *duyên dạng*, làm nên tự *dạng duyên*? Tại nơi đây thì mỗi cuộc gặp gỡ đều *thay tri đổi trí* của ta, làm ta khôn ra, giúp ta trưởng thành hơn.

Tại sao cho tới bây giờ các ngành khoa học xã hội và nhân văn vẫn vắng mặt chung quanh các cuộc gặp gỡ qua dạng duyên, bằng duyên dạng của người và của áo, đã tác động thẳng lên cá nhân, làm các cá nhân này phải thay đổi liên tục mà thăng hoa nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của các cá nhân.

Mà đây cũng là câu chuyện về các khám phá của khoa học thần kinh, đã tạo nên mãnh lực của tri thức học hiện nay. Khoa học này đã kết luận đầy đủ bằng thực chứng khách quan là cái đẹp cùng cái duyên đủ hùng lực thay đổi từ mỹ quan tới mỹ cảm, cụ thể là đã đổi thay từ não trạng tới não bộ của chúng ta.

Nhân học duyên dạng này là sự khai phá về một *nhân học gặp gỡ* với cái đẹp, cái duyên làm nên một *nhân học dạng duyên*, nơi mà *nhân duyên* muốn làm cầu nối giữa kiến thức về nhân dạng và tri thức về nhân cách.



Phạm trù *duyên dạng* không có mặt trong nhiều văn hóa, *dạng duyên* cũng vắng mặt luôn trong nhiều văn minh của nhân loại, *đẹp duyên* đã biệt tăm luôn trong văn hiến của Âu châu. Lạ nhất là *duyên dạng* còn biệt tích cả trong học thuật của cổ văn, cổ triết, cổ sử của châu lục này, cho
tới giờ *dạng duyên* vẫn không hề xuất đầu lộ diện trong khoa học xã hội nhân văn hiện đại.

Nhưng văn hóa Việt đã thấy *nhân duyên* để làm nên giáo dục Việt thấy *duyên dạng*, đây đúng là *dạng duyên* của văn hiến Việt. Nếu *nhân trí* là không gian kiến thức của ta, thì *nhân tri* là không gian của sự hiểu biết khi ta vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Câu chuyện *dạng duyên* không ngừng ở các cuộc gặp gỡ để người được gặp tình yêu, để tình yêu được nên tình nghĩa, theo nghĩa *«bạn đời»* của nhau. Mà *«vũ lực»* của *duyên dạng* làm sáng lên *nhân trí* lẫn *nhân tri* để giúp ta vận dụng *dạng duyên* để tư duy về *nhân phẩm*.



LÊ HỮU KHÓA

TRI LUẬN

Tuổi trẻ soi, tuổi trẻ sáng

Anthropol-Asie



Thư mục về *Luận* của *Lê Hữu Khóa* do *Anthropol-Asie* giới thiệu

***Nhân luận**, nhân Việt, nhân cách giáo lý việt tộc*
***Tri luận**, tuổi trẻ soi, tuổi trẻ sáng*
***Duyên luận**, vài khuôn mặt văn nghệ Việt*
***Kiếp luận**, làm người trọn kiếp*
***Nghệ luận,** ca sĩ Thái Hiền (nghề, nghệ, nghiệp)*
***Thi luận,** các tập thi luận Vai, Vựa, Vách, Vực, Vó, Vong.*
***Tình luận**, thương yêu ơi*

Các bài giảng về *Luận* của *Lê Hữu Khóa* *trong các đại học Âu châu và Á châu*

***Văn luận,** văn học, văn hóa, văn minh, văn hiến*
***Khoa học luận**, các lý luận, diễn luận khoa học xã hội và nhân văn*
***Lý thuyết luận**, các chủ thuyết khoa học xã hội và nhân văn*
***Phương pháp luận**,nghiên cứu điều tra, điền dả của khoa học xã hội và nhân văn.*

Thư mục các tác phẩm có thể tham khảo và tiếp nhận trên internet qua blogg

Vùng khả luận (trang thầy Khóa).

Tặng tuổi trẻ của Việt tộc, biết
nương, xuôi, trôi, chảy cùng một dòng sinh mệnh với Việt tộc.

Tặng tất cả những buồn lo của mọi tuổi trẻ
trước ngưỡng cửa cuộc đời *mới, lạ, bất, chợt*.

Tặng hai con: Khả An, Khả Anh, đang bước vào tuổi thanh niên,
khoảng thanh xuân thật *chớm, nở, vụt, thoáng* trong kiếp người.

Mục

Tuổi... thực

Tuổi… yêu

Tuổi… vô

Tuổi… giữa

Tuổi… công

Tuổi… tròng

Tuổi… dấn

Tuổi… chống

(Các ảnh trong bản thảo này được thực hiện tại các bảo tàng cổ của phía Bắc nước Pháp, giữa đông khắc nghiệt 2017-2018, khi tôi đang sống với bản thảo này).

Ngỏ

Tri luận xin được hiểu là *luận* trên *tri*; lý luận trên tri thức để *tri thức* -sự hiểu biết- trở thành *kiến thức*, được mô hình hóa, được công thức hóa qua *lập luận, diễn luận* và *giãi luận* để trở thành *lý thuyết luận*, từ đó ta có thể dùng *lý thuyết* như kỹ thuật, như công cụ của trí thức để *nhận diện, phân tích, giải thích, phê bình* các hiện tượng của *nhân sinh, nhân tình*, để hiểu rõ về *nhân tính*, để nhận rõ nhân *phẩm*, để thấu rõ *nhân tri* trong *nhân thế*.

Tựa

Tuổi trẻ soi để có *tuổi trẻ sáng*, nếu biết *soi để sáng*, thì phải biết *tự soi sáng* để trưởng thành, *soi sáng* để có *sáng suốt*, có *sáng suốt* thì sẽ có *tỉnh táo*, sáng suốt và tỉnh táo luôn là bạn đồng hành với trí khôn, lực của sự thông minh. *Tuổi trẻ* trước hết là một thế hệ vào tuổi trưởng thành cùng lúc phải xây dựng tương lai bằng *nghề* và *nghệ* để làm nên *nghiệp* của kiếp người. *Tuổi trẻ* là một thành phần của xã hội, nếu may mắn, sẽ được được hệ thống giáo dục gầy dựng qua *học lực* để nhận *học hàm* để có *học vị* trong xã hội; qua *chuyên ngành* để có *chuyên môn*, để được công nhận là *chuyên gia*. *Tuổi trẻ* còn là một nhân tố sinh động của xã hội có *hoài bão*, nên có *lý tưởng* vì biết nhận ra các *giá trị* của *nhân tính, nhân phẩm, nhân đạo*. *Tuổi trẻ* chắc chắn là một sinh lực sống động của dân tộc, của đất nước, tiếp nhận những giá trị *hay, đẹp, tốt, lành*, của tổ tiên, trước là để bảo vệ các giá trị tâm linh của tiền nhân, sau là tìm cách làm *hay hơn, đẹp hơn, tốt hơn, lành hơn* những gì mà ông bà, cha mẹ đã làm được trong quá khứ, trong lịch sử,

Nhập

Cuộc đời của mỗi các nhân trước hết là *thân thể* của cá nhân đó, trong *thân thể* không chỉ có *thể lực* (nội lực của thể chất), mà còn có *tâm lực* (nội công của tâm hồn) có *cảm xúc*, biết *cảm động*, để được *đồng cảm* với *đồng loại*; trong đó *trí lực* (nội chất của tri thức) biết lý luận để phân tích, biết lập luận để giải thích, biết diễn luận để phê bình, biết giãi luận để nhận diện các giá trị của *nhân sinh, nhân tình, nhân thế*. *Thể lực* có thể già theo tuổi tác, nhưng *tâm lực* không để các chuyện *xấu, tồi, tục, dở* tác động vào *nhân tính, nhân nghĩa, nhân từ*, vì nó luôn được *trí lực* bảo vệ bằng *nhân tri, nhân trí, nhân phẩm. Thể lực* có thể bị già, nhưng *tâm lực* không để bị xói mòn, nhờ *trí lực* soi-để-sáng cả kiếp làm người, để *sống sao cho đúng*, tức là *sống sao cho đáng sống*!

Ý

Ý niệm khi rời *định nghĩa* để trở thành *khái niệm*, sẽ là *gốc, rễ, cội, nguồn* cho *lý thuyết* (mô hình tổng hợp của kiến thức tổng kết), từ đó *ý niệm* chuyển dần thành *ý lực*, đủ sức *cõng, bồng, đội, gánh* các hệ thống tri thức để đưa vào *ý muốn*, rồi tạo tiền đề cho *ý định*, lấy các *lý* hoàn chỉnh, bày các *luận* chỉnh chu để tạo ra *ý nguyện* vì biết *nghĩ trúng để sống đúng*, để kiếp người là cơ may, mà không là nghiệp chướng.

Nguyện

Ý nguyện đủ bản lĩnh để tạo ra *tâm nguyện* làm *nền, gốc, cột, trụ* cho *nhân sinh quan* của chúng ta để ta được sống *cao, sâu, xa, rộng* trong kiếp người. *Ý nguyện* đủ tầm cỡ để tạo ra *thiện nguyện* làm nên *chất, thể, vai, vóc* cho *thế giới quan* của chúng ta để ta sống với *tha nhân* bằng *từ tâm, vị tha, bác ái*. *Ý nguyện* đủ gân cốt để tạo ra *trí nguyện* dùng *tri* để tạo *trí*, dùng *lý* để tạo *luận* cho *vũ quan* của chúng ta, biết lấy tôn trọng chúng sinh để quý yêu muôn loài.



Tuổi... thực

Chao ôi ghê quá trong tư tưởng
Một vũng cô liêu cũ vạn đời.
Hàn Mạc Tử



Tuổi trẻ của… tự do

Xa tuổi thơ, rời ngây thơ, để tránh ngây ngô, lìa ngây dại, nhưng không vào tuổi cao, trẻ để vạch lý lẻ, chọn lý trí để mời đồng hành là lý tưởng đi về hướng nhân lý.

Tuổi trẻ không được định vị qua tuổi tác, có người rời tuổi thiếu niên đã chuyển ngay qua tuổi già, cũng có kẻ không sao rời được tuổi thiếu nhi, thiếu niên, sống mà không sao có được tuổi trẻ, lại có người sống đã cạn tuổi, cạn đời, vậy mà luôn thấy mình trẻ, trẻ trong tư duy, trẻ trong sáng tạo, trẻ trong lý luận, trẻ trong hào khí.

Tuổi trẻ lẳng lặng mang ba *ẩn số*, mà cũng là *hằng số* để *định chất*, không cần định lượng: dự phóng, biểu tượng và thực tế, cả ba có lúc sống chung, có lúc kình chống nhau, đôi khi nuôi dưỡng nhau, đôi khi truy diệt nhau, nếu biết nuôi cả ba thì kiếp người thật đáng sống!

Dự phóng, nhìn về phía chân trời để xây dựng tương lai, nhận ngày mai vừa như hứa hẹn, vừa như thử thách để được làm người, theo nghĩa chân, thiện, mỹ. Nhưng phải nhìn về phía chân trời với chính tự do của mình mà đừng để ai dắt tay, kéo tay, sau đó lại bị họ nắm tóc, xỏ mũi để phục vụ mục đích của họ chớ không phải của mình.

Biểu tượng, phải mang tầm vóc của tri thức, nội công của kiến thức, bản lĩnh của đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành*, chọn công bằng để chống bất công, chọn nhân tính để bảo vệ nhân quyền, chọn tự do để duy trì dân chủ, lấy giá trị làm hải đăng cho tương lai.

Thực tế, của *chén cơm manh áo*, thu con người thành loại người nộm trong chuyện *giá áo, túi cơm*, mà Nguyễn Du đã mượn lời của Từ Hải để xác thực thự tế của mình: *«những phường giáo áo túi cơm sá gì!»*. Chọn tự do dù trong nổi loạn của Từ Hải còn hơn chọn kiếp mọn của Kim Trọng, Thúc Sinh, kiếp tà của Mã Giám Sinh, kiếp tồi của Sở Khanh, kiếp độc của Hồ Tôn Hiến. Chính *Thực tế* của tự do sẽ quyết định số kiếp của mỗi người, kiếp khôn là kiếp mở, kiếp dại là kiếp hẹp, kiếp khờ là kiếp đóng.

Tuổi trẻ của… nhận thức

Tuổi (không) trẻ, có thể là *tuổi thơ dại*, cũng có thể là *tuổi già úa*, đó là các tuổi không biết *chia sẻ*, vì không có ý niệm gì về việc *hy sinh*, không biết quyền lợi của nhân quyền, chỉ thấy tư lợi của ích kỷ cá nhân.

Tuổi (không) trẻ, vì không nhận ra được *nhân tính* vì *nhân nghĩa* để *nhân sinh* có đất sống, để *nhân tình* có lối ra. Tuổi (không) trẻ làm người mà chưa có chất người, sống chung với người mà không thấy tình người.

«Sống lâu mới biết lòng người có nhân», làm người cả đời mà chưa chắc thành nhân, muốn thành nhân phải có *tri thức*, tới từ *kiến thức* người xưa, kẻ nay, để nhận được *ý thức* nơi mà *kinh nghiệm* khi được *trải nghiệm* sàng lọc thành *thực nghiệm* làm nên cho trí tri, thì lúc đó đạo lý và luân lý sẽ dìu dắt tuổi trẻ về phía hướng thiện để thăng hoa.

Dụng *kiến thức* để dựng *tri thức*. Dựng *tri thức* để xây *ý thức*. Nâng *ý thức* để vực dậy *nhận thức*, để sống thật trẻ trong *«tỉnh thức»*, vì luôn được *«đánh thức»* bởi cái *hay, đẹp, tốt, lành*, để biết gạt ra cái *xấu, tồi, tục, dở*, để loại luôn cái *thâm, độc, ác, hiểm* đang lan tràn, đang đầy rẫy trong xã hội ngày nay.

Tuổi trẻ là tuổi *can* của *can đảm*, can đảm nhận lý tưởng vì biết giá trị của nhân quyền, can đảm dấn thân để bảo vệ *tự do*, can đảm đón *hy sinh* để bảo vệ công bằng, can đảm nhận tiếp thử thách để duy trì *nhân cách*.

Tuổi trẻ là tuổi *kham*, để gánh trách nhiệm với cộng đồng, với tập thể, với dân tộc, với quê hương, với nhân loại, với muôn loài, để cõng những trách nhiệm của *nhân thế* vì *nhân đạo*, của *nhân tình* vì *nhân nghĩa*.

Tuổi trẻ là tuổi *khả*, thấy được *khả thi* qua *khả luận*, chuyện có thể làm thì làm, chuyện biết là *tốt* thì cứ làm, chuyện biết là *hay* thì cứ dấn thân, chuyện biết là *lành* thì cứ thực thi, chuyện biết là *đẹp* thì cứ sáng tạo!

Tuổi trẻ là tuổi *thấu*, tức là hiểu được cái *khổ* của *nhân sinh*, cái *đau* của *nhân thế*, trước bạo quyền đe dọa *nhân từ*, bạo động nạo hủy *nhân tính*, bạo hành truy diệt *nhân đạo*, hiểu «nỗi khổ niềm đau» của tha nhân, để khai thị, mở mắt để soi, để lòng được sáng, để chuẩn bị làm người tốt, sống một cuộc sống đáng sống.

Tuổi trẻ của… hội

Tuổi thanh niên mang theo sự mạnh dạn trong các thái độ, hành vi *xã hội* hóa, như sức hút của một quá trình *hội nhập* -mà cũng là *nhập hội*- vào các sinh hoạt xã hội, vào thẳng đời sống xã hội, trực diện với các cơ chế của xã hội, từ nghiệp vụ tới thu nhận kiến thức... Nhưng khi thanh niên được xem là trưởng thành qua tuổi tác, thì chưa chắc được xem trưởng thành qua tri thức; phản xạ chung quanh khuyên ta phải *trải nghiệm*, để có *kinh nghiệm*, qua *thực nghiệm*, mà ta thấy như đang bị *thí nghiệm* ngay trong cuộc đời mình, với thử thách, với thất bại, với đau đớn khi thảm bại, đang rình chờ mỗi thanh niên.

Từ *trải nghiệm* như loại dao *nhiều lưỡi*, mà ta lại không được *«cầm dao bằng chuôi»*, thuật ngữ *trải nghiệm* làm ta vừa sợ, vừa lo; làm ta lúng túng, phân vân, đắn đo, ngần ngại trước ngưỡng cửa các chân trời. Vậy muốn tới các chân trời của hoài bão, của hoài vọng của ta, thì phải cần chuẩn bị những gì? Chuẩn bị ngay trên *thượng nguồn của tri thức* để hội nhập vững vào *hạ nguồn trong các phân định xã hội*, giúp ta có đủ tỉnh táo để sáng suốt, có đủ lý luận để lập luận, đủ sức *soi* các *ẩn số*, để làm *sáng* các *biến số* trong chính xã hội mà ta đang hội nhập.

Trong xã hội luôn có hai phận định ngầm: *mạng lưới xã hội và phân tầng xã hội*.

M*ạng lưới xã hội* tổ chức các sinh hoạt xã hội theo tính tạo quan hệ xã hội qua học đường, huấn nghiệp, dịch vụ, trao đổi… trong đó quan hệ nghề nghiệp tào ra quan hệ xã hội giữa các đồng nghiệp; nên phân biệt quan hệ công đoàn, đảng phái tạo ra những quan hệ mang nội dung sách lược và chương trình qua đấu tranh, rất khác các sinh hoạt tôn giáo, từ thiện, nhân đạo, tạo ra các quan hệ xã hội khác, khác từ nội dung mong cầu tới hình thức tổ chức.

Phân tầng xã hội mang tổ chức của xã hội theo lực, theo *vốn đầu tư* của gia đình, cha mẹ, thống tộc, chính quyền vào cá nhân từ huấn nghiệp tới huấn luyện, trong đó đào tạo có giáo khoa, giáo trình, giáo án qua trường lớp, có bằng cấp, có thể làm thay đổi vị trí, vai trò, chức năng của một cá nhân ngay trong xã hội mà cá nhân đang sống và đang tiến thân.

Như vậy đầu tư để có *chỗ làm* rồi *chỗ đứng* vững và cao trong bậc thang *phân tầng xã hội* luôn mang tính *«thay đời đổi kiếp»* theo hướng thăng hoa hơn là đầu tư vào *mạng lưới xã hội* chỉ dựa vào *«quan hệ quen biết»*.

Tuổi trẻ của… nhập

Những xã hội rơi vào để rồi sa lầy vào *mạng lưới xã hội* qua *«quan hệ quen biết»*, không tôn trọng *huấn nghiệp, huấn luyện*, qua trường lớp có *giáo khoa, giáo trình, giáo án*, có bằng cấp trong đó *học vị* bảo đảm *học hàm* vì được bảo chứng bằng *học lực*, thì chính xã hội đó đang bị ung thư cơ chế, đưa thanh niên vào kiếp nô lệ, mà trong toàn cầu hóa hiện nay, chúng ta biết số kiếp của các thanh niên trong các chương trình xuất khẩu lao động, với điều kiện lao động mà mọi người gọi là: *lao nô!*

Bi đát hơn là một chế độ tồi sẽ đưa thanh niên, sinh viên đến *vị nhục-chức hèn* qua chuyện biến lận giáo dục: *học giả-thi giả-bằng giả*, để tràn lan chuyện *«mua bằng, bán chức»*, sau đó là tiếp tục qua chuyện *«mua chức, bán quyền»* rồi cũng có ngày rơi vào vòng: *lao lý!*

Xây dựng chỗ đứng cho chính mình, qua tuổi thanh niên để gầy dựng **3T**: *thành công* trong nghề nghiệp, *thành tựu* trong kinh tế, *thành đạt* trong xã hội; ở đây không chỉ đòi hỏi bằng cấp! Mà còn là quá trình thấu đáo phương trình **3C** *(bối cảnh + hoàn cảnh + tâm cảnh)* của mỗi cá nhân, từ đó khai mở **3K**: *khai thác vốn, khai phá lực, khai sáng trí*. Trong đó *bối cảnh* của một xã hội không hề tách biệt với *hoàn cảnh* của một gia đình, tạo ra *tâm cảnh* của một cá nhân, một thanh niên, trong đó *tâm lý* được gầy dựng phần nhiều bởi môi trường giáo dục, *tâm trạng* được thử thách phần lớn qua sinh hoạt xã hội.

Như vậy, cá nhân là sự đúc kết của gia đình, cùng cố gắng của mỗi cá nhân qua giáo dục, có kinh tế tham dự, trong đó vai trò môi trường xã hội sẽ tiếp nhận hoặc từ chối **3C**, sẽ hỗ trợ hoặc thiêu hủy **3K**, để thăng hoa hoặc vùi dập **3T.**

Trong *sinh hoạt xã hội* luôn có chuyện *ý thức xã hội* là *«dàn binh, bố trận»*, để hiện tại phải phục vụ tích cực cho tương lai, nên thanh niên phải chuẩn bị chu đáo, phải tổ chức kỹ lưỡng, phải vận dụng linh hoạt phương trình **3C**+ **3K**= **3T**.

Phương trình **3C**+ **3K**= **3T** này linh động hơn số học, linh hoạt hơn toán học, nó đòi hỏi mỗi thanh niên phải có thông minh để nắm giữ: *đạo lý nhẫn* (đá mòn nhưng dạ chẳng mòn), *luân lý lao* (thức khuya, dậy sớm), *đạo đức công* (một nắng, hai sương) để hiểu ra *nhân lý sống* (sóng to không ngả tay chèo) để rồi một ngày kia được nhận đáp số *vững, bền, chắc, dài* trong kiếp người là: *thành người!*

Tuổi nhìn *diện* thấy *tà*

Thử thách lớn của tuổi trẻ Việt hiện nay vẫn là *bản lĩnh trẻ* tạo ra *nghị lực trẻ* để nhìn thẳng vào *thể diện chế độ* để thấy *bản chất tà quyền*, đang ẩn nấp qua cơ chế đảng *độc quyền*, qua lãnh đạo của đảng đang *tham quyền*, sẵn sàng dùng *tà quyền* để tạo ra *tà lực*. Thấy *tà cách* để nhận ra *tà chất*; thấy hành vi, thấy động thái của lãnh đạo hiện nay để lột trần được bản chất *tham quyền*, sẵn sàng dùng *tà quyền* để diệt *nhân quyền*.

Quyền lợi khi nhập vào *quyền lực*, sẽ sinh ra *tham quyền*, mang phản xạ *lạm quyền*, phương trình *quyền lợi-quyền lực-tham quyền-lạm quyền* mang bốn quy trình như bốn chỉ báo để nhận định, để định nghĩa *tà quyền*.

Tham quyền cố vị thì dễ *đổi trắng thay đen*, bằng cách *đánh lận con đen* qua hành vi *ném đá dấu tay*, sẵn sàng hành động kiểu *ngậm máu phun người*. Chính các kho tàng ngạn ngữ, châm ngôn, ca dao là những *chỉ báo xã hội* để *quần chúng* nhận diện được *tà quyền*, để *công chúng* đánh giá đúng *tà lực*, luôn ẩn náu sau quyền lực: *cướp ngày là quan!*

Là cán bộ với lương tháng ít ỏi làm sao có *biệt thự* mà ở; làm tướng tá công an hay quân đội tiền ở đâu ra để xây *dinh thự*; với lương của ủy viên trung ương đảng làm sao có tài lực để xây *biệt phủ*; từ lương bổng trong chính phủ, trong bộ chính trị thì lấy tiền đâu ra để xây *thủ phủ*. Chính những hiện tượng *biệt thự-dinh thự-biệt phủ-thủ phủ* của cán bộ, của lãnh đạo nói lên rõ nét bản chất của *tà quyền*: *biến công thành tư*, biến *công sản* thành *tư sản*, còn lại dùng *tà ngữ* là *cộng sản*. Lấy đất của dân bằng cách đổi luật đất là của chính phủ, khi cướp đất xong rồi thì mua bán lại với *tà nhóm, tà phái, tà đảng* của mình, mặc cho dân chúng giờ thành *dân đen*, dân tộc giờ thành *dân oan*.

Tuổi trẻ hãy nhận trách nhiệm nhận diện ra *tà quyền* để sẵn sàng nhận bổn phận đấu tránh chống *tà lực*. Hãy nắm chắc đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* trong giá trị của *nhân phẩm* để chống lại *độc quyền* sinh sôi nảy nở trong xấu, tồi, tục, dở do *tà quyền* tạo nên từ *thâm, độc, ác, hiểm* đang thiêu hủy *nhân cách* của Việt tộc, đang truy diệt *nhân quyền* của bao thế hệ trẻ!

Đứng thẳng để thẳng lưng! Thẳng lưng để nhìn thẳng! Nhìn thẳng để phân tích thẳng! Phân tích thẳng để giải thích thẳng! Giải thích thẳng để hành động thẳng, để *gạt, trừ, loại, bỏ* tà quyền!

Thẳng ngược lại với *tà*! *Tà* ẩn nấp trong bóng tối, *thẳng* đứng giữa ánh sáng!

Tuổi nhìn *nổi* thấy *chìm*

Nhìn *nổi* thấy *chìm,* trước hết là nhìn *hình thức* mà thấy được *nội dung,* nhìn chủ trương để thấy các con tính ngầm, nhìn *hành động* mà thấy được *tư lợi* kẻ hành động, hiểu *ý định* để thấu *ý đồ* của kẻ này, hiểu *ý muốn* để nắm *thâm ý* của nó. Đây là *phương pháp luận trưởng thành của tuổi trẻ*, đã rời *ngây thơ* để tránh rơi vào *ngây ngô*, đã *xa khờ dại* để *tách khờ khạo* trước các biến cuộc của thời thế, ngày ngày đang tác động xấu vào vận mệnh của đất nước, vào số phận lầm than của Việt tộc.

Muốn nhìn *nổi* thấy *chìm,* thì phải vận dụng từ dữ kiện tới chứng từ, từ lý luận tới giải luận, mà không quên đặt các giả thuyết mà điều tra và nghiên cứu sẽ sát minh, sát thực để sự thật chính xác trở thành chân lý, chuyển *giả thuyết* sang *thực thuyết.* Thí dụ cụ thể là diễn biến (hình thức) *«chính sách»* chống tham nhũng hiện nay chỉ là (nội dung) một cuộc *«sách động»* là thanh trừng nội bộ, trong đó nội dung chính và sâu là lãnh đạo chóp bu thanh toán lẫn nhau để giành *quyền lực*, phục dịch cho *quyền lợi* của lợi ích nhóm, mà từ chính xác là các mafia đỏ, trong đó tư lợi của mỗi cá nhân, luôn ở trên số phận của tập thể.

Nhìn *nổi* thấy *chìm*, cũng là chuyện *mức độ* của các thâm ý, đòi hỏi *trình độ* của nhận thức, *mức độ* và *trình độ* lại là chuyện *phân tầng* các *quyền lực-quyền lợi*, quyết định *tầng số* trong xung đột, trong đấu đá, trong thanh trừng giữa các lực lượng có *tư quyền- tư lợi* khác nhau, mâu thuẫn nhau. Trong liên minh (tạm thời) của tổng bí thư Nguyễn Phú

Trọng với thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc để diệt chủ tịch nước Trần Đại Quang, và sẽ lần mò tới cựu thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, sau khi đã thanh trừng được bè nhóm của Đinh La Thăng, ta phải thấy để nhận ra mặt chìm thứ ba (sau hai mặt chìm đầu tiên là thanh trừng nội bộ, thanh toán lẫn nhau giữa các lãnh đạo) là thực tế chết giết lẫn nhau giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Trong lịch sử cận đại và hiện đại sau 1975 thì Bộ Công an là kẻ giành của cải của dân tộc; và Bộ Quốc phòng là kẻ chiếm đất đai của đất nước, từ đây phải thấy để nhận ra *luồng nước chìm (luồng nước độc ngầm)* thứ tư là vai trò và quá trình tha hóa của Tổng cục 5 của Bộ Công an, cũng như của Tổng cục 2 của Bộ Quốc phòng. Tại đây, các đầu sỏ lãnh đạo của hai Tổng cục này đã *tha hóa bản chất* bảo vệ trật tự của công an và bảo vệ an ninh của quốc phòng để *biến chất* như hiện nay là *tham quyền-tham ô-tham nhũng*, lũng đoạn đất nước bằng *quyền lực ngầm-quyền lợi chìm*. Không những qua hối lộ bằng cách bòn rút sinh lực của dân chúng, tài nguyên của đất nước, mà còn lũng đoạn kinh tế, tài chính, ngân hàng, ngân sách quốc gia trên mọi sinh hoạt xã hội, đối với chúng quyền lợi dân tộc, tương lai đất nước không hề là ưu tiên một của chúng.

Tuổi nhìn *chìm* thấy *gian*

Đầy dẫy những trường hợp như Vũ «nhôm» mà dân tình không phân biệt được là đại tá tình báo của Bộ Công an hay đại gia trục lợi qua *buôn đất, bán nhà*. Bọn *buôn đất, bán nhà* này, trước đó chúng đã *buôn quyền, bán chức*, và vì không có đạo lý, không biết các giá trị tâm linh, nên chúng đã *buôn thần, bán thánh* từ thưở còn là thành niên. Chúng ôm của cải bỏ chạy ra nước ngoài với quốc tịch phương Tây trong túi đã có từ lâu, thì ta đừng mong chờ chúng *yêu nước, thương dân*!

Nếu quyền lợi dân tộc, tương lai đất nước không hề là ưu tiên một của đám lãnh đạo hiện nay, thì khi hận thù thanh toán nhau đã cao lên ngất trời, thì không ai tự kiềm chế được, đó là quy trình của *bạo (bạo động, bạo lực, bạo hành...)* chỉ biết leo thang chém giết mà không ai *«nắm dao được đằng chuôi»*, nơi mà khoa học chính trị đã biết thành luận thuyết: *«bất phương trình của bạo ác chính trị»*, tức là không lùi khi chưa tiêu diệt đối phương, không thoái trào khi chưa hủy diệt được đối thủ.

Như vậy chuyện gì sẻ xẩy ra? Như vậy còn *mặt chìm* nào nữa không? Như vậy còn *luồng nước độc ngầm* nào nữa không? Xin rất buồn-và-lo để trả lời là: còn! Và lần này số phận Việt tộc sẽ như *«chỉ mành treo chuông»*, vì nhân sử *«được làm vua, thua làm giặc»* đã có tiền lệ trong Việt sử qua Trần Ích Tắc, Kiều Công Tiễn, Lê Chiêu Thống, vì khi thua mà muốn thắng thì sẵn sàng bán nước cho giặc để

trở lại chính trường. Mà hậu nạn là *mang voi (tầu tặc) vào dày mồ tổ (Việt tộc)*! Chúng có thể biến *Việt tộc* thành *Việt nô*!

Giả thuyết mất nước là có vì *khả năng bán nước* của một số lãnh đạo sẽ thua cuộc là có; vì chúng chỉ thấy *tư lợi* đi kèm với *hận thù* tiêu diệt cho bằng được đối phương, vì họ chỉ thấy chuyện bị *truất quyền* luôn song hành với *khuất lợi*, được nuôi dưỡng bằng tâm lý thù địch *«không đội trời chung»* với đối thủ.

Nhìn *nổi* thấy *chìm* để có *kiến thức* về phạm trù *quyền lực-quyền lợi* hiện nay trong ĐCSVN, mà chung quy chỉ là hệ lụy của *tư quyền-tư lợi*; từ đó có *ý thức* về số phận của Việt tộc sẽ không sáng sủa! Vì vận mệnh đó không *sáng sủa* đó nên tất cả chúng ta phải *sáng suốt* trong *nhận thức*, càng tỉnh táo trong *tri thức*, càng bình tĩnh (và can đảm) trong *nhân thức*.

Tuổi *thật* giữa đời *thật*

Tuổi thật giữa đời thật để được sống thật là một ý tưởng thật bình thường và có thể có thật nếu tuổi trẻ muốn, nó không dựa vào hoài tưởng viển vông, nó không tựa vào lý tưởng trừu tượng, *có (sự) thực tuổi trẻ sẽ vực được đạo (đạo làm người thật).*

Đời thật để được sống thật trong cuộc sống không phải lấn áp nhau, chà đạp nhau để sống; không phải tranh giành, chụp giật để tồn tại, không phải bè đảng, vây cánh để tiến thân, không cần độc quyền, độc tôn, độc trị, độc đảng để chuyên chính với tha nhân, với đồng loại, đồng bào.

Sống thật giữa đời thật trong sự tôn trọng lẫn nhau; trong đó *nhân sinh* biết bảo vệ kẻ yếu, người côi; trong đó *nhân tình* biết che chở kẻ già, người tàn tật; trong đó *nhân thế* của nam giới biết tôn trọng phụ nữ như đã quý trọng bà của mình, mẹ của mình, chị của mình cũng là phụ nữ. Vì nam giới mà đi hiếp đáp nữ giới thì chỉ biến hành vi *khốn nạn* của kẻ mạnh biến chuyện *khốn kiếp* của chính đời mình.

Tuổi thật-đời thật-sống thật cũng là đam mê sống với ý nguyện yêu quý muôn loài như yêu chính *nhân kiếp* của mình, thương người như thể thương thân, lấy *nhân từ* vạch nhân đạo, lấy *nhân nghĩa* soi *nhân tính*, lấy *nhân trí* làm sáng *nhân tri*, dầy *nhân bản*, đầy *nhân văn*, ngập *nhân… thức!*

Tuổi trẻ của… hệ mở

Khoa học xã hội và nhân văn xác nhận được *vài* chân lý, *vài* nhưng chủ yếu để *hiểu người*, để tính chuyện *làm người*: phạm trù nhân sinh không bị khuôn cứng vào phạm trù sinh học; dấu ấn sinh học trong cơ thể không đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành các sinh hoạt xã hội. Trong đó *quan hệ tình cảm* trong nhân tình là sự trả lời cụ thể về *nhu cầu hệ mở* của mỗi cá nhân luôn đi tìm các quan hệ xã hội mới; chính *quan hệ tình cảm* (tình bạn, tình yêu, tình thương…) tạo ra *quan hệ dài lâu* trong đời sống xã hội (tình yêu thành đám cưới, thành gia đình, có con để thành chuyện liên thế hệ). Và, chính các *quan hệ dài lâu* này sẽ thành các định chế cho các *quan hệ xã hội*, được truyền đạt để được trao truyền qua các thế hệ.

Giải thích thượng nguồn của *quan hệ xã hội* phải bắt đầu bằng *tình cảm cá nhân*, có *cảm xúc* khi nhận *quan hệ tình cảm* trong xã hội, có đủ lực để biến một cuộc gặp gỡ tình cờ, một cuộc hẹn hò ngẫu hứng, một cuộc trao tin bất chợt thành *quan hệ dài lâu*. Cái chóng chầy giờ đây đã có lời hứa hẹn dài lâu: tình bạn thì *«cắn máu ăn thề»*, tình yêu thì *«suốt kiếp yêu nhau»*, chuyện phút giây giờ đây được đầu tư cho cả kiếp, cho tới *«răng long, tóc bạc»*.

Không vội cũng không nên giải thích *quan hệ tình cảm* trong sinh hoạt xã hội chỉ bằng *cảm xúc* cá nhân, mà phải đào để hiểu cái lý của mọi *cảm xúc* cá nhân để thấu hệ vấn đề *cảm động* mang chất kích thích của *cảm hứng* để *cảm nhận* một *niềm tin mới*, tới từ một *con người mới*, vừa xa vừa lạ, nhưng đầy lực *cảm thông* với ta. Niềm tin mới tới từ *cảm xúc-cảm động-cảm nhận-cảm thông* này là một *nhân tính* đầy *nhân lý*: nó biến một *cá thể của hệ đóng* thành một *chủ thể của hệ mở*, chính đây là rễ của phân tâm học, là cội của xã hội học, là gốc của văn học, là nguồn của nhân học. Niềm tin hiến dâng tình yêu, đủ sức trả lời dục vọng tức khắc, nhưng ham muốn tình dục cũng chỉ chóng chầy, còn tình yêu thì dài lâu để đủ lực tái tạo tình dục thường xuyên, để chế tác ham muốn thường kỳ.

Nhưng khi niềm tin thành tin yêu dài lâu thì nó có ngày gặp *cái chết*! Ở đây, xã hội học nhập nội cùng tâm lý học để thấu đáo môt *phương trình nhân tình* khác: *gặp một người rồi yêu người đó, sống với người đó cho tới chết, để khi người đó chết đi, thì người sống đau khổ vô cùng, chỉ vì kẻ chết đã mang theo bao sự sống của kẻ đang sống đi rồi!* Các bạn trẻ quý yêu hãy có ý thức về chuyện người chết mang đi sức sống của người sống nhé, chỉ để yêu cuộc sống hơn, yêu người đang sống hơn!

Tuổi trẻ của… hệ lụy

Tuổi trẻ là một chuỗi *hệ vấn đề trưởng thành*, được vận hành qua *quan hệ* giữa cá nhân và xã hội, giữa chủ thể và chính kiến, giữa *số lượng* và *chất lượng* trong quan hệ bạn bè, nghề nghiệp… trong đó có tình bạn và tình yêu.

Hành động xã hội của một cá thể vừa mang *tính xã hội hóa* qua tập thể, qua cộng đồng, vừa mang *tính vụ lợi hóa* các quyền lợi của cá nhân mình. Tuổi trẻ sinh hoạt trong *hệ vấn đề trưởng thành* của tuổi thanh niên qua kinh nghiệm hợp tác hoặc xung đột với tập thể, liên minh hoặc chống đối với cộng động, hòa hợp hoặc đối kháng với lãnh đạo, lãnh tụ. Trong đó, xếp hạng *đồng minh* qua chất lượng của *liên minh*, xếp loại các *đối phương* để hiểu chiến thuật, chiến lược của *đối thủ*, cũng để thấu một bi kịch phức tạp của cuộc sống là *đối phương* khi thành *đối thủ* có thể trở thành *tử thù* hay không? Có *tử thù* là sẽ có *hệ lụy!*

Nếu *hệ lụy* sinh ra, thì không còn là chuyện *«nắng sớm, mưa chiều»* của *bất thường*, cũng không phải là chuyện *«sớm nở, tối tàn»* của *vô thường*, mà là chuyện *hậu quả* sinh ra *hậu nạn* của câu chuyện *hậu sinh* trong *hậu kiếp*: *«đời cha ăn mặn, đời con khát nước»*, như hệ *truyền kiếp*. Chuyện tình bạn biến thành chuyện hận thù, chuyện tình yêu biến thành chuyện oán thù… Hậu quả vừa dài lâu, vừa không lường trước được! Khi *bạo động* đã lên ngôi, để điều khiển *bạo lực*, để điều hành *bạo hành*, thì không còn ai có chủ động khi *bạo khí* leo thang.

N. ELIAS, giãi luận hệ lụy của con người trong xã hội học theo *quá trình chuyển ngược*, thật lạ lùng là từ ý muốn đẹp nhất của một giấc mơ về một thế giới thái hòa, có thể dẫn tới các cuộc đại chiến đầy hệ lụy, rồi biến giấc mơ đẹp thành nắm mồ kinh hoàng của nhân sinh: «*L'histoire entière n'est au fond qu'un cimetière où gisent les rêves de l'humanité» (Lịch sử của nhân loại rốt cuộc chỉ là một nghĩa địa nơi chôn bao nhiêu giấc mơ của nhân sinh).*

Trong *hệ lụy* không sao lường trước được, không những kéo theo *quá trình chuyển ngược*, chuyện *tốt* hóa *xấu*, chuyện *lành* hóa *dữ*, chuyện *hay* hóa *tồi* … còn có một loại *hậu quả dây chuyền* khác là sức xâm nhập của các độc tố nhỏ nhưng sức tác hại lớn: từ vô tình *«giật dây động rừng»*, mà sinh ra «*con sâu làm rầu nồi canh »*, tới lạc hướng *«sai một ly, đi một dặm»*.

Sống vui trong tuổi trẻ, để sống trọn tuổi thanh xuân, để hưởng đầy tuổi thanh niên, nhưng không vô trách nhiệm, nghĩa là không tạo ra *hệ lụy*, để cả đời *«ôm hận»!*



Tuổi… yêu

Tình âm dương chan chứa xoay trong vòng tử sinh
Phạm Duy

Tuổi một… thành đôi

Khi gặp tình yêu, *một người* tự do bỗng nhiên thành *hai người* có *chung một nhịp đời*, rồi có *chung một hướng nhìn*, rồi *cùng một hướng đi*, để cả hai nhìn cuộc sống cùng một nhân sinh quan mới, theo hướng xây dựng một thế giới quan mới, để biết sẻ chia.

Chuyện sẻ chia trong tình yêu mang một chân lý thật đặc sắc: hai kẻ rất khác nhau, gặp nhau trong ngẫu nhiên, chấp nhận nhau, rồi vượt mọi khác biệt của mỗi bên trong thử thách, để cảm nhận (và cam nhận) gồng gánh các thăng trầm, để sự *sẻ chia* trưởng thành qua *chung lưng đấu cật*, qua sóng gió... giờ đây: *đi đâu… xin đi cùng*, mặc dầu có khi đi về phía không gian vô định, về phía thời gian vô biên. Đi đến... *bạc đầu chưa hết tình đâu*! (Trịnh Công Sơn).

Tình yêu biến chuyện gặp gỡ ngẫu nhiên thành chấp nhận mọi *"thử lửa"*, để biết *đá vàng*, vì tình yêu luôn ẩn dụ một niềm tin là hạnh phúc sẽ được sáng tạo bởi tình yêu luôn đi trên lưng, trên vai, trên cao mọi con tính ích kỷ cá nhân.

Tuổi tuyệt… thành đối

Tình yêu đòi hỏi sự *tuyệt đối*, chỉ yêu một người và yêu cả đời, sự tuyệt đối tình yêu có ngay trong tuyên bố của tình yêu: *yêu suốt kiếp... yêu để chia kiếp*. Tình yêu tuyệt đối cấm yêu nhiều người, và cấm triệt để các lời nói tương đối: *xin chỉ được yêu một ngày, xin chỉ được yêu một tháng, xin chỉ được yêu một năm*, mà phải *yêu cả đời, yêu cả kiếp*. Vì nếu lấy thời điểm để định vị tình yêu thì không phải là tình yêu, mà chỉ là sự bông đùa, giỡn cợt, mông lung, mà Bùi Giáng tạm gọi là *"rỡn":*

Anh xin em rỡn một ngày
Rồi xin ngừng rỡn suốt ngày hôm sau.

Tuổi tuyệt… thành đối, lấy *tuyệt diệu* tình yêu để thử thách mọi *đối trọng*, và không có đối trọng nào khi *cân, đo, đong, đếm* xong có thể khỏa lấp, có thể *tương đối hóa* được tình yêu. Tình yêu mang trong tự thân của nó một chân lý: sự tuyệt đối của hai kẻ hoàn toàn khác biệt, giờ đã thành *đôi*, đủ sức biến *cái không có của mỗi người* thành *cái chung có*: chung đời và chung chăn, chung nhà rồi chung con, chung bổn phận vì chung trách nhiệm...

Chuyện *ham muốn* nhau một giờ, *đam mê* nhau một ngày, *say đắm* nhau một tháng để rồi xa nhau khi *ham muốn, đam mê, say đắm* không còn, đó không thể gọi là tình yêu. Ta cứ gọi tên bình thường của chúng: *ham muốn, đam mê, say đắm*. Vì tình yêu thật sự luôn có *nội công*, có *bản lĩnh*, có *tầm vóc* để *tái tạo* ham muốn, đam mê, say đắm, bất chấp không gian, bất kể thời gian.

Tuổi tránh *an*... xua *toàn*...

Cuộc sống *hiện tại* trong xã hội *hiện nay* tưởng là *hiện đại* nhưng đang đưa quan niệm tình yêu xuống thấp, khi chuyện *tìm bạn bốn phương*, biến chuyện đi tìm người yêu thành chuyện đi tìm *sự an toàn*, không muốn có trắc trở trong tình yêu, đòi hỏi người mà mình muốn gặp phải là người giống mình, theo mình, hiểu mình, ủng hộ mình, thỏa mãn mình... đó là chuyện đi tìm sự *tự thỏa mãn* cho riêng cá nhân mình, chớ không phải đi tìm tình yêu... Chưa *yêu* mà đã đặt ra bao điều kiện *bảo hiểm, bảo hành, bảo đảm*... để bắt, để bó, để buộc kẻ *"bị yêu"* vào khuôn vị kỷ của sự tự thỏa mãn mình: kể lể trong lý lịch cá nhân trong hồ sơ chọn bạn "để yêu" là tôi thích cái này, ghét cái kia... đây không phải là tình yêu!

Tình yêu là sự gặp gỡ của *hai cá thể khác biệt* biết *khám phá sự khác biệt* để *khám phá tình yêu*, khi *một* giờ đã thành *đôi* trong tình yêu; nên mọi *tư lợi* giờ đã bị đẩy lùi xuống hàng thấp, để tình yêu được thăng hoa trong sự *khám phá lẫn nhau*. Nếu tìm tình yêu để áp đặt cái *giống*, mà không nhận cái *khác* mình, thì chỉ là chuyện đi tìm cái vị kỷ của mình ở người khác, rồi đẩy kẻ *"bị mình yêu"* sa vào nhà tù của mình.

Chính nhờ *nội tính vô tư lợi* của tình yêu, nên tình yêu luôn mang nội lực cho nghệ thuật, từ tiểu thuyết tới thi ca, tự hội họa tới ca khúc... vì tình yêu dường như là một sinh hoạt độc nhất của *nhân sinh* khi kẻ yêu chấp nhận nhận toàn bộ, tiếp nhận trọn vẹn sự khác biệt của người được yêu, để từ đó được chia đời, chia kiếp, để được *trao thân, gởi phận.*

Tuổi *tình*... tuổi *tin*

Tình yêu đòi hỏi được dựng xây một *cuộc đời đôi mới giữa hai cuộc đời thường*, trong cuộc đời mới này, tình yêu đòi hỏi một niềm tin tuyệt đối: *lòng tin lẫn nhau*, để vượt thoát thử thách, vượt thắng thăng trầm.

Khi *lòng tin lẫn nhau* không còn thì tình yêu sẽ bị đe dọa, từ hoạn bịnh tình cảm tới ung thư tình thương. Nếu lòng tin lẫn nhau chỉ còn *đơn phương* một bên, thì thử thách sẽ tàn phá cái *đơn phương* này cho tới khi tình yêu thật sự mất, thật sự chết.

Khi yêu thì *nhân sinh quan* của mỗi kẻ yêu nhau được thay đổi, *thế giới quan* của mỗi kẻ yêu nhau được hoán chuyển, cùng lúc làm biến đổi nhiều *quan hệ xã hội* chung quanh, nên khi tình yêu bị đe dọa bởi chuyện mất lòng tin, thì sẽ có sự khủng hoảng không những quan hệ của hai kẻ yêu nhau, mà mang theo sự suy thoái về *nhân sinh quan, thế giới quan, quan hệ xã hội*... Thất tình như trời sập!

Tuổi *bí*... tuổi *ẩn*

Có loại tình yêu như lửa muốn thiêu rụi tất cả, nhưng cũng có tình yêu kín đáo, biết gói niềm tin của tình yêu qua sự *thân tín của thầm lặng, thân mật trong lắng đọng*, giúp tình yêu biết *giữ* vì muốn *bền*, biết *soi* vì muốn *sáng*, biết *thức* vì biết *tỉnh*.

Loại tình yêu bền bỉ trong thân mật trong thầm lặng này, muốn xây mà không muốn đốt, muốn dựng mà không muốn thiêu, lấy sáng suốt để đối phó các thử thách của thời gian, đó là loại *tình yêu bền bỉ*, giờ đã biến thành *tình yêu có hậu*. Chỉ vì thời gian là thử thách lớn nhất của tình yêu, đẩy tuổi trẻ qua tuổi già, đẩy ham muốn qua chán chường. Chán nhau sẽ bỏ nhau, tình yêu sẽ chấm dứt!

Tình yêu có hậu là tình yêu biết *có đôi khi bạc đầu*, Trịnh Công Sơn biến câu chuyện *bạc đầu* qua một nhân sinh quan *cao, sâu, xa, rộng* bằng quan hệ *hay đẹp, tốt, lành*, giữa người này với người kia, hai người riêng rẻ giờ đã thành *đôi:*

"Áo xưa dù nhàu, cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau"

(Hạ Trắng).

"Bao nhiêu năm em nợ bạc đầu, trả nợ bạc đầu chưa hết tình đâu"...

(Xin trả nợ người)

Tuổi *đậu*... tuổi *bay*

Tình yêu như *cành* -lúc chắc, lúc yếu- là nơi đậu của hai con chim quấn quýt nhau trong tình yêu, vì tình yêu... Cành sẽ không không thấy nặng, khi *lứa* vẫn còn *đôi*, nhưng thật lạ: cành này sẽ gãy khi có *một* trong *hai* bỏ bay xa...

Một thành *hai*, vì *lứa* là *đôi* khi tình yêu còn, nhưng khi tình yêu mất, tình yêu bay, tình yêu chết, thì nhiều đất trời chung quanh *cành* này cũng gãy sụp theo, *nắng sớm mưa chiều* để giờ đây *vật đổi sao dời*, nhiều chuyện đời chung quanh hai kẻ từng yêu nhau cũng xoay theo hướng khác, hướng lạ...

Tình yêu lạ lùng và vô lường, nó ham phỏng đoán những chuyện không bao giờ xảy ra; nó mê dự đoán những chuyện không bao giờ có được, vì tình yêu dựa vào sự mong cầu, mơ ước, tâm nguyện... lấy *ý nguyện đôi* thay *nhân thế*, lấy *ý lực cặp* thay *nhân tình*.

Nguyễn Du thấy rõ chuyện *thay lòng đổi dạ* trong tình yêu, khi sự phản bội *xé cái đôi* để cái *lẻ* giờ thành cái *riêng*:

Trong khi chắp cánh liền cành
Mà lòng rẻ rúm đã giành một bên...

Cái *lẻ* giờ đã *rẻ rúm*: mất tình yêu kiếp người rẻ hẳn đi!

Tuổi *giăng*... tuổi *đan*

Tình yêu khi xây dựng *thế giới đôi, vũ trụ lứa, không gian cặp*, tình yêu tạo ra những *thói quen mới*, thói quen đam mê nhau, thói quen say đắm nhau, thói quen mê mệt nhau... *nghiện nhau* không rời, vì yêu nhau để *nhập thân*, vì yêu nhau để *chung kiếp*...

Thói quen mới nghiện nhau này không những là lâu đài tình yêu luôn đóng kín cửa, chẳng muốn ai vào, vì không chia sẻ được với người khác. Loại tình yêu này mà có *ma lực* xua *nhân thế* xa tình yêu, đuổi *nhân sinh*, gạt *nhân tri*, sự *hiểu biết đời* giờ đã bị thay bởi sự *mê người để quên đời*, mà thi sĩ Cung Trầm Tưởng thấy yêu nhau là đan kín cõi yêu lại, kẻ lạ không nên vào:
...Hai tâm linh giăng kín lại... (*Bên ni, bên nớ*).

Tình yêu đưa đẩy hai kẻ yêu nhau *thói quen nghiện nhau*, như ma lực, như ngọn lửa thiêu dần, có thể thiêu rụi sự sáng suốt, thiêu hết sự tỉnh táo, thiêu tan sự bình tâm, cần thiết để nuôi tình yêu qua thời gian, lấy *năm dài tháng tận* chống lại ma lực *nuốt tình, xua đời*.

Tình yêu sẽ bất lực trước hai kẻ yêu nhau vì *nghiện ngập nhau*, vì đây là thói quên khó bỏ nhất, trừ khi một trong hai người muốn dứt nó, trước người kia...

Tuổi... *nghệ* thuật... *yêu*

Trên đời, không còn gì tuyệt đối hơn khi chính mắt *kẻ mới yêu* thấy *tình yêu nở giữa cuộc đời mình,* tình yêu dẫn dắt kẻ mới yêu này phải biết bảo vệ tình yêu đang *chớm lớn giữa đời người,* không chỉ bằng tình cảm mà phải bằng nghệ thuật của tình cảm (ngôn ngữ, thái độ, hành vi...) giờ đây đã mang tên: *tình yêu!*

Nghệ thuật của tình yêu này đòi hỏi kẻ đang yêu phải biết nghĩ, biết nói, biết làm những chuyện gây *xúc động hay, cảm xúc đẹp* của kẻ được yêu mà không làm *vỡ tim, nát lòng* kẻ được yêu này.

Aristote khuyên: "*Yêu ai thì mang những điều hay, đẹp, tốt, lành tới người mình yêu*". Kant còn biết khuyên ta hãy lấy tình yêu để giáo dưỡng nhân sinh: *"Nếu chỉ biết yêu mình, mà không biết yêu ai ngoài mình, thì đây chính là nguồn cội của cái ác!".*

Tình yêu đặt mỗi kẻ muốn yêu trước một thử thách: gạt cá nhân tính của mình để đón nhận một kẻ lạ giờ đã là người yêu của mình, xua cái vị kỷ xa ra để tiếp nhận một kẻ khác giờ đã là người mình yêu.

Tuổi... *yêu thật*

Tình yêu thật của hai kẻ yêu nhau là *khát cùng lúc, đói cùng phút*, chớ không phải là loại tình cảm khống chế nhau, áp đặt nhau, để kẻ này có thể *ăn tươi, nuốt sống* kẻ kia, biến kẻ *"được yêu"* thành *"bị yêu"* rồi thành nô bộc, nô tỳ, nô lệ.

Tình yêu thật biết biến chuyện *yêu nhau* thành chuyện *chung nhau*, biến cái *ngẫu nhiên* thành cái *tâm giao*, biến *tâm linh* thành *đắc khí*, biến *ý hợp, tâm đầu* thành *ý lực "tát bể đông cũng cạn"*.

Tình yêu thật thản nhiên sống giữa *nhân thế* đang cạn *nhân tính*, giữa *nhân tình* đang mất dần *nhân tri*, tình yêu biết nuôi dưỡng *nhân tâm* giữa *nhân loại* đang như sa mạc của sự dửng dưng, sự thờ ơ, sự lãnh đạm, nơi mà *ích kỷ* lấy *tư lợi* làm *nhân tri.*

Tình yêu thật biến *thân mật* thành *gần gũi*, biến *chung đời* thành *chung kiếp*, nơi mà tình yêu đã điều khiển được ngôn ngữ, biến *Việt ngữ* thành *tuyệt ngữ***,** khi hai hai kẻ yêu khi thành vợ, thành chồng, họ gọi nhau: *"mình ơi!"*.

Tuổi... *yêu người*

Yêu nhau mà chỉ thấy nhau thì là loại tình yêu chật hẹp, mơ *sớm nở* khi chán thì *tối tàn*. Nhưng *yêu nhau mà biết cùng nhau nhìn về một phía,* thấy được *chân trời mới,* để sáng tạo ra một dự phóng, chế tác ra một tương lai, để nuôi dưỡng cho bằng được tình yêu với thời gian, đây là đúng là tình yêu đã vượt qua ham muốn của dục tính.

Tình yêu cũng có thể bị hạn hẹp hơn nếu các con tính của mai sau chỉ dựa trên sự ích kỷ của mỗi bên, loại tình yêu này càng ngày càng bị đe dọa bởi xã hội tiêu thụ hiện nay, *chưa nhai đã nuốt,* trong bối cảnh của sự cung phụng quá đáng chủ nghĩa cá nhân, nhất là loại cá nhân thích *tranh giành chụp giựt* hơn là *đồng cam, cộng khổ* với tha nhân**.**

"Yêu nhau chín bỏ làm mười", đó là *nội công* của vị tha, *nội lực* của khoan dung, mà động từ *"xí xóa"* sẵn sàng có mặt trong tình yêu lấy *nội chất* của rộng lượng để cứu tình yêu, cùng lúc cứu người mình yêu. *Tình yêu là thượng nguồn của tình thương*, yêu người yêu để yêu (tất cả) mọi người, trong nhân sinh. Cứ theo Trịnh công Sơn, sẽ rõ:

"Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ..."

"Tôi yêu mọi người cỏ cây, nhân loại...."

"Tôi là ai mà yêu quá đời này..."



Tuổi… giữa

Đập vỡ hình hài và tỉnh giấc.
Thanh Tâm Tuyền

Tuổi giữa *vốn* và *lời*

Tuổi giữa… *vốn* và *lời*, là tuổi phải *động não* để hiểu nếu vốn ít mà lời nhiều có thể tạo ra bất bình đẳng!

Tuổi giữa… *vốn* và *lời*, là tuổi phải *động tâm* để hiểu nếu không vốn mà lời quá nhiều sẽ tạo ra bất công!

Tuổi giữa… *vốn* và *lời*, là tuổi đầu tư vốn riêng của mình vào học đường, vào nghề nghiệp, vào trí tuệ với tất cả *ý thức* của mình, mà không cần tính lời ngay, là biết biến *ý thức* thành *nhận thức* trong đó *trí tri* là vốn vững (vì là vốn lành). Biết *cách vật* để *trí tri* là vốn *cao, sâu, xa, rộng*.

Tuổi giữa… *vốn* và *lời*, là tuổi phải tư duy là cuộc sống không chỉ có chuyện vật chất thẳng thừng *"tiền trao, cháo múc",* không chỉ có chuyện tài chính thô thiển *"ăn cháo, trả tiền",* mà biết "*ăn ở có hậu",* biết người biết ta, để nuôi dưỡng quan hệ giữa người dài lâu với người bằng nhân tính, dựa vào *nhân nghĩa* để giáo dưỡng *nhân tính* bền vững bằng *nhân giáo.*

Tuổi giữa… *vốn* và *lời*, là tuổi hiểu rõ câu *"tiếng chào cao hơn mâm cỗ",* để thấu sâu câu *"sống lâu mới biết lòng người có* nhân*",* để cảm nhận câu *"sống có* nhân *mười phần không khó"…* luôn lấy *nhân* làm vốn, lấy *nhẫn* để đầu tư sâu sắc cho *nhân*, vì biết lấy *nhân* để sinh (lời) cho *nhân.*

Tuổi giữa *sự* và *thật*

Tuổi trẻ là tuổi trưởng thành khi bắt đầu đặt các câu hỏi về cuộc đời và về kiếp người khi chứng kiến các *sự cố,* để phải đi tìm sự thật để tìm các câu trả lời về những *sự cố* này. Tìm được *sự thật* sẽ tìm được *chân lý,* có chân lý trong tầm mắt sẽ có *lẻ phải* trong tầm tay, vấn đề còn lại là tuổi trẻ có dám đấu tranh vì *sự thật,* vì *chân lý,* vì *lẽ phải* hay không? Đây là ranh giới rõ ràng phân định giữa quân tử và tiểu nhân, giữa người hùng và kẻ hèn.

Trên thượng nguồn trước khi sự thật xuất hiện, triết học cùng khoa học đều khẳng định là *sự thật* luôn xuất hiện sau một *sự cố,* cho dù sự cố đó tới từ *sự ngẫu nhiên,* nhưng khi *sự thật* xuất hiện để giải thích và minh chứng *sự cố,* thì *sự thật* trở thành *hằng số,* và *sự cố* chỉ còn là *hiện tượng,* mà giờ đây *sự thật* là *bản chất* làm chỗ dựa cho mọi phân tích và cho mọi lý luận.

Sự thật sẽ trường tồn ở lại, mặc dù *sự cố* có thể ra đi. *Sự thật* đóng dấu trong thời gian, đóng đinh trong không gian, nên *sự thật* có tuổi thọ dài hơn kiếp người, kéo dài qua nhiều thế hệ, luôn làm chỗ dựa cho sử học, cho khoa học, cho học thuật, cho kiến thức... là rễ của trí thức, là cội của trí thức.

Chúng ta có thể phân loại các ra *bốn loại sự thật* mà chúng ta có thể nhận diện qua năm sinh hoạt của nhân sinh: *sự thật trong khoa học, sự thật trong chính trị, sự thật trong nghệ thuật, sự thật trong tình yêu, sự thật trong tình bạn.* Hãy cùng nhau *soi sáng* các loại sự thật này!

Tuổi giữa *khoa* và *học*

Sự thật trong khoa học được đánh dấu bằng khám phá của khoa học, sau một quá trình nghiên cứu mà tri thức của nghiên cứu là nền để tiếp nhận *sự thật khoa học*, và nhiều khi, lắm lúc *sự thật* này tới từ ngẫu nhiên, giúp người làm khoa học khám phá ra *sự thật khoa học*, từ đó *sự thật* này là tổng kết của tất cả *quá trình tri thức*, giờ đã thành *kiến thức khách quan*, để tồn tại với thời gian, để tổ chức lại các nhận định, phân định, khẳng định các giá trị trong khoa học.

Sự thật khi được xác minh, thì nó cái *vô định* trong lầm đường lạc lối, thành cái *hữu định* vừa có giải trình, vừa có công thức, để khi cần thì cứ thí nghiệm, khi thích thì cứ thể nghiệm.

Sự thật khoa học tổ chức lại *tư duy khoa học*, nó tổ chức lại luôn cả giáo trình, giáo án, giáo khoa trong giáo dục, trong học đường. *Sự thật khoa học* tổ chức lại luôn các chương trình nghiên cứu khoa học, các phương án trong học thuật, tầm vóc của *sự thật* buộc chúng ta phải tổ chức lại *nhân tri*, nội công của *sự thật* buộc chúng ta phải tổ chức *nhân trí*.

Khi *sự thật khoa học* khám phá, chứng minh, giải thích là trái đất không *phẳng*, mà *tròn*, lại biết *xoay* chung quanh mặt trời, thì chính *vũ trụ quan* chính xác này đã thay đổi *nhân sinh quan* của *nhân loại*.

Sự thật khoa học bó buộc *nhân tính* phải xem lại chuyên khoa (chuyện *khoa*), xem lại chuyên học (chuyện *học*) của *nhân văn*.

Tuổi giữa *chính* và *trị*

Sự thật trong chính trị xuất hiện với quá trình của *ý muốn-ý định-ý đồ* được thực hiện qua quá trình muốn biến đổi: thực tế nhân sinh, hiện trạng của nhân tình, thực trạng của nhân thế theo hướng tích cực đi lên để thăng hoa cho nhân loại.

Sự thật chính trị chỉ xuất hiện trong quá trình của *đa nguyên*, trong đó *đa đảng* tạo điều kiện cho *đa tài, đa năng, đa hiệu* để quần chúng được chọn lựa, dân tộc được quyết định, để nhân loại được phân định trong minh bạch là chương trình chính trị nào đúng với *nhân tri, nhân trí*, tức là đúng với *nhân tính*.

Nếu không có quá trình *đa*, mà chỉ có quá trình *độc* (*độc đảng, độc tài, độc trị, độc tôn*), thì sẽ không có sự thật chính trị mà có quá trình *cướp chính quyền-nắm chỉnh phủ-bám quyền lực*, mà sẽ không bao giờ có *sự thật chính trị*.

Không có *sự thật chính trị* thì sẽ không bao giờ có *chính trị thật sự* mà chỉ có bám quyền vì *tham quyền*, tham quyền để *tham quan*, tham quan để *tham ô*, tham ô để *tham nhũng*!

Sự thật trong chính trị đòi hỏi *chính trực* trong *quản trị* bằng *liêm chính* của *đa*, vì *đa* cho phép *nhiều* (*nhiều chuyên tài, nhiều năng suất, đa hiệu quả*) để so sánh (so ra mới biết ngắn dài), trong khi đó *độc* (*độc đảng, độc tài, độc trị, độc tôn*) cấm so sánh, chận so đo, ngăn so tài, diệt *sự thật trong chính trị* để hủy *chính trực* để xóa *liêm chính*.

Tuổi giữa *nghệ* và *thuật*

Sự thật trong nghệ thuật được chứng minh qua *sáng tạo*, tự nghệ thuật tạo hình tới nghệ thuật nhạc, tự nghệ thuật văn tới nghệ thuật thơ, và tất cả các loại hình nghệ thuật trong nhân sinh, mà *sáng tạo* có thể tới từ *ngẫu nhiên*, nhưng sự *ngẫu nhiên* là kết quả của một quá trình sinh hoạt, mà *kết quả của sáng tạo* là kết quả một quá trình vô định, giờ đã thành hữu định như một *sự thật* được định hình qua *sáng tạo*.

Chính *sáng tạo* trong *nghệ thuật tạo hình* vô cùng phóng khoáng trong tự do tuyệt đối trong nghệ thuật tạo hình sơn mài của họa sĩ Nguyễn Gia trí đã làm thay đổi tận gốc rễ các thói quen dễ dãi, các định kiến sai lầm, các lối mòn cũ kỹ trong các sinh hoạt của nghệ thuật sơn mài tự gọi là truyền thống.

Chính sáng tạo làm rõ sự thật trong nghệ thuật, mà nhận định của Thanh Tâm Tuyền: *"đập vỡ hình hài và tỉnh giấc",* là quá trình của sáng tạo rời vô bờ, vô bến mà phải *đập vỡ hình hài* để được *tỉnh giấc* để tới bờ, tới bến của *sự thật qua sáng tạo*.

Kết quả của sáng tạo như *sự thật trong nghệ thuật*, nơi mà *chủ thể sáng tạo* đã làm thay đổi cả *nghệ* và cả *thuật* ngay trong sinh hoạt sáng tạo, ngay trong đời sống của nghệ sĩ, nghệ nhân, kể cả người thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuổi giữa *tình* và *yêu*

Sự thật trong tình yêu tới từ sự *ngẫu nhiên* khi gặp một người, như gặp một *sự cố* có thể làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của mình, như khám phá một *sự thật* hoàn toàn tuyệt đối là chấp nhận có *một người -vừa là, vừa mới-* nhập vào cuộc đời của riêng mình, của chính mình, giờ đây *một người* đã biến thành *hai người*, trong mọi dự phóng về cuộc đời, về tương lai.

Sự thật tình yêu là sự *khẳng định tuyệt đối* về *sự thật một giờ đã thành hai*, trong đó tính *tuyệt đối của tình yêu* có ngay trong tuyên bố của tình yêu, trong đó những kẻ yêu nhau tuyên bố với nhau là: *"sẽ yêu nhau suốt đời",* mà không thể nói một cách *tương đối, hữu hạn* là *"chỉ yêu một ngày"; "chỉ yêu một tháng"; "chỉ yêu một năm"... Tuyệt đối suốt đời* cấm đoán tuyệt đối mọi con tính *tương đối, hữu hạn.*

Sự thật trong tình yêu mà nội chất là *tính tuyệt đối* làm chỗ dựa cho *quyết tâm dài lâu của tình yêu*, như *thỏa hiệp trường tồn* bằng *cặp*, bằng *đôi*, mà không còn là *một* (một người, một kẻ, một mình). Mặc dầu trong tình yêu có khống chế, có áp đặt của hai kẻ yêu nhau, tức là có người này *"ăn hiếp"* người kia, có người kia "bắt nạt" kẻ mình yêu, nhưng *thỏa hiệp trường tồn* vẫn tồn tại, vì muốn còn tiếp tục bên nhau (để giữ tình yêu). Vì, nếu ngược lại khi *quyết tâm dài lâu của tình yêu* qua *thỏa hiệp trường tồn* bị đe dọa, rồi bị loại bỏ thì sẽ không còn tình yêu!

Tuổi giữa *tình* và *bạn*

Sự thật trong tình bạn cũng tới từ sự ngẫu nhiên khi *gặp bạn*, nhưng tồn tại dài lâu với thời gian với quyết tâm *giữ bạn* cho bằng được, trước mọi thử thách, trước mọi thăng trầm, ý nguyện sống *cùng bạn* giữa đời, thành thỏa hiệp như lửa thử vàng, như lấy *đạo lý bằng hữu* để *cạnh bạn,* song hành trước giông tố của kiếp người.

Sự thật trong tình bạn luôn được thử thách trước các cám dỗ tới từ tư lợi của mỗi cá nhân, tới từ bên ngoài, tới để đe dọa tình bạn, kẻ chạy theo tư lợi mà *bỏ bạn* trong gian nan thì bị xem như *phản bạn*. H*ạt muối cắn làm đôi*, thử thách qua *nằm gai nếm mật*, trong đó có *cùng cam cộng khổ,* qua suốt quá trình *đồng hội đồng thuyền* tạo nên nội tính bền lâu trong dài hạn.

Sự thật trong tình bạn khẳng định rõ không vì tư lợi mà bỏ bạn, không chạy theo quyền lợi mà phản bạn, vì tình bạn được nghiệm qua sự chọn lựa dứt khoát: *sự trung thành với bạn*. Một người bạn thủy chung có thể gạt mọi sự áp đặt của đảng phái, mọi sự áp chế của các tập thể độc đoán để *bảo vệ bạn*. Tình bạn có khi nặng nghĩa *ngang ngửa* với tình anh em trong cùng một gia đình, và luôn có *sức bật* để đi trên vai *tình đồng nghiệp*, đi trên lưng *tình đồng chí*.

Sự thật trong tình bạn cũng phải được hiểu như chuyện *che chở bạn, bao bọc bạn,* như phản xạ biến trung thành trong quan hệ thành chung thủy trong thử thách: nhiều người cộng sản tới Sài Gòn sau 1975, rất ngạc nhiên về tình bạn trong sinh hoạt văn nghệ của miền Nam trước 1975. Trong giới văn nghệ sĩ thời đó, ai cũng biết là có kẻ theo *"mặt trận",* có kẻ theo *"cộng sản",* nhưng văn nghệ sĩ miền Nam thời đó không ai làm chuyện đi tố cáo các người đó với công an, với chính quyền miền Nam, cũng chỉ là *bạn với nhau*, chuyện *giữ bạn* trong *nhân tính* là chuyện *che chở bạn* trong nhân nghĩa.

Mất một người bạn chân chính trong cuộc đời ta khi ta bội bạc với bạn, thì ta thấy như mất đi hai nguồn đạo lý trong nội tâm ta: *trung* và *tín*.

Tuổi giữa *thực* và *hư*

Thử thách hằng ngày của tuổi thanh niên là nhận thức rõ về *thực* và *hư.* Hiểu thực là biết *thực tế* để nhận định *thực tại,* thấu *thực tại* để đào sâu *thực trạng,* liên kết từ dữ kiện tới chứng từ để lập được phương trình *thực tế- thực tại-thực trạng,* đón nhận đáp số như đón kết quả của tri thức: *sự thật của hiện tại*!

Ngược lại với *sự thật* là *hư ảo,* không những phản *sự thật,* mà còn hoàn toàn ngược với *chân lý*, cho nên đừng mong *hư ảo* giúp ta tìm được *lẽ phải,* vì phương trình *sự thật-chân lý-lẽ phải* luôn đối diện để đối đáp ngược chiều với *hư ảo* chỉ có thể tới từ *hư cấu.*

Nếu *hư ảo,* tới từ *mộng ảo*, được xây dựng bằng *mộng tưởng* của sức *tưởng tượng* của một cá nhân hay một tập thể, lấy *hư* thay *thực* để *mơ mộng*, biến *mơ* thành *ảo*, lấy *huyền ảo* để khỏa lấp những *sự thật,* trong đó có khó khăn gây ra khó chịu, vì *thực tại* có nghèo đói sinh ra đau khổ, vì hiện trạng có bất bình đẳng tạo ra bất công. Đối với loại *hư ảo* này, phải nhận định rõ: nó không có *tội*, cũng chẳng có *lỗi*, vì đây là sinh hoạt dường như bình thường của con người. Vì khi *lý trí* bị *vô hiệu hóa* trước các áp bức xã hội mà con người không vượt qua được thì *lý trí* bị *hư vô hóa*; lúc đó phương trình tâm lý *mộng tưởng-mộng mơ-mộng ảo,* sẽ mang *hư ảo* vào tâm trạng để tràn ngập vào *lý trí,* để thay *thực* thành *hư.*

Nhưng nếu *hư ảo,* được *cố tình-cố ý* dựng lên bằng *hư cấu,* với những *ý đồ* của ý thức hệ qua tuyên truyền (giai cấp vô sản-thiên đường cộng sản…), với những *ý định* được che dấu bởi những con tính chính trị (giải phóng-cách mạng…), với những ý muốn vu khống để chụp mũ kẻ liêm chính (phản động-phản cách mạng…); thì loại phương trình *hư ảo*-bằng-*hư cấu* phải được-phải bị *đạo lý* (*hay, đẹp, tốt, lành*) lấy ra *phán đoán lại*; phải được-phải bị *luân lý* (*bổn phận tập thể, trách nhiệm cộng đồng*) lấy ra *phê phán lại*; phải được-phải bị *công lý* (*công tâm,công bằng*) qua *công pháp* để *luật pháp* lấy ra *thẩm phán lại.*

Phương trình *đạo lý-luân lý-công lý* trong quá trình *phán đoán lại- phê phán lại-thẩm phán lại* là sinh hoạt lý trí *bình thường-thường xuyên-thường trực* của các chế độ, của các xã hội, của các chính quyền biết tôn trọng: *công bằng vì công lý, tự do vì tự chủ, dân chủ vì nhân quyền,* tất cả dựa trên phương trình rất thông minh của *nhân*: *nhân tri vì nhân sinh, nhân trí vì nhân tính, nhân lý vì nhân đạo.*

Tuổi giữa *người?* và *ai?*

Câu hỏi cứ len lén trong tâm trí của tuổi thanh niên vẫn là câu hỏi: thế nào là *làm người*? Để khi sống trọn tuổi thanh xuân cho tới khi rời cuộc đời này, ta không bị chung quanh ta phê phán là: *người không ra người, ngợm không ra ngợm!* Câu hỏi về *chất người* để hiểu *phẩm người* không hề có câu trả lời chính đáng và xác đáng nếu mỗi cá nhân không trả lời được câu hỏi: *tôi là ai?* Đang sống trong xã hội nào, cộng đồng nào, tập thể nào, để trả lời luôn câu hỏi rộng hơn, lớn hơn, sâu hơn, cao hơn: *ta là ai?*

Đáp số của phương trình *nhân cách* này (*làm người?-tôi là ai?-ta là ai?)* chính là câu trả lời của mỗi chúng ta về *nhân phẩm* của chính mình. Loại phương trình này không có lãnh thổ riêng rẽ, không có biên giới phân chia rõ rệt giữa *tư* và *công*, không có biệt khu hay biệt phủ giữa tư cách cá nhân và luân lý cộng đồng. Tổ tiên ta giáo dưỡng con cháu chu đáo: *«suy bụng ta ra bụng người»*, để khi sống thì *«được mắt ta ra mắt người»*, để cẩn thận trong *«đối nhân xử thế »*, để cẩn trọng cho chính ta: *«trách người phải nghĩ tới ta»*.

Các bạn trẻ tìm trong văn học thế giới cũng sẽ có câu trả lời. Đó là trường hợp của văn hào V. HUGO: *"C'est insensé de croire que je ne suis pas toi!" (Thật quái lạ, không chấp nhận được nếu bạn nghĩ tôi không là bạn!).* Như vậy, chuyện người này *«đi guốt trong bụng»* người kia là chuyện có *thật* chớ không phải chuyện *ảo*! Nhưng trong giãi luận của tác giả này thì ta phải nhận ra được một mấu chốt khác của hệ vấn đề *nhân* là: mỗi cá nhân rất *riêng biệt* để có thể *biệt lập* vào thế giới *riêng rẽ* của mình, nhưng cùng lúc tất cả cá nhân, tất cả chúng ta có *muôn vàn mẫu số chung*, từ điều kiện *làm người* đến kết quả *thành người*. Cụ thể là chúng ta có cùng một con đường (*làm người* để *thành người),* mà ta gọi tên là *nhân đạo*; nhưng nếu dịch *nhân* là *người*, *đạo* là *đường*, e rằng chưa đủ (vì chưa đúng), vì *giá trị của nhân đạo*, tức là *ý nghĩa của con đường* phải là thông lộ của *hay, đẹp, tốt, lành*.

Các bạn trẻ cũng đừng quên triết học của J.J.Rousseau: «*Les hommes soyez humains» (con người ơi hãy giữ nhân tính)*, vì chưa chắc sinh ra là *người* mà được các người khắc xem là *người* đâu! Bọn *«lòng lang, dạ thú»* thì chắc không phải là người rồi! Bọn *«khẩu phật, tâm xà»* cũng không được coi là người! Bọn *«cõng rắn cắn gà nhà»* thì chính dân tộc không xem chúng là người! Bọn *«mang voi dày mộ tổ»* thì chính tổ tiên đã *từ* chúng, số phận chúng chỉ là *«bụi đời nơi đất giặt»*, rồi thành *«oan hồn nơi xứ tặc»*. Số kiếp của các *quan chức tham quyền-tham ô-tham nhũng*, vơ vét của cải của đồng bào mình, rồi bỏ chạy qua phương Tây, cũng sẽ không khá hơn! Vì Việt kiều sẽ không bao giờ xem chúng là *đồng hương* (chỉ vì chúng không muốn, không chịu *làm người* tử tế, để *thành người* đàng hoàng), chúng sẽ mang kiếp (thảm) tha hương: *chết bờ, chết bụi!*

Tuổi giữa *ta* và *tha nhân*

Tha nhân không những là *kẻ khác*, mà còn là *kẻ xa*, nên thường là *kẻ lạ* với ta, không những thế lại không hiện hình cụ thể trước mặt ta, lại không cho ta: xem ảnh, xem căn cước, xem chứng minh, xem hộ chiếu… *Tha nhân* không hiện thực để đối diện, không trực diện để đối thoại với ta. *Tha nhân* mang *biến số* của xã hội, mang *ẩn số* của kiếp người. *Tha nhân* lúc hiện, lúc ẩn, nhưng ta biết chắc *tha nhân* là *đồng loại*, sống cùng và sống chung một *nhân loại* với ta.

Triết học đề nghị xem xét *tha nhân* như kẻ *lúc đối diện-lúc song hành* với ta, nhưng *vô hình-bất ảnh*, và lạ hơn nữa lại là: *«đồng hội, đồng thuyền»* với ta trong *nhân sinh*, *«đồng cam, cộng khổ»* với ta trong *nhân tính*, để *«chia ngọt, sẻ bùi»* với ta trong *nhân đạo*, *«hạt muối cắn đôi»* với ta trong *nhân nghĩa*. Bạn ơi! Như vậy *tha nhân* không những *chung kiếp* với ta, mà còn *chia kiếp* với ta, trước các thử thách, các thăng trầm của *nhân thế*.

Trong Hiện tượng học, hải đăng sừng sững của triết học trong thế kỷ qua, dùng luận thuyết về *nhân diện* để nhận ra *tha nhân*, E.LEVINAS đề nghị -thật sâu nhưng thật rõ- *khuôn mặt của tha nhân: «La crainte qui me vient du visage d'autrui» (nỗi lo, cơn sợ của tôi tới từ khuôn mặt của tha nhân»*. Chính trên khuôn mặt mang *nỗi khổ niềm đau* của kẻ đối diện, dù là: nạn nhân của chiến tranh, kẻ lưu vong sống lưu đày, người ăn xin giữa chợ, kẻ phế nhân nhục nhằn trên đường phố… chính trên các khuôn mặt này bạn sẽ thấy được kiếp người lầm than trong khổ hạnh, gian truân trong khổ nạn.

Khuôn mặt tha nhân, như vậy không còn mơ hồ, không còn trừu tượng nữa! Mà hiển hiện trước mặt bạn, đầy dẫy trong chợ búa, tràn lan trên đường phố, ngập tràn các nơi công cộng, từ thành thị tới thôn quê của Việt tộc! Vấn đề ở đây, nếu bạn là *thanh niên sống có lòng*, nếu bạn có tuổi *thanh xuân biết cảm xúc*, để *thương cảm* trước *đồng loại* rồi có *đồng cảm* với *đồng hương*, thì bạn sẽ hiểu, sẽ thông, sẽ thấu câu tiếp theo của E.LEVINAS: *"Le moi, c'est la crise même de l'être de l'étant dans l'humain."(Cái tôi, chính là cái khủng hoảng của cái thực tại trong cái nhân của kiếp người).* Ngược lại, nếu bạn vô tình trước *nỗi khổ niềm đau của tha nhân*, thì sẽ sinh ra *vô cảm* trước *khổ nạn của kiếp người;* chính đây là thời khắc-thời điểm-thời gian mà bạn đang đi từ *phận bụi đời trong đạo lý* tới *kiếp oan hồn trong luân lý*! Tự *cô lập* mình để chịu cảnh *cô đơn* trong ích kỷ, tự *cô độc* mình để chịu cảnh *cô lẻ* trong vị kỷ.



Tuổi… *vô*

Ta con phù du ao trời chật chội.
Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao.
Hoàng Cầm

Vô

Vô *không hề có nghĩa là không! Mà ngược lại là* vô cùng, vô biên, vô tận, vô vàng, vô định… *Bước khởi hành của tuổi trẻ là đi tìm tự do, và định nghĩa tự do để vượt qua mọi giới hạn, khuôn khổ, mô hình, rào cản… đi tìm vô như đi tìm các chân trời mới, cùng lúc đẩy các chân trời này rộng ra, dài ra, cao ra, xa ra… theo hướng* vô

Vô vàng… *kiến thức*

Kiến thức được thu thập trong tuổi thanh niên là kiến thức thường được thu nhận bằng *ý thức*, ý thức để thành tựu trong nghề nghiệp, thành công trong đời sống, thành đạt cho tương lai; nhưng cũng là ý thức về vai trò của mình trong các định chế, chức năng của mình qua chuyên môn, vị thế của mình trong xã hội. Ý thức nhận làm hải đăng cho kiến thức để trở thành *nhận thức* giúp một cá nhân, một thanh niên biết, hiểu, thấu, rõ về tương lai dân tộc mình, chân trời của đất nước mình, trong đó có số phận của chính mình luôn gần xa gắn bó với và số kiếp của gia đình, của thống tộc, của nơi *«chôn nhau, cắt rốn»* của mình.

Kiến thức thì *vô biên*, có mức khởi hành mà không điểm tới, không có biên giới theo một mô hình chính trị, không có lãnh thổ theo một khuôn mẫu ý thức hệ, mà luôn tăng trưởng ngày đêm theo *ý nguyện* và *ý lực* của kẻ muốn có kiến thức. E. Levinas đã đúc kết rõ chuyện này trong quá trình đi tìm kiến thức của mỗi cá nhân: *"le désir reconnait le désirable" (sự ham muốn nhận ra cái mình muốn),* cái mình muốn là cái mình muốn có, cái mình muốn được, cái mình muốn nhận, cái mình muốn sở hữu.

Như vậy, tất cả chế độ nào, chính sách nào, đường lối nào muốn giới hạn lãnh thổ của tin tức làm nền móng cho dữ kiện, biên giới của chứng từ làm cơ sở cho chứng minh, đều tới từ *độc (độc tài, độc quyền, độc trị, độc đảng…),* với ý đồ nuôi dưỡng ngu dân, kéo dài ngu dốt, đây chính là *phản diện* của kiến thức.

Cụm từ *vô biên kiến thức* là thực thể, có một thực tế, tạo ra thực tại của một chủ thể biến kiến thức thành *tri thức*, tức là biến *cái mình thấy* thành *cái mình hiểu*, lấy cái mình hiểu để đưa vào *cái mình sống* cho chính mình, trong đó quy trình *thấy-hiểu-sống* để có thêm sáng kiến, sáng tạo. Chính quá trình *sáng kiến-sáng tạo* dựa vào kiến thức gầy dựng lên một quá trình khác là *khai sáng- khai mở- khai phá* (đây là định nghĩa lõi của sự *phát minh*), luôn làm tăng *định vị-định thế-định chất* về *tự do* của chủ thể. Sẽ không có *chủ thể* nếu không có *kiến thức* làm nên *tri thức*, không có *tự do* làm nên *tự chủ*!

Vô tận… *tri thức*

Tri thức, có chiều sâu, chiều rộng, chiều cao, chiều dài của sự hiểu biết sẽ làm cầu nối giữa *kiến thức* và *ý thức*, nếu kiến thức là vô biên, ý thức là vô hạn, thì bản thân của *tri thức* sẽ vô tận! *Tri thức* tạo ra nền, móng, tường, mái cho *nhận thức*, giúp nhận thức có chỗ, có nơi để nhìn *đạo lý (hay, đẹp, tốt, lành)*, để nhận ra luân lý (*bổn phận*, *trách nhiệm*). *Tri thức* luôn là quá trình khai phá tới từ *kiến thức*, quá trình định hình của *tri thức* được khoa học xã hội và nhân văn, và gần đây nhất là thần kinh học (khoa học bộ óc), gân cốt của *tri thức luận*, xem như quá trình của một cuộc *mạo hiểm* đi tìm sự thật, đi tìm chân lý. Cuộc *mạo hiểm* của tri thức chính là cuộc *mạo hiểm* của cái tôi, nếu là *mạo hiểm* thì chắc chắn là có *sự cố*, có *biến cố*, làm thay đổi nhân sinh quan, làm biến đổi thế giới quan, làm *«biến thiên»* vũ trụ quan.

Xã hội học phân tích rằng: một cá nhân sống hoàn toàn biệt lập với đồng loại, không có ai chung quanh, thì sẽ không có kiến thức về *cái chết*! Chính nhờ sống chung với đồng loại, thấy tha nhân chết trước mắt mình, mới hiểu, mới hiểu *cái chết* có thật; như vậy *cái chết* là kiến thức tới từ đồng loại, làm nên *ý thức* của cá nhân đó: một tri thức về *cái chết* trong kiếp người.

Tâm lý học nhận định: nếu khám phá của tri thức về *cái tôi*, thì đó chính là khám phá về *bí mật của cuộc sống*, trong đó có một khám phá về một quá trình *cá nhân hóa* của mọi cá thể: *nhận diện dữ kiện* bên ngoài làm nên nền móng cho *ý thức bên trong*, chính ý thức bên trong tạo ra *tư duy của cá*

nhân suy tư về cuộc đời, chính tư duy của cá nhân phải đi *khám phá quan hệ* của mình với tha nhân, với đồng loại, mà đoạn đường đi này thì đúng là mạo hiểm: đầy ẩn số về hạnh phúc, đầy biến số về khổ đau… trong tình bạn, trong tình yêu… trong nghề nghiệp, trong xã hội…

Triết học lại quả quyết là chính *tri thức* tạo nên một phương trình rất mâu thuẫn trong cuộc sống! Một bên là sự hiểu biết tới từ cuộc sống, chính cuộc sống này cho ta những bài học, và ta dùng các bài học này để tạo ra cuộc sống của riêng ta, mà thấy là ổn định. Một bên là sự hiểu biết luôn tạo ra các bất ổn, các thay đổi, các chuyển biến, các đổi dời ngay trong cuộc sống, ngay trong cái ta, cái tôi, thì chính nó không thể nào ổn định; vì không toan tính được, không tính toán được, không «toán học hóa» được! Cho nên có cuộc đời lặng yên, cũng có cuộc đời bão nổi. Có những cá nhân an phận, cũng có những cá nhân làm được chuyện *«đội đá vá trời»* để *«dời non lấp bể»!*

Vô song… *lý trí*

Lý trí được thẩm định qua *cái biết* trên *sự hiểu biết* (đã có sẵn, hay mới khám phá ra), phân biệt cái biết của cá nhân và sự hiểu biết đã có sẵn trong xã hội, để làm rõ *cái hiểu*, vì hai cá nhân cùng nhau đứng trước một sự hiểu biết, mà cá nhân này hiểu, cá nhân kia không hiểu, thì cá nhân nầy có *lý trí* và cá nhân kia sẽ không có *lý trí*. *Lý trí* luôn mang theo ba vấn đề: *thực thể lý trí, nội dung lý trí, sinh hoạt lý trí*. Ba vấn đề này theo ba quá trình: *sự hình thành lý trí, sự xếp đặt quy trình của kiến thức, sự vận hành lý trí*. Ba quá trình này

mang theo ba kết quả (hiệu quả hoặc hậu quả): *lý trí củng cố tri thức, lý trí giải phóng mê thức* tới từ định kiến, mê tín, dị đoan, *lý trí* tạo tiền đề cho cách mạng trong lý luận, cải tổ trong trí tuệ. Ba kết quả này sẽ tạo ra ít nhất ba thay đổi: *thay đổi giáo dục, thay đổi xã hội, thay đổi cơ chế*… kéo theo nhiều biến đổi khác trên mọi sinh hoạt của tập thể, của cộng đồng.

Lý trí là đất của tri thức, là nhà của *trí tuệ*, chắc chắn là *«cơm bữa»* của tư tưởng. G.Miller nhận định *lý trí* là định hướng để vận hành tư tưởng cùng lúc xếp tư tưởng thành hệ thống. A.Turing nhận xét thêm: nếu *lý trí* là nội công của tư tưởng, thì *lý trí* sẽ giúp tư tưởng sàng lọc, tuyển chọn, xếp hạng các tin tức từ bên ngoài.

Lý trí đóng vai trò *khai mở-khai phá-khai sáng* não bộ ta, trong đó bộ óc quản lý phương trình *tri thức-ý thức-nhận thức*:

*có vận hành của *cơ khí học* khi *lý trí* dùng kiến thức như *nguyên vật liệu* để vận hành nguồn máy;

*có sự tổ chức của *sinh học* khi *lý trí* dùng kiến thức như *chất sống* để luân chuyển sự sống tới các nơi cần nó;

*có tính linh động của *môi trường học* khi *lý trí* dùng kiến thức lực thích ứng, để thích nghi, để sinh tồn qua các bối cảnh, các hoàn cảnh khác nhau.

L*ý trí* giúp *trí tuệ*: *tiếp-đón-thu-trử* đầy đủ các *kiến thức*, rồi *phân-chia-đặt-xếp* các *kiến thức* đó; *lý trí* không những phân tích được các dữ kiện, mà giải mã luôn các ẩn số, để giải

thích các chứng từ, mà *lý trí* còn giúp *trí tuệ* thẩm định các chọn lựa, thẩm tra các kết luận, thẩm xét các quyết định.

Lý trí thật luôn được sinh sản trong một môi trường ổn định bởi các *lý trí thật* khác: chính tông vì chính thống! Vì *lý trí thật* biết mở để đón các *lý trí mới*. Ngược lại, *lý trí* độc tôn vì độc tài, độc quyền vì độc trị, thì không phải là *lý trí thật* vì nó không phải là *lý trí mở*, vì nó *đui, què, ngọng, điếc* khi nó chỉ thấy có nó là *lý trí*!

Vô biên… *trí tuệ*

Trí tuệ là *tri thức* giờ đã mang tầm cỡ và vai vóc của *lý trí*, giới thiệu kiến thức bằng *lý luận*, giải trình *ý thức* bằng *lập luận*, giải nghĩa *nhận thức* bằng diễn luận; lấy *lý* để tách *mê*, lấy *luận* để gạt *chấp*, vì *mê chấp* tới từ *vô minh*, *vô tri*, *vô giác*, ngược với cái *thức* của *lý* trong *trí tuệ*, mà Phật học đặt tên là: *tuệ giác*.

Trí tuệ theo một quá trình *học để hiểu, hiểu để nắm, nắm để giữ, giữ để làm*, để sống, để hành động, mỗi người có sở hữu chủ về trí tuệ của mình, như vậy chịu trách nhiệm về sự *vận hành lý trí* của mình trước các *đạo lý (hay, đẹp, tốt, lành)* thì không bao giờ chia đất, chia nhà với các việc *xa đạo lý (xấu, tồi, tục, dở)*, lại càng không sống chung đất, sống chung nhà với các chuyện *phản đạo lý (thâm, độc, ác, hiểm)*.

Trí tuệ sống hằng ngày trong ngôi nhà của *tư duy*, Hegel đặt tên cho nó là *tư tưởng đang tư duy*, khi tư duy thì chính

mình xây dựng cho mình một *hệ tư tưởng*, một hệ phải luôn được hoàn chỉnh hóa từ: tin tức tới dữ kiện, từ chứng từ tới chứng minh, để không có mâu thuẫn ngay trong lý trí, để không có xung đột ngay trong dự phóng, ngay trong định hướng trước cuộc đời.

Trí tuệ mang kinh nghiệm cụ thể của cuộc sống để tạo nên kiến thức cho tư duy, chính tư duy này là cầu nối giữa trí tuệ và thế giới bên ngoài, Husserl đề nghị đặt tên cho nó là *hiện tượng luận (phénoménologie)*. Trong đó, trí tuệ là liên đới giữa thế giới bên ngoài và tư duy bên trong, luôn được kích thích bởi *hệ ý muốn (intentionnalité)*, *nội lực* bên trong cá nhân luôn được nuôi nấng, giáo dưỡng, kích hoạt bởi *ngoại lực* của thế giới bên ngoài.

Trí tuệ, hiểu kiến thức vì muốn có tri thức, rồi biến tri thức thành chuyện khả thi, thành chuyện thực hành, cho nên vai trò của giáo dục, của học tập, của huấn nghiệp, của đào tạo, luôn mang theo *nghiệp tính*, cụ thể là chuyện *«thay đời, đổi kiếp»* ngay trong mỗi cá nhân.

Nếu lý luận rằng *trí tuệ* là *vô định*, thì phải công nhận it nhất ba chuyện trong cuộc đời này: vai trò chủ đạo của *kiến thức trong sự nghiệp* của mình, chức năng tiên quyết của *tri thức trên đường tiến thân* của mình, vị trí của *lý trí trong quá trình thành người* của mình.

Vô hạn… *tư duy*

Tư duy mang trong *hệ tư tưởng* bên trong của cá nhân, trong đó *trí tuệ* đóng vai trò trung tâm, giúp *lý trí* điều khiển các quyết định của cá nhân, được trợ lực bởi *tri thức* để đưa quyết định đi tới phía hành động. *Tư duy* luôn mang theo quá trình *sở hữu hóa kiến thức*, khi kiến thức được minh chứng rồi thì tư duy sẽ chọn lựa các phương án để biến *khả thi* thành *hành vi*, có chỗ đứng vững trong việc *thực thi* các chỉ tiêu, các mục đích, các cứu cánh của cá nhân. *Tư duy* trong cơ cấu của *tri thức* là sự định hình của quá trình *nhìn-thấy-hiểu-biết* để *nhận-lấy-giữ-dùng*, từ đây hình thành *ý muốn-ý định-ý lực* dùng *kiến thức* trợ lực cho *nhận thức*, trong đó nhận định tổng quan *quá khứ-hiện tại-tương lai* giúp mỗi cá nhân tạo vai trò ưu tiên của *lý trí* giữa các *tri thức* khác nhau để *tư duy*; (để tự suy nghĩ). Cụ thể là để: chọn lựa-quyết định-hành động; và sau đó, kết luận qua kết quả được nhận thức qua cân, đo, đong, đếm *vốn-lời-lỗ* trong tổng kết.

Tư duy mang *tính thông suốt*, nếu *tri thức* ổn định, *trí tuệ* tỉnh táo, *lý trí* sáng suốt, nếu không chỉ có kẻ bị xem là điên khùng, là rối loạn thần kinh mới không có *tư duy*, vì không có *trí tuệ*, *lý trí*, *tri thức*. *Tư duy* không chỉ ở bên trong nội giới, nội tâm, nội lý của cá nhân, mà là sự *tự chủ của tư tưởng* trước các sự cố, các biến cố ngoài đời, đủ sức hiểu các diễn biến của cuộc sống để có hành vi hợp lý, có hành động hợp cảnh với môi trường chung quanh.

Tư duy vô hạn vì *tư duy* luôn ngày ngày đưa vào các kiến thức mới, giờ giờ nhập vào các tri thức mới, chuyện này thật rõ qua các thí nghiệm đo lường về não bộ của thần kinh học, chứng minh mạch lạc là bộ óc của một cá nhân: trưa đã khác sáng, tối đã khác chiều… *Tư duy* nhận cái *khác*, cái *lạ*, cái

mới để tự vận hành, để tự thích ứng, để tự chuyển biến với môi trường, với bối cảnh, với thời cuộc.

Tư duy mang theo cả tính *tự vận hành* biến: *cái thấy, cái biết, cái hiểu* trợ lực cho *cái dụng, cái hành, cái tạo.* Từ đây, *tư duy* qua các chặn đường *thăm-tìm-dò-đoán* ý muốn của tập thể, ý định của cộng đồng, ý đồ của các con tính chính trị, kinh tế, thương mại… *Tư duy* điều khiển cụ thể chuyện phát biểu trước quần chúng, chuyện phát ngôn trước đám dông, chuyện phát lệnh trước nhân viên của mình nếu mình là lãnh đạo.

Tư duy cũng để lộ ra một thực thể khác là *quá trình cá nhân hóa*, có cá nhân suốt đời bị *cá thể hóa*: *«gió chiều nào, xoay chiều đó»,* lại dạy đời kẻ khác là *«qua sông phải biết lụy đò»* (*lụy đò* là lệ thuộc mà cứ tưởng mình khôn). Có cá nhân khi vào tuổi thanh niên là vào thẳng *quá trình chủ thể hóa*: lấy kiến thức để tạo tự do cho mình, lấy tri thức để thăng hoa cho đồng bào mình, lấy trí tuệ để phục vụ đồng loại.

Vô cùng… *chất sống*

Chất sống, làm nên *nội lực* và *nội công* của cuộc sống, luôn được phương trình *kiến thức-tri thức-ý thức-nhận thức* thăng hoa, nên chất sống đã sống rồi, giờ trở nên sống động hơn, linh động hơn, chủ động hơn. Hãy nhận *chất sống* như một kho tàng: từ nghệ thuật qua khoa học, từ văn hóa tới văn minh, tự khám phá tới phát minh, tự sáng kiến tới sáng tạo… một kho tàng vô cùng… vô tận… vô biên… cứ lấy ra mà xài, mà sống, nếu không khai phá để dùng, không khai mở để thu, không khai sáng để hưởng thì là lỗi của bạn,

không là lỗi của ai hết, vì xã hội xem bạn là thanh niên, tức là đã ở tuổi trưởng thành rồi!

Chất sống còn có một *mãnh lực* khác: nó luôn *làm mới* cuộc đời ta, với kiến thức mới, tri thức mới, ý thức mới, nhận thức mới. Cái *mới* là cái vừa *khác*, vừa *lạ*, có lúc tới từ *xa*, có lúc tới từ *đột biến*, cái *mới* trực diện với ta để thay đổi nhân sinh quan, để biến đổi thế giới quan, để chuyển đổi vũ trụ quan ta. Thí dụ cụ thể vẫn là: tình yêu, ta yêu một người vừa khác, vừa lạ, vừa xa, vừa bất chợt.

Chất sống còn có một *xung lực* nữa: vì nó có lúc lẳng lặng tới từ chung quanh, từ tình thầy trò qua những tấm gương tốt, tới từ tình bạn qua thử thách, qua thăng trầm, tổ chức lại tư duy ta, làm rung chuyển thói quen ta, bó ta phải có lý luận mới sống động hơn, buộc ta phải có lập luận mới sinh động hơn, đưa ta tới các diễn luận mới chủ động hơn, hướng ta về các giãi luận thông minh hơn, từ đạo lý tới luận lý, từ hành vi tới hành động.

Chất sống còn có một *tiềm lực* khác: nó giúp ta tiếp tục sống, nhưng sống sâu hơn, cao hơn, rộng hơn, nhờ kiến thức khoa học mới, nhờ các kinh nghiệm mới của đồng nghiệp, nhờ các so sánh chính ta tìm ra, lập ra để tăng trưởng hóa kiến thức đã có, để biết thêm trên những cái đã biết rồi, từ đó tổ chức chuyện đi tới, đi lên, đi xa, đi dài trong cuộc sống.

Chất sống còn có một *thâm lực* nữa: các tấm gương sống thành công chung quanh ta vừa là gương soi, vừa là con đường, trên đó ta có thể làm theo chúng hoặc làm khác đi, làm hay hơn, làm sâu hơn. Ta biến *cái mới được giới thiệu* thành *cái mới trong tư duy*, để tạo ra sáng kiến mới, giúp ta

chuyển đời, đổi đời trên những chất sống trước mắt đã có trong cuộc sống, không lý thuyết, không trừu tượng, không mơ hồ, chất sống trước mắt đưa ta vào phương trình *thấy được-hiểu được-làm được!*

Không *vô vốn*… khi xây đời

Câu chuyện của chúng ta không phải đi tìm *vốn* để kiếm *lời*! Cũng không phải là chuyện vốn lời của tài chính, của kinh tế, của thương mại, của vật chất mà là câu chuyện *vốn người* và *vốn đời*, ngay trong xã hội, ngay trong tuổi thanh niên, với vốn và lời tới từ các giá trị của kiến thức, của tri thức, của ý thức, làm sống động các giá trị đạo lý, làm sinh động các giá trị tâm linh, làm tinh thông các giá trị nhân tính.

Cụ thể nhất là bắt đầu bằng *vốn kinh tế* tới từ vật chất của gia đình, của cá nhân, được tính bằng các đơn vị của tài chính, qua tiền tệ; nhưng chính gia đình cũng là nơi trao cho ta ít nhất là hai vốn quý khác: vốn đạo lý của tổ tiên (*gia phong*), vốn giáo lý gia đình (*gia giáo*), chính hai vốn này sẽ làm bàn đạp cho hai vốn khác: vốn giáo dục của học đường và vốn giáo dục qua nghề nghiệp. Tổng kết các vốn này, xã hội học gọi là: *vốn xã hội*.

Vốn xã hội -có hay không, vắng hay đầy, thiếu hay đủ- chỉ cần xem qua quá trình xã hội hóa của mỗi thanh niên, mỗi cá nhân: qua thành công trong học đường, thành tựu trong nghề nghiệp, thành đạt trong kinh tế, thành vị trong xã hội.

Thăng hoa trong xã hội hay tụt hậu trong xã hội, không những là chuyện "leo lên" hay "tụt xuống" rất rõ qua cách xếp hạng trong văn hóa của một dân tộc: *"con hơn cha là nhà có phúc"*.

Không vô tâm… với vốn biểu tượng

Thành danh, thành tiếng trong xã hội sẽ tạo ra: *vốn biểu tượng xã hội* - nghèo hay giầu, khôn hay dại, thành hay bại. Vốn xã hội do xã hội trao tặng, mà kẻ nhận *vốn biểu tượng xã hội* sẽ được hưởng các thuận lợi sau đây:

- Vốn biểu tượng xã hội tái tạo lại vốn xã hội, có rồi có thêm, có nhiều rồi có nhiều hơn, nên cứ được quyền *"đứng núi này trông núi nọ"*, thuận lợi trong chuyện ít vốn nhưng nhiều lời, tạo ra tư duy đầu tư giới hạn nhưng thu nhập vô hạn.
- Vốn biểu tượng xã hội là chuyện thừa nhận cũng là chuyện tách biệt ngoài hạng vì ngoại hạng, không có chuyện *"cá mè một lứa"* trong đó *ngoại hạng* quan hệ với *ngoại hạng*, không có chỗ cho thường dân.
- Vốn biểu tượng xã hội lấy kiến thức để củng cố quyền lực, lấy quyền lực xây dựng quyền lợi, quan hệ tương tác *quyền lực-quyền lợi* luôn được khai thác qua vốn biểu tượng xã hội (danh nhân, danh tiếng...) để mở các cửa quyền lực và quyền lợi
- Vốn biểu tượng xã hội còn mang tính *hỗ tương* giữa *hiểu biết* về xã hội và *vị trí* xã hội của một cá nhân,

chính vốn biểu tượng xã hội làm cho cá nhân của nó di chuyển *nhiều hơn, nhanh hơn, gọn hơn* trong cửa nẻo của quyền lực và quyền lợi.

- Vốn biểu tượng xã hội mang luôn cả *"hiệu quả biểu tượng"*, chỉ cần danh tiếng của một danh nhân trên thượng nguồn, thì hạ nguồn sẽ có điều kiện thuận lợi, hồ sơ trôi chảy, thời hạn nhanh chóng...
- Vốn biểu tượng xã hội còn tạo ra "bạo động biểu tượng", ngược hẳn với bạo động thể xác, nó loại là loại bạo động xã hội, rất kín trong phản xạ, rất sâu trong phản ứng của kẻ có quyền và có tiền, có vị và có danh, biến mọi kẻ chúng quanh phải phục vụ, phục dịch mình qua lời lẽ của kẻ trên.

Có quyền thì được nói! Lúc thì nói kiểu *"khẩu Phật, tâm xà"*, lúc thì nói ngược lại kiểu *"khẩu xà, tâm Phật"*, lúc lịch sự lúc lỗ mãng, lúc tế nhị lúc thô lỗ, vì những vì kẻ có *biểu tượng xã hội* muốn nói gì thì nói, kể cả chuyện *"đổi trắng, thay đen"*. Loại *"bạo động biểu tượng"* này là *hậu quả và hậu nạn* của các bất công trong xã hội.

Không *vô vị*... giữa xã hội

Tuổi trẻ thấy mình trong xã hội, nhưng chưa chắc biết tổ chức của xã hội này tổ chức ra sao? Chưa rõ hệ thống, cơ cấu xã hội vận hành, tuần hoàn như thế nào? Muốn thấy mình thì phải biết chỗ của mình qua chức năng, vai trò, *địa vị* và sự lưu hành của mình trong các mạng lưới và định chế của xã hội đó. Tóm lại sẽ không thấy được bóng dáng của mình trong xã hội nếu không thấy quan hệ giữa mình và các định chế xã hội, đã và đang *định vị* mình trong đời sống xã hội đó.

Các định chế xã hội được chia ra từng khu vực không những có không gian, thời gian đặc thù mà còn là một thế giới riêng với tổ chức, với cơ năng, với sự vận chuyển riêng của nó.

Định chế văn hóa tổ chức không gian văn hóa với thời khắc, vận tốc, tụ điểm, trưng bày... rất khác với định chế chính trị tổ chức không gian chính trị với quyền lực, với so sánh lực lượng, với xung đột riêng của nó... Như vậy, định chế tôn giáo tổ chức không gian tôn giáo với tín ngưỡng, niềm tin, hành đạo... không liên quan gì tới định chế thương mại tổ chức không gian thương mại có cạnh tranh, có quảng cáo, có đấu giá...

Chuyện *gốc, rễ, cội, nguồn* ở đây là môt cá nhân, một thanh niên có thể sống và sinh hoạt trong nhiều định chế xã hội, nhiều không gian xã hội cùng ngày. Kết luận tiếp theo là một cá nhân, một thanh niên có thể có, có thể nhận nhiều chức năng, vai trò, địa vị, trong nhiều định chế xã hội, nhiều

không gian xã hội khác nhau trong cùng một đời sống cá nhân.

Câu chuyện cốt lõi vẫn là cá nhân sử dụng tự do cá nhân của mình để tạo (*xã hội) vị* cho chính mình!

Không *vô cảm*... khi *tìm thơ*

Hãy *tìm thơ* qua lời nói, hãy thấu thơ qua *ngôn ngữ*, đây là chất liệu và nguồn vốn của thi ca; ngôn ngữ trao tặng ta từ khi ta ra đời một bảo vật, như trao một tài sản chung cho *nhân loại*, mà thi sĩ sẽ sử dụng ngôn ngữ để trao lại ta một *sáng tác*, một chân dung của *sáng tạo*, có thể làm thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của chúng ta, mà trước đó ta chưa hề biết. Đừng nhận định thi ca chỉ qua vần, điệu... mà hãy *nhập nội* vào thi ca như một *cuộc dấn thân chống vô cảm*. *Sáng tác* như *sáng tạo* để *sáng chế* ra một thông điệp về *những sự thật mới của tâm linh*, mà chính khoa học hay chính trị không sao chế tác ra được.

Sáng tác trong thi ca qua ngôn ngữ để cùng chia sẻ số phận của một ngôn ngữ cùng lúc làm *giầu* vì biết làm *rộng* làm *sâu*, làm *cao* một ngôn ngữ, một văn minh, trong đó thi sĩ trao tặng *nhân sinh* một *tạo phẩm*, giờ đã thành tài sản của

nhân tình. *Nhân loại* muốn thưởng thức, tận hưởng thi ca lúc nào cũng được, chỉ cần có ngôn ngữ mà không cần phải đầu tư bằng tài sản. Ngược lại, chỉ một bài thơ được trao tặng, có khi nó thay đổi cả đời người, vì bài thơ này có thể làm đổi thay mọi dự phóng, làm xuất hiện những *ý nguyện* mới, rồi ý nguyện sẽ biến thành *ước nguyền*, có thể biến tình yêu riêng rẽ của lứa đôi thành tình thương yêu đồng loại, muôn loài (*Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ, ... Tôi yêu mọi người, cỏ cây, nhân loại, làm sao yêu hết cuộc đời*... Trịnh Công Sơn).

Thi ca nói lên *chân lý mới* để ta khám phá ra những *sự thật mới*. Những chân lý, những sự thật của thi ca *rứt* ta ra khỏi các chủ kiến của cuồng đạo, *bứt* ta ra khỏi mọi cuồng tính của các ý thức hệ toàn trị. Sự thật của thi ca *bật* lên một ánh sáng mới trong tri thức ta, *nhổ* ta thoát khỏi gông cùm của định kiến. Thi ca biết *cứu* đời, *vớt* người, đưa ta ra khỏi các hoạn nạn vô hình, các hoạn nghiệp của vô cảm!

Thi ca trao tặng cho ta *lòng thành* để lòng thành sẽ thành *lòng tốt*, để lòng tốt thành *lòng tin*; dứt khoát cởi bỏ mọi vô cảm, vì thi sĩ là tác giả của tác phẩm thi ca: một khối nguyên sinh *lòng thành-lòng tốt-lòng tin*, để trao tặng tiếp cho ta sự quả cảm trước các thử thách của nhân sinh, chất can đảm trước mọi thăng trầm của nhân thế; quả cảm sống trong can đảm đấu tranh để được sống với lòng tin, biết *tin-sống* vì biết *tin-yêu*.



Tuổi... công

Đất nước ơi, tôi mến người như khi nhìn em bé ngủ.
Tôi thương người như thương mẹ ốm.
Vì đâu người khoát manh áo đỏ.
Thừa sai – cũn cỡn. Tủi nhục tháng ngày. Long đong chiều sớm.
Phùng Cung

Công… tâm
(Từ *công cộng riêng* tới *công* dẫn *tư)*

Công dẫn tư, lấy *chung* dắt riêng, lấy *công cộng* riêng để cùng nhau vượt thoát và vượt thắng mọi bất bình đẳng, mọi bất công.

Nếu lấy *công tâm* để bảo vệ *quyền lợi tập thể*, thì cái *chung* luôn ở trên cái *riêng*, cộng đồng ở trên cá nhân, *ở trên* vì quyền lợi tập thể này *cao hơn, rộng hơn, sâu hơn* tư lợi cá nhân: *quyền lợi tập thể* này có thể làm *trọng tài* cho mọi xung đột về *tư lợi*, mọi mâu thuẫn về *quyền lợi* trong hệ vấn đề sở hữu chủ, quyết định mọi lý luận về tư quyền.

Thí dụ cụ thể là có ba cá nhân trước một căn nhà: cá nhân **A** luôn ở trong một căn nhà, **B** là đứa em nghèo nhất đang cần nhà để ở, **C** là anh cả là kẻ xây nhà này, vậy căn nhà này do ai có quyền sỡ hữu chủ? Câu trả lời không thể thuần túy là trả lại nhà cho **C**, cũng không phải là để yên cho **A** sử dụng vĩnh viễn, cũng không thể tặng cho **B**, mà quên **A** và **C**.

Như vậy, phải chuyển *quyền tư hữu* qua *quyền được sử dụng* căn nhà, *công tâm* là khả năng *định nghĩa* công bằng, qua *định công* và *định dụng*, cụ thể là cho cả ba cùng có *tự do sử dụng* căn nhà, và căn nhà này được bảo quản bởi quyền lợi tập thể, vượt qua tư lợi cá nhân, nhưng vẫn tôn trọng mọi cá nhân qua *quyền sử dụng* nó. Như vậy, *quyền sử dụng* dựa trên *công*, cùng lúc dựa trên *tâm* phải được xếp ngang hàng với *quyền tư hữu*, và nó có thể thông minh hơn *quyền tư*

hữu, vì *quyền sử dụng* thỏa mãn các nhu cầu khác nhau của mỗi cá nhân, mà ai cũng biết là mỗi cá nhân luôn có nhu cầu riêng của mình.

Những gì chúng ta đang chứng kiến hằng ngày trên đất nước Việt thì hoàn toàn ngược lại: chính quyền cướp đất dân, bứng nhà dân, bằng cách đổi luật: *đất là của công*, của chính phủ, và không công nhận *quyền tư hữu*. Nhưng khi cướp đất dân rồi, bứng nhà dân xong, thì quy hoạch để lại bán lại cho bọn buôn đất, để chúng bán lại qua các công trình bất động sản này với giá gấp trăm, gấp ngàn lần số tiền mà chúng bồi thường cho dân. Như vậy, qua trung gian của bọn buôn đất, bán nhà trong các công trình bất động sản, bọn *tham quan-tham nhũng-tham ô* đã cướp dân đến hai lần: cướp *quyền tư hữu*, và cướp *quyền sử dụng* của dân. Chúng ta gọi họ là *dân oan*, vì họ bị oan ít nhất là hai lần!

Công… lý

(Từ *tâm lý vì công lý* tới *công lý dựa trên công bằng)*

Công lý không tự nhiên mà có, không phải trên trời rơi xuống, công lý tới tự thâm tâm của con người yêu quý và mến trọng công lý: *tâm lý vì công lý có trước hiện thực của công lý*. Một *tâm lý* muốn tôn vinh *công lý* qua *công bằng*. Công bằng từ lao động tới quyền lợi, từ bổn phận tới trách nhiệm, từ phân phối tới phân chia của cải và công sức trong sinh hoạt xã hội.

Trong xã hội *công lý dựa trên công bằng* này sinh ra *lý thuyết luận công lý* có mặt trong *luật học* và *triết học*, trong

đó *công pháp học* không tách rời *đạo đức học*, để khẳng định thái độ chống lại các cá nhân lợi dụng cộng đồng, bóc lột tập thể, qua *ăn bám, ăn lừa, ăn hại*. Nếu chúng ta không dứt khoát trên quan điểm này thì chính các *lực lượng ký sinh trùng* sẽ tạo ra các *bất công* mới, làm trì trệ mọi thăng tiến của kinh tế, làm ngưng trệ mọi tiến hóa của xã hội.

Nhưng nếu quý yêu *công lý*, mến trọng *công bằng* thì phải nhận ý tưởng giờ đã thành lý luận trong *xã hội học chính trị*: *công bằng-và-công lý-để-công nhận cái đúng của bất bình đẳng*. Cái *đúng* này công nhận *"làm nhiều, ăn nhiều", "làm nhiều, lương nhiều", "làm nhiều, lợi nhiều"*. Tức là chính thức công nhận việc *"thức khuya dậy sớm", "một nắng hai sương", "dãi nắng dầm mưa"* là phần thưởng xứng đáng trong *thành công* trong nghề nghiệp, trong *thành đạt* trong kinh tế, *thành tựu* trong xã hội. Tất cả các *thành công-thành đạt-thành tựu* này chính là *thành quả* của một cá nhân, của một gia đình, của một tập thể, của một cộng đồng, của một dân tộc, của một sắc tộc, của một văn hóa phải được *hợp lý hóa* để được *chính thức hóa*, phải được *công lý hóa* để được *cơ chế hóa* qua pháp luật. Vì đây là *công bằng của công bằng*.

Trong tình hình hiện nay của Việt tộc, cái *đúng* của *thành công-thành đạt-thành tựu-thành quả* sẽ là *công cụ* chống *tham quan*, có *công dụng* chống *tham quyền*, phải thành *công luật* để chống *tham nhũng*, phải là *công pháp* để chống *tham ô*. Vì bọn *tham quan-tham quyền-tham nhũng-tham ô* trong xã hội Việt Nam hiện nay chúng vừa *"ăn không ngồi*

rồi”, vừa *“ăn trên ngồi trốc”,* bản chất của chúng là: *“cướp ngày là quan”,* chúng không hề thiết tha tới *“lao động sớm chiều”*, không hề biết hệ vấn đề *thành công-thành đạt-thành tựu-thành quả* là chuyện *“mồ hôi nước mắt”* của kẻ lao động. Chúng chỉ biết *trộm-cắp-cướp-giật*, vơ vét để nuốt chửng tiền của nhân dân, tài nguyên của đất nước, sinh lực của đồng bào. Khi chúng ta tâm niệm câu của tổ tiên trong cái *đúng* của *thành công-thành đạt-thành tựu-thành quả*: *“có làm thì mới có ăn”,* thì bọn *tham quan-tham quyền-tham nhũng-tham ô* hiện nay -như ma bùn, ma xó- chúng làm ngược lại *“không làm nhưng vẫn có ăn”,* đây không phải là *lỗi*, mà là *tội* trước công lý, trước công pháp!

Công… bằng

(Từ *cái đúng* của *công bằng* tới *ý thức đúng* và *hành động đúng*)

Có *nguyên tắc chung để phân chia*, trong đó *chia đều, chia ngang hàng* chưa chắc là *công bằng*, mà phải có pháp của luật, có đạo của lý, cái *tốt* trước hết phải là cái *đúng*, từ *công tâm* tới *công trạng*, từ *công bằng* tới *công lý*.

Cái *đúng* phải từ *ý thức đúng* để có *hành động đúng*, từ *đạo lý đúng* tới *luân lý đúng*, *mô phạm đúng* để có *mô hình đúng*, để tạo ra *cơ chế đúng* trong một *xã hội đúng*. Một *xã hội đúng là* một xã hội tạo được *sự hợp tác* giữa các cá nhân, cùng lúc giới hạn được sự xung đột, tới từ vị kỷ, có từ tư lợi của các cá nhân đó.

Cơ sở của *cái đúng* tạo ra được *công bằng*, được *công lý* công nhận là hợp pháp, vì vừa hợp lý, vì vừa đúng luật. Cái *đúng* không phải chính trị hóa *cái tốt*, nó càng không phải thần học hóa *cái lành* của các tôn giáo, nó cũng không phải là *cái trúng* của toán học. Mà nó tới từ *thỏa hiệp* qua *thỏa thuận* của một cộng đồng có *ý thức* từ *ý niệm* tới *thực hiện* hệ vấn đề công bằng trong những lãnh vực rộng nhất, sâu nhất trong các sinh hoạt xã hội.

Cái *đúng* của *công bằng* phải được thể nghiệm, thực nghiệm, thực hiện trong *đối thoại* của *đa nguyên* để luôn tạo ra *đa năng, đa hiệu, đa tài* để bảo đảm. Như vậy, sẽ không có *cái đúng* trong một xã hội *độc tài, độc quyền, độc trị* tức là *độc đảng*, vì không có *cái đúng* nào chịu nằm yên thụ động trong một mô hình ý thức hệ, như nằm ngủ ngu dại trong một nhà tù tuyên truyền chính trị một chiều. Vì cá nhân ngày càng nhiều nhu cầu, tập thể ngày càng nhiều đòi hỏi, xã hội ngày càng nhiều dự phóng. *Cầu* tạo ra *cung*, mà nhu cầu con người thì *có rồi* lại muốn *có thêm*, có thêm rồi lại muốn *có nhiều* hơn. Cho nên, *cái đúng đa dạng* cần *cái đa lực, đa chiều, đa dạng của đa nguyên.*

Cái đúng của *chia đều, chia đồng* theo phản xạ dễ dãi và vô trách nhiệm *"cá mè một lứa"* không hề là *cái đúng* được định vị bởi *quyền lợi cá nhân*, bởi *tư lợi*. Nhưng *cái đúng* của *tư lợi* phải được dựa vào một *cái lý đúng*, hoặc *nhiều cái lý đúng,* để làm tiền đề cho *công bằng* phải luôn dựa vào một *cái lý công bằng đúng,* hoặc *nhiều cái lý công bằng*

đúng, trong đó *nhu cầu mới* sẻ sinh ra *cái lý mới* để tạo ra một loại *công bằng mới.*

Công… pháp
*(*Từ *công lao* qua *công lý* tới *công pháp)*

Công pháp phải có nền dựa trên *công lý*, công lý phải có gốc trong *công bằng*. Công bằng có *công hành trong chia đều* để tránh *bất công*, nhưng cũng phải giữ thế *thăng bằng*, trong đó *công* và *quả* phải được phân định rõ ràng, *công nào của nấy* phải được tôn trọng để tránh bất công. Cụ thể tránh *ăn bám*, tránh *ăn nhờ*, tránh *ăn xin*, để tránh chính thức hóa, tránh công pháp hóa chuyện biếng nhát, làm cho kẻ biếng lười được hưởng công lao của kẻ lao công. Chống lại chuyện sống thản nhiên trong *kiếp ký sinh trùng*, bắt xã hội phục dịch mình, bó nhân quần phục vụ nhu cầu riêng tư của mình.

Từ *công lao* qua *công lý* luôn là nỗi thao thức của nhân tri, luôn là nỗi đau đáu của nhân trí, để có được một xã hội mà không ai bỏ rơi ai, nhưng phải là một xã hội có *công pháp*, không ai được bóc lột ai! Như vậy *công bằng* phải đi tìm chỗ dựa là *công tâm.* Mặc dù *công bằng* đã từ phạm trù của luân lý đã vào sâu trong phạm trù của *công pháp*, mà triết học chính trị đã biến nó thành hải đăng của *công pháp* để

tìm đường đi *đúng* cho *nhân loại*. Nhưng muốn *trúng* và *đúng* thì không được quên *lý* và *tính* trong *công tâm*!

Nhưng muốn đúng trong nhân loại thì phải trúng trong nhân sinh. Trong lý thuyết luận về công lý, Rawls đề nghị lấy cái trúng (về lượng lẫn phẩm) để làm chỗ dựa cho cái đúng, khi đã có cái trúng đẩy cái đúng, thì lúc đó mới có thể nói tới cái lành (đúng về quyền lợi, trúng về trách nhiệm). Chính cái lành làm sáng cái tốt qua đạo lý lấy đoàn kết để tạo ra tương trợ, lấy cả hai đoàn kết để và tương trợ để loại đi cái ích kỷ; bỏ vị kỷ để nhận vị tha, từ giáo dục tới tổ chức cơ chế, từ phân phối của cải trong xã hội tới tổ chức từ thiện trong sinh hoạt xã hội. Cụ thể là đưa công bằng vào công lý, đẩy công lý vào công pháp, trao công pháp để nhận công tâm trong tất cả quan hệ xã hội.

Công… quyền
(Từ công bằng qua *công lý* tới *công quyền)*

Công bằng qua *công lý* để đến *công quyền*, chúng ta phải trở lại định nghĩa của *đạo lý* giữ cho bằng được những cái *hay*, *đẹp*, *tốt*, *lành* để tạo ra *luân lý* biến *mô phạm thành mô hình* của *trách nhiệm* và *bổn phận* giữa cá nhân, gia đình, tập thể, cộng đồng, dân tộc, xã hội, nhân loại.

Công bằng qua *công lý* trong đó mọi *quyền lợi* của cá nhân, cũng như *trách nhiệm* và *bổn phận* của cá nhân đó đối với

gia đình, tập thể, cộng đồng, dân tộc, xã hội, nhân loại phải được *cụ thể hóa* qua luật pháp, *hợp thức hóa* qua hành chính, *công khai hóa* qua cơ chế, trong đó *pháp quyền* bảo vệ luật pháp, bảo trì hành chính, bảo hành cơ chế, để định vị *công quyền*. Công quyền qua *tam quyền phân lập*, trong đó *tư pháp* đại diện cho *công bằng* qua *công lý*, không bị hành pháp khống chế, không bị lập pháp thao túng. Trong khi đó với chế độ *độc đảng*, tạo ra *độc tài* đã *nô lệ hóa* tư pháp, sinh ra *độc trị*, đã vô hiệu hóa phương trình *công bằng- công lý*, luôn là *gốc, rễ, cội, nguồn* cho một *cơ chế pháp quyền*, được xây dựng trên *công quyền*.

Công quyền qua *cơ chế pháp quyền* luôn là *chỗ dựa* và cũng là *sức bật* của *công bằng* qua *công lý*; chính nhờ các *cơ chế pháp quyền* mà *công bằng* qua *công lý* đã trở thành *công bằng* bằng *công lý*, trong đó cơ chế được luật pháp bảo trợ biến *công bằng* bằng *công lý* thành giá trị cốt lõi trong quan hệ giữa người và người luôn cần bảo vệ. Giá trị này luôn là giá trị đôi: *giá trị của công lý* (có nền là luật pháp), và là *giá trị của luân lý* (có cội là đạo lý), chính giá trị này biến *mong muốn* của *nhân sinh* thành *ý nguyện* của *nhân tính*, tạo ra ước nguyền của các thế hệ, và làm cầu nối giữa hiện tại và tương lai, vì cuộc sống thật sự đáng sống khi nó có *công bằng*, nhân tình thật sự đáng tin khi nó có *công lý*.

Nhưng *đạo lý* của *hay, đẹp, tốt, lành* phải *hợp lý* để trở thành *hợp pháp* không những phải qua *công lý* mà còn phải qua các *cơ chế pháp quyền* của *công quyền*. *Bi kịch* của Việt tộc hiện nay, dưới quyền chỉ đạo của của ĐCSVN qua *độc*

đảng-độc tài-độc quyền-độc trị là vở *hài kịch* của tư pháp - như một loại công quyền giả, mạo danh- đang làm *lao nô* cho ĐCSVN, trong một xã hội mà lãnh đạo của ĐCSVN vừa được *ra luật* cùng lúc được *lách luật*, vừa được *đổi luật* cùng lúc vừa được *xé luật!*

Công… lợi
(Từ *hợp đồng xã hội* tới *ý thức xã hội hóa)*

Công bằng luôn được tính toán qua *công lợi*, mà công lợi không thể thuyết phục được, nếu không định vị đúng thế nào là *tư lợi* (như *quyền lợi* của cá nhân trong xã hội). Ở đây, nguyên tắc phân chia quyền lợi qua công bằng được bảo trợ bởi *công lý*, phân phối tư lợi qua luật pháp được công nhận bởi *công quyền*.

Hợp đồng xã hội (contrat social) của Rousseau được trợ lực bởi cái *đúng* của *ý thức xã hội hóa* (conscience de sociabilité) của Kant, trong đó cá nhân biết *đạo lý* lẫn *luật pháp* để tự điều chế hành động của mình, để các *hành động đúng* (*luật*) có từ *ý thức đúng (lý)*. Rawls đưa thêm vào hai lập luận này hai lý luận khác trong lý thuyết về công lý của ông:

* khi cá nhân mong muốn sống chung với xã hội thì cá nhân đó biết sử dụng *quyền tự do của mình để giới hạn chính quyền tự do đó*, để nhận bổn phận và trách nhiệm trước cộng đồng;

* nguyên tắc *công bằng trong xã hội* phải là *nguyên tắc công bằng trước các dịp may, cơ may* có được do cơ chế xã hội tạo ra cho các thành phần xã hội rất khác nhau ngay trên thượng nguồn: trong giáo dục, trong đào tạo, trong huấn luyện.

Từ đây, chúng ta không quên việc tôn trọng các *nguyên tắc xã hội về sự khác biệt* (giới tính, sắc tộc, văn minh, kinh tế...) giữa các thành phần rất khác nhau trong xã hội ngày càng lớn, ngày càng rộng, ngày càng nhiều về *lượng* lẫn *chất*, trong đó nguyên tắc của công bằng phải là *hành động của công lý bảo vệ kẻ yếu, kẻ kém*, không để họ là nạn nhân của thảm kịch *"cá lớn nuốt cá bé"*, của cái vô cảm trong xã hội Việt Nam hiện nay là *"khôn nhờ, dại chịu",* để sinh ra cái vô tình *"ai chết, mặc ai"*. Như vậy, nếu có *lời* trong ngân sách thì nên nghĩ đến *kẻ yếu*, nếu muốn có *lợi* trong chính sách thì nên nghĩ đến *kẻ kém, công lợi* ngược lại với thâm ý *"ăn cổ đi trước, lội nước đi sau"*, mà nó là *tâm cảnh* của chuyện *"bầu ơi thương lấy bí cùng",* là *nhân cảnh* của *"một con ngựa đau, cả tầu không ăn cỏ"*.

Công… giáo
(Từ *liêm sỉ giáo dục* tới *giáo dưỡng tri thức*)

Công... giáo là *công sức giáo dục*, dù là thủ công hay trí thức, trong quy luật "*trường nào trò nấy"*, phải thấy được là *công giáo* luôn dựa vào *sự hiểu biết về cái đúng*, và từ *cái đúng* đó khai phá qua phát minh cái *hay, đẹp, tốt, lành* cho cộng đồng, qua những *bậc thang giá trị về công giáo, từ sáng kiến tới sáng tạo*, được tập thể định vị trong đó vai trò của giáo dục cốt lõi.

Mỗi xã hội có nhận định, có đáng giá riêng các *bậc thang giá trị về công giáo* luôn mang tính đặc thù riêng của mình; có xã hội chăm lo *công giáo* để tạo tiền đề cho *công trạng* trong khoa học, kỹ thuật; cũng có xã hội chăm lo *công giáo* nhưng lại hướng công trạng về sáng tạo nghệ thuật. Nhưng các xã hội thật sự chăm lo *công giáo*, luôn chăm lo chu đáo từ y tế tới nhân sinh, từ sáng kiến để tích cực hóa cơ chế xã hội tới sáng tạo để thăng hoa các phát minh.

Giáo dục luôn là thượng nguồn để định vị những *bậc thang giá trị về công lao*, bi kịch trầm kha của Việt tộc hiện nay (như một ung thư tập thể) mang *tính bạo bịnh liên thế hệ* từ khi ĐCSVN quản lý giáo dục sau 1975, đó là hậu quả (giờ đã thành hậu nạn cho kiếp sau) *học giả-thi giả-bằng giả*. Từ

đó kéo theo một hệ thống giáo dục tư *nằm ngoài, nằm nghiên, nằm ngược* mọi *bậc thang giá trị về công giáo.*

Không biết *giá trị về giáo dục* thì sẽ không có *giá trị về đạo lý, luân lý, đạo đức*. Hiện nay, hệ vấn đề *hàng hóa hóa giáo dục* đã dẫn tới *tiền bạc hóa bằng cấp*, khi đã *tín dụng hóa kiến thức* giáo dục thì sẽ *buôn lậu hóa các cơ sở giáo dục*, trong khi *liêm sỉ giáo dục* là phải giữ trách nhiệm *giáo dưỡng tri thức*, có bổn phận *giáo hành trí thức*. Bi kịch của bi kịch là gần đây ta thấy một số đại học tư Việt Nam mang ra bán cho thương gia Trung Quốc, mang *cơ sở đào tạo nguyên khí quốc gia* ra để bán cho Tàu tặc, một chuyện chưa hề có trong lịch sử Việt tộc biết *"tôn sư trọng đạo",* có luân lý *"tầm sư học đạo",* vì có đạo lý *"một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa"*. Bọn *"mang voi dày mồ tổ"* này đang và đã làm chuyện *"mang tà giặc về dày não bộ thanh niên"!*

Muốn xác định rõ các *giá trị về giáo dục,* thì *"phải lần cho tới tận nguồn lạch sông"* (Nguyễn Du), trong đó hệ dây chuyền của *kiến thức-tri thức-trí thức*, chính là *phương trình giáo dục*, nơi mà *học vị* có được qua *học hàm* phải được định lượng và định chất qua *học lực*.

Cái *lý đúng* trong giáo dục là *con tính trúng* trong giáo dưỡng, từ *khả năng* qua *kỹ năng*, từ *hiệu năng* tới *hiệu quả*: *Công... giáo* (*công sức giáo dục)* không thể chấp nhận chuyện*"đánh lận con đen"*!

Công… trị
*(*Từ *chính trị công minh*, tới *chính sách công bằng* với *chính giới công tâm)*

Bất bình đẳng có thể tới từ các nguyên nhân thuộc về cá nhân, một kẻ nghèo có thể vì do biếng lười, nếu đúng như vậy thì là lỗi của kẻ đó. Nhưng nếu một người nghèo, đến khổ cực, vì các cơ chế từ kinh tế tới giáo dục, từ hành chính tới chính trị không tạo điều kiện thuận lợi, mà ngược lại còn gây bao trở ngại để người này không được tiến thân, không được thoát khỏi kiếp nghèo, không ra khỏi cùng quẩn thì đây không phải lỗi của người đó. Mà đây là *lỗi –và tội-* của chính quyền, của chính phủ tạo ra rào cản để người này không thoát và không thắng kiếp cơ cực của mình.

Tôn giáo lẫn tướng số, dị đoan lẫn định kiến không đóng được một vai trò gì tích cực trong chuyện *"chống đói, giảm nghèo"* này, mà chỉ có *chính trị công minh*, dựa trên *chính sách công bằng*, với *chính giới công tâm* mới xử lý được hệ vấn để *bất bình đẳng*, để tạo lại công bằng trong xã hội. Trong đó vai trò chính quyền là tiên quyết, từ giáo dục tới tổ chức kinh tế, từ đào tạo tới quản lý, từ giáo dưỡng đạo lý dân tộc tới giáo hành luân lý quần chúng.

Vài trò đầu tiên của một chính quyền, chức năng ưu tiên của một chính phủ là sử dụng lại *nguyên tắc phân phối đầu tiên do thị trường quyết định* để lập ra các *chính sách phân phối*

lại cho đại chúng, trong đó *tái tạo lại* thế quân bình giữa giầu nghèo, *tái lập lại* thế thăng bằng giữa *ít của* và *nhiều của*, trong đó *"kẻ có của, người có công"* luôn được *công lý bảo trợ*, luôn được *pháp luật bảo vệ*. Từ đây, chúng ta thấy rõ được thảm trạng của Việt tộc hiện nay, là kẻ nào được *ĐCSVN bảo kê*, từ đảng viên tới tham quan, từ lãnh đạo tới gian thương sống nhờ lãnh đạo, thì kẻ đó dùng tiền của để sống tách biệt, cách xa với dân chúng đang trong quá trình *dân đen hóa.* Như vậy, *ĐCSVN* đã và đang đi ngược-đi lách-đi ngang-đi chéo quá trình *chính trị công minh-chính sách công bằng-chính giới công tâm.*

Có nhiều phương pháp luận để tổ chức *chính sách phân phối lại cho đại chúng*, bằng ngân sách, qua *các dịch vụ chính thức phục vụ đại chúng*, qua trung gian của công pháp, qua cầu nối của công sở, qua mạng lưới của cộng đồng, trong đó hai dịch vụ tối thượng-vì-tối hậu là: y tế và giáo dục, sau đó huấn luyện và đào tạo, kế đến bảo hiểm xã hội đi đôi bảo trợ các công trình nhân đạo... tất cả đây đều là: *lương tri* của một chính sách, *lương tâm* của một chính phủ, *lương thiện* của một chính quyền! Khốn nạn là Việt tộc hiện nay không hề được hưởng ba chữ *lương* này!

Công… trí

(Từ nguyên tắc *quân bình lại* tới *năng động tính của công bằng*)

Sự sáng suốt trong phân tích, sự tỉnh táo trong diễn luận, hướng chúng ta về một định đề chung là luôn luôn có *bất bình đẳng* trong mọi xã hội, nhưng trên hệ *bất bình đẳng* vai trò của chính quyền, chức năng của chính phủ là phải *tạo điều kiện để quân bình lại*, để có thăng bằng trong xã hội, từ thăng bằng tiến tới công bằng cho *đại đa số quần chúng*: *đại chúng*.

Tạo điều kiện để quân bình lại cho *đại đa số* chưa phải là *công bằng*. Vì, *công bằng* là phạm trù có thể định lượng được, tức là *cân, đo, đong, đếm* được qua các đơn vị của toán học, được dùng để đo đạt lương bổng, tài chính, kinh tế... Ngược lại, *tạo điều kiện để quân bình lại* là phạm trù của luân lý, dùng luân lý để tạo công bằng, thì đây lại không thuộc vấn đề định lượng, tức là không *cân, đo, đong, đếm* được. Thí dụ tạo điều kiện thuận hơn cho kẻ tàn tật được dễ dàng hơn trong các cuộc thi tuyển; tạo điều kiện thuận hơn cho người lớn tuổi được dễ dàng hơn trong di chuyển với vé giá thấp; tạo điều kiện thuận hơn cho phụ nữ được dễ dàng hơn trong ngành nghề trước đây thuộc về nam giới với các ưu tiên khi tuyển dụng...

Tạo điều kiện để quân bình lại tạo ra *tiền lệ* rồi *tiền đề* phục vụ cho *năng động tính của công bằng*; và đây là thực chất của các *xã hội văn minh*, thật sự lo cho dân chúng, cho quần chúng, cho đại chúng; vì không thể có một xã hội văn minh, nếu xã hội đó không tạo *tiền lệ* và *tiền đề* giúp *kẻ yếu*, đỡ *người kém*. *Tạo điều kiện để quân bình lại* là tìm mọi cách để *kẻ có ít* được *có nhiều hơn* so với *kẻ đã có nhiều rồi*, để

khoảng cách giữa *ít* và *nhiều* không phải là khoảng cách của *bất công* không vượt qua được. Có thể vượt qua *bất công* bằng cách tranh đấu chống *bất bình đẳng* bằng *liên minh* giữa *năng động tính của công bằng* và nguyên tắc *tạo điều kiện để quân bình lại* cho *đại đa số*.

Chính *bất công* sẽ tạo ra *bất bình đẳng* ngày càng sâu, ngày càng rộng; không chóng thì chầy sẽ sinh ra: mâu thuẫn quyền lợi trong cộng đồng, xung đột tư quyền trong tập thể, giành giật ưu đãi bất chính trong xã hội. Đây chính là thảm kịch của Việt tộc hiện nay, dưới chế đô *độc quyền* và *tham quyền* của ĐCSVN, trong khi dân chúng ngày càng nghèo cực, ngày càng nheo nhóc, một bộ phận không nhỏ đã thành *dân đen*; nếu mất nhà, mất đất thì thành *dân oan*. Cùng lúc, thì tầng lớp lãnh đạo tham ô, cán bộ tham nhũng, thì ngày càng giầu, ngày càng *lắm bạc nhiều tiền*, ngày càng *"nhà cao cửa rộng"*. Chính ĐCSVN phải chịu trách nhiệm trước vận số của Việt tộc trong thảm kịch *"dầu sôi, lửa bỏng"* sẽ diễn ra trong những ngày tháng tới!

Công... lực
(bất nhẫn chống *bất công)*

Công bằng luyện tâm-luyện lý để chế tác ra *công lý*, mà công lý chính thống nhất, liêm chính nhất là công lý tôn trọng *cái đúng* để tạo tác ra cái *hay, đẹp, tốt, lành* cho xã

hội, cho dân tộc, trong đó thượng nguồn của mọi lý luận là: *tự do*, trong đó tự do cá nhân phải luôn được tôn trọng và tôn vinh, nhất là *tự do* được *thành công-thành tựu-thành đạt* trong giáo dục, trong xã hội, qua trường đời. Nếu không có *lý luận về tự do* này thì sẽ không có *cái đúng*, và cũng sẽ không có luôn *công bằng* và *công lý*.

Nhưng *nguyên tắc tự do cá nhân* chỉ đúng khi *nguyên tắc về cơ may để tạo nghiệp* phải đồng đều cho mọi cá nhân. Cụ thể là *nguyên tắc về cơ may để tạo nghiệp*, có lý luận để đòi hỏi: mỗi cá nhân đều phải được những *tiền đề-tiền lệ* thuận lợi để *thể hiện-thực hiện quyền tự do* của mình. Nếu tự do du lịch mà tùy thuộc vào khả năng kinh tế, tài chính rất khác biệt giữa các cá nhân, kẻ có tiền được đi du lịch, kẻ không có tiền không thực hiện được quyền tự do du lịch, thì thực sự không có *cơ may để tạo nghiệp* trong du lịch. Chuyện này càng đúng trong giáo dục hiện nay, cha mẹ lầm than trong lao động mà không đủ tiền đóng học phí cho con cái; trong khi đó con cái của bọn *tham quan* thì được làm *quan tham*, mà không cần chi trả gì cả!

Như vậy, *nguyên tắc về cơ may để tạo nghiệp* chính là đòi hỏi *quyền bình đẳng* trước mọi dịp may, mọi cơ hội, mọi bối cảnh, mọi thời cuộc.... và nếu có cùng một điều kiện xã hội, giáo dục thì sẽ có cùng một cơ may *thành công-thành tựu-thành đạt* trong xã hội, trong giáo dục, sau đó là nhận được *thành quả* trong nghề nghiệp, trong kinh tế. Đó mới là *thể hiện công bằng*! Đó mới là *thực hiện công lý*!

Hãy cùng nhau khẳng định -không nhượng bộ và không thỏa thuận- là chuyện *"con vua thì được làm vua"* là bất công! Hệ *"thái tử đảng",* con lãnh đạo được làm lãnh đạo, như chuyện tự nối ngôi nhau, để *tham quyền* tạo ra *tham quan*, *tham ô* sinh ra *tham nhũng* chính là bất công của tất cả bất công! Vì chính chúng là bọn *"sâu dân, mọt nước*! Chính chúng đang tiêu diệt các *nguyên tắc tự do*, chính chúng đang tận diệt các *nguyên tắc về cơ may* để tạo ra nghiệp *hay, đẹp, tốt, lành* của bao nguyên khí, của bao tiềm năng của Việt tộc!



Tuổi… tròng

Đừng để chân trời gọi mãi
Đừng để khói sương mới mọc đến hai lần…
Trần Dần

Tháo tròng *độc*

Một cổ nhưng nhiều tròng… Tuổi trẻ luôn bị độc tài *thao túng, luôn bị* độc trị *giật dây, luôn bị* độc tôn *nhào nặn, luôn bị* độc đảng *thuần hóa… Muốn tháo gỡ tròng khỏi cổ, thì bỏ* độc *để chọn* đa. *Tự tạo* đa nguyên *để có* đa trí, đa dũng *để* đa tài, đa trí *để* đa tri.

Độc tài, độc trị, độc tôn, độc đảng thường hay tuyên truyền: *«Thanh niên là nguyên khí của quốc gia», «Tuổi trẻ là tương lai của đất nước»* mà không cho tuổi trẻ chọn *nhân tri* để có tự do, *nhân tính* để có công bằng, *nhân nghĩa* để có bác ái, thì tất cả chế độ theo độc này đều nói láo, nói xạo, nói dóc.

Độc tài, độc trị, độc tôn, độc đảng không cho tuổi trẻ được chọn lựa -để chọn *đa*- thì làm sao tuổi trẻ có tự do… tự do phải từ quyết định tới hành động, tự do phải từ đề nghị tới phân tích, tự do phải từ nhận thức tới phê bình.

Ngược lại, có *đa* để thực sự có tự do, trong *đa nguyên* đã được chọn lựa, có *đa tài* sẽ có *đa tạo* để củng cố tự do của mình, trong *đa trí* đã có *đa tri,* cả hai có tương tức nên giúp nhau thăng hoa qua *đa dạng*.

Tháo tròng… *đồi trụy*

Một chính quyền *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc đảng) luôn tạo ra quan hệ độc hại cho xã hội qua công an trị, quân đội trị; luôn tạo hệ quả đầy độc tố cho quần chúng, mà tuổi trẻ là nạn nhân qua *tứ đổ tường*: từ rượu chè qua nghiện nghập, tự do hút thuốc để tự diệt *thể lực*, tự do uống rượu để tự diệt *trí lực*, tự do nghiện ngập để tự diệt *tâm lực*.

Tự diệt *thể lực*, tự diệt *trí lực*, tự diệt *tâm lực* thì sẽ không có sức để chống bất công do độc tài sinh ra, không còn sức để chống bất bình đẳng do độc trị tạo ra, không đủ sức để chống bất nhân do độc đảng đẻ ra…

Mất sức *đề kháng* của thể lực thì còn gì để *đối kháng* với cái *độc* của đồi trụy để tha hóa nhân sinh. Mất sức *kháng cự* của trí lực để đối đầu với cái *độc* của tha hóa, thì còn gì tâm lực để kháng chiến với *xấu, ác, hiểm, thâm* của cái *độc!*

Ý muốn của cái *độc* là diệt cái *hay*, nên *ý định* của cái *độc* là diệt cái *đẹp*, vì *ý đồ* của cái *độc* là diệt cái *lành*, cái *độc* cố tình truy diệt cái *tốt* để tận diệt cái *đa*.

Tháo tròng… *sợ*

Một chính quyền *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc đảng) dùng công an trị kềm chế nhân sinh, quân đội trị đàn áp nhân tính. Lấy cái độc của *bạo lực* để *bạo hành* nhân trí, lấy cái độc của bạo quyền để *bạo ngược* nhân đạo, cái *độc* luôn dùng cái *bạo* để đe dọa, để trừng trị, để áp chế cái *nhân*.

Một chính quyền *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc đảng) còn dùng khủng bố để giết hại đám đông, dùng ám sát để truy diệt cá nhân, cùng lúc dùng tù đầy để trừng trị, dùng tra tấn để trừng phạt, tất cả tập trung vào tâm lý gây nên cái *sợ* để *trị*.

Một chính quyền *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc đảng) tạo nên một *đồ hình sợ*, bằng nhiều cách, khủng bố qua lén đặt bom; ám sát người trong bóng tối, cái *độc* giết kẻ bị tù đầy bằng cách bỏ đói, tra tấn cực hình tử tù mà không cho chết ngay, truy diệt đối phương bằng thuốc độc, diệt đối phương bằng phóng xạ nguyên tử.

Cái *độc* vừa có thể là *chó cắn trộm* sau lưng ta, vừa là *ma bùn lẩn lách* trong bóng tối để đâm lén ta, không cần *nhân cách* vì không có *nhân đạo*, không cần *tư cách* vì chỉ có *độc cách* là *bám độc để diệt đa*, nhưng chính tại đây cái *độc* sẽ chết non, chết yểu vì nó chống lại *nhân từ*, ngược dòng với *nhân nghĩa,* tuổi thọ không bao giờ dài, không bao giờ sâu, mặc dù có người sống vội thì thấy cái *độc* sống lâu.

Từ tuổi nhỏ qua tuổi lớn thì tuổi trẻ là tuổi *«ít»* biết sợ trước cái *độc*, vì có lý tưởng của tự do, vì có hoài bão của nhân quyền, tạo nên can đảm trong cải tổ, tạo nên quả cảm trong cách mạng, để đấu tránh cho công bằng, chấp nhận hy sinh vì công lý.

Tuổi trẻ *«không biết sợ»* vì biết giá trị của bác ái, mỗi chọn lựa đều có cái giá phải trả, trả giá vì tự do, dấn thân vì nhân quyền, thì cái *can đảm* đã đi trên lưng, trên đầu cái *sợ*… cho nên một chính quyền *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc đảng) *«rất sợ»* tuổi trẻ! Vì tuổi trẻ là ngòi pháo ngay thượng nguồn mọi cuộc cách mạng, vì tuổi trẻ cũng là sung lực giữa hạ nguồn của mọi cuộc đổi đời.

Tháo tròng… *«cá nhân trọc phú»*

Tuổi trẻ hãy thận trọng một tròng vô hình vì luôn vô dạng, đang trùm phủ lên nhân loại qua *chủ nghĩa tư bản được thế giới hóa*, không một châu lục, không một dân tộc nào, một đất nước nào thoát nó.

Một chủ nghĩa lấy *tư lợi* để tổ chức xã hội, lấy *vốn tư* để lập quân hệ xã hội, lấy *của riêng* để làm giầu qua phương tiện sản xuất chung, trong đó cái tư hàng đầu, cái chung hàng sau; cái *tư* hạng cao, cái *chung* hạng thấp; *«cái tư ăn cỗ đi trước, cái chung lội nước đi sau»*

Một chủ nghĩa lấy *tự do cạnh tranh* làm lẽ sống, bất chấp bác ái, tạo bất công qua luật rừng vô đạo *«mạnh được, yếu thua»*, qua luật biển vô nhân *«cá lớn nuốt cá bé»*; có tiền làm chủ, không tiền làm công; có tiền là có quyền, không cần *đạo lý*, nên vắng bóng *luân lý*, nên vắng tanh *đạo đức*.

Một chủ nghĩa lấy *tôn sùng cá nhân* qua đấu đá vật chất, tranh giành kinh tế, chụp giựt tài chính, có chức để có quyền, có quyền để có tiền, không cần suy nghĩ là có chức phải có đức.

Một chủ nghĩa lấy sùng bái *«cá nhân trọc phú»* hơn là quý trọng cá thể tử tế; bái lạy *«cá nhân ngoại hình»* hơn là trân quý cá thể biết người, biết ta, *ăn ở có hậu*. Loại *«cá nhân trọc phú»* này sống vì tư lợi thì xem thường công ích xã hội; sống chỉ thấy thành công cá nhân qua giầu của thì sẽ không thấy giá trị tâm linh của đạo làm người.

Một chủ nghĩa lấy cá nhân ra để thay tình đồng bào, để đánh tráo đồng loại, thì bản thân cá nhân đó sẽ cô đơn trong nhân sinh, cô độc trong nhân thế, cô lẻ trong nhân tình, cá nhân đó càng thành công trong vật chất, thì càng què quặt trong tâm linh.

Tháo tròng *vô tri*

Kẻ *vô tri*, nhìn mà không thấy, thấy mà không hiểu, nên không có *lý luận, lập luận, giãi luận, diễn luận* trước các thực tế của cuộc sống, trước các thực tại của cuộc đời, sống trong xã hội của mình nhưng thực sự là *đui, điếc* rồi *câm, nín* trước các bất bình đẳng tới từ tà quyền, bất công tới từ bạo quyền.

Không thấy *dân đen* trong nghèo khổ, không thấy *dân oan* bị cướp đất, cướp nhà thì sẽ không sao hiểu được các *phong trào dân quyền* dẫn tới các *cao trào nhân quyền*; *tự chủ* sẽ dẫn tới *dân chủ* của các tầng lớp bị áp bức này, ngày đang lớn mạnh.

Kẻ *vô tri* sẽ không thấy và không hiểu sự vận hành của *nhân loại đi tìm nhân đạo, nhân thế đi tìm nhân nghĩa, nhân tình đi tìm nhân tính, nhân tri đi tìm nhân trí*. Vô tri luôn đi ngược hướng nhân tri. Nếu *vô tri vì vô trí* thì chỉ là *lỗi* nhẹ, còn nếu *vô tri vì vô liêm sỉ*, chỉ thấy mình mà không thấy người, lấy *vị kỷ* để vùi dập *vị tha*, thì *lỗi* nhẹ giờ đã sang *lỗi* nặng. Nếu *vô tri vì ích kỷ* sẵn sàng biến của người thành của ta, thì *lỗi* giờ đây đã bước qua *tội*, nếu là *tội* thì sẽ bị *đạo lý* xử nghiêm khắc, *công lý* xử nghiêm minh.

Tuổi trẻ hãy dụng toàn diện *đạo lý* và *công lý* như đã nhận diện ra hai ngọn hải đăng trong sương mù dân tộc hiện nay, để đứng phía các nạn nhân của bất bình đẳng, của bất công: hãy đứng hẳn về phía nước mắt!

Tháo tròng *vô giác*

Các nhà nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội nhân văn về giới trẻ việt nam nhiều lúc thẫn thờ ngạc nhiên trước các hành vi xã hội của một số thanh niên, chẳng hạn có bạn quá hâm mộ một vài ca sĩ trẻ Hàn quốc, đã hôn cả lên ghế ngồi của các ca sĩ này, lại còn tươi cười và hãnh diện vì hành vi đó, các bạn đó bị xếp hạng rất thấp trong xã hội học thanh niên vì bị xem là loại *vô giác*, vì ngay trong tư duy đã *vô minh*, ngay trong phản xạ đã *vô tri*.

Cũng các nhà nghiên cứu này ngạc nhiên về thái độ sống của nhiều bạn trẻ Việt, tới gặp trong hâm mộ rồi quy phục trước các nhà kinh doanh Trung Quốc đã thành công, lắm tiền nhiều của. Nhưng các bạn trẻ này không tự đặt ra các câu hỏi để tìm câu trả lời cho chính mình là các đại gia Tầu này, mà phần lớn là trọc phú, đã bóc lột đồng bào họ như thế nào để được giầu như vậy? Và sau này, nếu đất nước Việt bị Tầu xâm chiếm, đô hộ, đồng hóa, thì các đại gia Tầu trọc phú này, sẽ bóc lột Việt tộc của các bạn gấp bao nhiêu lần để giầu thêm?

Không cần phải là *các nhà nghiên cứu* của các ngành khoa học xã hội nhân văn để ngạc nhiên trước các hành vi xã hội của một số thanh niên, về thái độ sống của nhiều bạn trẻ hiện nay, mà chỉ cần là *du khách tham quan*, qua các thành phố, qua các nẻo đường của đất nước Việt: ai cũng ngạc nhiên là số lượng đông các thanh niên ngồi tán gẫu nhiều giờ liền trong ngày tại các quán cà phê, mà không thấy học tập, không thấy lao động, bao giờ thì đất nước Việt sẽ giầu mạnh?

Không cần phải là du khách tham quan, mà chỉ là *công dân Việt bình thường*, ai cùng vừa thắc mắc, vừa buồn khi nhìn các thanh niên đầy ngập các quán nhậu, *lời ra tiếng vào* dẫn tới *ăn tục nói phét*, vô tri khi tự khen nhau về *"tửu lượng"*, vô minh khi miệt thị phụ nữ, vô giác khi tiêu xài tiền của người thân... Tự thiêu hủy *thể lực*, còn đâu *tâm lực* để bảo vệ đất nước khi Tầu tặc đang đe dọa quê hương qua môi trường, đang hủy diệt đồng bào mình qua thực phẩm, rồi còn đâu *trí lực* để vận não làm chuyện phát triển đất nước, vắt óc để bảo vệ tiền đồ của tổ tiên!

Các bạn trẻ trong các thành phần vừa được-hoặc-bị nhận diện như trên, xin các bạn tự đặt các câu hỏi cho cho chính mình: *Tôi đang làm gì trong cuộc sống này? Cuộc sống của tôi có ích gì, lợi gì cho gia dình, cho quyến thuộc, cho dân tộc, cho quê hương? Tôi muốn làm gì trong cuộc sống này, muốn mang ý nghĩa gì cho cuộc đời tôi, cho đồng loại của tôi?* Nói gần nói xa không qua nói thật: *Tôi có nên sống trong liêm sỉ, trong tự trọng, trong khiêm cẩn với đất nước này không?*

Tháo tròng *vô loài*

Tuổi trẻ sáng suốt luôn đặt các câu hỏi *vấn nạn về đồng loại, đồng bào* của mình: hiện nay gia đình, quyến thuộc, dân tộc đang bị những nguy cơ gì? Những hiểm họa nào đang trùm phủ trên đất nước, trên quê hương ta? Tiền đồ của tổ tiên, rồi tương lai của các thế hệ sau ta sẽ phải gặp những nguy khốn gì?

Tuổi trẻ tỉnh táo luôn đặt các câu hỏi *về tương lai cả mình, của người thân, của tập thể, của cộng đồng mà mình là thành viên*: cùng nôi tam giáo đồng nguyên với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, họ đã làm chủ rồi tại sao Việt tộc lại cứ làm công cho họ, với lương bổng thấp, bị coi rẻ về số phận, bị coi thường về nhân cách, mang *kiếp lao nô*? Tại sao ngay thế hệ của mình không *tự lập để tự chủ*, không *có sáng kiến để có sáng tạo*, làm chủ như họ? Không *có gan làm giầu*, lại không chịu *thức khuya dậy sớm*? Không *một nắng hai sương*, lại hay có phản xạ *gà què ăn dựa cối xay*, trông cầu vào viện trợ? Tại sao lại nhắm mắt cho các nhóm quyền lợi thao túng vận mệnh của dân tộc? Để chúng *mượn nợ mới* để *trả nợ cũ*, rồi ai sẽ trả nợ mới khi các bọn tà quyền *cao bay, xa chạy* ra nước ngoài?

Tuổi trẻ thông minh luôn đặt các câu hỏi về *thực tại của dân tộc, thực tế của thế giới, thực tiễn của thời cuộc:* một thời cuộc đang diễn biến vừa sâu sắc, vừa gay gắt qua tên gọi: *toàn cầu hóa, thế giới hóa*, trong đó môi trường mới liên châu lục, liên văn hóa, thông tin của trực tiếp, truyền thông của trực diện, tạo ra các điều kiện mới vô cùng thuận lợi để tuổi trẻ Việt *tự giải phóng* tư duy của mình! Tự *khai thị* để *khai trí*, thoát ly *độc* (độc tài, độc trị, độc quyền, độc đảng) để nhập nội với *đa* (đa tài, đa năng, đa trí, đa hiệu trong đa nguyên).

Câu chuyện *vô loài* có lý do của nó, vì những kẻ bị xem là vô loài vì *nhân tri, nhân trí* không xếp hạng được họ trong các bậc thang của *nhân đạo, nhân tính, nhân nghĩa, nhân văn...*

Tháo tròng *vô nghĩa*

Chỉ có một cuộc sống, mà cuộc sống không vĩnh viễn, lại rất vô thường, thì tuổi trẻ chọn các cách sống có *ý nghĩa* để chống cái *vô nghĩa*; từ *mong sống* tới *muốn sống* trong ý nghĩa, với các giá trị *nhân bản*, với tầm vóc của *nhân văn*, với bản lĩnh của *nhân đạo*.

Tháo gỡ được cái *vô nghĩa*, là thoát cái bản năng: *«đói ăn, khát uống»*, có khi phải sẵn sàng chụp giựt để tồn tại, có lúc phải sang đoạt để sống còn, rời *nhân tính* để vào lối của *thú tính*. Cái *vô nghĩa* còn nằm trong cái tầm thường, kéo *nhân tính* xuống thấp hơn *nhân sinh*, mà Nguyễn Du đã mượn lời Từ Hải để loại cái *vô nghĩa* ra khỏi cái *trọng nghĩa*: *«Những phường giá áo túi cơm sá gì!»*, sống chỉ vì *chén cơm manh áo* thì thật uổng cuộc sống! Sống chỉ vì *cơm áo gạo tiền* thật phí cuộc đời!

Mỗi cá nhân tuổi trẻ phải là *chủ thể* của cuộc đời mình, của *ý nguyện sống vì đời vì người*, mà *chủ thể* là phải có trách nhiệm với tha nhân, có bổn phận với đồng loại, nên luôn có đồng cảm với đồng bào của mình.

Muốn làm *chủ thể* tới nơi tới chốn thì tuổi trẻ phải biết tự hỏi rồi tự trả lời các câu hỏi sau đây: giá trị của *nhân tính* ở đâu? Giá trị của *nhân bản* phải tìm ở đâu? Ta muốn làm gì trong *nhân thế*? Ta đủ sức làm gì cho *nhân sinh*?

Tháo tròng *vô tình*

Kẻ vô tình sống trong một hệ thống chính trị mà không hiểu *bất công* của hệ thống chính trị đó; làm việc trong một cơ chế mà không thấu các *bất bình đẳng* do cơ chế đó tạo ra. Hít thở các ý đồ *xấu, tồi, tục, dở* của một ý thức hệ của bè nhóm thống trị (rất thiểu số) mà không thấy môi trường nhân tính của mình đang bị nhiễm ô. Ăn uống các mưu đồ *thâm, độc, ác, hiểm* của bè nhóm thống trị mà không thấy mình đang bị ngộ độc, sẽ dẫn dần tới ung thư tâm linh, què quặt tư duy mà không có được một nhận thức đứng đắn nào.

Nếu một chính quyền được xây dựng trên tư lợi của bè đảng thống trị, thì luôn mang theo ba ý đồ: *khống chế-đàn áp-bóc lột* đám đông, quần chúng, dù đó là đống loại, đồng bào của chúng.

Khống chế là tước đoạt *quyền làm người* của dân chúng, rồi đưa xã hội dân sự vào khung tư tưởng tư lợi của bè nhóm thống trị; đưa vào tù qua cơ chế (hộ khẩu, biên chế, kỷ luật nội bộ...) do bè nhóm thống trị này đặt ra. Bè nhóm thống trị này sẵn sàng luật hóa, hiến pháp hóa ý đồ của chúng, để áp đặt tư lợi của bè đảng thống trị trên quyền lợi của dân tộc, áp chế quyền lợi của chúng trên cả tiền đồ của tổ tiên

Đàn áp là sử dụng các phương tiện, các công cụ, các kỹ thuật của *bạo lực* tự cho phép bè đảng thống trị *bạo động* trong xã hội, *bạo hành* trong dân chúng, *bạo ngược* trong luật pháp, *bạo ác* trong đạo lý. Bè đảng thống trị luôn nắm thật chặt công an để tổ chức công an trị trong xã hội, luôn giữ quân đội để trấn áp mọi phong trào đấu tranh vì công bằng, công lý, để dễ dàng *đổi trắng thay đen*.

Bóc lột là cụ thể hóa tư lợi bằng con đường bất chính của chính quyền, của chính phủ, bè đảng thống trị giờ đã thành bọn *cướp ngày là quan*, chúng là *tham quan* ăn tươi nuốt sống bằng *tham nhũng*, *tham ô*, chỉ vì chúng chỉ biết *tham lợi*. Chúng duy trì nghèo khổ trong dân tộc để nô lệ hóa dạ dày dân chúng, biến tiềm lực lao động của quần chúng thành lao nô cho ngoại quốc, ngoại ban mà chúng đã có chia chát qua chia lời.

Bộ ba *khống chế-đàn áp-bóc lột* là thực chất của mọi thể chế *độc* (độc tài, độc tôn, độc trị, độc quyền, độc đảng) *đánh lận con đen* khi thay quyền lợi tập thể thành quyền lợi riêng của chúng. Chúng vừa bòn rút, vừa vơ vét, vừa tính chuyện bỏ chạy, khi công lý xuất hiện để xử tội chúng, nên khi cầm quyền chúng rất sợ cái lý của đa (đa tài, đa năng, đa hiệu, đa nguyên) cùng lúc *lách luật*, nếu cần *xé luật*, vì *luật chơi, trò chơi, sân chơi* hiện nay của nhân loại mang tính phổ quát, muốn *chơi chung* thì phải liêm chính trong đạo đạo lý và công bằng qua công lý, cụ thể là phải tôn trọng nhân quyền và dân chủ.

Tháo tròng *vô tâm*

Tuổi trẻ sẽ không *vô tâm* khi có *tri thức* để trao dồi *kiến thức*, có *ý thức* để củng cố *nhận thức* trước tương lai sắp tới của nhân loại, trước vấn nạn mai sau của đồng bào, trong bối cảnh *bất bình đẳng* trên toàn cầu ngày càng nhiều, càng cao, càng sâu. Chỉ không hơn 200 gia đình mà giữ hơn 80% tài sản của nhân loại, hơn cả tài sản của 3 tỷ người đang sống trên trái đất này. Và, lượng người di dân, di tản, di cư, tứ cố vô cư, lang thang, bụi đời cũng sẽ ngày càng nhiều, càng đông, càng nheo nhóc, trong khi đám người không hơn 200 kia ngày sẽ càng giầu: *đừng chấp nhận bất bình đẳng nhân sinh này! Cũng như đừng nhắm mắt trước các bất công mà dân đen, dân oan đang phải gánh chịu trên quê hương Việt tộc!*

Hãy đặt các câu hỏi trong bao tỷ người nghèo khổ kia, có biết nhiêu nhân tài, vì không có điều kiện thuận lợi mà tài năng của họ bị mai một? Trong số người đó có bao nhiêu ngàn, bao nhiêu vạn thanh niên của Việt tộc đầy năng khiếu, tràn triển vọng để thành các *nhân tài* cho đồng bào mình mà *không có đất dụng võ?*

Hãy đẩy các câu hỏi đi xa hơn, đi sâu hơn để hiểu rõ *nghiệp chướng* mà Việt tộc đang gánh chịu trước bọn tham quan sống bằng tham nhũng, mỗi ngày bòn rút tài nguyên đất nước, bào mòn sinh lực dân tộc, đồi trụy hóa tuổi trẻ, để số phận Việt tộc như chỉ mành treo chuông hiện nay!

Kẻ *vô tâm* vì không vắt óc, vận não để hiểu nỗi khổ niềm đau của nhân thế, nên chóng chày sẽ *vô cảm*, không cảm thông hết nỗi niềm của dân tộc trước các nguy biến mới. Đừng *vô tâm* để đừng rơi vào bi kịch kẻ *vô tri* trước nhân thế, *vô tình* trước nhân sinh, rồi *vô trách nhiệm* trước nhân nghĩa với đồng bào, với đất nước.



Tuổi… *dấn*

Bỏ con tuấn mã lại đời hoang.
Tô Thùy Yên

Dấn thân từ *tự*

Kẻ dấn thân không cầu thắng, không sợ bại, vì khi dấn thân là để bảo vệ *tự do* của mình, để được *tự tại* một cách liêm sỉ nhất trong một không gian, trong một thời gian, cụ thể là trong một đất nước, một văn hóa, trong một thế hệ, trong một cuộc đời.

Tự do là động cơ, *tự tại* là ý lực thì *tự động* là hành động *tự nhiên* nhất của kẻ dấn thân, không cần ai thúc dục, không nhờ ai xô đẩy, chẳng cầu ai đưa đẩy.

Tự động dấn thân trong can đảm, *tự nhiên* hiến thân trong quả cảm, dấn thân có thể đưa tới hy sinh, thì dấn thân là trao thân cho chính lý tưởng của mình.

Nếu mỗi chọn lựa trong cuộc sống đều có cái giá của nó, thì kẻ dấn thân không làm chuyện *«trả giá»* kiểu *«tiền trao, cháo múc»*, vì *giá trị của lý tưởng* mà kẻ dấn thân tin và trao gởi đời mình: *vô giá!*

Dấn thân từ *thức*

Kẻ dấn thân không hề là kẻ muốn tự sát, vì kẻ đó luôn sống trong *thức*!

Vì *tri thức* lấy từ kinh nghiệm, lấy hiểu biết để tìm tương lai *hay, đẹp, tốt, lành.*

Vì *kiến thức* của kẻ dấn thân có chứng, có lý, có luận, nên có đường, có lối.

Vì *ý thức* của kẻ dấn thân là thống hợp của *tri thức* và *kiến thức* được trợ lực bởi *đạo lý.*

Vì *tỉnh thức* trong kẻ dấn thân có từ quyết đoán chống lại chuyện *xấu, tồi, tục, dở.*

Vì *nhận thức* trỗi dậy trong kẻ dấn thân chính là trí thức tự do của kẻ dấn thân!

Dấn thân bằng chính *cá nhân mình*

Muốn hiểu *đời*, chắc chắn là phải hiểu *cá nhân của chính mình* trước đã: mình là ai với chỗ đứng nào trong xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, xóm giềng...? Chỗ đứng của mình chính là chức năng, vai trò, từ quyền lợi tới trách nhiệm của mình trong xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, xóm giềng…

Cứ yêu cầu *chính trị học* phân tích vị thế, chức năng, vai trò… của cá nhân, trong đó chính trị học nhận định cá nhân như nền cội của mọi chính sách đúng đắn, mọi chính quyền liêm chính, mọi luật lệ công minh. Vì chính cá nhân tạo ra quan hệ xã hội và một xã hội thật sự dân chủ là một xã hội bảo vệ cá nhân. Chính quyền lợi của cá nhân làm cho xã hội phải phân minh, rành mạch giữa *công pháp* và *công cộng*, nếu cá nhân được bảo vệ quyền lợi của mình qua *công lý*, thì luật pháp phải tôn trọng cá nhân qua cách xây dựng *công bằng* giữa các cá nhân trong đời sống xã hội.

Không quên đề nghị *xã hội học* giúp chúng ta tra xét kỹ lại vai trò của cá nhân như *chủ thể hành động* trong các sinh hoạt xã hội, mà mục đích là củng cố quyền lợi cá nhân: *tư lợi!* Cùng lúc tôn trọng các tư lợi khác, các tự do phát huy tư lợi của các cá nhân khác. Quyền lợi cá nhân cũng *chính đáng* như mọi quyền lợi của xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, xóm giềng… *Tính chính đáng* về quyền lợi cá nhân phải được bảo vệ, như ta phải bảo trọng *nhân quyền, dân chủ, công bằng* trong mọi sinh hoạt của *nhân sinh*.

Như vậy, đừng quên *kinh tế học*, trong cách kết hợp nhuần nhuyễn với các luận thuyết của chính trị học và xã hội học, trong đó khoa học xã hội và nhân văn yêu cầu chúng ta phải phân tích cá nhân như một *dữ kiện của nhân sinh*, như một *giá trị của nhân tính*, như một *nguyên tắc của nhân lý*. Chính cá nhân tạo ra động cơ, ý nghĩa, phương hướng, hiệu quả-và-hậu quả trong mọi sinh hoạt kinh tế, tài chính, thương mại…

Weber, hải đăng của xã hội học và gân cốt của kinh tế học, quả quyết là sẽ không có hai chuyên nghành này nếu cả hai không biết nghiên cứu, điều tra, phân tích và diễn luận về *hành động cá nhân* trong sinh hoạt của xã hội. Pareto đi xa hơn để đề nghị hãy xác nhận rõ những hành động của mỗi cá nhân để phân giải chúng có *hợp lý* hay *không hợp lý* trên các dữ kiện khách quan để thấy định hướng của một chính quyền, phương hướng của một chính sách. Nhưng rõ nét nhất trong giãi luận vẫn là Tocqueville: chính cá nhân: *chọn lựa-quyết định-hành động* của chính mình, nên mới *đối thoại-tổ chức-thực hiện* cho *xã hội dân sự*, làm *nền móng-cơ cấu-vận hành* cho *xã hội dân chủ*.

Dấn thân từ *chính lý của mình*

Chính lý có được là nhờ *chính nghĩa*! Chưa đủ chính lý phải dựa vào *chính luận*, trong đó *lý luận* hợp lý, đi đôi cùng sức kết hợp với *lập luận* để *diễn luận, giãi luận*, luôn được nương vào *chính tri*, có sức thuyết phục cao, rồi được chấp nhận trong sinh hoạt xã hội, trong quyết định của cộng đồng, trong chọn lựa của tập thể.

Nietzsche trong khi xem lại chỗ đứng của triết học, cũng như Gide khi tra lại vai trò của văn học, luôn đặt cá nhân vào những *giá trị nền* cho mọi sinh hoạt của nhân tri, cho mọi tổ chức cho nhân trí. Khi rà lại các phân tích xã hội học của Weber, thì chính Boudon đã nâng thật cao *giá trị nền của cá nhân* trong mọi nội dung sinh hoạt xã hội, trong đó cơ chế muốn tồn tại không những phải tôn trọng quyền lợi của mọi cá nhân, mà còn phải thông hiểu: chiến lược, chiến thuật, sách lược của cá nhân trong việc đòi hỏi xã hội phải luôn tăng trưởng quyền lợi của mỗi cá nhân. Mọi trách nhiệm, mọi bổn phận được cơ chế tạo ra để hướng cá nhân vào luân lý tập thể, đạo lý dân tộc phải biết không gian *tự chủ* của cá nhân để bảo vệ *tự do* của chính cá nhân đó, thì luân lý tập thể, đạo lý dân tộc này mới tồn tại lâu dài được.

Hiểu cái lý của cá nhân để hiểu cái lý trong xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, xóm giềng, từ đó xã hội học cận đại lập ra *chủ thuyết cá nhân phương pháp luận*, vừa là *lý thuyết luận*, vừa là *phương pháp luận*, cho nên cũng là *khoa học luận* cho tất cả các nhánh của khoa học xã hội và nhân văn.

Khởi xướng cho luận thuyết này là *cá nhân là giá trị nền của xã hội*, nên cá nhân là có trong mọi giải thích *vi mô* và *vĩ mô* trong các sinh hoạt của nhân loại. Từ *sáng kiến* tới từ cá nhân, chính khi sáng kiến được chấp nhận thì trong hành động của nó sẽ sinh ra *sáng tạo*, trong đó *chế tác* sẽ đóng vai trò của *phát minh* để đưa xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, thân thuộc đi lên: thăng hoa!

Khởi điểm của luận thuyết này là phạm trù *đa (đa dạng, đa năng, đa hiệu, đa tri, đa tài…)* của cá nhân, luôn ngược lại với *độc (độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn, độc đảng…)* chỉ biết lấy *một (một người, một nhóm, một phái, một bè, một đảng)* để diệt cái *đa* của các cá nhân khác: *đa số, đa loại, đa phần, đa phương, đa dụng…*

Khởi sắc của luận thuyết này là sức công phá của nó: làm vỡ, làm mòn, làm loãng các chủ thuyết về hệ thống luận, cấu trúc luận, tập thể luận… vì đủ lực chứng luận-để-chứng thực được là mọi luận thuyết hô hào lấy *độc (độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn, độc đảng…)* trá hình dưới khẩu lệnh qua từ *công (công cộng, công sản, công chung…)* đều sai trật, nếu biết sai mà lấy ra dùng, ra xài, ra làm là bất chính! Là bịp bợm!

Dấn thân từ *chính tâm của mình*

Giải thích hiện tượng của xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, thân thuộc qua *giãi luận hành động* cá nhân để có dịp đào sâu thêm một hiện tượng cá nhân khác là: *chính tâm*, mang *nội tâm* của *chính nghĩa* sống vì *đời*, vì *người*, không vị kỷ, lánh ích kỷ, sống mà không chỉ thấy mình. *Chính tâm* chế tác ra *thành ý*, nơi mà *ý nghĩa* làm nên *ý hướng*, từ đó *ý muốn* sinh ra *ý định*, để ý định tạo nên *ý niệm* cho nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan trong mỗi cá nhân. Tuổi trẻ *biết-hiểu-nhận-sống* và miệt mài với *chính tâm* càng sớm càng tốt, càng lâu càng hay, càng bền càng đẹp!

Giai đoạn đầu tiên của *chính tâm* là định được *khả năng* cùng *năng lực* của mình trước các *dự phóng* vì *mình*, vì *đời*, vì *người*, trong đó vai trò của ham muốn và quyết tâm thực hiện dự phóng như để chuẩn bị cụ thể cho tương lai là: tiên quyết!

Giai đoạn tiếp theo là *biết* đưa *dự phóng* vào các luận điểm của mình khi sinh hoạt với xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, thân thuộc… để *dự phóng* này được chấp nhận, không những qua quyết định của tập thể, mà nhận được sự ủng hộ của các đối tác.

Giai đoạn chuyển tiếp là *nhận* trách nhiệm qua luân lý (*đúng*) của xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, thống tộc, thân thuộc… đó là *phân công* dựa trên *phân nhiệm*, trong đó *phương trình* dự phóng cá nhân giờ đã được nhận như một chương trình (*chung*) của tập thể.

Từ cái *đúng* trong luân lý của xã hội, cộng đồng, gia đình, thống tộc, thân thuộc… tới cái *chung* giữa *dự phóng cá nhân* và *định hướng tập thể* (*đúng + chung)*, sẽ làm nên cái *chính lý*, có nội lực của *chính tâm*.

Chính lý và *chính tâm* sinh ra một *nội công* khác (âm thầm nhờ khôn khéo), đó là: *cải cách*, giữ lại *trò chơi*, củng cố lại *sân chơi* và chỉ cần đổi *luật chơi*; mà không gây ra chuyện *vật đổi sao dời* cho nhân thế, không sinh ra chuyện *thịt rơi, xương rụng* cho nhân sinh.

Chính lý và *chính tâm* còn có một *nội lực* khác, (mãnh liệt như cuồng phong) đó là: *cách mạng*, loại luôn cả *trò chơi*, khử luôn cả *sân chơi*, diệt luôn *luật chơi*; để đổi đời, đổi kiếp, nhưng phải vô cùng cẩn trọng, phải *cân, đo, đong, đếm*.

Đừng làm cách mạng bừa bãi, với các khẩu lịnh: *giải phóng dân tộc, chống thực dân, chống đế quốc* với bao xương máu của đồng bào, để phải rơi vào một thảm trạng hiện nay: *thù trong giặc ngoài*, với một *chế độ độc tài vì độc đảng*, vì *tham quyền để tham nhũng*, với vận số Việt tộc như *chỉ mành treo chuông!*

Dấn thân từ *can* tới *đảm*

Khi *triết học* gặp *đạo lý* về những điều *hay, đẹp, tốt, lành*; rồi gặp *luân lý* khi mà trách nhiệm luôn đi đôi cùng bổn phận, thì triết học "sống luôn" với *đạo lý* và *luân lý*, để gầy dựng nên *triết đạo đức*, để đưa ra mệnh đề mạch lạc cho *nhân sinh*, sống phải có *nhân tính:*

Hiểu khổ đau, thanh niên với tuổi trưởng thành cũng là tuổi thấy và hiểu *nỗi khổ niềm đau* của nhân loại, của đồng loại, hiểu để thấu, thấu để chia sẻ, muốn sẻ chia trước hết phải biết cảm nhận là không nỗi đau nào của đồng bào, của đồng loại là nỗi đau riêng, nó chính là nỗi đau của chính mình, khi nhân cách của tha nhân bị vùi dập thì chính nhân cách của mình bị xúc phạm.

Hiểu can đảm thanh niên với tuổi trưởng thành, sống không cúi đầu, khoanh tay, quỳ gối, mà nhìn thẳng để thẳng lưng, thẳng lưng để thẳng bước bằng lòng quả cảm, trong đó *sự can đảm* được thấy qua *lòng quả cảm* như *đức* của nhân tính, như *phẩm* của nhân cách giúp ta *soi cái đẹp* để thấy cái hay, làm *sáng cái tốt* để bảo vệ cái lành.

Hiểu trách nhiệm, thanh niên với tuổi hiểu đời để thấu đời, sẽ là tuổi nhận trách nhiệm với người, với cộng đồng dân tộc, với các tập thể trong và ngoại thế hệ của mình, vì tuổi thiếu niên thật sự đã chấm dứt để tiếp nhận các trách nhiệm mà tổ quốc và nhân loại đang trông chờ vào mình.

Hiểu sự ân cần để nhận tha nhân, vô vụ lợi, vì không tính toán thua thiệt, thắng lời, mà ân cần là che chở tha nhân trong khốn khó, đùm bọc đồng loại trong nguy nan. Mở lòng như mở cửa đón kẻ lạ trong bão tố để kẻ lạ -dù lạ- nhưng được hưởng *mái ấm nhân tình* của ta.

Hiểu sự tự trọng khi nhận tha nhân, vì tự tôn trọng mình nên không hững hờ trước các biến nạn của tha nhân, tự trọng nên không thờ ơ trước thống khổ của đồng loại.

Hiểu khổ đau như *hiểu trách nhiệm, hiểu can đảm* như *hiểu ân cần... tôn trọng tha nhân* như *tự tôn trọng mình, "thương người như thể thương thân!".*

Dấn thân từ *sự* tới *biến*

Trong *sự cố* luôn có *biến cố,* vì trong *khám phá* luôn có *khai phá,* trong *ánh sáng mới* luôn có *ánh sáng lạ,* tạo ra *ánh sáng rực* làm *sáng* trí não, tư duy, tạo ra *lý mới* để đón nhận *luận mới.* Người khôn là kẻ thông minh luôn thấy được trong sự ngạc nhiên của chính mình trước một *sự cố* là sự khám phá ra một *biến cố* như khám phá ra *chân trời mới,* sẽ mang theo bao kiến thức mới, tri thức mới.

Hãy tìm tới *hội họa* để thấy cái vô biên trong cái hữu hình. Hãy tìm tới *âm nhạc* để thấu trong giai điệu có cái nhiệm mầu của sự tĩnh lặng. Hãy tìm tới *văn học* để soi trong một nhân tính có bao nhiêu kiếp của nhân sinh. Hãy tìm tới *thi ca* để nhận ra trong ngôn ngữ bao dung lượng của tư tưởng.

Hãy tìm tới để ngạc nhiên trước mọi *sự cố* của nghệ thuật, hãy để các *sự cố* đó tạo ra bao sóng gió trong tâm hồn ta, bao thăng trầm trong tư duy ta, làm sáng lên bao chân trời trong dự phóng, trong mai sau của ta... tức là nhận *biến cố* trong kiếp làm người của ta. Không thấy nghệ thuật, không được sống với nghệ thuật như *sự cố tạo ra biến cố* là một điều vô cùng bất hạnh cho những ai không biết mình bất hạnh, khi sống mà không có *bạn song hành* là các *sáng tạo nghệ thuật* của nhân sinh, của các nghệ sĩ.

Hãy sống với nghệ thuật và cứ để nghệ thuật thay đổi *nhân sinh quan* của ta như thay đổi *nhân tính* ta.

Hãy sống với nghệ thuật và cứ để nghệ thuật thay đổi *thế giới quan* của ta như thay đổi *nhân loại* ta.

Hãy sống với nghệ thuật và cứ để nghệ thuật thay đổi *vũ trụ quan* của ta như thay đổi *nhân thế* ta.

Dấn *nhân* tìm *quả*

Tính liên đới là thử thách lớn của tuổi trẻ để hiểu *hậu quả dây chuyền* trong mỗi hành động: từ cá nhân tới gia đình, từ họ hàng tới thống tộc, từ tập thể tới cộng đồng, từ xã hội tới nhân loại, mà ông bà ta đúc kết rất khéo: *«giật dây động rừng»*.

Tính tương tác trong mọi hành động phải được thấu như *hậu quả về sau* của mỗi hành động có sức tác động lên quan hệ xã hội, lên đời sống xã hội, không có hành động nào riêng tư, riêng rẽ, riêng biệt khi nó vận hành trong xã hội, mà tổ tiên mình ta cô đọng rất sâu: *«ăn ở phải có hậu»*.

Một hành động có hiệu quả *hay, đẹp, tốt, lành* mang lại hạnh phúc *«trong ấm, ngoài êm»* là *hành động có ý thức xã hội*. Một hành động có hậu quả *xấu, tồi, tục, dở*, lại còn gieo cảnh xung đột *«gà nhà bôi mặt đá nhau»* là hành động không những *vô ý thức xã hội*, mà phải bị xem xét như hành động *vô liêm sỉ*.

Tồi tệ nhất hiện nay trước họa Tầu tặc, một hành động có dụng ý *«cõng rắn cắn gà nhà»*, có dụng tâm *«mang voi dày mồ tổ»*, gieo thâm nạn *«nồi da, nấu thịt»* với thảm kịch *«huynh đệ tương tàn»* thì là *tội*! Không những không dung, mà phải mang ra luật pháp và luân lý xử cho: tới nơi, tới chốn, tới gốc, tới rễ, vì nó tạo ung thư ngay trong *lịch sử* nơi mà một *chính sử* làm nên gốc cho giáo dục đạo lý dân tộc bị bội đen bởi *tà sử*, bị nhúng chàm bởi *nhục sử*.

Sống kiếp người là đang viết sử về *tính liên đới*, về *tính tương tác*, về *hiệu quả* hoặc *hậu quả* mỗi hành động! Tự viết sử của chính mình là tiếp nối di chúc của tổ tiên, tự viết sử của chính mình là tiếp tục hồi ức cho ông bà, trong đó chuyện *nhân quả* là chuyện tổng kết cho *nhân sinh, nhân tình, nhân thế*; chuyện thống hợp cho *nhân tri, nhân trí, nhân lý*, chuyện tâm thức cho *nhân tính, nhân đạo, nhân nghĩa*. Vì vậy, chữ *nhân*, từ tuổi trẻ tới tuổi già, luôn là bản lĩnh của *kiến thức* biết chuyển lực để thành *nhận thức*, là nội công của *tri thức* biết trao sức cho *ý thức* một *tâm thức* có *nhân tốt* để nhận những *quả lành*.

Thức vì nhân để tốt cho quả là định vị, định hướng, định trí, định tâm của tuổi thanh xuân!

Dấn thân từ *thiên* tới *nhiên*

Không có *nhân sinh quan* nào *cao, sâu, xa, rộng* mà không được nâng bởi một *thế giới quan hay, đẹp, tốt, lành,* không có *thế giới quan* nào bền-để-vững mà không được nâng bằng một *vũ trụ quan* có *thiên nhiên* chung sống với con người trong sự tôn trọng lẫn nhau.

Có thể nhận ra trong *thiên nhiên* mang *đa lực* các sự sống của động vật, thực vật, với biết bao sự sống khác cùng chung sống với con người, tất cả đều có nhu cầu muốn sống, được sống và yên sống.

Có thể nhìn *thiên nhiên* qua *cảnh quan đẹp,* chính thiên nhiên trao tặng con người *màu sắc rộng* với *cường độ hay* và *trình độ cao* của nó, tất cả *nhập hội* để có một *vũ trụ vừa sâu, vừa hay*! *Nhập hội* trong hài hòa, đủ vai vóc tạo ra một *lễ hội* nếu biết nhìn và thấy, thấy và nhận qua mùa màng, qua *vũ trụ quan* làm *đa sắc, đa diện, đa dạng*... cho *nhân sinh quan*!

Có thể hiểu *thiên nhiên* qua *"nắng sớm, mưa chiều",* hiểu *vô thường* của vũ trụ để hiểu *vô ngã* của *cái tôi, cái ta*, lắm lúc vô duyên trong ích kỷ, vị kỷ, vì quên vị tha... Không đủ tầm vóc *thấu duyên* với thiên nhiên, không có nội công nhân cách để *chia duyên* với vũ trụ.

Có thể cảm *thiên nhiên* qua *"sớm nở, tối tàn", thấm vô thường* của vũ trụ như *thắm kiếp* người *sinh, lão, bịnh, tử,* thấy tuổi già ngay trong tuổi trẻ, nên không để phí thời gian, vì đánh mất thời gian là đang thiêu hủy không gian trong vũ trụ quan, vì vũ trụ quan là *gốc, rễ, cội, nguồn* của *kiến thức*, của *tri thức*, của *trí thức* cho *nhân sinh quan.*

Có thể thấu *thiên nhiên* qua có thể cảm *biến nhiên*, nghiệm *biến nhiên* để định nghĩa lại sự thông minh của con người, sống không phải để khai thác rồi thống trị thiên nhiên, mà phải là *sự thông minh tôn trọng lẫn nhau với thiên nhiên*, trong *sống cùng, sống cạnh, sống chung với* thiên nhiên.

Cuối cùng có thể nâng *thiên nhiên* nếu nhìn nó như một sự sống cao bằng người, có khi cao hơn cả người, đã cùng con người vượt bao *biến nhiên*, bao thử thách, bao thăng trầm, bao lần *vào sinh ra tử* với con người, để luôn có mặt trong cuộc sống của con người. *Thông minh thiên nhiên* làm đẹp vũ trụ hằng ngày của *nhân sinh rộng*, tạo được *nhân tình đẹp, nhân cách cao,* để người biết trồng cây, nâng hoa, nhận hương, yêu rừng, yêu biển, yêu cỏ cây, yêu muôn loài như yêu nhân loại.

Hiểu *thông minh thiên nhiên* để thấu *thông thạo biến nhiên*, để nhận *thông suốt thân-thiên-nhiên.*

Dấn thân từ *nhân*

Nhân như tấm lòng vô biên, không bị vị kỷ giới hạn, không bị ích kỷ khung lại, không bị tư lợi mang lên *cân, đo, đong, đếm*... Giữ chữ *nhân* từ *nhân thế* tới *nhân tình*, từ *nhân loại* tới *nhân tính*... là chuyện khó thực hiện, vì rất khó lý luận. Các bạn trẻ nên suy nghĩ về chữ *nhân* khi ta phải *tha thứ, tha lỗi, tha tội* cho những ai *phạm lỗi, phạm tội.*

Nếu *tha lỗi, tha tội* để được *sống yên* thì thực sự không phải *tha thứ.* Nếu *tha lỗi, tha tội* để được luân lý và công lý *bảo vệ* thì cũng không phải *tha thứ.* Nếu *tha lỗi, tha tội* để có được *hòa bình* trong *hòa giải, hòa hợp* trong *hòa khí* thì cũng không phải *tha thứ.* Vì cả ba loại *tha thứ* trên: *được sống yên, được bảo vệ, được giải hòa* thì đây không phải là *tha*, mà là một chuyện có *tính toán.*

Khi Phật giáo dùng *từ bi* để *tha thứ*, nhưng Khổng giáo vận dụng *pháp lý* của *công bằng* để định vị chuyện tha thứ, tức là không thể lấy *ân* mà trả cho *oán*, mà phải để *công lý* can thiệp để chuyện *tha* phải là chuyện *luật*. ta cũng chứa có câu trả lời xác đáng!

Vì cả hai Phật giáo và Khổng giáo, cũng như Lão giáo, kẻ cả Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Do thái giáo, tức là không đạo giáo nào giúp các bạn trả lời thật sự chuyện tha thứ: *thật sự tha thứ tức là tha thứ những chuyện không thể tha thứ được!* Đó mới chính là tha thứ.

Các bạn trẻ phải vừa sống, vừa ngẫm chuyện này với tòa án lương tâm của chính mình, với các phiên tòa của lương tri của chính bạn, để chuẩn bị, để sẵn sàng, để trực diện với ẩn số của cuộc sống: *tha thứ những chuyện không thể tha thứ được!*



Tuổi… chống

Trần gian hỡi?

Tôi đã về đây sống
Tôi đã tìm đâu ý nghĩa của lầm than
Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng
Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen
Tôi đã đặt trong vòng tay vạn vật
Quả tim mình nóng hổi những chờ mong.
Bùi Giáng



Chống *tham*

Rời tuổi thơ, qua tuổi thiếu niên, vào tuổi trẻ để học làm người, tuổi trẻ chưa hề bị *tham nhũng* làm thối nát hóa cuộc đời mình, nhưng trong một đất nước đầy bất công, không phát triển được, chỉ vì tham nhũng bòn rút hết sinh lực của đồng bảo mình, thì tuổi trẻ phải nhận diện để trực diện với tham nhũng.

Tham nhũng xuất phát từ vị thế của *tham quan*, lấy *tham quyền* để *tham lợi*, tức là dùng quyền lực để tạo ra quyền lợi bất chính, lạm quyền để trục lợi, tư lợi rồi trụ lợi. Không lấy công làm lời mà lấy quyền để sinh lãi. Tham nhũng lén lút trong cái bất chính của tham ô.

Tham nhũng không liêm chính, vì đã bất chính ngay trên thượng nguồn, sẵn sàng *mua quyền, bán chức* để vơ vét, *đổi trắng thay đen* để lừa đảo, biến công quyền thành tư lợi, kể tham nhũng đẩy công quyền xuống thấp hơn tư lợi sẵn sàng lừa thầy, phản bạn, thì cũng sẽ tự ý *cõng rắn cắn gà nhà*, tự tiện *đem voi dày mồ tổ*.

Tuổi trẻ có hoài bão của *công bằng*, lấy *công tâm* vực dậy *công lý*: hãy vạch mặt chỉ tên bọn tham nhũng, tham ô, tham quan, tham lợi đang đưa đất nước xuống vực thẳm.

Dấn thân là hình hài di động của tư tưởng khi tư tưởng đã trở thành lý tưởng!

Chống *nhũng*

Hậu quả của *tham nhũng* là nó làm lũng đoạn xã hội, cùng lúc làm nhũng loạn luân thường của cộng đồng, làm nhiễu loạn đạo lý của dân tộc, đây là *tội* chớ không phải là *lỗi*, nên luật pháp mới đưa bọn *tham quan* vơ vét tiền của đất nước qua *tham nhũng* ra tòa hình sự!

Sự *trong sáng* của tuổi trẻ là sự *trong sạch* trước cuộc đời khi tham nhũng chưa tác hại vào cuộc sống của chính mình, nhưng từ *trong sáng tới trong sạch* thì cả đời của các bạn phải giữ sự *trong suốt* của mình để bảo vệ *luân lý* và *công lý*. Bọn *tham ô* -lập lờ hoặc trắng trợn- qua *hối lộ* rất tránh *luân lý* và rất sợ *công lý*. Tôi còn muốn nêu lên cho bạn biết một nỗi sợ khác của bọn *tham quan sống nhờ tham nhũng* là chúng cũng rất *"mất ăn, mất ngủ"* với *lịch sử!*

Lịch sử là *ký ức của cộng đồng*, là *hồi ký của tập thể* mà cũng là *bộ nhớ của dân tộc*, trong đó *tri thức của quá khứ* sẽ là *trí thức của hiện tại* và *nhận thức của tương lai.* Miệng đời giờ đã thành bia đá ghi rõ: tội phạm của bọn tham nhũng là bòn rút sinh lực của Việt tộc, là chẻ đốn tận gốc rễ vốn liếng phát triển đất nước, là nhấn chìm tầm vóc của giống nòi vì đã nhận chìm nội lực của đồng bào mình. Chúng trực tiếp đe dọa sự thăng hoa của tuổi trẻ,

Lịch sử kháng chiến, lịch sử cách mạng, các bạn đã được học đầy đủ, vừa qua học đường, vừa qua tuyên truyền; vậy giờ đây các bạn trẻ hãy chỉ nhau học, chỉ nhau viết *lịch sử về tham nhũng*, phân tích cái *độc* để phân giải cái *hay*, giãi luận cái *xấu* để diễn luận ra cái *đẹp*. Viết lịch sử về tham nhũng một cách thành thật trong liêm chính như nhận một trách nhiệm trước tổ quốc. Viết lịch sử về tham nhũng một cách liêm sỉ như nhận một bổn phận trước đồng bào mình. Những dân tộc mà có tuổi trẻ suy ngẫm, đắn đo, dày vò về các vấn nạn của đất nước họ là những dân tộc có cơ may tự thấy *nhược điểm* của mình để vươn lên; có sinh lực tự nhận *khuyết điểm* của mình để thẳng lưng đi tới tương lai. Không để *khuyết điểm* trở thành *khuyết tật!*

Hãy *soi* khuyết tật của bọn tham nhũng để làm *sáng nhân cách trong sáng-trong sạch-trong suốt* của tuổi trẻ!

Chống *tà*

Chống *tà* là chống *gian* cùng lúc phải chống *ác*, chống *độc* cùng lúc phải chống *hoạn*... Tránh *hoạn nạn* để tránh *hoạn nghiệp*, mà Việt tộc hiện nay đang bị đe dọa tới tận mọi gốc rễ trước họa Trung Quốc: *Tầu họa!* Mà trước đó tà quyền đã mở mọi cánh cửa để *Tầu họa* dần dà thành *tộc họa!*

Chống *tà-gian-ác-độc* của *Tầu họa* là chống lại *quỷ thuật da beo*: mỗi mảng da beo là một chiến trường ngay trên quê hương của Việt tộc! Chỉ Tây nguyên không thôi đã bao nhiêu ngàn đứa trẻ sinh ra với các kẻ làm cha vô hình gốc Hoa, cùng lúc biệt khu công nghiệp Hà Tĩnh mà người Việt không được bén mảng tới, cũng là nơi mà Formosa ngộ độc cả một vùng biển mênh mang của đất nước... *Vốn Tầu* tràn lan khắp mọi công trình quốc tế đi kèm với *thầu Tầu* trong mọi dự án vùng, miền, mọi cấp quốc nội. *Vốn Tầu* bao bọc *thầu Tầu* với *chủ nợ Tầu* trên con tính *phân lời Tầu*. *Quần áo Tầu* rẻ với *thực phẩm Tầu* độc, *đường phố Tầu* nguy hại tới *hạ tầng kiến trúc Tầu* bao thầu trùm phủ là những bãi mìn da beo trải đầy trên quê hương Việt...

Tầu tổ chức Trung Ương đảng tới *Tầu dắt đầu* lãnh đạo đảng, với *quỷ thuật da beo* trong của một bộ máy *chính quyền theo Tầu*, sống khắng khít với các cơ chế của *chính phủ sống nhờ Tầu* trong bối cảnh biển đảo vừa bị chiếm, với ngư dân bị xiết đến chết dần chết mòn, ngay trên thềm lục địa của đất nước, cho tới các lãnh đạo yêu nước qua độc lập quốc gia, qua tự chủ chính trị đều bị Tầu truy nã rồi truy diệt.

Chống *quỷ thuật da beo tà-gian-ác-độc Tầu họa* là ý thức tỉnh táo và sáng suốt là chính quyền hiện nay đã bị ung thư, chính phủ hiện nay đã bị ngộ độc, lãnh tụ hiện nay đã bị xỏ mũi, lãnh đạo hiện nay đã bị trói tay...

Các bạn trẻ có thấy chưa? Có nhận ra chưa? Có ý thức chưa? Có nhận thức chưa?

Chống *bạo*

Trong xã hội, có *sinh hoạt xã hội* làm ra *đời sống xã hội*, trong đó bất bình đẳng có, bất công còn, và quyết tâm đấu tranh chống bất bình đẳng để loại bỏ bất công, được gọi là: *ý thức xã hội*, nếu xã hội đó bảo vệ nhân quyền, bảo trợ dân chủ, bảo hành công lý.

Thượng nguồn phải công nhận cái lý của nhân phẩm không phải là cái lý để tổ chức xã hội, mà trong xã hội thì ta biết có kẻ làm chủ, người làm công; trong quy trình lao động kẻ có của, người có công, thì kẻ có của đầu tư thì lợi tức cao hơn kẻ làm công, là chuyện bình thường, vì chính kẻ có của có thể một sớm một chiều mất trắng, cả lương lẫn vốn, mà kẻ làm công không chịu mất mát hết như vậy.

Câu chuyện bạo quyền ở đây nằm ở chỗ khác, nơi mà văn hào G.Flaubert, của văn chương sợi tóc cắt làm tư... rồi làm tám... rồi làm trăm để thấu sự thật vừa sâu kín-vừa bị dấu kín là: *"le pouvoir n'aime pas un autre pouvoir" (một quyền lực này thì bao giờ yêu một quyền lực khác),* khi cùng mâm, cùng chiếu với nhau.

Tuổi thanh niên là lúc phải chọn lựa là đứng về phía của kẻ có quyền, có tiền để thực hiện quy trình *"khống chế-áp chế-cưỡng chế"* lên kẻ không có quyền, lại không có tiền.

Hay là đứng về phía các nạn nhân của quy trình khống chế-áp chế-cưỡng chế này; cụ thể là đứng về phía dân đen, dân oan (đứng về phía nước mắt), câu trả lời liêm sỉ có trong cách định nghĩa nhân cách của của tuổi thanh niên trong nhân phẩm của cả kiếp người, tóm lại là: *cứu người hay hại người?*

Chọn lựa đứng vào hàng ngũ bọn khống chế quần chúng hay đấu tranh cho các nạn nhân bị không chế: chính đây là định nghĩa *đạo lý của chủ thể*, luôn là kẻ dùng tự do của mình để khẳng định *ý thức xã hội* của mình.

Chống *bất công*

Sinh hoạt xã hội mang tính tổng hợp tất cả các *định chế xã hội*, tất cả các không gian xã hội, như một tổng hợp và thống hợp này có một tổng lực vô song là tái sản xuất lại các định chế xã hội, các không gian xã hội qua các thế hệ, với cải cách, với cách mạng, với chuyển biến. Trong đó, *giá trị biểu tượng* của một xã hội (tự do, công bằng, bác ái...) còn là quyết tâm của xã hội, qua sự trợ lực của cộng đồng, của tập thể, cùng lúc mọi lực lượng xa hội này đủ sáng suốt để dung hòa các xung đột giữa các giá trị biểu tượng.

Thí dụ, khi lấy tự do làm khẩu lệnh, thì phải chấp nhận tự do cạnh tranh, có kẻ thắng người bại, thậm chí còn có hiện trạng người bóc lột người, như vậy thì làm sao có công bằng? Công bằng được vận hành qua lực cân bằng lại xã hội, cụ thể là vận dụng bác ái để triển khai đoàn kết, thăng hoa bác ái, dụng bác ái để cân bằng lại bất công, mà không hủy diệt tự do.

Đời sống xã hội còn được thấy qua tổng thể kiến thức -và mê thức- của xã hội đó. Kiến thức tạo ra tri thức đủ sức bảo vệ văn hóa, nuôi dưỡng văn minh; mê thức tức là chưa có kiến thức, thì không óc tri thức, văn hóa và văn minh bị mê tín, dị đoan vùi dập. Chế độ bảo vệ dân chủ, bảo hành nhân quyền luôn bảo đảm kiến thức. Chế độ độc tài qua độc đảng thì dùng tuyền truyền tạo hỏa mù để nuôi dưỡng *ngu dân*, để bồi dưỡng *cực đoan*, để phụng dưỡng *mê thức*.

Thấy ta giữa các định chế xã hội, thì phải thấy luôn các *bất bình đẳng* trong xã hội, sinh ra *bất công* giữa xã hội, có kẻ dùng quyền và dùng tiền khống chế kẻ khác, còn kẻ không quyền và không tiền lại là nạn nhân của kẻ có quyền và có tiền, hệ khống chế-áp chế-cưỡng chế là sự thật trước mắt có ngay và có sẵn trong xã hội, mà thanh niên phải thấy, phải hiểu để đấu tranh, lập lại công bằng bằng cách chống bất công của quy trình khống chế-áp chế-cưỡng chế.

Không thể chấp nhận *tham quan-tham quyền-tham nhũng*, để không chấp nhận chuyện tái sản xuất *"con quan thì được làm quan"* (thái tử đảng), không dám đấu tranh chống lại bất công này thì thật là một dấu chàm *"thâm nhục"* cho tuổi thanh xuân!

Chống… *bám quyền*

Quyền lực, khác với *quyền hành* dựa trên chức năng được công nhận qua cơ chế, vì *quyền lực* luôn gắn chặt với *quyền lợi*, trong đó *tư lợi* của của quyền lực luôn được giữ kín, thường được che giấu, cũng có tiếp tục giấu kín quyền lực mới bảo vệ lâu dài được quyền lợi. Từ thượng nguồn tới hạ nguồn, quyền lực mang ít nhất là ba quyền ngay trong nội bộ của chính nó*: quyền chọn lựa, quyền quyết định, và quyền hành động*. Chính qua *quy trình kín* này mà quyền lực luôn song đôi, song hành với: *tham quyền, lạm quyền, lộng quyền!* Chính sự xuất hiện của *dân chủ* qua đầu phiếu, qua bầu cử, mới kiểm tra, mới kiểm soát được phương trình ngầm *tham quyền-lạm quyền-lộng quyền* này.

Quyền lực cho phép kẻ cầm quyền vừa là *tác nhân*, lại vừa là *trọng tài*, nắm *hành pháp* và nắm luôn *tư pháp*; nghịch lý này chính là *quyền lợi ngầm* của quyền lực, vì chính nó quyết định *trò chơi-sân chơi-luật chơi*, cũng chính nó tự cho phép *đổi trò chơi-thay sân chơi-xoay luật chơi.* Quá trình này càng trắng trợn trong cái nước đang sống trong các chế độ *độc (độc tài, độc quyền, độc, trị, độc đảng)* trong đó có Việt Nam. Đây là nỗi bất hạnh hàng đầu của Việt tộc.

Quyền lực giữ *tài nguyên, tài sản, tài lực* và giật dây *tài sách* để định hướng xã hội, thao túng tập thể, điều kiện hóa cơ chế, cùng lúc mô hình hóa tương lai của một dân tộc, khuôn khổ hóa các chân trời của thanh niên, từ giáo dục tới huấn nghiệp. Bi kịch của Việt tộc từ khi *độc đảng* nắm quyền lực, thì nó luôn *«nắm dao đằng chuôi»* bằng cách nắm từ công an tới quân đội, và nhận định theo kiểu phương Tây thì nó luôn *«vừa cầm gậy để răn đe, vừa cầm cà rốt để nhử mồi»*, bằng cách nắm kinh tế và quản lý nhân sự.

Độc đảng hóa quyền lực qua *độc tài hóa quyền hành* để *độc quyền hóa quyền lợi*, chính vậy nên phương trình kín *tham quyền-lạm quyền-lộng quyền* và phương trình ngầm *tham quan-tham ô-tham nhũng* chỉ là một phương trình! có cùng một ẩn số: *bám quyền để ôm lợi*. Như vậy phải kết luận dứt khoát: không bao giờ diệt được tham nhũng trong trong các chế độ *độc (độc tài, độc quyền, độc, trị, độc đảng)*, mà chỉ có *dân chủ* với *sung lực công pháp hóa* để kiểm soát, kiểm tra, để giải độc ẩn số *tham quyền vì tham lợi* này.

Là thanh niên mà không hiểu được sự thật này thì xem như chưa trưởng thành!

Chống… *ôm quyền*

Bọn *tham quyền để ôm lợi*, tiêu diệt tài lực của dân tộc, hủy diệt tài nguyên của đất nước, qua độc quyền của độc đảng, chúng không hề liêm chính vì chúng sống để *«buôn quyền, bán chức»*, chúng cũng không được làm người lương thiện vì chúng *«mượn đầu heo nấu cháo»*, chúng cũng không được là người đứng đắn vì chúng chỉ là *«gà què ăn tựa cối xay»*. Chúng không hề dám ngẩng mặt-thẳng lưng để cạnh tranh, để thi đua, để tranh giải với các chính quyền liêm chính tôn trọng dân chủ, tôn vinh nhân quyền, như ông bà ta đã dạy con cháu *«khôn ngoan đối đáp người ngoài»*; vì thực chất tất cả chế độ *độc (độc tài, độc quyền, độc, trị, độc đảng)* chỉ là bọn *«khôn nhà, dại chợ»*.

Ôm quyền để trục lợi, thì tham vọng chỉ là *tư lợi*, không thể nào là *công lợi*, mà tư lợi là bòn mút từ công lợi, chúng không có vốn, chỉ lấy *lời* đắp *lợi*, lấy *lợi* vung bồi cho *lời*, thì chúng rất ngại gặp các chính quyền ngoại quốc liêm chính vì công bằng, đàng hoàng vì tự do, tử tế vì bác ái. Mỗi lần chúng nhìn những lãnh đạo các quốc gia dân chủ biết *«thức khuya, dậy sớm»* lo cho dân tộc họ, thì chúng vừa thấy lạ, vừa cúi đầu, vì chúng không có năng lực như họ. Mỗi lần chúng thấy những lãnh tụ các quốc gia tiến bộ yêu nhân quyền biết «*một nắng, hai sương»* vì đồng bào họ, thì chúng vừa thấy dị, vừa lẩn tránh, vì chúng không có năng khiếu như họ. Tổ tiên Việt tộc ta đâu có lầm: *«so ra mới biết ngắn dài»*.

Trong phương trình ngầm *tham quyền-lạm quyền-lộng quyền* của chúng, không hề có luân lý của kẻ lao động với công tâm của mình: *«lấy công làm lời»*, mà ngược lại khi dân đen, dân oan chỉ vào mặt chúng hét lên chúng chỉ là bọn *«sâu dân, mọt nước»*, thì lúc đó chúng chuyển *độc quyền* thành bạo *quyền* ngay! Vì chuyện «thương dân, xót nước» đâu phải là chuyện của chúng.

Với phương trình ngầm *tham quyền-lạm quyền-lộng quyền* để *bám quyền* cho tới chết, thì chuyện: chơi với ma, đi với quỷ, dạo với tà, là chuyện đã có: liên kết với xã hội đen, từ du đảng tới trộm cướp để hành hung các trí thức đòi dân chủ, các dân oan đòi giữ đất, các thanh niên đòi toàn vẹn lãnh thổ trước Tàu tặc.

Làm thanh niên mà không nhận ra được thực tế này thì xem như chưa là thanh niên!

Chống *hứa... hoạn*

Hãy chống *hứa hẹn* để chống *hoạn nạn*! Tại sao vậy?

Những hứa hẹn xưa: thiên đường cộng sản, để muốn gì có nấy, tiêu thụ theo nhu cầu, mà lao động chỉ còn là lạc thú! Những lời *hứa hão* gây ra bao *hoạn nghiệp*! Từ đấu tố tới chiến tranh, mà giờ đây từ thanh trừng tới thanh toán nhau hằng ngày vì *quyền lợi* qua *quyền lực*, mà *hậu nạn* là ta chỉ thấy *tư lợi cá nhân* trong tham quan để tham quyền, tham ô để tham nhũng.

Chúng ta muốn mọi hứa hẹn cho tương lai, mọi hẹn hò với mai sau đều phải có cơ sở của *lý luận*, có nền tảng của *lập luận*, trong đó *dữ kiện phải là chứng từ*, chúng ta không muốn loại đấu tranh giai cấp mượn danh chống bất công, để sinh ra bao sinh ly tan nát trong gia đình, con đấu tố cha mẹ trong cải cách ruộng đất, giữa làng xóm mà một sớm một chiều láng giềng trở thành tử thù, sẵn sàng truy diệt nhau.

Chúng ta không bao giờ lập lại sai lầm sắc máu trong đó cách mạng mệnh danh giải phóng dân tộc để đưa cả một dân tộc vào *ma trận huynh đệ tương tàn*. Bao nhiêu triệu sinh linh phải mất mạng, mất đời, mất tất cả trong một cuộc *biển lừa* (hứa hẹn thành hoạn nạn) mà những kẻ nắm quyền lực hiện nay chỉ lo vơ vét, sẵn túi chuẩn bị bỏ chạy với của cải của chúng, nếu tiền đồ dân tộc bị Tàu tặc xâm lấn!

Chúng ta được quyền ngờ vực mọi lời hứa của mọi ý thức hệ; chúng ta đủ luật để *vặn hỏi* mọi hứa hẹn của mọi chính quyền, nếu chính những kẻ lãnh đạo không hề liêm chính, không hề minh bạch, không hề biết hy sinh, mà chỉ biết lấy đất nước ra để trục lợi, lấy dân tộc ra để bóc lột.

Chúng đừng hứa gì cả, chúng làm trước để làm gương, chúng ta sẽ làm theo, với tỉnh táo, với sáng suốt, với trí khôn để chặn cho bằng được chuyện *hứa để rồi hoạn!*

Tuổi trẻ thật sự trưởng thành nếu tuổi trẻ nhận thức được sau lưng mọi hứa hẹn đều có đe dọa lẩn khuất trong: hứa-họa!

Chống *tha hóa*

Chống tha hóa để bảo vệ *thân*, để bảo trì *đời*, để bảo hành *kiếp*, giữ *nhân sinh* trong *nhân tính*. Chống tha hóa ngay trong xã hội hằng ngày, chống tha hóa ngay trong văn hóa để bảo vệ tính thuần chất của văn hiến tổ tiên, vậy thì phải đấu tranh chống tha hóa ngay khi đọc lại sử, xem lại sử, để chất vấn sử, để *soi hiện tại*, để làm *sáng tương lai*.

Tuổi trẻ xem lại sử của Việt tộc để phải thấy một *ẩn số* mà chính những sử gia cũng chưa làm rõ trong các công trình của họ: ẩn số của một dân tộc tính luôn bị *sức đè, sức ép của sự tha hóa* tới tự ngoại xâm. Việt tộc với một dân tộc tính sống với truyền kiếp chống sự tha hóa, luôn len lỏi, luôn luồn lách vào văn hóa tổ tiên, vào bản sắc dân tộc, luôn đe dọa các giá trị vĩnh hằng để Việt tộc luôn là Việt tộc.

Sức đè, sức ép của sự tha hóa tới tự ngoại xâm: hết Tàu tới Tây, hết Tây tới Mỹ... một cổ mà bao nhiều tròng, một nước bé so với Trung Quốc, với phương Tây nhưng không hề là nhược tiểu... Từ đại Hán qua tổ chức phong kiến quan lại qua các xảo thuật của vai Tầu tặc, tìm mọi cách đồng hóa Việt tộc với định kiến thô bỉ *giao chỉ man di*. Tới Tây tới đất Việt với chủ nghĩa ích kỷ (*égoïsme*) chống lại truyền thống tương trợ cộng đồng qua con đường chính thống của chủ nghĩa cá nhân trung tâm (*égocentrisme*).

Tâm trạng của kẻ sống để chống lại tha hóa là sống với đám nước lũ cường quốc (Tầu, Tây), tạo nên được *tâm lý* chống ngoại xâm, kể cả bọn ngoại xâm dũng mãnh nhất một thời như Mông Cổ, đã phải ba lần quỵ sụp trên chiến trường của các minh quân, minh tướng đời Trần. *Tâm trạng* và *tâm lý* tạo ra *kiến thức-ý thức-nhận thức* chế tác nên *ý muốn-ý định-ý lực* giữ vững cho bằng được tiền đồ của tổ tiên, giữ chắc tương lai cho các thế hệ mai sau, để dặn dò nhau phải sống trong *nhân phẩm* để cầm chắc *nhân tính*, phải sống trong *nhân đạo* để cầm vững *nhân tri*. Trước đe dọa của tha hóa mà không hề sợ bị tha hóa vùi dập, nhai nghiến, nuốt chửng mà vẫn thẳng lưng xác nhận *nhân tính* Việt bằng *nhân nghĩa* Việt.

Tuổi trẻ của *lòng tốt-lòng thành-lòng tin* hiện nay hãy là tuổi trẻ của *tin yêu* vào quá khứ bất khuất của Việt tộc, hãy là tuổi trẻ của quả cảm *soi sử* hôm qua để làm *sáng sử* ngày mai: chống tha hóa, không lai căng, không mất gốc, không bị bứng rễ, không bị mất cội vì không quên nguồn, với *ý nguyện ta vẫn là ta*.

Chống *nhục kiếp*

Chủ thể sử dụng *tự do của ý thức* sẽ tạo phương trình *"kiến thức-tri thức-nhận thức"* để tuổi thanh niên luôn là tuổi trưởng thành không phải chỉ qua tuổi tác, mà qua *"tỉnh thức"* trước các nỗi khổ niềm đau của đồng loại, trước các khốn cùng-khốn khổ sinh ra khốn kiếp giữa kiếp người, của kẻ bị mất *nhân quyền*, bị tha hóa giữa cõi người!

Biết là có quy trình *"khống chế-áp chế-cưỡng chế"* ngay trong xã hội, nhưng sức thông minh của thanh niên là không chấp nhận quy trình này, không chấp nhận nó tức là không *"quy phục-quy hàng"* nó, mà phải giúp nó *"cải tà quy chính"* bằng kiến thức để tránh bạo lực, bằng tri thức để tránh bạo động, với ý thức trong cải cách không đổ vỡ, không tan nát.

Lấy *vốn thức* để *"hướng thiện" vốn quyền*, và *vốn tiền* bằng kiến thức để tránh bạo lực, bằng tri thức để tránh bạo động, với ý thức của cải cách không đổ vỡ, không tan nát.

Không ít thanh niên hiện nay, tự cho là mình *"khôn"*, tự xem là mình *"lanh"*, đứng về phía kẻ có quyền, có tiền, để *"khống chế-áp chế-cưỡng chế"* đồng bào mình; nhưng tổ tiên ta rất sáng suốt, dạy ta *"khôn quá hóa dại"*.

Xã hội học cận đại khi nghiên cứu về các kẻ lấy kiến thức chuyên môn của mình để phục vụ cho bên thống trị, có phân tích rõ là các kẻ này luôn có: một *phản xạ quy phục*, một *phản ứng quy hàng* ngay trong cá tính, làm tiêu tán nhân cách của họ.

Chỉ vì, các kẻ này *phải đoán-phải dò-phải mò* trước các *ý định-ý muốn-ý đồ* của kẻ thống trị để *thỏa mãn-thỏa chí-thỏa lòng* chúng! Chúng ta có thể gọi *nỗi nhục* này là *nỗi nhục nghẹn* trong cô đơn, *nỗi nhục nghẻn* trong cô độc, *nỗi* nhục ngọng trong cô quạnh, không sao tâm sự với bất cứ ai *nhục kiếp* riêng của họ.

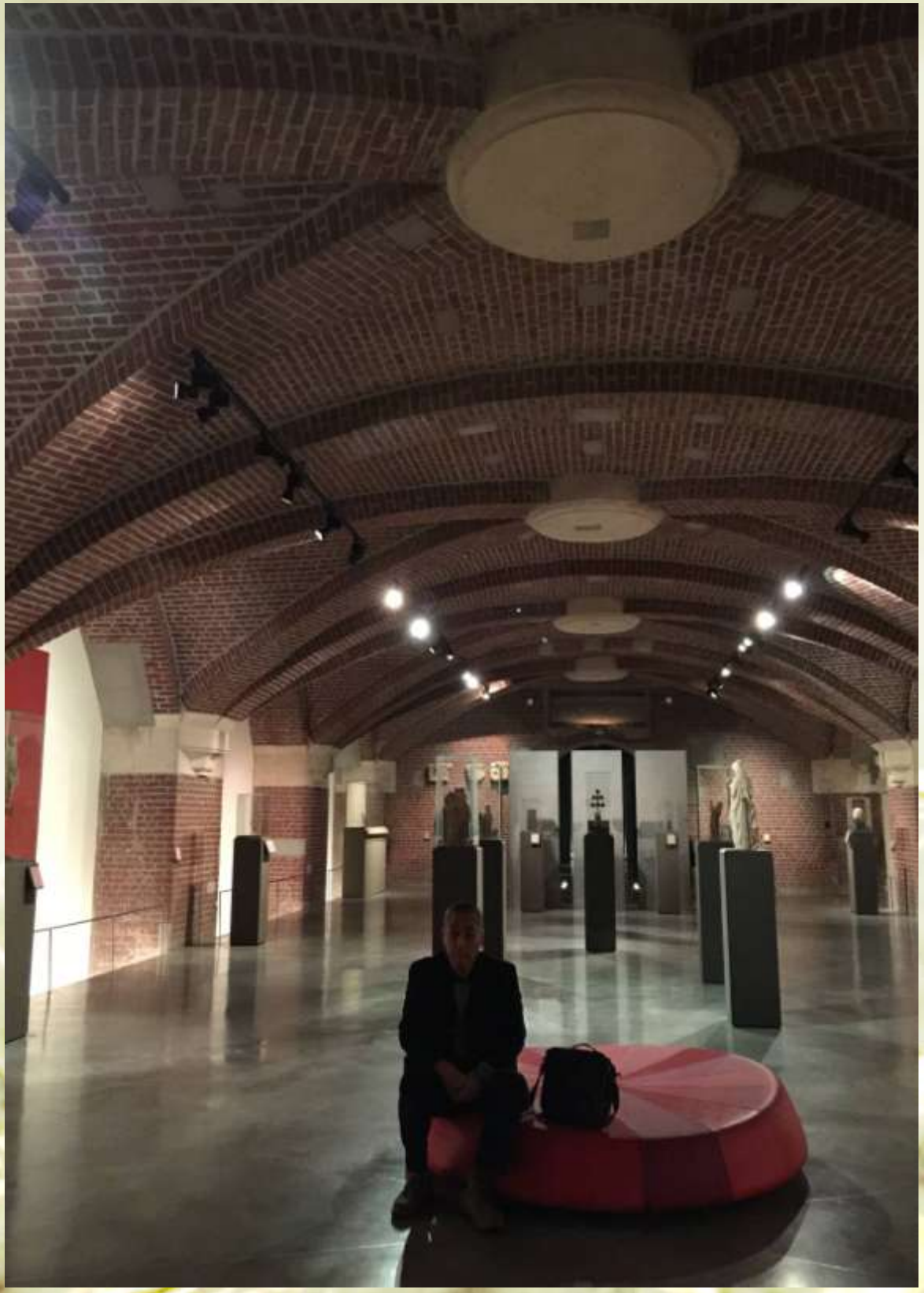

Kết

Thành-thất hay *thất-thành*

Nếu bạn tự hào về *thành quả* của bạn trong học đường, *thành công* của bạn trong nghề nghiệp, *thành tựu* của bạn trong kinh tế, vật chất, nhưng khi đến cuối cuộc đời mà bạn không có *thành tâm*, tức là không có *đồng tâm, đồng cảm* trước nỗi khổ, niềm đau của *đồng bào, đồng loại*, thì bạn chỉ *thành* một nửa thôi! Có thể nửa kia là *thất*: *thất bại* vì bị *thất vọng* là thành công cá nhân chỉ có *vị kỷ* mà không có *vị tha*, vậy thì xem như *chưa thành*, như *không thành*.

Ngược lại, bạn không có *thành quả* học đường, không có *thành công* nghề nghiệp, không có *thành tựu* kinh tế; bạn sống không địa vị nhưng biết chia sẻ, bạn sống không quyền thế nhưng đầy từ bi, bạn sống không tiền tài nhưng *vui-sống* vì biết làm cho kẻ khác *sống-vui*, thì cái bề ngoài *thất* của bạn đã mang bao ánh sáng của *thành*, vì các ánh sáng *thành* của bạn đang dụng *vị tha* để «ru vùi» *vị kỷ*, để khi *vị kỷ* thức giấc, thì *vị kỷ* đã có *«mẹ đỡ đầu»* là *vị tha* rồi!

LÊ HỮU KHÓA

DUYÊN LUẬN

(Nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây)



Anthropol-Asie

«Khóa ơi, nếu phải ra đi,
tiếc nhất là phải lỗi hẹn với bạn bè».
Trịnh Công Sơn

«Khóa cho tôi gởi lời chào tất cả
những người mà Khoá biết và tôi biết,
chuyện tất cả chúng ta muốn gặp lại nhau
chắc không thực hiện được»
Thanh Tâm Tuyền

«Khóa à, sao Toi *viết lâu quá vậy,*
bây giờ Moi *còn sống mà không đọc được,*
chết rồi làm sao đọc?»
Phạm Duy



Nhớ Trịnh Công Sơn

«Chim thiêng hát lời mệnh bạc»

Chị Thuý, chị Diệu, chị Ngân, chị Trinh, anh Tịnh, anh Hà thân quý,
Hôm nay ngày giỗ anh Sơn, Khoá thắp nhang trong vườn nhà Khoá giữa đỉnh đồi Địa Trung Hải, xung quanh là biển, rừng, núi, đồi, vắng nhân dạng, nhưng những dòng nhạc của anh Sơn lẳng lặng tìm tới, lặng lẽ trở về trong tâm trí, mà tai mình nghe thật rõ từng giai điệu; rồi nghe rõ hơn nữa là giọng nói, tiếng cười của anh trong lúc bạn bè đùa giỡn nhau. Khuôn mặt anh vui hẳn lên khi có bạn bè xung quanh. Tết năm 1984, Phạm Trọng Cầu và Khoá ngồi kể chuyện cười Pháp chọc Bỉ, rồi Bỉ chọc lại Pháp, anh ngồi ôm bụng cười hàng giờ. Hè năm 1986, Cung Trầm Tưởng và Khoá kể chuyện sinh viên Việt Nam đi du học tại Paris cho anh nghe, đi du học nhưng thật ra là lâm vào cảnh bị *«mang con bỏ chợ»* của một đất nước nghèo lại bị chiến tranh, từ đó biến thành chuyện chọc cười qua ăn uống, quần áo, mặt mũi… của du học sinh, cứ tưởng mình là những đứa con tin yêu của Việt tộc, không ngờ một sớm một chiều thành *«bụi đời»* rồi thành *«cô hồn»* lang thang giữa thủ đô ánh sáng Paris, làm anh cười lăn ra ghế. Anh có nhiều phong cách riêng mà bạn bè nhớ mãi, anh thích trao tặng quà cho bạn bè, còn những quà anh được tặng anh giữ rất lâu.

Bạn bè phương xa trời Tây điện thoại hỏi thăm anh, anh hỏi ngay câu đầu: *«Về tới Sài Gòn rồi hả?»*, nếu trả lời là: *«Đâu có về được!»*, đầu dây kia thấy anh yên lặng hồi lâu… Chắc anh buồn vì vắng bạn? Những năm chưa có internet, bạn bè tới chia tay anh, trở lại xứ Tây, anh ngồi thật yên, viết thư cho từng bạn phương xa khác không về được, rồi nhờ kẻ tới chia tay mang về trao tận tay cho những kẻ đang sống ở trời Tây… Khoá vẫn nghe rõ giọng của anh: *«Nhớ ghé ăn cơm, moi sẽ nói nhà làm cơm hến»;* hay là*: «Ráng ghé đi! Ăn với nhau một bữa bún bò huế rồi đi»…* Dành thì giờ cho bạn bè, chăm lo cho bạn bè, nhớ bạn bè, hỏi thăm, nhắc thường xuyên bạn bè, cách đối nhân xử thế có tâm có thức này, hiếm người có. Anh Sơn có một cái hay khác mà ít người biết tới, anh tìm hiểu và lắng nghe thật kỹ những trào lưu lý thuyết mới trong nhân văn và xã hội, các chủ thuyết hay về tư tưởng và triết học, các nhận định sắc sảo về thi ca và âm nhạc; vậy xin các chị, các anh cho phép Khoá viết lá thư này tới các chị, các anh, như Khoá đang trò chuyện với anh Sơn - người bạn, người anh, người thầy - qua các tác giả mà anh thích trong học thuật cận đại; sự nhạy cảm về tri thức quốc tế này, hiếm thấy trong sinh hoạt văn nghệ của chúng ta.

Tâm, thức

Người bạn, người anh, người thầy đó cũng là người dường như độc nhất hát lên những thăng trầm của đất nước và vấn nạn được họa căn của Việt tộc thế kỷ vừa qua, *chim thiêng hát lời mệnh bạc*, còn là người nghệ sĩ biết *dạy tình anh em cho dã thú* giữa cuộc chiến tranh mà con người có lúc không giữ được nhân tính. Thủa sinh thời, trong các cuộc vui, tụ họp bạn bè, anh Sơn cũng thường tránh những kẻ sống bằng bản năng, để nhân tính bị đẩy lại gần biên giới của thú tính, có lần anh phàn nàn: *«Moi thích uống rượu, nhưng moi tránh gặp những người uống nạp, uống nốc, uống như nuốt, uống mà không thưởng thức»*. Đây không phải là chuyện ăn uống, mà đây là chuyện nhân sinh quan, chuyện thế giới quan của người, vì giữa cảnh nhậu nhẹt hỗn loạn trên đất nước hiện nay, *uống nạp* nhiều hơn *uống thưởng thức*, tìm ra cho được *tâm giao* để *đắc khí* không dễ.

Năm 1984, Văn Cao dặn Khoá: *«Vào Sài gòn nhớ gặp Trịnh Công Sơn»,* như dặn Khoá cách tìm *tâm giao*, vì Văn Cao biết hơn ai hết: *tâm giao* rồi *thâm giao* người ta chỉ *có duyên* với nó vài lần trong đời, để cuối cuộc đời nhìn lại thấy ta chỉ có *vài người tâm đắc* trong cả nhân loại hoang trơ này. Sau 1975, có một số người trong miền Nam ra đi, rồi trách anh tại sao không đi? Tại sao ở lại? Tại sao làm việc với chế độ mới?... Còn nhiều câu nữa, nhưng nếu ngồi mà *«ráp lại»* những câu anh tâm sự với bạn bè, sẽ hiểu anh: *«Moi cần quê hương để sáng tác»; «Sáng tác là niềm vui lớn nhất để vượt thăng trầm»…* Có lần anh tâm sự với Khoá: «*Phải hiểu hai chuyện để sống và sáng tác: chuyện thứ nhất* «vắng mợ chợ vẫn đông», *không ai trên đời này là tối cần, là không thay thế được; chuyện thứ nhì* «thiền giữa chợ» *chấp nhận sống chung với đồng loại, là chấp nhận cái thanh phải chung chạ với cái tục, giữ được cái thanh, vượt lên cái tục… Thiền để tỉnh thức, để giữ lý trí sáng suốt nhưng cũng phải biết là cõi chợ*

là cõi hỗn nháo, nhưng không loại bỏ nó…», khoa học xã hội và nhân văn gọi những người có *«gân cốt»* phân tích đó là: *chủ thể tri thức (sujet cognitif),* biết mình biết người, biết vai vóc của cá nhân, biết tầm vóc của nhân loại.

Chủ thể tri thức tìm được cái lõi của cuộc sống, để khi trở thành *chủ thể xã hội (sujet social)* sẽ không bị các quy tắc tập thể hủy diệt mình, vì các chế độ độc tài, toàn trị luôn tìm mọi cách để diệt chủ thể. Chủ thể tri thức còn biết bảo vệ được *chủ thể tình cảm (sujet affectif)* để làm chỗ dựa của đời sống tâm linh cá nhân mình; chủ động được ba chủ thể này trong chuyện *vật đổi sao dời* của năm mươi năm đất nước biến loạn vì chiến tranh, dân tộc như bị thôi miên vì các ý thức hệ không đâu, không phải ai cũng làm được. Người đó lại còn tặng cho dân tộc mình vài trăm ca khúc mà tầm cỡ tư tưởng, vai vóc diễn luận nghệ thuật thuộc loại tinh đẩu của ca khúc thế giới.

Khoá sống tại quê nhà không tới hai mươi năm, nhưng sống ở Âu châu đã gần bốn mươi năm, Khoá thấy một chuyện lạ là dân tộc Pháp được nhân loại xem như một dân tộc trí thức, nhưng ca khúc của Pháp không trí thức; ngược lại có thể nhân loại xem dân tộc Việt Nam chưa trí thức, nhưng qua các sáng tác của anh Sơn ca khúc Việt Nam đã rất trí thức. Trí thức theo nghĩa là dùng kiến thức để bảo vệ lý trí, tiếp đó sử dụng kiến thức lẫn lý trí để gây dựng đạo lý, sau cùng biết dựa trên đạo lý để sáng tạo ra cái đẹp, cái hay, cái lành đặt chúng cạnh cái đúng, cái thật, cái trong. Anh Sơn đã làm được tất cả chuyện này, anh là đứa con tin yêu của dân tộc, trong sử Việt tộc mình chỉ có vài đứa con như vậy thôi các anh, các chị à. Khoá hiểu câu chuyện *«thiền giữa chợ»* trong cuộc đời của anh; có lần trong một lá thư gởi anh, Khoá nhắc một câu của các *«tổ sư»* trong chuyện *«mai danh ẩn tích»* giữa đời, giữa chợ của Lão giáo: *Tiểu ẩn, ẩn lâm tuyền. Đại ẩn, ẩn thành thị.*

Lời, đời

Anh Sơn gần gũi gắn bó với thơ, từ ngay trong cách dựng vần tìm nhạc, làm cho biên giới giữa thơ và nhạc như không còn nữa, nhưng anh hiểu Antonio Gamoneda hơn ai hết: *«la poésie n'est pas de la littérature. La poésie est révélation»,* thơ không phải là văn chương mà là chuyện khám phá để khai sáng, khai sáng các chân trời, khai sáng các số phận. Những năm chết chóc trước 1975. *Vùng xương khô lên tiếng nói…* Anh tìm được hình ảnh cho thơ để thơ là thơ, tức thơ là hiện hữu của khai sáng mặc dù kiếp người phù du. *Một trăm năm như tiếng thở dài.* Ý nghĩa sống giữa chết chóc chiến tranh nhiều khi không vượt được số phận Việt Nam oan khiên đắm chìm trong chuyện huynh đệ tương tàn từ 1954 tới 1975 mới dứt, *xin cho mây che đủ phận người.* Các nhạc sĩ khác thích dùng hai chữ hoàng hôn, anh Sơn sử dụng hai từ tà dương, *từng lời tà dương là lời mộ địa.* Tà dương xuất hiện như đưa đẩy dân mình tới các chân trời thẳm, tới các cõi chìm.

Những năm chiến tranh đó anh nói rõ được nỗi đau của dân tộc. *Một ngày như mọi ngày. Từng mạch đời trăn trối. Đau nặng từng lời nói.* Lời thơ của anh còn vượt lên chuyện kể lể, mà theo Goethe thơ là sức nổi loạn để được sống còn bằng lời nói, vì lời nói là ý thức sống. *Ta thấy em đêm đêm đòi lại tiếng nói*, mặc dầu *đạn về đêm đêm đốt cháy tương lai.* Lời của anh nói lên lẽ sống đang phải trực diện với cái chết. *Từng vùng thịt xương có mẹ có em.* Lời đây là lời của kiến thức mới chống lại cái tự hủy, cái diệt vong. *Tôi mất trong chiến tranh này, bao nhiêu người tình… Người tình lớn lên từ ba miền… Những người tình chưa gặp một lần…* Để hiểu thơ cận đại, có lần H.Michaux đề nghị mỗi bài thơ là một phân tích qua thực nghiệm, chữ trải nghiệm chưa đúng, thực nghiệm là nắm cái thực rồi nghiệm nó bằng lẽ sống của nhân loại nơi mà: *«Tout poète connait cette impression rare: tout d'un corps et totalement se détacher de l'humanité et entrer dans un monde qui ne doit rien à personne ».*

Thi sĩ sẽ nhận ra được một ấn tượng hiếm: cả thân mình, toàn thể tự tách rời ra khỏi nhân loại để vào một thế giới (khác) mà thi sĩ chẳng phải nợ ai, chẳng phải mang ơn ai. Anh Sơn biết các công thức thơ loại này, còn biết luôn cách thực hiện nó, nhưng anh không làm, vì giữa diệt vong anh đã thấy họa lưu vong của Việt tộc, nên anh không muốn rời cái kiếp chung của đất nước, cái họa chung của dân tộc này. *Mẹ ngồi ru con, nghe đất gọi thầm trọn nợ lưu vong.* Có những kẻ bên này, bên kia chỉ trích hay phê phán lòng yêu nước của anh, hình như họ chưa có *«thâm duyên»* với dân tộc này. Muốn thâm với duyên phải sáng với trí, để thấy được đã có lần dân tộc phải chịu bao thăng trầm tủi nhục. *Người nô lệ da vàng… ngủ quên… Người nô lệ da vàng… đi quên nước, quên non. Người nô lệ da vàng… xin áo, xin cơm…*

Phải thấy được sự thật này mới biến nó thành ý thức để làm chỗ dựa cho lương tri, chỗ đứng cho nhân phẩm. *Nghe xót xa hằn lên tuổi trời. Trẻ thơ ơi trẻ thơ ơi. Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người…* Anh Sơn làm được hai chuyện, hai thử thách, một của Bo Carpelan *«rester au centre de l'univers»,* tìm mọi cách đứng giữa vũ trụ trước mọi cơn lốc xoáy của thời cuộc, hai của Max de Carvalho *«fixer les vertiges»,* nắm và thấu các chuyện làm con người choáng váng, để biết rõ lúc nào trái đất này sống được, lúc nào sống không được. *Ghế đá công viên dời ra đường phố… Em bé lõa lồ suốt đời lang thang…*

Đi, vì

Thế hệ trước anh Sơn, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã báo động: *«Chúng tôi tuổi trẻ đầu thai lầm thế kỷ»,* tới thế hệ của anh, anh làm được chuyện tổng kết lịch sử thế kỷ thứ hai mươi chỉ bằng một câu, giờ đã thành dấu ấn trong tâm linh chúng ta: *«Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì».* Ngọn gió hoang vu nào đã mang theo cái ác, cái sai, cái tối vào thế hệ chúng ta, để rồi cái ác hà hơi cho cái bất công, cái sai bồi sức cho cái vô nhân, cái tồi nuôi dưỡng cái cúi đầu. Nội lực thơ của anh, vai vóc nhạc của anh là chối từ dứt khoát không mang những cái này vào lương tri, cũng như không bao giờ chấp nhận mang hận thù. *Một bàn cơm*

ngon, chiếu ghế không người. Mẹ bầy cho con với nước mắt rơi… Đường về phố lớn có đoàn quân đi tim không mang hận thù... Anh còn tự dặn mình đi để quên: « *Khi đất nước tôi thanh bình tôi sẽ đi thăm… Đi để quên chuyện non nước mình…»*, đi đây không phải là vừa đi vừa cúi đầu, mà đi để mở ra con đường hoà hợp hoà giải dân tộc sau ngọn gió hoang vu huynh đệ tương tàn, vậy đã gần bốn mươi năm những kẻ lãnh đạo của chế độ thắng cuộc không làm chuyện đó, lời nhạc của anh vẫn chờ đợi chuyện đó để *«Việt Nam ơi! Cho mắt nhìn rạch tan căm thù».*

V.Hugo dặn thi sĩ hãy làm cho bằng được chuyện *«devoir contenir la somme des idées de son temps »*, gồm cho bằng được mọi ý (lực) của thời mình. Thấy được mặt trời mới trong tầm nhìn tức khắc của mình. *Mặt trời mặt trời đã lên, còn nhìn, còn nhìn thấy con người.* Mặt trời là tương lai, Saint-Pol Roux nhận định không sai: *«L'arbre de la poésie plonge ses racines dans l'avenir»,* cây thơ cắm rễ của mình trong tương lai, thi sĩ thấy được tương lai trước mọi người. *Hãy còn bước đi cho bình minh lên sớm.* J.Coteau nói theo cách của ông: *«le poète se souvient de l'avenir»,* thi sĩ biết nhớ về tương lai, Apollinaire còn rõ hơn: *«l'art de prédire»,* thơ là loại nghệ thuật nói trước, nói trước được vì đoán trước được, nói trước người, nói vượt đời, nếu tìm về tận Baudelaire thì sẽ thấy thơ là: *«une sorcellerie évocatoire»* như chuyện bùa phép khơi gợi, khơi lên cái đột biến, gợi lên cái thâm sâu, anh Sơn có cách nói riêng cho mình: *Người ôm lấy muôn loài. Nằm trong tiếng bi ai.*

Nhạc của anh là trí tuệ người cẩn trọng trước chính đổ vỡ của tâm hồn mình, thơ của anh đi tìm cái thức trước khi đi tìm tương lai, chống lại cái trôi chìm của tâm linh hiện tại, *từ độ í a chim thiêng hót lời í a mệnh bạc… Từng giọt í a vô biên, trôi chìm í a tiếng tăm.* Hót lời mệnh bạc là kiếp thi nhân của anh, trôi chìm tiếng tăm là nỗi lo mất ký ức của mình và của đồng loại, Octavio Paz thấy trong mỗi bài thơ: *«une mémoire devenue image, et image devenue voix»,* một ký ức đã thành hình ảnh, và hình ảnh đó đã thành lời, anh Sơn còn nghe được cả lời ký ức của mình vang động mỗi đêm: *Nhiều đêm thấy ta là thác đổ. Tỉnh ra có khi còn nghe.* Paul Valéry nhìn rõ được trong thơ như có sự lưỡng lự, có cái phân vân: *«l'hésitation prolongée entre le son et le sens»,* sự ngần ngại kéo dài giữa âm thanh và ý nghĩa, anh Sơn thấy phân vân có băn khoăn, thấy lưỡng lự như nỗi buồn bị kéo dài ra.

Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo. Cái buồn trùm phủ cái vui, cái vui báo tình yêu vừa tới, cái buồn nhắc ngay là người yêu phải đi; cái vui nhẹ nhàng gởi tín hiệu của hạnh phúc, cái buồn áp đặt mật tin cái mất sẽ có mặt, vĩnh hằng không chỗ đứng trước *phôi pha.* Thơ trong nhạc của anh ở dạng tri thức cao - tri thức giữ cho trí thức thẳng lưng - của một chủ thể biết làm lắng đọng các biến loạn. *Tôi tìm thấy tôi trên từng xót xa. Ta nghe đời rất mênh mông. Trong từng bước đi chầm chậm.* Lấy sự thật làm lẽ phải, lấy kiến thức để bảo vệ ký ức, S.Mallarmé rất rõ trong chuyện này: *«les poètes seuls ont le droit de parler,*

parce qu'avant coup, ils savent». Những thi sĩ được quyền nói, vì họ biết trước mọi người là họ biết.

Sinh, linh

Gaston Bachelard, một triết gia yêu thơ, một nhà khoa học luận biết quý trọng linh hồn, linh hồn cái lõi của tâm hồn, một phạm trù đang bị thần kinh học tấn công tơi tả và xếp vào loại mê tính của siêu hình học, không có chỗ đứng trong khoa học; nhưng lấy gì thay thế linh hồn để làm nghệ thuật? Để bảo vệ tâm linh? Nên ông vẫn tin là: *«la poésie nous apporte des documents pour une phénoménologie de l'âme»,* thơ mang lại cho chúng ta những tư liệu để ta gây dựng được một hiện tượng luận của linh hồn. *Người chết nối linh thiêng vào đời. Và nụ cười nối trên môi.* Anh Sơn hay tự nhắc mình là kẻ hát rong, hát lên những chóng chày của sinh linh (từ này của Phật giáo dùng để gọi chúng sinh là sự sống thiêng liêng).

Kẻ hát rong này đứng giữa biên giới, bên này là nhân tính, một bên kia là thú tính, biết làm được chuyện bảo vệ bên này, nhưng không chận bên kia, mà triết gia J. Derrida diễn luận là: *«Cette question fondamentale des limites entre l'homme et la bestialité nécessite la déconstruction pour clarifier notre volonté du savoir d'enlever l'enclos qui enferme notre prétention de savoir et de prendre soin (animaux, fous, malades, marginaux…)».* Vấn đề cơ bản trong ranh giới giữa cái người và cái thú đòi hỏi con người phải biết tháo gỡ lề thói tư duy cũ của mình để thấy rõ cái ý chí của con người là gạt bỏ hàng rào, cọc đóng đang giam tù cái kiêu căng hiểu biết của chúng ta, để giúp chúng ta chăm lo kỹ hơn (cho thú vật, cho người điên, cho người bệnh, cho những kẻ đang ngoài lề cuộc sống). Anh Sơn thấy rõ chuyện này thời chiến: *Người nằm co như loài thú khi mùa đông về.*

Hãy nối lại tình người, để nối lại môi cười, như anh đã mơ *nối vòng tay lớn*, nếu những kẻ lãnh đạo hiện nay là những đấng minh quân, họ sẽ lấy bài *nối vòng tay lớn* của anh để làm quốc ca, để dứt khoát xoá sạch chuyện huynh đệ tương tàn, xây lại cơ đồ của Việt tộc qua lương tri, qua nhân phẩm. M.Foucault, triết gia của triết học chống chuyện hãm tù nhân tính, ông yêu cầu còn gay gắt hơn: *«d'affranchir la pensée de ce qu'elle pense silencieusement et lui permettre de penser autrement»*. Vượt thắng tư tưởng khi nó đang lẳng lặng suy nghĩ và giúp nó tư duy cách khác; cách khác này anh Sơn đã thấy, đã mơ: *Một ngày kia dân ta đi dựng cờ. Dạy tình anh em cho dã thú.* Có những lời thơ bị người đời coi như không thực hiện được trong thực tế cuộc sống, nhưng lời thơ đã mở đường giữa đêm cho hy vọng lần tìm lối ra, tự người cứu người, chuyện ngoan đạo là vô ích, vì *Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người.*

Y.Bonnefoy cảm nhận được dư chấn này của thơ, vì biết chỗ ở của nó: *«...Je voudrais réunir, je voudrais identifier presque la poésie et l'espoir. Un possible apparait sur la ruine de tout possible, une attente dans la substance des mots: ils apparaissent aux confins de la négativité du langage comme des anges parlant d'un Dieu encore inconnu».* Tôi gom lại, tôi muốn nhận ra thơ và niềm hy vọng. Một chuyện có thể có trên cái đã hoang tàn của những chuyện có thể làm được của đời này, đó là chuyện chờ đợi trong nội chất của chữ: chúng xuất hiện giữa lằn ranh của tính tiêu cực trong ngôn ngữ, thơ như lời các thiên thần đang nói về một thượng đế chưa có tên; anh Sơn hiểu phân tích này, nhưng anh biết từ tốn hoá thơ nhạc của mình. *Một ngày còn sống góp tiếng mong manh.* Thật vậy, xung quanh ta mọi sự sống mong manh quá, cái chết có lúc ngang nhiên mơ mộng giữa đời. *Nằm chết như mơ.*

Octavio Paz tìm được trong thơ vai vóc của con người vượt được cái chết: *«une machine qui produit de l'anti-histoire. L'opération poétique consiste dans l'inversion et dans la conversion du flux temporel, le poème n'arrête pas le temps: il le contredit et le transfigure, toute grande poésie doit se confronter avec la mort et être une réponse à la mort».* Có thể coi thơ như một nguồn máy chống sử, phương cách thơ nằm trong sự lật ngược hướng đi của thời gian, thơ không chận được thời gian nhưng nó nói ngược và nó biến dạng thời gian, thơ có tầm vóc lớn là thơ biết đối đầu với cái chết và có câu trả lời về cái chết.

Anh Sơn còn thấy cả cái hận thù, cái đau khổ, cái thờ ơ, báo cái chết đang tới để dân tộc anh mau tỉnh giấc. *Người con gái Việt Nam da vàng… Em chưa biết quê hương thanh bình… Em chỉ có con tim căm hờn. Người con gái một hôm qua làng. Đi trong đêm, đêm vang ầm tiếng súng. Người con gái chợt ôm tim mình. Trên da thơm vết máu loang dần. Người con gái Việt Nam da vàng.* Nhạc và thơ của anh thật gần gũi, làm rõ lên suy tư của A. Maumejean thấy qua hành động thơ: *«une cause irréalisable, de réduire la contradiction qu'un destin fatal impose à la condition de l'humain par le langage: l'usage d'une parole par laquelle nous sommes voués à l'inconnaissance».* Một nguyên nhân không khả thi, đã thu cái mâu thuẫn của số kiếp oan thiên rồi buộc con người qua ngôn ngữ: dụng lời để tự thú là mình vô minh. *Bạn bè ngồi quanh tuốt sáng giáo gươm. Từng ngày đảo điên, giết chết linh hồn.*

Không ai có lỗi trên chuyện này, vì người khác, người ngoài áp đặt chuyện huynh đệ tương tàn bằng chiến tranh, dân tộc ta không chế tạo ra chuyện này, vậy mà ta đã chấp nhận tiếng bom đạn làm ta điếc tai, loạn óc như chấp nhận một nghiệp chướng. *Ngày mới lớn tai nghe quen đạn mìn.* Trong quá khứ bọn xấu nói với ta là *chiến tranh không thể tránh được*, chúng ta hãy nói với các thế hệ sau ta là *chiến tranh không thể chấp nhận được.* Trong những cơn điên loạn, A.Artaud vẫn thấy thơ là *«refaire l'homme»*, gây dựng lại được con người, vì nó là tác phẩm của chuyện thu hồi lại ý thức. *Người về soi bóng mình. Giữa tường trắng lặng câm.* F.Kafka, thấy được trong thơ một cố gắng vượt thoát để vượt

thẳng: *«soulever le monde pour le faire entrer dans le pur, dans l'immuable, dans le vrai»*. Nhổ thế giới ra, nâng thế giới lên đưa nó vào cái sạch, cái vĩnh hằng trong cái thật. *Tìm trong vô thường. Thấy có đôi dòng kinh sấm bay rền vang.*

Hẹn, hát

Những năm chiến tranh, nhạc của anh Sơn như về từ cõi yên lặng khi con người tìm lại được tiếng nói của mình, loại tiếng nói của tri, của giác, của minh, chứ không phải nói để nói. R.Barthes (tác giả này, anh Sơn rất thích, anh hay hỏi về các công trình của ông, hồi ông còn sống) kể là trên đời này có một loại nhạc rất thông minh: *«la musique se tait toujours. Elle ne m'encombre d'aucun discours; elle ne veut rien substituer à mon malaise (ce qui serait le meilleur moyen de l'approfondir)»*.

Loại nhạc luôn biết im tiếng, không dành làm tham luận, nó cũng chẳng muốn thay thế chuyện khó nhọc của người (chính nó là phương tiện hay nhất buộc mình phải đào sâu nó). Anh Sơn có nhiều bài thuộc dạng này, chẳng hạn như bài Diễm xưa, đã thành *«cổ điển»* đối với người nghe nhạc, thành *«kinh điển»* đối với người làm nhạc, một bài hát biết rõ mọi diễn biến của lòng người trong cả cuộc đời. Mỗi câu trong bài này là một kinh nghiệm không quên của một lứa tuổi. Khi hai mươi tuổi, bị thất vọng trong tình yêu, người ta hát: *Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau,* vì người ta còn tin. Khi bốn mươi tuổi, người ta hết tin, người ta hát: *Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu.* Khi gần sáu mươi tuổi, người ta hết tin và không còn quê hương để nương thân, người ta hát: *Để người phiêu lãng quên mình lãng du*. Nhạc tiên tri là nhạc có cái tri, cái giác, cái minh, có luôn cả cái đúng, cái bền, cái đời trong đó nữa các chị, các anh à. Đối với những bạn bè thân, anh Sơn thường tâm sự: *«Một trong những cái buồn nhất trên đời này là lỡ hẹn với bạn bè»;* có kẻ vô tâm nghe nhưng không hiểu, lại còn *«dạy đời trở lại»*, ngoài Bắc thì *«hẹn nhỡ thì hẹn lại!»*, trong Nam thì *«hẹn sai hẹn lại mấy hồi!»*.

Chuyện lỡ hẹn của anh Sơn không phải vậy, người ta lỡ hẹn vì người ta bị chiến tranh cướp đi cuộc đời. *Đất hoang vu khép lại hẹn hò.* Bị o ép bởi chén cơm manh áo, người ta quên cả hẹn với tình. *Em theo đời cơm áo. Mai ra phố xôn xao*. Có khi người ta lỡ hẹn vì người ta bị cướp mất mặt trời, ánh sáng, đường đi tới nơi hẹn. *Hôm nay thức dậy. Không còn thấy mặt trời.* Lắm lúc người ta lỡ hẹn vì ngoan đạo, nhưng thờ ơ với tình. *Vì em đã mang lời khấn nhỏ. Bỏ ta đứng bên đời kia*. Bạn bè tới chào anh trở lại trời Tây, anh đứng trước cổng nhà 47C đường Duy Tân hỏi nhẹ, rồi cười buồn: *«Bao giờ về lại?»*, hỏi nhẹ nhưng nặng lòng, cười buồn vì trĩu tâm, có nhiều người sống cả đời mà không biết *hỏi nhẹ, cười buồn*, vì muốn có thái độ, hành vi, phong cách này thì vừa phải có cái từ tâm của Phật, có cái tử tế của Khổng, có cái khiêm tốn của Lão. W.Carlos

Williams dặn đời là mỗi lần được đọc thơ phải thấy được: *«Un univers complet en miniature. Il existe en lui-même. Tout poème de quelque valeur exprime la vie entière du poète, donne un reflet de ce qu'il est».*

Một vũ trụ đầy đủ nhưng bị thu nhỏ lại. Nhưng chính nó tự tồn tại. Mỗi bài thơ tự nó mang giá trị của cả cuộc đời thi sĩ, nó là bóng soi của thi nhân. Từ bóng qua hình trong nhạc của chính mình, anh Sơn hoàn toàn không có sự thờ ơ với đời, lãnh đạm với tình, nguội lạnh với hẹn hò. *Hôm nay ta say ôm đời ngủ muộn. Để sớm mai kia lại tiếc xuân thì.* Nỗi lo chống lại sự thờ ơ, cái lãnh đạm, tư cách nguội lạnh không có chỗ đứng trong nhạc của anh, nỗi lo đã thành lời trong nhạc của anh. *Chiều hôm thức dậy. Chập chờn lau trắng trong tay.* Có bận có người hỏi V.C.Richez thơ có phải là một hành động không? Vậy hành động thơ là gì? Ông trả lời: *«Rassembler le silence. L'épuiser… Se gorger lentement du monde souterrain, des terres sombres d'un très ancien abri… Une parole de silence qui se perd en soi… S'avaler, se défaire, consentir à cette perte…».* Tập hợp yên lặng. Vắt cho tàn sức… Để tự nó nhễu thành từng giọt xuống lòng đất, trong miền tối tăm của một nơi ẩn trú cũ kỹ… một tiếng nói của yên lặng tự lạc đường… Rồi tự thoát, tự mở tung, để cuối cùng nhận cái mất mát này. Chuyện này sẽ không khó hiểu, vì anh Sơn đã tổng kết được nó, làm rõ thành từng lời (yên lặng) trong nhạc của anh. *Thừa đôi tay dư làn môi. Từ nay tôi quên hết tiếng người.*

Thơ, thở

Năm 1998, Khoá đưa Jacques Boulogne, một chuyên gia về cổ văn, cổ sử của văn minh Âu châu tới thăm anh, trò chuyện thật lâu, từ đầu tới cuối anh Sơn trao đổi bằng tiếng Pháp rất thoải mái; có lúc Jacques Boulogne hỏi anh về tình hình đất nước, anh trả lời: *«Trên cùng một đất nước, nhưng có nơi là đất chết, có nơi là đất sống, muốn sống phải có nội lực để sống còn, một force vitale, mỗi lần bị nhấn chìm là tự nó bật dậy, trồi lên, không ai làm nó chết đuối được, Sài Gòn đây là nơi có force vitale».* Tưởng đày đọa được nó nhưng không đày đọa được, cùng lúc có nhiều nơi trên đất nước này coi như đã chết hoặc sắp chết. *Đời sao im vắng. Như đồng lúa gặt xong. Như rừng núi bỏ hoang… Không còn không còn ai.*

Khi rời khỏi nhà anh Sơn, đứng chờ taxi tới, Jacques Boulogne nói với Khoá rằng: *«Đất nước của bạn có được những đứa con tin yêu như Trịnh Công Sơn biết nhận định sắc nhọn về số phận của dân tộc mình, đây là một cơ may cho đồng bào của bạn».* P.Rozewicz tin là: *«… La poésie de nos jours est une lutte pour respirer».* Thơ thời nay là cuộc chiến đấu để thở, anh Sơn biết chuyện này, vì sáng tác của anh luôn bị đe doạ. *Trong tim tôi có lần. Một mùa ôi rất lạnh.* Thở qua thơ là chuyện không phải của thể xác, mà là chuyện của linh hồn, S.Mallarmé thấy hồn người trong tiếng thơ: *«Toute âme est une mélodie qu'il s'agit de renouer».* Mọi linh hồn trong thơ là một nhạc điệu nối được người với đời, khuyên ta thoát càng sớm càng hay kiếp vong thân, vong linh. *Còn bao lâu*

cho thân thôi lưu đày chốn đây. Từ thái độ sống của mình, thơ đã thành hành động thật, J.Bastaire tin vào hành động này: *«Parole essentielle, libérée du bruit pour arriver à un silence qui parle»*, lời đã thành chủ yếu, giải phóng người khỏi tiếng động hỗn loạn để tới sự yên lặng đang nói, đang tâm sự với mình.

Yên lặng biết nói là chuyện của thơ, cũng là chuyện đời nghệ thuật của anh vì nếu con người biết sống mà không biết yêu thương thì nên giữ yên lặng là hơn. *Hôm nay thức dậy. Không còn thấy loài người. Vây phủ quanh đời. Nói tiếng yêu thương… Như vừa mới vào đời. Tay mẹ đâu rồi? Nôi trống ru ai?* Nôi trống là sự yên lặng vừa tuyệt đối, vừa đáng sợ, P.Celan tìm cách định thần chuyện này: *«Le poème n'est pas intemporel. Certes, il élève une exigence d'infini, il cherche à se frayer passage à traver le temps - à travers lui et non par-dessus et toujours la tentation de trouver une direction»*. Một bài thơ không vĩnh hằng. Chuyện đó đúng, vì chuyện thơ đòi hỏi không ai lường được, nó tự vạch lối đi của nó qua thời gian - qua nó và không trên nó - luôn bằng ý muốn tìm ra được một phương hướng.

Trong nhạc của mình, anh Sơn lấy chữ *phù du* làm cầu nối cho thơ và thời gian. *Ôi! Phù du… một ngày kia đến bờ, đời người như gió qua.* Chuyện phù du cũng là chuyện của A.Suied thấy được trong thơ: *«Le poème ouvre le tremblement secret des âmes en éveil… Entre énigme et présence, le Poème énonce le destin et l'infinie liberté de l'aventure de chacun dans le monde inconnu et premier».* Bài thơ luôn mở ra một cơn động đất bí mật giữa những linh hồn đồng điệu, cùng nhau thức… giữa bí ẩn và hiện tại, bài thơ báo lên số phận và sự tự do vô biên trong cuộc thám hiểm của mỗi người giữa một thế giới chưa được biết mà ta gặp lần đầu qua thơ. *Bỗng tôi thấy em dưới chân cội nguồn, Nụ cười mong manh một hồn yếu đuối…*

Câu chuyện *phù du, cười mong manh, hồn yếu đuối* chưa hết; giữa thơ và nhạc của anh Sơn, xuất hiện một ẩn số thứ ba là họa, anh Sơn thích vẽ, biết vẽ, có khi say vẽ, nhiều người đã thấy tranh của anh, nhưng hiếm người nhận ra anh vẽ ngay trong nhạc của anh, chẳng hạn như trong *Tuổi đá buồn*, rõ ràng portrait một cô gái cô đơn: *hồn lẻ, nghiêng vai, gọi buồn.* Loại câu sáu chữ, ba nhóm, mỗi nhóm hai từ này, tự nó đã đứng ở chỗ vừa sâu, vừa cao trong thi ca Việt Nam. Câu chuyện thơ để thở, thở bằng thơ cũng là chuyện của L.P.Fargue thấy được hành động thơ qua sức sáng tạo ra một cuộc đời song song cũng quý báu như cuộc sống hằng ngày: *«La poésie, cette vie de secours où l'on apprend à s'évader des conditions du réel, pour y revenir en force».* Thi ca, có cuộc sống bảo toàn thứ hai, nơi mà người ta học cách thoát ra khỏi điều kiện sống thực, để sau đó trở lại mạnh hơn. Anh Sơn giúp đời thấy được tình yêu, làm cho kiếp mình mạnh hơn, dạng ra… *Mặt đất âm u, ngày tháng hoang vu. Chợt thấy em qua, rợp bóng cờ…*

Chuyện con người vững vai vóc hẳn lên qua thơ được Ramos Rosa nhận định là: «*La poésie établit un rapport entre le réel et l'inconnu, en restant dans la vie, cet acte suggère une aspiration vers le haut, mais il tend pour y parvenir à la résolution des contraires*». Thơ dựng được một quan hệ giữa cái thật và cái ẩn, giữ nó giữa đời, hành động này là chuyện thăng hoa, nó thực hiện được bằng cách xử lý các đối chấp. Nghe nhạc của anh người ta nhận ra: càng áp đặt chết chóc, chiến tranh, con người càng yêu nhiều, thương nhiều. *Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ.* Yêu để cuộc sống dễ thở. Reverdy gọi thơ là *«bouche-abime du réel»*, miệng-vực sâu của cái thực. Cái thực biết nhận ra người, ra ta. V.Hugo có lúc thốt lên: *«C'est insensé de croire que je ne suis pas toi».* Thật không chấp nhận được nếu không tin tôi không phải là anh, là chị, là kẻ đối diện… Trong câu chuyện *suy bụng ta ra bụng người* này, anh Sơn luôn có cách nói âu yếm, thanh nhã hơn: *Tôi là em mà em cũng là tôi.* Trong nhạc của anh con người luôn nhận ra nhau, bằng trực diện.

Dâng, nâng

«… Em cứ yêu con người, đời ngọt ngào vẫn thế. Em cứ dâng cho đời một nụ hoa tình cờ. Em đến bên tôi ngồi, đời mở ra cuộc tình…». Yêu người vì yêu đời mà chính cũng để thương thân mình. Biết thương người, thương thân, biết dâng tặng đời là biết nâng cuộc sống lên, không để cuộc sống mất nhân tính; trong chiến tranh vừa qua có khi phải nâng cuộc sống lên từ vực thẳm, vực nó dậy từ hố sâu. Joyce xem hành động thơ như chuyện tiếp nhận trí thông minh của sự nổi loạn, nổi loạn để đòi tự do, chứ không phải nổi loạn để đập phá: *«la poésie, même lorsqu'elle semble à son plus fantastique, est toujours une révolte contre l'artifice, une révolte, dans un sens, contre la réalité».*

Thi ca, ngay như lúc nó mang dạng giả tưởng nhất, nó luôn là cuộc nổi loạn chống chuyện vẽ vời, nó là cuộc đứng lên, nổi dậy, và trong một ý nghĩa nào đó, có chống lại thực tế. Người Việt nói viết văn, nhưng làm thơ, không ai viết thơ, làm đây là *làm cho ra chuyện*, theo cách của R.Daumal: *«La prose parle de quelque chose, la poésie fait quelque chose par des paroles»*. Văn xuôi nói về một chuyện nào đó, còn thơ thì làm chuyện đó bằng lời nói. *Ta thấy em đêm đêm đòi lại tiếng nói*, rồi thấy luôn *Nghe tiền thân về chào bóng lạ*, thấy được kiếp trước về chào tương lai mặc dầu lạ lẫm, vô định, vô phương. Nhạc của anh có sức mạnh của một loại siêu hình học luôn đi tìm lối ra cho tâm linh. *Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi?*

Triết gia Bergson, tin rằng ý thức luôn là một kinh nghiệm thân quen, trực tiếp trong hạn hữu đời người, cái hạn hữu này là một dữ kiện trực quan của ý thức. Chuyện dân tộc lầm đường, biến những đứa con thành *bụi đời* trong lúc sống, rồi thành *oan hồn* sau khi chết là cuộc triển lãm đầu tiên về lối vào tri thức của chủ thể: thân là tro, đời là bụi, anh Sơn thấu hiểu thấu chân lý vô thường này của Phật học. *Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi. Để một mai tôi trở về làm cát bụi. Ôi cát bụi mệt nhoài. Tiếng động nào gõ nhịp không nguôi.* Nhưng lẽ sống của

nhân sinh luôn tìm cách đi ngoài cái chết, vì cái chết luôn tìm cách diệt cho bằng được lý tưởng của các giá trị vĩnh hằng, làm được chuyện này cái chết đe dọa luôn các giá trị khác của sự sống, tạo sự căng thẳng giữa chủ thể và những giá trị của nhân sinh; anh Sơn thấy được chuyện này: *Còn bao lâu cho thiên thu xuống trong thân này?*

Cái nhún nhường của Lão giáo đã thâm nhập vào các bài thơ-không phổ nhạc- ở cuối đời anh: *Đường dài vỡ mộng vô thường. Ta xin một góc ta ngồi với ta.* Carl Sandburg có cách giải thích thật lạ: *«La poésie est le journal d'un animal marin qui vit sur terre et qui voudrait voler»*. Thơ là nhật ký của một con thú biển giờ phải sống trên đất liền rồi còn lại muốn bay. Thật ra chẳng có gì là lạ, đây là chuyện tự do của tư duy sáng tạo, chẳng có một chế độ nào, một ý thức hệ nào ngăn cấm được. *Xin cho ngục tù thành những công viên.* Lấy thơ dâng đời, rồi nâng cuộc sống *«dở sống, dở chết»* này, và nâng cả không gian tù rạc thành nơi quần chúng đến vui chơi, hẹn hò, anh Sơn đã làm chuyện này. Có lần Velter kể chuyện ngày thanh bình của tâm hồn trong thơ sẽ là ngày: *«L'oeil contemple le bleu du ciel, la vue réfléchit, l'azur profond du corps… par le coeur, par le souffle, par le haut, l'excès trouve son équilibre».*

Mắt trầm mặc với màu xanh của trời, ánh nhìn biết suy nghĩ, màu xanh trong lắng thật sâu trong thân. Qua con tim, qua hơi thở, trên chiều cao, cái bị xem thái quá tìm được sự thăng bằng của mình. *Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt. Rọi suốt trăm năm một cõi đi về.* P.Eluard cũng nhấn mạnh thêm về hành động thơ luôn để lại: *«marges blanches, de grandes marges de silence, les mots du poète ne servent pas à dévoiler leurs sens immédiats mais à les contraindre à livrer ce que cache leur silence»*. Những lề trắng, những lề lớn của sự yên lặng, chữ của thi sĩ không phải để vạch ra nghĩa tức khắc mà để ngăn hãm những gì mà sự lặng lẽ muốn giấu kín. *Buồn như giọt máu lặng lẽ nơi này.* Mambrino tin rằng: *«langage silencieux qui efface ses propres traces, pour qu'on entende ce que les mots ne disent pas»*.

Một ngôn ngữ yên lặng còn biết xoá chính dấu vết của nó, để người ta nghe được những chữ không đọc được. *Mỗi vết thương lành một nỗi vui. Mắt cười mênh mông giữa đôi bàn tay.* Vết thương lành, nỗi vui, mắt cười, đôi bàn tay… tất cả đây là những chốn không lời và sẽ không cần lời. Pasternak nhận ra được cõi lắng này: *«la prose en action. La poésie est le langage du fait organique»*. Văn xuôi qua hành động. Thi ca là ngôn từ của cơ chất, tức là của ruột thịt. Baudelaire tự dặn mình: *«La poésie est ce qu'il y a de plus réel. C'est ce qui n'est complètement vrai que dans un autre monde»*. Thi ca là cái có hơn thật, chuyện này hoàn toàn đúng ở một thế giới khác. *Mới hôm nào bão trên đầu.* Thấy được chuyện mà người khác không thấy, M. Edwards gọi đó là lực nhập nội của thơ: *«la poésie est le possible qui demeure possible, l'attente qui accepte d'attendre»*.

Thơ là chuyện có thể luôn ở thế khả thi, nó là cái chờ biết đợi, sáng tác của anh Sơn có sức nhập nội linh chuyển đó: *lòng thật bình yên mà sao buồn thế. Giật mình nhìn tôi ngồi khóc bao giờ.* Cendrars phạm trù hoá được lực nhập nội này: *«Chaque vie cache un destin, il y a des destins pour toujours, une épée tranchante. Parfois dans mes rêves, je vois la lumière de cet acier…».* Mỗi đời cất dấu một số kiếp, có những kiếp được sống hoài, như dao sắc. Có lúc giữa cơn mê, tôi thấy ánh lên chất thép của nó. Malcolme de Chazal chia sẻ được kinh nghiệm này : « *Le poète est un réaliste dans le plus haut sens spirituel du terme».*

Thi sĩ là kẻ theo chủ nghĩa hiện thực trong cái nghĩa tâm linh cao nhất của nó. *Đường thật lặng yên mà sao buồn thế. Giật mình nhìn quanh ồ phố xa lạ.* Brodsky nhận ra một điều trong thơ: *«La poésie est essentiellement la recherche par l'âme de sa libération dans le langage»,* thi ca là cõi lùng tìm của linh hồn trong việc nó tự giải phóng qua ngôn ngữ. *Tôi là ai mà còn ghi dấu lệ… Tôi là ai mà trần gian thế… Tôi là ai mà yêu quá đời này.* Leclaire cảm nhận được nội lực này*: «c'est faire parler la langue au-delà du sens… La langue étrangère que l'on entend au fond de soi* » đủ sức nói được bằng ngôn ngữ trên luôn cả nghĩa của chữ, một ngoại ngữ mà người ta nghe được từ tận đáy hồn mình. *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui. Chọn tiếng ru con nhẹ bước vào đời… Mỗi ngày tôi chọn một lần thôi.* Nietzche thấy các triết gia mỗi lần nhập nội vào sự gay gắt của lý luận để tổ chức các quyết đoán trong lập luận của họ, là mỗi lần họ cần phải gần thơ để: *«les sentences des poètes pour donner à leurs idées de la force et de l'authenticité».* Để những câu đối của thi sĩ thổi vào ý triết một sức mạnh của cái chính thống. Thơ dâng đời để nâng thân, giờ thơ dâng triết để nâng người trước mọi thử thách của nhân thế.

Hôm nay ngày giỗ của anh Sơn, Khoá nhớ có lần anh kể về một câu trong nhạc của anh: *Này nhân gian có nghe đời nghiêng*, chỉ một người quý yêu ra đi mà cả thế giới bị nghiêng đi, nhân loại bị lệch qua hướng khác. Nhân đây, Khoá kể thêm một chuyện cho các chị, các anh nghe, mà Khoá chưa kể với ai là từ ngày anh Sơn qua đời, trong những năm gần đây mỗi lần đi công vụ đại học cho các đại học Âu châu, Khoá cảm nhận một điều rất lạ mỗi lần ghé Sài Gòn là nơi Khoá sinh ra, nơi mà Khoá được gặp anh Sơn, giữa cái ồn ào không ngừng nghỉ của Sài Gòn hiện nay, Khoá như người bị nạo trống trong lòng, cái trống vắng không sao bù đắp được, vì không bao giờ còn nghe được câu của anh Sơn: *«Về tới Sài Gòn rồi hả?».*



Với Trịnh Công Sơn



Với Đinh Cường, Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An



Với Văn Cao

Nhớ Bùi Giáng

Đã mở cõi thì đừng ngăn miền

Anh Cường, anh Cần, anh Tiên thân quý,[13]
Hôm nay, giỗ Bùi Giáng, Khóa nhớ lại một kỷ niệm cùng các anh, một đêm ngày hè tháng 8 năm 1987, tối đậm nhưng chưa khuya khoắt lắm, chúng ta đã tới thăm anh Giáng, trong căn chòi tàn hẹp, không tới 4 thước vuông, giữa một khu vườn, xóm Bà Chiểu, chòi chật, không đủ chỗ ngồi cho 5 người. Nhưng buổi gặp gỡ này đẹp vô cùng vì: *hội ngộ* đã thành *hạnh ngộ*, mà hạnh ngộ thì ngày càng hiếm hoi trong cuộc sống. Giới trí thức Âu châu cũng vậy, Khóa sống lâu với họ, Khóa biết họ cũng rất sợ: *les rendez-vous ne deviennent pas des rencontres», những cuộc hẹn đã không làm nên những cuộc gặp gỡ.* Bùi tiên sinh của chúng mình còn nói hay hơn, vì đúc kết rộng hơn, tổng kết sâu hơn, tổng luận cao hơn qua thi ca của tiên sinh mà không ai có được: *chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn*, chưa *sơ ngộ* mà đã chết, thì làm sao có *hội ngộ* để làm được chuyện *hạnh ngộ*!

Mãnh lực của thi ca là ở đây, vì nó đã thống hợp được kinh nghiệm của nhân sinh trong khi tư tưởng chưa có lý thuyết gì để thuyết phục ta, trong khi triết học chưa có phạm trù lý thuyết gì hoàn chỉnh để duy lý hóa cho ta về chuyện này. Đứa con suốt đời nổi loạn của triết học Niezche, thấy rõ và cũng nói rõ chuyện này: *triết học suốt đời sống nhờ thi ca*. Vì vậy, câu chuyện chính về *thành nhân* trong cuộc sống của những người sáng tác như chúng ta không còn là: *thành công* qua bằng cấp, *thành đạt* qua nghề nghiệp, *thành tựu* qua kinh tế, *thành quả* trong xã hội, mà là *thành người* bằng các *hội ngộ* để làm được chuyện *tao ngộ*, để giữ *hạnh ngộ;* gặp được và hiểu được Bùi Giáng là một *hạnh ngộ*.

Chai dầu nóng

Đêm ấy, những phút đầu tiên của cuộc *hạnh ngộ* này thật lạ: Bùi tiên sinh *chụp chai dầu nóng* trên giường rồi mời mọi người: *«Mừng ngày hội ngộ, uống (rượu) cho thật say!»*, anh Tiên chận ngay*: «Đây là dầu nóng không phải rượu!»*, anh Cường cản: *«Dầu nóng uống không được!»*, anh Cần ngăn: *«Uống dầu nóng thì chết!»*, Bùi tiên sinh cười: *«Nếu không muốn say thì thôi!»*. Khi ra khỏi chòi, sau khi chia tay với Bùi Giáng, anh Cần vừa cười, vừa nói: *«Hồi nãy thằng Bùi Giáng nó «dọa» uống dầu nóng là để «chọc» tụi mình chăng?»*, anh Tiên kết: *«nó vừa chọc, vừa giễu, vừa đùa, vừa cợt… cho vui mà!».* Giữa bạn bè, anh Giáng hay nói câu: *«giỡn cho dzui mà! »*. Năm 2007, anh Tiên gởi Khóa tập thơ của anh ấy vừa xuất bản tại Mỹ, trong tập thơ này anh Tiên nhắc lại một câu của Bùi tiên sinh mà anh rất thích:

[13] Anh Cường (họa sĩ Đinh Cường), anh Cần, (thi sĩ Cung Trầm Tưởng) anh Tiên (thi sĩ Tô Thùy Yên).

«Anh xin em rỡn *một ngày*
Rồi xin ngừng rỡn *suốt ngày hôm sau».*

Khóa mới dần dần hiểu rõ hơn tư tưởng thi ca của Bùi Giáng về cuộc sống, nếu: *chọc, giễu, đùa, cợt*... Nói chung là *«rỡn* cho *vui»*, cho *vui-sống* để *sống-vui*, trên một đất nước nhiều chiến tranh hơn hòa bình, nhiều đàn áp hơn là bình yên, nhiều bạo đảng hơn dân chủ, nhiều bạo quyền hơn nhân quyền… thì tư tưởng thi ca này phải là trung tâm cuộc sống của Việt tộc, vì *«giỡn cho dzui mà!»* mỗi ngày cứu được đồng bào mình trong khổ nạn; trước bao bạo hành của bạo đảng, bạo lực của bạo quyền, sống mà không sao vui sống được, nếu không *chọc, giễu, đùa, cợt*... nói chung là *rỡn* cho *vui* thì làm sao sống được? Nhưng gần đây, nghĩ lại chuyện *«chai dầu nóng»* để *«mừng ngày hội ngộ, uống cho thật say!»* của Bùi tiên sinh, thì Khóa lại có một giả thuyết khác: đêm hôm đó anh Giáng cũng muốn *thử*, tức là muốn *cân, đo, đóng, đếm* về *tình người*, để nghiệm *lòng người* với nhau. Và nếu được *anh Tiên chận, anh Cường cản, anh Cần ngăn* thì tình bạn trong tình người còn, tấm tri ân còn dày trong lòng tri kỷ còn đầy.

Nếu giả thuyết này đúng thì Bùi Giáng rất tinh tế, đây là giả thuyết đáng tin tưởng, vì ai được sống gần anh Giáng đều phải công nhận là Bùi tiên sinh rất thông minh, sắc sảo trong nhận định, những kẻ vô minh nói là *«Bùi Giáng bị điên»,* sẽ vô tri vì sống mà không có *hội ngộ*, sẽ vô giác vì sống mà không có *hạnh ngộ*! Cái thông minh -cao và sâu- của Bùi Giáng là biết sáng tác cho mình một số phận riêng, biết chế tác cho mình một cuộc sống riêng, rồi chấp nhận trả những giá rất đắt để đánh đổi được cái tự do -rộng và đẹp- mà rất hiếm ai có được một bản lĩnh nhân sinh quan, một nội công thế giới quan, một tầm vóc vũ trụ quan như vậy, nếu được chia sẻ thời gian để được sống với Bùi Giáng cái tự-do-số-phận này thì thật là *hạnh ngộ*. Không biết tự bao giờ, Bùi tiên sinh quyết định không nói *«tiếng thường ngày»* nữa mà chỉ *«nói bằng thơ».* Những ai thân quen với Bùi thi sĩ sẽ tiếp nhận được bao cơ may là tiếng nói của thi nhân đã được thơ đúc kết thành một *«tư tưởng sống qua thơ»*, một Việt ngữ hoàn toàn mới, với ngữ vựng loáng như chớp, ngữ văn táo bạo dựng ngang nhiên giữa tiếng người, ngữ pháp trào dâng như thủy triều bất chợt vụt cao, một trường hợp độc nhất của thi ca, của văn chương:

Lỡ từ lạc bước chân ra
Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn.

Tấm (thân)

Những năm Khóa tìm hiểu về Bùi Giáng, Khóa nhận ra cuộc sống của thi sĩ mỗi ngày tự nó là một thử thách: sáng sớm vừa đi, vừa nhảy múa, luôn có thơ trong lời, sức đủ cho thân thể từ Bà Chiểu *«bay nhảy»* tới chợ Bến Thành, đi ngang khu Tân Định, lên tận Chợ Lớn, khoảng cách tính ra không biết bao nhiêu cây số? Có người thấy và nói thi sĩ: *bị điên!* Nhưng những người nói câu này họ không biết là thi sĩ nhớ rất rõ địa chỉ của bạn bè văn nghệ sĩ của mình, tới thăm,

khi chia tay luôn để lại những vần thơ trên giấy, rồi với năm tháng các bạn bè này thấy những vần thơ này quý biết bao. Tại sao quý? Với thời gian, nếu người đọc (tỉnh tâm), sẽ nhận ra trong các câu mà có vài kẻ (vô tâm) nói là *«vạ đâu viết đó»* của Bùi Giáng, nói lên sâu đậm các thăng trầm kiếp làm người, có luôn lời vấn nạn của cả một dân tộc bị đày đọa trong chiến tranh, giờ đây trong bạo đảng, có luôn số kiếp của thi ca luôn bị bêu xấu bởi cái tục của vô cảm, chỉ còn lại tấm thân của thi nhân, mà nhìn kỹ sẽ thấy bao bão giông, bão nổi trên *tấm thân* của mình:

Tấm thân với mảnh hình hài
Tấm thân thể với canh dài bão giông.

Mỗi vần thơ làm rõ cơn hỗn loạn trầm kha của tấm thân, cơn bấn loạn tới làm nên sức ép để đè *mảnh hình hài,* để dễ diệt *tấm thân thể,* không biết bao giờ thể xác mới được nghỉ ngơi, nhưng đó là lúc giúp thi sĩ đủ ý lực đẩy các *canh dài bão giông* vào sâu trong tư tưởng thi ca, để nhận ra trong chiều sâu này bao rạn nứt, những rạn nứt ngày càng thân thuộc, rồi thành thân thương với thi sĩ, làm thi ca gần hơn với (trái tim) người:

Trần gian hỡi?
Tôi đã về đây sống
Tôi đã tìm đâu ý nghĩa của lầm than
Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng
Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen
Tôi đã đặt trong vòng tay vạn vật
Quả tim mình nóng hổi những chờ mong.

Thi nhân nhận ra là có lúc phải gỡ ra từng mảnh cái thông minh luôn sáng tạo của thơ, biến nó thành lời tự thú, thúc dục nó làm sáng ra mọi khoảng trời, rồi dùng nó để *«thuần hóa»* mọi mệt mỏi, mọi chán ngán, tập sống hằng ngày như tập tành ngạc nhiên trước cuộc sống, để lời thơ thành lời giải thoát cái số phận mệt lả kiếp người, dù vẫn biết là sau lời giải thoát đó *bơ vơ* đang chờ:

Hãy mang tôi tới dặm trường
Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ.

Luôn sẵn sàng với giải thoát để sẵn lòng với cô đơn, côi cút. Nói tâm trạng này là *điên*, thì quả là sai, nói ngược lại thì đúng hơn, đây là dạng sáng suốt của sáng suốt, tỉnh táo của tỉnh táo, thức của thức, Bùi tiên sinh tự khẳng định: *Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt.*

Tìm: sơ

Đi tìm cái *sơ*, vừa trong cuộc sống, vừa trong thi ca là đi tìm cái *nguồn ngầm* từ khi thượng nguồn chưa là thượng nguồn, ở đây thi từ của Bùi Giáng dẫn chúng ta vào *sơ ngộ* để thấy *sơ giao*, nhận dạng ra *sơ sinh* khi *sơ sinh* chưa có hình hài chuẩn định. Đoán trước để biết trước, biết trước để sống trước, nên thi sĩ có những câu rất sâu và rất đúng trong tình hình sau 1975, cả miền Nam tan vụn trong kìm kẹp, mọi người ai cũng tìm đường ra đi, nhất là văn nghệ sĩ, từ các trại học tập tới các trại di tản, giữa cuộc sống tự nhiên đã thấy vắng bạn bè:

Ruộng đồng chưa thể đoán ra
Rằng trong ý bạn là ta lên đường.

Trở lại thi từ *sơ*, có từ thủa nào trong sáng tác của anh Giáng: *sơ xuân*, nhận diện ra xuân trước khi xuân đến, để thấy thật rõ: *xuân tinh thể,* trong dạng tinh suốt, trong dáng *«tin xuân»* của nó, hình chưa đọng lại, chất chưa đặc lại, tên cũng chưa có, nhưng lực đã chuyển động. *Sơ ngộ, sơ giao, sơ sinh, sơ xuân,* Bùi Giáng sẽ từ từ dắt ta tới *sơ nguyên,* để thấy cái tiền đề vô hình trước mọi cái được gọi là: *nguyên thủy*, khi rễ chưa là rễ, chưa có dạng, chưa mang hình, chưa rõ tướng, chắc không ai dám đặt tên, gọi tuổi, nhưng thần sắc nó đang bật dậy. Tại đây thi ca đưa ngôn ngữ đi thật xa, xa hơn tư tưởng, vì không qua đèo lý luận, không qua núi lập luận, nhưng *thi tính* đã nhận ra *cái đẹp*, nhận luôn ra cả màu sắc của *sơ nguyên*, khoai thai giữa càn khôn, biết sực tỉnh giữa sơn hà, để *nhạy-thức* trước những sự sống chưa được sinh ra:

Bể dâu sực tỉnh sơn hà
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.

Nhận thức nhờ *nhạy-thức*, thấy trước cả tất cả các sơ sinh của sơ sinh, chưa định hình, chưa lộ tướng, phân tâm học tri thức sẵn sàng tạm thời nêu tên nó là sự *thông minh của ý thức*, ý thức rõ chuyện *chào đời* của mọi sự vật, khi sự vật chưa là sự vật, thế mà thi sĩ đã thấy *sức sống* của nó: *sức sống trước khi sự sống chào đời.* Thi ca thấy trước, cuộc sống thấy sau, hình như đây là thử thách trong cả đời của anh Giáng; mọi mô hình, mọi quy tắc, mọi phạm trù của tính toán thực nghiệm, toan tính của khoa học, khó đi xa hơn sự *nhạy-đoán* của thi sĩ:

Hãy đem tôi tới ngoài xa
Giết tôi chết giữa màu hoa trên ngàn.

Thế giới thi ca của Bùi Giáng không có xã hội thực dụng của con người, không có tổ chức thực tại của nhân sinh, nhưng nó mang đầy nhân tính, đây là dạng thơ siêu hình học mà Bùi Giáng có vị thế bậc thầy, thầy trong thoải mái, vì có những bậc thầy rất căng thẳng, cái nghiêm ngặt của họ biến thành cái nghiêm trị, làm xung quanh phải *«khó thở»* theo. Thơ siêu hình học của anh Giáng *«dễ thở»* nên *«dễ sống»* dài lâu trong tâm tưởng chúng ta.

Chủ thể không chủ đề

Chúng ta được quyền tránh xa loại thi ca cứ tuyên bố *chủ đề* nhưng lại không cho ta thấy rõ *chủ thể* của tác giả trong chủ đề nêu ra; chủ thể hiểu theo nghĩa là tác giả dùng tự do trọn vẹn trong tự chủ toàn vẹn để sáng tạo ra nhân sinh quan của mình trong thi ca, nên khi chúng ta trân quý thơ của anh Giáng vì chúng ta luôn luôn thấy chủ thể Bùi Giáng trong ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp của anh ấy, mà tác giả không cần đặt tên cho nó, tức là nêu chủ đề cho mỗi bài. Như vậy, Bùi Giáng không những *«đủ là thi sĩ»,* mà thường xuyên *«dư sức làm thi sĩ».* Chủ đề chỉ là hậu quả của hành động thi ca, còn chủ thể mới là sáng kiến làm ra sáng tạo, làm ra sáng tác cho thi ca, mà muốn có sáng tạo không những phải biết *«xé rào»* mà còn phải có đủ bản lĩnh để *«chặt xiềng»,* đủ nội công để *«phá tù»,* đủ tầm vóc để *«đập thành, phá lũy»* của thông lệ, của thói quen, của đường mòn.

Bùi Giáng đã làm trước mắt chúng ta tất cả các chuyện này: *Tìm xa vắng bên kia bờ đổ vỡ.* Nhận số phận *thức trước-thấy sớm*, lấy tự do của thi ca để chắn lại bước đi của vô cảm, thấy luôn cả *bên kia bờ đổ vỡ* của kiếp người còn cả một vũ trụ mới lắm mà tâm khảm của thi sĩ đủ lực để kham được cả vũ trụ này: *Gió phương trời về ủ mộng giữa hoa tâm.* Nhập nội vào vũ trụ quan này sẽ thấy được bao vũ trụ khác, đang chung dựa nhau để sống, để chuyển hóa, để vận hành, để thao tác, luôn sinh động trong *trực-cảm* của thi nhân: *Ba phương trời về chung gục bên giông.*

Hành tác thi ca của Bùi Giáng mãi mãi sẽ là một chuyện lạ trong văn chương Việt, mà chuyện lạ nhất là xã hội bên ngoài không quen biết thi sĩ, thì nhìn thi sĩ như kẻ điên, cuồng ngôn vì cuồng tâm, còn những ai đã đọc thơ của Bùi Giáng, đã biết con người của thi sĩ thì ai cũng trân quý, thương yêu Bùi Giáng. Những người yêu quý thi sĩ, họ tự lập ra những đường dây tương trợ trong hệ đoàn kết, mà *xã hội học nghệ thuật* cùng *triết học nhân cách luân lý* đặt tên nó là *mạng lưới của lòng tốt (réseau de bonté)*, giúp thi sĩ vượt qua nhiều thử thách của cuộc sống trong những năm khó khăn nhất của đất nước sau 1975.

Chuyện lạ của tình người này dựa trên một chuyện lạ khác của thi ca: thi sĩ tự nhận mình điên, thường dùng lời lẽ của kẻ điên để sáng tác, kèm theo một loại *ngữ văn dầy ẩn ngữ*, một *ngữ pháp đầy ẩn dụ*, vậy mà kẻ thưởng thức thơ không bị dội ra, lùi lại, khựng thân, mà vẫn tới và vẫn yêu thơ của Bùi thi nhân: *Xóa hướng thời gian trong ẩn ngữ.* Họ yêu thi sĩ vì họ cảm nhận, họ nhận thức, họ hiểu được tấm lòng của Bùi Giáng, vì biết thi sĩ luôn trân quý sâu đậm cuộc sống, thương yêu cao rộng con người, ngay trong *nạn-kiếp* của mình. *Tâm cảnh* của thi nhân đã làm nền cho *đồng cảm*, mở rộng cửa để đón tha nhân, để người gặp được người. *Ngôn ngữ học sáng tác thi ca*, hiện nay đang muốn ngừng thật lâu với *xã hội học tiếp nhận nghệ thuật*, cùng nhau chia sẻ và chế tác ra một phạm trù lý luận về sáng tác để lập luận trên *sức bập mở của ý thức tập thể*, đủ tầm vóc để nhận ra trong *thơ điên-vần cuồng* làm lộ ra cái *ý thức hội tụ* để mọi người có thể gặp nhau được tại một chân trời mới hơn, một chân trời *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân tính, mà nhà xã hội học và triết gia Habermas đặt tên là: *la fusion des horizons (nơi hòa quyện các chân trời)*:

Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyên vẹn
Hết tâm hồn và hết cả da xương.

Càng thức khuya với Bùi Giáng thì càng biết rõ buồn vui không còn là cảm nhận do ngoại cảnh đưa tới, mà đã vào máu xương của thi sĩ, sống chung, sống cùng với thể xác, nhập nội vào thể chất để có lực mà chia sẻ với cuộc đời:

Buồn vui như thể thân mình
Ai chia nửa máu ai giành nửa xương.

Không *«nạo hồn, vét tâm»* cùng buồn vui với anh ấy, thì sẽ không hiểu tới nơi tới chốn lãnh địa mà thi sĩ gọi là chốn *điêu linh*, nơi đây là nơi con người không kiểm soát được chuyển biến của số phận của mình, vì *điêu linh* vắt não, vùi dập *tâm linh:*

Ta cứ ngỡ đùa vui trong chốt lát
Nào ngờ đâu đùa mãi đến điêu linh.

Không ai có thể *«cầm dao đằng chuôi»* với *điêu linh*, Bùi Giáng dặn ta đừng *tưởng vọng* mà Phật học đặt tên là: *vọng tưởng*, bắt đầu bằng *vọng ngoại*, đi tìm ngoại cảnh để buồn vui, thì nội tâm làm sao yên được, sau đó sinh ra *vọng động*, cứ đi tìm cảm xúc bằng ngoại cảnh, cuối cùng sẽ rơi vào *vọng loạn*, điên tâm, đảo trí, loạn lòng, mà chủ thể của *vọng*, của *tưởng*, sẽ là nạn nhân của chính mình. Nhưng hình như *tưởng vọng* của Bùi thi nhân không phải là *vọng tưởng*, vì *tưởng vọng* là tư tưởng của tự do, luôn đi ra ngoài, đi xa, để thở ra trời cao, ăn trái lạ để lấy sức cho tự do, chỉ có tự do mới kham nổi nhân phẩm, vì cuộc sống sinh nhai vốn là tù đầy nhân sinh, làm thế giới quan quên bẵng đi là phải giữ nhân sinh quan như giữ nhân phẩm: *«Nous sommes condamnés à être libre»* (Sartre), *chúng ta đã bị kết án phải luôn ở thế tự do.*

Tư tưởng tự do thoi thóp trong một bối cảnh ngặt nghèo của một đất nước không có tự do, thì tư tưởng tự do phải biết hóa thân thành *ý lực tự do*, hóa thân ra muôn hình vạn tướng thì đã là tự do rồi, Bùi Giáng viết rõ về phạm trù này: *đa dung mạo* luôn sánh đôi cùng *đa nội lực*, đây là bản lĩnh của tự do, mà cũng là nội công của trí thông minh của con người biết mình là ai trong liêm sỉ của tự do; vì mất tự do tức là đã mất *nhân cách*, không có nhân cách làm sao có *tư cách*, thì đừng mong nói tới chuyện *phong cách*. Mà phong cách là thi đạo của Bùi tiên sinh đúng như Phạm Duy đã thấy khi nhận ra thi từ của thi sĩ biết: «*sống hết mình*», những ai nói thi sĩ này điên, nên cẩn trọng, một trong định nghĩa của điên loạn là sống trong *«tranh tối, tranh sáng»* mà *«lấy hư làm thực»*, còn Bùi Giáng thì sáng suốt tới độ lấy cuộc sống làm sân khấu, lấy sân khấu cuộc đời để *«khai thị»* những kẻ *«tỉnh trong mê»*, vì ông đã *«rời mê, ra tỉnh»*, nên ông có cái sáng suốt mà không ai có: *Cõi điên vũ trụ tùy nghi tung hoành*, tự do tung hoành vì tự do này do chính mình tạo ra, mà không mong cầu một chế độ nào bố thí, không van xin một đảng phái nào ban bố! Nếu một người điên mà trong *cõi điên* đã tìm được *hạnh phúc thần tiên ở đời* cho mình, thì chưa chắc họ điên, nên những người *«tự cho là mình tỉnh»*, nên suy nghĩ lại; nếu người điên có nhiều tự do hơn những kẻ *«tự cho là mình tỉnh»*, thì những kẻ này hãy định nghĩa hạnh phúc là gì đã? Còn đây là đình nghĩa của thi sĩ:

Điên duỗi dọc, điên ngửa nghiêng
Điên là hạnh phúc thần tiên ở đời.

Trên sân khấu *giả điên*, thi sĩ còn có một tự do khác mà hiếm người có: *chết đi sống lại vẻ vang*, trong một lựa chọn đầy ý thức: *Điên rồ lừng lẫy chết đi sống lại vẻ vang*, anh Giáng không *«cào cào, xới xới»* trên mặt đất, mà anh ấy đào thật sâu nhân sinh để nhìn nhân tính, để nhận diện ra *thiên thu vạn kỷ*, để trực diện với *suốt thiên thâu.* Anh Giáng viết rất rõ chuyện này bằng tiếng pháp: *«Je fais de la poésie dans une crise de folie, c'est-à-dire que je suis déjà mort deux ou trois fois dans cette bataille du vivre», tôi làm thơ trong điên dại, có nghĩa là tôi đã chết hai ba lần trong trận sống.* Anh ấy không sống *«vật và, vật vờ»*, anh

sống qua *trận (sống)*, trong trận mạc này có sống và có chết, con người của thi nhân nhập vào bối cảnh suy kiệt của đất nước, số phận sinh ly của Việt tộc. Cả hai quyện làm một, trong thơ thì anh ấy không kể gì về chiến tranh làm quê hương chúng ta điêu tàn, nhưng qua thi từ của Bùi Giáng, chúng ta hít thở, rồi trầm luân với anh ấy qua bao đổ nát của giống nòi. Phải thấy tâm hồn Việt bao lần tàn lụi, mới đủ lực đi tìm *cội nguồn* của *mối buồn Việt*:

Người điên mang một mối buồn
Chưa bao giờ biết cội nguồn từ đâu ?

Từ chủ thuyết luận ngữ của Aristote cho tới tính hiệu học cận đại đều thống nhất là: một thông tin thường phải theo một mô hình *văn tự* (chủ từ, động từ, túc từ); nhưng thông tin là truyền đạt không những qua *ngữ vựng* mà còn qua *ngữ văn* liên minh ngữ vựng và ngữ văn lập ra *«chiến luật»* cho *ngữ pháp*, để *nhắn, gởi, trao, truyền* nội dung của tác giả truyền thông tới đối tượng truyền thông. Nhưng trong công trình nghiên cứu của Shannon và Weaver (1948) thì tính hiệu của mô hình văn tự trong truyền thông có sức lan tỏa từ *gốc, rễ, cội, nguồn* của thông điệp cho tới tận *tâm trạng*, làm nên *tâm lý*, sinh ra *tâm cảnh* của người tiếp nhận thông tin, nó còn có tác động luôn tới cả môi trường sống rồi chuyển hóa luôn cả bối cảnh của môi trường đó. Grice (1957) rồi Sperber và Wilson (1986) còn đi xa hơn nữa: một thông điệp của ngôn ngữ, qua thi ca hoặc qua chính luận, có thể phá các bức tường của các ngữ vựng, các rào cản của ngữ văn, để tiến tới và tiếp cận một tổng thể giữa các chủ đề đang có mặt trong cuộc sống. Từ đó tạo ra sức liên kết hỗ tương giữa các thông điệp mà: *chính ngữ* sẽ ở thế yếu so với *ẩn ngữ*, đây là chuyện hoàn toàn đúng cho số phận các thi nhân của Việt tộc đã và đang bị sống trong đe dọa, kìm hãm, tù ngục, ám hại do độc quyền của độc đảng tạo ra. Hoàng Cầm, Trần Dần… đã sống và đã thở trong *ẩn ngữ* để luôn gởi các thông điệp của thi ca tới cuộc sống, Anh Giáng hiểu rõ chuyện này: *xoá hướng thời gian trong ẩn ngữ*. Trong *ẩn ngữ* của thi sĩ không hề có chuyện trốn tránh, lo sợ, mà ngược lại là chuyện *«xé màn đêm»* để người không quên mặt người, đây là chuyện sống chết, không hề chuyện tháo lui:

Đem tôi đến giữa màu đêm
Giết tôi chết giữa người quên mặt người

Đời (bằng) thời

Bạn bè của Bùi Giáng rất rõ là anh ấy biết giữ thời gian cho *«tịnh chân, tịnh khẩu»*, ngồi yên không ra đường, *tịnh thần* để không vọng ngoại, để nghiền ngẫm về cuộc đời và cách sống, tức là phải nghiền sâu nghĩ kỹ quy luật của thời gian. Nhất là hai loại thời gian: loại thứ nhất *«gậm nhấm cuộc sống»*, loại thứ hai *«nuốt chửng cuộc đời»*, cả hai loại này đều *«bòn sinh, rút lực»* của chúng ta, vì chúng *«đốt gan, thiêu mật»* ta, nên ta mới rơi vào cảnh *«bầm gan, tím mật»* với thời gian. Nhưng phải trả cái giá này để thấu ba chuyện đang có trong não bộ của ta: *Thiên thu, Hư vô, Hữu thể*.

Thiên thu lời tạ bên lời
Hư vô hữu thể bên đời ngũ yên

Đừng lấy *Thiên thu* để kình chống lại với *Hư vô*, để *Hữu thể* thực sự có mặt với thời gian, để tiếng nói của thi nhân có mặt không mệt mỏi trong thi ca, ở đây có nên định nghĩa sức mạnh của thi ca là *tòa án* để xét nghiệm thời gian, ngay trong cuộc sống, giữa lòng cuộc đời. Thi ca còn muốn đi xa hơn nó muốn làm *chứng nhân* của thời gian, của cuộc sống, của cuộc đời, vì một bài thơ hay luôn biết sống lâu, có tuổi thọ cao, có cái dẻo dai vô định của nó. Như vậy, nhờ thi ca mà thời gian được nhớ, được ghi, tức là *được sống*, nghĩa là *chết đi sống lại* được, quy trình sáng tác thi ca luôn là quá trình sinh sản ra ánh sáng mới để làm mới cuộc sống, có khi chính thi nhân đi lạc trong quá trình đó:

Viết thơ lạc dấu sai dòng
Viết trong tức tưởi sợ đồng lúa mong.

Cấu trúc của bản chất thi ca luôn tìm cách: cô đọng hóa thời gian, để nhận rõ sức sinh động của cuộc sống, thi ca muốn đại diện cho hiện tại của hiện tại, *muốn* có mặt *để* đối mặt *với thời gian*, khi *chấm ngòi bút*, khi *viết ra câu*:

Chấm ngòi bút sắt se vào mực
Viết ra câu thúc dục sương mù.

Những khi thi nhân đi lạc trong quá trình này, thì Bùi tiên sinh tự thú:

Bây giờ tôi ở nơi đâu
Chớp đầu thời đại mất đầu thời gian.

Bùi Giáng là thi nhân hiếm của Việt tộc, đã đi qua lại thoải mái giữa *thơ siêu hình học* và *thơ thuật cảnh*, để nhận diện ra nội chất của thời gian, vì *thời gian tính* luôn có sức giải luận cuộc sống, thời gian bền nhưng thời gian *vô thường*, nắm cái vô thường để biết sâu về cái *vô ngã*, cái tôi phải biết nhún nhường, cái ta phải biết khiêm tốn, để cùng sánh bước với thời gian, cái tôi tự khiêu và cái ta tự mãn không hề có chỗ đứng trong thi ca của anh ấy, cái tôi phải biết *tự tan*, cái ta phải biết *tự khuất* để trực diện với thời gian:

Thời gian chắn bước bên chiều
Khóc sông bến lạ mưa nhiều sớm xuân.

Nếu thơ tìm ra được *nội chất của thời gian* như một loại chủ thể vô hình, nhưng đủ lực để lý giải cuộc sống, theo biến thiên để biến dạng, vậy cho nên thi sĩ không dễ dãi lấy các khuôn mặt đẹp của thanh xuân mà khoe khoang trước thời gian, với thời gian nhiều khuôn mặt đẹp đã thành mặt nạ, tự rơi, tự biến. Nhưng anh Giáng không muốn rơi vào mô hình luận giải của *sinh, lão, bịnh, tử* của Phật học, anh ấy muốn đánh thức chúng ta trên một chủ đề khác: nhận diện thời gian qua *thể phách như sử lịch*, nhìn cuộc sống như một chuỗi ngày dài của hẹn hò, chuỗi ngày đó biết sống, biết nghĩ, biết suy, sẽ thấy *Suối Thề*:

Âm trang sử lịch xô đè
Tóc đầu rơi xuống Suối Thề lại dâng.

Phạm trù *Suối Thề* làm cuộc sống cao hơn, làm cuộc sống đẹp ra, vì thông minh của nhân sinh là biến: *ngày thành hẹn*, còn chuyện *lão, bịnh, tử* hãy tính sau! Sống đầy để sống đủ đi đã, vì thời gian thật kinh khủng, vì nó *"mới chào xong đã xin đi ngay"*:

Tin vui giục giã hai bờ

Nỗi buồn chết gục từng giờ đi qua.

Mũi tên thời gian, vừa nhanh, vừa không bao giờ quay đầu lại, không hề có chuyện đảo ngược tình thế với thời gian, Bùi Giáng còn nói rõ chính bản thân, bản thể của thời gian cũng đang tan biến trước nhân sinh: *Đứng trên bờ nghe rã mộng trong tay.* Những bạn thân tình với thi sĩ, biết là thi nhân thường *xuôi thân* nằm trong các nghĩa trang xung quanh Sài Gòn, *rong thân* để nằm chung rất ung dung với những người đã qua đời. Không nằm trong mặc niệm, mà nằm với sức tỉnh táo của *thiền*, lực sáng suốt của *tuệ*, loại tuệ giác biết thanh bạch hóa cuộc sống qua *nắng lạ: Người nằm ngủ thấy gì / Thấy thật nhiều nắng lạ.* Nếu biết *xuôi thân* để *rong thân*, thì phải chọn kiếp *sống phiêu* bồng để hưởng *ngàn trăng,* đây là định nghĩa thật đẹp về tự do của Bùi tiên sinh:

Ngày mai cá sống phiêu bồng
Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi.

Ngẫm (bằng) thân

Có lần anh Tâm[14] đưa hình ảnh một Bùi Giáng: *nhà thơ tự hủy (poète autodestructeur)* mà lý lẽ của anh ấy là một *hồn thơ bị vây khốn (une âme poétique encerclée)*[15]; nhưng có *tinh lực rực lửa (force de plein feu)* trong cái *tồn sinh tinh mật (existence de naissances d'essences pures)*[16]. Nếu nhập lại các nội chất vào chung các nội lực này với nhau, ta sẽ thấy nó lộ trong khuôn mặt của thi nhân:

Giã từ cõi mộng điêu linh
Tôi về buôn bán với mình phôi pha.

Trong cái *mộng điêu linh* giữa cái *mình phôi pha*, chúng ta thấy được *chủ ý* của thi sĩ, nhưng chúng ta cũng biết là thi sĩ không có *chủ đạo*, vì không sao *chủ động* trước biến thiên. Thân người là nơi giằng co giữa mộng và thực, nơi căng thẳng giữa thân và thời, có giằng co và có căng thẳng thì chắc chắn là có xâu xé, thi từ của thi nhân không phải là chuyện hững hờ đi qua, lãnh đạm đi ngang, mà là *tâm huyết đi xuyên* qua các giằng co, các căng thẳng, các xâu xé để nhận diện cuộc sống, để nhìn lại hình hài. Đây là tính khác biệt căn bản giữa những kẻ không quý thơ vì không biết nội lực của thơ; và những ai yêu thơ vì thấu rõ nội công của nó trước cuộc sống. Trên hình hài của mình thi nhân chỉ cho ta thấy dòng thời gian khôn xiết, hợp lưu những biến cố, phân lưu những trôi nổi, anh Giáng gọi tên nó là *«trận sống»*, vì trên thể phách của người, ta thấy hiện ra *tàn xiêu, hoang liêu*:

Cõi đời phút chốc tàn xiêu
Máu tim bất chợt hoang liêu tận cùng.

Đừng đi tìm cứu cánh của hình hài, cũng đừng chăm lo hướng đi của thể phách, mà cứ nghiền ngẫm thật kỹ, thật sâu chất sống giữa nhân sinh, chất sống giúp ta gây dựng lại hình hài trong *mòn rỗng*, giúp ta ráp nối lại thể xác trong *rã riêng*, nhìn lại thể phách để nhận ra lối đi của cuộc sống, của chủ thể đang đi về cái

[14] Thanh Tâm Tuyền
[15] Bùi Giáng, trong cõi người ta pp: 475-483, 2008, édi Lao Động, Trung tâm Văn hoá Đông Tây, Hà Nội,
[16] Bùi Giáng, trong cõi người ta, pp: 187-189.

chết, nhưng sống mà không bị nạo rỗng bởi cái chết, luôn tỉnh táo nhờ chất sống, dù đã quá mệt mỏi:

Máu trong mình mòn rỗng
Xương trong mình rã riêng.

Đừng bắt máu xương làm đối tượng phân tích cho một loại tư tưởng chỉ biết nói về cái chết, đừng bắt hình hài làm đối tượng diễn luận cho một loại thi ca chỉ thấy nhục hình, mặc dù chuyện thấy thân thể là *tù ngục*, thấy *ê chề* tấm thân, là chuyện có thật:

Máu xương tù ngục mang về
Với mong ước đã ê chề với thân.

Đừng bắt các thi từ: *tù ngục, ê chề* phải biến thành chuyện phản xạ của bi quan để *«gieo mần, tạo hạt»* cho chủ thuyết chủ bại, mà phải thấy rất sáng suốt là: càng sống càng thấy cuộc sống hủy thiêu hình hài, sống đời để hủy kiếp, nhưng phải sống vui với thân tàn, đây là chuyện thực của Bùi Giáng. Càng sống càng phải nhận thức rõ manh mối này, thì đừng quên chuyện: *dấn thân*, để sống sâu sắc với hiện tại, để thấy sát na là *tuyệt vời*, hiện tại là mầu nhiệm:

Mênh mông quá khứ xa rồi
Chừ đây hiện tại tuyệt vời dấn thân.

Nghiền ngẫm thi từ của Bùi Giáng để thấy thời gian đang nạo rỗng thân xác là chuyện có thật, nhưng chuyện thật hơn là hình hài này của thi nhân đang tìm cách thoát khỏi lãnh địa của cái chết để nhận diện ra cái *vô tận* vẫn *cuồng điên* sống, đây vừa là điểm hội tụ (tạm thời), vừa là điểm dị biệt (sâu xa) giữa Hàn Mặc Tử và Bùi Giáng:

Nhìn anh bể cạn sông mòn
Kéo dài vô tận vẫn còn cuồng điên.

Bùi Giáng gần với Montaigne lắm! Trong cái chầm chậm của tan biến hình hài: «*… mais, conduit par sa main, d'une douce pente et comme insensible, peu à peu, de degré en degré, elle nous roule dans ce misérable état et nous y apprivoise; nous ne sentons aucune secours, quand la jeunesse meurt en nous…*»[17], *rồi nó dắt dìu ta, cầm tay ta, trên dốc êm, tưởng là vô cảm, nhưng dần dà, từ mức này tới độ kia, nó lăn ta trong một trạng thái khốn cùng, nó lấy ta, nó gặm ta, chúng ta không cầu cứu được, khi tuổi trẻ chết trong ta....*

Cố (của) quận

Cuộc đời Bùi Giáng có những *«gián đoạn»* thật lạ lẫm, trong thơ của Bùi tiên sinh thì ca từ: *cố quận* (làm anh Cần phục lắm, anh cứ nhắc hoài!) là có *sự cố* của nó, giữa thế chiến thứ hai thế kỷ qua, thi sĩ rời bỏ thi đàn về quê xưa (*cố quận* chăng?) để *«chăn trâu»,* chuyện sinh nhai xin được loại ngay ra mọi giả thuyết, vì gia đình anh ấy là loại *«có của»* tại Quảng Nam, ngược lại phải tìm ra chất thơ của chuyện *«chăn trâu»,* để hiểu chuyện *cố quận* có mang cả linh hồn của thiên nhiên: *Tôi lớn lên giữa linh hồn cỏ mọc.* Trở về quê mình không phải nhất thiết là chuyện *«về nguồn»,* mà là một *lộ trình phải có* trong cái *quá trình*

[17] Montaigne, *Essais*, I, 20, éd. par Jean Plattard, coll. «Les textes français », p. 123.

phải sống: sống hay tại chỗ để sống đẹp mọi nơi. Về quê đâu phải là chịu *kiếp ẩn sĩ*, phải gạt đời đi để *mai danh ẩn tích*, mà chỉ để sống thoải mái sâu, ung dung rộng, thong dong cao, thật tự nhiên giữa thiên nhiên, đây là một trong những định nghĩa thông minh của nhân tri khi nhận diện được: nhân sinh trong môi sinh. Bùi Giáng là thi sĩ rất thành công trong thể loại: *nửa độc thoại-nửa đối thoại*, về quê hương, trong chuyện trở về của anh ấy, đã sẵn có chuyện anh đã từng đi thật xa:

Hỏi rằng người ở quê đâu?
Thưa rằng tôi ở rất lâu quê nhà.

Giữ một nơi, chốn, gốc, nguồn như giữ một cánh cửa lớn để khi mở ra sẽ thấy mọi chân trời lớn, *cái vui tại chỗ quê mình*, không hề là chuyện đóng cửa bỏ nhân sinh, nó là chuyện đi lại tự do trên cõi đời này, xa quê rồi về quê là chuyện bình thường; ngược lại với là *lưu vong* thẫn thờ như *bụi đời*, rồi lê thê trên đất người như *oan hồn* mới là chuyện đáng sợ. Bùi Giáng đi về rất vui trong cái duyên dáng riêng của anh ấy:

Người hỏi tôi: «từ đâu ông đến đây ?»
Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về.

Trong quê mình, của *cố quận*, có cái thông minh rất *vẹn duyên* của một tấm lòng, chắc như lý luận của thực nghiệm, vững lập luận của trải nghiệm. Cái *«về đây thu xếp lại»* của Trịnh Công Sơn, trong một trật tự tâm linh mới của mỗi người, thì Bùi Giáng thu xếp mọi vọng loạn giữa cố quận, thu gọn lại luôn các ước mơ, đặt lại các loạn động của cuộc đời; kể cả các hỗn mang của chiêm bao:

Hỗn mang về giữa quê nhà
Bây giờ cố quận tên là chiêm bao.

Bùi Giáng nhận chuyện *xa xứ*, nhưng không nhận chuyện *chết xa xứ*, tên có thể là bụi, nhưng thân phải là quê, cái bụi rộng như *«Biển-Dâu-Ngàn»*, nhưng không được làm mất cái *quê*:

Hỏi tên, rằng: «Biển-Dâu-Ngàn»
Hỏi quê, rằng: «Xứ mơ màng» đã quên.

Cái *«quên quê»* là cái đáng sợ! Biến cái *«nhớ quê»* thành tranh đấu, tranh đấu để *chống quên*! Cái *«quên quê»* bị đứt rễ, cái *«nhớ quê»* muốn giữ trọn rễ. Cái *«quên quê»* lấy cái chung vô định xóa cái riêng *«nhớ quê»* muốn giữ trọn rễ trong não bộ, Bùi thi nhân không để cái *«ở đây sương khói»* làm *«mờ nhân ảnh»* như Hàn Mặc Tử, vì trong *cố quận* của anh ấy có bao *tiền nhân* hiện diện khắp các chân trời, có *cổ nhân* luôn ở trước mặt, không hề ở sau lưng ta, họ làm nên vai vóc các chân mây:

Mưa có lạnh nhưng chân trời còn mãi ...
Giòng sông đi cho nước nói ngàn ngày
Hôm nay tôi kiếm củi trong rừng
Lạc mất đường về
Sực nhớ rằng đây rừng rú thẳm
Là quê thân thiết biết bao chừng.

Cố quận là gốc của cái *quê,* là lãnh địa rộng để mọi cuộc đời được ngơi nghỉ, đó cũng là cửa đời, nguôi nghĩ để lấy sức đi tiếp, đi xa; nó là địa bàn thảnh thơi của vũ trụ, nó là vũ trụ ung dung của các hoài bảo, nó giữ rễ cho tha nhân, nó giữ mật cho nhân sinh.

Bể dâu riêng

Muốn nhập nội vào vũ trụ quan riêng của Bùi Giáng, thì trước hết phải quên chuyện bến bờ, gạt qua các biên giới, bỏ lãnh thổ để nhận vô biên, vũ trụ quan thi ca này không nhận những giới hạn của kích thước, những trói buộc của chuyện *cân, đo, đong, đếm* làm vũ trụ quan bị xơ cứng, anh Giáng luôn đẩy rộng thế giới quan, luôn đẩy xa nhân sinh quan. Nếu nhân sinh quan mà cao, xa, rộng, sâu như vũ trụ quan thì số kiếp của thân thế bớt nhỏ bé đi, thân phận của hình hài bớt điêu tàn đi, ở đây thân rộng như trời, kiếp xa như mây, phận rong theo mùa; nhờ đó thi ca có sức bật của giao mùa; thi từ mở cửa để vũ trụ tự do giữa nhân sinh. Mỹ quan về vũ trụ có ngay trong quan hệ giữa người và đất trời, làm thơ là nhận cái cơ may của tư duy bén nhạy trước biến hóa của đất trời; nhưng trước hết phải yêu người chu đáo, rồi mới thấy quý vũ trụ đầy ắp:

Bể dâu sực tỉnh giang hà
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.

Lại *sơ nguyên* nữa đây! Vũ trụ thượng nguồn, trời đã tạo mọi mầm lành cho đất, để trước khi gốc, rễ, cội, nguồn ra đời, có mặt trong cuộc sống, chưa có tên, chưa định hình, chưa chỉnh dạng thì con người đã biết: nếu *sơ nguyên* ngầm ẩn hiện, thì sự sống sẽ xuất hiện, cái nguyên thủy sẽ sinh ra. Nhưng Bùi Giáng không rơi vào cái hài hòa thiên địa được vinh danh trong Lão học, thăng hoa trong Khổng học, thi sĩ chế tác ra một nhãn quan khác, ông muốn mình mỗi ngày đều phải ngạc nhiên trước biến thiên. Đất trời cũng như nhân thế có *ngang ngửa,* có *xô bồ,* và *mùa màng* cũng có khi là mộ địa*:*

Đất trời ngang ngửa xô bồ
Bốn mùa sắp đặt nấm mồ tình thương.

Vừa là trung gian, lại vừa là chứng nhân, thi sĩ dựng tư tưởng thơ của mình bằng nhãn quan của cầu nối giữa trực quan và cảm nhận, trong đó vũ trụ là điểm tựa để nối dài tâm linh, tâm linh ở đây được định nghĩa như một loại sinh hoạt vừa của linh hồn, vừa của trí tuệ, nó là phần sắc nhọn nhất của thông minh nhân trí:

Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín…
Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa
Anh lim dim cho chết lịm hồn mình
Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ…
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành.

Quan hệ giữa vũ trụ và con người là của khoảng cách, nhưng khoảng cách càng dài thì quan hệ càng giầu, khoảng cách càng xa thì sức sinh sôi nảy nở của nó càng mạnh cho sáng tác, chính khoảng cách làm *đâm mọc, nảy chồi* cho sáng

tạo, trong đó thi ca vẫn là cầu nối giữa nhân sinh và vũ trụ, trên đó thiên nhiên cứ thoải mái đi về giữa nhân thế:

Xuân về xuân lại xuân đi
Đi là đi biệt từ khi chưa về.

Đi rồi *đi biệt*, đi tìm vũ trụ là đi tìm đường đi nẻo về của thiên nhiên, đi tìm đất trời để cuộc sống được rộng ra, cho nhân sinh quan luôn mở lớn ra, rồi trở thành *vô lượng*, tức là chứa bao nhiêu lượng của vũ trụ cũng được, đây dường như là thành công lớn của thi ca Bùi tiên sinh: nhãn quan của thi ca luôn lớn ngang với tầm vóc của vũ trụ mà nó tiếp nhận:

Ba phương trời về chung gục khóc bên giông.

Bùi Giáng cũng là thi sĩ hiếm của Việt tộc đã đưa được vai vóc của đất trời, gân cốt của vũ trụ vào thơ siêu hình học, trong cuộc đối thoại triền miên, không mệt mỏi giữa người và vạn thiên, cuộc đối thoại không làm thi sĩ hao mòn trí lực, mà nó luôn làm anh ấy tỉnh, làm cặp mắt nhìn đời, nhìn trời của anh luôn mới, anh ấy luôn thấy được thiên nhiên che chở:

Nắng trưa nắng xế đầy trời
Bóng cây râm mát che đời ta điên.

Một đặc điểm khác của thơ Bùi Giáng là sự kết hợp rất thông minh, nhưng cũng rất tự nhiên giữa thi ca siêu hình học và thi từ vũ trụ quan làm mới cách tiếp cận cho thi ca giành cho tình yêu, anh Giáng là một trong những người làm mới thơ tình Việt Nam:

Thưa rằng nói nữa là sai
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào.

Chiêm bao, mộng mị của chúng ta cũng vậy, anh ấy mời mọc vũ trụ, chào đón thiên nhiên, để cho chiêm bao, mộng mị có nội công của hoài bão, có tầm vóc của ước mơ:

Bụi hồng ấy của chiêm bao
Thì con sóng đục chìm vào nước xanh.

Thơ Bùi Giáng thì khi uống trà cũng không được quên thiên nhiên, sinh vật của thiên nhiên luôn sinh động phải quý yêu và phải cần nâng niu, cho nên Phật học gọi *chúng sinh* là *sinh linh*, thì thi sĩ của chúng ta trân trọng sinh linh như đùm bọc chiêm bao cao xa mà ta phải (thèm) bảo bọc:

Chén trà sương sớm bên thềm
Vừa chờ chim hót vừa thèm chiêm bao.

Chuyển động thầm lặng của thiên nhiên, từ *nguồn* thành *lũ,* thi sĩ cảm nhận được trọn vẹn, ông biết để hiểu, hiểu để thấu chuyện ngàn xưa của vạn vật:

Ồ vạn vật chờ nguồn nước lũ
Tự ngàn năm tuôn chạy tự khe rừng.

Thi ca của Bùi tiên sinh không phải loại thơ của chủ thể muốn làm chủ muôn loài, mà ngược lại là loại thơ *sống để cảm nhận* sâu sắc, tức là để chiêm ngưỡng sâu xa cái nhiệm mầu của thiên nhiên, cái ta đi theo cái linh hoạt của mùa màng, không hề có cái tôi nắm gọn vũ trụ để thu xếp thiên nhiên:

Én đầu xuân, tuyết đầu đông

Rừng cô tịch ngó nội đồng trổ hoa.

Thi sĩ thành đạt qua thi từ, nhưng thi sĩ lớn thành công bằng tư tưởng thơ của mình, mà tư tưởng muốn cao thì nội công nhân sinh quan phải mạnh, tầm vóc thế giới quan phải lớn, bản lĩnh vũ trụ quan phải rộng, chuyện này thấy được qua thi pháp và thi phong của anh Giáng!

Hưởng (theo) hứng

Muốn hưởng theo trời, hưởng theo mùa, hưởng theo đời… thì thân thế và thân thể phải luôn sẵn sàng đón nhận các tái tạo của trời đất, sẵn lòng mở cửa tiếp nhận các dáng hay, dạng đẹp của người:

Em về rũ áo mù sa
Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.

Tạo được nhân dạng qua biến thiên của đất trời làm nên một bức họa mà chỉ thi ca Bùi Giáng làm được, trong đặc thù của thi tính vừa có bao la của *mù sa*, vừa gợi cảm trong *phong nhụy*, được khởi xướng bằng một động từ: *«trút quần»*, rất lạ, và rất dễ rơi vào cái *tục*, vậy mà vẫn *thanh*, vẫn thanh thoát trong cao xa, đây là một thành công khác của Bùi thi nhân. Trong thơ anh ấy, có *cỏ cây* là có *ngày xuân*, *có dậy* thì là có chuyện: *lên đường* để tầm xuân; không có cách biệt, chỉ có hội tụ của: *cỏ cây*, *ngày xuân*, *dậy thì, lên đường*, đây là thượng nguồn cho việc *hưởng theo hứng*, vì mọi *điều kiện thiên nhiên* đều thuận cho mọi *điều kiện dậy thì* đứng lên, mùa xuân trong dậy thì vừa thoải mái, vừa gợi cảm, và thi sĩ không cần nói gì nhiều về chuyện gợi dục, để cái *thanh* luôn được nhẹ nhõm hít thở khí xuân:

Em đi cây cỏ dậy thì
Ngày xuân vô lượng cùng đi lên đường

Hưởng xuân dậy thì, và hưởng luôn cả *thiên thu* trong *vô tận đá vàng,* biến tự do cảm nhận thành tự do *hưởng theo hứng*, hứng trong thoải mái ngạc nhiên, không hề kinh ngạc căng thẳng khi chạm trán với *thiên thu:*

Em từ vô tận đá vàng
Về chìm đắm giữa lá vàng thiên thu.

Trong thiên nhiên có nước, có khi là nước lạnh:

Người con gái lội qua khe
Bàn chân nước lạnh lạnh đè lên nhau.

Ngay như kể về cái lạnh: *nước lạnh lạnh* thi sĩ thấy tường tận sức gợi cảm của nó biết *đè lên nhau.* Hình ảnh *gái lội qua khe* có trong thi ca, có trong dân ca, có luôn trong ca từ của Phạm Duy, nhưng ở đây Bùi thi nhân (đang lo mà cũng đang hưởng) về thân (lạnh) của *người con gái.* Anh ấy muốn xây dựng một chủ thể thi ca: vừa biết hưởng-vừa biết lo, lo lắng nhưng không hề lo sợ, không mâu thuẫn, có lần anh ấy thấy trong *lành* cũng như *rách, người con gái* luôn *long lanh*… vì *trong sạch:*

Người con gái hôm nay mặc quần rách

Vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành
Lành và rách đều vô cùng trong sạch
Bởi vì lành rách cũng long lanh.

Các mô hình giáo lý bảo thủ trở nên vô duyên trước thơ của Bùi Giáng, các giáo điều xơ cứng sẽ bị xơ xác trước tư tưởng tự do của thi ca của anh ấy, vì bảo thủ và giáo điều thì không bao giờ dám nhìn *người con gái… trút quần phong nhụy*. Đám thủ cựu, loại cuồng đạo nên đi ra khỏi tư tưởng tự do của thi ca, để cho những con người yêu nhau và "yên tâm" chờ nhau:

Anh chờ em không biết tự bao ngày
Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi.

Tư tưởng tự do của thi ca của anh Giáng, không ngại *gánh than lên bán chợ trời*, và không sợ *thiên thần xúm hỏi*, vì anh ấy luôn có câu trả lời vừa rất thuyết phục, vừa rất duyên dáng, mà bảo thủ hay giáo điều, thủ cựu hay cuồng đạo, không sao có được:

Gánh than lên bán chợ trời
Thiên thần xúm hỏi: em người ở đâu?
Thưa rằng em ở rất lâu
Trần gian dưới đó dãi dầu liên miên…
Hỏi rằng sao chẳng thấy em cười?
Thưa rằng cười gượng không vui
Nên đành mím miệng một đời cho qua.

Hưởng qua thơ, là hưởng cái duyên dáng của *«đùa»* liên tục, để có *«đồng cảm»* triền miên, *cười gượng không vui* chỉ để *«đùa»,* mà *mím miệng* cũng là *«đùa»,* không *«đùa»* thì làm sao sống vui được. Nhưng ngay khi *«đùa»* thì gân cốt thi tứ vẫn mạnh trong duyên, vững trong dáng:

Em ở trong rừng một buổi trưa
Ngẫu nhiên tao ngộ gió sang mùa
Hai bờ lãnh địa đau lòng gọi
Sầu suốt giang sơn vọng tiếng thừa
Ta sẽ đợi nghe đời em nói mãi
Bên đời ai vạn đợi đã chia lìa.

Có *đời* là có *đợi*, rồi sẽ có *tao ngộ* trong *ngẫu nhiên*, chờ để hưởng *giang sơn vọng tiếng thừa*, chuyện lòng và chuyện vũ trụ cứ quyện mãi vào nhau, thơ của Bùi Giáng có sức lan tỏa rồi hội tụ, tổng quan siêu hình để tổng luận nhân sinh:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chăng
Ta đi còn gởi đôi giòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù.

Bùi Giáng lội ngược dòng để chống vô cảm, bơi trái chiều để chận những hờ, lướt trên mọi lãnh đạm chung quanh để được sống trọn, sống sâu, nhờ vậy anh ấy mới đồng cảm rất tự nhiên với thiên nhiên, rất đắc khí với vũ trụ, biến cái bao la của vũ trụ thật gần kề, khích cận với chúng ta, Khóa mang ơn anh Giáng quá:

Em chợt thấy yêu đời vô cùng tận

Vì đời là rất mực thiêng liêng
Em chợt thấy không buồn đau oán hận
Vì thiêng liêng không chia biệt cõi miền.

Điên (ai) điên?

Anh Giáng yêu đời, vì anh ấy yêu những con người sống giữa đời ấy! Anh ấy có lần là giáo sư văn học, một người thầy giảng say mê về truyện Kiều của sư phụ Nguyễn Du, có lần anh đang giảng, thì nước mắt tràn dâng, khóc trước học trò mình, rồi anh ấy nhảy qua cửa sổ đi luôn, đi biền biệt, biệt tăm tích… Nếu không xót cho số phận của Kiều, của con người trong phong ba thì không sao có thái độ đó, hành vi của anh Giáng thách thức bất cứ ai nói là anh *«điên»,* họ có tỉnh hơn anh ấy không? Ai tỉnh hơn ai? Vì có người sống mà không sống vì không có chữ nhân: *Con người ơi hãy giữ nhân tính (les hommes soyez humains*, Rousseau). Trong *«tăm tích»* của Bùi Giáng, người ta thấy có thư của René Char, của Albert Camus trao đổi với anh trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn nam bắc thế kỷ qua. Anh ấy sống giữa đời, tưởng điên loạn, nhưng ai gặp cũng thương? Trong những năm tháng sau 1975, chế độ mới là chế độ công an trị, thích rình rập để bắt bớ hơn là bảo vệ để chăm lo cho thế thái dân an, anh Tiên có kể cho Khóa nghe hai chuyện về anh Giáng:

Chuyện thứ nhất: có lần công an cứ rình rập để điều tra về Bùi Giáng, vì họ không biết là anh Giáng là *«điên thật»* hay *«điên giả»*, họ tới hỏi anh Sơn Nam, văn sĩ của dân tộc học Nam bộ, nhà dân tộc học tình thâm của Cửu Long. Anh Sơn Nam trả lời chắc nịch *«Bùi Giáng, nó điên lâu lắm rồi!»* đây là tình thâm trong văn nghệ đã biến thành phản xạ giữa bạn bè để bảo vệ nhau, để phù trợ nhau trước bạo quyền.

Chuyện thứ hai, có *«liên lụy»* tới Khóa, vì sau 1975, Khóa gởi quà, gởi thuốc, gởi tiền tới anh Giáng, luôn qua anh Tiên, mỗi lần *«viện trợ»* tới nơi, thì anh Tiên gọi ngay Hiệt, đứa con trai của anh ra: *«Con ơi! Đi tìm bác Bùi Giáng, báo là có quà của chú Khóa vừa tới»*. Thế là Hiệt cắm đầu, cắm cổ đạp xe qua các ngã tư lớn của Sài Gòn, để tìm anh ấy, khi thấy Bùi Giáng đang reo hò, nhảy múa giữa đường phố, Hiệt dừng cạnh bên và nói chắc nịch: «*Thưa sư phụ! Có quà chú Khóa tặng sư phụ vừa tới!»*, anh Giáng cũng trả lời chắc bẩm: *«Đi liền để nhận quà của Khóa!»*. Và khi anh Giáng tới trước nhà của anh Tiên, thì ai cũng vừa vui, vừa ngại, vì Bùi Giáng đi tới đâu là trẻ con theo tới đó, khi đứng trước nhà của anh Tiên, ở xóm Gà thủa nọ, thì anh ấy lớn tiếng đọc ngay bài thơ *«nổi tiếng»* rất ngắn của anh ấy: *«Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào / Đánh cho chết mẹ đồng bào miền Nam»*, vui vì đúng, ngại vì công an chỉ cần chụp câu: *«chết mẹ đồng bào miền Nam»* để *«gieo thù, trả oán»* anh em văn nghệ sĩ miền Nam. Bây giờ nhớ lại chuyện này, Khóa cũng vừa cười, vừa khóc đây! Nếu có anh Giáng ở đây thì anh ấy sẽ an ủi Khóa ngay: *"Giỡn cho dzui mà!"*.

Nó «bậy» lắm,

Ngày Bùi Giáng qua đời, một trong những người bạn buồn nhất chắc có lẽ là anh Tâm[18], nhưng ngay cả khi anh ấy buồn, anh luôn giữ sức sáng suốt (rất đáng phục) của anh, anh có hai phân tích vừa sâu, vừa cao về Bùi Giáng: sống để *dốc hết máu cho cuộc tầm xuân* và đã sống trong *vô sư tự ngộ*. Anh Tâm đã thấy được năng lực thi ca đã làm nên năng lượng nhân tính của thi nhân, có đủ nội lực cho sáng tạo, để tự đắc đạo, mà không cần phải đeo theo một tôn giáo, không bám theo một người thầy nào. Khóa đang ngồi đây để nhớ lại câu thơ của anh Tiên, hồi còn trẻ: *«Cuộc sống báo động từng giờ»*, sau bao năm, câu này luôn luôn đúng cho Khóa trong gần nửa thế kỷ tại Âu châu, *sống trong báo động* vì bao công việc cứ nghiến thì giờ, nuốt thời gian của mình, gặm tuổi đời mình từng ngày, làm mình quên luôn liên lạc với bạn bè, đánh mất đi các kỷ niệm, để mờ bao chuyện đời về những *hạnh ngộ* mà mình được cuộc sống trao tặng.

Bây giờ, Khóa mượn bài này để kể cho ba anh nghe về một chuyện mà Khóa không có dịp kể từ khi bốn chúng ta tới gặp anh Giáng trong một đêm hè năm 1987. Các anh biết không? Sau đêm đó, hôm sau, Khóa đến dùng cơm trưa như đã hẹn với anh Tâm, Khóa có kể cho anh ấy nghe, là tối qua Khóa có đi thăm Bùi Giáng cùng với các anh, trưa đó anh Tâm có nói Khóa một câu: *«Bùi Giáng nó «bậy» lắm, nó «tự động» làm chuyện nó muốn, mà người khác làm không được, không đủ sức để mà làm, cho nên bọn mình không ai «theo kịp» nó!»*, nhiều năm đã qua, Khóa thấy câu này vừa trúng về sự thật, vừa đúng về chân lý, giúp Khóa hiểu, hiểu để thấu con người và sự nghiệp của anh Giáng.

[18] Anh Tâm (thi sĩ Thanh Tâm Tuyền)



Với Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền

Nhớ Thanh Tâm Tuyền

"Ta đập vỡ hình hài và thức giấc"

Chị Hoa quý kính,
Hôm nay ngày 22 tháng 3, ngày giỗ của anh Tâm, bạn bè gần xa dặn dò nhau nhớ ngày này, con người và tác phẩm của anh bạn bè không sao quên, vẫn đọc thơ của anh mỗi lần gặp nhau, có khi đọc qua điện thoại viễn liên; nhiều khi chỉ cần nhắc nhau một câu của anh thôi trong cuộc sống hằng ngày là đầu óc tỉnh lại. Thơ thức tỉnh trí người, tầm vóc này hiếm thấy trong thơ Việt Nam. Không biết Anh Tâm có kể cho chị nghe là những năm đầu anh *«từ cải tạo ra»* mà anh nói gọn là *«đi tù về»*, bạn bè thường hẹn nhau tại nhà họa sĩ Đinh Cường, để sống lại không khí thơ trong sạch mà chế độ mới tìm mọi cách để hủy diệt nó.

Chắc chị còn nhớ chuyện cái áo veste năm 1986, Khoá mang từ Pháp về tặng anh, anh nói là giữ cho Thái, đứa con trai lớn thân yêu của anh chị, vì Thái đang chuẩn bị *«vượt biên»*, Khoá còn nhớ câu chị dặn dò Khoá: *«Ở đây sống không được đâu cậu à»*. Câu này sau bao nhiêu năm vẫn đúng, Khoá coi như *một chân lý đau lòng của Việt tộc* từ khi có chế độ mới: tại sao nơi mình sinh ra không phải là đất mình sống, mà có lúc là đất chết, chết ngay trong lòng người, để cha mẹ phải đưa những đứa con ruột thịt của mình ra ngoài vạn dặm, đặt tương lai con cháu thật xa quê cha đất tổ? Chị ơi! Sau đó chuyện Thái biệt tích trên biển là chuyện đau đớn nhất đời của anh Tâm; trong các thư từ qua lại anh dặn Khoá tìm mọi cách liên hệ với các tổ chức nhân đạo quốc tế bảo trợ người di tản, lần tìm giúp anh dấu tích của Thái. Khoá chỉ gặp Thái có một lần, vậy mà gần ba

mươi năm qua Khoá xem Thái như người ruột thịt, lẳng lặng tìm dấu tích đứa cháu biền biệt chân mây.

Những năm còn trẻ, anh Tâm đã thấy cuộc đời này là *Hội buồn: «…Nghe trong đời miên man ngực yếu… Tiếng trống bồi hồi thôn dã giục người về dự hội. Hội xum vầy thắm thiết có hay… Và buổi mai này rồi sẽ mọc lên ủ ê niềm thống hối. Trên bầu trời ngày đã quên ngày. Chó tru khiếp đảm… »*. Bạn bè gần xa rất quý anh, nhưng có người *«than»* là thơ anh khó hiểu. Hãy ở trong tầm nhìn của anh, để từ từ hiểu tại sao anh viết lại như vậy anh, thơ để viết ra chớ không phải để ngâm, viết từ ký ức trong sự trống vắng của chữ đang bị thôi thúc hướng về những chân trời tối mịt, niềm tin không có tương lai, niềm yêu không còn viễn ảnh: *«…Một phút là thi sĩ đủ sáng tâm hồn đầy cuộc đời… Chữ tự do không nghĩa. Mỗi người đã chính một tự do… Tôi ngủ ngoài nghĩa địa một mình. Quanh tôi là người khác. Chúng tôi cùng cô độc… Không bao giờ quên người ngủ ngoài nghĩa địa…»*.

Mùa hè năm 1986, anh Tâm dặn Khoá ngay ngôi nhà thân yêu của anh chị tại Bà Chiểu: *«Khoá muốn viết về tôi thì cứ viết, nhưng nên bắt đầu đọc thơ tôi qua chữ thất bại (défaite), nó không phải là chủ bại (défaitisme), vì tôi chẳng theo một chủ thuyết nào, cũng không theo một ý thức hệ nào»*. Sau hè năm đó rời Sài Gòn trở lại Pháp, Khoá mang theo bài *Cây rừng*, mà anh dịch từ một bài thơ *Aux arbres* của thi sĩ Yves Bonnefoy lúc anh đang *«ở tù cải tạo»*, anh không để sự ủ rụt diệt mình trong cõi tù xa xăm, anh đã biến một tác phẩm cội gốc của một Nam Tào trong thi ca Pháp thế kỷ hai mươi ra một tác phẩm rộng với câu cao và chữ ngọn, đầy Việt tính, cũng đầy tình người.

Đầu năm 1987, Khoá trao tận tay thi sĩ Y.Bonnefoy ngay tại giảng đường của Collège de France, ông vô cùng cảm động vì biết ra là bài thơ được dịch từ nơi tù rạc, ông thốt lên: *«Le poète Thanh Tâm Tuyền arrive à réaliser la vérité de parole dans l'expérience poétique»,* đã làm được chuyện đưa chân lý của lời người vào được kinh nghiệm thơ, ông mong có ngày gặp được anh Tâm. Nhưng chuyện tổ chức cho hai người gặp nhau không thực hiện được trước ngày Y. Bonnefoy qua đời. Khoá buồn về chuyện này, nhưng anh lại vượt lên được cái tiếc nuối. *Tiếng nói gọi về phía trước, bước sóng dài, người sẽ gói vào lòng bàn tay*. Cùng mùa hè năm này, Khoá trở lại Sài Gòn thăm anh chị, anh rất vui khi anh khám phá ra Khoá là môn sinh của Yves Bonnefoy. *Gợi những hơi thở đã đốt lửa trái tim vào những gì đang xuất hiện...*

Mùa xuân năm 1988, Khoá qua Mỹ tìm gặp Mai Thảo để kể thêm về cuộc sống của anh Tâm từ ngày *«đi tù về»*. Ngồi với nhau thật lâu tại quận Cam, Mai Thảo nghe nhiều và cũng kể thật nhiều chuyện về anh mà Khoá không biết, từ hồi lập ra nhóm Sáng Tạo tới ngày *«mất nước, mất thơ»* vì chế độ mới. Mai Thảo có những nhận xét rất đúng về anh, mà chỉ là thâm giao mới thấy được: *«Ngoài những đóng góp của TTT về thơ tự do, văn xuôi TTT là người thích đọc, biết đọc*

và biết lấy ra những câu hay nhất của một tác phẩm, những chữ sắc nhọn nhất của một tác giả». Rồi Mai Thảo đọc thơ của anh đêm hôm đó, một trong những niềm vui lớn trong cuộc đời của Khoá là được nghe các thi sĩ đọc thơ, trong đó có ba người mà giọng, thần, sắc, tâm… lúc họ đọc thơ, không bao giờ Khoá quên được: Hoàng Cầm, Mai Thảo và anh Tâm, chắc chị còn nhớ: *«…Giật mìn ngay những vùng trời riêng rẽ, ta chui xuống hố cá nhân, ôm ngày mai vào lồng ngực, tình yêu làm giáp sắt, ta rút về chiến khu, pháo đài dựng lên tua tủa niềm tin, nguyện chiếm lại đại lộ bờ cây tâm sự…»*.

Vậy mà anh Tâm lại là thi sĩ *«ghét chuyện ngâm thơ», «chán cảnh đọc thơ».* Giữa đảo điên của đất nước, giữa lầm than của Sài Gòn những năm mà anh Tâm và bạn bè vừa rời «*cõi tù không tường*» của các trại cải tạo, có lần tại nhà của anh Tiên, thi sĩ Tô Thùy Yên, sau buổi ăn tối mỗi người được yêu cầu đọc một bài thơ của mình, anh Cần, thi sĩ Cung Trầm Tưởng *«đòi»* anh Tâm đọc những bài mới của anh, anh trả lời: *«Thơ tôi là yên lặng»*, thơ để *viết ra* chứ không phải để *đọc vào*, làm sao đọc được những câu này giữa cuộc sống này mà bản thân mình không có đất sống. *Tôi buồn chết như buồn ngủ. Dù tôi đang đứng bên bờ sông. Nước đen sâu thao thức. Tôi hét tên tôi cho nguôi giận. Thanh Tâm Tuyền.* Nỗi buồn của anh nhiều lúc đưa anh đi thật xa. *Tôi thèm giết tôi… Tôi thèm sống như thèm chết.*

Đây không phải là chuyện tự đặt ra, mà đây là chuyện cốt lõi trong nhà ngục tâm hồn qua các thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam trong thế kỷ hai mươi, qua thơ của anh người ta thấy được số kiếp của kẻ sáng tạo trên đất nước oan khiên này. *Không gian tâm hồn trong nhà ngục tâm hồn. Thế giới nói thêm lời hoa cỏ thiên nhiên.* Sống không dễ và chết cũng không dễ. *Mỗi lần hoàng hôn tôi cố thở cho nhiều. Các anh nhớ tôi còn sống. Quờ quạng tay gian díu. Cách mạng nổ trong sự nín thinh.* Phạm Đình Chương đã biến thành nhạc những câu mà mỗi lần đọc là mỗi lần thấy nghẹn, nghẹn cổ vì nghẹn lòng: *«...Đất nước tôi có một lần. Tôi ghì đau đớn trong thân thể. Những dòng sông những đường cây núi nhọn. Những biệt ly rạn nứt lòng đường…»*.

Năm 1995, Khoá nhận với đại học Aix en Provence làm tuyển tập *La part d'exil* về văn chương lưu vong Việt Nam, khi đó anh chị và hai cháu đã định cư tại Mỹ, đây là dịp để Khoá nghiên cứu kỹ hơn về anh Tâm, Khoá quanh quẩn ra vào với chuyện thân thế và sự nghiệp thơ và văn xuôi của anh, cuối cùng chọn lựa cách thẳng thắn nhất để được thành thật nhất là phỏng vấn anh, anh đã để lại cho bạn đọc Pháp ngữ một bài phỏng vấn khi đọc xong người đọc không quên được. Chị biết hơn ai hết, về chuyện chữ nghĩa anh chuẩn bị rất miệt mài, chu đáo, hiếm thấy trong sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Anh giải trình rất rõ các bối cảnh ra đời của *Bếp lửa*, tại sao nhân vật chính ngay từ đầu đã đi trên đổ nát của lịch sử, rồi của *Ung thư*, cuộc sống như không có lối ra; anh trở lại phân tích *«tận nguồn lạch sông»* nhận định của A.Malraux trong *La voie royale* « *Mais*

vivre en acceptant la vanité de son existence… Vivre avec cette tiédeur de mort dans la main comme un cancer ».

Sống để chấp nhận cái chóng chầy trong nhân sinh… Sống với cái ẩm mốc của cái chết trong tay như nhận ung thư. Đi lần tìm cõi thơ của anh Tâm, người ta sẽ đọc được lịch sử dân mình từ những viết thương còn tươi tới cái thấp thỏm chờ nhau trong các bịnh viện, nhưng bệnh viện không phải là nơi báo tin về cái chết, nó là nơi mà con người vẫn đòi cho bằng được quyền sống, mặc dầu đất nước đang bị chiến tranh thôi miên; mặc dầu dân tộc đang bị dòng nước đen của chuyện nội chiến chém giết vẩy bẩn. Trong bài *Gửi Quách Thoại,* người bạn sớm mai nhóm Sáng Tạo của anh đã ra đi quá sớm, anh Tâm không để không khí bệnh viện biến thành không gian tật nguyền giữa cuộc sống: *«…Bệnh viện thành công viên khuất nẻo. Người ngủ một mình đợi chúng tôi… Không chết trần truồng không thể được. Chúng tôi đập vỡ những hình hài. Cuộc sống phải thừa như không khí. Cuộc sống phải thừa như sớm mai…».*

Anh Tâm hiểu được cái gay gắt của G.Flaubert trong sáng tác như hiểu nghịch lý của văn chương, vừa mang sức mạnh của kẻ sáng tạo đang thắng tờ giấy trắng trước mắt, vừa có sức hủy diệt từng chữ, từng hàng, cả trang trên tờ giấy trắng đó do chính mình viết ra. Viết trong văn chương, nhất là làm thơ, không phải là chuyện viết nhật ký. Triết gia J.Rancière, trong tác phẩm *La parole muette, Lời câm* (đặt tựa sách kiểu này anh Tâm rất thích), đã nhận định không sai: viết để chống lại cái trống, loại ra luôn chuyện bỏ chạy, nó là chuyện thấy được *nhịp đời trong nhịp câu* thật sâu kín luôn nằm bên trong của tư tưởng. Anh Tâm thấy rõ chuyện này, nhưng anh có cách nói của anh, nhớ lại bài *Bao giờ*: *«…Chiều không xanh không tím không hồng. Những ống khói tàu mệt lả… Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình. Như kẻ say rót rượu lấy mà uống… Cho vui thêm cuộc hành trình (Đúng rồi những người thù ghét thơ của tôi ơi). Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc…».*

Thời gian đã dắt dìu ý thức bằng cái thất bại giữa đời của chủ thể, cái thất bại này giúp con người hiểu sâu hơn cái thảm bại trong tình yêu, anh không vứt tư tưởng thơ của mình ra giữa khơi, anh bảo vệ tình yêu chống lại mọi ẩm thấp làm chìm ngộp tình yêu, làm nó đuối giữa dòng rồi vùi nó. Vì con người còn có một sức mạnh khác: sức mạnh của tự do cho chính mình, sức mạnh này sẽ tạo ra được một không gian mới cho lời người -lời người chớ không phải lời nói- biết đưa người tới một kiếp mới, một kiếp sinh động biết đối thoại với những hẹn hò mới, biết đối thoại là biết mình còn sống, biết hẹn hò là biết mình còn yêu. *Đừng bắt tôi từ biệt. Vì tôi còn chất đầy tiếng nói. Tôi đã bao giờ muốn chết… Tôi còn muốn sống muốn sống. Thực hiện rừng danh từ của chúng tôi.*

Thơ tình của anh Tâm không ca tụng trơn tru tình yêu, cũng không than khóc thụ động ủ dột tình ái, anh tìm mọi cách bảo vệ chúng, ngay giữa những thời khắc tuyệt vọng nhất. *Anh sợ những cột đèn đổ xuống. Rồi dây điện cuốn lấy*

chúng ta. Bóp chết mọi hy vọng. Nên anh dìu em đi xa… Sao tuổi trẻ quá buồn. Như con mắt giận dữ. Sao tuổi trẻ quá buồn. Sao tuổi trẻ quá buồn như bàn ghế không bầy.

Khi anh chị định cư tại Mỹ, thì bạn bè gần xa lại không còn được đọc thơ của anh nữa, Khoá có hỏi anh về chuyện *«vắng thơ»* này trong tuyển tập *La part d'exil*, anh trả lời: *«Gần đây, tôi không làm thơ nữa, nếu người ta ngủ cùng giường với thời sự qua những chuyện tức khắc hằng ngày, sinh lực sẽ mòn, trí tuệ sẽ bị ao tù. Thơ như những nghệ thuật khác, cần không khí trong lành, cần nội lực trong sạch, cần não trạng trong sáng… Chuyện bỗng dưng không làm thơ nữa đã xảy ra với tôi trước năm 1960. Thời điểm mà tôi bị khủng hoảng nhưng bằng sự sáng suốt giữa cơn điên, lúc đó tôi loại thơ ra khỏi tôi một cách ý thức và rất lạnh lùng, coi thơ như một loại rễ lạ bám vào thân mình, cứ tự hỏi: Tại sao thơ? Tại sao phải làm thơ? Tại sao làm thơ giữa thời buổi này? Tại sao phải chính tôi làm thơ thời buổi này? Những câu hỏi ngu ngốc đó có sức sáng suốt của nó, nó đánh thức tôi đừng sống bằng ảo tưởng, trong thời gian như vậy tôi sống trong* cái điên sáng suốt *của mình».*

Khoá vẫn tiếp tục suy nghĩ về câu trả lời này, sự yên lặng không phổ biến thơ của anh không phải là chuyện anh ngừng hẳn suy nghĩ và suy ngẫm về thơ. *Tôi vẫn sống thiệt thà dù không còn hình ảnh. Dù không còn âm thanh.* Khoá tin chắc một điều là anh không hề ngừng suy nghĩ về đời, về thơ. Sự câm lặng này của thơ chống lại cái ồn ào của ngôn ngữ, yên lặng không phải là yên bặt, trí lực thơ vẫn đột nhập vào lòng người, đưa nhân phẩm lên hàng đầu, thơ đã đặt tình người vào một cơn lốc xoáy khác, đặc thù hơn, nơi mà nhạc của thơ đã nhập nội cùng sự lặng thinh của chữ, để lý trí được lắng lặng sống trọn cho chính mình. Chuyện lý trí vẫn là chuyện cốt, gốc, rễ trong thơ của anh, chuyện này đã có mặt trong bài *Lệ đá xanh*: *Tôi biết những người khóc lẻ loi. Không nguôi một phút. Những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình...* Chuyện thể hiện ra ngoài bằng ngôn ngữ không còn chỗ đứng tuyệt đối với thi sĩ như anh Tâm chỉ cần giữ cái nguồn, cái cội, cái mạch của trí tính, vừa lặng, vừa mạnh. Câm giọng không phải là nín lời.

Đêm lắng của thơ không phải cái câm trắng của ngày, Khoá thấy rõ chuyện này qua bài *Đêm;* những người đi trong đêm, xuyên chiến tranh, thấu rõ mọi đổ vỡ, họ có *«sức thấy»* của họ mà người khác không có, vì họ đi nhiều, sống nhiều và suy nghĩ nhiều chị à. *Những đêm nào chiến tranh đã qua. Con mắt đen niềm im lặng. Anh vẫn đi hoài trong thành phố. Cô đơn.* T.Mann khi bỏ đất nước Đức thân yêu mình ra đi, đã trách đồng bào mình là: *«regarder sans voir»*, nhìn mà không thấy, *nhìn* và sống với Đức Quốc xã từ lâu, hàng ngày mà không *thấy* chúng là bọn sát nhân. Anh Tâm thấy được thật rõ nhiều chuyện tai ương của đất nước, thảm họa của dân tộc mà ít người thấy được. *Hình ảnh tự do đổ vỡ… Các con ơi cha anh chết đều chưa đầy tuổi ba mươi.* Đồng bào mình lạc lõng ngay

trên đất nước mình, lạc đường giữa nhân sinh, lạc loài giữa đồng loại. *Bầu trời nắng như màu bơ vơ, nắng nhiệt đới xéo bàn tay run rẩy.*

Thuở sinh thời những lúc bàn bạc về *«thơ gần ta, thơ xa ta»,* Khoá thấy anh rất gần với R.Char: *«Souvent je ne parle que pour toi afin que la terre m'oublie»;* thường thì anh chỉ nói vì em để trái đất này quên hẳn anh đi, anh Tâm có cách nhìn tình yêu của riêng anh: *...Sẽ chết như sao rơi vào bất tận. Sẽ yêu như giọt nước hân hoan...* Khoá có kể cho anh về P.Valery, ông tự xem mỗi bài thơ là một cơn bão của tư tưởng: *«Il me semble voir la figure une pensée pour la première fois placée dans notre espace »*, mỗi bài thơ mang một khuôn mặt mà hình như lần đầu tôi thấy được tư tưởng được đặt giữa không gian của chúng ta. Khoá nhắc là anh cũng có cách nói của anh: *...Cho đi hoang làm cơn lốc bi thảm. Cuốn ngay chính mình chết theo không gian...* Anh Tâm rất tránh các thi sĩ suốt ngày *«đẽo chữ»* cho đẹp, anh thích gần các thi sĩ *«đào sâu từng chữ»*, sự thật không phải là chuyện đẽo đục, mà là chuyện đào để tìm, sâu cùng vực, đắm cùng hoạ, để thấy rõ kiếp người, chữ *ghẻ lạnh* của riêng anh Tâm ra từ đáy vực chị à. *Trưa nắng cháy. Vào sâu trong ghẻ lạnh. Với máu trong tim*. C*hảy nhanh như máy móc đau ốm.*

Thấy rõ hoang tàn, nhìn rõ tuyệt vọng, chủ thể thất bại nhưng nhân sinh không thảm bại, nhìn thấy được vực để tránh nó, để sống; đào sâu từng chữ để rèn cứng từng lời, không bầy biện biểu tượng, không phô trương luân lý, để giữ cho bền sức ý thức của tự do. *Cả đời là sa mạc. Cả tôi là tự do*. Chị ơi, tự do trong thơ anh luôn bị đe dọa, người ta yêu quý nó, nhưng đối với anh nó cũng là nơi của bao gẫy đổ qua thời cuộc, nó nói lên bao hữu hạn của kiếp người, với bao mất mát trước các tai ương của chiến tranh, làm tật nguyền tâm linh của nhân sinh. Làm người cách nào thì trọn vẹn khi đã mất lòng tin? Nhưng bất cứ giá nào cũng phải ôm ấp cho bằng được chủ thể tự do. *Anh ôm ghì sự bất lực đói khát, mũi dao nhọn giữa lòng tin.* Trong thơ của anh chữ tự do có lịch sử riêng của nó vì không hiểu tự do làm sao hiểu được tình yêu.

Người ta chỉ yêu khi tự do. Đây cũng là cuộc đối đầu giữa cái ác và cái nhân, trong thơ của anh con người phải đi qua đêm để thấy một loại ánh sáng mới đứng giữa lòng đêm, rồi cùng nhau lấy chung một quyết định *chém đầu chuyện cúi đầu,* nếu lấy thời điểm 1975 làm con mốc cho chuyện biến thiên của người Việt, thì hai mươi năm trước là chuyện *di cư: «Tôi chờ đợi. Lớn lên cùng giông bão. Hôm nay tuổi nhỏ khóc trên vai. Tìm cẳng tay nước biển. Con ngựa buồn. Lửa trốn con ngươi…»*. Rồi gần hai mươi năm sau là chuyện *di tản: «Rũ bỏ ký ức- ký ức người… Nuốt trọng điếm nhục… Và đi… Biết trí nhớ khuất ngoài tích sự…»*.

Thơ anh gom được sử đời, rồi sẵn sàng cõng nó trên lưng và đi. Anh trực diện với lịch sử, bạn bè thân của anh kể cho Khoá nghe là năm 1954 giữa đợt di cư, anh còn lấy chuyến bay cuối cùng để trở lại Hà Nội nhắn gởi gần xa hãy thận

trọng với chế độ độc tài mới. Rồi giữa dòng người di tản trước ngày 30 tháng tư, có bạn bè gặp anh và hỏi: *«Nên đi hay nên ở?»*, anh trả lời: *«Đất nước của mình, mình ở, không đi, ở và chấp nhận cái giá ở lại này!»*.

Anh cũng chấp nhận cái thử thách lớn nhất của thi ca trong cuộc đời làm thơ của mình, đó là chuyện thấy được cái chung của nhân sinh nằm trong sinh lực chỉ của một chủ thể, chủ thể không phải là một người riêng rẽ, chủ thể là nơi hội tụ của mọi biến cố mà nhân loại có thể chưa biết, nhưng qua chủ thể này các biến cố giờ đã được xếp thành biến cuộc mà con người có thể hiểu được qua thi ca, thơ khung lại biến loạn, thơ rào lại biến tâm, rồi đi tìm *nghĩa sống mới* cho nhân loại. Triết gia G.Deleuze, cùng thế hệ với anh nhận rõ được điều này: *«Un seul et même Océan pour tous les gouttes, une seule clameur de l'être pour tous les étants»*.

Chỉ một và cùng đại dương cho mọi hạt nước, chỉ một cuộc bùng nổ của một chủ thể cho mọi người, bùng nổ rồi gẫy đổ, chủ thể này chấp nhận rơi vào cô đơn, đi từ chuyện thất bại này qua chuyện thua cuộc khác, để thơ tự lột được vỏ bề ngoài của mình, và thơ sẽ trao nội chất của nó cho chủ thể, như vậy nhân sinh sẽ cứng cáp hơn, nhân loại sẽ chịu đựng bền bỉ hơn trong nhân thế hỗn loạn chị à. Không sợ cái tàn nhẫn, vì lửa hẹn vẫn hôn gót chân, vì con người vẫn ham muốn chuyện hẹn hò, bất chấp chiến tranh. *Em hoàng hôn trút áo. Ngực gọi đêm về. Vì còn đồi đá sỏi. Cần lửa hôn gót chân… Sao vỡ trên môi.*

Một đêm hè năm 1978, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Đinh Cường và Khoá quyết định ghé thăm Bùi Giáng, cũng cùng khu Bà Chiểu của anh chị. Hôm sau, Khoá kể cho anh nghe những suy nghĩ của Khoá về thi sĩ này, anh phân tích nửa đùa, nửa thật, nhưng thật sâu: *«Bùi Giáng nó bậy lắm, nó chọn một con đường để đi riêng, bất chấp mọi thời cuộc, bất chấp mọi hoàn cảnh, tuyệt đối hoá thơ, để chung thủy trọn vẹn với thơ, không ai làm được, vì không ai theo kịp…»*. Những lời *trần tình* này cũng là những lời chân tình nhất mà chỉ thấy được ở anh Tâm; những giờ được sống và tâm sự với anh không bao giờ Khoá quên, nói theo cách của Bùi Giáng anh là người hiếm hoi trong cuộc sống biến được *sơ ngộ* thành *hạnh ngộ*, mà kẻ được hưởng như Khoá chỉ mong ngày *hội ngộ*.

Gần gũi tâm sự với anh, Khoá biết thêm anh có cách nuôi hy vọng riêng cho mình, anh rất sáng suốt khi bình câu *«l'espoir pour rien»* của R.Char, hy vọng chẳng để làm gì; anh cũng hiểu lời dặn của *Héraclite: «L'homme qui ne s'abandonne pas à l'espoir n'atteindra jamais l'inespéré»*. Người mà không bỏ rơi hy vọng sẽ không tìm tới được sự vô vọng. Trong tuyển tập *La part d'exil*, anh kể cho bạn đọc tiếng Pháp nghe được về nỗi thất vọng của anh, anh biến trí tuệ mình thành cấm địa, loại ra khỏi mình những quan hệ xã hội không đâu, tạo điều kiện cho sự trở lại bất chợt và lạ lùng của thơ. Anh còn tâm sự mỗi lần thơ trở lại, giữa cảnh tù đày cải tạo, anh thấy được hạnh phúc, có khi thấy *hơi mắc cỡ*, anh viết chữ pháp *«timide»*, rồi giấu những bài thơ đó như hồi còn trẻ, như

giấu cái vui sướng thật riêng tư. *Hoang vu lời thơ ai heo hút cùng cỏ cây heo hút. Dẫn đưa anh về tận nẻo nguồn chốn bình minh lẩn lút*. Biết tìm cho mình *nẻo nguồn chốn bình minh lẩn lút* là biết sống. Có những thi sĩ mỗi ngày đều làm thơ nhưng không có chỗ riêng tư để bảo vệ thơ mình, nhiều khi thơ của họ không có chỗ để *dung thân*, anh tự dặn mình tạo chỗ *nương thân* cho thơ. *Không khí nhiễm độc*. *Đập vỡ*. *Quá khứ hỗn xược trên da trống*.

Cái khó hằng ngày là nuôi hy vọng của mình ngay trong địa ngục trước mắt, mà đạo Phật đã phạm trù hoá được, rồi đặt tên cho nó là: *địa ngục điện tiền*, nhớ lại bài *Đêm đông ở K2 Tân Lập*: *«…Còn qua bao cửa ngục? Đây quê mình quê người?...»*, địa ngục cải tạo loang như vết dầu trùm phủ cả quê hương, rồi người Việt không còn nhận ra đất nước của mình nữa. Nếu cái ác mang con người ra để *«đấu giá»* thì nhân tính sẽ thất bại, nhân sinh sẽ chết ngộp, nhân tình hấp hối giữa đời. *Giọt sáng rơi kiệt cùng cõi hư*. Không gian tối tăm này, cũng được anh đặt tên là: *miền khuyết sử*, anh phân tích rõ ý mình*: «Sự thật… sự thật như rắn rết, chuột bọ, ếch nhái, như rau cỏ, quả rừng được ăn nuốt vội vàng bất chấp mọi phép tắc. Bố đã nhai nghiến trệu trạo bằng hai hàm răng đau nhức với sự thực lượm trên đường…»*. Đây là đoạn trong *Ba bài sinh nhật con gái*, anh giải thích phạm trù tự do cho đứa con gái thân yêu của anh chị; người cha này thương con mình thật đầy đủ, thật trọn vẹn chị à.

Trong thơ của anh, chủ thể đi hoang để tự cứu mình, vì môi trường sống đã thành môi trường chết, ngày mình sinh ra đời là ngày mình đi lạc trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn này, ngày sinh nhật của anh trong trại cải tạo là ngày đất đã không giữ được người, trong bài *Sinh nhật trên đồi*, anh thổ lộ*: «…Hắn tự chôn theo gió cuối trời. »*. Anh biết rất rõ thơ của *L.Milosz «Les morts les morts sont au fond moins mort que moi…»*, những người đã chết nhiều khi ít chết hơn tôi, nhưng anh không phải ông ta, anh thấy được lối ra của nhân sinh giữa vũ trụ sang mùa, lối thoát của nhân loại đi tìm một loại ánh sáng mới bằng tự do của quyền làm người, tự mình tìm lối đi cho chính mình, không để cái chết tự do độc thoại. Trong bài *Vang vang trời vào xuân*, giữa trại tù cải tạo anh thấy được mùa xuân đang dẫm trên vai cái ác, đang vượt trên đầu cái vô nhân, đi tìm ánh sáng mới giữa mùa xuân mới để đào sâu hơn ý nghĩa -và ý định- của tự do. *Vang vang trời vào xuân*. *Ta bật kêu mừng rỡ*. *Ôi bạn bè xa xăm*. *Tim ta cũng cháy đỏ*. *Rừng thẳm bóng trăng ngàn*.

Những năm Khoá sống tại Paris, mỗi năm đều đón và nói chuyện với nhạc sĩ Cung Tiến, Khoá được biết những bài này làm trong các trại cải tạo, anh Tâm ký bút hiệu là Trần Kha. Những năm đó, các bạn bè thường hỏi tin của anh, vì không có dịp về thăm đất nước để trực tiếp gặp anh, Khoá có kể (hai) cho các bạn nghe hai câu chuyện về anh mỗi lần Khoá được gặp anh. Chuyện thứ nhất là anh làm việc nhiều vì suy nghĩ nhiều, anh vừa làm thơ tiếng Việt, anh vừa làm thơ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp những bài thơ này rất hay, ít người biết. Chuyện thứ nhì là năm tháng anh từ *«tù cải tạo»* ra, mỗi lần chia tay nhau, anh có một

câu nói thật hay và thật buồn: *«Thôi chào Khoá, cho tôi gởi lời hỏi thăm tất cả những người mà Khoá biết và tôi biết»*. Khoá có tâm sự với họa sĩ Lê Tài Điển đây là một câu buồn của một thi sĩ tiên tri, tại sao vậy? Vì những ngày mà bạn bè tất cả đầy đủ với nhau chắc sẽ hiếm đi, coi như không còn thực hiện được. Anh nói ra được những câu như vậy, vì anh sống thật với câu chữ của mình, chuyện này làm Khoá nhớ lại nỗi băn khoăn của anh không biết bao giờ gặp lại được các bạn hữu của nhóm Sáng Tạo đang sống ở trời Tây.

Lần cuối gặp anh tại Sài Gòn năm 1987, chế độ mới cho in lại các bài thơ của Nguyễn Bính thời Thơ Mới, anh Tâm trao lên tay Khoá, dặn là Khoá về Pháp trao lại tận tay hoạ sĩ Thái Tuấn, ngày Khoá trao tập thơ này tận tay bác Thái Tuấn, Khoá thấy nước mắt bác rơi. Thơ của anh Tâm là thơ tự do, tự đào trong chữ, tự thoát trong câu, tìm nhạc tính cho riêng mình không bị lệ thuộc vào thói quen của vần điệu nhân gian, anh bơi ngược dòng với thơ của Nguyễn Bính đầy vần điệu ca dao, đầy nhạc tính dân ca, vậy mà anh rất quý trọng Nguyễn Bính và biết rõ là người bạn của mình hoạ sĩ Thái Tuấn rất thích Nguyễn Bính; Khoá học được *bài học trao tận tay* này của anh.

Anh còn có hai *«độc chiêu»* khác (đây là cách nói đùa giữa bạn bè với nhau) mà hiếm thi sĩ nào có được. *«Độc chiêu thứ nhất»*, anh tìm được những bài thơ tiên tri của các thi sĩ ít người biết tới, đã báo động được rất sớm tương lai mịt mù của Việt tộc, giữa chiến khu Việt Minh thời chống thực dân Pháp anh kể về một bài thơ của M.V.Kháng trong đó có câu: *«Đã thấy bên sông màu thuyền thợ»*, bài thơ này đã tiên tri được một viễn ảnh tối đen của đất nước một ngày mà người cộng sản nắm chính quyền sẽ dùng luận điệu của giai cấp công nhân, đó cũng sẽ là ngày tàn của trí thức, của văn nghệ sĩ muốn tự do sáng tác. *«Độc chiêu thứ nhì»*, có những thi sĩ anh không thích, nhưng anh biết lấy từ họ ra những bài thơ hay, có ý nghĩa, đó là trường hợp của Lưu Trọng Lư, anh thường đọc cho Tô Thùy Yên và Khoá nghe những câu: *«Đêm hôm ấy rượu nàng ta chẳng uống, từ sau thề chẳng uống rượu ai…»*.

Có người cứ trách anh là *«một thi sĩ khó tính»,* riêng Khoá thấy anh là *«một thi sĩ kỹ tính»,* vì anh biết *kỹ trí* để *kỹ tâm*. Khoá chưa kể chuyện này với ai: mỗi lần chia tay nhau, Khoá về lại Pháp, anh nói rất ít, ngồi thật yên trong một góc phòng bóng tối nhiều hơn ánh sáng, rồi anh làm thơ bằng tiếng pháp, bài thơ cuối cùng được anh tặng mà câu đầu và câu cuối là: *«Ah! Il doit faire beau dans ce pays-là», Ha! Trời phải đẹp ở xứ kia kìa*; giữa đất tù của mình, chủ thể vẫn tìm ra được các chân trời lạ để thấy và để sáng tác chị à. *Đau như thú dữ cháy rừng. Ta đập vỡ hình hài và thức giấc.*



với Phạm Duy và Duy Cường, Paris.

Nhớ Phạm Duy

"Tình âm dương chan chứa, xoay trong tử sinh"

Duy Cường thân,

«Tôi đang ốm nặng, tin Khoá làm tôi vui», đây là dòng thư cuối cùng mà tôi nhận được của Bác, viết ngày 15 tháng giêng; ngày 27 cùng tháng năm 2013, tôi nhận tin Bác qua đời. Thư cuối cùng tôi viết tới Bác để thông tin thêm các suy nghĩ mới của tôi về nghệ thuật ca khúc của Bác, sau bài nghiên cứu về Bác bằng tiếng Pháp trong bộ sách *Anthrpologie du Vietnam* của tôi. Tôi đã tặng Bác bài nghiên cứu này, vào một ngày mùa xuân năm 2010, chắc Duy Cường còn nhớ buổi trưa hôm đó, Duy Cường và tôi dùng cơm trưa gần chợ Bến Thành, Duy Cường dặn Bác qua điện thoại: *«Bố đừng đi đâu nhá, Khoá lại thăm Bố»*; rồi đầu dây bên kia, giọng của Bác lúc nào cũng mạnh và rõ: *«Khoá cứ lại, Bố chờ đây»*.

Tôi mang lại một bài nghiên cứu của mình sau gần hai mươi năm mới xong, Bác nửa đùa, nửa thật, trách tôi: *«Viết gì mà lâu quá vậy, tưởng tới chết vẫn chưa đọc được bài của toi»*. Tôi lúc nào cũng có sẵn câu trả lời: *«Bác ạ, nghiên cứu không chỉ là viết, mà phải tổ chức tư liệu, sắp xếp lập luận, giải trình tư duy... mất rất nhiều thì giờ mà chưa chắc đã thành công»*. Bác ngồi thanh thản nhưng rất tập trung đọc bài này, nhìn khuôn mặt Bác tôi biết Bác rất thú vị mỗi lần được đọc tiếng Pháp, vì tôi nhớ rất rõ khuôn mặt này mỗi lần Bác lại đọc sách

tiếng Pháp tại nhà tôi ở Paris những năm cuối thế kỷ qua. Bác không hỏi, không bàn gì về nghệ thuật âm nhạc, cuộc đời của Bác trong bài viết, mà chỉ hỏi, hỏi thật nhiều về các tư tưởng gia, các triết gia, các nhà phê bình nghệ thuật âm nhạc và thi ca của Âu châu được trích trong bài này dùng để *«giải mã»* cách sáng tác của Bác. Bác bàn thật lâu với tôi về câu của Kant: *«L'amour est une affaire de sentiment et non de volonté, ainsi je ne peux aimer parce que je le veux, encore moins parce que je le dois, car le devoir d'aimer est un non sens»*. Tình yêu vẫn là chuyện của tình cảm, không phải chuyện của ý chí, tôi yêu vì tôi muốn yêu, không ai yêu vì bị buộc yêu, chuyện bổn phận trong tình yêu là chuyện vô nghĩa. Vô nghĩa đã biến thành vô duyên. Hôm đó, tôi nhắc là Bác có cách nói riêng của Bác: *«Ngày đôi môi đã quyết trói đời người»*.

Bây giờ Bác đã ra đi, người cha thâm niên của trường ca dân tộc, người yêu bền bỉ của tình ca, đứa con tin yêu của Việt tộc, mà không một ý thức hệ nào thuần hoá được, không một chế độ nào khống chế được, không một bè phái nào có thể bôi bác được. Vì đứa con tin yêu này của Việt tộc đã tặng tổ quốc mình hàng ngàn ca khúc, với rất nhiều bài hát làm rạng rỡ tinh anh dân tộc mình, làm thăng hoa thể phách đồng bào mình. Chuyện này phải có thiên tài mới làm được. Nếu có những người trách Bác vì bị thất thế trong cuộc vật đổi sao dời vừa qua, vì chiến tranh, vì là nạn nhân của các chế độ bất nhân trong chuyện huynh đệ tương tàn của thế kỷ qua, họ cứ trách, tôi hiểu họ, thông cảm với hoàn cảnh của họ, nhưng tôi không phải là họ.

Bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên hay trách tôi: «*chỉ khen chớ không chê, chỉ nâng chớ không hạ, chỉ nghe, đọc, nhìn chuyện hay, không nhắc, không viết gì về chuyện xấu, chuyện tồi»*; mỗi lần bị trách như vậy, tôi luôn trả lời rất thành thật: *«Sách thánh hiền cả đời đọc không hết, nhạc hay nghe tới chết chưa xong, còn thì giờ đâu mà đi phanh phui chuyện dở, chuyện thấp… để viết»*; tôi được quyền có thái độ này với cuộc sống *«nắng sớm, mưa chiều»* này. Vậy nên trong những năm qua, tôi gần Bác qua cái đẹp, cái hay, cái cao, cái lành trong âm nhạc Bác, tôi tiếp tục trân trọng những cái này trong việc nghiên cứu về dân tộc học, về nhân học của mình mà không để *cái mê chấp của thời cuộc* làm mờ nhạt đóng góp của đứa con tin yêu này của Việt tộc. Nếu các thế hệ đàn cha, đàn anh đã có những ý kiến khác nhau về Bác trong cuộc biến thiên của thế kỷ qua, mà chiến tranh vô nhân, các ý thức hệ vô luân gieo bao đại nạn cho dân tộc, hàng ngày vùi dập nhân cách nghệ sĩ và trí thức; riêng tôi chỉ muốn tâm sự với các thế hệ trẻ tuổi hơn Duy Cường và tôi (chúng ta sinh cùng năm, có lần Duy Cường còn nói là: *«Tôi hơn Khoá sáu tháng»)*, tâm sự về nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan trong âm nhạc của Bác.

Không già

Bác là người Việt hiếm hoi mà tôi thấy tuổi đời không lấn được trí lực. Lý trí khi đã thành sinh lực, nó trở thành tinh anh và tự cho phép nghệ sỹ và trí thức đi trên vai của thời gian, cụ Tiên Điền thi hào của Việt tộc đã đào sâu được chuyện

này: *«Thác là thể phách, còn là tinh anh»*. Bác vượt lên cả chuyện *thể phách, tinh anh* của riêng mình, để tinh hoa hóa môi trường sống của đất nước qua cách tự tình dân tộc của riêng mình, cả đời nghệ thuật của mình Bác biết «trẻ hoá tình yêu», «thăng hoa yêu đương», cùng vui chia nhau những niềm thương thật hiếm hoi trong cuộc sống. Muốn làm được chuyện này trong gần một thế kỷ phải có hoài bão mạnh, ý tưởng vững, nơi mà trí lực phải dựa vai cùng ý lực, như lời Bác đã đọc khi giới thiệu Đạo ca, khi phổ thơ Phạm Thiên Thư: «*Ý lực cứu độ muôn loài như cứu chính mình»,* ý Phật và tâm Phật là một. Sinh lực của Bác đủ vai vóc đồng hành với ý lực, chuyện Bác làm việc say mê dung hòa với chuyện ăn uống điều độ, sống một ngày với Bác thấy rõ được việc này, tránh xa mọi nơi *«chén chú, chén anh»*, kỷ luật tri thức rành mạch với thì giờ trước mắt, chuyện nghỉ ngơi đúng lúc giữ cho tầm vóc tư duy luôn được sáng suốt.

Bác đã tặng cho chính mình một món quà thật quý, mà thi sĩ Y.Bonnefoy, tầm cỡ loại Nam Tào của thi ca Pháp trong thế kỷ hai mươi, đã nói rõ được chuyện này *«L'esprit sait vaincre la grisaille».* Lý trí biết cách thắng cái ảm đạm, cái mờ đục, nó không chấp nhận cái đìu hiu. Không già tức là không lẩm cẩm, mà cũng là không thụ động trước các truy bức trong cuộc sống, cứ đẩy nhân tính gần về phía biên giới của thú tính. Tôi thấy rõ chuyện kỷ luật tri thức này trong các nhà tư tưởng, các lý thuyết gia của nhân loại, sự sáng suốt có từ sự tỉnh táo, trí tuệ minh giác là nội công của lý luận, kiến thức tinh thông là nội lực của lập luận.

Không già và đủ sức mở lòng thật mạnh với đời để sáng tác, lực nghệ thuật có trong sức nhạy cảm, ý nhập nội trong lý, khai nghiệp để nhập nghệ. Sau một ngày đi đây đó tại Paris, tối Bác về nhà tôi, vui vẻ kể cho tôi nghe: *«Trong mười bài Thiền ca, nội ngày hôm nay, moi làm được năm bài!»,* chuyện không già này thấy rõ trong Thiền ca: *«Hai mươi tuổi đời yêu như hổ đói, bảy mươi tuổi rồi yêu cũng vậy thôi»*. Bạn bè gần xa thường *«trách»: «Câu này chẳng có hơi hướm thiền gì cả!».* Bác và tôi thường đùa nhau: *«Nhập thiền kiểu này để tránh già!».*

Không rũ

Bác luôn thấy được lối ra mỗi lần cuộc sống bế tắc, sự thụ động hoàn toàn xa lạ với cá tính quyết đoán của Bác, không có cá tính này đừng tìm đến nghệ thuật, có cá tính mạnh mới trao truyền được sáng tác, kể cả những sáng tác buồn, kể cả những tác phẩm bi quan. Vì cá tính đánh thức cảm tính, vực dậy linh tính, làm thẳng lưng trí tính, mở đường cho nghệ thuật được thăng hoa; không rũ tức là không cam nhận tai biến. Trong chuyện vật đổi sao dời sau 1975, với hằng triệu đồng bào phải bỏ quê cha đất tổ ra đi, Bác có trong khúc ruột bị cắt điếng vất xa tắp khỏi quê hương đó. Những năm đầu tiên Bác cũng hoang mang như mọi người, vì đồng bào di tản của mình bắt buộc phải *vượt biên* mà dân tộc mình chưa hề có kinh nghiệm *vượt biển.*

Duy Cường ơi! Biển đông đã thành một nấm mồ khổng lồ vô hình của bao bạn bè, của bao quyến thuộc… Nhưng Bác không rũ, không gục; với *Bầy chim bỏ xứ*, chủ động với nhận định *«Tự do là tiếng loài chim!»*, phải chọn lựa tự do mới bảo vệ được nhân cách của mình, phải gìn giữ tự do mới che chở được tư cách của mình, đối với nghệ sĩ và trí thức phải ôm ấp tự do mới nuôi nấng được phong cách của mình. Tôi kể về nhận định của văn sĩ J.M.Clézio: *«Le destin de chacun est sa liberté»*, số kiếp mỗi người vẫn là tự do của người đó, Bác rất thích câu này. Trong thư, Bác thường viết *«Khoá ơi! PD, chim già chưa mỏi cánh»*. Nhớ lại nhiều thi sĩ được dân mình ngưỡng mộ nhờ qua các bài được Bác phổ nhạc, hãy xem lại tên tuổi những thi sĩ đó, tất cả họ là những người yêu tự do, từ nhân sinh quan ra thế giới quan.

Một tự do không ích kỷ cũng không hận thù, tự do còn phải biết biến thành tình thương đồng loại, tinh anh của nhân loại là đây, nếu tự do là riêng tư thì nó vô thưởng vô phạt. Có lần, Bác hỏi tôi: *«Trong Thiền ca, nếu chọn một câu hay nhất thì toi chọn câu nào?»*, tôi thảnh thơi nhưng cũng trầm mặc trả lời: *«Cháu chọn câu:* «Tròn như viên đạn đồng đen, đã khô vết máu, xa miền chiến tranh», *cháu chọn câu này vì nó có nội dung hòa hợp, hòa giải dân tộc!»*. Sau cuộc huynh đệ tương tàn trong thế kỷ hai mươi, đáng lẽ kẻ thắng là người cộng sản phải làm chuyện này, họ không làm lại để kẻ thua trận, bại cuộc làm chuyện này, thì lương tri và nhân phẩm sẽ thuộc về bên thua cuộc.

Nhớ lại người xưa thật hay, như Quang Trung Nguyễn Huệ chẳng hạn, từ Nam ra Bắc, giải phóng trọn vẹn tổ quốc, khi tới Thăng Long, thủ đô thương yêu của Việt tộc, không còn một bóng giặc Thanh, vua liền bị vây quanh bởi các kẻ đầy tị hiềm dân tộc, trao tới vua một hồ sơ những người đã hợp tác với ngoại xâm, đưa đẩy vua phải mang họ ra xử, vua đã xé bản tường trình tố cáo đó, lại còn lập ngay đàn giải oan, dứt khoát xoá tất cả vết nhơ trong chuyện huynh đệ tương tàn. Đấng minh quân này đã hóa giải chuyện *«gà nhà bôi mặt đá nhau»* để hòa giải nên chuyện *«gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau»*.

Bác nghe tôi kể xong chuyện *hoá giải để hoà giải*, Bác liền nhắc tôi: *«Moi đã làm chuyện hoá giải để hoà giải này từ lâu, hồi còn trẻ giữa cuộc chiến tang thương, trong bài* Bên cầu biên giới *moi đã thấy hậu quả của chuyện hận thù*: «Lòng tôi sao vẫn còn biên giới ?», *rồi trong bài* Bà mẹ Gio Linh, *ôm đầu đứa con vừa bị giặc chặt, nhưng lòng tràn đầy tình thương đồng loại*: «Xa xa tiếng chuông chùa réo», *moi hình dung một viễn ảnh của dân tộc mình mà tâm Phật qua tiếng chuông chùa chan hoà trong không gian; tình thương đồng loại ngân vang như chuông chùa giữa cuộc sống»*. Duy Cường ơi! Nhạc hay là nhạc cảm hoá được mọi tỵ hiềm, cảm nhận được tình thương bao la của việc *hoá giải để hoà giải.*

Hãy tâm sự với các bạn trẻ đang làm nhạc và đang nghe nhạc Việt Nam, các bạn đừng rơi vào các lời lẽ dễ dãi, câu chữ chụp giựt, âm điệu ngẫu nghiến trong

cách sáng tác, trong cách thưởng thức nhạc hiện nay; nếu các bạn không *hoá giải* được cái *tục* để *hoà giải* cùng với cái *thanh*, các bạn có thể bị sa lầy trong tương lai vì các bạn sẽ không đủ tâm, đủ ý, đủ lực để *hoà hợp* được với dân tộc này, đã chịu quá nhiều thảm hoạ.

Không nản,

Bác không coi chuyến lưu vong sau 1975 vừa qua là vĩnh viễn, phải chấp nhận kiếp lưu đày tới chết, Bác đã trở lại với quê hương, đã tìm về với dân tộc, không một xảo thuật chính trị nào có thể giật dây được thái độ này, kẻ thân với chính quyền thì bảo đã trở về với chế độ, kẻ chống cộng sản thì bảo là đã đầu hàng trước quyền lực độc tài. Riêng người nghệ sĩ họ biết trước hết họ là ai, họ là nghệ sĩ của dân tộc họ, họ có chỗ đứng trên bất cứ thời gian và không gian nào của tổ quốc họ, vì họ yêu đất nước như bất cứ một nhà cách mạng nào, như bất cứ một chính trị gia nào, đừng mơ hồ và cũng đừng *đánh lận con đen* trên chuyện này, vì nước Việt là của mọi người Việt, không một chế độ nào, không một chính phủ nào, không một ý thức hệ nào thay đổi được chân lý này. Không nản ở đây là không để cho dân tộc này bị chia xé, không để cho đất nước này bị chia cắt, vì «*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời»*, cho dù *«Đất nước cháy theo với ngọn lửa thiêu»*, cùng dân tộc tôi *«Tôi đi từ ải Nam Quan sau vài ngàn năm lẻ»;* đó là thông điệp âm nhạc của Bác.

Nhưng khổ đau cuộc sống hàng ngày trên đất nước đã tới Bác trọn vẹn, nhờ sức nhận định rành mạch về thời cuộc của Bác, lần cuối gặp Bác tại Sài Gòn, Bác tâm sự: *«Đối với nghệ sĩ trên đời này chỉ có hai chế độ, chế độ ác và chế độ lành, chế độ này không lành, vì nghệ sĩ không được tự do sáng tác, kể cả tự do gặp gỡ nhau. Moi về đây đã năm năm, bị mổ, bị bịnh, bạn bè không dám tới thăm… Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc mình còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à!… Có lẽ moi sẽ trở lại Mỹ, rồi viết tiếp hồi ký, cuốn hồi ký lần này, moi sẽ đặt tựa là:* Năm năm mặc áo giấy!». Duy Cường ơi! *Đi với thầy tu mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy,* chúng ta chỉ bảo nhau chuyện này vừa để *phòng thân* đối với bọn xấu, vừa để *thủ thân* đối với kẻ ác, cũng vừa để tìm cách *lập thân* trong một môi trường lành, rồi *tu thân* trong cái trong.

Nhưng khi chia tay, rời nhà Bác lấy taxi về lại trung tâm Sài Gòn, tôi tìm cách *ngồi thật yên, thở thật sâu* như lời dặn của thiền học, nhưng không sao thở sâu được, nước mắt tự nhiên rơi, khi nhớ lại câu: « *Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à!»*. Tôi nhìn kỹ hơn Sài Gòn trước mắt, *lầm than, khổ cực* đã lẳng lặng nhưng sừng sững đứng giữa tầm nhìn của tôi.

Không chùng

Đối với Bác vừa là không chùng bước cũng vừa là không chùng lời, trong thư từ qua lại, Bác luôn tìm cách trao tin vui: *«Đừng sợ già cậu à, càng già nhạc của*

moi càng hay, lời ngày càng sâu, chữ ngày càng rộng». Từ lâu, khi nghe nhạc của Bác chúng ta học sâu thêm được nhiều chữ, trong đó có chữ *đi*: «*Cho đi lại từ đầu, chưa đi vội về sau, xin đi từ thơ ấu, đi vui và bên nhau»;* chữ *đi* không rời chữ *đời*: «*Đời ngon như men say, tình lên phơi phới… Đời vui như ong bay, ngọt lên cây trái…»*, rồi chữ *đời* này được làm *bạn đời* với chữ *hát: «Vì lòng tin yêu còn hát nghìn năm… Hát với tôi khi mới mang thân phận bào thai…».* Đi để hát cho đời, hát câu yêu đời để đi xa, đi rộng, đi sâu, đi có khi để tránh cảnh: « *Đất nước hai miền chật chội oan khiên…*».

Nhìn lại những người quen xung quanh, ít ai đi nhiều như Bác, «*Người đi trong đêm tối, trong đêm thâu. Người đi không dắt, không ai đưa…»,* đi nhưng luôn cảnh tỉnh «*Thế giới âm thầm, thủ phạm lâu năm»* để hiểu sâu đậm hơn chữ *tự do: «Ngoài trời tự do… Đưa tôi ra gặp ngay ánh sáng…».* Không chấp nhận cảnh*: « Như đui mắt, như bơ vơ… Đi trong vòng quanh của bầy ma…»,* đi và hát để thấu được số phận của Việt tộc đã nằm trong cái tăm tối của thế kỷ hai mươi, rời khỏi thế kỷ này không biết là mình đang cười hay đang khóc, hài kịch cũng bi kịch trong thế kỷ này vì thảm kịch đã bồng thảm cảnh trong thế kỷ qua, «*nước mắt len sau từng nụ cười»,* vận nước nay mai rồi không biết về đâu? Nhưng đừng chùng bước trong cuộc tầm xuân: «*...Người ôm nhân loại trong mình. Cười trong nước mắt cho xuân tình dấy men…».*

Không chờ

Chữ ban ân, không đợi lời thương xót; trong *xuân tình,* cái lõi vẫn là *tình,* Bác nhận chữ *tình* rồi gìn giữ nó như báu vật, gìn giữ trọn vẹn không phải chuyện dễ, tình yêu đôi lứa không thiếu vắng tình thương đồng bào, đồng loại; không ngại câu chuyện tình ái, cũng không giấu diếm câu chuyện tình dục*... «Tình âm dương chan chứa, xoay trong vòng tử sinh…».* Platon dặn đời muốn hiểu được chữ *yêu,* thì phải hiểu tại sao chữ *thiếu* chống lại với chữ *có*: *«aime ce dont il manque, et qu'il ne possède pas»,* yêu vì thiếu, yêu vì chưa có. Aristote còn khẳng định rõ hơn là yêu thú vị hơn được yêu, vì sao? Chỉ vì: *«aimer est certainement une activité de plaisir et un bien, alors que le fait d'être aimé ne procède d'aucune activité chez l'être aimé»,* yêu là một sinh hoạt vừa sướng vừa vui, còn được yêu không tạo dựng được một sinh hoạt lý thú nào cả cho kẻ được yêu.

Bác thấy xuyên qua các thế hệ cái lõi vui của chữ *yêu:* «*Xuân trong tôi, đã khơi trong một đêm vui. Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về».* Nhạc của Bác cũng dặn thêm cho đời chữ *mất*, người ta yêu và không ngừng yêu, vì đã bị mất mát nhiều, và biết vui lên khi cuộc sống trở lại bình thường: *«Tình xuân chớm nở đêm qua khi mùa chinh chiến đã lùi xa ngoài đời»,* số phận của một dân tộc đếm bằng *mùa chinh chiến*. Không chờ, không đợi, sẵn sàng tìm nhau *«Tìm nhau khi nhân loại được trùng tu…»* để gặp nhau*...* «*Gặp nhau trong vinh dự của đời người…».* Không chờ, không đợi để không vội, không hoảng, biết nhận vận tốc của thời gian như biết nhận tuổi đời, nhưng cũng biết thong thả

với đời, để được ung dung với thân: *"Nắng còn nắng lê thê thì đêm ơi chớ vội gì"*. Phải tiếp tục sáng tác, phải tiếp tục làm chứng nhân cho sự thật và lẽ phải: «*Đừng ngậm miệng im hơi thành xác không hồn…»,* cũng chỉ vì: «*... Lời tôi thay cho tiếng đạn bay… Lời tôi khâu vá tình thương... Đừng cho ai ăn cướp tình ta… Lời tôi sâu như tiếng tình yêu…».* Trước sau, Bác vẫn không nản: «*Tôi còn yêu đời, tôi còn yêu người*».

Trong tình yêu Bác đi thật xa, *đi-yêu* và *yêu-đi*, Bác thông cảm với Stendhal: *«Aimer, c'est avoir du plaisir à voir, toucher, sentir par tous les sens, et d'aussi près que possible, la personne aimée»*, yêu là có thích thú trong chuyện nhìn để thấy, va chạm để cảm nhận bằng tất cả cảm quan, càng gần người mình yêu càng hay. Rồi Stendhal như kẻ *ham-yêu* đi xa hơn: *«Il nous pousse à aller plus loin dans le sens de la jouissance: aimer c'est pouvoir jouir ou se réjouir, et se démarquer de l'indifférence et l'ennuie».*

Tình yêu đưa ta tới vùng cảm nhận của khoái lạc, yêu để hưởng đi, để được sướng lại, nó hoàn toàn xa lạ với sự thờ ơ, sự buồn chán. Ngược lại với mọi lãnh đạm, buồn rầu, nhạc của Bác có sức gợi cảm trong tình yêu, bàng bạc trùm phủ chữ *yêu* trong không gian, biến môi trường sống thành lãnh địa của ham muốn: *Đêm thơm như một dòng sữa.* Nietzche vẫn không lầm khi nhận ra: *«ce qu'on fait par amour s'accomplit toujours par-delà, le bien et le mal»*, chuyện con người làm trong tình yêu, vượt lên cái thiện và cái ác. Bác cũng hiểu rõ chuyện này của Nietzche,

Bác càng hiểu hơn Réné Char, thi sĩ loại Bắc Đẩu của thi ca Pháp thế kỷ hai mươi, đào kiếm trong tình yêu để hiểu thêm ham muốn: *«L'amour réalisé du désir demeuré désir»*, tình yêu được thực hiện qua ham muốn, rồi vĩnh viễn ở luôn trong dạng ham muốn, bởi vì sao? *«Bởi vì đời còn nhiều khi là mơ! Bởi vì đời còn nhiều khi thành thơ!».*

Nhớ Nguyễn Đức Hùng

Quyền tạo nghiệp

Cháu Linh Lê thương yêu,

Trong thư đầu tiên gởi cho bác, cháu viết: *«Trên giường bịnh trước khi ra đi, bố cháu có đưa cho cháu carte de visite của bác, tên và địa chỉ của bác, mà không nói gì thêm…»,* bạn bè tin nhau là như vậy đó cháu à! Yên lặng nói được nhiều điều mà thời gian sẽ làm rõ mọi chuyện, cái *vô ngôn* bây giờ sẽ mở cửa cho cái *lập ngôn* sau này. Đó cũng là thái độ làm cha đầy trách nhiệm của bố cháu, sắp phải ra đi nhưng vẫn tiếp tục lo cho cháu, trên đường đời sẽ có những bạn bè tin yêu của bố cháu tiếp tục là chỗ dựa tinh thần mỗi khi cháu cần, như cần chú, cần bác trong họ hàng…

Bác xin kể vài chuyện về bố cháu mà chắc cháu chưa biết: bố cháu là người thương vợ con sâu đậm, bận bao nhiêu việc trong ngày, nhưng bố cháu luôn tìm cách bảo vệ và đưa gia đình theo hướng thăng hoa. Năm 2006, bố cháu nhờ bác giúp cho chị của cháu vào trường khoa học chính trị Paris, lời lẽ trong thư gởi bác, thật hiếm có người cha nào thương con như vậy, bác làm được chuyện này, bác thấy bố cháu vui vô kể. Năm 2009, bố cháu cũng muốn đưa cháu qua Âu châu để học thêm một cao học về hợp tác quốc tế trong ban cao học mà bác làm giám đốc, một lần nữa ngồi cùng mâm cơm, trong nhiều giờ liền bố cháu nói với bác tại sao bố cháu muốn cháu học thêm bằng cao học này, một lần nữa bác chứng kiến và trực diện với một người cha thương con tới mức nào.

Năm 2012, bố cháu chuẩn bị chuyến đi Âu châu cùng với mẹ cháu do bác mời, mà chuyện chính là làm cho bằng được chuyện tổng khám nghiệm sức khỏe cho mẹ cháu, bố cháu nhờ bác liên lạc kỹ lưỡng các chuyên khoa, nơi nào gặp bác sĩ, nơi nào phải qua bệnh viện… Bố cháu và bác tích cực lo chu đáo chuyện này, chưa thực hiện được, bố cháu đã phải ra đi. Thương yêu, chăm sóc cho vợ con như bố cháu mà trong phân tích định lượng của ngành xã hội học gia đình hiện đại tại Âu châu vừa kết luận xong: đây là loại người chồng, người cha hiếm có, càng ngày càng hiếm hoi… đây là thiểu số-chắc chắn-tốt của nhân loại-chưa chắc-tốt.

Trong ngành xuất bản giữa cảnh hỗn quân hỗn quan, bố cháu là người có ý thức trách nhiệm cao. Năm 2008, có lần giữa bữa tiệc mà các sinh viên Việt Nam đãi bác trong một tiệm ăn thân quen tại Đà Nẵng, có một sinh viên thuộc loại học lấy bằng để làm quan chớ không phải để dùng kiến thức đánh thức tri thức, hỏi bố cháu: *nghề làm xuất bản là làm gì vậy chú?* Trưa hôm đó bố cháu tỉnh táo trả lời nhanh gọn, nhưng câu trả lời thật đầy đủ: *«Nghề này đẹp lắm cháu à, vì nó làm chuyện chuyển tải tri thức từ thế hệ này qua thế hệ khác»*; chuyển tải tri thức - một câu trả lời đúng, với câu chữ đẹp, với nội dung lý luận hay.

Có ý thức trách nhiệm cao, bố cháu còn có can đảm hiếm có trong ngộ cảnh thiếu dân chủ, thiếu tri thức, trên đe dưới búa của các loại lãnh đạo vô tri, của các trách nhiệm giáo điều vô minh, của vài đồng nghiệp vô giác trước các sáng tạo của các văn nghệ sĩ tài hoa. Ai cũng biết bố cháu can đảm ấn hành các tác phẩm xuất sắc, bị kiểm duyệt một cách thiển cận, bị trù ếm một cách mù quáng…

Nhiều tác giả, nhiều văn nghệ sĩ, nói cho đúng nghĩa là phải mang ơn bố cháu, nhờ bố cháu mà tác phẩm của họ được ra đời, được giới phê bình nhận định đúng, được độc giả quý yêu. Những người đã qua đời từ thế kỷ qua như bác Trần Dần, vậy mà giữa thế kỷ mới này lại có tập Thơ Trần Dần mà bố cháu xuất bản, tập thơ này làm thức tỉnh biết bao trí thức, văn nghệ sĩ đang thấy mình lạc lõng trên chính quê hương mình, bỗng dưng tìm được định hướng cho chính mình giữa nhân sinh sớm chiều trôi dạt.

Hôm nay 07 tháng bảy 2014, đang viết thư này cho cháu, thì nghe tin văn sĩ Tô Hoài từ trần, bác kể thêm một chuyện nữa cho cháu nghe: bố cháu đã cho xuất bản các tác phẩm sắc nhọn cuối đời của văn sĩ Tô Hoài. Năm 2008, trong nhà của bác Tô Hoài, giữa lòng Hà Nội, bác ấy gọi món bún chả ngoài phố thật ngon về đãi bố cháu và bác, Tô Hoài nhìn bố cháu trìu mến rồi nói: *«Dùng đi Hùng»,* chỉ một câu thật ngắn, tưởng là một câu tầm thường, nhưng ngồi giữa hai người, bác thấy Tô Hoài quý yêu bố cháu biết chừng nào!

Từ Bắc, qua Trung, vô Nam, nhiều văn nghệ sĩ, nhiều trí thức quý trọng bố cháu, vì bố cháu làm việc vừa có công tâm, vừa không sợ bọn xấu luôn bên cạnh đe dọa là bố cháu là sẽ phải *«mang họa vào thân»*. Trong tam giáo đồng nguyên mà dân tộc ta lấy đó làm một phần nội lực để giữ vững nhân cách cho mình thì Phật, Khổng, Lão đều dạy cái khó trên đời này là *lập công để lập đức*. Cháu Linh Lê thương yêu: bố cháu đã làm được chuyện này, đi đâu cũng có bạn, có bè, bị chặn công việc ở miền Trung, thì đã có nhiều cửa của nhiều nhà xuất bản mở sẵn ngay giữa thủ đô Hà Nội, ăn ở được như vậy ông bà mình gọi là *có hậu*. Muốn làm được chuyện này không dễ, vì có kẻ sống suốt kiếp mà không tìm được lối ra, chỉ vì quá độc ác với đồng loại, nói chi là *có hậu*, những kẻ đó thậm chí tới khi chết rồi, chôn rồi, mà vẫn bị người đời để trâu bò của họ tới giày mồ, dẫm mả.

Nghề xuất bản luôn gắn với *nghiệp* văn chương của bố cháu, chữ nghề và chữ nghiệp được tài hoa của bố cháu nối kết bằng chữ *nghệ*, nghệ thuật vị nhân tính, nhân cách, nhân tâm, nhân nghĩa, nhân đạo, nhân tình, nhân sinh… cháu à. Cầm một bản thảo hay trong tay, bố cháu tìm ngay cách cho nó thăng hoa, *chuyển kiếp chữ qua phúc sách*; rồi sau khi xuất bản xong, bố cháu còn đi tìm người phê bình có tầm cỡ, kẻ nhận định có bản lĩnh để nâng cuộc đời tác phẩm đó theo hướng đi lên, đi về hướng cái đẹp, cái tốt, cái lành, cái hay…

Làm được như vậy phải là kẻ rất thông minh, vì định nghĩa cuối cùng của sự thông minh là gì? Thì khoa học tri thức hiện đại, tức là khoa học bộ óc hiện nay, phân tích là: một khả năng nắm bắt các thông minh bên ngoài, một năng lực tổng kết các thông minh khác mình, để mở ra một lối đi mới, một sự thông minh mới cho mình và cho mọi người. Bố cháu có tầm vóc đó. Để bác kể thêm vài chuyện mà cháu chưa biết, bố cháu là người trách nhiệm chính về xuất bản, còn trông nom cả về dịch thuật toàn bộ tác phẩm của triết gia François Jullien, ngọn hải đăng của tư tưởng luận đối chiếu đông-tây, điểm hội tụ của tri thức luận thống hợp từ cổ văn Trung quốc qua cổ triết Hy Lạp, nguồn nước sáng của triết học diễn luận đa nhân sinh hiện nay. Hàng tháng tại Paris, François Jullien thường gặp bác để bàn về chuyện nghiên cứu, lần nào ông ấy cũng đều hỏi thăm bố cháu.

Có lần bác kể cho ông ấy nghe một chuyện về bố cháu mà ông không biết trong những năm sinh hoạt của François Jullien, bố cháu và bác từ 2005 tới 2010 tại Việt Nam; đó là năm 2009, sau khi in các tác phẩm của François Jullien, bố cháu đã lái xe một mình một ngày rồi cả đêm từ Đà Nẵng ra Hà Nội, để kịp trưng bày các tác phẩm của triết gia này tại buổi thảo luận do hội Minh Triết Việt Nam tổ chức. Nghe xong, François Jullien nói với bác trong ngành xuất bản hiện nay, ông chưa thấy ai yêu nghề như bố cháu.

Cái mệt chưa ra khỏi thân thể vì đường xa, hôm sau bố cháu đã chở François Jullien cùng với Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Khắc Mai, Nguyên Ngọc lên Yên Tử để giới thiệu với triết gia này một phần văn minh của Việt tộc. Chuyện nghề, chuyện nghiệp, chuyện nghệ quấn vào nhau, tạo ra nhân sinh quan yêu đời, tạo ra thế giới quan huynh đệ, tạo ra vũ trụ quan rộng thoáng của bố cháu. Bố cháu luôn dành thì giờ đi tìm các tác giả hay, lạ, mới trên thế giới, mỗi lần gặp bác tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hội An… bố cháu kể say mê về các tác giả ngoại quốc mà bố cháu vừa đọc xong.

Còn một chuyện lạ khác nữa về bố cháu mà chắc là cháu không biết: bác có cô con gái tên là Khả Anh, tên này do nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đặt, sinh ra đời với nhiều thiệt thòi cháu ạ, Khả Anh bị dị ứng rất nặng, đến độ học đường không cho đi học vì sợ tai nạn xảy ra tại trường lớp. Một bất công coi như không chấp nhận được, bác thường xuyên ở cạnh Khả Anh, biến chuyện chăm lo cho con mình thành lẽ sống của đời mình, hằng đêm cháu Khả Anh không ngủ được vì bị các cơn dị ứng hoành hành toàn thân thể; đêm nào cũng vậy hai cha con thức trắng, Khả Anh hay hỏi bác về những bài thơ của bác.

Đột nhiên, cuối năm sáu tuổi chuyển qua đầu năm bảy tuổi Khả Anh bắt đầu làm thơ song ngữ, viết trước bằng tiếng Pháp, sau đó cùng bác dịch ra tiếng Việt. Năm 2007, có lần bố cháu hỏi thăm sức khoẻ của Khả Anh, bác đưa các bài thơ này cho bố cháu đọc, bố cháu yên lặng một lúc rồi bỗng dưng trả lời bác: «*Anh để tôi lo, lần này thắng to rồi !*», một tháng sau tập thơ song ngữ *Libre le temps*

- *Tự do đi thời gian* của Khả Anh ra đời, với lời giới thiệu của nhà phê bình Hồ Thế Hà, thật sắc nhọn về nhận định nghệ thuật thơ nhưng vẫn trong sáng giữ chất hồn nhiên của Khả Anh, và độc giả Việt Nam tiếp nhận một cách tốt lành tập thơ này.

Khả Anh sinh ra, lớn lên xa hàng ngàn dặm quê hương Việt Nam, nhưng bố cháu đã đưa được Khả Anh về trong lòng văn nghệ của đất nước. Đây là câu chuyện vừa văn chương, vừa đầy tình người xuyên qua nhiều thế hệ cháu à! Vì bố cháu có cái *tinh tính* mà ít kẻ có: *nghe kỹ, đọc sâu, ngẫm chắc, chuẩn hay, tính đúng*, ngay cả trên bản thảo của một đứa bé bảy tuổi. Cháu Khả Anh chưa gặp bác Nguyễn Đức Hùng, nhà văn Đà Linh lần nào, nhưng Khả Anh đã *hạnh ngộ* với bố cháu; vì bố cháu đã trả lời một câu hỏi vô cùng khó của thi sĩ đồng hương Quảng Nam với bố là Bùi Giáng, cứ thắc mắc về nhân sinh: *Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn?* Không biết nhân loại có đáng cho ta *«sống hết mình»* không? Hay *sơ ngộ*, tức là mới vừa gặp mà bị xem như đã chết rồi!

Bố cháu không những biết *«sống hết mình»* mà bố cháu còn biết và chuyển được hệ vấn đề nan giải của con người là *chưa sơ ngộ mà đã thành hạnh ngộ*. Cháu Khả Anh được bác Hùng trao tặng ba cái hạnh ngộ: hạnh ngộ với đất nước, hạnh ngộ với văn chương và hạnh ngộ với cách xuất bản của bác Hùng. Một tháng sau ngày bố cháu ra đi, bác tới Đà Nẵng tại nhà bà nội của cháu, nơi có bàn thờ của bố cháu để thắp hương cho bố cháu, bác có thay cháu Khả Anh thắp thêm một nén hương trước anh linh bác Hùng, miệng bác lẩm bẩm câu của cụ Tố Như: *Thác là thể phách, còn là tinh anh.*

Cháu Linh Lê thương yêu, năm 2010 có lần bố cháu tâm sự với bác là khi biết cháu chọn con đường văn nghiệp, bố cháu vừa mừng vừa lo. Mừng vì thành kẻ viết văn, cháu sẽ là người sáng tạo, sẽ biết khơi động được nguồn tâm thức của đồng loại, chia sẻ với đồng loại những điều sắc nhọn của tâm linh; nhưng lo vì viết văn không phải là *nghề* mà là *nghiệp*, lại cụ Tiên Điền dặn chúng ta rất kỹ: *Đã mang lấy nghiệp vào thân, chớ đừng trách lẫn trời gần trời xa*. Cháu ơi, cháu có biết cái tựa *Quyền tạo nghiệp* của bài này từ đâu ra không?

Trong tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật), thì đây là một phạm trù lý luận của Phật học: có nhiều người sống cả đời mà không thoát được nghiệp chướng của tâm mình, không ra được luân hồi của đời mình, những người đó sống bằng những đau khổ của chính họ, ngày ngày phiền não, rồi còn lại làm vung vãi mảnh khổ, mảng đau của họ lên số phận của những người xung quanh; vì vậy ta phải cẩn trọng khi đối diện với nghiệp đời, phải thận trọng khi song hành với nghiệp sống, cháu à. Đất nước mình chịu nhiều oan khiên, dân tộc mình phải gánh biết bao khổ lụy, vác trên lưng, trên vai những cuộc chiến vô cùng khốc liệt, lại có lúc còn kham vào những loại ý thức hệ không đâu, để đồng bào mình nhiều phen rơi vào bẫy *huynh đệ tương tàn*.

Tô Thùy Yên, thi sĩ của Việt tộc sinh ly, có lúc đã thốt lên: *Hỡi ôi! Hiền sĩ gặp ma trận*; vì nghiệp loạn này đè lên nghiệp oan kia rồi thành ma trận, không ai thoát được, vô tình truy diệt nhau trong mê loạn, bị ý thức hệ xiết ngộp nghiệp mình mà không thấy lối ra, vì không biết hòa hợp, hòa giải giữa anh em, giữa đồng bào. Từ đây, chúng ta phải biết *ôm từ tâm*, phải biết *cõng bao dung*, phải biết *bồng rộng lượng* mới mong thoát được nghiệp chướng này cháu à! Biết *lấy tâm để chuyển nghiệp*, phải thông minh hơn nữa lấy tình đồng bào, nghĩa huynh đệ, lòng thương nòi để tạo ra nghiệp mới: vắng hận thù, bớt ích kỷ, rộng từ bi; quyền tạo ra một cái nghiệp mới tốt lành, đùm bọc nhau để sống, đúng cái nghĩa *«sống hết mình»;* cháu biết không? Bố của cháu đã làm được chuyện này thủa sinh thời, cháu à.



Với Đinh Cường, Chateau de Normandie

Nhớ Đinh Cường.

«Ai gọi bia đời tôi?»

Cher Chinh,

«Kính báo chú Khoá, Ba cháu đã qua đời ngày 7 tháng 1.2016. Quá đau buồn, không thể nguôi», đây là câu cháu viết cho chú, để trả lời lá thư của chú gởi cho Ba cháu, báo là chú sẽ ghé thăm Ba trong chuyến đi Mỹ đầu năm nay. Chú cảm nhận đầy đủ được câu: Quá đau buồn của cháu, cũng là nỗi buồn của bao bạn bè gần xa đã biết, quen, thân với Ba cháu. Trong thư này, chú xin kể vài chuyện tình thâm của giới văn học, nghệ thuật mà có thể cháu chưa biết về Ba, con người của Ba trong thế giới văn nghệ sĩ đẹp lắm cháu à.

Trịnh Công Sơn, dãy Trường Sơn của ca khúc nối được bao vòng tay lớn cho Việt tộc, cũng là người bạn tâm giao của Ba cháu, tâm giao và tâm đắc trong tĩnh lặng, không ồn ào, vì có nhiều người hay nhận là bạn của nhạc sĩ thân thương này của chúng ta, nhưng bạn bè thân thuộc với cả hai, thấy rất rõ, hiếm ai gần gũi với Trịnh tiên sinh hơn Ba cháu. Những năm vừa buồn chán, vừa bế tắc sau 1975, mà đồng bào mình tan loãng bốn phương, tám hướng; bè bạn tù tội, bị đày đọa trong các trại cải tạo, đi mà không biết ngày về… mỗi gia đình thấy cái tan rữa ngay trong căn nhà của mình, mỗi bầy bạn thấy cái rã nát từng ngày trong tình bằng hữu, gặp nhau rất khó, tâm sự với nhau còn khó hơn, trước

một hệ thống công an vô tâm, được kích thích bởi một ý thức hệ cực đoan bị ung thư tư duy ngay trong phản xạ rình rập.

Nhưng đó là những năm mà tình bạn giữa Ba và Trịnh Công Sơn thật gắn bó, có những buổi trưa mà «cả nước đang say giấc cá trưa», đây là câu thường tới trong đầu của chú, mỗi lần chú thấy cả Việt tộc, thật tội nghiệp, mệt rồi gục ngủ sau nhiều năm dài đằng đẵng chiến tranh, không tỉnh giấc đúng lúc trước những hạnh ngộ với nhân quyền, chưa sơ ngộ với dân chủ, chưa gặp mà đã bị đánh mất, như lời răn của Bác Bùi Giáng *«Chết từ sơ ngộ, mầu hoa trên ngàn»*.

Những năm tháng đó, Bác nhạc sĩ tới thăm Ba họa sĩ, có khi ngồi với nhau thật lâu, mà chẳng nói với nhau một lời, cái yên lặng quý báu giữa cuộc đời thăng trầm, cái yên lặng có nội lực của tình người trong thử thách về nhân cách; đồng hội, đồng thuyền trong đồng cam, đồng kham. Những buổi trưa như vậy, chú học được bao nhiêu điều sâu đậm của tình bạn, trong cái yên lặng khôn nguôi này. Rồi những buổi tối, tại nhà của Trịnh nhạc sĩ, với bao bạn bè, lúc đùa giỡn ồn ào, lúc tranh cãi sôi nổi, Ba cháu luôn có mặt, nhưng Ba chọn một cái ghế dài, ở nhà Bác Sơn, hay ở nhà chú Tịnh, em Bác Sơn, Ba ngả lưng, cũng yên lặng, lúc mắt nhắm nghiền, lúc hút những hơi thuốc lá thật sâu, theo dõi sát các câu chuyện, Ba luôn cười, vui đúng lúc theo nhịp sống, nhịp đời với bè bạn. Tâm giao, đắc khí với Bác Sơn, ngay trong nghệ thuật ca khúc, ngay trong sáng tạo ca từ của Bác ấy; những lúc ngồi riêng với chú, không có Bác Sơn, Ba hay nhắc chú những câu mà Ba tâm đắc nhất trong nhạc của Bác Sơn.

Trong nhạc tình, Ba hay nhắc tới câu: «Em vì câu khấn nhỏ, bỏ ta đứng bên đời kia», Ba giải thích là những ca từ này là con người rất thật, qua cuộc sống cũng rất thật của Bác Sơn; trong cái đẹp ngữ pháp của Trịnh nhạc sĩ, Ba dặn chú đừng quên cái thật của Bác ấy trong cách cấu từ. Trong các bài nói về thế hệ của Ba và Bác Sơn, Ba thích nhất câu: «Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì», chỉ một câu mà tổng kết rồi giải kết cho một thế hệ, phải gồng gánh bao đau thương của cả một dân tộc, để đi ngang qua một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc, cháu à. Chú nói với Ba là câu này cũng là loại câu thống hợp với đầy đủ tính sử học, nói được sâu đậm cái mất mát của thế hệ của Ba và Bác Sơn, theo chú thì câu này còn hoang vu, còn hoang lạnh hơn cả câu :«Chúng tôi tuổi trẻ đầu thai lầm thế kỷ» của người thầy của chú là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Nghe chú nói xong, Ba để lộ một nỗi buồn, cùng với một nỗi vui, ẩn hiện cùng lúc trên khuôn mặt của Ba, chắc là Ba nhận ra được sự cảm thông của thế hệ đàn em, ít chịu đựng «thử lửa» hơn bao thế hệ đàn anh của mình.

Bạn bè văn nghệ sĩ miền Nam vẫn hàng ngày bị hệ thống công an rình rập, Ba luôn chú ý tới cuộc sống hằng ngày của bè bạn, Ba thường thông tin cho chú biết ai đang gặp khó khăn, ai cần phải giúp đỡ gấp. Mùa hè năm 1986, chú vừa tới Sài Gòn, Ba tìm chú, rồi kể: *«Khóa ơi! Mộ của Hoàng Trúc Ly, không được chăm sóc, bị bò dẫm nát cả!»*, Ba lại sợ chú đã quên thơ của Hoàng thi sĩ, Ba đọc liền bài Ca sĩ: *«Từ Em tiếng hát lên trời… Tay vê vòm tóc, tay mời âm*

thanh… Giọt sầu chẻ xuống lòng anh…». Chú trả lời: *«Để Khóa lo, nhưng phải về Paris đi cầy đã, rồi gởi tiền xây mộ sau, chuyện mướn thợ xây mộ, anh lo nhé!»*, Ba: *«Ừ, để moi lo!»*, hai tuần sau khi nhận được tiền, chú nhận được tấm ảnh Ba đứng cạnh mộ Bác Ly đã được xây lại, cùng vài người trong gia đình Bác ấy. Uy tín của Ba trong giới văn nghệ sĩ là vậy, thầm lặng giúp bạn bè, không bao giờ ồn ào, làm bao cầu nối, giúp nhiều bạn bè vừa ra khỏi tù cải tạo, giúp họ nhận được «viện trợ» đúng lúc. Mùa hè năm sau, 1987, chú hỏi Ba: «Nghe nói là Vũ Thành An vừa ra khỏi trại cải tạo, chắc còn khó khăn?», Ba: «Ừ!», rồi tiếp luôn: «Nếu toi muốn giúp An, thì moi đi tìm An, mai gặp vào giờ cơm trưa nha!».

Hôm sau, Ba xuất hiện với Vũ tiên sinh, ngay giờ cơm trưa tại nhà đường Duy Tân của Bác Sơn, hôm đó Bác An, tác giả chân tù của lối thú… không tên, nói một câu thôi với Bác Sơn, tác giả miệng ngọt hạt từ tâm, mà sau gần 30 năm chú nhớ rất rõ: «Sau bao nhiêu năm rồi, mình mới gặp nhau Sơn hả!». Tại sao chú phải nhớ câu này trong những năm dài đằng đẵng vậy cháu? Vì bạn bè cùng một thế hệ, sống trong cùng một xã hội, đam mê cùng một nghệ thuật, vậy mà gặp nhau quá khó, cái vắng mặt trùm phủ thời gian, để khi bè bạn gặp nhau, thì hết là chuyện thường, mà là cơ may như hải đăng le lói, nửa cúi, nửa gục trong đêm đen, biển sâu, đây cũng là nghiệp chướng của thế hệ của Ba, rồi của chú.

Khi qua định cư tại Mỹ, Ba vẫn giữ chặt chẽ cầu nối với bạn bè còn lại trên quê hương, trong đó có Bùi Giáng vẫn luôn được chăm sóc. Năm 2007, Ba biết chú đang có mặt tại Sài Gòn, Ba gọi chú lên tiệm Givral, là nơi Ba rất thích ngồi uống cà phê với bè bạn gần nửa thế kỷ qua, chú vừa tới, Ba đưa ngay điện thoại di động cho chú, rồi nói là: *«Nghe Nguyễn Đức Sơn đọc bài thơ vừa làm xong!»*, đầu dây bên kia Bác Sơn (Sơn thơ chớ không phải Sơn nhạc) kể: *«Khóa ơi, số phận dân tộc mình vẫn đen tối Khóa à, moi vừa làm xong một bài mới, mà thơ của moi bây giờ mỗi bài chỉ có một câu, đây là bài mới nhất của moi : thằng nào nhiều lựu đạn, thằng đó thắng!»*.

Có lần, Ba cháu cũng qua tận Paris năm 1994 thăm chú, ba cháu rất ngạc nhiên với cảnh «hàn vi» của chú, trong một căn phòng 20 thước vuông, vô cùng chật chội nằm ngay giữa thủ đô, Ba cháu phải ngủ dưới đất, Ba thắc mắc rồi hỏi kỹ về kiểu sống: option 0 của chú, tức là «Không còn một cắc trong túi ngày cuối tháng», làm được bao nhiêu tiền, thì «tặng-gởi-biếu-trao» các văn nghệ sĩ, Nam có, Trung có, Bắc có. Có lần, Ba thích thú đọc trong danh sách những người nhận trợ giúp, có những người rất lớn tuổi: Đoàn Phú Tứ, Vũ Đình Liên, Trần Huyền Trân, Văn Cao… Đó là những năm tháng thật lạ, thú thật với cháu, là những năm tháng vui trong cuộc đời của chú… Vì chú biết rõ là không có một bạo quyền nào giết được tình người, tình bạn. Những năm tháng đó, có khi giữa đêm, chú hay thức giấc, xin lỗi Bác Sơn (Sơn nhạc), tự động đổi một chữ trong câu của Bác Sơn: «Ngọn gió hoang vu (vui) suốt xuân thì». Những năm tháng đó chú rất gần gũi với Ba, chú nghĩ chắc là Ba cũng có niềm vui đó. Gần đây với

tuổi đời, chú cũng xin lỗi luôn Bác Sơn (Sơn thơ), tự động thêm hai chữ trong câu của Bác ấy: *«Thằng nào nhiều lựu đạn, thằng đó (chưa chắc) thắng!»*.

Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi u hiển nhưng vời vợi của thơ tự do Việt Nam, cũng là bạn thân của Ba cháu, trong những năm ngột ngạt của chế độ công an, thích bắt người hơn bảo vệ người. Bác Tâm thường ghé thăm Ba những lúc Bác ấy buồn vì cuộc sống không có ngày mai của Việt tộc. Trong thi ca cũng như trong văn chương, Bác ấy luôn thấy trước, thấy sâu, thấy rộng hơn những người chung quanh, tại nhà của Ba Má cháu khi còn ở khu Tân Định là nơi chú nghe được những tâm sự sâu lắng «Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ», của thi sĩ Tôi không còn cô độc. Những ngày tháng này, chú càng hiểu rõ hơn nỗi cô độc trùm phủ lên thế hệ của Bác Tâm, của Ba, cái cô độc làm ra cái sáng tạo lúc thâm trầm, lúc mãnh liệt của bao văn nghệ sĩ miền Nam. Nhà của Ba những năm sau 1975, cũng là nơi mà Bác Tâm dặn dò chú rất kỹ: «Trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống, dù là «khốn nạn nhất», đừng bao giờ nuôi dưỡng hận thù trong tâm trí, trong văn thơ…». Chú tu hằng ngày câu này của Bác Tâm, tu cho tới ngày chú rời cuộc sống này, chỉ có một câu thôi mà tu cả đời không xong, bài học này chú nghe và học được ngay trong ngôi nhà của Ba, của các cháu.

Nhưng bè bạn gần xa quý yêu rồi quý trọng Ba ngay trên thực tài họa sĩ của Ba, vì có người tư xưng là họa sĩ nhưng họ không biết vẽ cháu à! Lại có người vẽ rất giỏi về kỹ thuật nhưng người xem tranh họ, ta không có được một cảm xúc nào cả. Ba thì nắm chắc kỹ thuật, rồi trải nghệ thuật của mình trong những xúc cảm, mà người xem tranh của Ba chia sẻ được ngay bối cảnh, tâm trạng, tình huống tạo hình của Ba. Ba cháu chung thủy với một đề tài, dành cuộc đời nghệ thuật của mình cho chủ đề mình chọn; người ta nhận ra ngay họa sĩ Đinh Cường, với những sắc màu hoài niệm, vờn bay qua bao đổ nát của quê hương với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp thầm lặng của mình, như giữ cho bằng được nhân cách giờ đã thành nhân dạng của mình. Đây là chuyện khó trong nghệ thuật tạo hình, những người hiểu tranh của Ba thấy được tư tưởng nghệ thuật này qua cách tạo hình, tạo thể, tạo dạng, tạo phách trong tranh của Ba, nghệ của Ba dính chặt với nghiệp của dân tộc mình cháu à.

Tô Thùy Yên, dòng nước ngầm thâm sâu, nhiều lúc dâng đầy bao nẻo đường lao nạn của Việt tộc, cũng là người rất gần gũi với Ba. Trong cái rình rập của một chế độ công an cú vọ, say sưa hãm hại, đam mê trừng phạt hơn là bảo vệ nguyện lực của nhân sinh, những lần chú gặp gỡ được Bác Tiên thường là ở nhà của Ba, mà Má của cháu cũng là người rất *«mê»* thơ của thi sĩ *«Chiều trên phá Tam Giang»* này. Có lúc, Ba vừa vẽ, vừa *«thúc»* Bác Tiên nhớ lại các bài thơ vừa mới làm xong, rồi *«giục»* Bác ấy viết lên những khổ giấy dài, mà cuộn gọn lại được; có lần Tô tiên sinh hỏi: *«Tại sao phải viết thơ của moi trên khổ giấy này?»*, Ba vừa cười, vừa trả lời: *«Để cho moi treo lên đây, cho bạn bè đọc trước, sau đó để thằng Khóa cuộn lại mang đi Tây!»*. Ít người biết là những năm tháng đó, có nhiều bạn bè gần xa, ghé thăm Ba, và ngồi thật lâu trước các bài thơ mới

của Bác Tiên, trong đó có Bác Sơn, rất quý yêu các bài của Bác Tiên, chú còn giữ bài *Hái rau*, ghi lại những năm tù rạc trong các trại học tập của Bác Tiên, lần mò giữa rừng núi, hái từng đọt rau dại nuôi thân:

«Chiều ra đồng hái rau hoang,
Nghe sầu trong gió thổi tràn mặt ta
Ơn trời, ơn đất bao la
Hái đi này những xót xa kiếp người
Cổ kim chung một mái trời
Kinh thi cũng có kiếp người hái rau».

Ba còn có một chân tài tạo hình khác, mà ít họa sĩ khác có được: Ba vẽ chân dung bạn bè rất đẹp, Ba đã để lại một dấu ấn tạo hình xuất sắc qua thể loại này. Các portraits của Bác Sơn, Bác Tâm, Bác Tiên, Bác Cần (Cung Trầm Tưởng)… đã trở thành những tạo hình nhân dạng khó quên của nghệ thuật chân dung cho hội họa Việt Nam. Ba cũng đã để lại những chân dung của Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Lưu Trọng Lư… ở tầm cao trong sáng tạo thần sắc văn nghệ **sĩ**; qua Mỹ Ba vẫn tiếp tục thể hiện tài hoa này khi Ba vẽ chân dung của Lê Uyên Phương, Du Tử Lê… với trọn vẹn thiên năng diễn sâu nhân tính bạn bè của mình đã chịu bao thử thách của nhân sinh.

Cher Chinh,

Cháu có biết câu làm tựa cho bài viết này: *«Ai gọi bia đời tôi?»* từ đâu ra không? Đó là câu trong một bài thơ của Ba cháu, làm thời thanh niên, làm trên đoạn đường nối hai miền của đất nước, miền Trung quê quán của Ba, và miền Nam đất dung thân, dụng võ của Ba, trong những năm dài đằng đẵng huynh đệ tương tàn của thế kỷ XX, đã lấy đi bao bạn bè, lấy luôn cả cái ham muốn sống của bao thanh niên trong thế hệ của Ba, ham muốn được sống bình thường với thân quyến, được sống trọn vẹn với nghệ thuật của mình. Năm 1987, họa sĩ Hồ Thành Đức đọc bài thơ này cho các họa sĩ hay thường tụ họp tại nhà của họa sĩ Bé Ký, xóm Đa Kao, vào cuối tuần; lần đầu tiên chú nghe được bài thơ này, chú cúi đầu cảm nhận thâm sâu nỗi cô đơn, luôn mang theo cái mất mát không ngừng trùm phủ lên kiếp người, luôn ráp nhập vào cái chết; cái mất mát và cái chết luôn kề cạnh thế hệ của Ba, của chú trong khói lửa chiến tranh, mà không sao buông bỏ được cháu à!



Đinh Cường bên mộ Hoàng Trúc Ly.

Bà Nội

«Nuôi con mới biết công lao mẫu từ»

Chère Khả An, Chère Khả Anh,
Hai con Khả An, Khả Anh thương yêu của bố,
Hôm nay, 18 tháng 11 năm 2012, ngày giỗ Bà Nội, đã gần 30 năm, Bà Nội ra đi, vĩnh viễn xa mình. Cách đây hơn 10 ngày, ngày 05 tháng 11 Ông nội cũng ra đi, cũng tháng 11, hai sinh ly thật lớn trong một đời người. Sáng nay, Bố dậy sớm để giỗ Bà Nội, cũng luôn thể làm giỗ nhớ Ông Nội; giữa đất trời biển rừng Địa Trung Hải, bố lẩn thẩn ra vào một mình, không khí chủ nhật trong lành, bố nhớ lại biết bao chuyện đời xung quanh thủa sinh thời của Bà Nội; nhớ lại cuộc đời của mẹ mình, buồn nhưng phải giữ sự sáng suốt cho trí tuệ, sự tỉnh táo cho tâm linh để thấu hiểu câu ông bà dạy: *"công cha, nghĩa mẹ"*, chữ *nghĩa mẹ* này, tâm niệm cả đời chưa chắc hiểu đầy đủ, trọn vẹn các con à.

Bà Nội và Ông Nội không kể cho bố nghe là hai người gặp nhau trong bối cảnh nào? Nhưng cả hai người gốc Bắc, Bà Nội người Hải Hưng, Ông Nội Hải Phòng, cả hai vào Nam rất sớm, trước đợt di cư 1954, Bà cố bên nội mình ở lại miền Bắc, Bà cố bên ngoại vào Nam với Bà Nội, trong suốt cuộc chiến dài đằng đẵng 30 năm, gia đình mình như bao gia đình Việt nam khác, *"tứ phương, tám hướng"*, ra đời cùng một gia đình nhưng suốt đời trông mong nhau, mong được sum họp đầy đủ như ông bà căn dặn: *"tứ đại đồng đường",* bốn thế hệ chung một mái ấm gia đình. Tội tình gì mà một kiếp người phải nhận, phải *"kham"* bao sinh ly, cách biệt.

Vậy mà cuộc đời của Bà Nội và Ông Nội là sự quyết tâm phấn đấu, tạo tương lai cho các con của của mình, đưa cuộc sống đi lên, tạo thật nhiều điều tốt lành cho quyến thuộc gần xa. Những năm khói lửa chiến tranh, Bà Nội nuôi nhiều người, có người là bà con, có người không trong họ hàng mình, còn Ông Nội giúp biết bao người *"thoát hiểm"* xa cảnh chết chóc chiến tranh. Đi đây, đi đó nghe người đời kể về phúc đức của Bà Nội và Ông Nội; bố hiểu rõ thêm câu: *«cha mẹ hiền để phúc cho con»*. Nhưng mỗi lần nhắc tới Bà Nội là nhắc tới tính hiền lành, thực thà, đôn hậu. Các con ơi, với tuổi đời bố mới hiểu ra: hiền lành, thực thà, đôn hậu, không phải là dại khờ, vô tư, ngây ngô, đây là một nhân tính rất thông minh của con người, mà các đạo Khổng, Lão, Phật ra công mài giũa, chiết lọc để bảo vệ nhân cách cho nhân sinh.

Tính hiền lành của Bà Nội bao trùm một tình thương lớn với những người cùng khổ; sự thực thà của Bà Nội bàng bạc trong sinh hoạt hằng ngày làm người có phản xạ hung dữ với đồng loại nếu có suy nghĩ phải suy ngẫm lại; còn tính đôn hậu của Bà Nội là lòng vô tư lợi, giữa thăng trầm của cuộc sống con người nâng nhau lên để cùng nhau vượt thắng mọi hoạn nạn, đặt sự sống lên cao, đưa nó xa cái hủy diệt vô nhân. Bà Nội mình đứng trên cao mọi ý thức hệ, tách xa mọi tính

toán chính trị của bọn gây chiến tranh, bắt đồng bào gánh chịu cảnh *"huynh đệ tương tàn"*. Các con biết không? Bà Nội có tham gia kháng chiến chống ngoại xâm Pháp, giành độc lập cho dân tộc, Bà Nội vui sướng nhất là khi được tham gia phong trào *"xoá nạn mù chữ"* với tuổi thanh niên của mình. Những năm đầu của phong trào *"vào thành"* chống chiến tranh Mỹ, Bà Nội nuôi cán bộ kháng chiến; thời độc tài của chính quyền Khánh, Thiệu (1965-1975), Bà Nội tham gia biểu tình trong các phong trào tiến bộ đòi chấm dứt chiến tranh, Bà Nội bị tù. Cuộc chiến dai dẳng qua năm tháng, nhưng tình thương người cao cả của Bà Nội vượt lên mọi mê chấp, Bà Nội hằng ngày nuôi những người lính miền Nam thiếu túng quanh quẩn canh gác khu xóm Chùa nhà mình. Khổng Tử dạy chữ *nhân*, Mạnh tử dạy thêm ba chữ: *lòng trắc ẩn*, một tình thương đồng loại, vượt lên mọi đố kỵ, hiềm khích. Không có một ý thức hệ nào đóng khung được tình thương người.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, dãy Trường Sơn của ca khúc Việt Nam, tự xem mình như *«kẻ hát rong»*, nhưng hát lên được nhân phẩm Việt tộc trong cuộc vấn nạn của thế kỷ hai mươi với bao điêu linh, tan vỡ trong tâm hồn của đồng bào mình; và cũng là người thầy tinh thần của cả gia đình mình, đã đặt tên cho hai con, chị là Khả An, mong con được *"an nhiên tự tại"*, giữ được sự bình tâm trước những thăng trầm của cuộc sống; em là Khả Anh, mong con giữ mãi *"tinh anh"*, lấy đó làm cốt lõi cho thể phách, vượt mọi thử thách trong một đời người. Có lần, Bác Sơn tâm sự với bố: *"Một trong những mất mát lớn nhất trên đời này là mất mẹ"*; trong một ca khúc những năm còn thanh niên, Bác đã thấy được tình thương máu, thịt, xương giữa mẹ và con: *"Đứa con này, mẹ mang đầy bụng, mẹ bồng trên tay"*, c'est un amour fusionnel, mà người Việt nói là *«liền mẹ, liền con»*.

Cảm nhận điều này, những đứa con không sợ thành *"bụi đời"* giữa cuộc sống, khi qua đời không lo biến thành *"oan hồn"* lạc lõng cô đơn, trơ trọi trong âm giới. Sau lần đất nước thống nhất cũng là lần biến loạn *"kẻ ở người đi"*, kẻ di tản, người vượt biên, Bác mình quyết định ở lại quê nhà, nhận biết bao lời *"thị phi"*. Lần đầu tiên, lại thăm gia đình mình Tết năm 1984, khi đó Bà Nội vừa qua đời được ba tháng, tại *"căn cứ địa của gia đình mình"* 56, Nguyễn Hữu Cảnh, Quận 1, Sài Gòn, căn nhà do Ông Bà Nội mình xây lên. Các con biết không? Động tác đầu tiên của Bác Sơn khi tới nhà mình ở Sài Gòn là *"thắp nhang"* cho Bà Nội, cử chỉ thành kính của Bác làm bố cảm động khôn nguôi. Ngày Bác Sơn mất mẹ, bố biết Bác buồn vô hạn, buồn đã thành lời trong nhạc của Bác: "*Này nhân gian có nghe đời nghiêng*"; các con thân yêu ơi, một người kính yêu qua đời mà cả nhân loại bị nghiêng đi, thế giới bị lệch sang hướng khác, nhạc của Bác Sơn có tầm vóc xúc cảm đó. Những năm qua, mỗi lần *"thắp nhang"* ngày giỗ Bác Sơn tại nhà mình ở Nice đây, trên đỉnh đồi Địa Trung Hải này, bố thường nhớ về những lời của Bác Sơn khi Bác nói về mẹ mình.

Các con cũng có một Bác nữa, vô cùng thân yêu, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, dòng thác chủ đạo của thơ tự do, ngọn núi xa tắp của bình nguyên văn xuôi cận đại Việt Nam, và người luôn làm bố *"tỉnh lại"* trước những biến loạn của cuộc đời, Bác Tâm cũng là người đặt cái tên thứ nhì cho "Em Bé" Khả Anh, Bác đặt tên con là: *Tuyết Xuân*, Bác có làm một bài thơ cùng tựa kèm theo năm 2000, năm con ra đời, Bác dặn bố những điều thật cốt lõi cho tương lai: *"phải thấy giữa mùa đông băng tuyết, mùa xuân đã có mặt trong lòng đất, vì đất vẫn giữ được hơi nóng của sức sống; thở không khí lạnh muà đông nhưng biết trời đã báo tin xuân. Càng tin tưởng vào đạo thờ ông bà, thì càng phải bảo vệ các thế hệ mới ra đời"*.

Các con thương yêu của bố, các con có biết là những năm đen tối nhất của cuộc đời Bác Tâm trong các trại học tập cải tạo từ Nam ra Bắc, mà Bác và bố gọi là *"nhà tù giữa trời"*, Bác làm những bài thơ thật đẹp về những ngày sinh nhật của những đứa con của Bác, những ngày sinh nhật này theo Bác cũng *"hệ trọng"* như những ngày giỗ ông bà. Thông điệp thi ca của Bác Tâm là phải bảo vệ cho bằng được những mầm non của cuộc sống, để thấy giữa trời đất một hình ảnh bao la thật đẹp của các thế hệ mai sau: *"vang vang trời vào xuân"*, tựa một bài thơ của Bác trong những năm ngục tù cải tạo, gửi tin yêu của nhân sinh vào giữa những lầm than ngục sống. Những năm sau 1975, văn nghệ sĩ miền Nam bị chế độ mới đày đoạ, ít người thấy được tương lai như Bác Tâm: *"Trời xanh trong vắt, giếng nước ngọc"*. Hôm nay là ngày giỗ Bà Nội, bố cũng *"thắp nhang"* nhớ Bác Tâm, nhớ lời Bác dặn phải bảo vệ tương lai các con; nếu Bà Nội còn sống cũng sẽ dặn bố như vậy.

Cùng với Bác Tâm, các con cũng có Bác Tiên, thật gần gũi với gia đình mình, thi sĩ Tô Thùy Yên, vừa là vai vóc nhân cách Việt tộc trước cuồng phong của thời đại, vừa là nguồn nước ngầm nghẹn ngào của nhân loại trước những tàn khốc của lịch sử thế kỷ này và thế kỷ vừa qua. Trong những năm tù rạc mịt mù, mặc dù đất nước *"mang tiếng"* đã hoà bình, đã thống nhất, Bác Tiên gởi tới các đấng sinh thành ra mình những lời *khẩn thương,* để thấu cho bằng được tâm khảm vấn nạn, hiểu cho thật sâu tâm cảnh thời cuộc, để những người còn sống cùng nhau tâm giao, cũng vừa để tạ lỗi với cha mẹ, vừa tự dặn với lòng mình là phải biết đường về nhà:*"Ta về như đứa con phung phá. Khánh tận đời ta cuộc bể dâu"*.

Lúc cha mẹ nhắm mắt qua đời, những đứa con lại không có mặt, đó cũng là chuyện của bố, ngày Bà Nội qua đời: 18 tháng 11 năm 1983, tại Lyon; bố ở Nice, đi tìm tư liệu tại Aix en Provence để chuẩn bị bảo vệ luận án tiến sĩ ngày 30 tháng 11. Bà Nội ra đi mà không thấy mặt bố, vậy nên ngày Ông Nội sắp ra đi, bố tìm về Lyon cho bằng được, bố và Khả An vượt đoạn đường đầy trắc trở mưa gió, từ lớp huấn luyện võ Limoges của Khả An, băng rừng đèo về Lyon cho kịp, để Khả An được nắm tay Ông Nội lần cuối. Bác Tiên mình nhìn thấy cha mẹ mình như *"những ngọn đèn giờ đã cạn dầu"* sau một kiếp người đầy sóng

gió; vậy mà trước lúc cha mẹ ra đi, mình vẫn bị cuộc đời bắt xô dạt muôn phương, nổi trôi xa nhà. Những năm qua, càng đọc thơ của Bác Tiên, bố càng tâm niệm: vừa phải luôn gần cha mẹ, vừa phải luôn gần các con.

Các con còn có một Bác quý yêu nữa, nhạc sĩ Phạm Duy, cây đại thụ âm nhạc Việt Nam, người bạn thâm niên của *"tự tình dân tộc"*, biển chiều sâu của dân ca thành chiều cao sáng tạo của mình, Bác vừa là tác giả bài *Mẹ Việt Nam*, vừa là người tặng cho dân tộc mình hằng ngàn ca khúc. Có lần Bác hỏi bố: *"Bỏ Paris, về Nice nơi xa xăm cực nam nước Pháp, nơi không có bà con, đồng bào liệu hai con của cậu có còn nói tiếng Việt nữa không?"*. Năm đó hai con còn học mẫu giáo, hai đứa nói tiếng Việt rất giỏi, bố trả lời Bác là: *"Hai cháu nói tiếng Việt được, biết hát cả nhạc Việt Nam nữa, nhất là nhạc của Bác, nhưng hai đứa có khi hiểu sai bài hát của Bác. Chẳng hạn như bài* Quê Nghèo *có câu: "Bao giờ em trở lại vườn dâu hỡi em?". Mỗi lần hát tới đó là hai đứa thường đùa với nhau: "Dâu, ce sont des frais! humme… c'est bon!", dâu hả? Ngon lắm"*. Nghe đến đây, Bác cười ngất, bố cười theo, nhưng tối đó bố nghĩ về chuyện này, lòng buồn sâu lắng.

Des frais, những trái dâu tây, một loại trái cây dạng hình quý phái, da màu sang trọng, xuất hiện lúc đất trời sắp thở hơi xuân, dân Âu châu ăn tráng miệng mỗi dịp khí trời dần ấm. Các con ơi! Còn dâu của *Quê nghèo* mình là vườn dâu để nuôi tằm, *"kiếp tằm tới chết vẫn còn vương tơ"*, nói lên cái nghiệp mà một kiếp người phải đeo, dù cùng quẫn, dù thiếu thốn trong cảnh *Quê nghèo* của đất nước. Đó cũng là hình ảnh quê hương của Bà Nội. Nghiệp chướng thật ác nghiệt, có người sinh ra trên xứ sở giàu sang, đầy đủ như các con, thấy dâu là vui vì được ăn ngon. Cũng có những người khi sinh ra là phải sống ngay với sự cùng cực, tần tảo một kiếp tằm như Bà Nội.

Vậy mà Bà Nội và Ông Nội vẫn quyết vươn lên, đổi kiếp cho bố, bố muốn học tới đâu, Bà Nội cũng hỗ trợ bố tới đó. Giữa cuộc chiến với cái chết ập đến bất cứ lúc nào, xuất hiện hàng ngày của những năm 1970-1974, nếu *"thi rớt"* phải đi *"quân dịch"* ngay, với cái chết theo sau. Bố xin Bà Nội được *"học nhảy"* hai lần, *"nhảy"* hai lớp: đệ tứ và đệ nhị, để thi tú tài sớm, Bà Nội đồng ý ngay. Bố nhớ mãi chuyện này, vì Bà Nội là người mẹ tin vào học lực của các con mình, bố luôn tâm niệm điều này trong cuộc sống hiện nay, và bố tin tưởng hai con trên đường học vấn, đưa các con tới nơi, tới điểm tốt lành của tương lai các con à.

«Mẹ đâu con đấy»; có những bà mẹ làm đầy đủ bổn phận, trách nhiệm với con cái, nhưng trong cuộc sống hằng ngày chẳng chia sẻ được gì với các đứa con; Bà Nội mình thì khác, tôn trọng thế giới quan, nhân sinh quan của các con mình, cùng lúc chia sẻ được nhiều điều thật bình thường nhưng cũng thật tốt lành với các con mình. Bố nhớ thật sâu đậm những khi Bà Nội và bố ngồi cùng nhau vui sướng ăn những trái khổ qua thật đắng, vừa ăn, vừa đùa:*"khổ qua là khổ quá!"*,

chia nhau một mùi vị, thấy được hạnh phúc hằng ngày trong các món ăn thanh đạm; nếu cuộc sống thanh bạch, con người không sợ thanh bần các con à.

Chiến tranh luôn mang theo sự nghèo đói, túng thiếu, các con phải nhớ rõ và nhớ kỹ điều này, phải luôn bảo vệ hoà bình như bảo vệ sự sống và nhân phẩm con người, Bà Nội và bố nhớ rất sâu về sự túng nghèo của những năm tháng chiến tranh. Từ năm bố ra đời 1956 đất nước đã lãnh họa chiến tranh cho tới ngày bố đi du học 1975, chiến tranh không ngừng, bố nhớ rõ những năm tháng đó Bà Nội nấu một nồi canh chua cho cả ngày, cho cả nhà ăn, những lúc đó Bà Nội hay ngồi một mình trong bóng tối, buồn vì sự thiếu thốn, không nói, không than thở.

Bố kể cho sinh viên Âu châu của bố từ 30 năm nay về mẹ mình, mỗi lần được giảng về văn hoá Việt Nam: *"c'est moment-là, j'ai l'impression que toute humanité est en panne"*, mẹ mình buồn mà bố thấy như cả nhân loại đang bị quỵ, bị gục. Nhưng Bà Nội mình không để bị quỵ, bị gục, nhận chuyện *"máu chảy ruột mềm"* của các đấng sinh thành, chấp nhận mọi thử thách để tránh bi kịch phải: "*mang con bỏ chợ"*. Từ lúc các con ra đời, mỗi ngày bố đều nhớ Bà Nội, hiểu thấu lòng mẹ với câu của nhân gian: « *Lên non mới biết non cao. Nuôi con mới biết công lao mẫu từ*». Cho tới ngày qua đời, Bố sẽ không theo một tôn giáo nào cả, nhưng bố sẽ nghiền ngẫm câu: "*Tu đâu cho bằng tu nhà. Thờ cha kính mẹ mới là chân tu".*

Hiểu được câu này, các con sẽ hiểu được câu sau, thật tốt lành: "*con đâu cha mẹ đấy".* Đạo thờ tổ tiên dặn ta: "*Thà đui mà giữ đạo nhà. Còn hơn có mẹ có cha không thờ"*; câu này không hề quá khích, nó nói lên được lòng biết ơn vô hạn đối với các bậc sinh thành, *ơn* cha mẹ không những đã tặng cho mình hình hài, mà tặng luôn cả cuộc đời trước mắt với sự hy sinh hằng ngày của mẹ cha cho tới lúc qua đời. *Ơn sâu nghĩa nặng,* các con ơi, chữ *ơn* như vậy đã biến thành chữ *ân*! Những ngày giỗ tổ tiên là những ngày bố tâm niệm nhiều về câu: "*Máu chảy tới đâu ruột đau tới đó".* Trong cuộc sống hằng ngày của gia đình mình tại Nice, vùng đất xa lạ nhưng thật tốt lành này, đất lành chim đậu, chắc là các con thấy rất lạ là bố hay ra vườn một mình, hay nhìn về phía bắc trùng điệp núi Alpes, phía tây đồi chắn đồi, phía đông rừng ngăn rừng, nhìn về phía nam biển biệt biển Địa Trung Hải, bố cứ lẳng lặng *«như người mất hồn»*, âm thầm như mặc niệm, đó là lúc bố sống sâu đậm với đạo thờ cha mẹ, và cũng là lúc mình nhớ mẹ mình thật nhiều:

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau.
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều".



Ông Nội **cõng** Khả An, Collonges.
(ảnh bác Khá)

Ông Nội

«Đầu sóng ngọn gió»

Chère Khả An, Chère Khả Anh,
hai con Khả An, Khả Anh thương yêu,

« Đêm đêm thắp ngọn đèn trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con »,

Ngày 05 tháng 11 năm 2012, Ông Nội đã vĩnh viễn ra đi, rồi ngày 07 tháng 11, các con và bố đưa Ông Nội tới nơi an nghỉ cuối cùng, nơi đó đã có Bà Nội. Những đứa con như bố cứ «*cầu cho cha mẹ sống đời*» với mình, vì hiểu được những hy sinh cả đời của cha mẹ dành cho mình, không chỉ như vậy càng trưởng thành các đứa con càng thấy rõ tình thương của cha mẹ mình, một tình thương bao la nhất, nhưng lại gần gũi nhất của nhân loại, tình thương này khi bị mất đi, không sao tìm lại được.

Những lần được đi điền dã dân tộc học trên quê hương mình, để nghiên cứu về cao dao, tục ngữ, dân ca… bố thường đi quẩn quanh, tìm hỏi về chuyện *ngọn đèn trời*. *Đèn trời* là đèn gì? Bố thơ thẩn trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình, mảnh đất lấy đạo thờ ông bà ra làm nhân sinh quan để mọi lúc, mọi nơi con người dù có cô đơn đến đâu cũng biết mình có cội, có nguồn; chọn đạo thờ

ông bà làm thế giới quan để vượt qua các thăng trầm của kiếp người mà không sợ bị mất gốc, mất rễ. Có lần trên mảnh đất thân thương miền Trung, tại Quảng Nam, chốn Tam Kỳ, có một đồng nghiệp giải thích là: «*Đèn trời là đèn thắp bằng dầu lạc, dân mình thường thắp ngoài trời*», ngọn đèn le lói giữa trời, chỉ một trận mưa, một cơn gió qua là tắt, nhưng nó đứng giữa đất và làm sáng trời; đứng giữa đêm khuya, giúp người nhìn được nhau, nếu không nhìn ra mặt nhau dễ mất phương hướng trước cuộc đời, dễ đánh rơi đạo lý làm người.

«Cái khó bó cái khôn», các con ơi! Gia đình Ông Nội tại làng Tả Quan, Kiến An, Hải Phòng rất nghèo, Ông Nội kể: *«Hồi nhỏ ông nội phải đi chăn trâu, mười bốn tuổi phải đi làm công để nuôi mẹ, nuôi em gái mình, mơ ước suốt đời được đi học, nhưng không sao thực hiện được»*. Nhưng một cậu bé có rất nhiều cách ngồi trên lưng trâu, ngồi để nhìn rõ quê hương mình, nhưng ngồi cũng để nhìn thật xa, gởi tầm nhìn về các chân trời thăm thẳm; gởi theo niềm tin vào tương lai, quyết đổi cho bằng được kiếp nghèo của cha mẹ mình, số phận hẩm hiu của mình.

Chấp nhận chuyện *tha phương cầu thực* như chấp nhận một thử thách quyết liệt trong chuyện đổi đời. Bến Bính, cảng Hải Phòng là nơi Ông Nội ra đi tìm cuộc sống mới, vào Nam bằng nghề thủy thủ, rồi Ông Nội đi khắp năm châu bốn bể, các đứa con chưa thấy ai đi xa, đi nhiều, đi rộng khắp như cha mình. Suốt đời của Ông Nội là tự hỏi, tự học, học trường đời các con à, *học thầy không tầy học bạn*; cũng vừa đi, vừa học, *đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Ông Nội học rất kỹ về cách đối nhân xử thế, về lời ăn tiếng nói, như ông bà mình dặn con cái: *học ăn học nói, học gói học mở*. Có vài người sống quanh Ông Nội, thấy Ông Nội *«hơi khó tính»,* phải hiểu đúng hơn Ông Nội: *kỹ tính*. Không hiểu hai chữ *kỹ tính* này, sẽ không hiểu hai chữ khác trọn vẹn hơn: *tử tế*, tử là nhỏ, tế còn nhỏ hơn tử, nhỏ của nhỏ, phải biết chăm sóc từng chi tiết dù thật nhỏ trong cuộc sống hằng ngày cho mình và cho những người xung quanh; vì tử tế là nền, là khung cho sự tôn trọng lẫn nhau.

«Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm», Ông Nội thường dặn bố câu này; không được phung phí, vì cuộc sống *chén cơm manh áo* hằng ngày thật nhọc nhằn, những người gần Ông Nội đều biết Ông Nội thích *ăn ngon mặc đẹp*, nhưng không thích xài hoang, đó là cách tôn trọng sức lao động của mình và của người khác; sự kính trọng nhau phải bắt đầu bằng sự tôn trọng công sức lao động của nhau. Nhắc tới Ông Nội là nhắc tới một người có *công tâm*, Ông Nội không thích gần những người *"làm chơi, ăn thật"*, nhất là loại người :*"ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau"*. Cuộc sống hằng ngày của Ông Nội là *thức khuya, dậy sớm*, sống gần Ông Nội, bố dần dần hiểu được ra câu: *một nắng, hai sương.* Những người thiết tha với công việc của mình, quyết chí vượt thoát kiếp túng nghèo, với hình ảnh: *dãi nắng, dầm mưa*, Ông Nội nhận hình ảnh đó như nhận trách nhiệm của một người cha, người chồng. Bà Nội hiểu Ông Nội hơn ai hết, thường nhắc tới chuyện nhọc nhằn vì nghề nghiệp của Ông Nội qua hình ảnh: *đầu sóng, ngọn*

gió, với nghề biển vừa phải xa nhà, vừa phải nhận bao giông tố ngoài khơi. Những năm 1963-1966, được Ông Nội đưa đi nghỉ hè bằng đường biển ra Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Nẵng… Bố thấm sâu câu này của Bà Nội.

"Liệu cơm, gắp mắm", Ông Nội theo ông bà căn dặn con cái, *"ăn bữa sáng, lo bữa tối",* nhưng không vì đó mà "ngặt nghèo hoá" cuộc sống, khắc nghiệt với đời người. Con cái sống gần Ông Nội, luôn được ăn các *"món ngon, vật lạ";* nếu mơ được thưởng thức *"sơn hào, hải vị",* Ông Nội tìm mọi cách để thực hiện, dùng kinh nghiệm *"sành ăn"* để làm cuộc sống đẹp hơn. Nhưng những kỷ niệm sâu sắc của bố với Ông Nội là bố được ăn các món *"cây nhà, lá vườn"* theo nghĩa vừa trải rộng, vừa thấm đậm mùi vị từng vùng trên quê hương miền Bắc của Ông Nội. Đây không chỉ là câu chuyện ăn uống, mà chính là chuyện văn hoá, văn hiến, văn minh của một dân tộc.

Ông mình cũng không theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vì Ông Nội làm nhiều các món Âu châu, Á châu trong các bữa ăn cho con cháu. Bếp Việt Nam, bố được ăn các món: *nộm gân bò rau muống ướp khế, canh lươn hầm bắp chuối mắm tôm, ốc xào chuối xanh trộn tía tô,* và nhiều món nữa thật ngon, giữ sâu đậm những hương vị này như giữ những kỷ niệm quý báu. Những năm qua, sức khỏe Ông Nội xuống nhiều, yếu dần, không làm lại các món này; và mỗi lần được đi công vụ đại học trên miền Bắc, quê hương của Ông Nội, từ Hà Nội qua Bắc Ninh, Hà Tây, Ninh Bình, tới Hải Phòng, nơi *chôn nhau cắt rốn* của Cha mình, cũng là quê hương thân yêu của Doãn Mẫn, Đỗ Nhuận, Hoàng Quý, Tô Vũ, Văn Cao…bố lần mò, thẫn thờ đi tìm các món thật dân tộc mà mình được biết qua Ông Nội. Mỗi lần như vậy, khi tìm được các món ăn mà ông Nội đã làm cho Bố thửa nào, Bố xúc động, cùng lúc cũng thất vọng: thấy giống mà khi ăn thì rất khác, cừng tên gọi, rồi cùng chất liệu nhưng không phải hương vị của ông Nội mình thửa xa xưa... Các con ơi! Một người kính yêu qua đời đã mang theo cả một vũ trụ hương vị ra đi.

"Xông nhà, chúc tết", phúc của Ông Nội bàng bạc trong cuộc sống với bà con gần xa, Ông Nội đi xa luôn có quà cho người ở lại; hàng xóm thường mong, thường mời Ông Nội *chúc tết đầu năm*, mỗi dịp giao thừa, tết đến, mang *"điều hên, điềm lành"* tới cho họ. Hình ảnh Ông Nội đêm giao thừa thật đẹp, Ông Nội mình mặc quần áo chỉnh tề, tay cầm phong pháo tết, gởi chúc chân thành tới bà con, láng giềng. Ông Nội là niềm tin đối với một cộng đồng quyến thuộc, mong chuyện tốt lành tới với gia đình mình và với mọi người mỗi dịp xuân về; hình ảnh của một người tử tế biết *đối nhân, xử thế.* Giữa chiến tranh, cái chết xuất hiện cùng sự nghèo đói, các con biết không, những lần Ông Nội đi *"ngoại quốc về",* đi Nhật, đi Tây…

Ông Nội đều mang thật nhiều quà về cho các con mình, nhưng không quên con cái của bà con hàng xóm chung quanh. Có bận Ông Nội tổ chức *"đá banh",* có lúc Ông Nội tổ chức *"đua xe đạp",* mỗi lần như vậy đều có phần thưởng cho tất

cả thanh thiếu niên tham dự của xóm Chùa, trước mái nhà thân yêu của gia đình mình 56, đường Nguyễn Hữu Cảnh, Quận 1, Sài Gòn. Những người được gần Ông Nội đều thấy rõ ở Ông Nội tính phóng khoáng, lòng rộng lượng với quyến thuộc gần xa, tặng nhiều hơn nhận, đức của một người trao mà không cần đòi, phải cao cả lắm mới có phong cách này, các con à.

«Sống khôn, chết thiêng», khi biết tin buồn Ông Nội qua đời, nhiều bạn bè gần xa gửi lời chia buồn tới bố, bố nhớ nhất câu của Bác Nguyễn Đức Hùng, văn sĩ Đà Linh, người bạn tâm giao của bố nay cũng đã qua đời, người đã vui sướng xuất bản tập thơ *Tự do đi, thời gian* của "Em Bé" Khả Anh lúc đó vừa bảy tuổi. Bác Hùng viết về Ông Nội: *«Tôi sẽ thắp hương lạy Cụ bên này, chúc Cụ sống khôn chết thiêng, phù hộ con cháu ».* Bác Hùng chưa hề gặp Ông Nội, nhưng nghe nói về Ông Nội, Bác viết rất đúng *"sống khôn",* các con thương yêu của bố, *khôn* đây ngược lại với *khôn lanh*, dễ làm người đời rơi vào xảo quyệt trong cách đối xử, Ông Nội rất tránh những người có tính này. *Khôn* đây là *khôn ngoan*, vì sống phải *biết người biết ta*; dựa nhau mà sống, cùng nhau khôn ra, cùng nhau thông minh lên, nâng nhau vượt khổ trước những biến thiên của đời người.

Có lần, bố vắng mặt ở Lyon vì phải đi giảng dạy tại đại học Lille; các bác, cô, chú nhà mình có kể cho bố nghe là Khả An năm đó ba tuổi, cầm bức ảnh của Ông Nội đưa cho "Em Bé" Khả Anh mình, năm đó hai tuổi, xem và nói là: *"Em Bé có thấy là Ông Nội mặt mũi rất khôn không?"*; cả nhà cười ngất. Đây không phải là chuyện: *trông mặt bắt hình dong;* mà đây là chuyện tình người; dù còn nhỏ nhưng Khả An đã nhận ra được sự khôn ngoan trong tính từ tâm có trong Ông Nội, luôn chăm lo chu đáo chuyện ăn ở của con, của cháu suốt cuộc đời mình, Ông Nội lo từng bữa ăn cho các con các cháu, lo cho các con mình khi trưởng thành mỗi đứa được một căn nhà; ăn ngon miệng thì làm cho cuộc sống bớt đi những nhọc nhằn, có nhà ở là có mái ấm che thân. Từ lúc làm công tới khi làm chủ, Ông Nội không hề có thái độ *"khinh người", "độc đoán », «lớn tiếng »* với nhân viên mình, Ông Nội luôn tâm niệm và luôn dặn con cái: *"kẻ có của, người có công",* che chở nhau, tôn trọng nhau… *Sống lâu mới biết lòng người có nhân.*

Cái khôn của sự thông minh phải biến thành tình người nó mới tồn tại lâu các con à. *"Người khôn chưa đắn đã đo. Chưa ra tới biển đã dò nông sâu"*, chữ *khôn* mà Khả An và "Em Bé" Khả Anh phải đi tìm qua hình ảnh của Ông Nội trong cuộc sống tương lai là người khôn luôn *"nhìn xa, trông rộng".* Khi bố đi du học qua Pháp, từ Sài Gòn tới Toulon, rồi Marseille, qua Aix en Provence, theo Ông Nội tới Lyon, trong sáu đứa con chỉ có bố là gần Ông Nội vào những năm 1975-1979, Ông Nội thường dặn bố: *"khôn thì phải để người khác khôn bằng mình, mọi người giúp nhau khôn lên"*. Bố càng hiểu lời dặn này, bố càng tránh rơi vào các câu cao dao, tục ngữ chẳng hạn như là: *«Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu bực mình»*, bố hiểu câu này nhưng bố sẽ

không theo, vì nó tạo ra sự cách biệt, phân chia giữa người và người, kẻ dùng câu này thường thiếu lòng khiêm tốn, vắng sự nhún nhường. Kiêu ngạo, tự mãn là hai tính rất xa con người của Ông Nội, Ông mình hiểu sự trung dung, thấu được cái tương đối của luật đời, Ông Nội hiểu được một bài học thật sâu của Lão Tử: *"Quân tử là thầy của tiểu nhân, nhưng tiểu nhân cũng là vốn của quân tử";* Ông Nội cũng hiểu sâu chữ *tâm*, theo lời dặn của thi hào Nguyễn Du: *"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*.

"Lá lành đùm lá rách", Ông Nội làm được một chuyện mà bố thấy ít người dám làm: giúp bạn bè và con cháu họ rời được chiến tranh khói lửa của đất nước những năm 1954-1966 qua Pháp lập nghiệp, học hành. Trong nước, ngoài nước, bố gặp được những người mà trong chuyện họ kể về Ông Nội, câu cuối cùng là: *"Tôi phải mang ơn ông Khái"*. Đây là chuyện *"thương người như thể thương thân"* mà Ông Nội không nói ra, nhưng Ông Nội làm, vì trong cuộc sống có người nói mà không làm.Trong cuộc sống gia đình, hình ảnh của Ông Nội và Bà Nội là: *"Lá rách đùm lá lành",* với biết bao hy sinh cho con cái, bố kể ra không hết, và chưa chắc từ đây cho tới ngày qua đời bố làm được như Ông Bà Nội; đó là hình ảnh lá chuối cha, lá chuối mẹ rách tả tơi vì lấy chính thân mình ra để che chở, bảo bọc con cái, để cho những lá chuối con, còn non nhưng luôn luôn lành, sạch, đẹp, tránh được bao giông tố giữa cuộc đời.

"Ở thương, đi nhớ"; đó là lời của thi sĩ Xuân Diệu, trăng rằm giữa vũ trụ thi ca lãng mạn Việt Nam, dặn bố giữa mùa đông Paris, năm1983, *"Ở sao cho vừa lòng người? Nhưng nếu mình ăn ở tử tế thì ở người ta thương, đi người ta nhớ cậu à"*. Hôm qua ngày 14 tháng 11 này, không hiểu sao sinh viên Âu châu của bố biết tin Ông Nội qua đời, chờ bố giảng bài xong, đợi bố trước văn phòng, nói những lời chia buồn thật gọn nhưng cũng thật sâu sắc, bố vô cùng xúc động. Bố nhắc tới Nobert Elias với họ, một trong những tổ sư ngành xã hội học của bố, kể cho họ nghe về ông là người có một minh thuyết rất sâu rộng: *"Người thân qua đời luôn là sự mất mát lớn cho người sống; vì người qua đời mang theo họ những phần "sống động nhất" của người sống ra đi"*.

Trong cuộc đời mình, Nobert Elias phải chứng kiến bao lần cảnh người thân qua đời, dân tộc Do Thái của ông bị Đức quốc xã tàn sát thảm thương. Bố dặn các sinh viên này hãy bảo vệ ký ức của những người qua đời như bảo vệ những phần *"sống động nhất"* của cuộc sống này. *"Đi mong, về mừng",* đó là hình ảnh của các người xung quanh dành tặng Ông Nội, gần 90 tuổi, gần một thế kỷ giữ được sự tử tế trong xử thế, giữ được tấm lòng thương người trước mọi thử thách, phong ba; những người như Ông Nội, họ *chết trong vì không sống đục* các con à.

«Đêm qua chớp bể mưa nguồn. Hỏi người bên ấy có buồn hay không?», Ông Nội thường hát câu này mỗi lần Ông Nội ru Khả An ngủ tại nhà Collonges, một biệt thự thật đẹp mà Ông Nội chăm lo từng cảnh, từng cây một.

Các con biết không? Câu hát đó là lòng hoài hương sâu lắng của Ông Nội, trằn trọc ngày đêm nhớ quê hương, thương quê cha đất tổ tới bầm gan tím ruột. Nhưng Ông Nội cũng là người nhận ra được sự tốt lành của xứ Pháp này, *«nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây»,* các con ơi, người Việt mình dạy nhau đếm, dạy nhau làm toán, mới nghe tưởng là thô sơ nhưng ngẫm thật lâu thì nó vô cùng sâu sắc: *một duyên, hai nợ, ba tình*. *Có duyên* với vùng đất này, đã nhận mình và sẽ nuôi con cái mình, đây là quê hương thứ hai của mình, nên Ông Nội luôn mang ơn dân tộc này, quý trọng văn hoá họ, bây giờ đã là quê hương và văn hoá của các con. *Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* trọn vẹn, Ông Nội hiểu đầy đủ với lòng biết ơn sâu đậm. Các con phải hiểu được điều này, để không bị rơi vào bi kịch *«vong ân, bội nghĩa»,* biết ơn là biết mình có liêm sỉ, có lương tri, vì kiếp người là *«sống nay chết mai»*, các con à.

Biết Ông Nội qua đời, một đồng nghiệp mà cũng là bạn tâm giao trong đại học với bố, Bernard Bac, giáo sư về ngôn ngữ và văn minh Đức, một lãnh đạo xuất sắc của đại học Charles-de-Gaulle của bố hiện nay, viết lời chia buồn gởi tới bố: *"Sự hy sinh của cha mẹ đã biến thành tình thương, nó cứng cáp như một sức mạnh, giúp mình mạnh lên trước những thử thách sắp tới…".* Sức mạnh đây là sức mạnh của tâm linh, giúp linh hồn và trí tuệ luôn rõ được một điều là: hai người đưa ta vào đời là cha và mẹ, đủ sức đại diện cho cả nhân loại để trao tặng mình một sức mạnh dựa trên sự hy sinh hằng ngày và cả đời, các lá chuối con ngày càng cứng cáp, vững chắc, sau bao ngày được lá chuối cha, lá chuối mẹ chở che.

Trong một cuộc gặp gỡ giữa các nhà tư tưởng gia, các *cây đa, cây đề* của triết học của Pháp, có người hỏi Paul Ricoeur, trường giang của triết luân lý, Nam Tào của hiện tượng luận, người thầy kính yêu của bố: *"Qui est le proche dans la vie?".* Ai là người thân của mình trong cuộc sống? Hôm đó ông trả lời là: *"Le proche est celui qui portera le deuil!",* người thân của mình là kẻ sẽ nhận tang. *Nhận tang* chớ không phải *để tang*, tiếng Việt hay lắm các con ơi, vì tiếng Việt vừa rõ, vừa sắc, vừa nhọn: *nhận tang* là nhận bằng sự chủ động, bằng lòng thành kính và biết ơn; còn *chịu tang* là chịu một cách thụ động, *kham* mà không *ham*; còn nhận là *kính yêu* nên sẵn sàng *gánh vác*. Các con và bố đã *nhận tang* và sẽ giữ những kỷ niệm cứng cáp như một sức mạnh bằng hình ảnh thật đẹp của Ông Nội qua câu mà Bà Nội vừa hát, vừa trông về hướng "*đầu sóng, ngọn gió"*:

«Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người quân tử khăn điều khoác (vắt) vai».



Vài kỷ niệm với họa sĩ Lê Tài Điển

Nhân tình, nhân tính

Chère Sophie, Chère Sylvie,
Hai cháu Sophie và Sylvie thương yêu,
Chuyện chú Khoá sắp kể ra đây, có lẽ hai cháu chưa biết: ba Điển của hai cháu là người nghệ sĩ đầy nhân tính. Xung quanh ba có nhiều nghệ sĩ rất tài hoa nhưng họ ít có nhân tính, chuyện nhân tính thật hiếm trong cuộc sống, làm người hằng ngày và cả đời nhưng chưa chắc đã có nhân tính, chữ nhân trong Khổng giáo là như vậy, nhân là nhân tính; Rousseau cũng nói rõ chuyện này: *«Les hommes soyez humains!» Con người ơi hãy giữ nhân tính*. Có thể trở thành họa sĩ thành đạt với tài năng hoặc kỹ xảo, nhưng không thành họa sĩ lớn được nếu không có nhân tính; lòng vị tha có trong tư duy của nghệ sĩ, lòng trắc ẩn có trong sáng tác của nghệ sĩ.

Ba của các cháu có rất thoải mái một tình thương lớn với cuộc đời, có rất tự nhiên một tình bạn đầy nhân tính với bạn bè bốn phương. Ba của hai cháu là người rất chung thủy với bạn. Người nào đối xử trọn vẹn với bạn bè, với thân thuộc được đạo lý Việt Nam tặng câu: *«như bát nước đầy»;* nhiều thanh niên thế hệ thứ hai như các cháu sinh ra và đang sống tại phương Tây tâm sự với chú là câu này nghe khó hiểu. Thật ra câu này dễ hiểu, vì chính người Pháp cũng rất *«ghét»* cách đối xử: *«une bouteille moitié vide, moitié pleine» (chai nửa vơi, nửa đầy),* những loại người đang sống giữa đời nhưng không hết lòng với cuộc đời. Nửa vời, sống như không sống.

Từ những năm khói lửa chiến tranh trên quê nhà, tới những tháng ngày lưu lạc quê người; từ một người yêu quê hương đến bầm ruột tím gan, tới một người nhận kiếp lưu vong nơi đất lạ, Ba của hai cháu luôn là bát nước đầy đối với bạn bè xa gần. Phải là bát nước đầy nhân tính mới hiểu được sâu xa nhân tình. Câu chuyện nhân tính của chú không nằm trong các mô hình về luân lý của bố thí, trong phạm trù của tội nghiệp, mà nó là sức thông minh của con người, một loại thông minh rất lạ: phải có nhân tính thật sâu mới hiểu thật cao, thật rộng nhân

tình. Phật thấu hiểu điều này, nên trong đạo Phật tình thương đã trở thành lòng từ bi, sự thông minh của nhân tính, nó vượt mọi khuôn khổ chật hẹp của luân lý xã hội, nó bàng bạc mọi nơi, nơi nào có sự sống, nơi đó nhân tính có mặt để *«trợ duyên»* giúp người vượt khổ.

Các đạo giáo khác ngợp thượng đế, ngập thần linh, đạo Phật chọn *tâm đạo,* con tim-con đường, lối đi nẻo về của nhân tính; phải tôn trọng sự sống mới gọi *muôn loài* là *chúng sinh*; phải thấy sự sống là thiêng liêng mới gọi *chúng sinh* là *sinh linh.* Câu chuyện nhân tính luôn là câu chuyện cốt lõi của cuộc đời, nhất là với thời cuộc của thế kỷ hai mươi vừa qua, thế kỷ của vật đổi sao dời, chuyện *«lừa thầy phản bạn»* nhan nhản ngợp mắt. Trong thế kỷ mới này cũng vậy, càng ngày người ta càng ít nói đạo làm người, ít bàn tới đạo lý người nghệ sĩ, nhân tính trong sáng tạo, chú cũng không hiểu tại sao?

Có lần giữa bàn tiệc, một người nói với Ba rằng: *«mày không phải là nghệ sĩ!».* Chú thấy Ba các cháu buồn vì câu này, chú khuyên Ba đừng buồn; không phải ngồi vẽ suốt ngày, loại bỏ tất cả chuyện đời qua một bên là hoạ sĩ chân chính; không phải loại trừ tất cả bổn phận, trách nhiệm gia đình để đeo đuổi một sự nghiệp nghệ thuật là nghệ sĩ trọn vẹn. Có những người nghệ sĩ chân chính nhưng không có nhân tính. Ba của các cháu sống với nghệ thuật hằng ngày, nhưng không hề quên bổn phận một người chồng, trách nhiệm một người cha, sức ép của một xã hội vật chất thường trực buộc người chồng, người cha có nhân tính phải gánh vác, phải *«kham»* đầy đủ cho mọi người trong gia đình. Ba các cháu và chú là môn đệ trung thành của thi hào Nguyễn Du, khi rảnh rỗi cùng nhau ngồi uống rượu cuối tuần, sau những ngày phải vật lộn với *«chén cơm, manh áo»*, hai đứa thường *«hét»* lên câu của sư phụ mình: *«Những phường giá áo, túi cơm xá gì!»*.

Nhưng «*khi tỉnh rượu lúc tàn canh»* thì tự ngẫm thân phận mình cũng bằng câu của sư phụ này: *«Giật mình mình lại thương mình xót xa»;* vì biết rằng thứ hai đầu tuần phải đi làm tiếp để nuôi vợ con. Một câu tám chữ mà tới ba lần chữ: *mình*. Thương mình mệt rã rời trong chuyện kiếm ăn mà không ai biết, kể cả vợ con. Thương mình không đeo đuổi trọn vẹn sự nghiệp nghệ thuật của mình. Thương mình nhiều khi không bảo vệ được nhân tính của chính mình trong chuyện *«tranh ăn, kiếm sống»* hằng ngày. Mỗi lúc như vậy, Ba và chú thấy mình gần gũi biết chừng nào thi sĩ Bùi Giáng: *«xương trong mình mòn mỏi, máu trong mình rã riêng»*. Tha phương cầu thực với nỗi buồn mòn mỏi, với nỗi lo rã riêng. Những năm tháng sống tại Paris, vì chuyện sinh nhai, mỗi tuần chú đi làm *vài* ngàn cây số (các cháu nhớ chữ *vài* này nhé), cuối tuần gặp nhau, Ba của hai cháu chỉ hỏi chú một câu gãy gọn: *«Mệt không toi?»*, mỗi lần như vậy chú vô cùng xúc động, một câu thật ngắn của một người cõng nhân tính đi giữa đời, biết thương mình, thương người.

Những năm tháng đó vào mỗi dịp cuối năm, ngồi nhớ lại những đoạn đường đã đi kiếm sống hằng trăm ngàn cây số, tự nhiên thấy rợn người. Chốn này chân đứng vẫn là phương xa… Tại sao mình lại cực thân như vậy? Tại sao sự nhọc nhằn lại đeo đuổi dai dẳng, dày đặc một kiếp người như vậy? Nhiều lần, trên đỉnh đồi Địa Trung Hải, chung quanh là biển, trời, rừng, núi, chú thường bật dậy giữa đêm ra vườn thắp nhang tưởng nhớ tới cụ Tiên Điền, vì sư phụ mình cứ lo: «*Hậu thế ai người khóc Tố Như?».* Có bận, vừa thắp nhang, chú vừa van xin thi hào của Việt tộc cho phép chú đổi câu: *«Những phường giá áo, túi cơm xá gì!»* ra thành: *«Những phường giá áo, túi cơm (*tội) *gì?»*. Tội tình gì mà kiếp người bị đày đoạ như vậy.

Trở lại lối nói: *«Mày không phải là nghệ sĩ! Tao mới là nghệ sĩ»* là lối nói liều, thiếu nhân tính, những người có nhân tính không nói như vậy; Kant dặn nghệ sĩ *«L'esthétique est inséparable de l'éthique»,* mỹ thuật không rời đạo lý, cái đẹp không bỏ cái nhân. Những người họa sĩ chỉ lo cho danh vọng của mình sẽ không hiểu nổi nhân tính của Ba. Có những sáng tác tâm não của Ba, một bức tranh, một pho tượng, nếu bạn bè thích Ba tặng ngay. Có những người trẻ có khiếu điêu khắc, Ba khuyến khích họ, lấy xe mỗi cuối tuần đưa đón từ nhà họ tới lớp điêu khắc của Ba do thành phố Sartrouville tổ chức.

Thầy đưa đón trò mỗi tuần để trò được gặp, được sống với nghệ thuật, hình ảnh đó đầy nhân tính. Từ nhiều năm nay chú rời Paris, về định cư phía cực nam của Pháp, chọn Địa Trung Hải cái nôi của triết học, dân chủ… cũng là cái nôi của nghệ thuật, của thi ca để dung thân, đây cũng là nơi chốn của biết bao chuyện đời về nhân tính. Nhưng trong cuộc sống hằng ngày tại đây, chú lại sống gần với biển, trời, rừng, núi; có khi nhiều tháng không gặp bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên… Tự lo cho mình không biết còn giữ được nhân tính không? Mỗi lần nỗi lo này tới là chú đi tìm dấu vết của nhân tính qua các hoạ sĩ đã chung thủy với vùng đất này. Một hoạ sĩ lớn, lớn vì sự nghiệp nghệ thuật, nhưng cũng lớn vì nhân tính của mình. Chú lên Cagne tìm dấu vết Renoir, chú ghé Antibes tìm Picasso, lên đồi Cimiez tìm Matisse, cạnh đó có Chagall…

Làm thường xuyên chuyện tìm dấu vết nhân tính, cũng để hiểu thêm tại sao những người này gạt được các sức ép của xã hội xung quanh, về vùng này lại sống tách biệt mà không sợ bị mất nhân tính; chấp nhận một loại thử thách mà đạo Lão gọi là *«mai danh ẩn tích»* mà nhân cách, phong cách, tư cách không hề bị suy mòn. Chú thích thú làm việc tìm dấu vết nhân tính này với điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, người mẹ tinh thần của chú, khi bà còn sáng tác tại Vallauris. Mỗi lần lang thang cùng bà đi tìm nhân dạng nghệ thuật người xưa, bà thường dặn chú: «*Đừng nhìn đồng hồ nghen!*», không để chuyện đếm giờ chi phối mình, không chấp nhận sức ép của thời gian, không để khoảng khắc o ép mình trong việc đi tìm nhân tính.

Vậy mà tuổi đời lấn mình hằng ngày, nợ đời tới chết chắc trả chưa xong. Người Việt nói: *«Nợ giữa đời»*, nợ đây là nợ với tình người, nhạc sĩ Trịnh Cộng Sơn nói rõ được chuyện này: *«Nợ đến bạc đầu chưa hết tình đâu»;* Ba và chú cũng thường dặn nhau: *«bạn bè nợ nhau»*. Có lần thi sĩ Tô Thùy Yên từ Texas đi Đức, ghé Paris thăm bạn bè gần xa; Ba cùng văn sĩ Kiệt Tấn và chú nhận *«nghĩa vụ»* đưa Tô tiên sinh đi Orléans thăm hoạ sĩ Thái Tuấn. Một thi sĩ nhóm Sáng Tạo tìm thăm một hoạ sĩ cũng trong nhóm Sáng Tạo, sau nhiều năm tù rạc, lạc lõng trên đường lưu vong, sau cơn biến loạn mà nhiều bạn bè đã vong thân, vong mạng.

Câu chuyện nhân tính trong văn nghệ cũng lạ lắm các cháu. Năm 1954, giữa thế kỷ thứ hai mươi đất nước bị cắt làm đôi, tiền đồ dân tộc bị đe doạ, giống nòi trong cảnh sinh ly, đế quốc cùng cường quốc giành giựt quyền lợi của nhau đẩy đồng bào mình tới *họa huynh đệ tương tàn*, miền Bắc cộng sản, miền Nam quốc gia, cả hai chế độ đều *«vắng nhân tính»*. Vậy mà trong đại họa này, cùng lúc, miền Bắc nhóm Nhân Văn nổi lên, miền Nam nhóm Sáng Tạo ra đời, hai dòng thác văn nghệ đầy nhân tính, nhân phẩm người Việt không bị suy kiệt, lương tri dân tộc không bị quỵ gục. Những người của hai nhóm này họ chưa hề cùng nhau sinh hoạt trong văn nghệ, mặc dầu họ cùng làm nghệ thuật, có cùng văn hoá, chia nhau một tiếng mẹ đẻ, thậm chí họ sống cùng một thời điểm lịch sử; họ không hề gặp nhau, trực diện, nhưng họ đã gặp nhau qua nhân tính. Nhân tính của người làm văn nghệ.

Nhân phẩm của người sáng tạo… Trở lại chuyến *«Tây du»* của Tô tiên sinh, sau khi rời nhà Thái Tuấn, trên đường về lại Paris, bạn bè không muốn chia tay nhau, thẫn thờ rồi thơ thẩn trong các quán nước tại nhà ga xe lửa Austerlitz. Chú ngỏ ý xin bài thơ vừa ra đời của Tô Thùy Yên: *Khất giả*, bài thơ đầy nhân tính, nhưng phải chọn một trong bốn người, ai có chữ đẹp mới được viết bài thơ này trên giấy trắng. Tô tiên sinh loại chú ra ngay: *«Đừng để thằng Khoá chép bài thơ này, vì chữ của nó như gà bới»*, Ba được chọn chép bài thơ này qua giọng đọc thơ đầy nhân tính của Tô Thuỳ Yên. Thơ đẹp vì nhân tính đẹp, cũng cần có tuồng chữ đẹp.

Sau khi nghe câu: *«Mày không phải là nghệ sĩ!»*, Ba cháu không để bụng giận người này, giận đó rồi quên ngay. Trước những khổ đau của cuộc đời, ba cháu và chú thường dặn dò nhau rằng: từ lúc được sống tới ngày phải chết, phải sống hồn nhiên đôn hậu, sống mà không có đối phương, không coi ai là đối thủ, chẳng ai là kẻ thù của mình. Sống mà không có tử thù trong cuộc sống. Nên Ba và chú rất xa lạ với những loại ý thức hệ: *«nhìn thẳng đầu thù mà bắn»*, *«uống máu quân thù»*… Những loại chính trị không nhân tính, những loại khẩu lịnh không tình người, không đủ sức tự hoà hợp, tự hoà giải với chính bản thân mình… Không vượt được hận thù riêng tư để gặp được nhân tính của loài người. Câu chuyện nhân tính phải bắt đầu bằng chuyện thương người, thương mình các cháu à…

Để chú kể một chuyện nữa cho các cháu nghe: mỗi lần được về thăm quê nhà qua các chuyến công vụ đại học, chú thường để những ngày cuối cùng đi thăm bạn bè văn nghệ sĩ còn đang sống trên quê hương. Khi về lại Paris, Ba thường hay hỏi chú tin tức của các bạn này. Có lần, Ba hỏi: *«Lần này, toi có gặp Thằng... không?»*, chú trả lời: *«Có chứ, nói chuyện nhắc tới anh hoài, nhớ anh quá trời, thương anh lắm»*, Ba nghe xong, hai dòng nước mắt lăn trên má, ngồi thật lâu với nhau, chẳng ai nói lời nào. Những người có nhân tính với nhau, khi họ nhớ nhau, nhắc nhau, nước mắt họ rơi rất tự nhiên các cháu à.

Chú kể *vài* câu chuyện về Ba, *vài* kỷ niệm với người hoạ sĩ đầy nhân tính, các cháu nhớ *«cẩn thận»* với chữ *vài* trong tiếng Việt. Năm 1986, có lần thi sĩ Thanh Tâm Tuyền dặn chú phải *«cẩn trọng»* với chữ *vài* này, khi ông vừa rời chốn tù rạc (Ba của các cháu rất quý trọng thi sĩ này). Tâm tiên sinh nhắc tới câu cuối cùng trong truyện Kiều của thi hào-sư phụ Nguyễn Du *«Mua vui cũng được một vài trống canh »*. Đọc truyện Kiều là đọc về số phận con người, tự mình vấn nạn mình để đủ sức tự mình đi tìm nhân tính cho chính mình, cho nên không hề có chuyện dễ dãi *«Mua vui»*, vì sao? Vì mỗi đêm chỉ có *«năm canh»*, theo Thanh Tâm Tuyền thì *«vài trống canh»* chắc chắn là hết cả đêm. Câu chuyện đi tìm nhân tính là chuyện đi suốt đêm thâu, đi cả đời người, vậy mà chưa chắc tìm ra được nhân tính.

Gởi Hoàng Lan

Hoàng Lan, *tin-bạn*

Chère Hoàng Lan,
«Khi biết mình mang trọng bịnh, tôi cứ hát cả ngày, hát hoài, hát mọi nơi, mọi lúc… những người được nghe tôi hát nhiều nhất là: các bác tài xế taxi, vì cả ngày tôi dùng taxi để đi lại nhiều nơi trong thành phố, cứ lên xe là tôi hát, và hát suốt các lộ trình trong ngày… Các bác tài xế cứ hay hỏi tôi: làm sao có được CD của tôi để luôn được nghe tôi hát?». Những người bạn thân của Hoàng Lan nhận ra ngay con người, nhận ra rất rõ tấm lòng của Hoàng Lan trong câu nói này. Câu nói dễ hiểu của một ca sĩ luôn sống với thực chất của mình, bằng tấm lòng của mình, một tấm lòng hát cho đời, chớ không phải hát vì sự nghiệp của riêng mình.

Điều kiện ngặt nghèo của những người bạn của Hoàng Lan: *phân tán-lưu vong-sinh ly*… vung vãi khắp các châu lục, gặp được nhau thật khó, để rồi mất tin nhau, đây thì đúng là một *cái lỗi*, để khi tôi biết đêm văn nghệ giành riêng cho Hoàng Lan tại Sài Gòn năm nay qua Youtube, nơi mà Hoàng Lan đã kể về nan bịnh của mình với một giọng thật đằm thắm, với nụ cười thật bình an. Tôi không được có mặt cùng Hoàng Lan trong đêm văn nghệ đó, thì *cái lỗi* đã sắp chuyển qua *cái tội*. Nếu không muốn mang *cái tội* này, thì phải có ngay ý thức là xin Hoàng Lan: *thứ lỗi và tha tội*. Những năm tháng vắng tin, để khoảng cách, để thời gian làm suy diệt *tin-bạn*. Tôi nghe thật kỹ và thật rõ giọng Hoàng Lan trong đêm văn nghệ này, mà não trạng cứ nhắc tôi một câu của Tô Thùy Yên của những năm bạn bè mất tin nhau, sau cơn biến loạn 1975: *«Bỏ đi biền biệt miệt thiên thu»*, còn sống giữa đời mà đã *biền biệt* tin-bạn, mỗi người một *miệt*, một miền, một cõi, đánh *mất-tin-bạn* thì cõi sống như đã bị dìm sâu vào cõi biệt nhân dạng, cõi bạt nhân duyên… thiệt thòi này lớn quá trong cõi nhân sinh.

«…Tiếng nàng hát vọng đôi câu… Ngừng tay viết mướn lòng sầu vẩn vơ…», đó là lần đầu tiên tôi nghe được giọng hát của Hoàng Lan, qua ca khúc *Gọi em là đóa hoa sầu*, thơ của Phạm Thiên Thư, được Phạm Duy (thần tình) phổ nhạc, cũng tại phòng trà Văn Nghệ của gia đình nhạc sĩ này, năm 2008. Một ca khúc bó, xiết, dồn, bắt những ca sĩ hát bài này phải *«moi ruột»* để diễn tả tới nơi tới chốn; nơi đọ sức để biết đá vàng trong nghệ thuật ca khúc Việt. Trong lịch sử âm nhạc của mọi dân tộc, mọi văn hóa có những ca khúc loại như vậy: chúng vừa trao tặng, vừa thách thức các ca sĩ muốn hát chúng, phải hiến dâng thực chất của riêng mình để trao truyền tấm lòng của mình tới người nghe, Hoàng Lan đã thành công trong ca khúc này. Sau bài hát và ngay trong phòng trà này, chúng ta hứa sẽ giữ liên lạc, thông báo tin nhau: *tin bạn-tin đời*, trong mọi thăng trầm của cuộc sống, vậy mà tôi để mất *tin bạn-tin đời* từ 2011. Năm 2017 này, mùa xuân đang vung dạng để ghé Địa Trung Hải, nơi tôi đang lưu vong, ngày ngày cảm nhận lưu đầy, mùa xuân đang tới với bao sức sống mới của biển, đồi, núi, rừng:

có hoa mơ vội nở, có hoa đào theo sau ngay, có thông vươn thân, có cỏ động dáng, có sương sớm-sáng khi trời chưa-sáng… đột nhiên nghe tin trọng bịnh của Hoàng Lan, tôi bần thần rồi tự đầy đọa mình trong câu của Thanh Tâm Tuyền thủa nọ, những năm bạn bè phải nhận kiếp lưu vong để giữ nhân cách trước bạo quyền, sau 1975: *«Rũ bỏ ký ức… ký ức người, nuốt trọng điếm nhục… mà đi!»*. Mất *tin-bạn* đúng là mất ký ức, Hoàng Lan à!

Nhưng chúng ta cũng *căng trời-giăng đời* để giữ *tin-bạn*, trong nhiều năm, những năm đó tôi hứa mỗi lần được đi công vụ đại học tại quê nhà, là sẽ có mặt tại Sài Gòn để chào Hoàng Lan, quê hương thứ hai sau quê quán sinh thành miền Trung của Hoàng Lan. Mỗi lần được gặp nhau, tôi thường trao tặng Hoàng Lan các mỹ phẩm của Pháp, của xứ sở cứ luôn tìm mọi cách để *ăn ngon, mặc đẹp* này, cũng như Hoàng Lan biết *ăn ngon, mặc đẹp* cho thân sáng-người vui. Mỗi lần như vậy, sau khi nhận quà, Hoàng Lan thường trách tôi ngay: *«Sao thần sắc, mặt mũi anh lúc nào cũng mệt như ma vậy! Làm việc vừa vừa chứ! Phải biết nghỉ ngơi chứ!»*.

Mỗi lần *bị-và-được* nghe câu này, tôi cúi đầu lĩnh hội, không dám sửa một chữ. Vì Hoàng Lan biết rất **rõ** là từ ngày đầu tiên tới ngày cuối cùng của mọi công vụ đại học tại quê nhà là tôi: *giảng-rồi-họp* từ sáng tới tối, giờ giải lao cũng như giờ cơm trưa, cơm tối cũng không được *«tha»*, hết đồng nghiệp tới sinh viên *«quay»* tôi cho tới khuya, cho tới *«gục»*, về tới khách sạn lăn ra *ngủ-vì-gục*. Đồng cảm thì thảnh thơi trong đồng giao, chúng ta thấy rõ trong từng chữ, từng câu của những ai thực sự là bạn với nhau, vì không phải là bạn thì không sao có những câu chữ như vầy: *«Bận thì bận chứ! Phải giữ ra một buổi tối để ăn cơm với nhau chứ! Ăn xong rồi tới một phòng trà nhỏ, em hát cho mà nghe!»*. Mỗi lần tôi nhớ lại câu này của Hoàng Lan, ký ức chuyển tôi tới ngay một câu của Trịnh Công Sơn, dặn tôi mỗi lần tôi có công vụ đại học ghé ngang Sài Gòn, vào cuối thế kỷ qua: *«Ráng ăn với nhau một bữa cơm, anh sẽ hát các bài mới cho Khóa nghe… Trên đời này tiếc nhất là lỗi hẹn với bạn bè!»*.

Với tuổi đời cứ ngày ngày lấn cuộc đời, tôi tâm niệm mãi câu này, coi đó là nhân sinh quan với đầy đủ bạn bè qua lại đông đủ trong đời mình, cũng là thế giới quan của nhân tình tán tụ trong sinh ly, vũ trụ quan trọn vẹn của nhân tri trong tình bạn dầy tình người, vậy mà tôi để suy-rồi-quỵ, kiệt-rồi-diệt *tin-bạn* với Hoàng Lan trong những năm qua. Nhớ lại năm nọ, 2009, trong một phòng trà nhỏ với bạn bè thân thuộc, Hoàng Lan đã hát tặng tôi, cũng bài *Gọi em là đóa hoa sầu*, và thỏ thẻ với những người nghe chỉ một câu: *«Tôi xin tặng bài này tới một người bạn tới từ thật xa… Bạn tôi ở xa đây lắm… Tối nay tôi phải hát cho bạn tôi nghe…»*. Ngay tối đó, cùng với chồng của Hoàng Lan (một người bạn cao quý) và các bạn bè cùng nhau bàn bạc là tìm mọi cách để Hoàng Lan có được một CD cho riêng Hoàng Lan, trước khi Hoàng Lan rời quê hương, theo chồng qua Pháp. Và khi chia tay, tôi có nói thêm với các bạn: *«Giọng hát còn vô thường hơn cả kiếp người, không biết thâu-để-giữ nó bây giờ, thì sau này*

muốn giữ-để-nhớ nó cũng không được, cũng không kịp!». Vậy mà chuyện này vẫn chưa thực hiện được, để tới năm nay trong đêm văn nghệ bạn bè tổ chức riêng cho Hoàng Lan với tin bạo bịnh; *tin-bạn* đã chuyển thật sự qua *tin-buồn* rồi sao?

Những năm gần đây, tôi vẫn thường hỏi thăm tin của Hoàng Lan qua nhạc **sĩ** Duy Cường, người bạn chung của chúng ta, chính Duy Cường cũng mất liên lạc với Hoàng Lan, chúng ta không phải là những người bạn vô tâm; nhưng ngày ngày, tháng tháng, năm năm trước những thăng trầm trong kiếp người đã làm chúng ta mất phương hướng ngay trong cuộc sống riêng của mỗi người. Năm 2011, chồng của Hoàng Lan điện thoại cho tôi báo cho tôi biết là Hoàng Lan đã ổn định cuộc sống tại Pháp và mời tôi tới thăm hai vợ chồng. Thật kinh hoàng năm đó! Tôi bị gieo trên kiếp của mình bao thử thách, và cứ lầm lũi ngày ngày, tháng tháng, năm năm bảo vệ cho bằng được cuộc đời và tương lai của hai cô con gái, mà tôi đã kể cho Hoàng Lan nghe là tên của hai cô được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đặt : *Khả An* và *Khả Anh*.

Tôi căng sức (lắm khi kiệt sức) để giữ chữ *an*, để nắm chữ *anh* cho hai con. Chỉ hai ngữ pháp: *bình an* và *tinh anh*, mà tôi đã nhận như bổn phận hằng ngày, trách nhiệm hằng giờ của kẻ làm cha; hậu quả là từ năm đó cho tới nay, tôi đã đánh mất biết bao *tin-bạn*. Những lúc được sống riêng cho mình, trước giấc ngủ chưa muốn tới, giữa khuya, cứ thầm mong bè bạn: *thứ lỗi và tha tội* cho tôi. Có lần, cha của Duy Cường, nhạc sĩ Phạm Duy (Hoàng Lan hát rất hay các ca khúc của nhạc sĩ -mà nhạc thuật như rừng thẳm- này): *«Tôi dặn Khóa là những việc làm được cho bạn bè văn nghệ sĩ thì làm đi… làm nhanh lên… không làm bây giờ thì sau đó ai cũng phải qua đời… lúc đó mà làm thì trễ rồi, đã bị mất ý nghĩa rồi!»*. Hôm nay, câu này làm tôi thật đau, Hoàng Lan à!

Đêm văn nghệ bạn bè tổ chức riêng cho Hoàng Lan năm nay, một đêm *nửa báo tin chia tay-nửa giữ lời tái ngộ*, đây đúng là ẩn số của thử thách trong nhân sinh, Hoàng Lan đã tặng các bạn bè ngoại quốc hai bài: *«Je t'aime»* tiếng Pháp, *«Come away with me»* tiếng Anh, thật trọn vẹn! Bạn bè thấy càng rõ nhân sinh quan yêu người; nhìn rõ thế giới quan yêu đời, nhận rõ vũ trụ quan luôn chan hòa với thân hữu gần xa của Hoàng Lan. Ai quen được Hoàng Lan, cũng thấy rõ sức thông minh của Hoàng Lan biết: biến *sơ ngộ* thành *tái ngộ*, chuyển *hội ngộ* ra *hạnh ngộ*, phải thật sự thông minh mới làm được chuyện *ngộ* trong cuộc sống. Vì *ngộ* là sức mạnh của thông minh: *giác ngộ*, giúp ta không phải rơi vào cái bi kịch, mà Bùi Giáng đã dặn: «*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn!*»; thuật ngữ này nhắc ta cẩn trọng từng sát na trong cuộc đời, vì *sơ ngộ* là mới gặp mà đã mất, chưa sống mà đã để cuộc sống vụt bay. Bạn bè thân quen biết rõ Hoàng Lan có một nội công nghệ thuật, một bản lĩnh cá nhân, một tầm vóc chủ thể: quý *hạnh ngộ* để *hành ngộ*, một năng lực giúp Hoàng Lan luôn gặp lại được bè bạn gần xa … Mỗi lần muốn: tìm bạn là gặp bạn!

Nice. Xuân 2017.

Đứa cháu lai

Quốc Bảo thương yêu,

Tháng vừa qua, bố mẹ cháu có gởi cho chú tấm ảnh của đứa con đầu lòng của cháu, chú vô cùng xúc động khi nhìn tấm ảnh này; lý do thứ nhất là đứa con của cháu rất giống cháu, cùng lúc mang được dòng máu của mẹ là gốc người Mỹ. Đối với chú đây là một chuyện nhiệm mầu của cuộc sống, sự tiếp nối thống tộc hài hoà với chuyện trao truyền hình hài qua nhiều thế hệ; tổ tiên, cha mẹ luôn có trong xương, thịt, máu, da… của con cháu, ý nghĩa đạo thờ ông bà là ở đó, *con cháu ở đâu ông bà ở đó*.

Lý do thứ nhì về sự xúc động của chú là từ tấm ảnh này, chú nhớ lại bao kỷ niệm thời thơ ấu của cháu, những năm đầu khi cháu chào đời trong một đất nước chiến tranh. Sự điêu tàn, cái mất mát hiện rõ trên từng khuôn mặt của đồng bào mình, *sống nay chết mai; ăn bữa sáng, lo bữa tối*, lo nhất là phải bảo vệ lẫn nhau để sống còn, vượt qua cuộc chiến khốc liệt huynh đệ tương tàn, tưởng chừng như không bao giờ dứt. Cháu Quốc Bảo thương yêu, cháu sinh ra trong bối cảnh đó, vậy mà cháu không thiếu một tình thương nào trên đời này, trong kiếp người này, vì cháu được đùm bọc che chở trọn vẹn trong tình thương gia đình của bố cháu. Có những người sinh ra đời rất bất hạnh, nói theo đạo Phật sống mà như mang một nghiệp chướng.

Ngoài cha mẹ cháu ra, người thương cháu nhất có lẽ là bà nội, cháu còn hình dung được khuôn mặt hiền từ của bà nội không? Cháu còn hình dung được phong cách rộng lượng, khoan dung, lòng từ bi, tình thương người của bà nội không? Bà nội thương cháu nhất vì bà nội rất thương bố cháu, hiếm có người mẹ nào thương con, như bà nội thương bố cháu. Ngày bố cháu xin được làm đám cưới với mẹ cháu, bố cháu phải nhập ngũ, vào quân đội trong cuộc chiến đe dọa sinh mạng thanh niên hằng ngày, còn mẹ cháu vừa học xong trung học, cả hai coi như chưa trưởng thành, chưa tự chủ được về vật chất, tài chính, kinh tế, vậy mà bà nội đồng ý ngay, cho hai trẻ làm lễ thành hôn, vì bà nội thương và tin nơi bố cháu, tin là bố cháu và mẹ cháu sẽ gây dựng được một gia đình tốt lành, rồi gieo được những hạt giống thương yêu cao đẹp vào cuộc đời của cháu. Bà nội quyết định không sai, bây giờ cháu có con tức là ông bà nội đã có thế hệ thứ ba, gia đình mình vẫn trong một dòng sinh mạng, không hề bị đứt đoạn.

Chú cũng chưa thấy ai thương con dâu như bà nội; thương yêu, che chở, đùm bọc mẹ cháu từng ngày, chia sẻ với mẹ cháu từng giờ những nỗi lo trong việc nuôi nấng cháu. Ngày cháu ra đời cũng là ngày vui sướng nhất của bà nội, *cười ra nước mắt* cháu à! Chú thấy rõ niềm vui trên khuôn mặt của bà nội mỗi khi bà nội bồng cháu trên tay, ru cháu thật khẽ, thật nhẹ, chú quan sát kỹ những lúc như

vậy, cháu ngủ rất yên, rất ngoan, như vậy là đầy đủ an lạc đối với bà nội, vì bà nội cũng đã ru bố cháu như vậy, tất cả các con của bà nội được ru như vậy, một tình thương lắng đọng nhưng bao la, *con đi có trọn kiếp người, cũng không đi hết những lời mẹ ru*, thơ của thi sĩ Nguyễn Duy.

Ngày cháu ra đời, ông nội không có mặt trên quê hương Việt Nam đằng đẵng chiến tranh, tha phương cầu thực, nuôi gia đình từ xa, nhưng ông nội không hề quên cháu, ngày biết tin bố mẹ cùng cháu đã thoát nạn trong chuyến di tản 30 tháng 4 năm 1975, và đã tới Mỹ, đất nước thật tốt lành này giờ đã là quê hương của cháu và của con của cháu, ông nội tới tận nơi đón gia đình nhỏ bé, đầy đủ của cháu với niềm vui của một người ông đã có một đứa cháu. Chú còn giữ trong thư viện của chú tấm ảnh năm 1975, tại Florida, ông nội bồng cháu trên tay, cười tươi, bố mẹ cháu theo sau lưng hai ông cháu, dưới ánh nắng thanh bình của Florida. Cháu Quốc Bảo thương yêu, ông nội chăm lo rất nhiều cho cháu, từng bữa ăn mỗi khi gần gũi bên cháu, ở Orlando hay ở Lyon, ông nội muốn cháu ăn thật ngon miệng, sống thật vui.

Có lần, cháu chơi giầy trượt lướt, bị tai nạn trên chân, tận bên Anh quốc, ông nội lo bồn chồn ở Lyon, đứng ngồi không yên, làm cô chú của cháu tại Lyon, cũng nao núng theo. Ông nội thăm hỏi rất thường xuyên chuyện học hành, chuyện hành nghề của cháu. Cuộc sống bắt chúng ta muốn biết hạnh phúc, phải biết so sánh gần xa, cháu sẽ thấy hiếm người ông nào thương cháu như ông nội thương cháu. Các cô chú cùng phải học ở ông nội rất nhiều, thương yêu và chăm lo cho con của cháu sau này, như ông nội đã từng thường yêu chăm lo cho cháu thủa sinh thời. Chú vẫn thường nhắc nhở Khả An, Khả Anh, hai đứa con thương yêu của chú, lẽ sống của đời chú, là hai con phải luôn giữ hình ảnh thật đẹp về tình thương ông cháu qua những hành động cụ thể của ông nội, chăm lo các cháu mình hơn nâng niu bảo ngọc, vì thương ai thì phải mang lại những điều tích cực tốt lành nhất cho người mình thương cháu à.

Còn các cô chú xung quanh cháu? Cô chú cũng lo rất đầy đủ cho cháu trong thời chiến tranh, cháu luôn có cô chú sáng, trưa, chiều, tối… Bố mẹ cháu đi chơi yên tâm, cô chú vui sướng được chăm lo cho cháu. Những năm cô Hồng làm trình dược viên, lương cao, cô thường mua cho cháu và cho cả nhà những món ăn ngon, cả nhà vừa ăn vừa đùa giỡn với cháu. Cô Liễu dành nhiều thì giờ cho cháu nhất, cô bồng, cô mớm cơm cho cháu, sành sỏi như một người mẹ. Cô Hà phụ cô Liễu cõng cháu trên lưng đi cùng nhà, lên cầu thang, nhưng cả nhà không cho cô Hà cõng cháu lên sân thượng, vì cầu thang sắt lên sân thượng rất nguy hiểm. Có lần chú tập võ trên sân thượng này, trượt chân té, bị tai nạn rất nặng, bố cháu như muốn ngất xỉu, bà nội và bố cháu phải đưa chú đi bộ cấp cứu dưới mưa tới tận nhà thương Tân Định; nhắc lại bố cháu và chú vẫn còn sợ.

Chú Khánh với bố cháu thích nuôi cá, trên hành lang lầu một không hơn năm thước vuông trong ngôi nhà 56 Nguyễn Hữu Cảnh của gia đình mình tại quận

Nhất Sài Gòn, vậy mà Chú Khánh và bố cháu, vừa trồng cây, vừa nuôi cá. Chú Khánh chỉ cho cháu thấy các con cá đủ màu, cá này là cá mẹ, cá này là cá con…

Còn chú thì chờ cuối ngày, khi trời bớt nóng, từ năm giờ tới bẩy giờ tối là chú để cháu lên chiếc xe đẩy bằng gỗ của ông Hưng hàng xóm cho mượn, cột vào sợi dây rồi kéo cháu từ nhà chú Mùi qua tới nhà bà Huế, một vỉa hè không hơn hai mươi thước, vậy mà cháu vui vô kể, cười nức nẻ, làm cả nhà mình vui theo, hàng xóm cũng vui lây. Cuộc sống đẹp vì kỷ niệm đẹp cháu à; kỷ niệm đẹp trong quá khứ làm cho hiện tại đáng sống, hiện tại có vững chãi, con người mới có thể chấp nhận các thử thách sắp tới của tương lai.

Chú có nhiều thói hư, tật xấu, nhưng được ông bà nội trao tặng chú một hình hài mà trong đó ký ức của chú rất vững chắc, chú nhớ dai, nhớ kỹ, nhưng với tuổi đời chú chỉ muốn giữ những kỷ niệm đẹp với gia đình, với bạn bè, với xóm giềng, với đồng nghiệp, với các môn sinh của chú. Chú tìm mọi cách loại hẳn ra khỏi não bộ của mình những chuyện xấu, dở, tồi, tục… chú nhớ da diết những kỷ niệm đẹp như để làm nền cho đạo lý cá nhân chú, lấy cái hay, cái cao, cái rộng của tình người để sống, chỉ làm như vậy cuộc đời mới đẹp hơn cháu à!

Càng tìm về những kỷ niệm đẹp thời thơ ấu của cháu, chú càng thương cho hai con của chú: Khả An và Khả Anh, không được biết và không được nhận tình thương của bà nội, nhận được rất nhiều tình thương của ông nội nhưng ông nội mình phải ra đi khi hai đứa cháu còn nhỏ quá, còn cô chú bác vì chuyện sinh nhai, vì điều kiện lưu vong gay gắt, gia đình mình bốn phương tám hướng, không gần gũi, thương yêu, giáo dưỡng hằng ngày hai đứa cháu chưa trưởng thành. Gia đình chú bị thử thách nhiều trong những năm qua, thương cho hai con chú luôn cố gắng cùng chú vượt qua nguy nan, chú luôn cầu nguyện ông bà nội phù hộ độ trì cho Khả An, Khả Anh cùng chú vượt qua khổ nạn…

Chú viết bài này tặng cháu, mừng ngày sinh nhật đầu đời đứa con của cháu, cũng mong cháu đọc và hiểu những dòng chữ này để hiểu thêm về tình cảm gia đình nhà mình mà dân tộc Việt Nam đặt tên là: *tình ruột thịt*. Cùng ruột thịt, vì cùng cha mẹ, vì cùng tổ tiên, vì cùng một dòng sinh mệnh trước cuộc sống đầy sinh ly cháu à. Bà nội đã qua đời từ hơn 30 năm nay, ông nội cũng vừa ra đi, rồi lần lượt các người thân cũng không ở đời được với chúng ta.

Đạo Phật dạy *sinh, lão, bịnh, tử*, đó là chuyện dễ hiểu, nhưng cùng lúc Phật dạy một bài học khác tưởng dễ nhưng rất khó: *chánh niệm*, sống trọn vẹn với giây phút thực tại, phải thấu hiểu cái bây giờ và ở đây để cảm nhận đầy đủ hạnh phúc của cuộc sống cháu à, đừng để cuộc sống *chén cơm manh áo* lôi cuốn chúng ta vào độc lộ của *giá áo túi cơm* mà quên đi tình thương ruột thịt. Có *chánh niệm*, Phật dặn phải có luôn *quán chiếu*, nhìn thật rõ, hiểu thật sâu, thấm toàn diện, nắm tổng quan và cẩn trọng trong từng sát na để tình thương không vuột mất trong cuộc sống hiện tại.

Nhưng thực hành *chánh niệm* và *quán chiếu* hằng ngày thật ra không khó, cháu chỉ cần nói bằng tiếng Mỹ hay tiếng Việt với con của cháu: *«Có bố đây», «Bố luôn ở cạnh con đây»*… Tự nhiên cháu **sẽ** thấy trên khuôn mặt còn thơ dại của đứa con một nụ cười, một niềm yên vui, đó là lòng tin của đứa con có chỗ dựa là cha mẹ… Từ khi Khả An, Khả Anh ra đời, rồi biết đi, biết nói, mỗi lần hai đứa gọi chú: *«Bố ơi»,* chú luôn vui sướng trả lời bằng giọng chắc nịch: *«Bố đây!»*... Có những ngày, chúng không gọi chú, nhưng chú vẫn nhắc hai đứa: *«Cần gì cứ gọi bố»*. Cháu cũng vậy, cháu nên thường xuyên có mặt, để trả lời với con của cháu: *«Có bố đây!»*.

Chú Bé tặng Quốc Bảo
và đứa con đầu lòng của cháu.

Kết nội kết

Thương thương nhân yêu
Nhân nhân bạn đây
Bạn bạn hẹn mở
hẹn hẹn gặp bừng
gặp gặp vui rộng
vui vui chuyện loang
chuyện chuyện cười dâng
cười cười say loáng
say say nói sâu
nói nói khóc cao
khóc khóc sống rộng
hẹn ... gặp ... say ... sống ...

LÊ HỮU KHÓA

TUỆ LUẬN

(THẦY-TRÒ)



Anthropol-Asie

"Con suối lý trí xuôi giòng trí tuệ đã tới bình nguyên tuệ giác"



THẦY-TRÒ

Tặng thầy Richard Pottier.

Thầy-trò, là ngữ pháp mà tôi chọn để hiểu hai *«ẩn số nhân kiếp»* trong quan hệ giáo dục của một *«phương trình nhân nghĩa»* đầy *nhân tri,* vì dầy *nhân trí,* mà giờ đây đã vượt lên hơn quan hệ bình thường của hai cá thể riêng biệt *thầy và trò,* của hai người đại diện cho hai thế hệ và hai vị thế khác nhau trong xã hội. Trong *thầy* nên hiểu là có *cô*, trong *trò* nên hiểu là có học sinh, nhất là sinh viên đi một đoạn đường dài trong đại học, trong trường đời khi nhận ra: gặp được một người thầy là gặp được một *cơ duyên*. Mà trò đã nhận thức đây chính là: *cơ may*, mà chỉ cần *trò* hiểu được cường độ và trình độ của một lần *sơ ngộ* này, để biến nó thành *tương ngộ*, nơi mà trò ý thức được giá trị thiêng liêng của hàm số *hạnh ngộ*, biết vận dụng sự thông minh của chính mình để biến *tao ngộ* phải là *tái ngộ!*

Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy: *ơn* hay *ân?*

Câu chuyện *cơ duyên* bắt đầu nơi mà câu ca dao: «*Nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây»*, được trò sung sướng đổi lại là *«nhờ trường mình biết quê thầy là đây»;* vì *cơ may* có trong «*một ngày nên nghĩa, một chữ nên thầy»*, được trò vui sướng đổi lại là: *"một ngày nên trí, một chữ nên tri"*. Đây là cơ hội để trò hiểu ra *phương trình thành người: thành công học đường-thành tài nghề nghiệp-thành đạt kinh tế-thành tựu xã hội*. Chính là sự thăng hoa cho nhân kiếp, từ đó thấu chiều cao của giáo lý: *công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy*. Mà *công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy* nếu ngẫm cho kỹ có thể viết là: *công cha-nghĩa mẹ-ơn thầy*, như sự liên kết làm nên liên minh đẹp nhất của một đời người, đã đưa đứa nhỏ từ mẫu giáo qua mọi chặn đường của học tập, giờ đã thành người, tức là thành *nhân* trong giáo lý *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân phẩm! Vì biết *ơn* cõng *ân* để *ân* bồng bế, chăm sóc, nâng niu *ơn*, vì nếu thấy được là thầy đã thực sự thay thế cha mẹ, đã lấy chính tâm huyết của thầy để lập nên *công trình* cho trò, giờ đây đã là *công ơn*.

Thầy biết làm một số chuyện mà cha mẹ không làm được, là khi trò rời *giáo dục gia đình* để tiếp nhận *giáo dục học đường* qua thầy cô; vì thầy song hành cùng trò tận dụng *giáo dục học đường* để tạo ra các điều kiện thuận lợi nhất cho trò thành công trong *giáo dục xã hội*. Vì *giáo dục nhân tính* cần cả ba: *giáo dục gia đình, giáo dục học đường,*

giáo dục xã hội; và *tính liên tục* làm nên *tình liên kết* của ba giai đoạn giáo dục, đó là nền của *giáo dục nhân tính,* mà kết quả cuối một đời người là trò đã nhận ra đây chính là *giáo dục nhân phẩm.* Trong quá trình của ba giai đoạn giáo dục thì thầy luôn vừa là cầu nối, lại vừa là chỗ dựa từ *nhân tri* tới *nhân trí*, từ *nhân lý* tới *nhân vị*, đây là tâm giao của mọi tâm giao! Vì đây là thâm giao của mọi thâm giao!

Chữ *ơn thầy* có nội lực, có sung lực, có hùng lực cõng, bồng, bế, nâng cả chữ *công cha,* lẫn *nghĩa mẹ,* vì *«không thầy đố mày làm nên».* Và giáo lý *«không thầy đố mày làm nên»* vẫn là giáo lý một chiều, vì còn có một chiều khác là *«không thầy (thì) học bạn»*, nhưng học bạn và học thầy rất khác nhau, khác nhau từ cách tiếp nhận kiến thức tới cách xếp đặt tri thức, trong đó sự trải nghiệm của thầy bằng nhận thức qua kinh nghiệm của tri thức đã được cấu trúc hóa như kinh nghiệm trí thức, mà bạn bè khó trao cho nhau được, vì thầy đã trao cho trò một loại kinh nghiệm của ý thức của kẻ đi trước đã thành người.

Trong thói quen của ngôn ngữ Việt, ta có thể gọi tất cả các giáo viên, giảng viên, giáo sư là thầy, nhưng đúng nghĩa của kẻ được làm thầy là một chuyện vô cùng lạ của môi trường học đường, của không gian giáo dục, vì học đường có nhiều *mức độ* làm nên *trình độ* trao truyền từ người giảng dạy tới kẻ học tập. Một người giảng cho học trò các kỹ thuật sử dụng máy vi tính, có thể chỉ là một kỹ thuật viên. Một người giảng cho học trò các phương cách cộng, trừ, nhân, chia, có thể chỉ là một giáo viên. Một người giảng cho sinh viên các phương pháp phân tích và giải thích một sự kiện hay một sự cố, có thể chỉ là một giảng viên. Thậm chí một người giảng cho học trò không những phân tích và giải thích một sự kiện hay một sự cố, lại còn đi sâu vào đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* để trò hiểu thấu luân lý có trong bổn phận, có trong trách nhiệm của kẻ đi học, sau này sẽ thành công dân, người giảng dạy có thể chỉ là một giáo sư. Tất cả các người giảng như kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư cũng có thể không được gọi để được xem là: *thầy*, vì đúng nghĩa kẻ làm thầy là: *thầy biết biến trò trở thành thầy như thầy!*

Câu chuyện *thầy biết biến trò trở thành thầy như thầy!* Theo nghĩa là thầy giúp cho trò thành công, thầy còn giúp trò thăng hoa thật cao trên thành công đó, trong nhiều lĩnh vực chớ không phải chỉ thu gọn lại trong lĩnh vực giáo dục. Vì khi rời mái trường rồi vẫn có thể gặp lại

thầy, vẫn có thể hỏi ý kiến của thầy khi trò gặp khó khăn, rơi vào ngõ cụt, thậm chí sau nhiều năm đã rời trường, với tuổi đời đã lớn, nhưng vẫn xin gặp thầy để được tham vấn, để có lối ra trước bao thử thách, trước các thăng trầm của đời người. Có khi thầy kể cận trò cả đời của thầy, dù tuổi đời của thầy ngày càng cao, mà tuổi cao là tuổi trọng đối với người mà ta đã gọi là: *thầy!* Ta cần thầy như cần một giá trị thiêng liêng, nhưng rất hữu hình, thầy có mặt khi ta cần thầy, thầy cùng ta song hành qua các gian nguy của *nhân thế*, qua các hiểm nạn *nhân sinh*, các thất bại lẫn thành công giữa *nhân quần*. Thầy đã mở đường, nên thầy sẽ tiếp tục che chở…

Nên câu chuyện của các người giảng như kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư, có thể bắt đầu bằng hình tượng của trò là kẻ đang đứng nhìn về phía chân trời như đang đứng trước mặt chính tương lai của mình, nhưng muốn tới chân trời kia thì phải vượt biển, tức là vượt đại dương qua bao sóng gió, giông bão. Khi trò lấy có *nghề*, biết *nghệ* để lập *nghiệp* ngay trong thăng trầm của kiếp người, thì các kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư thường không có mặt, đây không phải lỗi của họ, vì họ làm việc theo hợp đồng, công việc của họ được đo bằng lương bổng. Còn thầy thì khác, thầy sẽ có mặt trong khó khăn của ta, giúp ta không những vượt thoát các thử thách, mà còn vượt thắng các thăng trầm, vì thầy vừa là chiều cao, vừa là chiều sâu của *«sống lâu mới biết lòng người có nhân»*. Thật *đậm phúc* khi ta có được một người thầy song hành cùng ta, thật *nhạt phúc* khi ta đi ngang cuộc đời này mà không gặp một người thầy nào cả!

Tầm sư học đạo vì biết *tôn sư trọng đạo*

Nhưng *đậm phúc* hay *nhạt phúc* còn tùy thuộc vào trò nữa, đó là chiều dài và chiều rộng trong sự thông minh của trò đã hiểu ra vai vóc và tầm cỡ của chuyện *«tầm sư học đạo»*, vì trên thượng nguồn của giáo dục đã biết *«tôn sư trọng đạo»*. Đây là câu chuyện đạo lý của *tri thức*, biết lấy *kiến thức* hay, đẹp, tốt, lành để xây dựng lên *ý thức* học *thành tài* để học *thành người*, dựng lên không gian của *nhận thức*, phải có *văn hay chữ tốt*, mà chữ *hay* có gốc, rễ, cội, nguồn của nó: *muốn hay thì phải tìm người xưa.* Khi không gian của *thức* (*kiến thức, tri thức, ý thức, nhận thức)* đã định hình, thì con đường học sẽ mở: *muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.* Khi quy trình *tiên học lễ hậu học văn* đã được khẳng định, thì trò sẽ vào một quy trình *văn ôn võ luyện*, trong

học hằng ngày có luyện thường xuyên, ngữ pháp Việt rành mạch, vì trong *tập luyện* có *tôi luyện.* Trong quá trình ngày ngày tiếp cận với thầy, có bài học: *muốn hay chữ phải tìm người xưa;* và *muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học* giờ đã thành một, một của đường dài, một của *nhìn xa trông rộng* qua *nghe lời thầy*, nghe để học *đúng* và hiểu trúng, chớ không phải nghe một cách vô điều kiện.

Nghe lời thầy từ tổng quan tới chi tiết, vì thầy sẽ kỹ lưỡng trong *học ăn học nói học gói học mở,* vì *văn hay chữ tốt* của thầy giờ đã là của trò, mà văn và chữ nầy đã đứng hẳn về phía *thanh* để chống *tục.* Vì không gian của *học* là thanh thoát trong thanh tao, nó ngược chiều với cách hành xử thô tục, nó ngược dòng với cách đối xử tục tĩu, kể cả khi phải đối diện với cái tục tằn, thì liên minh của *thanh thoát* và *thanh tao* sẽ chế tác ra *thanh nhã* để luôn có hành tác: *đố tục giảng thanh.* Dù gặp một chữ, một câu, một thái độ, một hành động thấp tục tới đâu, thì trò sẽ làm theo thầy là trả lời bằng *thanh* để *giảng thanh* cho kẻ tục biết mà tự sửa rồi tự bỏ đi cái tục, để tự kiểm rồi tự nâng mình theo cái *cao* của cái *thanh*.

Tự thủa xa xôi nào nơi mà chữ nghĩa cũng quý hiếm như tiền bạc, có lời khuyên như con dao hai lưỡi: *«Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy»,* là học chữ để thành người, những nếu học chữ để làm ra tiền, lời khuyên theo loại thực dụng chủ nghĩa này, đáng ngờ vì nó là con dao hai lưỡi, có thể vừa làm ra kết quả, vừa sinh ra hậu quả. Cái thời xưa đó có chữ để làm tiền, vì có chữ là được xem như *có học*, mà có học thì *«không sao chết đói được»,* dạy học thì ra tiền, thời đó thực sự đã qua chưa? Giờ đây hình như chữ nghĩa không còn là của riêng của kẻ dạy học, mà dạy trong phản xạ *«giấu nghề»,* thì trò sẽ không học được trọn vẹn, đầy đủ.

Celan, thi sĩ của tâm thức thi ca cận đại, người thầy của những trò muốn đi tìm sự thật tại tâm, có để lại một mô thức nói mạch lạc quan hệ gắn bó bằng tâm huyết giữa thầy và trò: *«Tôi là bạn, khi tôi chính là tôi»* (*"Je suis toi, quand je suis moi! [19]").* Lòng thành thật của thầy là sự thật của thầy trong quan hệ giáo lý làm nên giáo dục đặc sắc, dựng lên giáo khoa đặc thù, xây lên giáo trình đặc điểm, dựng nên giáo án đặc biệt mang cá tính, nội công, bản lĩnh, tầm vóc của thầy. Đây không phải là chuyện phô trương hiểu biết của thầy về kiến thức,

[19] *Éloge du lointain* , Paris, Gallimard.

mà đây là một tổng lực trong đó cá tính, nội công, bản lĩnh, tầm vóc của thầy đã thắp lên được *ngọn lửa ngầm* ngay trong trí lực và tâm lực của trò, mà những ngày tiếp nối sau này trong cuộc đời của trò, thì trò phải tự biết giữ lấy *ngọn lửa ngầm* cho trọn kiếp. Đây là quan hệ giữa người và người, mà giáo dục truyền thông qua internet khó mà thực hiện được, vì tiếng nói của thầy là *lời tâm huyết* trong một bối cảnh nhất định của không gian trao truyền song hành cùng với thời gian giảng dạy, mang đầy đủ *nhân tính* trong *nhân tri*, *nhân đạo* trong *nhân trí*, *nhân lý* trong *nhân thế*…[20] Thầy đang đứng đó, thầy đang giảng đây, và trò nghe với chính *tâm huyết* của mình, mỗi lần trò rung động tới từ xúc động qua lời của thầy, tức là trò đang nhen nhúm mà tạo lực cho *ngọn lửa ngầm* mà trò mong được rực sáng mãi trong tâm lực, trí lực. Trong truyền thống xuất gia của Phật giáo có *lễ truyền đăng* (truyền đèn như truyền ánh sáng) giữa thầy và trò, như truyền cho nhau không những các tri thức cần có để làm người, mà còn truyền cho nhau *tâm nguyện*, có trong *ý nguyện* giờ đã thành *ý lực* là gốc của tâm lực, trí lực, làm nên vai vóc của trò, biết *hành đạo* vì biết *hành thiện*.

Diễn biến tâm lý giáo dục của trò mà chỉ có trò biết, từ nhen nhúm ngọn lửa tới lúc biến ngọn lửa bùng lên, có khi chỉ là khoảng khắc, có khi được nuôi dưỡng bao năm trường, đây có thể là một ngọn lửa lớn, cũng có thể là một ngọn lửa ngầm, tồn tại như một ẩn số của đời người, mà thi sĩ Tô Thùy Yên được vào *phương trình ba sinh* (quá khứ, hiện tại, vị lai): *«Nhen bùn ngọn lửa chưa tàn ba sinh»*. Khi người xưa tin rằng lời thầy giảng, dạy, khuyên, răn có khi là *khuôn vàng, thước ngọc* cho cả một kiếp người, hãy vận dụng các kết quả nghiên cứu của khoa học giáo dục, các khảo sát của xã hội học giáo dục, các định luận vi mô của triết học chính trị giáo dục để cùng song hành với tâm lý học giáo dục mà tổng kết để giải luận về cuộc đời của kẻ đi học gặp được thầy, và những kẻ khác đi học hoài, học mãi, học liên tục mà không gặp được thầy.

Nếu một người thầy đúng nghĩa là *thầy*, thì người thầy sẽ thực hiện học trình *đố tục giảng thanh*, với hiệu quả của: *không thầy đố mày làm nên*, mà giáo dục truyền thông hiện đại qua internet khó mà làm hơn thầy, chỉ vì không có đầy đủ *tâm huyết* của một người thầy. Chính *tâm*

[20] *Nhân Luận và Nhân Việt*, facebook Vùng Khả Luận (trang thầy Khóa)

huyết của thầy (là của riêng thầy) nên thầy rất khác: kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư, họ làm việc với bổn phận và trách nhiệm, nhưng họ không có *tâm huyết* của thầy. Các kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư thường có tài năng của *trí lực* (nên mới được hành nghề trong hệ thống giáo dục); nhưng họ không có sung lực làm nên hùng lực của *tâm lực*, đây là một trong những định nghĩa thế nào là *tâm huyết* trong quá trình trao và truyền của thầy tới trò. Cụ Tiên Điền Nguyễn Du không lầm: *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài!*

Thắp sáng hệ *học* *(học tập, học hỏi, học vấn, học hành, học lực)*

Tâm huyết của thầy dẫn trò tới một không gian khác của quá trình *học tập* khi có thầy rồi thì trò không *học mò* nữa, mà là *học hỏi*, tức là vừa học, vừa hỏi, hỏi cho ra chuyện, hỏi để được *học tới nơi tới chốn*, hỏi để thầy và trò cùng ngộ ra là: *so ra mới biết ngắn dài;* để cả hai (thầy và trò), cùng thăng tiến rồi thăng hoa theo *học lực*. Khi thầy không trả lời đầy đủ, trọn vẹn câu hỏi của trò, thì thầy phải tìm hiểu thêm, nghiên cứu thêm, tức là bản thân thầy cũng phải học hỏi thêm, để câu hỏi của trò có câu trả lời, có lối ra, có chân trời, tức là *«có hậu»*, để cả hai, thầy và trò, tiếp tục song hành bền bỉ trên con đường *học vấn*.

Học lực làm nên thực chất của *học hành*, nó không bị một bạo quyền lãnh đạo nào có thể bày vẻ ma trận của ngu dân qua tuyên truyền để truy diệt nó, như ta đang thấy trong thảm trạng giáo dục Việt Nam hiện nay, lấy độc đảng để độc tài nhưng bất tài trên mọi lãnh vực quản lý đất nước, nhất là trong giáo dục mà Việt tộc đang phải nhận lãnh một bi nạn là mái trường Việt đang ở đáy vực thẳm của phản giáo dục. Lấy *mua điểm bán trường* để *mua bằng bán cấp*, qua *học giả-thi giả-điểm giả-bằng giả* để *mua chức bán quyền*, mà *học vị* là tờ giấy trắng (trắng tri thức vì vắng kiến thức) và *học hàm* là tờ giấy đen (đen vì bẩn bùn gian lận, màu đen của âm binh man trá). Cả hệ *học* (*học tập, học hỏi, học vấn, học hành)* dựng lên *học lực*, lấy chí bền của *học chăm,* trong tỉnh táo để suy ngẫm, sáng suốt để suy luận, luôn ngược lại với *học gạo*, học cuồng nghiệt trong vô minh, vì học mà không hiểu. *Học thuộc lòng* nhưng không có tấm lòng để hỏi, học mà không thấy thầy, không biết chuyện *tầm sư học đạo*.

Thầy đang giảng trước mắt mà nhiều trò vẫn nhìn không ra, họ cứ tưởng là thầy *ngồi cùng mâm, ăn cùng chiếu* với các kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư… Họ tưởng ai cũng làm thầy được, ai đã dạy họ là thầy họ, họ lầm! Muốn thấy được *thầy*, thì trò phải *«sáng dạ»*, *«sáng lòng»*, muốn *thấy thầy* trước hết phải thấy được một *tấm lòng* của thầy! *Tấm lòng* của thầy lớn hơn điểm thi, cao hơn bằng cấp, rộng hơn học vị, xa hơn học hàm, tấm lòng này dường như ở cõi: *sống lâu mới biết lòng người có nhân*! Nhìn mà không thấy, thì xem như *«lỡ duyên»* học tập với thầy. Thí dụ điển hình là diễn biến hàng năm trong các đại học: năm đầu đại học trong giảng đường có vài trăm sinh viên, tới cử nhân chỉ còn lại một trăm, tới cao học chỉ còn lại hai ba chục, tới tiến sĩ chỉ còn lại vỏn vẹn trên dưới mười sinh viên. Nếu người thầy đúng nghĩa là: *thầy*, thì thầy sẽ thấy trong vài sinh viên sẽ có kẻ mà chính mình là thầy sẽ đào tạo và *«biến hóa»* các sinh viên này thành *thầy* như mình, đây là lúc mà thầy trò phải nhận diện ra nhau! Thầy thấy trò không những có trí lực, lại có tâm lực, thấu đoản kỳ của kiến thức để chế tác ra trường kỳ của tri thức cho chính mình, và chính thầy sẽ giáo dưỡng để các trò này thành trí thức theo giáo lý *hay, đẹp, tốt, lành* nhất!

Khi triết gia Hegel xây dựng công trình lý luận của mình là *Hiện tượng học lý trí (la phénoménologie de l'esprit),* triết gia này đi dần tới *Hiện tượng học luật học (la phénoménologie du droit),* ông luôn lấy thí dụ của chế độ nô lệ, một bên là chủ mà ngôn ngữ học Âu châu gọi là *thầy (maitre),* bên kia là *nô lệ (esclave).* Từ đây, triết gia này phân tích và giải thích mối quan hệ bóc lột của hai loại người không bao giờ cảm thông nhau ngay trong nhân kiếp của họ. Người chủ nô lệ, ngày xưa gọi là *thầy (maitre)* mà loại thầy này không dính líu gì tới giáo dục! Vì trong không gian giáo dục thì sự gặp gỡ giữa thầy và trò là sự hội tụ của hai nhân kiếp, nếu tâm giao rồi đắc khí, thì hai nhân kiếp này có thể chỉ là một trong chia sẻ kiến thức, trong trao đổi tri thức. Hai kẻ: một bên là thầy, bên kia là trò, nhưng sẽ *đồng hội đồng thuyền*, lắm lúc *đồng cam cộng khổ* trên đường đời, trong và ngoài học đường, làm nên *một nhân sinh quan chung chia* được, dựng lên *thế giới quan chia sẻ* được, xây lên vũ trụ quan luân lưu được; có lẽ đây là quan hệ loại đẹp nhất, cao nhất giữa người và người[21].

[21] Lê Hữu Khóa, *Tri Luận*, Anthropol-Asie, Facebook Vùng Khả Luận (trang thầy Khóa).

Nhưng thầy chỉ được danh hiệu: *thầy* khi do chính trò gọi là *thầy*, nếu thầy mà tự vỗ ngực là thầy, trong khi chính trò không công nhận mình là thầy, thì chữ thầy do chính thầy tự gọi không có nội dung, vì không có ý nghĩa, nhất là không mang một giá trị cao quý gì cả. Câu chuyện *thầy-trò* luôn có nội dung của quan hệ giáo dục, luôn có ý nghĩa của sinh hoạt giáo dục, luôn có giá trị của đời sống giáo dục. Chính phương trình *quan hệ-sinh hoạt-đời sống* được giáo lý Việt hiểu rất nghiêm minh: *Nuôi con không dạy là cha có lỗi, dạy không nghiêm ấy tội của thầy,* câu chuyện này có *cha có lỗi* và *tội của thầy,* mà *tội* thì nặng hơn *lỗi*, và *lỗi* thì ta có thể tha, được chớ *tội* thì thật khó tha.

Đây cũng là câu chuyện vừa hài kịch, vừa bi kịch của nền giáo dục Việt Nam hiện nay trong chế độ độc đảng gây ra bao độc hại trong giáo lý. Trước hết là hài kịch của trò man trá *học giả-thi giả-điểm giả-bằng giả*, để giả *học vị* rồi gian trong *học hàm*, ung thư hóa không gian giáo dục, hoạn bịnh hóa môi trường học đường, giờ lại được học trò gọi là *«thầy»!* Nhưng vì học (giả) nên chưa bao giờ thực sự gặp *thầy thật*, được nghe *thầy thật* giảng, được chia sẻ từ kiến thức tới đạo lý, từ tri thức tới luân lý, từ nhận thức tới đạo đức với *thầy thật*, nên trọn kiếp chỉ là *thầy giả* (mạt giáo trong điếm nghiệp). *Thầy giả* thì cho tới hết nhân kiếp cũng không sao hiểu được phương trình *nội dung-ý nghĩa-giá trị* của chữ thầy, luôn song hành để song kiếp với *quan hệ-sinh hoạt-đời sống* của giáo dục thật. Bi kịch của giáo dục hiện nay của Việt Nam ngày càng tràn lan: với bạo lực học đường, với thầy cô bạo hành học trò, với học sinh bạo động với thầy cô, tất cả đều bị điếm nhục hóa khi học đường bị quan hệ man trá hóa đột nhập, với học sinh phải bán thân trong không gian giáo lý, với những tên *thầy giả* hãm hiếp học sinh… Với tên Bộ trưởng Bộ giáo dục câm kiến thức, ngọng tri thức, chột ý thức, què nhận thức khi ra thông lệnh *«Nếu bán dâm quá bốn lần, thì sẽ bị đuổi học!»* (tà nghiệp trong điếm lộ).

Thầy tách *khôn* khỏi *dại*

Thầy dặn trò trong chuyện học, thầy khuyên trò về chuyện đời: *dại làm cột con, khôn làm cột cái*, mà đi học để làm người khôn và sau này ra đời cũng để tiếp tục làm người khôn, để bảo vệ chính nhân cách của mình và luôn biết yêu cầu xã hội chung quanh tôn trọng nhân cách này: *chim khôn ai nỡ bán, người khôn ai nỡ nặng lời.* Trong thế giới

của *thiện ác* lẫn lộn, nơi mà hai loại người rất khác nhau sống chung với nhau bằng nghịch ngữ, người thì *khẩu xà tâm Phật*, kẻ thì *khẩu Phật tâm xà*, vì trong không gian miễn phí này của lời nói: *lời nói chẳng mất tiền mua*! Thầy có khi phải thay thế cha mẹ mà khuyên trò: *giữ miệng như giữ nút bình*, cũng chỉ vì: *lưỡi không xương nhiều đường lắc léo*. Giữa thế giới đối xử qua lời nói, thầy chỉ ra cho trò cái khôn cư trú chỗ nào: *khôn khéo lấy miệng mà sai, vụng dại lấy vai mà đỡ*. Nhưng người khôn mà thầy muốn đào tạo là người khôn có đạo lý, lấy đạo đức của mình làm con ngươi trong mọi ứng xử, vì người khôn này là kẻ biết nghe-hiểu-thấu: *điều hay lẽ phải*. Mà *điều hay* đang ở trong khu vực của lý trí, là chỗ dựa của trí tuệ, đã mang nội lực của tuệ giác; còn *lẽ phải* hiển hiện trong đạo lý dẫn dường cho luân lý, nơi mà con người sống chung với nhau không phải để sát phạt, để truy diệt nhau, mà sống chung vì có bổn phận và trách nhiệm với nhau[22].

Sự qua lại giữa *điều hay* và *lẽ phải*, là sự dẫn dắt nhau qua lý trí và đạo đức, và khi cả hai dung hòa rồi thống nhất với nhau thành một khối, thì chân dung của người khôn xuất hiện, mà người khôn của những người khôn khác chính là thầy, thầy dùng cái khôn để nâng đỡ kẻ này, rồi cứu rỗi kẻ kia, bảo vệ kẻ nọ. Trong lịch sử của Việt tộc có loại người thầy đó, chính là Nguyễn Bỉnh Khiêm (1409-1585), không những cứu Nguyễn Hoàng khi khuyên chúa này nên vào Nam không những để thoát chết trước tay chúa Trịnhmà còn để dựng nghiệp; thầy cũng giúp nhà Mạc khuyên họ lên vùng cao để giữ thân, mà bảo nghiệp. Muốn làm thầy trước hết phải biết: *nhìn xa trông rộng*.

Nhân dạng *nhìn xa trông rộng* là nét chính làm nên chân dung người thầy, tạo nội lực cho bài giảng, tạo sung lục cho phân tích, tạo hùng lực cho giảng thích của thầy trước trò. Năm 1993, Passeron (giòng thác mạnh của khoa học luận trong khoa học xã hội hiện đại, cùng lúc là nguồn nước bền của phương pháp luận điền dả thực địa của xã hội học), có lần kể cho tôi nghe câu chuyện khi ông và Bourdieu (chủ trì phái tái sản xuất xã hội, minh chủ của luận thuyết khống chế trong bất công xã hội), khi cả hai cho xuất bản tác phẩm *Tái sản xuất (Reproduction)* mà tái sản xuất đây là tái sản xuất bất bình đẳng làm nên tái sản xuất bất công trong xã hội. Thì người thầy của Passeron và

[22] Lê Hữu Khóa, *Tự Luận*, Anthropol-Asie, Facebook Vùng Khả Luận (trang thầy Khóa).

Bourdieu đã đưa cả hai vào đại học Sorbonne vào làm trợ giảng cho mình, đó chính là Aron, minh sư của xã hội học cận đại, cầu vồng dày bản lĩnh biết nối triết học và xã hội học qua các phân tích vĩ mô, lại là đối thủ tri thức của Sartre trong hậu bán thế kỷ hai mươi vừa qua.

Có lần thầy Aron tuổi trọng gọi hai thầy tuổi trẻ là Passeron và Bourdieu vào trao đổi về sự thành công ngoài tưởng tượng của tác phẩm của ha thầy trẻ này trong giới học thuật, và Aron đã phát biểu một câu *« ngược đời »* trước sự thành công của tác phẩm này là: "*Các bạn đã mang thêm nước để đổ vào cối xay của Sartre" ("Vous apportez de l'eau au moulin de Sartre").* Thầy Passeron tâm sự thêm là ngay khi nghe xong câu này, Passeron và Bourdieu đều nghĩ là Aron vừa giận, vừa trách hai môn đệ của mình đã *thêm nước để đổ vào cối xay của* đối thủ của thầy mình. Nhưng Passeron kể thêm là với tháng rộng năm dài, và khi *nghiền đi ngẫm lại*, thì đây là một nhận định rất sáng suốt của một minh sư, trong bối cảnh của giới trí thức sau đệ nhị thế chiến, khâm phục và tôn vinh chủ thuyết hiện sinh của Sartre, để rồi cùng rơi vào con đường chống bất bình đẳng để loại bỏ bất công với Sartre[23].

Nhưng chính những kẻ theo Sartre đã bật đèn xanh cho chủ thuyết cộng sản của Marx, rồi cổ súy cho các đảng cộng sản tại Âu châu, có nhiều trí thức cổ vũ cho hành động này, bằng cách lấy thẻ đảng viên của các đảng cộng sản Âu châu. Họ chưa biết sự khác biệt *một trời một vực* giữa chủ thuyết cộng sản của Marx và các đảng cộng sản mà Lénin, Staline, Mao… chính là những lảnh tụ dùng bạo quyền để bạo hành dân tộc họ, dùng bạo lực để hành hung dân tộc họ. Lénin, Staline, Mao… của các đảng cộng sản từ khi ra đời là *nguồn chết* chớ không phải *nguồn sống*. Và những nạn nhân sống sót qua những cuộc thanh trừng, thảm sát của bọn này, thì nhận ra là thực trạng của chủ thuyết cộng sản chính là bất bình đẳng của mọi bất bình đẳng, bất công của mọi bất công. Và câu cuối của Passeron vói tôi hôm đó là: *«Aron đúng là thầy, vì ông biết nhìn xa, vì biết nhìn tự trên cao nhìn xuống, nhưng luôn luôn tôn trọng tự do của các môn sinh của mình, dù tự do đó đã đưa các môn sinh của mình tới sai đường lạc lối ».*

[23] Lê Hữu Khóa, *Anthropologie du Vietnam, Tome III,* Anthropol-Asie, Ed. Les Indes Savantes.

Đánh thức hệ *thức*
(kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)

Từ xa xưa lắm, trước công nguyên, tổ sư của triết học là Platon đã kể về người thầy của mình là Socrate: "*Giáo khoa của thầy luôn khích thích sự học hỏi, cụ thể là kích hoạt để trò đặt những câu hỏi; thầy học nhiều vì thầy đã đi xa, không những bằng tri thức mà còn bằng kinh nghiệm của cá nhân thầy, kinh nghiệm sống làm nên tri thức sống muôn vẻ. Mỗi lần trò tiến thêm trên con đường kiến thức, trò lại gặp thầy trên con đường nhân trí; chưa hết con đường kiến thức của thầy làm trò nhận ra là cả một sự khám phá những tri thức, luôn làm trò ngạc nhiên trong vui học…".* Đánh thức tri thức chính con đường học của Platon mà thầy Socrate đã vạch ra đã ít nhiều được tổ tiên Việt mô thức hóa rồi: *học không mệt, dạy không nghỉ.* Cha ông mình còn thêm vào: *học không bao giờ muộn,* mà từ gia đình tới hệ thống giáo dục phải làm rõ lên một giáo lý đã làm nên giáo dục Việt: *cha muốn con hay, thầy mong trò khá.* Đây là một ẩn số của nhân cách, sẽ làm nên phong cách của thầy, tạo ra tư cách của trò, đó là câu chuyên *biết ơn-mang ơn-đền ơn* của trò đối với thầy (mà thầy thì không bao giờ muốn trò *trả ơn*). Trò chỉ cần tiếp tục để tiếp nối trọng trách giáo dục bằng giáo lý của thầy là trao truyền ba hệ: hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức);* hệ *thông (thông minh, thông thạo, thông thái)*; hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)*, tới các trò của các thế hệ mới.

Cái *thực* giáo dưỡng cái *đạo* để làm người, để trò được thành *tài* rồi thành *nhân* là nhờ thầy, đây là phương trình đường dài của: *có tích mới dịch nên tuồng,* mà tích và tuồng luôn có chỗ dựa là *sự thật-chân lý-lẽ phải.* Tích lẫn tuồng luôn được đúc kết qua *kết cấu, kết cuộc, kết luận*… đó là con đường của *kết quả* của chuyện học, vì học là học phải *tới nơi tới chốn,* chớ không phải học trong *biệt vô tăm tích.* Học là để lại cái *tăm* của mình, lộ ra *nhân diện,* rồi *nhân dạng,* và *nhân cách* đây là *hiệu quả* của quan hệ *thầy-trò,* vì thầy luôn dặn trò nên cẩn trọng trước cái *mất tăm mất tích,* theo kiểu *sông dài cá lội biệt tăm,* thuộc loại *đường dài ngựa chạy biệt tăm.*

Sự thông minh của trò giúp trò nhận ra biên giới giữa nội dung giáo khoa và quyền năng của thầy, nhưng chính trò cũng biết phối hợp cả hai, liên minh với cả hai hiểu là trong một bài học có bài học của giáo

án nằm trong giáo trình, và sâu xa trong bài học này có bài học của thầy, lúc kín đáo trao truyền, lúc tế nhị khuyên răn tới trò luôn *«sáng dạ»* để hiểu thầy, luôn *«sáng lòng»* để tâm giao đắc khí với thầy. Hiển hiện trong não bộ của trò, câu nói thẳng thắn của tổ tiên khi muốn tách người khôn ra khỏi kẻ dại: *làm đầy tớ người khôn hơn làm thầy người dại,* đây là lời minh chú của thầy, sẻ theo trò suốt kiếp học hành, luôn đi tìm sự thông minh qua sự thông thái của thầy, nhận ra sự thông minh của thầy qua sự thông thạo của tri thức. Thầy đánh thức hệ *thức (kiến thức, tri thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức),* rồi thầy vực dậy luôn cả hệ *thông (thông minh, thông thái, thông thạo),* mà thầy đâu cần nói nhiều: *Khôn ngoan chẳng lo nói nhiều/ Người khôn mới nói nửa điều cũng khôn.*

Đi tìm tri thức đúng lý giải và trúng trong kết quả là đi tìm thầy cao trong học thức, rộng trong *học lực*, sâu trong *học hành,* vì thầy đã đi thật xa trong *học luyện*.
Nhưng mỗi người thầy có sự cẩn trọng riêng của mình khi hoàn thành một giáo án, có sự nghiêm cẩn khi cấu trúc một giáo trình, vì thầy hiểu hơn ai hết là*: sai một ly đi một dặm.* Khi chấp bút cũng vậy, *bút sa gà chết*, và thầy biết hơn ai hết là có khi người cũng chết theo, và sự mạch lạc của thầy là *đường đi nẻo về* của giáo khoa nghiêm túc, nó ngược lại với các ý đồ xấu sinh ra từ thâm ý tồi: *Người khôn đón trước rào sau/ Để cho người dại biết đâu mà mò.* Thầy không muốn làm loại người khôn có thâm ý, thầy gần với loại người khôn cẩn thận: *Chim khôn chưa bắt đã bay/ Người khôn chưa nói dang tay đỡ lời.* Rồi thầy sẽ dạy cái khôn này cho trò, nếu trò hiểu tại sao thầy nghiêm cẩn trong tri thức, càng đi theo thầy qua tháng rộng, năm dài, thầy sẽ khuyên và luôn dặn là: *Người khôn chưa đắn đã đo/ Chưa đi biển cả đã dò nông sâu*.

Đây là câu chuyện rộng hơn không gian học đường, người ta còn nhớ sự cẩn trọng của thi hào Goethe, dãy ngân hà tinh sáng của thi ca tâm thức, nguồn suối vừa sâu, vừa mạnh của thi từ biết đánh thức trí năng, và ông nhìn hệ thống đại học thủa nào bằng sự nghi ngại qua câu hỏi: *«Ai dạy được và ai không dạy được?»*. Người dạy được là kẻ đưa được hệ *thức (kiến thức, tri thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* một cách trọn vẹn trong giáo khoa, một cách đầy đủ trong giáo trình, một cách toàn lý trong giáo án, nhưng vẫn chưa là thầy theo đúng

trong sự chờ đợi của Goethe. Đúng là bậc thầy, thì trò sẽ thấy các giá trị tâm linh của *nhân sinh* đã có mặt trong bài học dày giá trị *nhân lý, nhân tính* làm nên chiều cao của *nhân phẩm,* chiều sâu của *nhân tâm*. Nên thầy luôn dặn dò phải luôn tránh: *Khôn ba năm, dại một giờ*! Khôn dại có lãnh thổ tách biệt nhau, nhờ sự sáng suốt của cái khôn luôn tỉnh táo trước ranh giới khôn dại: *Trăm cái khôn dồn một cái dại*. Mà trong đời sống hằng ngày thì: *Thằng dại hại thằng khôn,* nhưng thầy sẻ dạy trò là kẻ khôn thì không được khinh người, qua kiểu nói: *Rồng vàng tắm nước ao tù/ Người khôn ở với người ngu bực mình.*

Truyền phương trình *nghề-nghệ-nghiệp*

Quan hệ của *thầy thật* và *trò thật* là quan hệ của hệ *thức:* nhận *kiến thức* để xây *tri thức*, cõng tri thức rồi bồng *trí thức*, dìu *ý thức* để nâng *nhận thức*; chưa đủ quan hệ này có gốc, rễ, cội nguồn của đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* của tổ tiên, nơi mà nhân nghĩa làm nên giáo lý có bổn phận với đồng bào, đồng loại, có trách nhiệm với đất nước mình và thế giới của nhân loại. Một *quan hệ thật* giữa *thầy thật* và *trò thật* mang cường độ của đạo đức biết chia sẻ nỗi khổ niềm đau với tha nhân, mang trình độ của nhân đức yêu môi sinh, quý môi trường: một quan hệ trùm phủ lên cả kiếp người. Một *quan hệ thật* trong *trao truyền thật,* biết đi thật xa để hệ *thức (kiến thức, tri thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* được *chung lưng đấu cật* với hệ *luận (lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận*), lại biết dựa vào hệ *lý*, có *giáo lý* biết nâng *nhân lý*. Thầy (thật) luôn để dấu ấn lâu dài, bền bỉ cho kiếp người của trò, vì chỉ có thầy mới làm rõ ba ẩn số trong nhân kiếp, rồi xếp cả ba theo thứ tự chỉnh lý nhất, để sự toàn lý của cả ba ẩn số thành một phương trình mà thầy đã có câu trả lời, thầy đã mở cả ba cửa cùng lúc; đó là *nghề, nghệ, nghiệp*. Mà giờ đây trò đã hiểu để viết là *nghề-nghệ-nghiệp,* liên kết của ba ẩn số mà thầy đã lập được thành liên minh cho cả ba để trao tặng trò phương trình thành tài để thành người: *thành công học đường-thành tài nghề nghiệp-thành đạt kinh tế-thành tựu xã hội.*

Khi học *nghề* với thầy, với thời gian thầy sẽ mở lối vào *nghệ* mang thuật lý của sáng tạo, nếu trò có kỹ năng trong *sáng kiến,* thầy sẽ đưa trò tới nơi tới chốn của *sáng chế,* khi thành công thì chính trò đã nhận ra là thầy vừa trao tặng cho mình một *nghiệp*. *Nghề nghiệp* sẽ theo trò cả đời, với thao tác của *nghệ,* nơi mà nghệ thuật không chỉ khung vào

văn chương, âm nhạc, hội họa... Ở đây, *nghệ* của tâm lực song đôi với *nghề* dầy trí lực, từ kỹ thuật tới phương pháp, mang từ *thành công* của học lực tới *thành tài* của học vị, từ *thành đạt* của học hàm tới *thành tựu* cho một đời người.Từ đó hệ *thức (kiến thức, tri thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* sẽ trở lại như một dấu ấn vĩnh viễn: *sinh nghề tử nghiệp*, trong tỉnh táo để sáng suốt, không hề hốt hoảng trong lo sợ vì chữ: *tử*, mà *tử vì nghiệp* ở đây mang hình tượng thật đẹp của *nhân tri* giờ đã thành *nhân trí*. Mà Nguyễn Du[24] đã mô thức hóa được lời của người-dặn-người, như thầy đã từng dặn trò:"*Đã mang lấy nghiệp vào thân/Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa".*

Tạo *nghề*, lấy *nghệ* nâng *nghiệp* là câu chuyện của cả đời người, có khi đời người đã dứt rồi mà chuyện *nghề-nghệ-nghiệp* vẫn chưa xong đối với thầy, vì làm thầy là làm thầy với ít nhất hai nỗi lo: *lo là mình có truyền nghề trao nghệ tới trò đã đầy đủ chưa? Khi nhận một trọng trách giảng-dạy-trao-truyền tới trò thì bản thân mình là thầy có được học trọn vẹn chưa?* Tại đây, thầy đã khác các kỹ thuật viên, giáo viên, giảng viên, giáo sư vì thầy không học thuộc lòng, mà thầy *tôi luyện* từ kiến thức tới tri thức của thầy, để thầy *rèn luyện* tới nơi tới chốn, từ ý thức tới nhận thức của trò về phương trình *nghề-nghê-nghiệp*. Cụ thể là thầy khuyên trò không nên *học như gà đá vách*, không nên học như bị nhồi sọ trong ngu dân, không nên học như tự tra tấn vào trí não của chính mình; nhưng ngược lại thầy biết đưa chữ *nhẫn* vào chữ học: *muốn rành nghề chớ nề học hỏi.*

Học là kiên nhẫn với thời gian như nhẫn nại với giáo trình, ẩn nhẫn hàng ngày để song hành cùng giáo lý, đó là con đường dài của *nghề-nghệ-nghiệp* mà chính trò đã chứng kiến trực tiếp sự *kiên nhẫn* của thầy và của trò, đi tìm tri thức, đi tìm đạo đức, cả hai thầy và trò đã được hun đúc qua: *kiên cường*. Chính kết quả tích cực của *nhẫn* làm lộ ra biện chứng mà tổ tiên Việt đã dặn con cháu: *ấu bất học, lão hàn vi*, rõ ràng là lúc còn trẻ ham chơi mà biếng học, khi về già dở khóc dở cười. Hãy cẩn thận với chữ *nhẫn* của thầy, trong đó có sự thông minh của kiên nhẫn, có sự sáng suốt của lòng kiên cường, thầy không cực đoan: *thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn;* thầy không có quá khích: *người roi voi búa*. Vì bạo động trong quan hệ *thầy-trò*, sinh ra bạo

[24] Lê Hữu Khóa, *Nghệ Luận*, Anthropol-Asie, Facebook Vùng Khả Luận (trang thầy Khóa).

hành của thầy đối với trò, sinh ra bạo động của trò đối với thầy, đây chính đại nạn của môi trường học đường của Việt Nam hiện nay. Nó tới từ *độc đảng* mà muốn *độc tôn* để *độc quyền* thì chỉ có thể dùng *bạo quyền*, hệ *bạo (bạo lực, bạo động, bạo hành*) xuất hiện khi đảng độc tài biết mình bất tài trong quản lý xã hội, muốn độc trị mà không biết quản trị[25].

Hệ *bạo* là hiện thân của cái ác trong xã hội, nó hiện nguyên hình của nó qua cái *xuẩn* trong hệ thống giáo dục hiện nay, chính cái *xuẩn* tạo ra cái *ngu* để dung dưỡng cái *dốt*, đẻ ra cái *dại*. Mà trọng trách giáo dục là xóa đi *xuẩn, ngu, dốt, dại*, bằng hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* để thăng hoa hệ *thông (thông minh, thông thạo, thông thái)*, rồi thực hiện cho bằng được hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)*. Phải phân tích cho rành mạch hậu quả của hệ thống giáo dục việt nam hiện nay để giải thích cho rõ ràng về thảm nạn của nó: giáo dục đã bị rơi xuống vực sâu, nó đang bị bùn nhơ của *xuẩn, ngu, dốt, dại* làm nó ngột thở để rồi nó phải bị chết ngộp bùn bẩn![26] Câu chuyện *nghề-nghệ-nghiệp* có gốc, rễ, cội, nguồn của câu chuyện *sự thật-chân lý-lẽ phải*, tại đây thầy giáo dưỡng trò bằng sự thật của nghề (*có (sự) thực mới vực được đạo*), chân lý của *nghệ* (*chân, thiện, mỹ*), lẽ phải của *nghiệp (sinh nghệ tử nghiệp)*. Tất cả phải là sự thật, phải được giảng dạy trong chân thật; không gian giáo dục làm nên môi trường của kiến thức, được thực chứng qua chứng minh từ toán học tới đạo đức học, chuyện *học giả-điểm giả-thi giả-bằng giả* trong giáo dục độc đảng của Việt Nam hiện nay không những là phản giáo dục, gian giáo khoa, trộm giáo trình, lận giáo án, mà còn là chuyện: ám sát giáo dục! Thủ tiêu giáo lý!

Bác Hoàng Xuân Hãn, người thầy ngay trên thượng nguồn Việt Nam học, người thầy tin yêu của của các mạch nước sâu Hán Nôm, trong những giờ cuối của cuộc đời mình, khi nghe bác gái hỏi bên giường bịnh*: « Ông muốn trối trăn gì không? Ông muốn dặn dò gì không cho thế hệ sau? »*, giây phút đó bác Hãn thật bình tĩnh trong sáng suốt trả lời: *«Đâu có gì đâu mà trăn trối, có gì đâu mà dặn dò, mỗi người trong cuộc sống có công việc của mình, thì cứ làm cho đúng, cho tốt thôi, chớ đâu cần ai phải dặn ai! »*. Đây là một người thầy đã *đắc đạo*,

[25] Lê Hữu Khóa, *Dân Luận*, Anthropol-Asie, Facebook Vùng Khả Luận (trang thầy Khóa).
[26] Lê Hữu Khóa, *Chính Luận*, Anthropol-Asie, Facebook VÙng Khả Luận (Trang thầy Khóa).

biết *đắc tâm* với chính mình, vì *đắc trí* với kết quả của phương trình *nghề-nghệ-nghiệp*[27].

Trao sung lực cho hệ *chính* *(chính tri, chính trí, chính tâm, chính khí, chính đạo)*

Có thầy giỏi, cao giáo lý, mạnh học lực, rộng tri thức, sâu nhận thức thì trò đừng sợ bị: *tẩu hỏa nhập ma!* Vì trong giáo lý của thầy có sự *liêm chính;* trong giáo dục của thầy có cái *chính thống,* làm nên giáo khoa *chính lý,* dựng lên giáo trình *chính quy,* tạo ra giáo án *chính xác.* Nhưng đây là chuyện mà một giáo viên, giảng viên, giáo sư có thể làm được, còn hệ *chính* của thầy thì cao, sâu, xa, rộng hơn, nó nằm sâu trong thử thách của *thức khuya mới biết đêm dài*.

Trên đường dài của học tập, trò đã nhận ra thầy là người hiếm hoi, có khi là người độc nhất đưa trò vào con đường của *chính trí,* đây là chuyện khó trong quan hệ *thầy-trò*; từ khi trò nhận được trọn vẹn hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức).* Và, cũng chính thầy là người sẽ trao hệ *luận* cho trò: lấy *lý luận* để *lập luận,* lấy *giải luận* để *diễn luận;* rồi khi hệ *luận* xuất hiện, nó sẽ tạo sung lực cho hệ *thông (thông minh, thông thạo, thông thái)* có chỗ đứng ghế ngồi trong hệ *giáo (giáo dục, giáo khoa, giáo trình, giáo án)* của thầy; từ đó tạo hùng lực cho hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo)* để thăng hoa cuộc đời của trò. Nên làm thầy đúng nghĩa không hề là chuyện dễ, chuyện này khó tột bậc, khó tới độ một người thầy không những được tất cả trò tôn vinh là thầy, được nhân loại vinh danh là thầy theo nghĩa đúng nhất, có thể chính người thầy trong nội tâm vẫn chưa tin là mình xứng đáng với danh nghĩa: *thầy*.

Câu chuyện *thầy-trò* trong không gian giáo dục, qua môi trường học đường, cùng một bài giảng, cùng một bài học, nhưng *phong cách* của thầy khác các giáo viên, giảng viên, giáo sư, mà trò đã gặp. *Phong cách* giáo khoa của thầy không chỉ là bề ngoài hình thức mà chính là *tư cách* của thầy, mà trò phải nhận ra là sự hội tụ giữa *phong cách* và *tư cách* chính là chiều cao *nhân cách* của thầy. Chúng ta là trò, chúng ta cảm phục bốn *hệ* trong nội công giảng dạy của thầy:

- Hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức).*

[27] Lê Hữu Khóa, *Anthropologie du Vietnam, Tome IV,* Anthropol-Asie, Ed. Les Indes Savantes.

- Hệ *giáo (giáo dục, giáo khoa, giáo trình, giáo án)*
- Hệ *luận* (*lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận).*
- Hệ *thông (thông minh, thông thạo, thông thái).*
- Hệ *sáng (sáng kiến, sáng chế, sáng tạo).*[28]

Chúng ta từ khâm phục tới kính trọng *phong cách, tư cách, nhân cách* của thầy. Chính đây là hạnh ngộ trong quan hệ *thầy-trò*, luôn bắt đầu bằng *niềm vui học*, khi được song hành cùng thầy thì sẽ biến thành *niềm tin học.* Tin vào chuyện học như tin rằng chuyện *thay đời đổi kiếp* theo hướng thăng hoa cho chính mình là chuyện thật! Mà thầy đang đứng, đang giảng trước mắt ta, và người thầy này vừa là một *tấm gương học*, vừa là một *tấm gương đời*, trong ý nghĩa hay, đẹp, tốt, lành nhất. Nên khi có thầy bên cạnh rồi thì đừng sợ: *lầm đường lạc lối*, mà hãy vui sướng lên, vì chuyện *xuất quỷ nhập thần* sẽ tới để *thăng hoa* trò. Vì thầy biết nhóm lửa ngay trong sự thông minh của trò, thầy biết biến giòng suối nhỏ *ham học* thành con thác mạnh *chăm học*, rồi thầy cùng song hành với trò để đưa suối, thác này ra đại dương *hiếu học* của *bể học*, nơi mà trò sẽ vừa thành tài, vừa thành người.

Trong những chặng đường của chuyện *học*, chúng ta hãy nhớ lại các bài giảng của thầy, không phải là những bài giảng của một kỹ thuật viên bị trùm phủ bởi *cơm áo gạo tiền*, một giáo viên bị vây bủa bởi *chén cơm manh áo*, một giảng viên bị trói buộc bởi *giá áo túi cơm*, lại không phải của một giáo sư mà người thầy thi ca tác giả chuyện Kiều, là Nguyễn Du đặt tên là *«những phường gá áo túi cơm xá gì!».* Trong các bài giảng của thầy (nếu thầy thực sự là thầy) thì ta cảm nhận từ phân tích tới giải thích, từ diễn đạt tới phê bình, xuất hiện sự cảm xúc của thầy, chính sự cảm xúc này biết đánh thức sự nhạy cảm trong thâm tâm của chính ta. Chúng ta mừng vui vì sự *nhạy cảm* này còn sống và sẽ mãi mãi sống còn trong ta, nó sống để chống lại *vô cảm*, sinh ra *vô giác*, con đẻ của *vô tri* có gốc, rễ, cội nguồn trong *vô minh*, làm ra hậu nạn của *vô tâm*, mà đáng sợ nhất là nó sẽ cho ra đời loài: *vô nhân* (bất nhân giữa nhân thế). Chúng ta đi học, muốn học, xin

[28] Lê Hữu Khóa, *Liens méthodologiques, parenté épistémologique entre les sciences sociales, Collection Sens &Preuves. Presse Universitaire du Septentrion.*

được gặp các người thầy biết *bền gan vững trí* chống lại hệ vô (*vô cảm, vô giác, vô tri, vô minh, vô tâm, vô nhân)* này.

Bi đát làm nên bi nạn của giáo dục hiện nay dưới chế độ *độc đảng* dùng *độc quyền* tuyên truyền ngu dân, để bỏ tù tri giác của công dân lẫn tuệ giác của học trò, nó dùng luôn *độc đoán* của *độc tài* mà áp đặt: *chuyện này nhạy cảm đừng đụng vào, chuyện kia nhạy cảm đừng rờ vào…* Kế đó, nó dùng *độc trị* rất *độc hại* là giết ngay trong trứng nước *sự xúc động, lòng nhạy cảm* của các học sinh, mà trong tương lai là những công dân. Chính sự xúc động, lòng nhạy cảm là thượng nguồn của mọi định nghĩa về: *tự do!* Khi thầy đánh thức sự xúc động về các *nỗi khổ niềm đau* của nhân sinh, khi thầy giúp trò *tỉnh thức* để có *ý thức* rồi *nhận thức* ra lòng nhạy cảm về các hoạn nạn của đồng bào, của đất nước thì đây là tâm huyết của thầy sẽ làm nên: tâm lực của trò. Chuyện trao truyền trí lực qua hệ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, ý thức, nhận thức)* không phải là chuyện khó trong giáo dục, chuyện khó là tạo ra *tâm lực* để *trí lực* được song hành với *sự xúc động, lòng nhạy cảm*. Vì tâm lực bảo vệ sự xúc cảm để trí lực dùng lý trí của trí tuệ mà tìm ra câu trả lời vừa đúng sự thật làm lên chân lý, vừa đúng giáo lý làm nên lẽ phải!

Khi *độc đảng* dùng hệ *độc (độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn)* để gây ra ung thư độc hại vừa trong não trạng, vừa trong nhân tâm của học sinh, sinh viên để ngầm ngầm tạo ra hệ vô (*vô cảm, vô giác, vô tri, vô minh, vô tâm, vô nhân)* này, thì tâm lực và trí lực của học sinh, sinh viên đang bị xiết cho tới gục, cho tới ngộp, cho tới chết! Nên tất cả những giáo viên, giảng viên, giáo sư vô tình hay cố ý tuyên truyền cho hệ *vô* này, họ không phải là thầy! Vì họ không xứng đáng được làm thầy, vì họ không có nhân sinh quan của nhân tính, vì họ không đủ thế giới quan của nhân tâm, vi họ không đầy vũ trụ quan của nhân từ, để được gọi là thầy đâu!

Trong bài giảng của thầy, trong lời giảng của thầy có:

- *chính tri,* tri thức đúng làm nên hiểu biết trúng,
- *chính trí,* lý trí đúng làm nên trí tuệ trúng,
- *chính tâm,* nhân từ đúng làm nên nhân tâm trúng,
- *chính khí,* khí tiết đúng làm nên tâm huyết trúng,
- *chính đạo,* nhân đạo đúng làm nên nhân vị trúng[29].

[29] Lê Hữu Khóa, *Anthropologie du Vietnam, Tome I,* Anthropol-Asie, Ed. Les Indes Savantes.

Thầy-trò: liên kết *đúng-trúng*!

Năm 1870, văn sĩ Maupassant, đại dương mênh mang của tiểu thuyết vì đã biết làm muôn vàn con suối nhỏ trong văn chương hiện thực của văn học Pháp, có kể về tầm vóc của lý tưởng mà thầy của mình có được trong từng chi tiết qua sự mô tả có trong văn phong, người thầy đó chính là văn sĩ Flaubert: *«Thầy nhìn ra được trong chi tiết không đáng kể của cuộc sống, có bao ẩn số làm nên cuộc sống, thầy thấy sâu trong ngọn lửa mới được nhen nhúm, một cây mọc thản nhiên giữa bình nguyên, và thầy ngồi đối diện chúng, thầy quan sát trong tận cùng của lửa, trong thâm dạng của cây, cho tới khi thầy thấy là ngọn lửa này không giống bất cứ ngọn lửa nào đã có trên đời này, rồi thầy thấy là cây này không giống bất cứ cây nào đã gặp trong cuộc sống này. Khi đó thầy mới đi tìm văn phong cho thầy là: bất cứ chuyện gì mà ta gặp trong cuộc đời, nếu muốn nói về nó hãy tìm danh từ đúng nghĩa để tả thật về nó, với sức mạnh của động từ để đánh thức nó, với những tĩnh từ chính xác để đánh giá nó ».*

Như vậy, văn phong không hề là hình thức, mà là nội dung của nội dung, nơi mà hình thức làm nên mãnh lực cho nội dung. Trong quan hệ *thầy-trò*, tầm vóc tri thức của thầy củng cố niềm tin của trò trên con đường học tập; và chính thầy cũng phải nhận ra nội công của trò, để song hành cùng trò, rồi biến nội cộng này thành bản lĩnh. Giữa những bài học, thầy trao cho trò không những kiến thức mà cả niềm tin vào cuộc đổi đời qua tri thức, qua sự hiểu biết về cuộc sống; tại đây nếu trò tinh ý, *«sáng dạ»*, sẽ hiểu thật sâu ý nguyện của thầy. Hiểu thầy không những qua tâm sự của thầy, mà qua ẩn ngữ, mật mã, tín hiệu… như những bí mật giữa thầy và trò, mà thầy muốn trao cho đứa học trò tin yêu của thầy, như gởi niềm tin của thầy vào câu: *Con hơn cha là nhà có phúc*, mà thầy muốn trò đổi lại là: *trò hơn thầy là đời còn tri*. Và, *Tri thức* cùng lứa để song đôi với *tri ân*. Nếu thật sự là thầy với nội công cùng trải nghiệm, với bản lĩnh cùng kinh nghiệm, thì thầy sẽ nhận ra ngay: trò sẽ là một môn sinh xuất sắc! Như khi Maupassant xem Flaubert là thầy, nhưng chính Flaubert khi thấy được tài năng trong nhân dạng của Maupassant đã thốt ra câu: *« Người này sẽ là thầy! »*

Thầy có nhiều trò giỏi, nhưng hình như thầy chỉ có một trò là tâm giao-đắc khí với thầy, chính môn sinh này sẽ là *trò rễ, trò gốc, trò nguồn, trò cội*, tức là *trò chính* mà thầy đã chọn. Có khi thầy chọn chính thức trước mặt mọi người bằng *danh chính ngôn thuận*, có khi thầy chọn trong âm thầm trong lặng lẽ của *ý hợp tâm đầu*, mà chỉ thầy và trò này mới hiểu nhau: *nói ít hiểu nhiều*! Và, trò này sẽ là *đứa con tinh thần trong học thuật*, mà thầy sẽ *đồng hành* như *đồng hội, đồng thuyền* trên con thuyền tri thức. Thầy-trò *đồng hội, đồng thuyền* theo nghĩa sâu đậm nhất, tức là cùng môt giòng sinh mệnh trước các thách thức của kiến thức, trước các thử thách của tri thức, trước các thăng trầm của nhận thức về *nhân tình thế thái*, luôn vô thường trong *nắng sớm mưa chiều*, trong *vật đổi sao dời*. Và, trò đi từ khám phá này tới khám phá khác về chính người thầy của mình, như không ngừng khám phá một kho tàng từ kiến thức tới tri thức, từ ý thức tới nhận thức[30].

Veyne, cây đại thụ của cổ sử Địa Trung Hải, của cổ văn La Mã, của cổ triết Hy Lạp, mỗi khi bị hỏi một cách tò mò và tọc mạch là tại sao lại gặp được thầy giỏi lại được các đại sư xem như là bạn, nhờ đâu mà có bí quyết thành công đó? Thì Veyne hay trả lời kiểu *«chọc quê»: «Tôi có hai người thầy, mà cũng là hai người bạn, người thứ nhất là Aron, gốc Do Thái thoát chết cuộc diệt chủng của Đức quốc xã trong đệ nhị thế chiến; người thứ nhì là Foucauld, một người đồng tính cũng đã là nạn nhân của kỳ thị trong một xã hội không chấp nhận người đồng tính»*. Nhưng đối với các môn sinh trung thành, các đồng nghiệp chung thủy, thì Veyne trả lời hoàn toàn khác, rất thành thật: *«Cả Aron lẫn Foucauld đều là hai đại sư, người thứ nhất thì nhìn xa trông rộng, người thứ nhì thì luôn dùng lương tâm của chính mình mà nổi dậy chống lại bất công trong xã hội»*. Câu trả lời này đầy đủ, trọn vẹn, nói rõ hai nhân tính của một người thầy, như hai tiêu chuẩn để làm thầy: thứ nhất là nhân trí *nhìn xa trông rộng*, thứ nhì là nhân tính biết chống lại bất công.

Tới đây thì nên nhắc tới Phật (Phật tổ Thích Ca) không là thánh, không là thần, không là chúa, mà trước hết là một người thầy, làm thầy ngay trong chính bài giảng của mình, luôn biết khuyên các học trò của mình là không nên tin bất cứ một điều gì trên đời này một cách

[30] Lê Hữu Khóa, *Anthropologie du Vietnam, Tome II,* Anthropol-Asie, Ed. Les Indes Savantes.

vô điều kiện. Mà hãy biến cuộc sống là một trải nghiệm trong đó có mọi thí nghiệm trực tiếp, thấy đúng thì tin, thấy sai thì bỏ, tức là chỉ lấy sự thật để làm nên kiến thức; nơi mà mỗi cá nhân thí nghiệm đúng sai, thật hư, có *nhân* và có *quả*, ngay trong chính cuộc đời của mình. Nơi mà mình vừa là thầy của cuộc đời mình, lại vừa là quan tòa của chính cuộc sống của mình, mà không quên mình cũng là nơi nương tựa bền vững nhất cho mình qua bài giảng trước khi Phật lìa đời: *Hải đảo tự thân*. Nơi mà *tự do* biết hiến *tự tin*, dâng *tự chủ*, nâng *tự trọng*. Một người đích thực là thầy, kẻ đó *trao tự do-hiến tự tin-dâng tự chủ-nâng tự trọng* một cách chân thành và trọn vẹn tới trò của mình. Và, thiền sư Thích Nhất Hạnh, người thầy thiền phái hiện đại, đứa con tin yêu của Phật học Việt Nam, đã hiểu rất rõ và rất kỹ bài học này; có lần thầy tâm sự trong một bài pháp thoại: *«Có khi chỉ một chữ của thầy mà mình tu cả đời cũng không hết, cả kiếp cũng không xong...»*. Quan hệ *thầy-trò* thật lạ! Nó vừa khắng khít, nó vừa bao la…[31]

Mài khí tiết

Kiến thức sắc, học thức nhọn, và học tập là mài dũa tri thức *tới nơi tới chốn*, như mài một khí tiết của kẻ thật sự muốn làm người, muốn dựa lên thầy để được học một cách chuyên cần nhất. Khí tiết lấy nền của hệ *đạo (đạo lý* làm nên *đạo đức*), để nắm hệ *thức* (*kiến thức* dựng nên *tri thức*), khí tiết đúc cả hai thành một: *chính khí*, nơi cư trú của sự *tinh khiết* trong học tập. Câu chuyện *chính khí* trong *tinh khiết* có gốc, rễ, cội, nguồn trong sự *học tập*, mà trò sẵn sàng đi con đường *tu tập* của thầy, và khi được *học hành* với thầy thì ranh giới giữa *học tập* và *tu tập* không còn nữa. *Tu tập* cạnh thầy, bắt đầu bằng *tu tâm dưỡng tính*, trực tiếp hằng ngày được thấy rõ phong cách của thầy qua *an bần lạc đạo*, sống vui giữa đời vì được học tập tri thức, được trao dồi kiến thức, sống với tri, vui với đạo, mà tri là sự hiểu biết, đạo là con đường phải thật sự tu tập mới nhận ra.

Trong *an bần lạc đạo*, thì trò quan sát tới nơi tới chốn không gian *thanh tịnh* của thầy, không gian này mang nội chất của *thanh bạch*, cái trong làm nên cái sáng, để cái sáng làm chỗ dựa bình dị, trong giản dị. Tất cả làm nên không khí học tập trong bình dị và sáng giản dị, hợp với bối cảnh *thanh đạm*, có ít vật chất nhưng đủ sống để học tập,

[31] Lê Hữu Khóa, *Anthropologie du Vietnam, Tome V,* Anthropol-Asie, Ed. Les Indes Savantes.

không cần số nhiều của xa hoa, mà lỡ thiếu vài tiện nghi vật chất, thầy cũng chấp nhận luôn *thanh bần*. Không gian của thầy có thực cảnh của hệ *thanh* (*thanh tịnh-thanh bạch-thanh đạm-thanh bần)* đây chính là nội lực của *an nhiên tự tại*, sau này khi thầy hưu trí thì đây chính là nội công trong *mai danh ẩn tích* của thầy. Nếu thực sự là thầy, thì không bao giờ ồn ào ngoài chợ trời bằng cấp; nao nao trong siêu thị của *học vị, học hàm*, mà chỉ cần lắng lặng mài khí tiết bằng chữ *chuyên* song hành cùng chữ *lặng*, cứ âm thầm mà chuyên cần trong yên lặng để mài dũa *học lực*. Khi trò được *mài khí tiết* cùng thầy là một cơ may bao la, mài cho sắc hệ *đạo (đạo lý* làm nên *đạo đức*), chuốt cho nhọn hệ *thức* (*kiến thức* dựng nên *tri thức*), qua hệ *thanh* (*thanh tịnh-thanh bạch-thanh đạm-thanh bần)* của thầy, tức là đang cùng thầy đi từ *trường học* tới *trường đời*. Nhận được từ thầy *nhân lý, nhân tri, nhân trí*, có nền của *nhân bản, nhân văn, nhân vị*, vì có cội của *nhân nghĩa, nhân tâm, nhân từ* để chế tác *ra nhân đạo* làm đường đi nẻo về cho *nhân phẩm*. Thầy không những dạy ta chữ, mà thấy còn dạy ta sống, từ *biết-sống* tới *sống-biết*.

Trong cấu trúc đạo lý: *cơm cha áo mẹ công thầy*, thì *cơm cha áo mẹ* là tiền đề vật chất để con được đi học; nhưng học thành tài, học thành người thì *công thầy* là chuyện vừa khó vừa dài, vì là chuyện vừa *tinh* vừa *chuyên*. Chính trong cái vốn *tinh chuyên* này, thầy không muốn trò phải làm giống hệt như thầy, mà trò phải đi xa, đi sâu, đi rộng, đi dài hơn thầy, bằng chính hệ *đặc (đặc điểm, đặc sắc, đặc thù)* làm nên *đặc tính* của trò. Thầy sẽ giúp trò thăng hoa ngay trong *cá tính* đặc biệt nhất của trò, nếu thầy có trình độ này thì thầy đúng là đại sư! Trò phải mang ơn thầy về *đường đi nước bước* trong *phương trình thành người (thành công học đường-thành tài nghề nghiệp-thành đạt kinh tế-thành tựu xã hội)*. Nhưng thầy cũng phải biết để công nhận sự thông minh của trò, mà thầy thấy có trong *«thiên năng bẩm sinh»* của trò, và người thầy lớn thì thấy được rất sớm *«thiên năng bẩm sinh»* này. Có nhiều *mức độ* làm nên *trình độ* của các thầy: có thầy khá, có thầy giỏi, có thầy hay, và có thầy lớn, (rất hiếm nhưng có), lớn vì biết đưa trò thăng hoa thật cao!

Barthes, một *«thiên năng bẩm sinh»* trong ngôn ngữ học, đã làm nên *«thiên năng thâm tri»* trong phê bình văn học và nghệ thuật, đã nói về người người học trò dầy kín hệ *đặc (đặc điểm, đặc sắc, đặc thù)* dựng

nên *đặc tính*, làm nên *cá tính* của trò, đó là Derrida, chủ trì phái tháo gỡ cấu trúc tri thức của ngôn ngữ để xây lại kiến trúc của nhân lý vì nhân tri. Barthes đã tiên tri đúng về tầm vóc của Derrida: *«Người này sẽ làm nghiêng ngã mọi cấu trúc, người này sẽ mở ra các tín hiệu mới, và người này chính là kẻ sẽ mở được các mắt xích đang trói buộc chúng ta»*.

Nếu thầy thấy trò của mình có *trí cao-chí dầy*, thì thầy cũng biết dặn trò là: *to đầu khó chui*, không khuất phục vì không xu nịnh những đám lãnh đạo bất tài đã thành âm binh bất tín trong một xã hội tràn tham ô, ngập tham nhũng chỉ để tham tiền như xã hội Việt Nam hiện nay. Bọn này đi học không phải để học thật vì học lực, mà chỉ dùng học vị giả để *mua chức bán quyền*, để thành tham quan vì tham quyền vì tham tiền. Tại đây, thầy sẽ không rời bài học của ý chí làm nền cho lý trí: *mưu cao không bằng chí dầy;* và một người thầy vừa giỏi, vừa hay, vừa lớn là kẻ biết đưa những tia chớp, chớp nhoáng nhưng biết làm sáng lên trí tuệ của học, tuệ giác của hành, vì thầy luôn dặn trò: yêu kiến thức trước hết là yêu *sự thật*, yêu *chân lý*, làm nên *lẽ phải* của *nhân tâm*, tiền đề của mọi *nhân lý*.

Schopenhauer, ngôi sao ngự ở nơi thẳm sâu của triết học, luôn bi quan trước *nhân tình thế thái*, nhưng ông tin là trong bi quan người ta sẽ nhận ra sức mạnh của sự thật khi đi tìm chân lý, ông tâm sự: *«Tình yêu sự thật là một mãnh lực nên nó rất đáng ngại»*. Hãy mổ xẻ bài học này: *«Tình yêu sự thật ...rất đáng ngại»* vì đi học là đi tìm sự thật, mà muốn tìm cho ra sự thật thì cần sự can đảm, như một *quyết tâm* làm nên *quyết đoán*, lấy đời người ra để xây lên *quyết chí* vì *tình yêu sự thật*. Khi *sự thật* được ra đời thì mọi man trá, giả dối, lừa gạt, phỉnh phờ… không thể nào có chỗ đứng, ghế ngồi trong không gian giáo dục, nhất là trong quan hệ *thầy-trò*. Nhưng trong giáo dục hiện nay của Việt Nam đang bị chết điếng, vì đang nằm trong tay của *độc đảng* ôm nghiến *độc tài* nhưng bất tài từ lý trí tới đạo lý, ôm nghiền *độc trị* nhưng không biết gì về quản trị giáo dục từ giáo lý tới nhân lý. Cái *độc hại* của *độc quyền* mang theo man trá, giả dối, lừa gạt, phỉnh phờ, nó hiện thân lên với *học giả-thi giả-điểm giả-bằng giả*, rồi nó hiện hình nhan nhản ngoài xã hội vì sau *mua bằng bán cấp* là tới *mua chức bán quyền*. Cái *độc hại* này là nơi mà *độc tôn* của *độc đảng*, đã lấy cái ngu (dân) thế cái khôn (ngoan), nó đã lấy cái giả để thế cái thật, thì cả

thầy thật lẫn trò thật đều không có chỗ *dung thân*, nói chi đến chuyện *dụng võ*!

Hai ngữ pháp: *dung thân* và *dụng võ*, làm nên mọi mấu chốt của môi trường giáo dục, thực địa của quan hệ *thầy-trò*. Không có môi trường giáo dục chân chính để phục vụ cho phương trình *sự thật-chân lý-lẽ phải*, thì thầy chỉ là nhà tiên tri lang thang trong vô định; còn trò chỉ là đứa *bụi đời* trong sự *mồ côi* tri thức. Nếu không kịp thời cứu nền giáo dục Việt Nam đang bị hệ *độc (độc đảng, độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn)* bẩn thỉu hóa ngay trong môi trường học đường, đang âm binh hóa học lực của học sinh, sinh viên; để man trá hóa học vị, rồi học hàm; thì các *thầy thật*, các *trò thật* sẽ thành các *oan hồn;* mà *mồ côi* ngay trong không gian giáo dục. Đừng để thầy và trò thành *bụi đời* trong nhân tri, rồi thành *oan hồn* trong nhân trí!

Thầy-trò: *tâm đầu-tâm giao*

Trò học với thầy, hằng ngày rồi hằng năm, có khi cả đời cho tới hết kiếp, cả hai thầy và trò đều biết con đường học sẻ không dứt vì không có mức đến, nhưng nhờ con đường *dài dằng dặt* này đã sinh ra giáo lý *học miệt mài*. Chính phương trình trạng động tự này: *dài dằng dặt-học miệt mài,* mà trò đã nhận ra một phương trình khác của chuyện học tập: thầy *đau đáu* với trí (phải) thức, nên trò cũng phải *nao nao* với tri (phải) tỉnh. Quan hệ thầy trò, không giống bất cứ quan hệ nào trên đời này vì nó là quan hệ của liên kết *trí-tri,* trong *dằng dặt*, trong *miệt mài*, trong *đau đáu,* trong *nao nao!* Tổ tiên Việt không lầm, nếu có một quan hệ *trí-tri* vượt thời gian, có khi trùm phủ lên cả kiếp người (song tâm để song tài) nên đặt tên nó là: *tâm đầu*! Trong *ý hợp tâm đầu* được dẫn dắt bởi *trí* và *tri*. Ông bà mình càng không lầm khi hai kẻ có quan hệ khắng khít trong vui học để vui sống (song đôi để song hành) thì đặt tên nó là: *tâm giao*! Tâm giao của đắc khí, tâm đầu của ý hợp trong quan hệ *thầy-trò* dẫn tới quan hệ của khám phá trong sáng tạo tri thức, sáng tạo để khám phá trí thức, đây là quan hệ *nhân tri* làm nên *nhân trí* dựng nên *nhân lý*.

Văn hiến Việt là nền giáo lý Việt, và giáo lý Việt sẽ bảo vệ văn hiến Việt, tại đây khi còn là trò thì ta được nghe không những cha mẹ, mà thân tộc, từ cộng đồng là xóm giềng, cho tới các tập thể rộng trong xã

hội đã dặn dò ta: *một kho vàng không bằng một nang chữ.* Từ đây định hình tự quyết tâm của cá nhân trò tới quyết chí của trò trong chuyện học: *có học mới biết, có đi mới đến*, tại đây hiện tại học tập phục vụ cho tương lai thành tài để thành người. Chưa hết, tổ tiên Việt luôn chỉ giáo cho con cháu phải chuyên cần trong học tập: *có thân thì khổ, có khổ mới nên thầy*. Khoa học giáo dục và xã hội học giáo dục đã có chung một nhận định là khi trò chuyên cần, tức là trò đang tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho mình để tiến thân, tức là đang tạo những thuận lợi cụ thể nhất để trò được gặp thầy giỏi, thầy lớn. Sức mạnh học lực của thầy tự lan tỏa trong không gian giáo dục, trong môi trường học đường, sức lan tỏa từ nội công trí thức, từ bản lĩnh tri thức của thầy tự nó sáng, tự nó sắc, tự nó nhọn, nên nó *tự tồn* trong *tự tại* mà trò phải nhận ra!

Lòng kính yêu của trò đối với thầy là lòng quý trọng tất cả sự nghiệp, tác phẩm của thầy, một trò *«sáng dạ»*, *«sáng lòng»* sẽ thấy rất thông suốt những đoạn đường học vấn mà thầy đã được đi qua. Nếu *«cây có cội nước có nguồn»*, thì nguồn của nguồn là thượng nguồn của thầy đã làm nên hạ nguồn là trò, mà thượng nguồn của thầy chính là các thầy (các đại sư, các sư tổ…) đã đào tạo ra thầy của mình. Câu chuyện *thờ thầy* mà không quên *thờ tổ* chính là câu chuyện *uống nước nhớ nguồn!* Sức mạnh học lực của thầy, có ngay trong động từ: *dạy!* Dạy hiểu bài, rồi dạy làm người, trong pháp ngữ từ *éducquer* (giáo dục) và từ *élever (*giáo dưỡng) có một nghĩa để nhấn mạnh quá trình: *montrer (chỉ dẫn)-améliorer (hoàn thiện)-civiliser (văn minh hóa)-humaniser (nhân tính hóa).* Trò khôn tìm thầy giỏi, trò ngoan tìm thầy lớn, lớn từ tư duy tới hành tác qua tri thức rộng, qua trí thức cao, câu chuyện quan hệ *thầy-trò*, không hề là định lượng chữ theo số nhiều, mà là chất lượng của từng chữ, từng bài, nơi mà nội dụng từng chữ, nơi mà ý nghĩa từng bài làm nên giá trị của quan hệ *thầy-trò*, nâng lên giáo khoa, rồi thăng hoa luôn cả giáo trình lẫn giáo án.

Câu chuyện trưởng thành của trò, có *đủ lông đủ cánh* để ra đời, không hề lỗi thời, nó có thượng nguồn là sự nghiêm túc trong học hành, trong đó có lòng tin của trò về chuyện thăng hoa bằng tri thức song hành cùng một giòng sinh mệnh của một cá nhân tìm hướng đi lên bằng học lực. Đây chính là hành trình của *nhân tri* làm lên *nhân trí;* tại đây, thầy đã có mặt từ giáo trình tới giáo án, bằng giáo khoa đầy

tâm huyết của bài học: *ra đời* để *đổi đời*, trưởng thành để *ra đời, đổi đời* để *giúp đời*. Phương trình *ra đời-đổi đời- giúp đời*, biết đi trên lưng cái ích kỷ chủ nghĩa, đi trên vai cái thực dụng chủ nghĩa, đi trên đầu cái chuyện học để lấy bằng, học để lòe tha nhân, học để khoe kiến thức, học để làm tiền.

Ngay trên thượng nguồn của quan hệ *thầy-trò* làm nên *tâm đầu* của tri thức, *tâm giao* vì tâm huyết trên con đường *học* để *hành*, thì cái đắc khí giữa thầy trò khi được giảng và trò khi được học tới từ sự tôn trọng *chân lý* qua dữ kiện và chứng từ, tại đây sự khách quan là điểm hội tụ trong quan hệ này: *nói có sách, mách có chứng*. Trong quan hệ *thầy-trò* này không chỉ có các kiến thức khách quan, mà có đạo lý dựng lên đạo đức, làm ra giáo lý để thầy được dạy trò bằng: *chữ thánh hiền*. Chữ *hiền* của đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* mà trò phải học-tập-trong-tu-tập cả đời, nếu thầy là *hiền sư* thì thấy biết giáo-dục-rồi-giáo-dưỡng trò thành *hiền sĩ*. Chữ *hiền* không hề rơi vào ngây thơ để sa vào ngây ngô trong học tập và trong cuộc sống, mà là *hiền* của *khôn*, có chỗ dựa của hệ *thông (thông minh, thông thạo, thông thái)*.

Nếu quan hệ *thầy-trò* làm nên *tâm đầu-tâm giao* của hai thế hệ khác nhau, nhưng gặp nhau rồi cùng *chung-để-chia*, và *chia-để-chung* trên một đoạn đường đời dài từ kiến thức tới giáo lý; thì đây cơ may của cơ may, duyên của duyên, hội ngộ trong hạnh ngộ. Nếu không có *cơ-duyên-ngộ* này, thì trò dù thông minh tới đâu cũng là con ngựa khỏe đang đi lạc cho tới khi bị quỵ gục, qua thi ca của Tô Thùy Yên thì hình ảnh này làm cho chúng ta đau lòng trong hối tiếc khi trò không gặp thầy: *«Bỏ con tuấn mã lại đời hoang»*. Mà thầy cũng vậy, khi không gặp được trò thật, trò giỏi, mà chỉ gặp toàn bọn lãnh đạo tham quan *buôn chức bán quyền*, mà khi con đi học thì *mua bằng, bán cấp*, bọn này không cần thầy, vì chúng ghé môi trường học đường để *mượn đầu heo nấu cháo!* nên hoạn kiếp của chúng là sự man trá trong học tập: *treo đầu dê, bán thịt chó* (điếm giáo trong dục lận). Khi thầy phải ngồi chung chiếu, ăn cùng mâm với bọn âm binh này, thì thầy phải mượn câu than đời, cũng của thi sĩ Tô Thùy Yên: *"Hỡi ôi hiền sĩ gặp ma trận!"*.

Giữ *nguyên khí*

Nguyên khí của học đường làm nên không gian giáo dục tinh khiết thủa xa xưa nào của Việt tộc:

- *Bồi dưỡng nhân tài* trong học thật, làm nên học lực thật.
- *Kén chọn kẻ sĩ*, qua thi thật, điểm thật làm nên bằng cấp thật.
- *Đãi ngộ khoa bảng* bằng học lực làm nên học vị, học hàm.

Từ đây, xã hội nhân ra *hiền tài!* Vì *hiền tài là nguyên khí quốc gia.* Và xã hội này cũng công nhận hai thực tế của giáo dục: thứ nhất: *học tài, thi vận;*và thứ nhì: *học chẳng hay, thi may mà đỗ.* Nhưng xã hội thủa xưa của Việt tộc lại đủ nội công để ngăn chuyện *mua điểm-bán trường* đang tràn lan trong xã hội hiện nay dưới sự lãnh đạo của độc tài nhưng bất tài trong giáo dục, xã hội thủa xưa đó biết chặn chuyện *mua bằng-bán cấp* đang đầy dẫy trong xã hội hiện nay dưới sự chỉ đạo của độc trị đã thành *hoạn trị* trong giáo dục. Và xã hội thủa xưa đó, dù là nạn nhân của phong kiến, dù là nạn nhân của thực dân, nhưng xã hội đó không là nạn nhân của ung thư đại tràng trong hệ thống giáo đục như hiện nay là *mua chức-bán quyền.* Xã hội thủa xưa đó của Việt tộc, biết dặn dò nhau, từ trong gia đình tới ngoài xã hội: *người mà không học khác gì đi đêm.* Xã hội thủa xưa đó của Việt tộc biết rành mạch cái tầm vóc của chuyện học như chuyện sinh tồn, chuyện sống còn của đời người: *chẳng cày lấy đâu có thóc, chẳng học lấy đâu biết chữ.*

Từ đây xuất hiện từ chức năng tới vai trò, làm nên vai vóc giáo lý của người thầy: *công cha cũng trọng, nghĩa thầy cũng sâu.* Thủa xưa, có kẻ khuyên người: *muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy*, đây vẫn là lời khuyên phiến diện vì khi được đi học, thì phải: *hiếu học*; lấy *chăm học* để chế tác *học lực* của *học thật*, vì *học giả* như ta đang thấy hàng ngày trong xã hội Việt Nam hiện nay không hề có chỗ đứng, ghế ngồi trong xã hội *học thật* thủa xưa của Việt tộc. Câu chuyện *học* của xã hội thủa xưa có chiều sâu của giáo lý làm nên chiều cao của giáo dục: *thờ thầy mới được làm thầy.* Từ đây, sinh ra các đạo lý đẹp: *về thăm thầy,* các luân lý hay: *về thăm trường.* Rồi ngày vui lại là ngày thiêng liêng của Việt tộc qua ba ngày tết, thì trò biết *mùng một tết cha, mùng hai tết mẹ, mùng ba tết thầy,* như chúng ta biết giữ cho những người kính yêu này những ngày đầu năm thật đẹp, mà giá trị *nhân bản* của họ đã làm nên *nhân tri* cùng *nhân lý* để giữ cho *nhân tính* chúng ta không xa con đường *nhân đạo* của *nhân nghĩa.*

Nếu thầy qua đời, cái *ân* giáo dưỡng đã thành cái *nghĩa* giáo dục: *để tang thầy ba năm (tam tang)*, và khi ân nghĩa cùng hội tụ tại một nhân sinh quan của trò, thì trò có thể để *tang trong lòng* qua nhiều năm.

Đây là chuyện tùy người, tùy trò, nhưng là chuyện đẹp của đời người, để hiểu cho rõ, để thấu cho sâu thế nào là *công cha nghĩa mẹ ơn thầy*. Thầy qua đời rồi, nhưng giữa các môn sinh, có *trí nhớ* làm nên *tri ức* cho đời người là biết *giỗ thầy*, cùng nhau trở lại mái nhà của thầy để có «*cái cớ đôi*» về thăm thầy, rồi thăm trường luôn một thể. Ân nghĩa với thầy còn biết đi xa hơn nữa: *xây mộ thầy*. Vì ân nghĩa là chuyện đường dài, nó chính là đường đời, ngày xưa thủa xa Việt tộc còn có *lễ tam sinh*, cho nói kẻ ra đi và người ở lại. Nên người xưa chắc chắn là người vừa hiền, vừa khôn, nên họ lập ra *ruộng môn sinh*, giữa các trò, nếu có lời nhờ ruộng thì sẽ sử dụng vào việc *giỗ thầy*. Ân sâu nghĩa nặng với thầy, có trong giáo lý tái sản xuất đạo lý cho giáo dục: *thờ thầy mới được làm thầy*.

Câu chuyện ân sâu nghĩa nặng với thầy là câu chuyện giữa những người vừa hiền, vừa tài, nên họ mới là *hiền tài*, mới là *nguyên khí của quốc gia*, thủa xưa họ đã lập ra *hội đồng môn*, lấy quan hệ đồng môn để làm nên đoàn kết qua tương trợ: *quỹ đèn sách*. Trên cõi đời này đầy chuyện *nắng sớm mưa chiều*, ngập chuyện *vật đổi sao dời*, mà một người học trò đi trọn cuộc đời thành tài, rồi thành người, vượt thoát thử thách, vượt thắng thăng trầm, nhờ đoàn kết với đồng môn, nhờ có tương trợ. Nên những cá nhân *đồng môn* này, nhờ có cùng một thầy, mà nay không sợ bị đuối trong cá nhân chủ nghĩa, không sợ bị chìm trong ích kỷ chủ nghĩa, không sợ bị ngộp trong cái tôi trung tâm; chỉ thấy mình mà không thấy tha nhân. Để đến lúc bị đuối, bị chìm, bị ngộp thì mới thấy sự đoàn kết là con tàu đưa mình qua sóng gió, và tương trợ là cái phao mỗi lần mình bị đuối trong *bể học*, lạc lõng giữa *bể đời*.

Lukacs, người thầy tinh khôi của xã hội học nghệ thuật và minh sư của xã hội học văn học, nhận ra trong trách nhiệm làm thầy, có một môi trường lẳng lặng nuôi nấng một quan hệ bền bỉ của đời người, đó là quan hệ của *thầy-trò*. Và chính thánh Augustin đã thấu được là trách nhiệm làm thầy vừa là hằng số, lại vừa là ẩn số! Tại sao vậy? Vì giáo lý là hằng số, nhưng cũng là ẩn số, vì nó tùy thuộc vào nội công nhân tri, bản lĩnh nhân trí, tầm vóc nhân lý của từng người thầy. Khi là hằng số trong trách nhiệm làm thầy, thì thầy sẻ hổ trợ trò với *tháng rộng năm dài;* nhưng khi là ẩn số trong trách nhiệm làm thầy, thì cả thầy lẫn trò đều có cùng một câu hỏi, một câu hỏi có khi làm *«não*

lòng», có khi làm *«đứt ruột»* của người hiền trước kẻ bội tín: *«Nắng ba năm ta không bỏ bạn, mưa một ngày bạn đã bỏ ta»*. Chữ *bạn*, có thể là thầy, có thể là trò, nhưng *cái tồi* của bội tín giờ đã làm ra *cái nhục* trong quan hệ giữa người với người, mà người đây không phải là người dưng, kẻ lạ, mà là thầy của giáo lý và trò của giáo dưỡng.

Trong Việt sử có một người thầy rất lớn là Nguyễn Trãi đã đi trọn con đường chông gai của *ra đời* để *đổi đời*, rồi còn đi xa hơn nữa là *độ đời* để *cứu đời*, đã phò nhà Lê, đã tống cổ bọn Tầu tặc nhà Minh ra khỏi đất nước của Việt tộc, bắt chúng phải nhớ là đất Việt đã có chủ là người Việt. Sau ngày đất nước giành lại độc lập, người thầy Ức Trai này, mới khám phá ra là nhà Lê mà mình phò chỉ là loại: *đồng thuyền* (trong kháng chiến) chớ không bao giờ là *đồng hội* (trong quyền lực). Câu chuyện lại lập lại với bao người Việt chân chính theo Việt Minh rồi theo cộng sản từ 1945 tới1975, khi đất nước thống nhất, họ mới thấy ba bộ mặt mới của sự gian trá: *bạo quyền lãnh đạo, tà quyền tham quan, ma quyền tham tiền*, cùng lúc xuất hiện để gạt ra, để xóa đi sự chân chính, lòng chân thành.

Nhưng thầy luôn là thầy! Hãy trở lại câu chuyện của người thầy Ức Trai Nguyễn Trãi trước khi bị nhà Lê đưa vào vòng tru di tam tộc, qua vụ án oan của Thị Lộ, thì bọn tà quyền tham quan trong triều đình đã *lời ra tiếng vào*, dèm pha rồi xuyên tạc, vu khống để vu cáo Nguyễn Trãi. Chính người thầy Ức Trai này đã trả lời chúng về lòng yêu nước thương nòi của mình: *« Duy chỉ một lòng trung với hiếu / Đêm ngày cuồn cuộn nước triều dâng! »*. Người thầy Nguyễn Trãi đã dạy cho chúng một lúc hai bài học: một về chữ *trung*, một về chữ *hiếu;* nếu bọn tà quan ma quyền này vẫn chưa hiểu thì thầy Ức Trai sẽ giảng cho chúng thêm bài học thứ ba về sự liêm chính làm nên cái thẳng thắn của trúc, luôn đứng thẳng lưng để trừ tà quyền, để khử ma quyền: *«Vườn quỳnh đầu chim kêu hót/ Cõi trần có trúc đứng ngăn!»*.

Tri sư của *chủ thể thức*

Không gian giáo dục dựng lên môi trường học đường mà trong đó hệ thống giáo dục từ đầu tới cuối không bao giờ rời *kiến thức* để dựng lên *tri thức*, rồi dùng tri thức để bồi đắp *ý thức*, chuẩn bị cho học sinh, sinh viên ra trường để ra đời với những *nhận thức* đầy đủ về bổn phận và trách nhiệm của công dân, luôn *tỉnh thức* để tự xây cho mình một *chủ thể thức*, có *nhân quyền* để bảo vệ *nhân phẩm* cho mình và cho

người khác. Đây chính là sứ mệnh của thầy, mà trước hết thầy là một tri sư của chủ thể thức.

Thủa xưa, thầy là tri sư được hiểu như là người cha tinh thần biết *đưa đường dẫn lối*, biết hướng dẫn trò đến các chân trời, để từ đó trò biết lý thuyết, biết phương pháp để thăng hoa trong chính tương lai của mình. Thời nay, thực tế của cá nhân hóa giáo dục, một học trò có rất nhiều thầy, và có rất nhiều kiến thức tới từ mọi nơi, và khi tổng hợp sự đa nguyên của kiến thức thì chính cá nhân đó nhận ra là sự chủ động cá nhân biết đi tìm kiến thức đa dạng, đa diện, đa phương là chuyện cần thiết, nên chỉ có một người thầy thì không đủ. Tại đây, chân dung của học sinh, của sinh viên đã ngày ngày biến chuyển rồi thay đổi theo sự phát triển muôn chiều của khoa học kỹ thuật, theo sự biến hóa muôn hướng của khoa học truyền thông. Sự hiện diện của mạng xã hội qua internet, một lúc có thể đóng vai trò của nhiều người thầy, qua các chuyên nghành, chuyên khoa, chuyên môn, chuyên gia khác nhau, đây chính là một cuộc cách mạng ngay trong não bộ của tri thức.

Nhưng cũng trong môi trường giáo dục gọi là hiện đại ngày nay, đã để lộ chân dung rồi hình tướng một cách học mới, học trò đến trường để *«tiêu thụ kiến thức»*, và khi họ biết tiêu thụ kiến thức, thì đòi hỏi được *«tiêu thụ bằng cấp»*. Từ nay, kiến thức là món hàng, bằng cấp là món đồ trong quan hệ *«tiền trao cháo múc»*, có qua có lại, mà cuối cùng họ nghĩ là: *«hai bên cùng có lợi»*, nên họ ngỡ ngàng khi nghe các giáo lý: *công cha, nghĩa mẹ ơn thầy*, rồi *công cha cũng nặng, ơn thầy cũng sâu…* Trong chân dung *«tiêu thụ kiến thức»*, qua hình tướng *«tiêu thụ bằng cấp»*, họ có thái độ *«tiêu xài quan hệ thầy-trò»*, họ có hành vi *«tiêu pha kiến thức của thầy»*, họ có động thái *«tiêu hoang giáo lý của thầy»*... Họ nhiều kiến thức kỹ thuật, nhưng họ thiếu kiến thức đạo lý, họ vắng tri thức luân lý, có khi họ lạ lẫm rồi lang thang cho tới *lầm đường lạc lối* trước đạo đức là cội rễ trong quan hệ *thầy-trò*. Họ chưa trưởng thành mà họ đã đi hoang:

- Họ chưa ra đời mà họ đã lầm đời ngay trên *nhân sinh quan* của cá nhân chủ nghĩa qua cách khai thác môi trường giáo dục để trục lợi.
- Họ đã lạc đường ngay trên *thế giới quan* thực dụng chủ nghĩa, chỉ thấy học đường là công cụ, các thầy cô là dụng cụ, để họ thực hiện ý muốn cá nhân với ý đồ riêng tư nhất của họ.

- Họ đã sa lầy ngay trên *vũ trụ quan* ích kỷ chủ nghĩa khi xem giáo dục như hàng hóa, mà các thầy cô là các sản phẩm, cho họ xài để họ có bằng cấp, để họ được nhận học vị, để sau đó họ tính toán tới chuyện học hàm.

Mà bản thân họ không hề đặt dặt những câu hỏi cần thiết để thực sự được trưởng thành: *Đâu là đạo lý của kiến thức? Đâu là đạo đức của tri thức? Đâu là luân lý của quan hệ thầy-trò?* Nếu họ không có các câu trả lời xác đáng cho các câu hỏi này thì: họ không bao giờ trưởng thành trong xã hội với trách nhiệm *ích nước-lợi dân*, vì họ chưa hề trả lời rõ ràng: *Đâu là giáo lý của giáo dục?*

Muốn có các câu trả lời chỉnh lý trước, rồi có toàn lý sau, thì họ phải trở lại thượng nguồn của giáo dục, trong đó quan hệ *thầy-trò* được xếp đăt trong không gian giáo dục, được liên kết ngay trong môi trường học đường, luôn mang một sức mạnh vô song, vì không ai đoán được kết quả làm nên hiệu quả của quan hệ này. Chỉ vì quan hệ *thầy-trò* vừa phi cá nhân hóa, vừa được cá nhân hóa. Tại đây, *trường học-luật học-thuật học* được phi cá nhân hóa, vì tất cả học trò đều phải học cùng một *giáo trình*, cùng một *giáo án* trong một hệ thống giáo dục. Nhưng trên thực tế, mỗi thầy cô đều có *giáo khoa* riêng biệt của mình, và chính *giáo khoa* làm nên *giáo thuật* của thầy cô, chính đây là điểm hẹn, nơi đến để học trò được khích hoạt mà tự tạo *học lực* riêng cho mình. Trò giỏi hiểu *giáo trình*, nắm *giáo án*, lại có trò giỏi hơn thấm *giáo khoa* của thầy, để thấu *giáo lý* của giáo dục qua *giáo thuật* của thầy; từ đó xuất hiện chân dung người học trò xuất sắc nhận ra trong quan hệ *thầy-trò;* đây chính là quan hệ *nhân tri* làm nên *nhân trí*.

Từ đây, trò chọn thầy bằng *nhân trí* của mình, trò bầu ra thầy bằng chính *nhân tâm* của mình, trò gạn lọc trong tất cả thầy để nhận ra một người thầy sẽ giúp trò có *nhân vị* vững vàng, vì trò vững tin thầy không những qua học vị, mà trước hết là thầy có *nhân bản* sẽ tạo nên *nhân phẩm* cho trò. Đây là câu chuyện trung tâm của đời người, vì nó nói lên hệ *liêm* (*liêm khiết* nhờ *liêm chính* nên tạo được *liêm sĩ*), và hệ *liêm* này đi trên lưng cái tôi ích kỷ, đi trên vai cái tôi thực dụng, đi trên đầu cái tôi trung tâm cứ có ảo tưởng mình là trung tâm của vũ trụ. Một người sinh viên chuẩn bị tiến sĩ, phải đi tìm một người thầy nhận làm giám đốc luận án để hướng dẫn tiến sĩ của mình, chỉ qua con tính thuận lợi trong cơ chế, để đi theo con bài thuận chiều qua quyền thế

của người giám đốc luận án này; nhưng trong thâm tâm của trò này, thì chưa chắc trò tôn vinh rồi tôn kính để xem người giám đốc luận án này là người thầy của mình.

Tri kỷ của *chủ thể đôi*

Phải phân tích quan hệ *thầy-trò* là quan hệ phức tạp hàng đầu của kiếp người, vì tại đây kiến thức song đôi cùng đạo lý, vì tri thức song cặp cùng luân lý, để nhận thức song hành cùng giáo lý, nơi mà *thầy* và *trò*, mỗi bên có tiêu chí riêng của mình, nơi mà tiêu chuẩn người này không phải là ưu tiên của người kia. Cho nên, khi trò đã chon được thầy rồi, nhưng chưa chắc thầy đã chọn trò để đào tạo trò. Ngược lại, cũng có thầy khi chọn được trò giỏi rồi, nhưng chính trò giỏi này lại khâm phục và theo «phò» một người thầy khác để được người thầy này «phó» cho một chân trời khác, hợp với trò này hơn. Tại đây, ẩn hiện một *quan hệ ngầm*, không hề lén lút, không hề phạm pháp, nhưng thường là *ngầm*, vì sao? Vì *ngầm-để-ngâm*: *«Thức khuya mới biết đêm dài»; ngầm-để-ngậm:«Sống lâu mới biết lòng người có nhân»; ngầm-để-ngẫm: «So ra mới biết ngắn dài»*... Mỗi người, thầy và trò, đều chủ động từ đề nghị tới đối thoại, từ quyết định tới hành động, họ làm nên *chủ thể đôi*; khi họ chấp nhận nhau không những để *học-hành*, mà còn để *chung-chia* từ kiến thức tới giáo lý. Và khi *chủ thể đôi* này *tâm đầu ý hợp*, *tâm giao đắc khí*, họ sẽ vượt thoát các khó khăn trong học thuật, họ sẽ vượt thắng các ngõ cụt của lý trí. Nên *chủ thể đôi* đầy ý thức, dày nhận thức để hiểu là khi chọn lầm thầy, tuyển nhầm trò, thì sẽ có những hệ lụy, sẽ phải nhận những hậu nạn mà không ai lường trước được!

Nếu trò đúng là *chủ thể*, thì chủ thể này lấy *sáng kiến* của mình để chọn thầy, rồi dùng *sáng tạo* cũng của chính mình để tạo nên quan hệ *thầy-trò*, trong đó không những có sự tôn trọng lẫn nhau, mà có luôn *niềm tin đôi* ngự trị ngay trong *chủ thể đôi*, mở ra con đường đi để khám phá kiến thức. *Niềm tin đôi* như một giá trị thiêng liêng vượt qua những hợp đồng của hai bên cùng có lợi, nó vượt thoát luôn loại thỏa hiệp có phân công một cách máy móc; vì *niềm tin đôi* khởi đầu và kết thức bằng sự công nhận nhau, làm nên sự hãnh diện của mỗi bên biết cùng nhau vượt thắng mọi thăng trầm nhờ *thầy hay-trò giỏi*. Quá trình của *chủ thể đôi* biết dựa trên *niềm tin đôi* luôn song hành cùng sự kính trọng thầy của trò và lòng yêu quý trò của thầy, chính sự kính trọng

thầy và lòng yêu quý trò này làm nên một công trình đạo lý trong giáo dục: *ơn sâu nghĩa nặng* của trò đối với thầy không những đã giảng dạy, chỉ bảo, mà còn bảo bọc, trao truyền từ kiến thức tới bí quyết để thành *tài*, rồi thành *người* trong nghĩa thành *nhân* trọn vẹn nhất. Phương trình *chủ thể đôi-niềm tin đôi* không hề lý thuyết, không hề trừu tượng, khi ta nhận diện ra phương trình này qua *nhân diện* của thầy, khi thầy vui cười trong hãnh diện giới thiệu trò với bạn bè, đồng nghiệp: *«Đây là học sinh giỏi của tôi», «Đây là môn sinh quý của tớ», «Đây là môn đệ hay của thầy»…* Và phương trình *chủ thể đôi-niềm tin đôi* không hề viễn vông, không hề mơ hồ, khi ta thấy vóc dáng của phương trình này qua *nhân dạng* của trò, khi trò kính cẩn trong vui sướng khi giới thiệu thầy với bạn bè, đồng nghiệp: *«Đây là người thầy cao quý của tôi», «Đây là người thầy mà tôi quý trọng nhất», «Đây là người thầy luôn có mặt trong mọi bước đường đời của tôi»…*

Trong lịch sử học thuật của nhân loại, người ta gọi người này là thầy của một chủ thuyết; người ta gọi người kia là thầy của một trường phái trong nghệ thuật… Nhưng từ *thầy* của một chủ thuyết, một trường phái cũng đang mất chỗ đứng, ghế ngồi trong sinh hoạt học thuật và trong sinh hoạt sáng tạo của xã hội hiện nay, nó bị thế hệ mới xem như lỗi thời. Kể cả trong môi trường đại học, khi xưa với thầy ngự trị trong giảng đường với *lời vàng thước ngọc* qua hình ảnh *khẩu tài hùng biện* của thầy, nay được hoặc bị thay thế bởi số lượng, quá nhiều trường, đi cùng với quá nhiều thầy, mà số lượng càng tăng, càng nhiều, thì quan hệ *thầy-trò* càng mất đi sự gắn bó. Chưa kể đến sự ngập tràn tin tức, dữ kiện, sự kiện luôn đặt vai trò của tri thức ở thế báo động, cái bền của một bài giảng trong giáo án, giáo trình của thầy luôn bị xáo động bởi chính cuộc sống có quá nhiều biến động.

Nhưng *chủ thể đôi* khi có chỗ dựa là *niềm tin đôi* làm rõ nét quan hệ học thuật đường dài giữa hai *cá thể*, giờ đã là hai *chủ thể* của kiến thức, thí dụ thì không thiếu: khi trò tìm thầy để làm luận án trong nhiều năm; khi thầy và trò cùng nhau nghiên cứu cùng một chủ đề, cùng một chuyên môn trong một trung tâm nghiên cứu qua nhiều năm. Tại đây sinh hoạt tri thức thường xuyên, có trao đổi kiến thức thường trực, làm nên sự gắn bó, dựng nên một quan hệ vững của *kính trên nhường dưới*, chế tác ra quan hệ lâu dài của *thầy trao truyền-trò tiếp nối*, đây là độ bền của quan hệ được trải nghiệm qua độ vững của trí

tuệ. Quan hệ lâu dài của *thầy trao truyền-trò tiếp nối*, sẽ tự tồn để tự tại, khi trò nhận ra:

- Thầy là người có tri thức *tổng quát* song hành cùng kiến thức *tổng quan*, làm ra *tổng thể* của nhận thức, cụ thể là chỉ có thầy mới *tổng kết* được những chuyện mà trò cần học, cần hỏi, cần tra, cần xét, vì trò cần các câu trả lời của *tổng luận*. Và hệ *tổng (tổng quát, tổng quan, tổng thể, tổng kết, tổng luận)* là môt tiêu chuẩn rất cụ thể để chọn thầy.
- Thầy là người có *chuyên môn* sâu, trong một *chuyên ngành* sắc, qua một *chuyên khoa* nhọn, nơi mà thầy là một *chuyên gia* cao với *chuyên nghiệp* bén. Nên, hệ *chuyên (chuyên môn, chuyên nghành, chuyên khoa, chuyên gia, chuyên nghiệp)* mang tiêu chuẩn *sâu, sắc, nhọn, bén, cao* này, vì vậy trò mới tìm tới thầy.

Trong hành tác của thầy, trò nhận thấy: *độc chiêu!* Trong lao tác của thầy, trò nhận ra *tuyệt chiêu!*

Tầm vóc thầy-vai vóc trò

Tầm vóc thầy không bị khung trong cơ chế của giáo dục, *bản lĩnh thầy* không bị bó trong khuôn hành chính của giáo trình, vì *nội công thầy* tới từ học lực của riêng thầy, nó tràn mạnh trong giáo án, nó trào dâng trong giáo khoa. Tại đây, trò nhận ra ngay: *tầm vóc thầy, bản lĩnh thầy, nội công thầy* để tìm đến thầy, mà chưa chắc đồng nghiệp, đồng môn của chính thầy thấy rõ được *tầm cỡ thầy* bằng trò. Câu chuyện *tầm vóc thầy, bản lĩnh thầy, nội công thầy, tầm cỡ thầy* vừa khách quan của *mắt thấy tai nghe*, lại vừa chủ quan trong sự cảm phục dẫn tới sự khâm phục đôi khi vô điều kiện với thầy, cụ thể là trò không tiếp tục đi tìm thầy khác nữa, để xem có ai giỏi hơn thầy không? Câu chuyện *tầm vóc thầy, bản lĩnh thầy, nội công thầy, tầm cỡ thầy* làm nên sức tỏa sáng của thầy có khi vượt qua *chức năng* làm nên định nghĩa *giáo chức* của thầy. Sức tỏa sáng này giúp trò nhận ra sau hình ảnh của thầy là nhân ảnh *cao, sâu, xa, rộng* trong tri thức, của một nhân dạng *hay, đẹp, tốt, lành* trong giáo lý.

Nên lý lịch của thầy thì rất dễ có, nhưng chân dung chính xác của thầy *qua nhân diện đúng, nhân dạng trúng*, thì phải học thầy, theo thầy, hiểu thầy mới nhận ra *nhân bản* của thầy. Và chính các nhân tố của

nhân bản làm nên *nhân văn*, để nhân văn dựng lên *nhân vị*, dựa vào *nhân tri* có trong *nhân trí* của thầy mà trò sẽ có được vai vóc của riêng mình, khi được thầy rèn luyện trong *nhân đạo*, khi được thầy tôi luyện bằng *nhân phẩm*. Tại đây, trường học và trường đời là một, vì thầy vừa là trường của trường, đời của đời. Câu chuyện *tầm vóc thầy-vai vóc trò* giờ đã thành chuyện *tầm vóc nhân-vai vóc người*, trong bài học của Rousseau: *«Les hommes! Soyez humains (con người ơi! hãy giữ nhân tính)*, vì sinh ra làm người, mà có khi sống cả đời cũng không thành *nhân*, vì không có *nhân tính* của hệ *nhân (nhân bản, nhân văn, nhân vị, nhân tri, nhân trí, nhân đạo, nhân phẩm)*. Và, thầy sẽ nhận trọng trách trao hệ *nhân* này tới trò, với những giá trị *nhân tính* đúng nhất, ở đây không chỉ là câu chuyện giảng day kiến thức, mà là câu chuyện trao truyền *ý thức*. Một *ý thức* có *nhân phẩm* để nhận *nhân quyền*, lấy nhân quyền để bảo vệ, bảo trì, bảo hành *nhân phẩm*. Nhiều người vì không có được cơ hội để được giáo dục, để nhận được giáo lý làm nên đạo lý và luân lý, nên thật bất công và bất hạnh cho các cá nhân đi ngang *nhân thế* này, *nhân loại* này, *nhân sinh* này mà không thành *nhân*, để được nhận từ *nhân phẩm* tới *nhân quyền*.

Phạm trù của hệ *nhân (nhân bản, nhân văn, nhân vị, nhân tri, nhân trí, nhân đạo, nhân phẩm)* dựng lên *nhân quyền* trong hiện trạng giáo dục hiện nay của Việt Nam không hề là môt ưu tiên của *độc đảng* đang *độc tài* nhưng hoàn toàn bất tài trong tổ chức giáo dục, chỉ vì vô minh trước giáo lý của hệ *nhân*. Khi *độc đảng* dùng *độc tài* để *độc trị* trong ngu dân qua tuyên truyền vừa phản *nhân bản*, vừa phản *nhân trí*, thì chính loại tuyên huấn vô tri này của *độc đảng* chỉ biết *độc tôn*, đã thui chột hóa tri thức về *nhân quyền* làm nên *ý thức*, dựng lên *nhận thức*. Vì hệ *thức* là toàn bộ của quá trình *kiến thức-tri thức-ý thức-nhận thức*, nếu học sinh và sinh viên chỉ có kiến thức căn bản với tri thức kỹ thuật, mà không có ý thức về nhân phẩm, không có nhận thức về nhân quyền, thì nền giáo dục hiện nay của Việt Nam không những bị què quặt hóa, mà còn bị âm binh hóa bởi tà quyền đang dẫn dắt giáo dục vào ma đạo của vô giác, cha đẻ của vô cảm.

Chính hệ *nhân (nhân bản, nhân văn, nhân vị, nhân tri, nhân trí, nhân đạo, nhân phẩm, nhân quyền)* tạo tầm vóc cho thầy, sẽ làm nên vai vóc cho trò sau này, hãy nhận ra *tầm vóc thầy* trong hiện tại, để thấy *vai vóc trò* trong tương lai:

- Khi thầy giảng cũng như khi thầy trả lời các câu hỏi của trò, chính sự thật của kiến thức đã nhập nội vào giáo khoa của thầy đã được cá tính hóa qua học lực của thầy. Mà quá trình *cá tính hóa học lực của thầy* lại có hùng lực riêng của nó là biết xếp đặt các kiến thức vừa khó lại vừa cao, vừa khúc mắc lại vừa tế nhị vào một hệ thống tri thức vừa chỉnh lý lại vừa toàn lý, Thầy dạy trò: *biết hợp lý vì có thâm lý.*
- Khi thầy giảng cũng như khi thầy trả lời các câu hỏi của trò, trò sẽ nhận ra *tấm gương sáng* trong giáo khoa của thầy, sáng vì trong, trong sáng trong khiêm nhường làm nên khiêm tốn, và thầy khiêm cẩn ngay trên chính kiến thức của thầy. Trò thấy thầy *nhìn xa trông rộng*, nhưng cũng chính thầy rất cẩn thận biết dùng tự do của chính thầy để được ra lùi xa khỏi kiến thức của mình, để được nhìn các kiến thức khác xa hơn, rộng hơn. Từ đó thầy biến hành vi *khiêm nhường, khiêm tốn, khiêm cẩn* thành quyền năng của giải thích mà trong giải thích của thầy có phê bình ngay trên kiến thức của mình và tự phê bình ngay trên khuyết điểm, nhược điểm của mình. Thầy dạy trò: *biết người, biết ta.*
- Khi thầy giảng cũng như khi thầy trả lời các câu hỏi của trò, trò sẽ nhận ra là *thầy giúp trò hiểu trò hơn*, đây chính là hiệu quả giáo dục ở cấp cao nhất, thầy là thầy trong «*tim gan*» của trò. Thầy không giúp trò hiểu trò hơn về mặt tâm lý, về đời sống riêng tư, mà thầy giúp trò hiểu trò hơn về mặt *khoa học luận*, vì thầy lấy *lý luận* của thầy để giúp trò tự *lập luận*, vì thấy lấy *giải luận* của thầy để giúp trò tự *diễn luận*, để trò tìm được lối ra trước các thử thách của trí tuệ. Thầy dạy trò: *hiểu người để giúp người.*

Từ *hiểu-biết* tới *biết-làm*, từ *trí* tới *tâm*

Khi trao một kiến thức, thầy trao luôn tri thức, chính là sự hiểu biết, nhưng *hiểu biết* vẫn còn là tri thức của *lý thuyết luận*, dùng lý thuyết này đã làm rõ, làm sáng lý thuyết kia, dùng tri thức này để soi sáng tri thức kia. Nhưng hiểu biết trên lý chứng như vậy, vẫn chỉ là nửa đoạn đường trong sứ mệnh của thầy, thầy còn phải tiếp tục hướng dẫn trò *biết-làm*, tức là thầy sẽ cùng trò vận dụng lý thuyết của tri thức để sử dụng vào thực tế, thầy sẽ chỉ *đường đi nước bước* trong thực hành, thầy sẽ dạy *đường đi nẻo về* trong thực tại. Đây vừa là giáo khoa, vừa

là giáo thuật của thầy để đưa trò từ *lý thuyết luận* tới *phương pháp luận:* hiểu để biết, biết để làm, và làm được, làm thành công tức là hiểu *tới nơi tới chốn* rồi. Cụm từ *tới nơi tới chốn* là *kết quả* mà cũng là *thành quả* trọn vẹn trong nhiệm vụ làm thầy đối với trò. Vậy mà vẫn chưa xong, thầy còn biết đi thêm bước nữa nếu thầy có trọn vẹn công tâm, có đầy đủ tâm huyết với trò, thầy sẽ dùng *kinh nghiệm luận* mà chính thầy đã trải nghiệm, tức là đã trả giá rồi, để giúp trò có kết quả cao mà không có *hậu quả* sâu, thầy giúp trò có hiệu quả tối đa với đầu tư ít nhưng năng suất sẽ cao. Và *kinh nghiệm luận* là so sánh các kinh nghiệm khác nhau qua lý luận của kết quả nhiều thành quả, ít hậu quả, hoàn toàn ngược lại với loại *kinh nghiệm chủ nghĩa cá nhân*, chỉ lấy kinh nghiệm của riêng mình là *«sống lâu lên lão làng»* để *«cả vú lấp miệng em»*. Trong *kinh nghiệm luận* thầy giúp trò thấy rằng song hành cùng lý trí có : mưu trí, cùng kỹ thuật có : nghệ thuật, cùng kỹ năng có : hiệu năng, không chỉ của thầy mà của nhiều người khác. Từ đây, vai trò của *định lượng* qua *cân, đo, đong, đếm* biết song hành cùng sự thông minh của *định chất*, nơi mà cảm nhận làm nên cảm xúc, để cảm động mà đi sâu vào lòng người, có tâm giao để đắc khí, mà không cần phải tùy thuộc hoàn toàn vào số lượng, số nhiều, số cao…

Câu chuyện từ *hiểu-biết* tới *biết-làm*, giờ đã thành câu chuyện sâu hơn của từ *hiểu-biết* định lượng tới *biết-làm* định chất, và nếu người thầy giỏi này lại là một người thấy lớn: có lý trí lớn vì có trí tuệ cao và có tuệ giá sâu, thì người thầy lớn này sẽ vạch cho trò định hai hướng rành mạch: *hướng trí tuệ* và *hướng nhân tâm*. *Hướng trí tuệ* có công thức làm nên mô thức, có toán học làm chỗ dựa cho các ngành khoa học thực nghiệm, khoa học xã hội và nhân văn; và *hướng nhân tâm*, nơi mà sự *đồng cảm* về nỗi khổ niềm đau của *đồng loại* sẽ dẫn tới sự *đồng tâm* để cùng nhau vượt thoát khổ đau, vượt thắng *vô tâm* làm nên *vô cảm*, con đẻ của *vô giác*, tiền nạn của *vô minh* và *vô tri*. Thầy còn dặn ta: «*hướng trí tuệ* giúp trò thành tài, và *hướng nhân tâm* giúp trò thành người!» Mà trò sẽ hiểu ra khi đi hết đường đời là *thành người* thật sự khó hơn *thành tài*. Thầy Tiên Điền-Tố Như, tức là Nguyễn Du, sư phụ của rất nhiều thầy trong Việt tộc có dặn một lời thấu tâm: *« Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài »*. Câu chuyện từ *hiểu-biết* định lượng tới *biết-làm* định chất, giờ đã là câu chuyện cao hơn *hiểu-biết tài* để tới *biết-làm tâm*, có *đồng cảm* làm nên *đồng tâm*, của tất cả cá nhân trong *nhân sinh* phải biết giữ *nhân tâm* để nhận ra cho rõ mình có cùng một

giòng sinh mệnh với tha nhân, mình *đồng cam cộng khổ* với *đồng bào,* mình *chia ngọt sẻ bùi* với *đồng loại*. Nhờ thầy mà trò đã nhận ra *nhân dạng* -rất đa dạng của *nhân thế*- qua hệ đồng (*đồng cảm, đồng tâm, đồng cam, đồng bào, đồng loại).*

Bóng tối của *trao*, bóng đêm của *truyền*

Khi giáo dưỡng thường xuyên bởi thầy, và trò là học trò độc nhất mà thầy sẽ trao không những *tuyệt chiêu*, mà còn được truyền cả *độc chiêu,* thì trò nên nhìn lại quá trình thầy đào tạo này, trò nhận ra là thầy đã lẳng lặng đi từ trình độ căn bản của *kỹ thuật của kiến thức* để dần lên cao về *nghệ thuật của tâm thức*. Trò vẫn nghĩ như vậy là mình đã đắc đạo rồi! Nhưng vẫn chưa xong, trò lại nhận ra có một trình độ khác trong *giáo thuật* của thầy: đó là *ma thuật!* Nơi mà nội công của thầy đã thực hiện được sự hội tụ giữa *kỹ thuật của kiến thức* và *nghệ thuật của tâm thức,* cộng với tài năng hùng biện, kết với thông thạo của *nghệ-nghiệp*, nhập với kinh nghiệm đặc sắc mà thầy cho lộ ra một *hùng thuật!* Đủ khả năng, đủ tầm vóc, đủ bản lĩnh để thuyết phục mọi người. Và, từ đây, có lúc thầy lẫn trò, có thể biến *hùng thuật* thành *ma thuật*, có khi để *vụ lợi*, vì *tư lợi*.

Câu chuyện *bóng tối của trao, bóng đêm của truyền* bây giờ đã lộ rõ chân dung của câu chuyện *chước quỷ mưu thần*, mà thầy có thể trao-truyền cho trò. Trong thâm sâu của câu chuyện có *ý muốn* làm nên *ý định*, có ý định làm nên *ý lực*, có ý lực làm nên *ý đồ*. Và trong cùng một cá nhân thì *ý muốn* ban đầu là rất tốt, với *ý định* lành, làm nên hùng thuật của *ý lực*, nhưng khi *ý đồ* được xây bởi vụ lợi, được đắp bởi tư lợi, thì ý đồ này đã bước vào bóng tối của tà quyền, vào bóng đêm của ma quyền. Hãy nhận ra những lần thầy dặn trò phải tới hội thảo này để gặp cho bằng được người này, phải tới hội nghị kia để gặp cho bằng được người kia, phải tới hội luận nọ để gặp cho bằng được người nọ. Mà *người này, người kia, người nọ* không hề là những người *«vô thưởng vô phạt»,* họ không *«vô danh tiểu tốt»,* không phải là những kẻ *«ba phải»,* mà là những kẻ nếu không có tài năng qua trí tuệ, thì cũng có chức năng qua quyền lực, thường là họ có cả hai.

Hãy phân tích kỹ hơn nữa những lần thầy khuyên trò là trong hội thảo này thì nhớ tối đến ghé nhà hàng này để gặp được mạng lưới của người này. Rồi trong hội nghị kia thì nhớ cư ngụ trong khách sạn kia này để gặp được đường dây tổ chức của người kia. Mà không quên

trong hội luận nọ thì nhớ ghé thường xuyên trong quán cà phê nọ để gặp được quan hệ ngầm của người nọ. Ma thuật của quan hệ cận kề với hùng lực của lý trí, mà trò phải hiểu tâm cảnh của thầy có ngay trong nghịch cảnh *«ngược đời»* của sự liên kết giữa các trường phái học thuật này, của sự liên minh giữa các nhóm quyền lực kia, tới liên đới giữa các khu vực lý trí nọ. Các trường phái học thuật này, các nhóm quyền lực kia, các khu vực lý trí nọ sống chung nhau nhưng luôn có cạnh tranh, luôn có thi đua, luôn có tranh giành trong hiềm khích, trong xung đột, trong kình chống lẫn nhau. Cũng trong nghịch cảnh *«đấu đá»* này, họ canh chừng từng ngày các so sánh lực lượng giữa các trường phái, giữa các bè nhóm, không những để tổ chức lại lực lượng của mình, mà họ biết tìm các thỏa hiệp qua liên minh, vì họ biết tìm các thỏa thuận qua liên kết.

Câu chuyện *bóng tối của trao, bóng đêm của truyền* giờ đây đã trở thành câu chuyện *kỹ thuật của kiến thức* và *nghệ thuật của tâm thức* có thể là *hùng thuật* của lý trí, của trí tuệ, của tuệ giác, hay ngược lại là *ma thuật* làm nên *bóng ma quan hệ* có ngay trong *bóng tối của quyền lực*, có ngay trong *bóng đêm của quan hệ*. Khi quyền lực lập quan hệ của nó là để tạo thêm ảnh hưởng cho riêng nó, trong đó nó *trục lợi-vụ lợi-tư lợi* với các hậu quả xấu mà nó không hề là nạn nhân trực tiếp! Nếu là trò, chúng ta trọng thầy giỏi, chúng ta phục thầy giảng hay, chúng ta quý thầy kỹ thuật, chúng ta thương thầy nghệ thuật, chúng ta trọng thầy dày hùng lực giáo khoa; nhưng chúng ta nên cẩn thận để cẩn trọng trong nghiêm cẩn trước *thầy ma thuật*, dù người thầy này yêu, thương, quý, trọng chúng ta tới đâu đi nữa. Vì có loại thầy yêu, thương, quý, trọng trò, đào tạo cho trò thành tài, nhưng khi thành tài rồi, thì chính trò khám phá là học lộ mà thầy *đưa đường dẫn lối*, thầy đã chỉ dẫn cho trò *đường đi nẻo về*, qua từng *đường đi nước bước* thì chính học lộ này đã làm trò mất: *nhân tính!* Chúng ta có thể thấy không ít đồng nghiệp khi để đi mất *nhân tính* thường là kẻ mất luôn *nhân tâm* lẫn *nhân từ*, *nhân đạo* lẫn *nhân phẩm*… và nhiều *nhân* khác nữa.

Nhưng khi gặp được một người thầy thật sự lớn từ trí tuệ tới giáo lý, thì chính người thầy này sẽ dặn ta là trong chính trị người ta áp đảo nhau bằng quyền lực, nhưng trong khoa học chuyện thắng thua rốt cuộc chỉ tùy thuộc vào: *lý*! Cái *lý* lập nên cái *luận*, chính *lý luận* sẽ

giúp *lập luận* để *giải luận* hiện tại để *diễn luận* cho tương lai. Chính cái lý của sự thật sẽ làm nên chân lý cho lẽ phải, mà lẽ phải là lẽ đúng với cái thực, trúng với cái lý!

Ánh sáng của *trao*, ánh dương của *truyền*

Ngày trò gặp thầy, thì trò đã gặp mái trường cùng các thầy cô, và trò vào không gian giáo dục rộng bao la lại được gặp thầy, rồi thầy giúp mình *thành tài*, lại đưa đường chỉ lối cho mình *thành người*. Cơ may này thật sắc nhọn, và trò phải biết mài dũa quan hệ *thầy-trò* này, và nên bắt đầu bằng cách trở lên thượng nguồn của ánh sáng trí thức. Chính ánh sáng trí thức đã giúp trò nhận thức là trò được *giảng-dạy-trao truyền* bởi những ánh dương đã có từ lâu, vì trước thầy đã có tổ, trước tổ đã có nhiều thượng tổ khác trong một cõi vừa sáng trong xa xăm. Và, trò càng đi xa, vào sâu các thượng nguồn xa xăm này thì trò sẽ nhận ra mình chỉ là người mới tới, *«sinh sau đẻ muộn»,* trong chuyên khoa này, trong chuyên ngành này, trong chuyên môn này. Trò mới tới như đứa trẻ vừa lọt lòng trong một chuyên nghiệp mà người xưa đã để lại bao công trình, mà nhờ thầy nên trò mới thấy các ánh sáng trí thức tới từ nghiên cứu, khảo sát, điều tra, điền dã… Tất cả các công trình này đã làm nên tầm vóc cho chuyên khoa, bản lĩnh cho chuyên ngành, thâm lực cho chuyên môn mà trò sẽ đại diện không những thầy mà cho cả các tổ, để trở thành chuyên gia sắc sảo, nhờ có chuyên nghiệp sắc nhọn.

Thầy đào tạo trò thành tài, thầy giáo dưỡng trò thành người, hữu ích cho đồng bào, đồng loại; hữu dụng cho quê hương, cho đất nước, nên thầy không chỉ *giảng-dạy-trao-truyền* cho một cá nhân trò chỉ biết lo *cơm áo gạo tiền*, chỉ chú tâm vào *giá áo túi cơm,* chỉ chăm sóc *chén cơm manh áo* cho riêng trò. Mà thầy đào tạo một *cá thể* có *cá tính* và thầy sẽ biến thành *chủ thể* với nội công của trí tuệ, với ý lực của đạo đức, với giá trị của nhân phẩm. Quan hệ *thầy-trò* trong phương trình *cá thể-chủ thể* chắc chắn xa chuyện học để lấy bằng, dùng học vị để chiếm học hàm, mà thực tâm của thầy là vận dụng *học lực* để vào *nhân lực học* theo nghĩa trọn vẹn nhất về tri thức để hiểu biết về con người, về nhân loại. Thầy dùng sung lực của *«thành tài»* để tạo ra hùng lực *«thành người»* cho trò, không phải cho riêng sự ích kỷ của trò, mà đạo tạo trò vì *nhân tính, nhân tri, nhân trí* trực tiếp phục vụ cho *nhân sinh, nhân thế, nhân loại*. Vì thế nên quan hệ *thầy-trò* có

chiều rộng của *nhân vị*, có chiều cao của *nhân phẩm*, có chiều sâu của *nhân quyền*, quan hệ này dùng lý trí rồi dùng trí tuệ để chế tác ra tuệ giác của *nhân bản* và *nhân văn* là quan hệ *thầy-trò* đi xa, đi sâu trong *nhân tâm*, nên nó thường vừa đi lên, lại vừa đi sâu, nó vượt mọi quan hệ xã hội khác, từ trí tuệ tới đạo lý.

Quan hệ *thầy-trò* là điểm hội tụ không những của *tri thức, lý trí, trí tuệ, tuệ giác*, mà nó làm ngã tư thông minh cho *đạo lý* hay, đẹp, tốt, lành gặp được *luân lý* của bổn phận và trách nhiệm đối với đồng bào, đồng loại, để cả hai đạo lý và luân lý làm nên *đạo đức* của nhân tính luôn muốn có *quan hệ xã hội tốt* để có *đời sống xã hội tốt* cùng *sinh hoạt xã hội tốt*. Quan hệ xã hội tốt qua *cơ chế xã hội tốt*; đời sống xã hội tốt qua *giáo dục tốt*; sinh hoạt xã hội tốt qua *giáo lý tốt*. Chữ *tốt* trong giáo dục có lỏi là giáo lý không phải là một tĩnh từ suông, nó là *tâm thức* của *ý nguyền* làm nên *nhận thức* của *ý nguyện*, và hai từ: *nguyền* và *nguyện*, là những mồi lửa nhen nhúm sẵn sàng bùng cháy, rồi bừng sáng lớn như ánh dương soi chiếu để soi sáng học lộ của trò, *nguyền* của thầy giỏi tạo ra trò tốt, và *nguyện* của trò chăm tin vào thầy giỏi.

Trong quan hệ *thầy-trò*, có hai loại ánh sáng: loại thứ nhất là ánh sáng chói chang để lan tỏa; loại thứ nhì là ánh sáng ngấm ngầm trong thầm lặng nhưng bền bỉ như *lời nguyền, lời nguyện*. Loại thứ nhất là ánh sáng chói chang mạnh để lan tỏa rộng là các tác phẩm, là sự nghiệp của thầy qua bài viết và sách vở, cho mọi người của mọi nơi. Loại thứ nhì là ánh sáng ngấm ngầm sâu trong thầm lặng vững bền, đó chính là *lời nói riêng* của thầy đối với trò, nó không phải là lời giảng trước mọi người, nó là *lời chỉ, lời bảo, lời khuyên, lời răn*, có khi là *lời trăn trối* khi thầy phải rời cõi đời này, nó chính là *bài học của bài học*, nhưng không giành cho mọi trò, mà chỉ giành riêng cho trò của thầy. Chắc chắn đây là lời *tâm huyết*, mang thực chất lời của *tâm can*, mà thầy muốn trao đủ, trạo trọn, trao hết cho trò, mà chỉ có trò biết, nên chỉ có trò hưởng! Trong quan hệ *thầy-trò* luôn có bí mật của *tâm giao*, có tuyệt mật của *tâm thế*, nó là *thâm mật* của thầy đối với trò, mà có khi thầy qua đời rồi, giờ tới trò cũng sắp qua đời, mà trò sẽ không kể cho ai nghe, và sẽ không ai biết *mật hệ* của thầy-trò, đã được tôi luyện qua *mật độ* trong quan hệ *thầy-trò*. Một *mật độ* giữa *thầy* và *trò* mà không ai hình dung đúng được, xét đoán trúng được! Trò hiểu thầy là trò hiểu

hệ *tâm (tâm huyết, tâm can, tâm giao, tâm thế)* của thầy; thầy tin trò là thầy tin trò giữ được hệ *mật* (*bí mật, thâm mật, tuyệt mật)* làm nên *mật độ* của *mật hệ* có một không hai!

Hùng lực giảng-nội lực học

Trò của thầy không như các học sinh, sinh viên khác, trò thấy ngay, thấy rõ hùng lực của lý trí, của trí tuệ, của tuệ giác của thầy nằm ngay trong lời giảng của thầy, và thầy cũng là người nhận rõ, nhận ra ngay là trò biết nghe để hiểu, biết lắng nghe để gắng học, đây là chỉ báo đầu tiên để thầy trò được gặp nhau, để cái *hẹn của học* thành cái *ngộ của tri*. Sâu hơn nữa, hùng lực của lý trí, của trí tuệ, của tuệ giác của thầy khi được trò tiếp nhận trong lời giảng là *sức bật* để trò biết đây là *cơ may* mà trò phải biến thành *cơ hội* của hạnh ngộ, mà hạnh ngộ không hề lý thuyết cũng chẳng trừu tượng, không hề mờ ảo cũng chẳng mơ mộng. Nó là một *dàn phóng* có sức mạnh của chuyện *thay đời đổi kiếp*, trước hết nó làm cho trò thay đổi không những phương pháp học tập mà cả con đường học hành; kế đến nó làm cho trò phải xếp đặt lại các phương án của tương lai một cách chỉnh lý nhất. Cao hơn nữa nó còn có các biến hóa khác, nó giúp trò nhận ra: người thầy này đã làm thay đổi một cách tích cực, có khi là triệt để ba tư cách của trò: tư cách học tập, tư cách luyện tập, tư cách tu tập, đây là một biến đổi lớn, mà trò có nhận thức rõ ràng nhất.

Khi có chuyển đổi cấp tiến trong *học tập-luyện tập-tu tập*, thì trò đã nhận ra là *nhân sinh quan* của mình về mặt lý trí có hướng đi lên; rồi trò đã có ý thức là *thế giới quan* của mình về mặt giáo lý đang theo hướng thăng hoa; và trò có nhận thức là *vũ trụ quan* của mình về mặt tuệ giác trước nhân loại vừa mở theo chiều cao, vừa mở theo chiều rộng, nhờ thầy mà trò được đi thật xa! Thầy là kẻ có hùng lực chuyển hóa rồi chuyển đổi *nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan* của trò, một chuyện mà cha mẹ, gia đình không thực hiện được; một chuyện mà nhiều tập thể, nhiều cộng đồng trong xã hội không làm được! Quan hệ *thầy-trò* luôn mang theo hệ *lực* (*nội lực, sung lực, hùng lực)* có khi làm nên *mãnh lực*, vì nó dựa vào *năng lực* của thầy biết đánh thức, lại biết *cõng, bồng, bế, ẵm* chính *năng khiếu* của trò, để sau đó là *nâng, đỡ, đẩy, thúc* này thành *năng tài*. Sự liên kết làm nên liên minh của hệ *năng (năng lực-năng khiếu-năng tài)*, làm nên thành quả của thành nhân! Một xã hội đang có một nền giáo dục điêu đứng như giáo

dục Việt Nam hiện nay đi vào ma lộ của *học giả-thi giả-điểm giả-bằng giả* là xã hội đó đang truy diệt quan hệ *thầy-trò*, mà cụ thể là xiết cho đến chết hệ *năng (năng lực, năng khiếu, năng tài)*.

Giáo lý chân chính làm nên giáo dục liêm chính luôn biết bảo vệ, bảo quản, bảo trì hệ *năng (năng lực, năng khiếu, năng tài)*, vì đây chính là linh hồn của sự tiến bộ của lý trí, chiều cao tâm linh của sự tiến hóa của trí tuệ, chiều rộng đạo lý của sự thăng hoa của tuệ giác. Tại đây, trò nhận ra sự *thâm học*: học là học qua một người, vì được người đó truyền, người đó chính là thầy! Nên học với thầy không những học kiến thức chung chung, mà nhờ có thầy, nên học được trường sử của nhân lý, dựng lên tính toàn diện của nhân tri của nhân trí; mà thầy vừa là ngã tư đã thành công trong giao lưu trí tuệ, và thầy còn là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Từ đây, thầy đang *«dọn đường»* một cách chỉnh chu để trò đi tới, đi xa, đi rộng, đi sâu, đi cao vào chính tương lai của mình với *kiến thức luận* đã được chia-sẻ bởi thầy-trò; với *phương pháp luận* đã được chung-đôi của thầy-trò qua bao đoạn đường của học thuật; với *khoa học luận* đã được chung-chia từ thầy-trò qua những thử thách của lý trí. Chia sẻ kiến thức làm nên chia chung trí tuệ; chung chia tuệ giác chế tác ra cùng-chia nhau: *nhân vị*! Từ *nhân vị* này luôn được nâng niu bởi *nhân tri* và *nhân trí*; luôn được săn sóc bởi *nhân bản* và *nhân văn*; luôn được chăm lo bởi *nhân tâm* và *nhân đức*, làm nên *nhân đạo* của *nhân phẩm*, mà *nhân quyền* sẽ là sứ giả đại diện cho *nhân loại* và *nhân sinh* trước *nhân thế* luôn bị đe dọa bởi bạo quyền lãnh đạo vô tri, tà quyền tham quan vô minh, ma quyền tham tiền vô giác, nên:

- Thầy khuyên trò phải ý thức là *bạo quyền lãnh đạo vô tri*, không có hệ *minh (thông minh, thông thạo, thông thái)* nên nó sẽ che lấp *cái ngu* của nó bằng cái ác của hệ *bạo (bạo lực, bạo động, bạo hành)*, đừng trông chờ bạo quyền lãnh đạo vô tri trong đối thoại nhân tri để cùng nhau tìm ra được hệ *sáng* (*sáng kiến, sáng lập, sáng tạo)*, đây là chuyện không tưởng!
- Thầy khuyên trò có nhận thức là *tà quyền tham quan vô minh*, không có hệ *liêm (liêm chính, liêm khiết, liêm sĩ)* nên nó sẽ trùm phủ *cái xuẩn* của nó bằng cái *trộm, cắp, cướp, giật* của nó qua hệ *tham (tham quyền, tham ô, tham nhũng),* đừng chờ đợi tà quyền

tham quan vô minh để đối điện nhân trí để cùng nhau tìm ra được chuyện *cải thiện* để *cải tiến*, đây là chuyện mơ tưởng !

- Thầy khuyên trò phải có tri thức là *ma quyền tham tiền vô giác*, không có hệ *lương (lương thiện, lương tri, lương tâm)* nên nó sẽ giấu kín *cái tham* của nó bằng *cái thâm* của hệ *âm (âm lực, âm giao, âm hành)*, đừng mong đợi ma quyền tham tiền vô giác đối trọng với nhân lý để cùng nhau tìm ra được hệ *lý* (*đạo lý, luân lý, giáo lý)*, đây là chuyện tưởng tượng!

Cả ba lực lượng này (bạo quyền lãnh đạo vô tri, tà quyền tham quan vô minh, ma quyền tham tiền vô giác) chính là âm binh trong âm lộ, sợ ánh sáng của sự thật lột mặt nạ của chúng, sợ mặt trời chân lý lột trần nội chất của chúng, sợ bình minh của lẽ phải bóc tận thâm tâm *xấu, tồi, tục, dở* của chúng, được sinh ra bởi tà tâm *thâm, độc, ác, hiểm* của *trục lợi-vụ lợi-tư lợi* (*gian nghiệp trong điếm lộ*).

Nhưng trong thâm tâm của thầy thì ba việc này vẫn có thể làm được, bằng bài học của một người thầy rất lớn của Việt tộc đó là Ức Trai Nguyễn Trãi: *«Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, mang trí nhân thay cường bạo»*. Đây chỉ là công thức của tư duy, nếu muốn biến nó thành mô thức cho hành động, thì trò phải trả lời ít nhất năm câu hỏi: *Ta là ai? Ta sống để làm gì? Ta làm được gì? Ta hành động vì ai? Ta đứng về phía nào của nhân sinh?*

- *Ta là ai?* Ta phải là chủ thể, tức là một cá thể có cá tính, biết bổn phận của mình với đồng bào, đồng loại; có trách nhiệm với tổ tiên, với các thế hệ sau, với đất nước, lại có hệ *sáng* (*sáng kiến, sáng lập, sáng tạo)* để đưa dân tộc và quê hương theo hướng thăng hoa, có đóng góp với nhân loại, nhân thế.
- *Ta sống để làm gì?* Ta sống với nội dung của tri thức làm nên lý trí với kiến trúc của trí tuệ có tuệ giác của *nhân tâm*, có nội dung vì mình và cũng vì tha nhân; có giá trị từ *đạo lý đẹp* tới *đạo đức tốt* làm nên *quan hệ hay* trong xã hội lành, và chính *nội dung sống* này và *giá trị sống* này làm nên *ý nghĩa sống* trong nhân sinh của mọi chúng ta.
- *Ta làm được gì?* Ta làm ngay từ thượng nguồn của sinh hoạt xã hội với các *đề nghị* tích cực cho nhân quần, ta tiếp tục *đối thoại* với tinh thần xây dựng các quan hệ xã hội với tha nhân, từ trao đổi với tập thể tới đàm phán với cơ chế; ta cùng các lực lượng xã

hội khác đi vào *quyết định* xây dựng một đời sống xã hội tốt lành bằng những *hành động* đúng. Như vậy, ta làm được bốn hành tác mà cũng là bốn giai đoạn trong cuộc đời của một chủ thể: *đề nghị-đối thoại-quyết định-hành động.*

- *Ta hành động vì ai?* Ta hành động vì công bằng để chống bất công, ta hành động để cổ vũ cho hệ *đa (đa tài, đa trí, đa lực, đa năng, đa hiệu,)* có trong nội lực của *đa nguyên,* để chống lại hệ *độc (độc tài, độc quyền, độc trị, độc tôn)* của *độc đảng* chính là *độc lộ* vô cùng *độc hại* cho dân tộc và đất nước, vì nó là con đẻ của hệ *vô (vô minh, vô tri, vô giác, vô cảm).*
- *Ta đứng về phía nào của nhân sinh?* Ta đứng về phía bình đẳng để chống lại bất bình đẳng, đứng về phía công bằng mà chống bất công; cụ thể ta đứng về phía các nạn nhân của bất bình đẳng, của bất công để cùng họ đấu tranh vì *công bằng-tự do-bái ái* qua *dân quyền của dân chủ*, qua *nhân phẩm của nhân quyền*. Tức là: *ta đứng về phía nước mắt!*

Quan hệ *thầy-trò*, có chỗ dựa là cấu trúc tuệ giác của thầy biết dựng, biết xây kiến trúc trí tuệ cho trò, nơi mà *cấu trúc giáo* chế tác ra *kiến trúc trí*!

Tạm kết (vì *nhân kết*): ẩn hiện chân dung thầy

Ẩn hiện quanh ta chân dung của kẻ làm thầy! Saint Augustin, tư tưởng gia tin tưởng tuyệt đối vào thượng đế, nhưng cùng lúc có những câu hỏi cho thượng đế, mà nếu thượng đế đúng là thượng đế, thì thượng đế phải là thầy của muôn loài để trả lời trong toàn lý câu hỏi của Saint Augustin: *trong nghề giáo, thì ai được gọi làm thầy?* Mà câu trả lời có trong hành tác của giáo dục, với chân dung người thầy có quyền năng *chỉ, bảo, giáo, dưỡng* trò. Thầy không những mang nội lực của kiến thức, bản lĩnh của tri thức, tầm vóc của ý thức, gân cốt của nhận thức mà trò thấy thầy ngay trong *giáo khoa*, *giáo trình*, *giáo án*, tức là thầy đã ở ngay bên trong *giáo lý* để lao tác *giáo dục*.

Cao hơn nữa, trò thấy thầy bằng chính con đường thầy đã đi, giờ đã là lời giảng, tiếng dạy của thầy, và lạ nhất là *lời thầy* nói ra mà trò *biết nghe lời thầy*, thì một ẩn số khác lại xuất hiện, mà xã hội học giáo dục gọi là *cơ may xã hội (chance sociale)*. Nên hiểu *cơ may* như một ngẫu nhiên của *sơ ngộ* khi lần đầu gặp thầy, mà trò biết ngay tức khắc đây là *hạnh ngộ*, và sự thông minh của trò đã biết biến *hội ngộ* thành *tái ngộ*, rồi cả hai biến *hạnh ngộ* này thành *trường ngộ*, đeo đuổi cả hai suốt đời. Vì trong nghề giáo, có một chuyện lạ là một người thầy sẽ tự chọn trong tư duy của mình một đứa học trò, môn sinh của tri thức, môn đệ của tâm giao. Mà trò cũng vậy, đi trọn con đường học, rồi đi hết con đường đời, trò biết làm tổng kết để dựng lên nhân kết là mình hình như chỉ kính yêu để cả đời quý trọng một người thầy. *Ơn thầy* giờ đã thành *thờ thầy*! Chính đây là câu nói của thầy Pottier, thầy của giáo khoa nhân tâm làm nên giáo trình nhân từ với giáo án tự tin biết dựa vào tự do để xây lên tự trọng, có nói riêng với tôi năm 1983 để thấy sự khác biệt giữa các văn hóa, nơi mà mỗi văn hóa đều có giáo lý riêng của mình, khi thầy tâm sự: *«Cái khác tưởng nhỏ, nhưng rất sâu xa giữa giáo dục Âu châu và giáo dục Á châu, là tại đây phương Tây ngừng ở chỗ kính thầy vì biết trọng thầy, còn Á châu thì đi xa hơn, biết kính, trọng, quý, yêu thầy mà lại biết thờ thầy như tôn vinh một giá trị thiêng liêng hiếm có trên đời»*, phân tích này theo tôi bao năm qua trong các nghiên cứu về giáo dục học so sánh.

Nhưng cũng tại Âu châu nơi đào tạo mình gần nửa thế kỷ qua, có lần tôi gặp thầy Ricoeur, Trường Giang của triết luân lý, Nam Tào của

hiện tượng luận, năm 1996 khi tôi đã thành giáo sư, mà luôn gọi ông là *maître (thầy)*. Có lần trong một hội thảo, thầy có nói riêng rất nhỏ vào tai tôi: *Đừng gọi tôi là thầy!* rồi thầy vừa cười, vừa ra dấu cho tôi hiểu là thầy không xứng đáng được gọi là *thầy!* Tại sao những người mà ta gọi là thầy, mà trước đó họ đã là thầy trong thiên hạ, với một sự nghiệp làm nên bởi bao tác phẩm kinh điển, mà họ luôn khiêm tốn trong nhún nhường, có phải đây là *nhân cách* của các đại sư?

Có một lần khác, trong một hội thảo về khoa học chính trị mà tôi tổ chức, tôi có mời giáo sư Gauchet, dẫy trường sơn của lý thuyết luận dân chủ, đại dương rộng sâu của học thuyết nhân quyền, và năm 2010 giữa hội thảo với vài trăm người tham dự, tôi tâm sự trước mọi người là: *«Tôi không được học thầy lần nào, nhưng qua các tác phẩm của thầy, thì thầy đã là thầy của tôi rồi!»*, tôi thấy đồng nghiệp, sinh viên tham dự hơi ngạc nhiên về câu này, nhưng người ngạc nhiên nhất là thầy Gauchet. Thầy nhìn tôi rất lâu, và tôi thấy thầy cười. Năm sau đó, khi có hẹn với thầy tại nhà xuất bản Gallimard, thầy có nhắc lại câu của tôi, và thầy có tâm sự là thầy rất xúc động về câu này. Tôi phải làm không khi bớt *«bị xúc động»* đi, nên tôi trích và dịch câu là: *«Một chữ nên thầy» của người Việt là nền của giáo lý Việt, còn tôi thì đọc bao nhiêu tác phẩm của thầy, hằng triệu triệu chữ, thì thầy là thầy là đúng rồi!»*. Chiều hôm đó khi chia tay nhau, thầy nói nhỏ cho tôi đủ nghe: «*Giáo lý này làm đẹp nhân dạng trong giáo dục!*».

LÊ HỮU KHÓA

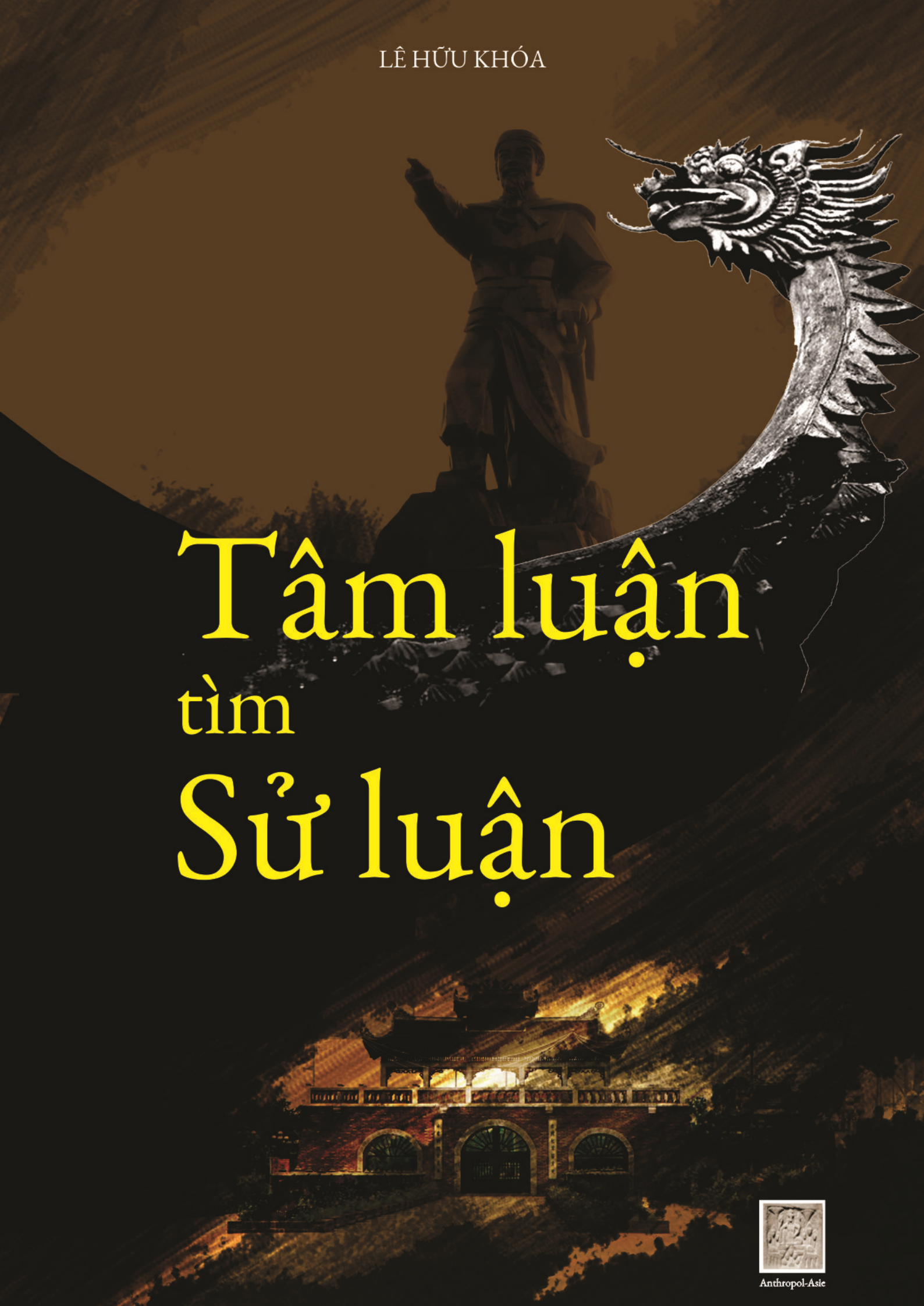

Tâm luận tìm Sử luận

Anthropol-Asie

Tặng các sinh viên của Thầy
với tâm tư đồng hội, đồng thuyền cùng Việt tộc,
nếu thật sự là trí thức thì không thể
đứng ngoài vận mệnh của dân tộc

«Tâm tư của thầy trò
là tâm tư với đất nước đó thầy!»
HƯƠNG LAN

«Tại sao đồng bào mình bị chính quyền
ăn hiếp suốt ngày, suốt đời mà sao
không xuống đường biểu tình vậy thầy?»
HOÀNG LAN

«Dân mình hiền quá
cứ để bị đè đầu, đè cổ suốt kiếp,
kể cả khi chính quyền
cướp đất, đánh đập, bỏ tù họ».
HỒNG DIỄM

Ngỏ

Tâm luận thay *Sử luận*, là dùng *tâm sự* để tìm *tâm giao* qua lịch sử, qua *đối diện* tôn kính trước các danh nhân của Việt tộc, qua *đối thoại* khiêm cẩn trước các công thần của đất nước, mà không hề có tham vọng *truyền sử*, không hề có ý muốn *trao sử*, nên không hề mong làm chuyện *viết sử*.

Tựa

Phương pháp luận của *tâm luận* dựa trên thượng nguồn là: *sử liệu*, chính chức năng của *sử liệu* sẽ làm rõ nét vai trò *lịch sử* của các nhân vật mà tác giả *tâm luận* xin *đối thoại* khiêm cẩn. Cũng chính *sử liệu* với vị thế rõ ràng trong *sử học* của Việt tộc sẽ tạo –được hay không- tâm giao giữa các nhân vật được lựa chọn, tâm luận tìm tâm giao, chỉ để làm sáng một điều là hiện tại của nhân sinh *thấy-hiểu-thấu* được quá khứ của *nhân sử*, để tìm *nhân lý* cho *nhân thế*. Cũng chính *sử liệu* là tiền đề *lý luận, lập luận, diễn luận, giãi luận* làm *gốc, rễ, cội, nguồn* cho đối thoại với các danh nhân, đối thoại này ảo hay thực là tùy vào tính khả thi trong quá trình xây dựng *sử học* đang trở thành *khoa học lịch sử*, như ta đang chứng kiến trong các quốc gia có văn minh dựa vào khoa học xã hội và nhân văn.

Bạt

Lý thuyết luận của *tâm luận* dựa vào hạ nguồn của *phân tích-giải thích-phê bình* diễn biến *Việt sử* (cận đại và hiện đại) của Việt tộc, trong một thế kỷ qua, với bao cuộc chiến tàn khốc hàng sâu trong tâm lý dân tộc. Với *bi sử* mà hậu quả thật dai dẳng khi chọn một ý thức hệ ngoại tộc: cộng sản với trong trào cộng sản quốc tế mà từ khi đi vào quỹ đạo này, thì số kiếp của Đảng cộng sản việt nam (ĐCSVN) không sao tách ra khỏi gọc kìm của Đảng cộng sản trung quốc (Trung cộng). Bi kịch đã trở thành *thảm sử,* ĐCSVN đã buột Việt tộc vào *ba sử đạo* thật bi đát: với một *chế độ độc (độc đảng, độc quyền, độc tài, độc trị)*; mang theo nó một *chế độ tham (tham quan, tham quyền, tham nhũng, tham ô);* ngày ngày thiêu hủy sinh lực dân tộc; trừ khử *đa (đa nguyên, đa năng, đa hiệu, đa tài)* như đang khử loại thông minh, trí tuệ của bao thế hệ.

Gởi

Khoa học luận của *tâm luận*, là chống *độc luận*, như chống lối tuyên truyền một chiều, bị ý thức hệ sỏ mủi dắt đi, hay bị quyền lực chóp bu giật dây, thao túng với *ý đồ bám quyền-ôm lợi*, bất chấp lợi ích của dân tộc, mà tiền đồ tổ tiên ngày ngày đang bị tàu tặc đe dọa từ biển đảo tới biên giới đất liền, từ chính trị tới kinh tế, từ môi trường tới thực phẩm. Chống *độc luận* bằng *đa luận* với *đa lý* của *đa nguyên* mà chổ dựa là lấy *nhân tính, nhân tri, nhân tri* trong *nhân lý* để phục vụ cho *nhân sinh, nhân tình, nhân nghĩa* vì *nhân đạo*. Chống *độc luận* bằng *đa nghành* với *đa lý* của *đa chuyên*, vận dụng tất cả các chuyên nghành, chuyên môn, chuyên gia không những trong trong sử học mà của chung cả khoa học xã hội và nhân văn.

Ý

Tâm luận khẩn nguyện xin *sử luận* tìm cho ra *nội luận lãnh đạo* :

- Tại sao các *minh vương* thuở xưa có *bản lãnh* gì mà làm được chuyện *quốc thái, dân an ?*
- Tại sao các *minh chúa* thuở xưa có *bản nội* công mà làm được chuyện *cơm no, áo ấm ?*
- Tại sao các *minh sư* thuở xưa có *tầm vóc* gì mà làm được chuyện *trong ấm, ngoài êm ?*
- Tại sao các *minh tướng* thuở xưa có *sung lực* gì mà làm được chuyện *giữ yên bỡ cõi.*

Xin *sử luận* hãy dìu *tâm luận* vào *não bộ lãnh đạo hiện nay* để *tâm luận* giúp *lãnh đạo hiện nay* làm được chuyện *yêu nước, thương dân*.

Nguyện

Tâm luận chân nguyện xin đào sâu *sử luận* tìm cho ra *nội chất kiếp Việt* :

- Tại sao các *lãnh đạo hiện nay* lại không có *bản lãnh* gì để làm được chuyện *quốc thái, dân an ?*
- Tại sao các *lãnh đạo hiện nay* không có *nội công* gì để làm được chuyện *cơm no, áo ấm ?*
- Tại sao các *lãnh đạo hiện nay* không có *tầm vóc* gì để làm được chuyện *trong ấm, ngoài êm ?*
- Tại sao các *tướng lĩnh hiện nay* không có *sung lực* gì mà làm được chuyện *giữ yên bỡ cõi ?*

Xin *sử luận* hảy giúp *tâm luận* vào *tim óc lãnh đạo hiện nay* để *tâm luận* giúp *lãnh đạo hiện nay* làm được chuyện *yêu nước, thương dân*.

Cầu

Tâm luận cầu nguyện *sử luận* tìm cho ra nguyên nhân, lý do về *nỗi khổ-niềm đau của Việt tộc* :

- Tại sao trên quê cha đất tổ hiện nay có quá nhiều *dân đen-dân oan* vậy ?
- Tại sao trên quê cha đất tổ hiện nay có quá nhiều *tham quan-tham ô-tham nhũng* vậy ?
- Tại sao trên quê cha đất tổ hiện nay có quá nhiều *bất bình đẳng, bất công* vậy ?
- Tại sao trên quê cha đất tổ hiện nay có quá nhiều *bạo quyền-bạo lực-bạo động-bạo hành* vậy ?
- Tại sao các *tướng lĩnh hiện nay* không có *sung lực* gì mà làm được chuyện *giữ yên bờ cõi.*

Xin *sử luận* hãy giúp *tâm luận* vào *thông minh việt, sáng tạo việt* để *tâm luận* giúp *Việt tộc* làm được chuyện *dân giàu nước mạnh.*

Biện

Thưa các Ngài, các cụ có tên trong tiểu luận này,
Hậu thế đây luôn xem Khổng Tử, Lảo Tử, Mạnh tử, Trang tử là các bậc thầy, nhưng hậu thế nay phải gọi bọn lãnh đạo Đảng cộng sản trung quốc là tàu tặc, *vì chúng đã thực hiện dụng ý* xâm lấn, *với ý đồ* xâm lược, *với mưu đồ* xâm lăng *đối với Việt tộc, chỉ có tên này mới đúng ngữ pháp việt.*



ĐỀN THỜ CÁC VUA HÙNG-PHÚ THỌ

MỤC

Minh vương

Hùng Vương
Lý Thái Tổ
Trần nhân Tông
Lê Thánh Tôn
Minh Mạng

Minh Tướng

Ngô Quyền
Đinh Tiên Hoàng
Lê Đại Hành
Lý Tường Kiệt
Trần Hưng Đạo
Quan Trung

Minh sư

Vạn Hạnh
Trần Thủ Độ
Nguyễn Trải
Chu Văn An
Trương Hán Siêu
Ngô Thì Nhậm
Mạc Đỉnh Chi

Minh Nữ

Hai Bà Trưng
Bà Triệu
Dương Vân Nga
Nguyên Phi Ỷ Lan
Huyền Trân Công chúa
Bùi Thi Xuân

Minh quan

Chu Văn An
Ngô Thì Nhậm
Nguyễn Công Trứ
Phan Thanh Giản
Lê Văn Duyệt

Minh trí

Lê Quý Đôn
Phan Bội châu
Phan Chu Trinh
Nguyễn Trường Tộ
Trương Vĩnh Ký

Minh Vương

Lý Thái Tổ
Lý Thái Tông
Trần Nhân Tông
Lê Thánh Tôn

Minh Vương
cầm nhân lý để khai sáng nhân tri,
nắm nhân đạo để thăng hoa nhân bản,
giữ nhân nghĩa để gìn giữ nhân tính.

Lý Thái Tổ: *ưu tiên thịnh trị*

Thưa Lý Đế,

Công của Ngài thật to, Ngài lập ra được một triều đại có *tự chủ* sau nhiều năm bị xâm lược, từ *tự chủ* vô cùng quý báu cho dân Việt dù trong bất cứ tình huống nào, nắm *tự chủ* để giữ *chủ quyền,* nhất là trong tình hình hiện nay của Việt tộc đang bị tàu tặc đe dọa, mà biển đảo thì đã bị cướp rồi! Năm 1009, Ngài lên ngôi hoàng đế, lập kỷ nguyên mới, một triều đại trị vì trên dưới 200 năm.

Từ lập triều tới lập quốc, Ngài có minh sư Vạn Hạnh đưa đường dẫn lối, sử Việt luôn nhớ Ngài phát triển không những nông nghiệp mà cả kinh tế đồng bằng, dân trí mở mang, trường học xây lên cùng đền chùa, đất nước có giáo dục ổn định, dân tộc có đời sống tâm linh cao. Văn Miếu, được xem như là trường đại học đầu tiên của nước Việt, Ngài sáng suốt, *nhìn xa trông rộng*, đưa binh lính về làm ruộng trong thời bình, Ngài cho lập các bản đồ biển đảo, định hình đất nước qua địa lý chính thống.

Cả nước ghi nhớ công của Ngài dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, vì Hoa Lư là địa thế của phòng ngự quân sự, không thể là thủ đô để phát triển kinh tế, Hoa Lư chật hẹp luôn bị lủ lụt, khó là nơi định vị của một thủ đô muốn phát triển toàn bộ. Ngài là minh quân vì Ngài có chủ trương với các ưu tiên chiến lược từ đó mới có *thịnh trị*. Đây là cái thiếu vô cùng trầm trọng của lực lượng cầm quyền ĐCSVN từ hơn 40 năm qua, không có bản lĩnh kinh tế, không có nội công lập ưu tiên phát triển đất nước, nên không thể nào có *thịnh trị,* mà ngược lại con dân Việt nay bỏ xứ ra đi, có kẻ phải làm lao nô, phụ nữ thì gia nô, đất nước ngày càng nheo nhóc!

Triều lý của Ngài lấy việc chỉnh đốn triều chính, lấy *tài* để chống *hoạn*, chống lảng phí, trừ bọn tham quan, tạo hùng lực mới cho đất nước. Không như lãnh đạo hiện nay, không những nhân dân không thấy phương hướng đối ngoại của họ nhất là trước họa tàu tặc, mà còn *dở khóc, dở cười* trước trò thanh trừng lẫn nhau giưa bọn họ, qua các khẩu lệnh chống tham nhũng, trong khi thống kê thế giới vẫn tiếp tục xếp Việt Nam hiện nay là quốc gia lảnh hậu quả tham nhũng loại thậm tệ nhất. Một lực lượng lãnh đạo đã làm khánh tận nền giáo dục, với một đảng lãnh đạo vừa bất tài, vừa tham nhũng, với bao suy đồi của *học giả-thi giả-bằng giả*, qua *mua chức, bán quyền*, giờ lại xây chùa tràn lan như mở thương hiệu để *buôn thần, bán thánh* thì nhân dân không thể có cơ sở để có ước mơ: *thịnh trị!*



ĐỀN ĐÔ (đền Lý Bát Đế hoặc Cổ Pháp điện)
BẮC NINH, THỜ 8 VỊ VUA NHÀ LÝ

Trần Thái Tông: *tâm thiền tự kiếp*

Thưa Minh Vương,

Ngài mang mãi bi kịch của một Minh Vương, Ngài nhận thảm cảnh nội hôn của triều Trần, do ông chú Trần Thủ Độ đã ép Ngài rời bỏ Lý Chiêu Hoàng là người đã trao cho Ngài ngôi vua, để phải nhận chị dâu làm Hoàng hậu đã có mang với anh của Ngài, cho nhà Trần có kẻ nối ngôi. Ngài bỏ ngai để đi tu vì không chịu nỗi cảnh loạn luân của nội hôn; nạn nhân của áp đặt, của ép uổng, nhưng Ngài cũng lại trở về ngai vua chỉ để nhận trách nhiệm bảo vệ nước nhà, trước cảnh sơn hà nguy biến khi bọn Nguyên Mông đến xâm lăng nước ta.

Ngài làm vua trọn vẹn, *lửa thử vàng, gian nan thử sức,* Ngài vào cuộc chiến chống bọn Nguyên Mông hung hản, xâm lược qua tới âu châu, làm cả thế giới khiếp sợ. Nhưng với lời quyết thắng Mông năm 1228, nhân dân công nhận Ngài là đấng *Minh quân* của nhà Trần.

Ngài còn là một tác giả lớn, nhân dân mến yêu tác phẩm *Khóa Hư Lục.* Ngài vừa làm vua, vừa tu tại gia, mỗi sáng Ngài dậy sớm tu trong thiền tập, *niệm phật bằng tâm*. Ngài để những án văn, án kệ xuất sắc cho hậu thế. Những thảm cảnh nội hôn không làm tâm cảnh của ngày hỗn loạn, tâm Ngài sáng, trí Ngài thông, tuệ giác Ngài tinh khiết tạo nên sự sáng suốt tăng tầm vóc thông minh, thật hiếm có trong Việt sử, trong bài kệ *Tâm hương,* sự trong sạch của tâm hồn làm nên thành sự trong sáng cho trí tuệ:

Hương trồng rừng giới luật
Tưới bằng nước thiền định
Chặt trong vườn trí tuệ
Đẻo bằng đao tuệ giác...

Việt sử ghi nhận một điều thật lạ là trong cảnh đất nước thanh bình, sau ba lần đuổi Mông ra khỏi bờ cỏi, đời sống tâm linh của Việt tộc rất cao: cả nước hành thiền! Sau *quốc thái dân an,* nhân dân lại biết sống *an nhiên tự tại*, đó cũng nhờ các minh vương nhà Trần. Trong mọi tình huống vai trò của lãnh đạo là tiên quyết! Không như xã hội Việt hiện nay, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN : giáo dục bị suy đồi, văn hóa bị tha hóa, kinh tế bị tụt hậu, quốc phòng bị suy quỵ, luân lý bị đảo ngược, nên đạo lý *hay,đẹp, tốt, lành* của tiên tổ, giờ đang đi vào *tà đạo* của *xấu, tồi, tục, dở* rồi dần dà sẽ vào *ma đạo* của *thâm, độc, ác, hiểm*, theo lối đối nhân xử thế của bọn *tàu tặc.*



LĂNG MỘ CỦA BA VỊ VUA ĐẦU NHÀ TRẦN:

xã Tiến Đức và xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Trần Thánh Tông: *nhân tâm vương*

Thưa thánh thượng,

Dưới triều đại của Ngài, nước Đại Việt thái bình, Ngài có tầm vóc lãnh đạo chính trị, Ngài có luôn bản lĩnh ngoại giao khôn khéo, luôn lấy *tự chủ dân tộc* làm đầu. Bài học *tự chủ dân tộc* đã được thể nghiệm qua ba lần đánh gục quỵ bọn xâm tặc Nguyên Mông, vì kể cận Ngài luôn có các minh tướng, mà sau đó không một triều đại nào có được. Bài học *tự chủ dân tộc* này giờ đây lại rất quý giá cho số phận Việt tộc đang bị tàu tặc đe dọa, với bi kịch vắng minh quân, trống minh tướng, với chiến thuật quân sự của vắng mặt, với chiến lược ngoại giao của trống vắng.

Ngài nổi tiếng là Minh vương *"thương dân"*, chuyện này ngày càng hiếm trong đất Việt hiện nay, mà nhân dân phải "kêu trời" trước các lãnh đạo hiện nay là:*"hèn với giặc, ác với dân".* Ngài còn nổi bậc trong quyết tâm phát triển mạnh kinh tế, giáo dục, sử Việt cũng không quên Ngài là đấng minh quân luôn tạo được hòa khí trong hoàng tộc, chuyện này cũng là chuyện khó, vì hiện nay diễn biến quyền lực của ĐCSVN là thanh trừng nhau qua *tham quyền* tạo ra *bạo quyền*, vì *độc quyền* tạo ra *lạm quyền*, để *độc tài* sinh ra *bất tài*!

Khi Ngài từ ngôi vua và nhận vị thế Thái Thượng Hoàng và dìu dắt con của Ngài một Minh Vương vô cùng nhân từ là đó là: phật hoàng Trần Nhân Tông. Tinh thần quyết chiến để quyết thắng trước họa xâm lăng để giữ *tự chủ Việt,* để nắm *nhân phẩm Việt* tạo nên *bản sắc Việt;* tinh thần này không hề mâu thuẫn với *nhân sinh quan* của Ngài, của cha Ngài là Trần Thái Tông, với con Ngài là Trần Nhân Tông: lấy *nhân từ* làm *nhân tính,* lấy *nhân nghĩa* làm *nhân đạo*, để có *nhân bản* làm nền *nhân văn.* Đây là cái thiếu, cái vắng, cái trống của các lãnh đạo ĐCSVN hiện nay đã sống với hành vi chọn *cường quyền* mà quên *nhân trí,* lấy *bạo quyền* để hủy *nhân tri,* nếu không có *nhân trí, nhân tri* thì đừng mong có *nhân từ, nhân tính, nhân nghĩa, nhân tính, nhân bản, nhân văn!*

Dưới triều của Ngài, có nhiều tác phẩm luôn mang tính *nhân đạo* của phật giáo, lấy *nhân từ* để giữ *nhân tâm,* đây là đóng góp rất lớn của triều Trần, trong đó có công của Ngài. Nỗi niềm giáo lý Việt tộc hiện nay là các lãnh đạo của ĐCSVN không có chữ *tâm* để làm *gốc, rể, cội, nguồn,* nên không có *cành, lá, nhụy, hoa* tới từ *tâm, từ, nghĩa, trí.* Một ĐCSVN không có hòa khí, nhân dân chỉ thấy thành trừng, cho nên dân phải thường kêu lên thật to: *nhân từ, nhân tính, nhân nghĩa, nhân tính, nhân bản, nhân văn, nhân tri, nhân trí!*



ĐỀN THỜ CÁC VUA TRẦN (THÁI BÌNH):

Trần Nhân Tông: *nhân từ vương*

Thưa Minh Vương,

Minh vương, tiếng và lời này đẹp hơn các từ: *bệ hạ, thánh thượng*, nghe không thật vì không đúng với lòng *nhân từ* có trong tên gọi của ngài, cũng không đúng những gì mà ngài đã dạy cho nhân dân, tướng lĩnh, hàng thần, kể cả kẻ thù xâm lược là: *nhân từ* là rễ của *nhân đạo*, gốc của *nhân nghĩa*, cội của *nhân bản*, nguồn của *nhân văn.* Chính bản lĩnh tỉnh táo của *nhân từ* đã xây dựng được khối đoàn kết cho dân tộc trước họa xâm lược của Nguyên Mông, chính nội công sáng suốt của *nhân từ* đã làm được kỳ công *điều binh, khiển tướng* của ngài trong bối cảnh *chỉ mành treo chuông* của Việt tộc trước bọn ngoại xâm đầy tàn bạo, nhưng vẫn thua trận vì chúng không có *nhân từ*. Câu chuyện *nhân từ* trong cuộc đời minh quân của ngài không phải là câu chuyện lòng trắc ẩn của Mạnh Tử, cũng không phải là lòng thương hại trong các đạo giáo; mà nó là câu chuyện lấy *nhân để cứu nhân*. Đây là sự thông minh ở trên cao, trùm phủ xuống mọi định nghĩa về sự thông minh, đây là trí khôn của *nhân lý* và lý trí của *nhân tri* biết tìm về *nhân nghĩa* mỗi lần *nhân thế* xa *nhân đạo*. Và chỉ có ngài mới có tầm vóc này để lập nên phái Trúc Lâm Yên Tử lấy *Phật tại tâm* để chế tác ra *tâm tại thế*!

Thiếu *nhân từ,* vắng *nhân nghĩa*, trống *nhân bản,* rỗng *nhân văn* vừa là *hằng số* cũng vừa là *ẩn số* của các lãnh đạo ĐCSVN từ khi thành lập đảng cho tới ngày hôm nay, họ đã và đang đưa Việt tộc tới cõi suy đồi từ đạo lý tới linh hồn. Đây là thất bại lớn của các lãnh đạo ĐCSVN, giữa các thất bại lớn khác về kinh tế, xã hội, dân chủ, nhân quyền... vì họ thành lập đảng, xây dựng đảng, chỉnh đốn đảng, bảo vệ đảng trên hành vi bạo ngược, với hành động bạo quyền, lấy bạo động để diệt *nhân từ,* lấy bạo hành đẩy nhân dân ngày càng xa, càng biệt *nhân từ*. Không có *nhân từ*, nên các lãnh đạo ĐCSVN đâm ra nhố nhăn, kịch cỡm, trơ tráo... Thí dụ điển hình là tuần này với lòng *nhân từ,* các phật tử vào mùa *phóng sinh* với lòng thành từ bi, *yêu muôn loài như yêu chính mình*. Phóng sinh để trả lại cuộc sống cho cuộc sống, trả lại tự do cho tự do! Vậy mà các lãnh đạo ĐCSVN cũng xen vào để *"thả chim, thả cá",*họ nhố nhăn, kịch cỡm, trơ tráo... vì là *giả, dối, láo, sạo,* không có *lòng thành nhân từ* thì *phóng sinh* chỉ là một màn kịch *xấu, tồi, tục, dở*. Muốn có *lòng thành nhân từ* rất dễ, các vị này hãy thả ngay! Hảy *"phóng thích"* ngay! Hãy trả tự do ngay cho các *tù nhân lương tâm*, đấu tranh vì nhân quyền, dân chủ, công bằng, tức là vì *nhân từ* cho toàn xã hội. Thật dễ không hề khó, nhất là đối với các lãnh đạo ĐCSVN có quyền *"sinh sát"* với dân đen, dân oan, dân chúng... Thật quá dễ khi các vị chỉ để ra vài phút trong ngày, vài giờ trong tuần, vài buổi trong tháng, để đọc, để hiểu, để thấu những gì mà Phật hoàng Trân Nhân Tông đã nói, đã viết, đã *tâm sự tự tâm*!



LĂNG MỘ CỦA 3 VỊ VUA NHÀ TRẦN

Lê thánh Tôn: *Uy Vương*

Thưa Uy Vương,
Với triều Lê mang nhiều tai tiếng, nhất là qua chuyện hảm hại các công thần: Nguyễn Trải, Trần Nguyên Hản, Ngài là vị vua được xem như anh minh, tài giỏi, có văn hóa, thiết tha canh tân đất nước, chăm lo cho dân tộc. Từ triều đại của Ngài mới có câu: *nhân tài là nguyên khí của quốc gia*, quyết tâm sử dụng nhân tài qua thi cử, không để lan tràn chuyện *"con ông cháu cha"* như trong chế độ độc đảng hiện nay, Ngài ngăn chặn chuyện *"con quan thì được làm quan",* như hiện nay với hiện tượng *"thái tử đảng",* đảng đây là ĐCSVN. Dưới triều của Ngài, thì *nước mạnh nhờ nhân tài,* thời đó xã hội có vẻ còn *công bằng* hơn xã hội hiện nay của *"tiền tệ-hậu duệ-quan hệ",* đã và đang đưa Việt tộc lùi vào vực thẳm tối mù trước toàn cầu hóa của tri thức truyền thông.

Ngài dùng quyền lực của mình để đề cao chủ quyền của đất Việt, để thẳng lưng bảo vệ quê hương, đây là một bài học khác -rất quý- mà lãnh đạo ĐCSVN phải *cúi đầu-khoan tay- quỳ gối* để học Ngài. Chưa hết, Ngài luôn củng cố quốc phòng, điêu luyện hóa quân sự, ban hành các chính sách cải tiến vũ khí cho quân đội, Ngài phát triển kinh tế không những qua nông nghiệp, mà còn qua thủ công, thương mại... Hay nhất là các cải tổ về văn hóa, xuất sắc hơn nữa là Bộ Luật Hồng Đức dưới sự chỉ đạo của Ngài, được xem là một bộ luật hoàn chỉnh trong lịch sử Việt, với tính pháp quyền cao. Đẹp thật khi chính Ngài là thi sĩ, Ngài lập ra hội Tao Đàn, tập hợp nhiều nhà thơ lớn của dân tộc thời đó, nhiều những điểm sáng mà chế độ độc đảng và độc tài hiện nay không làm được. Hiện nay, chuyện *nhân tài là nguyên khí của quốc gia* thì bỏ đất nước mà đi, vì ở lại cũng chẳng có đất dụng võ, với một xã hội suy đồi, một nền văn hóa đang quỵ gục, một nền giáo dục với thầy cô bạo hành học trò, với phụ huynh vào tận trường học bắt cô giáo quỳ gối ngay trong lớp của cô giáo: *sự tha hóa đã qua dạng điếm nhục!*

Nhân bất thập toàn, Ngài cũng mang những tai tiếng của một cá thể không vượt qua được các gọng kềm phong kiến trong các quy luật tranh giành quyền lực, Ngài bị mang tiếng là bắt các người họ Trần phải đổi qua họ Trịnh, vì mẹ Ngài tên Trần, hay Ngài lo sợ họ Trần trở lại ? Ngài bị mang một tiếng tối tăm khác là không có tình nghĩa anh em, sát hại chính các anh của Ngài, bức tử anh trai là Lê khắc Xương. Chuyện buồn nhất là Ngài mang tội *bất nhân*, về chuyện đã giết chết rất nhiều người Chiêm Thành, giết nhiều dân của một đất nước thua trận nếu chỉ vì cầm cường quyền, sẽ mất đi chính nghĩa của *nhân đức*, và sẽ không *"có hậu"*, chính *nhân đức* làm ra *nhân từ*, tạo ra *nhân nghĩa*, mở rộng cửa cho *nhân đạo*. Cho nên hậu sinh này rất ngại câu chữ trong sử: Ngài đã *"mở rộng bờ cởi"*mà thực tế là đi chiếm đất hoặc cướp nước của láng giềng, nếu hậu sinh này chống tàu tặc tới cùng, cũng chỉ vì không muốn đất Việt bị chúng cướp, dân việt bị chúng giết, hoặc đồng hóa! Hậu sinh này xin được lấy *nhân đức* để vun trồng cho *nhân phẩm!*



THÁI MIẾU NHÀ HẬU LÊ NƠI THỜ CÁC VỊ HOÀNG ĐẾ, HOÀNG THÁI HẬU CÙNG CÁC VƯƠNG, CÔNG TRIỀU NHÀ HẬU LÊ. (BỐ VỆ LÊ HOÀNG MIẾU) xưa thuộc thôn *Kiều Đại, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn; nay là làng Bố, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.*

Minh Tướng

Ngô Quyền
Đinh Tiên Hoàng
Lê Đại Hành
Lý Tường Kiệt
Trần Hưng Đạo
Quang Trung

Minh Tướng
lấy lý trí lập trí dũng
biến trí dũng thành hùng lực
nâng hùng lực qua mưu lược.

Ngô Quyền: *Việt quốc*

Thưa Tướng công,

Muôn dân khâm phục và quý trọng Ngài qua ba biểu tượng thật tiêu biểu cho tinh thần *bất khuất Việt*:

- Ngài chấm dứt chớp nhoáng một sớm một chiều hàng ngàn năm đô hộ của tàu tặc phương bắc.
- Ngài xử lý gọn gàng hai mặt trận *"thù trong, giặc ngoài",* loại tên bán nước Kiều Công Tiễn, tống giặc Nam Hán ra khỏi bờ cỏi Việt.
- Ngài cùng Kiều Công Hản, Dương Thục Phi, Phạm Đức Dũng, Nguyễn Tất Tố... là những chiến lược gia xuất sắc đầu tiên đã phạm trù hóa chiến thuật thủy triều mà chiến tích trên sông Bạch Đằng đã thành mô hình quân sự cho *thông minh Việt*, được sử dụng nhiều lần bởi các minh tướng sau này.

Chấm dứt ngàn năm đô hộ bắc thuộc phải có bản lĩnh làm chuyện đại cuộc, biết thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc, và Ngài đã làm được. Xử lý trọn bọn *buôn dân, bán nước* loại Kiều Công Tiễn, xóa mối hận phản chúa cho chủ tướng Dương Đình Nghệ, giải tỏa luôn nỗi căm tức của nhân dân thời đó là trừ gọn *bọn nội phản* để gây lại niềm tin cho Việt tộc là một làm việc rất lớn. Trong *điều binh, khiển tướng*, ngài biết nghe, biết tiếp thu các sáng kiến tài, các sáng tạo hay của Kiều Công Hản, Dương Thục Phi, Phạm Đức Dũng, Nguyễn Tất Tố... Ngài là gương của tất cả những ai muốn lãnh đạo đất nước Việt hiện nay, trước họa tàu tặc, trước họa bán nước của bọn *"sâu dân, mọc nước"*.

Thưa Ngài, vậy mà tình hình hiện nay, tàu tặc cướp biển, cướp đảo... trên một đất nước có cả ngàn vị có *chức tướng*, mà không vị tướng nào có một tuyên bố liêm sỉ về toàn vẹn lảnh thổ của Việt tộc, không vị tướng nào có sáng kiến về các phương cách ngặn chặn giặc trên biển Đông, không vị tướng nào có sáng tạo về chiến thuật quân sự trong tình hình mới. Riêng tướng Trương Giang Long chỉ mới phân tích về tham vọng bá quyền trung quốc, đã bị bịp miệng, đã bị trừng phạt ngay. Làm tướng mà không lo bảo vệ tổ quốc thì làm tướng cho ai? Họ làm tướng cho riêng họ hay vì dân tộc? Sơn hà đang nguy biến, tại sao Bộ quốc phòng cùng các tướng lĩnh suốt ngày đi buôn bất động sản, lọn lách trong các hệ thống ngân hàng... với bao mạng lưới tham nhũng qua hối lộ do chính các tướng chủ trì, giờ mới biết là các tướng công an lại tổ chức đánh bạc trên mạng liên quốc gia để thâu tiền kiểu *đầu nậu*! Họ là tướng hay họ đang vô tinh "nối giáo" cho giặc?

Trong chính sử, Việt tộc chỉ thấy và thờ tướng tài, tướng giỏi, tướng hay, nhân dân thấy "lợm giọng" trước các tướng hèn, vì các tướng hèn chỉ có chỗ trong *tà sử, ma sử, tục sử*, họ không có đứng trong Việt sử.





ĐỀN THỜ VÀ LĂNG MỘ NGÔ QUYỀN

Đinh Tiên Hoàng: *thống quốc*

Thưa Tiên Hoàng,

Tầm vóc quân sự của ngài lớn vì tầm nhìn tổ quốc của Ngài xa, có được là nhờ tầm cở chính trị của Ngài cao, dẹp được *thập nhị sứ quân*, để thống nhất đất nước đó chính là bản lĩnh vời vợi của Ngài. Chuyện loạn lạc bởi đám sứ quân này nằm trong quy luật khủng hoảng của các triều đại phong kiến, mỗi lần có một ông vua suy đồi là cả xã hội bị suy thoái, có nội chiến vì vô chỉnh phủ, có bạo động vì đầy bất công, *cá lớn nuốt cá bé*. Ngài dẹp lủ sứ quân này cho đất nước được trở lại thanh bình, ngừng hẳn mọi giết chóc của một thời cuộc mà người với người xem nhau như lang sói. Sự bất tài của một vương triều, vương triều đó phải nhận trách nhiệm như bọn sứ quân, cả hai phải chịu *lỗi* trước dân tộc, nếu không nói là *tội*! *Tội* thì chắc chắn nặng hơn *lổi*, không những về hậu quả *nhân sinh* mà về cả hậu quả *nhân đức*, với sự suy sụp của giáo lý.

Câu chuyện của *Tiên Hoàng* với bối cảnh loạn lạc của các sứ quân là có mầm móng trong xã hội Việt hiện nay, với người dân luôn *"ngắn cổ, bé họng"* trước bạo quyền, từ xã, thôn, làng, xóm lên tới vùng, miền, thành phố, chịu cảnh *"ngậm bồ hòn làm mật"* trong một hệ thống công an trị, nơi mà *tham quyền* song hành cùng *tham nhũng*. Với các câu ngạn ngữ mới của cường quyền ác bá thời nay*"ở đâu ăn đấy",* làm tướng tá thì ở biệt thự, biệt phủ giữa cái nheo nhóc của dân đen. Với các câu châm ngôn mới của quan lớn, quan bé, lạm quyền nhờ bạo quyền *"ở trên ăn nhiều, ở dưới ăn ít"*.

Bọn *"sâu dân, mọc nước"* này còn nghĩ là chúng có lối thoát mà thời của Tiên Hoàng không có là: *"vơ tới cùng, vét tới tận"* cho đầy túi, đến khi *sơn hà nguy biến* thì chúng sẽ *"cao chạy, xa bay"* ra ngoại quốc! Chúng lầm, những quốc gia phương tây *dân chủ* mà chúng chắc bẩm là sẽ yên thân để dung thân tà kiếp của chúng là những quốc gia luôn đấu tranh cho *nhân quyền.* Cho nên, ông bà ta nói gọn trong *ẩn số kiếp người* là: *"lưới trời lồng lộng",* tức là *"chạy đằng trời chẳng thoát"*! Vì *"trời có mắt",* tức là "*nhân quyền có thần nhản",* sẽ mang chúng ra xử *tội* (tội hình sự) với công pháp quốc tế lúc đó chúng mới hiểu rõ câu của ông bà ta: *"tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa".*





ĐỀN THỜ ĐINH BỘ LĨNH-HOA LƯ, NINH BÌNH:

Lê Đại Hành: *Thập đạo tướng quân*

Thưa Chủ Soái,

Việt tộc biết Ngài qua ít nhất là ba phẩm cách, thứ nhất là *võ tướng bẩm sinh,* thứ hai là *sáng danh phận trai thời loạn,* thứ ba là *công tướng trí dũng*. Nhưng phải thống hợp cả ba để lấy ra hằng loạt bài học cho hậu thế, cho hiện tại, có trong phương pháp luận sử học so sánh cổ-kim của phương tây. Vì Ngài là nhân vật tiểu biểu mà các nước văn minh có sử luận uyên thâm được mang tên là *chủ thể cổ sử dẫn dắt hiện sử*; cụ thể là các bài học cổ ngài để lại cho mai sau thì rất hiện đại giữa thời buổi hiện nay. Xin Ngài cho hậu sinh kể lại vài bài học của Ngài mà hậu thế không những phải ngẫm mà phải làm:

-*Mưu lược quân sự* của Ngài để chống Nhà Tống có một không hai, khi chúng thấy oai dũng của Ngài thì tìm cách viết thư chiêu dụ, chúng đã lầm từ đó, vì Ngài không phải loại người sống để *"đầu hàng",* mà mưu lược của ngài đi trên vai, trên lưng chúng! Trận Bạch Đằng của Ngài được xếp là thứ hai trong sử liệu, sau trận của mảnh tướng Ngô Quyền, trước trận của dũng tướng Trần Hưng Đạo, ở đây xin gọi Ngài là minh tướng. Vì giữa trận mạc, Ngài *"giả hàng"* để tiếp cận sát với địch, mà chủ đích giết được tướng của địch là Hồ Nhân Bảo, ngay trên chiến thuyền của hắn. Giả cầm cự trong thế yếu, giả hàng để sát kề thân địch, để diệt địch, và cứ thế mỗi trận một cách, trận Tây Kết thì bọn xâm lăng kinh hồn bạt vía! Hằng trăm các tướng lĩnh của Bộ Quốc Phòng hiện nay phải học kỷ các bài học quân sự của Ngài, Ngài ạ!

Tài lược ngoại giao của Ngài đã cướp hồn sư giả Nhà Tống, cho nên các lãnh đạo của Bộ ngoại giao hiện nay phải học thật kỹ để luôn *thẳng lưng, ngẫn đầu* trước địch. Khi gặp sứ giả nhà Tống, Ngài không làm theo ý chúng là xuống ngựa và quỳ lạy, mà Ngài vẫn ngồi trên yên ngựa để đối thoại với chúng. Ngài luôn làm tăng vị thế ngoại giao của đất nước Việt, khai thị cho bọn sứ giả nhà Tống để chúng phải nễ trọng Việt tộc. Ngài thăng hoa dân tộc trong nước về nông nghiệp, kinh tế, rồi biến thành sách lược ngoại giao làm cho địch phải mở mắt là ta cũng thông minh, cũng giỏi, hay, tài, dũng như chúng. Để khi sứ giả nhà Tống trở về quê chúng phải viết lời công nhận: "*Ngoài mặt trời xứ Tống, cũng có một mặt trời khác" (Đại cồ Việt).*

Hành động lãnh đạo, của Ngài vừa *thực*, vưa *sáng*: Ngài cầy với dân, làm ruộng vì biết đất Việt phải mạnh về nghề nông để Việt tộc mới vững về kinh tế. Ngài *kinh bang tế thế,* với xây công trình thủy lợi, từ Ninh Bình tới Nghệ An."*Có thực mới vực được đạo*", mà *thực* đây vừa là *thực phẩm* mà cũng vừa là *sự thực*, ngài không bị sai lầm đến nhố nhăn như nguyên chủ tịch Trương Tấn Sang, như đương kim chủ tịch Trần Đại Quang là chỉ vát cày trên bờ ruộng để báo chí chụp ảnh; mà lố bịch nhất phải kể đến thủ tướng Nguyễn Xuân phúc trồng cây, mà không phải là cây non (trồng cho lớn) bứng cây đã lớn chổ này để cắm ở chổ khác, để cho ông tưới vài phút cho truyền hình thâu ảnh rồi sau đó thì cây chết mặc cây!

Hậu sinh xin cúi đầu khâm tạ Ngài, trước nhiều bài học về phục hưng văn hóa, gầy dựng lại lễ hội, nhất là lễ hội đua thuyền... Tóm lại muốn học Ngài, thì nên bắt đầu bằng ngôn ngữ của Ngài*:*

"Biết chọn chân chính mà đem tài phò giúp,
Biết tìm đường chính mà đi trong các nẻorối ren của thế sự".



Đền thờ vua LÊ ĐẠI HÀNH, HOÀNG HẬU DƯƠNG VÂN NGA VÀ VUA LÊ NGỌA TRIỀU- NINH BÌNH

Lý Thường Kiệt: *đa dũng*

Thưa kiện tướng,

Xin cúi đầu khâm phục vừa khiêm cẩn, vừa thành kính trước tài, trước công, trước các chiến tích của *kiện tướng*. Chính tầm vóc của cậu thanh niên Ngô Tuấn (tên thật của Lý Thường Kiệt), chấp nhận làm hoạn quan để phò minh quân, để kề cận với chuyện *cứu nước-giữ nước*, được mang họ Lý của vua với lòng tin yêu của vua, khi vua đã nhận ra bản lĩnh kiện tướng đa dũng của Ngài.

Đa dũng với nhiều mặt trận khác nhau trong đời Lý, mặt trận phía nam chống Chiêm Thành luôn là nỗi bất an cho cả triều Lý, mặt trận phía bắc của nhà Tống luôn là mối đe dọa hằng ngày của Việt tộc. Nhưng tầm vóc của Ngài vượt ngoài phạm vi quốc gia, Ngài biết liên minh rồi tập hợp các dân tộc anh em miền núi để cùng nhau chống giặc Tống. Ngài còn *đa dũng* ngoài sức tưởng tượng của kẻ địch, Ngài đánh chúng ngay trên đất của chúng, đập tan mọi cơ ngơi chuẩn bị xâm lăng của chúng. Chiến thắng Ung Châu, Liêm Châu, Bạch Châu... của ngài trên đất giặc, làm cho giặc từ thần thờ kinh ngạc về *lý dũng* của Ngài đến ngơ ngác ngạc nhiên về *trí dũng* của Ngài.

Đa dũng được chế tác từ *lý dũng* và *trí dũng,* có gốc là *luận cho quả cảm*, tức là không sợ, dù địch lớn, mạnh tới đâu đi nữa, được cụ thể hóa qua quyết định trong sáng suốt, quyết tâm trong tỉnh táo, quyết sách với tất cả thông minh thắng giặc vì biết *"đi guốt trong bụng giặc"*. *Đa dũng* là chỗ dựa của *đa tài* trong chiến thuật quân sự, linh động tùy cơ ứng biến; mỗi trận đánh, mỗi bối cảnh quân sự, Ngài luôn có cách tấn công thích nghi, có cách phòng thủ thích hợp, Ngài nắm thế *"đi trên đầu giặc"* để *điều binh, khiển tướng*.

Trong bối cảnh của đất nước hiện nay, trước họa của tàu tặc, nhân dân không thấy *lý dũng* của các lãnh đạo độc tài trong ĐCSVN, không thấy *trí dũng* của các tướng lĩnh trong Bộ quốc Phòng, mà chỉ thấy các khẩu lịnh đầy cạm bẫy: *láng giềng tốt, đồng chí tốt*... trong khi láng giềng này ngày ngày cướp đảo, cướp biển, giết ngư dân Việt trên biển Việt; còn đồng chí (trong tư duy *tặc chí* của chúng) thì thao túng, giật dây đẩy *độc quyền đảng* về phía *tà quyền* theo chúng trong *ma đạo*. Thưa *kiện tướng*, Việt tộc đang cần nhưng công tướng đi theo con đường của kiện tướng!



ĐỀN THỜ LÝ THƯỜNG KIỆT (THANH HÓA)

Trần Hưng Đạo: *quốc đạo*

Thưa Hưng Đạo Vương,

Việt tộc kính trọng và thờ phụng Ngài như thánh (Đức Thành Trần) như thương yêu kính trọng các bậc khai quốc công thần, và giữa các khai quốc công thần *dựng nước và giữ nước*: Ngài luôn có chỗ một đứng thật cao quý (ngày hội Đức Thành Trần). Câu chuyện này có lý do của nó, mà *lý* của nó thì rất *hay, đẹp, tốt, lành,* vì phẩm chất của Ngài thật *cao, sâu, xa, rộng* để hậu thế *học, tu, dưỡng, hành* cả đời cũng chưa xong.

Ngài cao đẹp vì là người lãnh đạo *vì nước quên thù nhà,* trước bi kịch của cha là Trần Cảnh, trong thảm kịch nội hôn, mà chính gia đình Ngài chịu cảnh tan nát. Khi cha hấp hối, Ngài lại còn phải nghe lời cha dặn là: phải trả thù nhà! Trả hận cho cha! Ngài đã không làm chuyện đó, Ngài chọn hướng *cứu nước*, Ngài đứng về phía *cứu dân*, đạo lý này đủ cho Ngài làm lẻ sống cho mình suốt kiếp, và chuyện này thì tất cả các vua, các tướng, các quan, cả nước ai cũng biết, cũng trọng, cũng khâm phục ngài.

Ngài có thông minh quân sự trọn vẹn của một lý trí luôn sáng suốt, có dũng cảm lãnh đạo tràn đầy của một nhân cách tỉnh táo, phương pháp phân tích của Ngài rất thuyết phục vua mỗi lần cả nước thề một phen sống mái với Nguyên Mông. Sức thuyết phục của ngài trao truyền lan rộng tới tướng sĩ, binh sĩ, muốn biết mảnh lực của nó, thì hảy đọc *Hịch Tướng Sĩ* của Ngài.

Trong *Hịch Tướng Sĩ*, Việt tộc luôn cúi đầu tiếp nhận trước lòng yêu nước của Ngài: *"Ta thường tới bữa quên ăn, nữa đêm vỗ gối, như ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa..."* Quân tử tạo ra *chính nhân*, riêng Ngài đã đi xa hơn bao chính nhân, Ngài còn dìu dắt bao chính nhân trong thời đại của Ngài đi theo *chính đạo* mà chính đạo thời đó, trước đe dọa của Nguyên Mông, chính là *quốc đạo* (vì nước quên thân), quên luôn cả thù nhà, chỉ vì không được quên nước. Lòng kính phục của hậu thế trước đạo lý của Ngài có cơ sở vững: lấy sung lực *lương tâm yêu nước* để tạo nên *lương tri lãnh đạo* trong việc *cứu nước-cứu dân*, dụng lương tri lãnh đạo để làm sáng lên *liêm sỉ vì dân* trong nhân cách lãnh đạo.

Thưa ngài, hậu thế ngày nay đang mong chờ lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN biết: *"Ta thường tới bửa quên ăn, nữa đêm vổ gối, như ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa..."*để đừng sa đọa trong *lạm quyền* và *lộng quyền,* và đừng suy đồi trong *tham quyền* và *tham nhũng.*Vì tình hình đất nước hiện nay đã *lâm nguy,* đừng để tiền đồ của Hưng Đạo Vương phải chịu cảnh: *lâm chung!*

Quang Trung: *dũng lực*

Thưa Hoàng Đế,

Trước khi Ngài trở thành *Quang Trung Hoàng Đế*, ngài đã là *dũng tướng* với bao *dũng lực*, ai hiểu Ngài đã phải thấy là thời buổi Ngài làm chuyện *bình Nam, dẹp Bắc* là vô cùng phức tạp, một thời đại dường như không có lối ra, nếu không có *dũng tài* quân sự, nếu không có *dũng trí* chính trị, nếu không có *dũng khí* lãnh đạo như Ngài. Tại sao vậy? Chỉ tại vì Ngài một thân, một chính nghĩa đã phải đối phó với sáu mặt trận tức khắc vì khẩn trương:

- Mặt trận thứ nhất là *Trịnh-Nguyễn phân tranh*, một cuộc huynh đệ tương tàn bị xem như là không thể dứt, nếu không có Ngài.
- Mặt trận thứ hai dai dẳng với Nguyễn Ánh mà hận thù đã lên ngất trời được xếp loại là *không đội trời chung*.
- Mặt trận thứ ba là sự nhó nhé của thực dân qua con đường truyền đạo, mà ít nhiều Nguyễn Ánh đã rơi vào bẫy, khi khai thác triệt để Ba Đa Lộc.
- Mặt trận thứ tư là Thái Lan, thời đó tên láng giềng cơ hội, *thừa nước đục thả câu*, cũng được Nguyễn Ánh không ngừng sử dụng.
- Mặt trận thứ năm chính là ông anh cả của Ngài: Nguyễn Nhạc, tâm địa lắc léo vì ham quyền cố vị.
- Mặt trận thứ sáu kinh khủng nhất chính là quân Thanh đang xâm chiếm đất nước Việt, chúng vào Thăng Long với tư cách vô cùng thô bỉ của bọn cướp nước Việt và khinh người Việt.

Khinh thường người khác trong chiến tranh thì dễ sinh ra *khinh địch*, cho nên quân Thanh đã bị quét ra, quét hẳn, quét hết, quét trọn, quét sạch qua chiến dịch thần tốc năm mươi ngày của Ngài. Chúng phải chui, phải chạy và cuối cùng là phải xin được giữ thân để về lại được quê cha đất tổ của chúng.

Thưa Ngài, hiện nay trên quê hương Việt, lãnh đạo hiện nay dường như chỉ có hai mặt trận tức khắc vì rất cụ thể. Mặt trận kinh tế *quốc thái dân an* để có *cơm no, áo ấm* rồi dần dà làm được chuyện *dân giàu nước mạnh* mà các láng giềng cùng nôi văn hóa tam giáo đồng nguyên với ta đã làm được (Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc). Mặt trận quân sự phải *giữ yên bờ cỏi* để giữ trọn *tiền đồ tổ tiên*, tức là hằng ngày phải *quyết tâm-quyết chí-quyết chiến* chống *lại ý muốn-ý định-ý đồ* của tàu tặc là *xâm lấn-xâm lược-xâm lăng* đất nước Việt. Chỉ có hai chuyện thôi, thật rõ ràng, chỉ như vậy thôi mà Việt tộc hiện nay không thấy cụ thể gì cả trong *hành vi-hành động* của lãnh đạo ĐCSVN!

Minh sư

Vạn Hạnh
Trần Thủ Độ
Nguyễn Trải
Chu Văn An
Trương Hán Siêu
Ngô Thì Nhậm
Mạc Đỉnh Chi

Minh sư
lấy minh trí lập mưu trí,
giữ trí thông thái để tạo mưu thông minh,
chuyển ý chí tâm thành ý lực minh.

Vạn Hạnh: *mưu sư*

Thưa Đại Sư,

Ngài vừa tu học một cách trí thức, Ngài vừa là *minh sư* từ đời Đinh qua đời Lê, Ngài lạilà thầy của Lý Công Uẩn, tiếng đồn đại là Ngài có thể là cha đẻ của Lý Công Uẩn, nhưng một điều chắc chắn là không có Ngài sẽ không có Lý Thái Tổ, không có nhà Lý, một triều đại minh và thông của Việt tộc.

Minh sư phải là mưu sư, tài phân tích của Ngài mà người thời đó gọi là tài tiên tri, đoán đâu trúng đó, thật ra là *thâm tài* về tổ chức các sự cố vừa thuận lợi, vừa tích cực để tạo ra tình thế mới, nhất là để thay đổi cán cân lực lượng trong chính trị, trước sự suy đồi của một triều Lê đã không có lối ra, trước họa xâm lăng của giặc phương bắc. Không những chính giới mà cả trong văn bản của phật giáo thời đó (*Thiền Uyển Tập Anh*) kể lại không biết là bao nhiêu mưu lược của Ngài. Chắc là cũng từ Ngài mà ra câu *chuyện con chó đen một mang trên lưng hai chữ trắng: thiên tử*, để mọi người khi thấy phải đoán năm tuất tới thì nước Việt sẽ có vua mới, cách dọn đường dầy mưu trí để Lý Công Uẩn lên ngôi, lập nhà Lý như đã cầm được trong tay: "*thiên mệnh*".

Minh sư phải là mưu sĩ, tuệ giác nhận định tình thế của Ngài luôn tôn trọng quy luật tổ chức không gian qua thời gian, ưu thời mẫn thế, để nắm phần chủ động trên chiến trường. Ngài luôn được Lê Đại Hành tham vấn về các chuyện hệ trọng cho cơ đồ Việt, tuân theo lời Ngài, Lê tướng quân đã *đánh đúng lúc* để *đánh thắng trọn* quân xâm lược phương bắc và quân chiêm phương nam. Minh sư ngay trên mặt trận giữ nước, Ngài là cầu nối từ đời Đinh tới đời Lê, qua tới đời Lý (mà ngay trong hậu đài Ngài đã tạo gầy dựng nên).

Minh sư phải minh trí, chuyện thịnh suy của một triều đại, chuyện thăng trầm của một đất nước, cũng là hệ *vô thường* trong phật học, điều này Phật Hoàng Trần Nhân Tông, đã thấy rất rõ, đã làm thơ ca tụng tài *học sâu hiểu rộng*, để *nhìn xa trông rộng* của Ngài. Thơ của Ngài mang tư tưởng sáng suốt về kiếp người, và rất tỉnh táo về lý luận lấy *nhân tri* để đánh thức *nhân sinh*:

"Thân như bóng chớp có rồi không...
Mặc kệ thịnh suy đừng sợ hải..."

Minh sư-mưu sư-mưu sĩ-minh trí chính là phương trình mà các lãnh đạo hiện nay phải ra trí, ra tâm, ra lực để học tập đại sự Vạn Hạnh, vì trận chiến chống tàu tặc trước mắt cần rất nhiều *minh*, rất nhiều *trí*, rất nhiều *mưu*!

Trần Thủ Độ: *chính quốc*

Thưa Thái Sư,

Thái sư để lại hình ảnh một nhân vật lịch sử gây ra bao tranh cải trong Việt sử, một hình ảnh đôi: *công thần* và *bạo chúa*, không có *Tướng quân* thì sẽ không có nhà Trần, một triều đại thông minh hàng đầu của Việt tộc. Nhưng *Thái sư* cũng mang hình ảnh một kẻ tàn ác, mang đến cảnh giết chóc, tận diệt đời Lý, với phương châm của *bạo chúa* (*nhổ cỏ phải nhổ tận gốc*), cũng phải kể thêm chuyện xóa cả họ Lý trong lý lịch mà các nạn nhân nhiều kẻ phải thay thế bằng họ Nguyễn, chuyện nội hôn đã bảo vệ hoàng tộc Trần. Nhưng không ai không muốn tặng cho *Thái sư* danh vị: *khai quốc công thần*, vì không có *Thái sư* thì không thể có chiến tích lừng lẫy thắng quân Nguyên Mông, cũng sẽ không có luôn: Trần Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tôn, các minh quân đại diện cho văn hóa Việt vững, văn minh Việt sáng, văn hiến Việt bền.

Thái sư mang *hằng số* của *chính quốc (vì nước xả thân),* mang luôn *ẩn số* của *bạo quyền* trong *quyết định* tới *quyết sách* với bi kịch Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh, Trần Liễu...Nhưng trong trường hợp của *Thái sư* thì *hằng số* lấp, nhấn, dằm, đè và đi trên lưng, trên vai *ẩn số*. Tình hình của Việt tộc hiện nay đang bị *lấp, nhấn, dằm, đè* bởi *độc đảng*, tạo *tham quyền*, sinh *tham nhũng*, mang theo bao suy đồi như cuối đời Lý (lúc mà *Tướng quân* phải *"ra tay"*), như hiện nay với bao thoái hóa về đạo đức xã hội, bao bất công đang vùi dập *dân đen, dân oan...*

Trong khi chờ đợi *nhân quyền, dân chủ, công bằng* tới với số phận Việt, thì trong thâm tâm của đại đa số nhân dân là mong cầu một sự xuất hiện của một *minh chúa* như *Thái sư* có quyết định, giữ quyết đoán, nắm quyết sách để *thay đời đổi kiếp* cho Việt tộc. Vai trò lãnh đạo cá nhân của *minh chúa* là tiên quyết trong lúc chờ *đa nguyên*, dù *minh chúa* đó phải dùng bạo sách như *Thái sư,* đó là kinh nghiệm của lịch sử, đó gần như là quy luật của sử luận, trong tư duy của một cá nhân lãnh đạo muốn *cứu nước-cứu dân* mà phải mang thân mình ra để xoay chuyển tình thế, và đẩy nó theo hướng thăng hoa, khi đã *cả quyết* là không có một phương sách nào khác cả!

Thái sư đã thuyết phục được vua Trần Thánh Tông, sau khi vua đã bỏ việc nước muốn đi tu tại Yên Tử, là vua phải trở về kinh đô mà nhận *nghĩa vụ cứu nước*, tiếp theo *Thái sư* đã thuyết phục được vua, cùng các tướng lãnh khác trong đại họa Nguyên Mông là: đầu của *Thái sư* chưa rơi thì *Thái sư* không rời bổn phận *cứu nguy dân tộc*. Đó là *công thần*, luôn mang theo công lý *"vì nước xả thân"*, hiện nay Việt tộc cũng cần một Trần Thủ Độ khai thác triệt để: *hằng số minh chúa cứu quốc!*

Chu Văn An: *chính sư-trinh đức*

Thưa Chính Sư,

Ngài vang danh với ba phẩm chất: *trí cương trực, tâm tiết tháo, đời trong sạch* nhưng Ngài không để đó mà sống thụ động trong vương triều, Ngài dùng ba phẩm chất này để chống bọn *tham quan*, chống lại sự thối nát đang đe dọa triều đình, đang đưa dân tộc tới hiểm nạn. Vì *tham quan-tham quyền* luôn là một *hiểm nạn* trong lịch sử cũng như trong tình hình hiện nay, *tham quan-tham quyền* có chỗ dựa là *bạo quyền* để *lạm quyền*, qua *độc quyền* do *độc tài* của ĐCSVN, đang là một *quốc nạn*.

Ngài lấy *đức độ* với lý luận chặt chẽ, phân tích minh bạch, Ngài xin vua hãy chém 7 tham quan nịnh thần, và Ngài liêm chính tới cùng, vua không nghe thì Ngài từ chức, về ở ẩn, lại còn lấy bút hiệu rất khiêm tốn là: *Tiều ẩn*. Việt tộc biết Ngài và luôn mong hiện nay phải xuất hiện thật nhiều Chu Văn An, ở bất cứ nơi nào có *tham ô-tham nhũng*, vạch mặt chỉ tên bọn *"sâu dân, mọc nước"*, đã biến một bộ phận lớn của *dân tộc* thành *dân đen, dân oan*! Không cần phải chém chúng, chỉ cần giáo dục chúng bằng đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* của Ngài, chỉ cần giáo dưỡng chúng bằng luân lý sống có trách nhiệm với tổ quốc, sống có bổn phận với nhân dân, đã làm quan thì không thể nào đứng ngoài vận mệnh của dân tộc, lại càng không thể dùng quyền để vơ vét, phải *nghiêm minh* để *nghiêm trị*.

Trong thời cuộc Ngài cũng như giữa thời thế hiện nay, bọn "*mượn đầu heo nấu cháo",* luôn thông đồng với bọn *"thừa nước đục thả câu",* đồng lỏa với bọn *"đục nước, béo cò",* chúng móc ngoặc với lủ *"thừa gió bẻ măng"*, tất cả chỉ là ký sinh trùng, chúng không *"yêu nước, thương dân",* ngược lại chúng chính là bọn *"sâu dân, mọc nước".*Tất cả bè lủ này, chúng luôn sợ *nhân phẩm-nhân cách* Chu Văn An, lấy *sự thật* để làm sáng *chân lý*, lấy chân lý để nói rõ *lẻ phải*, phải có mô hình chống tham quan *Chu Văn An,* cho xã hội Việt hiện naytrong đó *trí cương trực, tâm tiết tháo, đời trong sạch* vừa là lý thuyết luận, vừa là phương pháp luận, để dọn dẹp cho sạch *"bọn nội giặc"* này, vì chóng chầy chúng sẽ vào con đường *"buôn dân, bán nước".*

Thưa chính sư-trinh đức, Ngài còn là một người thầy cao quý, gương sáng cho giáo dục, thầy có nhiều học trò giỏi (Phạm Như Mạnh, Lê Quất Đỗ...), còn học trò xấu thì thầy không ngần ngại quở mắng, luôn dạy trò phải biết *làm người* để*nên người*. Ngài có *tài cao đạo trọng*, nhiều người, nhiều nhà xin được học thầy, Ngài nhận trách nhiệm mở trường Huỳnh Cung, kiến thức đi đôi cùng đạo đức. Ngài cũng đã là thầy của hai vua: Hiến tôn, Dụ Tôn. Ngài còn là tri âm của Trần Nguyên Đán, của Mạc Định Chi, Ngài được thờ ở Văn Miếu, Ngài ơi! Việt tộc thương, yêu, quý, trọng Ngài.

Trương Hán Siêu: *Thái Phó-Chính Đạo*

Thưa Thái Phó,

Ngài tài giỏi, vì chung quanh Ngài ai cũng biết là Ngài thâm nho, thâm giáo, trong một triều đại vừa trọng Nho, vừa sùng Phật. Là minh sư cận kề Hưng Đạo Vương, quân mưu của Ngài được Trần tướng quân sử dụng, Ngài phạm trù hóa chiến thuật *"vườn không nhà trống"*, tức là đốn cỏ ngay dưới chân bọn Nguyên Mông, tới cướp nước ta, vô hiệu hóa chúng ngay trên cái trò *trộm, cắp, cướp, giựt* của chúng là vừa cướp của dân, vừa giết dân. Những chiến thuật quân sự khác: lấy ít đánh nhiều, lấy không đánh có, Ngài luôn được sự lắng nghe của Hưng Đạo Vương, đứa con tin yêu của Việt tộc. Những bài học mà Ngài để lại phải vào giáo trình quân mưu cho các tướng tá hiện nay, vì làm tướng tá để đánh giặc, để đuổi giặc, để quét giặc ra khỏi biển, đảo, giữ trọn bờ cỏi, giữ vững sơn hà của tổ tiên, chớ không phải để đi buôn bất động sản, đi khai thác ngân hàng, lòn lách bằng các đường dây *độc quyền* để *chuyên quyền*, *cường quyền* để *lạm quyền*, *tham quyền* để *tham nhũng*.

Ngài liêm chính, thế nên bọn nịnh thần, tham quan, gây bao thối nát cho triều đình thời đó, luôn tránh Ngài, chúng tránh Ngài vì chúng sợ Ngài, *gian* sợ *ngay*, *tà* sợ *chính* là chuyện dễ hiểu, nhưng không dễ diệt bọn *"sâu dân, mọc nước"* này. Và, như Mạc Đỉnh Chi, như Chu Văn An, Ngài tởm bọn nịnh thần, tham quan tới *"lợm giọng"*, vậy mà hiện nay trên đất nước Việt loại này không ít, qua các đường dây *"quan hệ-hậu duệ-tiền tệ"*, chúng *"ăn trên, ngồi trốc"*,và chúng vẫn thói *"cướp ngày là quan"*.

Ngài sáng suốt luôn cả trong ngoại giao, gả các con gái gần xa của hoàng tộc cho tù trưởng để giữ liên minh với các bộ lạc chung quanh đất Việt, để che chở nhau trước bọn bá quyền phương bắc, không bao giờ bỏ mộng xâm lăng các nước nhỏ. Ngài còn để lại các bài thi phú ca tụng đất nước mình, nhất là các bài về quê hương Ninh Bình, văn phong, thi từ của Ngài thật và đẹp.

Ngài còn có một cái đẹp khác chính là lòng chân chính của Ngài trong và sáng, nên Ngài không biết nhắm mắt trước các suy đồi của xã hội, nhất là suy đồi của tín ngưởng, của đạo giáo, trong đó có Phật giáo thời đó với bọn ký sinh trùng mà Ngài phê phánlà: *"bọn áo thâm, áo vàng"..."không cày mà ăn"..."không dệt mà mặc"*. Ngài ơi!Bọn này bây giờ đầy dảy, trùm phủ lên cả nước, chúng xây chùa, mượn áo thầy tu, để gạt dân, qua mê tín, dị đoan, chúng chuyên*"khẩu phật, tâm xà",* chúng mặc tu nhưng đi *"buôn thần, bán thánh"* ngay tại các chùa, các nơi tôn nghiêm nhất. Chúng quên thiền nghiệp, chúng lợi dụng công quả, chúng thích đếm tiền hơn học đạo, chúng quên lời phật dạy: *"yêu muôn loài như yêu chính mình", "mang tình thương xóa nổi khổ niềm đau của chúng sinh"*, giữa lòng dân tộc hiện nay thì đầynổi khổ niềm đau của *dân đen*, *dân oan*, nhưng chúng ngoảnh mặt làm ngơ để tiếp tục vơ vét, chúng không phải là hòa thượng, không phải chân tu, chúng chính là các tham quan *giả Phật để giết Phật*!

Mạc Đỉnh Chi: *Lưỡng Quốc Trạng Nguyên*

Thưa Thượng Thư,
Ngài để lại hậu thế chúng tôi nhiều bài học, trong đó chữ *thức (kiến thức, tri thức, trí thức, nhận thức)* của Ngài, muôn chiều, muôn dạng, khiến cả đám triều thần nhà Nguyên, cứ vổ ngực là thiên triều, từ vua tới quan phải biết thế nào *thông minh việt*, vừa sắc, vừa nhọn. *Phong độ đại thần* của Ngài làm nên từ *ý thức tự chủ* đó, biết mình là ai rồi, thì không bao giờ mặc cảm với đồng loại, rung hoảng trước vua chúa, nhất là không bao giờ bị khuất phục trước đối phương, dù nó lớn tới đâu đi nữa.

-*Bài học thứ nhất khi học thì phải học tới cùng*, sử truyền thời thơ ấu của Ngài, nhà thì nghèo mà hình thể của Ngài thì xấu, bị người đời xa lánh. Ngài mê học nhưng phải *"học lóm",* đứng ngoài lớp mà nghe thầy giảng bài để...học, đó chính là bài học: *học thì phải học tới cùng*, học cho bằng được, học cho ra kiến thức. Đây là bài học rất hiện đại cho tất cả học sinh, sinh viên, kể cả những kẻ đã vổ ngực là *"đã thành tài rồi"* trên dất Việt hiện nay, trong một bối cảnh trường học và đại học mọc lên như nấm, trên một đất nước đang chịu cảnh bi-kịch-học: *học giả-thi giả-bằng giả;* có *học vị* và có *học hàm* trên giấy, mà không có *học lực*.

-Bài học thứ hai là tri thức, là với hình thể bị chê là xấu xí, mới hơn 20 tuổi, Ngài đậu Trạng nguyên, mà ngay cả vua Trần Anh Tông, khi thấy bề ngoài của Ngài không đẹp, không hợp, không muốn ngài có chức Trạng Nguyên. Ngài phải *"dụng tri để trị vua"* với bài thơ *Ngọc tịnh liên (Hoa sen trong giếng ngọc)*, để khai thị, để khai minh, rồi khai trí cho ông vua này là: đừng chỉ nhìn bề ngoài, đừng nhìn dáng ông thấp, da ông đen, mà không nhận ra nảo bộ của Ngài, tấm vóc của Ngài, mà kết cục Ngài đã là thầy của vua. Thời đó, người ta còn biết Ngài giỏi cả *cầm, kỳ, thi, họa.*

-Bài học thứ ba là trí thức, Ngài chấp nhận đấu trí với đám quan của thiên triều, Ngài nhận ứng đối luôn với cả vua nhà Nguyên. Tri của Ngài vững, trí của Ngài nhanh, Ngài trả lời các câu đố của chúng vừa chính xác, vừa chỉnh chu, vừa toàn diện, vừa sắc nhọn. Ngài để lại không biết bao nhiêu là bài học về đối đáp (về đốp chác!) trước đối phương tự vổ ngực cho mình là thiên triều. Mà chính vua Nguyên vì khâm phục Ngài mà tặng Ngài chức *Lưởng Quốc Trạng Nguyên*. Có chuyện lạ là dưới (độc) quyền của ĐCSVN, các lãnh đạo, các cán bộ của Bộ Ngoại Giao, khi ta thể nghiệm hệ *thức* của họ về Mạc Đỉnh Chi, thì ta thấy họ không có kiến thức gì về Ngài, tức là trường, lớp của Bộ Ngoại Giao không có giáo khoa, giáo trình, giáo án về Ngài, lạ thật! Vì Ngài chính là *tri thức luận ngoại giao Việt.*

-Bài học thứ tư chính là cuộc sống liêm khiết, đạm bạc của Ngài, không nhận quà cáp gì của vua, chọn cái đẹp của *thanh đạm*, cái cao của *thanh bạch*, mà không sợ *thanh bần*, cho nên cuộc đời của Ngài tự nó *thanh cao*.

Nguyễn Trải: *chiến lược sư*

Thưa Ức Trai Đại Sư,

Ngài như được đúc kết bởi bao tinh hoa của Việt tộc, phải về Côn Sơn, mới hiểu tại sao đứa con tin yêu này của Việt tộc đã có những hùng lực thông minh lạ thường, để hiểu tại sao Unesco, Liên Hiệp Quốc công nhận Ngài như danh nhân của nhân loại. Ngài có giòng họ chính thống với Trần Nguyên Đáng, Ngài đã hít thở trong nhân tri vững nhân trí của Chu Văn An, Ngài thâm trầm trong thâm học với kinh nghiệm của Huyền Quan, một trong ba sư tổ của phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài chắc chắn suy ngẫm nhiều tại sao Hưng Đạo Vương vừa tập trận ngay tại Lục Đầu, nơi sáu con sông tụ đầu ngay trên quê hương của Ngài, vừa là nơi mà Hưng Đạo Vương thường lui về để nghĩ ngơi.

Hãy tới đền thờ của Úc Trai tại Hải Dương để hiểu vì sao mà đứa con tin yêu của Việt tộc được nhân dân tại đây thương yêu đến chừng nào. Những người dân tại đây hẹn nhau tới đền thờ của Ngài, họ ngồi trò chuyện trong thảnh thơi, ung dung, thong dong, nhàn hạ trên tấm phản, ngay trong đền, ngay bàn thờ, dưới chân Ngài Ức Trai. Đây là, tổng kết của nhiều bài học: *"ăn ở có hậu",* nên *"dân thương, dân nhớ",* vì*"ở người ta thương, đi người ta nhớ"*... nhất là đối với các bậc khai quốc công thần. Ngược lai, *tham quyền để tham nhũng, lạm quyền để lộng quyền* như hiện nay, thì ngày rời cỏi đời này, thì người nay và người sau họ "*không thương, chẳng nhớ"*, mà còn bị họ *"rải muối"* để không có lối về, không có đất mà dung thân!

Ngài để lại đời sau bao nhiêu bài học, trong đó có 5 bài học luôn cận kề với con cháu trong hiện tình đất nước đang bị đe dọa bởi tàu tặc đe dọa, dân tộc đang bị suy đồi về luân lý, lạc đường trong giáo dục, lầm lối trong xã hội...

Chiến lược sáng trong chiến sự, đây là bài học đầu tiên mà ngài đã làm sáng cho thông minh quân sự Việt, Ngài dạy con cháu là chữ *nhẫn* đi cùng với chữ *thời* để tạo ra chữ *thế*. Ngay từ đầu, chữ *nhẫn* rất rõ, Ngài chờ những năm ròng ở Đông Quan, chờ ngày gặp chúa để cứu dân cho tới nơi, tới chốn; chữ *thời* và chữ *thế*, càng rõ hơn, khi Ngài cùng Bình Định Vương cầm cự nhiều năm dài trên núi Chí Linh.

Chính lý ngời trong ngoại giao, đây là mặt trận để con cháu thấy rõ Ngài vừa là quan văn, vừa là quan võ, hơn thế nữa Ngài là bậc thầy trên mặt trận ngoại giao, khi *chính luận yêu nước Việt* chính là lập luận chống tà quyền xâm lăng. Các lá thư Ngài gởi tới bọn tướng giặc, thường không thấy thư trả lời, và nếu chúng có liêm sỉ thì chúng phải cúi đầu khâm phục tài diễn luận và trí giãi luận của Ngài về lòng yêu nước Việt của con dân Việt. Câu chuyện *chính lý* làm mức độ để nói lên trình độ *chính tri* trong *chính trị*, đây là câu chuyện cốt lỏi hiện nay của đất nước trước họa tàu tặc đang cướp biển, cướp đảo ta. Chúng ta chỉ thắng được ngoại xâm nếu ngay trên thượng nguồn chúng ta có đầy đủ kiến thức của *chính lý* và có trọn vẹn ý thức của *chính tri.*

Tâm lý chiến trong chinh chiến, Ngài cũng là thầy khai minh ra môn tâm lý chiến, tìm là mọi cách tác động lên tâm lý kẻ xâm lược, Ngài lý luận rõ cho bọn tướng, bọn lính của giặc là chúng bất chính trong việc đi cướp nước láng giềng, lại chịu cạnh bị đày đọa xa nhà, xa quê. Sống *"vất va vất vưởng"* nơi quê người, chết trận bằng xâm lăng, thì chỉ là *"oan hồn",* thuộc loại *"ma bùn"* mà thôi! Có tướng giặc, cả binh lính thấy Ngài phân tích đúng (trúng tim gan của chúng), có khi nhận ra hàng, mà ta không cần phải đánh.

Ẩn tích để sáng danh, Ngài rút lui về Côn Sơn vì bọn nịnh thần, tham quan làm Ngài *"lợm giọng",* chúng hảm hại Trần Nguyên Hản, Ngài không những thấy rõ tâm địa của chúng, mà Ngài còn *"đi guốt trong bụng"*các vua nhà Lê, *đồng thuyền* trong *đồng cam, cộng khổ*, nhưng không *đồng hội*, trong yến tiệc của quyền lực. Đấy cũng là chuyện trình độ đạo lý của Ngài luôn cao hơn mức độ tính toán quyền lực bủn xỉn của các vua, của quan nhà Lê thời đó. Nhưng Ngài không *"mai danh, ẩn tích",* mà Ngài *ẩn tích để sáng danh*, qua văn thơ kiệt xuất trong tâm hồn Việt, văn minh Việt, mà nay đọc lại vẫn thấy ngài rất hiện đại!

Nhân tri nuôi văn trí, các bài thơ, các văn bản do chính tay Ngài viết, nhất là *Bình Ngô Đại Cáo*, làm sáng ngời không những chính nghĩa dày trí dũng của Việt tộc, mà còn làm gốc cho một *nhân bản* bền vững trong *nhân loại*: *"Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo"*. Một bài học cũng vô cùng hiện đại sẽ dẫn đưa Việt tộc đi tìm *nhân quyền* để chống *bạo quyền* mà *độc quyền* của *độc đảng* đang áp đặc trên số phận của Việt tộc.

Nguyễn Bỉnh Khiêm: *cứu cái đã suy*

Thưa Trạng Trình,

Nhà tiên tri đại tài được cả nước trân quý, các câu sấm của *Trạng Trình* mà cho tới giờ đây dân Việt vẫn thường lấy ra nghiệm, ra ngẫm để biết các chuyện *"vật đổi sao dời"* trong *nhân sinh*, mà kẻ hậu thế này sống bằng khoa học duy lý thì không sao giải thích được. Vì duy lý, nên hậu thế này xin được xem và được gọi Ngài là *nhà tiên đoán* chính trị vạn năng của Việt tộc, vì *tiên tri* thì hậu thế này không tìm ra được cái *lý* để lập ra cái *luận*. Còn *tiên đóan* thì cái *lý* ở trong cái *đoán*, dựa trên *dữ kiện*, trên *chứng từ* để lần tìm ra sự thật, để dọ dẫm ra chân lý, để phóng đoán được tương lai. Và, trên cơ sở *tiên đóan* này thì Ngài là đứa con tin yêu của Việt tộc. Các bằng chứng: Ngài là *thầy bói giỏi* trong sử liệu chưa thuyết phục được hậu thế này, chớ riêng về chuyện Ngài sáng dạ, chăm chỉ, thông minh trên con đường học vấn thì chứng cớ rất rõ, rất đầy, nên hậu thế này xin tiếp tục gọi Ngài là *nhà tiên đóan,* và cũng không quên Ngài là một người thầy giáo mà ai cũng khâm phục, kính yêu!

Cứu cái đã suy, đây là kỳ tài của Ngài, có một không hai trên đất Việt, chính đám học thức gốc hoa hiểu biết sử nước Nam ta họ cũng phục Ngài. Ngày cứu Nguyễn Hoàng, khi khuyên nên vào nam, Tướng này nghe lời vào nam, không những sống sót trước đe dọa của chúa Trịnh, mà còn trị vì và phát huyđược hàng trăm năm. Ngài cũng cứu luôn cả chúa Trịnh, khi khuyên Trịnh Kiểm, không nên diệt nhà Lê mà phải thờ nhà Lê, nhờ thế mà các chúa Trịnh cũng tồn tại cũng hàng trăm năm. Chưa hết, Ngài còn cứu luôn cả nhà Mạc, khuyên họ rút về Cao Bằng để có đất sống, để dung thân, nghe lời Ngài nhà Mạc cũng được *"yên thân"* trong nhiều năm.

Nhà tiên đóan đúng thời cuộc, trúng tình thế, thì không những là *minh sư* mà là *đại sư*, luôn ở thế *"đi guốt ở trong bụng các biến thiên",* qua các bối cảnh chính trị vô cùng phức tạp. Ngày hôm nay trước họa *tàu tặc* không bao giờ từ bỏ ý đồ thôn tính đất Việt, đồng hóa dân Việt, mọi người đang chờ có vài (hoặc có nhiều thì càng hay) Trạng trình để *khai thị, khai minh, khai trí* các nhà lãnh đạo của ĐCSVN đang bị nhân dân gắn cho một *"chính trị hiệu"* thấp và xấu: *"Hèn với giặc, ác với dân!"*.Thật lạ là năm thế kỷ sau, Ngài vẫn còn cận kề cùng nỗi lo với bao người Việt yêu nước với một câu *tiên tri-tiên đoán* rất chính xác, chứng tỏ tư tưởng chiến lược siêu phàm của Ngài:

"...Biển đông vạn dặm ra tay giữ
Đất Việt muôn năm giữ trị bình..."

Ngô Thì Nhậm: *Đại Học Sĩ*

Thưa Đại Học Sĩ,

Ngài để lại cho hậu thế thật nhiều bài học thật sâu, đi sâu để đào sâu *nhân cách trí thức yêu nước của Việt tộc*. Bài học đầu tiên là sống và làm việc vì dân, vì nước, Ngài phục vụ đất nước không ngừng nghĩ, Ngài ra làm quan cho triều Lê-chúa Trịnh, khi vận nước lâm nguy, phải cứu nước thì Ngài tận sức, tận công phò Quang Trung đánh giặc Thanh. Vì đối với Ngài *cứu nước-cứu dân* là chuyện chính còn chuyện triều này, triều kia là chuyện phụ, từ thái độ tới hành vi, từ quyết định tới hành động, *tâm-trí-lực* của Ngài luôn sống trong quyết đoán.

Chúa Trịnh vừa nhận ra sức thông minh của ngài vừa biết cá tính tự chủ của Ngài, gọi Ngài là *tuấn mã*, để xếp ngài trên cao, ở bên ngoài lũ ngựa *"ăn không ngồi rồi"* là bọn tham quan, ăn bám-sống nhờ *lộc vua, tiền dân,* bọn "*sâu dân, mọc nước"* này mà chúa Trịnh hiểu là bọn *"tốn thóc, tốn cỏ".* Bọn này có rất nhiều trong hệ thống chính quyền độc đảng hiện nay, mà chúng thì tốn kém hơn nhiều: chúng bán tài nguyên đất nước, chúng biển lận quỹ công, chúng "rút ruột" các công trình, để các công trình phải dẫy chết mà chúng đặt tên là đang bị:*"đắp chiếu".*Trong lúc chờ đợi một chế độ thật dân chủ, Việt tộc đang cần ngay một minh chủ hoặc minh chúa để *"đắp chiếu",* càng sớm càng hay bọn *tham quan* này.

Ngài viết sách rất sớm, năm 16 tuổi viết *Nhị thập nhất sử toát yếu,* năm 20 tuổi viết *Tứ thư thuyết ước,* và cả đời Ngài viết sách, lấy học thức phục vụ kiến thức, viết đạo đức vì đạo lý. Ngài đỗ Trạng Nguyên, sau cha 9 năm là Ngô Thì Sĩ. Là một tác giả lớn, Ngài còn là văn hóa lớn, viết ra nhiều văn bản, luật lệ về giáo dục, văn hóa...khi Ngài được Quang Trung hoàng đế mời vào Phú Xuân để lo việc nước thuở thanh bình sau khi chiến thắng giặc Thanh. *Minh chúa* tin *minh sư,* vì *minh sư học thật-giỏi thật*, ngược lại với thời đại tham nhũng hiện nay, với không ít lãnh đạo với *sự nghiệp giả* trong *học giả-thi giả-bằng giả;* không có *học lực* mà lại đòi *học vị-học hàm* chức giáo sư, mà không bao giờ nghiên cứu và giảng dạy tại đại học.

Quang Trung hoàng đế, khi gặp được Ngài, đã biết ngay tầm vóc *dũng cao-trí dày* của Ngài, hoàng đế luôn xem Ngài là tri âm, mà người biết chuyện thời đó gọi là *"cặp bày trùng",* song hành bên nhau, vì cả hai đều đem *tài-trí-lực* để bảo vệ quê hương. Khi Ngài quyết định rút quân về Núi Đèo, Tam Điệp để bảo toàn lực lượng, tạo ra bối cảnh để trống thành Thăng Long, làm tăng lên sức chủ quan khinh địch của quân Thanh, để khi ta thần tốc tấn công với chiến công mùa xuân năm Kỷ Dậu, thì chúng phải bỏ cả cờ mà chạy, manh giáp cũng chẳng còn. Nguyễn Huệ minh tướng lúc đó còn ở Phú Xuân, khi được nghe kể chuyện quân ta rời Thăng Long rút quân về Núi Đèo, Tam Điệp, thì biết ngay đây là *mưu cao- trí sâu*của Ngài, tâm giao nên đắc khí, vì *minh tướng* đã gặp được *minh sư.*

Trước họa tàu tặc hiện nay đang đe dọa đất nước, Việt tộc đang rất cần nhiều *minh tướng* và *minh sư* đây! Hãy khám phá bản lĩnh *"nhìn xa trông rộng"* của Ngài: *"Đánh giặc phải lượng thế giặc rồi mới đánh. Lượng phần thắng rồi mới hành động. Như đánh cờ, nhịn trước một bước, để thắng nước cờ sau, thế mới là tay cờ cao!*". Bài học này hữu ích cho các lãnh đạo, các tướng lĩnh hiện nay trước họa của tàu tặc.

Chánh Sứ là chức vụ ngoại giao lớn nhất mà Quang Trung hoàng đế giao cho Ngài để lập lại ngoại giao với nhà Thanh, Ngài còn biết biến các chuyến công du qua Trung Quốc thành những chuyến mà Ngài còn gọi là *tráng du,* Ngài để lại tác phẩm lớn Hoàng Hoa Đồ Phả. Tâm khảm của Ngài được thấy rõ trong các chuyến đi này, này khi Ngài chú tâm tìm lại các dấu vết của các danh nhân Việt trên đất Trung Hoa, hậu thế rất khâm phục tâm nghĩa của Ngài.

Khi Ngài từ quan trước sự vô minh của triều đình sau khi Quang Trung hoàng đế qua đời, Ngài đi vào *tu học*, mài sắc nhọn thêm lý luận phật học của Việt tộc, Ngài được phong là người thứ tư đã tiếp nối sự nghiệp của phái Trúc Lâm Yên Tử sau ba vị tổ đời Trần của phái này: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang.

Ai cũng biết mối thù *"ngất trời"* giữa Quang Trung và Nguyễn Ánh, thuộc loại *"không đội trời chung",* đào mồ, bới mã lẫn nhau. Nhưng khi Nguyễn Ánh giết một cách máy móc các quan quân của Quang Trung, thuộc loại thảm sát vừa tràn lan, vừa đầy hận thù, mà không phân biệt các công thần, dưới trướng Quang Trung, trong bối cảnh đó họ chỉ *vì dân-vì nước*. Nhưng Nguyễn Ánh đã mù quáng trong hận thù, khi Nguyễn Ánh cho người đánh đập Ngô Thì Nhậm đến chết, nên người đời thấy rất rõ: Ngô Thì Nhậm vĩnh viễn là *minh sư*, và Nguyễn Ánh thì không bao giờ là *minh quân*!

Minh Nữ

Hai Bà Trưng
Bà Triệu
Dương Vân Nga
Nguyên Phi Ỷ Lan
Huyền Trân công chúa
Bùi Thị Xuân

Minh Nữ là dũng nữ chống ngoại xâm
Minh Nữ là hùng nữ diệt xâm lăng
Minh Nữ là mảnh nữ xóa nội tặc.

Hai Bà Trưng: *Nữ lực*

Thưa hai Nữ Vương,

Hai Bà Đánh quân Đông Hán, mà người đời đã đúc kết qua câu *nợ nước-thù nhà*, khi giặc ngoại xâm đã giết chồng của Trưng Trắc là Thi Sách. Nhưng khí thế của hai Bà tạo được trong kháng chiến thuở đó còn có mang nội lực của *mẫu quyền* còn ảnh hưởng trong văn hóa Việt chăng? Trong bối cảnh sơn hà nguy biến, có khi nội lực này vượt lên áp lực của *phụ quyền*. Bằng chứng là chung quanh hai Bà có các nữ tướng: Lê Chân, Thánh Thiên, Bát Đàng... ngay từ trong tổ chức quân lực cho tới khí thế khi đối diện với địch trên chiến trường, hai Bà đã đóng trọn vẹn vai: *vua*! Hai Bà để lại một bài học vô cùng quý báu mà con cháu thời nay luôn phải nhớ là: *quyết tâm tự chủ của Việt tộc*. Các nhà lãnh đạo *độc đảng* hiện nay, dù còn *độc tài* để *độc quyền*: đừng quên bài học này!

Sử Việt còn ghi sự tàn ác thái thú Tô Định, nó độc ác nhưng là thằng hèn, đã bị hai Bà đánh cho bỏ chạy, sau đó bạo triều Đông Hán gởi Mã Viện tới và khi thắng được hai Bà, nó đã để lại chiến tích (hay giả sử) về *cột đồng Mã Viện*, xem đất Việt là đất tàu, *cột đồng* sau đó đã không còn dấu tích. Đây cũng là chuyện dễ hiểu: không bao giờ Việt tộc để *cột đồng* đứng trên quê hương việt. Những ai cứ thắc mắc: giờ thì *cột đồng* đó ở đâu? Thắc mắc thì cứ tìm câu trả lời, trong đó có giả thuyết là dân Việt đã nấu *cột đồng* chảy ra để làm *thau đồng*, để lau nhà rồi! Đừng lẩm cẩm mà để giặc vào đất nước này lần nữa, chúng không những đã cướp biển, cướp đảo, mà đã đến đất nước này qua đường du lịch, để oan oan trong bảo tàng, trong chùa Linh Ứng tại Đà Nẵng, và nhiều nơi khác, khi bọn hướng dẫn viên du lịch gốc tàu nói bằng tiếng trung là đất Việt xưa là đất của chúng! Chúng ta đừng ngần ngại tống bọn hướng dẫn viên du lịch này ra khỏi đất nước ta!

Thời hai Bà ra quân kháng chiến, nhân dân ủng hộ, nhân sĩ tụ nghĩa chung quanh hai Bà, đó là vì hai Bà vừa có trí tuệ, vừa có dũng khí *giữ nước-cứu dân*, để lại những trang sử -trong sáng và trong sạch-về tâm hồn Việt: *quyết tâm độc lập của Việt tộc*. Hậu thế này sẽ là hậu duệ đạo lý của hai Bà: *không để mất quê hương!*

Bà Triệu: *oanh liệt Việt*

Thưa Bà,

Bà khởi nghĩa ra quân cứu nguy đất nước trong bối cảnh của một thời kỳ bi thảm của dân tộc. Bọn giặc nhà Ngô vô cùng tàn bạo với dân Việt, chúng mang sự tàn độc của cái hổn chiến cùng thời của Tam Quốc tới đất nước Việt ta. Chúng trùm phủ không khí tàn ác nhà Hậu Hán để đô hộ nước Việt, với bọn tham quan bòn rút tận xương tủy dân ta, trong đó phải kể tội tên thứ sử Lử Đại, tham ô đi cùng với độc ác.

Người thời đó truyền tục: cùng với sắc đẹp Triệu Thị Trinh, can đảm và mưu trí, và để khai minh cho những ai thắc mắc, tại sao bà không lấy chồng, lập gia đình, yên thân với nữ phận, Bà trả lời:*"Tôi muốn cởi gió mạnh, đạp sóng dử, chém cá kình ngoài biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, cưỡi ách nô lệ cho nhân dân"*.Đây là tầm vóc nhân sinh quan của bà, đây cũng là một sung lực của phụ nữ Việt mà các bọn giặc đến cướp ta thường rất vô minh về *ẩn số nữ Việt* này.

Dáng mạo oanh liệt trên chiến trận, Bà cởi voi, ra trận với mảnh lực, mỗi lần binh lính giặc Ngô phải đi đối đầu với Bà, chúng rất sợ. Từ rừng Bồ Điền, nơi Bà tổ chức kháng chiến, tới Núi Tùng, Thanh Hóa, Bà đã có hơn 30 trận ác chiến với giặc Ngô. Chính giặc Ngô đặt tên cho Bà là *Nhụy Kiều Tướng Quân*, công nhận cái *thanh* của Bà. Ai cũng biết nhân cách cao đẹp của Bà, chính tướng giặc là Lục Dậnđã chọn cái *tục* khi bắt lính quân Ngô trần truồng ra trận để Bà phải ngượng mà lui quân.*Tàu tục, Triệu thanh* là kinh nghiệm mà ta phải nhớ mỗi lần ta đối đầu với tàu tặc, tổ tiên ta dặn con cháu phải luôn giữ cái *thanh*, vì nó tinh khiết, vì nó trong trắng, cho dù trước các câu hỏi *tục*, chúng ta phải luôn chọn*:" đố tục, giảng thanh"*.

Vì vậy, trong các trận chiến xắp tới với tàu tặc, từ ngoại giao tới quân sự, nếu chúng *tục*, thì ta đừng lùi mà mắc mưu chúng, ta cứ tiến lên để dẹp cho sạch cái *tục*, vì cái *tục* dẫn đường đưa lối cho cái *xấu, thô, tồi, dở*, để sau đó là mở cửa cho cái *thâm, độc, ác, hiểm* nhập vào nhân tính Việt. Chúng ta quý trọng văn minh Trung Quốc, chúng ta còn xếp Khổng Tử, Lảo Tử, Mạnh Tử vào bậc thầy, nhưng chúng ta đừng để cái *tàu tục* có mặt trên đất nước Việt!

Thẳng thắn, không dung kẻ xấu, bà đã xử chính đáng bà chị dâu đã phản bội và tố cáo chồng: Triệu Quốc Đạt, là anh của Bà. Bao lần tướng Ngô tìm mọi cách để chiêu dụ Bà, nhưng chúng luôn thất bại vì khí phách của Bà. Ngược lại, trong tổ chức đội ngũ của Bà, có những kẻ đã để địch mua chuộc, làm tan rả hàng ngũ trước âm mưu của địch. Bài học tổ chức chặt chẻ nội bộ luôn là bài học quý mỗi lần chúng ta phải đối diện với tàu tặc xăm lăng. Bài học quý hơn cả mà Bà để lại cho các thế hệ Việt hiện nay chính là hùng lực của*uy tín tự thân*, lấy *chính sự tự chủ* để làm sức mạnh, và tướng Trần Quang Khải đã tiếp nhận được bài học này của Bà*:"Dấu chân Bà triệu rạng ngời sử xanh"*.

Dương Vân Nga: *bản lĩnh nữ Việt*

Thưa Hoàng hậu,

Cả nước ít ai gọi tên thật của Bà: *Dương Thị*, mà nhất là người ngày nay luôn gọi Bà là *Hoàng hậu Dương Vân Nga*, họ kể với nhau là tên này có là nhờ qua tuồng, các vở tuồng ca ngợi bản lĩnh hoàng hậu hai đời của Bà, đời Đinh và đời Lê, giai đoạn mà nước ta luôn bị giặc Tống đe dọa, rình rập, rồi xâm lược. Vậy, mà Hoàng hậu đứng như một cột trụ trung tâm để đối đầu với bọn giặc Tống, lúc thì chúng như cú vọ, lúc thì chúng chồn cáo, với bụng dạ sói lang của chúng.

Hai triều Đinh và Lê, đều không dài trong Việt sử, phận nước Việt trong *dầu sôi lửa bỏng*, Hoàng hậu cận kề Đinh Tiên Hoàng, Hoàng hậu sát cánh với Lê Đại Hành, trước những điểm hẹn gay gắt của thời cuộc, trước những dấu ấn gay go của chính sự, Bà luôn có mặt! Có mặt vì *yêu nước thương dân*, có mặt để *cứu dân cứu nước*. Bà bị tai tiếng trong nghi án giết vua Đinh Tiên Hoàng, lại thêm tin đồn tư tình với Lê Đại Hành; xóa triều Đinh, dựng triều Lê. Những nghi án này đi qua đi lại giữa chính sử và hư sử, nên hậu thế này xin đưa ra một *đề nghị-làm-giả thuyết* để tiếp tục nghiên cứu thêm về Hoàng hậu, lấy chiều cao của công tâm, lấy chiều rộng của lương tâm, lấy chiều sâu công lý, cụ thể là lấy tầm nhìn xa để phân tích tâm lý, tâm trạng, tâm sự của Hoàng hậu trước tình hình rối bời thời đó. Tại đây, hậu thế xin phối hợp hai luận thuyết: một là của *triết phân tích chính trị*, hai là *xã hội học bối cảnh chính trị*, mà hậu thế đã dùng trong các nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, nay xin đưa vào trường hợp của Hoàng hậu: đó là *phân tích so sánh tình huống* giữa *số phận* và *kiếp nạn*.

Số phần và *kiếp nạn* là hai ngữ pháp rất khác biệt nhau, từ nội dung đến vận hành để kẻ có trách nhiệm lãnh đạo đất nước biến *quyết định* thành *quyết đoán*, biến *hành vi* thành *hành động cụ thể* để thay đổi chính sự, chiến cuộc, tình thế... Hậu thế này nghĩ rằng khi Hoàng hậu đã mang lên *cân, đo, đong, đếm*: một bên là *số phần* riêng của mình, của một triều đại; một bên là *kiếp nạn* của cả một dân tộc. *Kiếp nạn* là kiếp dài nhục nhã, đốn mạt cho muôn dân: suốt kiếp phải chịu kiếp nô lệ, cả một giống nòi sẽ mang kiếp bị đồng hóa, cả một đất nước sẽ mất mọi *gốc, rễ, cội, nguồn* về văn hóa, văn minh, văn hiến của mình, kể cả *nhân phẩm Việt* đã có sẵn trong *bản sắc Việt*. Hoàng hậu đã gạt *số phần* của mình, của Triều Đinh qua một bên, để trực diện chống *kiếp (hoạn) nạn* cho cả một dân tộc, và chính nhờ có Hoàng hậu, mà minh tướng Lê Đại Hành mới vững tâm dẹp giặc.

Bài học *gạt số phần của tư lợi để trực diện chống kiếp nạn vì dân cứu nước* rất hiện đại, nó phải hiển hiện ngay trong nảo bộ các lãnh đạo hiện nay trước họa tàu tặc, mà các vị này nên theo *Hoàng hậu Dương Vân Nga* là: dẹp *thù trong* trước, để sau đó lo cho đại cuộc là: *giặc ngoài*!



Từ trái qua: Tượng thờ Dương Vân Nga, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành

Nguyên Phi Ỷ Lan: *Quan âm chính sự*

Thưa Nguyên Phi,

Cô gái hái dâu, nuôi tầm, không ngừng tay làm việc trong khi bên ngoài là hội Chùa Dâu, đã được vua Lý Thánh Tông chú ý và cảm phục mà lý do chính là sống và làm việc với thực chất của mình, vì con người thật của Bà là *"thức khuya dậy sớm"* nghèo nhưng liêm sỉ, là *"một nắng hai sương"* nghèo nhưng chăm chỉ, vì có lương tâm với gia đình.

Kinh bang tế thế, là *chân tài* của Bà, câu chuyện *"tiến cung"*với niềm tin, cùng lòng quý yêu của vua Lý Thánh Tông. Dân truyền rằng khi vua đi đánh giặc Chiêm, cùng Lý Thường Kiệt, năm 1069, giao chuyện quản lý đất nước cho Bà, và Bà chăm lo rất chu đáo cho dân, vì Bà thương dân, vì Bà hiểu dân nghèo hơn ai hết.Có đại quyền điều hành đất nước, bà nhận lãnh trọn vẹn, nhân gian tôn bà là *Quan Âm*, nhân dân hết lời khen Bà. Khi vua qua đời, dù Bà là mẹ của Lý Nhân Tông, lên ngôi năm 6 tuổi, trước họa tàu tặc, giờ Bà đã thành *Thái phi*, nhưng Bà không được chấp chính, không được trực tiếp lo chính sự, mà chỉ có Thái Hậu Thượng Dương mới có quyền đó.

Bà lại mang tiếng là người đã giết Thái Hậu Thượng Dương cùng với 72 cung nữ, đâu là sự thật? Nhưng vai trò lịch sử của Bà là tiên quyết, khi Quân Tống muốn chiếm nước ta, với bản lĩnh của minh tướng Lý Thường Kiệt đi phạt Tống ngay trên đất Tống: tại đây chắc là có tầm vóc chủ đạo hay tư vấn chiến lược gia quân sự là Thái Phi Ỷ Lan, cũng như trong cả giai đoạn phá Tống-bình Chiêm của nhà Lý. Cũng chính trong giai đoạn *dầu sôi lửa bỏng* này, Thái Phi Ỷ Lanđã để lộ ra một bản lĩnh khác, một bản lĩnh vì nước mà quên tị hiềm, Bà đã triệu Lý Đạo Thành về cung, lo nội chính, để giúp nước, mà Lý Đạo Thành là kẻ đã đứng về phíaThái Hậu Thượng Dương, để chống lại Thái Phi Ỷ Lan thuở nào.

Bà kỷ tính trong tổ chức, Bà kỷ lưỡng trong quản lý, Bà lấy một phần ngân khố đểsử dụng vào việc cứu các cô gái bơ vơ, giúp họ lấy chồng; Bà chống chuyện trộm trâu, giết trâu, gây ra thiếu trâu để cày cấy thời đó, Bà ra những luật chống trộm cắp rất nghiêm minh để ngăn chặn các kẻ trộm trâu. Chuyện hay khác là Bà có trình độ phật học cao, tinh thông phật pháp, sùng đạo phật, mở mang dân trí, thích làm việc thiện, luôn nghĩ tới người nghèo, sử dụng hiền tài, đây là thời đã lập ra Quốc Tử Giám. Thực tài lãnh đạo chính trị kiệt xuất của Bà là *thật sử* của Việt sử. Bà là gương sáng cho mọi lãnh đạo hiện nay đang thích *độc quyền* để *chuyên quyền* mà quên bổn phận vì *"dân giầu, nước mạnh",* đang chuộng *tham quyền* để *tham nhũng* mà gạt đi trách nhiệm *"vì nước, vì dân"*. Bản lĩnh lãnh đạo, tầm vóc quản lý, nội công tổ chức của Thái Phi Ỷ Lan đi trên vai, trên lưng các đám tham quan bất tài đời nay!

Huyền Trân công chúa: *nhân cách ngàn dặm*

Thưa Công Chúa,

Công chúa nhận cuộc hôn với Chế Mân để hòa bình giữa Chàm tộc và Việt tộc, biến chuyện sống chung giữa hai dân tộc thành chuyện có thực, vì vậy nhân cách của công chúa là rất đẹp, vì nghĩa vụ này rất lớn. Cả Việt tộc phải biết mà tự hào đã nhờ có cha của *công chúa* là Phật hoàng Trần Nhân Tông biết *"nhìn xa trộng rộng"*, mà *công chúa* đã cụ thể hóa được lòng hiếu hòa của Việt tộc qua chuyện *"đi làm dâu xa"*với nỗi niềm dường như độc nhất trong Việt sử, mà nhạc sĩ Phạm Duy đã hát lên được: *"Nước non ngàn dặm ra đi"*.

Những câu chữ dèm pha về số phận của công chúa:*"ai mang cây quế khỏi rừng, để cho lũ mán, lũ mường nó leo"* chỉ là loại ngữ văn kỳ thị chủng tộc, thấp vì vô minh, tồi vì vô tri, tục vì vô giác, những kẻ thích trích dẫn câu này, thường là những kẻ không có đạo lý của sứ mệnh, không có luân lý của bổn phận, không có luôn đạo đức của nghĩa vụ công dân, vì *"sơn hà xã tắc"*. Họ càng thấp hơn khi họ nêu tấy lên chuyện tư tình của Công Chúa với công tướng Trần Khắc Chung, trên đường từ Chiêm về Việt, sau khi Chế Mân qua đời. Nhân cách cha của Công Chúa Phật hoàng Trần Nhân Tông rất cao, nhân cách của vua Chế Mân rất vững, nhân cách củaTrần Khắc Chung rất rõ, vậy xin kết luận ngay nhân cách của Công Chúa phải: rất đẹp! Nên những người đáng quý, đáng trọng này mới thương, mới yêu công chúa.

Những kẻ nghi ngờ rồi phóng đại về nhân cách này họ rất bơ vơ, làm sao họ hiểu được *"nỗi khổ, niềm đau"* của công chúa, nhưng công chúa không hề bị chuyện xấu làm công chúa quỵ, gục, ngã. Công Chúa biết tìm *cỏi tu* để *trong tâm, sạch hồn* trước những mất mát lớn: mất chồng, mất con, kể cả mất người yêu; nhưng ngay trong cõi tu, Công Chúa vẫn giúp được dân lành qua bao chuyện công điền, cấy cầy... mà ngày nay dân địa phương (chung quanh ngôi chùa mà công chúa là chủ trì) vẫn khiêm cẩn thờ Công Chúa.

Soi xưa để thấy tỏ nay: bao nhiêu phụ nữ hiện nay đấu tranh vì *nhân quyền, dân chủ, công bằng*...tức là vì một Việt tộc sống có *nhân cách*, họ chịu cảnh ngục tù của những *tù nhân lương tâm*, cùng lúc bị bọn văn nô, bồi bút bôi nhọ, vu khống, chụp mũ, vấy bùn trên cái đẹp của nhân cách các phụ nữ Việt, biết nhận nghĩa-phận với Việt tộc. Bọn văn nô, bồi bút này chỉ là ký sinh trùng trong dưới sự chỉ đạo của bạo quyền tuyên huấn, bạo hành công an...Chúng chỉ có thể lấy lại *nhân cách* của chúng khi nào chúng hiểu thế nào là đạo lý của sứ mệnh, luân lý của bổn phận, đạo đức của nghĩa vụ: *"phải cứu nước, cứu dân"*. Nhất là loại lãnh đạo nam giới bất tài hiện nay ngày ngày hiếp đáp phụ nữ Việt, thì nên (ít nhất trong ngày này 08 tháng 3, ngày quốc tế phụ nữ) biết *cúi đầu-khoan tay-quỳ gối* trước *nhân cách lịch sử* của Công Chúa.

Bùi Thị Xuân: *anh thư dũng tướng*

Thưa Đô Đốc áo đỏ,

Nữ tướng lớn lên trên quê hương của Tây Sơn, chọn đường *võ nghiệp* ngay từ đầu, bạn đời của Thiếu phó Trần Quang Diệu, một trong tứ trụ đại thần của Quang Trung, cuộc đời của võ tướng làm sáng lên ba chân lý là phụ nữ Việt đã: *thành công trong võ nghiệp, thành tài trong quân nghiệp, thành tựu trong chính nghiệp* giữa thời chiến mà chính Nữ tướng đã được phong làm Đô Đốc.

Nữ tướng áo đỏ có biệt tài về *tượng binh*, với chiến thuật xáp trận đặc sắc, với cách dàn binh, bố trận đoạt hồn, cướp vía giặc mà sử liệu quân Thanh còn ghi lại, mà các quan sát viên phương tây thời đó cũng công nhận. Và, chính Nguyễn Ánh đã lấy thế kẻ thắng mà hỏi Bà *"Có muốn ta tha cho không?"* Bà trả lời *"Ta đâu vì ham sống mà chịu nhục!"* Người đời cúi đầu khâm phục khí tiết của Nữ tướng. Cũng về phẩm chất, trước mối thù *thâm mang-bội ác* của Nguyễn Ánh với vua Quang Trung, mà theo truyền thuyết là Nguyễn Ánh đã áp dụng án tử hình *voi dày*. Sử liệu (hay truyền thuyết) kể lại chính con voi thi hành án đó đã từ chối hành sát bà, sau đó Nguyễn Ánh phải quấn Bà vào vải rồi tẩm dầu mà đốt Bà, và Bà đã đứng thẳng lưng trong lửa đang thiêu thân Bà. Hình như Nguyễn Ánh luôn thua Bà trong cả ba lần gặp Bà trên chiến trận, và Bà đã thắng trong thế thẳng lưng: lần thứ nhất trên chiến trường *đấu trí thua tài*, lần thứ hai cũng trên chiến trường *đấu lực thua dũng*, và lần cuối khi Bà là tù binh thì *đấu khẩu thua lý*.

Nữ tướng áo đỏ còn có khí khái nhân từ, Bà đã tha mạng cho Võ Văn Dũng, sau khi nhân vật này đã hảm hại Bùi Đắc Tuyên, chính là cậu ruột của Bà; chính lòng nhân từvì nước quên tư thù này mà sau đó Võ Văn Dũng nhớ ơn, đã trung thành cận kề cùng chống của Bà là Trần Quang Diệu trong thăng trầm của binh đao. Dân Bình Định đã thờ, đã phụng, luôn tôn kính Bà, bất chấp các cấm đoán của Nguyễn Ánh, cả thời nhà Nguyễn.

Các vị lãnh đạo hiện nay nếu muốn đi tìm nữ tướng trước tàu họa xâm lăng, thì không cần tìm trong đám tướng của Bộ quốc Phòng, sẽ không tìm thấy vì trong ổ này chỉ có đàn ông phong đàn ông làm tướng, mà hãy đi tìm trong nhà tù hiện nay: các nữ tướng chính là các tù nhân lương tâm phái nữ đang trong vòng lao lý, họ dám đấu tranh vì *nhân quyền cho nhân dân*, vì *nhân phẩm cho Việt tộc*, hãy thả họ ra ngay để họ được đối diện dẹp các bất công trong xã hội, để họ chống ngoại xâm, để họ rộng đường cứu nước!

Minh trí

Phan Bội Châu
Phan chu trinh
Lê Quý Đôn
Nguyễn Trường Tộ
Trương Vĩnh Ký

Minh trí
lấy nhân lý để thay đổi nhân tình
cầm nhân tri để thăng hoa nhân trí
giữ nhân bản để bảo vệ nhân sinh.

Lê Quý Đôn

Thưa nhà bác học Quế Đường,

Thế kỷ XVII, Ngài đại diện cho hình ảnh của kẻ sĩ: *thích học hành, ham khám phá, trí nhớ cao,* Ngài là đứa con tin yêu vì tinh thông của quê hương Thái Bình, nhân dân yêu quý ngài, tặng nhau câu này: *"thiên hạ vô tri vấn bằng Đôn",* ai không biết thì hỏi Lê Quý Đôn. Ngài đỗ cả ba kỳ thi, năm 17 tuổi thi *Hương*, năm 27 tuổi thi *Hội*, sau đó là thi *Đình*, Ngài đỗ bản nhản, làm quan cho nhà Lê-chúa Trịnh. Ngài cũng là hình ảnh *người thật* trong *học thật*, học thật và *khám phá thật*, hoàn toàn ngược với sự suy đồi hiện nay trong nền giáo dục với bao kẻ *mua bằng để mua quyền, bán chức,* gian lận trong *học giả-thi giả-bằng giả*. Mà đến cả ông Bộ trưởng bộ giáo dục Phùng Xuân Nhạ lại tai tiếng vì đạo văn; đến cả Bộ trưởng bộ y tế Nguyễn Kim Tiến, thi học vị giáo sư đại học rồi lại bị thu hồi vì không đủ hoặc không có trình độ. Trước mắt bao thế hệ trẻ đây là một nền giáo dục từ suy đồi qua đốn mạt, với các *Bộ trưởng giả học.*

Ngài đại diện cho sự tinh thông toàn bộ, sự minh thông dường như toàn diện, Ngài nghiên cứu về khoa học tự nhiên, Ngài phân tích xã hội, giáo dục, văn hóa... với khối kiến thức đồ sộ. Ngài có những công trình kiến trúc mà hậu thế phải cúi đầu khâm phục, cả một cuộc đời dâng hiến cho học thuật. Ngoài tác phẩm lớn của ngài là *Vân Đài Ngoại Ngữ*, Ngài còn là nhà sử học, nhà tư tưởng, nhà chính trị học, nhà đại lý học, nhà ngôn ngữ học... với các tác phẩm thông thái: *Đại Việt Thông Sử, Thủ Biên Tạp Lục, Bác Sứ Thông lục; Kiến Văn Tiểu Lục, Thư kinh diễn nghĩa, Xuân Thu Lược Luận...* Luôn là nhà trí thức chân chính, Ngài là tấm gương thật sáng cho tất cả trí thức, sinh viên, học sinh đang khao khát học hỏi, muốn dứt khoát thoát hoạn nạn trong *tà thuật* của *mua bằng để mua quyền, bán chức*, trong *ma thuật* của *học giả-thi giả-bằng giả*.

Ngài có nhân cách một nhà nghiên cứu, một nhà giáo được người đời tôn kính, trong truyền thống hiếu học của Việt tộc, biết tâm niệm chuyện *tầm sư học đạo* để *tôn sư trọng đạo*, hậu thế này cứ mong có được một người thầy như Ngài, để học cho thỏa chí, thỏa trí, thỏa khí!

Phan Bội Châu

Thưa cụ Sào Nam,

Đứa con cứng cáp của quê hương Nghệ An, quê hương của các kẻ sĩ ham học và yêu nước, dâng cho đất nước nhiều anh hùng,vừa có*thư,* vừa có *kiếm,* biết *dấn thân để cứu nước.* Dưới ách thống trị của thực dân cạnh một triều đại phong kiến hũ bại, Ngài chủ trương cách mạng triệt để qua giáo dục quần chúng, chấp nhận đấu tranh bạo động, Ngài muốn lập nên Cộng Hòa Dân Quốc Việt Nam. Ngài đi cả nước, gặp các chí sĩ cùng thời: Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp…để *bắt mối đồng tâm*. Ngài kề cận phong trào cần Vương, Ngài hiểu Cường Để. Năm1904, lập hội Duy Tân, tại Quảng Nam, năm 1905, Ngài cùng Tăng Bạt Hổ qua Trung quốc, tại đây Ngài đã gặp Lương Khải Siêu đã khuyên Ngài nên dụng thơ văn để khơi dậy lòng yêu nước của Việt tộc.

Đông Du, tại Nhật Ngài đã gặp Phan Chu Trinh, nhưng bất đồng ý kiến về hai thể chế, Ngài chọn quân chủ và cụ Phan Chu Trinh chọn dân chủ qua nhân trí. Ngài chủ xướng phong trào Đông Du với hàng trăm du học sinh. Chân trời mới lập ra lý tưởng mới, xuất dương vì yêu nước.

Chủ trương *Việt Nam Quang Phục Hội*, là phải đuổi Pháp cho bằng được, chúng bắt giam Ngài tại Hàn Châu, Trung Quốc, sử án chung thân, nhưng phong trào bảo vệ Ngài nổi lên khắp nước, lan cả sang Pháp, sang Trung Quốc, thực dân phải đổi án qua : *quản thúc*. Tầm vóc cách mạng của Ngài là: *chính trị đi đôi với văn hóa,* trong đó nhân cách chính trị song hành cùng nhân cách văn hóa, đây là mô hình lãnh đạo chính trị với *kiến thức uyên thâm* của Ngài. Đây là một bài học vừa hiện đại,vừa cụ thể cho các kẻ lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN: không có kiến thức uyên thâm thì làm sao có văn hóa, không có văn hóa thì làm sao lãnh đạo chính trị?

Các tác phẩm của Ngài luôn khơi dậy lòng yêu nước, chống thực dân pháp, Ngài làngười thầy của mô hình *giáo dân trong giáo dục* (một ngày mà không học là môt ngày bị đe dọa mất nước), vì *kiến thức* dựng lên *nhân tri*, kẻ lãnh đạo phải vững *nhân trí* để trì vị với *nhân tâm*. Trong sự nghiệp trí thức của Ngài (Phan Bội Châu toàn tập, 10 tác phẩm, hơn 5000 câu), hậu thế thấy tâm huyết của Ngài :

« ...Đúc gan sắt để dời non lấp bể
Xối máu nóng để rửa vết nhơ nô lệ... »

Tâm huyết của Ngài đến cuối đời đã thành huyết lệ, để trước khi từ trần để lại cho mai sau một bài học về lương tri trí thức, về lương tâm kẻ yêu nước: *«Tôi có chí mà không có tài…tôi xin chịu tội với nhân dân... »*.Cuối cùng là một câu hỏi cho tất cả những ai vì nước-vì dân, tự chối và không chấp nhận đứng ngoài vận mệnh của dân tộc:

«Hào kiệt đi đâu, giang sơn trơ đó!»

Phan Chu Trinh

Thưa Cụ Tây Hồ,

"Hỡi những người tuổi trẻ tài cao...rủ nhau đi học mọi điều văn minh", Cụ cả đời bị ám ảnh bởi chữ *văn minh,* vì Cụ biết chỉ có chữ đó mới đưa Việt tộc tới con đường *phát triển*, mới cứu Việt tộc ra khỏi con đường *lạc hậu, nô lệ, độc tài...* mà hiện nay *độc quyền* qua *độc đảng.*

Cụ đậu phó bản, nhận chức Thừa Biện Bộ Lễ. Cụ đi pháp, sang nhật, cổ vũ cho một dân tộc phải tìm lối ra bằng *văn minh*, lấy *nhân trí* làm *nhân tri*, lấy nhân tri dựng *nhân sinh*. Cụ vừa vận động cho *dân chủ* nơi mà cải cách đất nước đi đôi với thực hiện dân chủ, *dân giàu nước mạnh* qua *trí* của *nhân*, *lý* của khoa học, *luận* của văn minh. Thời đó, cụ hiểu *dân quyền* sẽ tạo cường lực cho *dân sinh*, chế tác ra *dân khí,* giúp dân tộc thăng hoa, đây là nguyên tắc căn bản phong trào Duy Tân. Chính sách này với phương pháp luận tinh thông của nó không hề lỗi thời và nếu chính trị của ĐCSVN mà lương thiện trong chính quyền bằng lương tri trong chính phủ thì phải nghiên cứu thật kỷ, thật rõ đường lối của cụ Tây Hồ để *cứu nước-cứu dân.*

Cụ thành lập *Đông Kinh Nghĩa Thục* (học đường vì nghĩa), cũng là một bài học rất hiện đại và hữu hiệu cho mọi cải cách giáo dục hiện nay, nơi mà chính sách giáo dục đang đi *moi tiền-móc túi*, từ phụ huynh tới học sinh. Tại sao hiện nay, lại có một cơ chế giáo dục đang *bần cùng hóa* các gia đình, các bậc cha mẹbằng học phí quá cao? Trong *"Bản yêu sách của nhân dân An Nam"*, cụ viết tại pháp, ưu tiên cho giáo dục là ưu tiên cho dân trí, trong chủ trương khai trí cho dân, qua kinh nghiệm cụ thể của Pháp, của Nhật...

Với Cụ, giảng dạy đi đôi với diễn thuyết, lấy *lý* để *luận*, lấy *tri* làm *trí*... với vai vóc trí thức thật sự, ngược hẳn với các kẻ luồn lách hiện nay trong nền giáo dục đồi trụy *học giả-thi giả-bằng giả*, không có *học thực* mà đòi *học hàm*, không có *học lực* mà đòi *học vị*, chưa bao giờ lên đứng trên bục giảng mà đòi chức giáo sư. Chưa hiểu *lý* làm sao *lập* được *luận*, kiến thức giả thì làm sao quang minh chính đại thảo luận để tranh luận; bằng cấp giả thì làm sao giải luận qua diễn luận. *Buôn chức, bán quyền* không sao có chỗ trong kiến thức, trong giáo dục, trong học đường. Bọn *học giả-thi giả-bằng giả* luôn lẩn tránh hội nghị, hội luận, hội thảo quốc tế, nhưng cũng luôn lén lút buôn giáo dục để tham ô, tham nhũng.

Nguyễn Trường Tộ: *mở để học*

Thưa Học Sĩ,

Học Sĩ nhận hưởng văn hóa phương tây, mặc dù sinh ra từ một gia đình nho giáo, Cụ đã thấy rất sớm phải mở cửa để học bên ngoài, mở cửa để chống lạc hậu, để đưa dân tộc đi lên. Cụ hiểu đạo ki tô giáo, Cụ có thể theo đạo giáo nầy, nhưng Cụ cũng hiểu là chuyện truyền đạo này cũng có âm mưu với thục dân trong thời đấy. Nhưng chuyện chính vẫn là chuyện triều Nguyễn thời đó phải tức khắc dẹp chuyện *"bế môn tỏa cảng",*bỏ chuyện *"ngăn sông cấm chợ",* mà hậu quả chuyện bài thị các sức mạnh của phương tây về khoa học kỹ thuật gây ra bao hậu quả cho đất nước, cho dân tộc. Chính vì *lạc hậu* về khoa học kỹ thuật, mới *lạc điệu* với thời cuộc, để thực dân *"đè đầu, đè cổ"* dân ta. Cùng lúc đó Nhật Bản đã vào thời đại của Minh Trị thiên Hoàng để liên tục phát triển cho tới nay. Chuyện lạc hậu của đất nước Việt trong thế kỷ của Ngài là lỗi của Triều Nguyễn, của bọn quan lại vô minh chỉ biết vơ vét tiền của nhân dân: đúng như hoạn bịnh mà xã hội Việt hiện nay đang gánh chịu trong một chế độ độc đảng mà tham quyền sinh đôi cùng tham nhũng.

Cuộc đời của Cụ gắn liền với bản 56 bản điều trần lên vua để *canh tân đất nước*, tâm huyết tri thức và ý lực trí thức của Cụ là ở đây. Cụ chủ trương bước đầu của lãnh đạo của đất nước nên hòa với Pháp để *học*, nhưng bản thân ngài không hề cộng tác với Pháp. Cụ phân tích rõ ràng là phải cũng cố lương lực qua các chương trình đào tạo về cơ khí, kiến trúc, kể cả về luật, cùng lúc xem lại toàn bộ các mạch giao thông trên toàn đất nước, và đất nước Việt phải có nông học để tăng mạnh về nông nghiệp. Quyết tâm trí thức của Cụ thật rõ, không ngừng ở lý thuyết, Cụ muốn tham gia tích cực, trực tiếp vào các công trình do chính Cụ đề nghị, nhưng Vua không nghe, bọn tham quan ngăn chặn các công trình này với bao ngờ vực, với bao vô minh của một cơ chế dày đặc bọn tham quan *"sâu dân, mọc nước"*.

Tình hình đất nước Việt hiện nay, cũng vậy nếu không nói là tệ hơn, với hàng nghìn bản điều trần hàng năm, nếu kể luôn mạng xã hội có thể là hàng triệu bản trần tình để canh tân đất nước, cải tổ cơ chế, cải cách giáo dục... Hậu thế hiện nay, tâm cảnh không xa Cụ bao nhiêu, vì hoàn cảnh "đồng thuyền" với Cụ lắm! Triều Nguyễn không nghe, gian thần ngăn chặn, Cụ mang bao u uất và rút lui, ở ẩn, nhưng Cụ vẫn viết, vẫn điều trần, vẫn thiết tha với vận mệnh của dân tộc, cho đến khi bại liệt, thành phế nhân. Cả đời Cụ không rời chuyện học, nghiên cứu, thực nghiệm qua *mắt thấy tai nghe* qua các chuyến tây du, Cụ thấy rõ một quân đội mà lính là nông dân với giáo, đao, gậy, gộc thì không thể thắng được thực dân có khoa học kỹ thuật trong tay, chúng chỉ cần nả đại bác trước, rồi chúng vào Gia Định, vào Đà Nẵng như vào chốn không người. Thảm kịch của đất nước trong tay một tầng lớp lãnh đạo *bịt mắt-bịt tai* không nghe trí thức, y như thảm kịch ngày nay của thời *độc đảng-độc quyền* của ĐCSVN, được Cụ đúc kết qua lời cuối trước khi vĩnh viễn ra đi:

"Một kiếp xa chân muôn kiếp hận...
Đất nước Việt này ai là chủ?
Muốn đem tâm sự hỏi trời đây!"

Trương Vĩnh Ký: *kiến thức là nguồn sống*

Thưa Bác Học,

Người đời truyền tụng ông qua một kiệt xuất về ngoại ngữ, ông tiếng miên, tiếng lào, tiếng xiêm, cùng với tiếng pháp, tiếng ấn độ, tiếng tây ban nha, kể cả tiếng hy lạp... Kiệt nhân ngoại ngữ, ông đi nhiều, biết nhiều, được hàn lâm viện Pháp mời làm thành viên. Đứa con thông thái của Nam Kỳ, ông là nhà bác học nghiên cứu về khoa học tự nhiên, xã hội, văn hóa... Nhân bất thập toàn, ông học với người Pháp, làm việc cho Pháp khi đó là thực dân đang đô hộ đất nước ta, những kẻ thấy ông được chính quyền pháp trọng đải một thời, thi họ *«không tha»* cho ông. Ông làm *«thông ngôn»* cho chính quyền bảo hộ Pháp, thì họ coi như đã *«thông đồng»* với Pháp, họ mỉa mai ông là : người tài nhưng làm tay sai cho Pháp!

Cuộc đời của ông mang bao nghịch lý, năm 1862 ông trong phái đoàn Pháp, đi thương lượng với triều Nguyễn để lấy ba tỉnh miền đông nam kỳ; sau đó ông lại theo Phan Thanh Giản qua Pháp để chuộc lại ba tỉnh đó, nhưng thất thành. Ông được các kẻ cầm quyền có tài của Pháp, các trí thức đương thời quý trọng, nhờ các ưu ái này ông được đi tham nhiều nước tây âu, đi nhiều nên thấy nhiều, thấy nhiều nên hiểu nhiều, bao lần ông khuyên triều đình phải *canh tân đất nước*, nhưng không ai nghe ông. Ông đủ bản lĩnh làm gạch nối giữa hai văn hóa âu-việt, theo mô hình của V.Hugo là người ông rất khâm phục: giáo dục và báo chí là hai động lực để một đất nước có được văn minh và phát triển. Năm 1869, Ông cho ra đời *Gia định báo*, Ông luôn vận đông đưa thanh niên đi du học, với châm ngôn: *"phải đi và phải về để phục sự đất nước"*.

Ông quan niệm một *công dân tốt* phải là *trò tốt* và *thầy tốt*, phải làm được cả hai. Năm 1874, Ông tham gia giảng dạy trường đào tạo tham biện. Năm 1883, viện sỉ hàn lâm viện Pháp, năm 1864 Ông là Cơ mật viện cho vua Khải Định. Năm 1865, có tên Đô Đốc pháp sau khi tấn công các phong trào khởi nghĩa của miền nam đã dùng lời hăm dọa, yêu cầu ông dịch văn bản của nó ra tiếng hán. Ông làm ngược lại là dịch một bài thơ của Bùi Hữu Nghĩa từ nôm ra quốc ngữ:

Ai khiến thăng tây tới đay ha
Đất bằng bổng chốc nổi phong ba
...Nam kỳ chi thiêu người trung nghĩa

Ông viết *Đại Nam quốc sử diển ca*, Ông dịch *Đia lý An Nam lịch sử* ra tiếng Pháp, Ông yêu quý văn học dân gian mà ông gọi là *vàng ròng của văn hóa Việt.* Ông mến chuộng Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Ông luôn tham gia tích cực vào việc phát triển đất nước, nhân dân miền nam thời đó để tên ông vào *Tứ Bất tử* (bốn kẻ không bao giờ chết), vì ông luôn xem *kiến thức là nguồn sống*: đây là bài học cụ thể cho sinh viên, thanh niên, và là bài học cấp bách nhất cho các lãnh đạo của ĐCSVN hiện nay, bớt *tham quyền* mà nên quý *kiến thức*, để dụng *nhân tài*, lấy đó làm ưu tiên để phát triển đất nước, để *thay đời, đổi kiếp* theo hướng thăng hoa cho Việt tộc

Các bản thảo được nhà xuất bản *Anthropol-Asie* ấn hành có thể tham khảo qua *Facebook Vùng khả luận (trang thầy Khóa).*

NHÂN LUẬN ***(l'argumentation humaine)***

CHÍNH LUẬN ***(l'argumentation politique)***
DUYÊN LUẬN ***(l'argumentation relationnelle)***
KIẾP LUẬN ***(l'argumentation karmique)***
MỸ LUẬN ***(l'argumentation esthétique)***
NGHỆ LUẬN ***(l'argumentation artistique)***
TÂM LUẬN ***(l'argumentation affective)***
THI LUẬN ***(l'argumentation poétique)***
TÌNH LUẬN ***(l'argumentation sentimentale)***
TỰ LUẬN ***(l'argumentation libérée)***

TRỰC LUẬN ***(l'argumentation directe)***
XÃ LUẬN ***(l'argumentation sociétale)***
OAN LUẬN ***(l'argumentation contre l'injustice)***
BỤI LUẬN ***(l'argumentation à propos de la «poussière de la vie»)***
VIỆT LUẬN ***(L'argumentation vietnamienne)***
LINH LUẬN ***(L'argumentation spirituelle)***
GIÁO LUẬN ***(l'argumentation éducative)***
THƯ LUẬN ***(l'argumentation éducative)***
TUỆ LUẬN ***(l'argumentation transmissive)***
TỘI LUẬN (***l'argumentation contre le crime d'Etat*****)**
SINH LUẬN (***l'argumentation anthropologique de l'écologie*****)**
LƯƠNG LUẬN (***l'argumentation contre le crime d'Etat*****)**
CHỦ LUẬN (***l'argumentation créative du sujet*****)**
KHỔ LUẬN (***l'argumentation face à la souffrance*****)**
HỌA LUẬN (***l'argumentation face au malheur*****)**
THUẬT LUẬN (***l'argumentation face à l'œuvre d'art*****)**
ĐỒNG LUẬN (***l'argumentation fondatrice de la nation*****)**
NGỮ LUẬN (***l'argumentation sémantique de la langue*****)**
KÝ LUẬN (***l'argumentation narrative contre l'injustice*****)**
VÔ LUẬN (***l'argumentation éducative contre l'obscurantisme*****)**
ĐẠO LUẬN ***(l'argumentation asymétrique de l'éducation)***
THƯƠNG LUẬN ***(l'argumentation éthique de la compassion)***
NGHĨA LUẬN ***(l'argumentation éthique du sentiment)***
ĐẠO LUẬN ***(l'argumentation asymétrique de l'éducation)***

YÊU LUẬN (*l'argumentation intime de l'amour)*
THI LUẬN (*l'argumentation transgressive de la poésie)*
TẦM LUẬN *(l'argumentation relationnelle entre philosophie et poésie)*
NÃO LUẬN *(l'argumentation évolutive de la cognition)*
TỔNG LUẬN I *(l'argumentation synthétique I)*
TỔNG LUẬN II *(l'argumentation synthétique II)*
TỔNG LUẬN III *(l'argumentation synthétique III)*
TỔNG LUẬN IV *(l'argumentation synthétique IV)*
TỔNG LUẬN V *(l'argumentation synthétique V)*
TỔNG LUẬN VI *(l'argumentation synthétique VI)*
THƠ – Recueils de poèmes
Vách, Vực, Vó, Vong, Vai, Vựa, Vận, Vị



Lê Hữu Khóa
*Giáo sư Đại học * Tiến sĩ quốc gia trường gia Cao học khoa học xã hội Paris * Tiến sĩ xã hội học Đại học Nice-Sophia Antipolis * Giám đốc Ban Cao học châu Á * Giám đốc biên tập Anthropol-Asie * Chủ tịch nhóm Nghiên cứu Nhập cư Đông Nam Á * Cố vấn Chương trình chống Kỳ thị của UNESCO – Liên Hiệp Quốc * Cố vấn Trung tâm quốc tế giáo khoa. Paris * Cố vấn thẩm định giáo dục và nghiên cứu đại học Bourgone-Franche-Comté * Biên tập viên tập chí Hommes&Migrations * Thành viên Hội đồng khoa học bảo tàng lịch sử nhập cư * Thành viên Hội đồng khoa học Viện nghiên cứu Đông Nam Á * Hội viên danh dự nhóm Thuyết khác biệt, Học viện nghiên cứu thế giới.*